

Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!

V.I. LÊ-NIN

TOÀN TẬP

16

V.I. LÊ-NIN

TOÀN TẬP

TẬP

16

(Tháng Sáu 1907 - tháng Ba 1908)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2005

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Những tác phẩm của V. I. Lê-nin trong tập này in theo bản dịch của Nhà xuất bản Sự thật, Hà-Nội

Khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động là vấn đề có tính nguyên tắc đối với cách mạng Việt Nam; là bước phát triển về nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta trong công cuộc đổi mới, quyết tâm xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Những thành tựu mọi mặt do công cuộc đổi mới đất nước mang lại trong những năm qua thật đáng trân trọng và khích lệ, đồng thời đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Với tinh thần đó, việc tìm hiểu, nghiên cứu có hệ thống và vận dụng sáng tạo những tư tưởng, những tinh hoa của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là vô cùng quan trọng và cấp thiết đối với chúng ta hiện nay.

Đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu lý luận của đông đảo bạn đọc, đặc biệt là của các nhà hoạch định chính sách, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, giảng viên và sinh viên các trường đại học, nhân dịp kỷ niệm 135 năm ngày sinh của Vladimira Ilích Lê-nin (22-4-1870 - 22-4-2005), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản Bộ sách quý **V. I. Lê-nin - Toàn tập** gồm 55 tập và 2 tập Tra cứu.

Bộ sách **V. I. Lê-nin - Toàn tập** ra mắt bạn đọc lần này được xuất bản theo đúng nguyên bản của Bộ **V. I. Lê-nin - Toàn tập**,

© Nhà xuất bản Tiến bộ, 1979

10102-052
II ————— 789 – 80 0101020000
014 (01) – 79

tiếng Việt, do Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, hợp tác với Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcova, xuất bản vào những năm 70-80 thế kỷ XX.

* *
*

Tập 16 của Bộ sách **V. I. Lê-nin - Toàn tập** bao gồm những tác phẩm viết từ tháng Sáu 1907 đến tháng Ba 1908. Trong điều kiện khó khăn do thế lực phản động tấn công, Lê-nin đã tiến hành một khối lượng to lớn về lý luận và tổ chức để củng cố đảng bôn-sê-vích, chuẩn bị và đoàn kết các lực lượng cho cuộc cách mạng sau này. Đồng thời, Người đã triển khai cuộc đấu tranh kiên quyết chống những người men-sê-vích và những kẻ cơ hội chủ nghĩa khác. Lê-nin đã vạch trần và đập tan "những kẻ "phê phán"" chủ nghĩa Mác, Người bảo vệ được những cơ sở lý luận của đảng mác-xít.

Nội dung những tác phẩm chính trong tập này được phân tích khá toàn diện trong phần *Lời tựa* in ở đầu sách, do Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin (Liên Xô) viết cho lần xuất bản bằng tiếng Việt.

Phần *Phụ lục* và các *Bản chỉ dẫn* (với những số trang tương ứng của phần nội dung trong tập) ở cuối sách được trình bày hết sức khoa học và chuẩn xác; đây là phần tra cứu rất bổ ích, góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề trong nội dung tác phẩm, giúp bạn đọc hiểu sâu sắc hơn tư tưởng của V. I. Lê-nin.

Chú thích cuối trang bằng dấu (*) là của V. I. Lê-nin; Chú thích bằng chữ số Ả-rập ⁽¹⁾ là của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô (trước đây).

Hy vọng Bộ sách sẽ là tài liệu nghiên cứu và tham khảo bổ ích cho bạn đọc.

Tháng 7 năm 2005
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI TỰA

Tập 16 trong V. I. Lê-nin Toàn tập bao gồm những tác phẩm viết vào tháng Sáu 1907 - tháng Ba 1908. Tập này và một loạt những tập sau gồm những tác phẩm viết vào những năm thế lực phản động thống trị - một trong những thời kỳ nặng nề nhất trong lịch sử đảng bôn-sê-vích.

Chính phủ Nga hoàng, sau khi thực hiện cuộc chính biến ngày 3 (16) tháng Sáu 1907, đã đàn áp dã man công nhân và nông dân cách mạng. Các toà án quân sự dã chiến và các đội quân trừng phạt đã bắn giết hàng nghìn công nhân và nông dân, những nơi đầy ải và khổ sai chật ních những người cách mạng, những tổ chức quần chúng công nhân và nông dân và báo chí công nhân bị truy nã ráo riết - đó là những nét chủ yếu nói rõ tình hình chính trị trong nước vào thời kỳ đó.

Đồng thời, đây cũng là giai đoạn phát triển đặc biệt của chế độ Nga hoàng theo con đường quân chủ tư sản, của chế độ đại nghị tư sản - Trăm đen, của chính sách tư sản của chế độ Nga hoàng ở nông thôn. Để tạo cho mình chỗ dựa giai cấp là bọn cu-lắc, chế độ Nga hoàng đi vào con đường dùng bạo lực để phá vỡ công xã nông dân, thi hành chính sách ruộng đất mới mà V. I. Lê-nin gọi là "chính sách Bô-na-pác-tơ về ruộng đất". Đây là mưu toan định làm cho chế độ Nga hoàng thích ứng với điều kiện mới, mở cái van cuối cùng để phòng ngừa cuộc cách mạng trong tương lai.

Cuộc tấn công chính trị của chính phủ Nga hoàng vào giai cấp công nhân và các tổ chức của giai cấp công nhân diễn ra cùng một lúc với cuộc tấn công về mặt kinh tế của bọn tư bản đang tìm cách thủ tiêu những thành quả đã đạt được trong quá trình cách mạng. Khắp nơi, tiền lương giảm xuống, ngày làm việc kéo dài, việc giãn thợ hàng loạt được áp dụng rộng rãi, những công nhân có tinh thần cách mạng bị sa thải, những "sổ đen" được dùng phổ biến, v.v.. Trong những năm 1907 - 1909, công nghiệp bị đình trệ; trong nhiều ngành phải giảm bớt sản xuất và số lượng công nhân; số người thất nghiệp tăng lên.

Chính phủ Nga hoàng đặc biệt ráo riết truy nã những người bôn-sê-vích, coi họ là những người khởi xướng cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế, là những kẻ thù không đội trời chung của chế độ cũ. Sở mật thám Nga hoàng tìm cách bắt V. I. Lê-nin lúc đó đang ở Phần-lan trong điều kiện bí mật. Theo quyết định của Trung tâm bôn-sê-vích, Lê-nin chuyển sâu vào nội địa Phần-lan, và sau đó, vào tháng Chạp 1907, Người ra nước ngoài.

Trong điều kiện khó khăn do thế lực phản động tấn công, Lê-nin đã tiến hành một khối lượng công tác to lớn về lý luận và tổ chức để củng cố đảng bôn-sê-vích, chuẩn bị và đoàn kết các lực lượng cho cuộc cách mạng sau này. Về sau, khi nói về thời kỳ này, Lê-nin viết trong cuốn "Bệnh ấu trĩ "tả khuynh" trong phong trào cộng sản":

"Những năm phản động hoành hành (1907-1910), Chế độ Nga hoàng thắng thế. Tất cả các đảng cách mạng hay các đảng đối lập đều bị đè bẹp. Có tình trạng thoái chí, mất tinh thần, phân liệt, chạy dài, từ bỏ lập trường, nói chuyện dâm bôn chứ không phải là chính trị nữa. Xu hướng ngày càng ngả về triết học duy tâm; chủ nghĩa thần bí được dùng để che đậy tinh thần phản cách mạng. Nhưng đồng thời chính sự thất bại to lớn đã đem lại cho các đảng cách mạng và cho giai cấp cách mạng một bài học thật sự, vô

cùng bổ ích, một bài học về biện chứng lịch sử, một bài học làm cho họ hiểu được và học được nghệ thuật tiến hành cuộc đấu tranh chính trị. Chính trong hoạn nạn mới thấy rõ được ai là bạn. Những đội quân thất bại học tập được nhiều" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t.41, tr.11-12).

Trong những tác phẩm đưa vào tập này, Lê-nin đã nghiên cứu những vấn đề có tính chất cương lĩnh, sách lược và tổ chức của đảng bôn-sê-vích, bảo vệ và phát triển lý luận mác-xít trong cuộc đấu tranh chống hệ tư tưởng tư sản, chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại. Người đặc biệt chú ý đánh giá theo quan điểm mác-xít tình hình hiện tại, những nhiệm vụ của đảng nhân có cuộc tiến công của thế lực phản động, phân tích nền kinh tế và sự phân bố lực lượng giai cấp trong nước, tổng kết cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất và những triển vọng của cuộc đấu tranh cách mạng.

Nhận định về đặc điểm của nền kinh tế Nga, Lê-nin chỉ ra mâu thuẫn sâu sắc tạo nên những đặc điểm của cách mạng Nga: "một bên là chế độ sở hữu ruộng đất lạc hậu nhất cùng với tình trạng nông thôn dốt nát nhất và một bên là chủ nghĩa tư bản công nghiệp và tài chính tiên tiến nhất!" (tập này, tr. 530). Trong nước, do chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn độc quyền, nên sự tập trung sản xuất trong công nghiệp cũng được mở rộng. Quá trình này đặc biệt được đẩy mạnh sau cuộc khủng hoảng công nghiệp những năm 1900-1903, một cuộc khủng hoảng đã làm cho nhiều xí nghiệp nhỏ bị phá sản và bị loại trừ, đã thúc đẩy sự phát triển của các công ty độc quyền. Các xanh-đi-ca và các công ty độc quyền khác nắm trong tay nền công nghiệp lớn, giao thông vận tải và ngân hàng. Bên cạnh đó, trong nền kinh tế nước Nga vẫn còn duy trì những hình thức kinh tế hết sức lạc hậu: chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ - chủ nô và nền kinh tế nông dân đã bị phá sản, với kỹ thuật thô sơ.

Chỉ có cách mạng mới có thể giải quyết được những mâu thuẫn ngày càng trở nên sâu sắc giữa các lực lượng sản xuất đang phát triển trên cơ sở tư bản chủ nghĩa và những tàn tích của chế độ nông nô – chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và chế độ Nga hoàng – đang kìm hãm các lực lượng sản xuất ấy. Khi chỉ ra rằng những nhiệm vụ mà tiến trình khách quan của lịch sử và hoàn cảnh của đông đảo quần chúng nhân dân đặt ra cho cách mạng Nga, đều chưa được giải quyết, Lê-nin đồng thời nhấn mạnh rằng cuộc cách mạng thắng lợi trong một tương lai gần nhất ở nước Nga là một điều tất yếu. "*Bằng con đường hoà bình* – Người viết vào tháng Mười 1907, – *thì nước Nga không thể thoát khỏi cuộc khủng hoảng mà nó đang vấp phải*" (tr.178).

Lê-nin coi đảng của giai cấp vô sản, một đảng trung thành với những nguyên lý của chủ nghĩa Mác, là vũ khí mạnh mẽ cho thắng lợi của cách mạng. "Chúng ta đã biết công tác trong suốt nhiều năm trước cách mạng. Không phải không có lý do khi người ta nói về chúng ta là: vững như bàn thạch, - Lê-nin nói về các đảng viên bôn-sê-vích. - Những người dân chủ - xã hội đã thành lập một đảng vô sản không thất vọng trước sự thất bại của một cuộc tấn công quân sự đầu tiên; nó sẽ không mất tinh thần, không hành động phiêu lưu. Đảng đó đang tiến tới chủ nghĩa xã hội, mà không trói buộc bản thân mình cũng như vận mệnh của mình vào kết cục của một thời kỳ này nọ của cách mạng tư sản. Và chính vì thế mà nó tránh được những nhược điểm của những cuộc cách mạng tư sản. Và đảng vô sản đó đang tiến tới thắng lợi" (tr. 535).

Đảng của giai cấp công nhân, - Lê-nin dạy, - phải xây dựng sách lược của mình, đồng thời phải tính đến một cuộc khủng hoảng cách mạng mới không tránh khỏi sẽ xảy ra, một cuộc khủng hoảng mà nguồn gốc của nó nằm sâu trong những điều kiện khách quan của thực trạng nước Nga và không phải chờ đợi lâu. Nhiệm vụ của đảng là phải

chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với cuộc khủng hoảng đó, giữ vững và củng cố những tổ chức đảng bí mật, kết hợp công tác bất hợp pháp với công tác trong bất cứ tổ chức hợp pháp nào có quần chúng công nhân, đào tạo những quần chúng đó cho một cao trào cách mạng mới.

Trong những năm thế lực phản động hoành hành, Lê-nin đã triển khai cuộc đấu tranh kiên quyết chống những người men-sê-vích và những kẻ cơ hội chủ nghĩa khác. Không tin vào khả năng có một cao trào cách mạng mới, những người men-sê-vích đã từ bỏ những yêu sách cơ bản của cương lĩnh đảng, họ ra sức đòi thủ tiêu đảng cách mạng bất hợp pháp của giai cấp công nhân, đòi thay nó bằng một "đảng" hợp pháp rộng rãi không đảng phái theo kiểu Công đảng ở Anh. Vạch trần nguồn gốc xã hội của chủ nghĩa thủ tiêu, V. I. Lê-nin viết: "Chủ nghĩa thủ tiêu là hiện tượng xã hội sâu sắc, gắn liền với một tâm trạng phản cách mạng của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, với sự suy đồi và tan rã trong giai cấp tiểu tư sản dân chủ" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, t. 16, tr. 128).

Đấu tranh kiên quyết chống phái thủ tiêu, đồng thời những người bôn-sê-vích cũng vạch mặt cả phái triệu hồi (những kẻ chủ trương triệu hồi các đại biểu dân chủ - xã hội ra khỏi Đu-ma) mà V. I. Lê-nin đã gọi là "phái thủ tiêu lộn ngược". Từ chối không sử dụng những khả năng hợp pháp (chẳng hạn, diễn đàn Đu-ma nhà nước, các tổ chức công nhân hợp pháp, v. v.) để tiến hành công tác cách mạng, phái triệu hồi đẩy những người bôn-sê-vích đến chỗ xa rời quần chúng, biến đảng thành một nhóm bè phái. V. I. Lê-nin rất coi trọng cuộc đấu tranh chống tư tưởng bè phái; chỉ trong quá trình đấu tranh trên hai mặt trận - chống cánh hữu và chống bọn bè phái - thì mới xây dựng được một đảng mác-xít thật sự cách mạng của giai cấp công nhân.

Về sau phái thủ tiêu và phái triệu hồi đã tỏ rõ là chúng có họ hàng với nhau, chúng đã tập hợp lại trong khối thán Tám chống đảng, do L. Tơ-rốt-xki, một kẻ thù của chủ nghĩa Lê-nin, tổ chức.

Lê-nin kêu gọi nghiên cứu kỹ lưỡng kinh nghiệm cuộc đấu tranh không khoan nhượng của những người bên-sê-vích chống lại bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn xét lại đủ mọi loại. Trong "Lời tựa cho văn tập "Trong 12 năm"" - văn tập này thực tế là bộ Toàn tập V. I. Lê-nin xuất bản lần thứ nhất -, Người có nhấn mạnh rằng đó "là điều cần thiết để củng cố chủ nghĩa Mác cách mạng, để tôi luyện giai cấp công nhân Nga trong cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp đó" (tập này, tr. 139). Tác phẩm này đã soi sáng những vấn đề quan trọng về lịch sử đảng bên-sê-vích và lý luận của chủ nghĩa Lê-nin - chủ nghĩa Mác trong thời đại lịch sử mới. Khi tổng kết cuộc đấu tranh tư tưởng trong thời gian từ 1895 đến 1907 chống lại "những người mác-xít hợp pháp", "phái kinh tế" và những người men-sê-vích, V. I. Lê-nin đã viết rằng toàn bộ lịch sử "nói lên giá trị chính trị - thực tiễn của cuộc luận chiến không điều hoà về mặt lý luận" (tr. 118). Trong những năm thế lực phản động thống trị, cuộc đấu tranh lý luận ngày càng có ý nghĩa hết sức to lớn: bọn phản cách mạng đã tấn công cả trên mặt trận tư tưởng. Những mưu toan "phê phán", nghĩa là xét lại, những nguyên lý của chủ nghĩa Mác càng tăng lên. Tham gia chiến dịch chống chủ nghĩa Mác có bộ phận những người làm công tác văn học của đảng, họ mưu toan xét lại chủ nghĩa Mác dưới chiêu bài "bảo vệ" chủ nghĩa Mác. Cuộc đấu tranh trên mặt trận lý luận trở thành nhiệm vụ quan trọng nhất của những người bên-sê-vích. Lê-nin đã vạch trần và đập tan "những kẻ "phê phán"" chủ nghĩa Mác, Người bảo vệ được những cơ sở lý luận của đảng mác-xít.

Lê-nin rất coi trọng việc tổng kết cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất. Người kêu gọi đảng bên-sê-vích hãy giữ gìn

và bồi dưỡng những truyền thống cách mạng trong giai cấp công nhân và nông dân, coi đó là một trong những nhiệm vụ tuyên truyền và cổ động chủ yếu của đảng trong thời kỳ thế lực phản động hoành hành. Lê-nin chỉ rõ: Chúng ta cần phải lợi dụng những thời kỳ tạm lắng để nghiên cứu một cách có phê phán kinh nghiệm của cuộc cách mạng đó, kiểm nghiệm nó, sàng lọc và truyền lại cho quần chúng làm kim chỉ nam trong cuộc đấu tranh tương lai.

Đánh giá những kết quả chủ yếu của cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất, trong bài "Cách mạng và phản cách mạng", trước hết Lê-nin chỉ ra rằng "cách mạng đã chứng minh lý luận của chúng ta là đúng, vì đó là lý luận duy nhất thực sự cách mạng" (tr. 147). Cuộc sống đã xác nhận hoàn toàn luận cương bên-sê-vích về vai trò lãnh đạo (bá quyền lãnh đạo) của giai cấp vô sản trong cách mạng. Giai cấp vô sản trên thực tế lúc nào cũng đi đầu trong cuộc cách mạng, còn đảng mác-xít của nó, trên thực tế là đội tiên phong về tư tưởng của giai cấp công nhân. Tất cả những gì mà phong trào giải phóng đã giành được ở Nga đều hoàn toàn chỉ là nhờ cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng do giai cấp vô sản đứng đầu. Lê-nin viết rằng giai cấp vô sản, với tư cách là những chiến sĩ tiên tiến của nhân dân, cần phải tăng cường tổ chức của mình, phải tập hợp lực lượng của mình để tiến hành một cuộc đấu tranh cũng triệt để và ngoan cường như vậy trong tương lai. "Sự phát triển kinh tế ở nước Nga và trên toàn thế giới bảo đảm cho giai cấp vô sản thành giai cấp không ai thắng nổi" (tr. 154).

Kinh nghiệm của cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất đã chứng minh sự đúng đắn của luận điểm của Lê-nin nói rằng nông dân là đồng minh trung thành và đáng tin cậy của giai cấp vô sản trong cách mạng dân chủ - tư sản. Lê-nin vạch rõ rằng "cơ sở duy nhất của phái dân chủ tư sản, với tư cách là một lực lượng lịch sử của nước Nga, là quần chúng nông dân" (tr. 154). Cuộc cách mạng Nga lần thứ

nhất đã chứng minh trên thực tế rằng lãnh tụ của quần chúng đó chỉ có thể là giai cấp vô sản, rằng chỉ có giai cấp vô sản mới có thể dẫn dắt nông dân trong cuộc đấu tranh chống địa chủ và chế độ Nga hoàng.

Cách mạng đã chỉ rõ tính chất phản động của giai cấp tư sản Nga, thái độ quy lụy của nó đối với chế độ Nga hoàng. Lợi ích của giai cấp tư sản lớn và bọn địa chủ chiếm hữu ruộng đất ngày càng quỵen chặt với nhau; chúng phối hợp hành động trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp vô sản và nông dân; bọn tư bản thì ngày càng câu kết chặt chẽ với chính phủ. Mong rằng giai cấp vô sản nước ta – Lê-nin viết trong "Bút ký của một nhà chính luận" - thông qua cách mạng tư sản Nga sẽ "tăng thêm gấp ba lần lòng căm thù giai cấp tư sản và tăng thêm chí kiên quyết đấu tranh chống giai cấp tư sản". Các đảng tiểu tư sản tỏ ra hèn nhát và nhu nhược cực độ trong cuộc đấu tranh, phản bội và khúm núm trước bọn phản động. Mong rằng giai cấp vô sản nước ta - Lê-nin kêu gọi - thông qua cuộc cách mạng tư sản đó, có thể "tăng thêm gấp ba lần sự khinh miệt đối với tính uơn hèn và tính dao động của giai cấp tiểu tư sản". Lê-nin tỏ ý tin tưởng vững chắc rằng dù cho sau đây cách mạng Nga sẽ phát triển như thế nào, dù cho giai cấp vô sản có khi có thể phải trải qua những thời kỳ gay go như thế nào, lòng căm thù ấy đối với giai cấp tư sản và sự khinh miệt ấy đối với các đảng tiểu tư sản "sẽ siết chặt hàng ngũ của giai cấp vô sản, sẽ gạt bỏ ra khỏi giai cấp vô sản những phần tử xấu xuất thân từ các giai cấp khác, sẽ tăng cường lực lượng của giai cấp vô sản, rèn luyện giai cấp vô sản để cho họ mai đây, khi có thời cơ, có thể tấn công toàn bộ xã hội tư sản" (tr. 82).

Lê-nin chú ý nhiều đến việc nghiên cứu những vấn đề về tính chất cuộc cách mạng sẽ nổ ra ở Nga, về những điều kiện và triển vọng phát triển của cách mạng. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm của cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất,

Lê-nin đã rút ra kết luận rằng cuộc cách mạng đó chỉ có thể thắng lợi với tư cách là cách mạng ruộng đất của nông dân, tiến hành dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản; trong một hoàn cảnh lịch sử như hiện nay, cuộc cách mạng dân chủ - tư sản ấy nhất định sẽ chuyển biến thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những luận điểm đó được luận chứng một cách toàn diện trong tác phẩm "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" in trong tập này. "Vấn đề ruộng đất, – Lê-nin viết, – là cơ sở của cách mạng tư sản ở Nga và nó quyết định đặc điểm dân tộc của cuộc cách mạng đó. Thực chất của vấn đề đó là cuộc đấu tranh của nông dân đòi xoá bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và những tàn tích của chế độ nông nô trong chế độ ruộng đất của nước Nga và do đó, cũng trong tất cả các thiết chế xã hội và chính trị của nó" (tr. 513).

Tác phẩm mới về vấn đề ruộng đất dựa vào những kết luận của cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", trong đó đã đánh giá theo quan điểm mác-xít nền kinh tế và cơ cấu giai cấp trong nước cuối thế kỷ XIX, cho thấy sự phân bố lực lượng giai cấp vào đêm trước cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất. Sự phân tích của Lê-nin đã đưa ra câu trả lời rõ ràng cho vấn đề về tính chất của cuộc cách mạng đang chín muồi và những động lực của nó, về vai trò của các giai cấp trong cuộc cách mạng đó. Tất cả những điều ấy đã được chứng thực hoàn toàn trong quá trình cách mạng 1905 - 1907. Trong tác phẩm "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907", Lê-nin đã dành một phần rất lớn vào việc nghiên cứu những kết quả chủ yếu của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản và làm sáng tỏ những triển vọng thắng lợi của nó trong tương lai.

Lê-nin phân tích và tổng kết về mặt lý luận kinh nghiệm cuộc đấu tranh của những người bôn-sê-vích tranh thủ nông

dân, coi họ là đồng minh của giai cấp công nhân, nghiên cứu toàn diện sự phát triển của cuộc đấu tranh của nông dân đòi ruộng đất trong những năm cách mạng Nga lần thứ nhất. Người chỉ cho thấy rõ cơ sở kinh tế của tất cả các cương lĩnh ruộng đất trong thời kỳ này là như thế nào, cuộc đấu tranh lịch sử vĩ đại đã được tiến hành vì những mục đích gì. Lê-nin dẫn ra những số liệu về sự phân bố ruộng đất: một nhóm nhỏ địa chủ và các điền chủ lớn khác đã chiếm một số ruộng đất gần bằng số ruộng đất của hàng triệu hộ nông dân. Những người nông dân bị phá sản khổ cực vì sự bóc lột nông nô của bọn địa chủ và sự nô dịch của bọn cu-lắc.

Kinh nghiệm của hai năm cách mạng đã chỉ rõ ý nghĩa to lớn của phong trào nông dân, của cuộc đấu tranh của nông dân để giành ruộng đất ở Nga. Trong quá trình cách mạng, người ta thấy rõ những tàn dư của chế độ nông nô ở nông thôn còn mạnh hơn nhiều so với dự đoán trước đây; chúng đã gây ra một phong trào có tính chất toàn quốc của nông dân. Giai cấp vô sản phải dẫn dắt nông dân, phát triển thắng lợi cuộc cách mạng tư sản. Lê-nin đưa ra và luận chứng luận điểm cho rằng việc thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và các tàn tích khác của chế độ nông nô sẽ dọn sạch chiến trường cho cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và tư sản, làm dễ dàng hơn cho cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản liên minh với nông dân nghèo vì cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trong tác phẩm "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907", Lê-nin phát triển luận điểm về hai kiểu phát triển của chủ nghĩa tư bản và về cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và nông dân trong cách mạng, đấu tranh cho con đường phát triển dân chủ, có lợi cho nông dân.

Lê-nin chứng minh rằng việc thủ tiêu những tàn tích của chế độ nông nô, một chế độ đã kìm hãm sự phát triển

kinh tế ở Nga, có thể đi theo hai con đường: con đường cải cách có lợi cho bọn địa chủ và con đường cách mạng có lợi cho nông dân. Do đó, người ta thấy nổi lên hai đường lối cương lĩnh ruộng đất: 1) cương lĩnh của địa chủ nhằm tước đoạt và làm phá sản nông dân; cùng loại với cương lĩnh này còn có cương lĩnh của Đảng dân chủ - lập hiến, nó cũng quy định việc duy trì kinh tế của địa chủ và bảo vệ đặc quyền của địa chủ; 2) cương lĩnh của nông dân nhằm tước đoạt ruộng đất của địa chủ, xoá bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ. Chính sách ruộng đất Xtô-lư-pin đáp ứng lợi ích của địa chủ, cho địa chủ và cu-lắc cướp bóc quần chúng nông dân, mục đích của nó là dùng bạo lực để phá công xã.

Cương lĩnh cách mạng nông dân của cách mạng ruộng đất ở Nga, Lê-nin nhấn mạnh, không thể thực hiện được nếu không có một cuộc cách mạng chính trị triệt để. "Nông dân không thể thực hiện cuộc cách mạng ruộng đất nếu không xoá bỏ chính quyền cũ, quân đội thường trực và bọn quan liêu, vì đó đều là những thành uỷ chắc chắn nhất của chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, những thành uỷ bị hàng ngàn sợi dây ràng buộc với chế độ đó" (tr. 416).

Lê-nin nghiên cứu tỉ mỉ các giai đoạn phát triển chủ yếu của cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội Nga, phân tích những bài học, kiểm nghiệm cương lĩnh đó trong những năm cách mạng Nga lần thứ nhất. Cuộc sống đã chứng minh sự đúng đắn của yêu sách có tính chất cương lĩnh của những người bôn-sê-vich đòi tịch thu ruộng đất của địa chủ và quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất trong nước. Yêu sách đó có tính đến những nhu cầu phát triển kinh tế đã chín muồi ở trong nước và đáp ứng lợi ích của nông dân. Khi vạch ra những nguyên nhân khách quan khiến những người nông dân - tư hữu nhỏ yêu cầu quốc hữu hoá ruộng đất, Lê-nin chỉ ra rằng chỉ có quốc hữu hoá ruộng đất mới có thể xoá bỏ hoàn toàn chế độ chiếm hữu ruộng

đất của địa chủ và giải phóng nông dân khỏi ách địa chủ, loại bỏ những trở ngại khác để cho nền kinh tế nông dân được tự do phát triển, trong đó có chế độ chiếm hữu công xã, một tàn dư của chế độ nông nô.

Trong tác phẩm "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907", Lê-nin đã luận chứng cho việc quốc hữu hoá ruộng đất, nêu lên ý nghĩa kinh tế và chính trị của nó. Lê-nin coi cương lĩnh quốc hữu hoá ruộng đất là sự vận dụng sáng tạo lý luận của Mác vào điều kiện của nước Nga. Trong tác phẩm của mình, Người phát triển học thuyết của C. Mác về địa tô và bảo vệ luận điểm cho rằng chế độ tư hữu ruộng đất cản trở sự phát triển tự do và nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản, làm gay gắt thêm sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, làm cho nông nghiệp càng lạc hậu so với công nghiệp. Lê-nin đã chứng minh một cách hùng hồn rằng xoá bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất (quốc hữu hoá ruộng đất) sẽ đảm bảo sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất trong nước. Đồng thời, - Lê-nin viết - quốc hữu hoá ruộng đất sẽ giúp giai cấp vô sản đánh một đòn vào một trong những hình thức của chế độ tư hữu, "mà tiếng vang của nó tất nhiên sẽ lan ra toàn thế giới" (tr. 383).

Tác phẩm của Lê-nin trả lời rõ ràng cho cả vấn đề xét xem trong điều kiện nào thì có thể thực hiện quốc hữu hoá ruộng đất ở Nga: nó chỉ có thể thực hiện được khi cuộc cách mạng nông dân thắng lợi, trong điều kiện chuyên chính dân chủ của giai cấp vô sản và nông dân.

Cương lĩnh ruộng đất của những người bôn-sê-vích, cương lĩnh thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất, đã tính đến khả năng và bước chuyển tất yếu của cách mạng dân chủ - tư sản thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong lời bạt viết cho cuốn "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" viết

vào tháng Chín 1917, Lê-nin đã chỉ ra rằng trong điều kiện cách mạng xã hội chủ nghĩa đang chín muồi thì vấn đề "quốc hữu hoá ruộng đất trong cương lĩnh ruộng đất tất phải đặt ra một cách khác. Tức là: quốc hữu hoá ruộng đất không những là "thành tựu mới nhất" của cách mạng tư sản, mà còn là *một bước tiến tới chủ nghĩa xã hội*" (tr. 526).

Sự phê phán của Lê-nin đối với những kẻ phản đối quốc hữu hoá ruộng đất có một ý nghĩa chính trị và khoa học rất to lớn. Khi phân tích cương lĩnh men-sê-vích về địa phương công hữu hoá ruộng đất, Lê-nin đã vạch trần tính chất thiếu căn cứ và sai lầm hoàn toàn của nó về mặt lý luận. Các nhà lý luận men-sê-vích chủ trương địa phương công hữu hoá ruộng đất, P. Ma-xlốp và những người khác, trong khi phủ nhận học thuyết Mác về địa tô, đã lập lại những điều bịa đặt của những kẻ tán dương tư sản và bọn xét lại về "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ", quy luật này được chúng nặn ra để che giấu những nguyên nhân xã hội và lịch sử đưa đến tình trạng lạc hậu của nông nghiệp và tình cảnh nghèo khổ của những người lao động (chế độ tư hữu về ruộng đất, địa tô cao, những tàn tích của chế độ phong kiến trong nông nghiệp), đổ lỗi cho "tính bảo thủ của các lực lượng tự nhiên". Bọn men-sê-vích chủ trương địa phương công hữu hoá đã đưa vào cương lĩnh ruộng đất những tư tưởng cải lương về "chủ nghĩa xã hội địa phương công hữu hoá". Giai cấp tư sản, Lê-nin viết, "cho phép và chịu đựng được" thứ "chủ nghĩa xã hội" đó, vì nó nhằm làm giảm đi sự gay gắt của cuộc đấu tranh giai cấp, duy trì sự thống trị của giai cấp tư sản. Ngay trong điều kiện hiện nay, giai cấp tư sản vẫn thường lợi dụng cái "chủ nghĩa xã hội" tương tự như vậy - khi nó xét thấy có lợi cho nó - để lừa dối quần chúng lao động và che đậy nền độc tài của nó.

Về mặt chính trị, cương lĩnh địa phương công hữu hoá phản ánh những chủ trương sai lầm và nguy hại của những

người men-sê-vích, xuất phát từ chỗ phủ nhận ý nghĩa quyết định của liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân đối với thắng lợi của cách mạng dân chủ - tư sản, phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng đó. Lê-nin chỉ ra rằng cương lĩnh địa phương công hữu hoá không đáp ứng lợi ích của sự nghiệp giành chính quyền về tay giai cấp vô sản và nông dân, nó làm cho phong trào nông dân bị phân nhỏ ra thành những dòng địa phương và những dòng dân tộc. "Địa phương công hữu hoá, - Lê-nin viết, - là một khẩu hiệu *phản động*, nó lý tưởng hóa tính biệt lập trung cổ của các vùng, làm giảm ý thức của nông dân về sự cần thiết phải tiến hành một cuộc cách mạng ruộng đất tập trung" (tr. 399).

Cuộc sống đã bác bỏ cả những luận cứ thực tiễn của những người men-sê-vích đưa ra để phản đối việc quốc hữu hoá ruộng đất, bác bỏ những điều viện dẫn của họ về lợi ích và yêu cầu của nông dân, về nguy cơ đẩy nông dân đứng lên chống lại giai cấp vô sản và cách mạng. Trong thực tế, nông dân đã ủng hộ quốc hữu hoá ruộng đất, điều này đã được Lê-nin chứng minh một cách hùng hồn bằng sự phân tích những lời phát biểu của các đại biểu nông dân trong các Đu-ma và những dự án ruộng đất phản ánh lợi ích của nông dân. Nghiên cứu những dự án ruộng đất đó, Lê-nin đã chỉ ra những cái hơn hẳn của các dự án đó so với chủ trương địa phương công hữu hoá ruộng đất của phái men-sê-vích, nêu rõ nội dung dân chủ - cách mạng tiến bộ của các dự án ruộng đất nông dân mà mục tiêu là thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và các tàn dư khác của chế độ nông nô.

Nghiên cứu những hình thức khác nhau trong việc sử dụng ruộng đất tịch thu của địa chủ, Lê-nin không tán thành chia những ruộng đất này thành sở hữu của nông dân. Tuy nhiên, Người không loại trừ khả năng phải chia như vậy trong những điều kiện khác. "Đảng dân chủ - xã hội - Lê-nin

viết - không thể cam đoan rằng nó sẽ không khi nào tán thành việc phân chia cả. Ở một thời kỳ lịch sử khác, ở một trình độ phát triển nông nghiệp khác, thì sự phân chia có thể là không tránh khỏi" (tr. 340 - 341).

Tác phẩm của V. I. Lê-nin "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" là một đóng góp to lớn vào kho tàng chủ nghĩa Mác, là sự tiếp tục nghiên cứu các quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, là sự phát triển lý luận về cách mạng dân chủ - tư sản chuyển biến thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cùng với tác phẩm chủ yếu đó viết về cương lĩnh ruộng đất, Lê-nin đồng thời tiếp tục viết tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"". Trong những năm 1907 - 1908, những chương cuối của tác phẩm đó (chương X - XII) đã được viết xong và công bố (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 273 -330). Tất cả những việc đó chứng tỏ Lê-nin đã coi trọng như thế nào việc nghiên cứu và luận chứng cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân cách mạng, việc bảo vệ và phát triển hơn nữa học thuyết mác-xít về vấn đề ruộng đất, vấn đề nông dân: về các giai cấp và đấu tranh giai cấp ở nông thôn, về liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, về cuộc đấu tranh chung của họ chống địa chủ và tư bản, vì dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Những vấn đề này có tính chất cấp bách đặc biệt trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc và các cuộc cách mạng vô sản. Chính vì thế mà các nhà kinh tế học tư sản, bọn cải lương và bọn xét lại lúc ấy đã tăng cường cuộc tấn công quyết liệt chống lại chủ nghĩa Mác trong vấn đề ruộng đất.

Trong các tác phẩm của mình về vấn đề ruộng đất, Lê-nin đã bác bỏ lý luận cải lương - tư sản và "đập tan những lý lẽ của bọn tán dương chủ nghĩa tư bản và "những kẻ phê phán Mác" về cái quy luật trứ danh - "quy luật ruộng

đất giảm bớt màu mỡ"; đập tan những quan điểm Man-tuýt về nguyên nhân gây ra sự nghèo khổ của những người lao động, đập tan cuộc tấn công của bọn xét lại vào học thuyết của Mác về địa tô và các quy luật tập trung sản xuất trong nông nghiệp, bóc trần sự tán dương tư sản về "sự vững chắc" và "phồn vinh" của các doanh nghiệp nhỏ trong nông nghiệp dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, v. v.. Những tác phẩm của Lê-nin là mẫu mực tuyệt vời về sự phân tích thực sự khoa học những quan hệ ruộng đất. Trái với những lời khẳng định của các nhà kinh tế học tư sản, bọn cải lương và bọn xét lại cho rằng không thể áp dụng những quy luật chung của chủ nghĩa tư bản vào nông nghiệp, Lê-nin dựa trên cơ sở những tài liệu xác thực đã chứng minh hùng hồn rằng cả trong nông nghiệp, nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa cũng có hiệu quả hơn nền sản xuất nhỏ, và nó nhất định sẽ loại trừ nền sản xuất nhỏ; nền kinh tế tiểu nông sẽ bị tư bản lớn tước đoạt, nông dân lao động sẽ bị phá sản và vô sản hoá. Đó là *quy luật chung* của sự phát triển tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp với *những hình thức* biểu hiện *khác nhau* của nó trong mỗi nước.

Những điều chỉ dẫn có tính chất cương lĩnh của Lê-nin về vấn đề ruộng đất đã vũ trang cho các đảng cộng sản và công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa và các nước thuộc địa biết cách giải quyết đúng đắn vấn đề quan trọng về thái độ của giai cấp công nhân đối với nông dân, người bạn đồng minh trong cuộc đấu tranh cho nền dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Sự phê phán của Lê-nin đối với các lý luận phản mác-xít về vấn đề ruộng đất, ngày nay vẫn là mẫu mực sáng ngời cho cuộc đấu tranh không điều hoà chống hệ tư tưởng thù địch, những luận điệu tán dương tư sản, chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại hiện đại.

Những tác phẩm đưa vào tập này phần lớn dành để phân tích và luận chứng cho kế hoạch sách lược mới của những người bên-sê-vích do Lê-nin đưa ra vào đầu thời kỳ

phản động hoành hành. Tập này mở đầu bằng bài báo "Phản đối việc tẩy chay" viết ngay sau cuộc chính biến phản cách mạng ngày 3 tháng Sáu. Trong tác phẩm này và các tác phẩm khác công bố trong tập này ("Đề cương báo cáo đọc ngày 8 tháng Bảy tại Hội nghị đảng bộ toàn thành Pê-téc-bua về vấn đề thái độ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội đối với Đu-ma III" "Dự thảo nghị quyết về vấn đề tham gia bầu cử Đu-ma nhà nước III" do Hội nghị lần thứ ba của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đưa ra, v.v.), Lê-nin đã chứng minh rằng trong hoàn cảnh chính trị hiện tại, đảng cần phải tham gia tích cực cuộc vận động bầu cử Đu-ma nhà nước III, cố gắng đưa các đại biểu của mình vào cơ quan phản động đó nhằm lợi dụng nó làm diễn đàn cổ động trong toàn Nga. Sau khi phân tích một cách tỉ mỉ và đập tan các lý lẽ của phái tẩy chay, V. I. Lê-nin đã chứng minh rõ ràng rằng không nên lẫn lộn chủ nghĩa bên-sê-vích với tư tưởng tẩy chay. Những người bên-sê-vích tiến hành sách lược tẩy chay tích cực chỉ trong điều kiện cách mạng đã lớn mạnh. Lê-nin dạy rằng những người bên-sê-vích hiểu tẩy chay là tẩy chay tích cực, nghĩa là gắn liền nó với khởi nghĩa vũ trang của quần chúng chống lại các chính quyền cũ. Vì thế tẩy chay không thể là phương thức đấu tranh vạn năng, thích hợp với tất cả các giai đoạn. Khi phê phán chủ nghĩa giáo điều của những kẻ chủ trương tẩy chay, Lê-nin viết rằng chủ nghĩa Mác đòi hỏi "những người cách mạng phải biết *suy nghĩ*, phải biết *phân tích* các điều kiện áp dụng những phương pháp đấu tranh cũ, chứ không phải chỉ lặp lại một cách giản đơn những khẩu hiệu đã quen thuộc" (tr. 33 - 34).

Hội nghị lần thứ ba Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị toàn Nga lần thứ hai") triệu tập vào tháng Bảy 1907, sau khi thảo luận báo cáo của V. I. Lê-nin, đã thông qua dự thảo nghị quyết của Người, đường lối sách lược của những người bên-sê-vích đã giành được thắng lợi

trong phạm vi toàn đảng; phái tẩy chay đã bị đập tan về mặt tư tưởng. Sách lược của Lê-nin kết hợp những phương pháp đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp, đã giúp cho những người bên-sê-vích rút lui ít tổn thất nhất, duy trì được nhiều nhất trật tự trong hàng ngũ của mình và tích lũy được lực lượng cho một cao trào cách mạng mới.

Trong một loạt tác phẩm in trong tập này, V. I. Lê-nin đã vạch trần thành phần phản động và hoạt động phản nhân dân của Đu-ma nhà nước III, Người tiếp tục nghiên cứu những cơ sở của sách lược nghị trường của những người bên-sê-vích. Những tác phẩm ấy là: "Đu-ma III", "Đu-ma nhà nước III và Đảng dân chủ - xã hội", các báo cáo và nghị quyết do V. I. Lê-nin đưa ra Hội nghị đại biểu đảng bộ Xanh Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và tại Hội nghị lần thứ tư Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị toàn Nga lần thứ ba"), bài "Việc chuẩn bị một "cuộc chè chén ghê tởm", v.v..

Khi nhận định thành phần của Đu-ma III, V. I. Lê-nin chỉ rõ rằng thành phần ấy phù hợp với nguyện vọng của những kẻ cổ vũ và thảo ra luật bầu cử phản động ngày 3 tháng Sáu. Trong Đu-ma hình thành ra hai đa số; xét về bản chất giai cấp thì đây là hai đa số phản cách mạng: đa số Trăm đen - tháng Mười và đa số tháng Mười - dân chủ - lập hiến; chính phủ Nga hoàng đã dựa vào hai đa số đó trong chính sách phản nhân dân của mình.

Xuất phát từ sự đánh giá về mặt giai cấp đối với thành phần đảng phái trong Đu-ma nhà nước III, V. I. Lê-nin đề ra sách lược của đảng bên-sê-vích trong Đu-ma. Lê-nin coi việc đảng đoàn dân chủ - xã hội phục tùng nghiêm chỉnh sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương đảng là điều kiện chủ yếu làm cho công tác của đảng đoàn đạt kết quả. Trong toàn bộ hoạt động của mình, các đại biểu dân chủ - xã hội phải tuân theo phần nghị quyết của Đại hội V (Luân-đôn) nói rằng tính chất chung của cuộc đấu tranh trong

Đu-ma phải phục tùng những nhiệm vụ đấu tranh của giai cấp vô sản bên ngoài Đu-ma. Lê-nin chỉ rõ rằng phải đưa công tác tuyên truyền cổ động lên hàng đầu, phải vạch trần chính sách phản nhân dân của chính phủ Nga hoàng và sự bợ đỡ của các đảng tự do chủ nghĩa. Cần phải bổ sung cho mặt hoạt động này bằng cách đưa ra những lời chất vấn và các dự luật, và để làm việc đó, phải lập khối với các đại biểu tả hơn những người dân chủ - lập hiến (nhưng không phải với bọn dân chủ - lập hiến).

V. I. Lê-nin vạch trần chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa giáo điều của các nhà lý luận men-sê-vích, khi họ khẳng định là các đại biểu dân chủ - xã hội trong Đu-ma phải làm công tác "lập pháp". Người kịch liệt phê phán những người men-sê-vích, vì ngay trong những năm thế lực phản động thống trị, họ vẫn tiếp tục sách lược cơ hội chủ nghĩa cũ của họ, ngày càng xích gần lại với bọn dân chủ - lập hiến, tán thành việc lập khối và thỏa hiệp với chúng. V. I. Lê-nin nhấn mạnh rằng nhất thiết phải vạch trần chính sách mị dân của bọn dân chủ - lập hiến thích khoác bộ áo "phái tả đối lập", phải cô lập bọn dân chủ - lập hiến không để chúng ảnh hưởng được đến quần chúng, phải *"tiến hành đấu tranh bên bí không những chống chính phủ, bọn Trăm đen và những người tháng Mười mà chống cả những người dân chủ - lập hiến nữa, để thực hiện những nhiệm vụ dân chủ và cách mạng"* (tr. 180).

Các tác phẩm in trong tập này: "Bàn về cuộc tranh luận vấn đề mở rộng quyền của Đu-ma được quyết định ngân sách", "Một cuộc biểu diễn có tính chất yêu nước kiểu cảnh sát đã được xếp đặt trước" cùng nhiều tác phẩm khác đã chứng tỏ rằng V. I. Lê-nin theo dõi chăm chú và thường xuyên công tác của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma III, phê phán những sai lầm và thiếu sót của nó, đồng thời chỉ ra phương hướng khắc phục những sai lầm và thiếu sót đó. Ví dụ, Người đã khuyên nên sử dụng cuộc thảo luận

về vấn đề mở rộng quyền của Đu-ma được quyết định ngân sách, để qua đó vạch trần sự ủng hộ của các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây huênh hoang về nền dân chủ của mình, đối với chế độ Nga hoàng phản động. Chính phủ Trăm đen của Nga hoàng, Lê-nin viết, không thể đứng vững được nếu không có sự hỗ trợ của tư bản toàn thế giới. Giai cấp tư sản toàn thế giới đã cho Nga hoàng, một kẻ bị vỡ nợ rõ ràng, vay hàng tỷ rúp chẳng những vì những món lời cao, mà còn do muốn cho chế độ cũ thắng cuộc cách mạng ở Nga, bởi vì đứng đầu cuộc cách mạng đó là giai cấp vô sản.

Sách lược mà V.I. Lê-nin đã đề ra cho đảng bôn-sê-vích trong thời kỳ phản động Xtô-lư-pin, ngay hiện nay vẫn có một ý nghĩa to lớn đối với các đảng công nhân các nước tư bản chủ nghĩa, về sau V. I. Lê-nin viết rằng không một nước nào mà phong trào cách mạng lại có kinh nghiệm phong phú, lại phát triển nhanh chóng và có nhiều hình thức vận động muôn màu muôn vẻ kế tiếp nhau, lúc êm lặng, lúc sôi nổi, lúc bí mật, lúc công khai, lúc thu nhỏ lại theo từng nhóm, lúc mở rộng ra quần chúng đông đảo, như ở Nga. Các đảng cộng sản và công nhân ngày nay, trên cơ sở kinh nghiệm của đảng bôn-sê-vích, đã học được nghệ thuật đánh giá đúng tình hình chính trị trong mỗi thời kỳ đấu tranh, biết cách áp dụng những phương pháp và phương thức đấu tranh xuất phát từ sự phân tích hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Một nhóm lớn những tác phẩm in trong tập này là giành cho các vấn đề của Đại hội VII (Stút-ga) của Quốc tế II: hai bài báo dưới đầu đề "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga", "Những chú thích cho nghị quyết của Đại hội ở Stút-ga về "Chủ nghĩa quân phiệt và những xung đột quốc tế", "Những chú thích cho bài báo của C. Txét-kin "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga", "Công tác tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt và các hội liên hiệp thanh niên

công nhân xã hội chủ nghĩa", ""Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng" viết lịch sử như thế nào", "Lời tựa viết cho cuốn sách mỏng của Vôi-nốp (A. V. Lu-na-tsác-xki) về quan hệ giữa đảng và công đoàn", "Sự trung lập của công đoàn". Trong những tác phẩm đó, có một số được công bố lần đầu.

Đây là đại hội quốc tế xã hội chủ nghĩa đầu tiên mà V. I. Lê-nin đã trực tiếp tham gia vào công việc của đại hội. Đại hội họp trong một hoàn cảnh lịch sử khi mà những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản - đã chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc - bắt đầu bộc lộ một cách đặc biệt mạnh mẽ. Đó là những mâu thuẫn giữa lao động và tư bản, giữa các dân tộc bị nô dịch ở thuộc địa và các nước đế quốc chủ nghĩa, giữa các cường quốc đế quốc chủ nghĩa với nhau. Vấn đề quan trọng nhất trong chương trình nghị sự của đại hội là vấn đề cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân quốc tế và các đảng của nó chống chủ nghĩa quân phiệt và chống cuộc chiến tranh mà bọn đế quốc toàn thế giới đang chuẩn bị ngày một công khai hơn.

Lê-nin đã tham gia tích cực vào công việc của tiểu ban của đại hội đã thảo ra dự án nghị quyết về "Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế", và Người đã đưa ra những điểm sửa đổi và bổ sung quan trọng có tính nguyên tắc vào bản dự án đó. Lê-nin đã xuất phát từ chỗ cho rằng các cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, - những cuộc chiến tranh đem lại cho quần chúng lao động và nhất là cho giai cấp công nhân vô vàn những tai họa và đau khổ, - là bạn đường tất yếu của chủ nghĩa tư bản. Đồng thời Người cũng chỉ ra khả năng và sự cần thiết phải có cuộc đấu tranh của công nhân chống lại nguy cơ chiến tranh, và Người vạch trần bọn cơ hội chủ nghĩa phủ nhận ý nghĩa thực tế của cuộc đấu tranh đó và do đó đã sớm đẩy công nhân đến chỗ thụ động. Lê-nin coi nhiệm vụ quan trọng của phong trào dân chủ - xã hội cách mạng là tiến hành tuyên truyền chống

chủ nghĩa quân phiệt, tuyên truyền trong quần chúng ý thức đoàn kết quốc tế giữa những người lao động.

Do kiên trì đấu tranh chống bọn cơ hội chủ nghĩa, với sự ủng hộ của những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức và những người dân chủ - xã hội Ba-lan, Lê-nin đã đạt tới chỗ làm cho đại hội thông qua bản nghị quyết theo tinh thần của chủ nghĩa Mác cách mạng, trong đó đã xác định phương hướng đấu tranh của giai cấp công nhân quốc tế trong nhiều năm. Trong nghị quyết đã chỉ rõ ràng rằng cuộc đấu tranh chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa phải nhằm thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội; trong nghị quyết cũng đã giải thích rõ sự cần thiết phải có những phương pháp đấu tranh cách mạng chống cuộc chiến tranh đó, đã kêu gọi phải lợi dụng cuộc khủng hoảng cách mạng do chiến tranh gây ra để đẩy nhanh việc lật đổ giai cấp tư sản.

Các đại hội sau đó ở Cô-pen-ha-gơ và Ba-lơ đã xác nhận nghị quyết của Đại hội Stút-ga về đấu tranh chống các cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Tuy vậy, khi nổ ra chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đa số các đảng dân chủ - xã hội của Quốc tế II có xu hướng cơ hội chủ nghĩa đã phản bội lại các nghị quyết trước đây của mình, chạy sang phía các chính phủ đế quốc chủ nghĩa ở nước mình. Duy chỉ có đảng bôn-sê-vích do V. I. Lê-nin lãnh đạo là trước sau như một vẫn đứng trên lập trường quốc tế và cách mạng.

Những điều chỉ giáo của Lê-nin về sự cần thiết phải đấu tranh chống nguy cơ của những cuộc chiến tranh do bọn đế quốc gây ra là điều đặc biệt cấp bách hiện nay, khi mà sức mạnh và ảnh hưởng quốc tế của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày càng tăng lên một cách mạnh mẽ, lực lượng của chủ nghĩa xã hội ngày càng tỏ ra có ưu thế hơn chủ nghĩa đế quốc, lực lượng hoà bình ngày càng tỏ ra có ưu thế hơn lực lượng chiến tranh; khi đã xuất hiện khả năng có thể đem đối lập với chủ nghĩa đế quốc quốc tế không những sức mạnh của công nhân có tổ chức trong các

nước tư bản chủ nghĩa mà cả lực lượng quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa, những nước mà một nguyên tắc chủ yếu của chính sách đối ngoại là đấu tranh để củng cố hòa bình.

Trong các bài viết về công việc của Đại hội Stút-ga, V. I. Lê-nin dành nhiều chỗ để viết về chủ nghĩa thực dân. Các bài đó cho thấy cuộc đấu tranh kịch liệt giữa những người mác-xít cách mạng và bọn cơ hội chủ nghĩa khi thảo luận và thông qua nghị quyết về vấn đề thuộc địa, vạch trần những nguồn gốc giai cấp của chủ nghĩa cơ hội, nêu lên nhiệm vụ đoàn kết giai cấp công nhân tất cả các nước để đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa thực dân. Lấy vấn đề thuộc địa làm ví dụ, Lê-nin đã vạch trần tính bợ đỡ của bọn cơ hội chủ nghĩa đối với giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa ở nước mình; tại đại hội, chúng đã biện hộ cho những cuộc chiến tranh thực dân, và tô vẽ cho chế độ tàn bạo ở các thuộc địa bằng những lời lẽ ba hoa về vai trò "khai hóa" của chủ nghĩa đế quốc. Lê-nin đánh giá cao nghị quyết về vấn đề thuộc địa, nghị quyết này đã lên án kịch liệt và vô điều kiện mọi chính sách thuộc địa. Do kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường chống lại chủ nghĩa thực dân mà các dân tộc thuộc địa đã tiến hành trong nhiều năm trong sự liên minh với phong trào công nhân cách mạng dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản và công nhân, - do kết quả của cuộc đấu tranh đó mà ngày nay đã đạt được những thắng lợi hết sức to lớn: hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc bị phá vỡ, hàng chục nước, hàng trăm triệu người đã bước lên con đường phát triển độc lập, các dân tộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh đang đấu tranh cho nền độc lập dân tộc hoàn toàn của mình và cho tiến bộ xã hội. Những tư tưởng mà những người mác-xít cách mạng bênh vực và bảo vệ tại Đại hội Stút-ga, hiện đang được thực hiện có kết quả.

Nghị quyết đã được đại hội thông qua về mối quan hệ giữa các đảng xã hội chủ nghĩa và các công đoàn có một ý

nghĩa quan trọng. Trong các tác phẩm in trong tập này, V. I. Lê-nin đã bảo vệ và tuyên truyền nguyên tắc tính đảng của các công đoàn, đồng thời nghiêm khắc phê phán những người men-sê-vích ủng hộ "sự trung lập", trong đó có G. V. Plê-kha-nốp là người đã bênh vực ngay tại đại hội sự trung lập của các công đoàn. Lê-nin đã chỉ ra rằng công tác của đảng trong các công đoàn có một ý nghĩa ngày càng to lớn, rằng những người bên-sê-vích phải tiến hành công tác đó theo tinh thần làm cho công đoàn xích gần lại với đảng, phải phát triển ý thức xã hội chủ nghĩa và làm cho giai cấp vô sản hiểu những nhiệm vụ cách mạng. Tư tưởng về sự trung lập và tính phi đảng của công đoàn, Lê-nin nói, đã gây ở khắp mọi nơi tác hại to lớn cho lợi ích của giai cấp công nhân, vì nó góp phần làm cho công đoàn ngả theo chủ nghĩa cơ hội. Lê-nin kêu gọi những người bên-sê-vích tăng cường công tác trong các công đoàn, "hãy công tác trong mọi lĩnh vực, để phổ biến học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác trong giai cấp vô sản và thành lập cái "thành trì" là tổ chức có tính chất giai cấp. Như thế là đầu xuôi thì đuôi lọt" (tr. 237).

* *
*
*
*

Có năm văn kiện mới của V. I. Lê-nin lần đầu tiên được đưa vào tập 16. Bốn trong số những văn kiện đó: "Những chú thích cho nghị quyết của Đại hội ở Stút-ga về: "Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế"", "Những chú thích cho bài báo của C. Txét-kin "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga"", "Công tác tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt và các hội liên hiệp thanh niên công nhân xã hội chủ nghĩa", ""Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng" viết lịch sử như thế nào" - soi sáng công việc của Đại hội Stút-ga của Quốc tế II và tuyên truyền nghị quyết của đại hội ấy. Văn kiện mới thứ năm - bài "Đu-ma nhà

nước III và Đảng dân chủ - xã hội" - là dành để nói rõ thành phần đảng phái trong Đu-ma và để nghiên cứu sách lược của đảng bên-sê-vích trong Đu-ma.

*Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin
trực thuộc Ban chấp hành trung ương
Đảng cộng sản Liên-xô*

PHẢN ĐỐI VIỆC TẨY CHAY
(TRÍCH BÚT KÝ CỦA MỘT NHÀ CHÍNH LUẬN
DÂN CHỦ - XÃ HỘI)¹

*Viết ngày 26 tháng Sáu
(9 tháng Bảy) 1907*

*In cuối tháng Bảy 1907
trong cuốn "Về việc tẩy chay
Đu-ma III" xuất bản ở Xanh
Pê-téc-bua
Ký tên: N. Lê - nin*

*Theo đúng bản in trong cuốn
sách*

Đại hội các nhà giáo² vừa mới họp gần đây, mà tại đó đa số đã chịu ảnh hưởng của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng³, đã thông qua, với sự tham gia trực tiếp của một đại biểu có tên tuổi của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, nghị quyết về tẩy chay Đu-ma III. Những nhà giáo dân chủ - xã hội cùng với đại biểu của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã không bỏ phiếu, cho rằng một vấn đề như vậy cần phải được giải quyết ở đại hội hay hội nghị đảng, chứ không thể giải quyết ở trong một hiệp hội chính trị - nghiệp đoàn phi đảng được.

Như vậy, vấn đề tẩy chay Đu-ma III đã được nêu lên như một vấn đề trước mắt của sách lược cách mạng. Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng — xét theo lời phát biểu của đại biểu đảng đó tại đại hội nói trên — đã có quyết định về vấn đề đó rồi, tuy rằng chúng ta chưa thấy nghị quyết chính thức của đảng ấy, cũng chưa thấy những văn kiện của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Trong Đảng dân chủ - xã hội vấn đề ấy đã được đặt ra và đang được thảo luận.

Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng bên vực quyết định của mình bằng những lý lẽ gì? Nghị quyết của đại hội các nhà giáo, thực chất là nói về tính chất hoàn toàn vô dụng của Đu-ma III, về bản chất phản động và phản cách mạng

của cái chính phủ đã làm cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu⁴, về cái luật bầu cử mới có lợi cho địa chủ, v. v. và v. v.* Những lý lẽ đó đã được xây dựng theo cách lập luận tuồng như do tính chất cực kỳ phản động của Đu-ma III nên việc phải dùng một phương pháp đấu tranh hay một khẩu hiệu như tẩy chay là hiển nhiên cần thiết và chính đáng. Bất cứ người dân chủ - xã hội nào cũng thấy rất rõ lập luận ấy không vững, vì nó hoàn toàn không xem xét đến những điều kiện lịch sử cho phép áp dụng việc tẩy chay. Người dân chủ - xã hội, đứng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác, nêu ra việc tẩy chay, không phải là căn cứ vào mức độ phản động của một thiết chế này hay thiết chế khác mà căn cứ vào sự tồn tại của những điều kiện đặc biệt của cuộc đấu tranh, những điều kiện khiến có thể áp dụng, như ngày nay kinh nghiệm của cả cuộc cách mạng Nga nữa đã chỉ ra, một biện pháp đặc thù gọi là tẩy chay. Đối với người nào bàn về tẩy chay mà lại không tính đến kinh nghiệm hai năm của cuộc cách mạng ở nước ta, mà lại không suy nghĩ kỹ về kinh nghiệm ấy thì ta phải nói rằng người ấy đã quên mất

* Đây là văn bản của nghị quyết đó: "Xét thấy rằng: 1) luật bầu cử mới, dựa theo đó, người ta triệu tập Đu-ma nhà nước III, đã tước mất của quần chúng lao động ngay cả cái phần ít ỏi trong quyền bầu cử mà họ đã có cho đến nay và đã giành được bằng một giá rất đắt; 2) luật bầu cử mới là một sự xuyên tạc hiển nhiên và thô bạo ý chí của nhân dân, làm lợi cho những tầng lớp phản động và có đặc quyền nhất trong dân cư; 3) Đu-ma III, căn cứ theo cách tuyển cử và thành phần của nó, là kết quả của cuộc chính biến phản động; 4) chính phủ sẽ vịn vào việc quần chúng nhân dân tham gia các cuộc tuyển cử Đu-ma, để giải thích rằng sự tham gia đó có nghĩa là nhân dân thừa nhận cuộc chính biến, - Đại hội đại biểu IV của Hội liên hiệp toàn Nga các nhà giáo và các nhà hoạt động giáo dục nhân dân đã quyết định: 1) cự tuyệt tất cả mọi liên hệ với Đu-ma III và các cơ quan của nó; 2) không tham gia với tư cách là một tổ chức, dù là trực tiếp hay gián tiếp, các cuộc tuyển cử; 3) với tư cách là một tổ chức, sẽ phổ biến quan điểm nêu trong nghị quyết này về Đu-ma nhà nước III và về việc bầu cử Đu-ma đó".

nhiều và không học được gì cả. Cho nên khi xét vấn đề tẩy chay, chúng ta bắt đầu chính bằng việc phân tích kinh nghiệm đó.

I

Kinh nghiệm lớn nhất của cách mạng ở nước ta trong việc áp dụng tẩy chay thì rõ ràng đó là cuộc tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin⁵. Hơn nữa, cuộc tẩy chay này đã thu được thắng lợi đầy đủ nhất và trực tiếp nhất. Vì thế, nhiệm vụ trước tiên của chúng ta là phân tích những điều kiện lịch sử của cuộc tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin.

Khi xem xét vấn đề này, có hai tình huống nổi bật ngay lên hàng đầu. Một là, cuộc tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin là một cuộc đấu tranh chống việc đưa (dù là tạm thời) cuộc cách mạng của ta đi vào con đường lập một hiến pháp quân chủ. Hai là, cuộc tẩy chay đó xảy ra trong hoàn cảnh có cao trào cách mạng hết sức rộng lớn, phổ biến, mạnh mẽ và mau lẹ.

Chúng ta hãy xét tình huống thứ nhất. Mọi cuộc tẩy chay đều là cuộc đấu tranh chống lại sự xuất hiện, hoặc nói rộng ra một chút, chống lại sự kiến lập một thiết chế nhất định, chứ không phải là đấu tranh trên cơ sở một thiết chế nhất định. Cho nên người nào, giống như Plê-kha-nốp và nhiều người men-sê-vích khác, đã đấu tranh chống việc tẩy chay bằng cách đưa ra những lập luận chung chung về việc người mác-xít cần phải lợi dụng những cơ quan đại nghị thì chỉ tỏ ra là một nhà không luận lố bịch. Lập luận như vậy có nghĩa là tránh không nói đến thực chất của vấn đề tranh cãi, bằng cách nhai đi nhai lại những chân lý không thể chối cãi được. Không còn nghi ngờ gì nữa rằng người mác-xít phải lợi dụng những cơ quan đại nghị. Nhưng liệu có thể từ đó mà kết luận rằng người mác-xít, trong những điều kiện nhất định, chỉ có thể chủ trương tiến hành đấu tranh trên cơ sở một thiết chế nhất định, chứ không thể đấu tranh

chống lại sự kiến lập thiết chế đó, không? Không, không thể kết luận như vậy được, vì lời lập luận chung chung này chỉ thích hợp với những trường hợp không thể đấu tranh ngăn chặn việc kiến lập một thiết chế như vậy. Điều cần phải bàn cãi trong vấn đề tẩy chay là ở chỗ xem có thể đấu tranh chống lại được chính bản thân việc kiến lập những thiết chế như thế, hay không? Plê-kha-nốp và đồng bọn, qua những lý lẽ *của họ* đưa ra để phản đối việc tẩy chay, đã tỏ ra không hiểu chính ngay cách đặt vấn đề.

Ta bàn tiếp. Nếu bất cứ cuộc tẩy chay nào cũng đều là cuộc đấu tranh không phải trên cơ sở một thiết chế đã có sẵn rồi mà là chống lại việc kiến lập thiết chế đó, thì cuộc tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin, ngoài ra, lại là một cuộc đấu tranh chống việc thành lập cả một hệ thống những thiết chế kiểu quân chủ lập hiến. Năm 1905 đã chỉ rõ rằng có khả năng tiến hành một cuộc đấu tranh trực tiếp của quần chúng dưới hình thức những cuộc tổng bãi công (lần sóng bãi công sau ngày 9 tháng Giêng) và những cuộc binh biến (chiến hạm "Pô-tem-kin"). Như vậy, cuộc đấu tranh cách mạng trực tiếp của quần chúng là một sự thật. Mặt khác, đạo luật ngày 6 tháng Tám định đưa phong trào từ con đường cách mạng (theo nghĩa trực tiếp nhất và hẹp nhất của từ này) sang con đường của một hiến pháp quân chủ, cũng là một sự thật. Cuộc đấu tranh giữa con đường này và con đường kia: giữa con đường đấu tranh cách mạng trực tiếp của quần chúng và con đường của một hiến pháp quân chủ, là một tất yếu khách quan. Có thể nói là lúc đó, phải *chọn con đường* phát triển trước mắt của cách mạng, và lại sự lựa chọn đó dĩ nhiên không tùy thuộc vào ý chí của tập đoàn này hay tập đoàn khác, mà là tùy thuộc vào lực lượng của các giai cấp cách mạng và phản cách mạng. Còn lực lượng thì chỉ qua đấu tranh mới có thể ước lượng và thử thách được. Khẩu hiệu tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin chính là khẩu hiệu đấu tranh cho *con đường* đấu tranh cách

mạng trực tiếp chống lại con đường quân chủ lập hiến. Nếu đi theo con đường quân chủ lập hiến thì dĩ nhiên là cũng có khả năng đấu tranh, và không phải chỉ có khả năng mà còn là tất yếu nữa. Cả trên cơ sở một hiến pháp quân chủ, cũng vẫn có thể tiếp tục tiến hành cách mạng và chuẩn bị cho một cao trào cách mạng mới; cả trên cơ sở một hiến pháp quân chủ, Đảng dân chủ - xã hội cách mạng vẫn có thể tiến hành và bắt buộc phải tiến hành đấu tranh, - cái chân lý sơ đẳng này, chân lý mà hồi năm 1905, Ác-xen-rốt và Plê-kha-nốp đã ra sức chứng minh một cách rất nhiệt tình và cũng rất không đúng chỗ, hiện nay vẫn còn đúng. Nhưng vấn đề mà lịch sử đề ra lúc đó, không phải là như thế: Ác-xen-rốt và Plê-kha-nốp đã lập luận "không đúng chủ đề", hay nói một cách khác, họ đã đem vấn đề lượm được trong cuốn sách giáo khoa vừa mới xuất bản lúc đó của Đảng dân chủ - xã hội Đức, để thay cho vấn đề mà lịch sử đề ra cho các lực lượng đang đấu tranh phải giải quyết. Lúc đó, *cuộc đấu tranh để chọn con đường* đấu tranh trong tương lai gần nhất là không tránh khỏi về mặt lịch sử. Liệu chính quyền cũ sẽ triệu tập được cái cơ quan đại nghị đầu tiên ở Nga và do đó, trong một thời gian nhất định (có thể là rất ngắn, có thể là tương đối dài) sẽ đưa cách mạng đi vào con đường quân chủ lập hiến không, hay là nhân dân sẽ trực tiếp tấn công và lật đổ, - hoặc ít ra cũng làm lung lay, - cái chính quyền cũ, làm cho nó không thể đưa cách mạng vào con đường quân chủ lập hiến, và bảo đảm (cũng lại trong một thời gian tương đối ngắn hay dài) con đường đấu tranh cách mạng trực tiếp của quần chúng? Đây là vấn đề mà Ác-xen-rốt và Plê-kha-nốp lúc đó đã không nhận thấy, và là vấn đề mà mùa thu 1905, lịch sử đã đề ra cho các giai cấp cách mạng ở Nga. Việc Đảng dân chủ - xã hội tuyên truyền chủ trương tẩy chay tích cực cũng là một cách đặt vấn đề đó, là một cách đặt vấn đề có ý thức của đảng của giai cấp vô sản, là khẩu hiệu đấu tranh *để chọn con đường* tiến hành đấu tranh.

Những người tuyên truyền việc tẩy chay tích cực, tức là những người bôn-sê-vích, đã hiểu đúng đắn vấn đề đã được lịch sử đặt ra một cách khách quan. Cuộc đấu tranh hồi tháng Mười - tháng Chạp 1905 thực tế là một cuộc đấu tranh nhằm chọn con đường tiến hành đấu tranh. Trong cuộc đấu tranh đó, vận may lúc thì ở phía này, lúc thì ở phía kia: lúc đầu, nhân dân cách mạng thắng thế đã khiến cho chính quyền cũ không thể lập tức đưa cách mạng sang con đường quân chủ lập hiến, và đã thay những cơ quan đại nghị kiểu cảnh sát của phái tự do bằng *chính những cơ quan đại nghị* kiểu thuần túy cách mạng, tức là các Xô-viết đại biểu công nhân, v.v.. Thời kỳ tháng Mười - tháng Chạp là thời kỳ quân chúng được hưởng tự do tới mức cao nhất và phát huy tính chủ động tới tột độ, là thời kỳ phong trào công nhân phát triển rộng nhất và nhanh nhất trên một cơ sở là những thiết chế quân chủ lập hiến, những luật pháp và những sự trói buộc đã bị cuộc tấn công của nhân dân quét sạch, trên cơ sở một "thời kỳ giữa hai chính quyền", khi chính quyền cũ *đã* bất lực, còn chính quyền cách mạng mới của nhân dân (các Xô-viết đại biểu công nông binh, v.v.) thì *còn chưa* đủ mạnh để thay thế hoàn toàn chính quyền cũ. Cuộc đấu tranh hồi tháng Chạp đã giải quyết vấn đề theo một hướng khác: sau khi đánh lui cuộc tấn công của nhân dân và giữ vững vị trí của mình, chính quyền cũ đã thắng thế. Nhưng dĩ nhiên là lúc đó, chưa có cơ sở để coi thắng lợi này là thắng lợi quyết định. Cuộc khởi nghĩa tháng Chạp 1905 còn được tiếp tục dưới hình thức hàng loạt những cuộc binh biến và bãi công lẻ tẻ và cục bộ vào mùa hè 1906. Khẩu hiệu tẩy chay Đu-ma Vít-te⁶ là khẩu hiệu đấu tranh để làm cho những cuộc khởi nghĩa ấy trở thành tập trung và phổ biến.

Như vậy, kết luận thứ nhất rút ra từ việc nghiên cứu kinh nghiệm của cách mạng Nga trong việc tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin là: cái nội dung khách quan của việc tẩy chay

là cuộc đấu tranh, do lịch sử đề ra trước mắt, cho hình thức của con đường phát triển trước mắt; là cuộc đấu tranh để quyết định việc chính quyền nào — chính quyền cũ, hoặc chính quyền mới do nhân dân trực tiếp lập nên — sẽ triệu tập đại hội đại biểu đầu tiên ở Nga; là cuộc đấu tranh để lựa chọn hoặc con đường cách mạng trực tiếp hoặc (trong một thời gian nhất định) con đường quân chủ lập hiến.

Liên quan với điều đó là một vấn đề luôn luôn được đề cập trên sách báo và thường xuyên nổi lên trong những cuộc tranh luận về đề tài mà chúng ta đang phân tích: vấn đề tính đơn giản, tính rõ ràng và "tính thẳng thắn" của khẩu hiệu tẩy chay, và cũng là vấn đề con đường phát triển thẳng hay quanh co. Việc trực tiếp lật đổ hay ít ra cũng làm suy yếu chính quyền cũ và làm cho nó trở nên bất lực, việc nhân dân trực tiếp thành lập những cơ quan chính quyền mới, — tất cả những cái đó dĩ nhiên là con đường *thẳng* nhất, có lợi nhất cho nhân dân, nhưng cũng là con đường đòi hỏi phải có lực lượng lớn nhất. Với lực lượng mạnh hơn hẳn, người ta có thể chiến thắng ngay cả bằng cuộc tấn công trực tiếp chính diện. Với lực lượng không đầy đủ thì có thể phải đi đường vòng, phải chờ thời cơ, phải quanh co, phải rút lui, v.v. và v.v.. Con đường quân chủ lập hiến, đương nhiên, cũng hoàn toàn không gạt bỏ cách mạng, nó *cũng vẫn* chuẩn bị và phát triển một cách gián tiếp những yếu tố của cách mạng, nhưng đó là con đường dài hơn, quanh co hơn.

Qua tất cả các sách báo men-sê-vích, đặc biệt là vào năm 1905 (cho đến tháng Mười), người ta đều luôn luôn thấy những lời buộc tội những người bôn-sê-vích về "tính thẳng thắn" và những lời khuyên bảo những người bôn-sê-vích rằng họ cần phải tính đến con đường quanh co mà lịch sử đang diễn biến. Điểm đó của sách báo men-sê-vích cũng là một kiểu mẫu về lối lập luận nói rằng ngựa ăn lúa mạch

và sông Vôn-ga chảy ra biển Ca-xpiên, một thứ lập luận nhai đi nhai lại những điều không còn phải tranh luận, để che lấp thực chất của những điều còn phải tranh luận. Lịch sử thường thường đi theo con đường quanh co, và người mác-xít phải biết tính đến cả những bước quanh co rắc rối và kỳ quặc nhất của lịch sử, — đó là điều không cần phải tranh cãi nữa. Nhưng cái việc nhai đi nhai lại những điều không còn ai chối cãi đó lại không đáng chút nào với vấn đề xét xem người mác-xít phải làm gì khi cũng chính lịch sử đó đặt ra cho những lực lượng đang đấu tranh phải quyết định vấn đề chọn con đường thẳng hay con đường quanh co. Trong những lúc hay trong những thời kỳ đứng trước một tình hình như vậy, nếu lẩn tránh bằng cách bàn luận về cái tính quanh co khúc khuỷu thường thấy của lịch sử, thì như thế chính là đã biến thành "con người trong vỏ ốc" và là chìm ngập trong việc xem xét cái chân lý ngựa thì ăn lúa mạch. Mà những thời kỳ cách mạng phần nhiều lại chính là những thời kỳ lịch sử, trong đó sự xung đột giữa những lực lượng xã hội đang đấu tranh với nhau giải quyết, trong những khoảng thời gian tương đối ngắn, vấn đề nước nhà sẽ chọn, cho một thời gian tương đối rất dài, con đường phát triển thẳng hay con đường phát triển quanh co. Sự cần thiết phải tính đến con đường quanh co tuyệt nhiên không gạt bỏ việc những người mác-xít cần phải biết giải thích cho quần chúng, trong những giờ phút quyết định lịch sử của họ, rằng nên lựa chọn con đường thẳng, tuyệt nhiên không gạt bỏ việc những người mác-xít phải biết giúp đỡ quần chúng trong cuộc đấu tranh để chọn con đường thẳng, biết nêu ra những khẩu hiệu cho cuộc đấu tranh đó và vận vận. Và chỉ những kẻ phi-li-xtanh bất trị và những kẻ thông thái róm hoàn toàn trì độn mới có thể, sau sự kết thúc những trận chiến đấu lịch sử có tính chất quyết định, những trận chiến đấu đòi hỏi phải theo con đường quanh co chứ không phải con đường thẳng, cười chế nhạo những người

đã đấu tranh đến cùng cho con đường thẳng. Thật chẳng khác chi tiếng cười chế nhạo của bọn sử gia quan liêu - cảnh sát Đức loại Tơ-rai-tskê trước những khẩu hiệu cách mạng và tính thẳng thắn cách mạng của Mác năm 1848.

Thái độ của chủ nghĩa Mác đối với con đường quanh co của lịch sử, về thực chất, cũng giống như thái độ của chủ nghĩa đó đối với sự thỏa hiệp. Mọi bước chuyển biến quanh co của lịch sử đều là sự thỏa hiệp, sự thỏa hiệp giữa cái cũ không còn đủ sức để phủ định hoàn toàn cái mới, và cái mới còn chưa đủ sức để lật đổ hoàn toàn cái cũ. Chủ nghĩa Mác không khẳng khái khước từ những sự thỏa hiệp, chủ nghĩa Mác cho rằng cần phải lợi dụng những sự thỏa hiệp, nhưng tuyệt nhiên không phải vì thế mà chủ nghĩa Mác, với tư cách là một lực lượng lịch sử sinh động và hành động, lại không mang hết nghị lực của mình ra để đấu tranh chống những sự thỏa hiệp. Người nào không có khả năng linh hoạt được cái điều tựa hồ như mâu thuẫn ấy, thì người đó không hiểu những điều sơ đẳng của chủ nghĩa Mác.

Có một lần Ăng-ghe-n đã phát biểu hết sức cụ thể, rõ ràng và ngắn gọn về thái độ của chủ nghĩa Mác đối với những sự thỏa hiệp, cụ thể là lời phát biểu trong bài nói về bản tuyên ngôn của các chiến sĩ Công xã lãnh nạn thuộc phái Błang-ki (1874)* Những người thuộc phái Błang-ki, những chiến sĩ Công xã lãnh nạn, đã viết trong tuyên ngôn của họ rằng họ không dung thứ bất kỳ một sự thỏa hiệp nào. Ăng-ghe-n đã chế nhạo bản tuyên ngôn này. Ông nói: vấn đề không phải là ở chỗ nhất quyết không lợi dụng những sự thỏa hiệp *mà hoàn cảnh buộc chúng ta phải tiến hành* (hay là hoàn cảnh cưỡng bức chúng ta tiến hành: tôi cần phải

* Bài này in trong văn tập tiếng Đức "Internationales aus dem "Volksstaat"". Bản dịch tiếng Nga: "Những bài rút trong "Volksstaat"", Nhà xuất bản "Tri thức".

xin lỗi độc giả là đã phải trích dẫn theo trí nhớ vì không thể tra cứu nguyên bản). Vấn đề là ở chỗ phải nhận thức rõ những mục đích cách mạng chân chính của giai cấp vô sản và biết theo đuổi những mục đích đó qua tất cả mọi hoàn cảnh, mọi đoạn đường quanh co và thỏa hiệp⁷.

Chỉ có đứng trên quan điểm đó, người ta mới có thể đánh giá được tính đơn giản, tính trực tiếp và tính rõ ràng của việc tẩy chay, về mặt là một khẩu hiệu kêu gọi quần chúng. Tất cả những tính chất nói trên của khẩu hiệu ấy không phải tự bản thân chúng là tốt mà chúng chỉ tốt trong chừng mực tình hình khách quan trong đó người ta vẫn áp dụng khẩu hiệu ấy, có những điều kiện để đấu tranh nhằm chọn con đường phát triển thắng hay quanh co. Trong thời kỳ Đu-ma Bu-lư-ghin, khẩu hiệu ấy là khẩu hiệu đúng đắn và duy nhất cách mạng của đảng công nhân, không phải vì nó đơn giản nhất, trực tiếp nhất và rõ ràng nhất, mà là vì những điều kiện lịch sử đã đề ra lúc bấy giờ cho đảng công nhân nhiệm vụ tham gia vào cuộc đấu tranh cho con đường cách mạng đơn giản và trực tiếp, chống lại con đường quanh co của hiến pháp quân chủ.

Thử hỏi rằng lấy gì làm tiêu chuẩn để nói là lúc đó, có những điều kiện lịch sử đặc biệt như vậy? Biểu hiện chủ yếu của cái đặc điểm của tình thế khách quan đã khiến cho một khẩu hiệu đơn giản, trực tiếp, rõ ràng trở thành không phải là một câu nói suông mà là một khẩu hiệu duy nhất thích hợp với một cuộc đấu tranh thực sự, là biểu hiện nào? Bây giờ, chúng ta sẽ bàn về vấn đề ấy.

II

Khi ta nhìn trở lại cuộc đấu tranh đã kết thúc (ít nhất cũng kết thúc theo hình thức trực tiếp và không quanh co của nó) thì dĩ nhiên là sẽ không có gì dễ dàng bằng rút ra một kết luận chung từ các biểu hiện và các triệu chứng

khác nhau và mâu thuẫn nhau của thời kỳ đó. Kết cục của cuộc đấu tranh đã giải quyết luôn tất cả mọi vấn đề, và đánh tan một cách rất dễ dàng mọi sự hoài nghi. Nhưng hiện nay, chúng ta phải xác định xem những biểu hiện nào của hiện tượng có thể giúp chúng ta phân tích rõ tình hình *trước* cuộc đấu tranh, vì chúng ta muốn lấy những bài học của kinh nghiệm lịch sử để áp dụng cho vấn đề Đu-ma III. Trên đây, chúng tôi đã chỉ ra rằng điều kiện thắng lợi của cuộc tẩy chay năm 1905 là ở chỗ hồi đó có một cao trào cách mạng hết sức rộng lớn, phổ biến, mạnh mẽ và phát triển nhanh chóng. Bây giờ, ta cần xét xem, một là, cao trào đấu tranh đặc biệt mạnh mẽ đó có mối quan hệ như thế nào với cuộc tẩy chay; và hai là, những đặc điểm và đặc trưng của một cao trào đặc biệt mạnh mẽ là những gì.

Như chúng tôi đã chỉ rõ, tẩy chay là một cuộc đấu tranh chống lại sự kiến lập một thiết chế nhất định, chứ không phải là đấu tranh trên cơ sở một thiết chế nhất định. Bất kỳ một thiết chế nào đó cũng chỉ có thể nảy sinh ra từ một chính quyền đã tồn tại, tức là chính quyền cũ. Như vậy, tẩy chay là một biện pháp đấu tranh dùng để trực tiếp lật đổ chính quyền cũ, hoặc trong trường hợp xấu nhất, nghĩa là trong trường hợp cuộc tấn công không đủ sức lật đổ chính quyền cũ, thì cũng là để làm cho chính quyền đó yếu tới mức không thể đảm bảo kiến lập được thiết chế đó, không thể đề ra thiết chế đó được*. Cho nên tẩy chay muốn thắng lợi thì phải tiến hành một cuộc đấu tranh trực tiếp chống

* Trong toàn bộ bài này, đều nói đến sự tẩy chay tích cực, nghĩa là không phải đơn giản không tham gia các công việc của chính quyền cũ, mà là tấn công vào chính quyền đó. Đối với các bạn đọc chưa từng biết đến sách báo dân chủ - xã hội trong thời kỳ tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin, chúng tôi cần nhắc lại rằng Đảng dân chủ - xã hội hồi đó đã công khai nói đến việc tẩy chay *tích cực*, kiên quyết đem sự tẩy chay ấy đối lập với sự tẩy chay tiêu cực, và thậm chí còn làm hơn thế nữa: kiên quyết kết hợp tẩy chay tích cực với khởi nghĩa vũ trang.

chính quyền cũ, phải khởi nghĩa chống chính quyền cũ, và trong nhiều trường hợp, quần chúng phải không phục tùng chính quyền cũ (việc quần chúng không phục tùng như vậy là một trong những điều kiện chuẩn bị khởi nghĩa). Tẩy chay tức là cự tuyệt không thừa nhận chính quyền cũ, dĩ nhiên không phải là cự tuyệt bằng lời nói mà bằng hành động, nghĩa là một sự cự tuyệt không những chỉ biểu hiện trong những lời kêu gọi hay những khẩu hiệu của các tổ chức, mà còn biểu hiện trong một phong trào nào đó của quần chúng nhân dân không ngừng vi phạm những luật pháp của chính quyền cũ, không ngừng thiết lập những cơ quan mới, không hợp pháp, nhưng tồn tại thực sự, v. v. và v. v.. Như vậy, mối quan hệ giữa tẩy chay và cao trào cách mạng rộng rãi là điều hiển nhiên: tẩy chay là biện pháp đấu tranh kiên quyết nhất, nó bác bỏ chính bản thân sự tồn tại của một thiết chế nhất định chứ không phải các hình thức tổ chức của thiết chế ấy. Tẩy chay là tuyên chiến trực tiếp với chính quyền cũ, là tấn công trực tiếp chính quyền cũ. Không có cao trào cách mạng rộng rãi, không có tình trạng sôi sục của quần chúng, tình trạng ở khắp mọi nơi đều vượt, có thể nói là ra ngoài phạm vi của cái chế độ hợp pháp cũ, thì không thể nói đến một thắng lợi nào của cuộc tẩy chay cả.

Chuyển sang vấn đề tính chất và những biểu hiện của cao trào mùa thu năm 1905, chúng ta thấy dễ dàng rằng hồi đó, có một sự tấn công liên tục và có tính chất quần chúng của cách mạng, không ngừng đánh và truy bức kẻ thù. Những cuộc đàn áp đã không đè bẹp được phong trào mà còn làm cho phong trào rộng lớn thêm. Từ ngày 9 tháng Giêng, một làn sóng bãi công khổng lồ đã nổ ra, những chiến lũy được dựng lên ở Lốt-dơ, binh biến trên chiến hạm "Pô-tem-kin". Trong lĩnh vực xuất bản, trong lĩnh vực công đoàn, trong lĩnh vực giáo dục, bất cứ ở đâu, những khuôn khổ hợp pháp do chính quyền cũ lập nên, đều bị

phá bỏ liên tục và tuyệt nhiên không phải chỉ do những "nhà cách mạng" mà còn do cả những người dân thường nữa, vì chính quyền cũ thực sự đã suy yếu, thực sự đã già cỗi không giữ vững được dây cương nữa. Nhưng dấu hiệu đặc biệt nổi bật và đặc biệt chính xác (theo quan điểm của các tổ chức cách mạng) về sức mạnh của cao trào là ở chỗ những khẩu hiệu của các nhà cách mạng không những đã được người ta hưởng ứng, mà còn thật sự lạc hậu so với cuộc sống nữa. Cả ngày 9 tháng Giêng, cả những cuộc bãi công quần chúng tiếp sau đó lẫn sự kiện "Pô-tem-kin", — tất cả những hiện tượng đó đều vượt quá những lời kêu gọi trực tiếp của các nhà cách mạng. Năm 1905, không có lời kêu gọi nào như vậy của các nhà cách mạng mà quần chúng lại tỏ ra thụ động, làm thỉnh không hưởng ứng và cự tuyệt không tham gia đấu tranh. Trong tình hình như thế tẩy chay là cái bổ sung tự nhiên cho một bầu không khí tích điện. Hồi đó, khẩu hiệu ấy tuyệt nhiên không "bịa đặt ra" điều gì cả, nó chỉ nói lên một cách chính xác và đúng đắn cao trào đang không ngừng vươn lên phía trước, tiến tới sự tấn công trực tiếp. Trái lại bọn "bịa đặt" lại là bọn men-sê-vích ở nước ta, bọn tách mình khỏi cao trào cách mạng, say sưa với những lời hứa hẹn suông của Nga hoàng dưới hình thức đạo dụ hay đạo luật ngày 6 tháng Tám, và họ thực sự tin vào lời hứa hẹn chuyển sang con đường quân chủ lập hiến. Hồi đó, những người men-sê-vích (và Pác-vu-xơ) khi xây dựng sách lược của mình, đã không căn cứ vào sự thật là đã có cao trào cách mạng hết sức rộng lớn, mạnh mẽ và phát triển nhanh chóng, mà lại căn cứ vào lời của Nga hoàng hứa hẹn sẽ chuyển sang chế độ quân chủ lập hiến! Không lấy gì làm lạ rằng một sách lược như vậy đã tỏ ra là một thứ chủ nghĩa cơ hội lối bịch và thảm hại. Không lấy gì làm lạ rằng hiện nay, trong tất cả những lời nghị luận của họ bàn về tẩy chay, những người men-sê-vích

đã cẩn thận tránh không phân tích cuộc tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin, nghĩa là không phân tích các kinh nghiệm tẩy chay lớn nhất trong cách mạng. Nhưng nếu chỉ thừa nhận sai lầm đó, có lẽ là sai lầm lớn nhất, của những người men-sê-vích về sách lược cách mạng thì không đủ. Còn cần phải nhận thức rõ ràng nguồn gốc của sai lầm ấy là ở chỗ không hiểu tình hình *khách quan*, tình hình đã khiến cho cao trào cách mạng trở thành hiện thực và khiến cho bước chuyển sang chế độ quân chủ lập hiến trở thành lời hứa hẹn suông kiểu cảnh sát. Sở dĩ những người men-sê-vích sai, không phải vì họ đề cập đến vấn đề mà không có tinh thần cách mạng chủ quan, mà vì tư tưởng của những nhà cách mạng đáng thương ấy là lạc hậu so với tình thế cách mạng khách quan. Người ta dễ lẫn lộn nguyên nhân này với nguyên nhân kia của sai lầm của những người men-sê-vích, nhưng người mác-xít thì không được lẫn lộn như vậy.

III

Mối quan hệ giữa tẩy chay với những điều kiện lịch sử đặc thù của một thời kỳ nhất định của cách mạng Nga, còn phải được nghiên cứu về mặt khác nữa. Nội dung chính trị của cuộc vận động tẩy chay của Đảng dân chủ - xã hội hồi mùa thu năm 1905 và mùa xuân năm 1906, là gì? Nội dung của cuộc vận động ấy dĩ nhiên không phải là ở chỗ nhắc lại chữ tẩy chay hoặc kêu gọi đừng tham gia bầu cử. Nội dung đó cũng không phải chỉ là ở chỗ kêu gọi tấn công trực tiếp, không đếm xỉa gì tới những con đường vòng và quanh co do chính thể chuyên chế đề ra. Ngoài ra, ở trung tâm toàn bộ cuộc vận động tẩy chay, chứ không phải ở bên rìa cuộc vận động ấy, còn có *cuộc đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến* nữa. Cuộc đấu tranh đó, thực ra, là linh hồn sống của cuộc tẩy chay. Chỉ cần nhớ lại những bài diễn văn của những người chủ trương tẩy chay và tất cả công tác

cổ động của họ, chỉ cần nhìn qua những nghị quyết chủ yếu nhất của họ, là cũng đủ để thấy rõ luận điểm đó là đúng.

Những người men-sê-vích chưa bao giờ hiểu được cái mặt đó của việc tẩy chay. Họ luôn luôn cho rằng đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến trong thời kỳ chế độ lập hiến mới ở giai đoạn phôi thai, như thế là một điều phi lý, vô nghĩa, là "chủ nghĩa vô chính phủ". Và quan điểm này của những người men-sê-vích thể hiện rất rõ trong những bài diễn văn tại Đại hội Xtốc-khôn⁸ và nhất là, theo tôi nhớ, trong những bài diễn văn của Plê-kha-nốp, ấy là chưa nói đến các sách báo men-sê-vích.

Thoạt nhìn thì lập trường của những người men-sê-vích về vấn đề ấy có vẻ như là vững vàng, chẳng khác gì lập trường của một người, với một thái độ tự đắc, dạy những người gần mình rằng ngựa ăn lúa mạch. Trong thời kỳ chế độ lập hiến mới ở giai đoạn phôi thai mà tuyên bố đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến! Đó chẳng phải là chủ nghĩa vô chính phủ sao? Chẳng phải là vô lý hay sao?

Việc tầm thường hóa vấn đề — phát sinh từ chỗ viện một cách có vẻ như có lý đến cái đạo lý thông thường khi lập luận như vậy — là ở chỗ họ không nói tới một thời kỳ đặc biệt của cách mạng Nga, *quên mất cuộc tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin*, và đánh tráo những giai đoạn cụ thể của con đường mà cách mạng nước ta đã trải qua bằng cách nói chung chung rằng toàn bộ cuộc cách mạng ở nước ta, trước kia cũng như sau này, vẫn đều là một cuộc cách mạng để ra chủ nghĩa lập hiến. Đó là một điển hình về việc những người, như Plê-kha-nốp đã làm trái với phương pháp duy vật biện chứng nhưng lại nói hết sức hùng hồn về phương pháp đó.

Đúng, cuộc cách mạng tư sản ở nước ta, về toàn bộ mà nói, cũng như bất kỳ cuộc cách mạng tư sản nào, rút cục lại cũng chỉ là quá trình kiến lập một chế độ lập hiến, chứ không có gì hơn. Đó là một sự thật. Sự thật đó có lợi cho

việc bóc trần cái kỳ vọng quasi¹⁾ xã hội chủ nghĩa của những cường lĩnh, lý luận, sách lược, v.v., này nọ của phái dân chủ - tư sản. Nhưng liệu chúng ta có thể rút ra được từ sự thật đó một cái gì có ích để làm sáng rõ vấn đề: trong thời kỳ cách mạng tư sản, chính đảng công nhân phải đưa đất nước đi theo chủ nghĩa lập hiến *nào* trong những thời kỳ nhất định của cuộc cách mạng, chính đảng công nhân phải đấu tranh *như thế nào* để giành lấy một chủ nghĩa lập hiến nhất định (và chính là chủ nghĩa lập hiến cộng hòa)? Không. Cái sự thật mà Ác-xen-rốt và Plê-kha-nốp thích nói đến đó ít làm cho ta sáng rõ về những vấn đề ấy, cũng như lòng tin rằng ngựa ăn lúa mạch ít giúp cho ta biết chọn con ngựa thích hợp và biết cưỡi con ngựa đó.

Năm 1905 và đầu năm 1906, những người bôn-sê-vích đã nói rằng cuộc đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến phải trở thành khẩu hiệu lúc này, vì chính trong thời kỳ đó, tình hình khách quan đã đề ra cho các lực lượng xã hội đang đấu tranh phải giải quyết một vấn đề là: trong một tương lai gần nhất, con đường thẳng, con đường đấu tranh cách mạng trực tiếp và những cơ quan đại nghị do cách mạng trực tiếp xây dựng trên cơ sở dân chủ hoàn toàn sẽ chiến thắng, hay là con đường vòng, quanh co, tức con đường của hiến pháp quân chủ và những thiết chế "lập hiến" (trong ngoặc kép!) kiểu cảnh sát, kiểu "Đu-ma", sẽ chiến thắng.

Có thật sự là tình hình khách quan đã đề ra vấn đề đó không, hay con đường đó là do những người bôn-sê-vích sinh lý luận "bày đặt" ra? Vấn đề đó hiện nay đã được lịch sử cách mạng Nga giải đáp rồi.

Cuộc đấu tranh hồi tháng Mười 1905 chính là một cuộc đấu tranh chống việc lái cách mạng vào con đường quân chủ lập hiến. Thời kỳ tháng Mười - tháng Chạp chính là thời kỳ thực hiện chủ nghĩa lập hiến vô sản, thật sự dân

1) — dường như là

chủ, rộng rãi, táo bạo, tự do, biểu hiện thật sự ý chí của nhân dân, khác với cái chủ nghĩa lập hiến giả hiệu của cái hiến pháp của Đu-ba-xốp và Xtô-lư-pin. Cuộc đấu tranh cách mạng vì một chủ nghĩa lập hiến thật sự dân chủ (nghĩa là tồn tại trên miếng đất đã hoàn toàn quét sạch chính quyền cũ và mọi cái xấu xa gắn liền với chính quyền đó) đòi hỏi phải đấu tranh hết sức kiên quyết chống những việc cấm dỗ nhân dân bằng cái hiến pháp quân chủ - cảnh sát. Những người dân chủ - xã hội phản đối tẩy chay chính đã không hiểu nổi cái điều đơn giản ấy.

Hiện nay, chúng ta thấy hoàn toàn rõ hai thời kỳ phát triển của cách mạng Nga. Thời kỳ cao trào (1905) và thời kỳ thoái trào (1906 - 1907). Thời kỳ mà tính chủ động của nhân dân, của các tổ chức tự do và rộng rãi của tất cả các giai cấp trong dân cư đều phát triển đến mức tối đa, việc xuất bản có nhiều tự do nhất, nhân dân hoàn toàn không đếm xỉa gì đến chính quyền cũ, đến các thiết chế và mệnh lệnh của nó, - và tất cả những cái đó đều đã xảy ra trong tình hình không có một chế độ lập hiến nào được thừa nhận bằng con đường nhà nước và được quy định chính thức trong những điều lệ hay quy tắc. Và sau đó là thời kỳ hết sức ngừng trệ và không ngừng giảm sút của tính chủ động của nhân dân, của tính tổ chức, của tự do báo chí, v. v., thời kỳ diễn ra trong tình hình có sự tồn tại của cái "hiến pháp" (ôi lạy chúa!), cái hiến pháp do bọn Đu-ba-xốp và Xtô-lư-pin thảo ra, cái hiến pháp do bọn Đu-ba-xốp và Xtô-lư-pin thừa nhận và cũng do bọn Đu-ba-xốp và Xtô-lư-pin bảo vệ.

Giờ đây, khi mà chúng ta đã thấy rất rõ, rất dễ và hết sức rõ ràng những điều *đã xảy ra trước kia* thì có lẽ thậm chí sẽ không có một nhà thông thái rởm nào lại dám không thừa nhận rằng cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản chống việc đưa những sự biến đi vào con đường quân chủ lập hiến, là hợp lý và tất yếu, và không thừa nhận

rằng việc đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến là hợp lý và cần thiết.

Hiện nay, chắc rằng không có một nhà sử học nào có đôi chút học thức mà lại không phân chia tiến trình cách mạng Nga từ năm 1905 đến mùa thu 1907 thành hai thời kỳ: thời kỳ có cao trào "chống lập hiến" (nếu tôi có thể nói như thế được) và thời kỳ thoái trào "lập hiến", thời kỳ nhân dân giành được tự do và thực hiện tự do mà không có chế độ lập hiến (quân chủ) kiểu cảnh sát, và thời kỳ dùng "hiến pháp" quân chủ để đàn áp và bóp nghẹt tự do của nhân dân.

Hiện nay, thời kỳ những ảo tưởng lập hiến, tức thời kỳ Đu-ma I và II⁹, đã hoàn toàn rõ nét đối với chúng ta, và không khó gì mà không hiểu được ý nghĩa của cuộc đấu tranh *hồi đó* của những người dân chủ - xã hội cách mạng chống những ảo tưởng lập hiến. Song *hồi đó*, hồi năm 1905 và đầu năm 1906, thì cả phái tự do trong phe tư sản, lẫn những người men-sê-vích trong phe vô sản, đều không hiểu được điều đó.

Mà thời kỳ Đu-ma I và II, về mọi ý nghĩa và về mọi mặt mà nói, đều là thời kỳ của những ảo tưởng lập hiến. Trong thời kỳ đó, lời hứa hẹn trịnh trọng rằng "bất kỳ đạo luật nào, nếu không được Đu-ma nhà nước phê chuẩn, đều sẽ không có hiệu lực", không hề bị vi phạm. Điều đó có nghĩa là hiến pháp đã tồn tại trên giấy trắng mực đen, và không ngừng làm xúc động tất cả những tâm hồn tột tử của bọn dân - chủ lập hiến Nga¹⁰. Và cả Đu-ba-xốp lẫn Xtô-lư-pin, trong thời kỳ đó, đều đã thực nghiệm, đã áp dụng, đã thử thi hành hiến pháp Nga, ra sức làm cho nó thích ứng và phù hợp với chế độ chuyên chế cũ. Các ông Đu-ba-xốp và Xtô-lư-pin dường như là những người có quyền lực nhất trong thời kỳ đó, họ cố gắng tìm trăm phương nghìn kế để biến "ảo tưởng" thành hiện thực. Nhưng té ra ảo tưởng vẫn là ảo tưởng. Lịch sử đã hoàn toàn chứng thực

khẩu hiệu của Đảng dân chủ - xã hội cách mạng là đúng. Song không phải chỉ riêng có bọn Đu-ba-xốp và Xtô-lư-pin mới định thử thực hiện "hiến pháp", không phải chỉ riêng có bọn nô lệ dân chủ - lập hiến mới ca tụng hiến pháp đó, khúm núm cong lưng xuống (à la¹⁾ Rô-đi-tsep trong Đu-ma I) mà biện giải rằng nhà vua không có trách nhiệm, rằng nếu coi nhà vua là phải chịu trách nhiệm về các vụ tàn sát người Do-thái thì như thế là láo xược. Không. Và rõ ràng là đông đảo quần chúng nhân dân ít nhiều vẫn tin vào "hiến pháp" trong suốt thời kỳ đó, tin vào Đu-ma, bất chấp những lời can ngăn của Đảng dân chủ - xã hội.

Có thể nói thời kỳ những ảo tưởng lập hiến trong cách mạng Nga là thời kỳ toàn dân mê đắm bái vật tư sản, cũng như toàn bộ những dân tộc ở Tây Âu đôi khi đã say mê sùng bái chủ nghĩa dân tộc tư sản, chủ nghĩa bài Do-thái, chủ nghĩa sô-vanh, v. v.. Cho nên công lao của Đảng dân chủ - xã hội là ở chỗ chỉ có mỗi một mình nó là không bị giai cấp tư sản mê hoặc, ở chỗ trong thời kỳ những ảo tưởng lập hiến, chỉ có mỗi một mình nó là vẫn luôn luôn phát cao ngọn cờ đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến.

Thế thì bây giờ tự hỏi: tại sao tẩy chay lại đã là một biện pháp đấu tranh đặc thù chống những ảo tưởng lập hiến?

Tẩy chay có một đặc điểm làm cho bất kỳ người mác-xít nào mới thoát nhìn cũng đều sẽ bất giác muốn gạt bỏ ngay tẩy chay. Tẩy chay bâu củ tức là không tham gia chế độ đại nghị; điều đó không khỏi làm cho người ta thấy có vẻ như là một sự cự tuyệt thụ động, không tham gia, lẩn tránh. Đó là cách nhìn của Pác-vu-xơ là người chỉ học theo các

1) – theo kiểu

kiểu mẫu Đức, khi mà ông này đã nổi trận lôi đình một cách vô ích hồi mùa thu 1905, ra sức chứng minh rằng tẩy chay tích cực rút cục cũng là một điều xấu *vi đó vẫn là tẩy chay...* Đó cũng là cách nhìn từ trước đến nay của Mác-tốp, đồng chí ấy không học tập được gì ở cách mạng, và ngày càng trở thành người theo phái tự do, bài đồng chí ấy viết gần đây trên báo "Đồng chí"¹¹ đã chứng tỏ rằng đồng chí ấy thậm chí không biết nêu vấn đề một cách cho xứng với một người dân chủ - xã hội cách mạng.

Nhưng cái đặc điểm đó của tẩy chay, cái đặc điểm có thể nói là đáng ghét nhất đối với những người mác-xít, thì hoàn toàn có thể giải thích được bằng những đặc điểm của cái thời đại đã đẻ ra biện pháp đấu tranh như vậy. Đu-ma I quân chủ, tức là Đu-ma Bu-lư-ghin là một cái môi nhằm làm cho nhân dân xa rời cách mạng. Cái môi đó là một con bù nhìn khoác bộ áo chủ nghĩa lập hiến. Ai nấy đều có thể mắc bẫy. Người thì do những lợi ích giai cấp ích kỷ của mình, người thì do thiếu suy nghĩ nên đã muốn bám lấy con bù nhìn Đu-ma Bu-lư-ghin, rồi sau lại bám lấy con bù nhìn Đu-ma Vít-te. Tất cả mọi người đều đã say mê, tất cả đều thành thật tin tưởng. Hồi đó, tham gia tuyển cử không phải chỉ là một việc thực hiện bình thường những nghĩa vụ công dân thông thường. Mà đó là việc công bố cái hiến pháp quân chủ. Đó là chuyển từ con đường cách mạng trực tiếp sang con đường quân chủ lập hiến.

Trong lúc như vậy, Đảng dân chủ - xã hội *đã cần phải* giương cao một cách hết sức kiên quyết và hết sức cố ý ngọn cờ phản kháng và cảnh cáo của mình lên. Và như thế tức là từ chối không tham gia tuyển cử, bản thân không tham gia và kêu gọi nhân dân không tham gia, là kêu gọi tấn công chính quyền cũ, *chứ không phải là* hoạt động trên cơ sở thiết chế do chính quyền ấy đặt ra. Việc nhân dân cả nước say mê cái bài vật tư sản cảnh sát, tức là chế

độ quân chủ "lập hiến", đòi hỏi Đảng dân chủ - xã hội, với tư cách là chính đảng của giai cấp vô sản, phải "tỏ rõ" cho nhân dân cả nước biết những quan điểm của mình phản đối và lột trần cái bài vật đó, đòi hỏi phải tận lực đấu tranh chống việc thực hiện những thiết chế thể hiện cái bài vật ấy.

Tất cả những điều đó nói lên rằng không những cuộc tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin, một cuộc tẩy chay đã thu được thắng lợi trực tiếp, mà cả cuộc tẩy chay Đu-ma Vít-te, một cuộc tẩy chay *hình như* đã không thành công, đều là hoàn toàn có căn cứ lịch sử. Ngày nay, ta có thể thấy rõ tại sao đó chỉ là thất bại *bề ngoài* thôi, tại sao Đảng dân chủ - xã hội phải kiên trì *đến cùng* việc nó chống lại việc lái cách mạng nước ta vào con đường quân chủ lập hiến. *Trên thực tế*, lái như vậy là dẫn *vào bước đường cùng*. Những ảo tưởng về cái hiến pháp quân chủ chỉ là một thứ giáo đầu hoặc một cái nhãn hiệu, một thứ trang sức, một sự che mắt thế gian, để chuẩn bị cho chính quyền cũ vứt bỏ "hiến pháp" đó đi thôi...

Chúng tôi đã nói rằng Đảng dân chủ - xã hội đã phải kiên trì đến cùng việc nó chống lại việc dùng "hiến pháp" để bóp nghẹt tự do. "Đến cùng" nghĩa là gì? Nghĩa là: cho đến khi nào cái thiết chế mà những người dân chủ - xã hội đấu tranh *chống lại*, trở thành một sự thật *trái với ý* muốn của những người dân chủ - xã hội; cho đến khi nào cái việc lái cách mạng Nga vào con đường quân chủ lập hiến — mà lái như vậy thì tất nhiên có nghĩa là (*trong một thời gian nhất định*) cách mạng thoái trào, cách mạng thất bại — trở thành một sự thật trái với ý muốn của những người dân chủ - xã hội. Thời kỳ những ảo tưởng lập hiến là thời kỳ mưu toan *thỏa hiệp*. Hồi đó, chúng ta đã đấu tranh và phải hết sức đấu tranh chống thỏa hiệp. Chúng ta buộc phải tham gia Đu-ma II, chúng ta buộc phải tính đến thỏa hiệp, một khi tình thế *bắt* chúng ta *phải chấp*

nhận sự thỏa hiệp, bất chấp ý chí và những cố gắng của chúng ta, do cuộc đấu tranh của chúng ta bị thất bại. Còn vấn đề xem phải làm như vậy trong bao nhiêu lâu, - điều đó dĩ nhiên là vấn đề khác.

Từ tất cả những điều đã nói trên, chúng ta nên rút ra kết luận gì về cuộc tẩy chay Đu-ma III? Liệu có thể kết luận rằng, vào đầu thời kỳ những ảo tưởng lập hiến, tẩy chay đã là cần thiết, thì vào cuối thời kỳ đó, tẩy chay cũng là cần thiết chăng? Kết luận như vậy là một "trò chơi trí óc" theo kiểu "xã hội học suy luận", chứ không phải một kết luận nghiêm túc. Cái nội dung *áy* của việc tẩy chay ở thời kỳ đầu của cách mạng Nga, thì hiện nay *không thể có nữa*. Hiện nay, không thể can ngăn để nhân dân dè chừng những ảo tưởng lập hiến, cũng không thể đấu tranh chống việc lái cách mạng vào bước đường cùng quân chủ lập hiến được nữa. Cái linh hồn sống trước kia của tẩy chay, bây giờ không thể có được nữa. Nếu có tiến hành tẩy chay đi nữa thì dấu sao nó cũng sẽ mang một ý nghĩa *khác*, dấu sao nó cũng chứa đựng một nội dung chính trị *khác* rồi.

Hơn nữa, những đặc điểm lịch sử của tẩy chay mà chúng ta đã phân tích còn đưa lại một lý do khác nữa để phản đối việc tẩy chay Đu-ma III. Trước kia, khi mới bắt đầu chuyển sang chế độ lập hiến, tất nhiên là cả nước đều chú ý vào Đu ma. Lúc đó, chúng ta đã đấu tranh và đã phải đấu tranh bằng biện pháp tẩy chay, để chống lại thiên hướng sa vào con đường bế tắc, chống lại sự say mê do ngu muội, do trình độ thấp, do còn non nớt hoặc do tính phản cách mạng ích kỷ sinh ra. Hiện nay không những không thể nói đến sự say mê có tính chất toàn quốc mà thậm chí cũng không thể nói ngay cả đến một sự say mê của một số người hơi đông đảo một chút đối với Đu-ma nói chung, hay đối với Đu ma III cũng vậy. Về mặt ấy mà nói thì không cần thiết phải dùng đến tẩy chay.

IV

Vậy thì rõ ràng là phải tìm những điều kiện áp dụng tẩy chay ở trong tình hình khách quan của một thời kỳ nhất định. Đứng trên quan điểm ấy mà so sánh tình hình mùa thu 1907 với mùa thu 1905, thì không thể không rút ra kết luận rằng *hiện nay*, chúng ta không có căn cứ để tuyên bố tẩy chay. Đứng về mặt quan hệ so sánh giữa con đường cách mạng trực tiếp và đoạn đường quân chủ lập hiến "quanh co" đứng về mặt cao trào quần chúng, cũng như về mặt nhiệm vụ đặc thù của cuộc đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến mà xét thì tình hình hiện nay căn bản khác hẳn tình hình hai năm trước đây.

Hồi đó, việc lái lịch sử vào con đường quân chủ lập hiến chẳng qua chỉ là lời hứa kiểu cảnh sát. Hiện nay điều đó đã trở thành sự thật. Không muốn thắng thắn thừa nhận sự thật đó là tỏ ra sợ chân lý một cách lối bịch. Nhưng từ chỗ thừa nhận sự thật đó mà đi đến chỗ thừa nhận rằng cách mạng Nga đã kết thúc thì lại là sai lầm. Không. Hiện nay, ta chưa có căn cứ để kết luận như thế. Người mác-xít bắt buộc phải đấu tranh cho con đường phát triển cách mạng trực tiếp, khi tình hình khách quan cho phép tiến hành cuộc đấu tranh đó; nhưng chúng tôi xin nhắc lại rằng điều đó không có nghĩa là chúng ta không tính đến con đường quanh co đã tồn tại thực sự. Đứng về mặt đó mà nói thì tiến trình của cách mạng Nga đã hoàn toàn xác định. Hồi đầu cách mạng, chúng ta thấy thời kỳ cao trào ngắn, nhưng cực kỳ rộng rãi và diễn ra một cách nhanh chóng kinh người! Sau đó, chúng ta thấy thời kỳ thoái trào hết sức chậm nhưng liên tục, bắt đầu từ cuộc khởi nghĩa tháng Chạp 1905. Thoạt đầu là thời kỳ quần chúng đấu tranh cách mạng trực tiếp, về sau là thời kỳ chuyển hướng sang con đường quân chủ lập hiến.

Phải chăng như thế có nghĩa là sự chuyển hướng đó là

sự chuyển hướng cuối cùng? Là cách mạng đã kết thúc và một thời kỳ "lập hiến" đã bắt đầu? Là không có lý do gì để chờ đợi một cao trào mới, và *chuẩn bị* một cao trào như vậy? Là cần vứt bỏ tính chất cộng hòa của cương lĩnh của chúng ta đi?

Tuyệt đối không phải như vậy. Chỉ có những kẻ tự do chủ nghĩa tầm thường, đại loại như bọn dân chủ - lập hiến ở nước ta, bọn người sẵn sàng dùng bất cứ những lý lẽ nào lượm lặt được để bênh vực cho những hành động nô lệ, bợ đỡ thì mới kết luận như thế. Không. Điều đó chỉ có nghĩa là trong khi hoàn toàn bảo vệ *toàn bộ* cương lĩnh của chúng ta và *toàn bộ* những quan điểm cách mạng của chúng ta, chúng ta phải kết hợp những lời kêu gọi trực tiếp của chúng ta với tình hình khách quan lúc đó. Trong khi tuyên truyền rằng cách mạng là tất yếu, trong khi chuẩn bị tích lũy một cách có hệ thống và liên tục các chất cháy trong mọi lĩnh vực, trong khi vì những mục đích ấy, chúng ta quan tâm gìn giữ những truyền thống cách mạng của thời kỳ tốt đẹp nhất của cách mạng nước ta, bồi đắp truyền thống đó và loại hết những ký sinh tự do chủ nghĩa khỏi những truyền thống đó, thì đồng thời chúng ta không cự tuyệt những công tác thường ngày trong sự chuyển hướng thường ngày sang chế độ quân chủ lập hiến. Chỉ có thế thôi. Chúng ta phải chuẩn bị một cao trào rộng lớn mới, nhưng nếu không xem xét tình hình mà cứ đưa ra khẩu hiệu tẩy chay, thì như vậy là không có căn cứ nào cả.

Tẩy chay, như chúng tôi đã nói, chỉ có thể có ý nghĩa nào đó ở Nga vào lúc này nếu nó là tẩy chay *tích cực*. Điều đó có nghĩa là: không phải là tiêu cực không tham gia tuyển cử, mà là không thừa nhận tuyển cử để thực hiện nhiệm vụ tấn công trực tiếp. Theo ý nghĩa đó thì tẩy chay tất nhiên cũng chẳng khác gì *kêu gọi* tấn công một cách mãnh liệt nhất, kiên quyết nhất. Phải chăng là hiện nay người ta đang đứng trước một cao trào rộng rãi và phổ biến, một cao trào mà không có nó thì kêu

gọi như trên sẽ không có nghĩa gì? Dĩ nhiên là không.

Nói đến những lời "kêu gọi" thì nói chung, sự khác nhau về phương diện ấy giữa tình hình hiện nay và tình hình mùa thu 1905, là đặc biệt rõ ràng. Hồi đó, như chúng tôi đã chỉ ra, trong suốt cả một năm trước đó, không có một lời kêu gọi nào mà lại không được sự hưởng ứng của quần chúng. Sức mạnh cuộc tấn công của quần chúng đã vượt xa những lời kêu gọi của các tổ chức. Hiện nay, chúng ta đang ở vào thời kỳ tạm lắng của cách mạng, khi mà có *cả một loạt những lời kêu gọi* thường xuyên *không được quần chúng hưởng ứng*. Ví dụ, lời kêu gọi quét sạch Đu-ma Vít-te (đầu năm 1906), lời kêu gọi khởi nghĩa sau khi Đu-ma I bị giải tán (mùa hè 1906), *lời kêu gọi đấu tranh* để trả lời việc giải tán Đu-ma II và cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu 1907. Ta hãy lấy tờ truyền đơn của Ban chấp hành trung ương chúng ta về những sự kiện đó mà xem¹². Các đồng chí sẽ thấy trong truyền đơn đó lời kêu gọi trực tiếp đấu tranh bằng hình thức mà điều kiện địa phương cho phép (biểu tình, bãi công, đấu tranh công khai với lực lượng vũ trang của chế độ chuyên chế). Đó là một sự kêu gọi bằng lời nói. Những cuộc khởi nghĩa vũ trang hồi tháng Sáu 1907 ở Ki-ép và của hạm đội Hắc-hải là những sự kêu gọi bằng hành động. Cả hai đều không được quần chúng hưởng ứng. Nếu hồi đó những biểu hiện hết sức trắng trợn và hết sức trực tiếp của việc thế lực phản động đã tấn công cách mạng — như việc giải tán hai Đu-ma và cuộc chính biến — mà cũng vẫn không dẫn tới cao trào thì hiện nay, ta có căn cứ gì để lập tức lấp lại lời kêu gọi dưới hình thức tuyên bố tẩy chay? Há chẳng phải rõ ràng tình hình khách quan hiện nay là một tình hình trong đó lời "tuyên bố" tẩy chay như thế rất có thể sẽ trở thành một tiếng la hét rỗng tuếch hay sao? Giữa lúc cuộc đấu tranh đang được tiến hành, mở rộng, lớn mạnh lên và lan tràn ở khắp nơi thì việc "tuyên bố" tẩy chay là hợp lý và cần thiết, khi đó đưa ra lời kêu

gọi chiến đấu là nghĩa vụ của giai cấp vô sản cách mạng. Nhưng chỉ dựa vào một lời kêu gọi thôi thì không thể làm nảy sinh ra cuộc đấu tranh đó, cũng như không thể phát động được cuộc đấu tranh đó. Và khi mà cả một loạt những lời kêu gọi chiến đấu — đã được chúng ta thử thách trong những dịp trực tiếp hơn — đều không có kết quả gì thì dĩ nhiên là chúng ta phải tìm những lý do vững vàng để "tuyên bố" một khẩu hiệu, mà khẩu hiệu này sẽ không có ý nghĩa gì cả nếu như không có điều kiện cần phải có để thực hiện những lời kêu gọi chiến đấu.

Người nào muốn làm cho giai cấp vô sản *dân chủ - xã hội* tin rằng khẩu hiệu tẩy chay là đúng, thì không được chỉ biết say sưa với riêng những danh từ rất kêu đã từng có tác dụng cách mạng lớn lao và rực rỡ. Người đó phải suy tính kỹ lưỡng xem điều kiện khách quan nào cho phép vận dụng khẩu hiệu đó, và phải hiểu rằng khi đưa ra khẩu hiệu ấy thì như thế có nghĩa là đã gián tiếp giả định rằng đã có những điều kiện của một cao trào cách mạng rộng rãi, phổ biến, mạnh mẽ và nhanh chóng. Nhưng trong thời kỳ như hiện nay chúng ta đang sống, trong thời kỳ mà cách mạng tạm thời lắng xuống thì tuyệt nhiên không thể giả định một cách gián tiếp rằng chúng ta đã có điều kiện như vậy rồi. Bản thân mỗi người chúng ta và toàn thể giai cấp công nhân cần phải nhận thức và hiểu thật hết sức rõ ràng điều kiện đó. Nếu không, rất dễ rơi vào tình trạng một người chuyên dùng những danh từ lớn mà không hiểu ý nghĩa thật sự của những danh từ ấy, hay là lưỡng lự không dám nói thẳng vấn đề ra một cách không úp mở gì cả.

V

Tẩy chay là một trong những truyền thống cách mạng tốt đẹp nhất của thời kỳ có nhiều sự biến nhất, anh dũng nhất của cách mạng Nga. Chúng tôi đã nói ở trên kia rằng

một trong những nhiệm vụ của chúng ta là gìn giữ cẩn thận những truyền thống đó nói chung, bồi đắp những truyền thống đó, và loại hết những ký sinh tự do chủ nghĩa (và cơ hội chủ nghĩa) ra khỏi những truyền thống đó. Chúng ta cần phải phân tích tỉ mỉ hơn một chút về nhiệm vụ đó, để xác định một cách chính xác nội dung của nhiệm vụ đó và tránh những sự hiểu lầm và những sự giải thích sai có thể dễ xảy ra.

Chủ nghĩa Mác khác tất cả các lý luận xã hội chủ nghĩa khác ở chỗ nó kết hợp một cách tài tình tinh sáng suốt khoa học hoàn toàn trong việc phân tích tình hình khách quan và sự tiến hóa khách quan, với việc thừa nhận một cách hết sức dứt khoát tác dụng của nghị lực cách mạng, tính sáng tạo cách mạng và tính chủ động cách mạng của quần chúng, — và dĩ nhiên là cả của những cá nhân, những tập đoàn, những tổ chức và những chính đảng biết phát hiện ra và thực hiện được sự liên hệ với những giai cấp này hoặc giai cấp khác. Sự đánh giá cao những thời kỳ cách mạng trong sự phát triển của nhân loại phát sinh từ toàn bộ những quan điểm lịch sử của Mác: chính trong những thời kỳ đó mà rất nhiều mâu thuẫn được tích lũy dần dần trong những thời kỳ gọi là tiến triển hòa bình, được giải quyết. Chính trong những thời kỳ đó, vai trò trực tiếp của các giai cấp trong việc quyết định những hình thức của đời sống xã hội, được biểu hiện ra mạnh mẽ nhất; những nền tảng của "kiến trúc thượng tầng" chính trị hình thành, mà sau đây kiến trúc thượng tầng này sẽ đứng vững trong một thời gian dài trên cơ sở những quan hệ sản xuất đã đổi mới. Và khác hẳn với các nhà lý luận của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, Mác đã coi chính những thời kỳ đó không phải là đi chệch ra ngoài con đường "bình thường" không phải là triệu chứng của "bệnh tật xã hội", không phải là kết quả tai hại của các hành động thái quá và sai lầm, mà là những giờ phút sinh tử nhất, trọng yếu nhất, chủ yếu và

quyết định nhất trong lịch sử của các xã hội loài người. Trong đời hoạt động của bản thân Mác và Ăng-ghe-n, thời kỳ mà hai ông tham gia cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng năm 1848 - 1849, đã nổi rõ lên như một điểm trung tâm. Hai ông đều xuất phát từ điểm đó để nhận định vận mệnh của phong trào công nhân và của phong trào dân chủ trong các nước. Hai ông đều luôn luôn trở lại điểm đó mỗi khi cần xác định một cách rõ ràng nhất và chính xác nhất bản chất của các giai cấp và những khuynh hướng của họ. Hai ông luôn luôn xuất phát từ thời kỳ đó, từ thời kỳ cách mạng, để đánh giá những hình thái chính trị, các tổ chức, các nhiệm vụ chính trị và các cuộc xung đột chính trị, xuất hiện sau đó và ít quan trọng hơn. Không phải vô cớ mà những lãnh tụ tư tưởng của phái tự do, như Dôm-bác-tơ, ghét cay ghét đắng đặc điểm đó trong hoạt động và sự nghiệp trước tác của Mác, cho rằng đó là do "tính cáu kỉnh của một con người lưu vong" mà ra. Thật đúng là một con tốt trong giới khoa học đại học tư sản kiểu cảnh sát thì mới đem cái mà đối với Mác và Ăng-ghe-n là bộ phận cấu thành không thể tách rời được của toàn bộ thế giới quan cách mạng của hai ông mà quy kết rằng đó là do tính cáu kỉnh cá nhân, là do những phiền muộn cá nhân trong hoàn cảnh lưu vong ở nước ngoài của hai ông mà ra!

Ở một trong những bức thư của Mác, hình như là gửi cho Cu-ghe-n-man thì phải, Mác đã nhân tiện đưa ra một nhận xét hết sức đặc sắc và đặc biệt đáng chú ý về vấn đề chúng ta đang bàn. Mác vạch ra rằng thế lực phản động ở Đức đã hầu như loại ra khỏi ý thức của nhân dân cái kỷ niệm về thời kỳ cách mạng 1848¹³ và những truyền thống của thời kỳ ấy. Ở đây, đã so sánh một cách rõ ràng những nhiệm vụ của thế lực phản động và của đảng của giai cấp vô sản đối với những truyền thống cách mạng của nước đó. Nhiệm vụ của thế lực phản động là trừ bỏ những truyền thống ấy và làm cho người ta hình dung cuộc cách mạng

như "một trận cuồng phong", từ ngữ mà Xtơ-ru-vê dùng để dịch một từ ngữ Đức "das tolle Jahr" ("một năm điên cuồng" — một từ ngữ để nói về năm 1848 đã được các nhà sử học Đức có đầu óc tư sản kiểu cảnh sát dùng, và thậm chí còn được dùng rộng rãi hơn: cả giới nghiên cứu lịch sử Đức theo kiểu học giả — học đường Đức cũng đã dùng từ ngữ này). Nhiệm vụ của thế lực phản động là làm cho dân chúng quên những hình thức đấu tranh, hình thức tổ chức, những tư tưởng, những khẩu hiệu mà thời kỳ cách mạng đã sản sinh ra rất nhiều và đủ loại. Giống như hai vợ chồng Ve-bơ, những kẻ tán dương ngu xuẩn giai cấp tiểu thị dân Anh đang cố sức làm cho người ta hình dung phong trào Hiến chương, một thời kỳ cách mạng của phong trào công nhân Anh, chỉ là một trò trẻ con, một "lỗi lầm của tuổi trẻ", một sự ngậy thơ không đáng quan tâm, một sự lệch lạc bất thường và ngẫu nhiên, — những nhà sử học tư sản Đức cũng xem thường năm 1848 ở Đức như vậy. Thế lực phản động cũng có một thái độ như thế đối với cuộc Đại cách mạng Pháp, một cuộc cách mạng cho đến nay vẫn tỏ rõ sức sống và ảnh hưởng mạnh mẽ của nó đối với nhân loại, vì mãi cho đến nay nó vẫn còn kích động lòng căm thù sôi sục nhất của người ta. Cũng theo cách đó, những tay anh hùng trong phái phản cách mạng ở nước ta, nhất là những "người dân chủ" ngày hôm qua, đại loại như Xtơ-ru-vê, Mi-li-u-cốp, Ki-dê-vét-te và tutti quanti¹⁾ đang đua nhau phỉ báng một cách đê tiện những truyền thống cách mạng của cách mạng Nga. Kể từ khi cuộc đấu tranh trực tiếp của quần chúng vô sản đã giành được chút tự do, khiến cho những tên đầy tớ thuộc phái tự do của chính quyền cũ phải cảm phục, cho đến nay chưa đầy hai năm mà trong sách báo chính luận ở nước ta, đã phát sinh ra một trào lưu lớn tên là trào lưu *tự do chủ nghĩa* (!!), được báo chí dân chủ - lập

1) — tất cả những kẻ tương tự

hiến nuôi dưỡng và chỉ nhằm một mục đích là: trình bày cách mạng của chúng ta, những phương pháp đấu tranh cách mạng, những khẩu hiệu cách mạng, những truyền thống cách mạng là một cái gì thấp hèn, cổ sơ, ngây ngô, tự phát, điên rồ, v. v., và thậm chí là tội ác nữa... từ Mi-li-u-cốp đến Ca-mư-san-xki, il n'y a qu'un pas¹⁾! Ngược lại, những thắng lợi của thế lực phản động — tức là thế lực mà thoát đầu xua nhân dân ra khỏi các Xô-viết đại biểu công nhân và nông dân, để rồi đẩy họ vào Đu-ma Đu-ba-xốp và Xtô-lư-pin, và giờ đây lại cố đẩy họ vào Đu-ma của Đảng tháng Mười, — những thắng lợi đó lại được các vị anh hùng của phái tự do Nga mô tả là một "quá trình trưởng thành của ý thức *lập hiến* ở Nga".

Đảng dân chủ - xã hội Nga hiển nhiên có nghĩa vụ phải nghiên cứu một cách hết sức chu đáo và toàn diện cuộc cách mạng ở nước ta, phải làm cho quần chúng hiểu các hình thức đấu tranh, các hình thức tổ chức của cuộc cách mạng đó, v. v., phải củng cố những truyền thống cách mạng trong nhân dân; phải làm cho quần chúng thấy thật rõ rằng chỉ có và hoàn toàn chỉ có đấu tranh cách mạng mới có thể có được những sự cải thiện đôi chút quan trọng và bền vững; phải không ngớt vạch trần tất cả sự đê tiện của những tên tự do chủ nghĩa tự phụ ấy đang đầu độc bầu không khí xã hội bằng những chướng khí của tính bợ đỡ "lập hiến", của sự phản bội và của sự hèn nhát kiểu Môn-tsa-lin. Trong lịch sử đấu tranh cho tự do, chỉ một ngày của bãi công tháng Mười hay khởi nghĩa tháng Chạp cũng trăm lần có ý nghĩa hơn những tháng đầy những bài diễn văn tô tử của bọn dân chủ - lập hiến trong Đu-ma về việc nhà vua không phải chịu trách nhiệm và về chế độ quân chủ lập hiến. Chúng ta cần phải chăm lo — mà ngoài chúng ta ra, sẽ không có ai chăm lo nữa — làm cho nhân dân hiểu rõ những ngày

1) — chỉ có một bước

đầy nhựa sống ấy, phong phú về nội dung và vĩ đại về ý nghĩa và hiệu quả ấy, hiểu một cách tường tận hơn, chi tiết hơn và sâu sắc hơn những tháng "lập hiến" ngọt ngào và thành công lớn theo kiểu Ba-la-lai-kin và Môn-tsa-lin ấy, tức là những tháng mà với sự đồng tình tốt bụng của Xtô-lư-pin và tay chân của hắn trong số bọn hiến binh và bọn kiểm duyệt, các cơ quan báo chí đảng của phái tự do và các cơ quan báo chí "dân chủ" (chà! chà!) không đảng phái ở nước ta, đang ra sức tán tụng.

Không nghi ngờ gì rằng số dĩ nhiên người đồng tình với tẩy chay, chính là vì cái nguyện vọng rất đáng kính phục đó của những người cách mạng muốn duy trì truyền thống của thời kỳ cách mạng hết sức tốt đẹp đã qua, muốn dùng ngọn lửa đấu tranh dũng cảm, công khai và quyết liệt, để đem lại linh hồn sống cho cái vũng lầy ảm đạm của những ngày buồn tẻ. Nhưng chính vì quý trọng những truyền thống cách mạng, mà chúng ta cần phải cương quyết chống quan điểm cho rằng cứ áp dụng một trong những khẩu hiệu của một thời kỳ lịch sử đặc biệt nào đó, là có thể làm cho những điều kiện căn bản của thời đại đó lại xuất hiện. Giữ gìn những truyền thống cách mạng, biết dùng những truyền thống đó vào việc tuyên truyền và cổ động không ngừng, để làm cho quần chúng hiểu được những điều kiện đấu tranh trực tiếp và tấn công chống xã hội cũ, đó là một việc, nhưng lập lại một trong những khẩu hiệu đã bị tách ra khỏi toàn bộ những điều kiện đã sinh ra khẩu hiệu đó và đã bảo đảm cho nó thắng lợi, và đem áp dụng vào những điều kiện khác về căn bản, đó lại là một việc khác.

Chính Mác, người đã đánh giá rất cao những truyền thống cách mạng và đã kịch liệt chỉ trích những kẻ có thái độ phản bội hoặc phi-li-xtanh đối với những truyền thống cách mạng ấy, đồng thời lại đòi hỏi những người cách mạng phải biết *suy nghĩ*, phải biết *phân tích* các điều kiện áp dụng những phương pháp đấu tranh cũ, chứ không phải chỉ lặp

lại một cách giản đơn những khẩu hiệu đã quen thuộc. Những truyền thống "dân tộc" của năm 1792 ở Pháp có thể vĩnh viễn là *mẫu mực* của những phương pháp đấu tranh cách mạng nhất định, nhưng không phải vì thế mà năm 1870, trong "Lời kêu gọi" nổi tiếng của Quốc tế, Mác đã không nhắc nhở giai cấp vô sản Pháp đề phòng việc bệ một cách sai lầm những truyền thống đó vào một thời kỳ khác hẳn¹⁴.

Ở nước ta cũng thế. Chúng ta cần phải nghiên cứu những điều kiện áp dụng tẩy chay, phải làm cho quần chúng thấm nhuần cái tư tưởng là trong những thời kỳ cao trào cách mạng thì tẩy chay là một biện pháp hoàn toàn hợp lý và đôi khi còn cần thiết nữa (mặc dầu bọn thông thái rởm lạm dụng tên tuổi của Mác, có nói thế nào chẳng nữa). Nhưng phải chăng chúng ta đang đứng trước cao trào đó, tức là điều kiện chủ yếu để tuyên bố tẩy chay, — đấy là một vấn đề cần phải biết đặt ra một cách độc lập và giải quyết trên cơ sở phân tích nghiêm túc các sự kiện. Bồn phận của chúng ta là phải hết sức chuẩn bị cho cao trào đó ra đời, mà không được khăng khăng từ chối tẩy chay vào lúc thích hợp; nhưng coi khẩu hiệu tẩy chay là có thể áp dụng nói chung đối với bất cứ một cơ quan đại nghị tồi tệ hoặc rất tồi tệ nào cũng được thì sẽ là tuyệt đối sai lầm.

Hãy nhớ lại lý do mà người ta đã viện ra để bênh vực và chứng minh việc tẩy chay trong "những ngày tự do", là các bạn sẽ thấy ngay rằng không thể cứ giản đơn bệ những lý do đó mà áp dụng cho điều kiện của tình hình hiện nay được.

Tham gia các cuộc bầu cử là làm giảm sút tinh thần, là nộp một trận địa cho kẻ thù, là đánh lạc hướng nhân dân cách mạng, là tạo điều kiện thuận lợi cho sự thỏa hiệp giữa chính phủ Nga hoàng và giai cấp tư sản phản cách mạng, v. v., — trước kia chúng ta đã nói như vậy, khi bênh vực cuộc tẩy chay năm 1905 và đầu năm 1906. Tiền đề chủ yếu của những lý lẽ đó, — không phải lúc nào cũng được nói

rõ ra nhưng bao giờ cũng được hiểu ngầm như là một điều đương nhiên *trong những thời kỳ đó*, — là gì? Tiền đề đó chính là nghị lực cách mạng dồi dào của quần chúng, nó tự tìm lấy và tìm thấy cho mình những lối thoát *trực tiếp*, không phải là những con đường "lập hiến". Tiền đề đó chính là *sự tấn công* không ngừng của cách mạng chống thế lực phản động, sự tấn công mà lúc đó nếu làm yếu đi bằng cách chiếm và giữ một vị trí do kẻ thù cố ý bỏ cho chúng ta nhằm làm yếu cuộc tổng công kích, là chúng ta đã phạm tội. Hãy thử lập lại những lý lẽ này *tách ra khỏi* những điều kiện của tiền đề chủ yếu đó, là các bạn sẽ cảm thấy ngay cái âm điệu sai trong toàn bộ "khúc nhạc" của mình, cái sai lầm của âm điệu chính.

Cũng sẽ là điều vô ích nếu toan tính đem chỗ khác nhau giữa Đu-ma II và Đu-ma III để biện hộ cho việc tẩy chay. Cho rằng giữa bọn dân chủ - lập hiến (trong Đu-ma II, bọn này đã đem nhân dân nộp hẳn cho bọn Trăm đen) và những người tháng Mười¹⁵ có một sự khác nhau thật sự và căn bản, cho rằng cái "hiến pháp" lừng danh mà cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu đã xé đi, là có một ý nghĩa ít nhiều thực tế, — tất cả những cái đó nói chung thích hợp hơn với tinh thần của một chủ nghĩa dân chủ tầm thường chứ không phải của một Đảng dân chủ - xã hội cách mạng. Chúng ta đã luôn luôn nói, khẳng định, nhắc đi nhắc lại rằng bản "hiến pháp" của Đu-ma I và II chỉ là một ảo ảnh, rằng những câu nói ba hoa của bọn dân chủ - lập hiến chỉ là dùng để che đậy cái bản chất kiểu Đảng tháng Mười của chúng, rằng Đu-ma là cái công cụ hoàn toàn không có khả năng thỏa mãn được những yêu sách của giai cấp vô sản và nông dân. Đối với chúng ta thì cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu 1907 là kết quả dĩ nhiên và tất yếu của thất bại hồi tháng Chạp 1905. Chúng ta bao giờ bị cái vẻ mỉa miêu của bản hiến pháp "của Đu-ma" "làm cho say đắm", cho nên chúng ta cũng không thể quá thất vọng về bước chuyển từ một chế

độ phản động được tô điểm bằng những lời nói văn hoa trống rỗng của bọn Rô-đi-tsép sang một chế độ phản động công khai, trắng trợn và lộ liễu. Có lẽ, thậm chí chế độ phản động nói sau đó cũng lại là một biện pháp rất có hiệu nghiệm hơn để thức tỉnh tất cả những kẻ ngu ngốc thô bỉ thuộc phái tự do, hoặc những nhóm dân cư đã bị bọn đó đánh lạc hướng...

Hãy so sánh nghị quyết của những người men-sê-vích thông qua ở Xtốc-khôn và nghị quyết của những người bôn-sê-vích thông qua ở Luân-đôn, về vấn đề Đu-ma nhà nước. Các bạn sẽ thấy rằng nghị quyết thứ nhất thì khoa trương, dài dòng, đầy đầy những danh từ kêu rỗng về tầm quan trọng của Đu-ma, đây một ý thức cho rằng công tác của Đu-ma là rất quan trọng. Nghị quyết thứ hai thì giản dị, mộc mạc, sáng sủa và khiêm tốn. Nghị quyết thứ nhất đây một tinh thần ca ngợi kiểu tiểu tư sản việc kết tóc xe tơ phong trào dân chủ - xã hội với chủ nghĩa lập hiến ("một chính quyền mới đã sinh ra từ trong lòng nhân dân", v. v. và v. v. theo đúng cái lối lừa dối của bọn cầm quyền). Nghị quyết thứ hai có thể trình bày đại thể như sau: vì thế lực phản cách mạng đáng ghét đã dồn chúng ta vào trong cái chuồng lợn đáng nguyên rủa này, thì chúng ta cũng sẽ làm việc ở đó vì lợi ích của cách mạng, không rên rĩ mà cũng không huênh hoang.

Bên vực Đu-ma chống lại việc tẩy chay ngay trong thời kỳ đấu tranh cách mạng trực tiếp, những người men-sê-vích, có thể nói là, đã cam đoan trước nhân dân rằng Đu-ma sẽ trở thành một cái gì đại loại như công cụ của cách mạng. Và họ đã hoàn toàn phá sản về lời cam đoan đó. Chúng ta, những người bôn-sê-vích, nếu chúng ta có cam đoan thì chỉ cam đoan là sẽ chứng minh rằng Đu-ma là một sản vật của phản cách mạng, và không thể trông mong được ở đó một cái gì tốt cả. Cho đến nay, những sự biến đã hoàn toàn xác nhận quan điểm của chúng ta, và có thể tin chắc rằng

những sự biến vẫn sẽ tiếp tục xác nhận như vậy. Không "sửa lại" và không lặp lại chiến lược hồi tháng Mười - tháng Chạp, căn cứ vào những sự việc mới, thì không thể nói đến tự do ở nước Nga được.

Bởi thế, khi người ta bảo tôi rằng: không thể lợi dụng Đu-ma III như Đu-ma II được, không thể giải thích được cho quần chúng hiểu sự cần thiết phải tham gia Đu-ma đó, thì tôi muốn trả lời lại rằng: nếu hiểu chữ "lợi dụng" theo một cách kêu rỗng của những người men-sê-vích, nghĩa là nếu coi Đu-ma là "công cụ" của cách mạng, v. v. thì dĩ nhiên là không thể được. Nhưng dù hai Đu-ma đầu tiên thật ra chỉ là những bậc thang dẫn đến Đu-ma của Đảng tháng Mười, chúng ta cũng đã lợi dụng những Đu-ma đó nhằm một mục đích khiêm tốn và vừa phải* (tuyên truyền và cổ động, phê phán và giải thích cho quần chúng về những cái đang xảy ra), nhằm mục đích ấy thì chúng ta luôn luôn có thể lợi dụng được ngay cả những cơ quan đại nghị tồi tệ nhất. Một bài diễn văn đọc trong Đu-ma sẽ không gây ra được một cuộc "cách mạng" nào cả, và công tác tuyên truyền *nhân vấn đề Đu-ma* không có một giá trị đặc biệt nào cả, nhưng Đảng dân chủ - xã hội sẽ rút ra ở hai việc đó không ít, mà đôi khi còn nhiều hơn là một bài diễn văn được in ra hoặc được đọc trong một cuộc hội họp khác.

* Xem trên báo "Người vô sản" (ở Gio-ne-vo), năm 1905¹⁶, một bài nói về cuộc tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin, trong đó nói rằng chúng ta không tự buộc phải từ bỏ việc lợi dụng Đu-ma nói chung, nhưng *lúc này*, chúng ta giải quyết một nhiệm vụ khác đang đặt ra trước mắt chúng ta: nhiệm vụ đấu tranh cho con đường cách mạng trực tiếp. Cũng xem báo "Người vô sản" (ở Nga), số I, năm 1906¹⁷, bài "Bàn về tẩy chay", trong đó nhấn mạnh rằng hoạt động trong Đu-ma chỉ đem lại được những lợi ích *rất ít ỏi*¹⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. II, tr. 212 - 222, t. 13, tr. 426 - 436.

Và chúng ta cũng phải giải thích một cách dễ hiểu cho quần chúng tại sao chúng ta lại tham gia Đu-ma của Đảng tháng Mười. Do thất bại hồi tháng Chạp 1905 và do những mưu toan tiến hành năm 1906 - 1907 để "sửa lại" thất bại đó đã không thành công, nên tất nhiên là thế lực phản động đã dồn chúng ta và sẽ còn tiếp tục dồn chúng ta vào những cơ quan quasi - lập hiến ngày càng tồi tệ hơn. Bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu, chúng ta cũng sẽ giữ vững niềm tin của chúng ta và sẽ quán triệt quan điểm của chúng ta bằng cách nhắc đi nhắc lại rằng chừng nào mà chính quyền cũ còn tồn tại, chừng nào nó chưa bị trừ diệt tận gốc thì không thể trông mong nó làm được một điều gì tốt cả. Chúng ta sẽ chuẩn bị những điều kiện cho một cao trào mới, và trong khi chưa đến ngày cao trào đó ra đời và để cho cao trào đó ra đời thì cần phải làm việc một cách ngoan cường hơn nữa, mà không đưa ra những khẩu hiệu chỉ có ý nghĩa trong những điều kiện đã có cao trào.

Nếu coi tẩy chay là một *đường lối sách lược* đối lập giai cấp vô sản và một bộ phận của phái dân chủ tư sản cách mạng với phái tự do và thế lực phản động, thì cũng sẽ là sai. Tẩy chay, đó không phải là một đường lối sách lược, mà là một phương thức đấu tranh đặc biệt, áp dụng được trong những điều kiện đặc biệt. Lấn lộn chủ nghĩa bôn-sê-vích với "chủ nghĩa tẩy chay" thì cũng sai như lấn lộn chủ nghĩa bôn-sê-vích với "chủ nghĩa xung kích". Sự khác nhau về *đường lối sách lược* của những người men-sê-vích và bôn-sê-vích đã hoàn toàn biểu hiện ra và kết tinh lại trong những nghị quyết khác nhau về nguyên tắc, của Đại hội III của những người bôn-sê-vích họp ở Luân-đôn và của hội nghị của những người men-sê-vích họp ở Giơ-ne-vơ hồi mùa xuân năm 1905. Lúc đó, người ta đã không nói đến và không thể nói đến tẩy chay lẫn "chủ nghĩa xung kích". Như ai nấy đều biết, trong các cuộc tuyển cử Đu-ma II, khi mà chúng ta không chủ trương tẩy chay, và ngay cả

trong Đu-ma II, *đường lối sách lược* của chúng ta khác một cách căn bản với đường lối men-sê-vích. *Hai đường lối sách lược* đó khác nhau về tất cả các phương thức và biện pháp đấu tranh, trong mỗi trường hợp đấu tranh, nhưng tuyệt nhiên không tạo ra những phương pháp đấu tranh riêng nào đó, vốn có của đường lối này hay đường lối khác. Và nếu viện lý do rằng những hy vọng *cách mạng* mà trước kia người ta đã đặt vào *Đu-ma I hay Đu-ma II* thì nay đã sụp đổ rồi, rằng một hiến pháp "hợp pháp", "manh mẽ", "vững chắc" và "chân chính" đã sụp đổ rồi, để biện hộ việc tẩy chay Đu-ma III thì đó chính sẽ là một thứ chủ nghĩa men-sê-vích đối bại nhất.

VI

Chúng tôi đã gác lại đến cuối cùng mới phân tích những lý lẽ danh thép và duy nhất có tính chất mác-xít mà người ta đưa ra để bênh vực việc tẩy chay. Cuộc tẩy chay tích cực sẽ không có ý nghĩa gì, nếu không có một cao trào cách mạng rộng lớn. Cứ cho là như thế. Song cao trào rộng lớn thì phát triển từ một cao trào ít rộng lớn. Hiện nay đã có những dấu hiệu của một cao trào nhất định. Chúng ta cần đưa ra khẩu hiệu tẩy chay, vì khẩu hiệu đó cũng nhằm ủng hộ, phát triển và mở rộng cao trào hiện đang chớm nở.

Theo tôi, đó là lý lẽ *cơ bản* nói lên một cách ít nhiều rõ ràng tại sao trong giới những người dân chủ - xã hội lại có khuynh hướng tán thành tẩy chay. Đồng thời, những đồng chí sát nhất với công tác trực tiếp trong giai cấp vô sản, đã không căn cứ vào lý lẽ "được xác lập" theo một mẫu nhất định, mà lại căn cứ vào một số ấn tượng nào đó mà họ đã có khi tiếp xúc với quần chúng công nhân.

Một trong số không nhiều những vấn đề mà hình như hiện nay không gây ra, hay từ trước đến nay chưa gây ra, những bất đồng ý kiến giữa hai phái trong Đảng dân chủ -

xã hội — đó là vấn đề nguyên nhân làm cho sự phát triển của cách mạng nước ta bị ngừng lại trong một thời gian dài. Nguyên nhân đó là ở chỗ "giai cấp vô sản vẫn chưa hồi phục". Và thật thế, cuộc đấu tranh hồi tháng Mười - tháng Chạp hầu như hoàn toàn do *một mình* giai cấp vô sản đảm nhiệm. Chỉ có một mình giai cấp vô sản là đấu tranh một cách có hệ thống, có tổ chức, không ngừng, cho cả dân tộc. Ở một nước mà vô sản chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ nhất trong dân số (đấy là nói trong phạm vi châu Âu) thì giai cấp vô sản phải vô cùng kiệt sức vì một cuộc đấu tranh như vậy, điều đó không có gì là lạ cả. Hơn nữa, sau sự biến tháng Chạp, lực lượng hỗn hợp của thế lực phản động trong chính phủ và giai cấp tư sản đã tấn công và từ đó đến nay vẫn không ngừng tấn công vào chính giai cấp vô sản. Bọn cảnh sát đã truy nã và giết dần giết mòn giai cấp vô sản trong suốt một năm rưỡi trời, còn những việc giãn thợ hàng loạt một cách có hệ thống, — kể từ việc đóng cửa các nhà máy của nhà nước nhằm mục đích "trừng phạt" cho đến những âm mưu của bọn tư bản chống lại công nhân, — đã khiến cho sự bần cùng của quần chúng công nhân lên đến mức chưa từng thấy. Thế mà giờ đây — như một số cán bộ của Đảng dân chủ - xã hội đã nói — trong quần chúng, đã thấy có những dấu hiệu là tinh thần của giai cấp vô sản lên cao và lực lượng của họ đang được tích lũy lại. Thêm vào cái ấn tượng không được hoàn toàn rõ ràng và cụ thể lắm ấy thì có một lý lẽ có sức thuyết phục hơn: trong một số ngành công nghiệp, công việc được phục hồi lại rõ rệt. Nhu cầu về sức lao động tăng thêm tất phải làm cho phong trào bãi công mạnh thêm. Công nhân tất phải tìm cách bù đắp lại ít nhất là một phần những thiệt hại to lớn mà họ đã phải chịu trong thời kỳ đàn áp và giãn thợ đóng cửa nhà máy. Cuối cùng, lý lẽ thứ ba và cũng là lý lẽ có sức thuyết phục nhất, tức là ở chỗ đã nói đến một cuộc bãi công to lớn nhất, do các tổ chức công nhân quyết

định tiến hành chứ không phải nói đến một phong trào bãi công chưa biết có nổ ra không và nói chung là một phong trào mong sẽ nổ ra. Ngay từ đầu năm 1907, những đại biểu của 10 000 công nhân ngành dệt đã thảo luận về tình cảnh của họ và đề ra những bước củng cố các công đoàn của ngành công nghiệp này. Lần thứ hai, đã có những đại biểu của 20 000 công nhân hạp và quyết định sẽ tuyên bố *cuộc tổng bãi công* của công nhân ngành dệt vào tháng Bảy 1907. Phong trào này sẽ có thể trực tiếp lôi cuốn tới 400 000 công nhân. Phong trào này bắt đầu từ tỉnh Mát-xcơ-va, tức là từ trung tâm lớn nhất của phong trào công nhân ở Nga và trung tâm công thương nghiệp lớn nhất. Chính ở Mát-xcơ-va và cũng chỉ ở Mát-xcơ-va, phong trào công nhân có tính chất quần chúng mới có thể phát triển nhanh chóng nhất thành một phong trào nhân dân rộng rãi có ý nghĩa chính trị quyết định. Và trong toàn bộ quần chúng công nhân, công nhân ngành dệt là những người bị trả công thấp nhất, kém phát triển nhất, đã tham gia ít nhất vào những phong trào trước đây, và gắn bó mật thiết nhất với nông dân. Tính chủ động của những công nhân đó có thể cho ta thấy rằng phong trào lần này, so với trước kia, sẽ lôi cuốn được các tầng lớp vô sản vô cùng rộng rãi hơn. Và lại, mối liên hệ giữa phong trào bãi công với cao trào cách mạng trong quần chúng đã từng được lịch sử cách mạng Nga chứng minh nhiều lần.

Nhiệm vụ trực tiếp của Đảng dân chủ - xã hội là phải hết sức tập trung chú ý vào phong trào ấy và tập trung hết sức mình vào chính phong trào ấy. Chính công tác trong lĩnh vực đó phải có một ý nghĩa quan trọng hơn hẳn công tác trong các cuộc tuyển cử Đu-ma của Đảng tháng Mười. Phải làm cho quần chúng thấy rõ sự cần thiết phải biến phong trào bãi công đó thành một cuộc tấn công chung và rộng rãi vào chế độ chuyên chế. Khẩu hiệu tẩy chay có nghĩa là chuyển sự chú ý vào Đu-ma sang sự chú ý vào

cuộc đấu tranh quần chúng trực tiếp. Khẩu hiệu tẩy chay có nghĩa là làm cho phong trào mới có một nội dung chính trị và cách mạng.

Đại khái thì đó là luồng suy nghĩ đã dẫn một số người dân chủ - xã hội đến chỗ tin chắc rằng cần phải tẩy chay Đu-ma III. Lý lẽ bảo vệ việc tẩy chay như vậy thì hiển nhiên là một lý lẽ mác-xít và tuyệt nhiên không giống việc lặp lại một cách đơn thuần một khẩu hiệu tách rời những điều kiện lịch sử đặc thù.

Nhưng dù lý lẽ đó có vững như thế nào chăng nữa thì theo tôi, nó vẫn không đủ để buộc chúng ta *ngay lập tức* phải chấp nhận khẩu hiệu tẩy chay. Lý lẽ đó chỉ nhấn mạnh cái điều mà nói chung không còn nghi ngờ gì nữa đối với người dân chủ - xã hội Nga có suy nghĩ về những bài học mà cách mạng của nước ta đã dạy cho chúng ta, cụ thể là: chúng ta không thể nhất quyết từ bỏ tẩy chay, chúng ta phải sẵn sàng đưa khẩu hiệu đó ra đúng lúc, cách đặt vấn đề của chúng ta về tẩy chay khác hẳn với cách đặt vấn đề của phái tự do: từ bỏ hay không từ bỏ?* — một cách đặt vấn đề tầm thường và nghèo nàn, không có một nội dung cách mạng nào.

Chúng ta hãy coi tất cả những điều mà những người dân chủ - xã hội ủng hộ tẩy chay đã nói về sự thay đổi tâm trạng của công nhân, về sự phục hồi hoạt động của công nghiệp và về cuộc bãi công tháng Bảy của công nhân ngành dệt, là những điều đã được chứng thực và hoàn toàn phù hợp với thực tế.

Qua tất cả những điều đó, có thể rút ra kết luận gì? Hiện nay, chúng ta đang thấy bắt đầu có một cao trào cục

* Xem trên báo "Đồng chí", — một điển hình của cách lập luận *tự do chủ nghĩa* của L. Mác-tốp, một người trước kia là cộng tác viên của báo chí dân chủ - xã hội và hiện nay là cộng tác viên của báo chí tự do chủ nghĩa.

bộ nào đó, một cao trào có ý nghĩa cách mạng*. Chúng ta có nên đem hết sức mình để ủng hộ và phát triển cao trào đó, cố gắng làm cho nó trở thành một cao trào cách mạng chung và rồi sau đó thành một phong trào có tính chất tấn công không? Cố nhiên là phải như thế. Về điểm đó, trong những người dân chủ - xã hội (có lẽ trừ những người cộng tác với báo "Đồng chí") không thể có hai ý kiến được. Nhưng *trong lúc này*, tức là từ bước đầu của cao trào cục bộ đó, khi nó chưa hoàn toàn trở thành một cao trào chung thì muốn phát triển phong trào, có cần phải đưa ra khẩu hiệu tẩy chay không? Khẩu hiệu đó có thể giúp cho phong trào ngày nay phát triển được không? Đó là một vấn đề khác, và tôi cho rằng phải trả lời là không.

Có thể và cần phải phát triển một cao trào cục bộ thành cao trào chung bằng cách đưa thẳng ra những lý lẽ và khẩu hiệu trực tiếp, không dính líu đến Đu-ma III. Sau tháng Chạp, toàn bộ tiến trình các sự biến đã hoàn toàn xác minh quan điểm của những người dân chủ - xã hội về vai trò của hiến pháp quân chủ và về sự cần thiết phải đấu tranh trực tiếp. Chúng ta phải nói rằng: hỡi đồng bào, nếu đồng bào không muốn cho sự nghiệp dân chủ ở Nga sa sút không ngừng và ngày càng mau chóng như trong thời kỳ sau tháng Chạp 1905, khi mà các ngài dân chủ - lập hiến chiếm độc

* Có ý kiến cho rằng cuộc bãi công của ngành dệt là một phong trào kiểu mới làm cho phong trào công đoàn tách khỏi phong trào cách mạng. Nhưng chúng tôi không đồng ý với quan điểm ấy, vì một là, đứng trên quan điểm bi quan để giải thích tất cả mọi triệu chứng của những hiện tượng thuộc loại phức tạp là một phương pháp nói chung rất nguy hiểm, thường đánh lạc hướng nhiều người dân chủ - xã hội chưa "ngồi vững hẳn trên yên ngựa". Hai là, nếu cuộc bãi công của công nhân ngành dệt đã có những đặc điểm nói trên, thì chúng ta, những người dân chủ - xã hội, đương nhiên phải đấu tranh một cách hết sức kiên quyết chống lại những đặc điểm ấy. Trong trường hợp cuộc đấu tranh của chúng ta thắng lợi thì như vậy, vấn đề quả đã được đặt ra đúng như chúng ta đã đặt ra.

quyền lãnh đạo phong trào dân chủ, nếu đồng bào không muốn như vậy thì đồng bào hãy ủng hộ phong trào công nhân đang bắt đầu trở thành một cao trào, ủng hộ cuộc đấu tranh quần chúng trực tiếp. Không có cuộc đấu tranh đó thì sẽ không và không thể bảo đảm được quyền tự do ở Nga.

Hiển nhiên cổ động như vậy sẽ là cổ động dân chủ - xã hội cách mạng và hoàn toàn nhất quán. Có cần phải bổ sung thêm như sau không: hồi đồng bào, đồng bào đừng tin vào Đu - ma III, hãy nhìn những người dân chủ - xã hội chúng tôi đang tẩy chay Đu-ma để biểu thị sự kháng nghị của chúng tôi!

Trong điều kiện như hiện nay, việc bổ sung như vậy chẳng những không cần thiết mà thậm chí còn là kỳ quặc và hầu như là lối bịch nữa. Thật ra, ngay cả không làm như thế thì cũng chẳng có ai tin tưởng vào Đu-ma III cả, nghĩa là trong các tầng lớp dân cư có khả năng nuôi dưỡng phong trào dân chủ thì hiện nay không có và cũng không thể có sự say mê cái cơ quan lập hiến là Đu-ma III, như trước kia rõ ràng là đã có sự say mê rộng rãi Đu-ma I, say mê những cố gắng *đầu tiên* nhằm thiết lập bất cứ một cơ quan nào ở Nga, miễn là những cơ quan *lập hiến*.

Hồi năm 1905 và đầu năm 1906, các tầng lớp đông đảo trong dân cư đều tập trung chú ý vào cái cơ quan đại biểu *đầu tiên*, mặc dù nó dựa trên cơ sở hiến pháp quân chủ. Đó là sự thật. Lúc đó, những người dân chủ - xã hội đã phải đấu tranh chống lại cái đó và phải biểu thị thái độ đấu tranh ấy của mình một cách hết sức rõ ràng.

Hiện nay tình hình không phải như thế nữa. Đặc điểm của tình hình hiện nay không phải là sự say mê cái "nghị viện" *đầu tiên*, không phải là sự tin tưởng vào Đu-ma, mà là *sự thiếu tin tưởng vào cao trào*.

Trong những điều kiện như vậy, nếu đưa ra sớm khẩu hiệu tẩy chay thì chúng ta sẽ không làm cho phong trào

manh lên chút nào, cũng không phá bỏ được những trở ngại thực tế đang cản trở phong trào đó. Hơn thế nữa, làm như vậy, chúng ta thậm chí có thể đi đến chỗ làm cho công tác cổ động của chúng ta yếu đi, vì tẩy chay là một khẩu hiệu đi kèm theo một cao trào đã hình thành hẳn hoi, nhưng cái không may hiện nay là các tầng lớp đông đảo trong dân cư không tin tưởng vào cao trào, không thấy sức mạnh của cao trào.

Cho nên, trước hết phải làm thế nào để chứng minh được sức mạnh của cao trào đó *trong thực tế*, rồi sau đó chúng ta vẫn luôn luôn có đủ thời gian để đưa ra một khẩu hiệu phản ánh gián tiếp sức mạnh ấy. Và lại, còn một vấn đề nữa đó là: đối với một phong trào cách mạng có tính chất tấn công, liệu có cần phải đưa ra một khẩu hiệu riêng biệt *khiến người ta không* chú ý tới... *Đu-ma III* không? Có thể là không cần. Muốn cho người ta không chú ý đến một cái gì quan trọng và thật sự có thể lôi cuốn được số quần chúng chưa có kinh nghiệm và chưa hề biết nghị viện là gì, thì cũng có thể là cần thiết phải *tẩy chay* cái mà ta phải bỏ qua không nói đến. Nhưng muốn cho người ta không chú ý đến một thiết chế hoàn toàn không có khả năng lôi cuốn được quần chúng dân chủ hoặc nửa dân chủ hiện nay, thì không cần thiết phải tuyên bố tẩy chay. Hiện nay, thực chất của vấn đề không phải là ở việc tẩy chay, mà là ở chỗ công khai và trực tiếp ra sức biến cao trào cục bộ thành cao trào chung, biến phong trào nghiệp đoàn thành phong trào cách mạng, biến việc chống gián thợ hàng loạt thành việc tấn công vào thế lực phản động.

VII

Chúng ta hãy tóm tắt lại. Khẩu hiệu tẩy chay là do một thời kỳ lịch sử đặc biệt sản sinh ra. Năm 1905 và đầu năm 1906, tình hình khách quan đề ra cho các lực lượng xã

hội đang đấu tranh phải giải quyết vấn đề lựa chọn con đường trước mắt: con đường cách mạng trực tiếp, hay con đường quanh co là chuyển sang chế độ quân chủ lập hiến. Lúc đó, nội dung công tác cổ động cho tẩy chay chủ yếu là đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến. Lúc đó, điều kiện thắng lợi của tẩy chay là một cao trào cách mạng rộng rãi, phổ biến, nhanh chóng và mạnh mẽ.

Về tất cả các mặt đó thì tình hình hồi mùa thu năm 1907 tuyệt nhiên không đề ra sự cần thiết phải nêu một khẩu hiệu như thế và tuyệt nhiên không chứng minh rằng khẩu hiệu đó là đúng.

Trong khi tiếp tục công tác hàng ngày nhằm chuẩn bị các cuộc bầu cử và đồng thời không từ chối trước là sẽ không tham gia các cơ quan đại biểu phản động nhất, chúng ta phải hướng toàn bộ công tác tuyên truyền và cổ động của chúng ta vào việc giải thích cho nhân dân hiểu rõ mối quan hệ giữa thất bại hồi tháng Chạp và toàn bộ tình trạng tiếp sau đó là mất dần các quyền tự do, cũng như tình trạng hiến pháp bị chà đạp. Chúng ta cần phải làm cho quần chúng thấy thật rõ rằng nếu không có một cuộc đấu tranh trực tiếp và có tính chất quần chúng thì tình trạng bị chà đạp đó sẽ tất nhiên còn tiếp diễn và càng mạnh hơn.

Chúng ta đừng tự buộc chúng ta là không được vận dụng khẩu hiệu tẩy chay vào những thời kỳ cao trào, lúc mà khẩu hiệu này có thể là thật sự cần thiết, nhưng hiện giờ, chúng ta phải đem hết sức mình ra để — bằng cách tác động trực tiếp và ngay lập tức — chuyển một cao trào nào đó của phong trào công nhân thành một phong trào tiến công phổ biến, rộng rãi và cách mạng, chống lại toàn bộ thế lực phản động và chống lại các nền tảng của nó.

Ngày 26 tháng Sáu 1907.

KỶ NIỆM BÁ TƯỚC GÂY-ĐEN

(NHỮNG "NGƯỜI DÂN CHỦ" KHÔNG ĐẢNG PHÁI
Ở NƯỚC TA ĐÃ DẠY NHÂN DÂN NHỮNG GÌ?)¹⁸

"Toàn thể báo chí tiến bộ đều chia buồn sâu sắc trước tổn thất nặng nề của nước Nga do việc bá tước P. A. Gây-đen tạ thế. Hình ảnh tuyệt đẹp của Pi-ốt A-lếch-xan-đrô-vích đã lôi cuốn được mọi người chính trực, không phân biệt đảng phái, không phân biệt chính kiến. Một vận mệnh hiếm có và may mắn!!!". Sau đó là một đoạn trích dẫn dài trong báo của phái dân chủ - lập hiến cánh hữu "Tin tức nước Nga"¹⁹, trong đó công tước P. Đ. Đôn-gô-ru-cốp — một trong những thành viên của gia tộc Đôn-gô-ru-cốp mà đại biểu của nó đã thú nhận thẳng thắn cái cơ sở trước kia của những quan niệm dân chủ của họ — đã cảm động nói về thân thế và sự nghiệp của "con người kỳ diệu" ấy! Tốt hơn hết là giải quyết hòa bình với nông dân còn hơn là đợi đến lúc tự nông dân họ chiếm lấy ruộng đất... "Chúng tôi thông cảm sâu sắc về nỗi buồn do cái chết của bá tước Gây-đen gây ra với tất cả những ai biết đánh giá *con người*, không kể người đó thuộc xu hướng chính trị nào, và trước hết bá tước Gây-đen vừa quá cố lại chính là một *con người*".

Báo "Đồng chí" đã viết như vậy trong số 296, ngày thứ ba, 19 tháng Sáu 1907.

Những nhà chính luận của báo "Đồng chí" không phải chỉ là những người dân chủ nhiệt tình nhất trong giới báo chí công khai của nước ta. Họ còn tự coi mình là những người xã hội chủ nghĩa, — cố nhiên là những người xã hội

chủ nghĩa phê phán. Họ gần như là những người dân chủ - xã hội đầy; và những người men-sê-vích - Plê-kha-nốp, Mác-tốp, Xmiéc-nốp, Pê-rê-i-a-xláp-xki, Đan, v. v. và v. v., đều được cái tờ báo — mà các cột của nó đã được tô điểm bằng chữ ký của các ngài Prô-cô-pô-vích, Cu-xcô-va, Poóc-tu-galốp và những người "nguyên là mác-xít" khác nữa, — tiếp đón với lòng mến khách chân tình nhất. Tóm lại, chẳng còn nghi ngờ gì nữa rằng các nhà chính luận của tờ "Đồng chí" là những đại biểu "tả" nhất của cái xã hội "có học thức", "dân chủ", v. v. của chúng ta, cái xã hội không biết đến mọi hoạt động bí mật chật hẹp.

Bởi vậy, khi ta đọc những dòng chữ vừa mới trích dẫn trên đây thì ta không khỏi không thốt ra với các ngài ấy rằng: "Chúng tôi, những người bên-sê-vích, thật may mà không thuộc nhóm những *nhân sĩ chính trực* của báo "Đồng chí"!".

Các ngài "nhân sĩ chính trực" của phong trào dân chủ Nga có học thức! Các ngài đã làm cho nhân dân Nga thành ngu muội, và làm cho họ tiêm nhiễm phải những âm khí của tinh thần xu nịnh và tinh thần nô lệ, và đã làm như thế gấp trăm lần nhiều hơn những tên Trăm đen lừng danh như Pu-ri-skê-vích, Cru-sê-van, Đu-brô-vin là bọn mà các ngài đã chống lại một cách hết sức nhiệt tâm, tự do chủ nghĩa, rẻ tiền, có lợi và không nguy hiểm gì cho các ngài cả. Các ngài nhún vai và quay về phía tất cả những "nhân sĩ chính trực" của xã hội các ngài với một nụ cười khinh khỉnh khi nghe những "điều ngược đời vô lý" như vậy ư? Vâng, chúng tôi biết rất rõ rằng không có một cái gì trên thế giới có thể lay chuyển được tính tự mãn tự do chủ nghĩa tầm thường của các ngài. Chính vì vậy mà chúng tôi vui mừng thấy rằng toàn bộ hoạt động của chúng tôi đã dựng lên một bức thành giữa chúng tôi và cái giới những nhân sĩ chính trực của xã hội có học thức ở Nga.

Liệu có thể tìm được những ví dụ về việc bọn Trăm đen đã hủ hóa và đánh lạc hướng những tầng lớp tương đối rộng rãi trong nhân dân không? Không.

Báo chí của họ, các hội của họ, các cuộc họp của họ, các cuộc bầu cử vào Đu-ma I hay Đu-ma II đều đã không thể cung cấp được những ví dụ như vậy. Bọn Trăm đen làm cho người ta bực mình bởi những hành vi bạo lực và tàn bạo của chúng, những hành vi mà cảnh sát và quân lính đều tham gia. Bọn đó làm cho người ta căm ghét và khinh bỉ vì những hành vi bịp bợm, những thủ đoạn xấu xa, những sự mua chuộc của chúng. Dùng tiền của chính phủ, bọn đó tổ chức những tốp và những toán người say rượu chỉ dám hành động nếu được cảnh sát cho phép và xui giục. Trong tất cả những cái đó, không có lấy một chút dấu vết nào của một ảnh hưởng tư tưởng gọi là nguy hiểm đối với những tầng lớp ít nhiều rộng rãi trong dân cư.

Ngược lại, không còn nghi ngờ gì nữa rằng báo chí công khai tự do chủ nghĩa và "dân chủ" ở nước ta đã có một ảnh hưởng như vậy. Những cuộc bầu cử Đu-ma nhà nước I và II, những cuộc hội nghị, những hội, công việc giáo dục, — tất cả đều chứng tỏ như vậy. Và lập luận của báo "Đồng chí" nhân cái chết của Gây-đen đã chứng tỏ rõ ràng ảnh hưởng tư tưởng đó là ở vào mức độ nào.

"...Một tổn thất nặng nề... một hình ảnh tuyệt đẹp... một vận mệnh may mắn... trước hết bá tước là một *con người*".

Trước cuộc cách mạng tháng Mười, nhà địa chủ bá tước Gây-đen đã khẳng khái đóng vai người thuộc phái tự do. Nhưng ngay sau thắng lợi đầu tiên của nhân dân, sau ngày 17 tháng Mười 1905, ông ta đã không một chút do dự chuyển sang phe phản cách mạng, sang Đảng tháng Mười, đảng của bọn địa chủ và bọn đại tư bản cầm giận nông dân và nền dân chủ. Trong Đu-ma I, ngài quý tộc

kháng khái đó bảo vệ chính phủ, và sau khi Đu-ma I bị giải tán thì mở những cuộc thương lượng – nhưng không đạt được một sự thỏa thuận nào – để tham gia nội các. Đó là những giai đoạn chủ yếu trong sự nghiệp của nhà địa chủ phản cách mạng điển hình ấy.

Thế mà lại có những ngài có học thức, có giáo dục, áo quần bảnh bao, miệng nói những câu về chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa dân chủ, chủ nghĩa xã hội, những câu có cảm tình với sự nghiệp tự do, với sự nghiệp đấu tranh của nông dân chống địa chủ để đòi ruộng đất, – những ngài thực tế nắm độc quyền của một phái đối lập hợp pháp trong ngành báo chí, trong các công đoàn, trong các hội nghị và trong các cuộc bầu cử, họ ngược mắt nhìn trời mà tổng cho nhân dân những đạo thuyết của họ: "Một vận mệnh hiếm có và may mắn !... Trước hết, ngài bá tước vừa quá cố là một *con người*".

Phải, Gây-đen không những là một con người, mà còn là một công dân đã biết nâng mình lên đến chỗ hiểu được những lợi ích chung của giai cấp mình và bảo vệ những lợi ích đó một cách khá thông minh. Còn các ngài dân chủ có giáo dục, các ngài chỉ là những tên ngốc lấm nước mắt, các ngài đã lấy cái trò hề lối bịch tự do chủ nghĩa để che giấu khả năng duy nhất của các ngài là chỉ có thể làm những tên đầy tớ có học cho cùng cái giai cấp địa chủ ấy, chứ không thể là cái gì khác được.

Ảnh hưởng của bọn địa chủ đối với nhân dân không phải là cái đáng sợ. Địa chủ không thể nào lừa dối được một số tương đối đông công nhân và thậm chí cả quần chúng nông dân nữa trong một thời gian tương đối lâu dài. Nhưng ảnh hưởng của *giới trí thức* là giới không trực tiếp tham gia bóc lột, là giới học cách vận dụng chữ nghĩa và những khái niệm chung, thường say mê với đủ thứ thuyết giáo "tốt", là giới đôi khi do sự ngờ ngẩn chân thành mà đem cái địa vị giai cấp trung gian của mình nêu lên thành

nguyên tắc cho việc thành lập những đảng đứng ngoài giai cấp và cho một đường lối chính trị đứng ngoài giai cấp, – ảnh hưởng của giới trí thức tư sản đó đối với nhân dân là một ảnh hưởng nguy hiểm. Ở đây và chỉ ở đây, quần chúng đồng đảo mới thực sự bị tiêm nhiễm, sự tiêm nhiễm này có thể tác hại thật sự; nó đòi hỏi phải động viên tất cả mọi lực lượng của chủ nghĩa xã hội để chống lại cái thuốc độc đó.

– Gây-đen là một người có học thức, có văn hóa, nhân đạo, khoan dung, – phái tự do và những người dân chủ nhu nhược luôn luôn tuôn ra những hình dung từ như vậy và tưởng tượng rằng họ vượt lên mọi "tính đảng phái" mà đứng trên quan điểm "toàn nhân loại".

Thưa các quý ngài, các quý ngài đã lầm rồi. Quan điểm ấy không có tính toàn nhân loại đâu, đó là một quan điểm có tính chất tôi tớ. Một nô lệ có ý thức về hoàn cảnh nô lệ của mình và đấu tranh chống hoàn cảnh đó là một người cách mạng. Một nô lệ không có ý thức về hoàn cảnh nô lệ của mình và sống lay lắt thảm lạng, sống vô ý thức và chịu đựng, chỉ là một nô lệ thôi. Một nô lệ rở dãi, khi mô tả một cách tự mãn những thú vui trong cuộc sống nô lệ của mình và khâm phục người chủ tử tế và tốt bụng của mình thì chỉ là một tên đầy tớ, một tên vô sĩ. Các ngài đúng là những tên vô sĩ ấy, thưa các ngài trong báo "Đồng chí". Với một sự tự mãn đáng ghê tởm, các ngài đã cảm kích trước một tên địa chủ phản cách mạng, kẻ đã từng ủng hộ chính phủ phản cách mạng, và coi đó là một người có học và nhân đạo. Các ngài không hiểu rằng đáng lẽ phải biến người nô lệ thành người cách mạng thì các ngài lại biến họ thành đầy tớ. Những điều mà các ngài nói về tự do và dân chủ chỉ là một lớp sơn, là lặp lại như con vẹt những câu nói kiểu cách, một kiểu ba hoa theo mốt hoặc là một sự giả dối mà thôi. Đó chỉ là một nhãn hiệu sơn lờ loẹt mà thôi. Còn bản thân các ngài,

các ngài chỉ là những nắm mồ được sơn trắng đi thôi. Tâm hồn các ngài đúng là tâm hồn của một kẻ tội tở, còn toàn bộ học vấn, văn hóa, giáo dục của các ngài, đó chỉ là một biến dạng của việc làm đi một cách lành nghề, vì các ngài đã bán linh hồn của các ngài, không phải chỉ vì thiếu thốn mà vì "yêu nghệ thuật"!

— Gây-đen là một người lập hiến kiên định, — các ngài ngậm ngùi nói như vậy. Các ngài nói dối, hoặc các ngài đã hoàn toàn bị Gây-đen và những kẻ giống ông ta làm cho mê muội đi. Trước nhân dân mà gọi một cách công khai một kẻ đã thành lập một đảng ủng hộ chính phủ của Vít-te, Đu-ba-xốp, Gô-rê-mư-kin và Xtô-lư-pin, là một người lập hiến kiên định thật chẳng khác gì gọi một hồng y giáo chủ là một kẻ đối lập kiên định của giáo hoàng. Đáng lẽ phải làm cho quần chúng có một quan niệm đúng đắn về hiến pháp, thì các ngài, những người dân chủ, qua các bài viết của mình, các ngài lại biến hiến pháp thành thứ nước xốt cá hồi. Không còn nghi ngờ gì nữa là đối với một địa chủ phản cách mạng thì hiến pháp đúng chỉ là một thứ nước xốt cá hồi, một hình thức hoàn thiện nhất để áp dụng những phương pháp cướp bóc và đàn áp người mu-gích và toàn bộ quần chúng nhân dân. Nếu Gây-đen đã là một người lập hiến kiên định, thì Đu-ba-xốp và Xtô-lư-pin cũng là những người như thế, vì *trên thực tế*, Gây-đen đã ủng hộ chính sách của họ. Đu-ba-xốp và Xtô-lư-pin đã không thể thực hành như trước kia chính sách của chúng được, nếu không được sự ủng hộ của phái tháng Mười, trong đó có cả Gây-đen. Hỡi các ngài dân chủ và các ngài nhân sĩ "chính trực" rất mực sáng suốt, ta phải căn cứ vào cái gì để xét đoán bộ mặt chính trị của một người (của một "người lập hiến") đây? căn cứ vào lời nói, vào những lời thể thốt, vào những giọt nước mắt cá sấu của người đó chẳng? hay căn cứ vào hoạt động thực tế của người đó trên vũ đài xã hội?

Cái gì là đặc điểm, là điển hình trong hoạt động chính trị của Gây-đen? Việc ông ta không thể thỏa thuận được với Xtô-lư-pin để tham gia nội các sau khi Đu-ma I bị giải tán chẳng hay là việc ông ta *đi* thương lượng với Xtô-lư-pin sau khi Đu-ma I bị giải tán? Việc ông ta, trước đây, trong những hoàn cảnh nào đó, đã thốt ra những lời nói có tính chất tự do chủ nghĩa chẳng, hay việc ông ta đã trở thành đảng viên Đảng tháng Mười (=một phần tử phản cách mạng) ngay sau ngày 17 tháng Mười? Gọi Gây-đen là một người lập hiến kiên định như thế là các ngài đã làm cho nhân dân ghi sâu vào đầu óc rằng cái nêu trong vế thứ nhất là đặc điểm và điển hình. Như thế có nghĩa là các ngài lặp lại một cách ngu ngốc những mảnh nhỏ của những khẩu hiệu dân chủ mà không hiểu những *điều sơ đẳng* của dân chủ.

Vì dân chủ, thừa các ngài nhân sĩ chính trực của cái xã hội chính trực, các ngài nên nhớ điều đó, — đó là cuộc đấu tranh chống lại chính việc bọn địa chủ phản cách mạng thống trị đất nước, sự thống trị mà Gây-đen đã ủng hộ và đã thực hiện trong toàn bộ sự nghiệp chính trị của ông ta.

— Gây-đen là một người có học thức, — các nhà dân chủ trong phòng khách ở nước ta ngậm ngùi nói như vậy. Đúng, chúng tôi đã thừa nhận và vẫn sẵn sàng thừa nhận rằng ông ta có học hơn và *thông minh* (thông minh có khi không đi đôi với có học) hơn chính ngay các nhà dân chủ, vì ông ta hiểu rõ, thừa các ngài của báo "Đồng chí", những lợi ích của giai cấp của ông ta và của phong trào xã hội phản cách mạng của ông ta, hơn các ngài hiểu những lợi ích của phong trào giải phóng. Tên địa chủ phản cách mạng có học đó đã biết bảo vệ những lợi ích của giai cấp mình một cách tinh vi và có mưu mẹo, người đó đã khôn khéo lấy những lời nói cao thượng và cái bề ngoài hào hoa phong nhã để che giấu những khát vọng ích kỷ và sự thèm muốn tàn nhẫn của bọn chủ nô, người đó

đã đòi (đòi bọn Xtô-lư-pin) phải bảo vệ những lợi ích đó bằng những hình thức thống trị giai cấp văn minh nhất. Gây-đen và những người đồng loại với ông ta đã đưa tất cả "học thức" của mình lên bệ thờ để phục vụ lợi ích của địa chủ. Đây có thể là một đề tài rất tốt cho nhà chính luận muốn chỉ ra sự hủ hóa nền giáo dục trong xã hội hiện đại, một đề tài tốt cho nhà dân chủ thật sự, chứ không phải cho một kẻ tôi tớ "chính trực" trong các phòng khách của bọn cấp tiến Nga.

Khi một người "dân chủ" ba hoa về học thức, thì người đó muốn gọi ra trong đầu óc của độc giả ý nghĩ về những tri thức phong phú, tâm mắt rộng, tâm hồn và trái tim cao thượng. Đối với những ngài như Gây-đen, thì giáo dục là một nước sơn mỏng, một sự rèn tập, "huấn luyện" — dưới cái bề ngoài phong nhã — để đầu cơ chính trị một cách thô bạo nhất và bẩn thỉu nhất. Vì toàn bộ chủ nghĩa thánng Mười, toàn bộ tinh thần "canh tân hòa bình"²⁰ của Gây-đen, tất cả những cuộc thương lượng của ông ta với Xtô-lư-pin sau khi Đu-ma I bị giải tán, thực chất chỉ là những thủ đoạn thô bỉ nhất và bẩn thỉu nhất được xây dựng nên để bảo vệ một cách chắc chắn hơn, tinh vi và khéo léo hơn, một cách vững vàng hơn từ bên trong, và bên ngoài khó thấy hơn, những quyền của tầng lớp quý tộc cao thượng Nga đàn áp và bóc lột hàng triệu "dân mu-gích" luôn luôn và không ngớt bị bọn Gây-đen cướp bóc, trước năm 1861, trong năm 1861, sau năm 1861 và sau năm 1905.

Ngay trước kia, Nê-cra-xốp và Xan-tư-cốp đã từng dạy xã hội Nga biết cách phân biệt dưới cái vẻ bề ngoài chải chuốt và được tô son điểm phấn của cái học thức của tên địa chủ - chủ nô, những lợi ích ăn cướp của nó, hai ông đã dạy phải căm ghét tính giả dối và sự nhần tâm của những loại người như vậy, thế mà người trí thức Nga ngày nay, là người tự coi mình là người bảo vệ di sản dân chủ, là

người thuộc phái dân chủ - lập hiến* hoặc bộ hạ của phái đó, lại dạy nhân dân cái tính tôi tớ khom lưng uốn gối và lấy làm tự hào về tính không thiên vị của một người dân chủ không đảng phái của mình. Thật là một cảnh còn ghê tởm hơn cả cái cảnh của những chiến công của Đu-ba-xốp và Xtô-lư-pin...

— Gây-đen là một "con người", — người dân chủ trong phòng khách hớn hỏ reo lên đến hết hơi như vậy. Gây-đen là một người nhân đạo.

Nỗi cảm kích như vậy trước lòng nhân đạo của Gây-đen làm cho chúng ta liên tưởng đến không những Nê-cra-xốp và Xan-tư-cốp mà cả đến "Bút ký người thợ săn" của Tuốc-ghê-nép. Trước mắt chúng ta là một địa chủ văn minh, có học, có văn hóa, cách cư xử dịu dàng và một bề ngoài kiểu Âu châu. Tên địa chủ mời khách uống rượu vang và nói những chuyện cao xa. "Tại sao rượu vang lại không được ủ ấm hả?" — hấn hỏi người bồi của hấn như vậy. Người này đứng im thin thít và mặt tái xanh đi. Ông chủ bấm chuông và vẫn không cao giọng, bảo người đầy tớ vừa đi vào: "Về Phê-đo... anh hãy làm điều cần phải làm đi nhé"²¹.

Đây là một ví dụ về "lòng nhân đạo" của Gây-đen hoặc về lòng nhân đạo à la¹⁾ Gây-đen. Anh địa chủ của Tuốc-ghê-nép cũng là một con người "nhân đạo"... so với Xan-tư-tsi-kha, chẳng hạn, nhân đạo đến nỗi hấn không tự mình đến chuồng ngựa để ngó xem người ta có làm đủ những điều cần thiết để đánh Phê-đo không. Hấn ta nhân đạo đến nỗi hấn ta không đem những roi dùng để đánh Phê-đo vào nước muối. Tên địa chủ ấy, tự tay hấn không đánh, cũng

* Bọn dân chủ - lập hiến đã ca tụng Gây-đen một trăm lần quy lụy hơn các ngài của báo "Đồng chí". Chúng tôi đã lấy những ngài này, coi đó là một điển hình về "chủ nghĩa dân chủ" của những "con người chính trực" trong "xã hội" Nga.

1) — theo kiểu

không mắng chửi đầy tớ, hẳn chỉ "ra lệnh" từ xa thôi, như một người có học, ra lệnh một cách nhẹ nhàng và nhân đạo, êm lạng, không ồn ào, không "phô trương"...

Lòng nhân đạo của Gây-đen cũng hoàn toàn thuộc loại như thế đó. Ông ta không đích thân tham gia đánh đập và hành hạ nông dân, cùng với bọn Lu-giê-nốp-xki và bọn Phi-lô-nốp. Ông ta không tham gia những cuộc trừng phạt, cùng với bọn Ren-nê-cam-phơ và bọn Men-le - Da-cô-men-xki. Ông ta không ra lệnh bắn vào đám đông ở Mát-xcơ-va, cùng với Đu-ba-xốp. Ông ta nhân đạo đến mức là đã kiểm chế được mình không tiến hành những chiến công như vậy, mà để cho các anh hùng đó của "cái chuồng ngựa" toàn Nga làm "những điều cần thiết"; trong bầu không khí yên tĩnh, văn minh của phòng làm việc của mình, ông ta lãnh đạo cái chính đảng đã ủng hộ chính phủ của bọn Đu-ba-xốp, cái chính đảng mà bọn lãnh tụ của nó đã chạm cốc mừng chiến công của Đu-ba-xốp, kẻ chiến thắng ở Mát-xcơ-va... Bảo những bọn Đu-ba-xốp "làm những điều cần thiết về Phê-đô" và không đích thân đến chuồng ngựa, làm như thế thực chẳng phải là nhân đạo, đó sao? Đối với những mục giả đang chỉ đạo mục chính trị trong báo chí hợp pháp và dân chủ ở nước ta thì đó là một mẫu mực về lòng nhân đạo... - Đó là một con người vàng ngọc, không làm hại ngay cả một con ruồi! "Một vận mệnh hiếm có và may mắn!" ở chỗ ủng hộ bọn Đu-ba-xốp, ở chỗ được ném những thành quả của những cuộc đàn áp của bọn Đu-ba-xốp nhưng lại không phải chịu trách nhiệm thay cho Đu-ba-xốp.

Người dân chủ trong phòng khách cho rằng cái đỉnh cao của chủ nghĩa dân chủ là ở lời than thở tại sao những Gây-đen không cai trị chúng ta (vì cái tên ngu si trong phòng khách đó không có khả năng nhận thấy rằng đã có một sự phân công "tự nhiên" giữa Gây-đen và bọn Đu-ba-xốp). Chúng ta hãy nghe tên ấy than thở:

"... Thật đáng tiếc là ông (Gây-đen) lại chết đúng vào lúc này, khi mà ông có thể giúp ích nhiều nhất. Vào lúc này đây, ông có thể lao mình vào cuộc đấu tranh chống cánh cực hữu, biểu lộ những mặt tốt nhất của tâm hồn ông, bảo vệ những nguyên tắc lập hiến với một tinh thần kiên quyết, và tài khéo léo mà ông vốn có" (báo "Đồng chí", số 299, thứ sáu, 22 tháng Sáu, "Kỷ niệm bá tước Gây-đen", bài báo của thông tin viên tỉnh Pơ-xcốp).

Đáng tiếc là Gây-đen, "người canh tân hòa bình", có học thức và nhân đạo lại không còn đây để lấy những câu nói khoa trương lập hiến của mình mà che cho cái chân tướng của Đu-ma III, Đu-ma của phái thán Mườì, cho cái chân tướng của chế độ chuyên chế đang phá hủy cái Đu-ma ấy. Nhiệm vụ của một nhà chính luận - "dân chủ" không phải là lột những bộ áo giả dối đi, là chỉ cho nhân dân thấy toàn bộ bộ mặt trần truồng của những kẻ thù đang áp bức nhân dân, mà là luyến tiếc sự không có mặt của những tên giả nhân giả nghĩa điều luyện đang tô điểm cho hàng ngũ bọn thán Mườì... Was ist der Philister? Ein hohler Darm, voll Furcht und Hoffnung, dass Gott erbarm! Thế nào là một tên phi-li-xtanh? Một cái ruột rỗng tuếch, đầy sự sợ hãi và lòng mong muốn chúa thương tới mình²². Thế nào là một tên phi-li-xtanh dân chủ - tự do chủ nghĩa Nga trong hàng ngũ bọn dân chủ - lập hiến và đồng lõa? Một cái ruột rỗng tuếch, đầy sự sợ hãi và lòng mong muốn tên địa chủ phản cách mạng thương tới mình!

Tháng Sáu 1907.

*In đầu tháng Chín năm 1907
trong văn tập "Tiếng nói đời
sống" tập I, Xanh Pê-téc-bua*

Theo đúng bản in trong văn tập

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
ĐỌC NGÀY 8 THÁNG BẢY
TẠI HỘI NGHỊ ĐẢNG BỘ TOÀN THÀNH
PÊ-TÉC-BUA VỀ VẤN ĐỀ THÁI ĐỘ
CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ -
XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐU-MA III²³**

1. Tẩy chay Đu-ma, như kinh nghiệm cách mạng Nga đã chỉ rõ, là một quyết định duy nhất đúng đắn của Đảng dân chủ - xã hội cách mạng trong những điều kiện lịch sử cho phép tổ chức một cuộc tẩy chay tích cực thật sự, nghĩa là một cuộc tẩy chay biểu hiện sức mạnh của một cao trào cách mạng rộng lớn và phổ biến, trực tiếp tiến tới cuộc tấn công thẳng vào chính quyền cũ (tức là tiến tới khởi nghĩa vũ trang). Việc tẩy chay thực hiện được một nhiệm vụ lịch sử lớn lao khi giai cấp vô sản dùng tẩy chay để phòng ngừa trước cho toàn thể nhân dân khỏi mắc phải cái bệnh say mê mù quáng tiểu tư sản đối với những ảo tưởng lập hiến và những cái gọi là cơ quan lập hiến đầu tiên do chính quyền cũ ban cho.

2. Nếu coi tẩy chay là một phương tiện tự bản thân nó có hiệu lực, không phụ thuộc vào điều kiện có một cao trào cách mạng rộng lớn, phổ biến, mạnh mẽ và nhanh chóng, có một cuộc tấn công trực tiếp của toàn dân nhằm lật đổ chính quyền cũ, không phụ thuộc vào nhiệm vụ đấu tranh chống sự say mê của nhân dân đối với cái hiến pháp mà người ta đã ban cho, — thì như vậy là hành động theo tình cảm, chứ không phải theo lý trí.

3. Cho nên tuyên bố tẩy chay Đu-ma căn cứ vào chỗ là luật bầu cử có lợi cho bọn dân chủ - lập hiến đã được thay thế bằng luật bầu cử có lợi cho phái thán Mườì; căn

cứ vào chỗ, một Đu-ma rõ ràng là của phái thán Mườì đã thay thế Đu-ma II là cái Đu-ma nói theo giọng của phái dân chủ - lập hiến và hành động theo kiểu phái thán Mườì, và là cái Đu-ma trong đó những người dân chủ - xã hội tham gia không phải là không có lợi cho sự nghiệp cách mạng, — tuyên bố tẩy chay trên cơ sở đó có nghĩa là không những thay thế một công tác cách mạng kiên định để tiếp thu tính nôn nóng cách mạng mà còn là biểu lộ rằng những ảo tưởng hết sức tệ hại về Đu-ma dân chủ - lập hiến và về hiến pháp dân chủ - lập hiến, chi phối chính ngay những người dân chủ - xã hội.

4. Điểm cơ bản của toàn bộ công tác cổ động của Đảng dân chủ - xã hội cách mạng phải là ở chỗ giải thích cho nhân dân thấy rằng cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu 1907 là hậu quả trực tiếp và hoàn toàn không thể tránh khỏi của sự thất bại của cuộc khởi nghĩa tháng Chạp 1905. Bài học của thời kỳ thứ hai của cách mạng Nga, năm 1906 và 1907, là: cuộc tấn công không ngừng của phe phản động và bước thoái lui của cách mạng — tức là những sự kiện đã xảy ra trong suốt thời kỳ đó — là điều tất nhiên khi mọi người đều tin tưởng vào hiến pháp và vào những hình thức đấu tranh gọi là lập hiến, là điều tất nhiên chừng nào mà giai cấp vô sản bị thất bại còn chưa lấy lại được sức và tập hợp lại được lực lượng để nổi dậy một cách hết sức đông đảo hơn nhằm tiến hành một cuộc tấn công cách mạng kiên quyết hơn và mạnh mẽ hơn nhằm lật đổ chính quyền Nga hoàng.

5. Chúng ta phải coi phong trào bãi công ở khu công nghiệp Mát-xơ-va đang mở rộng và bắt đầu lan đến các khu khác của nước Nga, là sự bảo đảm lớn nhất cho một cao trào cách mạng có thể có được trong một tương lai không xa. Vì thế, Đảng dân chủ - xã hội phải đem hết sức mình ra để không những ủng hộ và phát triển cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản, mà còn để đưa phong trào này hiện

mới chỉ mang tính chất thuần túy nghiệp đoàn thành một cao trào cách mạng rộng lớn, một cuộc đấu tranh trực tiếp của quần chúng công nhân chống lại lực lượng vũ trang của chính quyền Nga hoàng. Chỉ khi nào những cố gắng của Đảng dân chủ - xã hội theo hướng đó thu được thắng lợi, chỉ có trên cơ sở một phong trào cách mạng đã mang tính chất tấn công, thì mới có thể nghiêm túc đưa ra khẩu hiệu tẩy chay, kết hợp chặt chẽ với việc trực tiếp kêu gọi quần chúng vũ trang khởi nghĩa, lật đổ chính quyền Nga hoàng, thay thế chính quyền ấy bằng một chính phủ cách mạng lâm thời để có thể triệu tập một quốc hội lập hiến trên cơ sở đầu phiếu phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín.

*Viết tháng Bảy, trước 8
(21), 1907*

*In tháng Bảy 1907 thành
truyền đơn*

*Theo đúng bản in của tờ
truyền đơn*

**DỰ THẢO CÁC NGHỊ QUYẾT
CHO HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ -
XÃ HỘI NGA
("HỘI NGHỊ TOÀN NGA
LẦN THỨ HAI")²⁴**

Viết tháng Bảy 1907

*In lần đầu năm 1933 trong
Văn tập Lê-nin, t. XXV*

Theo đúng bản thảo

1

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ VẤN ĐỀ THAM GIA BẦU CỬ ĐU-MA NHÀ NƯỚC III

Nhận thấy rằng:

1) như kinh nghiệm cách mạng Nga đã chỉ rõ, chỉ trong điều kiện có một cao trào cách mạng rộng rãi, phổ biến và nhanh chóng, đang chuyển thành khởi nghĩa vũ trang, và chỉ trong điều kiện gắn liền với mục tiêu tư tưởng của cuộc đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến do việc chính quyền cũ triệu tập hội nghị đại biểu thứ nhất làm nảy sinh ra, — chỉ trong những điều kiện như thế thì tẩy chay tích cực mới là một sách lược đúng đắn của Đảng dân chủ - xã hội;

2) không có những điều kiện nói trên thì cho dù đã có tất cả mọi điều kiện khác của thời đại cách mạng, sách lược đúng đắn của Đảng dân chủ - xã hội cách mạng cũng đòi hỏi phải tham gia các cuộc bầu cử, giống như trước đây trong thời kỳ Đu-ma II vậy;

3) Đảng dân chủ - xã hội — người luôn luôn chỉ rõ thực chất kiểu phái tháng Mười của Đảng dân chủ - lập hiến và tính không vững chắc của luật bầu cử (11. XII. 1905) của Đảng dân chủ - lập hiến²⁵ dưới chế độ chuyên chế — không có lý do gì để thay đổi sách lược của mình nhân việc luật bầu cử của Đảng dân chủ - lập hiến bị thay thế bằng luật bầu cử của Đảng tháng Mười;

4) phong trào bãi công hiện đang phát triển ở Khu trung tâm công nghiệp nước Nga là sự bảo đảm mạnh nhất cho

một cao trào cách mạng có thể có được trong một tương lai gần đây, đồng thời phong trào đó cũng đòi hỏi phải tiến hành một công tác kiên trì nhằm biến phong trào hiện nay mới chỉ có tính chất nghiệp đoàn thành một phong trào chính trị và cách mạng trực tiếp gắn liền với khởi nghĩa vũ trang,

hội nghị quyết định :

a) tham gia bầu cử và tham gia Đu-ma III;

b) giải thích cho quần chúng hiểu rõ mối liên hệ giữa cuộc chính biến ngày 3. VI. 1907 với thất bại của cuộc khởi nghĩa tháng Chạp 1905 và với những sự phản bội của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa; đồng thời chứng minh rằng chỉ có đấu tranh công đoàn thôi thì không đủ, mà phải ra sức biến phong trào bãi công của công đoàn thành phong trào chính trị và thành cuộc đấu tranh cách mạng trực tiếp của quần chúng nhằm lật đổ chính phủ Nga hoàng bằng khởi nghĩa;

c) giải thích cho quần chúng hiểu rằng tự bản thân việc tẩy chay Đu-ma thì không đủ để đưa phong trào công nhân và cuộc đấu tranh cách mạng lên một giai đoạn cao hơn được, rằng chỉ trong điều kiện chúng ta thành công trong việc cố gắng làm cho cao trào công đoàn biến thành một cuộc tấn công có tính chất cách mạng, thì sách lược tẩy chay mới có thể là thích thời.

2

SƠ THẢO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN TOÀN ANH

Hội nghị cho rằng toàn thể đảng viên đều có nghĩa vụ phải ra sức thực hiện nghị quyết của Đại hội Luân-đôn về công đoàn, đồng thời phải tính đến toàn bộ các điều kiện địa phương trong khi kiến lập những mối liên hệ về mặt tổ chức giữa các công đoàn với Đảng dân chủ - xã hội, hoặc trong khi làm cho công đoàn thừa nhận sự lãnh đạo của đảng, và đồng thời trong bất kỳ điều kiện nào, cũng phải luôn luôn chú ý trước hết sao cho những người dân chủ - xã hội trong các công đoàn không phải chỉ biết thích ứng một cách thụ động với cương lĩnh "trung lập" mà các xu hướng dân chủ - tư sản đủ các màu sắc (những người dân chủ - lập hiến, phái tiến bộ không đảng phái²⁶, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, v. v.) rất ưa thích, mà còn phải kiên quyết bảo vệ toàn vẹn quan điểm của Đảng dân chủ - xã hội, kiên trì tác động làm cho công đoàn thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng dân chủ - xã hội về mặt tư tưởng và kiên trì kiến lập những quan hệ thực tế và thường xuyên về tổ chức giữa đảng và công đoàn.

BÚT KÝ CỦA MỘT NHÀ CHÍNH LUẬN

Sau khi Đu-ma II bị giải tán, trong giới viết văn chính luận đã xuất hiện phổ biến một tâm trạng buồn nản, hối hận, phản bội. Kể từ ông Xơ-ru-vê cho đến báo "Đồng chí", rồi sau hết đến nhiều nhà văn gần Đảng dân chủ - xã hội, chúng ta đều thấy họ rời bỏ cách mạng, rời bỏ những truyền thống của cách mạng, rời bỏ những phương pháp đấu tranh cách mạng, và có xu hướng dùng cách này hay cách khác để ngả sang hữu hơn. Để nhận định rõ hiện nay một số người dân chủ - xã hội đang nói và viết như thế nào, chúng ta có thể lấy bất kỳ bài nào của họ đăng trên báo chí hiện nay: bài của ông Nê-vê-đôm-xki trên tạp chí "Học vấn"²⁷, số 7 và bài của ông V. Goóc-nơ trên báo "Đồng chí", số 348.

Mở đầu bài báo, ông M. Nê-vê-đôm-xki đã phê bình hết sức gay gắt phái dân chủ - lập hiến trong Đu-ma II, và ủng hộ hết sức kiên quyết sách lược nhằm thiết lập khối khuynh tả và thái độ của những người dân chủ - xã hội. Nhưng ông ta lại kết thúc bài báo như sau:

"Căn cứ vào những điều nhận thấy được, tôi có thể nói rằng mỗi người dân chủ - xã hội đều phải thấy rõ một điều là: trong giai đoạn mà hiện nay chúng ta đang trải qua của quá trình phát triển chính trị thì hoạt động của các đảng xã hội chủ nghĩa rút cục chỉ mở đường cho các chính đảng tư sản, chỉ chuẩn bị cho thắng lợi tạm thời của những đảng ấy.

Do đó mà có thể khẳng định như sau: dù cho Đảng dân chủ - lập hiến "hay biến đổi màu sắc" đó có biểu hiện dưới dạng như thế nào đi

nữa ("lúc thì là người tóc nâu, lúc là người tóc vàng hoe") thì chúng ta vẫn buộc phải làm cho hoạt động của những người xã hội chủ nghĩa thích ứng với hoạt động của nó, chừng nào nó vẫn là đảng đối lập duy nhất. Đó là đòi hỏi của nguyên lý tiết kiệm lực lượng"... "Tóm lại, đây là nói không hề giễu cợt chút nào" (ông M. Nê-vê-đôm-xki đã phải rào đón như thế, vì ông ta không thể viết không quanh co và không kiểu cách văn hoa, điều chỉ làm cho người đọc và cả người viết đều bối rối), "câu nói đó của Mi-li-u-cốp đã vạch rõ một cách hoàn toàn đúng đắn bản chất của những mối quan hệ giữa các chính đảng" (đây là nói về câu sau đây của Mi-li-u-cốp: "sự đe dọa có sự can thiệp của nhân dân chỉ có thể thực hiện được khi nào sự can thiệp đó đã được chuẩn bị trước, cho nên tất cả những ai cho rằng Đu-ma không có đủ quyền lực để hoàn thành những nhiệm vụ to lớn của nó, thì đều phải hướng sức lực của mình vào chính việc chuẩn bị đó"; nói một cách khác là phải tả hãy chuẩn bị và tạo ra một phong trào đi - điểm này thì ông Nê-vê-đôm-xki đã giải thích đúng, - "còn các ngài trong Đảng dân chủ - lập hiến và Đu-ma cũng sẽ tính đến công tác ấy")... "Có thể, câu đó không phải là không vô liêm sỉ, khi nó được thốt ra từ cửa miệng của một đại biểu của cái đảng "sẽ tính đến công tác ấy", nhưng khi mà chính Plê-kha-nốp chẳng hạn, đặt vấn đề như thế thì đó lại là đã quy định một cách chính xác, một cách thực tế, phương châm hành động của Đảng dân chủ - xã hội và phương pháp mà đảng này lợi dụng lực lượng của phái đối lập tự do chủ nghĩa".

Chúng ta có thể cho rằng nếu như các nhân vật như thế đến thân mật vỗ vai Plê-kha-nốp thì Plê-kha-nốp có lẽ cảm thấy... hơi lúng túng — đây là không muốn nói cho nặng lên. Nhưng do chính ngay những khẩu hiệu kiểu dân chủ - lập hiến của mình, — đại loại như cương lĩnh chung của Đảng dân chủ - xã hội và phái dân chủ - lập hiến, hoặc là việc ủng hộ Đu-ma, — rõ ràng là Plê-kha-nốp đã trao cho họ cái quyền dùng những lời của mình theo cách đó.

Và bây giờ ta hãy nghe ông V. Goóc-nơ nói.

"Rõ ràng là muốn thắng được nó" (tức là khối liên minh phản dân chủ của bọn địa chủ và tư sản lớn do luật bầu cử ngày 3 tháng Sáu sản sinh ra) thì cần phải có hai điều kiện. Một là, tất cả mọi tầng lớp dân chủ, kể cả giai cấp vô sản, phải hành động nhất trí để đối lập khối liên minh này với khối liên minh kia, và hai là, những tầng lớp ấy phải tiến hành đấu tranh không phải bằng cách nặn ra những khẩu hiệu kiên

quyết nhất nhằm gạt bỏ những phần tử thiếu tinh thần cách mạng và thúc đẩy một phong trào gồm những người cách mạng rõ ràng là thiểu số (do ông Goóc-nơ gạch dưới), mà là bằng một cuộc đấu tranh thực tế và cụ thể, thu hút được bản thân quần chúng, chống những biện pháp cũng cụ thể của khối liên minh phản dân chủ. Muốn thành lập được khối liên minh dân chủ, không cần phải hợp nhất, mà chỉ cần thỏa thuận với nhau về phương pháp và mục đích trực tiếp của cuộc đấu tranh thôi. Mà sự thỏa thuận kiểu đó là điều hoàn toàn có thể thực hiện được, nếu như những đại biểu tự giác của quần chúng, tức các chính đảng, muốn thay đổi một cách thực tế điều kiện tồn tại xã hội, chứ không phải chỉ cổ động".

Qua hai đoạn trích dẫn này, há chẳng đã rõ ràng là hai vị anh hùng của chúng ta chuyên dùng những câu hoa mỹ đang thịnh hành của phái dân chủ - lập hiến, thực ra đang nói những điều giống nhau đó sao? Có điều là ông Goóc-nơ hơi thẳng thắn hơn một chút, lộ liễu hơn một chút, nhưng sự khác nhau giữa ông ta và ông Nê-vê-đôm-xki thì tuyệt nhiên không phải là lớn hơn sự khác nhau giữa ông Xtơ-ru-vê và ông Na-bô-cốp hay ông Ma-cla-cốp.

Chính trị cũng có cái lô-gích nội tại của nó. Chúng ta đã nhiều lần nêu rõ rằng giữa những người dân chủ - xã hội và phái tự do có thể có sự thỏa thuận về kỹ thuật, song tuyệt nhiên không hề dẫn đến cái khối liên minh chính trị mà toàn thể các đảng viên dân chủ - xã hội không bao giờ tán thành (ở đây chúng tôi không nói về những người dân chủ - xã hội ngoài đảng, cũng không nói về những đảng viên chơi cái trò hai mặt: trong đảng nói một đằng, trên báo chí "tự do" không đảng phái lại nói một nẻo). Nhưng cuộc sống đã không ngừng đập tan những luận điệu đẹp đẽ và những ước mong tốt lành đó, vì dưới cái chiêu bài thỏa thuận "về kỹ thuật" thì những tư tưởng về khối liên minh chính trị nhất định sẽ lộ ra. Trong một nước tiểu tư sản, trong thời kỳ cách mạng tư sản, do trong đảng công nhân, thành phần trí thức tiểu tư sản quá nhiều nên cái xu hướng làm cho giai cấp vô sản phải phục tùng về chính

trị đối với phái tự do như thế cũng có những nguồn gốc thực tế. Và cái xu hướng đó, bắt nguồn từ tình hình khách quan, cũng là nội dung thực tế của mọi thứ chính trị nhằm nhĩa giá danh xã hội chủ nghĩa về vấn đề liên minh với bọn dân chủ - lập hiến. Ông Goóc-nơ, với cái vẻ ngây thơ của anh trí thức mà chỉ có lời nói là dân chủ - xã hội còn toàn bộ ý nghĩa, toàn bộ cái tư tưởng sâu kín, toàn bộ cái "nội tâm" lại thuần túy là tự do chủ nghĩa hoặc tiểu tư sản, ông Goóc-nơ đang tuyên truyền cái khối liên minh chính trị thật sự, cái "liên minh dân chủ", không hơn không kém.

Điều hết sức có ý nghĩa là ông Goóc-nơ đã buộc phải rào đón trước: "không cần phải hợp nhất"! Rào đón trước như thế, ông ta chỉ để lộ rõ ra rằng cái chút lương tâm xã hội chủ nghĩa còn lại của ông ta đã bị hoen ố. Bởi vì khi nói "không cần phải hợp nhất, mà chỉ cần thỏa thuận với nhau", thì như thế là ông đã nói rõ về "sự thỏa thuận" đó, đã định rõ nội dung của "sự thỏa thuận" đó, cái nội dung nó minh họa hết sức rõ ràng việc ông đã phản bội những tư tưởng dân chủ - xã hội. Thực ra, vấn đề không phải ở chữ nghĩa, không phải ở những tiếng "hợp nhất" hoặc "thỏa thuận". Vấn đề là ở chỗ nội dung thực tế của "sự kết hợp" đó là gì. Vấn đề là ở chỗ ông sẽ đem Đảng công nhân dân chủ - xã hội bán làm vợ bé cho phái tự do với cái giá là bao nhiêu.

Cái giá đó đã được quy định rõ ràng.

- 1) Từ bỏ quan điểm về công tác cổ động.
- 2) Thôi không "nặng ra" những khẩu hiệu kiên quyết nữa.
- 3) Không gạt bỏ những phần tử thiếu tinh thần cách mạng nữa.
- 4) Thôi không "thúc" một phong trào gồm những người cách mạng rõ ràng là thiểu số.

Tôi sẵn sàng trao phần thưởng cho những ai có thể thảo ra được một cương lĩnh rõ ràng hơn và chính xác hơn thế về hành động phản bội toàn vẹn nhất và đê tiện nhất. Chỗ khác nhau giữa ông Goóc-nơ và ông Xtơ-ru-vê chỉ là ở chỗ

ông Xơ-ru-vê thấy rõ con đường đi của mình, và trên một mức độ nhất định, ông ta "tự mình" quyết định lấy những bước đi của mình. Còn ông Goóc-nơ thì chỉ chịu sự chi phối của người nuôi dạy ông ta, là Đảng dân chủ - lập hiến mà thôi.

— Từ bỏ quan điểm về công tác cổ động — đó là điều mà những người dân chủ - lập hiến trong Đu-ma II luôn luôn khuyên bảo nhân dân. Câu đó có nghĩa là thôi không nâng cao ý thức và tinh thần đưa ra yêu sách của quần chúng công nhân và nông dân, là hạ thấp, bóp nghẹt, dập tắt cả hai cái đó, là tuyên truyền hòa bình xã hội.

— Thôi không nặn ra những khẩu hiệu kiên quyết nữa, — như thế có nghĩa là phải từ bỏ, như những người dân chủ - lập hiến đã làm, không tuyên truyền những khẩu hiệu mà những người dân chủ - xã hội đã đưa ra từ lâu trước cách mạng.

— Không gạt bỏ những phần tử thiếu tinh thần cách mạng, — như thế có nghĩa là, trước quần chúng không nên phê phán, bất kỳ bằng cách nào, những sự giả nhân giả nghĩa, lừa dối và tính chất phản động của bọn dân chủ - lập hiến, có nghĩa là ôm hôn ngài Xơ-ru-vê.

— Không thúc một phong trào gồm những người cách mạng rõ ràng là thiểu số, — điều đó thực ra có nghĩa là rút bỏ những biện pháp đấu tranh cách mạng. Vì hoàn toàn không thể chối cãi được rằng *những người cách mạng rõ ràng là thiểu số* đã từng tham gia các cuộc đấu tranh cách mạng trong suốt năm 1905: chính là vì quần chúng tuy có tham gia đấu tranh, nhưng rút cục họ chỉ là thiểu số, cho nên trong cuộc đấu tranh, họ đã không giành được thắng lợi hoàn toàn. Tuy vậy, tất cả những thắng lợi mà nói chung phong trào giải phóng ở Nga đã giành được và tất cả những cái mà phong trào đó nói chung đã làm được thì *hoàn toàn và không có ngoại lệ*, đều là do những quần chúng, trước đây là thiểu số, giành được *chỉ* bằng cuộc đấu tranh ấy.

Đó là điểm thứ nhất. Và hai nữa, cái mà phái tự do và bọn theo đuôi chúng gọi là "phong trào bị thúc" — thì đó chính là phong trào *duy nhất*, trong đó quần chúng (mặc dù là lần đầu tiên và đáng tiếc chỉ là thiểu số) đã tham gia trực tiếp chứ không phải thông qua những người thay mặt mình, là một phong trào duy nhất *đã không sợ* nhân dân, mà còn đại biểu cho lợi ích của quần chúng, được sự đồng tình của đông đảo quần chúng không tham gia trực tiếp đấu tranh cách mạng (bằng chứng là cuộc bầu cử Đu-ma I và đặc biệt là Đu-ma II).

Nói "thúc một phong trào gồm những người cách mạng rõ ràng là thiểu số", như thế là ông Goóc-nơ đã làm một việc thường thấy nhất, tức là xuyên tạc sự thật thuần túy theo kiểu Bu-rê-nin. Trong thời kỳ Đu-ma II, mỗi khi tờ báo của Bu-rê-nin²⁸ tranh luận với A-lếch-xin-xki thì nó đều luôn luôn trình bày sự việc như thể là sở dĩ nó ghét A-lếch-xin-xki không phải vì A-lếch-xin-xki đấu tranh cho tự do chính trị mà vì A-lếch-xin-xki muốn tự do... đập cửa kính, trèo cột đèn, v. v.. Hiện nay, nhà chính luận của báo "Đồng chí" chính cũng đang học đòi bọn Trăm đen. Anh ta ra sức trình bày sự việc như thể là cái làm trở ngại sự thỏa thuận giữa những người xã hội chủ nghĩa và phái tự do tuyệt nhiên không phải vì những người xã hội chủ nghĩa đã luôn luôn chủ trương và sẽ chủ trương nâng cao ý thức cách mạng và tích cực cách mạng của quần chúng nói chung, mà chỉ là vì những người xã hội chủ nghĩa đang muốn *thúc*, nghĩa là kích thích, uốn phong trào một cách giả tạo, vì họ đang tìm cách nhen lên những phong trào *rõ ràng* là không có hy vọng thành công.

Đối với những luận điệu hồ đồ ấy, chúng tôi xin trả lời ngắn gọn. Trong thời kỳ Đu-ma I cũng như trong thời kỳ Đu-ma II, toàn bộ báo chí xã hội chủ nghĩa, không kể là men-sê-vích hay bôn-sê-vích, đều lên án bất kỳ "sự thúc đẩy" nào đối với phong trào... Bọn dân chủ - lập hiến đã

chống lại những người dân chủ - xã hội cả trong Đu-ma I lẫn trong Đu-ma II không phải vì những người dân chủ - xã hội thúc phong trào mà là vì họ ra sức *nâng cao* ý thức cách mạng và tinh thần đưa ra yêu sách của quần chúng, vì họ *vạch trần* tính chất phản động của bọn dân chủ - lập hiến và ảo ảnh của những ảo tưởng lập hiến. Không có một thủ thuật nào trên báo chí có thể lẩn tránh được những sự thật lịch sử mà mọi người đều biết ấy. Còn như nói đến phương thức hành động của ông Goóc-nơ, thì đó là một phương thức hết sức điển hình của thời đại chúng ta, thời đại trong đó chúng ta thấy cái "xã hội có học thức" đã từ bỏ cách mạng để bám lấy những sách báo khiêu dâm. Một nhân vật tự nhận là dân chủ - xã hội nhưng lại đi với một tờ báo không đảng phái để dùng những lời lẽ kiểu tờ "Thời mới" mà nói với đông đảo công chúng về việc chính đảng công nhân đã "thúc" một phong trào gồm những người "rõ ràng" là thiếu số! Ở nước ta, cái tâm trạng phản bội đã sản sinh ra những lễ thói phản bội.

* *
*

Bây giờ chúng ta lại xét vấn đề trên một mặt khác. Những quan điểm của các ông Nê-vê-đôm-xki và Goóc-nơ, — những quan điểm đã làm cho người ta ghê tởm khi thấy những quan điểm đó là do những người tuồng như là dân chủ - xã hội phát biểu, — hiển nhiên là những quan điểm hết sức điển hình và tự nhiên của cái giới trí thức tư sản đông đảo ở nước ta, của cái "xã hội" có khuynh hướng tự do chủ nghĩa, của bọn viên chức bất mãn, v. v.. Coi những quan điểm ấy chỉ là những biểu hiện của giai cấp tiểu tư sản nhu nhược về chính trị, ủy mị, do dự thì không đủ để giải thích vấn đề. Còn phải căn cứ vào tình hình hiện nay trong sự phát triển của cách mạng ở nước ta mà giải thích những quan điểm ấy.

Tại sao, chính vào lúc này, trước khi triệu tập Đu-ma III, lại là lúc mà người ta thấy trong một số giới tiểu thị dân nhất định, có những quan điểm như vậy? Bởi vì những giới đó — thường ngoan ngoãn thay đổi quan điểm của mình theo mỗi sự thay đổi trong chính sách của chính phủ — tin vào Đu-ma của Đảng tháng Mười, nghĩa là cho rằng Đu-ma này có thể làm tròn được sứ mệnh của nó; và những giới đó vội vàng thích nghi ngay với những "cải cách của Đảng tháng Mười" vội vàng tìm ra một cơ sở tư tưởng và một sự biện hộ về mặt tư tưởng cho việc họ thích ứng với Đảng tháng Mười.

Sứ mệnh của Đu-ma của Đảng tháng Mười, theo dự tính của chính phủ, là kết thúc cuộc cách mạng bằng việc câu kết trực tiếp của chính quyền cũ với bọn địa chủ và giới tư sản lớn nhất trên cơ sở đưa ra những cải cách lập hiến tối thiểu nào đó. Nói một cách trừu tượng, điều đó cũng không phải là tuyệt đối không có thể xảy ra, vì ở Tây Âu, có nhiều cuộc cách mạng tư sản cũng đã kết thúc bằng sự củng cố chế độ lập hiến "kiểu Đảng tháng Mười". Vấn đề chỉ là ở chỗ xem ở nước Nga hiện nay, có thể tiến hành những "cải cách" kiểu Đảng tháng Mười có khả năng ngăn chặn cách mạng hay không? Do tính sâu rộng của cách mạng ở nước ta, những "cải cách" kiểu Đảng tháng Mười liệu sẽ có bị phá sản, như những "cải cách" kiểu dân chủ - lập hiến, hay không? Liệu Đu-ma của Đảng tháng Mười có phải là một giai đoạn ngăn ngui, cũng như giai đoạn của những Đu-ma của bọn dân chủ - lập hiến, một giai đoạn trên con đường tiến tới khôi phục ách thống trị của bọn Trăm đen và của chính thể chuyên chế không?

Chúng ta đã trải qua thời kỳ quần chúng trực tiếp đấu tranh cách mạng (1905) và giành được một số quyền tự do. Về sau, chúng ta đã trải qua thời kỳ cuộc đấu tranh đó ngừng lại (1906, nửa đầu năm 1907). Trong thời kỳ này, bọn phản động đã giành được hàng loạt thắng lợi, còn cách mạng thì

đã không thu được một thắng lợi nào mà lại mất những thành quả giành được trong thời kỳ đầu. Thời kỳ thứ hai là thời kỳ của Đảng dân chủ - lập hiến, thời kỳ những ảo tưởng lập hiến. Quần chúng vẫn còn ít nhiều tin vào "chế độ nghị viện" dưới chính thể chuyên chế, còn chính thể chuyên chế thì hiểu rõ mối nguy mà sự thống trị thuần túy của bọn Trăm đen mang lại, nên cố gắng thỏa thuận với những người dân chủ - lập hiến, đồng thời đã thí nghiệm, *thử ướm* các kiểu áo lập hiến khác nhau, thử xem mức độ nào của cải cách có thể được bọn "chủ nhân" nước Nga, tức là bọn địa chủ lớn, chấp nhận. Nhưng cuộc thí nghiệm hiến pháp dân chủ - lập hiến bị thất bại, tuy những người dân chủ - lập hiến trong Đu-ma II đã hành động hoàn toàn giống phái thánng Mười: không những họ không công kích chính phủ, không khích động quần chúng phản đối chính phủ, mà trái lại họ thường xuyên tìm cách làm cho quần chúng yên tâm, tìm cách chống lại "phái tả", tức là chống lại những chính đảng của giai cấp vô sản và nông dân, công khai và kiên quyết ủng hộ chính phủ hiện nay (dự toán ngân sách, v. v.). Nói tóm lại là nếu cuộc thí nghiệm hiến pháp dân chủ - lập hiến không thành công thì không phải vì những người dân chủ - lập hiến hoặc chính phủ không có ý muốn tốt lành, mà vì những mâu thuẫn khách quan của cách mạng Nga đã *quá sâu sắc*. Những mâu thuẫn đó *tỏ ra* sâu đến mức khiến cho cái nhịp cầu dân chủ - lập hiến nhỏ bé không bắc qua được vực thẳm. Kinh nghiệm chúng tỏ rằng ngay cả khi cuộc đấu tranh của quần chúng bị đàn áp hoàn toàn trong một thời gian, ngay cả khi chính quyền cũ đã có những hành động độc đoán trở trên để gian lận trong các cuộc bầu cử, v. v., quần chúng nông dân (mà thành bại của cách mạng tư sản thì chủ yếu là do nông dân quyết định) vẫn đưa ra những yêu cầu mà *không* có tài ngoại giao nào của bọn dân chủ - lập hiến đứng làm trung gian *có thể* làm cho thích ứng với quyền thống trị của bọn địa chủ có đặc quyền. Nếu hiện nay

ông Xơ-ru-vê hăm hăm công kích phái lao động²⁹ (đấy là chưa kể những người dân chủ - xã hội), nếu báo "*Ngôn luận*"³⁰ đã tiến hành cả một cuộc vận động chống lại phái lao động, thì đó không phải là ngẫu nhiên, cũng không phải chỉ là sự bực mình đơn thuần của một nhà biện hộ của giai cấp tư sản vì công lao của nó đã bị người mu-gích bác bỏ. Đó là một bước chính trị tất nhiên trên con đường biến đổi của những người dân chủ - lập hiến: không thành công trong việc hòa giải địa chủ với phái lao động, — *vậy thì* (những người trí thức tư sản *chủ* có thể đi đến cái kết luận duy nhất này) không nên phát động quần chúng rộng rãi hơn nữa để đấu tranh chống địa chủ, mà nên *hạ thấp* những yêu cầu của phái lao động, *nhượng bộ hơn nữa* bọn địa chủ, "vứt bỏ những ảo tưởng cách mạng", như Xơ-ru-vê và báo "*Ngôn luận*" đã nói, hoặc từ bỏ không nặn ra những khẩu hiệu kiên quyết và thúc phong trào, như tên đầy tớ mới của bọn dân chủ - lập hiến là ông Goóc-nơ đã nói.

Chính phủ *thích ứng* với địa chủ, bằng cách đem việc bầu cử giao phó hoàn toàn cho địa chủ và thực tế tước đoạt quyền bầu cử của nông dân. Phái dân chủ - lập hiến thích ứng với địa chủ bằng cách công kích phái lao động vì đã có tinh thần cách mạng và không nhượng bộ. Những chính khách không đảng phái, như những cộng tác viên của báo "*Đồng chí*" nói chung và đặc biệt như ông Goóc-nơ, thích ứng với địa chủ bằng cách kêu gọi giai cấp vô sản và nông dân hãy làm cho chính sách của mình "phù hợp" (ông Nê-vê-đôm-xki thì nói là "phối hợp") với chính sách của phái dân chủ - lập hiến, hãy cùng với những người dân chủ - lập hiến tham gia trong một "liên minh dân chủ" hãy vứt bỏ "những khẩu hiệu kiên quyết", vân vân và vân vân.

Hành động của chính phủ thì có hệ thống. Từng bước một, chính phủ cướp lại những cái mà "phong trào bị thúc đẩy" đã giành được và những cái không bảo vệ được trong thời kỳ tạm lắng của phong trào đó. Từng bước một, chính

phủ thí nghiệm những "cải cách" nào vừa ý bọn địa chủ. Những người dân chủ - lập hiến không làm được như vậy ư? Không làm được như thế là do phái tả cản trở, bất chấp nguyện vọng tha thiết và những cố gắng của bản thân những người dân chủ - lập hiến ư? Như vậy thì phải cắt bớt quyền bầu cử của "phái tả" đi và đem quyền quyết định giao cho phái thàng Mười: chỉ khi nào mà *cuộc thí nghiệm mới đó cũng* thất bại thì mới phải giao tất cả quyền bính cho "Hội đồng liên hiệp quý tộc"³¹.

Hành động của chính phủ là có dụng ý, có hệ thống, có lô-gích. Đó là lô-gích của những lợi ích giai cấp của địa chủ. Phải bảo vệ những lợi ích đó, và dù sao cũng phải bảo vệ sự phát triển tư sản của nước Nga.

Để thực hiện những kế hoạch đó, chính phủ phải *dùng bạo lực* để đè nén những lợi ích và phong trào của quần chúng, tước đoạt quyền bầu cử của họ, giao họ cho 130 nghìn người xấu xí. Kế hoạch đó sẽ thực hiện được không? - vấn đề đó hiện nay không ai giải quyết được. Chỉ có *cuộc đấu tranh* mới giải quyết được thôi.

Chúng ta, những người dân chủ - xã hội, chúng ta giải quyết vấn đề đó bằng cuộc đấu tranh của chúng ta. Còn những người dân chủ - lập hiến thì giải quyết vấn đề đó bằng cách *đấu tranh... chống phái tả*. Đảng dân chủ - lập hiến đấu tranh cho cách giải quyết vấn đề của chính phủ: họ đã từng làm việc đó một cách có hệ thống trong Đu-ma II trên diễn đàn nghị viện. Ngay cả hiện nay họ vẫn làm việc đó một cách có hệ thống bằng cuộc đấu tranh tư tưởng của họ chống những người dân chủ - xã hội và phái lao động.

Dĩ nhiên là ở nước Nga, đối với người trí thức bình thường, cũng như đối với bất kỳ một anh tiểu thị dân nào có đôi chút học thức thì điều đó là một điều kỳ quặc: những người dân chủ - lập hiến tự xưng là người dân chủ và đọc những bài diễn văn tự do chủ nghĩa nhưng lại đấu tranh cho cách giải quyết vấn đề của chính phủ! Rõ ràng

đó là một điều vô lý! Họ là những người dân chủ, vậy thì hãy xếp họ vào "liên minh dân chủ"! Đó là một kết luận đã rõ ràng đối với những kẻ ngờ nghệch về chính trị, những kẻ mà thậm chí hai năm cách mạng Nga cũng không dạy họ tìm ra được trong *cuộc đấu tranh giữa các giai cấp* căn cứ thật sự của những biện pháp của chính phủ lẫn của cái suối những lời lẽ tự do chủ nghĩa. Và ở nước ta có biết bao nhiêu những người "mác-xít" từ trí thức mà ra, ngoài miệng thì họ hô hào nguyên tắc đấu tranh giai cấp, nhưng thực tế lại bàn luận hoàn toàn theo kiểu phái tự do về những người dân chủ - lập hiến, về vai trò của Đu-ma và cả về tẩy chay nữa! Và những người dân chủ - lập hiến sẽ còn phải bao nhiêu lần bỏ phiếu dự toán ngân sách mới có thể làm cho những kẻ ngờ nghệch về chính trị ấy hiểu được một hiện tượng từ lâu đã rất quen thuộc với châu Âu: người thuộc phái tự do phát biểu thì chống lại chính phủ, nhưng trong bất kỳ vấn đề quan trọng nào cũng đều ủng hộ chính phủ.

Đu-ma III thay thế Đu-ma II, tức là người thuộc Đảng thàng Mười hành động với sự giúp đỡ của người dân chủ - lập hiến đã thay thế người dân chủ - lập hiến hành động theo kiểu phái thàng Mười. Chiếm ưu thế trong Đu-ma II là đảng của những người trí thức tư sản, tức là những kẻ tự xưng là dân chủ để lừa dối nhân dân, đồng thời lại ủng hộ chính phủ để làm vừa lòng giai cấp tư sản. Chiếm ưu thế trong Đu-ma III phải là đảng của bọn địa chủ và bọn tư sản lớn, bọn này đã thuê mượn giới trí thức tư sản để bề ngoài thì đóng vai trò phái đối lập, nhưng thực tế thì lại giúp việc cho nó. Cái sự thật đơn giản đó đã được xác nhận qua toàn bộ hành vi chính trị của Đảng dân chủ - lập hiến và đặc biệt là của Đu-ma II. Cái sự thật đơn giản ấy, hiện nay, ngay cả người tầm thường cũng bắt đầu hiểu được: như ông Gin-kin chẳng hạn, cái ông mà nếu nghi là có cảm tình với chủ nghĩa bôn-sê-vích hoặc có thâm thù từ trước và

không thỏa hiệp với những người dân chủ - lập hiến thì thật đáng buồn cười.

Trên báo "Đồng chí" hôm nay (số 351), ông Gin-kin đã thuật lại ấn tượng của người dân địa phương có "tinh thần sáng khoái" (sic!)¹⁾ ông Gin-kin hiểu "tinh thần sáng khoái" đại khái cũng không khác ông Goóc-nơ hoặc ông Nê-vê-đôm-xki mấy):

"Những địa chủ trong phái thán Mươi mà tôi có dịp trao đổi với họ, đều lập luận như thế này: "có thể bầu những người dân chủ - lập hiến. Họ tốt ở chỗ nào? Họ chịu nhượng bộ. Trong Đu-ma I, họ yêu cầu rất nhiều. Trong Đu-ma II, họ đã nhượng bộ. Thậm chí trong cương lĩnh của họ, họ cũng cắt bớt đi. Thế là trong Đu-ma III, họ sẽ nhượng bộ thêm nữa. Rồi cũng có thể ngã giá được. Và nói cho thật đúng ra thì chúng ta không có một ứng cử viên nào thuộc phái thán Mươi để có thể đưa ra được.

...Thì cứ để cho những người dân chủ - lập hiến được bầu đi. Giữa họ với chúng ta cũng không khác gì nhau lắm. Trong Đu-ma III, cả họ nữa cũng sẽ ngã về phía hữu.... Chúng ta sống thân thiện với những người thán Mươi là do sự cần thiết mà thôi... Nhưng những diễn giả của họ hoặc những nhân vật lớn của họ thì ở đâu?"

Ái dựa vào những tên gọi, những cương lĩnh, những lời hứa và những diễn văn của các chính đảng để xét các chính đảng ấy, hoặc ai thỏa mãn với thứ "chủ nghĩa Mác" đã bị Béc-stanh hóa một cách thô kệch và chỉ nhắc đi nhắc lại cái chân lý chung chung về việc ủng hộ phái dân chủ tư sản trong cuộc cách mạng tư sản, thì người đó mới có thể trông mong vào khối liên minh dân chủ giữa phái tả và những người dân chủ - lập hiến trong Đu-ma III. Nhưng ai còn có một chút ít nhạy cảm cách mạng, còn suy nghĩ một chút về những bài học của cuộc cách mạng ở nước ta, hoặc ai thực sự đứng trên nguyên tắc đấu tranh giai cấp và nhận xét chính đảng căn cứ vào tính chất giai cấp của các chính đảng đó thì người ấy sẽ hoàn toàn không ngạc nhiên thấy

1) – như thế đấy!

rằng chính đảng của những người trí thức tư sản chỉ có thể làm tôi tớ cho đảng của bọn tư sản lớn mà thôi. Mặc cho các ông Goóc-nơ và Nê-vê-đôm-xki nghĩ rằng sự bất đồng giữa những người dân chủ - lập hiến với phái dân chủ chỉ là một ngoại lệ, còn sự bất đồng của những người dân chủ - lập hiến với phái thán Mươi là một quy luật. Sự thực lại ngược hẳn lại. Những người dân chủ - lập hiến, theo tất cả bản tính giai cấp của họ, là bà con thật sự với phái thán Mươi. Chủ nghĩa dân chủ của Đảng dân chủ - lập hiến là một nước sơn, là sự phản ánh tạm thời chủ nghĩa dân chủ của quần chúng, hoặc là một sự lừa bịp hoàn toàn, mà những phân tử Béc-stanh và tiểu tư sản ở Nga, đặc biệt là những người trong báo "Đồng chí", say đắm.

Cho nên, nếu xem xét như vậy vấn đề chúng ta đang quan tâm, nếu hiểu được vai trò lịch sử thật sự của người dân chủ - lập hiến — tên trí thức tư sản đó đang giúp cho địa chủ dùng những cái cách nhỏ bé đến thảm hại để thỏa mãn người mu-gích, — thì sẽ thấy tất cả sự khôn ngoan hết mực của các ông Goóc-nơ và ông Nê-vê-đôm-xki khi họ khuyên giai cấp vô sản *phối hợp* hành động của mình với những người dân chủ - lập hiến! Bức tranh "những cái cách" kiểu phái thán Mươi mà người ta hứa với chúng ta, thật là hoàn toàn rõ ràng. Địa chủ "sẽ làm hài lòng" người mu-gích và làm "hài lòng" đến nỗi nếu không dùng tới những đội quân trừng phạt, không đánh đập nông dân và không bắn công nhân, thì sẽ không thể buộc dân cư tiếp nhận những cái cách được. Ngài giáo sư dân chủ - lập hiến tạo ra hành động đối lập: ngài đứng trên quan điểm khoa học hiện đại về luật, chứng minh rằng cần phải quy định, bằng con đường hiến pháp, những quy tắc về những đội quân trừng phạt, đồng thời lên án những hành động quá nhiệt tâm của cảnh sát. Ngài luật sư dân chủ - lập hiến cố hành động đối lập: ngài chứng minh rằng căn cứ theo pháp luật thì chỉ đánh 60 gậy chứ không phải 200 gậy, và cần phải cấp kinh phí cho chính

phủ mua gậy, sau khi đã quy định điều kiện về việc tuân theo pháp luật. Người thầy thuốc dân chủ - lập hiến thì sẵn sàng bắt mạch cho người bị đánh và nghiên cứu về sự cần thiết phải giảm số lượng đòn đánh bằng gậy cao nhất xuống một nửa.

Chẳng lẽ sự đối lập của phái dân chủ - lập hiến trong Đu-ma II không phải là kiểu như thế ư? Và há chẳng phải rõ ràng là để có sự đối lập như thế thì anh địa chủ phái thán Mười không những sẽ chỉ bầu người dân chủ - lập hiến vào Đu-ma mà còn sẵn sàng đồng ý trả cho người dân chủ - lập hiến một số tiền lương ở cấp giáo sư hoặc đại loại như thế, đó sao?

Cái khối liên minh dân chủ giữa những người xã hội chủ nghĩa và những người dân chủ - lập hiến trong Đu-ma II, sau Đu-ma II, hay như hiện nay trong Đu-ma III, do những điều kiện khách quan, sẽ thực tế dẫn đến chỗ biến đảng công nhân thành vật phụ thuộc mù quáng và thảm thương của phái tự do, đến chỗ những người xã hội chủ nghĩa hoàn toàn phản bội lợi ích của giai cấp vô sản và lợi ích của cách mạng. Rất có thể là các ông Nê-vê-đôm-xki và Goóc-nơ cũng không hiểu mình đang làm gì nữa. Quan điểm của những người đó thường chỉ ở đầu lưỡi mà thôi. Thực ra thì sự cố gắng của họ chung quy lại là muốn loại bỏ chính đảng độc lập của giai cấp công nhân, loại bỏ Đảng dân chủ - xã hội. Đảng dân chủ - xã hội mà hiểu rõ nhiệm vụ của mình thì phải đoạn tuyệt với các ông ấy. Đáng tiếc là cho đến nay, ở nước ta, người ta chỉ hiểu phạm trù cách mạng tư sản một cách rất phiến diện. Chẳng hạn, người ta không chú ý rằng cuộc cách mạng đó phải vạch ra cho giai cấp vô sản thấy — và lại, chỉ có cuộc cách mạng ấy mới có thể lần đầu tiên vạch ra cho giai cấp vô sản thấy — rằng giai cấp tư sản ở một nước *nhất định, trên thực tế* là như thế nào, những đặc điểm *dân tộc* của giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản trong một cuộc cách mạng tư sản *dân tộc* nhất

định là như thế nào. Giai cấp vô sản chỉ có thể chuyển một cách thực sự, dứt khoát và rộng rãi thành một giai cấp độc lập, đứng đối lập với tất cả các đảng tư sản, khi mà lịch sử của đất nước *mình* chỉ rõ cho giai cấp ấy thấy *toàn bộ bộ mặt* của giai cấp tư sản với tính cách là một giai cấp, là một chính thể chính trị, — toàn bộ bộ mặt của tầng lớp tiểu thị dân, với tính cách là một tầng lớp, là một lực lượng chính trị và tư tưởng nhất định, biểu hiện ra trong những hành động chính trị công khai và rộng lớn nào đó. Chúng ta phải không ngừng giải thích để cho giai cấp vô sản có được những quan niệm lý luận chính xác về thực chất của những lợi ích giai cấp của giai cấp tư sản và tiểu tư sản trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Nhưng quần chúng vô sản thực sự đồng đảo chỉ có thể hiểu được sâu những quan niệm đó, khi những giai cấp đó tận mắt nhìn thấy, cảm thấy hành động của các đảng của giai cấp này hay giai cấp kia, khi mà ngoài việc họ nhận thức được rõ ràng bản chất giai cấp của các chính đảng đó, thì sự phản ứng trực tiếp của tâm lý vô sản lại giúp họ tìm ra toàn bộ bộ mặt của các đảng tư sản. Có lẽ trên thế giới chưa có một nơi nào mà trong cách mạng tư sản, giai cấp tư sản lại có những hành động tàn bạo phản động đến như thế, lại câu kết với chính quyền cũ chặt chẽ đến như thế, lại có một thái độ "tự do" đến như thế đối với cái giống như — ngay cả hơi giống — sự đồng tình chân thật với văn hóa, với tiến bộ, với sự bảo vệ nhân phẩm con người, như ở nước ta, — mong rằng giai cấp vô sản nước ta thông qua cách mạng tư sản Nga, sẽ tăng thêm gấp ba lần lòng căm thù giai cấp tư sản, tăng thêm chí cương quyết đấu tranh chống giai cấp tư sản. Có lẽ là trên thế giới, chưa có nơi nào mà giai cấp tiểu tư sản — kể từ "những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân"³² và phái lao động cho đến bọn trí thức đã luồn lỏi vào Đảng dân chủ - xã hội — lại đã tỏ ra khiếp nhược và thiếu khí tiết đến như thế trong đấu tranh, lại tuyên dương một cách đê hèn

đến như thế tinh thần phản bội, lại tỏ ra có thái độ khúm núm đến như thế trước những anh hùng của cái mốt tư sản hoặc những anh hùng của bạo lực phản động, — mong rằng giai cấp vô sản nước ta, thông qua cách mạng tư sản nước ta, có thể tăng thêm gấp ba lần sự khinh miệt đối với tính ươn hèn và tính dao động của giai cấp tiểu tư sản. Dù cho sau đây cách mạng nước ta sẽ phát triển như thế nào, dù cho giai cấp vô sản có khi có thể phải trải qua những thời kỳ gay go như thế nào, lòng căm thù ấy và sự khinh miệt ấy vẫn sẽ siết chặt hàng ngũ của giai cấp vô sản, sẽ gạt bỏ ra khỏi giai cấp vô sản những phần tử xấu xuất thân từ giai cấp khác, sẽ tăng cường lực lượng của giai cấp vô sản, rèn luyện giai cấp vô sản để cho họ mai đây, khi có thời cơ, có thể tấn công toàn bộ xã hội tư sản.

*Viết ngày 22 tháng Tám
(4 tháng Chín) 1907*

*In đầu tháng Chín 1907 trong
văn tập "Tiếng nói đời sống", số
1, Xanh Pê-téc-bua
Ký tên: N. L.*

Theo đúng bản in trong văn tập

ĐẠI HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ Ở STÚT-GA³³

Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế họp ở Stút-ga vào tháng Tám vừa qua có đặc điểm nổi bật ở chỗ là số người tham dự rất đông và tính đại biểu rất rộng. Năm châu trên thế giới đều gửi đại biểu đến, và tổng số đại biểu lên đến 886 người. Nhưng đại hội không những là sự biểu thị vĩ đại về tình đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản mà còn đóng một vai trò xuất sắc trong việc xác định sách lược của các đảng xã hội chủ nghĩa. Về cả một loạt những vấn đề mà từ trước đến nay chỉ được giải quyết trong nội bộ từng đảng xã hội chủ nghĩa thì nay đại hội đã thông qua những nghị quyết chung. Phong trào xã hội chủ nghĩa đã đoàn kết thành một lực lượng quốc tế — điều này biểu hiện ra đặc biệt rõ nét ở chỗ là con số những vấn đề đòi hỏi một giải pháp giống nhau, có tính nguyên tắc cho những nước khác nhau, đã tăng lên nhiều.

Dưới đây, chúng tôi in toàn văn những nghị quyết ở Stút-ga³⁴. Nhưng bây giờ, chúng tôi sẽ nói vắn tắt về từng nghị quyết một nhằm nêu bật những điểm tranh cãi chủ yếu và tính chất của những cuộc tranh luận trong đại hội.

Không phải lần đầu tiên mà những đại hội quốc tế bàn về vấn đề thuộc địa. Cho đến nay, những nghị quyết của các đại hội bao giờ cũng kiên quyết lên án chính sách thuộc địa của giai cấp tư sản là chính sách cướp bóc và bạo lực.

Lần này thì trong thành phần của tiểu ban của đại hội, những phần tử cơ hội chủ nghĩa do người Hà-lan Van Côn đứng đầu chiếm ưu thế. Người ta đã đưa vào dự án nghị quyết một câu nói rằng về nguyên tắc, đại hội không lên án mọi chính sách thuộc địa nào mà dưới chế độ xã hội chủ nghĩa có thể đóng một vai trò khai hóa. Thiếu số trong tiểu ban (Lê-đê-bua, đại biểu người Đức, những người dân chủ - xã hội Ba-lan và Nga và nhiều người khác) phản đối một cách kiên quyết việc dung nhận một tư tưởng như thế. Vấn đề được đưa ra đại hội, và vì hai xu hướng tỏ ra có lực lượng xấp xỉ bằng nhau nên cuộc đấu tranh diễn ra kịch liệt vô cùng.

Những người cơ hội chủ nghĩa tập hợp xung quanh Van Côn. Béc-stanh và Đa-vít, nhân danh đa số của đoàn đại biểu Đức, đã phát biểu bênh vực chủ trương thừa nhận một "chính sách thuộc địa xã hội chủ nghĩa" và kịch liệt công kích phái cấp tiến, cho rằng thái độ phủ định của họ là vô ích, rằng họ không hiểu tầm quan trọng của những cải cách, rằng họ không có một cương lĩnh thuộc địa thực tiễn, v.v.. Cau-xky cũng đã đập lại họ, Cau-xky thấy buộc phải yêu cầu đại hội phải phát biểu *chống lại* đa số của đoàn đại biểu Đức. Ông đã nhấn mạnh rất đúng rằng đây tuyệt nhiên không phải là sự phủ định cuộc đấu tranh giành cải cách — điều này thì những phần khác trong nghị quyết, những phần mà không ai tranh luận gì cả, đã chỉ ra một cách hết sức rõ ràng. Vấn đề đúng ra là xét xem chúng ta có nên nhượng bộ cái chế độ cướp bóc và bạo lực hiện nay của giai cấp tư sản hay không. Chính sách thuộc địa hiện hành phải được đưa ra cho đại hội thảo luận; chính sách đó dựa trên cơ sở sự nô dịch trực tiếp những người chưa khai hóa: trên thực tế, giai cấp tư sản đã đưa chế độ nô lệ vào các thuộc địa, buộc dân bản xứ phải chịu những sự lăng nhục và những hành vi bạo lực chưa từng có, "khai hóa" dân bản xứ bằng cách phổ biến rượu mạnh và

bệnh giang mai. Thế mà trong tình hình như vậy những người xã hội chủ nghĩa lại sẽ có những lời lẽ lảng tránh về khả năng thừa nhận trên nguyên tắc chính sách thuộc địa! Như thế là trực tiếp chuyển sang quan điểm tư sản. Như thế là đi một bước quyết định đến chỗ bắt giai cấp vô sản phải phục tùng hệ tư tưởng tư sản, phục tùng cái chủ nghĩa đế quốc tư sản hiện đang ngứng cao đầu lên một cách đặc biệt ngạo mạn.

Đại hội đã bác bỏ đề nghị của tiểu ban bằng 128 phiếu chống lại 108 phiếu, có 10 phiếu trắng (Thụy-sĩ). Cần chú ý rằng theo cách bỏ phiếu ở Stút-ga thì lần đầu tiên mỗi một nước có quyền được bỏ một số phiếu khác nhau, từ 20 phiếu (đối với những nước lớn, trong đó có Nga) đến 2 phiếu (Lúc-xăm-bua). Tổng số phiếu của những nước nhỏ không thực hành chính sách thực dân hoặc phải chịu ách thực dân đã nhiều hơn số phiếu của những nước trong đó lòng khao khát xâm lược đã tiềm ẩn nhiều chút ít ngay cả vào bản thân giai cấp vô sản nữa.

Cuộc biểu quyết đó về vấn đề thuộc địa có một ý nghĩa rất lớn. Trước hết, người ta thấy rất rõ bộ mặt thật của chủ nghĩa cơ hội trong các đảng xã hội chủ nghĩa, nó không thể cưỡng lại nổi sự quyến rũ của giai cấp tư sản. Thứ hai, ở đây nổi rõ lên một nét tiêu cực của phong trào công nhân châu Âu có thể gây ra không ít tai họa cho sự nghiệp của giai cấp vô sản và do đó đáng được đặc biệt lưu tâm đến. Mác đã nhiều lần nhắc lại một câu cách ngôn đầy ý nghĩa của Xi-xmôn-đi. Câu cách ngôn đó nói: trong thời cổ, những người vô sản sống nhờ vào xã hội. Còn xã hội hiện nay thì sống nhờ vào những người vô sản³⁵.

Giai cấp những người bản cùng, nhưng không phải là những người lao động, thì không có khả năng lật đổ bọn bóc lột được. Chỉ có giai cấp những người vô sản nuôi sống toàn thể xã hội mới có thể tiến hành cuộc cách mạng xã hội. Thế mà chính sách thuộc địa được áp dụng rộng rãi đã đưa

đến chỗ làm cho người vô sản châu Âu, trong một mức độ nào đó, rơi vào tình cảnh là: không phải lao động của người đó đang nuôi sống toàn bộ xã hội mà chính là lao động của những dân bản xứ ở thuộc địa đã thực tế bị đẩy vào cảnh nô lệ. Chẳng hạn như giai cấp tư sản Anh đã bòn rút của hàng chục triệu, hàng trăm triệu dân Ấn-độ và các thuộc địa khác được nhiều lợi nhuận hơn là số lợi nhuận mà nó bòn rút của công nhân Anh. Những điều kiện đó tạo ra, trong những nước nhất định, cơ sở vật chất, kinh tế làm cho giai cấp vô sản ở nước này hay nước kia tiềm ẩn phải chủ nghĩa sô-vanh thực dân. Dĩ nhiên là điều đó có thể chỉ là một hiện tượng tạm thời, nhưng tuy thế vẫn cần phải nhận thức rõ về tai họa đó, hiểu rõ những nguyên nhân của nó, để có khả năng tập hợp giai cấp vô sản tất cả các nước nhằm đấu tranh chống cái loại chủ nghĩa cơ hội đó. Và cuộc đấu tranh này nhất định sẽ thắng, vì những nước "có đặc quyền, đặc lợi" là một bộ phận ngày càng bị thu hẹp lại trong số những nước tư bản chủ nghĩa.

Vấn đề quyền bầu cử của phụ nữ thì hầu như không gây ra tranh luận tại đại hội. Chỉ có một phụ nữ người Anh thuộc cái "Hội Pha-biên"³⁶ Anh rất ư cơ hội chủ nghĩa mới dám liều lĩnh đưa ra ý kiến biện hộ cho khả năng có một cuộc đấu tranh của những người xã hội chủ nghĩa cho quyền bầu cử có hạn chế của phụ nữ, nghĩa là không phải cho quyền đầu phiếu phổ thông, mà cho quyền đầu phiếu có tư cách. Nhưng nữ hội viên "Hội Pha-biên" ấy đã hoàn toàn bị cô lập. Ấn ý của quan điểm của chị ta rất đơn giản: các bà trong giai cấp tư sản Anh muốn mình có quyền bầu cử, nhưng không áp dụng quyền bầu cử rộng rãi cho những người phụ nữ vô sản.

Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế lần thứ nhất của phụ nữ cũng họp cùng một lúc với Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga, trong cùng một căn nhà. Khi thảo luận nghị quyết, thì trong hội nghị này, cũng như trong tiểu ban

của đại hội, đã diễn ra những cuộc tranh luận đáng chú ý giữa những người dân chủ - xã hội Đức và Áo. Những người dân chủ - xã hội Áo, trong khi đấu tranh cho quyền phổ thông đầu phiếu, đã phân nào hạ thấp yêu cầu của họ về quyền bình đẳng nam nữ: vì những lý do thực tiễn, họ nhấn mạnh không phải quyền đầu phiếu phổ thông mà quyền đầu phiếu cho nam giới, coi đó là yêu sách của mình. Cla-ra Txét-kin và những người dân chủ - xã hội khác ở Đức đã chỉ ra một cách đúng đắn cho những người Áo thấy rằng hành vi của họ là sai lầm, rằng họ đã làm suy yếu sức mạnh của phong trào quần chúng khi đã không thật hết sức kiên quyết đưa ra yêu sách đòi quyền bầu cử không những cho nam giới mà cho cả nữ giới nữa. Những chữ cuối cùng trong nghị quyết Stút-ga ("cần phải đòi chế độ đầu phiếu phổ thông đồng thời cho cả nam giới lẫn nữ giới") rõ ràng là có liên quan với giai đoạn "chủ nghĩa thực tiễn" quá mức đó trong lịch sử phong trào công nhân Áo.

Đối với những người Nga chúng ta, nghị quyết về quan hệ giữa các đảng xã hội chủ nghĩa và công đoàn có một ý nghĩa đặc biệt lớn. Đại hội Xtốc-khôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã tán thành chủ trương lập những công đoàn *phi đảng*, như vậy là đã đứng trên quan điểm trung lập. Những người dân chủ phi đảng, phái Béc-stanh và những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng ở nước ta, vẫn luôn luôn bảo vệ quan điểm đó. Còn Đại hội Luân-đôn thì trái lại, nó nêu ra một nguyên tắc khác: công đoàn phải gần gũi với đảng cho đến chỗ thừa nhận (trong những điều kiện nhất định) các công đoàn thuộc về đảng. Ở Stút-ga, phân tổ dân chủ - xã hội của tổ Nga (tại các đại hội quốc tế, những người xã hội chủ nghĩa của từng nước họp thành tổ riêng rẽ) đã phân liệt ra khi thảo luận vấn đề đó (trong khi các vấn đề khác lại không gây ra sự phân liệt). Cụ thể là: Plê-kha-nốp đã tán thành nguyên tắc trung lập. Còn đảng viên bôn-sê-vích Vôi-nốp lại ủng hộ quan điểm chống trung lập

của Đại hội Luân-đôn và của nghị quyết Bỉ (nghị quyết đã được in cùng với báo cáo của đơ Bru-ke trong những văn kiện của đại hội; báo cáo này sắp sửa được xuất bản bằng tiếng Nga). Cla-ra Txét-kin đã viết rất đúng trong tờ báo của đồng chí ấy, tờ "Die Gleichheit"³⁷, rằng những lý lẽ của Plê-kha-nốp dùng để biện hộ cho chủ trương trung lập thì cũng không đứng vững, cũng giống như những lý lẽ của những người Pháp. Và nghị quyết của Đại hội Stút-ga — như Cau-xky đã nhận xét rất đúng và như mọi người đều có thể nhận thấy khi đọc kỹ nghị quyết đó — đã chấm dứt việc thừa nhận nguyên tắc "trung lập". Trong nghị quyết đó không có một lời nào về sự trung lập hoặc về tính phi đảng. Trái lại, nó thừa nhận một cách hoàn toàn rõ ràng sự cần thiết của những mối liên hệ chặt chẽ giữa các công đoàn và đảng xã hội chủ nghĩa và sự cần thiết phải củng cố các mối liên hệ đó.

Với nghị quyết Stút-ga, bây giờ nghị quyết của Đại hội Luân-đôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về các công đoàn, đã có một cơ sở nguyên tắc vững chắc. Nghị quyết Stút-ga đề ra nguyên tắc chung là trong tất cả các nước cần thiết phải xây dựng những mối liên hệ chặt chẽ và vững chắc giữa các công đoàn và đảng xã hội chủ nghĩa; nghị quyết Luân-đôn chỉ ra rằng đối với nước Nga thì hình thức của mối liên hệ đó, trong những điều kiện thuận lợi, phải là tính đảng của các công đoàn và hoạt động của các đảng viên phải nhằm theo hướng đó.

Cần chú ý rằng nguyên tắc trung lập đã bộc lộ những mặt tai hại của nó ở Stút-ga ở chỗ là một nửa đoàn đại biểu Đức, những đại biểu của các công đoàn, đã kiên quyết hơn ai hết đứng trên quan điểm cơ hội chủ nghĩa. Điều đó giải thích vì sao, chẳng hạn, ở Ét-xen (nơi chỉ có đại hội đảng họp, chứ không phải có đại hội công đoàn), người Đức đã phản đối Van Côn, còn ở Stút-ga thì lại ủng hộ ông ta. *Thực tế*, việc tuyên truyền cho chủ trương trung lập đã mang lại những kết quả có hại ở Đức, nó tiếp tay cho

chủ nghĩa cơ hội trong phong trào dân chủ - xã hội. Từ nay trở đi và đặc biệt là ở Nga, nơi có rất nhiều những cố vấn dân chủ tư sản của giai cấp vô sản đang khuyến họ nên giữ "tính trung lập" của phong trào công đoàn, thì không thể không tính đến sự thật đó.

Chúng tôi chỉ nói vài lời về nghị quyết nói về di cư và nhập cư thôi. Cả về vấn đề này nữa, trong tiểu ban cũng có mưu toan muốn bảo vệ những quan điểm phờng hội hẹp hòi, muốn cấm công nhân từ các nước chậm tiến (cu-li từ Trung-quốc, v. v., đến) nhập cư. Đó vẫn là tinh thần quý tộc của những người vô sản ở một số nước "văn minh" thu được một số lợi nhất định do địa vị đặc quyền của họ và do đó có xu hướng quên yêu cầu về đoàn kết giai cấp quốc tế. Nhưng tại đại hội thì không có những kẻ biện hộ cho cái tinh thần hẹp hòi phờng hội, tiểu tư sản ấy. Nghị quyết đã đáp ứng được đầy đủ những yêu cầu của phong trào dân chủ - xã hội cách mạng.

Bây giờ, chúng tôi nói đến nghị quyết cuối cùng và có lẽ là quan trọng nhất của đại hội: nghị quyết về vấn đề chống chủ nghĩa quân phiệt. Cái ông Éc-vê lừng danh đã làm ồn ào ở Pháp và châu Âu thì về vấn đề này, đã ủng hộ quan điểm nửa vô chính phủ chủ nghĩa, ngay thơ đề nghị rằng phải "đáp lại" mọi cuộc chiến tranh bằng bãi công và khởi nghĩa. Một mặt, ông ta không hiểu rằng chiến tranh là sản phẩm tất yếu của chủ nghĩa tư bản, và giai cấp vô sản không thể từ chối tham gia chiến tranh cách mạng được, vì những cuộc chiến tranh như vậy có thể xảy ra và đã xảy ra trong những xã hội tư bản chủ nghĩa. Mặt khác, ông ta không hiểu rằng khả năng "đáp lại" chiến tranh là phụ thuộc vào tính chất của cuộc khủng hoảng do chiến tranh gây ra. Việc lựa chọn phương pháp đấu tranh là tùy thuộc vào những điều kiện ấy, và lại cuộc đấu tranh ấy (đây là điểm thứ ba nói lên những sự hiểu lầm hay sự nông cạn của tư tưởng Éc-vê) không phải chỉ ở chỗ thay thế chiến tranh

bằng hòa bình mà phải thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội. Thực chất không phải là ở chỗ ngăn ngừa không cho chiến tranh nổ ra mà là ở chỗ lợi dụng cuộc khủng hoảng do chiến tranh gây ra, để đẩy nhanh sự lật đổ giai cấp tư sản. Nhưng đằng sau tất cả những điều vô lý ở nửa vô chính phủ chủ nghĩa của tư tưởng Éc-vê còn có một tư tưởng đúng đắn về mặt thực tiễn: phải thúc đẩy chủ nghĩa xã hội, theo cái hướng là không chỉ giới hạn ở biện pháp đấu tranh nghị trường, mà phải làm cho quần chúng có ý thức về sự cần thiết phải áp dụng những phương pháp hành động cách mạng nhân những cuộc khủng hoảng mà chiến tranh nhất định phải gây ra, — và cuối cùng theo cái hướng là làm cho quần chúng có một ý thức sinh động hơn về sự đoàn kết quốc tế của công nhân và về tính giai cấp của chủ nghĩa yêu nước tư sản.

Nghị quyết của Bê-ben, do những người Đức đề nghị và về mọi mặt chủ yếu giống với nghị quyết của Ghe-đơ, đã mắc chính cái khuyết điểm là không có một chỉ dẫn nào về những nhiệm vụ tích cực của giai cấp vô sản. Điều đó tạo khả năng cho người ta có thể xét những luận điểm chính thống của Bê-ben dưới cặp kính cơ hội chủ nghĩa. Phôn-ma đã lập tức biến khả năng đó thành hiện thực.

Vì vậy mà Rô-da Lút-xăm-bua và những đại biểu dân chủ xã hội Nga đã đề nghị những điểm sửa đổi cho bản nghị quyết của Bê-ben. Những điểm sửa đổi ấy 1) nói rằng chủ nghĩa quân phiệt là công cụ chủ yếu của sự áp bức giai cấp; 2) chỉ rõ nhiệm vụ cổ động trong thanh niên; 3) nhấn mạnh nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội phải đấu tranh không những chống việc phát động chiến tranh hay cho việc nhanh chóng chấm dứt những cuộc chiến tranh đã được bắt đầu, mà còn phải lợi dụng cuộc khủng hoảng do chiến tranh gây ra để đẩy nhanh sự sụp đổ của giai cấp tư sản.

Tất cả những điểm sửa đổi ấy đã được một phân ban (do tiểu ban chống chủ nghĩa quân phiệt bầu ra) đưa vào nghị

quyết của Bê-ben. Ngoài ra, Giô-re-xơ đã đưa ra một ý rất hay: thay cho việc chỉ ra những phương pháp đấu tranh (bãi công, khởi nghĩa) thì phải nêu bật những ví dụ lịch sử về cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống chiến tranh, từ những cuộc biểu tình ở châu Âu cho đến cuộc cách mạng ở Nga. Do kết quả của tất cả sự sửa đổi đó mà đã có một nghị quyết, đành rằng còn hết sức dài, nhưng thực sự phong phú về tư tưởng và chỉ ra một cách chính xác những nhiệm vụ của giai cấp vô sản. Trong nghị quyết ấy, tính chặt chẽ của sự phân tích chính thống, tức là sự phân tích mác-xít, duy nhất khoa học, được kết hợp với việc đề ra cho các đảng công nhân những biện pháp đấu tranh kiên quyết nhất và cách mạng nhất. Không thể giải thích theo kiểu Phôn-ma, nghị quyết đó được, cũng không thể đặt nó vào trong khuôn khổ chật hẹp của tư tưởng ngây thơ kiểu Éc-vê được.

Nói chung, về cả một loạt những vấn đề quan trọng nhất, Đại hội Stút-ga đã đem đối sánh một cách nổi bật cánh cơ hội chủ nghĩa và cánh cách mạng trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế với nhau, và đã giải đáp những vấn đề đó theo tinh thần chủ nghĩa Mác cách mạng. Những nghị quyết của đại hội ấy, đã được các cuộc tranh luận tại đại hội làm sáng tỏ, phải trở thành người bạn đường thường xuyên của mọi người tuyên truyền và cổ động. Sự thống nhất về sách lược và sự thống nhất của cuộc đấu tranh cách mạng của vô sản tất cả các nước sẽ đẩy mạnh công việc đã được bắt đầu ở Stút-ga.

*Viết cuối tháng Tám - đầu tháng
Chín 1907*

*Dăng ngày 20 tháng Mười 1907
trên báo "Người vô sản", số 17*

*Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"*

NHỮNG CHÚ THÍCH CHO NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI STÚT-GA VỀ "CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT VÀ CÁC CUỘC XUNG ĐỘT QUỐC TẾ"

Vì vậy đại hội cho rằng trách nhiệm của giai cấp công nhân và nhất là của những đại biểu của giai cấp công nhân trong các nghị viện, xét đến tính chất giai cấp của xã hội tư sản, là phải hết sức đấu tranh chống lại chính sách xâm chiếm của các quốc gia, cự tuyệt cả những khoản tiền chi phí cho chính sách đó, và phải hành động sao cho thanh niên thuộc giai cấp công nhân được giáo dục theo tinh thần chủ nghĩa xã hội và ý thức giác ngộ về tình anh em giữa các dân tộc")

*) Trong bản sửa đổi của đoàn đại biểu Nga còn có một điểm: "sao cho các giai cấp thống trị không dám lợi dụng nó (thanh niên) làm công cụ để củng cố sự thống trị giai cấp của chúng chống lại giai cấp vô sản đang đấu tranh". Những lời này bị tiểu ban gạt bỏ không phải vì có một đại biểu nào đó không đồng ý về nguyên tắc, mà vì các đại biểu người Đức cho rằng những lời nói đó bất hợp pháp, có thể trở thành cái cớ để người ta giải tán các tổ chức dân chủ - xã hội Đức. Ý cơ bản của đoạn tương ứng trong nghị quyết không vì sự rút bớt này mà bị thay đổi.

Trong trường hợp có nguy cơ nổ ra chiến tranh thì giai cấp công nhân và các đại biểu của nó trong nghị viện ở các nước hữu quan phải lợi dụng sự ủng hộ của Cục quốc tế mà làm tất cả những gì có thể làm được để ngăn cản sự tuyên chiến bằng mọi phương thức mà họ cảm thấy là hợp lý; bằng phương thức nào, điều đó tùy thuộc vào

mức độ gay gắt của cuộc đấu tranh giai cấp và tình hình chính trị chung*).

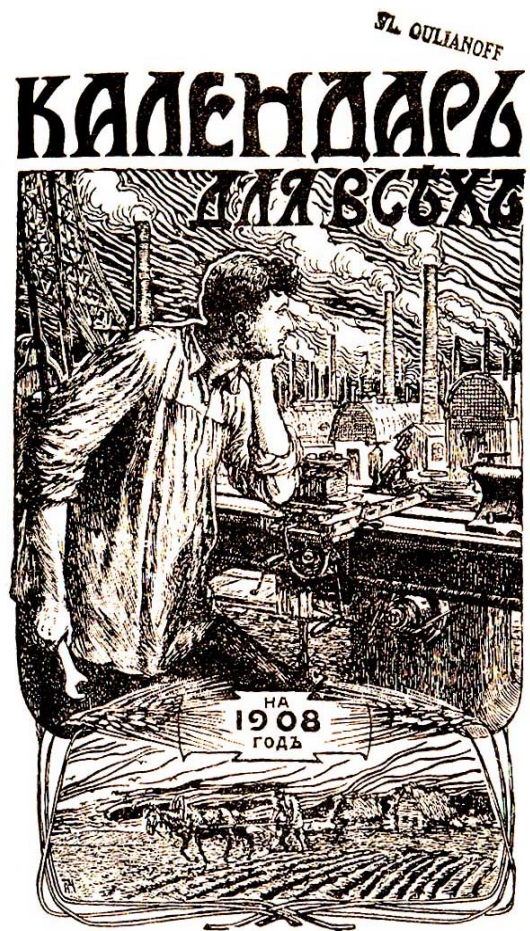
*) Trong bản sửa đổi của đoàn đại biểu Nga có nói rằng những phương thức đó (để ngăn ngừa chiến tranh) sẽ được thay đổi và *tăng cường* (sich ändern und *steigern*) tùy theo tính chất gay gắt của cuộc đấu tranh giai cấp, v. v.. Tiểu ban đã gạt bỏ chữ: "tăng cường", chỉ để lại chữ "thay đổi".

Viết nửa cuối tháng

Tám 1907

*In đầu tháng Chín 1907 trong
văn tập "Tiếng nói đời sống", số 1,
Xanh Pê-téc-bua*

Theo đúng bản in trong văn tập



Цена 25 коп.

Bìa cuốn "Lịch phổ thông năm 1908",
trong đó có in bài của Lê-nin: "Đại hội
xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga".

Bản của riêng Lê-nin

Ảnh thu nhỏ

ĐẠI HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ Ở STÚT-GA³⁸

Đại hội vừa mới kết thúc ở Stút-ga là đại hội thứ mười hai của Quốc tế vô sản. Năm đại hội đầu họp vào thời kỳ Quốc tế I (1866 - 1872) do Mác lãnh đạo, đã muốn - theo cách nói rất đạt của Bê-ben - từ bên trên mà xây dựng sự thống nhất quốc tế của giai cấp vô sản đang đấu tranh. Ý định ấy đã không thể thành công được chừng nào mà các đảng xã hội chủ nghĩa các nước chưa được đoàn kết và củng cố, nhưng hoạt động của Quốc tế I đã có những cống hiến lớn cho phong trào công nhân tất cả các nước, và đã để lại những dấu vết sâu sắc.

Năm 1889, Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế họp ở Pa-ri tuyên bố thành lập Quốc tế II. Trong những đại hội sau ở Bruy-xen (1891), Xuy-rích (1893), Luân-đôn (1896), Pa-ri (1900) và Am-xtéc-đam (1904), Quốc tế mới đó, dựa vào những đảng vững mạnh của các nước, đã được củng cố hẳn. Đại hội Stút-ga có 884 đại biểu của 25 nước ở châu Âu, châu Á (Nhật-bản và một bộ phận của Ấn-độ), châu Mỹ, châu Úc và châu Phi (một đại biểu của Nam Phi).

Ý nghĩa to lớn của Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga chính là ở chỗ nó đánh dấu sự củng cố hoàn toàn của Quốc tế II và việc biến những đại hội quốc tế thành những cuộc họp giải quyết những vấn đề thực tế, những

cuộc họp có ảnh hưởng to lớn đến tính chất và phương hướng của công tác xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới. Về hình thức, những nghị quyết của các đại hội quốc tế không hề có tính chất bắt buộc đối với những nước cá biệt, nhưng ý nghĩa tinh thần của nó là ở chỗ trên thực tế, việc không tuân theo những nghị quyết là một ngoại lệ, có lẽ còn hiếm hơn trường hợp những đảng cá biệt nào đó không tuân theo nghị quyết của các đại hội của mình. Đại hội Am-xtéc-đam đạt đến chỗ thống nhất được những người xã hội chủ nghĩa Pháp và nghị quyết của đại hội chống chủ nghĩa nội các, đã thực sự thể hiện ý chí của giai cấp vô sản giác ngộ toàn thế giới, đã xác định chính sách của các đảng công nhân.

Đại hội Stút-ga đã có một bước tiến lớn theo hướng đó, và về một loạt vấn đề quan trọng nó đã trở thành cơ quan tối cao xác định đường lối chính trị của chủ nghĩa xã hội. Đại hội Stút-ga đã xác định đường lối đó một cách vững chắc hơn Đại hội Am-xtéc-đam, theo nghĩa là phong trào dân chủ - xã hội cách mạng chống chủ nghĩa cơ hội. Từ "Die Gleichheit" ("Bình đẳng"), cơ quan của nữ công nhân dân chủ - xã hội Đức, do Clara Txét-kin chủ biên, đã nói về điểm đó một cách có lý như sau: "nhờ có sự hợp tác của những người xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước nên trên tất cả các vấn đề, những thiên hướng cơ hội chủ nghĩa trong một số đảng xã hội chủ nghĩa đã được uốn nắn lại theo tinh thần cách mạng".

Nhưng một hiện tượng đau lòng đáng chú ý là Đảng dân chủ - xã hội Đức, từ trước đến nay vẫn luôn luôn bảo vệ quan điểm cách mạng của chủ nghĩa Mác, lần này lại tỏ ra dao động, hay đã đứng trên lập trường cơ hội chủ nghĩa. Đại hội Stút-ga đã xác nhận một nhận xét sâu sắc của Ăng-ghe-n về phong trào công nhân Đức. Trong bức thư ngày 29 tháng Tư 1886 gửi Doóc-ghê, một lão chiến sĩ của Quốc tế I, Ăng-ghe-n viết: "Hiện nay, đặc biệt là sau khi người Đức

đã cử những kẻ tầm thường vào quốc hội nhiều đến như thế (song điều đó cũng là tất nhiên) mà có người đứng ra giành với người Đức vai trò lãnh đạo phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế thì nói chung đó là một việc tốt. Ở Đức, trong thời kỳ bình yên, tất cả đều trở nên tầm thường; và vào những lúc như vậy, tuyệt đối cần phải có sự kích thích của sự cạnh tranh của người Pháp, và sự cạnh tranh đó là không thể thiếu được"³⁹.

Ở Stút-ga, việc kích thích bởi sự cạnh tranh của người pháp không thiếu gì, và việc kích thích ấy thực sự là cần thiết, vì hồi đó những người Đức tỏ ra có một khí phách quá tầm thường cũng không thiếu gì. Những người dân chủ - xã hội Nga cần đặc biệt chú ý đến điểm đó, vì phái tự do ở nước ta (và lại không những chỉ có phái tự do) đang ra sức lấy chính ngay những mặt kém cỏi nhất của Đảng dân chủ - xã hội Đức làm tấm gương đáng bắt chước. Các lãnh tụ tư tưởng sắc sảo nhất và xuất sắc nhất của Đảng dân chủ - xã hội Đức đã tự mình nhận thấy tình hình đó, và trong khi gạt bỏ sĩ diện hão, họ đã kiên quyết vạch rõ tình hình đó, lấy đó làm điều răn. Tờ báo của Cla-ra Txét-kin viết: "Ở Am-xtéc-đam thì chủ đề cách mạng của mọi cuộc tranh luận trong cái "nghị viện" của giai cấp vô sản toàn thế giới là nghị quyết Đrét-đen, còn ở Stút-ga thì những lời phát biểu của Phôn-ma trong tiểu ban về chủ nghĩa quân phiệt, của Pê-pơ-lốp trong tiểu ban về kiều dân, của Đa-vít (cũng như, chúng tôi xin nói thêm, của Béc-stanh) trong tiểu ban về vấn đề thuộc địa, đã vang lên trong đại hội, thành một bản hợp tấu cơ hội chủ nghĩa lúng củng rất chói tai. Lần này, trong đa số các tiểu ban, về đa số các vấn đề, những đại biểu Đức đã trở thành những thủ lĩnh của chủ nghĩa cơ hội". Còn C. Cau-xky khi đánh giá Đại hội Stút-ga, đã viết: "vai trò lãnh đạo mà từ trước đến nay Đảng dân chủ - xã hội Đức thật sự vẫn giữ trong Quốc tế II, lần này đã không hề biểu hiện ra".

Bây giờ, chúng tôi bàn tới từng vấn đề đã được thảo luận trong đại hội. Về vấn đề thuộc địa, trong tiểu ban vẫn còn có những ý kiến bất đồng. Sự tranh luận giữa những người cơ hội chủ nghĩa và những người cách mạng đã được chính đại hội giải quyết và giải quyết một cách có lợi cho những người cách mạng bằng đa số 127 phiếu chống 108 phiếu và 10 phiếu trắng. Nhân đây cũng xin nêu ra một hiện tượng đáng mừng là *toàn thế* những người xã hội chủ nghĩa Nga, về *tất cả mọi* vấn đề, đều đã nhất trí biểu quyết theo tinh thần cách mạng. (Nước Nga có 20 phiếu, trong đó Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, không kể đại biểu Ba-lan, có 10 phiếu; những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng có 7 phiếu, và đại biểu công đoàn có 3 phiếu. Rồi đến Ba-lan có 10 phiếu: những người dân chủ - xã hội Ba-lan - 4 phiếu, những đảng viên Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan và bộ phận Ba-lan không thuộc Nga - 6 phiếu. Và cuối cùng 2 đại biểu Phần-lan có 8 phiếu).

Về vấn đề thuộc địa, trong tiểu ban đã hình thành một phe đa số cơ hội chủ nghĩa, và trong dự thảo nghị quyết đã xuất hiện những câu quái gở thế này: "đại hội không lên án, về nguyên tắc, và không phải lúc nào cũng lên án mọi chính sách thuộc địa vì dưới chế độ xã hội chủ nghĩa nó có thể có tác dụng khai hóa". Luận điểm đó, trên thực tế, cũng chẳng khác nào công khai thụt lùi về phía chính sách của giai cấp tư sản và thế giới quan tư sản bênh vực cho chiến tranh thuộc địa và những hành động tàn bạo. Một đại biểu Mỹ nói rằng đó là thụt lùi về với Ru-dơ-ven. Muốn đem những nhiệm vụ của "chính sách thuộc địa xã hội chủ nghĩa" và của cái công việc cải cách tích cực ở thuộc địa để bênh vực cho sự thụt lùi đó, thì thật là dở hết chỗ nói. Chủ nghĩa xã hội xưa nay không bao giờ từ chối không bênh vực những cải cách cả ở các thuộc địa, nhưng điều đó không có nghĩa và cũng không thể có nghĩa là buông lỏng lập trường nguyên tắc của chúng ta trong việc chống những cuộc

xâm lược, sự nô dịch các dân tộc khác, bạo lực và cướp bóc, tức là những cái cấu thành "chính sách thực dân". Cương lĩnh tối thiểu của mọi đảng xã hội chủ nghĩa đều thích dụng cả cho chính quốc lẫn cho thuộc địa. Bản thân khái niệm "chính sách thuộc địa xã hội chủ nghĩa" là cực kỳ lộn xộn. Đại hội đã hành động hoàn toàn đúng khi gạt bỏ câu trích dẫn trên đây ra khỏi nghị quyết và đã thay thế câu đó bằng những lời lên án chính sách thuộc địa một cách gay gắt hơn những nghị quyết trước kia.

Nghị quyết về vấn đề thái độ của đảng xã hội chủ nghĩa đối với công đoàn có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với người Nga chúng ta. Ở nước ta, vấn đề đó đang được đặt ra trước mắt. Đại hội Xtốc-khôn đã tán thành chủ trương công đoàn *phi đảng*, nghĩa là đã khẳng định lập trường của một số người ở nước ta, do Plê-kha-nốp đứng đầu, chủ trương *tính trung lập*. Đại hội Luân-đôn đã tiến hơn một bước về mặt đã chủ trương công đoàn *phải gắn liền với đảng và phản đối* tính trung lập. Như mọi người đều biết, nghị quyết Đại hội Luân-đôn đã làm nảy ra những cuộc tranh luận lớn và bất mãn trong một bộ phận các công đoàn, đặc biệt là trên báo chí dân chủ - tư sản.

Trong Đại hội Stút-ga, vấn đề, về thực chất, chính là đã được đặt ra như sau: công đoàn nên trung lập hay là nên ngày càng gắn gũi mật thiết với đảng? Và như bạn đọc có thể thấy rõ qua nghị quyết của đại hội, Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế đã tán thành công đoàn gắn gũi với đảng hơn. Nghị quyết đã không hề nói tới cả tính trung lập lẫn tính phi đảng của công đoàn. Vì vậy Cau-xky — là người vẫn bảo vệ trong Đảng dân chủ - xã hội Đức chủ trương công đoàn phải gắn gũi đảng và chống lại chủ trương trung lập của Bê-ben — hoàn toàn có quyền tuyên bố trong báo cáo của mình về Đại hội Stút-ga ("Vorwärts"⁴⁰, 1907, số 209, Beilage) trước công nhân Lai-pxích rằng:

"Nghị quyết của Đại hội Stút-ga đã nói tất cả những

điều mà chúng ta cần. Nó đã vĩnh viễn chấm dứt chủ trương *trung lập*". Cla-ra Txét-kin viết: "Về nguyên tắc, đã không có một ai phản đối (tại Stút-ga) cái xu hướng lịch sử cơ bản của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là: kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh kinh tế, đoàn kết một cách hết sức chặt chẽ các tổ chức chính trị và kinh tế thành một lực lượng thống nhất của giai cấp công nhân xã hội chủ nghĩa. Chỉ có đại biểu của những người dân chủ - xã hội Nga, đồng chí Plê-kha-nốp" (đáng lẽ phải nói rằng Plê-kha-nốp là đại biểu do những người men-sê-vích cử vào tiểu ban để bênh vực chủ trương "trung lập") "và đa số đoàn đại biểu Pháp đã vin vào những đặc điểm của nước họ, để định chứng minh bằng những lý lẽ không lấy gì làm vững vàng lắm rằng phải có những giới hạn nhất định cho nguyên tắc đó. Tuyệt đại đa số của đại hội đều tán thành chính sách kiên quyết là kết hợp giữa Đảng dân chủ - xã hội với công đoàn...".

Cần chỉ ra rằng lý lẽ không vững đó của Plê-kha-nốp, như Txét-kin nói rất đúng, lại đã được tất cả các báo chí hợp pháp ở Nga đăng dưới hình thức sau đây. Trong tiểu ban của Đại hội Stút-ga, Plê-kha-nốp đã dẫn chứng là "ở Nga có 11 đảng cách mạng"; "như vậy công đoàn nên kết hợp với đảng nào?" (trích dẫn báo "Vorwärts", số 196, 1. Bei-lage). Điều dẫn chứng đó của Plê-kha-nốp không đúng cả trong thực tế lẫn về nguyên tắc. Thực ra, trong mỗi dân tộc ở Nga, đều không có tới quá hai đảng đấu tranh với nhau để giành ảnh hưởng trong giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa: những người dân chủ - xã hội và những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, những người dân chủ - xã hội Ba-lan và Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan⁴¹; những người dân chủ - xã hội Lát-vi-a⁴² và những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng Lát-vi-a (tức cái gọi là "Đồng minh những người dân chủ - xã hội Lát-vi-a"); những người dân chủ - xã hội Ác-mê-ni-a và những người Đa-snắc-txu-chi-un⁴³, v. v.. Đoàn

đại biểu Nga tại Stút-ga cũng chia ngay ra làm hai phái. Đưa ra con số 11 chính đảng là hoàn toàn tùy tiện và là đưa công nhân vào chỗ lầm lẫn. Cả về mặt nguyên tắc, Plê-kha-nốp cũng sai, vì ở Nga, cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội của giai cấp vô sản và chủ nghĩa xã hội của giai cấp tiểu tư sản, ở bất kỳ nơi nào, kể cả trong công đoàn, cũng là một sự tất yếu. Người Anh chẳng hạn, đã không hề nghĩ tới phản đối nghị quyết, mặc dù họ cũng có hai đảng xã hội chủ nghĩa đấu tranh với nhau: Liên đoàn dân chủ - xã hội (S. D. F.)⁴⁴ và "Đảng công nhân độc lập" (I. L. P.)⁴⁵.

Tư tưởng trung lập, một tư tưởng đã bị bác bỏ ở Stút-ga, đã mang lại cho phong trào công nhân không ít nguy hại, về điều đó nước Đức là một thí dụ đặc biệt rõ rệt. Ở đây, tư tưởng trung lập đã được truyền bá rộng hơn cả và cũng được vận dụng nhiều hơn cả. Kết quả ở Đức, công đoàn đã ngả theo chủ nghĩa cơ hội một cách rõ rệt đến nỗi ngay cả một người rất thận trọng trong vấn đề này như Cau-xky, cũng đã phải công khai thừa nhận khuynh hướng đó. Trong báo cáo của mình trước công nhân Lai-pxích, ông đã nói thẳng ra rằng "muốn hiểu rõ tính bảo thủ" của đoàn đại biểu Đức ở Stút-ga, thì "chỉ cần nhìn vào thành phần của đoàn đại biểu đó cũng đủ. Một nửa trong đó là đại biểu công đoàn, vì thế "cánh hữu" của đảng ta đã có một lực lượng lớn hơn lực lượng thực tế của họ ở trong đảng".

Không nghi ngờ gì nữa, nghị quyết của Đại hội Stút-ga nhất định sẽ đẩy nhanh việc Đảng dân chủ - xã hội Nga kiên quyết đoạn tuyệt với tư tưởng trung lập, là tư tưởng mà phái tự do ở nước ta rất ưa chuộng. Tránh sự thiếu thận trọng, mọi sự hấp tấp, mọi bước vội vàng và thiếu khéo léo, chúng ta phải kiên trì công tác trong công đoàn theo tinh thần làm cho công đoàn ngày càng thêm gắn gũi với Đảng dân chủ - xã hội.

Sau nữa, về vấn đề di cư và nhập cư, trong tiểu ban của Đại hội Stút-ga, sự bất đồng ý kiến giữa những người cơ hội chủ nghĩa và những người cách mạng đã biểu lộ một cách hết sức rõ ràng. Những người cơ hội chủ nghĩa có tư tưởng muốn *hạn chế* quyền di cư của những công nhân ở các nước chậm tiến và kém phát triển, nhất là người Nhật-bản, và Trung-quốc. Đầu óc hẹp hòi, cách biệt kiểu phương hội, tư tưởng bài ngoại công liên chủ nghĩa đã làm cho những người đó không nhận thức được những nhiệm vụ xã hội chủ nghĩa: tiến hành công tác giáo dục và tổ chức những tầng lớp vô sản chưa tham gia phong trào công nhân. Đại hội đã gạt bỏ tất cả mọi ý đồ xuất phát từ đầu óc đó. Ngay trong tiểu ban, những ý kiến tán thành hạn chế quyền tự do di cư cũng hoàn toàn bị cô lập, và nghị quyết của đại hội quốc tế lại khẳng định rằng cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân tất cả các nước phải đoàn kết nhất trí.

Nghị quyết về vấn đề quyền bầu cử của phụ nữ cũng đã được nhất trí thông qua. Chỉ có một phụ nữ Anh thuộc "Hội Pha-biêng" nửa tư sản là đã bênh vực khả năng đấu tranh không phải là để giành quyền bầu cử đầy đủ của phụ nữ mà là để giành một quyền bầu cử hạn chế, có lợi cho bọn giàu có. Đại hội đã kiên quyết bác bỏ ý kiến đó và chủ trương rằng khi tiến hành đấu tranh giành quyền bầu cử thì nữ công nhân không nên đi với những người trong giai cấp tư sản chủ trương quyền bình đẳng của phụ nữ mà phải đi với các chính đảng giai cấp của giai cấp vô sản. Đại hội thừa nhận rằng trong chiến dịch giành quyền bầu cử của phụ nữ thì cần phải hoàn toàn giữ vững những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội và nguyên tắc nam nữ bình quyền, không vì những lý do về sự tiện lợi mà xa rời những nguyên tắc đó.

Trong tiểu ban, đã nảy ra một sự bất đồng ý kiến rất đáng chú ý về điểm này. Những người Áo (Vích-to Át-lơ, A-đen-gây Pô-pơ) đã bênh vực sách lược của họ trong cuộc

đấu tranh đòi quyền phổ thông đầu phiếu của nam giới nói là: muốn giành được quyền đó, họ cho rằng khi cổ động thì tiện hơn là không nên đặt lên hàng đầu yêu sách đòi quyền bầu cử cho cả phụ nữ. Những người dân chủ - xã hội Đức, nhất là Txét-kin, đã phản đối chủ trương đó ngay từ khi người Áo tiến hành chiến dịch của họ để giành quyền phổ thông đầu phiếu. Txét-kin đã từng tuyên bố trên báo rằng bất kỳ trong tình hình nào, không đề ra yêu sách đòi quyền bầu cử của phụ nữ cũng đều là không nên, rằng những người Áo đã hành động như những người cơ hội chủ nghĩa khi vì lý do tiện lợi mà hy sinh nguyên tắc, rằng họ sẽ không làm cho quy mô cổ động và lực lượng của phong trào nhân dân yếu đi mà còn làm cho mạnh hơn lên, khi họ bênh vực quyền bầu cử của phụ nữ một cách kiên quyết như thế. Trong tiểu ban, còn có một nữ đảng viên dân chủ - xã hội Đức xuất sắc khác là Txít-xơ, người hoàn toàn tán thành Txét-kin. Điểm sửa chữa của Át-lơ — nhằm gián tiếp bênh vực sách lược của những người Áo (điểm sửa chữa đó chỉ nói phải đấu tranh không ngừng để giành quyền tuyền cử thực sự cho toàn thể công dân, mà không nói rằng cuộc đấu tranh để giành quyền tuyền cử bao giờ cũng phải bao hàm yêu sách đòi nam nữ bình quyền), — đã *bị bác bỏ* bằng 12 phiếu chống 9 phiếu. Quan điểm của tiểu ban và của đại hội có lẽ được thể hiện một cách chính xác hơn cả qua những lời sau đây của Txít-xơ, người được nhắc tới ở trên, trong bài phát biểu của đồng chí đó tại Hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế của phụ nữ (hội nghị này cũng họp ở Stút-ga đồng thời với đại hội): "Về nguyên tắc, chúng ta phải đòi hỏi tất cả những cái gì mà chúng ta cho là đúng, — Txít-xơ nói, — và chỉ trong trường hợp không đủ lực lượng để đấu tranh, chúng ta mới đành nhận những cái có thể đạt được. Sách lược của Đảng dân chủ - xã hội bao giờ cũng như thế. Yêu sách của chúng ta càng thấp thì nhượng bộ của chính phủ sẽ càng nhỏ...". Qua cuộc tranh luận đó giữa những nữ đảng

viên dân chủ - xã hội Áo và Đức, bạn đọc có thể thấy rằng những người mác-xít ưu tú nhất đã có thái độ nghiêm khắc như thế nào trước những hành động chỉ hơi xa rời sách lược cách mạng kiên định và có tính nguyên tắc.

Ngày cuối cùng, đại hội đã thảo luận vấn đề chủ nghĩa quân phiệt là vấn đề mà mọi người quan tâm nhiều nhất. Êc-vê lừng danh ấy đã bênh vực lập trường hoàn toàn không vững của mình nhưng lại không biết gắn liền chiến tranh với chế độ tư bản chủ nghĩa nói chung và không biết gắn liền công tác cổ động chống chủ nghĩa quân phiệt với toàn bộ công tác của chủ nghĩa xã hội. Dự thảo của Êc-vê đề nghị lấy bãi công và khởi nghĩa để "đáp lại" bất kỳ cuộc chiến tranh nào, đã chứng tỏ là ông ta hoàn toàn không hiểu được rằng áp dụng biện pháp đấu tranh này hay biện pháp đấu tranh khác, điều đó không tùy thuộc vào sự quyết định trước của các nhà cách mạng, mà tùy thuộc vào những điều kiện khách quan của cuộc khủng hoảng, cả về kinh tế lẫn về chính trị, do chiến tranh gây ra.

Cố nhiên Êc-vê đã tỏ ra thiếu suy nghĩ, nông cạn, thích dùng những lời lẽ khoa trương, nhưng nếu chỉ đưa ra một cách giáo điều những chân lý chung chung của chủ nghĩa xã hội để bác bỏ ông ta thì cũng là hết sức thiếu cặn. Đặc biệt là Phôn-ma đã mắc sai lầm đó (Bê-ben và Ghe-đơ cũng không hoàn toàn tránh khỏi sai lầm đó). Là một người vô cùng tự mãn, lại rất thích lối đấu tranh nghị trường rập khuôn, ông ta đã công kích Êc-vê, nhưng lại không nhận thấy rằng chính tính chất thiếu cặn và tính cứng nhắc cơ hội chủ nghĩa của bản thân Phôn-ma *đã khiến* người ta phải thừa nhận rằng trong tư tưởng của Êc-vê có điểm sinh động, *mặc dù* về mặt lý luận thì cách nêu vấn đề của bản thân Êc-vê là phi lý và vô nghĩa. Khi phong trào ở vào một bước chuyển biến mới thì có khi những cái phi lý về mặt lý luận lại bao hàm một chân lý thực tiễn nào đó. Những người dân chủ - xã hội cách mạng, đặc biệt là Rô-da Lú-xăm-bua

trong lời phát biểu của đồng chí ấy, đã nhấn mạnh mặt đó của vấn đề, tức là nhấn mạnh lời kêu gọi chớ nên chỉ coi trọng riêng phương thức đấu tranh nghị trường, lời kêu gọi nên hành động thích hợp với những điều kiện mới của cuộc chiến tranh có thể nổ ra và những cuộc khủng hoảng tương lai. Cùng với những đại biểu dân chủ - xã hội Nga (Lê-nin và Mác-tốp, — trong vấn đề này cả hai đều phát biểu nhất trí), Rô-da Lú-xăm-bua đã đưa ra những điểm sửa đổi cho nghị quyết của Bê-ben, và trong những điểm sửa đổi này, đồng chí ấy đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tiến hành công tác cổ động trong thanh niên, phải lợi dụng khủng hoảng do chiến tranh gây ra nhằm đẩy nhanh sự sụp đổ của giai cấp tư sản; phải nhất thiết tính đến sự thay đổi tất yếu phải có về những phương pháp và biện pháp đấu tranh tùy theo tình hình đấu tranh giai cấp ngày càng thêm gay gắt và tùy theo sự thay đổi của tình hình chính trị. Như vậy, bản nghị quyết của Bê-ben, từ chỗ có tính chất phiến diện một cách giáo điều, cứng nhắc và khiến cho người ta có thể giải thích theo kiểu Phôn-ma, cuối cùng đã trở thành một nghị quyết hoàn toàn mới. Tất cả những chân lý lý luận được nhắc lại trong nghị quyết là một bài học cho những kẻ tán thành Êc-vê, là những kẻ đã chóng quên chủ nghĩa xã hội vì đã quá say mê chống chủ nghĩa quân phiệt. Song những chân lý ấy phải dùng không phải để bênh vực thói ngu ngốc nghị trường, không phải để thừa nhận chỉ riêng biện pháp hòa bình, sùng bái một tình hình tương đối hòa bình và yên tĩnh, mà để thừa nhận tất cả mọi biện pháp đấu tranh, để coi trọng kinh nghiệm của cách mạng Nga, để phát huy mặt tích cực và sáng tạo của phong trào.

Tờ báo của Txét-kin, mà chúng tôi đã nhiều lần nói tới, đã khéo nắm được rất đúng chính ngay cái nét nổi bật nhất và trọng yếu nhất trong nghị quyết của đại hội về chống chủ nghĩa quân phiệt. Txét-kin đã nói về bản nghị quyết chống chủ nghĩa quân phiệt như sau: "Cả ở đây nữa,

ng nghị lực cách mạng (Tatkraft) và lòng tin vững chắc của giai cấp công nhân vào năng lực đấu tranh của mình, cuối cùng đã thắng được một mặt là cái kinh phúc âm bi quan về sự bất lực và cái xu hướng chết cứng cứ khư khư chỉ ôm lấy những phương thức đấu tranh nghị trường cũ rích, và mặt khác là thắng cả cái trò chống chủ nghĩa quân phiệt tầm thường của những người nửa vô chính phủ chủ nghĩa Pháp loại Éc-vê. Bản nghị quyết mà rút cục đã được tiểu ban và gần 900 đại biểu tất cả các nước cùng nhất trí thông qua, đã dùng những lời lẽ cương quyết để nói lên cao trào lớn lao của phong trào công nhân cách mạng từ đại hội quốc tế lần trước tới nay; nghị quyết nhấn mạnh rằng nguyên tắc của sách lược của giai cấp vô sản là phải mềm dẻo, phải có khả năng phát triển, phải ngày càng *sắc bén* (Zuspizung) tùy theo sự chín muồi của những điều kiện để thực hiện sách lược đó".

Tư tưởng Éc-vê đã bị bác bỏ, nhưng nó bị bác bỏ không phải có lợi cho chủ nghĩa cơ hội, cũng không phải đứng trên quan điểm chủ nghĩa giáo điều và tiêu cực. Nguyên vọng mạnh mẽ muốn dùng những phương pháp đấu tranh kiên quyết hơn và mới mẻ hơn, đã được giai cấp vô sản quốc tế hoàn toàn thừa nhận, và nguyên vọng đó được quyết định bởi tất cả những mâu thuẫn kinh tế ngày càng gay gắt và bởi tất cả những điều kiện của những cuộc khủng hoảng do chủ nghĩa tư bản gây ra.

Không phải một sự đe dọa vô ích theo kiểu Éc-vê mà là sự nhận thức rõ tính tất yếu của cách mạng xã hội, là sự quyết tâm sắt đá đấu tranh đến cùng, là sự sẵn sàng dùng những biện pháp đấu tranh cách mạng nhất, — chính đó là ý nghĩa của nghị quyết của Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga về vấn đề chủ nghĩa quân phiệt.

Đội quân của giai cấp vô sản trong tất cả các nước ngày càng lớn mạnh. Sự giác ngộ, sự đoàn kết và sự quyết tâm của họ đang tăng lên không phải là hàng ngày mà là

hàng giờ. Và chủ nghĩa tư bản đã thực tế làm tăng thêm những cuộc khủng hoảng mà đội quân đó nhất định sẽ lợi dụng để đánh đổ chủ nghĩa tư bản.

Viết tháng Chín 1907

In tháng Mười 1907 trong cuốn "Lịch phổ thông năm 1908", do Nhà xuất bản "Hạt giống" xuất bản ở Xanh Pê-téc-bua

Ký tên N. L.

Theo đúng bản in trong cuốn "Lịch"

**NHỮNG CHÚ THÍCH CHO BÀI BÁO
CỦA C. TXÉT-KIN
"ĐẠI HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
QUỐC TẾ Ở STÚT-GA"⁴⁶**

ĐẠI HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ Ở STÚT-GA^{*)}

. . . .

*) Bài này là bản dịch bài xã luận trên tờ bán nguyệt san dân chủ - xã hội Đức "Die Gleichheit" ("Bình đẳng") do Cla-ra Txét-kin chủ biên, và là cơ quan ngôn luận của phong trào nữ công nhân ở Đức. Bài này đã đánh giá Đại hội Stút-ga rất đúng đắn và rất tài tình: nội dung tư tưởng vô cùng lớn lao của các cuộc tranh luận và nghị quyết của đại hội được tóm tắt bằng những luận điểm ngắn gọn, rõ ràng, nổi bật. Về phía mình, chúng tôi bổ sung thêm một vài chú thích cho bài báo này nhằm chỉ cho bạn đọc người Nga thấy rõ một số sự thật mà chúng ta đã được biết qua báo chí xã hội chủ nghĩa Tây Âu, nhưng phần lớn đã bị các tờ báo dân chủ - lập hiến và nửa dân chủ - lập hiến (loại như tờ "Đồng chí" ở nước ta xuyên tạc; những tờ báo này nói sai nhiều về Đại hội Stút-ga.

. . . .

Vấn đề mối quan hệ giữa Đảng dân chủ - xã hội với công đoàn đã chúng tỏ hơn hết sự nhất trí của những người vô sản giác ngộ ở tất cả các nước. Về nguyên tắc, đã không có một ai phản đối cái xu hướng lịch sử cơ bản của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là: kết hợp một cách thật hết sức chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh kinh tế, cũng như đoàn kết các tổ chức chính trị và kinh tế thành một lực lượng thống nhất của giai cấp công nhân xã hội chủ nghĩa. Chỉ có một đại biểu của những người dân chủ - xã hội Nga là

Plê-kha-nốp và đa số trong đoàn đại biểu Pháp đã vin vào những điều kiện riêng của nước họ để định chứng minh bằng những lý lẽ không lấy gì làm vững vàng lắm^{*)} rằng phải có những giới hạn nhất định cho nguyên tắc đó.

. . . .

*) Đoàn đại biểu dân chủ - xã hội Nga ở Stút-ga đã thảo luận sơ bộ những vấn đề về thực chất để cử đại biểu của mình vào tiểu ban. Trong tiểu ban về vấn đề quan hệ giữa công đoàn với các đảng xã hội chủ nghĩa, Plê-kha-nốp không phải là đại biểu của tất cả những người dân chủ - xã hội Nga mà chỉ là đại biểu của những người men-sê-vích. Plê-kha-nốp đã vào tiểu ban để bảo vệ nguyên tắc "*trung lập*". Những người bên-sê-vích đã cử Vôi-nốp vào tiểu ban, đó là người bảo vệ *quan điểm của đảng*, nghĩa là bảo vệ nghị quyết theo tinh thần của Đại hội Luân-đôn chống lại tính trung lập, tán thành việc công đoàn gần gũi hết sức mật thiết với đảng. Do đó, theo con mắt của C. Txét-kin thì "không vững vàng" chính là những lý lẽ của đại biểu của phái men-sê-vích là phái đối lập trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, *chứ không phải là* những lý lẽ của đại biểu của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

. . . .

Và ở đây nghị lực cách mạng và lòng tin vững chắc của giai cấp công nhân vào năng lực đấu tranh của mình, cuối cùng, đã thắng được, một mặt, là thắng cái tin điều bị quan về sự bất lực của mình và tư tưởng bảo thủ cổ hủ chỉ dùng những phương thức đấu tranh nghị trường cũ rích, và mặt khác — là thắng cái trò chống chủ nghĩa quân phiệt quá đơn giản của những người nửa vô chính phủ chủ nghĩa Pháp à la Éc-vê^{*)}.

. . . .

*) Tác giả bài báo, trong khi so sánh đối chiếu cả hai xu hướng xa rời chủ nghĩa xã hội đã bị đại hội bác bỏ: chủ nghĩa nửa vô chính phủ của Éc-vê và chủ nghĩa cơ hội

bao hàm trong các hình thức đấu tranh "chỉ ở nghị trường", không nêu danh một đại biểu nào của chủ nghĩa cơ hội đó. Trong tiểu ban của Đại hội Stút-ga, về vấn đề chủ nghĩa quân phiệt, Van-đéc-ven-đơ cũng đối chiếu như thế, khi phản đối bài diễn văn có tính chất cơ hội chủ nghĩa của Phôn-ma. Phôn-ma có ý ám chỉ việc khai trừ Éc-vê, - Van-đéc-ven-đơ nói, - tôi phản đối việc đó và cảnh cáo trước Phôn-ma, vì việc khai trừ những phần tử cực tả có thể dẫn đến tư tưởng khai trừ cả những phần tử cực hữu (Phôn-ma là một trong những người cơ hội chủ nghĩa Đức "hữu" nhất).

. . . .

Cuối cùng, cả về vấn đề quyền bầu cử của phụ nữ, quan điểm giai cấp hết sức nguyên tắc — coi quyền bầu cử của phụ nữ chỉ là một bộ phận hữu cơ của quyền lợi giai cấp và sự nghiệp giai cấp của giai cấp vô sản — cũng đã thắng quan niệm tư sản cơ hội chủ nghĩa là cái quan niệm hy vọng sẽ mặc cả được các giai cấp thống trị, để cho phụ nữ được hưởng cái quyền bầu cử đã bị cắt xén *).

. . . .

*) Tại đại hội ở Stút-ga, bênh vực cho quan điểm tư sản này chỉ có một phụ nữ Anh thuộc Fabian Society ("Hội Pha-biêng" - một tổ chức của trí thức Anh giả danh xã hội chủ nghĩa, theo quan điểm chủ nghĩa cơ hội cực đoan).

. . . .

Ngoài ra, khi xác nhận quyết định của hội nghị phụ nữ quốc tế về mặt này, đại hội đã tuyên bố rất rõ ràng rằng các đảng xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh của mình đòi quyền bầu cử phải đưa ra và kiên trì bảo vệ yêu sách có tính nguyên tắc về quyền bầu cử của phụ nữ, không tính đến bất kỳ một "lý do về sự tiện lợi" nào hết *).

. . . .

*) Ám chỉ những người dân chủ - xã hội Áo. Về vấn đề phụ nữ, cả trong hội nghị xã hội chủ nghĩa quốc tế của phụ nữ lẫn trong tiểu ban của đại hội đều diễn ra cuộc

luận chiến giữa các nữ đại biểu dân chủ - xã hội Đức với các nữ đại biểu dân chủ - xã hội Áo. Ngay từ trước kia, trên báo chí, C. Txét-kin đã trách cứ những người dân chủ - xã hội Áo về chỗ là khi cổ động cho quyền bầu cử, họ đã rút lui yêu sách đòi quyền bầu cử *cho phụ nữ*. Những đại biểu người Áo đã biện bạch rất vụng về, và điểm sửa chữa của Vích-to Át-lơ — đã thực hiện một cách thận trọng khôn ngoan "chủ nghĩa cơ hội Áo" trong vấn đề này — đã bị tiểu ban bác bỏ với 12 phiếu chống, 9 phiếu thuận.

*Viết tháng Chín - đầu
tháng Mười 1907*

*In tháng Mười 1907 trong
văn tập "Tia chớp", thiên 1.
Xanh Pê-téc-bua*

Theo đúng bản in trong văn tập

LỜI TỰA VIẾT CHO VĂN TẬP "TRONG 12 NĂM"⁴⁷

Văn tập những bài báo và tác phẩm mỏng mà chúng tôi giới thiệu với bạn đọc ở đây bao gồm thời kỳ từ năm 1895 đến 1905. Vấn đề cương lĩnh, sách lược và tổ chức của Đảng dân chủ - xã hội Nga là chủ đề của những tác phẩm được tập hợp ở đây. Những vấn đề này thường xuyên được đặt ra và luôn luôn được nghiên cứu suốt trong cuộc đấu tranh chống phái hữu trong trào lưu mác-xít ở Nga. Lúc đầu, cuộc đấu tranh đó chỉ diễn ra thuần túy về mặt lý luận nhằm phản đối ông Xtơ-ru-vê, đại biểu chủ yếu của chủ nghĩa Mác hợp pháp ở nước ta trong những năm 90 của thế kỷ XIX. Cuối năm 1894 và đầu năm 1895 là thời kỳ chuyển biến đột ngột trong sách báo chính luận hợp pháp ở nước ta. Lần đầu tiên, chủ nghĩa Mác thâm nhập vào sách báo đó, không những nhờ các nhà hoạt động ở nước ngoài của nhóm "Giải phóng lao động" mà còn nhờ những người dân chủ - xã hội ở Nga nữa. Hoạt động sôi nổi trở lại của sách báo và những cuộc tranh luận sôi nổi của những người mác-xít với các thủ lĩnh kỳ cựu của phái dân túy, tức là với những người từ trước tới nay hầu như vẫn chiếm địa vị thống trị tuyệt đối (chẳng hạn như N. C. Mi-khai-lốp-xki) trong sách báo tiến bộ, là màn đầu của một cao trào của quần chúng công nhân Nga. Những hoạt động văn học của những người mác-xít Nga trực tiếp mở đầu cho cuộc đấu tranh tích cực của giai cấp vô sản,

Вл. Ильинъ.



За 12 лѣтъ

СОБРАНИЕ СТАТЕЙ.

Томъ первый.

Два направленія
въ русскомъ марксизмѣ
и русской социалдемократіи.



С.-ПЕТЕРБУРГЪ.

Типографія В. Безобразова и К^о. В. О., Большой пр., д. № 61.
1908.

Bìa văn tập của V. I. Lê-nin "Trong 12 năm"

Ảnh thu nhỏ

cho những cuộc bãi công nổi tiếng ở Pê-téc-bua năm 1896, những cuộc bãi công đã mở ra kỷ nguyên phát triển liên tục của phong trào công nhân, — cái nhân tố hùng mạnh nhất của toàn bộ cuộc cách mạng ở nước ta.

Những người dân chủ - xã hội đó viết trong những điều kiện buộc họ phải nói theo kiểu Ê-dốp và phải tự hạn chế mình trong những nguyên lý chung chung nhất hết sức xa thực tiễn và chính trị. Điều đó đã đặc biệt làm cho những người mác-xít đủ màu đủ vẻ dễ dàng liên minh lại với nhau trong cuộc đấu tranh chống phái dân túy. Tiến hành cuộc đấu tranh đó thì ngoài những người dân chủ - xã hội Nga ở trong và ngoài nước ra, còn có những người như các ông Xtơ-ru-vê, Bun-ga-cốp, Tugan - Ba-ra-nốp-xki, Béc-đi-a-ép, v. v.. Đối với những người dân chủ tư sản ấy thì đoạn tuyệt với phái dân túy có nghĩa là chuyển từ chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản (hoặc chủ nghĩa xã hội nông dân) lên chủ nghĩa tự do tư sản, chứ không phải chuyển lên chủ nghĩa xã hội vô sản như đối với chúng ta.

Hiện nay, lịch sử cách mạng Nga nói chung, lịch sử của Đảng dân chủ - lập hiến nói riêng, và đặc biệt là quá trình tiến triển của ông Xtơ-ru-vê (hầu như đã đi đến chủ nghĩa tháng Mười), đã làm cho chân lý đó trở nên hiển nhiên, biến nó thành điều thường được dùng đến trong sách báo chính luận. Nhưng vào những năm 1894 - 1895 thì người ta phải dựa vào những sự đi chệch tương đối nhỏ của một nhà trước tác này nọ so với chủ nghĩa Mác để chứng minh chân lý đó; lúc ấy, người ta đang còn phải phát hiện ra chân lý đó. Vì thế giờ đây, tôi cho in lại toàn văn tác phẩm của tôi viết để phản đối ông Xtơ-ru-vê (đó là bài "Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơ-ru-vê về nội dung đó"¹⁾ ký tên C. Tu-lin,

1) Xem Toàn tập , tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 1, tr. 433 - 672.

đăng trong tập "Tài liệu về sự phát triển kinh tế ở Nga", Xanh Pê-téc-bua, 1895 đã bị sở kiểm duyệt đốt) và tôi cho in lại như vậy nhằm ba mục đích. Một là, bạn đọc đã biết rõ cuốn sách của ông Xơ-ru-vê và những luận văn của phái dân túy viết để phản đối những người mác-xít trong những năm 1894 - 1895, vì vậy cho nên phê phán quan điểm của ông Xơ-ru-vê là một việc có ý nghĩa. Hai là, lời cảnh cáo ông Xơ-ru-vê của một người dân chủ - xã hội cách mạng đưa ra *cùng một lúc* với những hoạt động chung của chúng tôi chống lại phái dân túy thì vừa có ý nghĩa là sự đáp lại những người đã nhiều lần buộc tội chúng tôi là đã liên kết với những nhân vật như thế, lại vừa là sự đánh giá con đường công danh chính trị rất đặc sắc của ông Xơ-ru-vê. Ba là, cuộc luận chiến cũ và đã lỗi thời về nhiều mặt với ông Xơ-ru-vê cũng có ý nghĩa là một tấm gương bổ ích. Tấm gương đó nói lên giá trị chính trị - thực tiễn của cuộc luận chiến không điều hòa về mặt lý luận. Không biết bao nhiêu lần người ta đã trách những người dân chủ - xã hội cách mạng là đã quá ưa thích luận chiến như vậy với "phái kinh tế", phái Béc-stanh và phái men-sê-vích. Và hiện nay, những lời trách cứ đó đã trở thành một lời nói của miệng của "phái điều hòa" trong nội bộ Đảng dân chủ - xã hội và của những "người cảm tình" nửa xã hội chủ nghĩa ở ngoài đảng. Ở nước ta, người ta rất thích nói rằng người Nga nói chung, người dân chủ - xã hội nói riêng và đặc biệt là những người bôn-sê-vích đều quá ưa thích luận chiến và phân liệt. Ở nước ta, người ta cũng thích quên rằng những điều kiện của các nước tư bản chủ nghĩa nói chung, những điều kiện của cách mạng tư sản ở Nga nói riêng và đặc biệt nhất là những điều kiện sinh sống và hoạt động của những người trí thức nước ta, làm cho người ta quá ưa thích chuyển từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tự do. Xét theo giác độ đó thì cũng không phải là không bổ ích nếu xem xét mười năm trước đây sự việc là như thế nào, ngay hồi đó, về mặt lý luận, đã bắt

đầu xuất hiện những sự bất đồng như thế nào với "chủ nghĩa Xơ-ru-vê", và từ những sự bất đồng nhỏ như thế nào (thoạt nhìn thì thấy là nhỏ) mà đã xảy ra sự phân liệt hoàn toàn về mặt chính trị giữa các chính đảng, đã nảy ra cuộc đấu tranh quyết liệt trong nghị trường cũng như trên hàng loạt cơ quan báo chí và trong các cuộc họp công chúng, v. v..

Tôi cũng phải nêu lên rằng bài báo chống ông Xơ-ru-vê, là dựa vào một bản thuyết trình mà tôi đã đọc vào mùa thu năm 1894 trong một tiểu tổ những người mác-xít hồi đó. Trong tiểu tổ đó, Xt., R. và tôi đại diện cho nhóm những người dân chủ - xã hội hồi đó đã công tác ở Pê-téc-bua và một năm sau đó đã thành lập "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân". Đại diện cho nhóm những nhà trước tác mác-xít hợp pháp có P. B. Xơ-ru-vê, A. N. Pô-tơ-rê-xốp và C. Trong tiểu tổ đó, tôi đã đọc bản thuyết trình nhan đề là: "Sự phản ánh chủ nghĩa Mác trong sách báo tư sản". Như nhan đề đã chỉ rõ, cuộc luận chiến với Xơ-ru-vê, so với bài đăng vào mùa xuân 1895, thì có gay gắt hơn nhiều và có tính chất dứt khoát hơn (đứng về mặt những kết luận dân chủ - xã hội mà nói). Một phần vì lý do kiểm duyệt, một phần là vì muốn "liên minh" với phái mác-xít hợp pháp để cùng nhau đấu tranh chống phái dân túy nên bài đó đã được sửa cho bớt gay gắt đi. Và cái việc những người dân chủ - xã hội ở Pê-téc-bua hồi đó "đẩy" Xơ-ru-vê "sang tả" không phải là hoàn toàn không có kết quả, bài của ông Xơ-ru-vê trong tuyển tập đã bị đốt (1895) và một số bài của ông đăng trên tờ "Lời nói mới"⁴⁸ (1897) đã chứng minh rõ điều đó.

Ngoài ra, khi đọc bài phản đối ông Xơ-ru-vê đăng năm 1895 thì cần phải chú ý rằng về nhiều mặt, bài đó là bản tóm tắt những tác phẩm kinh tế viết sau đó (đặc biệt là cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản"). Cuối cùng, xin bạn đọc lưu ý đến những trang cuối của bài đó, những trang ấy nhấn mạnh, theo quan điểm của người mác-xít, những mặt

và những khía cạnh *tích cực* của phái dân túy, với tư cách là một trào lưu dân chủ cách mạng trong một nước đang ở vào đêm trước của cuộc cách mạng tư sản. Đó là công thức lý luận của chính những luận điểm mà 12 - 13 năm sau đã được biểu hiện về mặt chính trị và thực tiễn trong "khối tả" tại các cuộc bầu cử vào Đu-ma II và trong sách lược "khối tả". Bộ phận những người men-sê-vích đã từng đấu tranh chống tư tưởng chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân và kiên trì ý kiến cho rằng khối tả là tuyệt đối không thể chấp nhận được, thì về phương diện đó, họ đã phản lại truyền thống lâu đời và rất quan trọng của những người dân chủ - xã hội cách mạng, truyền thống mà tạp chí "Bình minh"⁴⁹ và báo "Tia lửa" cũ⁵⁰ đã cố gắng duy trì. Dĩ nhiên là việc thừa nhận một cách có điều kiện và có mức độ sách lược "khối tả", tất nhiên, cũng phải xuất phát từ chính những quan điểm lý luận chủ yếu ấy của chủ nghĩa Mác đối với chủ nghĩa dân túy.

Sau bài phản đối Xtơ-ru-vê (1894 - 1895) thì có bài "Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga"¹⁾ viết cuối năm 1897 căn cứ vào những kinh nghiệm công tác của những người dân chủ - xã hội ở Pê-téc-bua trong năm 1895. Những quan điểm trong những bài và tác phẩm mỏng khác in trong tuyển tập này được trình bày dưới hình thức luận chiến với cánh hữu trong Đảng dân chủ - xã hội, thì trong bài nói trên lại được trình bày dưới hình thức khẳng định. Những lời tựa khác nhau viết cho cuốn "Nhiệm vụ" được in lại là để chỉ rõ mối quan hệ của tác phẩm này với các thời kỳ khác nhau trong sự phát triển của đảng ta (ví dụ lời tựa của Ác-xen-rốt nhấn mạnh mối quan hệ của cuốn sách nhỏ ấy với cuộc đấu tranh chống "chủ nghĩa kinh tế", còn

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 2, tr. 539 - 586.

lời tựa năm 1902 thì lại chỉ rõ sự tiến triển của phái "Dân ý" và phái "Dân quyền").

Bài "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do" được đăng năm 1901 trên tờ "Bình minh" xuất bản ở nước ngoài¹⁾. Bài này có thể nói là đã cắt đứt quan hệ giữa những người dân chủ - xã hội với Xtơ-ru-vê với tính cách là một nhà chính trị. Năm 1895, chúng tôi đã cảnh cáo ông ta và đã thận trọng vạch rõ giới hạn giữa mình với người bạn đồng minh ấy. Năm 1901, chúng tôi lại tuyên chiến với ông ta, coi ông ta là một người thuộc phái tự do không có khả năng bảo vệ một cách ít nhiều triệt để ngay cả những yêu sách thuần túy dân chủ nữa.

Năm 1895, tức là mấy năm trước khi "chủ nghĩa Béc-stanh"⁵¹ xuất hiện ở phương Tây và trước khi cả một loạt những nhà trước tác "tiên tiến" ở Nga đã hoàn toàn đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác, tôi đã chỉ ra rằng ông Xtơ-ru-vê là một người mác-xít không thể tin cậy được, và những người dân chủ - xã hội cần phải tách khỏi ông ta. Năm 1901, tức là mấy năm trước khi Đảng dân chủ - lập hiến xuất hiện trong cách mạng Nga, và trước khi đảng ấy bị đại bại về mặt chính trị trong các Đu-ma I và II, tôi đã nêu bật chính ngay những đặc điểm của chủ nghĩa tự do tư sản ở Nga đã biểu lộ vào những năm 1905 - 1907 trong những hành động và hoạt động chính trị có tính chất quần chúng. Bài "Những An-ni-ban của phái tự do" phê phán những lập luận sai lầm của một người thuộc phái tự do, nhưng rõ ràng là ngày nay sự phê phán ấy lại hầu như hoàn toàn thích dụng với chính sách của đảng tự do chủ nghĩa lớn nhất trong cuộc cách mạng của chúng ta. Đối với những người thích nghĩ rằng tuồng như những người bôn-sê-vích chúng ta đã phản bội chính sách mà trước kia những người dân chủ - xã hội đã tiến hành

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 25 - 89.

đối với chủ nghĩa tự do, khi chúng ta đấu tranh thẳng cánh vào những năm 1905 - 1907 chống những ảo tưởng lập hiến và chống Đảng dân chủ - lập hiến, — đối với những người đó, bài "Những An-ni-ban của phái tự do" sẽ chỉ ra sai lầm của họ. Những người bên-sê-vích vẫn trung thành với những truyền thống của phái dân chủ - xã hội cách mạng và không bao giờ chịu ảnh hưởng của cuồng vọng tư sản đã được phái tự do hưởng ứng trong thời kỳ "đoạn đường lập hiến quanh co" và đã tạm thời làm mờ mất ý thức của cánh hữu trong đảng ta.

Tiếp đến là cuốn "Làm gì?", xuất bản ở nước ngoài vào đầu năm 1902¹⁾. Sách đó nhằm phê phán cánh hữu không phải trong các giới trước tác nữa mà là trong tổ chức dân chủ - xã hội. Năm 1898, Đại hội I của những người dân chủ - xã hội đã được triệu tập, và Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga được thành lập. Tổ chức đảng ở nước ngoài lấy tên là "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga"; nó bao gồm cả nhóm "Giải phóng lao động". Nhưng các cơ quan trung ương của đảng đã bị cảnh sát làm tan vỡ và không thể khôi phục lại được. Trên thực tế thì không có sự thống nhất trong đảng, sự thống nhất ấy chỉ trên phương diện tư tưởng phải theo, chỉ là chỉ thị mà thôi. Lúc đó, sự say mê phong trào bãi công và đấu tranh kinh tế đã làm nảy sinh một hình thức đặc biệt của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào dân chủ - xã hội mà người ta gọi là "chủ nghĩa kinh tế". Khi nhóm "Tia lửa", *đến tận cuối* năm 1900, bắt đầu hoạt động của mình ở nước ngoài thì trên cơ sở đó, sự phân liệt trở thành sự thực. *Mùa xuân* năm 1900, Plê-kha-nốp đã ra khỏi "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga" ở nước ngoài để thành lập tổ chức riêng lấy tên là "Người dân chủ - xã hội".

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 6, tr. 1 - 245.

Về mặt hình thức thì báo "Tia lửa" bắt đầu hoạt động của mình độc lập đối với hai phái đó, nhưng trong thực tế thì đã cùng với nhóm Plê-kha-nốp chống lại "Hội liên hiệp". Mưu toan thống nhất (đại hội của "Hội liên hiệp" và của "Người dân chủ - xã hội" họp ở Xuy-rích hồi tháng Sáu 1901) không thành công. Cuốn "Làm gì?" đã trình bày một cách có hệ thống những nguyên nhân bất đồng ý kiến lẫn tính chất của sách lược và của hoạt động về mặt tổ chức của báo "Tia lửa".

Đối thủ hiện nay của những người bên-sê-vích, tức là những người men-sê-vích và cả các nhà trước tác trong phe tư sản tự do chủ nghĩa nữa (những người dân chủ - lập hiến, phái "Vô đề"⁵² trên báo "Đồng chí", v. v.) thường viện dẫn cuốn sách "Làm gì?". Vì thế tôi cho in lại hầu như toàn vẹn tập sách nhỏ ấy, chỉ bỏ đi những chi tiết về quan hệ tổ chức hoặc những ý kiến luận chiến không quan trọng. Về thực chất của nội dung tập sách này thì cần phải lưu ý bạn đọc hiện nay đến những điểm sau đây:

Sai lầm chủ yếu của những người hiện đang tiến hành luận chiến với cuốn "Làm gì?" là ở chỗ họ đã hoàn toàn tách cuốn sách đó ra khỏi bối cảnh lịch sử nhất định của nó và không tính đến một thời kỳ phát triển nhất định và đã qua từ lâu của đảng ta. Chẳng hạn, Pác-vu-xơ đã biểu lộ sai lầm ấy một cách rõ ràng (đấy là chưa nói tới rất nhiều người men-sê-vích); nhiều năm sau khi xuất bản tập sách ấy, ông ta viết bài nói rằng tập sách nhỏ ấy có những tư tưởng không đúng hoặc phóng đại về tổ chức của những nhà cách mạng chuyên nghiệp.

Giờ đây mà nói như vậy thì chỉ là lối bịch thời: dường như người ta muốn gạt bỏ cả một thời kỳ phát triển của đảng ta, gạt những thành quả mà hồi đó phải đấu tranh mới có được và hiện nay đã được củng cố vững chắc và đã có tác dụng có ích.

Giờ đây mà nói rằng báo "Tia lửa" khuếch đại (*trong*

những năm 1901 và 1902!) tư tưởng về tổ chức của những nhà cách mạng chuyên nghiệp thì cũng giống hệt như *sau* chiến tranh Nga - Nhật, người ta trách người Nhật là đã phóng đại lực lượng quân sự của Nga, là trước khi đánh nhau, đã quan tâm quá mức đến việc chiến đấu chống những lực lượng đó. Hồi đó, muốn chiến thắng, người Nhật phải tập trung toàn bộ lực lượng của mình để chống lại những lực lượng tối đa mà nước Nga có thể huy động được. Đáng tiếc thay, nhiều người cứ phán xét đảng ta, từ bên ngoài, mà không hiểu rõ tình hình, không thấy rằng *ngày nay*, tư tưởng về tổ chức của những nhà cách mạng chuyên nghiệp *đã* thắng hoàn toàn *rồi*. Nhưng hồi đó, không thể có thắng lợi như thế được nếu không đặt tư tưởng đó lên *hàng đầu*, không giải thích "một cách phóng đại" tư tưởng ấy cho những người cản trở việc thực hiện tư tưởng ấy.

Cuốn "Làm gì?" là *sự tổng kết* sách lược và đường lối tổ chức của báo "Tia lửa" trong những năm 1901 và 1902. Đó chính là "*sự tổng kết*", chứ không hơn không kém. Ai chịu khó tìm hiểu báo "Tia lửa" trong những năm 1901 và 1902 thì nhất định sẽ tin như vậy*. Nếu bình luận về sự tổng kết đó nhưng lại không biết và không hiểu rõ cuộc đấu tranh của báo "Tia lửa" chống "chủ nghĩa kinh tế" hồi đó *đang chiếm ưu thế* thì sẽ chẳng đâu vào đâu cả. Báo "Tia lửa" đã đấu tranh xây dựng một tổ chức của những nhà cách mạng chuyên nghiệp, đã đấu tranh đặc biệt kiên quyết trong những năm 1901 và 1902; đã đánh bại "chủ nghĩa kinh tế" hồi đó *đang chiếm ưu thế*, *đã xây dựng* xong xuôi tổ chức đó vào năm 1903, nó đã giữ vững được tổ chức đó, mặc dầu có sự phân liệt đã xảy ra tiếp đó trong phái "Tia lửa", mặc dầu gặp tất cả những cơn sóng gió trong thời kỳ bão táp và tấn công, và đã giữ vững được tổ chức đó trong suốt

* Những bài quan trọng nhất rút trong báo "Tia lửa" trong những năm đó sẽ được tái bản trong tập 3 của văn tập này⁵³.

thời kỳ cách mạng Nga, giữ vững và duy trì nó từ 1901 - 1902 đến 1907.

Và giờ đây, khi cuộc đấu tranh nhằm xây dựng tổ chức đó đã kết thúc từ lâu, khi mà hạt giống đã gieo, quả đã chín, mùa gặt đã xong, thì lại xuất hiện những kẻ la lên rằng: "có sự phóng đại cái tư tưởng về tổ chức của những nhà cách mạng chuyên nghiệp!". Như thế, há chẳng phải đáng tức cười hay sao?

Hãy xét toàn bộ thời kỳ trước cách mạng và 2 năm rưỡi đầu của cách mạng (1905 - 1907). Hãy so sánh Đảng dân chủ - xã hội của chúng ta trong thời gian đó với các chính đảng khác, về các mặt sự đoàn kết nhất trí, tính tổ chức và tính thống nhất kế thừa xem. Các bạn nhất định sẽ phải thừa nhận rằng về mặt *ấy*, đảng ta hơn *tất cả các* đảng khác, hơn cả những người dân chủ - lập hiến, hơn cả những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, v. v., điều đó *không còn chừa cái gì được cả*. Trước cách mạng, Đảng dân chủ - xã hội đã thảo ra cho mình một cương lĩnh mà mọi đảng viên của nó đều chính thức thừa nhận, và khi sửa đổi cương lĩnh đi đôi chút thì cũng không gây ra phân liệt. Từ 1903 đến 1907 (chính thức là từ 1905 đến 1906), mặc dầu có sự phân liệt, nhưng Đảng dân chủ - xã hội đã cung cấp cho công chúng nhiều tài liệu nhất về tình hình nội bộ của mình (biên bản của Đại hội II, đại hội chung, của Đại hội III bôn-sê-vích, của Đại hội IV hay là đại hội chung tại Xtốc-khôn). Mặc dù phân liệt, nhưng so với tất cả các chính đảng khác, thì Đảng dân chủ - xã hội vẫn sớm biết lợi dụng thời kỳ tự do tạm thời để xây dựng một tổ chức hợp pháp có một chế độ dân chủ lý tưởng, có chế độ tuyển cử và chế độ đại biểu trong những đại hội theo số lượng đảng viên nằm trong tổ chức đảng. Cho đến nay, Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng cũng như Đảng dân chủ - lập hiến đều chưa làm được như vậy, tuy rằng Đảng dân chủ - lập hiến, cái đảng tư sản hầu như công khai ấy được tổ chức tốt nhất, có rất nhiều tiền

hơn chúng ta, được tự do sử dụng báo chí và có khả năng sống công khai. Hơn nữa, phải chăng những cuộc bầu cử vào Đu-ma II, mà tất cả các đảng đã tham gia, lại không chứng minh rõ ràng sự đoàn kết nhất trí về mặt tổ chức của đảng ta và của đảng đoàn của ta trong Đu-ma, là cao hơn mọi chính đảng khác hay sao?

Thử hỏi ai đã đem lại, đã thực hiện sự đoàn kết nhất trí, sự vững chắc và ổn định ấy cho đảng ta? Đó là tổ chức của những nhà cách mạng chuyên nghiệp, một tổ chức được thành lập chủ yếu là với sự tham gia của báo "Tia lửa". Phàm những ai hiểu rõ lịch sử đảng ta và đã từng trải qua thời kỳ xây dựng đảng ta thì chỉ cần nhìn lại thành phần đoàn đại biểu của bất kỳ phái nào ở Đại hội Luân-đôn chẳng hạn, cũng sẽ thấy được điều ấy, cũng sẽ thấy ngay được cái hạt nhân cũ, cái hạt nhân gồm những cốt cán đã nhiệt tình chăm lo cho đảng, đã đưa đảng đến chỗ trưởng thành. Dĩ nhiên là điều kiện tiên quyết để giành thắng lợi đó là do chỗ khác với mọi giai cấp khác của xã hội tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân — mà bộ phận ưu tú đã hợp thành Đảng dân chủ - xã hội, — vì những nguyên nhân kinh tế khách quan, có nhiều khả năng tự tổ chức lại nhất. Không có điều kiện ấy thì tổ chức của những nhà cách mạng chuyên nghiệp sẽ là một trò trẻ con, một hành động phiêu lưu, một chiêu bài rỗng tuếch, và cuốn "Làm gì?" đã nhiều lần nhấn mạnh rằng cái tổ chức mà nó bảo vệ đó chỉ có lý do tồn tại nếu được gắn liền với "giai cấp thật sự cách mạng và tự phát đứng lên đấu tranh". Nhưng khả năng khách quan tối đa của giai cấp vô sản trong sự tập hợp thành một giai cấp thì phải do những con người sống thực hiện, trong những hình thức tổ chức nhất định, chứ không thể nào khác thế được. Trong điều kiện lịch sử của nước ta, trong nước Nga vào những năm 1900 - 1905, thì trừ tổ chức "Tia lửa" ra, không một tổ chức nào có thể xây dựng được một đảng công nhân dân chủ - xã hội như đảng đã được xây dựng ngày nay. Nhà cách

mạng chuyên nghiệp đã hoàn thành sự nghiệp của mình trong lịch sử của chủ nghĩa xã hội vô sản Nga. Sự nghiệp đó, cái sự nghiệp từ lâu đã vượt ra ngoài khuôn khổ chật hẹp của các "tiểu tổ" những năm 1902 - 1905, thì hiện nay không có một lực lượng nào có thể phá vỡ được, và những lời ca thán quá muộn về sự phóng đại những nhiệm vụ chiến đấu, sự phóng đại của những người nào trước đây chỉ có đấu tranh mới có thể bảo đảm được việc chuẩn bị đúng đắn cho sự hoàn thành những nhiệm vụ đó, — những lời ca thán ấy cũng không thể nào hạ thấp được ý nghĩa của những thành tựu đã đạt được.

Tôi vừa nhắc đến khuôn khổ chật hẹp của những tiểu tổ trong thời kỳ còn báo "Tia lửa" cũ (từ cuối năm 1903, bắt đầu từ số 51, báo "Tia lửa" đã chuyển sang chủ nghĩa men-sê-vích và đã tuyên bố rằng: "giữa báo "Tia lửa" mới và cũ có một vực thẳm", — đó là một câu trong cuốn sách mỏng của Tơ-rốt-xki, cuốn sách mà ban biên tập men-sê-vích báo "Tia lửa" đã tán thưởng). Chúng tôi phải giải thích đôi lời cho bạn đọc ngày nay về cái lẽ lối tiểu tổ đó. Cả trong cuốn "Làm gì?" lẫn trong cuốn "Một bước tiến, hai bước lùi"¹⁾ xuất bản sau này, bạn đọc đều sẽ thấy được cuộc đấu tranh hăng say, đôi khi gay gắt và tàn khốc, giữa các tiểu tổ ở nước ngoài. Không nghi ngờ gì nữa, cuộc đấu tranh đó có nhiều khía cạnh không được hấp dẫn lắm. Không nghi ngờ gì nữa, cuộc đấu tranh đó giữa các tiểu tổ là một hiện tượng chỉ có thể có trong một phong trào công nhân đang còn rất non trẻ và chưa trưởng thành ở một nước nhất định. Không nghi ngờ gì nữa, muốn để tích cực thực hiện những nhiệm vụ trước mắt của Đảng dân chủ - xã hội, những nhà hoạt động hiện thời của phong trào công nhân hiện nay ở nước Nga phải đoạn tuyệt với nhiều truyền thống tiểu tổ,

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 8, tr. 215 - 502.

phải quên và vứt bỏ nhiều chuyện lặt vặt do sinh hoạt của tiểu tổ và chuyện cãi vã giữa tiểu tổ để lại. Trong hoàn cảnh hoạt động công khai của đông đảo quần chúng, thì chỉ có thu hút những phân tử *vô sản* để mở rộng đảng, mới có thể trừ bỏ được tất cả những vết tích của lối làm việc kiểu tiểu tổ mà quá khứ đã để lại và không còn thích hợp với nhiệm vụ ngày nay nữa. Và bước chuyển sang phương thức dân chủ tổ chức đảng công nhân, bước chuyển mà những người bôn-sê-vích đã từng tuyên bố trên báo "Đời sống mới"⁵⁴ hồi tháng Mười một 1905¹⁾ ngay khi có những điều kiện hoạt động công khai, bước chuyển ấy, về thực chất, là sự cắt đứt vĩnh viễn với cái đã lỗi thời trong lề lối tiểu tổ cũ...

Đúng vậy, cắt đứt với "cái đã lỗi thời" vì chỉ lên án lề lối tiểu tổ thì chưa đủ, mà còn phải biết hiểu rõ tác dụng của tiểu tổ trong những điều kiện đặc biệt của thời đại cũ. Trước kia, những tiểu tổ là cần thiết, chúng đã có tác dụng tích cực. Trong một nước chuyên chế nói chung, và nhất là trong những điều kiện do toàn bộ lịch sử phong trào cách mạng *Nga* tạo nên, thì Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa *chỉ có thể* phát triển được từ các tiểu tổ thôi. Tiểu tổ, tức là nhóm gồm ít người, chật hẹp, đóng cửa, hầu như luôn luôn dựa trên cơ sở sự thân ái giữa cá nhân, tiểu tổ ấy là một bước phát triển tất yếu của chủ nghĩa xã hội và của phong trào công nhân ở Nga. Khi phong trào ấy lớn lên thì nhiệm vụ đặt ra là phải thống nhất các tiểu tổ đó lại, phải xây dựng mối liên hệ vững chắc giữa các tiểu tổ ấy và giữ vững tính kế thừa. Muốn giải quyết nhiệm vụ đó thì không thể không xây dựng một cơ sở hoạt động vững chắc, "ở ngoài tầm tay" của chế độ chuyên chế, *tức là ở nước ngoài*. Như vậy, là do cần thiết mà các tiểu tổ ở nước ngoài xuất hiện. Không có một mối quan hệ gắn liền

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 108 - 114.

các tiểu tổ với nhau, và đảng ở Nga thì cũng chưa có uy tín đối với các tiểu tổ đó; các tiểu tổ đó tất yếu phải có sự bất đồng ý kiến về những nhiệm vụ cơ bản của phong trào lúc ấy, tức là *về cách làm thế nào* để xây dựng một cơ sở hoạt động và theo hướng nào để góp phần giúp xây dựng một đảng chung. Trong những điều kiện đó, cuộc đấu tranh giữa những tiểu tổ đó là không thể tránh được. Giờ đây, khi nhìn lại thời kỳ đã qua, chúng ta sẽ thấy rõ ràng rằng tiểu tổ nào đã thực sự có thể làm tròn chức năng là cơ sở hoạt động. Nhưng hồi đó, khi các tiểu tổ vừa mới bắt đầu hoạt động thì không ai có thể nói lên được điều đó, mà chỉ có đấu tranh mới có thể giải quyết được cuộc tranh luận. Tôi còn nhớ rằng sau này, Pác-vu-xơ đã từng buộc tội tờ "Tia lửa" cũ là đã tiến hành một cuộc đấu tranh tiểu tổ tàn khốc và sau khi sự việc đã qua rồi thì ông ta lại biện hộ cho một chính sách điều hòa. Nhưng nói như vậy sau khi sự việc đã qua rồi thì cũng dễ thôi và nói như vậy thì có nghĩa là tỏ ra không hiểu những điều kiện lúc đó. Một là, lúc bấy giờ, không có lấy một tiêu chuẩn nào để đánh giá lực lượng và *tính nghiêm túc* của tiểu tổ này hay tiểu tổ kia. Ý nghĩa của nhiều tiểu tổ - hiện nay đã bị người ta lãng quên — đã được khuếch đại lên, nhưng hồi đó chúng dùng đấu tranh để chứng minh quyền tồn tại của chúng. Hai là, sự bất đồng giữa các tiểu tổ là ở chỗ *định phương hướng* nào cho công tác mà lúc bấy giờ còn là mới mẻ. Và ngay hồi ấy, tôi đã nhận định (trong cuốn "Làm gì?" rằng sự bất đồng xem ra có vẻ nhỏ, nhưng trong thực tế nó có ý nghĩa rất lớn, vì trong khi bắt tay tiến hành công tác mới và khi phong trào dân chủ - xã hội mới xuất hiện thì việc xác định tính chất chung của công tác đó và của phong trào đó sẽ có ảnh hưởng hết sức lớn đến công tác tuyên truyền, cổ động và tổ chức. Tất cả các cuộc tranh luận về sau này giữa những người dân chủ - xã hội đều xoay quanh vấn đề phương hướng của hoạt động chính trị của đảng công nhân trong từng trường

hợp nhất định. Nhưng lúc đó, những cuộc tranh cãi hướng vào việc xác định những nguyên lý chung nhất và những nhiệm vụ cơ bản của *bất kỳ* một chính sách, đường lối dân chủ - xã hội nào nói chung.

Lẽ lối tiểu tổ đã hoàn thành sứ mệnh của nó và hiện nay, dĩ nhiên là đã lỗi thời rồi. Nhưng sở dĩ nó đã lỗi thời, chính là vì và chỉ vì cuộc đấu tranh của các tiểu tổ đã nêu ra một cách gay gắt nhất những vấn đề cơ bản của phong trào dân chủ - xã hội, đã giải quyết những vấn đề đó trên tinh thần cách mạng không điều hòa, và do đó đã đặt được nền móng vững chắc cho công tác quy mô lớn của đảng.

Cuốn "Làm gì?" đã làm cho giới trước tác đề ra những vấn đề có tính chất cục bộ, và trong số những vấn đề đó, tôi chỉ nêu ra hai vấn đề sau. Năm 1904, khi cuốn "Một bước tiến, hai bước lùi" xuất bản chưa được bao lâu thì trên báo "Tia lửa", Plê-kha-nốp đã tuyên bố rằng ông bất đồng về nguyên tắc với tôi trong vấn đề tính tự phát và tính tự giác. Tôi đã không trả lời tuyên bố ấy (trừ một bài đăng trên báo "Tiến lên"⁵⁵ ở Giơ-ne-vơ) và cũng không trả lời rất nhiều lời nhắc đi nhắc lại vấn đề đó trên các sách báo men-sê-vích; sở dĩ tôi đã không trả lời là vì sự phê bình của Plê-kha-nốp rõ ràng là có tính chất xoi mói vô ích dựa vào những câu đem tách ra khỏi văn bản và những từ ngữ do tôi trình bày một cách chưa hoàn hảo lắm hoặc không hoàn toàn chính xác, và vì sự phê phán đó lại không nói tới nội dung chung và toàn bộ tinh thần của cuốn sách. Cuốn "Làm gì?" được xuất bản vào tháng Ba 1902. Bản dự thảo cương lĩnh của đảng (do Plê-kha-nốp dự thảo, ban biên tập báo "Tia lửa" sửa chữa) được xuất bản vào tháng Sáu hay tháng Bảy 1902. Mối quan hệ giữa tính tự phát và tính tự giác trình bày trong dự thảo đó là phù hợp với ý kiến của toàn thể ban biên tập báo "Tia lửa" (về vấn đề cương lĩnh Plê-kha-nốp và tôi đã tranh luận với nhau trong nội

bộ ban biên tập, nhưng chính ra lại không phải là về vấn đề đó, mà là về vấn đề nền sản xuất lớn sẽ gạt bỏ nền sản xuất nhỏ, và tôi đã yêu cầu phải có một định nghĩa chính xác hơn định nghĩa của Plê-kha-nốp; chúng tôi cũng tranh luận về vấn đề quan điểm khác nhau giữa giai cấp vô sản hay các giai cấp lao động nói chung và tôi yêu cầu phải đưa ra một định nghĩa chặt chẽ hơn về tính chất thuần túy vô sản của đảng).

Vì thế, về vấn đề này thì không thể nói tới bất kỳ một sự khác nhau nào về nguyên tắc giữa dự thảo cương lĩnh và cuốn "Làm gì?". Trong Đại hội II (tháng Tám 1903), Mác-tư-nốp, lúc bấy giờ là người thuộc "phái kinh tế", muốn bác bỏ những quan điểm của chúng tôi về tính tự phát và tính tự giác đã được thể hiện trong cương lĩnh. Tất cả những người thuộc phái "Tia lửa" đều đã phản đối Mác-tư-nốp, như tôi đã nhấn mạnh điều đó trong cuốn "Một bước tiến, v. v."¹⁾. Do đó, rõ ràng là sự bất đồng ý kiến thực ra đã xảy ra giữa phái "Tia lửa" và "phái kinh tế" là phái đã đá kích vào *những điểm giống nhau* giữa cuốn "Làm gì?" với các dự thảo cương lĩnh. Tại Đại hội II, tôi cũng không hề nghĩ tới việc đưa luận điểm của mình nêu trong cuốn "Làm gì?" thành một cái gì có tính chất "cương lĩnh", thành những nguyên tắc đặc biệt. Trái lại, tôi đã dùng một từ ngữ sau này thường được dẫn ra — từ ngữ tay lái bị bẻ cong. Tôi đã nói: cuốn "Làm gì?" đã nắn thẳng lại cái tay lái đã bị "phái kinh tế" bẻ cong đi (xem tập biên bản Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga năm 1903, Giơ-ne-vơ, năm 1904), và chính vì chúng ta kiên quyết nắn cho thẳng lại, nên "cái tay lái" của chúng ta sẽ mãi mãi thẳng nhất²⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 8, tr. 245 - 246.

2) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 7, tr. 331.

Ý nghĩa của những chữ đó là rõ ràng: bằng luận chiến, cuốn "Làm gì?" đã sửa chữa "chủ nghĩa kinh tế" do đó, nếu xét nội dung của cuốn đó mà tách khỏi nhiệm vụ đó của nó thì sai. Tôi muốn lưu ý rằng bài của Plê-kha-nốp viết chống lại cuốn "Làm gì?" *đã không* được in lại trong tuyển tập ("Trong hai năm") của báo "Tia lửa" mới; cho nên bây giờ, tôi không nêu lên ở đây những lập luận của Plê-kha-nốp, mà chỉ giải thích cho bạn đọc hiện nay thấy rõ thực chất của vấn đề thôi, vì bạn đọc có thể gặp những lời viện dẫn vấn đề đó trong rất nhiều trước tác men-sê-vích.

Một ý kiến khác là nói về vấn đề đấu tranh kinh tế và công đoàn. Quan điểm của tôi về vấn đề đó thường hay bị xuyên tạc trong các sách báo. Vì thế, cần phải nhấn mạnh rằng cuốn "Làm gì?" đã dành ra rất nhiều trang để giải thích ý nghĩa *hết sức to lớn* của cuộc đấu tranh kinh tế và của công đoàn. Nói riêng, hồi đó tôi đã tán thành *sự trung lập* của các công đoàn. Kể từ lúc đó, bất luận trong sách hay trong các bài báo của tôi, *tôi đều không nói gì khác đi cả*, không phải như những kẻ đối thủ của tôi đã nhiều lần khẳng định. Chỉ có sau Đại hội Luân-đôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và sau Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga, tôi mới đi đến kết luận rằng không thể bảo vệ *về nguyên tắc* ý kiến về sự trung lập các công đoàn được. Làm cho công đoàn hết sức gần với đảng — chính đó là nguyên tắc duy nhất đúng. Cố gắng làm cho công đoàn gần gũi và gần bó với đảng — chính đó phải là chính sách của chúng ta, chính sách mà chúng ta phải tiến hành một cách kiên nhẫn và kiên định trong toàn bộ công tác tuyên truyền, cổ động và trong hoạt động tổ chức của chúng ta, mà không chạy theo những "sự thừa nhận" suông và cũng không đi đến chỗ gạt bỏ những người không cùng tư tưởng ra khỏi các công đoàn.

* *
*

Cuốn "Một bước tiến, hai bước lùi" được xuất bản ở Giơ-ne-vơ mùa hạ 1904. Nó trình bày giai đoạn thứ nhất của sự phân liệt giữa những người men-sê-vích và bôn-sê-vích, sự phân liệt đã bắt đầu xảy ra tại Đại hội II (tháng Tám 1903). Tôi đã cắt bớt đi gần một nửa cuốn sách đó vì những chi tiết nhỏ nhặt về cuộc đấu tranh trong lĩnh vực tổ chức, đặc biệt là về vấn đề thành phần của các cơ quan trung ương đảng, thì hoàn toàn không gây hứng thú gì cho bạn đọc hiện nay và thực ra cũng chỉ đáng quên đi mà thôi. Nhưng tôi cho rằng điều quan trọng trong cuốn sách đó là việc phân tích cuộc đấu tranh giữa những quan điểm về sách lược và về những vấn đề khác tại Đại hội II, và việc luận chiến chống những quan điểm của phái men-sê-vích về mặt tổ chức: cả hai việc đó đều cần thiết để hiểu rõ chủ nghĩa men-sê-vích và chủ nghĩa bôn-sê-vích là hai trào lưu đã để lại dấu vết của mình trên toàn bộ sự hoạt động của đảng công nhân trong cuộc cách mạng của chúng ta.

Trong số các cuộc tranh luận tại Đại hội II của Đảng dân chủ - xã hội, tôi muốn nêu lên những cuộc tranh luận về cương lĩnh ruộng đất. Không nghi ngờ gì nữa, các sự kiện đã chứng minh rằng cương lĩnh của chúng ta hồi đó (đòi trả lại các mảnh ruộng đất cắt) là hết sức hạn chế và *đã đánh giá thấp* lực lượng của phong trào nông dân dân chủ cách mạng, nhưng tôi sẽ nói tỉ mỉ hơn về điểm này trong tập hai của văn tập này¹⁾. Điều quan trọng ở đây là phải nhấn mạnh *rằng ngay cả* một cương lĩnh ruộng đất *hết sức hạn chế* như cương lĩnh *nói trên cũng còn là quá rộng* đối với con mắt của cánh hữu trong Đảng dân chủ - xã hội hồi đó. Mác-tư-nốp và "những người kinh tế chủ nghĩa" khác đều đã chống lại cương lĩnh đó lấy cớ rằng cương lĩnh đó đã đi

1) Xem tập này, tr. 288 - 291.

quá xa! Qua việc đó, ta có thể thấy được ý nghĩa thực tiễn lớn lao của toàn bộ cuộc đấu tranh của tờ "Tia lửa" cũ chống "chủ nghĩa kinh tế", tức là chống việc thu hẹp và hạ thấp toàn bộ tính chất của chính sách của Đảng dân chủ - xã hội.

Sự bất đồng ý kiến với những người men-sê-vích vào hồi đó (nửa đầu năm 1904) chỉ đóng khung trong các vấn đề tổ chức. Tôi đã gọi lập trường của những người men-sê-vích là "chủ nghĩa cơ hội trong các vấn đề tổ chức". Điều đó đã bị P. B. Ác-xen-rốt phản đối trong một bức thư viết cho Cau-xky: "với trí lực kém cỏi của tôi, tôi không thể hiểu được cái điều gọi là "chủ nghĩa cơ hội trong các vấn đề tổ chức", — cái chủ nghĩa mà người ta nêu nó ra như là một cái gì độc lập, nằm ngoài mối liên hệ hữu cơ với các quan điểm về cương lĩnh và sách lược" (thư gửi Cau-xky ngày 6 tháng Sáu 1904, đăng trong tuyển tập "Trong hai năm" của phái "Tia lửa" mới, ph. II, tr. 149).

Mối liên hệ hữu cơ của chủ nghĩa cơ hội trong các quan điểm về tổ chức và về sách lược là như thế nào, toàn bộ lịch sử của chủ nghĩa men-sê-vích trong những năm 1905 - 1907 đã chỉ ra đầy đủ. Còn về "cái điều không thể hiểu được": "chủ nghĩa cơ hội trong các vấn đề tổ chức", thì cuộc sống thực tế đã chứng minh rất rạch ròi sự đúng đắn trong nhận định của tôi, quá cả sự mong muốn của tôi. Chỉ cần nêu lên rằng ngay cả *anh chàng men-sê-vích* Tsê-rê-va-nin hiện nay cũng buộc phải thừa nhận (xem cuốn sách nhỏ của anh ta về Đại hội Luân-đôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, họp năm 1907) rằng những kế hoạch tổ chức của Ác-xen-rốt (cái "đại hội công nhân" lừng danh, v. v.) chỉ có thể đưa tới những sự phân liệt nguy hại cho sự nghiệp của giai cấp vô sản mà thôi. Nhưng không phải chỉ có thế. Cũng anh chàng men-sê-vích Tsê-rê-va-nin ấy còn kể lại trong tập sách nhỏ đó rằng ở Luân-đôn, Plê-kha-nốp đã từng phải đấu tranh chống "*chủ nghĩa vô chính phủ về mặt tổ chức*" trong nội bộ phái men-sê-vích. Tóm lại, nếu năm 1907,

Tsê-rê-va-nin và Plê-kha-nốp đều đã phải thừa nhận "chủ nghĩa vô chính phủ về mặt tổ chức" của những người men-sê-vích có thanh thế thì năm 1904, tôi đấu tranh chống "chủ nghĩa cơ hội trong các vấn đề tổ chức", như vậy không phải là vô ích.

Từ chủ nghĩa cơ hội trong các vấn đề tổ chức, những người men-sê-vích đã đi đến chủ nghĩa cơ hội trong các vấn đề sách lược. Cuốn "Cuộc vận động của phái hội đồng địa phương và kế hoạch của báo "Tia lửa"¹⁾ (xuất bản ở Giơ-ne-vơ, cuối năm 1904, có lẽ vào tháng Mười một hoặc tháng Chạp) đánh dấu bước thứ nhất của họ trên con đường ấy. Trong sách báo ngày nay, thường thường có thể thấy những đoạn nói rằng sở dĩ có sự bất đồng ý kiến về vấn đề cuộc vận động của phái hội đồng địa phương là vì những người bên-sê-vích cho rằng biểu tình trước các ủy viên của phái hội đồng địa phương thì không có ích lợi gì cả. Bạn đọc sẽ thấy rõ đó là quan điểm hoàn toàn sai lầm. Sở dĩ có sự bất đồng ý kiến là vì những người men-sê-vích hồi đó đã nói đến việc dùng gây *sự kinh hoàng* trong phái tự do, — hơn nữa chính là vì sau cuộc bãi công ở Rô-xtốp năm 1902, sau những cuộc bãi công và chiến đấu bằng chiến lũy ở đường phố vào mùa hạ 1903, thì những người men-sê-vích, ngay trước ngày 9 tháng Giêng 1905, đã tuyên bố rằng việc biểu tình trước phái hội đồng địa phương là một *loại hình* biểu tình *cao nhất*. Trên tờ "Tiến lên", số 1, báo của những người bên-sê-vích (xuất bản ở Giơ-ne-vơ, tháng Giêng 1905), sự đánh giá đó về "kế hoạch cuộc vận động của phái hội đồng địa phương" của những người men-sê-vích đã được thể hiện trong đầu đề bài tiểu luận về vấn đề đó: "Bàn về các cuộc biểu tình thị uy tốt đẹp của những người vô sản và những lời bàn luận không tốt của một số trí thức"²⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 9, tr 93 - 122.

2) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 9, tr. 170 - 178.

Cuốn sách nhỏ cuối cùng được đưa vào tuyển tập này là cuốn "Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ"¹⁾ xuất bản ở Giơ-ne-vơ mùa hạ 1905. Cuốn sách nhỏ này đã trình bày một cách có hệ thống những bất đồng *cơ bản* về sách lược với những người men-sê-vích; những nghị quyết của "Đại hội III Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga" (bôn-sê-vích) họp vào mùa xuân tại Luân-đôn và của hội nghị của những người men-sê-vích họp ở Giơ-ne-vơ đã hoàn toàn chính thức hóa rõ ràng những bất đồng đó, đồng thời làm cho những bất đồng ấy biến thành bất đồng *căn bản* trong việc đánh giá toàn bộ cuộc cách mạng tư sản ở nước ta xuất phát từ những nhiệm vụ của giai cấp vô sản. Những người bôn-sê-vích đã chỉ ra rằng giai cấp vô sản phải giữ vai trò *lãnh tụ* trong cách mạng dân chủ. Những người men-sê-vích thì quy vai trò đó của giai cấp vô sản thành vai trò làm "phái đối lập cực đoan". Những người bôn-sê-vích đã xác định một cách chính diện tính giai cấp và ý nghĩa giai cấp của cách mạng, cho rằng một cuộc cách mạng thắng lợi là một cuộc cách mạng dẫn đến "chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân". Những người men-sê-vích luôn luôn giải thích khái niệm cách mạng tư sản một cách sai đến nỗi họ đi đến chỗ nhận cho giai cấp vô sản một vai trò làm kẻ phụ thuộc và tùy thuộc vào giai cấp tư sản trong cách mạng.

Ai cũng biết rằng những bất đồng ý kiến có tính nguyên tắc đó đã ảnh hưởng đến công tác thực tiễn như thế nào. Những người bôn-sê-vích đã tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin, còn những người men-sê-vích thì do dự. Những người bôn-sê-vích đã tẩy chay Đu-ma Vít-te, còn những người men-sê-vích thì do dự, họ kêu gọi đi tuyển cử, nhưng lại không phải là tuyển cử vào Đu-ma⁵⁶. Trong Đu-ma I, những người men-

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 11, tr 1- 168.

sê-vích ủng hộ nội các dân chủ - lập hiến và ủng hộ chính sách của Đảng dân chủ - lập hiến, còn những người bôn-sê-vích thì kiên quyết vạch trần những ảo tưởng lập hiến và tính chất phản cách mạng của Đảng dân chủ - lập hiến, đồng thời tuyên truyền chủ trương thành lập "ban chấp hành của phái tả"⁵⁷. Sau nữa, khi bầu Đu-ma II, những người bôn-sê-vích chủ trương lập khối liên minh cánh tả, còn những người men-sê-vích lại liên minh với bọn dân chủ - lập hiến, v.v.và v. v..

Hiện nay, "thời kỳ dân chủ - lập hiến" trong cách mạng Nga (cách nói trong cuốn sách nhỏ: "Thắng lợi của phái dân chủ - lập hiến và nhiệm vụ của đảng công nhân", xuất bản tháng Ba 1906)¹⁾ hình như đã chấm dứt rồi. Tính chất phản cách mạng của phái dân chủ - lập hiến đã bị vạch trần hoàn toàn. Bản thân những người dân chủ - lập hiến cũng bắt đầu thừa nhận là họ đã luôn luôn chống lại cách mạng, và ngài Xtơ-ru-vê thì cuối cùng cũng thẳng thắn thổ lộ hết những tư tưởng thâm kín của chủ nghĩa tự do của những người dân chủ - lập hiến. Giai cấp vô sản giác ngộ hiện nay càng chăm chú nhìn lại toàn bộ thời kỳ dân chủ - lập hiến đó nói chung, toàn bộ "đoạn đường lập hiến quanh co" đó, thì sẽ càng thấy rõ rằng những người bôn-sê-vích đã biết đánh giá trước và hoàn toàn đúng cả thời kỳ đó lẫn thực chất của Đảng dân chủ - lập hiến, rằng quả thật những người men-sê-vích đã thực hiện một chính sách sai lầm, một chính sách mà ý nghĩa khách quan là thay thế chính sách vô sản độc lập bằng chính sách nhằm làm cho giai cấp vô sản phải chịu sự chi phối của chủ nghĩa tự do tư sản.

* *
*

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 319 - 420.

Nhìn chung lại cuộc đấu tranh giữa hai trào lưu trong chủ nghĩa Mác ở Nga và trong Đảng dân chủ - xã hội Nga trong 12 năm qua (1895 - 1907), không thể không đi đến kết luận rằng "chủ nghĩa Mác hợp pháp", "chủ nghĩa kinh tế" và "Chủ nghĩa men-sê-vích" là những hình thức biểu hiện khác nhau của cùng một xu hướng lịch sử. "Chủ nghĩa Mác hợp pháp" của ông Xtơ-ru-vê (1894) và của những kẻ giống ông ta là *sự phản ánh chủ nghĩa Mác trong sách báo tư sản*. "Chủ nghĩa kinh tế", với tư cách là một xu hướng riêng biệt trong hoạt động của phái dân chủ - xã hội vào năm 1897 và những năm sau đó, đã thực hiện, trong thực tế, cương lĩnh "*Credo*^{m)} *tư sản tự do chủ nghĩa*: công nhân thì đấu tranh kinh tế, phái tự do thì đấu tranh chính trị. Còn chủ nghĩa men-sê-vích thì không những chỉ là một trào lưu trong giới trước tác, không những chỉ là một xu hướng trong hoạt động của phái dân chủ - xã hội, mà còn là một phái cố kết, nó đã thực hành trong giai đoạn thứ nhất của cách mạng Nga (1905 - 1907) một chính sách riêng biệt *nhằm thực tế làm cho giai cấp vô sản chịu sự chi phối của chủ nghĩa tự do tư sản*^{*}.

Trong tất cả mọi nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp vô sản tất yếu phải gắn liền với kẻ lảng giềng bên phải của

* Sự phân tích cuộc đấu tranh giữa các trào lưu và các xu hướng khác nhau trong Đại hội II của đảng (xem cuốn "Một bước tiến, hai bước lùi", 1904) đã chứng minh một cách không chối cãi được rằng có một mối liên hệ trực tiếp giữa "chủ nghĩa kinh tế" hồi 1897 và mấy năm về sau với "chủ nghĩa men-sê-vích". Còn về mối liên hệ giữa "chủ nghĩa kinh tế" trong phong trào dân chủ - xã hội với "chủ nghĩa Mác hợp pháp" hoặc với "chủ nghĩa Xtơ-ru-vê" hồi 1895 - 1897, thì tôi đã chỉ rõ trong cuốn "Làm gì?" (1902). Chủ nghĩa Mác hợp pháp - chủ nghĩa kinh tế - chủ nghĩa men-sê-vích không những chỉ gắn liền với nhau về mặt tư tưởng, mà còn gắn liền với nhau bởi sự kế thừa lịch sử trực tiếp nữa.

1) – tượng trưng của lòng tin, cương lĩnh, bản trình bày thế giới quan

mình tức là với giai cấp tiểu tư sản, bằng hàng nghìn bạc thang trung gian. Trong tất cả mọi chính đảng công nhân, tất yếu phải hình thành một cánh hữu ít nhiều rõ nét mà trong các quan điểm của nó, trong sách lược và "đường lối" tổ chức của nó, nó đại biểu cho xu hướng của chủ nghĩa cơ hội tiểu tư sản. Trong một nước tiểu tư sản như nước Nga, vào thời kỳ cách mạng tư sản, vào thời kỳ phôi thai của Đảng công nhân dân chủ - xã hội non trẻ thì những xu hướng ấy không thể không biểu hiện ra một cách mãnh liệt, cụ thể và rõ ràng nhiều hơn là ở bất kỳ một nước nào ở châu Âu. Tìm hiểu các hình thức biểu hiện của xu hướng đó trong những thời kỳ phát triển khác nhau của Đảng dân chủ - xã hội Nga, đó là điều cần thiết để củng cố chủ nghĩa Mác cách mạng, để tôi luyện giai cấp công nhân Nga trong cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp đó.

Tháng Chín 1907.

In tháng Mười một

*1907 trong tuyển tập do
Nhà xuất bản "Hạt giống"
xuất bản ở Xanh Pê-téc-bua*

Theo đúng bản in trong tuyển tập

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN CHỐNG CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT VÀ CÁC HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN CÔNG NHÂN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Như mọi người đều biết, Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga đã thảo luận vấn đề chủ nghĩa quân phiệt, và nhân vấn đề đó, đại hội cũng đã thảo luận cả vấn đề công tác tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt. Trong nghị quyết đã được thông qua về vấn đề này cũng có nói là đại hội cho rằng các giai cấp lao động có nghĩa vụ phải "giúp đỡ sao cho thanh niên công nhân được giáo dục theo tinh thần tình anh em giữa các dân tộc và chủ nghĩa xã hội và thấm nhuần tinh thần tự giác giai cấp". Đại hội coi đó là điều bảo đảm cho quân đội không còn phải là công cụ mù quáng trong tay các giai cấp cầm quyền nữa, một công cụ mà chúng tùy ý sử dụng và bất kỳ lúc nào cũng có thể đưa ra để chống lại nhân dân.

Tiến hành tuyên truyền trong binh lính tại ngũ là điều cực kỳ khó khăn, đôi khi hầu như không thể làm được. Sinh hoạt trong trại lính, chế độ giám sát gắt gao, tình trạng ít khi được vắng mặt, — tất cả những điều đó hết sức trở ngại cho những mối quan hệ với thế giới bên ngoài; kỷ luật quân sự, sự tập luyện vô nghĩa đã làm cho binh sĩ sợ hãi; những thủ lĩnh quân sự hết sức nỗ lực để loại ra khỏi "con vật ngu đần" mọi tư tưởng sống, mọi tình cảm của con người, nhồi nhét cho nó ý thức tuân theo một cách mù quáng, độc ác một cách vô nghĩa và dã man đối với kẻ thù "bên trong" và "bên ngoài"... Tiếp cận những người lính đã bị tách khỏi

môi trường bình thường, sống đơn độc, tăm tối và đầy lo âu, đầu óc đã bị nhồi nhét những quan điểm dã man nhất đối với mọi cái xung quanh, — tiếp cận những người như thế khó hơn rất nhiều so với lớp thanh niên đến tuổi nhập ngũ, sống trong lòng gia đình và bè bạn là những người gắn bó chặt chẽ với họ vì những lợi ích chung. Công tác tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt trong thanh niên công nhân đã đem lại những kết quả rất tốt ở khắp nơi. Và điều đó có một ý nghĩa rất to lớn. Người công nhân gia nhập hàng ngũ quân đội mà là một người dân chủ - xã hội giác ngộ thì đó là một chỗ dựa tối tệ đối với chính quyền của bọn hữu sản.

Ở tất cả các nước châu Âu đều có các hội liên hiệp thanh niên công nhân xã hội chủ nghĩa. Ở một số nước, ví dụ ở Bỉ, Áo, Thụy-điển, các hội liên hiệp này là những tổ chức lớn thực hiện công tác quan trọng của đảng. Dĩ nhiên, mục đích chính của các hội liên hiệp thanh niên là tự học, bồi dưỡng cho mình một thế giới quan xã hội chủ nghĩa hoàn chỉnh rõ ràng. Nhưng bên cạnh đó, các hội liên hiệp thanh niên cũng phải tiến hành công tác thực tiễn nữa. Họ đấu tranh để cải thiện hoàn cảnh của học viên, cố gắng bảo vệ học viên chống lại sự bóc lột vô hạn độ của bọn chủ. Các hội liên hiệp thanh niên công nhân xã hội chủ nghĩa còn dành nhiều thời gian và chú ý nhiều hơn nữa đến công tác tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt.

Với mục đích ấy, họ cố gắng thiết lập những mối liên hệ chặt chẽ với anh em binh sĩ trẻ. Việc ấy có thể đạt được bằng cách làm như sau. Khi người công nhân trẻ chưa nhập ngũ, anh ta là hội viên hội liên hiệp, đóng hội phí. Khi anh ta trở thành người lính, hội liên hiệp tiếp tục duy trì những mối quan hệ thường xuyên với anh ta, hội đều đặn gửi cho anh ta một món tiền giúp đỡ không lớn lắm ("đồng xu binh sĩ", như ở Pháp người ta vẫn gọi như thế);

sự giúp đỡ này tuy bản thân nó thì bé nhỏ, nhưng đối với người lính lại có một ý nghĩa rất quan trọng. Ngược lại, về phía mình, người lính có trách nhiệm phải thông báo đều đặn cho hội biết rõ tất cả những gì xảy ra trong doanh trại nơi mình đóng, viết những cảm tưởng của mình. Như vậy, tuy phục vụ tại ngũ, người lính vẫn không mất liên lạc với cái tổ chức mà anh ta là một thành viên.

Người ta luôn luôn cố gắng tìm cách đẩy người lính đi phục vụ thật xa nơi quê hương của họ. Làm như thế người ta trù tính làm cho người lính sẽ không còn bị một lợi ích nào ràng buộc với dân cư địa phương nữa và sẽ tự mình cảm thấy xa lạ với dân cư địa phương. Lúc đó người ta sẽ bắt lính phục tùng mệnh lệnh một cách dễ dàng hơn: bắn vào đám đông dân chúng. Các hội liên hiệp thanh niên công nhân đang cố gắng xóa bỏ sự cách biệt giữa người lính với dân cư địa phương. Các hội liên hiệp thanh niên đang liên lạc với nhau. Khi đến một thành phố mới thì người lính, cựu hội viên hội liên hiệp thanh niên ở quê hương mình, sẽ được hội liên hiệp ở địa phương đón tiếp như một người khách đang mong đợi; người ta đưa ngay anh ta vào phạm vi những lợi ích của địa phương, giúp đỡ cái gì có thể giúp được. Anh ta không còn là người lạ nữa, không còn là người mới đến nữa. Anh ta cũng biết rằng nếu có điều gì bất hạnh đến với mình thì sẽ có người giúp đỡ, có người ủng hộ. Sự nhận thức đó đem lại cho người lính lòng dũng cảm, người lính ấy xử sự gan dạ hơn ở trong trại lính, bảo vệ những quyền và phẩm chất con người của mình một cách can đảm hơn.

Những mối liên hệ chặt chẽ với anh em binh lính trẻ tạo ra cho các hội liên hiệp thanh niên có khả năng tiến hành công tác tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt một cách rộng rãi trong anh em binh lính. Người ta làm việc này chủ yếu là nhờ vào sách báo chống chủ nghĩa quân phiệt mà các hội liên hiệp thanh niên xuất bản và phân

phát với một khối lượng rất lớn, nhất là ở Pháp, ở Bỉ, cũng như ở Thụy-sĩ, Thụy-điển, v. v.. Nội dung của sách báo này thật hết sức muôn màu muôn vẻ: những bưu ảnh có nội dung chống chủ nghĩa quân phiệt, những ca khúc của binh lính có nội dung chống chủ nghĩa quân phiệt (nhiều bài hát này rất phổ biến trong anh em binh lính), "sách sơ học vấn đáp của anh em binh lính" (ở Pháp sách này được phân phát trên 100 000 bản), sách nhỏ đủ loại, những lời hiệu triệu, truyền đơn; báo và tạp chí cho anh em binh lính có loại được ra hàng tuần, loại ra hai tuần một số, loại ra một tháng một số, một vài tờ báo và tạp chí ấy có in các tranh ảnh. "Trại lính", "Tân binh", "Người lính trẻ", "Pi-u-pi-u" (biệt danh âu yếm của anh tân binh trẻ), "Tiến lên" được phát hành rất rộng rãi. Chẳng hạn ở Bỉ, các báo "Tân binh" và "Trại lính" phát hành mỗi số 60 000 tờ. Đặc biệt nhiều tạp chí được xuất bản vào đợt tuyển quân. Những số đặc biệt của các báo dành cho binh lính được gửi đến tất cả những tân binh. Sách báo chống chủ nghĩa quân phiệt được đưa đến tận tay anh em binh lính ở trong trại, được chuyển cho họ ở trên đường phố, binh lính tìm mua sách báo ấy trong các quán cà-phê, các quán ăn và tất cả nơi nào mà họ vừa tới.

Những tân binh được đặc biệt chú ý đến nhiều. Người ta tổ chức những buổi tiễn đưa long trọng. Trong thời gian tuyển quân, ở các thành phố, người ta tổ chức những đám rước. Chẳng hạn ở Áo, các tân binh mặc đồ tang, trong tiếng nhạc đưa ma đi diễu qua khắp thành phố. Đi trước họ là một chiếc xe tải sơn màu đỏ. Khắp nơi, trên tường, dán la liệt các áp-phích đỏ in các chữ lớn: "Các anh đừng bắn vào nhân dân!". Để chào mừng tân binh, người ta tổ chức các buổi liên hoan trong đó người ta đọc những bài diễn văn sôi nổi chống chủ nghĩa quân phiệt. Tóm lại là làm tất cả mọi thứ để thức tỉnh ý thức giác ngộ của tân binh, để đảm bảo giữ cho họ không bị ảnh hưởng độc hại của

những tư tưởng và tình cảm mà trong các trại lính người ta luôn luôn dùng đủ mọi thủ đoạn để làm cho họ tiêm nhiễm dần.

Và công tác của thanh niên xã hội chủ nghĩa không phải là vô ích. Ở Bỉ, trong binh lính có gần 15 hội liên hiệp binh lính, phần lớn đã sát cánh với Đảng công nhân dân chủ - xã hội và liên hệ chặt chẽ với nhau. Có những trung đoàn trong đó hai phần ba binh lính nằm trong tổ chức. Ở Pháp, tâm trạng chống chủ nghĩa quân phiệt trở thành phổ biến. Trong thời gian có bãi công ở Đuyn-kiéc-khen, Crê-dô, Lông-gơ-vi, Mông-xô-lơ - Mìn, những người lính bị đẩy đi chống lại những người bãi công đã tuyên bố đồng tình với những người bãi công...

Mỗi ngày trong hàng ngũ quân đội, số người dân chủ - xã hội một tầng lên, quân đội trở nên ngày một không thể tin cậy được. Khi giai cấp tư sản phải mặt đối mặt với giai cấp công nhân có tổ chức thì quân đội sẽ đứng về phía ai? Thanh niên công nhân xã hội chủ nghĩa, với tất cả nghị lực và nhiệt tình vốn có của thanh niên, đang dốc sức làm cho quân đội đứng về phía nhân dân.

"Tiến lên", số 16,
ngày 8 tháng Mười 1907

Theo đúng bản đăng trên báo
"Tiến lên"

CÁCH MẠNG VÀ PHẢN CÁCH MẠNG

Tháng Mười 1905, nước Nga đã trải qua một cao trào cách mạng lớn nhất. Giai cấp vô sản đã gạt Đu-ma Bu-lư-ghin ra khỏi đường đi của mình và lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân tham gia đấu tranh trực tiếp chống chế độ chuyên chế. Vào tháng Mười 1907, chúng ta chắc hẳn đã trải qua một thời kỳ thoái trào nhất của cuộc đấu tranh công khai của quần chúng. Nhưng thời kỳ thoái trào bắt đầu từ sau thất bại hồi tháng Chạp 1905, không những đã làm cho những ảo tưởng lập hiến nảy nở, mà cũng làm cho những ảo tưởng đó hoàn toàn tan vỡ. Đu-ma III, được triệu tập sau khi giải tán hai Đu-ma trước và sau cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu, đã chấm dứt một cách rõ ràng thời kỳ tin tưởng vào sự chung sống hòa bình giữa chế độ chuyên chế và chế độ đại nghị nhân dân và đã mở ra một thời đại mới trong sự phát triển của cách mạng.

Trong một thời kỳ như thời kỳ hiện chúng ta đang sống, thì một điều tự nhiên nảy sinh: so sánh giữa cách mạng với phản cách mạng ở Nga, giữa thời kỳ tiến công của cách mạng (1905) với thời kỳ trong đó thế lực phản cách mạng "chơi trò" hiến pháp (1906 và 1907). Bất cứ một sự xác định nào về đường lối chính trị trước mắt, đều nhất thiết phải có sự so sánh đó. Đem đối lập những "sai lầm của cách mạng" hoặc "ảo tưởng cách mạng" với "công tác lập hiến thực tế", đó là chủ đề của những sách báo chính trị

hiện nay. Trong các cuộc mít-tinh tranh cử, những người dân chủ - lập hiến đều lớn tiếng nêu ra điều đó. Báo chí thuộc phái tự do cũng đang ca ngợi, đang lớn tiếng nêu ra và nói đi nói lại điều đó. Tham gia việc đó có cả ông Xtơ-ru-vê, kẻ đã hăng say và điên cuồng trút nổi bức tức của ông ta lên đầu những người cách mạng khi thấy những hy vọng "thỏa hiệp" của ông ta đã sụp đổ hoàn toàn. Có cả Mi-li-u-cốp, kẻ mà tiến trình các sự biến đã buộc, mặc dù tất cả cái về ông ọ và giả nhân giả nghĩa của ông ta, phải tuyên bố một cách rõ ràng, chính xác và — đây là điều chủ yếu — thực thà rằng: "kẻ thù là ở phía tả". Có cả những nhà chính luận thuộc loại những người trên báo "Đồng chí", như Cu-xcô-va, Xmiéc-nốp, Plê-kha-nốp, Goóc-nơ, Ioóc-đan-xki, Tsê-rê-va-nin, v. v., họ lên án cuộc đấu tranh hồi tháng Mười - tháng Chạp là điên rồ, và tuyên truyền một cách ít nhiều công khai cho sự liên minh "dân chủ" với phái dân chủ - lập hiến. Những phần tử thật sự dân chủ - lập hiến trong cái trào lưu bản thủ ấy đại biểu cho lợi ích phản cách mạng của giai cấp tư sản và cho sự đòi hỏi hết mức của bọn tiểu tư sản trí thức. Còn những phần tử chưa hoàn toàn rơi xuống ngang với Xtơ-ru-vê thì có đặc điểm nổi bật nhất là *không hiểu được* mối liên hệ giữa cách mạng và phản cách mạng ở Nga, là không có khả năng nhìn nhận tất cả những sự kiện mà chúng ta đã trải qua là cả một phong trào xã hội phát triển theo cái lô-gích nội tại của nó.

Thời kỳ tấn công của cách mạng đã cho thấy rõ, *trên thực tế*, cơ cấu giai cấp của dân cư nước Nga và thái độ của các giai cấp khác nhau đối với chế độ chuyên chế cũ. Ngày nay, những sự biến đã làm cho tất cả mọi người, thậm chí cho cả những người hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa Mác, đều thấy ngày 9 tháng Giêng 1905, tức phong trào chính trị *tự giác* đầu tiên của quần chúng thuộc một giai cấp nhất định, là bước đầu của một kỷ nguyên cách mạng.

Khi Đảng dân chủ - xã hội xuất phát từ sự phân tích thực tế kinh tế của nước Nga mà đã rút ra kết luận rằng trong cuộc cách mạng ở nước ta, giai cấp vô sản đóng vai trò lãnh đạo, nắm độc quyền lãnh đạo, — thì người ta liền cho rằng đó là một lối say mê lý thuyết suông của các nhà lý luận. Nhưng cách mạng đã chứng minh lý luận của chúng ta là đúng, vì đó là lý luận duy nhất thực sự cách mạng. Trong thực tế, giai cấp vô sản đã luôn luôn lãnh đạo cách mạng. Trong thực tế, Đảng dân chủ - xã hội là đội tiên phong của giai cấp vô sản về mặt tư tưởng. Cuộc đấu tranh của quần chúng, dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, đã phát triển nhanh chóng khác thường, nhanh chóng hơn cái mức mà nhiều nhà cách mạng vẫn mong đợi. Trong vòng một năm, cuộc đấu tranh đó đã phát triển đến những hình thức tiến công cách mạng kiên quyết nhất trong lịch sử, thành cuộc bãi công quần chúng và khởi nghĩa vũ trang. Ngay trong tiến trình đấu tranh của mình, tổ chức của quần chúng vô sản đã lớn mạnh nhanh chóng lạ thường. Theo sau giai cấp vô sản, những tầng lớp khác trong dân cư, tức là những thành viên chiến đấu của nhân dân cách mạng, cũng bắt đầu được tổ chức lại. Trước hết là quần chúng nửa vô sản gồm đủ mọi loại công chức, rồi đến phái dân chủ nông dân, giới trí thức chuyên nghiệp, v.v., đã được tổ chức lại. Thời kỳ thắng lợi của giai cấp vô sản là thời kỳ mà tính tổ chức của quần chúng nói chung phát triển chưa từng thấy ở nước Nga và phát triển rất nhanh chóng ngay cả đứng về phương diện châu Âu mà nói. Trong thời kỳ đó, giai cấp vô sản đã giành được một loạt những sự cải thiện về điều kiện lao động của mình. Quần chúng nông dân đã giành được "sự giảm bớt" chuyên quyền của địa chủ, sự hạ thấp địa tô và tiền chuộc ruộng. Toàn thể nước Nga đã giành được những quyền quan trọng về tự do hội họp, ngôn luận và lập hội, bắt buộc chế độ chuyên chế phải vứt bỏ, trên quy mô cả nước, các chế độ cũ và thừa nhận hiến pháp.

Tất cả mọi cái do phong trào giải phóng ở Nga đã giành được cho đến nay thì hoàn toàn là và chỉ là kết quả của cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng do giai cấp vô sản đứng đầu.

Khi cuộc khởi nghĩa tháng Chạp thất bại, thì mới bắt đầu có sự chuyển biến trong quá trình phát triển của cuộc đấu tranh. Cuộc đấu tranh của quần chúng yếu đi chừng nào thì thế lực phản cách mạng càng chuyển sang thế tấn công chừng ấy. Trong thời kỳ Đu-ma I, cuộc đấu tranh đó đang còn tỏ ra rất mạnh: phong trào nông dân được tăng cường, những sào huyệt của bọn địa chủ - chủ nô bị phá hủy trên quy mô rộng lớn, hàng loạt cuộc binh biến nổ ra. Cho nên hồi đó, các thế lực phản động chỉ tiến từ từ chứ không dám làm ngay cuộc chính biến. Chỉ đến khi các cuộc khởi nghĩa Xvi-boóc-gơ và Crôn-stát bị trấn áp vào tháng Bảy 1906 thì thế lực phản động mới mạnh dần lên, lập một chế độ tòa án quân sự dã chiến, bắt đầu xóa bỏ dần quyền bầu cử (lời giải thích của Pháp viện tối cao⁵⁸), cuối cùng đi tới dùng cảnh sát bao vây Đu-ma II và xóa bỏ toàn bộ cái hiến pháp lũng danh. Lúc đó, mọi tổ chức tự do, tự ý thành lập của quần chúng đều chuyển thành cuộc "đấu tranh hợp pháp" trong khuôn khổ của cái hiến pháp cảnh sát do bọn Đu-ba-xốp và Xtô-lư-pin giải thích. Sự lãnh đạo của Đảng dân chủ - xã hội đã bị thay thế bằng sự lãnh đạo của bọn dân chủ - lập hiến là những kẻ thống trị trong cả hai Đu-ma. Thời kỳ thoái trào của phong trào quần chúng là thời kỳ toàn thịnh của Đảng dân chủ - lập hiến. Đảng này đã đóng vai trò "kẻ bảo vệ" hiến pháp mà lợi dụng thoái trào đó. Đảng này đã hết sức làm cho nhân dân tin vào hiến pháp đó, đồng thời tuyên truyền sự cần thiết phải tự hạn chế trong chính cái phạm vi đấu tranh "nghị trường".

Sự phá sản của "hiến pháp dân chủ - lập hiến" là sự phá sản của sách lược và sự lãnh đạo của Đảng dân chủ - lập hiến trong cuộc đấu tranh giải phóng. So sánh hai thời

kỳ cách mạng đó thì thấy rõ ràng tính chất giai cấp, vụ lợi trong tất cả những lập luận của phái tự do ở nước ta về những "ảo tưởng cách mạng" và những "sai lầm của cách mạng". Cuộc đấu tranh quần chúng của giai cấp vô sản đã mang lại những thành quả cho toàn thể nhân dân. Phái tự do lãnh đạo phong trào thì không đem lại cho nhân dân cái gì cả ngoài những thất bại. Cuộc tiến công cách mạng của giai cấp vô sản đã không ngừng nâng cao giác ngộ của quần chúng và tính tổ chức của họ, đặt ra cho họ những nhiệm vụ ngày càng cao, tăng thêm sự tham gia độc lập của họ vào sinh hoạt chính trị và rèn luyện cho họ đấu tranh. Sự lãnh đạo của phái tự do trong thời kỳ hai Đu-ma chỉ hạ thấp giác ngộ của quần chúng, phá hoại tính tổ chức cách mạng của họ, làm giảm sút nhận thức của họ về những nhiệm vụ dân chủ.

Những lãnh tụ thuộc phái tự do trong Đu-ma I và II đã biểu diễn một cách tuyệt diệu trước nhân dân một cuộc "đấu tranh" hợp pháp có tính chất quy lụy, mà kết quả là bọn chủ nô chuyên chế đã sở toet cái thiên đường lập hiến của bọn ba hoa thuộc phái tự do, đồng thời còn chế giễu cái lối ngoại giao tinh tế của những kẻ hay đi đến phòng chờ của các bộ trưởng. Trong suốt thời kỳ cách mạng Nga, phái tự do đã không đạt được một thành quả nào, không có một cống hiến nào, mà cũng chẳng làm được một chút việc nào có lợi cho dân chủ, để tổ chức lực lượng nhân dân trong cuộc đấu tranh giành tự do.

Trước tháng Mười 1905, phái tự do đôi khi đã giữ thái độ trung lập có thiện cảm đối với cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng, nhưng ngay thời kỳ đó họ cũng đã bắt đầu phản đối cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng bằng cách phái một đoàn đại biểu đến quy lụy trước Nga hoàng, ủng hộ Đu-ma Bu-lư-ghin, và họ làm như vậy không phải vì thiếu suy nghĩ mà là vì thù địch công khai với cách mạng. Sau tháng Mười 1905, phái tự do chỉ toàn là phản bội một cách nhục nhã sự nghiệp tự do của nhân dân mà thôi.

Tháng Mười một 1905, họ lên lút phái ông Xơ-ru-vê đến trao đổi thân mật với ông Vít-te. Mùa xuân 1906, họ đã phá hoại cuộc tẩy chay của lực lượng cách mạng và bằng cách cự tuyệt không muốn công khai nói với châu Âu là mình phản đối vay nợ nước ngoài, họ đã giúp cho chính phủ kiếm được hàng tỷ để chiếm lại nước Nga. Mùa hạ 1906, họ đã bí mật mặc cả với Tơ-rê-pốp về mấy chức vị bộ trưởng và trong Đu-ma I, đã đấu tranh chống "phái tả", tức là chống cách mạng. Tháng Giêng 1907, họ lại đi gặp những đương chức cảnh sát (Mi-li-u-cốp đi thăm Xtô-lư-pin). Mùa xuân 1907, trong Đu-ma II, họ ủng hộ chính phủ. Cách mạng đã lộ mặt nạ phái tự do một cách mau lẹ phi thường, đồng thời cũng thực tế chứng minh bản chất phản cách mạng của phái tự do.

Về mặt ấy, thời kỳ những hy vọng lập hiến cũng không phải là tuyệt đối không có ích cho nhân dân. Kinh nghiệm về Đu-ma I và II chẳng những chỉ làm cho người ta hiểu rõ tác dụng vô cùng nhỏ bé của phái tự do trong cách mạng ở nước ta. Không những thế, kinh nghiệm đó đã thủ tiêu cả trên thực tế nữa cái mưu toan đặt phong trào dân chủ dưới sự lãnh đạo của một đảng mà chỉ những kẻ ấu trĩ thực sự về chính trị hoặc những lão lảm cảm mới cho là "*dân chủ*" - lập hiến thực sự.

Năm 1905 và đầu năm 1906, thành phần giai cấp của phái dân chủ tư sản ở Nga còn chưa được tất cả mọi người thấy rõ. Hồi đó, không phải chỉ có những người gốc nghề và u mê ở các miền quê hẻo lánh mới hy vọng có thể kết hợp chế độ chuyên chế với chế độ đại nghị thật sự của quần chúng nhân dân ít nhiều rộng rãi, mà ngay tầng lớp thống trị của chế độ chuyên chế cũng hy vọng như vậy. Tại sao luật bầu cử vào Đu-ma Bu-lư-ghin và Đu-ma Vít-te lại dành cho nông dân nhiều đại biểu? Vì hồi đó, người ta còn tin rằng nông thôn tán thành chế độ quân chủ. "Người mu-gích sẽ giúp ta thoát khỏi tình hình đó" — một tờ báo

của chính phủ đã thốt lên như vậy hồi mùa xuân 1906; đó là lời nói biểu lộ mối hy vọng của chính phủ vào tính bảo thủ của quần chúng nông dân⁵⁹. Hồi đó những người dân chủ - lập hiến không những không nhận thức được sự đối kháng giữa chủ nghĩa dân chủ của nông dân với chủ nghĩa tự do tư sản, mà thậm chí còn sợ tính lạc hậu của nông dân, và hy vọng một điều duy nhất là Đu-ma sẽ giúp cho người nông dân bảo thủ hoặc lãnh đạm biến thành người theo chủ nghĩa tự do. Mùa xuân 1906, ông Xơ-ru-vê đã biểu lộ nguyện vọng mạnh bạo khi ông ta viết: "đại biểu nông dân trong Đu-ma sẽ trở thành người dân chủ - lập hiến". Mùa hạ 1907, cũng cái ông Xơ-ru-vê ấy lại phát cao ngọn cờ đấu tranh chống phái lao động hoặc các chính đảng của phái tả, mà ông ta coi là chướng ngại chủ yếu cho việc thực hiện sự cấu kết giữa phái tự do tư sản với chế độ chuyên chế. Trong một năm rưỡi, khẩu hiệu đấu tranh cho việc giáo dục chính trị cho nông dân đã được thay bằng khẩu hiệu đấu tranh của phái tự do chống lại người nông dân khó tính và được giáo dục chính trị "quá nhiều"!

Sự thay đổi khẩu hiệu như thế chứng tỏ hết sức rõ ràng sự phá sản hoàn toàn của phái tự do trong cách mạng Nga. Sự đối kháng giai cấp giữa quần chúng nông dân có xu hướng dân chủ với bọn địa chủ - chủ nô hóa ra là sâu sắc quá sức tưởng tượng của những người dân chủ - lập hiến hèn nhát và ngu ngốc. Chính vì thế, mưu toan của họ hòng giành được quyền lãnh đạo trong cuộc đấu tranh đòi dân chủ đã thất bại nhanh đến thế và không có cách gì cứu vãn được. Chính vì thế, toàn bộ cái "đường lối" của họ — đường lối nhằm hòa giải số quần chúng dân chủ tiểu tư sản trong dân cư với những địa chủ thuộc phái tháng Mười và bọn Trăm đen — cũng bị phá sản. Thành quả to lớn, tuy là tiêu cực, của thời kỳ phản cách mạng của hai Đu-ma chính là sự phá sản đó của các "chiến sĩ" phản bội đấu tranh cho "Tự do nhân dân". Cuộc đấu tranh giai cấp

tiến hành ở bên dưới, đã loại bỏ những đáng anh hùng đó hay lui tới phòng chờ của bộ trưởng, và đã biến họ từ chỗ là những người lăm le nắm quyền lãnh đạo thành *bọn tôi tớ tầm thường của chủ nghĩa thống Mười* được phủ sơ qua một thứ lớp sơn lập hiến.

Những ai mà cho đến nay vẫn chưa thấy được sự phá sản ấy của phái tự do — là những kẻ đã thực tế thử thách khả năng của chúng trong vai trò những chiến sĩ đấu tranh cho dân chủ, hay ít nhất trong vai trò chiến sĩ trong hàng ngũ phái dân chủ, — thì người đó không hiểu một chút gì về lịch sử chính trị của hai Đu-ma cả. Những con người như vậy mà cứ lặp lại một cách vô nghĩa cái công thức đã học thuộc lòng về sự cần thiết phải ủng hộ phái dân chủ tư sản, thì sẽ trở thành những kẻ thờ ngấn than dài phản cách mạng. Người dân chủ - xã hội không nên lấy làm tiếc về sự phá sản của những ảo tưởng lập hiến. Họ nên nói như Mác đã nói về thế lực phản cách mạng ở Đức: cái lợi mà nhân dân đạt được là đã không còn có ảo tưởng nữa⁶⁰. Cái lợi mà phái dân chủ tư sản Nga đạt được là đã mất những lãnh tụ bất tài và những bạn đồng minh ươn hèn. Như vậy sẽ có lợi hơn cho sự phát triển chính trị của phái dân chủ đó.

Chính đảng của giai cấp vô sản chỉ còn việc phải quan tâm làm sao cho đông đảo quần chúng nghiên cứu sâu sắc và nắm vững những bài học chính trị phong phú của cách mạng và phản cách mạng ở nước ta. Thời kỳ tiến công chế độ chuyên chế đã làm cho giai cấp vô sản phát triển lực lượng của mình và đã dạy cho giai cấp vô sản những nguyên lý của sách lược cách mạng; đã vạch ra những điều kiện thắng lợi cho cuộc đấu tranh trực tiếp của quần chúng, cuộc đấu tranh mà chỉ có nó mới có thể khiến cho giành được những sự cải thiện tương đối lớn. Trước khi hàng chục vạn công nhân đứng dậy giáng cho chế độ chuyên chế cũ ở Nga những đòn chí mạng thì đã có một thời kỳ dài xây

dựng, giáo dục và tổ chức lực lượng của giai cấp vô sản. Trước khi cuộc đấu tranh thật sự có tính chất quần chúng bùng nổ ra được thì đã có một công tác lãnh đạo lâu dài và kín đáo mọi biểu hiện của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, đã có một công tác xây dựng một chính đảng vững chắc và kiên định; chính công tác đó đảm bảo điều kiện để biến sự bùng nổ đó thành cách mạng. Bây giờ giai cấp vô sản, với tư cách là những chiến sĩ tiên tiến của nhân dân, cần phải tăng cường tổ chức của mình, phải gạt bỏ mọi vết bùn nhơ do chủ nghĩa cơ hội trí thức gây ra, phải tập hợp lực lượng của mình để tiến hành một công tác cũng kiên định và ngoan cường như trước. Những nhiệm vụ mà tiến trình của lịch sử và hoàn cảnh khách quan của đông đảo quần chúng đặt ra cho cách mạng Nga, đều chưa được giải quyết. Những nhân tố của cuộc khủng hoảng chính trị mới, có tính chất toàn dân, không những chưa bị thủ tiêu mà ngược lại còn trở nên sâu sắc thêm, rộng lớn thêm. Cuộc khủng hoảng đó mà xảy ra thì sẽ lại đặt giai cấp vô sản vào vai trò lãnh đạo phong trào toàn dân. Đảng công nhân dân chủ - xã hội phải sẵn sàng nắm lấy vai trò đó. Và trên miếng đất mà những sự biến năm 1905 và những năm sau đó đã làm cho phì nhiêu, thì hạt giống sẽ đem lại một vụ thu hoạch tốt gấp mười. Nếu đến cuối năm 1905, một chính đảng gồm vài nghìn người tiên tiến tự giác của giai cấp công nhân mà đã tranh thủ được một triệu người vô sản, thì hiện nay đảng chúng ta có hàng vạn đảng viên dân chủ - xã hội được rèn luyện qua kinh nghiệm của cách mạng và ngay trong đấu tranh đã liên hệ chặt chẽ với quần chúng công nhân, nhất định sẽ lãnh đạo được hàng chục triệu người và đập tan được quân thù.

Những nhiệm vụ xã hội chủ nghĩa và dân chủ của phong trào công nhân ở Nga đã trở nên vô cùng rõ ràng hơn và được đưa lên hàng đầu một cách bức thiết hơn do ảnh hưởng của các sự biến cách mạng. Cuộc đấu tranh chống giai

cấp tư sản đương tiến vào giai đoạn cao hơn. Các nhà tư bản đang liên kết với nhau thành những khối liên minh toàn quốc, đang câu kết chặt chẽ hơn với chính phủ, đang thường xuyên dùng những thủ đoạn đấu tranh kinh tế cực đoan nhất, thậm chí cả lối giãn thợ hàng loạt để "kiềm chế" giai cấp vô sản. Nhưng chỉ có những giai cấp đang suy tàn mới sợ những sự bức hại, còn đối với giai cấp vô sản thì các ngài tư bản càng thành công nhanh chóng chừng nào, giai cấp vô sản càng lớn mạnh về số lượng và về sự cố kết chừng ấy. Sự phát triển kinh tế ở nước Nga và trên toàn thế giới bảo đảm cho giai cấp vô sản thành giai cấp không ai thắng nổi. Lần đầu tiên, trong cuộc cách mạng ở nước ta, giai cấp tư sản đã bắt đầu hình thành một giai cấp, một lực lượng chính trị thống nhất và tự giác. Cho nên, sự tổ chức của công nhân cả nước Nga thành một giai cấp thống nhất sẽ càng thuận lợi hơn. Vực thẳm giữa thế giới tư bản và thế giới lao động sẽ càng sâu hơn, ý thức xã hội chủ nghĩa của công nhân sẽ càng rõ thêm. Công tác cổ động cho chủ nghĩa xã hội trong giai cấp vô sản, sau khi đã có dôi dào những kinh nghiệm của cách mạng, sẽ càng trở nên rõ hơn. Tổ chức chính trị của giai cấp tư sản là một động lực tốt nhất để hình thành hẳn Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa.

Những nhiệm vụ của đảng đó trong cuộc đấu tranh giành dân chủ, từ nay chỉ có thể đưa tới những cuộc tranh luận giữa những người trí thức "cảm tình", sẵn sàng chạy sang phái tự do. Đối với quần chúng công nhân, thì trong ngọn lửa cách mạng, những nhiệm vụ đó đã trở nên vô cùng sáng rõ. Cái cơ sở, cơ sở duy nhất của phái dân chủ tư sản, với tư cách là một lực lượng lịch sử của nước Nga, là quần chúng nông dân, — đó là điều mà giai cấp vô sản biết được nhờ dựa vào kinh nghiệm. Trong cuộc đấu tranh chống bọn địa chủ - chủ nô và chế độ chuyên chế Nga hoàng, giai cấp vô sản đã thực hiện được vai trò lãnh đạo quần chúng đó trong phạm vi cả nước và hiện nay không một lực lượng

nào lại có thể làm cho đảng công nhân rời khỏi con đường đúng đắn ấy. Vai trò của đảng tự do chủ nghĩa của những người dân chủ - lập hiến, những kẻ nấp dưới ngọn cờ chủ nghĩa dân chủ, đã đẩy nông dân vào sự bảo trợ của chủ nghĩa tháng Mười, đã chấm dứt rồi; — và Đảng dân chủ - xã hội, bất chấp những lời than vãn đơn độc, sẽ tiếp tục công việc của mình là giải thích cho quần chúng hiểu rõ những nguyên nhân gây ra sự phá sản đó của phái tự do, giải thích rằng phái dân chủ tư sản, nếu không hoàn toàn đoạn tuyệt với bọn tôi tớ của chủ nghĩa tháng Mười thì sẽ không thể hoàn thành được nhiệm vụ của họ.

Hiện nay, không một ai có thể nói trước được rằng số phận của phái dân chủ tư sản ở Nga sau này sẽ ra sao. Có thể là sự phá sản của phái dân chủ - lập hiến sẽ đưa đến chỗ thành lập một đảng dân chủ của nông dân, tức là một đảng thật sự có tính chất quần chúng, chứ không phải là một tổ chức của những người khủng bố như tổ chức hiện nay của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Cũng có thể là những khó khăn khách quan của sự tập hợp của giai cấp tiểu tư sản về mặt chính trị sẽ cản trở sự thành lập một đảng như thế và sẽ duy trì lâu dài phái dân chủ nông dân trong tình trạng hiện nay là đám quần chúng thuộc phái lao động đang còn mềm yếu và chưa có hình thù rõ rệt. Nhưng bất luận thế nào, đường lối của chúng ta vẫn là: rèn luyện những lực lượng dân chủ bằng cách kiên quyết phê phán mọi thái độ do dự, thẳng tay đấu tranh chống sự liên hiệp của phái dân chủ với phái tự do là phái đã tỏ ra là phản cách mạng.

Thế lực phản động càng tiến xa thì bọn địa chủ Trăm đen càng điên cuồng; bọn này càng bất chế độ chuyên chế phải phục tùng chúng thì sự phát triển kinh tế ở Nga và sự giải thoát nước Nga khỏi những tàn dư của chế độ nông nô sẽ càng chậm. Điều đó có nghĩa là: chủ nghĩa dân chủ tự giác và chiến đấu sẽ càng phát triển nhanh hơn và rộng hơn trong quần chúng tiểu tư sản thành thị và nông thôn.

Sự phản kháng của quần chúng chống lại nạn đói, hành vi tàn bạo và sự nhục mạ mà phái thối Mươi trút lên đầu nông dân, sẽ càng mãnh liệt hơn. Đảng dân chủ - xã hội sẽ chú ý làm sao cho trong cao trào tất nhiên sẽ tới của cuộc đấu tranh dân chủ, cái lũ cầu cạnh danh lợi thuộc phái tự do tức là cái lũ tự xưng là Đảng dân chủ - lập hiến, không thể lại một lần nữa chia rẽ hàng ngũ của phái dân chủ và gieo rắc trong đó tình trạng rối loạn. Hoặc là cùng đi với nhân dân, hoặc là chống lại nhân dân, — đó là sự lựa chọn mà Đảng dân chủ - xã hội đã đề ra từ lâu cho bất kỳ người nào muốn làm lãnh tụ của "phái dân chủ" trong cách mạng. Cho đến nay, chưa phải tất cả mọi người dân chủ - xã hội đều đã biết kiên trì đường lối ấy; bản thân một số người dân chủ - xã hội còn tin vào những lời hứa của phái tự do, một số khác thì nhắm mắt không chịu thấy những âm mưu của những phần tử thuộc phái tự do đang câu kết với bọn phản cách mạng. Giờ đây, chúng ta đã thu được bài học qua kinh nghiệm của hai Đu-ma đầu tiên.

Cách mạng đã dạy cho giai cấp vô sản tiến hành đấu tranh quần chúng. Cách mạng đã chứng minh rằng giai cấp vô sản có thể dẫn dắt quần chúng nông dân trong cuộc đấu tranh vì dân chủ. Cách mạng đã làm cho một đảng thuần túy vô sản được đoàn kết chặt chẽ hơn, bằng cách gạt bỏ những phần tử tiểu tư sản ra khỏi đảng. Bọn phản cách mạng đã làm cho phái dân chủ tiểu tư sản phải từ bỏ những mưu toan tìm kiếm những lãnh tụ và đồng minh của nó trong phái tự do là phái sợ cuộc đấu tranh quần chúng như sợ lửa. Dựa vào những bài học đó của các sự biến, chúng ta có thể mạnh dạn nói với chính phủ của bọn địa chủ Trăm đen rằng: các ngài hãy cứ tiếp tục làm như thế, hồi các ngài Xtô-lư-pin! Chúng tôi sẽ hái quả của những hạt mà các ngài đang gieo!

"Người vô sản" số 17,
ngày 20 tháng Mười 1907

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

"NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA — CÁCH MẠNG" VIẾT LỊCH SỬ NHƯ THẾ NÀO

Trên tờ số năm báo "Ngọn cờ lao động"⁶¹, cơ quan ngôn luận trung ương của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, ta thấy có bài xã luận về Đại hội Stút-ga với hàng tràng những câu nói rỗng tuếch và những lời lẽ huênh hoang thái quá thường thấy ở những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Người ta đăng lại bức điện trong đó Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng báo cho châu Âu biết rằng "cuộc đấu tranh cách mạng đòi hỏi họ vẫn phải giữ nguyên vị trí". Người ta cũng nói ra sự mãn nguyện hoàn toàn của Ban chấp hành trung ương đó về "nghị lực vốn có" của đại biểu của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng trong Cục quốc tế. Tờ "Ngọn cờ lao động" quả quyết: "Quốc tế xã hội chủ nghĩa, bằng nghị quyết của mình, tán thành cái quan điểm về phong trào công đoàn mà chúng ta đã luôn luôn thực hiện". Trong vấn đề thi hành theo luật pháp mức lương tối thiểu, bất chấp tên giáo điều Cau-xky, đại hội "đã đứng về phía chúng ta". Trong ba năm, "chúng ta, những người xã hội chủ nghĩa Nga", "chúng ta đã trưởng thành thành một đảng lớn mang tính chất quần chúng. Và điều ấy đã được Quốc tế thừa nhận một cách công khai và kính cẩn(!!!)".

Tóm lại, — ba vạn sự giả từ châu Âu được phái tới để tỏ lòng kính cẩn những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng.

Thế mà những người dân chủ - xã hội có ác ý trong phân bộ Nga đã thi hành "những mưu kế nhỏ mọn", cụ thể là: đã chống lại sự ngang nhau, theo yêu cầu của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, về số phiếu cho những người dân chủ - xã hội và những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Những người dân chủ - xã hội đòi 11 phiếu cho mình, 6 phiếu cho những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và 3 phiếu cho các công đoàn. Cục quốc tế đã quyết định: 10 phiếu cho những người dân chủ - xã hội, 7 phiếu cho những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và 3 phiếu cho các công đoàn. "Át-lơ và Bê-ben đã biểu quyết chống lại yêu cầu của chúng ta và đồng thời lại tuyên bố rằng họ tuyệt nhiên không muốn làm giảm vai trò của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng mà họ thừa nhận là một nhân tố quan trọng của chủ nghĩa xã hội và cách mạng Nga. Nhưng họ muốn là những người công bằng và muốn thấy có sự so sánh lực lượng xấp xỉ ngang nhau" ("Ngọn cờ lao động").

Ôi, các ngài Khle-xta-cốp ở nước ta không thận trọng, thật là không thận trọng biết nhường nào! Trong Cục quốc tế không có và *không thể có* lời nào nói về vai trò của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng lẫn về "nhân tố quan trọng" cả. Một khi một đảng đã được phép dự đại hội và tham gia Cục quốc tế thì Cục quốc tế và các uỷ viên Cục quốc tế còn cần gì phải đề cập đến việc đánh giá vai trò và tầm quan trọng của đảng ấy. Cục quốc tế chỉ có thể đánh giá *lực lượng* các đảng để phân phối số phiếu. Bê-ben và Át-lơ đã đồng ý với những luận cứ của đại biểu của những người dân chủ - xã hội chúng ta trong Cục quốc tế về điểm nói rằng những người dân chủ - xã hội và những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng *không cân bằng* về lực lượng. Khi đã đồng ý với những luận cứ đó thì dĩ nhiên hai đồng chí ấy đã vạch ra rằng người ta không nhận xét các nguyên tắc, không nhận xét các xu hướng, người ta không giải quyết cuộc tranh chấp giữa những người dân chủ - xã hội và những

người xã hội chủ nghĩa - cách mạng về mặt cương lĩnh, mà người ta chỉ cân nhắc lực lượng để phân phối phiếu. Biến những điều nói hiển nhiên như vậy thành sự thừa nhận những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng là "nhân tố quan trọng", như thế có nghĩa là hành động theo kiểu Khle-xta-cốp.

Việc làm đó của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng càng tỏ ra thiếu thận trọng khi họ truyền đạt lại theo trí nhớ và truyền đạt sai ý của những lời mà Bê-ben và Át-lơ đã nói thêm, nhưng lại im lặng không đưa động gì đến *những luận cứ về thực chất của vấn đề*. Người ta kể lại những điều nói bổ sung của Bê-ben với những lời thêm dặt thêm, nhưng còn việc chúng ta thảo luận về thực chất như thế nào thì họ lại im hơi lặng tiếng. Vì sao vậy nhỉ?

Về thực chất các đại biểu của chúng ta đã tranh luận trong Cục quốc tế như sau. Người dân chủ - xã hội viện dẫn con số đại biểu trong Đu-ma II, coi đó là tiêu chuẩn chính xác nhất về lực lượng các đảng, đồng thời nói thêm rằng luật bầu cử thuận lợi cho nông dân hơn là cho công nhân. Người xã hội chủ nghĩa - cách mạng phản đối, nói rằng ngoài đảng đoàn xã hội chủ nghĩa - cách mạng trong Đu-ma còn có những người gần gần như là xã hội chủ nghĩa - cách mạng — những người thuộc phái lao động và những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân. Họ ngụ ý nói rằng cần phải thêm cái bộ phận nhỏ những người này vào số những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng! Ngoài ra, những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân còn có — theo nguyên văn lời của người xã hội chủ nghĩa - cách mạng — "những nhà văn loại nhất" ("écrivains de premier ordre", Ru-ba-nô-vích nói vậy). Đại biểu Đảng dân chủ - xã hội đã trả lời điều đó như sau: vâng, những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân có "những nhà văn loại nhất", cũng như những người xã hội chủ nghĩa - cấp tiến và những người cấp tiến Pháp⁶² cũng có những nhà văn loại nhất,

loại như Clê-măng-xô chẳng hạn (cũng là "nhà văn loại nhất!"). Đối với một đảng độc lập mà phải viện dẫn một đảng *khác* để chứng minh cho lực lượng của mình, thì như thế có thích đáng không? Nếu như chính bản thân "những nhà văn loại nhất" của những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân thậm chí cũng không nghĩ đến việc yêu cầu để cho họ được tham dự đại hội, thì như thế có chính đáng không?

Chúng tôi xin nói thêm: ở Nga thì tự cho mình là những nhà siêu cách mạng, nhưng ở châu Âu thì lại níu áo những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân để cầu viện, — như thế có thích đáng không?

"Người vô sản", số 17,
ngày 20 tháng Mười 1917

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

**HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ
XANH PÊ-TÉT-BUA
CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ -
XÃ HỘI NGA ⁶³
27 THÁNG MƯỜI (9 THÁNG MƯỜI MỘT) 1907**

1

BÁO CÁO VỀ ĐU-MA NHÀ NƯỚC III**TRÍCH TƯỜNG THUẬT TRÊN BÁO**

Trước hết, báo cáo viên phân tích thành phần của Đu-ma III. Chính phủ đã dùng phương pháp kinh nghiệm chủ nghĩa giản đơn để xây dựng luật bầu cử ngày 3 tháng Sáu sao cho trong Đu-ma *chỉ có thể có hai đa số*: một đa số tháng Mười - Trăm đen và một đa số tháng Mười - dân chủ - lập hiến. Cả hai đa số đó đều rõ ràng là phản cách mạng. Trong khi tiến hành chính sách phản động của mình, chính phủ sẽ dựa lúc thì vào đa số này, lúc thì vào đa số kia, và đồng thời sẽ tìm cách che giấu những hành động có tính chất chuyên chế - nông nô của mình bằng những câu mỉa miếu rỗng tuếch về "cải cách" trên giấy. Đồng thời phái dân chủ - lập hiến, trên thực tế, thì thi hành chính sách phản bội và phản cách mạng, nhưng trên lời nói, sẽ lại tự nhận là đảng của phái đối lập thực sự dân chủ.

Sự câu kết giữa phái dân chủ - lập hiến với phái tháng Mười trong Đu-ma là điều tất yếu, và như báo cáo viên đã chứng minh bằng một loạt đoạn trích dẫn các báo đảng của phái dân chủ - lập hiến và của phái tháng Mười, bằng một loạt những sự thật trong sinh hoạt của các đảng ấy, và bằng những tin tức về đại hội mới đây của Đảng dân chủ - lập hiến, thì những bước câu kết đầu tiên ấy đã thực hiện rồi. Chính sách câu kết của phái dân chủ - lập hiến với chế độ cũ đã thể hiện trong Đu-ma III rõ nét hơn trước kia, và chẳng còn ai nghi ngờ gì về bản chất của phái đó nữa.

Nhưng khách quan mà nói thì bất luận phái đa số thứ nhất hay phái đa số thứ hai trong Đu-ma cũng đều không thể thỏa mãn được những yêu cầu kinh tế và chính trị bức thiết của quần chúng ít nhiều rộng rãi thuộc giai cấp vô sản, nông dân và tầng lớp dân chủ thành thị. Đại biểu cho yêu cầu của các tầng lớp nhân dân ấy thì trước hết, cũng như từ trước đến nay, vẫn sẽ là Đảng dân chủ - xã hội. Thành phần và hoạt động của Đu-ma III có triển vọng sẽ đem lại cho Đảng dân chủ - xã hội những tài liệu cổ động vừa phong phú vừa rất tốt, có thể dùng để chống chính phủ của phái Trăm đen, chống bọn địa chủ - chủ nô công khai, phái thán Mươi và phái dân chủ - lập hiến. Cũng như trước kia, nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội vẫn là truyền bá trong quần chúng nhân dân đông đảo nhất, cái tư tưởng thành lập Quốc hội lập hiến toàn quốc trên cơ sở quyền đầu phiếu phổ thông, v. v.. Bởi vậy, không thể nói cả đến chuyện ủng hộ "cánh tả" của Đảng thán Mươi hay ủng hộ Đảng dân chủ - lập hiến trong Đu-ma được. Đảng dân chủ - xã hội, dù có chiếm ít ghế thế nào đi nữa trong Đu-ma III thì cũng vẫn phải lợi dụng diễn đàn của Đu-ma, quyền chất vấn, v. v., để thực hiện một đường lối dân chủ triệt để và xã hội chủ nghĩa độc lập. Chỉ có thể có một vài sự thỏa thuận với nhóm đại biểu phái tả (nhất là vì cần phải có 30 chữ ký thì mới có quyền đặt vấn đề chất vấn), nhưng chỉ được phép tiến hành những thỏa thuận nào không trái với cương lĩnh và sách lược của Đảng dân chủ - xã hội thôi. Nhằm mục đích đó, cần phải tổ chức một phòng thông tin, là tổ chức không ràng buộc ai cả mà lại làm cho Đảng dân chủ - xã hội có thể ảnh hưởng đến các đại biểu cánh tả.

Báo cáo viên nói tiếp rằng trong hàng ngũ những người dân chủ - xã hội đã có một số người lên tiếng đòi ủng hộ "cánh tả" của phái thán Mươi (chẳng hạn, trong lúc bầu chủ tịch đoàn), đòi tổ chức phòng thông tin cùng với phái dân chủ - lập hiến và đòi cái gọi là "sự bảo hộ" đảng đoàn

của chúng ta trong Đu-ma. Những điều mà những người men-sê-vích bàn về việc ủng hộ phái thán Mươi đều đã xác nhận một cách rõ ràng nhất sự thất bại hoàn toàn của sách lược men-sê-vích. Khi phái dân chủ - lập hiến là đa số trong Đu-ma thì bọn men-sê-vích đã kêu gào ủng hộ phái dân chủ - lập hiến. Chỉ cần Xtô-lư-pin thay đổi luật bầu cử có lợi cho phái thán Mươi, là bọn men-sê-vích lại sẵn sàng ủng hộ phái thán Mươi. Cứ theo con đường ấy thì rốt cuộc những người men-sê-vích sẽ đi đến đâu?

Báo cáo viên cho rằng không thể cùng với bọn dân chủ - lập hiến lập phòng thông tin được, vì làm như vậy có nghĩa là cung cấp tin tức cho kẻ thù công khai của mình.

Còn việc "bảo hộ" đảng đoàn, báo cáo viên nói: đúng là nên bảo hộ đảng đoàn. Nhưng để làm gì? Chỉ là để đảng đoàn giương cao ngọn cờ dân chủ - xã hội trong Đu-ma, chỉ là để đảng đoàn có thể tiến hành đấu tranh không điều hòa chống bọn phản cách mạng đủ các loại và đủ các màu sắc, kể từ bọn đồng minh cho đến bọn dân chủ - lập hiến. Nhưng dứt khoát không phải là để đảng đoàn ủng hộ "cánh tả" của phái thán Mươi và ủng hộ phái dân chủ - lập hiến. Nếu như sự tồn tại của đảng đoàn chỉ là do cần thiết phải ủng hộ những tập đoàn ấy, tức là ủng hộ sự cấu kết với chế độ chuyên chế Xtô-lư-pin, thì tốt hơn là nó nên chấm dứt một cách vinh dự sự tồn tại của nó, sau khi đã giải thích cho toàn thể nhân dân thấy vì sao nó đã bị gạt ra khỏi Đu-ma, nếu nó sẽ bị như vậy.

Khi phát biểu để kết thúc cuộc thảo luận, Lê-nin nói chủ yếu đến sai lầm cơ bản của chủ nghĩa men-sê-vích: tư tưởng về "phái đối lập toàn quốc". Giai cấp tư sản Nga không bao giờ có tinh thần cách mạng theo đúng ý nghĩa của từ đó, và nguyên nhân của điều đó cũng hoàn toàn dễ hiểu: do địa vị của giai cấp công nhân ở Nga và do vai trò của giai cấp

đó trong cách mạng. Sau khi phân tích tất cả những luận cứ khác của những người men-sê-vích, Lê-nin đã trình hội nghị một nghị quyết, nghị quyết này đã được đăng trên báo "Người vô sản", số 19.

"Người vô sản", số 20,
ngày 19 tháng Mười một 1907

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

2

NGHỊ QUYẾT VỀ ĐU-MA NHÀ NƯỚC III

Xét rằng đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma III có nhiệm vụ phải tuân theo nghị quyết của Đại hội Luân-đôn về Đu-ma nhà nước, cũng như nghị quyết về các đảng không vô sản, nên Hội nghị đại biểu đảng bộ Xanh Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga nhận thấy cần phải bổ sung các nghị quyết ấy như sau:

1. Trong Đu-ma III, đã hình thành hai đa số: đa số phái tháng Mười - Trăm đen và đa số phái tháng Mười - dân chủ - lập hiến. Đa số thứ nhất là phản cách mạng và đặc biệt chủ trương tăng những cuộc đàn áp và bảo vệ những đặc quyền của địa chủ, thậm chí đi đến chỗ muốn khôi phục hoàn toàn chế độ chuyên chế. Đa số thứ hai cũng rõ ràng là phản cách mạng, nhưng nó có ý che giấu cuộc đấu tranh của nó chống lại cách mạng bằng một số "cải cách" quan liêu, hão huyền.

2. Một tình hình như thế trong Đu-ma là hết sức thuận tiện cả cho chính phủ lẫn bọn dân chủ - lập hiến giở trò chính trị hai mặt. Chính phủ muốn vừa tăng cường đàn áp và tiếp tục dùng lực lượng quân sự để "chinh phục" nước Nga, đồng thời lại muốn tỏ ra là ủng hộ những cải cách lập hiến. Còn bọn dân chủ - lập hiến thì trong khi thực tế biểu quyết ủng hộ bọn tháng Mười phản cách mạng, lại muốn tỏ ra mình không những là phái đối lập mà còn là đại biểu cho phái dân chủ nữa. Trong những điều kiện như

vậy, một nhiệm vụ được đặt ra hết sức mạnh mẽ đối với Đảng dân chủ - xã hội là phải thẳng tay vạch trần thủ đoạn hai mặt ấy, vạch cho nhân dân thấy bạo lực của bọn địa chủ Trăm đen và của chính phủ, cũng như bản chất phản cách mạng của bọn dân chủ - lập hiến. Đảng dân chủ - xã hội mà ủng hộ trực tiếp hay gián tiếp bọn dân chủ - lập hiến (vô luận dưới hình thức bỏ phiếu tán thành bọn dân chủ - lập hiến cánh hữu hay tán thành bọn thàng Mười "cánh tả" tham gia đoàn chủ tịch, hoặc dưới hình thức thành lập phòng thông tin cùng với bọn dân chủ - lập hiến, hoặc dưới hình thức phối hợp hoạt động của mình với chính sách của bọn chúng, v. v.), thì hiện nay vẫn có nghĩa là trực tiếp làm tổn hại sự nghiệp giáo dục giai cấp cho quần chúng công nhân và làm tổn hại sự nghiệp của cách mạng.

3. Trong lúc bảo vệ toàn vẹn các mục tiêu xã hội chủ nghĩa của mình, và trên quan điểm ấy, phê phán tất cả những đảng tư sản, kể cả những đảng tư sản dân chủ nhất và "có tính chất phái lao động" nhất, Đảng dân chủ - xã hội phải đề lên hàng đầu trong công tác cổ động của mình, việc giải thích cho quảng đại quần chúng nhân dân hiểu rõ là Đu-ma III hoàn toàn không tương dung với những quyền lợi và yêu cầu của nhân dân, và nhân đó [phải] tuyên truyền rộng rãi và mạnh mẽ tư tưởng thành lập Quốc hội lập hiến trên cơ sở đầu phiếu phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín.

4. Một trong những nhiệm vụ cơ bản của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma III là: vạch trần tính giai cấp của các kiến nghị của chính phủ của phái tự do, đồng thời chú ý đặc biệt tới các vấn đề liên quan đến những lợi ích kinh tế của quảng đại quần chúng nhân dân (như vấn đề công nhân, vấn đề ruộng đất, vấn đề ngân sách, v. v.), — vả lại, thành phần của Đu-ma III hứa hẹn cung cấp những tài liệu đặc biệt phong phú cho hoạt động cổ động của Đảng dân chủ - xã hội.

5. Những đảng viên dân chủ - xã hội trong Đu-ma, nói riêng, cần phải lợi dụng quyền chất vấn. Muốn thực hiện quyền ấy, cần hành động chung với các nhóm khác có xu hướng tả hơn phái dân chủ - lập hiến, nhưng không được máy may xa rời cương lĩnh và sách lược của Đảng dân chủ - xã hội, và không được lập thành bất cứ một liên minh nào.

Để tránh mắc trở lại những sai lầm mà Đảng dân chủ - xã hội mắc phải trong Đu-ma II, đảng đoàn dân chủ - xã hội phải lập tức đề nghị với đại biểu phái tả trong Đu-ma, và chỉ với phái tả thôi (tức là với những người có khả năng đấu tranh chống phái dân chủ - lập hiến), thành lập phòng thông tin, phòng này không ràng buộc những người tham gia mà lại cho phép những đại biểu là công nhân có thể thường xuyên ảnh hưởng đến phái dân chủ theo tinh thần chính sách của Đảng dân chủ - xã hội.

"Người vô sản", số 19,
ngày 5 tháng Mười một 1907

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

3

**BÁO CÁO VỀ SỰ THAM GIA
CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI
VÀO BÁO CHÍ TƯ SẢN**

TRÍCH TƯỜNG THUẬT TRÊN BÁO

Báo cáo thứ hai của đồng chí Lê-nin đã nói về sự tham gia của Đảng dân chủ - xã hội vào báo chí tư sản. Báo cáo viên đã trình bày quan điểm của hai cánh trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế về vấn đề này và đặc biệt là những quan điểm của phái chính thống và của bọn xét lại trong Đảng dân chủ - xã hội Đức. Tại Đại hội đảng ở Đrét-đen⁶⁴, phái chính thống đã đồng ý với công thức có thể tham gia báo chí không thù địch đối với Đảng dân chủ - xã hội, với lý do rằng trên thực tế, điều đó có nghĩa giống như hoàn toàn cấm chỉ việc tham gia ấy, vì hiện nay trong xã hội tư bản phát triển thì không có một tờ báo tư sản nào mà lại không thù địch với Đảng dân chủ - xã hội.

Báo cáo viên cho rằng tuyệt đối không thể cho phép tham gia về mặt chính trị vào báo chí tư sản, đặc biệt là báo chí mệnh danh là không đảng phái. Những thứ báo như báo "Đồng chí" chẳng hạn, do đấu tranh giấu mặt giả nhân giả nghĩa chống Đảng dân chủ - xã hội nên đã gây thiệt hại cho đảng nhiều hơn là những báo của các đảng tư sản là những báo rõ ràng là thù địch với Đảng dân chủ - xã hội. Những bài báo của Plê-kha-nốp, Mác-tốp, Goóc-nơ, Cô-gan, v.v., trên báo "Đồng chí" là bằng chứng rõ nhất về điều ấy. Tất cả các bài báo đó đều nhằm chống lại đảng và trên thực tế, không phải các đồng chí dân chủ - xã hội đã lợi dụng được tờ báo tư sản "Đồng chí", mà chính báo ấy

đã lợi dụng các đồng chí nói trên để chống lại Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là đảng mà báo ấy căm ghét. Cho đến nay, ban biên tập báo "Đồng chí" chưa cho đăng một bài báo dân chủ - xã hội nào không vừa lòng nó.

"Người vô sản", số 20,
ngày 19 tháng Mười một 1907

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

ĐU - MA III⁶⁵

Chính phủ đang thi hành cái đạo luật bầu cử xấu xa - kết quả của tội ác ô nhục chống nhân dân mà nó gây ra ngày 3 tháng Sáu. Cái đạo luật bầu cử xấu xa — hoàn toàn xuyên tạc chẳng những ý chí của toàn dân mà thậm chí cả ý chí của một số ít người được hưởng quyền bầu cử để làm vừa lòng một nhóm địa chủ và tư bản — đã đem lại cho chính phủ Nga hoàng những kết quả hết sức mong muốn. Khi viết bài này thì trong số 442 đại biểu cần bầu vào Đu-ma, đã bầu được 432 đại biểu; còn phải bầu 10 người nữa. Như thế là kết quả chung của cuộc tuyển cử đã đủ rõ rồi. Theo sự tính toán gần đúng thì những người dân chủ - xã hội chiếm 18 ghế⁶⁶, các phái tả khác — 13 ghế, phái dân chủ - lập hiến - 46 ghế, những người thuộc các nhóm gần với Đảng dân chủ - lập hiến được 55 ghế, phái thán Mươi — 92 ghế, những người gần với xu hướng của họ — 21 ghế các nhóm phái hữu — 171 ghế (trong đó có 32 ghế thuộc "Liên minh nhân dân Nga"), những người không đảng phái — 16 ghế.

Như vậy là trừ số rất ít những người không đảng phái ra, còn thì tất cả các đại biểu khác đều có thể chia làm 4 nhóm: nhóm cực tả chiếm hơn 7% một chút tổng số ghế, trung tâm cánh tả (Đảng dân chủ - lập hiến) — 23%, trung tâm cánh hữu (phái thán Mươi) — 25,1% và nhóm hữu — 40%; những người không đảng phái chiếm chưa đầy 4%.

Bất kỳ nhóm nào nếu tách riêng ra thì cũng đều không thể là một đa số tuyệt đối được. Kết quả ấy có hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng và sự mong mỏi của những người cổ vũ và đặt ra luật bầu cử mới hay không? Chúng tôi cho rằng phải trả lời là có, rằng theo quan điểm của các phái đương quyền vẫn ủng hộ chế độ chuyên chế Nga hoàng, thì "nghị viện" mới của nước Nga thật đúng là một chambre introuvable*.

Sự thật là ở nước ta, cũng như ở bất kỳ một nước nào có chế độ chuyên chế hay nửa chuyên chế, đều có hai chính phủ: một chính phủ chính thức, tức là nội các, một nữa ở hậu trường, tức là chính phủ của bọn triều thần. Cái chính phủ của bọn triều thần đó bất kỳ lúc nào và bất cứ ở đâu cũng đều dựa vào tầng lớp phản động nhất trong xã hội, tức bọn quý tộc phong kiến (ở nước ta là bọn quý tộc Trăm đen), mà lực lượng kinh tế của bọn chúng là chế độ sở hữu lớn ruộng đất và nền kinh tế nửa nông nô gắn liền với chế độ đó. Cái tập đoàn xã hội hèn yếu, hủ bại và thoái hóa đó là hình ảnh nổi bật của lối sống ăn bám nhục nhã nhất. Chúng thoái hóa đến mức sa đọa như thế nào, điều này được chứng minh bằng vụ án có tiếng xấu xa Môn-tekê - Hác-đen ở Béc-lanh, vụ án đã phơi trần sự thối tha nhơ bẩn của bọn cận thần trong triều đình của vị hoàng đế nửa chuyên chế ở Đức là Vin-hem II. Ai nấy đều biết rằng ở nước Nga chúng ta, trong những giới giống như thế thì những điều xấu xa như vậy cũng không phải là ngoại lệ. Vô số những người trong "phái hữu" trong Đu-ma III — nếu không phải là tất cả thì ít ra cũng là tuyệt đại đa số — vẫn bảo vệ lợi ích của chính những thứ bùn nhơ và cặn bã xã hội ấy, của những "nấm mồ sơn trắng" mà quá khứ đen tối đã để lại cho chúng ta. Bảo tồn nền kinh tế nông nô, bảo tồn những đặc quyền

* Khó có thể tìm được nghị viện nào tốt hơn thế: năm 1815, Lu-i XVIII đã gọi hạ nghị viện Pháp phản động là như vậy.

của quý tộc và của chế độ quý tộc chuyên chế — đó là vấn đề sinh tử đối với những con ma-mút và trùng hóa thạch đó, vì gọi bọn đó là "trâu rừng" thì quá ư về vang cho chúng.

Lợi dụng quyền hành vô hạn của chúng trong triều đình, bọn ma-mút và trùng hóa thạch đó thường dốc toàn lực ra để nắm lấy — nắm hoàn toàn và không chia sẻ cho ai — cả chính phủ chính thức nữa, tức là nội các. Thường thường thì đa số trong nội các là tay chân của chúng. Tuy nhiên, nhiều khi thành phần của đa số trong nội các lại không hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của bọn cận thần. Cạnh tranh với tên quý hút máu thời thái cổ, với tên quý hút máu thời nông nô thì ở đây có tên quý hút máu của thời kỳ tích lũy nguyên thủy, tên này cũng thô bạo, tham lam, ăn bám không kém nhưng có phủ ngoài một lớp sơn văn minh, và - đây là điều quan trọng — cũng mong muốn vợ trong cái bữa tiệc của nhà nước, lấy những miếng béo bở dưới hình thức tiền bảo hiểm, tiền trợ cấp, quyền được tô nhượng và thuế quan bảo hộ, v. v.. Tầng lớp đó trong giai cấp tư sản nông nghiệp và công nghiệp, giai cấp tiêu biểu cho thời kỳ tích lũy nguyên thủy, được đại biểu bởi phái thán Mươi và những khuynh hướng ủng hộ phái ấy. Tầng lớp đó có rất nhiều lợi ích sans phrases¹⁾ nhất trí với bọn Trăm đen, — tính ăn bám về kinh tế và những đặc quyền, chủ nghĩa yêu nước tầm thường, là những điều mà đứng trên quan điểm của phái thán Mươi cũng như của bọn Trăm đen mà nói, đều là rất cần thiết.

Đa số gồm những người thán Mươi và bọn Trăm đen trong Đu-ma III đã hình thành như vậy đấy; đa số này rất lớn gồm 284 trong số 432 đại biểu, tức là 65,7 phần trăm hoặc trên 2/3 tổng số đại biểu.

Đa số đó là một bức thành khiến cho chính phủ, trong chính sách ruộng đất, có thể giúp đỡ bọn địa chủ bị phá

1) — ở đây có nghĩa: nói thẳng ra là

sản đẩy ruộng đất của họ đi một cách có lợi sau khi đã cướp đoạt sạch trơn những nông dân có ít ruộng đất, khiến cho chính phủ có thể biến những luật pháp có liên quan đến công nhân, thành công cụ cho tư bản bóc lột vô sản một cách tàn bạo nhất, khiến cho chính phủ, trong chính sách tài chính, duy trì phần lớn gánh nặng thuế khóa trên vai quần chúng nhân dân. Đa số đó là bức thành bảo vệ chế độ thuế quan bảo hộ và chủ nghĩa quân phiệt. Và không ai có thể phủ nhận tính chất phản cách mạng của đa số gồm những người thán Mươi và bọn Trăm đen cả.

Nhưng vấn đề chính là ở chỗ đây không phải là cái đa số duy nhất trong Đu-ma III. Còn có một đa số khác nữa.

Bọn Trăm đen là đồng minh tin cậy của những người thán Mươi, chẳng khác gì đám triều thần là đồng minh tin cậy của nội các trong việc bảo vệ chế độ Nga hoàng. Nhưng giống như đám triều thần, theo bản năng, muốn thống trị nội các hơn là liên hiệp với nội các, bọn Trăm đen cũng khao khát thi hành chuyên chế đối với những người thán Mươi, chỉ huy họ, khống chế họ.

Lợi ích của chủ nghĩa tư bản, ngay cả khi chủ nghĩa này tham tàn và ăn bám một cách trắng trợn, cũng không tương dung với độc quyền thống trị của chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến. Hai tập đoàn xã hội thân thuộc này đều có mưu đồ giành cho mình phần lớn hơn, bổ béo hơn trong chiếc bánh ngọt, vì thế, tất yếu phải xảy ra bất đồng trong các vấn đề tự quản địa phương và tổ chức trung ương của chính quyền nhà nước. Trong các hội đồng địa phương và trong Đu-ma thành phố thì bọn Trăm đen không cần thêm cái gì ngoài cái nó đã có được, còn ở trung ương thì chúng la ó: "đả đảo hiến pháp đáng nguyên rủa!". Những người thán Mươi thì lại cần phải tăng cường ảnh hưởng của mình cả trong hội đồng địa phương lẫn trong Đu-ma,

còn ở trung ương thì chúng cần một "hiến pháp" dù hiến pháp này là rất què quặt và chỉ là hình thức đối với quần chúng.

Không phải vô cớ mà báo "Ngọn cờ nước Nga" ⁶⁷ chỉ rủa những "phần tử tháng Mười", và báo "Tiếng nói Mát-xcơ-va" ⁶⁸ đến lượt nó lại cho rằng trong Đu-ma III, có quá nhiều đại biểu của phái hữu.

Thế là tình thế khách quan buộc những người tháng Mười phải đi tìm bạn đồng minh về mặt này. Đáng lẽ họ đã có thể tìm được từ lâu bạn đồng minh trong trung tâm cánh tả (Đảng dân chủ - lập hiến) là cánh đã từ lâu tuyên bố là thực bụng trung thành với hiến pháp, nhưng vấn đề là ở chỗ giai cấp tư sản Nga non trẻ của thời kỳ tích lũy tư bản chủ nghĩa mà hiện nay Đảng dân chủ - lập hiến đại diện, còn giữ lại của thời quá khứ một số bầu bạn rất khó chịu đựng và một số truyền thống đáng ghét. Nhưng trong chính giới, người ta dễ gạt bỏ những truyền thống đó: đã từ rất lâu, trước cả Đu-ma I, những người dân chủ - lập hiến đã tuyên bố họ là những người bảo hoàng; trong Đu-ma II, họ đã lặng lẽ không chịu nhận một bộ quan trọng; những dự án dân chủ - lập hiến về các loại "quyền tự do" đã đặt ra nhiều chướng ngại, nhiều hàng rào gai góc và nhiều cạm bẫy đối với những quyền tự do đó đến nỗi phải hoàn toàn hy vọng rằng sau này họ sẽ có được những bước tiến lớn theo hướng đó. Đối với những cuộc khởi nghĩa và bãi công, ngay từ trước những người dân chủ - lập hiến đã có thái độ trách móc, lúc đầu thì ôn hòa rồi sau thì bi quan; sau tháng Chạp 1905, thái độ trách móc đó biến thành thái độ nửa khinh miệt, và sau khi Đu-ma I bị giải tán, nó biến thành thái độ kịch liệt phản đối và lên án. Ngoại giao, thông đồng, mặc cả với những nhà cầm quyền — đó là cơ sở của sách lược của Đảng dân chủ - lập hiến. Còn các bạn khó chịu đựng kia, thì đã từ lâu, những người dân chủ - lập hiến chỉ còn gọi là "hàng xóm láng

giềng", và cách đây không lâu lại công khai tuyên bố là "kẻ thù".

Như thế là có khả năng thỏa thuận với nhau, và thế là chúng ta lại đứng trước một đa số mới phản cách mạng gồm những người tháng Mười và những người dân chủ - lập hiến. Đành rằng đa số đó hiện nay bao gồm chưa được quá nửa số đại biểu, 214 trong số 432, nhưng, một là, chắc chắn rằng nếu không phải tất cả những người không đảng phái thì ít ra cũng có một số người không đảng phái sẽ đi theo họ, và, hai là, có đủ lý do để cho rằng trong các cuộc tuyển cử sau này, cái đa số đó sẽ tăng lên, vì các thành phố và phần lớn những hội nghị bầu cử hàng tỉnh chưa tiến hành bầu cử, sẽ cung cấp một đa số vững chắc hoặc là cho những người tháng Mười, hoặc là cho những người dân chủ - lập hiến.

Chính phủ cho rằng mình làm chủ được tình thế. Giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa có lẽ cũng thừa nhận điều đó. Trong những điều kiện đó, thì hơn lúc nào hết, sự câu kết sẽ phải mang tính chất của một sự thỏa hiệp xấu xa và phản bội nhất, hay nói cho đúng ra — là từ bỏ mọi lập trường, có đôi chút bóng dáng dân chủ, của chủ nghĩa tự do. Rất rõ ràng dùng biện pháp câu kết chứ không thông qua một phong trào quần chúng mới thì không thể tổ chức được những cơ quan quản lý địa phương và cơ quan lập pháp trung ương có đôi chút dân chủ. Nếu cái đa số gồm những người tháng Mười và những người dân chủ - lập hiến không bảo đảm tổ chức được như vậy thì còn trông chờ gì ở cái đa số gồm những người tháng Mười và bọn Trăm đen, tức là cái đa số gồm bọn địa chủ đã man liên minh với bọn tư bản hút máu, có thể mang lại cách giải quyết tương đối chấp nhận được cho vấn đề ruộng đất và mang lại một sự cải thiện nào đó cho tình trạng của công nhân? Chỉ có thể trả lời câu hỏi đó bằng nụ cười cay đắng mà thôi.

Tình hình rất rõ ràng: *cái "chambre introuvable" của chúng*

ta không thể giải quyết được dù là dưới hình thức méo mó nhất, những nhiệm vụ khách quan của cách mạng. Nó cũng không thể chữa chạy được phần nào những vết thương lớn mà chế độ cũ gây ra cho nước Nga; nó chỉ có thể che giấu những vết thương đó bằng một số cái cách thảm hại, giả tạo và nhỏ nhặt.

Kết quả tuyển cử một lần nữa lại chứng thực lòng tin vững chắc của chúng ta: *bằng con đường hòa bình thì nước Nga không thể thoát khỏi cuộc khủng hoảng mà nó đang vấp phải.*

Trong điều kiện như vậy, những nhiệm vụ hàng đầu hiện nay của Đảng dân chủ - xã hội là rất rõ ràng. Coi thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là mục đích cuối cùng của mình, tin chắc rằng tự do chính trị là cần thiết để đạt được mục đích đó, và tính đến điều là: trong tình hình hiện nay thì không thể giành được tự do đó bằng con đường hòa bình, nếu không có những hoạt động công khai của quần chúng, — nên hiện nay Đảng dân chủ - xã hội vẫn phải đề ra ngay những nhiệm vụ dân chủ và cách mạng, và dĩ nhiên là không một phút nào được gạt bỏ việc tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội, cũng như không được gạt bỏ việc bảo vệ những lợi ích giai cấp của giai cấp vô sản hiểu theo nghĩa hẹp của từ đó. Là đại biểu của giai cấp vô sản, - giai cấp tiên tiến nhất, cách mạng nhất của xã hội hiện nay, giai cấp đã tỏ ra trong quá trình của cách mạng Nga là đủ sức làm nhiệm vụ lãnh tụ trong cuộc đấu tranh của quần chúng, — Đảng dân chủ - xã hội phải dùng mọi biện pháp khiến cho giai cấp vô sản tiếp tục giữ vai trò đó cả trong giai đoạn sắp tới của cuộc đấu tranh cách mạng, giai đoạn có đặc điểm là, so với trước đây, tính tự giác vượt hẳn tính tự phát. Vì mục đích ấy *Đảng dân chủ - xã hội phải mang hết nỗ lực ra để nắm quyền lãnh đạo quần chúng dân chủ, và phát huy nghị lực cách mạng của những quần chúng đó.*

Những cố gắng đó đưa chính đảng vô sản tới chỗ xung đột kịch liệt với những tổ chức khác mang tính chất chính trị và tính chất giai cấp; đối với những tổ chức chính trị này, - và đây là điều phù hợp với lợi ích của những tập đoàn mà chúng đại biểu, - thì cách mạng dân chủ không những tự bản thân nó đã là đáng ghét và nguy hại, mà nó còn đáng ghét và nguy hại, nhất là do vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng dân chủ, vì quyền lãnh đạo đó chứa đựng cái mối nguy là chủ nghĩa xã hội.

Hoàn toàn rõ ràng và không còn nghi ngờ gì nữa rằng cả hai đa số trong Đu-ma (đa số gồm bốn Trăm đen và những người tháng Mười và đa số gồm những người tháng Mười và những người dân chủ - lập hiến) mà chính phủ Xtô - lư - pin định lợi dụng làm chỗ dựa để hòng giữ được sự thăng bằng của mình, - cả hai đa số đó sẽ là phản cách mạng, mỗi đa số theo kiểu riêng và tùy từng trường hợp. Đối với đa số này hay đa số kia, hay thậm chí đối với một số phần tử trong hai đa số đó, thì thậm chí không thể nói đến việc họ *đấu tranh* một cách tương đối có hệ thống, tương đối có kế hoạch chống lại nội các được. Có chăng thì chỉ là những xung đột cá biệt và tạm thời. Những xung đột như vậy có thể xảy ra trước hết giữa những bộ phận Trăm đen trong đa số thứ nhất với chính phủ. Nhưng chớ quên rằng những xung đột đó không thể sâu sắc được, dù chỉ là tương đối, và chính phủ, không chút nào rời bỏ lập trường phản cách mạng, vẫn có thể rất thuận tiện và dễ dàng giành được thắng lợi trong những xung đột đó bằng cách dựa vào đa số thứ hai. Dù có mong muốn đến đâu chăng nữa, Đảng dân chủ - xã hội cách mạng, và cùng với nó là tất cả các phần tử còn lại có tinh thần cách mạng trong Đu-ma III, cũng chỉ có thể lợi dụng được những xung đột ấy để tuyên truyền nhằm phục vụ lợi ích của cách mạng mà thôi; ở đây thậm chí không thể nói đến việc "ủng hộ" một phe nào trong những

phe đang xung đột với nhau, vì bản thân sự ủng hộ đó sẽ là một hành động phản cách mạng.

Có lẽ cũng có khả năng lợi dụng nhiều hơn một chút và khéo hơn một chút những sự xung đột sau này giữa một số phần tử của đa số thứ hai, - giữa một bên là những người dân chủ - lập hiến và bên kia là những người tháng Mười và chính phủ. Nhưng ngay cả trong trường hợp này nữa, thì không những do tâm trạng và nguyện vọng chủ quan mà còn do những điều kiện khách quan nên những xung đột sẽ chỉ hời hợt và tạm thời, chẳng qua chỉ là phương tiện cho những kẻ buôn bán chính trị được thuận lợi hơn trong việc thông đồng với những điều kiện trông bề ngoài thì tốt đẹp, nhưng thực ra thì trái ngược với những lợi ích của dân chủ. Cho nên *Đảng dân chủ - xã hội phải* vừa lợi dụng ngay cả những xung đột hời hợt và hiếm có ấy vừa *tiến hành đấu tranh bên bí không những chống chính phủ, bọn Trăm đen và những người tháng Mười mà chống cả những người dân chủ - lập hiến nữa, để thực hiện những nhiệm vụ dân chủ và cách mạng.*

Đó là *những mục đích* cơ bản mà Đảng dân chủ - xã hội phải đặt ra cho mình trong Đu-ma nhà nước III. Rất rõ ràng rằng đó cũng chính là những mục đích đã đặt ra trước đảng vô sản trong Đu-ma II. Những mục đích ấy đã được nêu ra một cách hoàn toàn rõ ràng trong điểm thứ nhất của nghị quyết của Đại hội Luân-đôn nói về Đu-ma nhà nước. Điểm đó nói: "những nhiệm vụ chính trị trước mắt của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma là: a) giải thích cho nhân dân thấy tính chất hoàn toàn vô ích của Đu-ma, với tính cách là công cụ để thực hiện các yêu sách của giai cấp vô sản và của giai cấp tiểu tư sản cách mạng, đặc biệt là của nông dân; b) giải thích cho nhân dân thấy rằng không thể dùng con đường nghị viện để thực hiện tự do chính trị được chừng nào chính quyền thực tế còn nằm trong tay chính phủ Nga hoàng, và giải thích cho nhân dân thấy sự tất yếu của

cuộc đấu tranh công khai của quần chúng nhân dân chống lại lực lượng vũ trang của chế độ chuyên chế, một cuộc đấu tranh nhằm mục đích giành được thắng lợi hoàn toàn, tức là: chuyển chính quyền vào tay quần chúng nhân dân và triệu tập Quốc hội lập hiến trên cơ sở đầu phiếu phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín".

Nghị quyết đó, đặc biệt là mấy câu cuối cùng, cũng đã nêu lên một nhiệm vụ quan trọng, *đặc biệt* của hoạt động của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma III, nhiệm vụ mà những đại biểu dân chủ - xã hội phải làm tròn để vạch trần toàn bộ sự xấu xa của cái tội ác ngày 3 tháng Sáu. Lẽ tự nhiên, khi vạch trần tội ác đó thì không phải xuất phát từ quan điểm của phái tự do là phải cho rằng tội ác đó là sự vi phạm về hình thức hiến pháp, mà phải xuất phát từ quan điểm cho rằng tội ác đó là sự vi phạm một cách trắng trợn và thô bạo những lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân, là sự xuyên tạc một cách vô liêm sỉ và đáng công phẫn về quyền đại diện nhân dân. Vì thế, *phải giải thích cho đông đảo quần chúng nhân dân thấy rằng Đu-ma III hoàn toàn không đáp ứng được lợi ích và yêu cầu của nhân dân, và do đó phải tuyên truyền một cách kiên quyết và rộng rãi cho chủ trương thiết lập một quốc hội lập hiến toàn quyền được bầu ra trên cơ sở đầu phiếu phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.*

Cũng nghị quyết Luân-đôn ấy đã xác định cực kỳ rõ ràng tính chất của công tác của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước: "phải đặt lên hàng đầu vai trò phê phán, tuyên truyền cổ động và tổ chức của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma"; "tính chất chung của đấu tranh trong Đu-ma phải phục tùng toàn bộ cuộc đấu tranh ngoài Đu-ma của giai cấp vô sản, đồng thời điều đặc biệt quan trọng là phải lợi dụng cuộc đấu tranh kinh tế của quần chúng và phải phục vụ lợi ích của cuộc đấu tranh đó". Hoàn toàn rõ ràng là tính chất đó của công tác trong Đu-ma gắn liền chặt chẽ

và không tách rời được với những mục đích mà, hiện nay, như trên kia đã nói, trong Đu-ma, Đảng dân chủ - xã hội phải đặt ra cho mình. Trong tình hình rất có khả năng xảy ra các phong trào quần chúng, mà những người dân chủ - xã hội cứ yên ổn tiến hành công tác lập pháp trong Đu-ma III thì như thế không chỉ là không thích hợp và không chỉ là một việc làm lố bịch theo kiểu Đôn Ky-sốt, mà còn là trực tiếp phản bội lợi ích của giai cấp vô sản. Tiến hành công tác như thế thì chỉ đưa Đảng dân chủ - xã hội đến chỗ "hạ thấp ý nghĩa của những khẩu hiệu của nó xuống, khiến cho nó mất tín nhiệm đối với quần chúng và tách rời nó với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản"⁶⁹. Những đại biểu của giai cấp vô sản trong Đu-ma không thể phạm tội ác nào to lớn hơn nữa.

Công tác phê phán của Đảng dân chủ - xã hội phải được mở rộng hoàn toàn và hết sức sắc bén, nhất là vì trong Đu-ma III thì nó có rất nhiều tài liệu để làm công tác đó. Những người dân chủ - xã hội trong Đu-ma có trách nhiệm triệt để vạch trần cơ sở giai cấp của những biện pháp và kiến nghị mà chính phủ cũng như phái tự do sẽ thông qua trong Đu-ma, đồng thời phải hoàn toàn dựa vào nghị quyết của đại hội mà đặc biệt chú ý tới những biện pháp và kiến nghị đụng chạm đến lợi ích kinh tế của đông đảo quần chúng nhân dân; thuộc lĩnh vực này có vấn đề công nhân, vấn đề ruộng đất, vấn đề ngân sách, v. v.. Về tất cả những vấn đề này, Đảng dân chủ - xã hội có trách nhiệm đưa những yêu cầu xã hội chủ nghĩa và dân chủ của mình ra đối lập với những quan điểm của chính phủ và của phái tự do; những vấn đề này là sợi dây thần kinh nhạy cảm nhất trong đời sống nhân dân, đồng thời cũng là đau đầu nhất đối với chính phủ và đối với một số tập đoàn xã hội mà hai đa số trong Đu-ma đã lấy làm chỗ dựa.

Tất cả những nhiệm vụ cổ động, tuyên truyền và tổ chức đó, những người dân chủ - xã hội trong Đu-ma sẽ

thực hiện không những bằng các diễn văn trên diễn đàn Đu-ma mà còn bằng việc đưa ra những dự án pháp luật và những lời chất vấn chính phủ nữa. Nhưng ở đây, có một khó khăn rất lớn: muốn đưa ra những dự luật hoặc những lời chất vấn thì ít nhất phải có chữ ký của *ba mươi* đại biểu.

Trong Đu-ma III, hiện không có và trong tương lai cũng không thể có ba mươi người dân chủ - xã hội. Điều đó không còn nghi ngờ gì nữa. Vậy thì có nghĩa là *một mình* Đảng dân chủ - xã hội, nếu không có sự hợp tác của các tập đoàn khác, sẽ không thể đưa ra các dự thảo pháp luật được, cũng không thể chất vấn được. Rõ ràng là tình hình đó làm cho vấn đề trở thành vô cùng khó khăn và phức tạp.

Lẽ tự nhiên, đây là nói những dự thảo pháp luật và những lời chất vấn có tính chất triệt để dân chủ. Về mặt này, liệu Đảng dân chủ - xã hội có thể mong mỗi hợp tác với Đảng dân chủ - lập hiến hay không? Dĩ nhiên là không. Làm sao mà những người dân chủ - lập hiến, những người hiện nay hoàn toàn sẵn sàng nhận một sự thỏa hiệp công khai với những điều kiện khiến cho những yêu cầu cương lĩnh của họ không còn lại chút gì cả, dù cho những yêu cầu đó vốn là bị cắt xén và bị hạ xuống đến mức thấp nhất bởi những hạn chế và ngoại lệ, — làm sao mà những người dân chủ - lập hiến lại dám chọc tức chính phủ bằng những lời chất vấn có tính chất dân chủ được? Tất cả chúng ta còn nhớ rằng ngay trong Đu-ma II, những diễn văn chất vấn của những diễn giả dân chủ - lập hiến đã trở thành rất mờ nhạt và đôi khi đã trở thành những lời áp úng của trẻ con hoặc thành những câu hỏi lễ phép, thậm chí kính cẩn có kèm theo cử chỉ khom lưng cúi đầu. Nhưng hiện nay khi mà cái "năng lực" của Đu-ma trong việc bện cho nhân dân những cái lưới thật bền và thật chắc đến mức trở thành xiềng xích, đã biến thành một câu chuyện khắp nơi bàn tán

đến, thì các ngài bộ trưởng có thể ngủ yên giấc: Đảng dân chủ - lập hiến sẽ không quấy rầy họ luôn nữa — làm sao quấy rầy được, phải tham gia lập pháp chứ! — mà nếu người ta có quấy rầy thì người ta cũng theo đúng tất cả các phép xã giao. Không phải ngẫu nhiên mà trong những cuộc mít-tinh tranh cử, Mi-li-u-cốp hứa là "giữ gìn ngọn lửa". Phải chăng chỉ có một mình Mi-li-u-cốp là như thế? Đan nhất quyết phản đối khẩu hiệu "đả đảo Đu-ma", như thế nghĩa là gì? Điều đó há chẳng phải cũng là để giữ gìn ngọn lửa đó sao? Và đó há chẳng phải cũng là cái "phép xã giao" ấy mà Plê-kha-nốp, bằng việc "ủng hộ giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa" — tức là giai cấp mà "cuộc đấu tranh" của nó chỉ đi đến những hành vi kính lễ và khom lưng cúi đầu chứ chẳng đi đến đâu cả — đã khuyên những người dân chủ - xã hội nên theo đó sao?

Cho nên không thể nói tới vấn đề những người dân chủ - lập hiến ủng hộ những kiến nghị lập pháp của những người dân chủ - xã hội được: vì những dự thảo pháp luật đó sẽ có tính chất cố động rõ rệt, sẽ thể hiện một cách đầy đủ những yêu cầu dân chủ triệt để, và điều đó nhất định sẽ làm cho những người dân chủ - lập hiến tức giận không kém gì những người tháng Mười, thậm chí cũng không kém gì bọn Trăm đen.

Như vậy là về mặt ấy, không nên tính đến những người dân chủ - lập hiến. Nếu Đảng dân chủ - xã hội đưa ra những bản chất vấn và những dự thảo pháp luật, thì nó chỉ có thể trông mong vào sự ủng hộ của những tập đoàn tả hơn Đảng dân chủ - lập hiến thôi. Chắc hẳn, những tập đoàn này và những người dân chủ - xã hội cộng lại thì có thể có được con số 30 đại biểu, do đó, chúng ta sẽ có đầy đủ những điều kiện về thủ tục để đưa ra những kiến nghị về mặt ấy. Lẽ tự nhiên, đó không phải là vấn đề lập khối nào đó, mà chỉ là những "hành động chung", những hành động này, đúng như nghị quyết Đại hội Luân-đôn đã nói, "phải

loại trừ mọi khả năng xa rời cương lĩnh và sách lược dân chủ - xã hội đồng thời chỉ nhằm phục vụ những mục đích tổng tấn công cùng một lúc vào thế lực phản động và sách lược phản bội của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa" ⁷⁰ thôi .

"Người vô sản", số 18
ngày 29 tháng Mười 1907

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

VỀ MỘT BÀI BÁO CỦA PLÊ-KHA-NỐP ⁷¹

Trong bài báo của ông đăng trên tờ "Đồng chí" ngày 20 tháng Mười, Plê-kha-nốp tiếp tục chiến dịch của mình nói dối và chế giễu kỷ luật của Đảng dân chủ - xã hội. Đây là một vài ví dụ về sự nói dối đó: "Tờ "Đồng chí", như mọi người đều biết, là cơ quan của khối tả", — Plê-kha-nốp đã cãi lại như vậy khi có người trách ông ta là đã thành người cộng tác thường xuyên với những người như Prô-cô-pô-vích, Cu-xcô-va, v. v.. Nói như vậy là nói dối. Trước hết tờ "Đồng chí" xưa nay không phải là cơ quan báo chí của khối tả. Khối tả không thể có một cơ quan báo chí chung được. Hai là, những người bôn-sê-vích xưa nay chưa hề tiến hành một cuộc vận động chính trị nào trên tờ "Đồng chí" cũng như chưa hề phản đối những đồng chí trong Đảng dân chủ - xã hội trên báo đó. Ba là, với việc thành lập khối tả, những người bôn-sê-vích *đã phân ly* tờ "Đồng chí" bằng cách *tống cổ* (tuy chỉ trong một tuần lễ) ra khỏi báo đó những phần tử ủng hộ Đảng dân chủ - lập hiến. Nhưng Plê-kha-nốp lại *đẩy* cả giai cấp vô sản lẫn phái dân chủ tiểu tư sản đi làm đầy tớ cho những người dân chủ - lập hiến. Những người bôn-sê-vích không tham gia tờ "Đồng chí" nhưng đã hướng nó ngả về phía tả. Plê-kha-nốp đã tham gia báo đó nhưng lại kéo nó ngả sang phía hữu. Không cần nói cũng thấy rằng việc ông ta viện dẫn khối liên minh phái tả thật là thích hợp làm sao!

Lảng tránh như vậy cái việc người ta sẵn sàng nhận ông vào một tờ báo tư sản vì ông ta biết viết những điều mà giai cấp tư sản ưa thích, Plê-kha-nốp càng làm cho những

người tự do chủ nghĩa vừa lòng hơn bằng cách chế giễu kỷ luật của đảng công nhân. Ông ta lớn tiếng: một khi người ta đòi tôi phải phản bội những nguyên tắc thì tôi có quyền không phục tùng!

Thưa ngài, đó là một câu nói vô chính phủ chủ nghĩa tầm thường, vì giữa hai đại hội thì Ban chấp hành trung ương bảo vệ và giải thích những nguyên tắc *của đảng*. Nếu Ban chấp hành trung ương đi ngược lại ý chí của đại hội, điều lệ của đảng, v.v., thì ngài có quyền cự tuyệt không phục tùng. Nhưng trong trường hợp này, chưa có ai dám khẳng định rằng chỉ thị của Ban chấp hành trung ương về tuyển cử đã đi ngược lại ý chí của đại hội. Như thế chứng tỏ rằng Plê-kha-nốp chẳng qua muốn dùng câu "phản bội những nguyên tắc" để che giấu việc ông ta *phản bội đảng*.

Sau cùng, Plê-kha-nốp muốn công kích thành uỷ Xanh Pê-téc-bua, ông nói rằng: trong cuộc tuyển cử Đu-ma II, chính thành uỷ đó đã không phục tùng Ban chấp hành trung ương. Chúng tôi xin trả lời: một là, thành uỷ Xanh Pê-téc-bua đã cự tuyệt thi hành yêu cầu chia rẽ tổ chức, nghĩa là đã phản đối việc can thiệp vào quyền tự trị của mình, *cái quyền mà điều lệ đảng đã bảo đảm*. Hai là, trong cuộc tuyển cử Đu-ma II, chính những người men-sê-vích *đã chia rẽ* tổ chức nhưng trên tờ báo tư sản, Plê-kha-nốp đã ngậm tằm về vấn đề ấy! Plê-kha-nốp lấp đi lấp lại chỉ một luận điệu: trong cuộc tuyển cử Đu-ma II, những người men-sê-vích đã chia rẽ bộ phận Pê-téc-bua của đảng, cho nên hiện nay tôi có quyền chia rẽ toàn đảng!! Cái lô-gích của Plê-kha-nốp là như thế và hành động của Plê-kha-nốp là như thế. Xin mọi người hãy nhớ kỹ: *Plê-kha-nốp đang gieo rắc sự chia rẽ*. Song ông ta lại sợ nói đích danh hành động đó ra.

"Người vô sản", số 18,
ngày 29 tháng Mười 1907

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

VIỆC CHUẨN BỊ MỘT "CUỘC CHÈ CHÉN GHÊ TỎM"

Trong khi đánh giá những nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma II ở Nga và ở những nguyện vọng của phái tự do Nga, nhà mác-xít Đức nổi tiếng Phran-txơ Mê-rinh đã viết rằng trong 60 năm nay, chủ nghĩa tự do Đức đã đi theo con đường đê tiện và nhục nhã, núp sau khẩu hiệu: "công tác có ích". Khi trong vòng một đêm mùa hè năm 1789, Quốc hội đã thực hiện được việc giải phóng nông dân Pháp, thì Mi-ra-bô, nhà mạo hiểm thiên tài bán mình cầu vinh, kẻ anh hùng số một của phái dân chủ - lập hiến, gọi sự biến đó bằng một thành ngữ: "cuộc chè chén ghê tởm". Nhưng theo chúng ta (theo những người dân chủ - xã hội), đây là một công tác có ích. Trái lại, việc giải phóng nông dân Phổ tiến hành chậm như rùa trong 60 năm, từ 1807 đến 1865, và hơn nữa đã làm cho không biết bao nhiêu nông dân chết một cách tàn nhẫn và đau đớn, thì phái tự do ở nước ta lại cho đấy là "công tác có ích" mà đem khua chiêng gõ mõ rùm beng lên. Theo chúng ta, chính đấy là một "cuộc chè chén ghê tởm".

Mê-rinh đã viết như thế đấy⁷². Và hiện nay, khi Đu-ma III sắp khai mạc, — khi mà phái thánng Mười lại muốn trực tiếp lao vào một cuộc chè chén ghê tởm, — khi mà phái dân chủ - lập hiến lại sẵn sàng tham gia vào đó với một sự sốt sắng của những tên đầy tớ, — khi mà ngay cả trong Đảng dân chủ - xã hội (đáng hổ thẹn cho chúng ta) có những phần

tử tán thành Plê-kha-nốp đang sẵn sàng dự phần vào đó, — thì không thể không nhắc lại những lời nói của Mê-rinh. Chúng ta hãy xét kỹ tất cả những sự chuẩn bị đó.

Các đảng phái tăng cường hội họp để bàn về sách lược của Đu-ma là điều nổi bật xảy ra trước ngày Đu-ma III khai mạc. Trong hội nghị Mát-xcơ-va, phái thánng Mười đã thảo ra một dự án cương lĩnh cho đảng đoàn nghị viện của Liên minh ngày 17 tháng Mười, và trong một buổi tiệc ở Mát-xcơ-va, người phát ngôn của họ là ông Plê-va-cô đã giương cao "ngọn cờ của đảng lập hiến - tự do chủ nghĩa ở Nga". Phái dân chủ - lập hiến đã kết thúc cái gọi là đại hội "đảng" lần thứ V của họ trong ba hay bốn ngày. Những người dân chủ - lập hiến cánh tả đã bị thất bại hoàn toàn và bị đuổi hết ra khỏi Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - lập hiến (Ban chấp hành này gồm 38 người thao túng hoàn toàn "đảng"). Bọn dân chủ - lập hiến cánh hữu đã được hoàn toàn tự do hành động theo tinh thần "bản báo cáo về sách lược trong Đu-ma III" là một sự biện hộ "lich sử" xuất sắc cho "cuộc chè chén ghê tởm". Trong Ban chấp hành trung ương và trong Hội nghị đại biểu đảng bộ Xanh Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, những người dân chủ - xã hội đã bắt đầu thảo luận sách lược tại Đu-ma III.

Cương lĩnh nghị viện của phái thánng Mười đáng chú ý ở chỗ là nó công khai *thừa nhận* cái chính sách phản cách mạng mà trên thực tế phái dân chủ - lập hiến cũng đã tiến hành trong Đu-ma II nhưng vẫn nấp sau những luận điệu trống rỗng và lý do thoái thác đủ mọi kiểu. Chẳng hạn, phái thánng Mười tuyên bố không quanh co rằng việc xét lại các luật cơ bản và luật bầu cử sẽ "không hợp thời": theo họ thì trước tiên cần thực hiện "một loạt cải cách cấp bách" để "trấn an và loại trừ cuộc đấu tranh cho những yêu sách cuồng nhiệt và những lợi ích giai cấp". Phái dân chủ - lập hiến không nói như thế nhưng trong Đu-ma II, họ đã hành động đúng y như vậy. Một ví dụ khác. Phái thánng Mười

chủ trương "thu hút được thật nhiều người tham gia vào cơ quan tự quản", nhưng đồng thời cũng chủ trương "bảo đảm quyền đại biểu thích đáng" của quý tộc. Tính chất phản cách mạng công khai ấy thẳng thắn hơn chính sách của phái dân chủ - lập hiến là phái hứa hẹn đầu phiếu phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín, nhưng trên thực tế, tại Đu-ma I cũng như tại Đu-ma II, lại kịch liệt đấu tranh chống việc bầu các ủy ban ruộng đất địa phương theo phương thức bầu cử như vậy và đề nghị là những ủy ban đó gồm những thành viên nông dân và địa chủ ngang nhau, thật chẳng khác nào "bảo đảm quyền đại biểu của quý tộc". Lại một ví dụ nữa. Phái thán Mươi công khai bác bỏ việc cưỡng bức chuyển nhượng ruộng đất của địa chủ. Bọn dân chủ - lập hiến cũng "tán thành" điều đó, tán thành đến nỗi là trong Đu-ma II, họ đã cùng với phái hữu biểu quyết chống lại phái lao động và Đảng dân chủ - xã hội trong vấn đề kết thúc các cuộc thảo luận về ruộng đất bằng một công thức chung thừa nhận việc cưỡng bức chuyển nhượng.

Để củng cố những "thắng lợi" của phái phản cách mạng, phái thán Mươi sẵn sàng hứa hẹn bất kỳ cải cách tự do chủ nghĩa nào: nào là "mở rộng quyền của Đu-ma được quyết định ngân sách" (đến thế đấy!), nào là "mở rộng quyền Đu-ma giám sát tính hợp pháp của các hành động của chính quyền", nào là bảo đảm tính độc lập của tòa án, nào là "đình chỉ việc hạn chế các tổ chức kinh tế của công nhân và các cuộc bãi công kinh tế" ("nếu những tổ chức và những cuộc bãi công ấy không làm hại đến lợi ích của nhà nước và của xã hội"), nào là "củng cố nguyên tắc quyền tự do công dân chính đáng" vân vân và vân vân. Cái đảng cầm quyền của "những người thán Mươi" cũng rất hào phóng về những câu nói suông "tự do chủ nghĩa", chẳng kém gì chính phủ của ngài Xtô-lư-pin.

Thế thì trong đại hội của mình, phái dân chủ - lập hiến đã đặt vấn đề thái độ của họ đối với phái thán Mươi như

thế nào? Cái nhóm nhỏ bé những người dân chủ - lập hiến cánh tả hóa ra chỉ gồm toàn những người bẻm mép, thậm chí không biết đặt vấn đề một cách có lý. Còn cái đám đông gồm bọn hiệp sĩ cánh hữu, thực ra là bọn thán Mươi đã nguy trang đi, thì cố kết chặt chẽ với nhau để che giấu sự thật một cách dễ tiện nhất. Sự bất lực của bọn dân chủ - lập hiến cánh tả biểu hiện nổi bật hơn cả trong dự án nghị quyết của họ: điểm thứ nhất của nghị quyết đề nghị những người dân chủ - lập hiến phải "đứng về phái đối lập kịch liệt và không được gần gũi Đảng thán Mươi là đảng khác hẳn với nó (tức với Đảng dân chủ - lập hiến) cả về mặt tính chất lẫn về mặt cương lĩnh". Còn điểm thứ hai kêu gọi "không nên cự tuyệt việc ủng hộ các dự luật đưa nước nhà vào con đường giải phóng và những cải cách dân chủ, bất kể là ai đã đề xuất ra các dự luật ấy". Đấy mới thật là hài hước vì trong Đu-ma III, ngoài Đảng thán Mươi ra thì *chẳng còn* đảng nào *có thể* đề xuất được một dự luật nào có khả năng thu được đa số phiếu! Các ngài dân chủ - lập hiến cánh tả bị thất bại là hoàn toàn xứng đáng, vì họ hành động như những kẻ hèn nhát thảm hại hay như những kẻ khờ dại không có khả năng nói rõ ràng và thẳng thắn rằng tiến hành lập pháp trong một Đu-ma như vậy thật là đáng xấu hổ, rằng biểu quyết cùng với phái thán Mươi có nghĩa là ủng hộ bọn phản cách mạng. Một số đảng viên dân chủ - lập hiến cánh tả có lẽ cũng đã hiểu như vậy, nhưng vì là những nhà dân chủ ở phòng khách, nên họ đã không dám nói như vậy trong đại hội. Dù sao cũng đã có thể biết được một câu chuyện *nói riêng* của đảng viên dân chủ - lập hiến Xa-phô-nốp mà ông Gin-kin đã đăng trên báo "Đồng chí": "Theo ý tôi thì hiện nay, đảng đoàn dân chủ - lập hiến cần giữ lập trường giống như lập trường của Nhóm lao động trong Đu-ma I. Lập trường đối lập, những lời phát biểu kịch liệt - và chỉ thế thôi. *Thế nhưng họ lại đang tính đến chuyện lập pháp.* Bằng cách nào? Bằng hữu nghị, *bằng liên minh*

với phái tháng Mười ư? Thật là một khuynh hướng kỳ quái ngả về hữu! Cả nước đều khuynh tả, còn chúng ta thì khuynh hữu" ("Đồng chí", số 407). Chắc là ông Xa-phô-nốp cũng thoảng có những lúc biết hổ thẹn và day dứt trong lương tâm... nhưng chỉ trong câu chuyện nói riêng mà thôi!

Trái lại thì ngài Mi-li-u-cốp và bè lũ đã biểu lộ đầy đủ những bản tính có từ lâu của những kẻ mưu cầu danh vọng vô liêm sỉ và táng tận lương tâm. Trong nghị quyết đã được thông qua, họ đã che giấu thực chất của vấn đề để đánh lừa quảng đại công chúng, giống như hạng anh hùng thuộc phái tự do làm nghề bán mình ở nghị viện, đã luôn luôn đánh lừa nhân dân. Trong nghị quyết của đại hội ("đề cương") *chẳng có lấy một chữ nói đến phái tháng Mười !!* Điều đó khó có thể tưởng tượng được, nhưng đây là sự thật. Vấn đề Đảng dân chủ - lập hiến biểu quyết cùng với phái tháng Mười là vấn đề mấu chốt của đại hội Đảng dân chủ - lập hiến. Toàn bộ cuộc thảo luận luôn luôn xoay quanh vấn đề ấy. Nhưng tất cả nghệ thuật của các chính khách tư sản chính là ở chỗ *lừa dối* quần chúng, *che giấu* các thủ đoạn nghị viện của mình. "Những đề cương về sách lược" do đại hội Đảng dân chủ - lập hiến thông qua ngày 26 tháng Mười là một văn kiện có tính chất kinh điển chỉ rõ rằng: thứ nhất Đảng dân chủ - lập hiến đã câu kết với Đảng tháng Mười như thế nào; thứ hai, các nghị quyết mà phái tự do định dùng để đánh lừa quần chúng, được viết như thế nào. Cần so sánh văn kiện ấy với "cương lĩnh nghị viện" của "liên minh ngày 17 tháng Mười". Cần đối chiếu văn kiện ấy với bản "báo cáo về sách lược" do Mi-li-u-cốp trình bày trong đại hội Đảng dân chủ - lập hiến ("Ngôn luận", số 255). Sau đây là những đoạn quan trọng nhất của bản báo cáo đó:

"Tuy đảng buộc phải ở địa vị đối lập, nhưng" (đúng là: nhưng!) "đảng sẽ không giữ vai trò một thiểu số vô trách nhiệm, theo nghĩa mà bản thân đảng đã dùng danh từ đó để chỉ hành vi của phái cực tả trong Đu-ma" (đem diễn lối

nói ở nghị trường ấy ra thành lối nói thông thường và thẳng thắn là: xin các ngài thuộc phái tháng Mười hãy rủ lòng thương, nhường cho chúng tôi ít ghế, vì chúng tôi thực ra chỉ mang danh phái đối lập mà thôi!). "Đảng sẽ không xem Đu-ma là một phương tiện để chuẩn bị cho hoạt động ở ngoài Đu-ma, mà xem nó là cơ quan tối cao của nhà nước nắm một phần của quyền lực tối cao được xác định rõ ràng trong luật pháp" (phái tháng Mười nói thẳng ra rằng việc xét lại các luật cơ bản là không hợp thời, như vậy há chẳng phải là thành thật hơn đó sao?). "Trong Đu-ma III, cũng như trong hai Đu-ma trước, đảng quyết tâm tham gia tích cực vào công tác lập pháp của Đu-ma. Đảng đã luôn luôn cho rằng loại hoạt động đó là chính và chủ yếu, nhưng đồng thời đảng lại đem loại hoạt động đó đối lập cả với những mục đích cổ động của phái tả lẫn với hoạt động bí mật của phái hữu". Nay, ngay cả về "hoạt động bí mật", các ngài cũng nói dối rồi, vì trong *cả hai* Đu-ma, các ngài *đã hoạt động bí mật* với các bộ trưởng hay với bọn đầy tớ của họ! Còn từ bỏ công tác cổ động, tức là hoàn toàn và dứt khoát từ bỏ *dân chủ*.

Muốn lập pháp trong Đu-ma III, cần phải liên kết bằng cách này hay bằng cách khác, trực tiếp hay gián tiếp, với phái tháng Mười và hoàn toàn đứng trên lập trường của bọn phản cách mạng và bảo vệ những thắng lợi của bọn phản cách mạng. Bọn dân chủ - lập hiến cố lờ đi không nói đến cái sự thật hiển nhiên ấy. Nhưng trong một đoạn khác của bản báo cáo, họ lại lòi đuôi ra: "Trước khi chủ động trong vấn đề lập pháp thì phải tìm hiểu xem các dự án của đảng *trên thực tế có khả năng được thông qua không*". Có khả năng được thông qua hay không, đó là tùy ở phái tháng Mười. Tìm hiểu xem có khả năng được thông qua không, có nghĩa là tìm đến với phái tháng Mười bằng cửa hậu. Đặt sự chủ động của mình phụ thuộc vào việc tìm hiểu ấy, có nghĩa là cắt xén các dự án của mình *chiếu theo ý* phái tháng Mười,

có nghĩa là đặt chính sách của mình phụ thuộc vào phái đó.

Không có con đường trung gian đâu, các ngài ạ. Hoặc các ngài là một đảng đối lập thật sự, và trong trường hợp này, các ngài là một thiểu số vô trách nhiệm. Hoặc các ngài là một đảng tích cực tham dự việc lập pháp phản cách mạng, và như vậy là các ngài làm tội tở cho bọn tháng Mười. Những người dân chủ - lập hiến đã chọn con đường thứ hai, và theo lời người ta nói thì để thưởng cho họ về điều đó, Đu-ma Trăm đen đã đưa đảng viên dân chủ - lập hiến cánh hữu là Ma-cla-cốp vào chủ tịch đoàn! Ma-cla-cốp thật xứng đáng như vậy.

Nhưng tại sao ngay cả trong lúc này nữa lại có thể có những người dân chủ - xã hội nói đến việc ủng hộ bọn dân chủ - lập hiến? Tính tiểu tư sản của giới trí thức, tính tiểu tư sản của toàn bộ sinh hoạt nước Nga đã sản sinh ra những người dân chủ - xã hội loại như thế. Việc Plê-kha-nốp tầm thường hóa chủ nghĩa Mác, đã đào tạo nên những người dân chủ - xã hội như thế. Trong Hội nghị đại biểu đảng bộ Xanh Pê-téc-bua của Đảng dân chủ - xã hội, người ta thấy rõ rằng theo gót phái hữu của Đu-ma, bọn men-sê-vích lại còn hữu hơn nữa. Họ sẵn sàng ủng hộ phái tháng Mười, tức là ủng hộ đảng *cấm quyền*! Tại sao những người dân chủ - xã hội lại không bỏ phiếu cho Khô-mi-a-cốp là người còn khá hơn Bô-brin-xki? Đấy chỉ là vấn đề hợp lý chẳng! Nếu như chỉ được lựa chọn giữa Bô-brin-xki và Pu-ri-skê-vích thôi thì tại sao họ lại không bỏ phiếu cho Bô-brin-xki? Một khi Mác đã dạy phái ủng hộ giai cấp tư sản chống bọn phong kiến⁷³, thì tại sao lại không ủng hộ phái tháng Mười chống bọn Trăm đen?

Vâng, thật là đáng hổ thẹn phải thừa nhận — giấu đi thì lại là có tội — rằng Plê-kha-nốp đã dẫn bọn men-sê-vích của ông ta đến chỗ làm nhục nhã vô hạn cho Đảng dân chủ - xã hội. Là một con người chính cống "trong vỏ ốc", ông ta đã lặp đi lặp lại những chữ học thuộc lòng về vấn đề "ủng hộ giai cấp tư sản", và bằng *giáo điều chết cứng* của

mình, ông ta đã làm rối mù không cho người ta hiểu những nhiệm vụ và điều kiện đặc biệt của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trong cách mạng và của cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng. Toàn bộ sự phân tích của Mác về các thời kỳ cách mạng đều xoay chung quanh cuộc đấu tranh của phái dân chủ chân chính và đặc biệt của giai cấp vô sản chống những ảo tưởng lập hiến, chống sự phản bội của phái tự do, chống lực lượng phản cách mạng. Plê-kha-nốp thừa nhận Mác, nhưng là một ông Mác đã bị sửa chữa lại cho giống với Xtơ-ru-vê. Plê-kha-nốp đã gieo gi, nay phải gặt nấy!

Tính chất phản cách mạng của phái tự do trong cuộc cách mạng Nga, đã được toàn bộ quá trình các sự biến trước ngày 17 tháng Mười và nhất là sau ngày 17 tháng Mười, chứng thực. Đu-ma III sẽ buộc những kẻ mù cũng phải sáng mắt ra. Bọn dân chủ - lập hiến gần gũi bọn tháng Mười là một sự thật chính trị. Không có lý do thoái thác hay lời nói quanh co nào có thể che giấu điều ấy được. Cứ để mặc báo "Đồng chí" của phái Béc-stanh ngu xuẩn tha hồ than thở một cách bất lực về vấn đề đó, mặc cho chúng làm những kẻ môi giới về chính trị để đẩy bọn dân chủ - lập hiến về phe bọn tháng Mười. Đảng dân chủ - xã hội cần phải hiểu những nguyên nhân giai cấp của tính chất phản cách mạng của phái tự do Nga. Trong Đu-ma, Đảng dân chủ - xã hội phải thẳng tay vạch trần mọi âm mưu của phái dân chủ - lập hiến muốn gần gũi phái tháng Mười, vạch trần mọi hành động hèn nhát của cái phái tự do mệnh danh là dân chủ. Đảng công nhân sẽ khinh bỉ gạt bỏ mọi ý kiến về "việc giữ gìn ngọn lửa" và sẽ giương ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội và ngọn cờ cách mạng lên!

"Người vô sản", số 19,
ngày 5 tháng Mười một 1907

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

MÀ QUAN TÒA LÀ AI ?

Giữa một cách thích thú sự chia rẽ giữa phái men-sê-vích và phái bôn-sê-vích trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga nói chung, và cuộc đấu tranh gay gắt trong Đại hội Luân-đôn nói riêng, đã trở thành hiện tượng thường xuyên trên báo chí tư sản. Không ai nghĩ đến tìm hiểu lý do của những bất đồng, đến phân tích hai xu hướng, đến giới thiệu cho độc giả biết lịch sử sự chia rẽ và toàn bộ tính chất của sự không nhất trí giữa những người men-sê-vích và những người bôn-sê-vích. Các nhà chính luận của báo "Ngôn luận" và báo "Đồng chí", như các ngài Véc-ghết-xki, E. K., Pê-rê-i-a-xláp-xki và các penny-a-liner (các cây bút rẻ tiền) khác, chỉ biết nắm lấy mọi tin đồn đại, nhật nhạn những chi tiết "thú vị" có tính chất "giật gân" cho bọn ăn no phè phỡn và tán gẫu ở phòng khách, và cố sức tìm mọi cách nhồi vào sọ người ta những giai thoại nhỏ vút đi về cuộc đấu tranh của chúng ta.

Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cũng sa vào cái lối giễu cợt tầm thường ấy. Bài xã luận báo "Ngọn cờ lao động", số 6, đã lôi ra câu chuyện của Tsê-rê-va-nin kể về trường hợp điên loạn trong Đại hội Luân-đôn, đã cười giễu việc chi tiêu "hàng chục ngàn" và lấy làm thích thú về "bức tranh khá đẹp về tình trạng nội bộ của Đảng dân chủ - xã hội Nga hiện nay". Trong phái tự do thì cái lối mở đầu như vậy là để đi tới chỗ tán dương bọn cơ hội chủ nghĩa

à la¹⁾ Plê-kha-nốp; trong những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng thì là để đi tới chỗ chỉ trích nghiêm khắc cũng cái bọn cơ hội chủ nghĩa đó (những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, *hiện nay*, cũng lấp lại những luận cứ mà những người dân chủ - xã hội cách mạng đưa ra để chống lại việc triệu tập đại hội công nhân! họ đã nhớ ra rồi đấy!). Nhưng cả hai đều cùng hoan hỉ như nhau trước cuộc đấu tranh nghiêm trọng trong nội bộ Đảng dân chủ - xã hội.

Chúng tôi xin nói vài lời về các anh hùng của phái tự do trong cuộc tiến công ấy, và xin nói tí mỉ về các anh hùng xã hội chủ nghĩa - cách mạng trong cuộc "đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội".

Phái tự do cười nhạo cuộc đấu tranh trong nội bộ Đảng dân chủ - xã hội chính là để che giấu việc họ *lừa dối* công chúng một cách có hệ thống trên vấn đề Đảng dân chủ - lập hiến. Sự lừa dối của họ thật là nhất quán, cuộc đấu tranh nội bộ của bản thân những người dân chủ - lập hiến và những cuộc đàm phán giữa những người này với chính phủ được che giấu một cách có hệ thống. Mọi người đều biết rằng bọn dân chủ - lập hiến cánh tả đã quở trách cánh hữu, mọi người đều biết rằng các ngài Mi-li-u-cốp, Xtơ-ru-vê và đồng bọn đã đến xin yết kiến các ngài Xtô-lư-pin. Những sự việc xác thực thì bị giấu đi. Những sự bất đồng được lờ đi, và người ta không nói một tiếng nào về các cuộc tranh cãi giữa các ngài Xtơ-ru-vê với bọn dân chủ - lập hiến cánh tả. Người ta không có các biên bản đại hội của Đảng dân chủ - lập hiến. Bất luận là tổng số đảng viên của đảng họ hay số đảng viên của các tổ chức của họ, phái tự do đều không công bố. Xu hướng của các ban chấp hành đều không ai biết được. Từ đầu chí đuôi, là thái độ mờ ám; từ đầu chí cuối là những lời nói dối quan phương của báo "Ngôn luận"; từ đầu chí cuối là sự lừa dối phái dân chủ

1) — theo kiểu

bởi những kẻ hay yết kiến các bộ trưởng; Đảng dân chủ - lập hiến là như thế đó. Các luật sư và các giáo sư, những kẻ đang làm nên danh vọng trong chế độ đại nghị, vừa lên án một cách giả tạo hoạt động bí mật, vừa ca tụng hoạt động công khai của các đảng, nhưng thực ra họ chế nhạo nguyên tắc dân chủ của hoạt động công khai và che giấu không cho công chúng biết các xu hướng chính trị khác nhau trong đảng họ. Phải hoàn toàn thiếu cận như Plê-kha-nốp, một con người quy lụy trước Mi-li-u-cốp, thì mới không nhận thấy cái cách thô sơ và khả ố, được quét một nước sơn văn hóa, của bọn dân chủ - lập hiến dùng để lừa dối phái dân chủ.

Thế còn những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng thì sao? Họ có làm tròn được nhiệm vụ của *những người dân chủ* chân chính (khi nói về những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, chúng tôi không dùng từ những người xã hội chủ nghĩa) là trình bày *rõ ràng và chân thực* cho nhân dân biết cuộc đấu tranh giữa các xu hướng chính trị khác nhau biểu hiện trong những kẻ muốn lôi cuốn nhân dân theo mình không?

Chúng ta hãy xét những sự việc.

Đại hội tháng Chạp 1905 của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng là đại hội đầu tiên và duy nhất đã công bố những biên bản của mình. Ông Tu-tơ-kin, đại biểu của Cơ quan ngôn luận trung ương, đã thốt lên: "Xưa kia, những người dân chủ - xã hội chắc là đã hoàn toàn thành thật tin rằng ngày mà các quyền tự do chính trị được thực hành sẽ là ngày tận số về mặt chính trị của đảng ta... Thời đại của các quyền tự do đã chứng minh ngược hẳn lại" (tr. 28, tài liệu bổ sung của biên bản). Thời đủ rồi, có thật như vậy không, ngài Tu-tơ-kin? Thời đại của các quyền tự do có phải đã chứng minh chính điều đó không? Chính sách thực tế của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng trong những năm 1905, 1906, 1907 có phải đã chứng minh chính điều đó không?

Chúng ta hãy xét những sự việc!

Trong các biên bản của đại hội Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng (*tháng Chạp 1905, công bố năm 1906*), chúng ta đọc thấy rằng một nhóm nhà chính luận không có quyền biểu quyết trong đại hội ấy thì sau ngày 17 tháng Mười, đã "*đòi Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng tổ chức một đảng công khai*" (xem các biên bản, tr. 49; các đoạn trích sau này cũng lấy trong các biên bản ấy). Người ta đề nghị Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng "*thành lập không phải một tổ chức công khai của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, mà một Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân riêng biệt song song với đảng trên*" (tr. 51). Ban chấp hành trung ương đã cự tuyệt và đưa vấn đề đó ra đại hội. Đại hội *đã bác bỏ* đề nghị ấy của Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân với đa số phiếu tán thành, 1 phiếu chống và 7 phiếu trắng (tr. 66). Ông Tu-tơ-kin đấm ngực và kêu lên rằng: "Làm sao có thể tưởng tượng một người mà lại ở trong hai đảng được!" (tr. 61). Còn ông Sê-vích thì đã ám chỉ rằng phái lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân gần gũi với phái tự do, vì vậy mà ông Rô-giơ-đê-xơ-ven-xki, đảng viên Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân, người đã quả quyết rằng "không ai có quyền" gọi họ là phái "*nửa tự do*" (tr. 59), *đã bắt đầu mất bình tĩnh* (tr. 59).

Đó là những sự thật. Năm 1905, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng *đã đoạn tuyệt* với những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân có khuynh hướng "nửa tự do chủ nghĩa". Nhưng có đoạn tuyệt thật không?

Năm 1905, báo chí là phương tiện quan trọng nhất để

* Ngài Sê-vích nhường bước chút ít trước *sự phản ứng tự ái* của ngài đảng viên Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân đã mất bình tĩnh đó và đã "đỉnh chính" — (tr. 63) — nói "*dưới hình thức thanh minh cá nhân*" (!!)" rằng: "tôi không có ý liệt diễn giả vào hàng ngũ phái tự do đâu".

đảng công khai ảnh hưởng đến quần chúng. Trong những "ngày tự do" tháng Mười, bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã cùng với những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân ra chung một tờ báo, thật ra chỉ trong thời gian trước đại hội tháng Chạp. *Đúng về mặt hình thức* mà nói, thì trong vấn đề này, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đúng. Nhưng về thực chất thì trong thời kỳ có nhiều quyền tự do nhất, có nhiều khả năng ảnh hưởng công khai nhất đến quần chúng, họ đã che giấu không cho công chúng thấy hai khuynh hướng khác nhau trong đảng của họ. Những sự bất đồng trong Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng không phải ít hơn những sự bất đồng trong nội bộ Đảng dân chủ - xã hội, nhưng những người dân chủ - xã hội đã quan tâm làm sáng tỏ những điểm bất đồng của mình, còn những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng thì lại dùng lối ngoại giao để che giấu những điểm bất đồng của họ. Đây là những sự việc hồi 1905.

Bây giờ chúng ta hãy xét đến năm 1906. Đây là thời kỳ "có chút ít quyền tự do", thời kỳ Đu-ma I. Báo chí xã hội chủ nghĩa lại được khôi phục. *Bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng lại liên kết với phái lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân, họ xuất bản một tờ báo chung.* Không phải vô cớ mà việc phân liệt với phái "nửa tự do" trong đại hội là một hình thức phân liệt kiểu ngoại giao: muốn cho là phân liệt thì đấy là phân liệt; còn không muốn cho là phân liệt thì đấy chẳng phải là phân liệt! Người ta gạt bỏ lời đề nghị, người ta chế nhạo cái ý kiến "ở trong hai đảng" và... và lại cứ tiếp tục ngồi cạnh nhau ở trong hai đảng, rồi thốt lên: nhờ trời, chúng tôi không giống như những đảng viên dân chủ - xã hội đánh lộn lẫn nhau ấy! Sự việc là như thế. Hai thời kỳ tự do báo chí ở Nga đều có đặc điểm ở chỗ là bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã liên kết với bọn lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân và đã dùng thủ đoạn lừa bịp (hình thức "kiểu ngoại giao") để che giấu

không cho những người dân chủ thấy hai xu hướng hết sức khác nhau đã xuất hiện trong đảng họ.

Chúng ta hãy xét năm 1907. Sau Đu-ma I, những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân, về hình thức, đã thành lập chính đảng riêng. Điều ấy nhất định không thể tránh khỏi, vì tại Đu-ma I, trong lần phát biểu thứ nhất của các chính đảng trước những đại biểu nông dân toàn Nga, những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân và xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã đưa ra những dự án ruộng đất khác nhau (dự án của 104 người và dự án của 33 người). Trước các đại biểu phái lao động, những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân đã thắng những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng: dự án của họ, tức cương lĩnh ruộng đất của họ, thu được số chữ ký nhiều gấp ba lần. Mà cương lĩnh ấy, theo lời thú nhận của Vi-khli-a-ép, một đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng ("Tư tưởng chúng ta", tập số 1. Xanh Pê-téc-bua, 1907, bài "Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân và vấn đề ruộng đất"), cũng *"giống hệt như"* đạo luật ngày 9 tháng Mười một 1906, nó "dẫn đến chỗ phủ định nguyên tắc căn bản về chế độ sử dụng ruộng đất công xã". Cương lĩnh ấy hợp pháp hoá *"những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân tự tư tự lợi"* (tr. 89, bài của ngài Vi-khli-a-ép), *"dùng vũng bòn chủ nghĩa cá nhân làm đơ bán luồng tư tưởng rộng rãi"* (tr. 91, cũng bài ấy), và đã đi vào *"con đường khuyến khích các khuynh hướng cá nhân chủ nghĩa và ích kỷ trong quần chúng nhân dân"* (tr. 93, cũng trong bài ấy).

Như vậy là khá rõ rồi chứ? *Tuyệt đại đa số* đại biểu nông dân đã biểu hiện chủ nghĩa cá nhân tư sản. Lần phát biểu đầu tiên của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng trước các đại biểu nông dân toàn Nga, đã chứng thực một cách rạch ròi lý luận của Đảng dân chủ - xã hội, đã thực tế biến những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng thành cánh cực tả trong phái dân chủ tiểu tư sản.

Nhưng, có lẽ, ít ra là sau khi những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân đã tách khỏi những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và đã thông qua cương lĩnh của họ trong Nhóm lao động, thì những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã đoạn tuyệt hoàn toàn với những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân rồi chăng? Không. Cuộc bầu cử vào Đu-ma II ở Pê-téc-bua đã chứng minh ngược lại. Việc liên kết với những người dân chủ - lập hiến lúc đó là một biểu hiện lớn nhất của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào xã hội chủ nghĩa. Nguy cơ Trăm đen là chuyện bịa đặt ra để *che giấu* chính sách lệ thuộc vào phái tự do. Báo chí dân chủ - lập hiến đã vạch trần một cách đặc biệt rõ ràng điều đó trong lúc nhấn mạnh tính "ôn hòa" của những người men-sê-vích và những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân. Còn thái độ của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng thì như thế nào? Các "nhà cách mạng" của chúng ta đã liên kết với những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân và phái lao động; điều kiện của sự liên kết ấy thì người ta giấu không cho công chúng biết. Hoàn toàn giống như những người men-sê-vích, *các nhà cách mạng của chúng ta đã chạy theo những người dân chủ - lập hiến*. Những đại biểu xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã đề nghị với phái dân chủ - lập hiến thành lập liên minh (hội nghị ngày 18 tháng Giêng 1907. Xem cuốn sách mỏng của V. I. Lê-nin nhan đề là "Hãy nghe lời phán xét của một tên ngu xuẩn", Xanh Pê-téc-bua, ngày 15 tháng Giêng 1907¹⁾, sách đó đã chỉ rõ rằng bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã có một thái độ *chính trị không chân thực* trong vấn đề hiệp nghị, chúng vừa đàm phán với phái dân chủ - xã hội, là phái đã tuyên chiến ngày 7 tháng Giêng 1907 với phái dân chủ - lập hiến, lại vừa đàm phán với *phái dân chủ - lập hiến*).

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 14, tr. 353-378.

Vì bị phái dân chủ - lập hiến cự tuyệt nên những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã tham gia khối tả *trái với ý muốn* của họ.

Như vậy là sau khi phân liệt hoàn toàn với những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng *thực tế* đang tiến hành chính sách của những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân và của những người men-sê-vích, tức là của bọn cơ hội chủ nghĩa. "Ưu thế" của họ là ở chỗ họ che giấu không cho công chúng biết lý do thực hành chính sách ấy và các khuynh hướng trong nội bộ đảng họ.

Đại hội bất thường của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng hồi tháng Hai 1907 không những đã không nêu lên vấn đề đó, vấn đề liên kết với phái dân chủ - lập hiến, không những đã không làm sáng tỏ ý nghĩa của một chính sách như vậy, mà trái lại *đã xác nhận* chính sách ấy *là đúng!* Chúng ta hãy nhắc lại diễn văn của G. A. Ghéc-su-ni trong đại hội ấy, bài diễn văn mà báo "Ngôn luận" đã tán dương đúng lúc, hoàn toàn giống như báo đó đã luôn luôn tán dương Plê-kha-nốp vậy. Ghéc-su-ni đã nói là vẫn giữ "ý kiến cũ: phái dân chủ - lập hiến chưa phải là kẻ thù của chúng ta" (tr. 11 trong cuốn sách mỏng "Diễn văn của G. A. Ghéc-su-ni tại đại hội bất thường của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng", 1907, tr. 1 - 15, trên có in khẩu hiệu của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng: "trong đấu tranh, bạn sẽ giành được quyền của mình"). Sau đó Ghéc-su-ni đã báo trước cho phái đối lập thấy cuộc đấu tranh nội bộ mang lại nguy cơ gì: "nhân dân có thể không tin là có khả năng quản lý thông qua cơ quan đại biểu nhân dân" (sách nói trên). Hiển nhiên là theo tinh thần của kẻ ái mộ phái dân chủ - lập hiến đó, đại hội của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã thông qua một quyết nghị, trong đó có nói:

"Đại hội nhận định rằng trong Đu-ma, việc phân chia đảng phái một cách quá rõ, cộng với tình trạng từng nhóm riêng lẻ hoạt động

cô lập và các đảng đoàn đấu tranh kịch liệt với nhau, thì có thể làm tê liệt hoàn toàn hoạt động của phái đa số đối lập, và như thế có thể làm cho bản thân khái niệm về cơ quan đại biểu nhân dân mất uy tín đối với các giai cấp lao động" (báo "Tin tức của Đảng" của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, số 6, ngày 8 tháng Ba 1907).

Đấy thật là chủ nghĩa cơ hội từ đầu đến chân, còn tệ hơn chủ nghĩa men-sê-vích ở nước ta nữa. Dưới một hình thức vụng về hơn đôi chút, Ghéc-su-ni đã bắt buộc đại hội Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng phải lại theo *đường lối của Plê-kha-nốp*. Và toàn bộ hoạt động của đảng đoàn xã hội chủ nghĩa - cách mạng trong Đu-ma đã phản ánh cái tinh thần đó của sách lược dân chủ - lập hiến nhằm thống nhất phái đối lập toàn quốc. Điểm khác nhau giữa Plê-kha-nốp, đảng viên dân chủ - xã hội và Ghéc-su-ni, đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng *chỉ là ở chỗ* Plê-kha-nốp là đảng viên của một đảng không che giấu chủ nghĩa suy đồi ấy mà lại vạch trần và đấu tranh chống chủ nghĩa suy đồi ấy, còn Ghéc-su-ni là đảng viên của một đảng mà tất cả các nguyên tắc sách lược cũng như các quan điểm lý luận đều bị một bức màn dày của cái lối ngoại giao tiểu tổ làm cho rối mù lên và khiến công chúng không thấy rõ được. "Đừng vạch áo cho người xem lưng", điều đó các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng đều biết thực hiện. Nhưng họ *không thể* không làm như vậy, vì ngoài áo bản ra thì họ chẳng còn cái gì hết! Họ không thể nói hết sự thật về các quan hệ của họ với những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân trong những năm 1905, 1906 và 1907. Họ không thể vạch trần cái cách mà *một chính đảng...* một chính đảng chứ không phải một tiểu tổ... hôm nay thì thông qua với 67 phiếu thuận 1 phiếu chống, một nghị quyết cơ hội chủ nghĩa cực đoan, còn ngày mai thì lại tuôn ra những lời kêu gào có tính chất "cách mạng".

Vâng, các ngài "quan toà", chúng tôi chả thèm muốn cái thứ quyền hình thức của các ngài được vui sướng trước

cuộc đấu tranh gay gắt và những sự chia rẽ trong Đảng dân chủ - xã hội đầu. Trong cuộc đấu tranh ấy, đã có nhiều cái xấu, điều đó khỏi phải nói. Trong sự chia rẽ như vậy, đã có nhiều điều rất tai hại cho sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội, điều đó cũng không phải tranh cãi nữa. Nhưng tuy vậy, chúng tôi cũng vẫn không đem đổi, dù trong giây lát thôi, cái sự thật nặng nề đó lấy thứ đối trá "nhẹ nhàng" của các ngài đầu. Bệnh tình trầm trọng của đảng chúng tôi là cái bệnh lúc trưởng thành của một chính đảng có tính chất *quần chúng*. Vì không hoàn toàn làm sáng tỏ các điểm khác nhau nhỏ về bản chất, không có cuộc đấu tranh công khai giữa các khuynh hướng khác nhau, không cho *quần chúng* biết những nhà hoạt động nào, những tổ chức nào của đảng hiện đang đi theo đường lối nào, thì không thể có được một chính đảng có tính chất quần chúng, một chính đảng của giai cấp được. Không thể thì không thể thành lập được một chính đảng đáng được gọi là đảng và chúng tôi *đang thành lập* một đảng như vậy đấy. Chúng tôi đã cố gắng làm cho mọi người hiểu được các quan điểm của hai phái trong đảng chúng tôi một cách đúng đắn, rõ ràng, rành mạch. Những cuộc cãi cọ giữa cá nhân, những chuyện đấu khẩu và xích mích giữa các bè phái, những chuyện gây tai tiếng và chia rẽ — tất cả những cái đó đều là những chuyện vụn vặt so với những bài học mà quần chúng vô sản thực sự qua kinh nghiệm về *hai sách lược* đang thu lượm được, với những bài học mà thực sự tất cả những ai có thái độ tự giác đối với chính trị đều có thể thu lượm được. Những chuyện xích mích và chia rẽ giữa chúng tôi sẽ được quên đi. Những nguyên tắc sách lược được mài giũa và tôi luyện của chúng tôi sẽ trở thành những viên đá tảng trong lịch sử của phong trào công nhân và của chủ nghĩa xã hội ở nước Nga. Sau này, thậm chí có thể hàng chục năm sau, người ta sẽ căn cứ vào hàng trăm vấn đề thực tế khác nhau để xét ảnh hưởng của khuynh hướng này hay khuynh

hướng kia. Cả giai cấp công nhân Nga lẫn toàn thể nhân dân hiện *đều biết* phái bôn-sê-vích và phái men-sê-vích là những người như thế nào.

Nhưng họ có biết những người dân chủ - lập hiến là những người như thế nào không? Toàn bộ lịch sử của Đảng dân chủ - lập hiến là một chuỗi không ngừng những trò ảo thuật chính trị đi đôi với việc làm thình không nói đến cái chủ yếu nhất, và là việc luôn luôn lo liệu làm sao để che giấu sự thật cho bằng được.

Họ có biết những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng là những người như thế nào không? Ngày mai, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng liệu có liên kết một lần nữa với những người dân chủ - lập hiến - xã hội không? Hiện nay, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã liên kết với bọn người ấy chưa? Họ có rời khỏi cái "vũng bùn chủ nghĩa cá nhân" của phái lao động không hay lại làm cho đảng mình ngày càng dần sâu vào vũng bùn đó? Họ có còn tán thành cái lý luận về sự thống nhất của phái đối lập toàn quốc như trước kia không? Có phải chỉ có hôm qua, họ mới thừa nhận lý luận ấy không? Ngày mai, họ có vứt bỏ lý luận ấy đi trong vài tuần chẳng? Những điều đó, chẳng ai biết cả; chính ngay các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng cũng không biết nốt, vì toàn bộ lịch sử đảng họ chỉ là việc che giấu, làm rối mù và lờ đi từ đầu đến cuối, một cách có hệ thống và không ngừng những điểm bất đồng ý kiến của họ, che giấu bằng những câu cú và những lời lẽ thao thao bất tuyệt.

Vì sao lại như thế? Không phải vì những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cũng là bọn cầu cạnh danh lợi tư sản như những người dân chủ - lập hiến. Không, *không thể* nghi ngờ lòng thành thật của họ, nếu xét họ là một nhóm nhỏ. Điều bất hạnh của họ là ở chỗ họ không có khả năng thành lập được một chính đảng có tính chất quần chúng, không có khả năng trở thành một chính đảng

của giai cấp. Tình hình khách quan buộc họ chỉ có thể là *một cánh* của phái dân chủ nông dân, thành một vật phụ thuộc, không độc lập và không bình đẳng của phái đó, một "nhóm lệ thuộc" phái lao động chứ không phải là một chính thể độc lập. Thời kỳ bão táp và tiến công đã không giúp cho những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng vươn mình đứng thẳng lên được, thời kỳ đó đã ném họ vào trong những cánh tay siết chặt của bọn lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân những cánh tay ôm chặt đến nỗi ngay cả sự bất đồng cũng không kéo họ ra khỏi đó được. Thời kỳ chiến tranh phản cách mạng đã không củng cố được các quan hệ của họ với những tầng lớp xã hội nhất định, mà chỉ gây ra những do dự mới và những dao động mới (mà hiện giờ, bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng đang ra sức che giấu đi) về tinh thần xã hội chủ nghĩa của người mu-gích thôi. Và hiện nay, khi người ta đọc các bài đầy nhiệt tình trên báo "Ngọn cờ lao động" ca tụng những anh hùng của chủ nghĩa khủng bố của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, người ta sẽ bất giác tự nhủ rằng: các ngài ạ, chủ nghĩa khủng bố của các ngài chẳng phải là kết quả của tinh thần cách mạng của các ngài đâu. Tinh thần cách mạng của các ngài chỉ hạn chế ở chủ nghĩa khủng bố mà thôi.

Không, những quan tòa như thế còn lâu mới có quyền xét xử phái dân chủ - xã hội!

"Người vô sản", số 19,
ngày 5 tháng Mười một 1907

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ -
XÃ HỘI NGA
("HỘI NGHỊ TOÀN NGA
LẦN THỨ BA")⁷⁴

5-12 (18 - 25) THÁNG MƯỜI MỘT 1907

*Đăng ngày 19 tháng Mười một
1907 trên báo "Người vô sản",
số 20*

Theo đúng bản đăng trên báo

1
**BÁO CÁO VỀ SÁCH LƯỢC
CỦA ĐẢNG ĐOÀN DÂN CHỦ - XÃ HỘI
TRONG ĐU-MA NHÀ NƯỚC III
TRÍCH TƯỜNG THUẬT TRÊN BÁO**

Đồng chí Lê-nin xuất phát từ tiền đề cho rằng các nhiệm vụ khách quan của cách mạng Nga chưa được giải quyết, rằng thời kỳ phản động hiện tại đặt ra cho giai cấp vô sản nhiệm vụ phải bảo vệ một cách đặc biệt kiên quyết — ngược lại với tình trạng dao động chung — sự nghiệp dân chủ và sự nghiệp cách mạng. Do đó đi tới kết luận là phải lợi dụng Đu-ma vào những mục đích cách mạng, chủ yếu lợi dụng nó nhằm tuyên truyền rộng rãi những quan điểm chính trị và xã hội chủ nghĩa của đảng, chứ không phải lợi dụng nó để tiến hành những "cải cách" lập pháp, vì trong bất kỳ trường hợp nào, những cải cách ấy cũng sẽ là ủng hộ phái phản cách mạng và là cắt xén dân chủ bằng mọi cách.

Theo lời của đồng chí Lê-nin thì điểm "then chốt" của vấn đề Đu-ma phải là giải thích rõ ba điểm sau đây: a) thành phần giai cấp của Đu-ma như thế nào, b) hiện nay và sau này, thái độ các cơ quan trung ương của Đu-ma đối với cách mạng và đối với phái dân chủ phải như thế nào, và c) hoạt động của Đu-ma trong quá trình phát triển cách mạng Nga có ý nghĩa như thế nào.

Về vấn đề thứ nhất, trên cơ sở phân tích thành phần của Đu-ma (căn cứ vào tài liệu nói lên đảng phái của các đại biểu), đồng chí Lê-nin nhấn mạnh rằng trong Đu-ma III, những quan điểm của cái gọi là "phái đối lập" trừ danh

chỉ có thể thực hiện được với điều kiện duy nhất: ít ra thì 87 đảng viên tháng Mười phải hợp tác với những người dân chủ - lập hiến và phái tả. Để có đa số cần thiết khi biểu quyết các dự luật, những người dân chủ - lập hiến và phái tả còn thiếu 87 phiếu nữa. Trên thực tế, như thế có nghĩa là hoạt động lập pháp trong Đu-ma chỉ có thể được thực hiện với điều kiện tất yếu là có sự tham gia của tuyệt đại đa số đảng viên tháng Mười. Rõ ràng là hoạt động lập pháp như thế sẽ có thể đem lại kết quả gì, và sự hợp tác của Đảng dân chủ - xã hội với phái tháng Mười sẽ dẫn đến con đường nhục nhã ra sao. Vấn đề ở đây không phải là một nguyên tắc trừu tượng. Nói một cách trừu tượng, đôi khi có thể và cần phải ủng hộ các đại biểu của giai cấp đại tư sản. Nhưng trong trường hợp này, phải tính đến những điều kiện phát triển cụ thể của cách mạng dân chủ - tư sản ở Nga. Từ lâu, giai cấp tư sản Nga đã đi vào con đường đấu tranh chống cách mạng và thoả hiệp với chế độ chuyên chế. Đại hội mới đây của Đảng dân chủ - lập hiến đã dứt khoát lột bỏ tất cả mọi bức màn mà các ngài Mi-li-u-cốp đã che lên người mình và đại hội này là một sự kiện chính trị to lớn, vì bọn dân chủ - lập hiến đã tuyên bố một cách trắng trợn vô liêm sỉ rằng họ sẽ đi vào Đu-ma tháng Mười - Trăm đen để hoạt động lập pháp và sẽ đấu tranh chống lại "kẻ thù phía tả". Như vậy là bằng những thủ đoạn khác nhau, hai đa số có thể có trong Đu-ma, tức là đa số tháng Mười - Trăm đen và đa số dân chủ - lập hiến - tháng Mười, sẽ cố gắng siết chặt hơn nữa sợi dây thòng lọng của chế độ phản động: đa số thứ nhất sẽ thực hiện điều đó bằng cách cố gắng khôi phục chế độ chuyên chế, còn đa số thứ hai — bằng cách câu kết với chính phủ và bằng những cải cách ảo tưởng che giấu những mục đích phản cách mạng của giai cấp tư sản. Đó là lý do khiến Đảng dân chủ - xã hội không thể đứng trên lập trường ủng hộ những cải cách lập pháp được

vì như thế có nghĩa là ủng hộ Đảng tháng Mười, *đảng đại biểu cho chính phủ*. Trên cơ sở chính trị hiện tại và trong điều kiện so sánh lực lượng hiện nay, con đường "cải cách" quyết không thể cải thiện tình cảnh của quần chúng được, quyết không thể mở rộng tự do, mà chính là quy định một cách quan liêu tình trạng không có tự do và nô dịch của quần chúng. Chẳng hạn như những cải cách ruộng đất của Xtô-lư-pin theo điều khoản 87⁷⁵. Những cải cách ấy là tiến bộ, vì chúng dọn đường cho chủ nghĩa tư bản, thế nhưng không có một người dân chủ - xã hội nào lại định ủng hộ sự tiến bộ loại đó. Bọn men-sê-vích đã nhai đi nhai lại vẫn một công thức độc nhất: lợi ích giai cấp của giai cấp tư sản *sẽ phải* xung đột với chế độ chuyên chế! Nhưng trong cái chủ nghĩa Mác giả danh và tầm thường ấy, không có chút gì là phù hợp với sự thực lịch sử cả. Phải chăng Na-pô-lê-ông III và Bi-xmác đã không thể tạm thời thoả mãn được lòng tham muốn của giai cấp đại tư sản đó sao? Chẳng phải là chính họ đã dùng những "cải cách" mà không thắt chặt được chiếc thòng lọng quanh cổ của quần chúng lao động trong nhiều năm ròng đó sao? Lấy gì làm căn cứ để nghĩ rằng chính phủ Nga, khi câu kết với giai cấp tư sản, lại có thể đồng ý tiến hành những cải cách kiểu khác?

2

NGHỊ QUYẾT VỀ SÁCH LƯỢC CỦA ĐẢNG ĐOÀN DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRONG ĐU-MA NHÀ NƯỚC III

Căn cứ vào nghị quyết của Đại hội Luân-đôn về Đu-ma nhà nước và về các đảng phi vô sản, nhằm bổ sung các nghị quyết ấy, Hội nghị toàn quốc Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga nhận thấy cần thiết phải phát biểu mấy ý kiến như sau:

1) trong Đu-ma III — là kết quả của cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu, — có khả năng xuất hiện hai đa số: đa số tháng Mười — Trăm đen và đa số tháng Mười - dân chủ - lập hiến. Đa số thứ nhất, đại biểu chủ yếu cho lợi ích của bọn địa chủ - chủ nô, là đa số phản cách mạng, nó chủ yếu bảo vệ lợi ích của bọn địa chủ và chủ trương tăng cường đàn áp, thậm chí có khuynh hướng muốn khôi phục hoàn toàn chế độ chuyên chế. Đa số thứ hai, đại biểu chủ yếu cho lợi ích của giai cấp đại tư sản, cũng rõ ràng là phản cách mạng, nhưng nó có ý che giấu cuộc đấu tranh của nó chống lại cách mạng, bằng một số cải cách quan liêu hão huyền;

2) một tình thế như vậy trong Đu-ma là hết sức thuận tiện cho cả chính phủ lẫn bọn dân chủ - lập hiến giở trò chính trị hai mặt. Chính phủ muốn vừa tăng cường đàn áp và tiếp tục dùng lực lượng quân sự để "chinh phục" nước Nga, vừa muốn tỏ ra là kẻ ủng hộ những cải cách lập hiến. Còn bọn dân chủ - lập hiến thì trong khi thực tế biểu quyết ủng hộ bọn tháng Mười phản cách mạng, lại muốn tỏ ra mình không những là phái đối

lập mà còn là đại biểu cho phái dân chủ nữa. Trong những điều kiện như vậy, Đảng dân chủ - xã hội đặc biệt có nhiệm vụ là thẳng tay vạch trần cái trò ấy, vạch cho nhân dân thấy bạo lực của bọn địa chủ Trăm đen và của chính phủ, cũng như chính sách phản cách mạng của bọn dân chủ - lập hiến. Đảng dân chủ - xã hội mà ủng hộ trực tiếp hay gián tiếp bọn dân chủ - lập hiến — dưới hình thức thành lập phòng thông tin với sự tham gia của bọn dân chủ - lập hiến hay dưới hình thức phối hợp hoạt động của mình với chính sách của bọn chúng, v.v. — thì hiện nay, là trực tiếp làm tổn hại sự nghiệp giáo dục giai cấp của quần chúng công nhân và làm tổn hại sự nghiệp của cách mạng;

3) trong lúc bảo vệ các mục tiêu xã hội chủ nghĩa của mình và, trên quan điểm ấy, phê phán tất cả các đảng tư sản, Đảng dân chủ - xã hội phải đề lên hàng đầu trong công tác cổ động của mình, việc giải thích cho quảng đại quần chúng nhân dân hiểu rõ là Đu-ma III hoàn toàn không có khả năng thoả mãn những quyền lợi và yêu cầu của nhân dân, và nhân đó, tuyên truyền rộng rãi và mạnh mẽ chủ trương thành lập Quốc hội lập hiến trên cơ sở đầu phiếu phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín;

4) một trong những nhiệm vụ cơ bản của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma III là vạch trần tính giai cấp của các kiến nghị của chính phủ và của phái tự do, và để đối lập lại với các kiến nghị ấy, phải thường xuyên nêu ra những yêu cầu của cương lĩnh - minimum của Đảng dân chủ - xã hội không có bất cứ sự cắt xén nào, đồng thời chú ý đặc biệt tới các vấn đề liên quan đến những lợi ích kinh tế của quảng đại quần chúng nhân dân (như vấn đề công nhân và vấn đề ruộng đất, ngân sách, v.v.), — và lại thành phần của Đu-ma III nhất định sẽ cung cấp những tài liệu hết sức phong phú cho công tác cổ động của Đảng dân chủ - xã hội;

5) đảng đoàn dân chủ - xã hội phải đặc biệt quan tâm làm thế nào để trong trường hợp có sự ăn khớp bề ngoài giữa những cuộc biểu quyết nào đó của Đảng dân chủ - xã hội với các cuộc biểu quyết của khối tháng Mười - Trăm đen, hay của khối tháng Mười - dân chủ - lập hiến, sẽ không thể bị người ta lợi dụng theo nghĩa đó là sự ủng hộ khối này hay khối kia;

6) những đảng viên dân chủ - xã hội trong Đu-ma cần đưa ra những dự luật và lợi dụng quyền chất vấn. Muốn thực hiện quyền ấy, cần hành động chung với các nhóm khác có khuynh hướng tả hơn phái dân chủ - lập hiến, nhưng không được mảy may xa rời cương lĩnh và sách lược của Đảng dân chủ - xã hội, không được lập thành bất cứ một khối nào. Đảng đoàn dân chủ - xã hội phải lập tức đề nghị với các đại biểu phái tả của Đu-ma, thành lập một phòng thông tin không ràng buộc những người tham gia nhưng lại cho phép những đại biểu của công nhân có thể thường xuyên ảnh hưởng đến phái dân chủ theo tinh thần chính sách của Đảng dân chủ - xã hội;

7) trong số những bước cụ thể đầu tiên mà đảng đoàn dân chủ - xã hội cần tiến hành trong Đu-ma thì hội nghị nhận thấy cần phải đặc biệt: 1) đưa ra một bản tuyên bố riêng, 2) chất vấn về cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu, 3) nêu ra trong Đu-ma, dưới hình thức thích đáng nhất, vấn đề vụ án đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước II⁷⁶.

ĐU-MA NHÀ NƯỚC III VÀ ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI

Ngày 1 tháng Mười một 1907, Đu-ma nhà nước III đã khai mạc, nó được triệu tập trên cơ sở luật bầu cử do Nga hoàng ban hành sau khi giải tán Đu-ma nhà nước II vào ngày 3 tháng Sáu 1907. Ngay cả luật bầu cử cũ, ban hành ngày 11 tháng Chạp 1905, cũng còn cách xa quyền bầu cử phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín, nó xuyên tạc ý nguyện của nhân dân, biến Đu-ma thành cơ quan biểu hiện lệch lạc ý nguyện đó, — nhất là sau khi Pháp viện tối cao, một công cụ ngoan ngoãn của chế độ chuyên chế Nga hoàng và gồm toàn những quan lại và thẩm phán cũ, đưa ra "những lời giải thích" về đạo luật đó. Ngày 3 tháng Sáu, Nga hoàng đã tước mất của công nhân, nông dân và dân nghèo thành thị cả những quyền bầu cử thẩm hại mà trước đây họ đã được hưởng. Như vậy là chế độ chuyên chế lại phạm thêm một tội ác ti tiện nữa chống lại nhân dân, nó giả mạo quyền đại diện nhân dân, trao Đu-ma vào tay địa chủ và tư bản, vào những chỗ dựa đó của chế độ chuyên chế Nga hoàng, vào những kẻ đời đời áp bức nhân dân. Có thể đoán trước rằng bọn này sẽ thống trị trong Đu-ma. Và tình hình đã diễn ra đúng như vậy.

Hiện nay chúng ta đã biết về cuộc bầu cử 439 đại biểu Đu-ma. Nếu không tính tám đại biểu không thuộc đảng phái nào, thì 431 người còn lại được phân thành *bốn* nhóm chính: 1) nhóm lớn nhất — các đại biểu *hữu*, thuộc phái

Trăm đen bao gồm 187 người, 2) tiếp theo là *phái thặng Mười* và những đảng gần gũi với phái này, bao gồm 119 người, 3) những người dân chủ - lập hiến và những người có quan điểm gần gũi với họ bao gồm 93 người, 4) những đại biểu tả — 32 người (trong đó có khoảng từ 16 đến 18 người dân chủ - xã hội).

Phái Trăm đen là cái gì, — điều đó ai cũng biết. Thật ra thì có một bộ phận nhỏ những công nhân, nông dân và dân nghèo thành thị dốt nát, chưa giác ngộ đi theo phái này, nhưng bộ phận chủ yếu, bộ phận lãnh đạo của nó lại gồm bọn địa chủ - chủ nô, những kẻ mà đối với chúng thì việc duy trì chế độ chuyên chế là con đường cứu vãn duy nhất, vì chỉ nhờ chế độ chuyên chế, chúng mới có thể cướp bóc ngân khố, nhận trợ cấp, tiền cho vay, tiền công hậu hĩnh, những khoản bố thí đủ các loại; chỉ có chế độ chuyên chế mới có thể, thông qua lực lượng cảnh sát và quân đội của nó, tạo cho chúng điều kiện giam hãm trong vòng nô lệ những nông dân nghèo khổ vì không có ruộng đất, bị ràng buộc bởi lao dịch và những món nợ không trả nổi và những món nợ chưa trả được hết.

Phái thặng Mười, — một bộ phận cũng là địa chủ, — chủ yếu là bọn buôn bán lớn về lúa mì thu được từ các trang trại của chúng và cần có sự bảo hộ của chính phủ chuyên chế để làm sao ở nước ngoài người ta đánh thuế lúa mì không cao quá, để giá chuyển lúa mì ra nước ngoài trên các đường sắt Nga được rẻ hơn, để quốc khố trả giá cao hơn để mua cồn cho các cơ sở nhà nước độc quyền làm rượu, cái thứ cồn mà nhiều tên địa chủ đã nấu từ khoai tây và lúa mì trong các nhà máy rượu của chúng. Nhưng ngoài những tên địa chủ tham lam và tàn nhẫn đó, trong phái thặng Mười còn có không ít những tên tư bản chủ xưởng, chủ nhà máy, chủ ngân hàng cũng không kém phần tham lam và tàn nhẫn. Chúng cũng cần đến sự bảo hộ của chính phủ, — ở chỗ làm sao đánh thuế cao các hàng ngoại, để có thể

bán hàng Nga thật đắt, để quốc khố giao cho các nhà máy của chúng những đơn đặt hàng có lợi cho bọn tư bản, vân vân. Chúng cần làm sao để cảnh sát và quân đội biến công nhân thành những kẻ nô lệ cho chúng cũng giống như nông dân hiện đang là nô lệ cho bọn địa chủ - chủ nô.

Cũng dễ hiểu là phái thặng Mười gần gũi với bọn Trăm đen như thế nào. Mỗi khi trong Đu-ma người ta bàn đến các khoản thu chi của nhà nước thì cả phái thặng Mười lẫn bọn Trăm đen đều sẽ cùng nhau lo làm sao cho các khoản thuế khoá đè nặng tất cả lên vai người nông dân, công nhân, dân nghèo thành thị, còn thu nhập thì vào tay tư bản, địa chủ và bọn quan chức lớn. Mỗi khi người ta nói đến việc phân chia ruộng đất cho nông dân hay đến việc cải thiện tình cảnh của công nhân thì bọn Trăm đen và phái thặng Mười sẽ nhất trí hành động để bán thật đắt những ruộng đất nào mà chúng không cần đến nữa, sau khi bóc lột đến tận xương tuỷ người nông dân vốn đã nghèo khổ; chúng sẽ ra sức trói chặt tay chân những công nhân đang rên siết dưới ách bóc lột của chủ nghĩa tư bản. Và dĩ nhiên là cả bọn Trăm đen và phái thặng Mười đều sẽ đem hết sức ra làm sao có thêm được nhiều cảnh sát và quân đội để bảo vệ cho cuộc sống "quý giá" và chế độ sở hữu "thiên liêng" của chúng: chính chúng sợ cách mạng như sợ lửa, sợ sự tấn công mãnh liệt của công nhân và nông dân, những người đã đẩy lên cuộc đấu tranh vĩ đại đòi tự do và ruộng đất. *Phái thặng Mười và bọn Trăm đen gộp lại chiếm đa số tuyệt đối trong Đu-ma III - 306 người trong số 439 đại biểu.* Đa số đó muốn gì thì nó sẽ làm điều đó. Nó chống lại cách mạng, hoặc như người ta thường nói, nó là đa số phản cách mạng.

Nhưng có thể có những vấn đề mà phái thặng Mười không nhất trí với đa số phái Trăm đen. Phái Trăm đen đã đi đến chỗ vô liêm sỉ tột độ. Chúng tin rằng chỉ dùng quả đấm của cảnh sát, cái roi da, súng máy và lưỡi lê là có thể tiêu diệt được mọi cuộc cách mạng, mọi khát vọng của nhân

dân vươn tới ánh sáng và tự do. Chúng muốn dựa vào chính phủ chuyên chế để sử dụng quốc khố theo ý chúng và có lợi cho chúng, để giành giật lấy tất cả những nơi nào béo bở, làm mưa làm gió trong nhà nước cũng như trong dinh cơ điền sản của mình. Phái thán Mươi nhớ lại rằng bọn địa chủ và quan lại từ trước đến nay đã làm mưa làm gió đến mức chỉ để lại cho bọn tư bản một phần rất ít, còn bao nhiêu thì vơ hết về cho mình. Hai tên tham tàn — tên Trăm đen và tên thán Mươi — đang tranh nhau vì một miếng mồi béo bở, tranh cãi xem ai được phần to hơn. Phái thán Mươi không muốn trao tất cả hoặc thậm chí trao phần lớn hơn cho bọn Trăm đen: mới đây, cuộc chiến tranh với Nhật đã dạy cho họ một bài học, đã cho thấy rõ rằng bọn Trăm đen làm công việc quản lý rất dở, thậm chí đã gây thiệt hại cả cho mình, và còn gây nhiều thiệt hại hơn nữa cho bọn tư bản và thương nhân. Chính vì thế phái thán Mươi muốn nắm lấy một phần quyền lợi trong nhà nước, mong muốn phê chuẩn hiến pháp có lợi cho mình, tất nhiên là không có lợi cho nhân dân. Thêm vào đó, phái thán Mươi muốn lừa dối nhân dân bằng các đạo luật khác nhau, những đạo luật mà nhìn bề ngoài thì tưởng như đưa những cải cách, những sự cải thiện vào trong sinh hoạt của nhà nước và của nhân dân, nhưng trên thực tế, chỉ phục vụ lợi ích bọn giàu có. Giống như phái Trăm đen, bọn chúng tất nhiên sẵn sàng dựa vào súng máy, lưỡi lê và roi da để chống cách mạng, nhưng đồng thời, để cho chắc chắn hơn, chúng cũng sẵn lòng che mắt quần chúng nhân dân bằng những cải cách giả dối.

Để làm được tất cả những điều đó, phái thán Mươi cần có những đồng minh khác chứ không phải bọn Trăm đen. Đành rằng ngay cả trong những vấn đề đó chúng cũng hy vọng tách được bộ phận hữu ra khỏi bọn Trăm đen cực đoan trong "Liên minh nhân dân Nga", nhưng như thế thì chưa đủ. Vì thế chúng buộc phải đi tìm những đồng minh khác, cũng là kẻ thù của cách mạng nhưng lại là kẻ thù của

cả bọn Trăm đen nữa, — đó là những kẻ ủng hộ những cải cách giả dối hoặc những cải cách nhỏ nhỏ, những kẻ ủng hộ hiến pháp vì lợi ích của giai cấp tư sản hạng lớn và có lẽ, một phần vì lợi ích của giai cấp tư sản hạng vừa.

Những đồng minh như thế, phái thán Mươi dễ dàng tìm thấy trong Đu-ma: đó là những người dân chủ - lập hiến, đảng của cái bộ phận địa chủ, của giai cấp tư sản hạng lớn và hạng vừa hoàn toàn quen tiến hành kiểu kinh doanh tư bản chủ nghĩa thật sự, có lãi, giống như kiểu kinh doanh đang được tiến hành ở các nước Tây Âu, cũng dựa trên sự bóc lột, trên sự chèn ép công nhân, nông dân, dân nghèo thành thị, nhưng là một sự bóc lột thông minh, tinh vi, khôn khéo, mà không phải ai cũng hiểu được ngay và cũng hiểu được đến nơi đến chốn. Trong Đảng dân chủ - lập hiến có nhiều tên địa chủ đang tiến hành kiểu kinh doanh tư bản chủ nghĩa thật sự; có cả những chủ xưởng và chủ ngân hàng, nhiều luật sư, giáo sư và bác sĩ được bọn giàu có trả lương hậu hĩnh. Đúng là Đảng dân chủ - lập hiến, trong cương lĩnh của nó, đã hứa hẹn rất nhiều với nhân dân: nào là quyền phổ thông đầu phiếu, nào là đủ mọi quyền tự do, nào là ngày làm việc tám giờ, nào là ruộng đất cho nông dân. Nhưng người ta làm tất cả những cái đó chỉ là để lôi cuốn quần chúng nhân dân mà thôi, chứ thực ra thì ngay trong hai Đu-ma đầu, chúng cũng không hề đề ra quyền đầu phiếu phổ thông; những đạo luật về các quyền tự do mà chúng đề nghị, thực tế chỉ nhằm làm sao cho nhân dân được hưởng thật hết sức ít tự do; trong Đu-ma II, chúng đã đề nghị ngày làm việc mười giờ, chứ không phải ngày làm việc tám giờ; còn ruộng đất, thì chúng sẵn sàng trao cho nông dân chỉ những mảnh ruộng nào không cần cho việc kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa, hơn nữa lại với điều kiện là nông dân phải trả tiền chuộc, và với một số lượng mà sau khi nhận về, người nông dân vẫn phải làm thuê trong các trang trại của bọn địa chủ vùng lân cận. Tất cả những cái đó là một sự

lừa bịp tinh vi mà công nhân hoàn toàn không mắc phải, rất ít nông dân bị lừa, chỉ có dân nghèo thành thị là phần nào còn tin vào bọn dân chủ - lập hiến mà thôi. Ngày nay, sau khi hai Đu-ma đã bị giải tán, phái dân chủ - lập hiến đã hoàn toàn lạng lạng và bắt đầu nịnh hót phái thán Mư-ơ-i: chúng tuyên bố rằng chúng coi những người cách mạng và đặc biệt là những người dân chủ - xã hội là kẻ thù của chúng, rằng chúng tin tưởng vào chủ trương bảo vệ hiến pháp của phái thán Mư-ơ-i, chúng đã bỏ phiếu cho người của phái thán Mư-ơ-i khi bầu chủ tịch Đu-ma. Người ta đã câu kết với nhau. Thật ra có lẽ bộ trưởng Xtô-lư-pin không muốn có sự câu kết vững chắc, muốn xử tệ với bọn dân chủ - lập hiến và đang ảnh hưởng đến bọn thán Mư-ơ-i theo hướng đó, nhưng *trên thực tế, dù sao vẫn sẽ có đa số thứ hai trong Đu-ma gồm phái thán Mư-ơ-i và phái dân chủ - lập hiến*. Chúng có tất cả 212 người, xấp xỉ non một nửa, nhưng cùng đi với chúng còn có 8 người không đảng phái, do đó vẫn sẽ tạo thành đa số; ngoài ra, trong phái hữu có một số người, về một số vấn đề, vẫn có thể bỏ phiếu cùng với phái thán Mư-ơ-i và những người dân chủ - lập hiến. Tất nhiên, cả *cái đa số thứ hai này cũng sẽ là đa số phản cách mạng*, sẽ đấu tranh chống cách mạng; chỉ có điều là nó sẽ núp dưới những cái cách nhỏ giọt hoặc không có lợi cho nhân dân.

Liệu hai đa số này trong Đu-ma III có thể thắng được cách mạng không?

Cuộc cách mạng Nga vĩ đại không thể chấm dứt chừng nào nông dân chưa nhận được ruộng đất với số lượng tương đối đầy đủ, và chừng nào quần chúng nhân dân chưa có ảnh hưởng chủ yếu đối với việc quản lý nhà nước. Liệu cả hai đa số trong Đu-ma có thể đem lại tất cả những cái đó không? Thật là lối bịch ngay cả việc đặt câu hỏi: phải chăng bọn địa chủ - chủ nô và bọn tư bản tham tàn sẽ đem lại ruộng đất cho nông dân và nhường lại quyền lực chính trị cho nhân dân? Không! chúng sẽ ném cho người nông dân đói khát

một mẩu bánh, sau khi đã cướp của họ sạch sành sanh, chúng chỉ giúp cho bọn cu-lắc và bọn ăn bám sống đàng hoàng hơn và sẽ nắm toàn bộ chính quyền về tay mình, giữ nhân dân trong vòng áp bức và lệ thuộc.

Rõ ràng là những người dân chủ - xã hội phải làm tất cả mọi cái để tiếp tục sự nghiệp vĩ đại của nhân dân: làm cách mạng, đấu tranh giành tự do và ruộng đất.

Trong Đu-ma, chính phủ — kẻ ủng hộ phái thán Mư-ơ-i - và những người dân chủ - lập hiến muốn chơi trò hai mặt. Chính phủ, trong khi tăng cường những cuộc truy nã của mình, dùng lưỡi lê, giá treo cổ, nhà tù, đầy ải để giành lấy nước Nga, lại muốn tỏ ra mình là người ủng hộ những cải cách. Phái dân chủ - lập hiến, thực tế đã bắt tay phái thán Mư-ơ-i, nhưng lại cố tỏ ra chúng là những người bên vực thực sự tự do. Cả bọn dân chủ - lập hiến lẫn phái thán Mư-ơ-i đều muốn lừa dối nhân dân và bóp chết cách mạng.

Nhưng không thể thế được! Những người dân chủ - xã hội, những chiến sĩ triệt để và trung thành với sự nghiệp giải phóng toàn dân sẽ lột mặt nạ bọn giả nhân giả nghĩa và bọn lừa dối. Trong Đu-ma cũng như ngoài Đu-ma, họ sẽ vạch trần những hành vi cường bạo của bọn địa chủ Trăm đen và của chính phủ, và sẽ vạch trần những sự lừa phỉnh của bọn dân chủ - lập hiến. Họ sẽ hiểu, họ phải hiểu rằng ngày nay không những phải tiến hành đấu tranh không thương tiếc chống chính phủ, mà còn không được ủng hộ phái dân chủ - lập hiến, vô luận là ủng hộ trực tiếp hay gián tiếp.

Tiếng nói tố cáo của những người dân chủ - xã hội chống lại hành động tội lỗi, đê tiện của Nga hoàng vào ngày 3 tháng Sáu 1907, phải vang lên trước tiên và mạnh mẽ nhất. Các đại biểu của giai cấp vô sản trong Đu-ma hãy nói rõ cho nhân dân biết rằng Đu-ma III không thể phục vụ lợi ích của nhân dân, không thể thực hiện những yêu sách của nhân dân, và chỉ có một Quốc hội lập hiến toàn quyền được

bầu ra bằng đầu phiếu phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín mới có thể làm được điều đó.

Chính phủ sẽ đề ra những đạo luật mới. Phái tháng Mười, những người dân chủ - lập hiến và bọn Trăm đen cũng sẽ làm việc đó. Tất cả các đạo luật đó sẽ là sự lừa dối vô sỉ đối với nhân dân, là sự vi phạm thô bạo các quyền và lợi ích của nhân dân, là sự nhạo báng các yêu sách của nhân dân, là sự lãng nhục những hy sinh của nhân dân trong cuộc đấu tranh giành tự do. Tất cả các đạo luật đó đều bảo vệ lợi ích của địa chủ và tư bản. Mỗi một đạo luật ấy sẽ là một mắt xích mới trong những dây xích nô lệ mà bọn cường bực và bọn ăn bám đang chuẩn bị cho công nhân, nông dân và dân nghèo thành thị. Không phải mọi người sẽ hiểu ngay điều đó. Nhưng những người dân chủ - xã hội biết và hiểu điều đó, cho nên họ dưng cảm vạch trần điều đó trước nhân dân bị lừa dối. Trong khi làm việc đó, họ cần phải đặc biệt chú ý tới những đạo luật liên quan đến những nhu cầu cấp bách nhất của nhân dân, — đó là những luật về ruộng đất, luật về công nhân, về các khoản chi, thu của nhà nước. Khi vạch trần những hành vi bạo ngược và những sự lừa phỉnh của bọn chủ nô và tư bản, những người dân chủ - xã hội có trách nhiệm phải giải thích cho toàn dân về những yêu sách của mình: toàn bộ chính quyền thuộc về nhân dân (nền cộng hoà dân chủ), quyền tự do không bị hạn chế và bình đẳng, ngày làm việc tám giờ và cải thiện điều kiện lao động của công nhân, tịch thu những trang trại lớn và giao ruộng đất cho nông dân. Họ cần phải chỉ rõ cả mục tiêu vĩ đại mà giai cấp vô sản tất cả các nước đặt ra cho mình là chủ nghĩa xã hội, là sự thủ tiêu hoàn toàn chế độ nô lệ làm thuê.

Sát cánh với những người dân chủ - xã hội trong Đu-ma còn có một nhóm nhỏ những đại biểu tả, chủ yếu là những người thuộc phái lao động. Những người dân chủ - xã hội phải kêu gọi họ đi theo mình. Việc làm đó đặc biệt cần thiết

khi phải đưa ra những lời chất vấn chính phủ, kẻ đang hoành hành ở Nga như con thú dữ. Những con chó hung dữ của chế độ Nga hoàng — bọn cảnh sát, bọn sen đầm, và cả bọn đương quyền cao nhất — các bộ trưởng và các viên tỉnh trưởng - tự cho phép mình hàng ngày tiến hành hàng loạt những hành vi bạo ngược thô bạo và phi pháp. Cần phải vạch trần và lên án bọn chúng. Và những người dân chủ - xã hội phải làm việc đó. Nhưng muốn chất vấn đòi hỏi phải có chữ ký của 30 nghị sĩ trong Đu-ma, mà con số những người dân chủ - xã hội thì vị tất đã vượt quá mười tám người. Gộp với những người khác thuộc cánh tả thì sẽ được 32 người. Những người dân chủ - xã hội phải thảo luận chất vấn và kêu gọi những người cánh tả, sự nghiệp tự do vĩ đại là thực sự quý giá thì họ cần phải liên hợp. Và lúc đó chính phủ sẽ bị giáng một đòn nặng nề giống như những đòn mà Đảng dân chủ - xã hội, trong Đu-ma II, đã giáng cho nó thông qua những lời chất vấn của mình.

Đó là những nhiệm vụ chính của những người dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III. Ở đây, các đồng chí chúng ta đang đứng trước những khó khăn lớn. Ở đây, họ ở giữa kẻ thù độc ác và không đội trời chung. Ở đây, người ta sẽ bịt miệng họ, sẽ lãng nhục họ, có thể là người ta sẽ đuổi họ ra khỏi Đu-ma, truy tố họ trước toà án, bắt giam họ và đưa đi đày. Họ phải cứng rắn, mặc dù có tất cả những cuộc truy nã, họ phải giương cao ngọn cờ đỏ của giai cấp vô sản, trung thành đến cùng với sự nghiệp đấu tranh vĩ đại nhằm giải phóng toàn dân. Và tất cả chúng ta nữa, các đồng chí công nhân, chúng ta cũng phải đồng tâm nhất trí ủng hộ họ, phải chú ý lắng nghe từng lời của họ, hưởng ứng những lời nói đó, thảo luận những hành động của họ tại các cuộc mít-tinh, hội họp, thông qua thái độ đồng tình và tán thành của mình mà củng cố từng bước đi đúng đắn của họ, dốc hết sức và tìm mọi cách giúp đỡ họ trong cuộc đấu tranh vì sự nghiệp cách

mạng. Mong rằng giai cấp công nhân sẽ nhất trí trong việc ủng hộ những người đại diện của mình và qua đó sẽ củng cố được sự thống nhất của mình, một sự thống nhất cần thiết cho giai cấp công nhân để tiến hành cuộc đấu tranh vĩ đại của mình, — để cho mai sau, khi "trận chiến đấu quyết định cuối cùng sẽ đến".

*"Tiến lên", số 18,
tháng Mười một 1907*

*Theo đúng bản đăng
trên báo "Tiến lên"*

LỜI TỰA VIẾT CHO CUỐN SÁCH
MÔNG CỦA VÔI-NỚP
(A. V. LU-NA-TSÁC-XKI)
VỀ QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG
VỚI CÔNG ĐOÀN⁷⁷

Tác phẩm của đồng chí Vôi-nốp về vấn đề quan hệ giữa chính đảng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản với công đoàn có thể gây nên nhiều sự hiểu lầm. Có hai nguyên nhân: một là, do mãi mê đấu tranh chống những kẻ hiểu chủ nghĩa Mác một cách chật hẹp và sai lạc, chống những kẻ không thèm đếm xỉa đến những yêu cầu mới của phong trào công nhân và không muốn nhìn vấn đề một cách sâu hơn và rộng hơn, nên tác giả thường hay diễn tả ý kiến của mình một cách quá tổng quát. Tác giả công kích tư tưởng chính thống, — thật ra là tư tưởng chính thống trong ngoặc kép, tức là tư tưởng giả danh chính thống, — hay là công kích Đảng dân chủ - xã hội Đức nói chung, khi mà kỳ thực các lời công kích ấy chỉ nhằm vào những kẻ thông tục hoá tư tưởng chính thống, chỉ nhằm vào cánh cơ hội chủ nghĩa trong Đảng dân chủ - xã hội thôi. Hai là, tác giả viết cho công chúng Nga, nhưng hoàn toàn không tính đến những sắc thái khác nhau trong khi nêu ra những vấn đề mà ông nghiên cứu trên miếng đất Nga. Quan điểm của đồng chí Vôi-nốp hoàn toàn khác quan điểm của những người công đoàn chủ nghĩa, của bọn men-sê-vích, của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng ở Nga. Nhưng những độc giả nào thiếu chú ý hay thiếu trung thực thì có thể dễ dàng bắt bẻ những câu cá biệt hay những tư tưởng cá biệt của đồng chí Vôi-nốp, vin vào chỗ mục đích trực tiếp của tác giả chủ

yếu là nhằm người Pháp và người Ý chứ không chịu phân ranh giới rành mạch giữa mình với mọi hạng người Nga chuyên gieo rắc những sự mơ hồ rối rắm.

Chúng tôi xin lấy bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng chẳng hạn để làm thí dụ về hạng người đó. Trong báo "Ngọn cờ lao động", số 5, họ tuyên bố một cách trơ trẽn như thường lệ: "Quốc tế xã hội chủ nghĩa tán đồng quan điểm mà chúng tôi (!) đã luôn luôn (!) đề ra về phong trào công đoàn". Chúng ta lại xem "Tập luận văn", số 1 (năm 1907), Nhà xuất bản "Tư tưởng chúng ta". Ông Vích-to Tséc-nốp quở trách Cau-xky thậm tệ, nhưng đồng thời lại *lờ không nói* đến quyết nghị của Đại hội Man-hem và cuộc đấu tranh của Cau-xky chống những phần tử trung lập cơ hội chủ nghĩa! Bài của Cau-xky mà nhà hiệp sĩ xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã công kích, được viết trước ngày Đại hội Man-hem họp⁷⁸. Tại Man-hem, Cau-xky đấu tranh chống bọn trung lập. Quyết nghị của Đại hội Man-hem "đã đánh một đòn nặng vào sự trung lập của các công đoàn" (câu nói của Cau-xky trong bài báo về Đại hội Man-hem trong báo "Neue Zeit"⁷⁹, ngày 6 tháng Mười 1906). Thế mà *năm 1907*, đã xuất hiện một nhà phê bình muốn làm ra vẻ mình là người cách mạng và đã gọi Cau-xky là "tay đại giáo điều về chủ nghĩa Mác và là người chà đạp chủ nghĩa Mác", đồng thời phụ họa với phái trung lập cơ hội chủ nghĩa mà buộc tội Cau-xky là cố ý hạ thấp vai trò của công đoàn, là muốn bắt công đoàn phải "phục tùng" đảng, v.v.. Nếu chúng ta nói thêm một điểm rằng những đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng luôn luôn chủ trương công đoàn không đảng phái, và ngay trong số 2, báo "Ngọn cờ lao động" (ngày 12 tháng Bảy 1907), chúng ta có thể đọc trong bài xã luận: "tuyên truyền của đảng chỉ nên tiến hành *ngoài* công đoàn thôi", thì chúng ta sẽ có một hình ảnh toàn bộ về chủ nghĩa cách mạng của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng.

Khi Cau-xky tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa trung lập cơ hội chủ nghĩa và phát triển sâu thêm lý luận mác-xít nhằm đưa công đoàn chuyển về phía tả, thì các ngài ấy công kích thậm tệ Cau-xky, bằng cách lặp lại các luận điệu của bọn cơ hội chủ nghĩa và tiếp tục lén lút biện hộ cho tính phi đảng của công đoàn. Khi *cũng chính Cau-xky* đó đã đẩy công đoàn chuyển thêm nữa về phía tả bằng cách sửa chữa lại quyết nghị của Béc-ơ tại Đại hội Stút-ga và nhấn mạnh trong nghị quyết ấy những nhiệm vụ xã hội chủ nghĩa của các hội công liên, thì các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng lại gào lên: Quốc tế xã hội chủ nghĩa đã tán thành quan điểm của chúng tôi!

Thử hỏi, đối với các thành viên của Quốc tế xã hội chủ nghĩa thì những thủ đoạn như thế có xứng đáng không? Cái lối phê bình như vậy há chẳng đã chứng minh tính lỗ mãng và tính vô nguyên tắc đó sao?

Trong số đảng viên dân chủ - xã hội, một điển hình về tính lỗ mãng là Plê-kha-nốp, nhà cựu cách mạng được phái tự do hết sức tôn kính. Trong bài tựa cho quyển sách mỏng "Chúng ta và họ", ông ta tuyên bố với một tinh thần tự phụ vô song: quyết nghị của Đại hội Stút-ga (về công đoàn) *với điểm sửa đổi của tôi* đã làm mất ý nghĩa của quyết nghị của Đại hội Luân-đôn (Đại hội Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Luân-đôn). Đọc lời tuyên bố đó của vị Nác-tít tuyệt diệu ấy của chúng ta, có lẽ nhiều độc giả sẽ tin rằng tại Đại hội Stút-ga, cuộc đấu tranh đã xoay quanh chính điểm sửa đổi của Plê-kha-nốp, và nói chung, điểm sửa đổi ấy đã có một ý nghĩa nào đó.

Trên thực tế, điểm sửa đổi ấy ("cần luôn luôn chú ý đến sự thống nhất trong đấu tranh kinh tế") chẳng có chút ý nghĩa thật sự nào, thậm chí nó chẳng liên quan gì đến thực chất của các vấn đề *tranh luận* tại Đại hội Stút-ga, đến thực chất của các điểm bất đồng ý kiến trong phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế.

Trên thực tế, những nổi vui sướng của Plê-kha-nốp về điểm sửa đổi "của ông ta" có ý nghĩa hết sức tầm thường: đó là *đánh lạc hướng* độc giả bằng cách làm họ không chú ý đến các vấn đề *thực sự* đang được tranh luận về phong trào công đoàn, là *che giấu* sự thất bại của tư tưởng chủ nghĩa trung lập trong Đại hội Stút-ga.

Đại hội Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Stốc-khôn (năm 1906) — tại đó những người men-sê-vich đã giành được thắng lợi — đã tán thành quan điểm công đoàn đứng trung lập. Nhưng Đại hội Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Luân-đôn lại đứng trên một lập trường khác vì đại hội đã tuyên bố là cần thiết phải nỗ lực tăng cường tính đảng của công đoàn. Đại hội quốc tế ở Stút-ga đã thông qua một quyết nghị "*vĩnh viễn chấm dứt chủ nghĩa trung lập*", như C. Cau-xky* đã nói rất đúng. Như Vôi-nốp đã tường thuật tỉ mỉ thì Plê-kha-nốp vào tiểu ban của Đại hội Stút-ga là để bảo vệ chủ trương trung lập. Còn trong cơ quan ngôn luận của phong trào phụ nữ công nhân Đức, tờ "Die Gleichheit", Cla-ra Txét-kin viết rằng "Plê-kha-nốp định chứng minh *bằng những lý lẽ không lấy gì làm vững vàng* rằng phải có những giới hạn nhất định cho nguyên tắc đó"^{**} (tức là nguyên tắc liên hệ mật thiết giữa công đoàn với đảng).

Như vậy, nguyên tắc trung lập mà Plê-kha-nốp bảo vệ đã phá sản. Các đảng viên dân chủ - xã hội cách mạng Đức cho rằng các luận cứ của ông ta là "không vững". Thế mà ông ta thì tự tán thưởng mình, đã tuyên bố rằng: điểm sửa

* "Vorwärts", năm 1907, số 209, Beilage, báo cáo của Cau-xky trước công nhân Lai-pxích về Đại hội Stút-ga. Xem "Lịch phổ thông 1908", Nhà xuất bản "Hạt giống", tr. 173, trong bài của tôi về Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga.¹⁾

** Xem "Lịch phổ thông", tr. 173 và văn tập "Tia chớp" (Xanh Pê-téc-bua, 1907) trong đó có dịch toàn văn bài ấy từ báo "Die Gleichheit".

1) Xem tập này, tr. 102.

đổi "của tôi" đã được thừa nhận, vậy là quyết nghị Luân-đôn mất hết ý nghĩa!..

Đúng, đúng, nhưng tính lỗ mãng kiểu Nô-dơ-đrêp của một nhà xã hội chủ nghĩa được phái tự do rất tôn kính rõ ràng là chẳng mất ý nghĩa chút nào cả.

Khi đồng chí Vôi-nốp nói rằng phái chính thống Đức thừa nhận tư tưởng đột kích là có hại, rằng phái chính thống "suýt nữa tiếp thu toàn bộ tinh thần của chủ nghĩa kinh tế mới", thì theo tôi là không đúng. Không thể nào nói như thế về Cau-xky được, và chính đồng chí Vôi-nốp cũng thừa nhận quan điểm của Cau-xky là đúng. Trong khi trách người Đức đã "nói quá ít về vai trò của công đoàn là người tổ chức sản xuất xã hội chủ nghĩa" thì ở một chỗ khác, chính đồng chí Vôi-nốp lại nhắc lại ý kiến của Liép-nêch - cha là người đã thừa nhận vai trò ấy bằng những lời lẽ nổi bật nhất. Đồng chí Vôi-nốp đáng lẽ không nên tin vào lời nói của Plê-kha-nốp rằng dường như Bê-ben cố ý không nói đến cách mạng Nga trong bài diễn văn chào mừng của ông, rằng dường như Bê-ben *không muốn* nói về nước Nga. Những lời ấy của Plê-kha-nốp chỉ là thứ trò hề thô lỗ của một nhà xã hội chủ nghĩa được phái tự do hết sức tôn kính, vì vậy không nên, dù chỉ trong một phút, cho rằng các lời ấy có thể có chút ít sự thật. Về phía tôi, tôi có thể làm chứng rằng trong lúc Bê-ben đọc diễn văn, người ngồi bên cạnh tôi ở ban thường vụ là Van Côn, một đại biểu thuộc cánh hữu của những người xã hội chủ nghĩa, cố gắng nghe xem Bê-ben có nhắc đến nước Nga không. Và ngay khi Bê-ben kết thúc, Van Côn quay sang phía tôi để biểu lộ sự ngạc nhiên của mình; ông ta không hoài nghi (cũng như không một đại biểu nghiêm túc nào của đại hội lại hoài nghi) rằng *do ngẫu nhiên* mà Bê-ben đã quên nói về nước Nga. Những diễn giả xuất sắc nhất, có kinh nghiệm

nhất có khi cũng sơ suất. Đồng chí Vôi-nốp gọi việc quên đó của lão đồng chí Bê-ben là "điển hình" thì, theo tôi, thật là hết sức bất công. Cũng hoàn toàn không công bằng nếu nói Bê-ben "*ngày nay*" nói chung là người cơ hội chủ nghĩa. Không có căn cứ gì để kết luận một cách khái quát như vậy.

Nhưng để tránh gây hiểu lầm, tôi sẽ nói ngay là nếu có kẻ nào toan lợi dụng những lời đó của đồng chí Vôi-nốp để công kích các đảng viên dân chủ - xã hội cách mạng Đức thì đây là lối cắt xén không trung thực một số câu chữ nào đó mà thôi. Trong *toàn bộ* quyển sách mỏng của mình, đồng chí Vôi-nốp đã chứng minh đầy đủ rằng đồng chí ấy đứng về phía các nhà mác-xít cách mạng Đức (như Cau-xky), rằng đồng chí đang *cùng với họ* cố gắng loại trừ những thành kiến cũ, những lối rập khuôn cơ hội chủ nghĩa và tính tự phụ không nhìn xa thấy rộng. Đây là lý do vì sao trong Đại hội Stút-ga, trên các vấn đề chủ yếu, tôi đã nhất trí với đồng chí Vôi-nốp, và hiện nay, tôi cũng vẫn nhất trí với đồng chí ấy về toàn bộ tinh thần chung của sự phê phán có tính chất cách mạng của đồng chí ấy. Đồng chí ấy đã nghìn lần đúng, khi nói rằng hiện nay, chúng ta không những phải học tập người Đức mà còn phải học *qua kinh nghiệm* của người Đức. Chỉ những người dốt nát chưa học được ở người Đức điều gì và vì vậy không biết những điều sơ đẳng nhất, mới có thể do đó mà kết luận rằng trong nội bộ các đảng viên dân chủ - xã hội cách mạng, có những "ý kiến bất đồng". Nếu chúng ta muốn trung thành với tinh thần của Mác và giúp đỡ các nhà xã hội chủ nghĩa Nga đảm nhiệm được các nhiệm vụ hiện tại của phong trào công nhân, thì chúng ta phải dũng cảm và công khai phê phán các sai lầm của các lãnh tụ Đức. Không còn nghi ngờ gì nữa, Bê-ben đã phạm sai lầm cả ở Ết-xen nữa khi ông bào chữa cho Nô-xkê, khi ông giữ quan điểm chia chiến tranh ra thành chiến tranh phòng ngự và chiến

tranh tiến công, khi ông công kích *phương pháp* đấu tranh của "phái cấp tiến" chống Van Côn, khi ông phủ nhận (cùng với Din-gơ) sự thất bại và sai lầm của sách lược của đoàn đại biểu Đức ở Đại hội Stút-ga. Chúng ta không nên che giấu những sai lầm ấy mà cần lấy những sai lầm ấy làm thí dụ để chỉ rõ rằng các đảng viên dân chủ - xã hội Nga phải học cách tránh những sai lầm đó, phải nghiêm túc theo đúng những yêu cầu chặt chẽ của chủ nghĩa Mác cách mạng. Bọn vô chính phủ Nga, bọn công đoàn chủ nghĩa, phái tự do, cùng những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng xin đừng có hí hửng thấy chúng ta phê bình Bê-ben. Chúng ta sẽ nói với các vị ấy rằng: có khi phượng hoàng cũng bay thấp hơn gà, nhưng gà thì không bao giờ có thể bay cao bằng phượng hoàng được!

Cách đây hơn hai năm, ông Xtơ-ru-vê — lúc đó còn ủng hộ cách mạng, viết về sự cần thiết của những hành động cách mạng công khai và đã khẳng định rằng cách mạng phải trở thành lực lượng thống trị, — cũng cái ông Xtơ-ru-vê đó đã viết trên số 71, báo "Giải phóng" ở nước ngoài⁸⁰ như sau: "so với chủ nghĩa cách mạng của ông Lê-nin và các đồng chí của ông, thì chủ nghĩa cách mạng của phái dân chủ - xã hội ở Tây Âu, tức là chủ nghĩa cách mạng của Bê-ben và ngay cả của Cau-xky nữa, là chủ nghĩa cơ hội". Lúc bấy giờ, tôi đã trả lời ông Xtơ-ru-vê rằng: "ở đâu và khi nào tôi đã có hoài bão sáng lập ra trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế một xu hướng riêng biệt, không đồng nhất với xu hướng của Bê-ben và Cau-xky?" ("Hai sách lược", tr. 50, bản tiếng Nga)¹⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 11, tr. 67.

Mùa hè năm 1907, tôi đã từng vạch rõ trong cuốn sách mỏng viết về vấn đề tẩy chay Đu-ma III rằng đồng nhất chủ nghĩa bôn-sê-vích với chủ nghĩa tẩy chay hay chủ nghĩa xung kích, là hoàn toàn sai lầm¹⁾.

Hiện nay, về vấn đề công đoàn, cũng cần phải dứt khoát nhấn mạnh rằng trong mọi lĩnh vực đấu tranh, trên mọi ngành hoạt động của mình, chủ nghĩa bôn-sê-vích đều theo đúng sách lược của Đảng dân chủ - xã hội cách mạng. Chủ nghĩa bôn-sê-vích khác chủ nghĩa men-sê-vích không phải ở chỗ chủ nghĩa bôn-sê-vích "phủ nhận" công tác trong công đoàn hay trong hợp tác xã, v.v., mà ở chỗ chủ nghĩa bôn-sê-vích *tiến hành một đường lối khác* trong công tác tuyên truyền, cổ động và tổ chức giai cấp công nhân. Hiện nay, không còn nghi ngờ gì nữa, hoạt động trong công đoàn có một ý nghĩa lớn lao. Đối lập với chủ nghĩa trung lập của bọn men-sê-vích, chúng ta phải tiến hành hoạt động ấy theo tinh thần làm cho công đoàn xích lại gần với đảng, theo hướng phát triển ý thức xã hội chủ nghĩa và sự hiểu biết các nhiệm vụ cách mạng của giai cấp vô sản. Ở Tây Âu, chủ nghĩa công đoàn cách mạng đã xuất hiện ở nhiều nước như là kết quả trực tiếp và không tránh khỏi của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cải lương và thói ngu ngốc nghị trường. Ở ta cũng vậy, những bước đầu của "hoạt động trong Đu-ma" cũng đã tăng thêm trên quy mô rất lớn chủ nghĩa cơ hội và cũng đã đưa bọn men-sê-vích đến chỗ bò rạp trước phái dân chủ - lập hiến. Plê-kha-nốp chẳng hạn, trong công tác chính trị hàng ngày của ông ta, đã thực tế *câu kết* với các ngài Prô-cô-pô-vích và Cu-xcô-va. Năm 1900, ông ta công kích họ, vì họ theo chủ nghĩa Béc-stanh, vì họ chỉ biết đứng nhìn "lưng" giai cấp vô sản Nga thôi ("Vademecum"²⁾ cho ban biên tập báo "Sự nghiệp công nhân", Giơ-ne-vơ, 1900). Đến những năm 1906 - 1907, các lá phiếu bầu đầu

1) Xem tập này, tr. 38.

2) — Chỉ nam

tiên đã đẩy Plê-kha-nốp vào trong vòng tay của những người đó, của những người hiện đang đứng nhìn "lưng" phái tự do Nga. Chủ nghĩa công đoàn không thể không phát triển trên mảnh đất Nga như là một sự phản ứng chống lại hành vi đáng hổ thẹn ấy của các đảng viên dân chủ - xã hội "lỗi lạc".

Bởi vậy, đồng chí Vôi-nốp hoàn toàn đúng khi theo đường lối của mình mà kêu gọi đảng viên dân chủ - xã hội Nga nên rút những bài học về chủ nghĩa cơ hội và về chủ nghĩa công đoàn. Công tác cách mạng trong công đoàn, việc chuyển trọng tâm từ những thủ thuật vặt trong nghị viện sang giáo dục giai cấp vô sản, sang tập hợp các tổ chức thuần túy có tính chất giai cấp, sang cuộc đấu tranh ngoài nghị viện, khả năng sử dụng (và chuẩn bị cho quần chúng có thể sử dụng có hiệu quả) tổng bãi công cũng như những "hình thức đấu tranh kiểu tháng Chạp" trong cuộc cách mạng Nga, — tất cả các công việc ấy đã nổi bật lên thành nhiệm vụ của phái bôn-sê-vích. Và kinh nghiệm của cách mạng Nga đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho chúng ta thực hiện nhiệm vụ ấy, nó là một nguồn thực tiễn vô cùng phong phú, nó cung cấp vô số những tài liệu lịch sử để có thể đánh giá hết sức cụ thể các phương pháp đấu tranh mới, đánh giá bãi công quần chúng và việc dùng bạo lực trực tiếp. Đối với đảng viên bôn-sê-vích Nga, đối với giai cấp vô sản Nga, những phương pháp đấu tranh ấy không phải là "mới" nữa. Đối với bọn cơ hội chủ nghĩa, là những kẻ đang nỗ lực dùng đủ mọi cách làm cho công nhân phương Tây quên Công xã Pa-ri, làm cho công nhân Nga quên cách mạng tháng Chạp 1905, thì các phương pháp đấu tranh ấy mới là "mới". Làm sống lại những hồi ức ấy, nghiên cứu một cách khoa học kinh nghiệm vĩ đại ấy*, phổ biến trong

* Lẽ tự nhiên là hiện nay, những người dân chủ - lập hiến thích nghiên cứu lịch sử của hai Đu-ma. Lẽ tự nhiên là họ coi những hành

quần chúng các bài học kinh nghiệm đó, làm cho quần chúng nhận thức được sự tái diễn tất yếu của kinh nghiệm ấy trên một quy mô mới – nhiệm vụ ấy của những người dân chủ - xã hội cách mạng Nga mở ra cho chúng ta những triển vọng có nội dung vô cùng phong phú hơn là lối "chống chủ nghĩa cơ hội" một cách phiến diện và lối "chống chủ nghĩa nghị viện" của những người công đoàn chủ nghĩa.

Để chống lại chủ nghĩa công đoàn với tính cách là một trào lưu đặc biệt, đồng chí Vôi-nốp đã đưa ra bốn tội trạng (tr. 19 và các trang tiếp của cuốn sách mỏng) nêu hoàn toàn nổi bật bản chất giả dối của chủ nghĩa đó: 1) "tính chất tản mát vô chính phủ của tổ chức"; 2) kích thích công nhân chứ không thành lập một "thành trì" vững chắc là "tổ chức giai cấp"; 3) tính tiểu tư sản - cá nhân chủ nghĩa của lý tưởng và của học thuyết Pru-đông; 4) "chán ghét chính trị" một cách ngu ngốc.

Ở đây, có nhiều điểm tương tự với "chủ nghĩa kinh tế" cũ của những đảng viên dân chủ - xã hội. Bởi vậy, tôi không lạc quan như đồng chí Vôi-nốp về vấn đề "hoà hoãn" của những người theo chủ nghĩa kinh tế nào đã chuyển sang chủ nghĩa công đoàn, với phái dân chủ - xã hội cách mạng. Tôi cũng nghĩ rằng kế hoạch của đồng chí Vôi-nốp nhằm thành lập "Tổng hội công nhân" có vai trò trọng tài tối cao, với sự tham gia của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng vào hội đồng ấy, là một kế hoạch hoàn toàn không

vi tâm thường và những sự phản bội của phái tự do kiểu Rô-đi-tsép và kiểu Cút-le là một hành động trác việt. Lẽ tự nhiên là họ xuyên tạc lịch sử, không nhắc đến các cuộc đàm phán của họ với phái phản động, v.v.. Nhưng thật là không thể hiểu được nếu đảng viên dân chủ - xã hội lại không thích nghiên cứu những sự kiện hồi tháng Mười – tháng Chạp 1905, mặc dầu mỗi ngày của thời kỳ đó là vô cùng có ý nghĩa đối với vận mệnh của tất cả các dân tộc ở Nga và nhất là đối với giai cấp công nhân, hơn những lời "trung thực" kiểu Rô-đi-tsép trong Đu-ma.

thực tế. Đây là lối lẫn lộn "khúc nhạc tương lai" với các hình thức tổ chức hiện tại. Nhưng tôi không hề sợ những viễn cảnh mà đồng chí Vôi-nốp vạch ra như sau: "làm cho những tổ chức chính trị phụ thuộc vào một tổ chức xã hội có tính chất giai cấp"... "*chỉ khi nào...* (tôi tiếp tục trích dẫn lời đồng chí Vôi-nốp, đồng thời nhấn mạnh những chữ trọng yếu) *tất cả các người hoạt động công đoàn đều sẽ trở thành những người xã hội chủ nghĩa*". Bản năng giai cấp của quần chúng vô sản ở Nga ngay hiện nay đã bắt đầu biểu hiện mạnh mẽ. Ngay hiện nay, bản năng giai cấp ấy đã thành cái bảo đảm to lớn chống lại tính mơ hồ tiểu tư sản của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và chống lại thái độ bợ đỡ của bọn men-sê-vích đối với phái dân chủ - lập hiến. Ngay hiện nay, chúng ta có thể mạnh dạn nói rằng tổ chức *công nhân* có tính chất quần chúng ở Nga (khi tổ chức ấy sẽ được thành lập, dù là nó được thành lập tạm thời trong thời gian tuyển cử, bãi công, biểu tình, v.v.) *chắc chắn* sẽ gần chủ nghĩa bôn-sê-vích nhất, sẽ gần phái dân chủ - xã hội cách mạng hơn cả.

Đồng chí Vôi-nốp coi thủ đoạn mạo hiểm nhằm triệu tập "đại hội công nhân" như một việc "nhẹ dạ", như thế là đúng. Chúng ta hãy công tác tích cực trong công đoàn, hãy công tác trong mọi lĩnh vực, để phổ biến học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác trong giai cấp vô sản và thành lập cái "thành trì" là tổ chức *có tính chất giai cấp*. Như thế là đầu xuôi thì đuôi lọt.

Viết tháng Mười một 1907

*In lần đầu năm 1933 trong
Văn tập Lê-nin, t. XXV*

Theo đúng bản thảo

CƯƠNG LĨNH RUỘNG ĐẤT
CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI
TRONG CUỘC CÁCH MẠNG NGA
LẦN THỨ NHẤT 1905 - 1907⁸¹

*In thành sách riêng năm 1908 ở
Pê-téc-bua, Nhà xuất bản "Hạt
giống" (lần xuất bản này bị tịch
thu). In lần thứ hai năm 1917 ở
Pê-tơ-rô-grát, Nhà xuất bản "Đời
sống và tri thức".*

*Theo đúng bản thảo, có đổi
chiếu với văn bản xuất bản
năm 1917; lời bạt – theo đúng
văn bản cuốn sách*

Hai năm cách mạng, từ mùa thu 1905 đến mùa thu 1907, đã đem lại một kinh nghiệm lịch sử to lớn về phong trào nông dân ở Nga, về tính chất và ý nghĩa của cuộc đấu tranh của nông dân giành ruộng đất. Hàng chục năm tiến triển gọi là "hoà bình" (nghĩa là một sự tiến triển trong đó hàng triệu người để cho một chục nghìn người lớp trên bóc lột mình một cách hoà bình) chưa bao giờ có thể đem lại được nhiều tài liệu làm sáng tỏ bộ máy bên trong của chế độ xã hội của chúng ta, bằng số tài liệu mà hai năm đó đã đem lại về cuộc đấu tranh trực tiếp của quần chúng nông dân chống lại địa chủ, cũng như về sự biểu thị một cách tương đối tự do những yêu sách của nông dân tại các đại hội đại biểu nhân dân. Bởi vậy, việc xem xét lại cương lĩnh ruộng đất của những người dân chủ - xã hội Nga, dưới ánh sáng của kinh nghiệm của hai năm đó, dĩ nhiên là một việc cần thiết, nhất là vì cương lĩnh ruộng đất hiện nay của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã được thông qua tại Đại hội X-tốc-khôn hồi tháng Tư 1906, tức là ngay trước ngày các đại biểu nông dân toàn Nga lần đầu tiên công khai đưa ra một cương lĩnh ruộng đất nông dân đối lại cương lĩnh ruộng đất của chính phủ và cương lĩnh ruộng đất của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa.

Việc xem xét lại cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội phải dựa vào những tài liệu mới nhất về tình hình

chiếm hữu ruộng đất ở Nga để xác định được một cách chính xác nhất xem thực chất kinh tế của tất cả những cương lĩnh ruộng đất ở thời đại chúng ta là gì, và cuộc đấu tranh lịch sử lớn lao đang diễn ra chính là xung quanh cái gì. Phải so sánh cơ sở kinh tế đó của cuộc đấu tranh thực tế với sự phản ánh về mặt chính trị và tư tưởng của cơ sở đó trong các cương lĩnh, các bản tuyên bố, các yêu sách, các lý luận của những đại biểu của các giai cấp khác nhau. Đó là phương pháp và là phương pháp duy nhất mà người mác-xít phải theo, khác với người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản là kẻ xuất phát từ nguyên tắc công bằng "trừu tượng", từ lý luận về "nguyên tắc lao động" v.v., và cũng khác với kẻ quan liêu tự do chủ nghĩa là kẻ dùng những lập luận về khả năng thực hiện về mặt thực tiễn cuộc cải cách và về quan điểm "nhà nước" để che giấu việc bảo vệ lợi ích của những kẻ bóc lột trong bất cứ sự cải tạo nào.

CHƯƠNG I

NHỮNG CƠ SỞ KINH TẾ VÀ THỰC CHẤT CỦA CUỘC CÁCH MẠNG RUỘNG ĐẤT Ở NGA

1. TÌNH HÌNH CHIẾM HỮU RUỘNG ĐẤT Ở PHẦN NƯỚC NGA THUỘC CHÂU ÂU

"Thống kê về sở hữu ruộng đất năm 1905", do Ban thống kê trung ương công bố năm 1907, khiến chúng ta có khả năng xác định một cách chính xác diện tích ruộng đất của nông dân và của địa chủ trong 50 tỉnh của phần nước Nga thuộc châu Âu. Nhưng trước hết chúng ta hãy đưa ra những con số tổng quát. Tổng diện tích của phần nước Nga

thuộc châu Âu (50 tỉnh) là (xem bản điều tra ngày 28 tháng Giêng 1897) 4 230 500 véc-xta vuông, tức là 440,8 triệu đê-xi-a-ti-na. Bản thống kê tình hình sở hữu ruộng đất năm 1905 tính ra có 395,2 triệu đê-xi-a-ti-na, chia thành ba mục lớn như sau:

	Triệu đê-xi-a-ti-na
A) ruộng đất tư	101,7
B) ruộng đất được chia ⁸²	138,8
C) ruộng đất của nhà nước, của giáo hội và của các cơ quan	154,7
<hr/>	
<i>Tổng số ruộng đất ở phần nước Nga thuộc châu Âu</i>	395,2

Trong tổng số đó, trước hết phải trừ đi những đất công ở vùng Cực Bắc gồm một phần là đài nguyên, một phần là rừng rú chưa thể trồng trọt được trong tương lai gần đây. Có 107,9 triệu đê-xi-a-ti-na đất đó trong "vùng phía Bắc" (những tỉnh Ác-khan-ghen-xơ, Ô-lô-nê-tơ và Vô-lô-gđa). Tất nhiên, khi trừ đi tất cả những đất đó, chúng ta đã khuếch đại số lượng đất khó sử dụng cho việc canh tác. Chỉ cần nói rằng một nhà thống kê thận trọng như A. A. Cau-phman đã tính rằng trong các tỉnh Vô-lô-gđa và Ô-lô-nê-tơ có 25,7 triệu đê-xi-a-ti-na rừng rú có thể dùng (ngoài 25% diện tích rừng rú) để cấp thêm cho nông dân*. Nhưng vì chúng ta lấy những số liệu chung về số lượng đất mà không tách riêng những số liệu về rừng rú nên đúng hơn là phải xác định một cách thận trọng hơn số ruộng đất trồng trọt được. Trừ 107,9 triệu đê-xi-a-ti-na đi thì còn lại 287,3 triệu, và chúng ta sẽ lấy con số tròn là 280 triệu đê-xi-a-ti-na, trong đó chúng ta trừ đi một phần đất của các thành phố (tổng cộng là 2 triệu đê-xi-a-ti-na) và một

* "Vấn đề ruộng đất" do Đôn-gô-ru-cốp và Pê-tơ-run-kê-vích xuất bản. T. II. Tập các bài báo. Mát-xcơ-va, 1907, tr. 305.

phần ruộng của nhà nước ở các tỉnh Vi-át-ca và Péc-mơ (tổng cộng trong hai tỉnh đó có 16,3 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng của nhà nước).

Do đó, tình hình phân phối *chung* về ruộng đất trồng trọt được ở phần nước Nga thuộc châu Âu là:

A) ruộng đất tư	101,7 triệu đê-xi-a-ti-na
B) ruộng đất được chia	138,8 " "
C) ruộng đất của nhà nước và ruộng đất của các cơ quan	39,5 " "

Tổng số ruộng đất ở phần

nước Nga thuộc châu Âu 280,0 triệu đê-xi-a-ti-na

Bây giờ cần phải tách riêng những số liệu về sự chiếm hữu ruộng đất quy mô nhỏ và lớn (đặc biệt ở quy mô lớn nhất) để có được một ý niệm cụ thể về bối cảnh của cuộc đấu tranh của nông dân đòi ruộng đất trong cuộc cách mạng Nga. Nhưng những số liệu đó lại không được đầy đủ. Trong số 138,8 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất được chia thì 136,9 triệu đê-xi-a-ti-na đã được đem phân loại theo quy mô chiếm hữu ruộng đất của nông hộ. Trong số 101,7 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất tư thì 85,9 triệu đê-xi-a-ti-na cũng đã được phân loại như trên; 15,8 triệu đê-xi-a-ti-na còn lại là thuộc về những "hội và công ty". Nghiên cứu kỹ kết cấu của số ruộng đất này, ta thấy rằng 11,3 triệu đê-xi-a-ti-na trong số đó là thuộc về các hội và công ty nông dân; như thế có nghĩa là nói chung đó là những nông hộ chiếm hữu ít ruộng đất, và tiếc thay lại không được phân loại theo quy mô chiếm hữu ruộng đất. Còn 3,7 triệu đê-xi-a-ti-na là thuộc các công ty "công thương nghiệp, công xưởng, v.v.", tổng số các công ty đó là 1042. Trong số các công ty đó có 272 công ty chiếm hữu, mỗi công ty trên 1000 đê-xi-a-ti-na, và tất cả 272 công ty đó cộng lại có 3,6 triệu đê-xi-a-ti-na. Dĩ nhiên đó là những đại điền trang của địa chủ. Phần chủ yếu của số ruộng đất đó đều tập trung ở tỉnh Péc-mơ. Ở đó,

1 448 902 đê-xi-a-ti-na là thuộc về *chín* công ty như vậy! Ai nấy đều biết rằng các nhà máy ở U-ran nắm hàng vạn đê-xi-a-ti-na ruộng đất — tàn dư trực tiếp của những đại điền trang nông nô của các lãnh chúa⁸³ ở nước Nga tư sản.

Vậy chúng ta hãy tách riêng 3,6 triệu đê-xi-a-ti-na thuộc các hội và công ty ra, coi đó là sự chiếm hữu ruộng đất quy mô lớn nhất. Số còn lại không được phân loại, nhưng nói chung đó là sự chiếm hữu ruộng đất quy mô nhỏ.

Trong số 39,5 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất của nhà nước và các loại ruộng đất khác thì chỉ có các thái ấp⁸⁴ là có thể phân loại theo quy mô chiếm hữu được thôi (5,1 triệu đê-xi-a-ti-na). Đó cũng là sự chiếm hữu ruộng đất quy mô rất lớn, nửa phong kiến. Dưới đây là bản tổng kết những ruộng đất được phân loại và không được phân loại theo quy mô chiếm hữu:

	Ruộng đất đã được phân loại theo quy mô chiếm hữu ruộng đất (triệu đê-xi-a-ti-na)	Ruộng đất không được phân loại
A) ruộng đất tư	89,5*	12,2
B) ruộng đất được chia	136,9	1,9
C) ruộng đất của nhà nước và ruộng đất của các cơ quan	5,1	34,4
<i>Cộng</i>	231,5	48,5
<i>Tổng cộng</i>	280,0	

Chúng ta hãy chuyển sang phân loại các ruộng đất được chia theo quy mô chiếm hữu. Nếu tập hợp các số liệu thống kê của ta thành những nhóm tương đối lớn thì ta có:

* 85,9 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất tư cộng với 3,6 triệu đê-xi-a-ti-na đại điền trang của các hội và công ty công thương thủ công và nhà máy - công xưởng.

Nhóm các hộ	Ruộng đất được chia		
	Số hộ	Số đê-xi-a-ti-na	Số đê-xi-a-ti-na trung bình của mỗi hộ
Có dưới 5 đê-xi-a-ti-na	2 857 650	9 030 333	3,1
Có từ 5 đến 8 đê-xi-a-ti-na	3 317 601		
Tổng cộng số hộ có từ 8 đê-xi-a-ti-na trở xuống	6 175 251	30 736 883	4,9
có từ 8 đến 15 "	3 932 485	42 182 923	10,7
có từ 15 đến 30 "	1 551 904	31 271 922	20,1
có trên 30 "	617 715	32 695 510	52,9
<i>Tổng số ở phần nước Nga</i>			
<i>thuộc châu Âu</i>	12 277 355	136 887 238	11,1

Những số liệu đó chứng tỏ rằng hơn một nửa số hộ (6,2 triệu trong 12,3 triệu) chiếm hữu mỗi hộ từ 8 đê-xi-a-ti-na trở xuống, nghĩa là một số ruộng đất mà tính chung và tính trung bình thì rõ ràng là không đủ để nuôi sống một gia đình. Chỉ 10,1 triệu hộ có từ 15 đê-xi-a-ti-na trở xuống (họ nắm 72,9 triệu đê-xi-a-ti-na), tức là hơn bốn phần năm tổng số hộ, nếu xét tình hình kỹ thuật nông nghiệp nông dân hiện nay, thì ở vào tình trạng đói khổ. Tổng số hộ bậc trung và khá giả — theo số ruộng đất mà họ có — là 2,2 triệu trong số 12,3 triệu và họ có 63,9 triệu đê-xi-a-ti-na trong số 136,9 triệu. Chỉ có những hộ nào có trên 30 đê-xi-a-ti-na mới có thể coi là những hộ giàu có, tổng số những hộ đó chỉ có 0,6 triệu, tức là một phần hai mươi tổng số hộ. Họ có xấp xỉ 1/4 tổng số ruộng đất: 32,7 triệu đê-xi-a-ti-na trong số 136,9 triệu. Để biết xem nông dân loại nào đã hợp thành nhóm hộ có nhiều ruộng đất đó, chúng tôi xin chỉ ra rằng ở đây, đứng hàng đầu là những người Cô-dắc. Nhóm gồm những hộ chiếm hữu trên 30 đê-xi-a-ti-na là 266 929 hộ

với 14 426 403 đê-xi-a-ti-na, tức tuyệt đại đa số những người Cô-dắc (ở phần nước Nga thuộc châu Âu, có 278 650 hộ với 14 689 498 đê-xi-a-ti-na ruộng đất, tức là trung bình mỗi hộ có 52,7 đê-xi-a-ti-na).

Để tìm hiểu đại khái về các loại hộ theo quy mô kinh doanh, chứ không phải theo diện tích phần ruộng được chia, thì đối với toàn bộ nước Nga, chúng ta chỉ có những số liệu về số ngựa của mỗi hộ. Theo những cuộc điều tra gần đây về ngựa chiến tiến hành hồi 1888 - 1891 thì sự phân loại các hộ nông dân trong 48 tỉnh ở phần nước Nga thuộc châu Âu là:

Hộ nghèo	{ Không có ngựa	2 765 970 hộ
	{ Có 1 ngựa	2 885 192 "
Hộ bậc trung	{ Có 2 "	2 240 574 "
	{ Có 3 "	1 070 250 "
Hộ khá giả	{ Có 4 ngựa trở lên	1 154 674 "
<i>Tổng cộng</i>		10 116 660 "

Nói chung, như thế có nghĩa là: hơn một nửa số đó là hộ nghèo (5,6 triệu trong số 10,1 triệu), gần một phần ba là hộ bậc trung (3,3 triệu có 2 - 3 ngựa) và gần một phần mười là hộ nông dân khá giả (1,1 triệu trong số 10,1 triệu).

Bây giờ, hãy xem sự phân bố về chiếm hữu ruộng đất của tư nhân. Bản thống kê ở đây không làm nổi bật được sự chiếm hữu ruộng đất quy mô nhỏ nhất, nhưng ngược lại nó cung cấp những tài liệu hết sức tỉ mỉ về những điền trang lớn nhất. (Xem biểu đồ trang 248. — B.T.)

Ở đây, trước hết chúng ta thấy số hộ chiếm hữu nhiều ruộng đất chiếm ưu thế tuyệt đối: 619 nghìn nông hộ nhỏ (dưới 50 đê-xi-a-ti-na) có tất cả 6½ triệu đê-xi-a-ti-na. Thứ đến, chúng ta thấy những đại điền trang có diện tích rất lớn: 699 chủ đất mỗi người nắm gần 30 000 đê-xi-a-ti-na! Hai mươi tám nghìn chủ đất tập trung trong tay 62 triệu đê-xi-a-ti-na, tức mỗi người có 2227 đê-xi-a-ti-na. Tuyệt đại đa số những đại điền trang đó là của bọn quý tộc, tức

Nhóm hộ	Ruộng đất của tư nhân ở phần nước Nga thuộc châu Âu		
	Số hộ	đê-xi-a-ti-na	Số đê-xi-a-ti-na trung bình của mỗi hộ
Có dưới 10 đê-xi-a-ti-na	409 864	1 625 226	3,9
Có từ 10 - 50	209 119	4 891 031	23,4
" 50 - 500 "	106 065	17 326 495	163,3
{ " 500 - 2 000 "	21 748	20 590 708	947 } 3 825 } 29 754 }
{ " 2 000 - 10 000 "	5 386	20 602 109	
{ Có trên 10 000 "	699	20 798 504	
<i>Tổng số hộ có 500</i>			
<i>đê-xi-a-ti-na trở lên</i>	27 833	61 991 321	2 227
<i>Tổng số đối với phần</i>			
<i>nước Nga thuộc châu</i>	752 881	85 834 073	114
<i>Âu</i>			

18 102 chủ đất (trong số 27 833) và 44 471 994 đê-xi-a-ti-na ruộng đất, nghĩa là hơn 70% tổng diện tích các đại điền trang. Những con số đó nói lên một cách hết sức rõ ràng sự chiếm hữu ruộng đất có tính chất trung cổ của bọn địa chủ - chủ nô.

2. CUỘC ĐẤU TRANH DIỄN RA CHUNG QUANH CÁI GÌ?

Mười triệu hộ nông dân có 73 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất. Hai mươi tám nghìn địa chủ quý tộc và những kẻ được coi như quý tộc nắm 62 triệu đê-xi-a-ti-na. Đó là bối cảnh chủ yếu trong đó đang diễn ra cuộc đấu tranh của nông dân đòi ruộng đất. Trên cái cơ sở chủ yếu đó thì tình trạng kỹ thuật lạc hậu kinh người, tình trạng bỏ rơi nông nghiệp, tình trạng nhần nhục và tính khiếm nhược của quần chúng nông dân, những hình thức bóc lột kiểu phong kiến nông nô hết sức khác nhau bằng điều dịch, — những tình trạng đó là không sao tránh khỏi được. Để không đi ra ngoài lẽ, ở đây chúng ta chỉ cần nhắc lại rất vắn tắt những sự việc mà mọi người đều biết đó và đã được miêu tả rất chi tiết trong vò

vàn sách báo viết về kinh tế nông dân. Quy mô chiếm hữu ruộng đất mà chúng ta đã nêu lên ở đây là hoàn toàn không phù hợp với quy mô của những cơ sở kinh doanh. Trong những tỉnh thuần túy Nga, nền nông nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa rõ ràng ở vào địa vị thứ yếu. Nền canh tác nhỏ chiếm ưu thế trong những đại điền trang rộng lớn: những hình thức khác nhau của việc phát canh có tính chất nông nô và nô dịch, của kinh tế lao dịch (điều dịch), việc "thuê người làm trong mùa đông", lao dịch để bù lại những sự tổn thất do súc vật gây nên, việc làm lao dịch trên những phần đất cày vằn và vằn vằn. Quần chúng nông dân, bị đè nặng dưới ách bóc lột nông nô, ngày càng bị phá sản và một phần tự mình đem cho những người kinh doanh "căn cơ" thuê những mảnh đất được chia của mình. Một thiểu số nhỏ nông dân khá giả trở thành giai cấp tư sản nông thôn, thuê ruộng đất để kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa, bóc lột hàng trăm nghìn cố nông và người làm công nhật.

Căn cứ vào những sự thật đó, những sự thật đã được khoa học kinh tế Nga hoàn toàn xác định, chúng ta phải phân biệt, trong vấn đề cuộc đấu tranh hiện nay của nông dân đòi ruộng đất, *bốn nhóm hộ chủ yếu* những người chiếm hữu ruộng đất. 1) Đông đảo nông hộ nằm dưới ách áp bức của những đại điền trang phong kiến nông nô, họ trực tiếp quan tâm đến việc tước đoạt các đại điền trang đó, họ trực tiếp có lợi và có lợi nhiều nhất trong việc tước đoạt đó. 2) Một thiểu số gồm trung nông hiện đã có được một số ruộng đất vừa phải, đủ để kinh doanh. 3) Một thiểu số gồm nông dân khá giả đang trở thành giai cấp tư sản nông thôn và thông qua nhiều bước quá độ mà gắn liền với cách kinh doanh tư bản chủ nghĩa. 4) Những đại điền trang của lãnh chúa với diện tích rộng hơn nhiều so với những trang trại tư bản chủ nghĩa hiện có ở Nga, và có được thu nhập chủ yếu của mình nhờ bóc lột nông dân trong cảnh nô lệ và nhờ lao dịch của nông dân.

Dĩ nhiên là theo những số liệu về chiếm hữu ruộng đất, chúng ta chỉ có thể phân biệt những nhóm chủ yếu này một cách phỏng chừng và sơ lược thôi. Nhưng dù sao chúng ta cũng phải làm như thế, vì nếu không thì sẽ không thể nào nêu lên được bức tranh tổng quát về cuộc đấu tranh đòi ruộng đất trong cuộc cách mạng Nga. Và chúng ta có thể nói trước một cách hoàn toàn chắc chắn rằng những sự sửa đổi cục bộ các số liệu, những sự xê xích cục bộ giới hạn của nhóm này hay nhóm nọ cũng sẽ không thể làm thay đổi được nhiều bức tranh tổng quát. Điều quan trọng không phải là những sự sửa đổi cục bộ đó, mà là cần nêu bật sự khác nhau giữa những nhà nông nhỏ đang khao khát có thêm ruộng đất với những chủ đại điền trang dùng lao động nô dịch đang độc chiếm một khối lượng lớn ruộng đất. Điều giả dối căn bản cả trong kinh tế học của chính phủ (của Xtô-lư-pin) lẫn trong kinh tế học của phái tự do (của những người dân chủ - lập hiến) là ở chỗ họ che giấu hoặc làm lu mờ sự khác nhau rõ rệt đó.

Đối với bốn nhóm nói trên, ta hãy cứ giả định diện tích ruộng đất sở hữu cho từng nhóm như sau: 1) có dưới 15 đê-xi-a-ti-na; 2) có 15 - 20 đê-xi-a-ti-na; 3) có 20 - 500 đê-xi-a-ti-na và 4) có trên 500 đê-xi-a-ti-na mỗi hộ. Để có một ý niệm về toàn bộ cuộc đấu tranh đòi ruộng đất, dĩ nhiên chúng ta phải tập hợp vào trong mỗi nhóm đó cả những hộ có phần ruộng được chia và những hộ có ruộng đất tư. Trong bản thống kê mà chúng ta sử dụng thì loại hộ có ruộng đất tư được phân thành hai nhóm: nhóm có dưới 10 đê-xi-a-ti-na và nhóm có từ 10 đến 20 đê-xi-a-ti-na; như vậy bắt buộc phải tách riêng một cách phỏng chừng nhóm có dưới 15 đê-xi-a-ti-na. Cách tính toán phỏng chừng đó và những con số đã vẽ tròn đi như thế có thể gây ra sự không chính xác, nhưng sự không chính xác này hoàn toàn không đáng kể (lát nữa, bạn đọc sẽ thấy được điều đó) và sẽ không thể làm thay đổi những kết luận.

Dưới đây là tình hình phân bố hiện nay về ruộng đất ở phần nước Nga thuộc châu Âu, đối với những nhóm được đề ra:

	Số các hộ	Số đê-xi-a-ti-na (theo đơn vị triệu)	Số đê-xi-a-ti-na trung bình của mỗi hộ
a) Nông dân bị phá sản phải chịu sự bóc lột phong kiến	10,5	75,0	7,0
b) Trung nông	1,0	15,0	15,0
c) Tư sản nông thôn và các nhà chiếm hữu ruộng đất theo kiểu tư bản chủ nghĩa	1,5	70,0	46,7
d) Đại điền trang của lãnh chúa	0,03	70,0	2 333,0
<i>Tổng cộng</i>	13,03	230,0	17,6
Không phân loại theo hộ	-	50	-
<i>Tổng cộng*</i>	13,03	280,0	21,4

* Như đã nói trên đây, các số liệu trong bảng này đều được vẽ tròn lại. Đây là những số liệu chính xác. Đất được chia: a) 10,1 triệu hộ và 72,9 triệu đê-xi-a-ti-na; b) 874 nghìn hộ và 15,0 triệu đê-xi-a-ti-na. Ruộng đất tư dưới 10 đê-xi-a-ti-na - 410 nghìn hộ và 1,6 triệu đê-xi-a-ti-na; từ 10 đến 20 đê-xi-a-ti-na - 106 nghìn hộ và 1,6 triệu đê-xi-a-ti-na. Tổng số hai loại a + b: 11,5 triệu hộ và 91,2 triệu đê-xi-a-ti-na. Đối với nhóm c) số chính xác là: 1,5 triệu hộ và 69,5 triệu đê-xi-a-ti-na. Đối với nhóm d) là: 27 833 hộ và 61,99 triệu đê-xi-a-ti-na. Như trên kia đã nói, số ruộng đất của nhóm sau cùng này được cộng thêm 5,1 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất hoàng tộc và 3,6 triệu đê-xi-a-ti-na của các công ty công thương thủ công và nhà máy - công xưởng lớn nhất. Con số chính xác về ruộng đất không phân loại theo hộ mà ta đã nói ở trên, là 48,5 triệu đê-xi-a-ti-na. Do đó, bạn đọc có thể thấy rằng tất cả những con số tròn và cách tính phỏng chừng chỉ là việc thay đổi số liệu đi chút đỉnh và không thể làm thay đổi những kết luận đi một tí nào cả.

Đó là những quan hệ gây nên cuộc đấu tranh của nông dân đòi ruộng đất. Đó là điểm *xuất phát* của cuộc đấu tranh của nông dân (có từ 7 đến 15 đê-xi-a-ti-na mỗi hộ cộng với một địa tô nô dịch, v.v.) chống lại bọn đại địa chủ (mỗi đại điền trang có 2333 đê-xi-a-ti-na). Xu thế khách quan của điểm *tận cùng* của cuộc đấu tranh đó là gì? Rõ ràng rằng đó là xoá bỏ những đại điền trang của lãnh chúa phong kiến và giao lại ruộng đất đó (theo những nguyên tắc nào đó) cho nông dân. Xu thế khách quan đó là kết quả không tránh khỏi được của tình trạng *lối canh tác* nhỏ bị các đại điền trang nông nô nô dịch lại chiếm số lớn. Để trình bày xu thế đó bằng sơ đồ cũng rõ ràng như sơ đồ mà chúng ta đã sử dụng để thấy rõ điểm xuất phát của cuộc đấu tranh, tức là tình hình hiện nay, thì phải lấy trường hợp *tốt nhất*, tức là giả định rằng tất cả ruộng đất của các đại điền trang nông nô và tất cả ruộng đất không được phân loại theo hộ đều đem chuyển cho nông dân bị phá sản. Chính cái trường hợp tốt nhất đó đã được *tất cả* những người tham gia cuộc đấu tranh ruộng đất hiện nay nhìn thấy tương đối rõ ràng: chính phủ nói đến việc "chia đất" cho những "người túng thiếu"; người viên chức thuộc phái tự do (hoặc dân chủ - lập hiến) nói đến việc chia thêm đất cho những nông dân có ít ruộng đất; người nông dân thuộc phái lao động bàn đến việc cần thiết phải nâng mức sở hữu ruộng đất lên ngang tiêu chuẩn "tiêu dùng" hay tiêu chuẩn "lao động"; người dân chủ - xã hội là kẻ không tán thành những hình thức sử dụng ruộng đất thì về đại thể, tán thành những đề nghị của phái dân tụy về việc chia đất cho nông dân nghèo (tại Đu-ma II, phiên họp thứ 47, ngày 26 tháng Năm 1907, Txê-rê-tê-li đã tán thành đem bán đi 57 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất chuyển nhượng — con số mà người dân tụy Ca-ra-va-ép đã đưa ra — với giá 6½ tỷ, trong số đó, 2½ tỷ thì bán cho người nghèo có dưới 5 đê-xi-a-ti-na. Xem tr. 1221 của biên bản tốc ký). Tóm lại, dù cho quan điểm

của địa chủ, của viên chức, của giai cấp tư sản, của nông dân và giai cấp vô sản về những nhiệm vụ và những điều kiện của cuộc cải cách có rất khác nhau đi nữa, nhưng tất cả đều đề cập đến cùng một xu thế: chuyển những ruộng đất của địa chủ lớn cho nông dân túng thiếu nhất. Còn về những sự khác nhau căn bản trong quan điểm giữa các giai cấp về quy mô và điều kiện của việc chuyển đó, chúng ta sẽ nói riêng ở chỗ khác. Bây giờ chúng ta hãy bổ sung sơ đồ chúng ta dùng để thể hiện điểm xuất phát của cuộc đấu tranh bằng một sơ đồ tương tự có thể có được về điểm tận cùng. Trên kia, chúng ta đã chỉ ra tình hình *hiện nay* là như thế nào. Chúng ta hãy chỉ ra tình hình *tương lai* sẽ như thế nào. Hãy giả định rằng 0,03 triệu địa chủ mỗi người nắm 100 đê-xi-a-ti-na, tức là 3 triệu đê-xi-a-ti-na; rằng 67 triệu đê-xi-a-ti-na còn lại và 50 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất không được phân loại đều đem chuyển cho 10,5 triệu nông hộ nghèo. Chúng ta có:

	Hiện nay			Tương lai		
	Hộ	Đê-xi-a-ti-na (triệu)	Số đê-xi-a-ti-na trung bình của mỗi hộ	Hộ	Đê-xi-a-ti-na (triệu)	Số đê-xi-a-ti-na trung bình của mỗi hộ
a) Tiểu nông bị phá sản	10,5	75	7,0	—	—	—
b) Trung nông	1,0	15	15,0	11,5	207	18,0
c) Nông dân giàu và giai cấp tư sản	1,5	70	46,7	1,53	73	47,7
d) Địa chủ - chủ nô	0,03	70	2333,0	—	—	—
<i>Tổng cộng</i>	13,03	230	17,6	13,03	280	21,4
Ruộng đất không được phân loại	—	50	—	—	—	—
<i>Tổng cộng</i>	13,03	280	21,4	—	—	—

Đó là cơ sở kinh tế của cuộc đấu tranh đòi ruộng đất trong cuộc cách mạng Nga. Đây là điểm xuất phát của cuộc đấu tranh đó và là xu thế của cuộc đấu tranh ấy, nghĩa là điểm tận cùng của nó, kết quả tốt nhất của nó, theo quan điểm của những người đấu tranh.

Trước khi chuyển sang phân tích cơ sở kinh tế đó và cái vỏ tư tưởng (và tư tưởng - chính trị) của nó, chúng ta hãy nói đến những sự hiểu lầm và những điều bất bẽ có thể có được.

Thứ nhất. Người ta có thể nói rằng biểu đồ của tôi bao hàm *sự phân chia* ruộng đất, trong lúc tôi còn chưa xem xét ngay cả vấn đề địa phương công hữu hoá, vấn đề phân chia, vấn đề quốc hữu hoá, xã hội hoá.

Ý kiến như thế là một sự hiểu lầm. Trong biểu đồ của tôi, *những điều kiện* chiếm hữu ruộng đất hoàn toàn bị gác lại, *những điều kiện* chuyển ruộng đất cho nông dân hoàn toàn không được đề cập đến (chuyển thành sở hữu hay thành tài sản được sử dụng dưới hình thức này nọ). Tôi chỉ phân tích *việc chuyển ruộng đất nói chung* cho tiểu nông mà thôi, — và không thể nghi ngờ một xu thế như thế của cuộc đấu tranh đòi ruộng đất ở nước ta. Chính tầng lớp tiểu nông đang đấu tranh đòi chuyển ruộng đất *vào tay họ*. Chính lối canh tác nhỏ (tư sản) đã chống lại sự chiếm hữu ruộng đất lớn (có tính chất phong kiến)*. Trong trường hợp tốt nhất, cuộc cách mạng *không thể* có kết quả nào khác điều mà tôi đã trình bày.

Thứ hai. Người ta có thể nói rằng tôi không có quyền giả định là tất cả những ruộng đất tịch thu được (hay tước đoạt được, vì trong bản trình bày của tôi, lúc này, không thấy nói đến những điều kiện tước đoạt) sẽ được chuyển

* Điều mà tôi đề trong dấu ngoặc thì tư tưởng tiểu tư sản của chủ nghĩa dân túy không nhận thấy hay phủ nhận. Chúng ta sẽ còn bàn về vấn đề đó nữa.

cho nông dân ít ruộng đất nhất. Người ta có thể nói rằng do sự cần thiết về mặt kinh tế, ruộng đất *phải* được chuyển cho nông dân giàu có hơn. Nhưng bác bẻ như vậy là hiểu lầm. Để chứng minh tính chất tư sản của cuộc cách mạng, tôi phải đề cập đến trường hợp *tốt nhất* theo quan điểm của chủ nghĩa dân túy, tôi phải *giả định* rằng những ai đấu tranh sẽ đạt được mục đích mà họ đề ra. Tôi phải lấy một tình huống gần giống nhất với cái mà người ta gọi là "chia đều ruộng đất"⁸⁵ chứ không lấy những kết quả sau này của cuộc cách mạng ruộng đất. Nếu quần chúng thắng lợi trong cuộc đấu tranh thì họ sẽ thu được những kết quả của thắng lợi. Còn muốn biết xem sau này những kết quả đó vào tay ai thì đó lại là chuyện khác.

Thứ ba. Người ta có thể nói rằng kết quả hết sức có lợi cho nông dân nghèo (biến tất cả khối nông dân đó thành trung nông, mà mỗi hộ có gần 18 đê-xi-a-ti-na đất) mà tôi có được là do tôi đã *khuyết đại* số ruộng đất chưa có ai chiếm cứ. Người ta có thể nói rằng lẽ ra, phải khấu trừ *những rừng rú* là những thứ không thể đưa vào những phần ruộng được chia cho nông dân được. Những lời bất bẽ như thế có thể có và thậm chí không thể tránh khỏi được ở những nhà kinh tế đứng về phía chính phủ và dân chủ - lập hiến, nhưng những lời bất bẽ đó là sai. Trước hết, phải là một viên chức suốt đời cúi gập lưng trước tên địa chủ - chủ nô mới có thể nghĩ rằng người nông dân sẽ không thể nào quản lý đúng cách những rừng rú và do đó có được một số thu nhập *cho họ* chứ không phải cho bọn địa chủ. Quan điểm của kẻ viên chức cảnh sát hay của người tự do chủ nghĩa Nga là: làm thế nào mà bảo đảm cho người mu-gích có được phần ruộng được chia? Quan điểm của người công nhân giác ngộ là: làm sao giải phóng được người mu-gích khỏi chế độ chiếm hữu ruộng đất lớn có tính chất phong kiến? làm thế nào để đập tan được những đại điền trang nông nô? Hai là, tôi đã loại trừ *toàn bộ* miền Bắc (các tỉnh Ác-

khan-ghen-xơ, Vô-lô-gđa và Ô-lô-nê-tơ) cũng như một phần các tỉnh Vi-át-ca và Péc-mơ, tức là những nơi mà trong tương lai gần đây khó hình dung là có thể kinh doanh nông nghiệp được ở những diện tích đầy rừng rú. Ba là, việc ước lượng riêng những diện tích rừng rú làm cho con toán trở thành phức tạp đến tột độ, nhưng cũng không làm thay đổi kết quả mấy tí. Chẳng hạn, ông Cau-phman, một người dân chủ - lập hiến — do đó là người có thái độ đủ *thận trọng* khi xét đến những ruộng đất của địa chủ — đã cho rằng số ruộng đất ngoài 25% diện tích rừng rú có thể bù vào chỗ thiếu ruộng đất, và do đó, ông ta có được một số ruộng đất là 101,7 triệu đê-xi-a-ti-na, trong 44 tỉnh. Theo như tôi tính thì trong 47 tỉnh, số ruộng đất là gần 101 triệu đê-xi-a-ti-na, cụ thể là 67 triệu đê-xi-a-ti-na trong số 70 triệu của các đại điền trang nông nô và 34 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất của nhà nước và ruộng đất của các cơ quan. Nếu giả sử tước đoạt hết tất cả những địa sản rộng trên 100 đê-xi-a-ti-na thì số ruộng đất sẽ còn tăng thêm từ 9 đến 10 triệu đê-xi-a-ti-na*.

* Phạm vi định cho tài sản ruộng đất phải chuyển nhượng — 500 đê-xi-a-ti-na — đã được chỉ ra trong bài của tôi, hoàn toàn là một giả định. Nếu chúng ta lấy mức đó là 100 đê-xi-a-ti-na — cũng là một giả định thôi — thì kết quả của sự thay đổi cách mạng sẽ như sau:

hiện nay				tương lai			
a) 10,5 triệu hộ	75 triệu đê-xi-a-ti-na	a) —	—	b) 11,5	217 triệu đê-xi-a-ti-na	18,8	đê-xi-a-ti-na (của mỗi hộ)
b) 1,0	" "	15					
c) 1,4	" "	50	" "	c) 1,53	63	" "	41,1
d) 0,13	" "	90	" "	d) —	—	—	—
13,03		230		13,03	280		21,4
		+ 50					

Những kết luận chủ yếu về tính chất và thực chất của sự thay đổi cách mạng đều y hệt như nhau trong cả hai trường hợp.

3. CÁC NHÀ VĂN DÂN CHỦ - LẬP HIẾN CHE GIẤU THỰC CHẤT CỦA CUỘC ĐẤU TRANH

Những số liệu mà chúng ta đưa ra ở đây về tác dụng của những cơ sở kinh doanh lớn nhất của địa chủ trong cuộc đấu tranh đòi ruộng đất ở Nga phải được bổ sung thêm về mặt này. Đặc trưng của các cương lĩnh ruộng đất của giai cấp tư sản và tiểu tư sản ở nước ta là ở chỗ những lý lẽ về "tiêu chuẩn" làm lu mờ vấn đề xem giai cấp nào là kẻ thù mạnh nhất của nông dân, *những địa sản nào* là cái khối lớn chủ yếu trong số ruộng đất nhằm tước đoạt. Người ta (phái dân chủ - lập hiến và phái lao động) nói nhiều nhất đến số lượng ruộng đất cần thiết cho nông dân, căn cứ vào "tiêu chuẩn" này nọ, chứ không nói đến một điều cụ thể và sinh động hơn nhiều: *có bao nhiêu ruộng đất có thể tước đoạt được*. Cách đặt vấn đề thứ nhất làm lu mờ cuộc đấu tranh giai cấp, che đậy *thực chất* của vấn đề bằng cái tham vọng vô ích là coi ý kiến của mình như một quan điểm "nhà nước". Cách đặt vấn đề thứ hai đưa trọng tâm của vấn đề vào cuộc đấu tranh giai cấp, vào những quyền lợi giai cấp của một tầng lớp người sở hữu ruộng đất nhất định, đại diện trước hết cho những xu thế phong kiến.

Sau này, chúng ta sẽ còn bàn về vấn đề những "tiêu chuẩn" đó. Ở đây chúng ta sẽ nói đến một ngoại lệ "may mắn", đó là một người thuộc phái lao động và một nhà văn dân chủ - lập hiến điển hình.

Trong Đu-ma II, nhà lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân Đê-la-rốp đã nêu lên vấn đề xem việc chuyển nhượng ruộng đất sẽ đụng chạm đến bao nhiêu chủ ruộng đất (phiên họp thứ 47, ngày 26 tháng Năm 1907). Diễn giả đã nói đến chính *việc chuyển nhượng* cưỡng bức mà không nêu vấn đề tịch thu, và dường như diễn giả đã lấy *cũng cái tiêu chuẩn* để chuyển nhượng mà tôi đã giả định trong biểu đồ của tôi, tức là 500 đê-xi-a-ti-na. Tiếc thay trong những

biên bản tốc ký của Đu-ma II, đoạn đó trong bài diễn văn của Đê-la-rốp (tr. 1217) đã bị xuyên tạc đi, hoặc bản thân ông Đê-la-rốp đã làm. Biên bản ghi rằng việc chuyển nhượng cưỡng bức sẽ đụng đến 32% các địa sản tư và 96% toàn bộ diện tích của những địa sản tư ấy, — còn 68% các chủ đất khác chỉ có 4% đất tư. Thật ra là 3,7% chứ không phải 32%, vì 27 833 chủ đất trong số 752 881 là 3,7% và họ có 62 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất trong số 85,8 triệu, tức 72,3%. Không biết ông Đê-la-rốp đã làm hay đã lấy những con số không chính xác. Nhưng nếu chúng tôi không lầm thì dù sao trong số đồng đảo diễn giả ở Đu-ma, Đê-la-rốp là người duy nhất *đã đề cập* đến vấn đề xem cuộc đấu tranh theo hướng trực tiếp nhất, cụ thể nhất đã diễn ra xung quanh cái gì.

Nhà văn dân chủ - lập hiến mà ta không thể không nêu ra những "tác phẩm" khi trình bày vấn đề này, là ông X. Prô-cô-pô-vích. Đành rằng ông ta, nói cho đúng ra là một người thuộc phái "Vô đề" — cũng như số đông các nhà văn của tờ báo tư sản "Đồng chí", — lúc thì lấy tư cách là người dân chủ - lập hiến, lúc thì lấy tư cách là người men-sê-vích dân chủ - xã hội. Ông ta là người đại biểu điển hình cho cái nhúm những người triệt để theo phái Béc-stanh trong giới trí thức tư sản Nga, họ ngả nghiêng giữa những người dân chủ - lập hiến và những người dân chủ - xã hội, họ (trong phần lớn trường hợp) không vào một đảng nào cả, và luôn luôn hát một điệu hữu hơn Plê-kha-nốp một chút trên báo chí tự do chủ nghĩa. Ở đây, phải nêu ông Prô-cô-pô-vích lên vì ông ta là một trong những người đầu tiên dẫn ra trên báo chí những con số thống kê về số hữu ruộng đất năm 1905, và thực tế đã tán thành lập trường của những người dân chủ - lập hiến về cuộc cải cách ruộng đất. Trong hai bài báo của tờ "Đồng chí" (1907, số 214, ngày 13 tháng Ba và số 238, ngày 10 tháng Tư), ông Prô-cô-pô-vích tranh luận với tướng Dô-lô-ta-rép, tác giả của bản

thống kê chính thức, người tìm cách chứng minh rằng chính phủ hoàn toàn có thể hoàn thành cuộc cải cách mà không phải cưỡng bức chuyển nhượng gì cả, và với 5 đê-xi-a-ti-na mỗi hộ là hoàn toàn đủ để người nông dân có thể nuôi sống gia đình được! Ngài Prô-cô-pô-vích lại *tự do chủ nghĩa hơn*: ông ta tính mức 8 đê-xi-a-ti-na mỗi hộ. Ông ta nhấn mạnh nhiều lần rằng cấp đất như vậy thì "hoàn toàn không đủ", rằng tính như vậy là "thấp nhất" v.v., tuy nhiên để quy định "những mức độ nhu cầu về ruộng đất" (nhân đề của bài thứ nhất trong những bài của ngài Prô-cô-pô-vích đã nói ở trên), ông ta lại lấy chính con số đó. Ông ta giải thích rằng ông ta lấy con số đó "*để tránh những cuộc tranh luận vô ích*"... có lẽ là những "cuộc tranh luận vô ích" với các ông Dô-lô-ta-rép chẳng? Khi ước lượng số hộ nông dân "rõ ràng thiếu ruộng đất" là một nửa tổng số, ông Prô-cô-pô-vích đã xác định một cách đúng đắn rằng muốn đưa phần đất lên đến 8 đê-xi-a-ti-na thì phải có 18,6 triệu đê-xi-a-ti-na, và vì số ruộng đất của chính phủ hình như chỉ có chừng 9 triệu đê-xi-a-ti-na, cho nên "không thể tránh khỏi việc chuyển nhượng cưỡng bức".

Bằng những bài tính và những luận cứ của mình, ngài dân chủ - lập hiến men-sê-vích hoá hoặc ngài men-sê-vích dân chủ - lập hiến hoá đã thể hiện một cách rất tài tình tinh thần và ý nghĩa của cương lĩnh ruộng đất của phái tự do. Vấn đề các đại diện trang nông nô hoặc các đại diện trang nói chung, đã hoàn toàn bị lẩn tránh. Ông Prô-cô-pô-vích chỉ dẫn ra những số liệu về những địa sản tư rộng trên 50 đê-xi-a-ti-na thôi. Chính vì thế nên đối tượng của cuộc đấu tranh thật sự bị làm mờ đi. Những quyền lợi giai cấp của một nhúm, đúng là chỉ của một nhúm ít ỏi những địa chủ, được che giấu bằng một bức màn. Đáng lẽ phải vạch rõ những quyền lợi đó ra thì người ta lại đặt chúng ta trước một "quan điểm nhà nước": những ruộng của nhà nước "*sẽ không đủ*". Nhưng nếu số ruộng đất đó là đủ, thì cứ theo lập

luận của ông Prô-cô-pô-vích, ông sẽ không có gì để phản đối những đại điền trang nông nô cả...

Người ta quy định cho nông dân một phần ruộng được chia chét đoi (8 đê-xi-a-ti-na). Đối với địa chủ thì diện tích "chuyển nhượng cưỡng bức" thật là ít ỏi (18 - 9 = 9 triệu đê-xi-a-ti-na trong số 62 triệu của những điền trang có trên 500 đê-xi-a-ti-na!). Muốn tiến hành một cuộc "chuyển nhượng cưỡng bức" như thế thì các địa chủ phải cưỡng bức nông dân, — như trường hợp hồi 1861!⁸⁶

Dù muốn hay không muốn, cố ý hay vô ý, ngài Prô-cô-pô-vích đã biểu hiện đúng cái bản chất địa chủ của cương lĩnh ruộng đất dân chủ - lập hiến. Nhưng những người dân chủ - lập hiến thì khôn ngoan và mưu mẹo: họ thích không nói một tí gì đến số lượng cụ thể về ruộng đất mà họ muốn tước đoạt của địa chủ.

4. THỰC CHẤT KINH TẾ CỦA CUỘC CÁCH MẠNG RUỘNG ĐẤT VÀ NHỮNG CÁI VỎ TƯ TƯỞNG CỦA NÓ

Ta đã thấy rằng thực chất của cuộc cách mạng đang diễn ra chung quy lại là ở chỗ xoá bỏ những đại điền trang nông nô và tạo ra một giai cấp nông dân làm nghề nông tự do và (nếu có thể có được trong những điều kiện hiện nay) khá giả, khả dĩ không phải sống khổ sở và lay lắt trên ruộng đất mà có thể phát triển được lực lượng sản xuất, đẩy được nền canh tác nông nghiệp tiến lên. Cuộc cách mạng đó tuyệt đối không đụng chạm gì và cũng không thể đụng chạm được đến nền sản xuất nhỏ trong nông nghiệp, đến sự thống trị của thị trường đối với người sản xuất và do đó, đến sự thống trị của nền sản xuất hàng hoá, vì cuộc đấu tranh đòi chia lại ruộng đất không thể làm thay đổi được những quan hệ sản xuất trong việc kinh doanh trên ruộng đất ấy. Nhưng chúng ta đã thấy rằng cuộc đấu tranh đó có đặc điểm là nền nông nghiệp nhỏ được phát triển mạnh mẽ trên ruộng đất của các đại điền trang nông nô.

Cái vỏ tư tưởng của cuộc đấu tranh đang diễn ra chính là những lý luận của chủ nghĩa dân túy. Việc các đại biểu nông dân trong toàn thể nước Nga công khai đưa ra những cương lĩnh ruộng đất tại Đu-ma I và Đu-ma II đã khẳng định dứt khoát rằng những lý luận và những cương lĩnh của phái dân túy đều thật sự là cái vỏ tư tưởng của cuộc đấu tranh của nông dân đòi ruộng đất.

Chúng ta đã chỉ ra rằng cơ sở, phần chủ yếu của cái quỹ ruộng đất mà vì nó nông dân đang tiến hành đấu tranh, là những đại điền trang nông nô. Chúng ta đã ấn định một định mức tước đoạt rất cao: 500 đê-xi-a-ti-na. Nhưng cũng rất dễ nhận thấy rằng kết luận mà chúng ta rút ra vẫn không thay đổi dù cho định mức đó có rút đi như thế nào chăng nữa, cứ cho là rút xuống 100 hay 50 đê-xi-a-ti-na chẳng hạn. Chúng ta hãy chia nhóm c) có từ 20 đến 500 đê-xi-a-ti-na thành ba nhóm nhỏ: aa) có từ 20 đến 50 đê-xi-a-ti-na; bb) có từ 50 đến 100 và cc) có từ 100 đến 500, và chúng ta hãy xem diện tích ruộng đất được chia và ruộng đất tư trong những nhóm nhỏ đó ra sao. (Xem biểu đồ trang 262. — BT).

Xem đó, ta thấy rằng một là, việc tịch thu địa sản trên 100 đê-xi-a-ti-na sẽ làm tăng số ruộng đất để chia thêm từ 9 đến 10 triệu đê-xi-a-ti-na, như chúng ta đã nêu lên ở trên kia, còn việc tịch thu những địa sản trên 50 đê-xi-a-ti-na mà Tsi-giép-xki, nghị viên của Đu-ma nhà nước I, đã giả định, sẽ làm tăng quỹ ruộng đất thêm 18,5 triệu đê-xi-a-ti-na. Do đó, cả trong trường hợp này nữa, cơ sở của quỹ ruộng đất cũng vẫn sẽ là những đại điền trang nông nô. Đó là mấu chốt của vấn đề ruộng đất hiện nay. Ai nấy cũng đều biết mối liên hệ giữa những điền trang lớn đó với bọn quan lại cao cấp: G. A. A-léch-xin-xki, trong Đu-ma II, đã dẫn ra những con số của ông Ru-ba-kin về diện tích ruộng lớn của những điền trang của các viên chức cao cấp ở Nga. Hai là, những số liệu đó cho ta thấy rằng ngay cả sau khi

Ruộng đất được chia

Các nhóm nhỏ	Số hộ	Diện tích ruộng đất	Diện tích ruộng đất trung bình của mỗi hộ		
			(đê-xi-a-ti-na)		
Có 20 - 50 đê-xi-a-ti-na	1 062 504	30 898 147	29,1		
50 - 100 "	191 898	12 259 171	63,9		
100 - 500 "	40 658	5 762 276	141,7		
Ruộng đất tư		Tổng cộng ở phần nước Nga thuộc châu Âu			
Số hộ	Diện tích ruộng đất	Diện tích ruộng đất trung bình của mỗi hộ	Số hộ	Diện tích ruộng đất	Diện tích ruộng đất trung bình của mỗi hộ
					(đê-xi-a-ti-na)
103 237	3 301 004	32,0	1 165 741	34 199 151	29,3
44 877	3 229 858	71,9	236 775	15 489 029	65,4
61 188	14 096 637	230,4	101 846	19 858 913	194,9

đã khấu trừ những phần ruộng được chia và *những điền trang trên 100 đê-xi-a-ti-na* đi rồi thì những sự chênh lệch lớn giữa những phần ruộng được chia lớn nhất (và những điền trang nhỏ) vẫn tồn tại. Cách mạng diễn ra vào lúc nông dân đã phân hoá về mặt diện tích chiếm hữu ruộng đất và hơn nữa về mặt tỷ lệ vốn, số lượng gia súc, số lượng và chất lượng nông cụ, v.v.. Sự phân hoá của nông dân trong lĩnh vực chiếm hữu ruộng đất có thể gọi là không phải ruộng được chia thì lớn hơn nhiều so với sự phân hoá trong lĩnh vực sở hữu ruộng đất được chia, điều đó đã được sách báo kinh tế ở nước ta chứng minh đầy đủ.

Vậy thì những lý luận của phái dân tuý phản ánh tương đối đúng những quan điểm của nông dân đối với cuộc đấu tranh của họ đòi ruộng đất, có thể có giá trị gì? Thực chất của những lý luận đó của phái dân tuý là hai "nguyên tắc": "nguyên tắc lao động" và "sự bình quân". Tính chất tiểu tư sản của những nguyên tắc đó là rất hiển nhiên, nó đã được sách báo mác-xít chứng minh rất thường xuyên và hết sức tỉ mỉ đến nỗi không cần phải nhắc lại ở đây nữa. Nhưng cần phải nêu lên một đặc điểm ở trong những "nguyên tắc" đó, cái đặc điểm mà cho đến nay những người dân chủ - xã hội Nga vẫn không đánh giá được đúng. Dưới một hình thức mơ hồ, những nguyên tắc đó đã *thật sự* thể hiện một cái gì thực tế và *tiến bộ* trong giờ phút lịch sử hiện nay. Tức là: những nguyên tắc đó biểu hiện cuộc đấu tranh huỷ diệt chống lại những đại điền trang nông nô.

Hãy nhìn qua sơ đồ nêu ở trên, cái sơ đồ chỉ ra sự tiến triển của chế độ ruộng đất ở ta bắt đầu từ giai đoạn hiện nay cho đến "mục đích tận cùng" của cuộc cách mạng tư sản hiện nay. Các bạn sẽ thấy rõ rằng tương lai "lúc đó" khác với "hiện tại" hiện nay ở chỗ có một "sự bình quân" triệt để hơn nhiều về chiếm hữu ruộng đất, ở chỗ có một sự phù hợp hơn rất nhiều giữa sự phân chia *mới* về ruộng đất với "nguyên tắc lao động". Và không phải ngẫu nhiên

mà có được như vậy. Trong một nước nông nghiệp mà sự phát triển tư sản của nó đang kéo nó ra khỏi chế độ phong kiến, thì không thể nào khác thế được. Không còn nghi ngờ gì nữa rằng trong một nước như thế thì việc xoá bỏ những đại điền trang nông nô là điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Và vì lối canh tác nhỏ chiếm ưu thế, nên sự xoá bỏ đó nhất định có nghĩa là một "sự bình quân" triệt để hơn về chiếm hữu ruộng đất. Trong khi phá vỡ những đại điền trang thời trung cổ, chủ nghĩa tư bản *bắt đầu* bằng một sự chiếm hữu ruộng đất "bình quân" hơn, biến nó thành một nền nông nghiệp mới lớn dựa trên cơ sở lao động làm thuê, máy móc và một trình độ kỹ thuật nông học cao, chứ không phải trên cơ sở những lao dịch và tình trạng nô dịch.

Sai lầm của tất cả những người dân tuý là ở chỗ cứ bo bo giữ tầm mắt hẹp hòi của người tiểu chủ, nên họ không thấy tính chất tư sản của những quan hệ xã hội mà người nông dân sẽ bước vào khi thoát khỏi chế độ nông nô. Họ biến "nguyên tắc lao động" của nền nông nghiệp *tiểu tư sản* và "sự bình quân" — một khẩu hiệu để đè bẹp những đại điền trang *nông nô* — thành một cái gì tuyệt đối, độc lập tự tại, có nghĩa là một chế độ đặc biệt, không tư sản.

Sai lầm của một số người mác-xít là ở chỗ trong khi phê phán *lý luận* của phái dân tuý, họ không thấy *nội dung* lịch sử thực sự, đã được lịch sử chứng minh của lý luận đó, *trong cuộc đấu tranh chống chế độ nông nô*. Họ phê phán và họ có lý khi phê phán "nguyên tắc lao động" và "sự bình quân" là *thứ chủ nghĩa xã hội* tiểu tư sản, lạc hậu, phản động, nhưng họ quên rằng những lý luận đó tiêu biểu cho *chủ nghĩa dân chủ* tiểu tư sản tiến bộ, cách mạng; rằng những lý luận đó là ngọn cờ cho cuộc đấu tranh kiên quyết nhất chống lại nước Nga phong kiến già cỗi. Tư tưởng bình đẳng là tư tưởng cách mạng nhất trong cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế cũ kỹ nói chung, và chống lại chế độ

chiếm hữu ruộng đất phong kiến lớn cũ kỹ nói riêng. Tư tưởng *bình đẳng* là chính đáng và tiến bộ đối với người nông dân tiểu tư sản vì tư tưởng đó tiêu biểu cho cuộc đấu tranh chống lại sự bất bình đẳng phong kiến, nông nô. Tư tưởng "bình quân" trong việc chiếm hữu ruộng đất là chính đáng và tiến bộ, vì nó tiêu biểu cho nguyện vọng của 10 triệu nông dân bị dồn vào cảnh chỉ có một mảnh bầy dê-xi-a-ti-na ruộng được chia và bị địa chủ làm phá sản, cái nguyện vọng muốn *chia** những đại điền trang nông nô mỗi cái rộng đến 2300 dê-xi-a-ti-na. Mà trong hoàn cảnh lịch sử hiện nay thì tư tưởng đó tiêu biểu *thật sự* cho một nguyện vọng như vậy, nó dẫn tới một cuộc cách mạng *tư sản* triệt để, nhưng vì lầm lẫn mà khoác cho sự kiện đó luận điệu mơ hồ, *giả danh xã hội chủ nghĩa*. Và sẽ là một nhà mác-xít tồi, nếu trong khi phê phán cái vỏ xã hội chủ nghĩa giả dối của những khẩu hiệu tư sản, lại không có khả năng thấy được giá trị lịch sử tiến bộ của những khẩu hiệu đó ở chỗ chúng là những khẩu hiệu *tư sản* kiên quyết nhất trong cuộc đấu tranh *chống lại chế độ nông nô*. Nội dung thật sự của cuộc cách mạng mà người dân tuý coi là một cuộc "xã hội hoá", sẽ là ở chỗ nó dọn đường một cách triệt để nhất cho chủ nghĩa tư bản, trừ bỏ một cách kiên quyết nhất chế độ nông nô. Sơ đồ mà tôi đã nêu ở trên kia chỉ ra chính là cái maximum có thể đạt được trong công cuộc xoá bỏ chế độ nông nô và cái maximum "sự bình quân" có thể thực hiện được. Người dân tuý nghĩ rằng "sự bình quân" đó sẽ gạt bỏ tính chất tư sản, nhưng thực ra nó chỉ *tiêu biểu* cho những nguyện vọng của giai cấp tư sản cấp tiến nhất. Và ngoài điều đó ra thì tất cả những gì mà "sự bình

* Đây không phải là chia để giao cho chiếm hữu, mà để sử dụng về mặt kinh doanh. Cách chia như thế là có thể thực hiện được với điều kiện tiến hành địa phương công hữu hoá cũng như nếu tiến hành quốc hữu hoá, — và thậm chí nó là không thể tránh được trong một thời gian nhất định khi lối canh tác nhỏ chiếm ưu thế.

quân" còn bao hàm thêm đều là *làn khói* tư tưởng, là ảo tưởng tiểu tư sản.

Nhận xét kém minh mẫn và phi lịch sử của một số người mác-xít Nga về ý nghĩa của những lý luận dân túy chủ nghĩa trong cuộc cách mạng tư sản Nga là do họ không suy nghĩ đến tác dụng của việc "tịch thu" ruộng đất của địa chủ, việc "tịch thu" mà họ đang bảo vệ. Chỉ cần nhận rõ cơ sở kinh tế của một cuộc cách mạng như thế trong những điều kiện chiếm hữu ruộng đất ở ta hiện nay là đủ để thấy không những tính chất ảo tưởng của những lý luận của chủ nghĩa dân túy mà còn thấy cả sự thật về cuộc đấu tranh chống chế độ nông nô, cái sự thật bị hạn chế bởi một nhiệm vụ lịch sử nhất định và biểu thị nội dung thực tế của những lý luận ảo tưởng đó.

5. HAI KIỂU PHÁT TRIỂN CỦA NÔNG NGHIỆP TƯ SẢN

Chúng ta hãy bàn tiếp. Chúng ta đã chỉ ra rằng những lý luận của phái dân túy, — những lý luận phi lý và phản động xét về mặt đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, chống lại giai cấp tư sản, — hoá ra là "hợp lý" (xét về mặt nhiệm vụ lịch sử đặc biệt) và tiến bộ trong cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống chế độ nông nô. Giờ đây, thử hỏi có nên hiểu sự suy sụp tất yếu của chế độ nông nô trong sự chiếm hữu ruộng đất ở Nga và trong toàn bộ chế độ xã hội Nga, tính tất yếu của cuộc cách mạng ruộng đất dân chủ - tư sản, theo ý nghĩa là cuộc cách mạng đó chỉ có thể diễn ra dưới một hình thức nhất định thôi không? hay nó có thể diễn ra dưới những hình thức khác nhau?

Vấn đề đó có một ý nghĩa cơ bản đối với việc đề xuất những quan điểm đúng đắn về cuộc cách mạng của chúng ta và về cương lĩnh ruộng đất dân chủ - xã hội. Và chúng ta phải giải đáp vấn đề đó trên cơ sở những số liệu đã nêu lên ở trên kia về cơ sở kinh tế của cuộc cách mạng.

Mấu chốt của cuộc đấu tranh là những đại điền trang nông nô — hiện thân nổi bật nhất và chỗ dựa vững chắc nhất của những tàn dư của chế độ nông nô ở nước Nga. Sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá và của chủ nghĩa tư bản không thể không chấm dứt và nhất định phải chấm dứt những tàn dư đó. Về mặt đó thì trước mặt nước Nga, *chỉ có một con đường* mà thôi, con đường phát triển tư sản.

Tuy nhiên, những hình thức phát triển đó có thể có hai kiểu. Những tàn dư của chế độ nông nô có thể biến mất theo con đường cải tổ những trang trại của địa chủ cũng như theo con đường xoá bỏ những đại điền trang nông nô, nghĩa là bằng cái cách hay bằng một cuộc cách mạng. Sự phát triển tư sản có thể tiếp tục quá trình của nó mà dẫn đầu là những trang trại lớn của địa chủ, những trang trại này dần dần trở thành tư sản hơn và dần dần thay thế những phương pháp bóc lột kiểu nông nô bằng những phương pháp tư sản; sự phát triển đó cũng có thể tiếp tục quá trình của nó mà dẫn đầu là những doanh nghiệp nhỏ của nông dân, những doanh nghiệp này dùng con đường cách mạng để xoá bỏ khỏi cơ thể xã hội cái "cục bấu" những đại điền trang nông nô, để sau đó phát triển tự do theo con đường những trang trại tư bản chủ nghĩa mà không cần đến những đại điền trang đó.

Hai con đường phát triển tư sản có thể có được một cách khách quan đó, chúng ta gọi là con đường kiểu Phổ và con đường kiểu Mỹ. Trong trường hợp thứ nhất, lối kinh doanh của địa chủ — chủ nô biến dần dần thành lối kinh doanh tư sản theo kiểu gioong-ke, đẩy nông dân vào cảnh phải chịu sự bóc lột tàn nhẫn nhất và ách nô dịch trong hàng chục năm, đồng thời làm nảy ra một số ít "grô-xơ-bau-ơ" ("phú nông"). Trong trường hợp thứ hai thì không có những điền trang của địa chủ hay những điền trang đó bị xoá bỏ vì cách mạng tịch thu và chia nhỏ những ruộng đất của lãnh chúa. Trong trường hợp này, người nông dân

chiếm ưu thế, trở thành người độc quyền nắm nông nghiệp và biến thành người phéc-mi-ê tư bản chủ nghĩa. Trong trường hợp thứ nhất, nội dung chủ yếu của sự phát triển là sự biến đổi của chế độ nông nô thành chế độ nô dịch và chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa trên những ruộng đất của phong kiến — của địa chủ — của bọn gioong-ke. Trong trường hợp thứ hai chủ yếu là sự biến đổi của người nông dân gia trưởng thành người phéc-mi-ê tư sản.

Lịch sử kinh tế của nước Nga cho ta thấy hết sức rõ hai kiểu phát triển đó. Hãy xét thời kỳ chế độ nông nô sụp đổ. Địa chủ và nông dân đấu tranh với nhau về phương thức thực hiện cuộc cải cách. Cả hai bên đều bảo vệ những điều kiện phát triển kinh tế tư sản (mà không nhận thức rõ điều đó) nhưng địa chủ thì tán thành một kiểu phát triển có thể bảo đảm duy trì được đến mức cao nhất những điền trang của địa chủ, những thu nhập của địa chủ, những phương thức bóc lột của địa chủ (những phương thức nô dịch). Còn nông dân thì tán thành một kiểu phát triển có thể bảo đảm đến mức tối đa — mức tối đa có thể có được với trình độ canh tác hiện hành — sự thịnh vượng của nông dân, việc xoá bỏ những đại điền trang của địa chủ, việc xoá bỏ tất cả những phương pháp bóc lột phong kiến và nô dịch, việc mở rộng quyền sở hữu tự do về ruộng đất của nông dân. Tất nhiên, với giải pháp sau, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và của lực lượng sản xuất sẽ rộng rãi hơn và *nhanh chóng hơn* là với giải pháp của địa chủ về cải cách nông thôn*. Chỉ có những người mác-xít đáng

* Trong tạp chí "Bình luận khoa học" (1900, tháng Năm - tháng Sáu), tôi đã viết về vấn đề này: "... *lúc giải phóng, nông dân càng lĩnh được nhiều ruộng đất và càng phải trả ít tiền để có được số ruộng đất ấy, thì chủ nghĩa tư bản ở Nga sẽ càng phát triển nhanh chóng, rộng lớn và tự do*, mức sống của dân cư sẽ càng cao, thị trường trong nước sẽ càng được mở rộng, việc áp dụng máy móc vào sản xuất sẽ càng nhanh chóng, tóm lại là, sự phát triển kinh tế của nước Nga sẽ càng giống sự

nực cười, giống kiểu mà những người dân tuý phản đối chủ nghĩa Mác mô tả một cách bôi bác, mới có thể xem việc tước ruộng đất của nông dân hồi 1861 là một sự bảo đảm cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Trái lại, việc đó chỉ có thể là, và trên thực tế nó đã là một sự đảm bảo cho việc phát canh một cách *nô dịch*, tức là phát canh kiểu nửa phong kiến, và là một sự đảm bảo cho cách kinh doanh bằng những đảm phụ lao động, tức là bằng lao dịch, cái cách kinh doanh đã kìm hãm một cách phi thường sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và sự lớn mạnh của lực lượng sản xuất trong nền nông nghiệp Nga. Cuộc đấu tranh về quyền lợi giữa nông dân và địa chủ không phải là cuộc đấu tranh của "nền sản xuất nhân dân" hay của "nguyên tắc lao động" chống lại giai cấp tư sản (như những người dân tuý ở ta trước nay vẫn tưởng), — đó là cuộc đấu tranh cho sự phát triển tư sản kiểu Mỹ chống sự phát triển kiểu Phổ cũng mang tính chất tư sản.

Và ở những địa phương nào trong nước Nga mà trước đây không có chế độ nông nô, nơi nào mà hoàn toàn hoặc chủ yếu chỉ có người nông dân tự do làm nông nghiệp (chẳng hạn như ở những cánh đồng cỏ — sau cải cách mới có

phát triển kinh tế của nước Mỹ. Tôi chỉ vạch ra hai trường hợp mà theo ý tôi, đã xác minh quan điểm này là đúng: 1) ở nước ta, tình trạng thiếu ruộng đất và thuế má nặng nề đã làm phát triển trên một phạm vi rất rộng việc dùng chế độ lao dịch để kinh doanh những trại ấp tư nhân, chế độ lao dịch đó tức là tàn dư trực tiếp của chế độ nông nô, chứ tuyệt nhiên không phải là chủ nghĩa tư bản; 2) chính là ở các miền biên cương nước ta, nơi hoàn toàn không có chế độ nông nô hoặc chế độ đó yếu hơn nhiều so với bất cứ một nơi nào khác, nơi mà nông dân đã ít khổ hơn cả vì cảnh thiếu ruộng đất, vì lao dịch và thuế má nặng nề, thì chính đó là nơi mà chủ nghĩa tư bản phát triển nhất trong nông nghiệp"¹⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3, tr. 790 - 791.

người ở — ở Da-vôn-gie, Nô-vô-rốt-xi-a, ở miền Bắc Cáp-ca-dơ) thì lực lượng sản xuất và chủ nghĩa tư bản phát triển vô cùng nhanh chóng hơn so với vùng trung tâm bị đè nặng bởi những tàn dư của chế độ nông nô*.

Nhưng nếu vùng trung tâm nông nghiệp của nước Nga và vùng ngoại vi nông nghiệp của nó cho chúng ta thấy có thể nói là một sự phân bố theo lãnh thổ hay theo địa lý những địa phương mà kiểu phát triển nông nghiệp này hay kiểu phát triển nông nghiệp nọ chiếm ưu thế, thì những nét chủ yếu của sự phát triển này hay của sự phát triển kia cũng xuất hiện rõ ràng trong *tất cả* những địa phương mà doanh nghiệp của địa chủ và doanh nghiệp của nông dân song song tồn tại. Một trong những sai lầm căn bản của những nhà kinh tế dân túy là chỉ coi kinh tế của địa chủ là nguồn gốc của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp; còn kinh tế nông dân thì họ xét nó theo quan điểm "nên sản xuất nhân dân" và "nguyên tắc lao động" (hiện nay phái lao động, những người "lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân" và những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng vẫn còn giữ cách nhìn đó). Chúng ta biết rằng như vậy là không đúng. Kinh tế địa chủ phát triển theo phương thức tư bản chủ nghĩa; nó dần dần thay thế lao dịch bằng "lao động làm thuê tự do", luân canh ba thửa bằng thâm canh, và những dụng cụ cổ lỗ của nông dân bằng những dụng cụ cải tiến của những trang trại tư nhân. Kinh tế nông dân *cũng phát*

* Về tầm quan trọng của những vùng ngoại vi ở Nga xét về phương diện là nơi nhằm để di dân trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thì tôi đã nói một cách chi tiết trong "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản" (Xanh Pê-téc-bua, 1899, tr. 185, 444 và các trang khác). Bản in lần thứ hai được phát hành vào năm 1908 ở Xanh Pê-téc-bua¹⁾. Sau này chúng ta sẽ lại bàn riêng về vấn đề tác dụng của những vùng ngoại vi trong vấn đề cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3, tr. 312 - 313, 707 - 711 và những trang khác.

triển theo phương thức tư bản chủ nghĩa và làm nảy sinh ra giai cấp tư sản nông thôn và giai cấp vô sản nông thôn. Điều kiện của "công xã"¹⁸⁷ càng thuận lợi, phúc lợi của nông dân nói chung càng lớn, — thì sự phân hoá đó trong nông dân thành những giai cấp đối lập với nhau trong nông nghiệp tư bản chủ nghĩa lại càng xảy ra *nhANH CHÓNG HƠN*. Như vậy là ở đâu cũng có hai khuynh hướng phát triển nông nghiệp. Cuộc đấu tranh về quyền lợi giữa nông dân và địa chủ, — cuộc đấu tranh nổi bật nhất trong toàn bộ lịch sử nước Nga sau cải cách và là cơ sở kinh tế quan trọng nhất của cuộc cách mạng ở nước ta, — là cuộc đấu tranh cho kiểu phát triển nông nghiệp tư sản này hay cho kiểu nọ.

Chỉ có nắm được sự khác nhau giữa hai kiểu đó và tính chất tư sản của cả hai kiểu thì chúng ta mới có thể giải thích đúng đắn được vấn đề ruộng đất trong cuộc cách mạng Nga và hiểu được ý nghĩa giai cấp của những cương lĩnh ruộng đất khác nhau do các đảng khác nhau đưa ra*.

* Sự lầm lẫn nào đôi lúc đã thống trị trong đầu óc những người dân chủ - xã hội Nga về hai con đường phát triển nông nghiệp tư sản ở Nga, đã được thấy rõ qua trường hợp của P. Ma-xlốp. Trong tờ "Học vấn" (1907, số 3), ông ta phân biệt hai con đường: 1) "chủ nghĩa tư bản đang phát triển"; 2) "cuộc đấu tranh vô ích chống lại sự phát triển kinh tế". "Con đường thứ nhất", — các bạn đã thấy chưa — "dẫn giai cấp công nhân và cùng với giai cấp đó, toàn thể xã hội, đến chủ nghĩa xã hội; con đường thứ hai đấy (!) giai cấp công nhân vào trong tay (!) giai cấp tư sản, vào một cuộc đấu tranh giữa các người chủ lớn và nhỏ, mà giai cấp công nhân sẽ không được gì ngoài những sự thất bại" (tr. 92). Một là, "con đường thứ hai" là một câu rỗng tuếch, một ước mơ, chứ không phải là một con đường; đó là một tư tưởng giả dối, chứ không phải là một khả năng thực tế của sự phát triển. Hai là, Ma-xlốp không thấy rằng Xtô-lư-pin và giai cấp tư sản cũng đưa nông dân đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, và như thế có nghĩa là cuộc đấu tranh thực tế không diễn ra xung quanh chủ nghĩa tư bản mà là xung quanh kiểu phát triển tư bản chủ nghĩa. Ba là, nếu cho rằng tương tự như ở Nga, có thể có một con đường nào đó sẽ không "đấy" giai cấp công nhân vào cảnh bị sự thống trị của giai cấp tư sản, thì

Chúng ta nhắc lại: mấu chốt của cuộc đấu tranh là những đại điền trang nông nô. Sự phát triển tư bản chủ nghĩa của những đại điền trang đó là điều không phải bàn cãi gì nữa, nhưng nó có thể được thực hiện bằng hai hình thức: hình thức xoá bỏ, thủ tiêu những đại điền trang đó bằng cách mạng do những nông dân phéc-mi-ê tiến hành; và hình thức chuyển dần dần những đại điền trang đó thành những cơ sở kinh doanh giống như những cơ sở của bọn gioong-ke (đồng thời biến một cách tương ứng người mu-gích bị nô dịch thành cố nông bị nô dịch).

6. HAI ĐƯỜNG LỐI CỦA CÁC CƯƠNG LĨNH RUỘNG ĐẤT TRONG CÁCH MẠNG

Nếu bây giờ chúng ta đem so sánh trên cơ sở kinh tế đã phác họa ra ở trên, những cương lĩnh ruộng đất mà các giai cấp khác nhau trong cuộc cách mạng đã đưa ra, thì tức khắc chúng ta sẽ thấy hai đường lối của những cương lĩnh đó, tương ứng với hai kiểu phát triển nông nghiệp mà chúng ta đã chỉ ra.

Hãy xét cương lĩnh của Xtô-lư-pin được các địa chủ phái hữu và phái thán Mươi tán thành. Đó rõ ràng là một cương lĩnh của các địa chủ. Nhưng liệu có thể nói rằng nó là phản động, xét về mặt kinh tế, nghĩa là nó loại trừ hay muốn loại trừ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản? muốn ngăn cản sự phát triển nông nghiệp tư sản? Dứt khoát không thể nói như thế được. Trái lại, đạo luật ruộng

nư thế là hoàn toàn phi lý... Bón là, cũng là phi lý nếu cho rằng có một "con đường" nào đó có thể tránh được cuộc đấu tranh giữa những người sở hữu lớn và nhỏ. Năm là, bằng những loại hình dùng cho toàn châu Âu (những người sở hữu lớn và nhỏ), Ma-xlốp đã làm lu mờ một đặc điểm lịch sử của nước Nga có tác dụng lớn lao trong cuộc cách mạng hiện nay: cuộc đấu tranh giữa những người sở hữu tiểu tư sản và những người sở hữu phong kiến lớn.

đất nổi tiếng của Xtô-lư-pin, theo điều 87, hoàn toàn thắm nhuần một tinh thần thuần túy tư sản. Không còn nghi ngờ gì nữa, đạo luật đó đi theo đường lối phát triển tư bản chủ nghĩa, nó làm dễ dàng, thúc đẩy sự phát triển đó tiến lên, đẩy nhanh việc tước đoạt nông dân, đẩy nhanh sự tan rã của công xã và việc tạo thành một giai cấp tư sản nông thôn. Đạo luật đó nhất định có tính chất tiến bộ theo ý nghĩa kinh tế học.

Như thế có nghĩa là những người dân chủ - xã hội phải "ủng hộ" đạo luật đó chăng? Không. Lập luận như thế thì chỉ có thể là chủ nghĩa Mác tầm thường mà mầm mống đã được gieo rắc quá nhiều bởi Plê-kha-nốp và những người men-sê-vích là những người đang ca tụng, hò hét, kêu gọi và tuyên bố rằng: phải ủng hộ giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh của họ chống lại trật tự cũ. Không. Vì lợi ích của sự phát triển lực lượng sản xuất (cái tiêu chuẩn tối cao đó của tiến bộ xã hội), chúng ta phải ủng hộ không phải sự phát triển tư sản theo kiểu địa chủ, mà là sự phát triển tư sản theo kiểu nông dân. Kiểu thứ nhất có nghĩa là duy trì đến cao độ tình trạng nô dịch và chế độ nông nô (sửa đổi lại theo lối tư sản), phát triển lực lượng sản xuất với một tốc độ chậm chạp nhất và phát triển từ từ chủ nghĩa tư bản; kiểu đó bao hàm những tai ương và những biến loạn, những sự bóc lột và đàn áp vô cùng to lớn hơn đối với quảng đại quần chúng nông dân, và do đó, đối với cả bản thân giai cấp vô sản nữa. Kiểu thứ hai có nghĩa là phát triển nhanh chóng nhất lực lượng sản xuất và những điều kiện tốt nhất (mà nói chung có thể có được trong phạm vi sản xuất hàng hoá) của đời sống của quần chúng nông dân. Điều quyết định sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng tư sản Nga không phải là sự ủng hộ giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, như những người cơ hội chủ nghĩa tưởng, mà là sự ủng hộ nông dân đang đấu tranh.

Hãy xét cương lĩnh của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, tức là cương lĩnh của những người dân chủ - lập hiến. Trung thành với châm ngôn: "ngài cần gì ạ?" (nghĩa là "các ngài địa chủ cần gì ạ?"), họ đưa ra một cương lĩnh trong Đu-ma I và một cương lĩnh khác trong Đu-ma II. Đối với họ, việc thay đổi cương lĩnh là một việc cũng dễ dàng và ít quan trọng như đối với tất cả những tên mưu cầu địa vị vô nguyên tắc của giai cấp tư sản ở châu Âu. Trong Đu-ma I, khi cách mạng tỏ ra mạnh, thì cương lĩnh của phái tự do mượn của cách mạng một mẫu về quốc hữu hoá ("quỹ ruộng đất của nhà nước"). Trong Đu-ma II, khi thế lực phản cách mạng tỏ ra mạnh, thì cương lĩnh của phái tự do vứt bỏ chủ trương quỹ ruộng đất của nhà nước, quay lại với ý kiến của Xtô-lư-pin về một sở hữu ổn định của nông dân, củng cố và tăng cường những trường hợp ngoại lệ của quy tắc chung về cưỡng bức chuyển nhượng ruộng đất của địa chủ. Nhưng cái trò hai mặt đó của phái tự do, chúng ta chỉ nói qua ở đây thôi. Ở đây cần chỉ rõ cái khác: nguyên tắc cơ bản *chung cho cả hai "mặt"* của cương lĩnh ruộng đất của phái tự do. Nguyên tắc cơ bản chung cho cả hai mặt đó là: 1) phải trả tiền chuộc; 2) duy trì những điền trang của địa chủ; 3) duy trì những đặc quyền đặc lợi của địa chủ khi thực hiện cải cách.

Tiền chuộc là một cống vật mà sự phát triển xã hội phải chịu, một cống vật trả cho những người có những đại điền trang nông nô. Tiền chuộc là sự thực hiện — được những cơ quan quan liêu và cảnh sát bảo đảm — những cách thức bóc lột phong kiến dưới hình thức một "vật ngang giá phổ biến" tư sản. Thứ nữa, trong hai bản cương lĩnh của những người dân chủ - lập hiến, người ta còn thấy chủ trương duy trì những doanh nghiệp của địa chủ trên *một mức độ nào đó*, mặc dù những chính khách tư sản có cố gắng thế nào đi nữa để che giấu không cho nhân dân biết cái

sự thật đó. Điểm thứ ba — những đặc quyền đặc lợi của các địa chủ khi thực hiện cuộc cải cách — đã được thể hiện hết sức chính xác qua thái độ của những người dân chủ - lập hiến trước cuộc bầu cử những uỷ ban ruộng đất địa phương trên cơ sở đầu phiếu phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín. Ở đây chúng ta không thể đi vào những chi tiết* thuộc về một đoạn khác trong bản thuyết trình của chúng ta. Ở đây chúng ta chỉ nên nói rõ *đường lối* của cương lĩnh ruộng đất của những người dân chủ - lập hiến.

* Xem biên bản của Đu-ma I, phiên họp thứ 14, ngày 24 tháng Năm 1906, trong phiên họp đó những người dân chủ - lập hiến Cô-cô-skin và Cốt-li-a-rép-xki sát cánh với người thuộc phái thặng Mười (thời kỳ đó) là Gây-đen, đã dùng những lời nguy hiểm ti tiện nhất để bác bỏ chủ trương về các uỷ ban ruộng đất địa phương. Trong Đu-ma II: những lời lẽ quanh co của người dân chủ - lập hiến Xa-vê-li-ép (phiên họp thứ 16, ngày 26 tháng Ba 1907) và cuộc đấu tranh công khai chống lại chủ trương về các uỷ ban địa phương của người dân chủ - lập hiến Ta-ta-ri-nốp (phiên họp thứ 24, ngày 9 tháng Tư 1907, tr. 1783 của biên bản tốc ký). Trên tờ "Ngôn luận", số 82, ngày 25 tháng Năm 1906, có bài xã luận tuyệt diệu đã được Mi-li-u-cốp in lại ("Một năm đấu tranh", số 117, tr. 457 - 459). Đây là đoạn chủ chốt trong bài của người thuộc phái thặng Mười cải trang đó: "Chúng tôi cho rằng thành lập những uỷ ban như thế bằng đầu phiếu phổ thông có nghĩa là chuẩn bị những uỷ ban đó không phải để nhằm giải quyết hoà bình vấn đề ruộng đất tại chỗ mà để nhằm một cái gì hoàn toàn khác hẳn. Phương hướng chung của cuộc cải cách phải ở trong tay nhà nước... Trong những tiểu ban địa phương phải có số đại biểu càng ngang nhau càng tốt (sic!) của các bên có những lợi ích đối lập nhau, các bên đó có thể thoả thuận với nhau mà không làm tổn hại đến ý nghĩa nhà nước của cuộc cải cách đang được tiến hành, và không biến cuộc cải cách đó thành một hành động bạo lực đơn phương..." (tr. 459). Trong tập hai cuốn "Vấn đề ruộng đất" của những người dân chủ - lập hiến, ông Cút-le đã công bố bản dự luật của ông ta, bản dự luật đó *đảm bảo* cho địa chủ cộng với viên chức *có nhiều* đại biểu *hơn* nông dân trong *tất cả* các tiểu ban và uỷ ban ruộng đất chủ yếu, của tỉnh hay của huyện (tr. 640 - 641), trong khi ông A. Tsúp-rốp, — một người thuộc "phái tự do" đấy! — lại bảo vệ về mặt nguyên tắc cũng cái kế hoạch lừa gạt nông dân, cái kế hoạch ghê tởm và mang tính chất địa chủ đó (tr. 33).

Và về mặt đó cần nêu lên rằng vấn đề thành phần của những uỷ ban ruộng đất địa phương có một tầm quan trọng về căn bản. Chỉ có những người ấu trĩ về chính trị mới có thể bị mê hoặc trước khẩu hiệu "cưỡng bức chuyển nhượng" của phái dân chủ - lập hiến. Vấn đề ở chỗ ai sẽ cưỡng bức ai: địa chủ cưỡng bức nông dân (phải trả giá đất gấp bội để chuộc lại những ruộng đất xấu), hay nông dân cưỡng bức địa chủ. Những bài diễn văn của những người dân chủ - lập hiến về "số đại biểu ngang nhau của các bên có những lợi ích đối lập nhau" và về sự không muốn có "bạo lực đơn phương" nói lên một cách hoàn toàn hiển nhiên thực chất của vấn đề, tức là trong việc cưỡng bức chuyển nhượng ruộng đất mà phái dân chủ - lập hiến đề ra thì địa chủ cưỡng bức nông dân!

Cương lĩnh ruộng đất của phái dân chủ - lập hiến đi theo con đường phát triển của Xtô-lư-pin, tức là của sự phát triển tư sản địa chủ. Đó là một sự thật. Không hiểu sự thật đó là sai lầm cơ bản của những người dân chủ - xã hội nào — giống như một số người men-sê-vích — có thể coi chính sách ruộng đất của phái dân chủ - lập hiến là tiến bộ hơn của phái dân tụy.

Ở những đại biểu của nông dân, tức là ở phái lao động, ở những người xã hội - dân tụy và một bộ phận những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, trong hai Đu-ma, mặc dù có nhiều ngập ngừng và do dự, chúng ta cũng thấy được một đường lối hoàn toàn rõ ràng nhằm bảo vệ lợi ích của nông dân chống lại địa chủ. Những sự do dự thể hiện rõ, chẳng hạn, trong vấn đề chuộc lại mà cương lĩnh của phái lao động đề ra, nhưng, một là, người ta thường coi vấn đề chuộc lại đó như cái gì có tính chất cứu tế xã hội đối với những địa chủ mất sức lao động*; hai là, các

* Xem "Văn tập "Tin tức của đại biểu nông dân" và "Nước Nga lao động"". Xanh Pê-téc-bua, 1906 - tập những bài viết trên các báo của

bạn có thể thấy trong biên bản của Đu-ma II cả một loạt diễn văn của nông dân vô cùng đặc sắc, bác bỏ tiền chuộc và tuyên bố khẩu hiệu: tất cả ruộng đất thuộc về toàn thể nhân dân**. Về vấn đề những uỷ ban ruộng đất địa phương — vấn đề rất quan trọng đó là vấn đề xem ai sẽ cưỡng bức ai, — các đại biểu nông dân đều là những người khởi xướng và là những người tán thành ý kiến bầu những uỷ ban đó bằng đầu phiếu phổ thông.

Lúc này chúng ta sẽ không nói đến vấn đề nội dung của cương lĩnh ruộng đất một bên là của phái lao động và những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, và một bên là của những người dân chủ - xã hội. Chúng ta phải thừa nhận trước hết cái sự thật không thể chối cãi được là những cương lĩnh ruộng đất của tất cả các đảng và các giai cấp đã công khai tham gia cuộc cách mạng Nga đều có thể chia một cách rành mạch thành hai kiểu chính, tương ứng với hai kiểu phát triển nông nghiệp tư sản. Con đường ranh giới giữa các cương lĩnh ruộng đất của "phái hữu" và "phái tả" không phải chạy qua giữa những người tháng Mười và những người dân chủ - lập hiến, như là những người men-sê-vích (là những người tự để cho những tiếng ồn ào của những lời nói "dân chủ - lập hiến" làm cho chối tai, và đem việc phân tích những tên gọi của các đảng thay cho việc

phái lao động trong Đu-ma I, chẳng hạn, bài báo nhan đề "Tiền bồi thường chứ không phải tiền chuộc" (tr. 44 - 49) và nhiều bài khác.

** Xem diễn văn đọc tại Đu-ma II của Pê-tơ-rô-tsen-cô, một nông dân thuộc phái hữu (phiên họp thứ 22, ngày 5 tháng Tư 1907): người ta nói Cút-le đã đưa ra những điều kiện tốt... "Tất nhiên, ông ta là một người giàu có, ông ta đã đòi quá đắt, và chúng tôi, những nông dân nghèo, chúng tôi không thể trả như thế được" (tr. 1616). Người nông dân thuộc phái hữu thì lại tả hơn nhà chính khách tư sản chơi cái trò chủ nghĩa tự do. Xem cả diễn văn của Xê-mê-nốp, một nông dân không đảng phái (ngày 12 tháng Tư 1907), diễn văn biểu lộ cuộc đấu tranh cách mạng tự phát của nông dân, và nhiều bài khác.

phân tích giai cấp) thường ước đoán một cách hoàn toàn sai lầm. Con đường ranh giới chạy qua giữa những người dân chủ - lập hiến và những người thuộc phái lao động. Cái quy định con đường đó là *những lợi ích của hai giai cấp chính* trong xã hội Nga đang đấu tranh đòi ruộng đất: địa chủ và nông dân. Những người dân chủ - lập hiến muốn duy trì chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và bảo vệ sự phát triển văn minh, mang tính chất châu Âu, tính chất tư sản nhưng lại là *của địa chủ*, trong nông nghiệp. Phái lao động (và cả những đại biểu công nhân dân chủ - xã hội), nghĩa là những đại biểu của nông dân và của giai cấp vô sản, bảo vệ sự phát triển tư sản *nông dân* của nông nghiệp.

Cần phải phân biệt một cách nghiêm ngặt cái vỏ tư tưởng của những cương lĩnh ruộng đất, những chi tiết khác nhau về chính trị của những cương lĩnh đó, v.v., với cái cơ sở kinh tế của những cương lĩnh đó. Cái khó khăn bây giờ không phải là việc hiểu cái tính chất tư sản của những yêu sách và những cương lĩnh ruộng đất của địa chủ *và của nông dân*: công việc đó đã được những người mác-xít hoàn thành trước cuộc cách mạng rồi, và cuộc cách mạng đã khẳng định sự đúng đắn về cách giải thích của họ. Cái khó khăn là nhận thức đầy đủ rằng cuộc đấu tranh của hai giai cấp *trên miếng đất* của xã hội tư sản và của sự phát triển tư sản, dựa trên cơ sở nào. Không thể hiểu được cuộc đấu tranh đó, như là một hiện tượng xã hội bình thường, nếu không quy nó thành khuynh hướng khách quan của sự phát triển kinh tế của nước Nga tư bản chủ nghĩa.

Bây giờ, sau khi đã chỉ rõ mối liên hệ giữa hai kiểu cương lĩnh ruộng đất trong cách mạng Nga và hai kiểu phát triển nông nghiệp tư sản, chúng ta phải chuyển sang xem xét một phương diện mới, cực kỳ quan trọng của vấn đề.

7. DIỆN TÍCH RUỘNG ĐẤT Ở NGA. VẤN ĐỀ KHAI KHẨN RUỘNG ĐẤT

Trên kia chúng ta đã nói rằng trong vấn đề chủ nghĩa tư bản ở Nga, sự phân tích kinh tế khiến chúng ta phải phân biệt vùng trung tâm nông nghiệp đầy dẫy những tàn dư của chế độ nông nô, với vùng ngoại vi của đất nước không có hay ít có những tàn dư đó và ở đó có những nét phát triển tư bản chủ nghĩa của nông dân tự do.

Thế thì nên hiểu như thế nào là vùng ngoại vi? Hiển nhiên là những ruộng đất không có người ở, hay hầu như không có người ở, hầu như chưa được sử dụng vào nông nghiệp. Và bây giờ chúng ta phải chuyển từ phần nước Nga thuộc châu Âu sang toàn bộ đế quốc Nga để có được một ý niệm chính xác về những vùng "ngoại vi" đó và về giá trị kinh tế của những vùng đó.

Trong cuốn sách mỏng "Nước Nga có bao nhiêu ruộng đất và chúng ta sử dụng nó như thế nào?" (Mát-xcơ-va, 1907) của các ông Prô-cô-pô-vích và Méc-tva-gô, Méc-tva-gô cố tổng cộng tất cả những số liệu thống kê hiện có trong sách báo viết về số lượng ruộng đất trong *toàn bộ* nước Nga và về việc sử dụng để sản xuất số ruộng đất mà chúng ta được biết. Để được sáng tỏ hơn, chúng ta nêu những con số của ngài Méc-tva-gô lên thành một biểu đồ, và chúng ta thêm vào đó những số liệu về dân cư theo bản điều tra năm 1897¹⁾.

Những con số đó chỉ rõ diện tích ruộng đất ở Nga rộng bao la biết bao, và chúng ta hiểu biết ít biết bao về ruộng đất ở các vùng ngoại vi và về giá trị kinh tế của ruộng đất đó. Dĩ nhiên, sẽ là một điều sai lầm căn bản nếu cho rằng những ruộng đất đó, ngay hiện nay và trong tình trạng hiện nay của chúng, có thể dùng để thoả mãn nhu cầu ruộng đất của nông dân Nga. Tất cả những tính toán kiểu đó mà

1) Xem biểu đồ ở trang 281.

những nhà văn phản động* thường làm đều không có một giá trị khoa học nào cả. Về mặt đó, ông A. A. Cau-phman đã hoàn toàn có lý khi ông ta chế nhạo việc tìm kiếm những đất đai bỏ không để di dân trên cơ sở những tài liệu về số lượng véc-xta vuông. Chắc chắn rằng ông ta cũng hoàn toàn có lý khi chỉ ra rằng hiện nay ruộng đất ở vùng ngoại vi nước Nga có thể dùng để di dân được thì ít ỏi biết bao, và ý kiến cho rằng có thể sửa chữa tình trạng người nông dân Nga thiếu ruộng đất bằng cách di dân là sai lầm biết bao**.

Nhưng những luận cứ đúng đắn đó của ông Cau-phman thuộc phái tự do có một sai lầm hết sức căn bản. Ông Cau-phman luận lý như sau: "Với cách lựa chọn những người di dân hiện nay, với mức độ phúc lợi của họ hiện nay, với trình độ canh tác của họ hiện nay" (sách đã dẫn, tr. 129), thì ruộng đất để thoả mãn nhu cầu của nông dân Nga bằng cách di dân là chắc chắn không đủ. Do đó, — ông ta kết luận để bảo vệ cương lĩnh ruộng đất của phái dân chủ - lập hiến — phải cưỡng bức chuyển nhượng ruộng đất của tư nhân ở phần nước Nga thuộc châu Âu.

Đó là lý luận thường dùng của những nhà kinh tế phái tự do và phái tự do - dân túy ở nước ta. Lý luận đó đã

* Và cả những nghị sĩ phản động nữa. Trong Đu-ma II, Tê-tê-rê-ven-cốp, đảng viên Đảng tháng Mười, đã dẫn ra những con số lấy ở những công trình nghiên cứu của Séc-bi-na về 65 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất ở Vùng đồng cỏ và những con số về diện tích ruộng đất ở An-tai — 39 triệu đê-xi-a-ti-na — để chứng minh rằng việc cưỡng bức chuyển nhượng ruộng đất ở phần nước Nga thuộc châu Âu là vô ích. Đó là một người tư sản điển hình đang thích ứng với tên địa chủ - chủ nô để đạt đến sự "tiến bộ" chung theo tinh thần của Xtô-lư-pin (biên bản tốc ký của Đu-ma II, phiên họp thứ 39, ngày 16 tháng Năm 1907, tr. 658-661).

** "Vấn đề ruộng đất" do Đôn-gô-ru-cốp và Pê-tơ-run-kê-vích xuất bản, t. I, bài báo của ông Cau-phman: "Di dân và tác dụng của nó trong cương lĩnh ruộng đất". Ngoài ra, xem cuốn sách của cùng một tác giả: "Di dân và khai khẩn ruộng đất", Xanh Pê-téc-bua, 1905.

	Diện tích ruộng đất trong toàn bộ nước Nga							Dân số theo cuộc điều tra năm 1897		
	Tổng cộng		Trong đó		Trong đó đất nông nghiệp			Tổng cộng (đơn vị nghìn)	Trong mỗi véc-xta ruộng	
	Véc-xta ruộng (đơn vị nghìn)	Đê-xi-a-ti-na (đơn vị triệu)	Ruộng đất không có số liệu	Ruộng đất có đăng ký	Ruộng đất canh tác	Đồng cỏ	Rừng rú			Tổng cộng
10 tỉnh của Vương quốc Ba-lan	111,6	11,6	-	11,6	7,4	0,9	2,5	10,8	9 402,2	84,3
38 tỉnh phía Tây Vôn-ga	1 755,6	183,0	-	183,0	93,6	18,7	34,0	146,3	-	-
12 tỉnh phía Bắc và Đông Vôn-ga	2 474,9	258,0	-	258,0	22,3	7,1	132,0	161,4	-	-
Tổng cộng ở 50 tỉnh trong phần nước Nga thuộc châu Âu	4 230,5	441,0	-	441,0	115,9	25,8	166,0	307,7	93 422,9	22,1
Cáp-ca-dơ	411,7	42,9	22,1	20,8	6,5	2,2	2,5	11,2	9 289,4	22,6
Xi-bi-ri	10 966,1	1 142,6	639,7	502,9	4,3	3,9	121,0	129,2	5 758,8	0,5
Trung Á	3 141,6	327,3	157,4	169,9	0,9	1,6	8,0	10,5	7 746,7	2,5
Tổng cộng ở phần nước Nga thuộc châu Á	14 519,4	1 512,8	819,2	693,6	11,7	7,7	131,5	150,9	-	-
Tổng cộng ở đế quốc Nga*	18 861,5	1 965,4	819,2	1 146,2	135,0	34,4	300,0	469,4	125 640,0	6,7

* Không kể Phần-lan.

khiến người ta có thể rút ra kết luận này: nếu có một số lượng ruộng đất đủ cho việc di dân, thì có thể không đụng đến những đại điền trang nông nô! Các ngài dân chủ - lập hiến và những chính khách tương tự khác, thậm chí đầy đủ tinh thần của một viên chức thiện chí, định đặt mình lên trên mọi giai cấp, đứng trên cuộc đấu tranh giai cấp. Nếu phải xoá bỏ những đại điền trang nông nô thì tuyệt nhiên không phải vì các đại điền trang đó có nghĩa là sự bóc lột phong kiến đối với hàng triệu người trong dân cư địa phương, là sự nô dịch đối với dân cư đó và là sự kìm hãm đối với việc phát triển lực lượng sản xuất, mà là vì hiện nay không thể đưa hàng triệu gia đình đi đến, chẳng hạn, Xi-bi-ri hay Tuốc-ke-xtan! Trọng tâm không phải là ở tính chất giai cấp phong kiến của những đại điền trang ở Nga, mà là ở khả năng có thể hoà giải các giai cấp, có thể thoả mãn người mu-gích mà không đụng đến quyền lợi của địa chủ, tóm lại, trọng tâm là ở khả năng đem lại nền "hoà bình xã hội" nổi tiếng.

Lý luận của ông Cau-phman và của số đông trí thức Nga tán thành ông ta cần phải được đảo ngược lại thì mới là đúng. Vì người nông dân Nga bị các đại điền trang nông nô đè bẹp, *cho nên* việc phân bố tự do dân cư trên lãnh thổ nước Nga cũng như việc sử dụng hợp lý về mặt kinh tế số ruộng đất ở vùng ngoại vi nước Nga đều vô cùng chậm trễ. Vì những đại điền trang nông nô kìm hãm nông dân Nga trong tình trạng khiếm nhược và thông qua những lao dịch và sự nô dịch mà duy trì mãi những phương pháp và cách thức canh tác ruộng đất lạc hậu nhất, *cho nên* sự tiến bộ về kỹ thuật cũng như sự tiến bộ về tri thức của quần chúng nông dân, sự phát triển tính chủ động của họ, trình độ giáo dục, những sáng kiến của họ, cần thiết cho việc sử dụng về mặt kinh tế một số ruộng đất lấy ở những ruộng đất dự trữ của nước Nga vô cùng lớn hơn số ruộng đất hiện nay chúng ta đang sử dụng, — tất cả những cái đó đều

trở nên khó khăn. Vì những đại điền trang nông nô và tình trạng nô dịch tồn tại trong nông nghiệp cũng có nghĩa là một kiến trúc thượng tầng chính trị tương ứng, là sự thống trị của tên địa chủ Trăm đen trong nhà nước, là tình trạng vô quyền của nhân dân, là sự sử dụng rộng rãi những phương pháp cai trị của Guốc-cô và Lít-van⁸⁸ vân vân và vân vân.

Những đại điền trang nông nô ở vùng trung tâm nông nghiệp của nước Nga đang ảnh hưởng hết sức xấu đến toàn bộ chế độ xã hội, đến toàn bộ sự phát triển xã hội, đến toàn bộ tình hình nông nghiệp và đến mức sống của quần chúng nông dân, điều đó mọi người đều biết. Ở đây tôi chỉ viện dẫn số sách báo kinh tế Nga hết sức phong phú đã chứng minh rằng lao dịch, nô dịch, địa tô cắt cổ, "thuê người làm trong mùa đông", và những "cảnh đẹp" của thời trung cổ đang thống trị ở miền trung tâm nước Nga*.

Sự sụp đổ của chế độ nông nô đã gây nên những điều kiện mà (như tôi đã vạch ra một cách tỉ mỉ trong cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản") dân cư *đã chạy trốn* từ tung khỏi cái què hương của bọn địa chủ cuối cùng bám lấy chế độ nông nô. Từ miền nông nghiệp trung tâm, dân cư đã trốn về những tỉnh công nghiệp, về những tỉnh lỵ, về những vùng ngoại vi ở phía Nam và phía Đông phần nước Nga thuộc châu Âu, di cư đến những vùng đất đai xưa nay chưa từng có người ở. Trong cuốn sách mỏng mà tôi đã nêu lên, ông Méc-tva-gô, ngoài những vấn đề khác ra, đã lưu ý người ta một cách rất đúng rằng khái niệm ruộng đất không dùng để canh tác được có thể được thay đổi nhanh chóng:

* Xem "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản", chương III, nói về bước quá độ từ kinh tế điều dịch sang kinh tế tư bản chủ nghĩa, và về việc sử dụng phổ biến chế độ lao dịch¹⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3, tr. 227-306.

"Những đồng cỏ ở Ta-vrích, — ông ta viết, — "do khí hậu ở đó và do thiếu nước, nên *luôn luôn* là những vùng nghèo nhất và ít thuận lợi nhất cho việc canh tác". Năm 1845, những nhà quan sát thiên nhiên thuộc loại có uy tín như những nhà hàn lâm Be-rơ và Ghen-méc-xen, đã nói như vậy. Hồi đó dân số của tỉnh Ta-vrích ít hơn dân số hiện nay hai lần; tỉnh đó đã sản xuất ra 1,8 triệu tsét-véc¹⁾ ngũ cốc đủ các loại... Ngày nay, sau 60 năm, dân số tăng gấp đôi, và năm 1903 đã sản xuất ra 17,6 triệu tsét-véc, tức nhiều hơn gần mười lần" (tr. 24).

Điều đó là đúng không những đối với tỉnh Ta-vrích, mà đối với cả một loạt tỉnh ở ngoại vi phía Nam và phía Đông phần nước Nga thuộc châu Âu. Trong những năm 60 và 70 của thế kỷ XIX, những tỉnh đồng cỏ ở phía Nam cũng như những tỉnh đồng cỏ ở Da-vôn-gie đã thua kém những tỉnh có đất đen ở vùng trung tâm về mặt sản xuất lúa mì, nhưng vào những năm 80 của thế kỷ XIX *đã vượt* những tỉnh này ("Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản", tr. 186)²⁾. Từ 1863 đến 1897, dân số của toàn bộ phần nước Nga thuộc châu Âu đã tăng lên 53%, trong đó dân cư nông thôn tăng 48%, dân cư thành thị tăng 97%; cũng trong thời gian đó ở Nô-vô-rốt-xi-xcơ, ở các tỉnh thuộc vùng hạ lưu sông Vôn-ga và miền Đông, dân số đã tăng lên 92%, trong đó dân cư nông thôn tăng 87%, dân cư thành thị tăng 134% (sách đã dẫn, tr. 446)³⁾.

"Chúng ta không nghi ngờ gì rằng, — ngài Méc-tva-gô viết tiếp, — sự đánh giá hiện nay của các viên chức về ý nghĩa kinh tế của số ruộng đất dự trữ ở nước ta cũng sai sót chẳng kém gì sự đánh giá của Be-rơ và Ghen-méc-xen về tỉnh Ta-vrích năm 1845" (sách đã dẫn).

Điều đó đúng. Nhưng ông Méc-tva-gô không nhận thấy *nguồn gốc* những sai lầm của Be-rơ, những sai lầm của tất cả sự đánh giá của các viên chức. Nguồn gốc những sai

1) — đơn vị đo lường cũ ở Nga, bằng 209,91 lít.

2) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3, tr. 312 - 313.

3) Như trên, tr. 710 - 711.

lầm đó như sau: người ta tính đến trình độ kỹ thuật và canh tác hiện nay nhưng lại bỏ qua sự tiến bộ của trình độ đó. Be-rơ và Ghen-méc-xen đã không đoán trước được rằng *sau khi chế độ nông nô sụp đổ*, thì có thể có những sự thay đổi trong kỹ thuật. Và hiện nay chắc chắn là một sự phát triển rất mạnh về lực lượng sản xuất, một sự nâng cao rất nhiều về trình độ kỹ thuật và trình độ canh tác nhất định sẽ diễn ra *tiếp theo sau sự sụp đổ của các đại điền trang nông nô ở phần nước Nga thuộc châu Âu*.

Mặt đó của vấn đề đã bị nhiều người bỏ qua một cách sai lầm khi xem xét vấn đề ruộng đất ở Nga. Tạo ra ở phần nước Nga thuộc châu Âu một giai cấp nông dân thực sự tự do, hoàn toàn được giải phóng khỏi ách nông nô là điều kiện để sử dụng rộng rãi số ruộng đất để khai khẩn rộng bao la của nước Nga. Sở dĩ hiện nay phần rất lớn số ruộng đất dự trữ đó không sử dụng được thì không phải do những tính chất *tự nhiên* của những ruộng đất này nọ ở vùng ngoại vi, mà là vì những tính chất *xã hội* của nền nông nghiệp ở nước Nga chính cống, những tính chất đang đẩy nền kỹ thuật vào tình trạng trì trệ và đẩy nhân dân vào tình trạng mất quyền, khiếp nhược, ngu muội, bất lực.

Chính cái khía cạnh vô cùng quan trọng đó của vấn đề đã bị ông Cau-phman bỏ qua khi ông ta tuyên bố: "Tôi xin nói trước rằng tôi không biết liệu người ta có thể di cư một, ba hay mười triệu người" (sách đã dẫn, tr. 128). Ông ta chỉ ra rằng, cái khái niệm đất không thể sử dụng được là tương đối. "Những đất có chất muối không những không phải là những đất không thu lợi được, mà nhờ một số biện pháp kỹ thuật nào đó, nó có thể trở thành rất phì nhiêu" (tr. 129). Ở Tuốc-ke-xtan, nơi mà mật độ dân số là 3,6 người trên mỗi véc-xta vuông, có "những diện tích rộng lớn không có người ở" (tr. 137). "Đất đai của nhiều "sa mạc đói" ở Tuốc-ke-xtan được cấu thành bởi thứ hoàng thổ trứ danh của vùng Trung Á, mà được tưới nước đầy

đủ thì loại đất đó sẽ có một độ phì nhiêu cao... Còn vấn đề có ruộng đất có thể tưới nước được hay không thì thậm chí không nên đặt ra: chỉ cần đi qua bất cứ nơi nào trên vùng này cũng đủ thấy những di tích của nhiều thị trấn và thành phố bị bỏ đi từ hàng trăm năm nay, và xung quanh thường có những hệ thống mương máng xưa kia vẫn dùng để tưới nước trên một khoảng rộng hàng chục véc-xta vuông; tổng số diện tích những sa mạc hoang thổ đang chờ đợi được tưới nước một cách nhân tạo, chắc chắn rộng tới hàng triệu ê-xi-a-ti-na" (sách đã dẫn, tr. 137).

Hàng triệu ê-xi-a-ti-na đó ở Tuốc-ke-xtan và ở nhiều nơi khác trong nước Nga đang "chờ đợi" sự tưới nước và mọi cách chăm bón đất, chúng cũng "chờ đợi" việc giải phóng dân cư nông nghiệp Nga khỏi những tàn dư nông nô, khỏi ách những đại điền trang của bọn quý tộc, khỏi nền độc tài cực kỳ phản động trong nước.

Không cần phải đoán xem ở Nga có bao nhiêu đất đai "không sử dụng được" có thể biến thành đất đai sử dụng được. Nhưng phải thấy rõ cái sự thật đã được toàn bộ lịch sử kinh tế của nước Nga chứng minh và là một nét nổi bật của cuộc cách mạng tư sản Nga: nước Nga có số ruộng đất để khai khẩn rất bao la, nó sẽ được nhân dân dùng vào nông nghiệp không những cùng với mỗi bước tiến bộ của kỹ thuật nông nghiệp nói chung mà còn cùng với mỗi bước tiến bộ được thực hiện nhằm giải phóng nông dân Nga khỏi ách nông nô.

Điều này là cơ sở kinh tế của sự phát triển tư sản của nông nghiệp Nga theo kiểu Mỹ. Ở những nước Tây Âu, mà những người mác-xít ở ta rất hay dẫn ra trong những sự so sánh không hợp lý và rập khuôn của họ, — trong thời kỳ cách mạng dân chủ - tư sản, thì toàn bộ lãnh thổ đã bị chiếm cứ hết rồi. Mỗi bước tiến bộ của kỹ thuật nông nghiệp chỉ có điểm mới này là: bước tiến bộ đó đem lại khả năng ngày càng đầu tư thêm được lao động và vốn

vào ruộng đất. Ở Nga, cách mạng dân chủ - tư sản đang hoàn thành trong những điều kiện mà mỗi bước tiến lên của kỹ thuật nông nghiệp và mỗi bước tiến lên của sự phát triển của nền tự do thực sự của nhân dân, sẽ tạo nên không những khả năng đầu tư thêm lao động và tư bản vào ruộng đất cũ, mà còn cả khả năng sử dụng số lượng "vô hạn" ruộng đất mới ở vùng lân cận.

8. TÓM TẮT NHỮNG KẾT LUẬN KINH TẾ CỦA CHƯƠNG THỨ NHẤT

Chúng ta hãy tóm tắt những kết luận kinh tế phải được dùng để mở đầu cho việc xem xét lại vấn đề cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội.

Chúng ta thấy rằng các đại điền trang nông nô là "máu chốt" của cuộc đấu tranh đòi ruộng đất trong cuộc cách mạng của chúng ta. Cuộc đấu tranh của nông dân đòi ruộng đất trước hết và điều lớn hơn cả là đấu tranh đòi huỷ bỏ những đại điền trang đó. Sự huỷ bỏ và sự chuyển toàn bộ những đại điền trang đó vào tay nông dân chắc chắn có nghĩa là nền nông nghiệp Nga đi theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Con đường phát triển đó sẽ có nghĩa là sự phát triển lực lượng sản xuất nhanh chóng nhất, là những điều kiện lao động tốt nhất đối với quần chúng nhân dân, là sự phát triển nhanh nhất của chủ nghĩa tư bản đi đôi với việc biến những nông dân tự do thành những người phéc-mi-ê. Nhưng có thể có một con đường phát triển tư sản khác của nền nông nghiệp: duy trì những cơ sở kinh doanh của địa chủ và những điền trang lớn, dần dần biến chúng từ những cơ sở kinh doanh nông nô - nô dịch thành những cơ sở kinh doanh theo kiểu của gioong-ke. Chính hai kiểu phát triển tư sản có thể có được đó là cơ sở của hai loại cương lĩnh ruộng đất mà những giai cấp khác nhau đã đề ra trong cách mạng Nga. Ngoài ra, đặc điểm

của nước Nga, — đặc điểm đó là một trong những cơ sở kinh tế để có thể tiến hành sự phát triển kiểu "Mỹ", — là ở chỗ nước Nga có được số đất đai để khai khẩn rộng bao la. Nó hoàn toàn không thể sử dụng được để giải phóng nông dân Nga khỏi ách nông nô ở phần nước Nga thuộc châu Âu, nhưng nông dân càng được tự do hơn trong nước Nga chính cống và lực lượng sản xuất càng được phát triển mạnh mẽ hơn thì số đất đai đó càng được mở rộng hơn và cũng càng được đem sử dụng nhiều hơn.

CHƯƠNG II

CÁC CƯƠNG LĨNH RUỘNG ĐẤT CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA VÀ SỰ KIỂM NGHIỆM CHÚNG QUA CUỘC CÁCH MẠNG LẦN THỨ NHẤT

Chúng ta hãy chuyển sang nghiên cứu cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội. Tôi đã miêu tả những giai đoạn lịch sử chủ yếu trong sự phát triển của những quan điểm của những người dân chủ - xã hội Nga về vấn đề ruộng đất trong tiết I của cuốn: "Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân"¹⁾. Chúng ta cần nói kỹ hơn một chút đến vấn đề sau đây: sai lầm của những cương lĩnh ruộng đất trước đây của những người dân chủ - xã hội Nga, tức là những cương lĩnh năm 1885 và 1903, là ở chỗ nào?

1. SAI LẦM CỦA CƯƠNG LĨNH RUỘNG ĐẤT TRƯỚC ĐÂY CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA LÀ Ở CHỖ NÀO?

Trong dự án của nhóm "Giải phóng lao động" xuất bản năm 1885, cương lĩnh ruộng đất đã được trình bày như sau:

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 283 - 290.

"Phải sửa đổi lại căn bản chế độ ruộng đất ở nước ta, tức là sửa đổi lại những điều kiện chuộc lại ruộng đất và những điều kiện cấp phần đất cho công xã nông dân. Phải ban bố quyền từ bỏ những phần đất được chia và quyền ra khỏi công xã cho những nông dân nào thấy rằng làm như thế là có lợi cho họ, v.v."

Chỉ có thế thôi. Sai lầm của cương lĩnh đó tuyệt nhiên không phải vì ở đó có những nguyên tắc hay những yêu sách cục bộ không đúng. Không. Những nguyên tắc của nó đúng, và cái yêu sách cục bộ duy nhất mà nó nêu lên (quyền từ bỏ phần đất được chia) thì hiển nhiên đến nỗi hiện nay yêu sách đó đã được đạo luật độc đáo của Xtô-lư-pin thoả mãn rồi. Sai lầm của cương lĩnh đó là tính chất trừu tượng của nó, là không có một quan điểm cụ thể nào về đối tượng. Nói cho đúng ra, đó không phải là một cương lĩnh, đó là một bản tuyên bố mác-xít rất chung chung. Dĩ nhiên, thật vô lý nếu vì sai lầm đó mà lại đi trách cứ những tác giả của cương lĩnh, là những người lần đầu tiên trình bày một số nguyên tắc nhất định trước khi thành lập đảng của công nhân khá lâu. Trái lại, phải đặc biệt nhấn mạnh rằng trước cuộc cách mạng Nga hai mươi năm, cương lĩnh đó đã thừa nhận tính chất tất yếu của việc "sửa đổi lại căn bản" vấn đề cải cách nông dân.

Về mặt lý luận, cương lĩnh đáng lẽ cần được phát triển thêm phần giải thích về những cơ sở kinh tế của cương lĩnh ruộng đất của chúng ta là gì, về yêu cầu của việc sửa đổi lại *căn bản* — khác với việc sửa đổi lại không căn bản, cải lương — có thể và phải dựa trên cái gì, và cuối cùng nó phải đưa ra được một định nghĩa cụ thể về nội dung của việc sửa đổi lại đó theo quan điểm của giai cấp vô sản (khác về bản chất với quan điểm cấp tiến nói chung). Về mặt thực tiễn, cương lĩnh cần được phát triển thêm nhờ việc tính đến *kinh nghiệm* của phong trào nông dân. Không có kinh nghiệm của phong trào quần chúng, và thậm chí hơn

nữa, của phong trào nông dân trong phạm vi toàn quốc, thì cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội *không thể* trở thành cụ thể được, vì vấn đề xét xem nông dân ở ta đã phân hoá theo hướng tư bản chủ nghĩa đến mức nào rồi, giai cấp đó có khả năng đến mức nào trong việc hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ - tư sản, vấn đề đó rất khó hay không thể giải quyết được nếu chỉ dựa trên cơ sở những luận lý hoàn toàn lý thuyết.

Năm 1903, khi Đại hội II của đảng ta đã thông qua cương lĩnh ruộng đất đầu tiên của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, chúng ta cũng còn chưa có được một kinh nghiệm như thế về tính chất, quy mô và chiều sâu của phong trào nông dân. Những cuộc nổi dậy của nông dân ở miền Nam nước Nga hồi mùa xuân 1902, vẫn chỉ là những cuộc nổi dậy lẻ loi mà thôi. Do đó, tất nhiên, những người dân chủ - xã hội vẫn có thái độ dè dặt trong việc khởi thảo cương lĩnh ruộng đất: "soạn ra" cương lĩnh đó cho xã hội tư sản không phải là công việc của giai cấp vô sản. Và cho đến lúc đó, người ta vẫn chưa biết rằng phong trào nông dân chống lại những tàn dư của chế độ nông nô, phong trào đang được giai cấp vô sản ủng hộ, đứng ra có thể phát triển được đến mức nào.

Cương lĩnh năm 1903 định xác định một cách cụ thể nội dung và những điều kiện của việc "sửa đổi lại" mà những người dân chủ - xã hội đã nói đến năm 1885 một cách chung chung. Ý định đó — trong điểm chủ yếu của cương lĩnh nói về "những phần đất bị cắt" — được căn cứ vào việc tách một cách ước chừng những ruộng đất dùng để bóc lột theo kiểu nông nô - nô dịch ("ruộng đất cắt của nông dân năm 1861") khỏi những ruộng đất được khai thác theo kiểu tư bản chủ nghĩa. Việc tách một cách ước chừng như thế là hoàn toàn sai, vì trong thực tế phong trào quần chúng nông dân không thể chĩa vào những loại ruộng đất đặc biệt của địa chủ, mà chỉ chĩa vào quyền chiếm

hữu ruộng đất của địa chủ nói chung. Cương lĩnh năm 1903 *đặt ra* một vấn đề còn chưa được đặt ra năm 1885, tức là vấn đề cuộc đấu tranh về quyền lợi giữa nông dân và địa chủ trong lúc sửa đổi lại chế độ ruộng đất, một vấn đề mà tất cả những người dân chủ - xã hội cho là không thể tránh được. Nhưng cương lĩnh năm 1903 không giải quyết đúng đắn vấn đề này, vì đáng lẽ đem đối lập phương pháp triệt để của nông dân và phương pháp triệt để của bọn gioong-ke trong việc thực hiện cuộc cách mạng tư sản, thì cương lĩnh lại đi dựng lên một cách giả tạo một cái gì có tính chất trung gian. Ở đây thật ra cần phải lưu ý rằng vì thiếu một phong trào quần chúng công khai nên lúc đó không thể giải quyết được vấn đề đó trên cơ sở những tài liệu chính xác chứ không phải trên cơ sở những câu trống rỗng hay những ước nguyện ngây thơ, hay những ảo tưởng tiểu tư sản, như những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã làm. Không ai có thể nói trước một cách chắc chắn rằng nông dân đã bị phân hoá đến mức nào sau khi địa chủ từ bỏ một phần chế độ lao dịch để thực hiện chế độ lao động làm thuê. Không ai đã có thể tính được rằng tầng lớp công nhân nông nghiệp đông bao nhiêu sau cải cách năm 1861, và quyền lợi của họ tách khỏi quyền lợi của quần chúng nông dân bị phá sản đến mức nào.

Dẫu sao, sai lầm chủ yếu của cương lĩnh ruộng đất năm 1903 là không có một quan niệm rõ ràng về vấn đề cuộc đấu tranh ruộng đất trong quá trình cách mạng tư sản Nga có thể và phải diễn ra xung quanh cái gì, và những *kiểu* phát triển nông nghiệp theo chủ nghĩa tư bản là như thế nào, tức là những kiểu mà khách quan có thể có được khi lực lượng xã hội này hay lực lượng xã hội nọ tham gia cuộc đấu tranh này sẽ giành được thắng lợi.

2. CƯƠNG LĨNH RUỘNG ĐẤT HIỆN NAY CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA

Trong một vấn đề quan trọng, cương lĩnh ruộng đất hiện nay của Đảng dân chủ - xã hội thông qua tại Đại hội Xtốc-khôn, đã tiến được một bước dài so với cương lĩnh trước. Cụ thể là: thừa nhận việc tịch thu ruộng đất của địa chủ*, như thế là Đảng dân chủ - xã hội đã kiên quyết bước vào con đường thừa nhận cuộc cách mạng ruộng đất *của nông dân*. Những chữ trong cương lĩnh: " ủng hộ hành động cách mạng của nông dân, cho đến cả việc tịch thu ruộng đất của địa chủ..." đã nói rõ tư tưởng đó. Trong cuộc thảo luận tại Đại hội Xtốc-khôn, một trong những báo cáo viên là Plê-kha-nốp, người đã cùng với Giôn đưa bản cương lĩnh hiện nay ra biểu quyết, đã nói thẳng về sự cần thiết phải chấm dứt tình trạng sợ "*cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân*" (xem báo cáo của Plê-kha-nốp trong "Tập biên bản" của Đại hội Xtốc-khôn, Mát-xcơ-va, 1907, tr. 42).

Một khi đã thừa nhận rằng cuộc cách mạng tư sản ở nước ta trong lĩnh vực quan hệ ruộng đất phải được coi là một "cuộc cách mạng ruộng đất *của nông dân*", như vậy thì hình như là những ý kiến bất đồng hết sức sâu sắc giữa những người dân chủ - xã hội về cương lĩnh ruộng đất tất phải không còn nữa. Thế nhưng, trong thực tế, những ý kiến bất đồng lại nảy ra trong vấn đề xét xem những người dân chủ - xã hội nên tán thành phân chia ruộng đất của địa chủ cho nông dân làm sở hữu riêng hay địa phương công hữu hoá ruộng đất của địa chủ, hay quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất. Cho nên, trước hết chúng ta cần khẳng định cái nguyên lý mà những người dân chủ - xã

* Trong văn bản của cương lĩnh (tiết 4) có nói đến những ruộng đất *tư hữu*. Trong nghị quyết kèm theo bản cương lĩnh (phần thứ 2 của cương lĩnh ruộng đất), thì nói tịch thu ruộng đất *của địa chủ*.

hội thường hay quên là chỉ có đứng trên quan điểm cách mạng ruộng đất *của nông dân* ở Nga thì mới có thể giải quyết đúng đắn những vấn đề đó. Cố nhiên, vấn đề không phải là ở chỗ Đảng dân chủ - xã hội phải từ bỏ, không đưa ra nhận định của mình về những lợi ích của giai cấp vô sản với tư cách là một giai cấp đặc thù trong cuộc cách mạng nông dân đó. Không, vấn đề là ở chỗ phải thấy cho rõ tính chất và ý nghĩa của chính cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân, coi đó là một trong những hình thức của cách mạng tư sản nói chung. Chúng ta không thể "nghĩ ra" một "dự án" cải cách đặc biệt nào đó. Chúng ta phải nghiên cứu những điều kiện khách quan của cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân ở nước Nga đang phát triển theo phương thức tư bản chủ nghĩa, dựa vào sự phân tích khách quan đó mà phân biệt hệ tư tưởng sai lầm của những giai cấp này hay giai cấp khác với nội dung thực tế của những biến đổi kinh tế, và xác định xem, trên cơ sở những biến đổi kinh tế thực tế đó thì lợi ích của sự phát triển những lực lượng sản xuất và lợi ích của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản đòi hỏi những gì.

Cương lĩnh ruộng đất hiện nay của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thừa nhận (dưới một hình thức đặc biệt) việc công hữu hoá những ruộng đất tịch thu (quốc hữu hoá rừng rú, sông hồ và những đất để di dân đến, địa phương công hữu hoá những ruộng đất tư), ít ra là trong trường hợp "cách mạng phát triển thắng lợi". Trong "điều kiện không thuận lợi", thì cương lĩnh này chủ trương *phân chia* ruộng đất của địa chủ và cấp cho nông dân làm sở hữu riêng. Trong bất kỳ trường hợp nào, cũng thừa nhận quyền sở hữu của nông dân và những người tiểu nông nói chung đối với những ruộng đất mà họ hiện có. Như vậy là bản cương lĩnh quy định *hai* chế độ ruộng đất ở nước Nga tư sản đổi mới: chế độ tư hữu ruộng đất và (ít ra là trong trường hợp cách mạng phát triển thắng lợi) chế độ công hữu

dưới hình thức địa phương công hữu hoá và quốc hữu hoá.

Những người thảo ra bản cương lĩnh giải thích tình trạng hai chế độ có thể cùng song song tồn tại ấy như thế nào? Họ giải thích trước hết và chủ yếu bằng những lợi ích và yêu cầu của nông dân, bằng việc sợ bất hoà với nông dân, sợ làm cho nông dân chống lại giai cấp vô sản và chống lại cách mạng. Đưa ra lý lẽ *như vậy*, những người thảo cương lĩnh và những người tán thành cương lĩnh đã đứng trên lập trường thừa nhận cuộc cách mạng ruộng đất *của nông dân*, thừa nhận sự ủng hộ của giai cấp vô sản đối với những yêu cầu nhất định của nông dân. Và lý lẽ đó đã được đưa ra bởi chính những người tán thành bản cương lĩnh có ảnh hưởng nhất, đứng đầu là đồng chí Giôn! Muốn thấy rõ điểm này ta chỉ cần xem tập biên bản của Đại hội Xtốc-khôn.

Trong báo cáo của mình, đồng chí Giôn đã đưa ra một cách thẳng thắn và kiên quyết lý lẽ như sau. Đồng chí ấy nói: "Nếu do cách mạng mà người ta định quốc hữu hoá những phần ruộng được chia của nông dân, hay quốc hữu hoá những ruộng đất của địa chủ đã tịch thu, như đồng chí Lê-nin đã đề nghị, thì biện pháp này sẽ dẫn đến một phong trào phản cách mạng không những ở các vùng ngoại vi, mà cả ở trung tâm nữa. Lúc đó, không phải chỉ nổ ra một vụ Văng-đê mà còn nổ ra một cuộc nổi dậy của toàn thể nông dân chống lại việc nhà nước định tùy tiện xử lý những phần ruộng được chia *thuộc sở hữu riêng* (do đồng chí Giôn nhấn mạnh) của nông dân, chống lại việc định quốc hữu hoá những phần ruộng được chia ấy" ("Tập biên bản" của Đại hội Xtốc-khôn, tr. 40).

Há chẳng phải không còn gì rõ ràng hơn nữa sao? Quốc hữu hoá những ruộng đất thuộc sở hữu *riêng* của nông dân sẽ dẫn đến cuộc nổi dậy của toàn thể giai cấp nông dân! Chính vì vậy mà dự án địa phương công hữu hoá ban

đầu của Ích-xơ chủ trương chuyển giao cho các hội đồng địa phương *không những* ruộng đất tư, mà "nếu có thể" thì toàn bộ ruộng đất (do tôi dẫn chứng trong cuốn sách nhỏ: "Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân"¹⁾), đã bị thay thế bằng dự án địa phương công hữu hoá của Ma-xlốp, là dự án *không đụng đến* những ruộng đất của nông dân. Thật vậy, một khi mà sau năm 1903, người ta đã nhận thấy rằng nông dân nhất định sẽ nổi dậy chống lại những ý đồ quốc hữu hoá toàn bộ, thì làm sao có thể không chú ý đến sự thật đó! Nhưng thế thì làm sao có thể không theo quan điểm của Cô-xơ-rốp, một người men-sê-vích khác nổi tiếng, đã phát biểu tại Xtốc-khôn như sau:

"Đến với nông dân với cái chủ trương đó (quốc hữu hoá), tức là làm cho nông dân xa rời mình. Phong trào nông dân sẽ tiếp diễn, không cần đến chúng ta hay chống lại chúng ta, và chúng ta sẽ bị cách mạng bỏ rơi lại phía sau. Việc quốc hữu hoá làm cho Đảng dân chủ - xã hội suy yếu đi, cắt rời nó khỏi nông dân, và do đó làm suy yếu bản thân cuộc cách mạng"⁸⁸⁾.

Không thể nói rằng lý lẽ này thiếu sức thuyết phục. Trong một cuộc cách mạng ruộng đất nông dân mà lại muốn quốc hữu hoá những ruộng đất *thuộc sở hữu riêng* của nông dân, trái với ý chí của họ ư. Không có gì đáng ngạc nhiên là Đại hội Xtốc-khôn đã bác bỏ ý kiến đó, vì đại hội đã tin Giôn và Cô-xơ-rốp.

Nhưng đại hội tin hai người ấy thì như vậy có đúng không?

Về điểm này, vì vấn đề một vụ Văng-đê⁸⁹ toàn Nga chống lại việc quốc hữu hoá là một vấn đề quan trọng, nên ở đây, chúng tôi thấy cần đưa ra một dẫn chứng lịch sử nho nhỏ.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 286.

3. LẤY CUỘC SỐNG THỰC TẾ KIỂM TRA LUẬN CỨ CHỦ YẾU CỦA NHỮNG NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG ĐỊA PHƯƠNG CÔNG HỮU HOÁ

Những lời tuyên bố dứt khoát của Giôn và Cô-xơ-rốp mà tôi đã trích dẫn ở đây, là vào hồi tháng Tư 1906, nghĩa là ngay trước ngày thành lập Đu-ma I. Tôi đã chứng minh (xem cuốn sách nhỏ của tôi bàn về "Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất"¹⁾) rằng nông dân tán thành quốc hữu hoá. Người ta đã bác lại tôi rằng các nghị quyết của những đại hội của Hội liên hiệp nông dân⁹⁰ chẳng chứng minh gì hết, rằng các nghị quyết đó là do những nhà tư tưởng của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng gợi ra; rằng quần chúng nông dân không bao giờ lại ủng hộ những yêu sách như thế cả.

Từ bấy đến nay, Đu-ma I và Đu-ma II đã làm sáng tỏ vấn đề này, qua những văn kiện của chúng. Các đại biểu của nông dân, từ khắp bốn phương của nước Nga đến, đã phát biểu ý kiến trong Đu-ma I, và nhất là trong Đu-ma II. Có lẽ chỉ riêng những nhà chính luận của báo "Nước Nga"⁹¹ hay báo "Thời mới" mới dám không thừa nhận rằng những yêu sách chính trị và kinh tế của *quần chúng* nông dân đã được nói lên trong hai Đu-ma ấy. Người ta có thể tưởng rằng từ sau những bài phát biểu của riêng các đại biểu nông dân trước các đảng khác thì giờ đây cái chủ trương quốc hữu hoá ruộng đất nông dân tất là đã bị vĩnh viễn chôn vùi rồi. Người ta có thể tưởng rằng những người ủng hộ Giôn và Cô-xơ-rốp có thể rất dễ dàng khích động các đại biểu nông dân trong Đu-ma lên tiếng phản đối việc quốc hữu hoá. Người ta có thể tưởng rằng Đảng dân chủ - xã hội do phái men-sê-vích lãnh đạo ắt hẳn sẽ làm cho những người ủng hộ chủ trương quốc hữu hoá, tức là những kẻ định gây ra một vụ Văng-

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 286.

đê toàn Nga phản cách mạng, phải thực sự bị "cắt đứt" với cách mạng.

Trên thực tế, lại hoàn toàn không phải như thế. Tại Đu-ma I, chính Xtí-sin-xki và Guốc-cô là những người đã quan tâm đến những ruộng đất *thuộc sở hữu riêng* của nông dân (do Giôn nhân mạnh). Tại cả hai Đu-ma, chính cánh cực hữu đã cùng với những đại diện của chính phủ đã bênh vực chế độ tư hữu ruộng đất, bác bỏ mọi hình thức công hữu về ruộng đất, bác bỏ cả địa phương công hữu hoá, quốc hữu hoá lẫn xã hội hoá. Tại cả hai Đu-ma, các đại biểu nông dân, từ khắp bốn phương của nước Nga đến, lại là những người tán thành chủ trương *quốc hữu hoá*.

Hồi năm 1905, đồng chí Ma-xlốp viết: "Hiện nay, ở nước Nga, người ta không thể thừa nhận việc quốc hữu hoá ruộng đất là một biện pháp giải quyết (?) vấn đề ruộng đất, trước hết" (chú ý hai chữ "trước hết" này) "vì chủ trương đó là quá ư không tưởng. Quốc hữu hoá ruộng đất có nghĩa là phải chuyển giao *tất cả mọi* ruộng đất vào tay nhà nước. Nhưng liệu nông dân, nhất là những nông dân có ruộng đất tư, có sẽ đồng ý tự nguyện chuyển giao ruộng đất của mình cho bất kỳ ai không?" (P. Ma-xlốp. "Phê phán những cương lĩnh ruộng đất", Mát-xcơ-va, 1905, tr. 20).

Như vậy là vào năm 1905, việc quốc hữu hoá "trước hết" là quá ư không tưởng, vì nông dân sẽ không đồng ý.

Năm 1907, hồi tháng Ba, cũng chính Ma-xlốp này lại viết: "Tất cả các nhóm dân tuý (phái lao động, phái lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân và phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng) đều tán thành quốc hữu hoá ruộng đất dưới hình thức này hay hình thức khác" ("Học vấn", 1907, số 3, tr. 100).

Đấy, đầu là một vụ Văng-đê mới! Đấy, đầu là một cuộc nổi dậy của nông dân toàn Nga chống lại việc quốc hữu hoá!

Nhưng, qua kinh nghiệm của hai Đu-ma, đáng lẽ phải suy nghĩ về cái tình thế đáng tức cười của những người

trước đây đã từng nói và từng viết về một vụ Văng-đê nông dân chống lại việc quốc hữu hoá, đáng lẽ phải tìm hiểu sai lầm của mình hồi năm 1905, thì P. Ma-xlốp lại hành động như một chàng I-van ngớ ngẩn. Đồng chí ấy thích *quên* những lời tôi đã dẫn và những bài phát biểu tại Đại hội Xtốc-khôn! Hơn thế nữa. Cũng giống như năm 1905, khi đồng chí ấy đã quả quyết một cách khinh suất rằng *nông dân sẽ không đồng ý*, thì bây giờ đồng chí ấy lại quả quyết cũng một cách khinh suất *điều ngược lại*. Xin hãy nghe đồng chí ấy nói:

"... Những người dân tuý thể hiện lợi ích và nguyện vọng của những người tư hữu nhỏ (xin hãy chú ý nghe!), nhất định đã phải tán thành quốc hữu hoá" ("Học vấn", như trên).

Thật là một cái mẩu về tính trung thực khoa học của những nhà chủ trương địa phương công hữu hoá ở nước ta! *Trước khi* các đại biểu của nông dân toàn Nga phát biểu những chủ trương chính trị của họ thì trong lúc giải quyết cái vấn đề khó khăn này, các nhà chủ trương địa phương công hữu hoá đã nói một điều *thay mặt* cho những người tư hữu nhỏ, còn *sau khi* các đại biểu của nông dân đã phát biểu những chủ trương chính trị của họ tại hai Đu-ma thì các nhà chủ trương địa phương công hữu hoá lại nói điều khác ngược hẳn lại, và cũng cho chính những "người tư hữu nhỏ" ấy.

Nhân tiện cũng cần nói thêm một điều thật buồn cười là Ma-xlốp giải thích cái khuynh hướng đó của nông dân Nga thích quốc hữu hoá, không phải bằng những điều kiện đặc biệt của cuộc cách mạng ruộng đất nông dân, mà bằng *những đặc tính chung* của những người tư hữu nhỏ trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Thật không thể tưởng tượng được, nhưng đó là một sự thật!

Ma-xlốp nói một cách vũ đoán rằng: "Điều mà người tư hữu nhỏ sợ hơn hết là sự cạnh tranh và sự thống trị

của người tư hữu lớn, sự thống trị của tư bản...". Ngài lầm lẫn rồi đó, ngài Ma-xlốp ạ! Đặt ngang hàng kẻ chiếm hữu nhiều ruộng đất (*chủ nô*) với người sở hữu tư bản là lặp lại những thiên kiến của giới tiểu tư sản. Sở dĩ người nông dân đấu tranh một cách cương quyết như vậy chống các đại điền trang nông nô, thì đó chính là vì thời kỳ lịch sử ấy, họ đại biểu cho kiểu phát triển tư bản chủ nghĩa tự do của nông nghiệp.

"...Vì không đủ khả năng đấu tranh chống tư bản trên lĩnh vực kinh tế, người tư hữu nhỏ hy vọng vào quyền lực của chính phủ giúp đỡ người tư hữu nhỏ chống kẻ tư hữu lớn... Nếu người nông dân Nga suốt trong bao thế kỷ đã trông mong vào một sự giúp đỡ của chính quyền trung ương chống lại bọn địa chủ và quan lại; nếu ở Pháp, Na-pô-lê-ông đã dựa vào nông dân để bóp chết nền cộng hoà, thì sở dĩ y đã làm được như thế là do dựa vào chỗ nông dân thường trông mong vào sự ủng hộ của chính quyền trung ương" ("Học vấn", tr. 100).

Nghị luận của Pi-ốt Ma-xlốp mới tuyệt diệu làm sao! Trước hết, nếu người nông dân Nga trong thời kỳ lịch sử này có những đặc tính giống như người nông dân Pháp dưới thời Na-pô-lê-ông thì quốc hữu hoá ở đây có dính dáng gì đến việc đó? Dưới thời Na-pô-lê-ông, người nông dân Pháp chưa bao giờ ủng hộ quốc hữu hoá cả, và họ cũng không thể ủng hộ được. Quả thật ý kiến của ngài đầu đuôi chẳng ăn nhập gì với nhau hết, ngài Ma-xlốp ạ!

Hai là, đấu tranh chống tư bản thì ăn nhập gì ở đây? Vấn đề ở đây là so sánh giữa chế độ tư hữu ruộng đất của nông dân với việc quốc hữu hoá tất cả mọi ruộng đất, kể cả ruộng đất của nông dân. Người nông dân Pháp dưới thời Na-pô-lê-ông cố sống cố chết bám giữ lấy chế độ tư hữu nhỏ, coi đó là một bức rào để chống lại tư bản, còn người nông dân Nga thì... Một lần nữa, đầu câu và cuối câu có dính líu gì với nhau, thưa ngài!

Ba là, khi nói đến hy vọng vào quyền lực chính phủ, Ma-xlốp trình bày sao cho người ta tưởng rằng nông dân

không hiểu tính chất nguy hại của chế độ quan liêu, cũng như không hiểu ý nghĩa của chế độ tự quản, còn ông ta, Pi-ốt Ma-xlốp, con người có tư tưởng tiên tiến, thì biết đánh giá đúng đắn điều đó. Phê phán phái dân tuý như thế thì quả thật quá giản đơn! Chỉ cần tham khảo bản đề án ruộng đất ai nấy đều biết của phái lao động (đề án của 104 người), đưa ra trong Đu-ma I và Đu-ma II⁹², cũng đủ thấy sự giả dối trong lập luận (hoặc lời ám chỉ chẳng?) của Ma-xlốp. *Trái lại*, sự thật là trong đề án của phái lao động, những nguyên tắc của chế độ tự quản và thái độ chống lại cách giải quyết quan liêu vấn đề ruộng đất đã được diễn đạt một cách *rõ ràng hơn* là trong cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội được thảo ra theo tinh thần của Ma-xlốp! Đúng thế, cương lĩnh của đảng ta chỉ nói đến "những nguyên tắc dân chủ" trong việc bầu các cơ quan địa phương, còn đề án của phái lao động (§ 16) thì nói rõ ràng và nói thẳng đến việc bầu các cơ quan tự quản địa phương "bằng đầu phiếu phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín". Hơn thế nữa, đề án đó còn đề ra việc thành lập các uỷ ban ruộng đất địa phương, như người ta biết, được những người dân chủ - xã hội ủng hộ, những uỷ ban này cũng phải bầu ra theo thể thức như thế và có trách nhiệm (§§ 17 - 20) tổ chức cuộc thảo luận vấn đề cải cách ruộng đất và chuẩn bị cuộc cải cách đó. Chủ trương thực hiện cải cách ruộng đất một cách quan liêu là *của phái dân chủ - lập hiến* chứ không phải của phái lao động, là của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa chứ không phải của nông dân. Ma-xlốp cần phải bóp méo những sự thật mà ai nấy đều biết đó, để làm gì?

Bốn là, trong đoạn "giải thích" tuyệt diệu của mình về vấn đề xem tại sao những người tư hữu nhỏ "nhất định đã phải tán thành quốc hữu hoá", Ma-xlốp nhấn mạnh đến cái hy vọng của người mu-gích mong muốn được chính quyền *trung ương* bênh vực. Đây là chỗ khác nhau

giữa địa phương công hữu hoá và quốc hữu hoá; một đảng dựa vào chính quyền địa phương, còn một đảng dựa vào chính quyền trung ương. Đó là cái tư tưởng thích thú của Ma-xlốp mà sau đây chúng ta sẽ phân tích kỹ ý nghĩa kinh tế và chính trị của nó. Ở đây, chúng ta chỉ vạch ra rằng Ma-xlốp *lẩn tránh* vấn đề mà lịch sử cách mạng của nước ta đề ra cho đồng chí ấy, tức là vấn đề xét xem tại sao nông dân lại *không sợ* quốc hữu hoá những ruộng đất *của họ*. Đó là mấu chốt của vấn đề!

Nhưng thế chưa phải là hết. Điều đặc biệt tế nhị trong cái ý định của Ma-xlốp muốn giải thích những gốc rễ giai cấp của chủ trương quốc hữu hoá của phái lao động, khác với chủ trương địa phương công hữu hoá, là sự việc sau đây: Ma-xlốp *che giấu không cho độc giả biết* rằng khi giải quyết vấn đề trực tiếp sử dụng ruộng đất thì những người dân tuý *cũng* nhằm giải quyết *có lợi cho các cơ quan tự quản địa phương!* Những lập luận của Ma-xlốp về "hy vọng" mà người mu-gích đặt vào chính quyền *trung ương* chẳng qua chỉ là những lời lẽ sàm nhảm của anh trí thức về người mu-gích. Hãy xem § 16 trong đề án ruộng đất của phái lao động đưa ra trong hai Đu-ma. Đây là nguyên văn của tiết đó:

"Quyền quản lý tài sản ruộng đất toàn dân phải giao cho các cơ quan tự quản địa phương được bầu ra bằng đầu phiếu phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín, — những cơ quan này hoạt động hoàn toàn độc lập trong phạm vi do pháp luật quy định".

Bây giờ hãy đối chiếu đoạn này với cái điểm tương ứng trong cương lĩnh của đảng ta: "... Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đòi hỏi:... 4) tịch thu những ruộng đất của tư nhân, trừ những tài sản ruộng đất nhỏ, và giao quyền xử lý cho những cơ quan tự quản địa phương lớn (bao gồm cả các quận thị trấn và quận nông thôn, như đã nói ở tiết 3) được bầu ra trên những cơ sở dân chủ...".

Đúng về mặt những quyền hạn của chính quyền trung ương và chính quyền địa phương mà xét thì ở đây có gì khác nhau? "Quyền quản lý" khác "quyền xử lý" ở chỗ nào?

Tại sao khi nói về thái độ của phái lao động đối với quốc hữu hoá, Ma-xlốp lại buộc phải che giấu độc giả - và che giấu cả chính mình nữa chẳng? — nội dung của § 16 ấy? Bởi vì nó *hoàn toàn* đập tan chủ trương "địa phương công hữu hoá" phi lý của đồng chí ấy.

Hãy xem những lý lẽ mà Ma-xlốp đưa ra để bênh vực chủ trương địa phương công hữu hoá đó trước Đại hội Xtốc-khôn, hãy đọc những biên bản của đại hội này, — các bạn sẽ thấy không biết bao nhiêu là dẫn chứng đưa ra để nói rằng không thể trấn áp các dân tộc, không thể áp bức các vùng ngoại vi, không thể coi nhẹ sự khác nhau giữa lợi ích của các địa phương v.v., v.v.. Ngay trước Đại hội Xtốc-khôn, tôi đã vạch ra cho Ma-xlốp (xem trên kia, bài "Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất", tr. 18¹⁾) thấy rằng *tất cả những* lý lẽ loại đó chỉ là một "mớ hiểu lầm", bởi vì — tôi nói — cương lĩnh của đảng ta đã thừa nhận quyền dân tộc tự quyết, cũng như thừa nhận quyền tự quản *rộng rãi* của địa phương *và khu vực*. Cho nên, về mặt *này* thì bất tất phải bày đặt thêm và cũng không thể bày đặt thêm mọi "đảm bảo" bổ sung để ngăn ngừa một sự tập trung quá đáng, một tình trạng quan liêu hoá quá quắt và một quy tắc cứng nhắc, bởi vì những "đảm bảo" bổ sung như thế, sẽ chẳng có nội dung gì, hoặc sẽ bị người ta giải thích theo nghĩa phản vô sản, theo nghĩa liên bang chủ nghĩa.

Phái lao động đã chứng minh cho những người chủ trương địa phương công hữu hoá thấy rằng tôi đúng.

Bây giờ Ma-xlốp hẳn phải thừa nhận rằng *tất cả các* nhóm đại biểu cho lợi ích và quan điểm của nông dân đều đã tán

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 300 - 301.

thành quốc hữu hoá *dưới một hình thức* sao cho những quyền hạn và quyền lực của các cơ quan tự quản địa phương mà họ đã đòi hỏi thì cũng chẳng kém gì trong bản cương lĩnh của Ma-xlốp! Đạo luật về phạm vi quyền hạn của các cơ quan tự quản địa phương phải do một nghị viện trung ương ban bố, — điều này Ma-xlốp đã không nói đến, nhưng giấu đầu vào cánh cũng chẳng ích gì vì ở đây thật sự không thể quan niệm một chế độ khác thế được.

Mấy chữ: "giao quyền *xử lý*" — làm cho vấn đề càng rối rắm. Người ta không biết bây giờ ai là *người sở hữu** những ruộng đất đã tịch thu của địa chủ nữa! Vì không biết là ai, nên *chủ* có nhà nước mới có thể là kẻ sở hữu đó. Cái "quyền xử lý" nói đây là như thế nào, phạm vi của nó đến đâu, những hình thức và điều kiện của nó như thế nào, — những điều đó lại vẫn phải do nghị viện *trung ương* quy định. Điều đó là dĩ nhiên; thế nhưng cương lĩnh của đảng ta lại còn để riêng ra cả "những rừng rú có liên quan đến lợi ích của toàn thể quốc gia" và "những đất để di dân". Dĩ nhiên là chỉ có chính quyền trung ương mới có thể *tách* những rừng rú "có liên quan đến lợi ích của toàn thể quốc gia" trong toàn bộ rừng rú, và tách "những đất để di dân" trong toàn bộ ruộng đất.

Tóm lại, bản cương lĩnh của Ma-xlốp, — bản cương lĩnh mà hiện nay, dưới một hình thức cực kỳ méo mó, đã trở thành cương lĩnh của đảng ta, — là *hoàn toàn vô lý*, khi đem so sánh nó với cương lĩnh của phái lao động. Không lấy gì làm ngạc nhiên rằng Ma-xlốp, khi bàn về vấn đề quốc hữu hoá, đã phải nói cả đến người nông dân dưới thời Na-pô-lê-ông, miễn là che giấu không cho công chúng thấy cái tình thế lố bịch của chúng ta trước những đại biểu của phái dân

* Tại Đại hội Xtốc-khôn, những người men-sê-vích *đã bác bỏ* lời đề nghị bổ sung: thay mấy chữ "quyền xử lý" bằng chữ "quyền sở hữu" ("Tập biên bản", tr. 152). Chỉ có *bản nghị quyết sách lược* là ghi: trong trường hợp "cách mạng phát triển thắng lợi" thì giao "quyền nắm giữ", mà không nói rõ ràng chính xác hơn xem như thế nghĩa là gì.

chủ tư sản khi chúng ta đưa ra cái chủ trương mơ hồ là "địa phương công hữu hoá"!

Sự khác nhau duy nhất, hoàn toàn thực tế và tuyệt đối, chính là thái độ đối với các phần đất được chia của nông dân. Những đất ấy, Ma-xlốp bỏ riêng ra, chỉ vì đồng chí ấy sợ vụ "Văng-đê". Song hoá ra là các đại biểu nông dân được cử đến Đu-ma I và Đu-ma II đã coi khinh nỗi sợ của những người dân chủ - xã hội theo đuôi, và họ đã tán thành chủ trương quốc hữu hoá những ruộng đất của họ!

Bây giờ những người chủ trương địa phương công hữu hoá nhất định phải *chống lại* những người nông dân theo phái lao động, phải *chứng minh* cho họ thấy rằng họ không nên quốc hữu hoá ruộng đất của họ. Sự trở trêu của lịch sử lại khiến cho những lý lẽ của Ma-xlốp, Giôn, Cô-xtơ-rốp và đồng bọn đập vào lưng họ.

4. CƯƠNG LĨNH RUỘNG ĐẤT CỦA NÔNG DÂN

Bây giờ chúng ta thử phân tích cái vấn đề (xem tại sao tất cả các nhóm chính trị, đại biểu cho những lợi ích và những nguyện vọng của những người tư hữu nhỏ đều đã phải tán thành quốc hữu hoá) khiến cho P. Ma-xlốp lúng túng một cách thảm hại.

Trước hết, chúng ta hãy nghiên cứu xem đề án ruộng đất của 104 người, tức là của phái lao động tại Đu-ma I và Đu-ma II, đã thật sự phản ánh những yêu cầu của nông dân toàn Nga được đến mức nào. Tính chất của thành phần đại biểu trong cả hai Đu-ma và tính chất của cuộc đấu tranh chính trị diễn ra trên vũ đài "nghị viện" về vấn đề ruộng đất giữa những người đại biểu cho lợi ích của các giai cấp khác nhau, đã chứng minh điều đó. Tại Đu-ma, cái chủ trương về chế độ tư hữu ruộng đất nói chung, và nhất là về chế độ tư hữu ruộng đất của nông dân, không những đã không bị đẩy lùi xuống hàng thứ yếu, mà trái lại còn luôn luôn được một

số đảng đưa lên hàng đầu. Chính phủ — thông qua các ngài Xti-sin-xki, Guốc-cô, thông qua tất cả các vị bộ trưởng cũng như toàn thể báo chí quan phương, — đã bênh vực chủ trương đó và đặc biệt kêu gọi các đại biểu nông dân tán thành chủ trương đó. Cả các chính đảng thuộc phái hữu, — kể từ con người "nổi tiếng" Xvi-a-tô-pôn - Miéc-xki trong Đu-ma II, — cũng đã nói đi nói lại mãi cho nông dân nghe những cái hay cái tốt của chế độ tư hữu ruộng đất của nông dân. Về tình hình thực tế của các lực lượng sắp xếp xung quanh vấn đề này thì tài liệu để chứng minh có nhiều đến nỗi người ta không thể nào nghi ngờ về tính chính xác (đứng về mặt lợi ích giai cấp mà xét) của tình hình đó được. Tại Đu-ma I, giữa lúc phái tự do coi nhân dân cách mạng là một lực lượng và đang ve vãn họ thì Đảng dân chủ - lập hiến cũng bị trào lưu chung lôi cuốn về phía quốc hữu hoá ruộng đất. Như mọi người đều biết, trong bản đề án ruộng đất của phái dân chủ - lập hiến đưa ra Đu-ma I, có mục "dự trữ ruộng đất của nhà nước", phần bao gồm tất cả ruộng đất chuyển nhượng để rồi lại đem cấp cho sử dụng dài hạn. Đương nhiên, không phải là xuất phát từ một nguyên tắc nào đó mà phái dân chủ - lập hiến đã đưa ra yêu cầu này tại Đu-ma I, — nói đến tính nguyên tắc của Đảng dân chủ - lập hiến thì thật là lối bịch, — không, nếu phái tự do đã đưa ra yêu cầu ấy thì đó chẳng qua là một sự phản ánh mờ nhạt của những yêu cầu của quần chúng nông dân. Ngay tại Đu-ma I, các đại biểu nông dân cũng đã hình thành một nhóm chính trị riêng biệt rồi, và bản đề án ruộng đất của nhóm "104 người" đã là bản cương lĩnh chủ yếu và cơ bản của giai cấp nông dân toàn Nga, một giai cấp đã tỏ rõ là một lực lượng xã hội giác ngộ. Những bài diễn văn của các đại biểu nông dân tại Đu-ma I và Đu-ma II, những bài viết trên các báo của "phái lao động" ("Tin tức của đại biểu nông dân"⁹³, "Nước Nga lao động"⁹⁴) đều cho người ta thấy rõ rằng bản đề án của nhóm 104 người phản ánh đúng những

lợi ích và nguyện vọng của nông dân. Cho nên, ta cần bàn kỹ hơn một chút về bản đề án này.

Điều đáng chú ý là thành phần các đại biểu đã ký vào bản đề án. Trong Đu-ma I, có 70 người thuộc phái lao động, 17 người không đảng phái, 8 nông dân không tỏ rõ họ thuộc khuynh hướng chính trị nào, năm người dân chủ - lập hiến*, ba người dân chủ - xã hội** và một người Lit-va thuộc phái tự trị. Trong Đu-ma II, bản đề án của "104 người" có 99 chữ ký; trừ những người ký nhiều lần ra thì còn có cả thảy 91 chữ ký, trong đó 79 thuộc phái lao động, 4 lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân, 2 xã hội chủ nghĩa - cách mạng, 2 người thuộc nhóm những người Cô-dắc, 2 người không đảng phái, 1 người thuộc cánh tả hơn phái dân chủ - lập hiến (Pê-téc-xôn), và 1 người dân chủ - lập hiến (Ốt-nô-cô-dốp — một nông dân). Nông dân chiếm đa số trong những người đã ký tên (ít ra là 54 trong số 91 tại Đu-ma II; ít ra là 52 trong số 104 tại Đu-ma I). Đáng chú ý là: điều trông mong *đặc biệt* của P. Ma-xlốp về những người nông dân có ruộng đất tư (đã dẫn trên kia¹⁾) — là những người không thể nào lại tán thành quốc hữu hoá, — điều trông mong đó cũng lại bị đại biểu nông dân trong cả hai Đu-ma làm cho hoàn toàn tan vỡ. Chẳng hạn như ở tỉnh Pô-đôn-xcơ, hầu hết nông dân đều là nông dân *có ruộng đất tư* (năm 1905, có 457 134 hộ thuộc loại nông dân này, chỉ có 1630 nông dân là có những phần đất công xã). Bản đề án ruộng đất của "104 người", trong Đu-ma I có chữ ký của 13 người thuộc tỉnh Pô-đôn-xcơ (hầu hết đều là những người nông dân làm ruộng), và trong Đu-ma II có chữ ký của 10 người thuộc tỉnh này!

* G. Dúp-tsen-cô, T. Vôn-cốp, M. Ghê-ra-xi-mốp, cả ba đều là nông dân; bác sĩ X. Lô-giơ-kin và tu sĩ A-pha-na-xi-ép.

** An-tô-nốp là công nhân tỉnh Péc-mơ; Éc-sốp, công nhân tỉnh Ca-dan và V. Tsu-ri-u-cốp, công nhân tỉnh Mát-xcơ-va.

1) Xem tập này, tr. 299.

Trong số những tỉnh khác có nông hộ có ruộng đất tư, ta hãy kể tỉnh Vin-na, Cốp-nô, Ki-ép, Pôn-ta-va, Bét-xa-ra-bi-a, Vô-lun, đại biểu của những tỉnh này đã ký vào bản đề án của 104 người. Chỉ có những người ủng hộ những thiên kiến dân túy mới có thể coi sự khác nhau giữa những nông dân có phần đất công xã và những nông dân có ruộng đất tư — xét theo quan điểm quốc hữu hoá ruộng đất — là có ý nghĩa to lớn và cơ bản; — và những thiên kiến dân túy này đã thực tế bị giáng một đòn nặng, ngay từ lần đầu tiên, khi những đại biểu nông dân toàn Nga đưa ra cương lĩnh ruộng đất. Trên thực tế, yêu cầu quốc hữu hoá ruộng đất không bắt nguồn từ một hình thức chiếm hữu ruộng đất đặc biệt nào, cũng không "từ những tập quán và bản năng công xã" của nông dân, mà là từ những điều kiện chung của toàn bộ chế độ sở hữu ruộng đất nhỏ của nông dân (bao gồm cả những người giữ một phần đất công xã lẫn những người có ruộng đất tư) bị đè nặng dưới ách của các đại điền trang nông nô.

Trong số những đại biểu của Đu-ma I và Đu-ma II đã đưa ra bản đề án quốc hữu hoá ruộng đất của 104 người, chúng ta thấy có những đại biểu của tất cả các nơi trên đất nước Nga, không những của vùng trung tâm nông nghiệp và các tỉnh công nghiệp thuộc miền đất không đen, không những của vùng ngoại vi phía Bắc (các tỉnh Ác-khan-ghen-xcơ, Vô-lô-gđa — trong Đu-ma II), của vùng ngoại vi phía Đông và phía Nam (các tỉnh và các khu A-xtơ-ra-khan, Bét-xa-ra-bi-a, Đôn, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, Cu-ban, Ta-vrích, Xta-vrô-pôn), mà còn của cả các tỉnh vùng Tiểu Nga, các tỉnh Tây - Nam, Tây - Bắc, Ba-lan (tỉnh Xu-van-ki) và Xi-bi-ri (tỉnh Tô-bôn-xcơ). Rõ ràng, tình trạng người tiểu nông bị chế độ chiếm hữu ruộng đất địa chủ áp bức, — mà ở vùng trung tâm nông nghiệp thuần túy Nga thì sự áp bức này lại càng nặng nề hơn và trực tiếp hơn, — tồn tại trên khắp nước Nga, và ở đâu cũng khiến cho tiểu nông ủng hộ cuộc đấu tranh đòi quốc hữu hoá ruộng đất.

Cuộc đấu tranh đó rõ ràng là có những nét của chủ nghĩa cá nhân tiểu tư sản. Về mặt này, cần đặc biệt vạch ra một sự việc mà báo chí xã hội chủ nghĩa ta rất thường hay quên, tức là: ngay khi mà lần đầu tiên những người nông dân xuất hiện trên vũ đài chính trị công khai của toàn nước Nga với một cương lĩnh ruộng đất riêng biệt của họ thì cái "chủ nghĩa xã hội" của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng bị giáng một đòn vô cùng nặng nề. Chỉ có *một thiếu số* những đại biểu nông dân tiên tiến tán thành bản đề án xã hội hoá ruộng đất của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng (đề án của nhóm "33 người" trong Đu-ma I)⁹⁵. Tuyệt đại *đa số* đại biểu đều tán thành bản đề án của nhóm 104 người, tức đề án của *phái lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân*, mà cương lĩnh của họ đã bị chính ngay những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng gọi là cương lĩnh *cá nhân chủ nghĩa*.

Trong "Tập luận văn" của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng (Nhà xuất bản "Tư tưởng của chúng ta", Xanh Pê-téc-bua, 1907, số 1), chúng ta thấy, chẳng hạn, bài của ông P. Vi-khli-a-ép "Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân và vấn đề ruộng đất". Tác giả phê phán nhà lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân Pê-sê-khô-nốp và trích dẫn những lời của ông này nói rằng "đề án của nhóm 104 người phản ánh quan điểm của chúng tôi (quan điểm của những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân) về vấn đề xem người ta có thể giành lấy ruộng đất bằng cách nào" ("Tập luận văn" nói trên, tr. 81). Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng nói trắng ra rằng đề án của nhóm 104 người "dẫn đến chỗ phủ nhận cái nguyên tắc cơ bản về quyền sử dụng phần đất công xã" "*cũng hết như*" (sic!) bản pháp chế ruộng đất của Xtô-lư-pin, tức là đạo luật ngày 9 tháng Mười một 1906 (như trên, tr. 86; dưới đây, trong bản trình bày của chúng tôi, chúng tôi sẽ nói rõ rằng những thiên kiến của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã cản trở họ như thế nào trong việc xác định chỗ khác nhau thật sự về mặt kinh tế giữa hai đường lối:

đường lối của Xtô-lư-pin và đường lối của phái lao động). Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng vạch ra rằng những điểm có tính chất cương lĩnh của Pê-sê-khô-nốp là những "biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân ích kỷ" (tr. 89), là "sự vắn đục do thứ bùn nhơ chủ nghĩa cá nhân gây ra cho làn sóng tư tưởng rộng rãi" (tr. 91), là "sự khuyến khích những xu hướng cá nhân chủ nghĩa và ích kỷ trong quần chúng nhân dân" (như trên, tr. 93).

Tất cả những điều đó đều đúng. Song những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã tưởng lầm rằng có thể dùng những từ "manh mẽ" để che giấu cái sự thật này: thực chất của vấn đề tuyệt nhiên không phải ở chủ nghĩa cơ hội của các ngài Pê-sê-khô-nốp và đồng bọn, mà là ở chủ nghĩa cá nhân của người tiểu nông. Vấn đề không phải là ở chỗ các ông Pê-sê-khô-nốp làm vắn đục cái làn sóng tư tưởng của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, mà ở chỗ *đa số những đại biểu nông dân tiên tiến* đã vạch rõ cái nội dung kinh tế thật sự của chủ nghĩa dân túy, vạch rõ những xu hướng thật sự của những người tiểu nông. Sự phá sản của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng trước sự đại biểu rộng rãi, thật sự toàn quốc của quần chúng nông dân, đó là điều mà các đề án ruộng đất của nhóm 104 người tại Đu-ma I và Đu-ma II đã cho ta thấy rõ*.

* Tập biên bản tốc ký của Đu-ma II cho thấy rằng đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng Mu-sen-cô đã đưa ra một bản đề án ruộng đất có 105 đại biểu ký tên⁹⁶. Đáng tiếc là tôi không thể kiểm được đề án ấy. Trong số những tài liệu của Đu-ma, tôi chỉ có bản đề án của phái lao động do 104 người ký cũng được đưa ra Đu-ma II. Vì đã có hai bản đề án đó của phái lao động do 104 người ký (bản đề án đưa ra Đu-ma I và bản đưa ra Đu-ma II) nên bản đề án của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng do 105 người ký bất quá chỉ cho ta thấy sự dao động của một số nông dân nào đó khi thì ngã theo phái lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân, khi thì ngã theo phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, chứ bản đề án đó không hề bác bỏ những điều tôi đã nói ở đây.

Khi chủ trương quốc hữu hoá ruộng đất, phái lao động đồng thời đã bộc lộ rất rõ trong đề án của mình những xu hướng "ích kỷ và cá nhân chủ nghĩa" của những người tiểu nông. Đối với những phần đất được chia và những mảnh ruộng đất của những người tư hữu nhỏ, phái lao động chủ trương vẫn để cho những người sở hữu hiện nay được nắm giữ (§ 3 trong đề án ruộng đất của nhóm 104 người), miễn là có những biện pháp pháp chế để đảm bảo cho "việc chuyển dần dần những ruộng đất ấy thành tài sản của toàn dân". Dịch ra ngôn ngữ của những quan hệ kinh tế thực tế, điều đó có nghĩa là: chúng ta xuất phát từ những lợi ích của những nghiệp chủ thực tế, của những người nông dân thực tế, chứ không phải chỉ trên danh nghĩa mà thôi; nhưng chúng ta muốn rằng hoạt động kinh tế của họ phát triển một cách hoàn toàn tự do trên ruộng đất đã quốc hữu hoá*. § 9 của đề án

* Xin nói thêm là: A. Phi-nơ - E-nô-ta-ép-xki trong khi phủ nhận tính chất nghiêm túc và tự giác của những nguyện vọng quốc hữu hoá của Hội liên hiệp nông dân và của giai cấp nông dân nói chung, thì đồng thời đã dẫn chứng lời của ông V. Grô-man nói rằng các đại biểu của các đại hội nông dân "không dự kiến trả một món tiền nào cho ruộng đất cả" và cũng không hình dung rằng địa tô chênh lệch lại phải trả cho một chính thể tập thể ("Vấn đề ruộng đất và phong trào dân chủ - xã hội" của A. Phi-nơ, tr. 69). Những tiết 7 và 14 trong đề án của nhóm 104 người cho thấy rằng quan điểm này là sai. Trong những §§ ấy, phái lao động có dự kiến cả việc trả một món tiền cho ruộng đất (thuế ruộng đất, thuế này tăng theo tỷ lệ với phần đất được chia) và việc chuyển địa tô chênh lệch vào tay nhà nước ("hạn chế quyền được tăng giá" ruộng đất, "vì nó không phụ thuộc vào lao động và vào tư bản của những người sở hữu, — điều này cần NB! Phái lao động không phản đối tư bản! — mà phụ thuộc vào những điều kiện xã hội"). Đành rằng về những đất thuộc thành phố và các đất khác, § 7 có nói: quyền của những người sở hữu, v.v., cần phải hạn chế "cho đến khi những tài sản đó chuyển thành tài sản của toàn dân". Nhưng có lẽ đó là một sự lầm lẫn: nếu không thì hoá ra là phái lao động chủ trương lấy địa tô của những người tư hữu, nhưng giao lại địa tô đó cho những người sở hữu, là những người nắm giữ ruộng đất của toàn dân!

quy định rằng "dân cư địa phương được ưu tiên hơn dân cư ở ngoài đến; nhân khẩu nông nghiệp được ưu tiên hơn nhân khẩu phi nông nghiệp", — điều đó một lần nữa chứng tỏ rằng phái lao động đặt lợi ích của những người tiểu chủ lên hàng đầu. "Quyền bình đẳng về ruộng đất" chỉ là một câu nói suông; những món nhà nước cho vay và trợ cấp cho "những người thiếu tiền để mua sắm những cái cần thiết cho việc kinh doanh của họ" (§ 15 đề án ruộng đất của 104 người) — đó chỉ là những điều mong ước ngây thơ; kỳ thật thì tất nhiên là và nhất định là chỉ có những kẻ bây giờ đây có thể trở thành những nghiệp chủ vững vàng, chỉ có những người bây giờ đây từ chỗ là những nông dân bị nô dịch biến thành những người nông dân tự do và khá giả, mới có lợi mà thôi. Đương nhiên, lợi ích của giai cấp vô sản đòi hỏi phải ủng hộ những biện pháp nào góp phần đẩy mạnh nhiều hơn cả việc chuyển nền nông nghiệp Nga từ tay bọn địa chủ — chủ nô và những nông dân bị nô dịch, bị hãm trong vòng ngu muội, cùng khổ và cổ hủ, sang tay những người phéc-mi-ê. Đề án của nhóm "104 người" chính là một cương lĩnh đấu tranh để biến cái bộ phận khá giả trong giai cấp nông dân bị nô dịch thành những người phéc-mi-ê tự do.

5. CHẾ ĐỘ CHIẾM HỮU RUỘNG ĐẤT TRUNG CỎ VÀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

Hiện nay vấn đề đặt ra là: trong những điều kiện kinh tế của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản về ruộng đất ở Nga, liệu có những lý do vật chất khiến cho những người tư hữu nhỏ đòi hỏi phải quốc hữu hoá ruộng đất không, hay yêu cầu đó cũng chỉ là một câu nói suông, một điều mong ước ngây thơ của người mu-gích tầm thường, một điều mơ ước hão huyền của người nông dân gia trưởng?

Muốn trả lời vấn đề ấy, trước hết chúng ta phải có một ý niệm thật rõ ràng về những điều kiện của mọi cuộc cách

mạng dân chủ - tư sản trong nông nghiệp, để rồi sau đó đem đối chiếu những điều kiện đó với *hai con đường* phát triển tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp, mà nước Nga có khả năng có cả hai con đường này, như chúng tôi đã vạch ra trên đây.

Về những điều kiện của cuộc cách mạng tư sản trong nông nghiệp, xét theo quan điểm những quan hệ sở hữu ruộng đất, thì Mác đã nói rất rõ trong tập cuối quyển "Các học thuyết về giá trị thặng dư" ("Theorien über den Mehrwert", II. Band, 2. Teil, Stuttgart, 1905).

Sau khi đã phân tích những quan điểm của Rốt-béc-tút và vạch ra tất cả tính chất hạn chế của cái học thuyết của người địa chủ xứ Pô-mê-ra-ni này; sau khi đã kê ra tỉ mỉ từng biểu hiện của sự dằn độn của ông này (II, 1. Teil, S. 256 - 258, erster Blödsinn — sechster Blödsinn des Herrn Rodbertus¹⁾), Mác chuyển sang phân tích lý luận về địa tô của Ri-các-đô (II, 2. Teil, § 3 b) "Những điều kiện lịch sử của học thuyết Ri-các-đô"⁹⁷.

Bàn về Ri-các-đô và An-đéc-xôn, Mác nói: "Cả hai ông đều xuất phát từ một quan điểm rất kỳ quái đối với dân lục địa, cho rằng 1) chế độ sở hữu ruộng đất không hề tồn tại với tư cách là một trở ngại cho mọi việc đầu tư vào ruộng đất; 2) người làm ruộng chuyển từ những ruộng đất tốt nhất sang những ruộng đất xấu nhất. Đối với Ri-các-đô, tiền đề này có một ý nghĩa tuyệt đối, nếu không tính đến những gián đoạn trong phát triển do sự can thiệp của khoa học và công nghiệp; còn đối với An-đéc-xôn thì tiền đề này là tương đối, vì đất từ chỗ rất xấu lại trở thành tốt hơn; 3) lúc nào cũng có sẵn một số tư bản nhàn rỗi, một khối lượng tư bản đủ để đưa vào nông nghiệp.

Về các điểm 1 và 2, những người dân lục địa nhất định

1) — tập II, phần 1, tr. 256 - 258, từ điều vô nghĩa thứ nhất đến điều vô nghĩa thứ sáu của ông Rốt-béc-tút.

phải cảm thấy hết sức kỳ lạ là tại sao ở trong một nước mà theo họ, chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến được duy trì mạnh mẽ nhất, các nhà kinh tế học - cả Ri-các-đô lẫn An-đéc-xôn — lại xuất phát từ giả thiết là chế độ sở hữu ruộng đất không tồn tại. Sở dĩ như thế là do:

một là, đặc điểm của "law of enclosures" (đạo luật rào đất, tức là rào những đất công xã) ở Anh, luật đó chẳng có gì giống với việc phân chia ruộng đất công ở lục địa;

hai là, không ở một nơi nào trên thế giới, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, kể từ thời Hen-rích VII trở đi, lại đối xử với chế độ ruộng đất cổ truyền một cách tàn khốc đến như vậy; không ở một nơi nào, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa lại đã tạo ra được cho nó những điều kiện hoàn thiện (hoàn hảo = thích hợp một cách lý tưởng) đến như vậy; không ở một nơi nào, nó đã chi phối được những điều kiện đó tới mức như vậy. Về mặt này mà nói, nước Anh là nước cách mạng nhất thế giới. Tất cả những chế độ mà lịch sử đã để lại, nơi nào chúng trái với những điều kiện của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp, hay không phù hợp với những điều kiện ấy, thì chúng đều bị quét sạch không thương tiếc: không những vị trí của các thôn xã bị thay đổi, mà ngay cả bản thân các thôn xã đó cũng bị quét sạch; không những nhà cửa và những nơi cư trú của dân cư nông nghiệp bị quét sạch, mà ngay cả dân cư cũng bị quét sạch; không những các trung tâm kinh tế cổ truyền bị quét sạch, mà thậm chí ngay cả nền kinh tế đó cũng bị quét sạch. Đối với người Đức chẳng hạn, chế độ kinh tế là do những mối quan hệ cổ truyền về ruộng đất công xã (Feldmarken), do vị trí của các trung tâm kinh tế, do các địa điểm tập trung dân cư, quyết định. Ở Anh thì những chế độ lịch sử của nông nghiệp lại là do tư bản dần dần cấu thành, bắt đầu từ thế kỷ XV. Cái thuật ngữ thường dùng ở Vương quốc Anh "clearing of estates" (nghĩa đen là: dọn quang các lãnh địa hay quét sạch ruộng đất) không thấy có ở một nước nào

trên lục địa. Vậy "clearing of estates" này nghĩa là gì? Nó có nghĩa là người ta chẳng kể gì đến dân cư định cư cả - người ta trục xuất họ đi, — chẳng kể gì đến những làng mạc hiện có — người ta san chúng thành bình địa, — chẳng kể gì đến những công trình kinh doanh gì cả — người ta đập phá chúng đi, — chẳng kể gì đến những hình thức kinh tế nông nghiệp này hay hình thức kinh tế nông nghiệp khác hiện có — người ta thay đổi tuốt bằng cách, chẳng hạn, biến ruộng đất cây cấy thành đồng cỏ chăn nuôi; tóm lại, người ta không tiếp thu tất cả những điều kiện sản xuất dưới cái hình thức mà trước đây chúng vẫn tồn tại theo truyền thống, mà trong lịch sử người ta *đã sáng tạo ra* những điều kiện đó dưới một hình thức sao cho chúng đáp ứng trong từng trường hợp với những yêu cầu của một sự đầu tư tư bản có lợi nhất. Như vậy là trong chừng mực đó, thực tế *không có chế độ sở hữu ruộng đất* bởi vì chế độ này cho phép tư bản — cho phép người phéc-mi-ê — có thể tự do kinh doanh, chỉ quan tâm đến thu nhập bằng tiền. Cho nên, một địa chủ nào đó ở xứ Pô-mê-ra-ni, trong đầu óc chỉ biết có những ruộng đất công xã cổ truyền (angestamnten), những trung tâm kinh tế, những cục quản lý nông nghiệp, v.v., thì có thể phát hoảng, giơ tay lên trời khi nghe nói đến cái quan niệm "phi lịch sử" của Ri-các-đô về sự phát triển của những chế độ ruộng đất. Song như thế hẳn chỉ chứng tỏ rằng hẳn đã lẫn lộn một cách ngây thơ những điều kiện ở Pô-mê-ra-ni với những điều kiện ở Anh. Mặt khác, người ta hoàn toàn không thể nói được rằng Ri-các-đô — một người mà trong trường hợp này đã xuất phát từ những điều kiện ở Anh — cũng thiên cận như gã địa chủ xứ Pô-mê-ra-ni mà tư tưởng chỉ bó hẹp trong phạm vi những quan hệ ở Pô-mê-ra-ni. Bởi vì những điều kiện ở Anh là những điều kiện duy nhất trong đó chế độ sở hữu ruộng đất hiện nay, nghĩa là cái chế độ sở hữu ruộng đất *đã bị* nền sản xuất tư bản chủ nghĩa *cải*

biến đi, đã phát triển một cách đầy đủ (một cách hoàn bị lý tưởng). Ở đây, cái học thuyết của Anh về phương thức sản xuất hiện nay, nghĩa là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, đã tỏ ra là một học thuyết kinh điển. Trái lại, học thuyết của Pô-mê-ra-ni thì phân tích những điều kiện phát triển xét về mặt là một hình thức những quan hệ thấp hơn (chưa hoàn chỉnh) về mặt lịch sử, một hình thức chưa hình thành đầy đủ" (Seiten 5 - 7)⁹⁸.

Đây là ý kiến hết sức sâu sắc của Mác. Những "người chủ trương địa phương công hữu hoá" của chúng ta có bao giờ nghiền ngẫm về điểm đó không?

Ngay trong tập III, bộ "Tư bản" (2. Teil, S. 156), Mác đã từng chỉ ra rằng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa khi mới nảy sinh đứng trước một hình thức sở hữu ruộng đất *không phù hợp* với nó. Chủ nghĩa tư bản *tự tạo ra* cho nó những hình thức quan hệ ruộng đất thích hợp, xuất phát từ những hình thức cổ xưa — từ chế độ sở hữu ruộng đất địa chủ phong kiến, chế độ sở hữu công xã nông dân, chế độ sở hữu thị tộc, v.v.⁹⁹. Trong đoạn trích dẫn trên đây, Mác so sánh *các phương thức khác nhau* mà tư bản đã dùng để sáng tạo ra những hình thức chiếm hữu ruộng đất thích hợp với nó. Ở Đức, việc cải tạo những hình thức chiếm hữu ruộng đất trung cổ đã tiến hành có thể nói là theo một con đường cải lương, thích ứng với tập quán cổ hủ, với truyền thống, với những lãnh địa nông nô là những lãnh địa đã dần dần biến thành những doanh nghiệp của bọn gioong-ke, với những mảnh đất cổ truyền của những người nông dân "biếng nhác"* đã từng nếm trải bước chuyển biến đầy gian khổ từ chế độ lao dịch thành người cố nông và phú nông. Ở Anh, việc cải tạo

* Xem "Theorien über den Mehrwert", II. Band, I. Teil, Seite 280: điều kiện của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp là "người chủ xí nghiệp" (Geschaäftsmann)¹⁰⁰ "thay thế người nông dân biếng nhác".

đó đã tiến hành theo một con đường cách mạng, một con đường bạo lực, nhưng những thủ đoạn bạo lực lại được tiến hành có lợi cho bọn địa chủ, và giáng xuống đầu quần chúng nông dân bị sưu thuế nặng nề, bị đuổi khỏi xóm làng, buộc phải rời khỏi quê hương, chết vì chết đập hay lưu vong. Ở Mỹ, việc cải tạo đó đã được tiến hành bằng cách dùng bạo lực đối với những điền trang của bọn chủ nô ở các bang miền Nam. Ở đây, người ta đã dùng bạo lực đối với bọn địa chủ — chủ nô. Đất đai của họ bị xé nhỏ ra, điền trang phong kiến lớn biến thành điền trang tư sản nhỏ*. Còn đối với đại bộ phận đất đai "tự do" ở Mỹ thì cái sứ mệnh đó trong việc tạo ra những chế độ ruộng đất mới cho một phương thức sản xuất mới (nghĩa là cho chủ nghĩa tư bản) đã được hoàn thành bằng việc "chia đều ruộng đất ở Mỹ", bằng phong trào chống địa tô trong những năm 40 của thế kỷ XIX (Anti-Rent-Bewegung), bằng đạo luật về các trại ấp¹⁰¹ v.v.. Khi người cộng sản Đức Héc-man Cri-ghe, năm 1846, tuyên truyền việc chia đều ruộng đất ở Mỹ, Mác đã chế giễu những thiên kiến của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng và lý luận tiểu tư sản của cái chủ nghĩa xã hội giả danh này, nhưng đồng thời Người đã đánh giá ý nghĩa lịch sử của cái phong trào ở Mỹ chống chế độ tư hữu ruộng đất** là một phong

* Xem "Vấn đề ruộng đất" của Cau-xky (tr. 132 và những trang tiếp theo trong nguyên bản tiếng Đức), đoạn nói về sự lớn lên của các điền trang nhỏ ở miền Nam nước Mỹ sau khi xoá bỏ chế độ nô lệ.

** Báo "Tiến lên", 1905, số 15 (Giơ-ne-vơ, ngày 7/20 tháng Tư), bài "Mác bàn về phong trào "chia đều ruộng đất" ở Mỹ"¹⁾ (Mác và Ăngghen, Toàn tập, t. 2, Mê-rin-g xuất bản). "Chúng ta hoàn toàn thừa nhận — Mác viết năm 1846 — tính chính đáng lịch sử của phong trào của những người dân tộc - cải lương chủ nghĩa ở Mỹ. Chúng ta biết rằng phong trào này đang theo đuổi một kết quả tuy rằng lúc này có

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 10, tr. 62 - 70.

trào biểu hiện một cách tiến bộ những lợi ích của sự phát triển của lực lượng sản xuất, những lợi ích của chủ nghĩa tư bản ở Mỹ.

6. TẠI SAO NHỮNG NGƯỜI SỞ HỮU NHỎ Ở NGA LẠI PHẢI TÁN THÀNH CHỦ TRƯỞNG QUỐC HỮU HOÁ?

Xin hãy đứng trên quan điểm nói trên mà xét tình hình phát triển nông nghiệp ở Nga trong nửa sau của thế kỷ XIX.

Cuộc cải cách nông dân "vĩ đại" ở nước ta, việc cắt ruộng đất của nông dân, việc chuyển họ đến những chỗ "đất xấu", việc dùng lực lượng vũ trang bắn giết để thiết lập một chế độ ruộng đất mới, — đó là cái gì? Đó là hành vi bạo lực quy mô lớn đầu tiên chống nông dân để làm lợi cho chủ nghĩa tư bản mới phát sinh trong nông nghiệp. Đó là một cuộc "quét sạch ruộng đất" do bọn địa chủ tiến hành có lợi cho chủ nghĩa tư bản.

Đạo luật ruộng đất của Xtô-lư-pin căn cứ vào điều 87, một sự khuyến khích bọn cu-lắc cướp đoạt các công xã, một sự phá huỷ những quan hệ ruộng đất cũ bằng cách làm cho quần chúng phá sản nhanh chóng, có lợi cho một nhóm kẻ bóc lột giàu có, — đó là cái gì? Đó là bước lớn thứ hai trên con đường dùng bạo lực quy mô lớn chống nông dân, có lợi cho chủ nghĩa tư bản. Đó là cuộc

thể thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa công nghiệp của xã hội tư sản hiện đại, nhưng về mặt là kết quả của một phong trào vô sản, với tính cách là một đòn đá vào chế độ sở hữu ruộng đất nói chung, và đặc biệt là trong những điều kiện của Mỹ hiện nay, thì kết quả đó nhất định phải dẫn tới chủ nghĩa cộng sản, do chính những hậu quả của bản thân kết quả đó. Cri-ghe, một người đã cùng với những người cộng sản Đức ở Niu-ôóc tham gia phong trào chống địa tô (Anti-Rent-Bewegung), giờ đây lại đi dùng những câu nói hoa mỹ rỗng tuếch để tô điểm cho sự việc giản đơn đó, mà không đi sâu vào nội dung của phong trào¹⁰².

"quét sạch ruộng đất" lần thứ hai *do bọn địa chủ* tiến hành, có lợi cho chủ nghĩa tư bản.

Còn việc quốc hữu hoá ruộng đất do phái lao động chủ trương trong cách mạng Nga, là cái gì?

Đó là *một cuộc "quét sạch ruộng đất" do nông dân tiến hành, có lợi cho chủ nghĩa tư bản.*

Nguyên nhân chủ yếu của tất cả những điều ngu ngốc rất có chủ định của phái chủ trương địa phương công hữu hoá ở nước ta, chính là do chỗ họ không hiểu được cái cơ sở *kinh tế* của cuộc cách mạng ruộng đất tư sản ở Nga, dưới hai hình thái có thể xảy ra của nó: cách mạng tư sản kiểu địa chủ và cách mạng tư sản kiểu nông dân. Không có cuộc "quét sạch" những quan hệ ruộng đất trung cổ và những chế độ trung cổ, một phần có tính chất phong kiến, một phần có tính chất Á châu, thì cuộc cách mạng tư sản *không thể* diễn ra trong nông nghiệp được, vì do tính tất yếu kinh tế, tư bản *cần phải* tạo ra cho mình một chế độ ruộng đất *mới* thích ứng với những điều kiện mới của nền nông nghiệp hàng hoá tự do. Việc "quét sạch" cái đống rác trung cổ đó trong lĩnh vực quan hệ ruộng đất nói chung và trước hết là chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ, phải dựa đến chủ yếu là những ruộng đất của địa chủ và ruộng đất được chia của nông dân, bởi vì cả hai hình thức chiếm hữu ruộng đất này, ngày nay, dưới cái hình thức hiện nay của nó, là phù hợp với chế độ lao dịch, với những tàn dư của chế độ điều dịch, với chế độ nô dịch, chứ không phù hợp với nền kinh tế tự do đang phát triển trong khuôn khổ tư bản chủ nghĩa. Không nghi ngờ gì cả, cuộc "quét sạch" của Xtô-lư-pin đi theo đường lối phát triển tư bản chủ nghĩa tiến bộ của nước Nga, nhưng nó lại chỉ hoàn toàn thích ứng với những lợi ích của bọn địa chủ: cứ bắt nông dân giàu có phải trả giá đất gấp bội cho ngân hàng "nông dân" (xin đọc là ngân hàng địa chủ), để bù lại việc chúng ta sẽ cho họ

được quyền tự do cướp bóc công xã, dùng bạo lực tước đoạt quần chúng, khoanh tròn đất đai của họ thành khối, đuổi nông dân nghèo đi, phá hoại đến tận những cơ sở của đời sống của cả hàng bao làng xóm, và tạo ra bất cứ bằng giá nào những khoảnh ruộng đất riêng lẻ mới, cơ sở của một nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa mới, tạo ra cơ sở đó bất chấp tất cả, chẳng kể gì đến nền kinh tế và đời sống của không biết bao nhiêu nông dân "cổ truyền" trên đất được chia. Đương nhiên, đường lối đó có một ý nghĩa kinh tế: đường lối đó phản ánh *một cách đúng đắn* tiến trình *thật sự* của sự phát triển, đúng như nó phải diễn ra *dưới sự thống trị* của bọn địa chủ đang chuyển thành gioong-ke.

Vậy còn đường lối khác nữa, đường lối nông dân, là đường lối gì? Hoặc là, đường lối ấy không thể thực hiện được về mặt kinh tế, và như vậy thì tất cả những lời nói về chuyện nông dân tịch thu ruộng đất của địa chủ, về cuộc cách mạng ruộng đất nông dân, v.v., đều chẳng qua chỉ là sự bịp bợm thuần túy hay sự mơ mộng hão huyền. Hoặc là, đường lối ấy có thể thực hiện được về mặt kinh tế với điều kiện là một yếu tố của xã hội tư sản chiến thắng được một yếu tố khác cũng của xã hội đó, — và như vậy thì chúng ta phải hình dung rõ và phải chỉ rõ cho nhân dân thấy những điều kiện cụ thể của sự phát triển ấy, những điều kiện của việc nông dân cải tạo những quan hệ ruộng đất cũ theo một phương thức mới, phương thức tư bản chủ nghĩa.

Ở đây, tự nhiên là ta phải nghĩ rằng: đường lối nông dân đó đúng là *sự phân chia* ruộng đất của địa chủ và đem cấp ruộng đất ấy cho nông dân làm của sở hữu. Hay lắm. Nhưng muốn cho sự phân chia đó phù hợp với những điều kiện thật sự mới, tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp, thì sự phân chia đó phải được tiến hành theo một phương thức mới, chứ không phải theo phương thức cũ. Cơ sở

của sự phân chia không thể là cái phần đất được chia cũ, đã chia cho nông dân từ hàng trăm năm nay theo ý muốn của những quản gia của địa chủ hay bọn quan lại của chế độ chuyên chế Á châu; cơ sở đó phải căn cứ vào những yêu cầu của một nền nông nghiệp hàng hoá và tự do. Muốn thoả mãn những yêu cầu của chủ nghĩa tư bản, sự phân chia phải được tiến hành giữa *bọn phéc-mi-ê*, chứ không phải giữa những người nông dân "biếng nhác" mà tuyệt đại đa số vẫn làm ăn theo tập quán cổ hủ, theo truyền thống, phù hợp với những điều kiện gia trưởng, chứ không phải tư bản chủ nghĩa. Sự phân chia thực hiện theo những tiêu chuẩn cũ, nghĩa là phù hợp với chế độ chiếm hữu ruộng đất cổ xưa với chế độ ruộng đất được chia, sẽ không phải là *quét sạch* chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ, mà là *vĩnh viễn duy trì* chế độ này, không phải là dọn đường cho chủ nghĩa tư bản, mà là *làm nghẽn* đường của nó bởi một đám người "biếng nhác" không thích ứng và không có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, không thể nào trở thành những phéc-mi-ê được. Muốn đánh dấu một bước tiến, sự phân chia phải đặt trên cơ sở một sự phân hoá *mới* trong số những người nông dân có ruộng đất, sự phân hoá tách các phéc-mi-ê ra khỏi mọi thứ vô dụng. Và sự phân hoá mới đó chính là việc quốc hữu hoá ruộng đất, nghĩa là hoàn toàn xoá bỏ chế độ tư hữu ruộng đất, hoàn toàn tự do kinh doanh ruộng đất, tự do cho giai cấp nông dân cũ chuyển hoá thành những phéc-mi-ê.

Các bạn hãy hình dung nền kinh tế nông dân ngày nay và tính chất của chế độ sở hữu ruộng đất được chia, tức là chế độ chiếm hữu của nông dân xưa kia. "Được công xã nông thôn tập hợp thành những liên hợp rất nhỏ với tư cách là đơn vị hành chính và đơn vị để thu thuế và đơn vị chiếm hữu ruộng đất, nông dân lại bị xé nhỏ ra bởi rất nhiều cách phân loại khác nhau thành nhiều hạng tuỳ theo diện tích của phần ruộng được chia, số thuế,

v.v.. Ta hãy lấy chẳng hạn tập tài liệu thống kê của Hội đồng địa phương tỉnh Xa-ra-tốp mà nói; trong đó, nông dân gồm có những hạng như sau: nông dân được cấp không ruộng đất, nông dân tư hữu, nông dân hoàn toàn tư hữu, nông dân nhà nước, nông dân nhà nước có ruộng đất công xã, nông dân nhà nước có khoảnh ruộng tsét-véc, nông dân nhà nước nguyên thuộc địa chủ, nông dân thái ấp, nông dân thuê ruộng công, nông dân không có ruộng đất, nông dân tư hữu nguyên là nông nô của địa chủ, nông dân đã chuộc lại vườn tược, nông dân tư hữu nguyên là nông dân thái ấp, nông dân tư hữu ở nơi khác đến khai khẩn, nông dân di cư, nông dân trước kia lệ thuộc địa chủ được cấp không ruộng đất, nông dân tư hữu nguyên là nông dân nhà nước, nông dân được giải phóng, nông dân được miễn lao dịch, người dân cày tự do, nông dân tạm thời còn phải làm lao dịch, nông dân trước kia làm trong công xưởng, v.v., đó là chưa kể những nông dân định cư, nông dân ở nơi khác đến, v.v.¹⁰³. Chỗ khác nhau của tất cả các hạng nông dân đó là về lịch sử những quan hệ ruộng đất, diện tích phần ruộng được chia, suất thuế, v.v., v.v.. Trong mỗi một hạng đó còn có rất nhiều sự phân biệt tương tự nữa; thậm chí có lúc nông dân trong cùng một làng mà cũng chia thành hai loại hoàn toàn khác nhau: "trước kia thuộc ông N. N." và "trước kia thuộc bà M. M.". Tất cả tình trạng phân loại rút ra như vậy là tự nhiên và tất yếu trong thời trung cổ". Nếu sự phân chia *mới* những ruộng đất của địa chủ tiến hành phù hợp với chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến đó, — dù sự phân chia được tiến hành sao cho có được một

* "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản", ch. V, IX: "Một vài nhận xét về nền kinh tế tiền tư bản chủ nghĩa ở nông thôn nước ta", tr. 293¹⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3, tr. 476 - 477.

tiêu chuẩn thống nhất, nghĩa là phân chia thành những phần đều nhau, hay là sao cho có một tỷ lệ nào đó giữa cái mới và cái cũ, hay là một cách nào khác, — thì sự phân chia ấy không những không đảm bảo được cho những ruộng đất được phân phối phù hợp với những yêu cầu của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, mà trái lại *sẽ còn củng cố thêm* cái tình trạng *không phù hợp* hiển nhiên. Một sự phân chia như thế *sẽ gây khó khăn* cho sự tiến hoá xã hội, sẽ trói buộc cái mới vào cái cũ, chứ không giải phóng cái mới *khỏi* cái cũ. *Chỉ* có việc quốc hữu hoá ruộng đất mới là một sự giải phóng thật sự, vì nó giúp cho các phéc-mi-ê *có thể hình thành*, giúp cho lối kinh doanh phéc-mi-ê *có thể hình thành* không bị trói buộc một chút nào vào lối kinh doanh cũ và không quan hệ gì với chế độ chiếm hữu ruộng đất được chia kiểu trung cổ.

Sau ngày xoá bỏ chế độ nông nô, quá trình tiến hoá tư bản chủ nghĩa trên những ruộng đất được chia kiểu trung cổ của nông dân ở Nga đã diễn ra một cách khiến cho những yếu tố kinh tế tiến bộ *thoát khỏi* ảnh hưởng quyết định của cái mảnh đất được chia. Một mặt, những người vô sản đã tự giải phóng mình bằng cách đem những phần đất được chia của mình cho thuê lại, bằng cách bỏ những phần đất ấy, bằng cách để hoá không cây cấy. Mặt khác, *những nghiệp chủ* đã tự giải phóng mình bằng cách mua hoặc thuê ruộng đất, xây dựng nông trang *mới* bằng *các mảnh đất thuộc các loại* của chế độ chiếm hữu ruộng đất trung cổ cũ. Đất đai do người nông dân Nga ít nhiều khá giả hiện nay — nghĩa là người nông dân thật sự có khả năng trở thành một phéc-mi-ê tự do với điều kiện cách mạng kết thúc thắng lợi — đang canh tác gồm một phần là cái mảnh đất được chia của anh ta, một phần là ruộng đất thuê của người bên cạnh cũng là một thành viên trong công xã, và một phần đất đai nữa có thể là đất đai thuê dài hạn của nhà nước, hoặc là đất đai do thuê lại hàng năm của địa

chủ, hoặc là đất đai do mua của ngân hàng, v.v.. Chủ nghĩa tư bản đòi hỏi phải xoá bỏ *tất cả những* sự khác nhau đó trong các loại hình; nó đòi hỏi mọi sự kinh doanh ruộng đất đều nhất luật phải tổ chức phù hợp với những điều kiện mới và yêu cầu mới của thị trường, với những yêu cầu của kỹ thuật nông nghiệp. Việc quốc hữu hoá ruộng đất thực hiện yêu cầu đó bằng phương pháp cách mạng của nông dân, đồng thời nó giải thoát luôn và giải thoát hoàn toàn nông dân khỏi *toàn bộ* cái mớ rác rưởi cũ gồm *tất cả những* hình thức chiếm hữu ruộng đất kiểu trung cổ. Không được có chế độ chiếm hữu địa chủ, cũng không được có chế độ chiếm hữu phần ruộng *được chia*; mà chỉ được có một chế độ chiếm hữu ruộng đất mới, tự do, — đó là khẩu hiệu của người nông dân cấp tiến. Và khẩu hiệu này phản ánh một cách đúng đắn nhất, triệt để nhất và kiên quyết nhất những lợi ích của chủ nghĩa tư bản (cái chủ nghĩa mà người nông dân cấp tiến, do ngây thơ, đã làm dấu chữ thập cầu chúa ban ơn cho tránh được), những lợi ích của một sự phát triển tối đa của sức sản xuất của ruộng đất trong điều kiện của nền sản xuất hàng hoá.

Qua đó, ta có thể đánh giá được sự tinh tế của Pi-ốt Ma-xlốp, người đã đưa ra một cương lĩnh ruộng đất *chỉ* khác cương lĩnh của những người nông dân thuộc phái lao động ở chỗ là cương lĩnh của ông ta chủ trương *củng cố* chế độ cũ, chế độ chiếm hữu phần ruộng được chia kiểu trung cổ! Phần ruộng được chia của nông dân, đó là cái vòng kín trong đó nông dân nghệt thở, và họ đang tìm cách thoát ra để vươn tới mảnh đất tự do*. Thế mà, bất chấp những

* Đảng viên "xã hội chủ nghĩa - cách mạng", ông Mu-sen-cô, người đã trình bày một cách hết sức đầy đủ tại Đu-ma II những quan điểm của đảng mình, đã tuyên bố trắng ra rằng: "*Chúng tôi giương cao lá cờ giải phóng ruộng đất!*" (phiên họp thứ 47, ngày 26 tháng Năm 1907, tr. 1174). Phải là người mù mới không nhận thấy không những tính chất thật sự, tính chất *tư bản chủ nghĩa* của lá cờ mệnh danh là "xã

yêu sách của nông dân có một mảnh đất tự do, nghĩa là mảnh đất quốc hữu hoá, Pi-ốt Ma-xlốp lại toan duy trì vĩnh viễn cái vòng đó, lại toan củng cố chế độ cũ, lại chủ trương đặt những đất đai tốt nhất — tịch thu của địa chủ để đem sử dụng tập thể — dưới những điều kiện của chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ và lối kinh doanh cũ. *Trên thực tế*, người nông dân thuộc phái lao động là một nhà cách mạng tư sản kiên quyết nhất, còn trên lời nói thì anh ta là một người không tưởng tiểu tư sản coi việc "chia đều ruộng đất" là bước khởi đầu của sự hoà hợp và tình hữu ái*, chứ không phải là bước khởi đầu của phương thức kinh doanh nông nghiệp kiểu phéc-mi-ê tư bản chủ nghĩa. Pi-ốt Ma-xlốp trên thực tế là một gã phản động, vì sợ nổ ra một vụ Văng-đê của thế lực phản cách mạng sau này, nên chủ trương củng cố những yếu tố phản cách mạng hiện nay của chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ, duy trì vĩnh viễn cái vòng trói buộc nông dân, nhưng miệng lại nói những lời trống rỗng, học thuộc lòng một cách ngu ngốc, về sự tiến bộ tư sản. Ma-xlốp và đồng bọn đã hoàn toàn chẳng hiểu gì về những điều kiện thật sự của một sự tiến bộ tư sản thật sự tự do của nông nghiệp Nga, chứ không phải một sự tiến bộ tư sản kiểu Xtô-lư-pin.

Sự khác nhau giữa cái chủ nghĩa Mác tầm thường của Pi-ốt Ma-xlốp và những phương pháp nghiên cứu mà Mác đã thật sự vận dụng, biểu lộ một cách hết sức rõ ràng trong thái độ đối với những ước vọng không tưởng tiểu

hội chủ nghĩa" đó (điều mà Pi-ốt Ma-xlốp cũng nhận thấy), mà cả bản chất kinh tế tiến bộ của một cuộc cách mạng ruộng đất *như thế* so với cuộc cách mạng dân chủ - lập hiến kiểu Xtô-lư-pin (điều này thì Pi-ốt Ma-xlốp không nhận thấy).

* Xem sự diễn tả ngày thơ cái quan điểm cách mạng tư sản này trong bài diễn văn của nhà "lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân" Vôn-cơ - Ca-ra-tsep-xki về "bình đẳng, bác ái, tự do" (Đu-ma II, phiên họp thứ 16, ngày 26 tháng Ba 1907, tr. 1077 - 1080).

tư sản của những người dân tuý (của cả những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng nữa). Năm 1846, Mác đã thẳng tay vạch trần cái đầu óc tiểu tư sản của nhà xã hội chủ nghĩa - cách mạng Mỹ Héc-man Cri-ghe, người đã đề nghị việc thật sự chia đều ruộng đất ở Mỹ, gọi việc chia đều đó là "chủ nghĩa cộng sản". Sự phê phán biện chứng và cách mạng của Mác đã vứt bỏ cái vỏ ngoài cần cỗi của học thuyết tiểu tư sản và *lấy ra* cái hạt nhân lành mạnh tức là "những đòn đánh vào chế độ tư hữu ruộng đất" và "phong trào chống địa tô". Còn những nhà mác-xít tầm thường của ta thì trong khi phê phán "việc chia bình quân ruộng đất", "việc xã hội hoá ruộng đất", "quyền bình đẳng về ruộng đất", lại *chỉ biết* có bác bỏ học thuyết và như vậy là chính họ lại lộ ra cái chủ nghĩa không luận thiên cận của họ, tức là cái chủ nghĩa không thấy được thực tế sinh động của cuộc cách mạng nông dân dưới học thuyết ồm yếu của lý luận dân tuý. Ma-xlốp và những người men-sê-vích đã đẩy cái chủ nghĩa không luận dân độn ấy — cái chủ nghĩa đã được biểu hiện trong cương lĩnh "địa phương công hữu hoá" ở ta chủ trương củng cố chế độ sở hữu ruộng đất trung cổ lạc hậu nhất — tới mức là tại Đu-ma II, nhân danh Đảng dân chủ - xã hội người ta đã có thể nói ra điều thật sự nhục nhã như thế này: "... Nếu trong vấn đề phương thức chuyển nhượng ruộng đất, lập trường của chúng tôi (những người dân chủ - xã hội) rất gần với lập trường của những đảng đoàn kia (đảng đoàn dân tuý) hơn là với lập trường của đảng đoàn của phái tự do nhân dân, thì trái lại, trong vấn đề các hình thức sử dụng ruộng đất, lập trường của chúng tôi lại xa họ hơn" (phiên họp thứ 47, ngày 26 tháng Năm 1907, bản tường thuật tốc ký, tr. 1230).

Thật vậy, trong cuộc cách mạng ruộng đất nông dân, những người men-sê-vích có một lập trường xa hơn với chủ trương quốc hữu hoá cách mạng của nông dân và gần hơn với chủ trương duy trì chế độ sở hữu phần ruộng được

chia (và không phải chỉ có sở hữu phần ruộng được chia mà thôi) mà bọn địa chủ tự do chủ nghĩa đưa ra. Duy trì chế độ sở hữu phần ruộng được chia là duy trì tình trạng ngu muội, lạc hậu và nô dịch. Dĩ nhiên, gã địa chủ tự do chủ nghĩa mong ước việc chuộc lại nên càng ra sức bênh vực chủ trương duy trì chế độ sở hữu phần ruộng được chia *... đồng thời, duy trì một phần lớn đất đai địa chủ! Thế mà người dân chủ - xã hội bị "phái chủ trương địa phương công hữu hoá" mê hoặc, đã không hiểu rằng lời nói bay qua mà sự việc thì còn sờ sờ ra đó. Lời nói về sự bình quân, xã hội hoá, v.v., sẽ bay qua, bởi vì *không thể* có sự bình quân trong nền sản xuất hàng hoá. Nhưng *sự việc* thì vẫn còn sờ sờ ra đó, đó là sự đoạn tuyệt lớn có thể có, dưới chủ nghĩa tư bản, với quá khứ phong kiến, với chế độ chiếm hữu phần ruộng được chia kiểu trung cổ, với mọi tập quán cổ hủ và lâu đời. Khi người ta nói: "với việc chia bình quân, sẽ chẳng mang lại kết quả gì cả", thì người mác-xít cần hiểu rằng mấy chữ "chẳng mang lại kết quả gì" *chỉ* là nói về những nhiệm vụ xã hội chủ nghĩa, chỉ là nói rằng làm như thế, chủ nghĩa tư bản sẽ không bị xoá bỏ đâu. Nhưng những mưu toan phân chia như vậy, thậm chí chủ trương phân chia như vậy sẽ mang lại *rất nhiều* cho cuộc cách mạng dân chủ - tư sản.

* Nhân tiện xin nói qua rằng những người men-sê-vích (kể cả đồng chí Txé-rê-tê-li mà trên đây tôi đã trích bài diễn văn) đã lầm to khi nghĩ rằng bọn dân chủ - lập hiến bênh vực một cách ít nhiều triệt để chế độ tư hữu *tự do* của nông dân. Điều đó *không đúng*. Tại Đu-ma II, ông Cút-le đã nhân danh Đảng dân chủ - lập hiến đứng ra bênh vực chế độ tư hữu (khác với dự án dân chủ - lập hiến tại Đu-ma I nói về dự trữ ruộng đất của nhà nước); nhưng đồng thời ông ta lại nói: "*đảng cho rằng chỉ (!) hạn chế họ (tức là nông dân) trong quyền chuyển nhượng và quyền cầm cố mà thôi, nghĩa là phòng ngừa sau này việc mua bán ruộng đất sẽ lan tràn*" (phiên họp thứ 12, ngày 19 tháng Ba 1907, bản tường thuật tốc ký, tr. 740). Đó là một cương lĩnh *cực kỳ phản động của một tên quan lại* trá hình thành một gã thuộc phái tự do.

Bởi vì cuộc cách mạng này có thể diễn ra, hoặc là bằng cách làm cho bọn địa chủ chiếm ưu thế đối với nông dân, nhưng muốn thế thì phải duy trì, chỉ độc bằng sức mạnh của đồng rúp, chế độ sở hữu cũ và phương thức cải cách của Xtô-lư-pin. Hoặc là cuộc cách mạng đó sẽ diễn ra thông qua sự thắng lợi của nông dân đối với bọn địa chủ, nhưng điều này không thể xảy ra được, vì những điều kiện khách quan của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, và nếu không xoá bỏ tất cả chế độ sở hữu ruộng đất trung cổ, chế độ sở hữu địa chủ và chế độ sở hữu nông dân. Hoặc là cải cách ruộng đất kiểu Xtô-lư-pin, hoặc là quốc hữu hoá ruộng đất kiểu cách mạng nông dân. Đứng về mặt kinh tế mà xét, *chỉ* có những giải pháp đó là thực tế. Tất cả mọi giải pháp trung gian, từ chủ trương địa phương công hữu hoá men-sê-vích cho đến chủ trương cho chuộc lại của phái dân chủ - lập hiến, đều là giải pháp thiên cận tiểu tư sản, đều là một sự xuyên tạc học thuyết một cách ngu ngốc, đều là một phát kiến tồi.

7. NÔNG DÂN VÀ PHÁI DÂN CHỦ TƯ BẢN VỀ VIỆC QUỐC HỮU HÓA RUỘNG ĐẤT ĐƯỢC CHIA

Xoá bỏ chế độ sở hữu ruộng đất được chia là một điều kiện để tạo ra một nền kinh tế nông dân tự do phù hợp với những điều kiện mới, tư bản chủ nghĩa, — đó là điều mà chính nông dân cũng nhận thức được một cách hết sức rõ ràng. Ông Grô-man, người đã miêu tả những cuộc tranh luận ở các đại hội nông dân * một cách rất chi tiết và chính xác, đã dẫn lại ý kiến đặc sắc sau đây của một nông dân:

* "Những tài liệu về vấn đề nông dân" (Báo cáo về những phiên họp của Đại hội đại biểu của Hội liên hiệp nông dân toàn Nga, từ ngày 6 đến ngày 10 tháng Mười một 1905. Có thêm "Lời nói đầu" của V. Grô-man. Nhà xuất bản "Thế giới mới", Xanh Pê-téc-bua, 1905, tr. 12).

"Trong cuộc thảo luận về vấn đề chuộc lại, một đại biểu, không bị ai bác lại về thực chất, đã phát biểu: "người ta nói rằng nếu không đề ra biện pháp chuộc lại thì nhiều nông dân đã bỏ tiền lao động ra mua ruộng đất, sẽ bị thiệt thòi. Những người này không đông lắm, ruộng đất của họ cũng không nhiều lắm, *đảng nào họ cũng sẽ nhận được ruộng đất khi phân phối*". Chính điều này giải thích tại sao họ sẵn sàng từ bỏ quyền sở hữu về những phần đất được chia cũng như về những ruộng đất mà họ đã mua".

Và dưới đó một chút (tr. 20), ông Grô-man lại nhắc lại điều đó, coi đây là ý kiến chung của nông dân.

"*Đảng nào họ cũng sẽ nhận được ruộng đất khi phân phối!*" Há chẳng phải rõ ràng lý lẽ này dựa vào sự tất yếu *kinh tế* nào mà ra, đó sao? Việc phân phối mới toàn bộ ruộng đất địa chủ và ruộng đất được chia cho nông dân, không thể làm giảm bớt số hữu ruộng đất của chín phần mười (hay nói cho đúng hơn là 99 phần trăm) số nông dân; cho nên không có gì phải lo ngại cả. Và việc phân phối mới là cần thiết, vì nó sẽ giúp cho những nghiệp chủ thật sự, nghiệp chủ chính cống, có thể căn cứ vào những điều kiện mới, những yêu cầu mới của chủ nghĩa tư bản (những "mệnh lệnh của thị trường" đối với những người sản xuất riêng lẻ) mà vạch ra quy hoạch sử dụng đất đai của mình, khỏi phải lệ thuộc vào những quan hệ trung cổ là những cái đã quy định diện tích, vị trí, cách phân phối chính phần ruộng được chia.

Ông Pê-sê-khô-nốp, một người "lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân" (xin đọc là: dân chủ - lập hiến - xã hội) có đầu óc thực tiễn và sáng suốt, người đã khéo biết — như ta đã thấy — thích ứng với những yêu cầu của số đông nghiệp chủ nhỏ ở Nga, đã nói lên quan điểm đó một cách còn cụ thể hơn.

"Ruộng đất được chia, — ông ta viết, — về mặt sản xuất, là bộ phận quan trọng nhất của lãnh thổ thì lại ở trong tay một đẳng cấp, tệ hơn thế nữa: nó ở trong tay những nhóm nhỏ trong đẳng cấp này, trong tay những nông hộ cá biệt nào đó và những thôn xóm nào đó. Thành

thử ngay cả trong phạm vi những đất được chia, nông dân — nhìn chung mà nói — cũng không thể lập nghiệp tự do được.... *Sự phân bố* của dân cư là không đúng, *không phù hợp với những yêu cầu của thị trường* (xin chú ý chỗ này!)... Phải bãi bỏ lệnh cấm về những đất của nhà nước, *phải giải phóng những ruộng đất được chia khỏi những ràng buộc của chế độ tư hữu*, phải *phá bỏ hàng rào* của ruộng đất tư. Phải trả lại cho nhân dân Nga đất đai của họ; có như thế, họ mới có thể lập nghiệp trên đất đai đó, theo đúng những yêu cầu kinh tế của họ" (A. V. Pê-sê-khô-nốp: "Vấn đề ruộng đất trong mối liên hệ với phong trào nông dân", Xanh Pê-téc-bua, 1906, tr. 83, 86, 88 - 89. Do chúng tôi viết ngả).

Há chẳng phải rõ ràng là chàng "lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân" đó đã nói thay cho anh phéc-mi-ê khao khát được tự lập, đó ư? Há chẳng phải rõ ràng là anh ta cần có "sự giải phóng những ruộng đất được chia khỏi những ràng buộc của chế độ tư hữu" để cho dân cư có thể lập nghiệp trên đất đai đó theo một cách thức mới, có thể phân bố lại phần đất "phù hợp với những yêu cầu của thị trường", nghĩa là phù hợp với những yêu cầu của *nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa* đó sao? Ông Pê-sê-khô-nốp — chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa — có đầu óc sáng suốt đến mức ông ta gạt bỏ mọi chủ trương xã hội hoá, mọi chủ trương thích ứng với quyền hạn công xã — không phải vô cơ mà những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng nhiệt ông ta là cá nhân chủ nghĩa! — *ông ta gạt bỏ mọi việc cấm đoán lao động làm thuê trong kinh tế nông dân*.

Trong tình hình có những xu hướng quốc hữu hoá của nông dân *như thế*, bản chất phản động của việc ủng hộ chế độ sở hữu phần ruộng được chia của nông dân, biểu hiện ra một cách hết sức rõ ràng. A. Phi-nơ, người đã trích dẫn trong cuốn sách nhỏ của mình một vài lập luận của ông Pê-sê-khô-nốp mà trên đây chúng tôi đã nêu ra, đã phê phán ông ta là một người dân tuý, đã chứng minh cho ông ta thấy rằng chủ nghĩa tư bản tất nhiên sẽ phát triển từ nền kinh tế nông dân và ở trong lòng nền kinh

tế này (cuốn sách nhỏ đã dẫn, tr. 14 và những trang tiếp theo). Lời phê bình này chưa làm người ta thoả mãn, vì đằng sau cái vấn đề chung về sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, A. Phi-nơ đã không nhận thấy vấn đề cụ thể là những điều kiện của một sự phát triển tự do hơn của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa trên những miếng đất *được chia!* A. Phi-nơ chỉ đề ra vấn đề chủ nghĩa tư bản *nói chung* thôi, cho nên ông ta dễ dàng đánh bại chủ nghĩa dân túy đã bị đánh bại từ lâu rồi. Nhưng vấn đề nói ở đây là một vấn đề cụ thể hơn*: đây là vấn đề tiến hành theo kiểu địa chủ và theo kiểu nông dân, việc "phá bỏ hàng rào" (từ ngữ của ông Pê-sê-khô-nốp), "quét sạch" đất cho chủ nghĩa tư bản.

Trong Đu-ma II, diễn giả chính thức của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, ông Mu-sen-cô, — người đã đọc bài diễn văn kết thúc những cuộc thảo luận về vấn đề ruộng đất, — đã nói lên, một cách cũng rõ ràng như ông Pê-sê-

* "Cái kinh tế lao động theo kiểu Pê-sê-khô-nốp rốt cuộc sẽ dẫn đến đâu?" — A. Phi-nơ hỏi và đã trả lời rất đúng: "đến chủ nghĩa tư bản" (sách đã dẫn, tr. 19). Từ cái chân lý không thể chối cãi được này, — cái chân lý quả là cần phải giải thích cho người dân túy hiểu rõ, — lẽ ra người ta còn cần phải đi xa hơn nữa, tiến tới chỗ làm sáng tỏ những hình thức đặc thù mà những yêu cầu của chủ nghĩa tư bản có thể biểu hiện ra trong điều kiện của một cuộc cách mạng ruộng đất nông dân. Đáng lẽ như thế, A. Phi-nơ lại thật lười lại *đăng saur*: "Người ta tự hỏi, — ông ta viết, — tại sao chúng ta lại cần thật lười lại đằng sau, quay lại và rẽ vào những con đường đặc biệt để rốt cuộc lại dẫn chúng ta trở lại con đường mà lúc đầu chúng ta đã đi theo? Đó quả thật là một việc làm vô ích, ông Pê-sê-khô-nốp ạ!" (như trên). Không, đó không phải là một việc làm vô ích và không phải là "rốt cuộc" rồi nó lại dẫn đến chủ nghĩa tư bản; đó là con đường *đi đến chủ nghĩa tư bản một cách trực tiếp nhất, tự do nhất, nhanh chóng nhất*. A. Phi-nơ đã không suy nghĩ đến những đặc điểm so sánh giữa sự phát triển tư bản chủ nghĩa của nền nông nghiệp nước Nga theo kiểu Xtô-lư-pin và sự phát triển tư bản chủ nghĩa của nền nông nghiệp nước Nga theo kiểu cách mạng nông dân.

khô-nốp, bản chất *tư bản chủ nghĩa* của việc quốc hữu hoá ruộng đất, mà những người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản thích gọi là "xã hội hoá", là quy định "quyền bình đẳng về ruộng đất", v.v..

"Chỉ khi nào — ông Mu-sen-cô nói — ruộng đất không bị hàng rào ngăn cách nữa, các bờ rào ngăn cách do nguyên tắc của chế độ tư hữu ruộng đất dựng lên sẽ được xoá bỏ, thì khi đó sự phân bố của dân cư mới đúng đắn" (phiên họp thứ 47, ngày 26 tháng Năm 1907, bản tường thuật tốc ký, tr. 1172). Đúng như thế! Sự phân bố "đúng đắn" của dân cư là cái mà thị trường, mà chủ nghĩa tư bản đòi hỏi. Cái làm trở ngại cho sự phân bố "đúng đắn" của các nghiệp chủ "đúng đắn", đó là cả chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ *lấn* chế độ chiếm hữu *phần ruộng được chia*.

Và đây là một nhận xét nữa về những lời tuyên bố của các đại biểu của Hội liên hiệp nông dân, — một nhận xét đáng để chúng ta chú ý. Trong cuốn sách nhỏ đã dẫn trên đây, ông Grô-man viết:

"Vấn đề nổi tiếng về "công xã", cái cơ sở tư tưởng của chủ nghĩa dân túy cũ và mới, đã không được ai nêu ra cả và đã mặc nhiên được giải quyết một cách phủ định: ruộng đất phải được giao cho các cá nhân và các hội hợp tác sử dụng, — những nghị quyết của Đại hội I và Đại hội II đều nói như vậy" (tr. 12).

Như vậy là nông dân đã rõ ràng và dứt khoát chống lại chế độ công xã cũ, ủng hộ những hội hợp tác tự nguyện và ủng hộ việc sử dụng cá thể ruộng đất. Không thể nghi ngờ gì nữa rằng đó thật sự là tiếng nói của toàn thể nông dân, vì đề án của Nhóm lao động (nhóm 104 người) cũng *chẳng nói một lời nào về công xã cả*. Mà công xã lại là một hội hợp tác để chiếm hữu ruộng đất được chia!

Xtô-lư-pin định thủ tiêu cái công xã đó bằng bạo lực, để làm lợi cho một nhóm kẻ giàu có. Nông dân muốn xoá bỏ công xã, để thay vào đó bằng *những hội hợp tác*

tự do và bằng chế độ sử dụng "cá thể" về ruộng đất được chia *đã quốc hữu hoá*. Thế mà Ma-xlốp và đồng bọn vì sự tiến bộ tư sản, lại đi ngược lại yêu cầu cơ bản của chính sự tiến bộ đó và bênh vực chế độ chiếm hữu ruộng đất trung cổ. Cầu Chúa phù hộ cho chúng ta tránh khỏi một thứ chủ nghĩa Mác" như thế!

8. SAI LẦM CỦA M. SA-NIN VÀ CỦA NHỮNG NGƯỜI KHÁC BIỆN HỘ CHO VIỆC PHÂN CHIA

M. Sa-nin, — người đã đề cập trong cuốn sách nhỏ của mình* đến vấn đề này theo một giác độ hơi khác một chút, — đã một lần nữa vô tình thừa nhận cái chủ trương quốc hữu hoá mà ông ta hết sức căm ghét. Với việc lấy Ai-rơ-len làm thí dụ, với việc phân tích những điều kiện của *cuộc cải cách* tư sản trong lĩnh vực nông nghiệp, M. Sa-nin đã chỉ chứng minh một điều là: sự không tương dung giữa những nguyên tắc của chế độ tư hữu ruộng đất với chế độ công hữu hay chế độ sở hữu nhà nước về ruộng đất (lẽ ra còn phải chứng minh sự không tương dung đó bằng một sự phân tích chung về mặt lý luận, nhưng Sa-nin không hề nghĩ đến); còn một điều nữa mà có lẽ ông ta đã chứng minh được là: sự cần thiết phải thừa nhận chế độ tư hữu đối với bất cứ hoạt động cải cách nào của nhà nước tiến hành trong lĩnh vực nông nghiệp đang phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Nhưng tất cả các bằng chứng đó của Sa-nin, đều hoàn toàn không nhằm trúng đích: cố nhiên là trong những điều kiện của những cuộc cải cách tư sản, thì *chỉ* có chế độ tư hữu ruộng đất là có thể có được thôi; cố nhiên là việc duy trì chế độ tư hữu trên tuyệt đại bộ phận

* "Địa phương công hữu hoá ruộng đất hay là sự phân chia làm của tư hữu" của M. Sa-nin. Vin-na, 1907.

đất đai của Vương quốc Anh không để cho một trong những bộ phận của nước này có thể có một con đường nào khác hơn là chế độ tư hữu. Nhưng cái đó có quan hệ gì đến cuộc "cách mạng ruộng đất nông dân" ở nước Nga? Hãy cứ cho rằng M. Sa-nin đã chỉ ra một con đường đúng, nhưng đó là con đường cải cách ruộng đất kiểu Xtô-lư-pin, chứ không phải là con đường cách mạng ruộng đất nông dân*. M. Sa-nin không hiểu được chút gì về sự khác nhau giữa hai con đường đó, — mà không thấy rõ được sự khác nhau đó, lại đi nói đến một cương lĩnh ruộng đất dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga thì cũng đáng tức cười. Và khi M. Sa-nin, dĩ nhiên là xuất phát từ những tình cảm rất tốt, phản đối việc chuộc lại mà ủng hộ chủ trương tịch thu, thì ông ta đã không nhìn thấy mọi tiền đồ lịch sử. Ông ta quên rằng trong xã hội tư sản, việc tịch thu — nghĩa là tước đoạt ruộng đất mà không phải trả tiền chuộc lại — cũng như việc quốc hữu hoá ruộng đất, hoàn toàn không

* Cái thí dụ của Sa-nin, dẫn lại chuyện Ai-rơ-len, hòng chứng minh rằng chế độ tư hữu là ưu việt hơn chế độ thuê ruộng đất (chứ không phải hơn việc quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất) — không phải là một thí dụ mới. Ông giáo sư A. Tsúp-rốp, thuộc "phái tự do", cũng viện lý lẽ *một cách hoàn toàn giống như vậy* khi lấy chuyện Ai-rơ-len làm thí dụ để chứng minh rằng *chế độ tư hữu* ruộng đất của nông dân là ưu việt hơn ("Vấn đề ruộng đất", t. II, tr. 11). Nhưng chân tướng của con người thuộc "phái tự do" này, và thậm chí của nhà "*dân chủ* - lập hiến" này như thế nào thì ta cứ xem bài của ông ta, trang 33, là thấy thôi. Ở đây, với một sự vô sỉ không thể tưởng tượng được, một sự vô sỉ chỉ có thể có ở phái tự do ở Nga, ông Tsúp-rốp đề nghị là trong *tất cả các* ban ruộng đất, nông dân phải phục tùng *cái đa số địa chủ!!* Về phía nông dân có 5 ủy viên, và về phía địa chủ có 5 ủy viên, còn chủ tịch thì "do hội nghị hội đồng địa phương", nghĩa là *hội nghị của địa chủ* "chỉ định". Trong Đu-ma I, *công tước* Đru-txơ-ki-li-u-bê-txơ-ki, *một người cánh hữu*, đã dẫn Ai-rơ-len làm ví dụ để chứng minh sự cần thiết của chế độ tư hữu ruộng đất và để phản đối dự án của phái dân chủ - lập hiến (phiên họp ngày 24 tháng Năm 1906, bản tường thuật tốc ký, tr. 626).

tương dung với *cuộc cải cách*. Nói đến tịch thu mà đồng thời lại thừa nhận một giải pháp cải lương chứ không phải cách mạng để giải quyết vấn đề ruộng đất, thì chẳng khác nào đưa lên cho Xtô-lư-pin một bản thỉnh cầu xin xoá bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất địa chủ.

Một mặt khác nữa của cuốn sách nhỏ của Sa-nin là: nó đặc biệt nhấn mạnh tính chất *nông học* của cuộc khủng hoảng nông nghiệp ở nước ta, nhấn mạnh sự cần thiết tuyệt đối phải chuyển sang những hình thức kinh doanh cao hơn, phải cải tiến các kỹ thuật canh tác rất lạc hậu ở Nga, v.v.. Những luận điểm đúng đắn này, Sa-nin lại phát triển một cách hết sức phiến diện, ông ta đã cố tình lờ đi không nói đến việc xoá bỏ các đại điền trang nông nô và đến việc thay đổi những mối quan hệ về mặt chiếm hữu ruộng đất với tính cách là điều kiện của cuộc cách mạng kỹ thuật ấy, thành thử cái viễn cảnh hoàn toàn sai; bởi vì cuộc cải cách ruộng đất kiểu Xtô-lư-pin cũng dẫn đến chỗ phát triển kỹ thuật trong nông nghiệp, và đi theo một con đường đúng đắn, xét về mặt lợi ích của bọn địa chủ. Việc cưỡng bức chia nhỏ đất đai công xã bằng những đạo luật ngày 9 tháng Mười một 1906, v.v., việc lập ra các trại ấp tách biệt và trợ cấp cho các doanh nghiệp đã tách khỏi công xã, — tất cả những cái đó hoàn toàn không phải là một ảo ảnh, như những kẻ ba hoa nhẹ dạ trong báo chí dân chủ đôi khi vẫn nói. Đó là tình hình hiện thực của sự tiến bộ kinh tế trên cơ sở duy trì quyền lực địa chủ và những lợi ích địa chủ. Đó là một con đường cực kỳ chậm chạp và cực kỳ đau đớn cho quảng đại quần chúng trong nông dân và cho giai cấp vô sản, nhưng đó là con đường duy nhất có thể có đối với nước Nga tư bản chủ nghĩa, *nếu* như cuộc cách mạng ruộng đất nông dân không giành được thắng lợi.

Hãy đứng trên quan điểm một cuộc cách mạng *như thế* để xét vấn đề do Sa-nin đặt ra. Kỹ thuật nông nghiệp mới đòi hỏi phải cải tổ lại *tất cả những* điều kiện của nền

kinh tế nông dân cổ truyền, cổ hủ, thô sơ, lạc hậu và kiệt quệ ở trên mảnh đất được chia. Cần vứt bỏ hết lối luân canh ba thửa, những công cụ lao động thô sơ, nền kinh tế tự nhiên gia trưởng của người dân cày, lối chăn nuôi cổ hủ, tình trạng thiếu hiểu biết một cách ngây thơ và què kèch những điều kiện và những yêu cầu của thị trường. Vậy thì sao? Vậy nếu cứ duy trì mãi chế độ chiếm hữu cổ xưa, thì có thể thực hiện được cuộc cách mạng hoá nền kinh tế đó không? Thế mà việc phân chia cho những người hiện đang chiếm hữu các phần đất được chia lại có nghĩa là duy trì một nửa* chế độ chiếm hữu ruộng đất trung cổ. Việc phân chia có thể là một tiến bộ, nếu nó củng cố nền kinh tế *mới*, nền nông nghiệp *mới*, đồng thời vứt bỏ hết những cái cũ. Tuy nhiên, sự phân chia đó không thể thúc đẩy nền nông nghiệp đổi mới, nếu nó lại dựa trên chế độ chiếm hữu ruộng đất được chia cũ. Đồng chí Bô-ri-xốp, người tán thành sự phân chia, đã nói ở Xtốc-khôn: "Cương lĩnh ruộng đất của chúng tôi là một cương lĩnh cho thời kỳ cách mạng đang phát triển, thời kỳ phá vỡ trật tự cũ và tổ chức một chế độ chính trị - xã hội mới. Đó là tư tưởng cơ bản của cương lĩnh. Đảng dân chủ - xã hội không nên tự bó tay mình bằng những quyết định buộc mình phải ủng hộ một hình thức kinh tế nào đó. Trong cuộc đấu tranh ấy của những lực lượng xã hội mới chống những nền tảng của chế độ cũ, cần phải chặt đứt cái nút buộc rối ren bằng một nhát quyết định" ("Tập biên bản", tr. 125). Tất cả những điều đó rất đúng và đã diễn đạt tuyệt hay. Và tất cả những điều đó có nghĩa là ủng hộ quốc hữu hoá, vì chỉ có quốc hữu

* Trên kia, tôi đã vạch ra rằng trong số 280 triệu ã-xi-a-ti-na ruộng đất ở phần nước Nga thuộc châu Âu, thì một nửa, tức là 138,8 triệu ã-xi-a-ti-na, là thuộc đất đai được chia¹⁾

1) Xem tập này, tr. 243 - 244.

hoá mới thật sự "phá vỡ" tất cả cái chế độ chiếm hữu ruộng đất trung cổ; chỉ có quốc hữu hoá mới thật sự chặt đứt cái nút buộc rối ren, khiến cho nền kinh tế mới được hoàn toàn tự do hình thành trên đất đai đã quốc hữu hoá.

Vấn đề đặt ra là: tiêu chuẩn nào cho phép ta có thể xét xem nền nông nghiệp mới đã hình thành đầy đủ để có thể làm cho việc phân chia ruộng đất thích ứng với nó, chứ không phải là qua việc phân chia mà duy trì mãi những chướng ngại cũ cho nền kinh tế mới? Tiêu chuẩn đó chỉ có thể là thực tiễn. Không có thống kê nào trên thế giới có thể đánh giá được xem những yếu tố cấu thành giai cấp tư sản nông dân trong một nước nào đó đã được "củng cố" tới mức nào, để có thể làm cho chế độ chiếm hữu ruộng đất thích ứng với chế độ kinh doanh ruộng đất. *Chỉ có* quảng đại những người chủ ruộng đất mới có thể đánh giá được điều đó. Và trong cuộc cách mạng ở nước ta, khi quần chúng nông dân đưa ra một bản cương lĩnh quốc hữu hoá ruộng đất, thì qua việc đó *đã chứng minh* rằng hiện nay không thể nào đánh giá được như thế. Trên toàn thế giới, người tiểu nông xưa nay vẫn gắn bó với nền kinh tế của mình (đương nhiên nếu đó đúng là nền kinh tế thật sự *của anh ta* chứ không phải là cái mảnh đất cón con phải chịu lao dịch nằm trong lãnh địa của địa chủ, như thường thấy ở Nga), gắn bó đến mức là việc họ bảo vệ một cách "cuồng tín" chế độ tư hữu ruộng đất là điều không thể tránh khỏi, trong một thời kỳ lịch sử nhất định và trong một thời gian nhất định. Nếu *trong thời kỳ hiện nay*, khi trong quần chúng nông dân, yêu sách đòi quốc hữu hoá ruộng đất đã lan rộng và trở thành kiên quyết, chứ không phải là sự cuồng tín của người tư hữu — sự cuồng tín do tất cả các giai cấp cầm quyền và tất cả những nhà chính trị tư sản tự do chủ nghĩa gieo rắc, — mà lại đi giải thích rằng đó là do ảnh hưởng của những nhà chính luận trong nhóm "Của cải nước Nga"¹⁰⁴ hay của những cuốn sách

nhỏ của ông Tséc-nốp, thì sẽ là một điều ấu trĩ hay một sự thông thái róm ngu độn. Sở dĩ có tình hình nói trên là do những điều kiện thực tế của đời sống của người tiểu nông, của người tiểu chủ ở nông thôn, đề ra cho họ cái nhiệm vụ kinh tế là *quét sạch* đất đai để sáng lập ra (với những yếu tố hiện có) một nền nông nghiệp mới trên đất đai "tự do", nghĩa là đã quốc hữu hoá, chứ không phải dùng sự phân chia những ruộng đất làm của tư hữu, để củng cố nền nông nghiệp mới đã được hình thành rồi. Đến một lúc nào đó, sự cuồng tín của người tư hữu có thể biểu lộ ra và nhất định phải biểu lộ ra thành một yêu sách của người phéc-mi-ê vừa *thoát* khỏi cái vỏ trứng, đòi phải đảm bảo cho nền kinh tế của mình được vững chắc. Trong cuộc cách mạng Nga, quốc hữu hoá ruộng đất tất phải trở thành yêu cầu của quần chúng nông dân, thành khẩu hiệu của những người phéc-mi-ê *mong muốn đập tan* cái vỏ trứng cổ. Cho nên, khi những người dân chủ - xã hội hướng vào những quần chúng nông dân đang chủ trương quốc hữu hoá, vừa mới bắt đầu bước vào cảnh "phân bố" cuối cùng có sứ mệnh làm nảy sinh ra những phéc-mi-ê có khả năng sáng tạo ra một nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, — mà tiến hành *tuyên truyền* cho việc phân chia, thì như thế rõ ràng là không thức thời về mặt lịch sử, là không biết tính đến thời cơ lịch sử cụ thể.

Những người dân chủ - xã hội của chúng ta, thuộc "phái chủ trương phân chia", các đồng chí Phi-nơ, Bô-ri-xốp, Sa-nin, đã không rơi vào cái thuyết nhị nguyên về lý luận, như "phái chủ trương địa phương công hữu hoá", kể cả việc họ phê phán một cách tâm thường lý luận địa tô của Mác (sau đây, chúng ta sẽ trở lại điểm này), nhưng các đồng chí ấy lại mắc một sai lầm khác, một sai lầm về vấn đề tiền đề lịch sử. Về mặt lý luận, họ có một lập trường chung đúng đắn (và đó là điểm khác với "phái chủ trương địa phương công hữu hoá"), nhưng họ tái phạm cái sai lầm

của cương lĩnh về "những phần đất bị cắt" của đảng ta thông qua năm 1903. Nguồn gốc của sai lầm này là: trong khi xác định được đúng *phương hướng* phát triển, chúng ta đã xác định không đúng *thời kỳ* phát triển. Chúng ta đã giả định rằng ở nước Nga, những yếu tố cấu thành nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa đã hình thành đầy đủ, cả trong kinh tế của địa chủ (nếu ta trừ ra không nói đến cái chế độ "đất bị cắt" có tính chất nô dịch, vì vậy mà có cái yêu sách đòi những phần đất bị cắt ấy), lẫn trong kinh tế nông dân là nền kinh tế hình như đã sản sinh ra một giai cấp tư sản nông thôn mạnh mẽ, và do đó không thể có một cuộc "cách mạng ruộng đất nông dân". Không phải do "sợ" một cuộc cách mạng ruộng đất nông dân mà ta đã đề ra một cương lĩnh sai lầm, mà là vì ta *đã đánh giá quá cao trình độ* phát triển tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp Nga. Hồi đó, chúng ta coi những tàn dư của chế độ nông nô là nhỏ nhất không đáng kể, còn kinh tế tư bản chủ nghĩa trên đất đai được chia và đất đai địa chủ là một hiện tượng đã hoàn toàn chín muồi và vững chắc.

Cách mạng đã làm bộc lộ rõ sai lầm đó. Cách mạng đã xác nhận phương hướng phát triển mà chúng ta vạch ra. Sự phân tích một cách mác-xít những giai cấp trong xã hội Nga đã được toàn bộ tiến trình các sự biến nói chung và hai Đu-ma đầu tiên nói riêng, chứng thực một cách rạch ròi đến mức là cái chủ nghĩa xã hội không mác-xít bị hoàn toàn phá sản. Tuy nhiên, những tàn dư của chế độ nông nô ở nông thôn đã tỏ ra là mạnh hơn trước đây chúng ta vẫn tưởng; những tàn dư đó đã gây ra một phong trào nông dân toàn quốc, đã biến phong trào ấy thành hòn đá thử vàng đối với toàn bộ cuộc cách mạng tư sản. Vai trò lãnh đạo mà phái dân chủ - xã hội cách mạng vẫn thường đề ra cho giai cấp vô sản trong phong trào giải phóng mang tính chất tư sản, thì giờ đây đã buộc phải xác định một cách chính xác hơn, coi đó là vai trò lãnh đạo dắt dẫn *giai cấp nông*

dân đi theo mình. Dắt dẫn tới đâu? Tới cuộc cách mạng tư sản, dưới cái dạng triệt để nhất và kiên quyết nhất của nó. Sửa chữa sai lầm như thế này: thay thế cho nhiệm vụ mang tính chất cục bộ của cuộc đấu tranh chống *những tàn dư của cái cũ* trong chế độ ruộng đất, chúng ta đã phải đề ra những nhiệm vụ đấu tranh *chống toàn bộ chế độ ruộng đất cũ*. Thay thế cho việc tảo trừ nền kinh tế địa chủ, chúng ta đã đề ra mục tiêu *phá huỷ* nền kinh tế đó.

Song việc sửa chữa này do ảnh hưởng của tiến trình mạnh mẽ của các sự biến đưa lại, đã không làm cho nhiều người trong chúng ta để tâm suy nghĩ thấu đáo đến nhận định mới của chúng ta về trình độ phát triển tư bản chủ nghĩa trong nền nông nghiệp Nga. Sở dĩ yêu cầu tịch thu toàn bộ ruộng đất địa chủ đã tỏ ra là đúng đắn về mặt lịch sử — và điều này chắc chắn đúng là như thế, — thì như thế có nghĩa là sự phát triển rộng rãi của chủ nghĩa tư bản đòi hỏi phải có những quan hệ chiếm hữu ruộng đất mới, có nghĩa là có thể và phải hy sinh những mầm mống của chủ nghĩa tư bản trong nền kinh tế địa chủ để cho chủ nghĩa tư bản phát triển rộng rãi và tự do trên cơ sở nền kinh tế nhỏ đã đổi mới. Tán thành yêu cầu tịch thu ruộng đất địa chủ, như vậy là thừa nhận rằng có thể và cần thiết phải đổi mới nền kinh tế tiểu nông dưới chế độ tư bản chủ nghĩa.

Có thể như thế được không? Ủng hộ nền kinh tế nhỏ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, phải chăng là phiêu lưu? *Đổi mới* như thế lối canh tác nhỏ phải chăng là mơ ước viễn vông? Đó phải chăng là một "cái cạm bẫy nông dân", một Bauernfang, có tính chất mị dân? Chắc chắn là nhiều đồng chí đã nghĩ như thế, nghĩ chính như thế. Nhưng họ đã lầm. Cả dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng vẫn có thể đổi mới được nền kinh tế nhỏ, nếu như nhiệm vụ lịch sử là đấu tranh chống chế độ tiền tư bản chủ nghĩa. Nước Mỹ, một nước đã dùng phương thức cách mạng

để đập tan các đại điền trang của bọn chủ nô và tạo ra những điều kiện cho sự phát triển nhanh chóng nhất, tự do nhất của chủ nghĩa tư bản, đã đổi mới nền kinh tế nhỏ như vậy đó. Trong cách mạng Nga, cuộc đấu tranh giành ruộng đất cũng không phải là cái gì khác mà chỉ là cuộc đấu tranh cho con đường đổi mới của sự phát triển tư bản chủ nghĩa. Khẩu hiệu triệt để của công cuộc đổi mới ấy là quốc hữu hoá ruộng đất. Không quốc hữu hoá những ruộng đất được chia là phản động về mặt kinh tế (sau này chúng tôi sẽ trở lại nói đến tính chất phản động về chính trị của việc đó). Còn những "người chủ trương phân chia", thì *nhảy vượt qua* cái nhiệm vụ lịch sử của cuộc cách mạng hiện nay; họ cho rằng người ta đã giải quyết xong cái mà cuộc đấu tranh của quần chúng nông dân chỉ mới bắt đầu. Đáng lẽ phải thúc đẩy quá trình đổi mới tiến lên, đáng lẽ phải làm cho nông dân hiểu rõ những điều kiện của một công cuộc đổi mới triệt để, thì họ đã cất tạ để cho gã phéc-mi-ê đã đổi mới và đã an tâm*.

"Mọi cái đều phải làm vào đúng lúc của nó". Đảng dân chủ - xã hội không thể cam đoan rằng nó sẽ không khi nào

* Những người tán thành chủ trương phân chia thường hay dẫn những lời sau đây của Mác: "Hiển nhiên là đối với nền sản xuất nhỏ thì chế độ tư hữu tự do của người nông dân tự canh tác ruộng đất là cái hình thức bình thường nhất của chế độ sở hữu ruộng đất... Muốn cho phương thức sản xuất này phát triển đầy đủ thì chế độ tư hữu ruộng đất cũng cần thiết, y như chế độ tư hữu công cụ cần thiết cho sự phát triển tự do của nền sản xuất thủ công". ("Das Kapital", III, 2, 341)¹⁰⁵. Từ đó, chỉ có thể rút ra một kết luận là: nền nông nghiệp nông dân tự do muốn giành được thắng lợi hoàn toàn thì có thể đòi hỏi phải có chế độ tư hữu. Nhưng nền nông nghiệp nhỏ hiện nay không được tự do. Chế độ sở hữu ruộng đất của nhà nước là "một công cụ nằm trong tay địa chủ, hơn là nằm trong tay nông dân; nó là một công cụ để bắt nông dân phải gánh lao dịch, hơn là một công cụ để giúp nông dân tự do lao động". Việc đập tan tất cả mọi hình thức chiếm hữu ruộng đất phong kiến và việc dân cư được tự do đến lập nghiệp là cần thiết để tạo ra một nền nông nghiệp nhỏ tự do.

tán thành việc phân chia cả. Ở một thời kỳ lịch sử khác, ở một trình độ phát triển nông nghiệp khác, thì sự phân chia có thể là không tránh khỏi. Nhưng lấy việc phân chia ruộng đất để thể hiện *những nhiệm vụ* của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản trong nước Nga hồi năm 1907 thì hoàn toàn không đúng.

CHƯƠNG III

NHỮNG CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA QUỐC HỮU HÓA VÀ CỦA ĐỊA PHƯƠNG CÔNG HỮU HÓA

Thiếu sót lớn của hầu hết báo chí dân chủ - xã hội trong vấn đề cương lĩnh ruộng đất nói chung, và thiếu sót của các cuộc thảo luận tại Đại hội Xtốc-khôn nói riêng là ở chỗ những nhận định thực tiễn thì nhiều hơn những nhận định lý luận, và những nhận định chính trị nhiều hơn những nhận định kinh tế*. Dĩ nhiên khuyết điểm ấy là có lý do -

* Trong cuốn sách nhỏ của tôi "Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân", cương lĩnh mà tôi đã bảo vệ tại Xtốc-khôn, tôi đã chỉ ra hoàn toàn rõ ràng (nhưng cũng ngắn gọn như toàn bộ cuốn sách nhỏ của tôi) những tiền đề *lý luận* của cương lĩnh ruộng đất mác-xít. Trong cuốn đó, tôi đã chỉ ra rằng "phủ nhận vô điều kiện quốc hữu hoá" sẽ là "xuyên tạc chủ nghĩa Mác về mặt lý luận" (bản in cũ, tr. 16; bản in mới, tr. 41). Xem "Báo cáo" của tôi về Đại hội Xtốc-khôn, tr. 27 - 28, bản in cũ (bản in mới, tr. 63). "Và xét theo quan điểm khoa học chặt chẽ, theo quan điểm điều kiện phát triển của chủ nghĩa tư bản nói chung, chúng ta nhất định phải nói — nếu chúng ta không muốn xa rời quyển III của bộ "Tư bản", — rằng quốc hữu hoá ruộng đất là điều có thể thực hiện được trong xã hội tư sản, rằng nó xúc tiến sự phát triển kinh tế, làm cho tư bản dễ dàng cạnh tranh và tuồn vào nông nghiệp, hạ thấp giá lúa mì, v.v.". Sau đó, cũng trong báo cáo đó, trang 59: "Trái với lời hứa hẹn của mình, nó (cánh hữu của Đảng dân chủ - xã hội) không tiến hành cuộc cách mạng dân chủ - tư sản trong nông nghiệp đến kết cục "lô-gích" của nó, vì trong chế độ tư bản chủ nghĩa thì kết cục "lô-gích" (và

đó là những điều kiện công tác đảng khẩn trương khi chúng tôi xem xét vấn đề ruộng đất trong cách mạng: trước hết, vào sau ngày 9 tháng Giêng 1905, tức là mấy tháng trước lúc nổ ra cách mạng ("Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga" của những người bôn-sê-vích vào mùa xuân 1905 ở Luân-đôn và cuộc hội nghị triệu tập cùng lúc đó của phái thiểu số ở Giơ-ne-vo); sau đó, vào ngày sau cuộc khởi nghĩa tháng Chạp¹⁰⁶ và trước ngày triệu tập Đu-ma I, ở Xtốc-khôn. Nhưng dù sao thì bây giờ phải sửa chữa thiếu sót ấy và đặc biệt là phải phân tích mặt lý luận của vấn đề quốc hữu hoá và địa phương công hữu hoá.

1. QUỐC HỮU HÓA RUỘNG ĐẤT CÓ NGHĨA GÌ?

Trên kia chúng ta đã dẫn ra cái công thức phổ biến mà hiện nay được mọi người công nhận: "tất cả các nhóm dân tụy đều tán thành quốc hữu hoá ruộng đất". Nhưng thực ra, công thức phổ biến đó rất không chính xác, và nó chỉ chứa đựng rất ít điều "được mọi người công nhận", nếu chúng ta hiểu điều đó là sự nhất trí thật sự về quan điểm "quốc hữu hoá" giữa các đại biểu của các khuynh hướng chính trị khác nhau. Bị đè bẹp bởi những đại diện trang nông nô, quần chúng nông dân đòi ruộng đất một cách tự phát, và không gắn bất cứ một khái niệm kinh tế ít nhiều chính xác nào với việc chuyển giao ruộng đất cho nông dân. Nông dân chỉ có một yêu sách hoàn toàn chín muồi, có thể nói là sản sinh ra từ sự đau khổ và được tôi luyện qua nhiều năm bị áp bức: yêu sách đổi mới, tăng cường, củng cố, mở rộng nông nghiệp nhỏ, làm cho nó chiếm ưu thế,

kinh tế) đó chỉ là quốc hữu hoá ruộng đất, coi như xoá bỏ địa tô tụyệt đổi".¹⁾

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 298 - 299; t. 13, tr. 36, 79.

và chỉ có vậy thôi. Nông dân chỉ hình dung đến việc chuyển những đại diện trang của địa chủ vào tay họ thôi; trong cuộc đấu tranh đó, nông dân đã diễn đạt cái ý niệm mơ hồ về sự thống nhất của toàn thể quần chúng nông dân bằng câu nói sau đây: ruộng đất phải thuộc về nhân dân. Nông dân tuân theo bản năng của một nghiệp chủ bị cản trở bởi tình trạng vô cùng manh mún của những hình thức hiện nay của sự chiếm hữu ruộng đất kiểu trung cổ, và bởi tình trạng không có khả năng tổ chức việc canh tác ruộng đất cho hoàn toàn phù hợp với những yêu cầu "của nghiệp chủ", nếu như tất cả sự pha tạp trung cổ ấy của sự chiếm hữu ruộng đất vẫn còn tồn tại. Tính tất yếu kinh tế phải xoá bỏ sở hữu ruộng đất địa chủ, *phải xoá bỏ cả những "chướng ngại" là sở hữu phần ruộng được chia*, — tư tưởng của nông dân về quốc hữu hoá chỉ gồm những khái niệm *phủ định* đó thôi. Những hình thức sở hữu ruộng đất như thế nào sau này sẽ cần thiết cho nền nông nghiệp nhỏ đổi mới, khi nền nông nghiệp nhỏ này đã có thể nói là nuốt hết những đại diện trang của địa chủ — điều đó người nông dân không nghĩ đến.

Những mặt phủ định của khái niệm (hay của tư tưởng mơ hồ) về quốc hữu hoá nhất định cũng chi phối cả hệ tư tưởng dân tụy, là hệ tư tưởng đang nói lên những yêu sách và nguyện vọng của nông dân. Loại trừ những chướng ngại cũ, đuổi những địa chủ đi, "phá bỏ hàng rào" của ruộng đất, gạt những trở ngại do chế độ sở hữu phần ruộng được chia gây nên, tăng cường nền kinh tế nhỏ, thay thế "sự bất bình đẳng" (những đại diện trang của địa chủ) bằng "bình đẳng, bác ái, tự do" — chín phần mười cái hệ tư tưởng dân tụy chỉ là thế thôi. Quyền ngang nhau về ruộng đất, sử dụng ruộng đất một cách bình quân, xã hội hoá, — đó chỉ là hình thức khác nhau biểu thị cũng những tư tưởng ấy, và tất cả những cái đó thì chủ yếu là những khái niệm phủ định, vì người dân tụy không hình dung được chế độ mới

với tư cách là một hệ thống nhất định những quan hệ kinh tế và xã hội. Người dân tụy coi cuộc cách mạng ruộng đất đang diễn ra là một bước chuyển từ chế độ nông nô, từ bất bình đẳng, từ ách áp bức nói chung sang bình đẳng và tự do, và chỉ như thế thôi. Đó là sự thiển cận điển hình của nhà cách mạng tư sản không thấy được những đặc điểm tư bản chủ nghĩa của cái xã hội mới mà anh ta đang xây dựng.

Trái với quan niệm ngây thơ của người dân tụy, chủ nghĩa Mác nghiên cứu chế độ mới đang hình thành. Với nền kinh tế nông dân được tự do hoàn toàn nhất, với những tiểu chủ được bình đẳng đầy đủ nhất trên ruộng đất của toàn dân, trên ruộng đất chẳng thuộc về ai cả, hoặc là trên ruộng đất của "chúa" — đó sẽ là một chế độ sản xuất hàng hoá. Thị trường trói buộc và chi phối những người sản xuất nhỏ. Sự trao đổi sản phẩm để ra quyền lực của đồng tiền; sản phẩm nông nghiệp mà biến thành tiền thì sau đó là đến chuyện sức lao động biến thành tiền. Sản xuất hàng hoá trở thành sản xuất tư bản chủ nghĩa. Và lý luận đó không phải là một giáo điều, đó chỉ là một sự mô tả giản đơn, một sự khái quát những gì diễn ra trong nền kinh tế nông dân ở Nga. Nền kinh tế đó càng thoát khỏi tình trạng thiếu đất đai, thoát khỏi sự áp bức của địa chủ, sự chèn ép của những quan hệ và của chế độ trung cổ về sở hữu ruộng đất, khỏi ách nô dịch và khỏi những hành động bạo ngược thì những quan hệ tư bản chủ nghĩa càng phát triển lên trong bản thân nền kinh tế nông dân. Sự thật ấy, toàn bộ lịch sử Nga từ sau cải cách đã chứng thực một cách không chối cãi được.

Do đó, khái niệm quốc hữu hoá ruộng đất, nếu được đặt trên cơ sở *hiện thực kinh tế*, là một phạm trù của xã hội hàng hoá và tư bản chủ nghĩa. Cái hiện thực trong khái niệm đó không phải là điều mà nông dân nghĩ hay điều mà người dân tụy nói, mà là cái do

những quan hệ kinh tế của xã hội hiện tại sản sinh ra. Quốc hữu hoá ruộng đất trong khuôn khổ những quan hệ tư bản chủ nghĩa — đó là trao địa tô cho nhà nước, chứ không phải là cái gì khác nữa. Còn trong xã hội tư bản chủ nghĩa thì địa tô là gì? Đó tuyệt nhiên không phải là thu nhập nói chung mà ruộng đất đã mang lại. Đó là bộ phận còn lại của giá trị thặng dư sau khi đã trừ đi lợi nhuận trung bình của tư bản. Vậy là, địa tô giả định phải có lao động làm thuê trong nông nghiệp, có việc biến nông dân thành phéc-mi-ê, thành người chủ xí nghiệp. Quốc hữu hoá (dưới hình thức thuần tụy) giả định nhà nước thu tô của những chủ xí nghiệp trong nông nghiệp, những người này trả tiền công cho công nhân làm thuê và được tư bản của mình mang lại cho một lợi nhuận trung bình, trung bình đối với tất cả mọi xí nghiệp — nông nghiệp hay phi nông nghiệp — trong một nước nhất định hay trong một nhóm nước.

Chính vì vậy mà khái niệm lý luận về quốc hữu hoá gắn liền chặt chẽ với lý luận địa tô, nghĩa là chính với lý luận về địa tô tư bản chủ nghĩa, với tư cách là một hình thức đặc thù của thu nhập của một giai cấp đặc thù (giai cấp chiếm hữu ruộng đất) trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

Lý luận của Mác phân biệt hai hình thức địa tô: địa tô chênh lệch và địa tô tuyệt đối. Địa tô chênh lệch là kết quả của tình trạng ruộng đất được khai thác là có hạn, của tình trạng ruộng đất ấy là do những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa chiếm cứ, không kể là có hay không có chế độ tư hữu về ruộng đất, hoặc không kể là hình thức sở hữu như thế nào. Những sự chênh lệch là không tránh khỏi giữa các doanh nghiệp nông nghiệp khác nhau; những sự chênh lệch đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: độ phì của ruộng đất, vị trí của ruộng đất đối với thị trường, sự sinh lợi của những khoản đầu tư thêm vào ruộng đất.

Để nói cho ngắn gọn, những sự chênh lệch ấy có thể quy thành (tuy nhiên không được quên rằng những sự chênh lệch ấy có những nguyên nhân khác nhau) những chênh lệch phân biệt ruộng đất tốt với ruộng đất xấu. Chúng ta bàn tiếp. Giá cả sản xuất của sản phẩm nông nghiệp là do những điều kiện sản xuất trên ruộng đất xấu nhất chứ không phải trên ruộng đất trung bình, quyết định, vì sản phẩm của độc những ruộng đất tốt nhất thì không đủ để đáp ứng yêu cầu. Chênh lệch giữa giá cả sản xuất cá biệt và giá cả sản xuất cao nhất chính là địa tô chênh lệch. (Xin nhắc lại rằng Mác gọi tư bản đầu tư để chế tạo sản phẩm cộng với lợi nhuận trung bình của tư bản, là giá cả sản xuất).

Địa tô chênh lệch không tránh khỏi hình thành trong chế độ nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, ngay cả khi chế độ tư hữu về ruộng đất bị xoá bỏ hoàn toàn. Nếu chế độ tư hữu về ruộng đất mà tồn tại thì người sở hữu ruộng đất sẽ nhận được địa tô ấy vì sự cạnh tranh giữa những tư bản buộc người phéc-mi-ê (người thuê ruộng đất) phải bằng lòng nhận lợi nhuận trung bình của tư bản. Nếu chế độ tư hữu về ruộng đất bị xoá bỏ, thì nhà nước sẽ nhận được địa tô ấy. Chừng nào mà còn có phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì *không thể* xoá bỏ được địa tô ấy.

Địa tô tuyệt đối là do chế độ tư hữu về ruộng đất đẻ ra. Địa tô đó chứa đựng một yếu tố độc quyền, một yếu tố giá độc quyền*. Chế độ tư hữu ruộng đất gây trở ngại

* Trong phần hai, quyển hai, của "Các học thuyết về giá trị thặng dư", Mác đã vạch ra "thực chất của các lý luận về địa tô" là: lý luận về giá cả độc quyền của sản phẩm nông nghiệp và lý luận về địa tô chênh lệch. Ông đã chỉ ra cái gì đúng trong hai lý luận đó, vì có yếu tố độc quyền trong địa tô tuyệt đối. Xem tr. 125 nói về lý luận của A-đam Xmit: "hoàn toàn đúng" rằng địa tô là một giá cả độc quyền, vì chế độ tư hữu ruộng đất ngăn cản việc san bằng lợi nhuận do đã quy định một lợi nhuận cao hơn lợi nhuận trung bình¹⁰⁷.

cho cạnh tranh tự do, cho việc san bằng lợi nhuận, cho việc hình thành lợi nhuận trung bình trong những xí nghiệp nông nghiệp và phi nông nghiệp. Và vì kỹ thuật trong nông nghiệp thấp kém hơn, vì trong cấu thành tư bản bỏ vào nông nghiệp thì bộ phận tư bản khả biến lớn hơn bộ phận tư bản bất biến, chứ không phải như trong công nghiệp, nên *giá trị cá biệt* của sản phẩm nông nghiệp lại cao hơn giá trị trung bình. Bởi vậy chế độ tư hữu về ruộng đất, cái chế độ gây trở ngại cho việc san bằng một cách tự do lợi nhuận cả trong những xí nghiệp nông nghiệp, lẫn trong xí nghiệp phi nông nghiệp, cho phép người ta bán sản phẩm nông nghiệp không phải theo giá cả sản xuất cao nhất mà theo một giá trị cá biệt còn cao hơn nữa của sản phẩm (vì giá cả sản xuất được quyết định bởi lợi nhuận trung bình của tư bản, còn địa tô tuyệt đối thì không cho phép cái "trung bình" đó hình thành, vì với tư cách là độc quyền, nó quy định một giá trị cá biệt cao hơn giá trị trung bình).

Vì vậy mà địa tô chênh lệch là tất yếu đối với mọi nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa. Còn địa tô tuyệt đối thì không phải thế. Nó chỉ tồn tại khi nào có chế độ tư hữu ruộng đất, và khi nào trong nông nghiệp, có một tình trạng lạc hậu hình thành trong lịch sử* và được duy trì bởi độc quyền.

Trong những luận điểm sau đây, Cau-xky đã đem đối lập hai hình thức địa tô đó với nhau, tựu trung đặc biệt là đối lập trong mối quan hệ của chúng với việc quốc hữu hoá ruộng đất:

* Xem "Các học thuyết về giá trị thặng dư", t. II, phần 1 (nguyên bản tiếng Đức), tr. 259: "Trong nông nghiệp, lao động thủ công còn chiếm ưu thế, còn phương thức sản xuất tư sản thì có khả năng phát triển công nghiệp nhanh hơn là nông nghiệp. Nhưng đó là một sự khác nhau do *lịch sử* để lại, nó có thể biến mất". (Xem cả tr. 275 và t. II, phần 2, tr. 15.)¹⁰⁸

"Địa tô chênh lệch là do cạnh tranh đẻ ra. Địa tô tuyệt đối là do độc quyền đẻ ra... Trong thực tế, địa tô không phân chia ra được; người ta không biết phần nào là chênh lệch, phần nào là tuyệt đối. Ngoài ra, nó thường còn gồm một tỷ lệ phần trăm của tư bản do chủ đất bỏ ra. Ở chỗ nào mà nhiều kinh doanh đồng thời là chủ đất thì địa tô nhập lẫn vào lợi nhuận nông nghiệp.

Tuy nhiên sự phân biệt hai hình thức của địa tô có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Địa tô chênh lệch do tính chất tư bản chủ nghĩa của sản xuất đẻ ra, chứ không phải do chế độ tư hữu ruộng đất.

Địa tô ấy vẫn tồn tại ngay cả khi thực hiện quốc hữu hoá ruộng đất, việc mà (ở Đức) những kẻ tán thành cải cách ruộng đất và muốn duy trì việc quản lý nền kinh tế nông thôn theo kiểu tư bản chủ nghĩa, đã đòi hỏi. Nhưng như vậy thì địa tô ấy sẽ không rơi vào tay những cá nhân, mà vào tay nhà nước.

Địa tô tuyệt đối sản sinh ra từ chế độ tư hữu ruộng đất, từ sự đối lập về lợi ích giữa người sở hữu ruộng đất và bộ phận còn lại trong xã hội. *Quốc hữu hoá ruộng đất sẽ cho phép xoá bỏ địa tô này và làm cho giá cả của sản phẩm nông nghiệp giảm đi một số bằng tổng địa tô đó* (do chúng tôi viết ngả).

Chúng ta bàn tiếp. Sự khác nhau thứ hai giữa địa tô chênh lệch và địa tô tuyệt đối là ở chỗ địa tô chênh lệch, với tư cách là bộ phận cấu thành, không ảnh hưởng tới giá cả của sản phẩm nông nghiệp, còn địa tô tuyệt đối thì lại ảnh hưởng tới giá cả của những sản phẩm ấy. Địa tô chênh lệch là từ giá cả sản xuất mà ra, còn địa tô tuyệt đối là do giá cả thị trường vượt giá cả sản xuất mà có. Địa tô chênh lệch sản sinh ra từ phần thặng dư tức siêu lợi nhuận do lao động có năng suất hơn trên ruộng đất tốt hơn hoặc trên ruộng đất ở vào vị trí tốt hơn, mang lại. Địa tô tuyệt đối không phải là từ thu nhập phụ thêm của những hình thức nào đó của lao động nông nghiệp, mà là cái phần *lấy* vào số lượng những giá trị hiện có mà trao cho chủ đất, lấy vào khối lượng giá trị thặng dư, — tức là hoặc do cái phần giảm lợi nhuận mà có, hoặc là phần rút từ tiền công. Nếu giá cả lúa mì tăng lên mà tiền công cũng tăng lên, thì lợi nhuận của tư bản giảm xuống. Nếu giá cả lúa mì tăng lên mà tiền công lại không tăng thì công nhân phải chịu thiệt. Cuối cùng, có thể có trường hợp là — mà thậm chí phải coi đây là một quy tắc chung — sự tồn tại mà địa tô tuyệt đối gây ra thì có hại cho cả công nhân lẫn nhà tư bản".*

* "Vấn đề ruộng đất", nguyên bản tiếng Đức, Seiten 79 - 80.

Như vậy là vấn đề quốc hữu hoá ruộng đất trong xã hội tư bản chủ nghĩa chia làm hai phần khác nhau về bản chất: vấn đề địa tô chênh lệch và vấn đề địa tô tuyệt đối. Quốc hữu hoá thay đổi người làm chủ địa tô chênh lệch và tiêu diệt ngay cả sự tồn tại của địa tô tuyệt đối. Vậy quốc hữu hoá một mặt là một cải cách bộ phận trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản (thay đổi người làm chủ một bộ phận giá trị thặng dư), và mặt khác, là sự xoá bỏ cái độc quyền gây trở ngại cho toàn bộ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản nói chung.

Không phân biệt hai mặt đó — tức không phân biệt việc quốc hữu hoá địa tô chênh lệch và quốc hữu hoá địa tô tuyệt đối — thì không sao hiểu được toàn bộ ý nghĩa kinh tế của vấn đề quốc hữu hoá ở Nga. Nhưng ở đây chúng ta đừng phải việc P. Ma-xlốp phủ nhận lý luận về địa tô tuyệt đối.

2. PI-ỐT MA-XLỐP SỬA CHỮA NHỮNG SƠ THẢO CỦA CÁC MÁC¹⁰⁹

Nhân những bài của Ma-xlốp đăng trong tạp chí "Đời sống"*, nên năm 1901, tôi đã có dịp chỉ ra, trong tờ "Bình minh" xuất bản ở nước ngoài, cách hiểu sai của Ma-xlốp về địa tô.

Như tôi đã nói, những cuộc tranh luận trước khi họp Đại hội Xtốc-khôn và trong Đại hội Xtốc-khôn đã tập trung thái quá vào mặt chính trị của vấn đề. Nhưng sau Đại hội Xtốc-khôn, trong bài "Về những cơ sở lý luận của việc

* Xem "Vấn đề ruộng đất", phần I, Xanh Pê-téc-bua, 1908, bài "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"", chú thích ở tr. 178 - 179¹⁾.

1) Xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 148.

địa phương công hữu hoá ruộng đất" ("Học vấn", 1907, số I), M. Ô-lê-nốp đã phân tích cuốn sách của Ma-xlốp nói về vấn đề ruộng đất ở Nga và ông đã đặc biệt nhấn mạnh sai lầm trong *học thuyết kinh tế* của Ma-xlốp, một người hoàn toàn phủ nhận địa tô tuyệt đối.

Ma-xlốp đã viết bài trả lời Ô-lê-nốp, đăng trong tờ "Học vấn", số 2 và số 3. Ma-xlốp đã trách đối phương là "trăng tráo", là "ngổ ngáo", là "sỗ sàng", v.v.. Thật ra thì trong lĩnh vực *lý luận mác-xít*, chính Pi-ốt Ma-xlốp tỏ ra trăng tráo và ngổ ngáo, vì khó có thể hình dung được một cái gì ngu dốt hơn là việc Ma-xlốp "phê bình" một cách đầy tự mãn Mác và vẫn khư khư giữ những sai lầm cũ của mình.

"Mâu thuẫn giữa lý luận về địa tô tuyệt đối với toàn bộ lý luận về phân phối được trình bày trong tập III, — ông Ma-xlốp viết, — là hết sức rõ đến nỗi người ta chỉ có thể giải thích rằng sỗ dĩ có mâu thuẫn ấy là do tập III được xuất bản sau khi tác giả đã mất, trong đó bao gồm cả những sơ thảo của tác giả nữa" ("Vấn đề ruộng đất", xuất bản lần thứ 3, tr. 108, chú thích).

Nói chung, chỉ có con người không hiểu tí gì trong lý luận về địa tô của Mác thì mới có thể viết như thế. Nhưng thái độ khinh khỉnh tỏ vẻ độ lượng của cái ông Pi-ốt Ma-xlốp không ai sánh nổi ấy đối với tác giả của những sơ thảo quả thật là vô song! Trước khi đi dạy người khác thì chàng "mác-xít" ấy vẫn không chịu tự hạ mình xuống để *tìm hiểu* Mác, để nghiên cứu ít ra là cuốn "Các học thuyết về giá trị thặng dư" xuất bản năm 1905, trong đó lý luận về địa tô đã được trình bày hết sức trong sáng khiến cho ngay cả những Ma-xlốp cũng có thể hiểu được.

Sau đây là những luận cứ của Ma-xlốp chống lại Mác:

"Địa tô tuyệt đối sỗ dĩ có được hầu như là nhờ cấu thành thấp của tư bản nông nghiệp... Vì cấu thành của tư bản không ảnh hưởng đến giá cả của sản phẩm, cũng không ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận và nói chung, không ảnh hưởng đến sự phân phối giá trị thặng dư giữa các chủ xí nghiệp với nhau, nên nó không thể tạo ra một địa tô nào

cả. Nếu cấu thành của tư bản nông nghiệp thấp hơn cấu thành của tư bản công nghiệp thì địa tô chênh lệch là sản sinh ra từ giá trị thặng dư mà ngay cả nông nghiệp cũng có — nhưng điều đó không có ý nghĩa gì đối với *sự hình thành* của địa tô. Do đó, nếu "cấu thành" của tư bản thay đổi, điều đó cũng không ảnh hưởng đến địa tô chút nào cả. Tỷ suất của địa tô tuyệt nhiên không phải do tính chất của nguồn gốc của địa tô quyết định, mà hoàn toàn chỉ do sự chênh lệch nói trên về năng suất lao động trong các điều kiện khác nhau" (tr. 108 - 109 tác phẩm đã dẫn. Do Ma-xlốp viết ngả).

Không biết là những người "phê bình Mác" trong giai cấp tư sản đã có lúc nào bác bỏ Mác một cách dễ dàng đến thế hay không? Vì cái ông Ma-xlốp không ai sánh kịp của chúng ta điều nào cũng lẫn lộn, ông ta lẫn lộn ngay cả khi *trình bày* những ý kiến của Mác (vả lại, đó cũng là phong cách của ông Bun-ga-cốp và tất cả những tên tư sản công kích chủ nghĩa Mác, chúng khác Ma-xlốp ở chỗ chúng thật thà hơn, không tự xưng là người mác-xít). Nói rằng theo Mác thì địa tô tuyệt đối là do cấu thành thấp của tư bản nông nghiệp mà ra, — như thế là không đúng. Địa tô tuyệt đối là do chế độ tư hữu ruộng đất sinh ra. Chế độ tư hữu ấy tạo ra một thứ độc quyền đặc biệt, không có chút gì giống với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là phương thức có thể tồn tại trên ruộng đất của công xã cũng như trên ruộng đất đã quốc hữu hoá*. Độc quyền phi tư bản chủ nghĩa của chế độ tư hữu ruộng đất ngăn cản việc san bằng lợi nhuận trong các ngành sản xuất bị thứ độc quyền ấy lấn át. Muốn cho "cấu thành của tư bản không ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận" (cần thêm: cấu thành của tư bản cá biệt hay của tư bản một ngành công nghiệp riêng biệt; cả ở đây nữa, Ma-xlốp cũng lẫn lộn, khi trình bày những

* Xem "Các học thuyết về giá trị thặng dư", t. II, ph. I, tr. 208, trong đó Mác giải thích rằng người chiếm hữu ruộng đất là một nhân vật hoàn toàn thừa đối với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, rằng mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa là "hoàn toàn có thể đạt được" nếu ruộng đất thuộc về nhà nước¹¹⁰.

ý kiến của Mác); muốn cho tỷ suất *trung bình* của lợi nhuận hình thành được, cần phải có *sự san bằng* lợi nhuận của tất cả các xí nghiệp và tất cả các ngành công nghiệp. Sự san bằng được tiến hành thông qua tự do cạnh tranh, tự do đầu tư một cách không phân biệt vào tất cả mọi ngành sản xuất. Tự do ấy liệu có thể tồn tại được ở nơi có độc quyền phi tư bản chủ nghĩa, không? Hiển nhiên là không. Độc quyền của chế độ tư hữu ruộng đất *ngăn cản* tự do đầu tư, ngăn cản tự do cạnh tranh, ngăn cản sự san bằng lợi nhuận nông nghiệp cao một cách không cân đối (hậu quả của cấu thành thấp của tư bản nông nghiệp). Ý kiến phản đối của Ma-xlốp hoàn toàn là một sự thiếu suy nghĩ, mà chúng ta thấy một cách đặc biệt rõ khi dưới đó hai trang chúng ta đọc thấy viện dẫn... *đến ngành sản xuất gạch* (tr. 111) trong đó kỹ thuật cũng lạc hậu, cấu thành hữu cơ của tư bản cũng thấp hơn mức trung bình, như trong nông nghiệp, nhưng không có địa tô!

Tất nhiên trong việc sản xuất gạch không thể có địa tô được, "nhà lý luận" đáng kính ạ, vì địa tô tuyệt đối không phải do cấu thành thấp của tư bản nông nghiệp, mà là do độc quyền của chế độ tư hữu ruộng đất sinh ra, vì độc quyền này cản trở sự cạnh tranh san bằng lợi nhuận của tư bản có "cấu thành thấp". Phủ nhận địa tô tuyệt đối là phủ nhận ý nghĩa kinh tế của chế độ tư hữu ruộng đất.

Luận cứ thứ hai của Ma-xlốp chống lại Mác là:

"Địa tô thu được nhờ khoản tư bản đầu tư "cuối cùng", địa tô của Rốt-béc-tút và địa tô tuyệt đối của Mác sẽ biến đi vì người tá điền bao giờ cũng có thể biến khoản tư bản "cuối cùng" thành khoản tư bản "trước cuối cùng" nếu tư bản đưa lại được một cái gì ngoài lợi nhuận thông thường" (tr. 112).

Pi-ốt Ma-xlốp lại lẫn lộn, lẫn lộn một cách "trâng tráo".

Trước hết, đặt lại Rốt-béc-tút bên cạnh Mác trong vấn đề địa tô, như thế là dốt đặc. Lý luận của Rốt-béc-tút được

xây dựng trên giả thuyết cho rằng người phéc-mi-ê tư bản chủ nghĩa nhất định cũng tính toán sai lầm như người địa chủ xứ Pô-mê-ra-ni ("không tính đến" sản phẩm nguyên liệu trong nông nghiệp!). Lý luận của Rốt-béc-tút không có tí *tính lịch sử* nào cả, không có tí tính hiện thực lịch sử nào cả, vì y xem xét nông nghiệp nói chung, không kể đến thời gian và không gian, xem xét nông nghiệp của bất kỳ nước nào và của bất kỳ thời đại nào. Mác xem xét một thời kỳ lịch sử riêng biệt, khi chủ nghĩa tư bản đã phát triển kỹ thuật trong công nghiệp nhanh hơn trong nông nghiệp. Mác xem xét nông nghiệp *tư bản chủ nghĩa* bị cản trở bởi chế độ tư hữu ruộng đất *phi tư bản chủ nghĩa*.

Thứ hai, dẫn ra rằng người tá điền "bao giờ cũng có thể" biến khoản tư bản cuối cùng thành khoản tư bản trước cuối cùng, như thế chứng tỏ rằng cái ông Pi-ốt Ma-xlốp không ai sánh kịp không hiểu gì về chẳng những địa tô tuyệt đối, mà cả địa tô *chênh lệch* của Mác! Thật là không thể tưởng tượng được, nhưng đó là một sự thật. Người tá điền, trong suốt thời kỳ anh ta thuê ruộng đất, "bao giờ cũng có thể" chiếm hữu và *bao giờ cũng chiếm hữu mọi* địa tô, *một* khi anh ta "biến khoản tư bản cuối cùng thành khoản tư bản trước cuối cùng", một khi — nói một cách đơn giản hơn và (như chúng ta sẽ thấy ngay bây giờ) chính xác hơn — anh ta đầu tư tư bản mới vào ruộng đất. Trong thời gian hợp đồng thuê ruộng đất có hiệu lực, chế độ tư hữu ruộng đất không còn tồn tại đối với người tá điền nữa: với việc trả tiền thuê ruộng đất, anh ta đã "tự chuộc lại" mình mà thoát khỏi sự độc quyền ấy, và nó không còn có thể cản trở anh ta nữa*. Vì thế, khi một khoản đầu tư

* Nếu Ma-xlốp đọc cẩn thận đôi chút những "sơ thảo" của tập III, chắc chắn sẽ nhận thấy rằng Mác luôn luôn nhắc lại để giải thích rõ tất cả những điều đó.

mới tư bản của người tá điền vào ruộng đất của anh ta đem lại cho anh ta một lợi nhuận mới và một khoản địa tô mới, thì không phải người chủ ruộng đất nhận được địa tô ấy, mà chính là người tá điền. Người chủ ruộng đất sẽ chỉ thu được khoản địa tô mới ấy khi thời hạn hợp đồng thuê ruộng đất cũ đã hết và một hợp đồng mới được ký kết. Như vậy thì lúc đó cái gì đã chuyển khoản địa tô mới từ túi người phéc-mi-ê sang túi người chủ ruộng đất? Đó là tự do cạnh tranh, vì khi người tá điền chẳng những thu được lợi nhuận trung bình mà còn thu được cả siêu lợi nhuận (= địa tô) nữa thì như vậy sẽ khiến cho tư bản đổ xô vào một ngành kinh doanh vô cùng sinh lợi. Từ đó ta thấy rõ, một mặt, vì sao, trong những điều kiện như nhau, người tá điền có lợi khi thuê ruộng đất dài hạn, còn người chủ ruộng đất thì lại có lợi khi cho thuê ruộng đất ngắn hạn. Từ đó ta thấy rõ, mặt khác, vì sao chẳng hạn những người chủ ruộng đất ở Anh, sau khi những đạo luật về lúa mì ở Anh đã bị xoá bỏ, đã dùng hợp đồng buộc những người phéc-mi-ê phải đầu tư vào mỗi a-cơ¹⁾ ruộng đất của họ không phải tám, mà ít nhất là mười hai li-vơ xtéc-linh (gần 110 rúp). Như vậy là những người chủ ruộng đất có tính đến chỗ kỹ thuật nông nghiệp tất yếu về mặt xã hội ngày càng tiến bộ do việc xoá bỏ những đạo luật về lúa mì.

Vấn đề đặt ra bây giờ là xem xem địa tô mới mà người tá điền chiếm lấy trong thời gian hợp đồng thuê ruộng đất là thuộc loại nào? Có phải chỉ là địa tô tuyệt đối hay cũng có cả địa tô chênh lệch nữa? Có cả hai. Vì nếu Pi-ốt Ma-xlốp chịu khó chú ý hiểu Mác trước khi "phê bình những sơ thảo" một cách đáng buồn cười, thì ông ta sẽ biết rằng địa tô chênh lệch không phải chỉ do những ruộng đất khác

1) — mẫu Anh, bằng 0,4 héc-ta.

nhau đưa lại, mà cũng còn do cả những món đầu tư khác nhau bỏ vào cùng một mảnh đất*.

Thứ ba (chúng tôi xin lỗi đã làm mệt độc giả khi phải kể ra hết sức dài dòng những sai lầm của Ma-xlốp trong từng câu của ông ta, nhưng biết làm thế nào được nếu chúng ta đứng trước một Konfusionsrat "lắm ý kiến" đến thế, một "cố vấn hay lẫn lộn", như người Đức thường nói?), — thứ ba, lập luận của Ma-xlốp về khoản tư bản cuối cùng và khoản tư bản trước cuối cùng, là dựa vào quy luật nổi tiếng: "quy luật ruộng đất giảm bớt mâu mờ". Hệt như những nhà kinh tế tư sản, Ma-xlốp thừa nhận quy luật đó (thậm chí còn gọi sự bịa đặt ngu xuẩn ấy là một sự thật để "tăng thêm tầm quan trọng"). Hệt như những nhà kinh tế tư sản, Ma-xlốp gắn quy luật ấy vào thuyết về địa tô, tuyên bố một cách gan góc như một tay dốt đặc về lý luận: "nếu không có sự thật là hiệu suất của những chi phí cuối cùng về tư bản ngày càng giảm sút, thì cũng sẽ không có địa tô" (114).

Về sự phê phán cái "quy luật ruộng đất giảm bớt mâu mờ" đó, một quy luật tư sản tầm thường, yêu cầu độc giả tìm đọc lại điều tôi đã nói năm 1901 để phản đối ông Bun-ga-cốp¹⁾. Trong vấn đề đó không có một sự khác nhau về thực chất nào giữa Bun-ga-cốp và Ma-xlốp cả.

Để bổ sung điều tôi đã nói để phản đối Bun-ga-cốp, chúng tôi chỉ xin dẫn thêm một đoạn trong những "sơ thảo"

* Địa tô chênh lệch do sự khác nhau giữa những ruộng đất khác nhau đưa lại, Mác gọi là địa tô chênh lệch loại I, còn địa tô chênh lệch thu được nhờ hiệu suất khác nhau của các khoản tư bản bỏ thêm vào cùng một mảnh đất, đó là địa tô chênh lệch loại II. Trong những "sơ thảo" của tập ba, sự khác nhau ấy đã được phân tích hết sức tỉ mỉ (mục VI, chương 39 - 43), và phải là một "nhà phê bình Mác" như loại Bun-ga-cốp thì mới "không nhận thấy" điều đó¹¹⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 122 - 138.

của tập III, nó chỉ ra một cách đặc biệt rõ ràng sự phê bình của Ma-xlốp - Bun-ga-cốp là không gì sánh kịp:

"Đáng lẽ phải xét đến những nguyên nhân lịch sử - tự nhiên thực sự nào làm cho đất bị kiệt màu, — nhân tiện xin nói thêm, những nguyên nhân đó, những nhà kinh tế đã viết về địa tô chênh lệch đều không biết vì trình độ hoá học nông nghiệp thời đó còn thấp kém — đáng lẽ như thế thì người ta lại chỉ dùng cái ý kiến tầm thường cho rằng không thể đầu tư bất cứ bao nhiêu tư bản cũng được vào một mảnh đất có giới hạn; chẳng hạn, tờ "Westminster Review" ("Tập chí Oét-min-xtơ") đã bác lại Ri-sa Giôn-xơ (Jones) rằng người ta không thể nuôi sống toàn thể nước Anh bằng cách cho cây cấy Soho Square* ..."¹¹².

Ý kiến bác bỏ này là luận cứ duy nhất của Ma-xlốp lẫn tất cả những người khác tán thành "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ": nếu không có quy luật ấy, nếu những chi phí sau về tư bản cũng có thể có hiệu suất như những chi phí trước, thì, như các anh thấy đấy, lúc đó sẽ không cần phải mở rộng diện tích canh tác, lúc đó trên một diện tích nhỏ nhất, chỉ cần bỏ thêm những tư bản mới vào, là có thể có bao nhiêu sản phẩm nông nghiệp cũng được, nghĩa là người ta sẽ có thể "nuôi sống toàn thể nước Anh chỉ độc bằng Soho Square", hay là "thu gọn nông nghiệp của toàn thế giới vào độc một đê-xi-a-ti-na"^{**}, v.v.. Thế có nghĩa là Mác đem phân tích cái luận cứ *chính* biện hộ cho "quy luật" ruộng đất giảm bớt màu mỡ.

"... Nếu coi, — Mác nói tiếp, — đó là sự bất lợi riêng của nông nghiệp thì hoàn toàn không đúng, hoàn toàn trái ngược.

* Vườn hoa nhỏ ở Luân-đôn.

** Xem phần trên: "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"" về quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ. Đây vẫn lại là sự ngốc nghếch của Ma-xlốp: "Chủ xí nghiệp sẽ chi phí liên tiếp tất cả (!) tư bản của mình, chẳng hạn, cho một đê-xi-a-ti-na, nếu như các chi phí mới cũng đem lại lợi nhuận như vậy" (107), v.v..

Người ta có thể liên tiếp đầu tư vào nông nghiệp và làm cho những khoản tư bản ấy sinh lợi, vì bản thân đất đai có tác động với tư cách là một công cụ sản xuất; còn ở nhà máy, thì không như thế hoặc nhiều lắm thì cũng sẽ chỉ như thế trong những phạm vi rất hẹp vì ở đấy, đất đai chỉ dùng làm nền, làm nơi xây dựng nhà máy, làm cơ sở để sản xuất. Đành rằng người ta có thể tập trung một nền sản xuất lớn trên một khoảng không gian hẹp, nếu đem so với sự phân tán của thủ công nghiệp, và đại công nghiệp chính là đang làm như vậy. Nhưng với một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất, bao giờ cũng đòi hỏi phải có một không gian nhất định, và việc xây dựng theo chiều cao cũng có những giới hạn thực tế nhất định của nó. Khi đã đạt đến giới hạn đó rồi, sản xuất muốn mở rộng thì cũng đòi hỏi phải mở rộng diện tích đất nó sử dụng. Tư bản cố định bỏ vào máy móc, v.v. không vì được sử dụng mà tốt hơn lên, trái lại nó hao mòn đi. Ở đây, những phát minh mới cũng có thể đem lại một vài sự cải tiến, nhưng với trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất thì máy móc chỉ có thể ngày càng hỏng đi. Nếu lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng, tất cả những máy móc cũ cần phải được thay thế bằng những máy móc khác mang lại nhiều lợi hơn, tức là những máy móc cũ sẽ phải bỏ đi. Trái lại, đất được xử lý một cách thích đáng sẽ tốt hơn lên mãi. Có thể làm cho những khoản đầu tư liên tiếp sinh lợi được mà không vì thế làm mất lợi nhuận của những khoản đầu tư trước, — đó là tính ưu việt của đất, tính ưu việt này cũng đồng thời bao hàm khả năng có những sự chênh lệch về năng suất của những khoản đầu tư liên tiếp ấy" ("Das Kapital", III. Band, 2. Teil, Seite 314)¹¹³.

Ma-xlốp thích nhắc lại câu chuyện hoang đường cũ rích của kinh tế học tư sản về quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ, hơn là suy nghĩ kỹ về những lời phê phán của Mác. Thế

mà ngay cả ở đây, cũng chính là về những vấn đề ấy, thì trong khi xuyên tạc Mác, Ma-xlốp lại còn cả gan đòi trình bày chủ nghĩa Mác!

Đứng trên quan điểm thuần túy tư sản của mình về "quy luật tự nhiên" ruộng đất giảm bớt màu mỡ, Ma-xlốp đã bóp méo lý luận về địa tô đến mức nào, — điều đó ta cũng thấy rõ trong đoạn viết ngả của ông ấy sau đây: "Nếu những khoản đầu tư liên tiếp vào cùng một diện tích, trong khi đưa tới việc kinh doanh theo lối thâm canh, cũng sinh lợi, thì sự cạnh tranh của những khoản đất mới sẽ biến đi ngay tức khắc, vì, ngoài những chi phí sản xuất ra, giá tiền vận chuyển cũng ảnh hưởng đến giá cả lúa mì" (tr. 107).

Như thế là sự cạnh tranh ở hải ngoại chỉ có thể giải thích được bằng quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ! Đúng hệt như các nhà kinh tế học tư sản vậy! Nhưng nếu Ma-xlốp không biết đọc hay không thể hiểu nổi tập III, thì ít ra ông ấy cũng phải tìm hiểu cuốn "Vấn đề ruộng đất" của Cau-xky hay cuốn sách nhỏ của Pác-vu-xơ nói về khủng hoảng nông nghiệp. Qua những sự giải thích hết sức dễ hiểu của các nhà mác-xít ấy, Ma-xlốp có lẽ sẽ hiểu được rằng chủ nghĩa tư bản *nâng cao* địa tô lên, bằng cách tăng thêm dân cư công nghiệp. Còn giá cả ruộng đất (= địa tô tư bản hoá) thì *giữ vững* những địa tô đã được nâng lên cao một cách quá đáng. Tình hình địa tô chênh lệch cũng như thế. Thành thử ở đây chúng ta lại một lần nữa thấy rõ rằng Ma-xlốp không hiểu Mác một tí gì, không hiểu ngay cả hình thức giản đơn nhất của địa tô nữa.

Kinh tế học tư sản lấy "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" để giải thích "sự cạnh tranh của những đất đai mới", vì người tư sản, cố tình hay vô tình, không đếm xỉa đến mặt lịch sử và xã hội của vấn đề. Kinh tế học xã hội chủ nghĩa (tức là chủ nghĩa Mác) cho rằng nguyên nhân của sự cạnh tranh ở hải ngoại là ở chỗ những đất đai không trả địa tô sẽ phá những giá cả cao quá mức của lúa

mì do chủ nghĩa tư bản các nước cũ ở châu Âu quy định, chủ nghĩa tư bản này đã nâng cao địa tô lên tới mức không thể tưởng tượng được. Nhà kinh tế học tư sản không hiểu (hay là tự giấu mình và giấu những người khác) rằng tỷ suất của địa tô do chế độ tư hữu ruộng đất làm cố định là *một trở ngại* cho sự tiến bộ của nông nghiệp, và họ đổ lỗi cho sự trở ngại "tự nhiên" tức là cho cái "sự thật" là ruộng đất giảm bớt màu mỡ.

3. ĐỂ BÁC BỎ ĐƯỢC CHỦ NGHĨA DÂN TUÝ CÓ CẦN PHẢI BÁC BỎ MÁC KHÔNG?

Theo Pi-ốt Ma-xlốp thì cần phải như thế. Tiếp tục "phát triển" hơn nữa cái "lý luận" ngu đần của mình, trong tờ "Học vấn", Ma-xlốp lên giọng dạy chúng ta:

"Nếu không có "sự thật" là năng suất của lao động liên tiếp bỏ vào cùng một diện tích đất đai bị sụt xuống, thì có lẽ ta còn có thể thấy được cái cảnh sống thôn dã tươi vui mà những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và những người dân tuý - xã hội vẽ nên: mỗi người nông dân được sử dụng khoảnh đất chia cho họ và muốn bỏ bao nhiêu lao động vào đó tùy ý, và đối với mỗi một khoản "đóng góp" của họ, ruộng đất sẽ "đền bù" cho họ một số lượng sản phẩm tương ứng" (số 2, 1907, tr. 123).

Như vậy, nếu Mác không bị Ma-xlốp bác bỏ thì có thể là những người dân tuý nói đúng! "Nhà lý luận" của chúng ta đã nhả ngọc phun châu như thế đấy. Còn chúng ta với tư cách là những người mác-xít, cho đến nay vẫn chỉ đơn giản nghĩ rằng bác bỏ cái cảnh sống thôn dã tươi vui trong đó nền sản xuất nhỏ được duy trì vĩnh viễn, thì tuyệt nhiên không phải là do cái quy luật tư sản ngớ ngẩn "ruộng đất giảm bớt màu mỡ", mà là do nền sản xuất hàng hoá, do sự thống trị của thị trường, do ưu thế của nông nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa so với nông nghiệp nhỏ, v.v.. Ma-xlốp đã thay đổi tất cả những quan điểm đó! Ma-xlốp đã

phát hiện rằng nếu không có cái quy luật tư sản bị Mác bác bỏ thì những người dân tuý đã nói đúng!

Chưa phải đã hết. Những kẻ xét lại cũng đã nói đúng. Đấy lại là một lập luận nữa của nhà kinh tế chẳng sáng suốt chút nào của chúng ta.

"Nếu tôi không lầm thì chính tôi (Pi-ốt Ma-xlốp) đã có dịp là người đầu tiên (chúng tôi là như thế đấy!) nhấn mạnh một cách đặc biệt dứt khoát tác dụng khác nhau của việc trồng trọt một cách văn minh đất đai và của tiến bộ kỹ thuật trong sự phát triển kinh tế và nhất là trong cuộc đấu tranh giữa sản xuất lớn và sản xuất nhỏ. Nếu việc thâm canh, nếu những lao động và tư bản bỏ ra về sau cũng đều ít sinh lợi như nhau trong nền kinh tế lớn lẫn trong nền kinh tế nhỏ thì tiến bộ kỹ thuật — sự tiến bộ này làm tăng hiệu suất trong lao động nông nghiệp — sẽ đem lại, cũng như trong công nghiệp, những ưu thế lớn lao và những ưu thế riêng cho nền kinh tế lớn. Những ưu thế này hầu như hoàn toàn chỉ tuỳ thuộc vào những điều kiện kỹ thuật...". Lầm rồi, anh bạn rất thân mến ơi: về mặt thương nghiệp, những ưu thế của nền sản xuất lớn có một ý nghĩa lớn.

"... Trái lại, thông thường thì việc trồng trọt một cách văn minh đất đai có thể áp dụng như nhau trong nền kinh tế lớn cũng như trong nền kinh tế nhỏ...". Việc trồng trọt một cách văn minh đất đai "có thể" áp dụng được.

Anh chàng Ma-xlốp rất thâm thúy có lẽ đã biết một thứ kinh tế trong đó việc trồng trọt một cách văn minh đất đai có thể không áp dụng được. "... Chẳng hạn, việc thay thế chế độ luân canh ba thửa bằng chế độ luân canh nhiều thửa, việc tăng thêm phân bón, việc cày sâu, v.v. đều áp dụng được như nhau trong nền kinh tế lớn cũng như trong nền kinh tế nhỏ và cũng đều ảnh hưởng như nhau đến năng suất lao động. Nhưng chẳng hạn, việc đưa máy gặt ra dùng chỉ làm tăng năng suất lao động trong nền kinh

tế lớn hơn, vì những dải lúa mì nhỏ hẹp thì có thể cắt hoặc gặt bằng tay là có lợi hơn...".

Thật vậy, không nghi ngờ gì cả, Ma-xlốp là "người đầu tiên" đã đưa được sự mơ hồ vô tận đến như thế vào trong vấn đề! Cứ thử nghĩ mà xem: máy cày chạy bằng hơi nước (cày sâu), thì đó là "việc trồng trọt một cách văn minh đất đai", còn máy gặt, đó là "kỹ thuật". Thế là, theo thuyết của anh chàng Ma-xlốp có một không hai của chúng ta thì máy cày chạy bằng hơi nước, đó *không phải* là kỹ thuật. Thế là máy gặt *không phải* là một sự chi phí thêm về lao động và tư bản. Phân bón hoá học, máy cày chạy bằng hơi nước, việc gieo trồng cỏ cho súc vật, đó là "sự thâm canh". Máy gặt và, nói chung, "phần lớn các máy móc nông nghiệp". Đó là "tiến bộ kỹ thuật". Nếu Ma-xlốp "đã có dịp" tưởng tượng ra cái điều tâm bậy ấy, thì cũng chính là vì cần phải thoát khỏi sự lúng túng của cái "quy luật ruộng đất giảm bớt mâu thuẫn" mà tiến bộ kỹ thuật *đã bác bỏ*. Bun-ga-cốp đã thoát khỏi sự lúng túng bằng cách nói rằng: tiến bộ kỹ thuật, đó là cái tạm thời; sự trì trệ, đó là cái thường xuyên. Ma-xlốp đã thoát khỏi sự lúng túng bằng cách nghĩ ra một sự phân chia hết sức buồn cười đối với sự tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp thành "thâm canh" và "kỹ thuật".

Thâm canh là gì? Là một sự chi phí thêm về lao động và tư bản. Máy gặt, theo sự phát hiện của Ma-xlốp vĩ đại, *không phải* là một sự chi phí về tư bản. Máy gieo thành hàng *không phải* là một sự chi phí về tư bản! "Việc thay thế chế độ luân canh ba thửa bằng chế độ luân canh nhiều thửa" đều có thể áp dụng được *như nhau* trong nền kinh tế lớn cũng như trong nền kinh tế nhỏ ư? Không đúng. Việc áp dụng chế độ luân canh nhiều thửa cũng đòi hỏi những chi phí phụ thêm về tư bản, và chế độ này có thể áp dụng *nhiều hơn nhiều* trong nền kinh tế lớn. Về điều này, xin xem những số liệu thống kê về nền nông nghiệp Đức đã dẫn ra ở trên ("Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê

phán Mác¹⁾). Những số liệu thống kê nông nghiệp Nga cũng chứng minh điều đó. Suy nghĩ một chút sẽ thấy rằng không thể khác thế được, rằng trong nền kinh tế nhỏ và trong nền kinh tế lớn không thể cũng áp dụng chế độ luân canh nhiều thửa *như nhau* được. Không thể "áp dụng như nhau" việc tăng phân bón, vì nền kinh tế lớn 1) có nhiều gia súc lớn hơn, điều này có ý nghĩa quan trọng nhất trong lĩnh vực này, 2) nó nuôi gia súc tốt hơn và ít "dè xẻn" hơn, v.v., 3) nó có nhiều phương tiện tốt hơn để giữ phân, 4) nó dùng nhiều phân hoá học hơn. Sự thực, Ma-xlốp xuyên tạc một cách "trâng tráo" những số liệu mà ai cũng biết về nông nghiệp hiện đại. Cuối cùng, trong nền kinh tế nhỏ và trong nền kinh tế lớn *không thể* cũng cày sâu *như nhau*. Chỉ cần nêu ra hai sự thật này cũng đủ rõ: thứ nhất, việc sử dụng máy cày chạy bằng hơi nước tăng lên trong nền kinh tế lớn (xem những số liệu về nước Đức²⁾ đã dẫn ra trên kia; và bây giờ chắc hẳn dùng cả máy cày điện nữa). Có lẽ ngay cả Ma-xlốp cũng sẽ hiểu được rằng máy cày chạy bằng hơi nước không thể áp dụng được "như nhau" trong nền kinh tế lớn và trong nền kinh tế nhỏ. Trong nền kinh tế nhỏ, việc sử dụng *bò cái* làm súc vật kéo đang phát triển. Hỡi Ma-xlốp vĩ đại, hãy suy nghĩ một chút, phải chăng như vậy *có thể* có nghĩa là có thể cày sâu như nhau? Hai là, ngay như nếu nền kinh tế lớn và nền kinh tế nhỏ sử dụng cùng một loại những súc vật cày kéo, thì trong nền kinh tế nhỏ súc vật cày kéo cũng *yếu hơn*, và do đó không thể có sự ngang nhau về điều kiện trong việc cày sâu được.

Tóm lại, khó tìm được một câu nào của Ma-xlốp nói

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 217 - 218.

2) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 153.

lên sự cố gắng của tư duy "lý luận", mà lại không gặp phải không biết bao nhiêu những điều hết sức lằng lắt và ngu dốt lạ kỳ. Tuy vậy, Ma-xlốp vẫn bình tĩnh kết luận:

"Ai đã hiểu sự khác nhau của *hai* mặt đã nêu ra trên kia của sự phát triển của nông nghiệp (cải tiến việc trồng trọt và cải tiến kỹ thuật), người đó sẽ dễ dàng đánh đổ toàn bộ luận cứ của chủ nghĩa xét lại và ở nước ta, của chủ nghĩa dân túy" ("Học vấn", 1907, số 2, tr. 125).

Thế đấy. Thế đấy. Nếu Ma-xlốp không phải là dân túy và cũng không phải là xét lại, đó *chỉ* là vì ông ấy đã biết nâng mình lên cao hơn những sơ thảo của Mác đến mức "đã hiểu được" những thiên kiến cũ rích của kinh tế học tư sản cũ rích. Bình cũ rượu mới! Béc-stanh và Xtơ-ru-vê lớn tiếng nói: Mác phản đối Mác. Ma-xlốp thì tuyên bố: không đánh đổ Mác thì không thể đánh đổ được chủ nghĩa xét lại.

Để kết thúc, xin nêu ra một chi tiết tiêu biểu. Nếu Mác, người đã sáng tạo ra lý luận về địa tô tuyệt đối, mà sai, nếu quả thật là không thể có địa tô nếu không có "quy luật ruộng đất giảm bớt mâu thuẫn", nếu những người dân túy và xét lại có thể là đúng, trong trường hợp không có quy luật ấy — thì có lẽ trong "học thuyết" của Ma-xlốp, *những điều* ông ấy "sửa chữa" chủ nghĩa Mác tất phải chiếm một địa vị chủ chốt. Đúng là những điều "sửa chữa" ấy đã chiếm địa vị chủ chốt đó. Tuy nhiên, Ma-xlốp thích giấu những điều "sửa chữa" ấy đi. Cách đây không lâu, người ta đã xuất bản bản dịch ra tiếng Đức cuốn sách của ông ấy "Vấn đề ruộng đất ở Nga". Tôi muốn biết là *dưới hình thức nào* Ma-xlốp trình bày với những người dân chủ - xã hội châu Âu những lý luận tầm thường không thể tưởng tượng được của mình. Hoá ra là: *không dưới một hình thức nào cả*. Trước mặt những người Âu, Ma-xlốp *đã giấu "toàn bộ" lý luận của mình vào trong túi*. Ông ấy đã gạt bỏ tất cả những gì liên quan đến sự phủ nhận địa tô tuyệt đối, gạt bỏ quy luật ruộng

đất giảm bớt màu mỡ, v.v.. Nhân nói đến điều ấy, tôi bất giác nhớ lại câu chuyện có một người lạ mặt đầu tiên dự cuộc họp của những nhà triết học thời cổ đại và đã ngồi im lặng suốt buổi họp. Một trong những nhà triết học dự họp ở đấy đã bảo người lạ mặt ấy rằng: nếu anh thông minh, thì hành động của anh như thế là ngu ngốc; nếu anh ngu ngốc thì hành động của anh như thế là thông minh.

4. SỰ PHỦ NHẬN ĐỊA TÔ TUYỆT ĐỐI CÓ GẮN LIÊN VỚI CƯƠNG LĨNH ĐỊA PHƯƠNG CÔNG HỮU HÓA HAY KHÔNG?

Dù Ma-xlốp nhận thức được rất sâu sắc giá trị của những sự phát hiện tuyệt vời của mình trong lĩnh vực lý luận kinh tế chính trị đi nữa, tuy vậy chắc hẳn là ông ấy vẫn hơi nghi không biết là có một mối liên hệ như thế không. Ít ra, trong bài báo được trích dẫn ở trên ("Học vấn", số 2, tr. 120), ông ấy cũng phủ nhận mối liên hệ giữa việc địa phương công hữu hoá với cái "sự thật" là ruộng đất giảm bớt màu mỡ. Ta thấy có một cái gì rất lạ: "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ" gắn liền với sự phủ nhận địa tô tuyệt đối, gắn liền với cả cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa dân tụy, nhưng hình như lại không gắn liền với cương lĩnh ruộng đất của Ma-xlốp! Nhưng cũng có thể nhận thấy được một cách trực tiếp là ý kiến đó — cho rằng không có mối liên hệ giữa lý luận chung về ruộng đất và cương lĩnh ruộng đất Nga của Ma-xlốp — là ý kiến không đúng.

Phủ nhận địa tô tuyệt đối là phủ nhận ý nghĩa kinh tế của chế độ tư hữu ruộng đất dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Ai chỉ thừa nhận sự tồn tại của địa tô chênh lệch thì người đó nhất định sẽ đi đến chỗ kết luận rằng những điều kiện của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và của sự phát triển tư bản chủ nghĩa hoàn toàn không thay đổi dù

ruộng đất là sở hữu của nhà nước hay là sở hữu của tư nhân. Đúng trên quan điểm của lý luận phủ nhận địa tô tuyệt đối mà nói, thì trong cả hai trường hợp đều chỉ có địa tô chênh lệch mà thôi. Hiển nhiên, cái lý luận như thế *tất phải* đưa đến chỗ phủ nhận tất cả ý nghĩa của việc quốc hữu hoá với tính cách là một biện pháp nhằm ảnh hưởng đến sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiểu theo nghĩa là thúc đẩy sự phát triển đó, là dọn đường cho sự phát triển đó, v.v.. Vì một quan điểm như thế về quốc hữu hoá là xuất phát từ chỗ thừa nhận cả hai hình thức địa tô: địa tô tư bản chủ nghĩa, tức là thứ địa tô không thể bị xoá bỏ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa ngay cả trên ruộng đất đã quốc hữu hoá (địa tô chênh lệch), và địa tô *phi* tư bản chủ nghĩa, là địa tô gắn liền với sự độc quyền không cần thiết đối với chủ nghĩa tư bản và cản trở sự phát triển đầy đủ của chủ nghĩa tư bản (địa tô tuyệt đối).

Cho nên Ma-xlốp, xuất phát từ "lý luận" của mình, đã phải đi đến kết luận cho rằng "gọi nó (địa tô) là địa tô tuyệt đối hay là địa tô chênh lệch thì cũng thế thôi" ("Học vấn", số 3, tr. 103); rằng vấn đề *chủ* là ở chỗ địa tô đó được nộp cho ai, cho các cơ quan địa phương hay là cho chính quyền trung ương. Nhưng một quan điểm như thế chỉ là kết quả của sự ngu dốt về lý luận. Hoàn toàn không dính dáng gì đến vấn đề xem địa tô sẽ được nộp cho ai và sẽ được dùng vào những mục đích chính trị gì, thì còn có một vấn đề nữa vô cùng sâu sắc hơn, vấn đề về những sự thay đổi diễn ra trong những điều kiện chung của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, — những sự thay đổi mà việc xoá bỏ chế độ tư hữu ruộng đất gây ra.

Vấn đề thuần túy kinh tế ấy thậm chí hoàn toàn không được Ma-xlốp nêu ra; Ma-xlốp không hiểu được và cũng không thể hiểu nổi vấn đề ấy vì đã phủ nhận địa tô tuyệt

đối. Do đó mà có cái thái độ phiến diện quái gở, tôi có thể nói là thái độ kiểu "*chính khách*", đem vấn đề tịch thu ruộng đất của địa chủ quy lại thành độc một vấn đề là xét xem ai sẽ nhận được địa tô. Do đó mà có *cái nhị nguyên luận* quái gở trong bản cương lĩnh vạch ra cho trường hợp "cách mạng phát triển thắng lợi" (cách nói của bản nghị quyết sách lược bổ sung tại Đại hội Xtoc-khôn cho cương lĩnh của Ma-xlốp). Sự phát triển *thắng lợi* của cách mạng tư sản bao hàm trước hết là những cải biến *kinh tế cơ bản*, thực sự quét sạch hết thảy mọi tàn tích của chế độ phong kiến và của những độc quyền trung cổ. Thế nhưng chúng ta thấy việc địa phương công hữu hoá là *một chế độ song kim bản vị* thật sự *về ruộng đất*: sự kết hợp chế độ sở hữu phần ruộng được chia kiểu trung cổ, cũ kỹ nhất, già cỗi nhất và lỗi thời nhất, với tình trạng không có chế độ tư hữu ruộng đất, tức là với chế độ những quan hệ ruộng đất tiến bộ nhất, lý tưởng về mặt lý luận, trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Cái chế độ song kim bản vị về ruộng đất ấy là phi lý về mặt lý luận, là không thể có được nếu xét trên quan điểm thuần túy kinh tế. Ở đây, sự kết hợp chế độ tư hữu ruộng đất với chế độ sở hữu xã hội là hoàn toàn máy móc, là "được bày đặt ra" bởi một người không nhìn thấy một sự khác nhau nào chính ngay trong hệ thống của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa có chế độ tư hữu ruộng đất hay không có chế độ tư hữu ruộng đất. Đối với một "nhà lý luận" như thế thì vấn đề chỉ là phân chia địa tô thôi, còn "gọi nó là địa tô tuyệt đối hay địa tô chênh lệch, thì cũng thế thôi".

Sự thực thì ở nước tư bản chủ nghĩa không thể để một nửa ruộng đất (138 triệu ê-xi-a-ti-na trong số 280) ở dưới chế độ tư hữu ruộng đất được. Chỉ có thể có một trong hai điều kiện sau đây. Hoặc chế độ tư hữu ruộng đất là thực sự do giai đoạn phát triển kinh tế hiện tại đòi hỏi, và nó thực sự đáp ứng lợi ích căn bản của giai cấp

những người chủ ruộng đất kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa. Lúc đó bất cứ ở đâu, chế độ tư hữu ruộng đất cũng là điều tất yếu, với tư cách là *cơ sở* của xã hội tư sản xây dựng theo một hình thức nhất định nào đó.

Hoặc là chế độ tư hữu ruộng đất không phải là điều bắt buộc trong giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa này, không phải là tất yếu sinh ra từ những lợi ích của giai cấp những người bóc lột, thậm chí còn mâu thuẫn với những lợi ích đó, — như vậy thì không thể duy trì chế độ ấy dưới cái hình thức đã lỗi thời của nó được.

Sự duy trì chế độ độc quyền trên *một* nửa diện tích đất đai canh tác, việc tạo ra đặc quyền cho một loại nghiệp chủ nhỏ, việc duy trì vĩnh viễn trong một xã hội tư bản chủ nghĩa tự do một "*khu vực cư trú riêng*", — một thứ khu vực tách những người sở hữu với những người tá điền đi thuê ruộng đất của xã hội, — là một sự phi lý gắn chặt với sự phi lý của lý luận kinh tế của Ma-xlốp.

Bây giờ chúng ta chuyển sang xem xét ý nghĩa *kinh tế* của việc quốc hữu hoá, ý nghĩa mà Ma-xlốp và những kẻ ủng hộ* ông ta đã gạt xuống hàng thứ yếu.

5. PHÊ BÌNH CHẾ ĐỘ TƯ HỮU RUỘNG ĐẤT THEO QUAN ĐIỂM SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Việc phủ nhận một cách sai lầm địa tô tuyệt đối, cái hình thức đó của sự thực hiện chế độ tư hữu ruộng đất trong những thu nhập tư bản chủ nghĩa, đã làm cho sách báo dân chủ - xã hội và cho toàn bộ lập trường của Đảng dân chủ - xã hội mắc một khuyết điểm lớn trong vấn đề

* Ở Đại hội Xtoc-khôn, Plê-kha-nốp cũng là một trong những người ủng hộ Ma-xlốp. Sự trở trêu của lịch sử khiến cho con người có vẻ là giữ gìn chặt chẽ sự chính thống đó *đã không nhận thấy hoặc đã không muốn nhận thấy* việc Ma-xlốp xuyên tạc học thuyết kinh tế của Mác.

ruộng đất trong cuộc cách mạng Nga. Đáng lẽ phải tự mình phê phán chế độ tư hữu ruộng đất; đáng lẽ phải tiến hành sự phê phán ấy trên cơ sở phân tích kinh tế, phân tích một sự phát triển kinh tế nhất định, — thì những người dân chủ - xã hội ở nước ta, theo đuôi Ma-xlốp, lại bỏ mặc sự phê phán ấy vào tay phái dân tụy. Thế là có hiện tượng quá ư tầm thường hoá chủ nghĩa Mác về mặt lý luận và xuyên tạc những nhiệm vụ tuyên truyền chủ nghĩa Mác trong cách mạng. Trong các diễn văn đọc tại Đu-ma, trong sách báo tuyên truyền và cổ động, v.v., sự phê bình chế độ tư hữu ruộng đất *chỉ* được tiến hành theo quan điểm dân tụy, tức là theo quan điểm tiểu tư sản, giả danh xã hội chủ nghĩa. Những người mác-xít đã không biết tách lấy cái hạt nhân thật sự của hệ tư tưởng tiểu tư sản ấy, vì họ không hiểu nhiệm vụ của họ là đưa một yếu tố lịch sử vào việc xem xét vấn đề và thay thế quan điểm của những người tiểu tư sản (quan niệm trừu tượng về chế độ bình quân, về sự công bằng, v.v.) bằng quan điểm của giai cấp vô sản về những nguồn gốc thật sự của cuộc đấu tranh chống chế độ tư hữu ruộng đất trong xã hội tư bản chủ nghĩa đang phát triển. Người dân tụy nghĩ rằng phủ nhận chế độ tư hữu ruộng đất là phủ nhận chủ nghĩa tư bản. Như thế là không đúng. Phủ nhận chế độ tư hữu ruộng đất là nói lên những đòi hỏi của sự phát triển thuần tụy tư bản chủ nghĩa nhất. Và chúng ta buộc phải gọi cho những người mác-xít nhớ lại những "lời đã bị bỏ quên" của Mác khi Mác phê phán chế độ tư hữu ruộng đất về phương diện những điều kiện kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Sự phê phán ấy của Mác chẳng những là nhằm vào chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất, mà cũng còn nhằm cả vào chế độ chiếm hữu ít ruộng đất nữa. Chế độ sở hữu tự do của người tiểu nông về ruộng đất là người bạn đồng hành cần thiết của nền sản xuất nhỏ trong nông nghiệp ở những điều kiện lịch sử nhất định. Chống lại Ma-xlốp, A. Phi-nơ

đã hoàn toàn có lý khi nhấn mạnh điều đó. Nhưng thừa nhận tính tất yếu lịch sử, đã được *kinh nghiệm* chứng thực, thì vẫn không có nghĩa là người mác-xít không có trách nhiệm phải đánh giá một cách toàn diện chế độ sở hữu ít ruộng đất. Một chế độ sở hữu như thế không thể có tự do thật sự được nếu không có tự do mua bán ruộng đất. Chế độ tư hữu ruộng đất có nghĩa là sự cần thiết phải bỏ tư bản ra để mua ruộng đất. Về điều này, Mác đã viết trong "Tư bản", tập III: "Một trong những khuyết điểm riêng của nền nông nghiệp nhỏ, khi nó gắn liền với chế độ tự do sở hữu ruộng đất, bắt nguồn từ chỗ người cày ruộng phải bỏ tư bản ra để mua ruộng đất" (III, 2, 342). "Việc bỏ tư bản ra để mua ruộng đất khiến cho tư bản ấy không thể đầu tư vào việc canh tác được" (ib.¹⁾, 341)¹⁴.

"Bỏ tư bản tiền tệ ra để mua ruộng đất, tuyệt nhiên không phải là đầu tư vào nông nghiệp. Trái lại, nó có nghĩa là giảm đi một cách tương ứng số tư bản mà bản thân những người tiểu nông có thể sử dụng được trong lĩnh vực sản xuất của họ. Nó giảm bớt một cách tương ứng quy mô những tư liệu sản xuất của họ và, do đó, thu hẹp cơ sở kinh tế của tái sản xuất. Nó bắt người tiểu nông phải lệ thuộc vào nạn cho vay nặng lãi, vì trong lĩnh vực này, nói chung, rất hiếm có tín dụng hiểu theo đúng nghĩa của danh từ này. Việc bỏ tiền ra như vậy là một trở ngại cho nông nghiệp ngay cả trong trường hợp mua những cơ sở kinh doanh lớn của địa chủ cũng vậy. Trên thực tế, việc bỏ tiền ra như vậy là mâu thuẫn với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là phương thức không cần biết địa chủ mắc nợ bao nhiêu, cũng chẳng kể là địa chủ đã được thừa kế ruộng đất của mình hay phải bỏ tiền ra mua" (344 - 345)¹⁵.

1) — ibidem: như trên.

Như vậy, cả việc cầm cố ruộng đất lẫn cho vay nặng lãi có thể nói đều là những hình thức làm cho tư bản *tránh được* khó khăn mà chế độ tư hữu ruộng đất đã gây ra cho việc tư bản tự do xâm nhập vào nông nghiệp. Không có tư bản thì không thể tiến hành kinh doanh trong một xã hội dựa trên sản xuất hàng hoá. Đó là điều mà nông dân và nhà tư tưởng của nông dân, tức là nhà dân túy, không thể không hiểu. Cho nên, vấn đề chung quy là xét xem tư bản có thể hoàn toàn tự do đi thẳng và trực tiếp vào nông nghiệp không hay là phải thông qua người cho vay nặng lãi hoặc một cơ quan tín dụng. Tư tưởng của người nông dân và người dân túy là những người phần thì không nhận thức được sự thống trị hoàn toàn của tư bản trong xã hội hiện tại, phần thì tự che mắt mình bằng một tấm màn ảo tưởng và mộng tưởng nên không nhìn thấy cái hiện thực khó chịu, — tư tưởng này hướng vào sự giúp đỡ tiền bạc từ bên ngoài. Trong § 15 của đề án ruộng đất của 104 người có viết: "Những người đã nhận ruộng đất lấy trong tổng số ruộng đất chung của nhân dân và không có phương tiện đầy đủ để sắm tất cả những cái cần thiết cho việc kinh doanh của họ, phải được hưởng sự giúp đỡ của nhà nước dưới hình thức cho vay và trợ cấp". Đương nhiên, chắc chắn rằng một sự giúp đỡ bằng tiền bạc như thế sẽ là điều cần thiết khi cuộc cách mạng nông dân thắng lợi tổ chức lại nền nông nghiệp Nga. Trong tác phẩm "Vấn đề ruộng đất ở Nga", Cau-xky nhấn mạnh một cách rất đúng đắn điểm ấy. Nhưng bây giờ vấn đề ở ta là xét xem ý nghĩa kinh tế và xã hội — mà người dân túy không nhận thấy — của tất cả những "món cho vay và trợ cấp" ấy là gì. Nhà nước chỉ có thể đứng làm trung gian trong việc giao lại tiền mà những nhà tư bản bỏ ra, nhưng bản thân nhà nước cũng chỉ có thể lấy tiền ở những nhà tư bản. Do đó, cứ cho rằng sự giúp đỡ của nhà nước được tổ chức rất tốt đi nữa, thì sự thống trị của tư bản cũng không

hề bị xoá bỏ, và vấn đề vẫn là: có thể áp dụng những hình thức đầu tư nào vào nông nghiệp.

Vấn đề ấy tất phải dẫn tới một sự phê phán theo quan điểm mác-xít chế độ tư hữu ruộng đất. Chế độ sở hữu này là *một trở ngại* cho việc tự do đầu tư vào ruộng đất. Nếu là đầu tư hoàn toàn tự do, thì phải thủ tiêu chế độ tư hữu ruộng đất, tức là phải quốc hữu hoá ruộng đất. Nếu là bảo vệ chế độ tư hữu ruộng đất, thì tư bản phải xâm nhập vào nông nghiệp bằng những con đường *vòng*: địa chủ và nông dân cầm cố ruộng đất, nông dân bị người cho vay nặng lãi nô dịch, ruộng đất phải nhượng lại cho người tá điền có tư bản.

Mác nói: "Trong nền nông nghiệp nhỏ, giá cả ruộng đất — hình thức và kết quả của chế độ tư hữu ruộng đất — biểu hiện ra là một trở ngại hạn chế sản xuất. Trong nông nghiệp quy mô lớn và trong chế độ chiếm hữu nhiều ruộng đất dựa vào phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa, chế độ tư hữu cũng là một trở ngại vì nó hạn chế những khoản đầu tư sản xuất của người phéc-mi-ê, những khoản đầu tư này rốt cuộc làm lợi cho địa chủ chứ không làm lợi cho người phéc-mi-ê" (346 - 347, 2. Teil, III. Band, "Das Kapital")¹¹⁶.

Do đó, thủ tiêu chế độ tư hữu ruộng đất tức là xoá bỏ đến mức tối đa có thể được, trong xã hội tư sản, tất cả những trở ngại ngăn cản việc tự do dùng tư bản vào nông nghiệp và tự do chuyển tư bản từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác. Sự phát triển tự do, rộng rãi và nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản, sự tự do hoàn toàn của cuộc đấu tranh giai cấp, sự xoá bỏ tất cả những khâu trung gian không cần thiết, khiến cho nền nông nghiệp giống như một nền công nghiệp có những "nhịp độ kinh khủng", — quốc hữu hoá ruộng đất dưới chế độ sản xuất tư bản chủ nghĩa là như thế đấy.

6. QUỐC HỮU HÓA RUỘNG ĐẤT VÀ ĐỊA TÔ "TIỀN"

A. Phi-nơ, người ủng hộ chủ trương phân chia ruộng đất, đã trình bày một luận cứ kinh tế đáng chú ý chống lại việc quốc hữu hoá. Ông ta nói: quốc hữu hoá cũng như địa phương công hữu hoá, là giao lại địa tô cho một tập thể xã hội nhất định. Nhưng vấn đề là xét xem ở đây là loại địa tô nào. Không phải là địa tô tư bản chủ nghĩa, vì "thường thì, với ruộng đất của họ, nông dân không nhận được địa tô tư bản chủ nghĩa" ("Vấn đề ruộng đất và phong trào dân chủ - xã hội, tr. 77, xem tr. 63), mà là địa tô *trước thời tư bản chủ nghĩa* bằng tiền.

Mác hiểu địa tô tiền là toàn bộ sản phẩm thặng dư mà nông dân phải trả cho địa chủ dưới hình thức tiền. Dưới những phương thức sản xuất trước chủ nghĩa tư bản, hình thức ban đầu của sự lệ thuộc kinh tế của người nông dân vào địa chủ là địa tô lao dịch (Arbeitsrente), tức là chế độ điều dịch, rồi đến địa tô sản phẩm hay là địa tô hiện vật, và cuối cùng đến địa tô tiền. A. Phi-nơ nói: địa tô tiền "là thứ địa tô phổ biến nhất ở ta hiện nay" (tr. 63).

Không nghi ngờ gì cả, chế độ cho thuê ruộng đất có tính chất nô dịch - phong kiến là hết sức phổ biến ở nước ta, và theo lý luận của Mác thì tô mà nông dân phải trả dưới chế độ cho thuê ruộng đất như thế, phần lớn là địa tô tiền. Sức mạnh nào cho phép rút được của người nông dân một địa tô *như thế*? Phải chăng là sức mạnh của giai cấp tư sản và của chủ nghĩa tư bản đang phát triển? Hoàn toàn không phải. Đó là sức mạnh của những đại điền trang nông nô. Những đại điền trang này mà bị đập tan — và đó là điểm xuất phát và là điều kiện cơ bản của cách mạng ruộng đất của nông dân — thì sẽ không còn lý do gì để nói đến "địa tô tiền" theo nghĩa là địa tô trước thời tư bản chủ nghĩa nữa. Do đó, sự phản đối của Phi-nơ chỉ có một ý nghĩa duy nhất

là nó nhấn mạnh thêm một lần nữa sự phi lý trong việc *tách* những khoảnh ruộng được chia của nông dân khỏi những khoảnh ruộng đất khác trong cách mạng ruộng đất, vì những khoảnh ruộng được chia thường là nằm giữa những ruộng đất của địa chủ, vì từ những điều kiện *hiện nay* của việc phân ranh giới ruộng đất của nông dân với ruộng đất của địa chủ sẽ sinh ra sự nô lệ, cho nên duy trì sự phân ranh giới đó là *phản động*. *Mà việc địa phương công hữu hoá thì, khác với việc phân chia và quốc hữu hoá, lại duy trì tình trạng phân ranh giới ấy.*

Sự tồn tại của chế độ sở hữu ít ruộng đất, hay, nói cho đúng hơn, của nền kinh tế nhỏ, đương nhiên là có làm thay đổi phần nào những nguyên lý chung của lý luận về địa tô tư bản chủ nghĩa, nhưng hoàn toàn không thủ tiêu lý luận ấy. Chẳng hạn, Mác chỉ ra rằng địa tô tuyệt đối, theo đúng nghĩa của nó thì thông thường không tồn tại dưới nền nông nghiệp nhỏ là nền nông nghiệp hoạt động chủ yếu nhằm thoả mãn những nhu cầu của bản thân người làm ruộng (III, 2, 339, 344)¹¹⁷. Nhưng kinh tế hàng hoá càng phát triển thì *tất cả những* nguyên lý của lý luận kinh tế lại càng có thể áp dụng được cho cả kinh tế nông dân, vì kinh tế nông dân cũng đã được đặt trong điều kiện của thế giới tư bản chủ nghĩa. Không nên quên rằng không một sự quốc hữu hoá ruộng đất nào, không một chế độ bình quân sử dụng ruộng đất nào lại có thể xoá bỏ được cái hiện tượng đã hoàn toàn hình thành ở nước Nga là: nông dân khá giả đã kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa rồi. Trong "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản", tôi đã chỉ rõ rằng theo số liệu những năm 80 và 90 của thế kỷ XIX thì gần $\frac{1}{5}$ số nông hộ nắm trong tay *đến một nửa* sản lượng nông nghiệp nông dân và một phần lớn hơn rất nhiều về *những ruộng thuê*; rằng kinh tế của những nông dân ấy từ nay đã mang tính chất hàng hoá hơn là tính chất tự nhiên; và cuối cùng, rằng loại nông dân *ấy* không thể

tồn tại được nếu không có một đội ngũ công nhân nông nghiệp và người làm công nhật đông hàng triệu người¹⁾. Trong loại nông dân *ấy*, đã vốn có những thành phần của địa tô *tư bản chủ nghĩa*. Loại nông dân *ấy* nói lên lợi ích của họ thông qua miệng của các ngài Pê-sê-khô-nốp là những kẻ bác bỏ một cách "sáng suốt" việc cấm thuê mướn lao động lẫn việc "xã hội hoá ruộng đất", và bảo vệ một cách sáng suốt cái quan điểm của chủ nghĩa cá nhân kinh tế của người nông dân, cái quan điểm đang tự mở ra cho mình một con đường đi. Nếu trong những không tưởng của những người dân tuý, chúng ta phân biệt một cách rạch ròi nhân tố kinh tế hiện thực với hệ tư tưởng giả mạo, thì chúng ta sẽ thấy ngay rằng dù thực hiện phân chia ruộng đất, dù thực hiện quốc hữu hoá ruộng đất hay địa phương công hữu hoá ruộng đất, thì cũng chính nông dân tư sản có lợi hơn cả trong việc thủ tiêu những đại diện trang nông nô. Những "món cho vay và trợ cấp" của nhà nước thì cũng vậy, trước hết sẽ có lợi chính cho nông dân tư sản *ấy*. "Cách mạng ruộng đất nông dân" không nhằm cái gì khác hơn là làm cho toàn bộ chế độ chiếm hữu ruộng đất lệ thuộc vào những điều kiện của sự phát triển và sự phồn thịnh của chính các doanh nghiệp đó của những phéc-mi-ê.

Địa tô tiền, đó là cái quá khứ đang tiêu vong và không thể không tiêu vong. Địa tô tư bản chủ nghĩa, đó là cái tương lai đang nảy sinh và không thể không phát triển cả trong điều kiện thực hiện việc tước đoạt, theo kiểu Xtô-lư-pin, những nông dân hết sức nghèo ("theo điều khoản 87"), cũng như trong điều kiện nông dân tước đoạt những địa chủ hết sức giàu.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3, tr. 157 - 161.

7. CÓ THỂ THỰC HIỆN QUỐC HỮU HÓA TRONG NHỮNG ĐIỀU KIỆN NÀO?

Trong những người mác-xít thường có quan điểm cho rằng chỉ có thể quốc hữu hoá ruộng đất khi chủ nghĩa tư bản đã ở vào giai đoạn phát triển cao, khi chủ nghĩa tư bản đã hoàn toàn chuẩn bị xong những điều kiện cho phép "tách những người sở hữu ruộng đất ra khỏi nông nghiệp" (bằng việc cho thuê và cầm cố). Họ giả định rằng chỉ sau khi nền nông nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa đã hình thành *rồi* thì mới có thể thực hiện quốc hữu hoá ruộng đất để xoá bỏ địa tô mà không đụng chạm đến cơ chế kinh tế*.

Quan điểm *ấy* có đúng không? Đúng về mặt lý luận mà nói thì quan điểm *ấy* không có cơ sở; không thể trực tiếp viện dẫn Mác để chống chế cho nó; những tài liệu của kinh nghiệm lại càng chứng minh là nó không đúng.

Đúng về mặt lý luận mà nói, quốc hữu hoá là sự phát triển thuần tuý "lý tưởng" của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Vấn đề xét xem liệu có luôn luôn thực hiện được trong lịch sử một sự kết hợp của những điều kiện và một quan hệ so sánh lực lượng khiến cho có thể tiến hành được quốc hữu hoá trong xã hội tư bản chủ nghĩa hay không, — đó lại là một vấn đề khác. Nhưng quốc hữu hoá chẳng những là kết quả mà còn là điều kiện của sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản. Nghĩ rằng quốc hữu hoá chỉ có thể thực hiện được ở một giai đoạn phát triển rất cao của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, như thế có lẽ là phủ nhận quốc hữu hoá với tư cách là biện pháp

* Đồng chí Bô-ri-xốp, người ủng hộ chủ trương phân chia ruộng đất, đã diễn đạt quan điểm *ấy* một cách rõ ràng nhất: "... Về sau, nó (yêu cầu quốc hữu hoá ruộng đất) sẽ do lịch sử đề ra, khi mà nền kinh tế tiểu tư sản đã suy đồi, chủ nghĩa tư bản đã có chỗ đứng vững chắc trong nông nghiệp, và nước Nga không còn là một nước của nông dân nữa" ("Tập biên bản" Đại hội Xtốc-khôn, tr. 127).

của sự tiến bộ *tư sản*, vì ở khắp mọi nơi, sự phát triển cao của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp đã đặt ra một cách cấp thiết (và đến một thời kỳ nhất định thì tất nhiên cũng sẽ đặt ra trong các nước khác) nhiệm vụ "xã hội hoá nền sản xuất nông nghiệp", tức là cách mạng xã hội chủ nghĩa. Biện pháp của sự tiến bộ tư sản, với tư cách là biện pháp tư sản, không thể có được trong điều kiện cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ngày càng hết sức gay gắt. Một biện pháp như vậy có thể có được, nói đúng hơn, trong một xã hội tư sản "trẻ tuổi" chưa phát triển lực lượng của mình cũng như chưa phát triển triệt để những mâu thuẫn của mình, chưa tạo ra một giai cấp vô sản khá mạnh có nguyện vọng đi thẳng đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chính Mác cũng chấp nhận, và phần nào còn trực tiếp bảo vệ chủ trương quốc hữu hoá, chẳng những vào thời kỳ cách mạng tư sản ở Đức năm 1848, mà cả vào năm 1846 đối với Mỹ nữa; lúc đó Mác đã chỉ ra một cách hoàn toàn chính xác rằng Mỹ *chỉ mới bắt đầu* phát triển "công nghiệp". Kinh nghiệm ở các nước tư bản chủ nghĩa cho chúng ta thấy là chưa có quốc hữu hoá ruộng đất dưới một hình thức ít nhiều thuần túy nào cả. Chúng ta thấy có một cái gì giống như thế ở Tân Tây-lan, một nước dân chủ tư bản chủ nghĩa trẻ tuổi, ở đây, căn bản chưa có thể nói đến sự phát triển cao của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp được. Một cái gì giống như thế cũng đã có ở Mỹ, ở đây nhà nước đã ban hành đạo luật về trại ấp và đã đem ruộng đất chia cho những nghiệp chủ nhỏ để lấy địa tô danh nghĩa.

Không. Cho rằng quốc hữu hoá là sự việc của thời đại chủ nghĩa tư bản phát triển cao, như thế là phủ nhận quốc hữu hoá về mặt là biện pháp của sự tiến bộ tư sản. Mà phủ nhận như thế là ngược hẳn lại với lý luận kinh tế. Tôi nghĩ rằng trong lập luận sau này trong cuốn "Các học thuyết về giá trị thặng dư", Mác đã nêu ra những điều

kiện để thực hiện quốc hữu hoá, khác với những điều kiện mà người ta thường giả định.

Sau khi chỉ rõ rằng người sở hữu ruộng đất là một con người hoàn toàn thừa đối với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, rằng mục đích của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa "hoàn toàn có thể đạt được" nếu ruộng đất thuộc về nhà nước, Mác nói tiếp:

"Cho nên, về mặt lý luận, anh tư sản cấp tiến đã đi đến chỗ phủ nhận chế độ tư hữu ruộng đất... Nhưng trong thực tế, anh ta thiếu dũng cảm, vì tẩn công vào hình thức sở hữu này, hình thức tư hữu về những điều kiện lao động, cũng sẽ rất nguy hiểm cả cho một hình thức sở hữu khác. Và lại, bản thân anh tư sản cũng đã có ruộng đất" ("Theorien über den Mehrwert", II. Band, I. Teil, S. 208)¹¹⁸.

Ở đây, Mác không chỉ ra rằng sự phát triển thấp của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp là một trở ngại đối với việc quốc hữu hoá. Mác chỉ ra *hai* trở ngại khác, chứng minh nhiều hơn cho tư tưởng cho rằng có thể thực hiện quốc hữu hoá ở thời đại *cách mạng tư sản*.

Trở ngại thứ nhất: anh tư sản cấp tiến *thiếu dũng cảm* để tấn công chế độ tư hữu ruộng đất vì sợ nguy cơ một cuộc tấn công xã hội chủ nghĩa vào mọi chế độ tư hữu, tức là nguy cơ cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trở ngại thứ hai: "bản thân anh tư sản cũng đã có ruộng đất". Chắc hẳn, Mác có ý muốn nói rằng chính cái phương thức sản xuất tư sản đã được củng cố trong chế độ tư hữu ruộng đất, nghĩa là cái chế độ tư hữu này đã mang tính chất tư sản nhiều hơn là phong kiến. Khi giai cấp tư sản, với tư cách là giai cấp *đã* gắn liền rộng rãi với chế độ chiếm hữu ruộng đất, *đã* "có ruộng đất", *đã* "an cư trên ruộng đất", hoàn toàn chi phối chế độ chiếm hữu ruộng đất — thì *không thể* có phong trào *xã hội* thật sự của giai cấp tư sản đấu tranh cho quốc hữu hoá. Sở dĩ không thể có được như vậy, chỉ vì một điều

giản đơn là không có một giai cấp nào tự mình chống lại mình cả.

Nói chung, *chỉ* có vào thời đại chủ nghĩa tư bản đang phát sinh chứ không phải đang kết thúc, vào thời đại cách mạng *tư sản* chứ không phải vào đêm trước cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì mới gạt bỏ được cả hai trở ngại đó. Ý kiến cho rằng quốc hữu hoá chỉ có thể thực hiện được dưới chế độ chủ nghĩa tư bản phát triển cao, không thể coi là ý kiến mác-xít được. Nó trái với những tiền đề chung trong học thuyết của Mác và những lời của Mác mà chúng ta vừa dẫn ra. Vấn đề hoàn cảnh lịch sử cụ thể của biện pháp quốc hữu hoá, với tư cách là biện pháp thực hiện bởi lực lượng hay giai cấp này nọ, đã bị ý kiến ấy *giản đơn hoá* đến mức chỉ còn là một sơ đồ, một thứ trừu tượng thuần túy.

Vào thời đại chủ nghĩa tư bản đã phát triển mạnh thì anh "tư sản cấp tiến" *không thể dửng dưng* được. Ở thời đại như vậy, đại bộ phận giai cấp tư sản ấy tất nhiên trở thành phản cách mạng. Ở thời đại như vậy, không thể tránh khỏi tình hình là hầu hết giai cấp tư sản đều "đã có ruộng đất". Trái lại, ở thời đại cách mạng tư sản, những điều kiện *khách quan* buộc anh "tư sản cấp tiến" phải tỏ ra dửng dưng vì trong khi giải quyết nhiệm vụ lịch sử của thời ấy, anh ta, với tư cách là giai cấp, chưa có thể sợ cách mạng *vô sản*. Ở thời đại cách mạng tư sản, giai cấp tư sản *chưa có ruộng đất*: lúc đó chế độ chiếm hữu ruộng đất hãy còn quá nặng tính chất phong kiến. Thành thử có khả năng là *cái khối đồng đảo* những người tư sản kinh doanh ruộng đất, những phéc-mi-ê, đấu tranh chống lại những hình thức *chủ yếu* của việc chiếm hữu ruộng đất, và do đó, thực tế đi tới "sự giải phóng ruộng đất" *một cách triệt để* và có tính chất tư sản, *tức là quốc hữu hoá*.

Về tất cả các mặt đó, cách mạng tư sản Nga ở vào những điều kiện đặc biệt thuận lợi. Xuất phát từ một quan điểm

thuần túy kinh tế, thì chúng ta tuyệt đối phải thừa nhận rằng trong chế độ chiếm hữu ruộng đất ở Nga, dù là trong chế độ chiếm hữu ruộng đất địa chủ hay trong chế độ sở hữu ruộng đất được chia của nông dân, những tàn tích của chế độ phong kiến vẫn còn tồn tại đến mức tối đa. Trong những điều kiện như thế, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản tương đối phát triển trong công nghiệp và tình trạng lạc hậu kinh khủng của nông thôn, trở nên kịch liệt và, do những nguyên nhân khách quan, dẫn đến chỗ cách mạng tư sản trở thành sâu sắc nhất, đến chỗ tạo ra những điều kiện cho một sự tiến bộ rất nhanh chóng trong nông nghiệp. Quốc hữu hoá ruộng đất chính là điều kiện của một sự tiến bộ tư bản chủ nghĩa rất nhanh chóng trong nông nghiệp nước ta. Ở ta, ở nước Nga, có một anh "tư sản cấp tiến" "chưa có ruộng đất", anh ta hiện nay chưa thể sợ cuộc "tấn công" của giai cấp vô sản. Anh tư sản cấp tiến đó chính là người nông dân Nga.

Đứng trên quan điểm ấy thì dễ hiểu thái độ khác nhau của quần chúng tư sản tự do chủ nghĩa Nga và quần chúng nông dân Nga đối với quốc hữu hoá ruộng đất. Tên địa chủ theo phái tự do, anh luật sư, nhà công nghiệp lớn, nhà buôn, tất cả đều "đã có ruộng đất" đầy đủ. Họ không thể không sợ cuộc tấn công của giai cấp vô sản. Họ không thể không ưa thích con đường kiểu dân chủ - lập hiến Xtô-lư-pin. Hãy thử suy nghĩ một chút mà xem, ngân hàng "nông dân" phân phát cho bọn địa chủ khiếp vĩa hàng triệu bạc, cái con sông vàng sông bạc đó hiện đang chảy vào túi bọn địa chủ, quan lại, thầy kiện, nhà buôn! Với biện pháp "chợ lại" của bọn dân chủ - lập hiến, con sông vàng sông bạc ấy có thể bị hướng chệch đi một chút, có thể là không hoàn toàn đầy ắp, nhưng không vì thế mà không có ít ra là hàng trăm triệu đồng, và nó sẽ chảy vào cũng những bàn tay ấy.

Lật đổ bằng cách mạng *tất cả các* hình thức sở hữu

cũ về ruộng đất thì cả quan lại lẫn thầy kiện đều sẽ không kiếm được một xu nhỏ nào. Đại bộ phận bọn nhà buôn không nhìn được khá xa để thích sự mở rộng sau này của thị trường bên trong của những người mu-gích hơn là cái khả năng trước mắt có thể đoạt được một cái gì của anh chúa đất. Chỉ có người nông dân mà nước Nga cổ đang nhét vào quan tài, là có thể đi tới việc hoàn toàn đổi mới chế độ chiếm hữu ruộng đất.

8. QUỐC HỮU HÓA CÓ PHẢI LÀ BƯỚC QUÁ ĐỘ SANG PHÂN CHIA HAY KHÔNG?

Nếu coi quốc hữu hoá là một biện pháp có thể thực hiện được chủ yếu là vào thời đại cách mạng tư sản, thì như thế nhất định sẽ dẫn đến chỗ thừa nhận rằng quốc hữu hoá chẳng qua chỉ là bước quá độ sang phân chia. Nhu cầu kinh tế hiện thực thúc đẩy quần chúng nông dân đấu tranh để quốc hữu hoá, đó là nhu cầu phải triệt để đổi mới những quan hệ sở hữu ruộng đất cũ, phải "quét sạch" mọi ruộng đất, làm cho chúng thích ứng với những cách kinh doanh mới, cách kinh doanh của những người phéc-mi-ê. Nếu như vậy thì rõ ràng là những người phéc-mi-ê, sau khi đã tự mình thích ứng với những điều kiện mới và đã đổi mới *toàn bộ* chế độ chiếm hữu ruộng đất, có thể đòi hỏi *củng cố* chế độ chiếm hữu ruộng đất *mới* đó, nghĩa là biến những khoảnh đất mà họ thuê của nhà nước thành tài sản riêng của họ.

Đúng, đó là điều hoàn toàn không thể tranh cãi được. Chúng ta đi tới kết luận về quốc hữu hoá không phải xuất phát từ những lý do trừu tượng, mà là có tính toán cụ thể những lợi ích cụ thể của một thời đại cụ thể. Và đương nhiên sẽ là lối bịch nếu cho rằng cái khối đông đảo những nghiệp chủ nhỏ là những "người duy tâm"; sẽ là lối bịch nếu nghĩ rằng họ sẽ không dám thực hành phân chia khi

những lợi ích của họ đòi hỏi phải phân chia. Vậy, chúng ta phải xét xem 1) những lợi ích của họ có thể đòi hỏi sự phân chia hay không, 2) trong những điều kiện nào và 3) điều đó phải được phản ánh như thế nào trong cương lĩnh ruộng đất của giai cấp vô sản.

Về vấn đề thứ nhất chúng ta đã trả lời là có. Về vấn đề thứ hai thì hiện nay không thể trả lời rõ ràng dứt khoát được. Sau thời kỳ quốc hữu hoá có tính chất cách mạng, việc phân chia có thể nảy sinh ra do nguyện vọng muốn củng cố đến mức tối đa những quan hệ ruộng đất mới, phù hợp với yêu cầu của chủ nghĩa tư bản. Nó cũng có thể nảy sinh ra do nguyện vọng của những người sở hữu ruộng đất *nào đấy* muốn tăng thêm thu nhập của họ trên lưng người khác trong xã hội. Cuối cùng, nó cũng có thể nảy sinh ra do nguyện vọng muốn "làm dịu" (hay, nói giản đơn hơn, bóp nghẹt) giai cấp vô sản và những tầng lớp nửa vô sản, vì đối với giai cấp vô sản và những tầng lớp nửa vô sản thì quốc hữu hoá ruộng đất sẽ là một yếu tố "kích thích lòng thèm muốn" xã hội hoá toàn bộ nền sản xuất xã hội. Tất cả ba khả năng ấy đều có một cơ sở kinh tế duy nhất sản sinh ra, vì việc củng cố phương thức chiếm hữu ruộng đất mới tư bản chủ nghĩa của những người phéc-mi-ê mới, sẽ sản sinh ra một cách tự phát tâm trạng chống vô sản và nguyện vọng muốn tạo *cho bản thân mình* một đặc quyền mới dưới hình thức quyền sở hữu. Như thế, vấn đề chung quy chính là việc củng cố về mặt kinh tế đó. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản sẽ là yếu tố đối lập thường xuyên, nó làm tăng thêm tính ưu việt của nền nông nghiệp lớn và đòi hỏi là quá trình "tập trung" những khoảnh đất nhỏ của người phéc-mi-ê thành những đơn vị lớn, phải được tiến hành thường xuyên dễ dàng. Đất đai để khai khẩn của nước Nga là yếu tố đối lập tạm thời: củng cố nền kinh tế mới có nghĩa là nâng cao kỹ thuật nông nghiệp. Thế mà chúng ta đã chỉ rõ rằng mỗi

bước tiến của kỹ thuật nông nghiệp đều "mở ra" cho nước Nga luôn luôn có thêm diện tích trồng trọt trong số đất đai để khai khẩn của nước Nga.

Sau khi phân tích vấn đề thứ hai do chúng ta nêu ra thì chúng ta phải kết luận rằng: không thể nói trước một cách chính xác những điều kiện trong đó yêu cầu phân chia do những phéc-mi-ê mới đề ra, sẽ thắng *tất cả mọi* ảnh hưởng đối lập lại. Nhưng có điều quan trọng là: phải chú ý đến sự thật là chủ nghĩa tư bản, trong khi tiếp tục phát triển, tất nhiên sẽ tạo ra những điều kiện như thế sau khi cách mạng tư sản thành công.

Về vấn đề cuối cùng, vấn đề thái độ của đảng công nhân đối với yêu cầu phân chia mà những người phéc-mi-ê mới có thể nêu ra, chúng ta có thể trả lời một cách hoàn toàn rõ ràng dứt khoát. Giai cấp vô sản có thể và phải ủng hộ giai cấp tư sản đang chiến đấu, khi giai cấp này tiến hành một cuộc đấu tranh thật sự cách mạng chống lại chế độ phong kiến. Nhưng ủng hộ giai cấp tư sản đang yên lặng, đó không phải là công việc của giai cấp vô sản. Nếu hiển nhiên là, ở Nga, không thể có một cuộc cách mạng tư sản thắng lợi một khi không tiến hành quốc hữu hoá ruộng đất, — thì điều sau đây sẽ còn hiển nhiên hơn nữa: không có một sự "phục tích" nào đó, không có một bước ngoặt của nông dân (nói đúng hơn, đúng về mặt những quan hệ đã được giả định mà xét: của những người phéc-mi-ê) hướng về phía phản cách mạng, thì sẽ không thể có bước ngoặt sau này hướng về sự phân chia. Giai cấp vô sản sẽ bảo vệ truyền thống cách mạng chống lại tất cả những khuynh hướng ấy, và quyết sẽ không giúp đỡ những khuynh hướng ấy.

Dù sao thì cũng sẽ hết sức sai lầm nếu tưởng rằng quốc hữu hoá, trong trường hợp những người phéc-mi-ê mới hướng về sự phân chia, là một hiện tượng tạm thời và không quan trọng. Trái lại, dù thế nào đi nữa, quốc

hữu hoá cũng vẫn có một ý nghĩa to lớn, xét về mặt vật chất cũng như về mặt tinh thần. Ý nghĩa vật chất là ở chỗ không gì có thể quét sạch được hoàn toàn những tàn tích của thời trung cổ ở Nga, không gì có thể đổi mới được hoàn toàn nông thôn nửa mục nát kiểu châu Á, không gì có thể thúc đẩy được nhanh chóng sự tiến bộ nông nghiệp, hơn là quốc hữu hoá. Hễ giải quyết vấn đề ruộng đất trong cách mạng một cách khác đi thì sẽ tạo ra những điểm xuất phát ít thuận lợi hơn cho một sự phát triển kinh tế mới.

Còn ý nghĩa tinh thần của việc quốc hữu hoá ở thời đại cách mạng là ở chỗ giai cấp vô sản đánh giúp một đòn vào "một hình thức của chế độ tư hữu" mà tiếng vang của nó tất nhiên sẽ lan ra toàn thế giới. Giai cấp vô sản bảo vệ cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất và kiên quyết nhất, những điều kiện thuận lợi nhất của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, và do đó chống lại một cách có kết quả nhất với đủ mọi tính nửa vời, ươn hèn, nhu nhược, thụ động, — tất cả những đặc tính mà giai cấp tư sản không thể không biểu hiện ra.

CHƯƠNG IV

NHỮNG LÝ DO CHÍNH TRỊ VÀ SÁCH LƯỢC TRONG CÁC VẤN ĐỀ CƯƠNG LĨNH RUỘNG ĐẤT

Như đã nói ở trên kia, chính những lý do loại này chiếm một vị trí quá lớn, không cân xứng, trong cuộc tranh luận của đảng ta về cương lĩnh ruộng đất. Nhiệm vụ của chúng ta là xem xét các lý do ấy một cách có hệ thống nhất và vấn tắt nhất, đồng thời chỉ rõ mối quan hệ giữa những biện pháp (và quan điểm) chính trị khác nhau với những cơ sở kinh tế của cuộc cách mạng ruộng đất.

1. "MỘT ĐẢM BẢO CHỐNG LẠI SỰ PHỤC TÍCH"

Tôi đã phân tích luận cứ ấy¹⁾ trong "Báo cáo" về Đại hội Xtốc-khôn, dựa theo trí nhớ mà trình bày lại tình hình những cuộc tranh luận. Hiện tại chúng ta có trước mặt nguyên văn chính xác của những biên bản.

Tại Đại hội Xtốc-khôn, Plê-kha-nốp thốt lên: "Điểm mấu chốt trong lập trường của tôi là ở chỗ chỉ rõ ra khả năng của sự phục tích" (115). Vậy ta hãy xem xét kỹ hơn cái điểm mấu chốt ấy. Trong bài diễn văn thứ nhất của Plê-kha-nốp, đây là một đoạn đầu tiên chỉ rõ điểm mấu chốt ấy:

"Lê-nin nói: "chúng ta sẽ khừ bỏ điều tai hại của quốc hữu hoá", nhưng muốn khừ bỏ điều tai hại của quốc hữu hoá, phải tìm được một đảm bảo chống lại việc phục tích; song không có và không thể có được sự đảm bảo như thế. Các đồng chí hãy nhớ lại lịch sử nước Pháp; các đồng chí hãy nhớ lại lịch sử nước Anh; trong mỗi nước ấy, tiếp theo cao trào cách mạng rộng lớn là sự phục tích. Ở nước ta, cũng có thể xảy ra như thế; cho nên cương lĩnh của chúng ta phải làm sao để khi thực hiện, thì sẽ giảm được đến mức tối thiểu điều tai hại mà sự phục tích có thể đem lại. Cương lĩnh của chúng ta phải thủ tiêu cơ sở kinh tế của chế độ Nga hoàng; mà quốc hữu hoá ruộng đất, trong thời kỳ cách mạng, thì lại không xoá bỏ cái cơ sở ấy. Do đó tôi cho rằng yêu cầu quốc hữu hoá là một yêu cầu phản cách mạng" (44). Cái "cơ sở kinh tế của chế độ Nga hoàng" ấy là gì, thì cũng trong bài diễn văn ấy, Plê-kha-nốp nói: "Tình hình ở nước ta là ruộng đất và những người làm ruộng đều đã bị nhà nước nô dịch; chính trên cơ sở sự nô dịch ấy mà chế độ chuyên quyền Nga đã được phát triển. Muốn đập tan chế độ chuyên quyền,

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 13, tr. 15 - 29.

phải thủ tiêu cơ sở kinh tế của nó. Vì thế tôi phản đối việc quốc hữu hoá hiện nay" (44).

Trước hết hãy xem qua *cái lô-gích* của luận cứ ấy về *sự phục tích*. Thứ nhất: "không có và không thể có được sự đảm bảo chống lại sự phục tích!" Thứ hai: cần phải "giảm được đến mức tối thiểu điều tai hại mà sự phục tích có thể đem lại". Nghĩa là *cần phải nghĩ ra* một đảm bảo chống lại sự phục tích dù rằng đảm bảo ấy là không thể có được! Và ở trang sau, trang 45 (cũng bài diễn văn đó), Plê-kha-nốp nghĩ hẳn ra một đảm bảo: "Trong trường hợp có sự phục tích, — ông ta nói một cách rõ ràng — nó (địa phương công hữu hoá) không giao ruộng đất (xin nghe kỹ!) vào tay những đại biểu chính trị của chế độ cũ". Thế là đã tìm ra được điều đảm bảo chống lại sự phục tích, mặc dù điều đảm bảo ấy là "không thể có được". Trò ảo thuật đã được biểu diễn một cách xuất sắc, và sách báo men-sê-vích hết sức mừng rỡ, tán tụng tài khéo léo của người làm trò ấy.

Khi Plê-kha-nốp nói, ông ta nói dí dỏm, bông đùa, lớn tiếng, âm ỉ, trầm bổng, long lanh như vòng sáng pháo hoa. Nhưng sẽ là điều bất hạnh, nếu một diễn giả như thế ghi chép chính xác bài diễn văn của mình và nếu về sau người ta sẽ đem bài diễn văn ấy ra phân tích về mặt lô-gích.

Sự phục tích là gì? Là việc chính quyền nhà nước lại chuyển vào tay những đại biểu chính trị của chế độ cũ. Có thể có sự đảm bảo chống lại một sự phục tích như thế không? Không, không thể có được. *Do đó* chúng ta nghĩ ra sự đảm bảo ấy, đó là địa phương công hữu hoá, nó "không giao ruộng đất"... Chúng ta hỏi tiếp, vậy thì trở ngại do việc địa phương công hữu hoá gây ra cho việc "giao ruộng đất", là gì? Chỉ là cái đạo luật do nghị viện cách mạng ban hành và tuyên bố ruộng đất này hay ruộng đất kia (những ruộng đất trước kia là của địa chủ, v.v.) là *sở hữu* của các xây-mơ địa phương. Nhưng luật là gì?

Là sự biểu hiện ý chí của các giai cấp đã giành được thắng lợi và đang nắm chính quyền nhà nước.

Một đạo luật loại đó sẽ "không giao ruộng đất" cho "các đại biểu của chế độ cũ", khi chính quyền nhà nước đã chuyển *vào tay các đại biểu của chế độ cũ ấy*, — điều này, bây giờ các đồng chí có hiểu được không?

— Và sau Đại hội X-tốc-khôn thì chính những người dân chủ - xã hội đã tuyên truyền cái điều hết sức ngu xuẩn đó, thậm chí cả từ trên diễn đàn của Đu-ma nữa!*

Muốn hiểu thực chất của cái vấn đề nổi tiếng về "sự đảm bảo chống lại sự phục tích", cần phải nhận rõ điều sau đây. Vì chúng ta không thể có được những đảm bảo chống lại sự phục tích, cho nên nêu vấn đề đó gắn liền với cương lĩnh ruộng đất, có nghĩa là *đánh lạc* sự chú ý của thính giả, *làm vấn đục tư tưởng của họ*, làm rối cuộc tranh luận. Chúng ta không thể tùy ý làm nổ ra một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở phương Tây - điều đảm bảo tuyệt đối duy nhất chống lại sự phục tích ở Nga. Nhưng cái "đảm bảo" tương đối và có điều kiện, cái đảm bảo sẽ tạo ra *trở ngại* lớn nhất cho sự phục tích, — đó là thực hiện ở Nga một cuộc cách mạng thật hết sức sâu sắc, hết sức triệt để, hết sức kiên quyết. Cách mạng càng tiến lên bao nhiêu thì sự phục tích của chế độ cũ càng khó khăn bấy nhiêu, dù sự phục tích có xảy ra, thành quả còn lại cũng vẫn nhiều. Cách mạng càng đào sâu miếng đất cũ bao nhiêu thì lại càng khó phục tích chế độ cũ bấy nhiêu. Trong lĩnh vực chính trị, chế độ dân chủ cộng hoà là một cuộc cách mạng sâu sắc hơn chế độ tự trị địa phương dân chủ; nó đòi hỏi (và nó phát triển) một nghị lực cách mạng to lớn, sự giác ngộ về tính tổ chức của quần chúng nhân dân rộng rãi; nó để lại những truyền thống khó mà có thể xoá bỏ

* Diễn văn của Txê-rê-tê-li ngày 26 tháng Năm 1907; biên bản ghi tốc ký của Đu-ma II, tr. 1234.

được. Chính vì thế mà, chẳng hạn, những người dân chủ - xã hội hiện nay coi trọng những thành quả vĩ đại của cuộc cách mạng Pháp, bất chấp tất cả những sự phục tích, — do đó họ khác với những người dân chủ - lập hiến (và những người dân chủ - xã hội dân chủ - lập hiến hoá?) là những người thích những hội đồng địa phương dân chủ dưới chế độ quân chủ, coi đó là "đảm bảo chống lại sự phục tích".

Trong lĩnh vực kinh tế, chính việc quốc hữu hoá là biện pháp triệt để hơn cả trong điều kiện cách mạng ruộng đất tư sản, vì nó phá huỷ *toàn bộ* chế độ chiếm hữu ruộng đất trung cổ. *Bây giờ* người nông dân kinh doanh trên mảnh đất riêng được chia, trên mảnh đất được chia mà anh ta thuê lại, trên mảnh đất thuê của địa chủ, v.v.. Quốc hữu hoá cho phép đập đổ đến mức tối đa *tất cả những* hàng rào của chế độ chiếm hữu ruộng đất và "dọn sạch" toàn bộ ruộng đất để tiến hành *cách kinh doanh mới* phù hợp với yêu cầu của chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, ngay cả với cách dọn sạch như thế, cũng vẫn không có sự bảo đảm chống lại việc quay trở lại chế độ cũ; hứa hẹn với nhân dân một sự "đảm bảo" như vậy "chống lại sự phục tích", có nghĩa là lừa bịp. Nhưng nhờ việc dọn sạch như vậy phương thức *chiếm hữu ruộng đất cũ*, *cách kinh doanh mới* sẽ được củng cố đến mức khiến cho việc quay trở lại chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ trở nên hết sức khó khăn, vì *không* một sức mạnh nào trên thế giới *có thể* chặn đứng được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Còn với việc địa phương công hữu hoá, thì *có thể dễ dàng* quay trở lại hơn với chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ, vì việc địa phương công hữu hoá *duy trì vĩnh viễn* "khu vực cư trú", cái bờ ngăn cách chế độ chiếm hữu ruộng đất thời trung cổ với chế độ chiếm hữu ruộng đất mới, chế độ chiếm hữu địa phương công hữu hoá. Sau quốc hữu hoá, sự phục tích phải phá tan hàng triệu doanh nghiệp mới tư bản chủ nghĩa (kiểu phéc-mi-ê)

để khôi phục lại chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ. Sau địa phương công hữu hoá thì sự phục tích chẳng cần phải đánh bại một doanh nghiệp nào cả, chẳng cần phải tiến hành một sự phân định ranh giới nào cả; chỉ cần giản đơn ký một miếng giấy *chuyển giao* ruộng đất của "địa phương tự trị" X thành sở hữu của những tay địa chủ quý tộc Y, Z, v.v., hay là chuyển giao cho địa chủ khoán địa tô của những ruộng đất đã "địa phương công hữu hoá".

Sau khi đã nói về sai lầm về lô-gích của Plê-kha-nốp trong vấn đề phục tích, nói về sự lẫn lộn những khái niệm chính trị, bây giờ chúng ta chuyển sang nói về thực chất kinh tế của việc phục tích. "Tập biên bản" của Đại hội Xtốc-khôn đã hoàn toàn chứng thực điều tôi viết trong "Báo cáo" nói rằng Plê-kha-nốp lẫn lộn một cách không thể tha thứ được sự phục tích ở Pháp trên cơ sở chủ nghĩa tư bản với sự phục tích của "chế độ cũ nửa châu Á ở nước ta" ("Tập biên bản" Đại hội Xtốc-khôn, tr. 116). Do đó, về điểm này tôi chẳng cần bổ sung thêm gì vào điều tôi đã nói trong "Báo cáo". Chúng ta chỉ cần dừng lại nói về vấn đề "xoá bỏ cơ sở kinh tế của chế độ chuyên quyền". Dưới đây là đoạn quan trọng nhất trong bài diễn văn của Plê-kha-nốp nói về vấn đề đó:

"Sự phục tích" (ở Pháp) "không khôi phục lại những tàn dư của chế độ phong kiến, đúng thế, nhưng ở ta cái tương ứng với những tàn tích ấy, đó là tình trạng lệ thuộc cũ của đất đai và dân cày vào nhà nước, đó là sự quốc hữu hoá ruộng đất cũ kỹ và độc đáo của chúng ta. Khi bản thân các đồng chí yêu cầu quốc hữu hoá ruộng đất, khi các đồng chí để cho di sản ấy của cái chế độ cũ nửa châu Á của nước ta được tồn tại y nguyên, thì sự phục tích cũng sẽ dễ dàng khôi phục lại sự quốc hữu hoá ấy (sic!)" (116).

Như vậy, sự phục tích "sẽ dễ dàng" khôi phục lại sự quốc hữu hoá *ấy*, nghĩa là sự quốc hữu hoá có tính chất nửa châu Á, vì Lê-nin (và nông dân) *bây giờ* yêu cầu quốc hữu hoá! Đó là cái gì? Một sự phân tích duy vật lịch

sử hay là một "trò chơi chữ" thuần túy duy lý chủ nghĩa?* Cái gì làm cho việc khôi phục lại chế độ nửa châu Á được dễ dàng hơn, có phải là từ "quốc hữu hoá" hay chính là *những sự thay đổi kinh tế* nhất định? Nếu Plê-kha-nốp suy nghĩ một chút về điều đó, có lẽ ông ta đã hiểu được rằng việc địa phương công hữu hoá và sự phân chia phá huỷ *một cơ sở* của chế độ châu Á, tức là chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ thời trung cổ, nhưng lại để lại cái cơ sở kia, đó là chế độ chiếm hữu ruộng đất được chia thời trung cổ. Do đó, về *thực chất*, về *thực chất kinh tế* của cách mạng ấy (chứ không phải là tùy theo chỗ là cuộc cách mạng ấy được gọi bằng một cái tên này hay một cái tên khác), thì chính việc quốc hữu hoá xoá bỏ những cơ sở *kinh tế* của chế độ châu Á *một cách triệt để hơn nhiều*. "Trò ảo thuật" của Plê-kha-nốp là ở chỗ ông ta đã gọi *chế độ chiếm hữu ruộng đất* thời trung cổ, có tính chất lệ thuộc, có nghĩa vụ phải nộp thuế, phải phục dịch quân sự, là "sự quốc hữu hoá độc đáo", gọi như thế mà lại bỏ qua *hai* hình thức của chế độ chiếm hữu ruộng đất ấy: hình thức chiếm hữu ruộng đất được chia và hình thức chiếm hữu ruộng đất của địa chủ. Do cái trò chơi chữ như thế, người ta đã làm cho vấn đề lịch sử hiện thực *bị rơi mù lên*: những hình thức chiếm hữu ruộng đất trung cổ nào bị biện pháp này hay biện pháp khác kia phá bỏ? Những lời lẽ làm loá mắt đó của Plê-kha-nốp chẳng lấy gì làm lấu lỉnh cho lắm!

Thực ra, có hai điểm đủ giải thích được toàn bộ sự mơ hồ gần như không thể tưởng tượng được của Plê-kha-nốp trong vấn đề sự phục tích. Trước hết, khi nói về "cuộc cách mạng ruộng đất nông dân", Plê-kha-nốp

* Phát biểu của đồng chí Smít tại Đại hội Xtốc-khôn, "Tập biên bản", tr. 122.

hoàn toàn không nhận rõ những nét đặc thù của cuộc cách mạng ấy, về mặt là sự phát triển *tư bản chủ nghĩa*. Ông ta lẫn lộn chủ nghĩa dân túy, cái học thuyết cho rằng có khả năng có một sự phát triển *phi tư bản chủ nghĩa*, với quan điểm mác-xít cho rằng có khả năng có *hai* hình thức phát triển nông nghiệp *tư bản chủ nghĩa*. Plê-kha-nốp thường xuyên biểu lộ một nỗi "lo sợ" mơ hồ đối với "cuộc cách mạng nông dân" (như tôi đã nói với ông ta tại Đại hội Xtốc-khôn, tr. 106 - 107¹⁾), lo sợ rằng cuộc cách mạng ấy trở nên phản động về mặt kinh tế, không đưa đến những doanh nghiệp nông nghiệp tư bản chủ nghĩa kiểu Mỹ mà sẽ đưa đến một ách nô lệ kiểu thời trung cổ. Thực ra, đó là điều không thể có được về mặt kinh tế. Bằng chứng là cuộc cải cách nông dân và quá trình phát triển sau đó. Trong cuộc cải cách nông dân, cái vỏ phong kiến (chế độ phong kiến của địa chủ và "chế độ phong kiến nhà nước" do Mác-tư-nốp nêu ra tại Đại hội Xtốc-khôn, tiếp theo lời Plê-kha-nốp) là rất mạnh. Nhưng sự phát triển kinh tế lại tỏ ra *mạnh hơn* và đã đổ đầy vào trong cái vỏ phong kiến ấy một nội dung *tư bản chủ nghĩa*. Bất chấp trở ngại của chế độ chiếm hữu thời trung cổ, những doanh nghiệp của nông dân cũng như của địa chủ vẫn phát triển, tuy là phát triển hết sức chậm, *theo con đường tư sản*. Nếu điều lo sợ của Plê-kha-nốp về sự quay trở lại chế độ châu Á là có căn cứ, thì chế độ chiếm hữu đất của nông dân nhà nước (trước những năm 80) hay của những nông dân trước kia thuộc nhà nước (sau những năm 80) tất sẽ phải là kiểu mẫu thuần túy nhất của "chế độ phong kiến nhà nước". Thực ra, chế độ này đã tỏ ra tự do hơn chế độ chiếm hữu của địa chủ, vì sự bóc lột có tính chất phong kiến là điều

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 433 - 436.

không thể thực hiện được trong nửa sau của thế kỷ XIX. Những nông dân nhà nước "có nhiều ruộng"*, ít bị lệ thuộc hơn, và giai cấp tư sản nông thôn phát triển nhanh hơn. Bấy giờ ở Nga có hai khả năng: hoặc là sự phát triển tư sản chậm chạp và đau đớn theo kiểu Phổ, theo kiểu gioong-ke, hoặc là sự phát triển nhanh chóng và tự do theo kiểu Mỹ. Ngoài ra chỉ là ảo ảnh mà thôi.

Nguyên nhân thứ hai đã gây ra "món hổ lốn phục tịch" trong đầu óc một số đồng chí, đó là tình hình không được rõ ràng hồi mùa xuân năm 1906. Đồng đảo nông dân vẫn chưa biểu lộ dứt khoát thái độ của mình. Người ta còn có thể coi phong trào nông dân và Hội liên hiệp nông dân không phải là một dấu hiệu rõ rệt của những khát vọng chân chính của tuyệt đại đa số nông dân. Chính phủ quan liêu quân chủ chuyên chế và Vít-te vẫn chưa hoàn toàn mất hết hy vọng là "trung nông sẽ kéo chúng ta ra khỏi nơi đó" (câu nói kinh điển của tờ "Nhà nước Nga" của Vít-te, mùa xuân năm 1906), nghĩa là nông dân sẽ chuyển sang phía hữu. Do đó mà cho nông dân được cử nhiều đại biểu theo đạo luật ngày 11 tháng Chạp 1905. Lúc đó, nhiều người dân chủ - xã hội cho rằng còn có thể có một sự phiêu lưu nào đó của chế độ chuyên chế xuất phát từ tư tưởng của nông dân cho rằng "toàn bộ đất đai thuộc về Nga hoàng tốt hơn là thuộc về quý tộc". Nhưng hai Đu-ma, đạo luật ngày 3 tháng Sáu 1907 và pháp chế ruộng đất của Xtô-lư-pin tất đã làm cho mọi người hiểu rõ thực chất của vấn đề. Chế độ chuyên chế, để cứu lấy cái có thể cứu được, tất phải dùng bạo lực xoá bỏ công xã để có

* Dĩ nhiên những nông dân trước kia thuộc nhà nước ở ta chỉ có thể coi là "có nhiều ruộng" so với những người trước kia là nông dân của địa chủ. Theo thống kê 1905, trung bình mỗi hộ nông dân trước kia thuộc nhà nước có 12,5 đê-xi-a-ti-na ruộng đất được chia, mỗi hộ nông dân trước kia là của địa chủ có 6,7 đê-xi-a-ti-na.

lợi cho chế độ tư hữu ruộng đất, nghĩa là làm cho thế lực phản cách mạng dựa vào không phải là những lời mơ hồ của nông dân về quốc hữu hoá (ruộng đất về tay "công xã", v.v.), mà là dựa vào một cơ sở *kinh tế duy nhất* có thể thực hiện được để duy trì chính quyền của địa chủ: dựa vào cơ sở phát triển *tư bản chủ nghĩa* theo kiểu Phổ.

Hiện nay tình hình đã hoàn toàn rõ ràng, và đã đến lúc đem cất vào kho lưu trữ cái nỗi lo sợ mơ hồ về sự phục tích "kiểu châu Á" trên cơ sở phong trào nông dân chống lại chế độ tư hữu ruộng đất*.

2. CHẾ ĐỘ TỰ QUẢN ĐỊA PHƯƠNG LÀ "THÀNH TRÌ CHỐNG LẠI THẾ LỰC PHẢN ĐỘNG"

Plê-kha-nốp nói tại Đại hội Xtốc-khôn: "... Trong các cơ quan tự quản xã hội có ruộng đất, nó (địa phương công hữu hoá) tạo ra một thành trì chống lại thế lực phản động. Và đó sẽ là một thành trì rất mạnh. Hãy lấy thí dụ những người Cô-dắc ở ta" (45)... Bây giờ chúng ta sẽ "lấy thí dụ những người Cô-dắc ở ta" để xét xem viện dẫn như vậy là có ý nghĩa gì. Nhưng trước hết, ta hãy phân tích những lý do chung có thể đưa đến chỗ cho rằng chế độ tự quản địa phương có thể trở thành thành trì chống lại thế lực phản động. Cái quan điểm ấy đã được những người chủ trương địa phương công hữu hoá ở ta dẫn ra rất nhiều lần và, ngoài cái công thức của Plê-kha-nốp ra, chỉ cần nêu ra một đoạn trích trong bài diễn văn của Giôn cũng đủ

* Ở đây tôi không nói rằng mối đe dọa của một sự phục tích là vũ khí chính trị của giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản, vì về điểm này, tôi đã nói hết trong "Báo cáo" rồi!¹⁾

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 13, tr. 26 - 27.

rõ: "Sự khác biệt giữa quốc hữu hoá và địa phương công hữu hoá ruộng đất chung quy lại là gì, nếu chúng ta thừa nhận rằng cả quốc hữu hoá lẫn địa phương công hữu hoá đều có thể thực hiện được và đều gắn liền như nhau với việc dân chủ hoá chế độ chính trị? Sự khác biệt là ở chỗ địa phương công hữu hoá sẽ củng cố tốt hơn những thành quả của cách mạng, chế độ dân chủ và sẽ làm cơ sở cho sự phát triển về sau của chế độ dân chủ, còn quốc hữu hoá thì chỉ củng cố chính quyền nhà nước mà thôi" (112).

Sự thực thì những người men-sê-vích phủ nhận khả năng có những đảm bảo chống lại sự phục tích, và sau đó, họ nặn ra cho công chúng những "đảm bảo" và những "thành trì", chẳng khác gì các nhà ảo thuật nuốt kiếm. Làm thế nào mà chế độ tự quản địa phương lại có thể là một thành trì chống lại thế lực phản động hoặc lại có thể củng cố những thành quả của cách mạng được? Hãy chịu khó suy nghĩ một chút, các ngài ơi! Thành trì duy nhất có thể có để chống lại thế lực phản động, biện pháp duy nhất có thể thực hiện để củng cố những thành quả, đó là sự giác ngộ và tinh tổ chức của quần chúng vô sản và nông dân. Mà trong một nhà nước tư bản chủ nghĩa tập trung không phải căn cứ theo ý thích của chế độ quan liêu mà là do những yêu cầu không thể cưỡng lại được của sự phát triển kinh tế, — thì tinh tổ chức ấy phải là sự tập hợp lại thành một lực lượng thống nhất trong toàn bộ nhà nước. Không có phong trào nông dân tập trung, không có cuộc đấu tranh chính trị tập trung của nông dân, đi theo giai cấp vô sản tập trung, trong toàn bộ nhà nước thì *sẽ không thể có một "thành quả cách mạng" quan trọng nào đáng được "củng cố", sẽ không thể có một "thành trì" nào "chống lại thế lực phản động" cả.*

Chế độ tự quản địa phương, thực sự dân chủ đôi chút, sẽ là điều *không thể có được* nếu không lật đổ hoàn toàn

chính quyền của bọn địa chủ và không thủ tiêu quyền tư hữu ruộng đất của chúng; — ngoài miệng thì thừa nhận điều đó nhưng những người men-sê-vích lại cự tuyệt một cách khinh suất kỳ lạ, không chịu suy nghĩ xem trên thực tế thì điều đó có nghĩa là thế nào. Trên thực tế, đó là điều không thể thực hiện được nếu các giai cấp cách mạng không giành lấy chính quyền trong toàn bộ nhà nước; và tưởng rằng hai năm cách mạng tất phải dạy cho "những người trong vỏ ốc" ngoan cố nhất hiểu rằng những giai cấp ấy ở nước Nga chỉ có thể là giai cấp vô sản và nông dân. Thưa các ngài, "cách mạng ruộng đất của nông dân" mà các ngài nói tới, nếu muốn chiến thắng thì phải trở thành chính quyền trung ương trong toàn bộ nhà nước, với tư cách là như vậy, với tư cách là cuộc cách mạng nông dân.

Các cơ quan tự quản dân chủ chỉ có thể là những *bộ phận* của chính quyền trung ương đó của nông dân dân chủ; và chỉ có *đấu tranh* chống sự phân tán cục bộ, địa phương của nông dân, chỉ có tuyên truyền, chuẩn bị và tổ chức một phong trào tập trung trong phạm vi toàn quốc, trong phạm vi toàn Nga thì mới có thể thực sự phục vụ sự nghiệp "cách mạng ruộng đất của nông dân", chứ không phải là sự nghiệp khuyến khích tình trạng hủ lậu cục bộ và tình trạng ngu muội cục bộ, địa phương của nông dân. Ngài Plê-kha-nốp và ngài Giôn ạ, các ngài đã phục vụ chính sự ngu muội đó khi tuyên truyền cái tư tưởng phi lý và cực kỳ phản động cho rằng chế độ tự quản địa phương có thể là "một thành trì chống lại thế lực phản động" hay là có thể "củng cố những thành quả của cách mạng". Chính kinh nghiệm của hai năm cách mạng Nga đã chỉ ra một cách hết sức rõ ràng rằng tình trạng phân tán cục bộ, địa phương của phong trào nông dân (phong trào binh sĩ là một bộ phận của phong trào nông dân) mới đúng là nguyên nhân chủ yếu gây ra sự thất bại.

Trình bày cương lĩnh về "cách mạng ruộng đất của nông dân" và *chỉ* gắn liền cương lĩnh ấy với việc dân chủ hoá cơ quan tự quản địa phương chứ không phải với việc dân chủ hoá chính quyền trung ương; đưa cái thứ nhất lên, coi đó là "thành trì" thật sự và là biện pháp "củng cố", — về thực chất, đó chẳng phải cái gì khác hơn là một *sự thông đồng với thế lực phản động* theo kiểu bọn dân chủ - lập hiến.* Những người dân chủ - lập hiến khăng khăng đòi chế độ tự quản địa phương "dân chủ", không muốn đụng đến hay là sợ đụng đến những vấn đề quan trọng hơn. Những người men-sê-vích không suy nghĩ là họ đã nói lên một điều lớn lao biết bao khi thừa nhận rằng "cách mạng ruộng đất của nông dân" là nhiệm vụ lúc này, và trong những lý do chính trị đưa ra để giải thích cương lĩnh ruộng đất của họ, họ đã tán tụng tình trạng hủ lậu địa phương.

Hãy xem luận chứng này của Giôn:

"Đồng chí Lê-nin sợ rằng thế lực phản động sẽ tước của cơ quan tự quản địa phương những ruộng đất đã bị tịch thu; về những ruộng

* Tôi đã phát triển tỉ mỉ quan điểm đó trong "Báo cáo"¹⁾. Ở đây, tôi xin bổ sung thêm bài diễn văn của đảng viên men-sê-vích Nô-vô-xét-xki mà tôi không được nghe (xem "Báo cáo") tại đại hội, bài diễn văn này chứng thực điều đó một cách thật là tuyệt. Khi phản đối điều sửa đổi: nói "cộng hoà dân chủ" chứ không nói "nhà nước dân chủ", Nô-vô-xét-xki tuyên bố: "...Dưới chế độ những cơ quan tự quản địa phương thật sự dân chủ, cương lĩnh thông qua hiện nay có thể áp dụng được *cả trong tình hình việc dân chủ hoá chính phủ trung ương được tiến hành với một trình độ mà người ta không thể gọi là trình độ cao nhất. Ngay cả trong điều kiện việc dân chủ hoá được tiến hành với một trình độ có thể nói là tương đối, thì việc địa phương công hữu hoá cũng sẽ không có hại, mà sẽ có lợi*" (138. Do chúng tôi viết ngà). Thật là quá rõ ràng. Cách mạng ruộng đất của nông dân mà *không cần* lật đổ chế độ chuyên chế, — đó là tư tưởng cực kỳ phản động của những người men-sê-vích.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 13, tr. 23 - 24.

đất rơi vào tay nhà nước thì có thể nói như thế được, nhưng về những ruộng đất đã bị địa phương công hữu hoá thì dứt khoát không thể nói như thế được. Ngay cả chính phủ chuyên chế Nga cũng không thể tước ruộng đất của cơ quan tự quản Ác-mê-ni-a được, vì nhân dân đã kháng cự lại kịch liệt" (113).

Thật là có một không hai, phải không? Toàn bộ lịch sử của chế độ chuyên chế chỉ là chuyện cướp bóc những ruộng đất của địa phương, của các vùng, của các dân tộc, thế mà các nhà thông thái ở nước ta lại làm yên lòng nhân dân đang trở nên đần độn vì sự biệt lập địa phương của họ: "ngay cả chế độ chuyên chế" cũng không tước ruộng đất của *giáo hội* Ác-mê-ni-a, tuy rằng nó đã bắt đầu tiến hành tước đoạt và tuy rằng *chỉ có* cách mạng toàn Nga là đã thực tế ngăn cản được không cho nó tước đoạt... Ở trung ương là chế độ chuyên chế, ở địa phương là "những ruộng đất Ác-mê-ni-a" mà người ta "không dám tước đoạt"... Không biết do đâu mà có cái mơ phong phú những điều ngu ngốc tiểu tư sản ở trong Đảng dân chủ - xã hội chúng ta thế?

Hãy thử xem những người Cô-dắc của Plê-kha-nốp.

"Hãy lấy thí dụ những người Cô-dắc nước ta. Họ hành động như những kẻ phản động thực thụ, nhưng nếu chính phủ (chuyên chế) có ý định mó tay vào ruộng đất của họ, họ sẽ nhất tề đứng dậy, muốn người như một, đấu tranh bảo vệ ruộng đất của họ. Như vậy là cái tốt của việc địa phương công hữu hoá chính là ở chỗ nó vẫn có thể dùng được ngay cả trong trường hợp có sự phục tịch" (45).

Đúng là "như vậy"! Nếu chế độ chuyên chế chống lại những người bảo vệ chế độ chuyên chế, thì những người bảo vệ chế độ chuyên chế sẽ chống lại chế độ chuyên chế. Tư tưởng thâm thúy thay! Nhưng chế độ chiếm hữu ruộng đất của những người Cô-dắc không phải chỉ có thể dùng được trong trường hợp có sự phục tịch, mà còn có thể dùng được để ủng hộ cái cần phải lật đổ trước khi được

phục tịch. Chính Smít, khi bác lại Plê-kha-nốp, đã lưu ý người ta đến khía cạnh đáng chú ý đó của việc địa phương công hữu hoá:

"... Tôi muốn nhắc lại là mới cách đây một tháng, chế độ chuyên chế vừa cho những người Cô-dắc được hưởng một số ưu đãi, như vậy là nó không sợ địa phương công hữu hoá, vì ruộng đất Cô-dắc ngay hiện nay cũng đã được quản lý theo một phương thức hơi giống như đã được địa phương công hữu hoá... Nó (địa phương công hữu hoá) sẽ đóng vai trò phản cách mạng" (123 - 124).

Bài diễn văn ấy đã làm cho Plê-kha-nốp nổi cáu đến mức thậm chí đã một lần cắt ngang lời diễn giả (vì một vấn đề rất nhỏ, vấn đề xét xem có phải là nói về những người Cô-dắc Ô-ren-bua hay không), ông ta đã tìm cách vi phạm quy chế, yêu cầu được phát biểu không theo trật tự lần lượt, để đưa ra một lời tuyên bố. Sau đây là nguyên văn lời tuyên bố mà sau đó ông ta viết thành văn bản:

"Đồng chí Smít đã trình bày không đúng việc tôi dẫn chứng những người Cô-dắc. Tôi hoàn toàn không dẫn chứng những người Cô-dắc Ô-ren-bua. Tôi nói: cứ xem xét những người Cô-dắc thì biết; họ hành động một cách cực kỳ phản động, nhưng nếu chính phủ muốn mó tay vào ruộng đất của họ, họ sẽ nhất tề đứng dậy muốn người như một chống lại chính phủ. Tất cả những cơ quan địa phương được cách mạng giao cho ruộng đất tịch thu của địa chủ, cũng sẽ làm ít nhiều giống như thế trong trường hợp có mưu toan tương tự. Và hành động của họ như vậy sẽ là một trong những đảm bảo chống lại thế lực phản động trong trường hợp có sự phục tịch" (127).

Đương nhiên, đó là kế hoạch tài tình nhất để lật đổ chế độ chuyên chế mà không đụng chạm đến chế độ chuyên chế: tước của nó những vùng này hay vùng nọ, rồi sau đó thì nó cứ việc tìm cách mà lấy lại đi. Thật cũng tài tình gần giống như sự tước đoạt của chủ nghĩa tư bản thông qua quỹ tiết kiệm. Nhưng vấn đề bây giờ không phải là ở chỗ đó. Vấn đề là ở chỗ: sự địa phương công hữu hoá tại các vùng, mà sau khi cách mạng thắng lợi, "phải" đóng một

vai trò tuyệt diệu thì, *hiện nay* lại đóng một vai trò phản cách mạng. Đó là điều Plê-kha-nốp đã bỏ qua!

Ruộng đất của những người Cô-dắc hiện nay là một sự địa phương công hữu hoá thực sự. Những vùng rộng lớn thuộc về các quân khu Cô-dắc: khu Ô-ren-bua, khu sông Đôn, v.v.. Trung bình *mỗi hộ Cô-dắc có 52 đê-xi-a-ti-na*; nông dân có 11 đê-xi-a-ti-na. Ngoài ra, những người Cô-dắc quân khu Ô-ren-bua có 1½ triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất thuộc quân đội, những người Cô-dắc quân khu sông Đôn có 1,9 triệu đê-xi-a-ti-na, v.v.. Trên cơ sở sự "địa phương công hữu hoá" kiểu ấy, những mối quan hệ thuần tuý phong kiến đã phát triển. Sự địa phương công hữu hoá thực tế ấy có nghĩa là nông dân sống tách biệt thành nhóm xã hội và thành vùng: những sự khác nhau phân biệt giữa họ với nhau là diện tích sở hữu ruộng đất của họ, những khoản tiền nộp, những điều kiện sử dụng đất đai kiểu trung cổ do đã làm nghĩa vụ trong quân đội, v.v.. "Địa phương công hữu hoá" không thúc đẩy phong trào dân chủ chung, mà làm cho phong trào ấy bị phân tán, bị cắt ra thành từng vùng và làm suy yếu cái chỉ có thể chiến thắng khi là một lực lượng tập trung; nó làm cho vùng này biệt lập với vùng khác.

Chúng ta hãy xem *anh Cô-dắc phái hữu Ca-ra-u-lốp ở Đu-ma II, kẻ đã bảo vệ Xtô-lư-pin* (bảo là Xtô-lư-pin cũng chấp nhận, trong lời tuyên bố của hắn, việc cưỡng bức thay đổi đường ranh giới), không kém gì Plê-kha-nốp, anh ta *chửi rủa* quốc hữu hoá và *công khai tán thành địa phương công hữu hoá theo vùng* (phiên họp thứ 18, 29 tháng Ba 1907, tường thuật tốc ký, tr. 1366).

Anh Cô-dắc phái hữu Ca-ra-u-lốp nắm vững thực chất của vấn đề hơn Ma-xlốp và Plê-kha-nốp rất nhiều. Tình trạng phân tán của các vùng là *một đảm bảo ngăn ngừa cách mạng*. Nếu nông dân Nga (do một phong trào vô sản tập trung chứ không phải "theo vùng") không phá tung được

cái khuôn khổ của sự biệt lập theo vùng của họ, không tổ chức được một phong trào trong phạm vi toàn Nga thì cách mạng sẽ *luôn luôn* bị đập tan bởi những đại biểu các vùng có đặc quyền mà lực lượng tập trung của chính quyền cũ sẽ đưa vào cuộc đấu tranh khi cần thiết.

Địa phương công hữu hoá là một khẩu hiệu *phản động*, nó lý tưởng hoá tính biệt lập trung cổ của các vùng, làm giảm ý thức của nông dân về sự cần thiết phải tiến hành một cuộc cách mạng ruộng đất tập trung.

3. CHÍNH QUYỀN TRUNG ƯƠNG VÀ SỰ CỨNG CỐ NHÀ NƯỚC TƯ SẢN

Chính chính quyền trung ương của nhà nước làm cho những người chủ trương địa phương công hữu hoá kinh tởm hơn cả. Trước khi phân tích những lập luận hữu quan, cần phải làm sáng tỏ xem đúng về mặt chính trị và pháp luật thì quốc hữu hoá là thế nào (trên kia chúng ta đã làm sáng tỏ mặt nội dung kinh tế của nó rồi).

Quốc hữu hoá là chuyển toàn bộ đất đai thành *sở hữu của nhà nước*. Sở hữu có nghĩa là chính quyền nhà nước có quyền lấy địa tô và quy định những quy tắc *chung* cho cả nước về sở hữu và sử dụng ruộng đất. Khi tiến hành quốc hữu hoá thì trong số những quy tắc chung ấy, chắc chắn là phải có việc cấm mọi hành động môi giới, tức là không cho giao lại ruộng đất cho người thuê lại, cấm không được nhượng lại ruộng đất cho những người bản thân không kinh doanh, v.v.. Thứ nữa, nếu nhà nước là thực sự dân chủ (chứ không phải là theo nghĩa men-sê-vích, à la Nô-vô-xét-xki) thì chế độ sở hữu ruộng đất của nó hoàn toàn không loại trừ mà trái lại, *đòi hỏi* phải giao lại *quyền chi phối* ruộng đất, theo đúng những đạo luật chung của nhà nước, cho các cơ quan tự quản địa phương và vùng. Cương lĩnh tối thiểu của chúng ta, như tôi đã nói trong cuốn

"Sửa đổi, v.v."¹⁾ *yêu cầu thắng* ngay điều đó, khi nói đến quyền dân tộc tự quyết, đến một chế độ tự quản rộng rãi của vùng v.v.. Do đó, những quy tắc chi tiết thích ứng với những sự khác biệt của các địa phương, việc thực tế giao ruộng đất hay việc phân chia ruộng đất giữa các cá nhân, các hội, v.v., — tất cả những cái đó *nhất định* sẽ chuyển vào tay các cơ quan *địa phương* của chính quyền nhà nước, nghĩa là các cơ quan tự quản địa phương.

Về tất cả những cái đó, ngay như nếu có những sự hiểu lầm, thì những sự hiểu lầm đó cũng hoặc là do không hiểu sự khác nhau giữa các khái niệm: quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền chi phối, quyền sử dụng, hoặc là do sự ve vãn mị dân với chủ trương địa phương tỉnh lẻ và chủ trương liên bang*. Sự khác nhau cơ bản giữa địa phương công hữu hoá và quốc hữu hoá tuyệt nhiên không phải tại sự phân chia quyền hạn giữa trung ương và tỉnh, và lại càng không phải là tại "tính chất quan liêu" của trung ương, —

* Chúng ta hãy xem sự ve vãn đó của Ma-xlốp. Ma-xlốp viết trong tờ "Học vấn", 1907, số 3, tr. 104: "... Có thể là ở một số nơi, nông dân sẽ đồng ý chia ruộng đất của họ ra, nhưng chỉ cần nông dân một vùng lớn (như Ba-lan chẳng hạn) cự tuyệt việc chia ruộng đất của họ, cũng đủ khiến cho dự án quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất trở thành một điều phi lý". Đó là kiểu mẫu của luận cứ tầm thường không có một tí *suy nghĩ* nào cả, nó chỉ là một sự tập hợp các từ lại mà thôi. Sự "cự tuyệt" của một vùng có những điều kiện đặc biệt, sẽ không thể thay đổi cương lĩnh chung và không làm cho cương lĩnh trở nên phi lý được: một vùng nào đó cũng có thể "cự tuyệt" địa phương công hữu hoá. Điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là trong một nhà nước tư bản chủ nghĩa thống nhất, quyền tư hữu ruộng đất và việc quốc hữu hoá quy mô lớn không thể cùng tồn tại với tư cách là hai chế độ được. Một trong hai chế độ ấy tất phải thắng. Nhiệm vụ của đảng công nhân là bảo vệ chế độ nào cao hơn, chế độ nào làm cho lực lượng sản xuất dễ phát triển nhanh chóng và làm cho đấu tranh giai cấp tiến hành được tự do.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 301.

chỉ có những kẻ hoàn toàn ngu dốt mới có thể nghĩ và nói như vậy, — mà là ở chỗ khi tiến hành địa phương công hữu hoá thì vẫn thừa nhận quyền tư hữu đối với một loại ruộng đất nào đó, còn khi tiến hành quốc hữu hoá thì chế độ tư hữu ruộng đất sẽ bị thủ tiêu hoàn toàn. Điều khác nhau cơ bản, đó là "chế độ song kim bản vị về ruộng đất" mà cương lĩnh thứ nhất thì chấp nhận, còn cương lĩnh thứ hai thì bác bỏ.

Nhưng nếu đứng trên quan điểm cho rằng chính quyền trung ương, v.v., có khả năng có *những hành vi tùy tiện* (những kẻ bảo vệ một cách tầm thường chủ trương địa phương công hữu hóa thường hay đứng trên quan điểm ấy) mà xét cương lĩnh *hiện nay* thì sẽ thấy rằng về mặt này, cương lĩnh hiện nay là cực kỳ mơ hồ và cực kỳ không rõ ràng. Chỉ cần chỉ rõ ra rằng cương lĩnh hiện nay giao cho nhà nước dân chủ chiếm hữu" cả "những đất đai cần thiết cho việc di dân lẫn "những rừng rú và sông ngòi có ý nghĩa quốc kế dân sinh". Hiển nhiên là những khái niệm ấy là hoàn toàn không rõ ràng, và đó là nguyên nhân sẽ dẫn đến rất nhiều cuộc xung đột ý kiến. Chẳng hạn, hãy xét tác phẩm mới nhất của ông Cau-phman ở trong tập II cuốn "Vấn đề ruộng đất" của những người dân chủ - lập hiến ("Bàn về vấn đề mức chia thêm ruộng đất"), trong đó người ta đã tính toán những ruộng đất dự trữ trong 44 tỉnh để chia thêm cho nông dân căn cứ theo những mức cao nhất của năm 1861. Những "đất đai không phải đất đai được chia" thì thoát đầu không tính rừng, về sau tính cả rừng (khi rừng chiếm ngoài 25% diện tích). Ai quyết định những khu rừng nào thì có "ý nghĩa quốc kế dân sinh"? Đương nhiên, chỉ có chính quyền trung ương của nhà nước thôi, — và do đó, cương lĩnh men-sê-vích giao vào tay chính quyền đó một diện tích khổng lồ: 57 triệu đề-xi-a-ti-na trong 44 tỉnh (theo Cau-phman). Ai quyết định thế nào là "những đất để di dân"? Đương nhiên, chỉ có

chính quyền tư sản trung ương thôi. Một mình chính quyền đó giải quyết vấn đề xem xem, chẳng hạn, 1¹/₂ triệu đê-xi-a-ti-na đất đai của các quân khu Cô-dắc Ô-ren-bua hoặc 2 triệu đê-xi-a-ti-na của những người Cô-dắc sông Đôn có phải là "những đất để di dân" *cho toàn bộ đất nước* (vì những người Cô-dắc có mỗi hộ là 52,7 đê-xi-a-ti-na) hay không. Hiển nhiên, vấn đề này hoàn toàn không phải như vấn đề của Ma-xlốp, Plê-kha-nốp và những người cùng phe cánh đê ra. Vấn đề không phải là ở chỗ dùng một nghị quyết bằng giấy tờ mà bảo vệ những cơ quan tự quản địa phương chống lại những sự vi phạm của trung ương, – chẳng những không thể dùng giấy tờ mà làm như vậy được, mà cũng không thể dùng cả súng đại bác, vì sự phát triển tư bản chủ nghĩa ngày càng dẫn tới tập trung hóa, nó tập trung trong tay của chính quyền tư sản trung ương một lực lượng mà các "vùng" *sẽ không bao giờ có thể* chống cự lại được. Cần phải làm sao để cho *cũng cùng một giai cấp* nắm chính quyền cả ở trung ương lẫn ở địa phương, làm sao cả ở trung ương lẫn ở địa phương đều có thể thực hiện được một cách hoàn toàn triệt để một chế độ dân chủ ở *một trình độ* hoàn toàn ngang như nhau và có thể đảm bảo *địa vị thống trị hoàn toàn*, chẳng hạn là của đa số dân cư, tức là của nông dân. Chỉ có điều đó mới là *cái đảm bảo thực tế* chống lại những hành động xâm phạm "thái quá" của trung ương, chống lại sự vi phạm những quyền "hợp pháp" của các vùng; tất cả mọi đảm bảo khác do những người men-sê-vích bày đặt ra chỉ là một mớ những điều ngu xuẩn mà thôi; đó chẳng khác gì dùng cái mũ ni bằng giấy để che chở cho anh chàng phi-li-xtanh tỉnh lẻ chống lại lực lượng của chính quyền trung ương, lực lượng mà chủ nghĩa tư bản đã tập trung lại. Đó chính là điều ngu xuẩn phi-li-xtanh mà Nô-vô-xét-xki đã phạm phải, cũng như toàn bộ cái cương lĩnh hiện nay đã phạm phải *khi chấp nhận* chế độ dân chủ đầy đủ của các cơ quan tự quản địa phương

và một trình độ chế độ dân chủ "không phải là tuyệt đỉnh" ở trung ương. Chế độ dân chủ không đầy đủ của trung ương có nghĩa là đảm bảo chính quyền ở trung ương *không phải* cho đa số dân cư, *không phải* cho những phần tử chiếm ưu thế trong các cơ quan tự quản địa phương; điều đó không phải chỉ có nghĩa là có khả năng sinh ra, mà còn có nghĩa là *nhất định sẽ sinh ra những cuộc xung đột* dẫn đến kết quả là, do tác dụng của những quy luật phát triển kinh tế, cái chính quyền trung ương *không* dân chủ, nhất định sẽ chiến thắng!

Đúng trên giác độ đó thì "địa phương công hữu hóa", với tư cách là cái "đảm bảo" cung cấp cho các địa phương một cái gì đó chống lại chính quyền trung ương, là một mớ những điều ngu xuẩn phi-li-xtanh. Nếu đó là "đấu tranh" chống chính quyền tư sản tập trung thì đó chỉ có thể là một cuộc "đấu tranh" tương tự như cuộc đấu tranh của *những người bài Do-thái* chống lại chủ nghĩa tư bản: cũng những lời hứa hẹn kêu rống lôi cuốn quần chúng khờ khạo và dốt nát, và *cũng sự bất lực về mặt kinh tế và chính trị trong việc thực hiện* những lời hứa hẹn ấy.

Ta hãy lấy, chẳng hạn, luận cứ "thịnh hành" nhất của những người chủ trương địa phương công hữu hóa chống lại quốc hữu hóa: quốc hữu hóa sẽ củng cố nhà nước tư sản (xin nhớ lại câu nói tuyệt vời của Giôn: "sẽ *chỉ* củng cố chính quyền nhà nước"), sẽ làm tăng thu nhập của chính quyền tư sản chống vô sản, *thế nhưng...* – đúng là họ nói: *thế nhưng* – địa phương công hữu hóa sẽ đem lại thu nhập đáp ứng nhu cầu của dân chúng, nhu cầu của giai cấp vô sản. Luận cứ đó làm cho chúng ta xấu hổ thay cho Đảng dân chủ - xã hội, vì đó là *một điều ngu xuẩn thuần túy có tính chất bài Do-thái và là một sự mỉa mai có tính chất bài Do-thái*. Khởi căn trích dẫn "con cá bột" đã bị Plê-kha-nốp và Ma-xlốp làm lạc hướng, tôi xin dẫn "chính ngay" Ma-xlốp: ông ấy lên giọng dạy dỗ của tờ "Học vấn" rằng:

"Đảng dân chủ - xã hội luôn luôn tìm cách làm sao cho ngay cả trong trường hợp xấu nhất, những kế hoạch và nhiệm vụ của đảng cũng vẫn có thể thực hiện được... Chúng ta cần giả định rằng trong tất cả mọi mặt của đời sống xã hội, chế độ tư sản sẽ thống trị với tất cả mọi khía cạnh tiêu cực của nó. Cơ quan tự quản cũng sẽ mang tính chất tư sản y như toàn bộ chế độ nhà nước, cuộc đấu tranh giai cấp trong những cơ quan tự quản đó cũng sẽ gay gắt như trong các tòa thị chính Tây Âu.

Nhưng như vậy thì có gì khác nhau giữa cơ quan tự quản và chính quyền nhà nước? Tại sao Đảng dân chủ - xã hội lại muốn giao ruộng đất cho cơ quan tự quản địa phương chứ không phải là cho nhà nước?

Muốn quy định những nhiệm vụ của nhà nước và của cơ quan tự quản địa phương, chúng ta hãy so sánh ngân sách của nhà nước và của các cơ quan tự quản địa phương" ("Học vấn", 1907, số 3, tr. 102).

Sau đó thì so sánh như sau: trong một trong những nước cộng hòa dân chủ nhất, ở Mỹ, người ta chi 42% ngân sách cho bộ binh và hải quân. Ở Pháp, ở Anh, v. v., cũng thế. Các "hội đồng địa phương kiểu địa chủ" ở Nga chi 27,5% cho y tế; 17,4% cho giáo dục quốc dân; 11,9% cho đường sá cầu cống.

"So sánh ngân sách của các nhà nước dân chủ nhất và của các cơ quan tự quản địa phương ít dân chủ nhất, chúng ta thấy rằng do chức năng của chúng, các nhà nước dân chủ nhất ấy phục vụ lợi ích của các giai cấp thống trị, rằng tiền của của nhà nước là chi cho *những công cụ áp bức*, những công cụ đàn áp dân chủ; rằng trái lại, cơ quan tự quản địa phương không dân chủ nhất, xấu nhất, buộc phải – tuy là không tốt nhưng vẫn buộc phải – phục vụ dân chủ, thỏa mãn những nhu cầu của địa phương" (103).

"Người dân chủ - xã hội không nên ngây thơ đến mức tán thành quốc hữu hóa ruộng đất vì, chẳng hạn, những thu nhập của ruộng đất đã được quốc hữu hóa sẽ dùng để duy trì các đội quân *cộng hòa*... Thật là hết sức ngây thơ nếu độc giả nào tin lời Ô-lê-nốp nói rằng lý luận của Mác chỉ "cho phép" đưa vào cương lĩnh yêu sách quốc hữu hóa ruộng đất, tức là việc lấy địa tô (gọi là địa tô tuyệt đối hay địa tô chênh lệch, điều đó không quan trọng) chi cho bộ binh và hải quân, và nói rằng cũng cái lý luận ấy không chấp nhận việc địa phương công hữu hóa ruộng đất tức là việc lấy địa tô chi cho những nhu cầu của dân chúng" (103).

Có lẽ thế cũng rõ ràng rồi đấy chứ? Quốc hữu hóa là để phục vụ nhu cầu của bộ binh và hải quân. Địa phương công hữu hóa là để phục vụ nhu cầu của dân chúng. Người Do-thái là tên tư bản. Đả đảo người Do-thái có nghĩa là đả đảo bọn tư bản!

Anh chàng Ma-xlốp tốt bụng không hiểu rằng tỷ lệ cao của những chi phí văn hóa của các cơ quan tự quản địa phương chỉ là tỷ lệ cao trong những chi phí thứ yếu thôi. Vì sao vậy? Vì quyền hạn của các cơ quan tự quản địa phương và quyền hạn của họ về mặt tài chính thì cũng là do cái chính quyền trung ương ấy của nhà nước quy định và quy định sao cho có thể dành một phần hết sức to cho quân đội và các ngành khác, mà để lại vài xu cho "văn hóa". Một sự phân phối như vậy có phải là bắt buộc trong xã hội tư sản hay không? Đúng, đó là điều bắt buộc, vì giai cấp tư sản, trong cái xã hội tư sản, sẽ không thể thống trị được nếu nó không chi một phần hết sức lớn để đảm bảo sự thống trị của nó, với tư cách là một giai cấp, mà chỉ để lại vài ba xu cho những chi phí văn hóa. Phải là một Ma-xlốp thì mới để ra được cái ý nghĩ thần tình này: thế nếu tôi tuyên bố *cái phần mới to tướng* là tài sản của các hội đồng địa phương thì sao? Điều đó sẽ cho phép tôi *tránh được* sự thống trị của giai cấp tư sản! Nhiệm vụ của những người vô sản sẽ giản đơn biết bao, nếu họ lập luận theo kiểu Ma-xlốp: chỉ cần yêu cầu là những thu nhập của đường sắt, của bưu điện, của ngành độc quyền rượu không bị "quốc hữu hóa", mà được "địa phương công hữu hóa", – và thế là những thu nhập ấy sẽ được dùng vào những mục đích văn hóa chứ không phải dùng cho quân đội và hải quân. Hoàn toàn không cần phải lật đổ hay là triệt để cải tổ chính quyền trung ương, – chỉ cần đạt được việc "địa phương công hữu hóa" tất cả mọi khoản thu nhập quan trọng, và thế là vấn đề sẽ được giải quyết. Ôi, những con người thông minh thật!

Những thu nhập của tòa thị chính ở châu Âu và ở mỗi nước tư sản, đó là những thu nhập – anh chàng Ma-xlốp tốt bụng hãy nhớ lại đi! – mà chính quyền trung ương tư sản chịu dành cho những mục đích văn hóa, *vì đó là những thu nhập thứ yếu*, vì trung ương không có đủ phương tiện để thu những món thu nhập ấy, và lại cũng đã có *cái phần rất lớn* kia để đảm bảo những nhu cầu chính, chủ yếu, cơ bản của giai cấp tư sản và của sự thống trị của giai cấp tư sản rồi. Cho nên lời khuyên nhân dân: hãy nhận lấy một phần rất lớn mới, hàng trăm triệu do những ruộng đất đã được địa phương công hữu hóa đem lại, và hãy đảm bảo đem dùng phần đó vào mục đích văn hóa bằng cách giao làm tài sản cho các hội đồng địa phương, chứ không phải cho chính quyền trung ương, – là một lời khuyên nhủ bịp bợm. Giai cấp tư sản của một nhà nước tư sản chỉ có thể dành chi *một vài xu* vào cái mục đích thực sự văn hóa mà thôi, vì những phần rất lớn thì lại cần thiết cho nó để đảm bảo sự thống trị của nó với tư cách là giai cấp. Vì sao chính quyền trung ương lại giành lấy chín phần mười những thuế đánh vào ruộng đất, vào các cơ sở thương nghiệp, v.v., còn đối với các hội đồng địa phương thì nó chỉ cho phép thu một phần mười, bằng cách ban hành một đạo luật quy định thuế phụ thu của các hội đồng địa phương không được quá một tỷ lệ nhỏ xíu nào đó? Vì cái phần rất lớn thì dùng để đảm bảo sự thống trị của giai cấp tư sản với tư cách là một giai cấp, và đã là giai cấp tư sản thì nó không thể nào chi quá vài xu cho văn hóa được*.

* Sự nghiên cứu hết sức cặn kẽ của Cau-phman (Kaufmann R. "Die Kommunal Finanzen", 2. Bände. Lpz. 1906, II Abt. 5. Band des Hand- und Lehrbuches der Staatswissenschaften, begr. von Frankenstein, fortges. von Heckel¹⁾) chỉ ra rằng ở Anh, việc phân phối những khoản

1) Cau-phman R. "Tài chính địa phương", 2 tập, Lai-pxích, 1906, phần II, quyển 5, bản chỉ dẫn và cuốn giáo khoa về các khoa học quốc gia do Phran-ken-stanh xây dựng và do Héch-ken hoàn chỉnh.

Những người xã hội chủ nghĩa châu Âu coi sự phân phối thành một phần rất lớn và một phần vài xu như thế là một điều dĩ nhiên vì họ biết rất rõ rằng trong xã hội tư sản, không thể khác thế được. Coi sự phân phối đó là một điều dĩ nhiên, họ nói: chúng ta không thể tham gia chính quyền trung ương được vì đó là một công cụ áp bức; chúng ta có thể tham gia các tòa thị chính vì ở đó dăm ba xu còn được dành cho văn hóa. Nhưng những người xã hội chủ nghĩa ấy sẽ nói thế nào với kẻ khuyển đảng công nhân tuyên truyền giao cho tòa thị chính ở châu Âu được sở hữu những món thu nhập thực sự to lớn, toàn bộ địa tô thu ở các ruộng đất địa phương, toàn bộ tiền lãi của bưu điện địa phương, đường sắt địa phương, v. v.? Một con người như vậy sẽ được coi là một thằng điên hay là một "người xã hội chủ nghĩa thiên chúa giáo", do sai lầm đã rơi vào hàng ngũ những người dân chủ - xã hội.

Những người khi xem xét những nhiệm vụ của cuộc

chi của nhà nước giữa địa phương và trung ương, là *có lợi* cho cơ quan tư quản địa phương hơn ở Phổ và ở Pháp. Ở Anh, các cơ quan địa phương chi 3 tỷ mác; chính quyền trung ương của nhà nước chi 3,6 tỷ; ở Pháp là 1,1 tỷ so với 2,9 tỷ; ở Phổ là 1,1 tỷ và 3,5 tỷ. Bây giờ chúng ta thử xét những chi phí *về văn hóa*, chẳng hạn, dùng cho ngành giáo dục của một nước có những điều kiện thuận lợi nhất (theo quan điểm của những người chủ trương địa phương công hữu hóa), nghĩa là ở Anh. Chúng ta sẽ thấy rằng những chi phí của địa phương dành cho giáo dục là 16,5 triệu li-vơ xtéc-ling trong số 151,6 triệu (1902 - 1903), tức là hơn 1/10 một chút. Trong ngân sách năm 1908 (xem "Almanach de Gotha"), chính quyền trung ương dành cho giáo dục 16,9 triệu li-vơ xtéc-ling trong số 198,6, tức là ít hơn 1/10. Những chi phí cho quân đội và hải quân = 59,2 triệu li-vơ xtéc-ling; thêm vào đó những chi phí trả công trái = 28,5 triệu li-vơ xtéc-ling và 3,8 triệu dành cho việc duy trì tòa án và cảnh sát, 1,9 triệu dành cho ngoại giao và 19,8 triệu dành cho chi phí cho việc đi thu thuế, – thì sẽ thấy rằng giai cấp tư sản chi *vài ba xu* cho văn hóa và chi *một phần rất lớn* để đảm bảo sự thống trị của nó, với tư cách là một giai cấp.

cách mạng hiện nay (tức là cuộc cách mạng tư sản) ở Nga mà nói rằng: chúng ta không cần củng cố chính quyền trung ương của nhà nước tư sản, – đều là những người tỏ ra hoàn toàn không có khả năng suy nghĩ. Người Đức có thể và cần phải lập luận như thế, vì trước mắt họ chỉ có một nước Đức của giai cấp tư sản - gioong-ke thôi; không thể có một nước Đức nào khác trước lúc chủ nghĩa xã hội ra đời. Nhưng ở ta, toàn bộ nội dung của cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng hiện đang diễn ra là ở chỗ xét xem nước Nga sẽ là một nước của tư sản - gioong-ke (như Xtô-lư-pin và bọn dân chủ - lập hiến mong muốn) hay sẽ là một nước tư sản - nông dân (như nông dân và công nhân mong muốn). Người ta không thể tham gia một cuộc cách mạng như thế mà lại không ủng hộ một tầng lớp trong giai cấp tư sản, một hình thức phát triển tư sản này chống lại một hình thức khác. Vì những nguyên nhân kinh tế khách quan, cho nên trong cuộc cách mạng hiện nay, chúng ta không có và cũng không thể có một "sự lựa chọn" nào khác ngoài sự lựa chọn: hoặc là nước cộng hòa tư sản trung ương tập quyền của nông dân - phéc-mi-ê, hoặc là nước quân chủ tư sản trung ương tập quyền của bọn địa chủ - gioong-ke. Tránh "sự lựa chọn" khó khăn ấy bằng cách làm cho quần chúng chú ý đến điều mong ước: "ít ra, chúng ta cũng cần có được những hội đồng địa phương dân chủ hơn một chút", – thì đó là một tư tưởng phi-li-xtanh hết sức tầm thường.

4. QUY MÔ CỦA CÁCH MẠNG CHÍNH TRỊ VÀ QUY MÔ CỦA CÁCH MẠNG RUỘNG ĐẤT

Chúng ta nói rằng "sự lựa chọn" là khó khăn, đương nhiên chúng ta không nghĩ đến sự lựa chọn chủ quan (đó là điều mong muốn hơn cả), mà nghĩ đến kết cục khách quan của cuộc đấu tranh của những lực lượng xã hội đang

giải quyết một vấn đề lịch sử. Cái "khó khăn" trong việc đạt đến một kết cục có lợi cho nông dân, chính ra là ở chỗ nào thì những người nói đến tính chất lạc quan của bản cương lĩnh ruộng đất của tôi – bản cương lĩnh gắn liền nền cộng hòa với vấn đề quốc hữu hóa, – đã hoàn toàn không nghĩ đến. Đây là lập luận của Plê-kha-nốp về điểm ấy:

"Lê-nin dùng những giả thuyết có tính chất lạc quan để lảng tránh sự khó khăn của vấn đề. Đó là phương pháp thường dùng của tư duy không tưởng; chẳng hạn như bọn vô chính phủ nói rằng: "không nên lập bất kỳ một tổ chức cưỡng bức nào cả", và khi chúng ta bác lại họ là không lập một tổ chức cưỡng bức là tạo điều kiện cho các thành viên riêng lẻ của xã hội có khả năng làm hại xã hội đó nếu họ muốn, thì bọn vô chính phủ trả lời chúng ta rằng: "điều đó sẽ không thể xảy ra được". Theo tôi, điều đó có nghĩa là lối dùng giả thuyết có tính chất lạc quan để lảng tránh sự khó khăn của vấn đề. Và Lê-nin đang làm như vậy. Lê-nin dựng lên cả một loạt những "nếu như" có tính chất lạc quan làm điều kiện cho những kết quả có thể đạt được của những biện pháp mà Lê-nin đề xuất. Để làm bằng chứng, tôi dẫn lời Lê-nin trách cứ Ma-xlốp. Ở trang 23¹⁾ trong cuốn sách nhỏ của mình, Lê-nin nói: "Thực ra, dự thảo của Ma-xlốp mặc nhiên cho rằng những yêu sách trong cương lĩnh chính trị tối thiểu của chúng ta đã không được hoàn toàn thực hiện, rằng chủ quyền của nhân dân đã không được bảo đảm, rằng quân đội thường trực đã không được hủy bỏ, rằng chế độ bầu cử các viên chức đã không được thi hành, v. v.; nói một cách khác, cuộc cách mạng dân chủ của nước ta không được tiến hành đến cùng, chẳng khác gì phần nhiều các cuộc cách mạng dân chủ ở châu Âu; cũng như các cuộc cách mạng dân chủ ở châu Âu, nó đã bị cắt xén, bị xuyên tạc và bị "đẩy thụt lùi lại". Dự thảo của Ma-xlốp đặc biệt thích hợp cho một cuộc cách mạng dân chủ nửa đường bỏ dở, bị đứt đoạn, không triệt để hoặc bị thế lực phản động cắt xén và "làm cho bớt nguy hại đi"". Chúng ta hãy cho rằng lời của Lê-nin trách cứ Ma-xlốp là có cơ sở; nhưng đoạn vừa trích dẫn chứng tỏ rằng chính ngay dự án của Lê-nin chỉ có giá trị trong trường hợp tất cả những "nếu như" do Lê-nin đề ra sẽ được thực hiện. Mà ở đây nếu không có được

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 307.

những cái "nếu như" ấy thì việc thực hiện dự án của Lê-nin * sẽ có hại. Mà chúng ta thì không cần những dự án như vậy. Dự án của chúng ta phải vững như bàn thạch, tức là đứng vững cả trong trường hợp có những "nếu như" bất lợi" ("Tập biên bản" của Đại hội Xtóc-khôn, 44 - 45).

Tôi chép lại toàn bộ lập luận đó vì nó chứng minh rõ ràng sai lầm của Plê-kha-nốp. Cái chủ nghĩa lạc quan đã làm đồng chí ấy kinh hãi thì đồng chí ấy hoàn toàn không hiểu nó. "Chủ nghĩa lạc quan" không phải là ở chỗ giả định việc nhân dân bầu ra các viên chức, v. v., mà ở chỗ giả định sự thắng lợi của cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân. Cái "khó khăn" thực sự là ở chỗ làm thế nào mà một cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân có thể thắng lợi trong một nước phát triển theo kiểu tư sản - gioong-ke, ít ra là từ năm 1861; nhưng một khi đồng chí thừa nhận cái khó khăn kinh tế cơ bản đó, thì thật là lố bịch nếu coi những khó khăn của nền dân chủ chính trị gần như là một chủ nghĩa vô chính phủ. Thật là lố bịch nếu quên rằng giữa quy mô của những cải cách ruộng đất và quy mô của những cải cách chính trị không thể không có sự phù hợp, rằng cuộc cách mạng kinh tế giả định phải có một kiến trúc thượng tầng chính trị tương ứng. Sai lầm cơ bản của Plê-kha-nốp trong vấn đề đó chính là không hiểu đâu là nguồn gốc của "chủ nghĩa lạc quan" trong cương lĩnh ruộng đất chung của chúng ta, của cả những người men-sê-vích lẫn bôn-sê-vích.

Thật vậy, các đồng chí hãy tưởng tượng một cách cụ thể xem ở nước Nga hiện đại, "cách mạng ruộng đất của nông dân" có kèm sự tịch thu ruộng đất của địa chủ, có ý nghĩa gì. Không còn nghi ngờ gì nữa, suốt trong nửa thế kỷ, chủ nghĩa tư bản đã tự vạch ra cho nó một con đường thông qua

* Nhưng như vậy sẽ không phải là dự án của tôi! Plê-kha-nốp lập luận không lô-gích!

nền kinh tế địa chủ là nền kinh tế nhìn chung tuyệt đối hơn hẳn nền kinh tế nông dân hiện nay không những vì mức thu hoạch cao hơn (một phần là do chất lượng ruộng đất địa chủ tốt hơn), mà cũng do sử dụng những công cụ cải tiến và biện pháp luân canh (trồng cỏ)*. Điều không còn nghi ngờ là nền kinh tế địa chủ đã có hàng ngàn sợi dây liên hệ không những với bọn quan lại mà cả với giai cấp tư sản nữa. Sự tịch thu làm tổn hại đến rất nhiều quyền lợi của giai cấp tư sản lớn; còn cuộc cách mạng nông dân, như Cau-xky đã chỉ ra một cách đúng đắn, cũng dẫn đến sự phá sản của nhà nước, tức là cuộc cách mạng làm tổn hại đến quyền lợi không những của giai cấp tư sản Nga mà cả của toàn bộ giai cấp tư sản quốc tế. Ai nấy đều hiểu rằng trong những điều kiện như vậy, thắng lợi của cuộc cách mạng nông dân, thắng lợi của những người tiểu tư sản đối với địa chủ lẫn tư sản lớn, đòi hỏi có sự kết hợp đặc biệt thuận lợi của nhiều hoàn cảnh, đòi hỏi có những giả thuyết hoàn toàn khác thường, "lạc quan", nói theo quan điểm của người phi-li-xtanh hoặc của nhà sử học phi-li-xtanh, đòi hỏi có sự phát huy rộng lớn của tính chủ động của nông dân, của nghị lực cách mạng, của sự giác ngộ, của tính tổ chức và tính sáng tạo phong phú của nhân dân. Điều đó không thể chối cãi được, và những lời Plê-kha-nốp chế giễu một cách nhỏ nhen tầm thường "tính sáng tạo... của nhân dân", là luận điệu rẻ tiền để lẩn tránh một vấn đề quan trọng**. Và vì

* Hãy so sánh những số liệu tổng hợp mới về sự hơn hẳn của nền kinh tế địa chủ đối với nền kinh tế nông dân về mặt trồng cỏ một cách rộng rãi: Cau-phman, "Vấn đề ruộng đất", tập II.

** "Tính sáng tạo của nhân dân", đó là tư tưởng "Dân ý", - Plê-kha-nốp đã chế giễu như vậy ở Xtóc-khôn. Đó cũng là lối phê phán giống như lối phê phán "Những cuộc phiêu lưu của Tsi-tsi-cốp" bằng cách nhại tên họ: "Tsi-tsi-cốp... Tshi... tshi... a! thật là nực cười!"¹¹⁹. Chỉ người nào nghĩ rằng sự thừa nhận cuộc cách mạng nông dân chống

nền sản xuất hàng hóa không liên hợp và không tập trung nông dân lại mà còn phân hóa và chia rẽ họ, nên trong một nước tư sản, cuộc cách mạng *nông dân* chỉ có thể thực hiện dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, – điều này lại càng làm cho giai cấp tư sản mạnh nhất thế giới chống lại một cuộc cách mạng như vậy.

Do đó, liệu những người mác-xít có phải hoàn toàn từ bỏ tư tưởng về cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân không? Không, kết luận đó chỉ xứng đáng là của những kẻ mà thế giới quan của họ là sự cải biến chủ nghĩa Mác theo kiểu chủ nghĩa tự do. Do những điều nói trên, chỉ có thể rút ra kết luận là: thứ nhất, chủ nghĩa Mác không thể gắn liền vận mệnh của chủ nghĩa xã hội ở Nga với kết cục của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản được; thứ hai, chủ nghĩa Mác phải tính đến cả hai khả năng của sự phát triển tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp ở Nga và chỉ rõ cho nhân dân thấy những điều kiện và ý nghĩa của mỗi khả năng đó; thứ ba, chủ nghĩa Mác phải cương quyết đả phá cái quan điểm cho rằng một cuộc cách mạng ruộng đất triệt để có thể diễn ra ở Nga mà không cần có một cuộc cách mạng chính trị triệt để.

1) Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, cũng như tất cả những người dân tụy tương đối triệt để, không hiểu tính chất tư sản của cuộc cách mạng nông dân và họ gắn liền toàn bộ chủ nghĩa xã hội giả danh của họ với cuộc cách mạng đó. Theo những người dân tụy, một kết cục thuận lợi của cuộc cách mạng nông dân sẽ có nghĩa là thắng lợi của chủ nghĩa xã hội dân tụy ở Nga. Thực ra, một kết cục như vậy sẽ là sự phá sản nhanh nhất và quyết

lại giai cấp tư sản và địa chủ là tư tưởng "Dân ý" thì người đó mới thực sự coi tư tưởng về sự cần thiết phải có "tính sáng tạo của nhân dân", phải có những hình thức đấu tranh mới, phải có những hình thức tổ chức mới của nông dân trong cuộc cách mạng Nga, là tư tưởng "Dân ý".

định nhất của chủ nghĩa xã hội dân tụy (nông dân). Thắng lợi của cuộc cách mạng nông dân càng hoàn toàn và quyết định thì nông dân sẽ càng nhanh chóng biến thành những người phéc-mi-ê tư sản tự do là những người sẽ "cách chức" "chủ nghĩa xã hội" dân tụy. Trái lại, một kết cục bất lợi sẽ kéo dài thời gian hấp hối của chủ nghĩa xã hội dân tụy, sẽ cho phép giữ lại ít lâu cái ảo tưởng cho rằng sự phê phán chủ nghĩa tư bản kiểu tư sản - địa chủ sẽ là một sự phê phán chủ nghĩa tư bản nói chung.

Đảng dân chủ - xã hội, đảng của giai cấp vô sản, nhất quyết không gắn vận mệnh của chủ nghĩa xã hội vào kết cục này hay kết cục khác của cuộc cách mạng tư sản. Cả hai kết cục đều là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và sự áp bức giai cấp vô sản cả trong nền quân chủ của bọn địa chủ trong đó ruộng đất là sở hữu tư nhân, lẫn trong nền cộng hòa của bọn phéc-mi-ê, dù cho ruộng đất có được quốc hữu hóa. Bởi vậy, chỉ có một đảng hoàn toàn độc lập và thật sự vô sản mới có thể bảo vệ được sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội "bất luận các cuộc cải cách dân chủ về ruộng đất gặp phải tình trạng như thế nào"¹⁾, như đã nói trong phần kết luận của bản cương lĩnh ruộng đất của tôi (phần này đã được đưa vào nghị quyết sách lược của Đại hội Xtốc-khôn).

2) Nhưng, tính chất tư sản của *cả hai* kết cục của cuộc cách mạng ruộng đất không mấy may có nghĩa là những người dân chủ - xã hội có thể đứng dưng trước cuộc đấu tranh cho kết cục này hay kết cục kia. Lợi ích của giai cấp công nhân tuyệt đối đòi hỏi giai cấp công nhân phải ủng hộ một cách cương quyết nhất cuộc cách mạng nông dân; hơn thế nữa, giai cấp đó phải giữ vai trò lãnh đạo trong

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 317.

cuộc cách mạng ấy. Trong khi đấu tranh cho một kết cục thuận lợi của cuộc cách mạng, chúng ta phải phổ biến rộng rãi cho quần chúng hiểu thật rõ việc bảo vệ con đường phát triển chế độ ruộng đất theo kiểu địa chủ sẽ có nghĩa là thế nào, phải giải thích rõ ràng việc bảo vệ đó mang lại cho toàn thể quần chúng lao động những tai họa vô tận nào (những tai họa phát sinh không phải từ chủ nghĩa tư bản mà từ sự phát triển không đầy đủ của chủ nghĩa tư bản). Mặt khác, chúng ta cũng phải giải thích rõ tính chất tiêu tư sản của cuộc cách mạng nông dân cũng như tính vô căn cứ của những hy vọng "xã hội chủ nghĩa" vào cuộc cách mạng đó.

Trong trường hợp thuận lợi và trong "trường hợp không thuận lợi", cương lĩnh của chúng ta – một khi chúng ta không đặt vận mệnh của chủ nghĩa xã hội phụ thuộc vào kết cục này hay kết cục khác của cuộc cách mạng tư sản – không thể giống nhau được. Sở dĩ Plê-kha-nốp đã nói rằng chúng ta không cần có những dự án dự kiến đặc biệt cho trường hợp này lẫn trường hợp kia (và vì vậy, những dự án có những "nếu như"), thì đó là vì Plê-kha-nốp đã phát biểu mà không suy nghĩ trước. Vì chính theo quan điểm của đồng chí đó, theo quan điểm cho rằng có thể có một kết cục kỳ xấu hoặc phải tính đến kết cục đó, thì đặc biệt cần phải chia cương lĩnh ra làm hai phần, như tôi đã làm đúng như vậy. Cần nói rằng trên con đường phát triển tư sản - địa chủ đó, đảng công nhân phải bảo vệ những biện pháp như thế này, nhưng đồng thời, cũng hết sức giúp đỡ nông dân hoàn toàn thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và do đó mở ra khả năng có những điều kiện phát triển rộng rãi hơn và tự do hơn. Về điểm này, tôi đã nói tỉ mỉ trong bản "Báo cáo" của tôi (mục nói về chế độ thuê ruộng đất, sự cần thiết phải ghi mục đó trong cương lĩnh đề phòng "trường hợp xấu nhất"; mục nói về chế độ đó không được

ghi trong cương lĩnh của Ma-xlốp)¹⁾. Tôi chỉ thêm điều này: chính hiện nay, khi những điều kiện trực tiếp của hoạt động của những người dân chủ - xã hội ít giống nhất với những giả thuyết lạc quan, thì sai lầm của Plê-kha-nốp càng biểu hiện rõ ràng hơn. Bất kể trường hợp nào, Đu-ma III cũng không thể làm cho chúng ta ngừng đấu tranh thực hiện cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân, nhưng chúng ta phải làm việc trong một thời gian nhất định trên cơ sở những quan hệ ruộng đất đảm bảo cho bọn địa chủ có khả năng bóc lột một cách hết sức dã man. Chính Plê-kha-nốp hay đặc biệt quan tâm đến trường hợp xấu nhất, mà hiện nay lại không có cương lĩnh cho một trường hợp xấu nhất đó!

3) Một khi chúng ta tự đặt cho mình nhiệm vụ là giúp đỡ cuộc cách mạng nông dân, thì chúng ta phải nhận thức rõ khó khăn của nhiệm vụ đó và sự cần thiết phải làm cho những cải cách chính trị và cải cách ruộng đất *tương ứng với nhau*. Nếu không, sự hợp nhất giữa "chủ nghĩa lạc quan" về vấn đề ruộng đất (tích thu cộng với địa phương công hữu hóa hoặc phân chia) với "chủ nghĩa bi quan" về chính trị (Nô-vô-xét-xki: dân chủ hóa "ở mức tương đối" ở trung ương) sẽ trở thành không có căn cứ về mặt khoa học và phản động trên thực tế.

Những người men-sê-vích, hình như vạn bất đắc dĩ, phải thừa nhận cuộc cách mạng nông dân, nhưng không muốn mô tả nó một cách rõ ràng và cụ thể cho nhân dân thấy. Họ để lộ quan điểm mà, tại Xtốc-khôn, Pti-txun, đảng viên men-sê-vích, đã phát biểu một cách ngây thơ có một không hai: "Những sự náo động cách mạng rồi sẽ qua đi, cuộc sống tư sản sẽ đi theo con đường thường lệ, và nếu cuộc cách mạng công nhân không xảy ra ở phương

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 13, tr. 32 - 33.

Tây thì giai cấp tư sản ở nước ta nhất định sẽ nắm chính quyền. Điều đó, đồng chí Lê-nin sẽ không chối cãi và cũng không thể chối cãi được" ("Tập biên bản", tr. 91). Thế là quan niệm trừu tượng và nông cạn về cuộc cách mạng tư sản đã làm cho người ta không thấy vấn đề cách mạng nông dân là một loại cách mạng tư sản! Tất cả những cái đó chỉ là những "sự náo động", và chỉ có "con đường thường lệ" mới là thực tế. Người ta sẽ không thể diễn tả một cách nổi bật hơn thế nữa, cái quan điểm phi-li-xtanh và sự không hiểu được rằng cuộc đấu tranh trong cuộc cách mạng tư sản ở nước ta đang diễn ra chính là xung quanh cái gì.

Nông dân không thể thực hiện cuộc cách mạng ruộng đất nếu không xóa bỏ chính quyền cũ, quân đội thường trực và bọn quan liêu, vì đó đều là những thành lũy chắc chắn nhất của chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, những thành lũy bị hàng ngàn sợi dây ràng buộc với chế độ đó. Cho nên, quan niệm cho rằng có thể thực hiện cuộc cách mạng nông dân chỉ bằng cách dân chủ hóa những cơ quan địa phương, mà không phá hủy hoàn toàn những cơ quan trung ương, là một quan niệm không có căn cứ khoa học. Quan niệm đó là phản động trên thực tế, vì nó giúp cho tính thiển cận tiểu tư sản và chủ nghĩa cơ hội tiểu tư sản là chủ nghĩa nhìn vấn đề một cách "đơn giản": cần một mảnh đất, chứ về chính trị thì có trời mới biết! Ruộng đất thì cần phải lấy toàn bộ; nhưng liệu có cần toàn bộ chính quyền không, có thể nắm lấy toàn bộ chính quyền không, nắm lấy như thế nào, người nông dân không hề nghĩ đến (hoặc đã không nghĩ đến trước khi việc giải tán hai Đu-ma đã làm cho anh ta suy nghĩ). Cho nên quan điểm của ông Pê-sê-khô-nốp, một "đảng viên dân chủ - lập hiến nông dân", là quan điểm cực kỳ phản động; Pê-sê-khô-nốp chẳng đã viết trong cuốn "Vấn đề ruộng đất" của mình: "hiện nay điều quan trọng nhất là đưa ra một lời giải đáp

rõ ràng cho vấn đề ruộng đất chứ không phải, chẳng hạn, cho vấn đề cộng hòa" (tr. 114) hay sao. Và quan điểm đó của kẻ ngu dốt về chính trị (di sản của ông, v.v., một bậc thầy về nghề phản động), như mọi người đều biết, đã ăn sâu vào toàn bộ cương lĩnh và toàn bộ sách lược của đảng của "những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân". Đáng lẽ phải đấu tranh chống tính thiển cận của người nông dân không hiểu mối quan hệ giữa chủ nghĩa cấp tiến trong vấn đề ruộng đất và chủ nghĩa cấp tiến trong chính trị, thì những người "lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân" lại *thích ứng* với tính thiển cận của người nông dân. Họ cho rằng "như vậy là thực tế hơn", nhưng thực ra, chính cách đặt vấn đề như thế sẽ làm cho cương lĩnh ruộng đất của nông dân đi đến chỗ thất bại tuyệt đối. Một cuộc cách mạng chính trị triệt để là rất khó, chắc chắn như thế, nhưng cuộc cách mạng ruộng đất cũng vậy; cuộc cách mạng thứ hai là không thể có được nếu tách khỏi cuộc cách mạng thứ nhất, và nhiệm vụ của những người xã hội chủ nghĩa là không được giấu giếm nông dân điều đó, không được tung ra một đám mây mù (bằng cách dùng những câu thiếu chính xác và nửa dân chủ - lập hiến về "nhà nước dân chủ", như trong cương lĩnh ruộng đất của chúng ta), mà phải nói cho cặn kẽ, phải giải thích cho nông dân thấy rằng về mặt chính trị mà không triệt để thì họ không thể thực sự nghĩ đến tịch thu ruộng đất của địa chủ được.

Trong cương lĩnh, thì không phải những chữ "nếu như" là điều quan trọng. Điều quan trọng là chỉ ra được rằng cần phải có *sự tương ứng* giữa những cải cách ruộng đất và những cải cách chính trị. Đáng lẽ dùng những "nếu như", ta có thể diễn đạt cùng một tư tưởng đó một cách khác: "đảng nói rõ rằng trong xã hội tư sản, phương thức sở hữu ruộng đất tốt nhất là xóa bỏ quyền tư hữu về ruộng đất, quốc hữu hóa ruộng đất, chuyển ruộng đất thành sở hữu của nhà nước, rằng một biện pháp như vậy sẽ không

thể thực hiện được cũng như sẽ không thực sự có ích nếu không dân chủ hóa hoàn toàn không những các cơ quan địa phương mà cả toàn bộ chế độ nhà nước, kể cả thành lập chế độ cộng hòa, nếu không thủ tiêu quân đội thường trực, không tiến hành việc nhân dân bầu ra những viên chức, v. v."

Không giải thích như thế trong cương lĩnh ruộng đất của chúng ta, là chúng ta đã làm cho nhân dân nghĩ *sai* rằng có thể tịch thu ruộng đất của địa chủ mà không cần dân chủ hóa hoàn toàn chính quyền trung ương. Chúng ta đã rơi xuống ngang hàng với giai cấp tiểu tư sản cơ hội chủ nghĩa, tức là ngang hàng với những "người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân", vì trong hai Đu-ma, điều đã xảy ra là cả cương lĩnh của họ (đề án của 104 người) và cương lĩnh của chúng ta đều đã định rõ mối liên hệ giữa những cải cách ruộng đất và việc dân chủ hóa *chỉ riêng* những cơ quan *địa phương*. Quan điểm đó là một sự ngu đần tiểu tư sản, mà cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu 1907 và Đu-ma III đáng lẽ ra phải làm cho nhiều người, và trước hết là những người dân chủ - xã hội, tỉnh ngộ.

5. CÁCH MẠNG NÔNG DÂN MÀ NÔNG DÂN KHÔNG CẦN GIÀNH CHÍNH QUYỀN Ứ?

Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội Nga là một cương lĩnh vô sản trong cuộc cách mạng nông dân nhằm chống những tàn dư của chế độ nông nô, chống tất cả những gì có tính chất trung cổ trong chế độ ruộng đất ở nước Nga. Về mặt lý luận, nguyên lý đó, như chúng ta đã thấy, đã được ngay cả những người men-sê-vích thừa nhận (diễn văn của Plê-kha-nốp ở Xtốc-khôn). Nhưng những người men-sê-vích đã hoàn toàn không suy nghĩ chín chắn điều ấy, họ không nhận thấy mối liên hệ khăng khít giữa nguyên lý ấy với những nguyên tắc chung của sách lược dân chủ -

xã hội trong cuộc cách mạng tư sản ở Nga. Sự thiếu suy nghĩ đó đã biểu lộ rõ ràng hơn cả chính là trong các tác phẩm của Plê-kha-nốp.

Trong điều kiện toàn bộ nền kinh tế xã hội mang tính chất tư bản chủ nghĩa thì mọi cuộc cách mạng nông dân chống lại chế độ trung cổ, đều là một cuộc cách mạng tư sản. Nhưng không phải mọi cuộc cách mạng tư sản đều là cách mạng nông dân. Trong một nước có nền nông nghiệp được tổ chức hoàn toàn theo phương thức tư bản chủ nghĩa, mà những nông phu tư bản chủ nghĩa, với sự giúp đỡ của công nhân làm thuê, thực hiện một cuộc cách mạng ruộng đất, bằng cách xóa bỏ chẳng hạn quyền tư hữu về ruộng đất, thì đó sẽ là một cuộc cách mạng tư sản chứ tuyệt nhiên không phải là cách mạng nông dân. Nếu cuộc cách mạng nổ ra ở một nước mà chế độ ruộng đất đã dung hợp với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa nói chung, đến nỗi không thể thủ tiêu chế độ ruộng đất đó nếu không thủ tiêu chủ nghĩa tư bản đã, và cứ cho là cuộc cách mạng đó đưa giai cấp tư sản công nghiệp lên nắm chính quyền thay cho bọn quan liêu chuyên chế, thì đó sẽ là một cuộc cách mạng tư sản chứ tuyệt nhiên không phải là cách mạng nông dân. Nói một cách khác: có thể có một nước tư sản không có nông dân và có thể có một cuộc cách mạng tư sản trong một nước như vậy mà không có nông dân tham gia. Có thể có cuộc cách mạng tư sản trong một nước mà đa số dân cư là nông dân; tuy vậy, nó tuyệt nhiên không phải là cách mạng nông dân, tức là nó không cách mạng hóa những quan hệ ruộng đất đụng chạm đặc biệt đến nông dân và không đưa nông dân vào số những lực lượng xã hội tương đối tích cực tạo ra cách mạng. Vì vậy, khái niệm mác-xít chung về "cách mạng tư sản" bao gồm một số nguyên lý nhất định mà ta bắt buộc phải vận dụng khi xét mọi cuộc cách mạng nông dân trong một

nước tư bản chủ nghĩa đang phát triển; nhưng khái niệm chung đó tuyệt đối không nói đến vấn đề: cuộc cách mạng tư sản trong một nước nhất định có tất yếu phải (hiểu theo nghĩa tất yếu khách quan) trở thành cách mạng nông dân mới giành được thắng lợi hoàn toàn hay là không cần phải như vậy.

Nguồn gốc cơ bản của sai lầm trong toàn bộ đường lối sách lược của Plê-kha-nốp và của những người men-sê-vích đi theo ông ta trong thời kỳ đầu của cách mạng Nga (tức là vào những năm 1905 - 1907) là ở chỗ họ hoàn toàn không hiểu mối quan hệ đó giữa cách mạng tư sản nói chung và cách mạng tư sản nông dân. Những lời la lối dọa dẫm* thường đầy dẫy trong sách báo men-sê-vích cho rằng những người bôn-sê-vích không hiểu tính chất tư sản của cuộc cách mạng đang diễn ra, chỉ là những lời dùng để che giấu sự thiếu suy nghĩ của những người men-sê-vích. Thực ra, không một người dân chủ - xã hội nào, dù ở phái này hay phái khác, trước hay trong cách mạng, đã từ bỏ quan điểm mác-xít về tính chất tư sản của cuộc cách mạng; chỉ có bọn "người đơn giản hóa", bọn người tầm thường hóa những mối bất hòa bè phái, mới có thể khăng định ngược lại. Nhưng một bộ phận những người mác-xít, cụ thể là cánh hữu, luôn luôn chỉ bám vào khái niệm chung, trừu tượng và rập khuôn về cuộc cách mạng tư sản, mà không thể hiểu được *những đặc điểm* của cuộc cách mạng tư sản đó là cuộc cách mạng nông dân. Hoàn toàn tự nhiên và tất yếu là cánh hữu đó của Đảng dân chủ - xã hội đã không thể hiểu được nguồn gốc của tính phản cách mạng

* Trong "Những bức thư mới về sách lược và về sự thiếu lịch thiệp" của Plê-kha-nốp (Nhà xuất bản Gla-gô-lép, Xanh Pê-téc-bua), những lời la lối đó chỉ là lối bịch. Rất nhiều lời hăm dọa, chửi rủa người bôn-sê-vích và những lời giả dối, nhưng về tư tưởng thì không có gì cả.

của giai cấp tư sản nước ta trong cuộc cách mạng Nga, không thể xác định rõ ràng những giai cấp nào là có khả năng giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc cách mạng đó, không thể không đi trệch theo quan điểm cho rằng: trong cuộc cách mạng tư sản, giai cấp vô sản phải ủng hộ giai cấp tư sản; trong cuộc cách mạng tư sản, chính giai cấp tư sản phải là kẻ giữ chủ động, quy mô cách mạng sẽ yếu đi nếu giai cấp tư sản bỏ không đeo đuổi nữa, v. v., v. v..

Trái lại, ngay từ những ngày đầu cách mạng, vào mùa xuân và mùa hè năm 1905, trong khi chưa thể có vấn đề lẫn lộn chủ nghĩa bôn-sê-vích với chủ nghĩa tẩy chay, chủ nghĩa xung kích, v. v., tức là sự lẫn lộn hiện đang phổ biến trong những người dốt nát hoặc thiếu thông minh, thì những người bôn-sê-vích đã chỉ rõ *nguồn gốc* của những bất đồng sách lược giữa chúng ta, bằng cách đề ra khái niệm coi cách mạng nông dân như là một trong những hình thức của cách mạng tư sản, và xác định thắng lợi của cách mạng đó là: "chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân". Thành tựu lớn nhất *về tư tưởng* mà chủ nghĩa bôn-sê-vích đã đạt được từ hồi đó trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, là bài báo của Cau-xky về những động lực của cách mạng Nga (bản dịch ra tiếng Nga do N. Lê-nin chủ biên và viết lời tựa: "Những động lực và những triển vọng của cách mạng Nga". Mát-xcơ-va, 1907, Nhà xuất bản sách "Thời đại mới"). Như mọi người đều biết, trong buổi đầu của sự phân liệt giữa những người bôn-sê-vích và men-sê-vích vào năm 1903, Cau-xky đã đứng về phía những người men-sê-vích. Năm 1907, sau khi đã theo dõi sát cách mạng Nga, và đã viết nhiều lần về cách mạng Nga, Cau-xky đã hiểu ngay sai lầm của Plê-kha-nốp là người đã gửi cho Cau-xky bản thăm dò ý kiến nổi tiếng của mình. Trong bản đó, Plê-kha-nốp *chỉ* chú ý đến tính chất tư sản của cách mạng Nga, mà không đề ra được khái niệm về cách mạng tư sản nông dân, và

không vượt ra khỏi khái niệm chung về "dân chủ tư sản", "các đảng đối lập tư sản". Sửa chữa sai lầm đó, Cau-xky trả lời Plê-kha-nốp rằng giai cấp tư sản không phải là một động lực của cách mạng Nga, rằng theo ý nghĩa đó thì thời đại của các cuộc cách mạng tư sản đã qua rồi, rằng "sự đồng nhất vững chắc về quyền lợi trong suốt toàn bộ thời kỳ đấu tranh cách mạng chỉ có thể có giữa giai cấp vô sản và nông dân thôi" (sách đã dẫn, tr. 30 - 31); rằng "chính nó (sự đồng nhất đó về quyền lợi) phải là cơ sở cho toàn bộ sách lược cách mạng của Đảng dân chủ - xã hội Nga" (như trên, tr. 31). Ở đây, *những nguyên tắc* của sách lược men-sê-vích *chống lại* sách lược men-sê-vích được phát biểu rõ ràng. Trong "Những bức thư mới...", Plê-kha-nốp bức tức vô cùng về vấn đề đó. Nhưng nổi bức tức đó chỉ làm nổi bật hơn nữa sự bất lực trong lập luận của ông ta. Cuộc khủng hoảng mà chúng ta đang trải qua "dù sao vẫn có tính chất tư sản", Plê-kha-nốp nhắc đi nhắc lại và bảo những người men-sê-vích là "dốt nát" (tr. 127). Lời chửi rủa đó là một sự bất lực quá chừng. Plê-kha-nốp đã không hiểu sự khác nhau giữa cách mạng tư sản nông dân và cách mạng tư sản không có nông dân tham gia. Khi nói rằng Cau-xky "nói phóng đại tốc độ tiến bộ của nông dân nước ta" (tr. 131); rằng "sự bất đồng quan điểm giữa chúng ta (Plê-kha-nốp và Cau-xky) chỉ có thể ở những sắc thái" (131), v. v., Plê-kha-nốp đã viện đến những mưu mẹo thâm hại nhất, hèn nhất, vì bất cứ con người nào có suy nghĩ đôi chút cũng thấy là hoàn toàn không phải như thế. Ở đây không phải là vấn đề "sắc thái", tốc độ tiến bộ, vấn đề "nắm lấy" chính quyền, như Plê-kha-nốp đã hét lên, mà là vấn đề cái quan điểm *cơ bản về những giai cấp* có khả năng trở thành động lực của cách mạng Nga. *Không thể tránh được*, Plê-kha-nốp và những người men-sê-vích đã vô tình hay hữu ý đi theo chủ nghĩa cơ hội ủng hộ giai cấp tư sản, vì họ không thấy tính chất phản cách mạng của giai cấp tư sản trong cách

mạng tư sản nông dân. Những người men-sê-vích đã xác định ngay những điều kiện giai cấp chung và cơ bản cần cho thắng lợi của cuộc cách mạng đó là nền chuyên chính dân chủ của giai cấp vô sản và nông dân. Về thực chất, Cau-xky cũng đã đi đến cùng một quan điểm ấy trong "Những động lực" và nhắc lại quan điểm ấy trong cuốn "Cách mạng xã hội" của mình xuất bản *lần thứ hai*, trong đó, Cau-xky nói: "Nó (thắng lợi của Đảng dân chủ - xã hội Nga trong một tương lai rất gần) chỉ có thể là sự nghiệp của một liên minh (einer Koalition) giữa giai cấp vô sản và nông dân" ("Die soziale Revolution", von K. Kautsky. Zweite Auflage. Berlin, 1907, Seite 62¹⁾). (Vì thiếu chỗ nên chúng tôi không thể bàn về một đoạn khác mà Cau-xky đã thêm vào lần xuất bản thứ hai, về đoạn Cau-xky đánh giá những bài học của tháng Chạp 1905, một sự đánh giá khác *về căn bản* với những người men-sê-vích.)

Như vậy, chúng ta thấy rằng Plê-kha-nốp đã hoàn toàn lùi bước trước vấn đề *những nguyên tắc* của toàn bộ sách lược dân chủ - xã hội nói chung trong một cuộc cách mạng tư sản là cuộc cách mạng chỉ có thể thắng lợi với tư cách là cách mạng nông dân. Điều mà tôi đã nói ở Xtóc-khôn (tháng Tư 1906)²⁾ rằng Plê-kha-nốp đã biến chủ nghĩa men-sê-vích thành điều vô lý, do đã không tán thành nông dân nắm chính quyền trong cách mạng nông dân - điều đó đã được xác nhận hết sức rõ ràng trong sách báo sau này. Và sai lầm cơ bản đó về đường lối sách lược không thể không phản ánh vào cương lĩnh ruộng đất men-sê-vích. Như tôi đã nhiều lần trình bày ở trên, địa phương công hữu hóa ruộng đất, vô luận trên phương diện kinh tế hoặc trên phương diện chính trị, hoàn toàn không biểu hiện những

1) - C. Cau-xky. "Cách mạng xã hội", xuất bản lần thứ 2, Béc-lanh 1907, tr. 62.

2) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 434 - 435.

điều kiện cần cho thắng lợi thực sự của cách mạng nông dân, cho việc giai cấp vô sản và nông dân thực sự nắm được chính quyền. Trong lĩnh vực kinh tế, một thắng lợi như vậy không thể tương dung được với sự củng cố chế độ sở hữu ruộng đất được chia cũ; trong lĩnh vực chính trị, một thắng lợi như vậy không thể tương dung với việc chỉ dân chủ hóa các cơ quan địa phương còn chính quyền trung ương thì chưa hoàn toàn dân chủ hóa.

6. QUỐC HỮU HÓA RUỘNG ĐẤT CÓ PHẢI LÀ MỘT BIỆN PHÁP KHÁ MỀM DẸO HAY KHÔNG?

Đồng chí Giôn đã nói ở Xtốc-khôn ("Tập biên bản", tr. 111) rằng "dự án địa phương công hữu hóa ruộng đất thì dễ được chấp nhận hơn, vì mềm dẻo hơn; nó tính đến tính chất nhiều hình nhiều vẻ của các điều kiện kinh tế, nó có thể được thực hiện chính ngay trong quá trình cách mạng". Về mặt đó, nhược điểm căn bản của địa phương công hữu hóa ruộng đất, như tôi đã nói, là: sự xác nhận phần ruộng được chia là thuộc sở hữu riêng. Về mặt đó, quốc hữu hóa ruộng đất lại vô cùng mềm dẻo hơn, vì nó cho phép tổ chức, một cách tự do hơn rất nhiều, những doanh nghiệp mới trên ruộng đất "đã phá bỏ hàng rào". Ở đây, cũng cần nhắc lại vắn tắt những lý do khác kém quan trọng hơn, của Giôn.

"Sự phân chia ruộng đất, - Giôn nói, - ở một số nơi sẽ khôi phục lại những quan hệ ruộng đất cũ. Ở một số vùng, mỗi hộ sẽ có đến 200 đê-xi-a-ti-na, và như vậy, chẳng hạn ở U-ran, chúng ta sẽ tạo ra một giai cấp địa chủ mới". Một luận cứ điển hình chống lại chính ngay cái lý luận của bản thân mình! Và đại hội men-sê-vích đã dùng chính những luận cứ như vậy để giải quyết vấn đề! Chính vì địa phương công hữu hóa ruộng đất, và chỉ có nó, là phạm cái khuyết điểm mà người ta nói ở đây, vì chỉ có nó là

xác nhận các vùng được sở hữu ruộng đất. Vấn đề ở đây không phải sự phân chia là có khuyết điểm, như Giôn đã tưởng, - đồng chí ấy đã mắc một sai lầm về lô-gích đáng buồn cười - mà phạm khuyết điểm là chủ nghĩa địa phương tỉnh lẻ của những người chủ trương địa phương công hữu hóa ruộng đất. Theo cương lĩnh men-sê-vích thì ruộng đất địa phương công hữu hóa ở U-ran, dù sao vẫn sẽ là "sở hữu" của những người dân U-ran. Như vậy là sẽ tạo ra một tầng lớp dân Cô-dắc phản động mới - phản động vì những người tiểu nông có đặc quyền, có ruộng đất gấp mười lần hơn số quần chúng nông dân khác, sẽ không thể không chống lại cuộc cách mạng nông dân, không thể không bảo vệ cái đặc quyền tư hữu về ruộng đất. Do đó, chỉ còn có cách giả định rằng, chiếu theo cũng chính bản cương lĩnh đó, "nhà nước dân chủ" có thể tuyên bố hàng chục triệu đê-xi-a-ti-na rừng ở U-ran là "những rừng có ý nghĩa quốc kế dân sinh", hay là "đất để di dân" (đảng viên dân chủ - lập hiến Cau-phman cũng thừa nhận cách sử dụng như vậy những rừng ở U-ran trong phạm vi 25% diện tích rừng, tức là 21 triệu đê-xi-a-ti-na trong các tỉnh Vi-át-ca, U-pha và Péc-mơ!), và với lý do đó, biến những đất đai ấy thành "sở hữu" của mình. Đặc điểm của địa phương công hữu hóa không phải là sự mềm dẻo, mà là sự lẫn lộn, chỉ có thể thôi.

Sau nữa, chúng ta hãy xét xem việc thực hiện địa phương công hữu hóa ruộng đất ngay trong quá trình cách mạng. Ở đây, chúng ta gặp những lời đá kích những "ủy ban cách mạng nông dân" mà tôi đã đề nghị thành lập, coi đó là tổ chức đảng cấp. Chúng tôi chủ trương xóa bỏ đảng cấp - những người men-sê-vích làm ra vẻ mình theo chủ nghĩa tự do rộng rãi mà nói như vậy ở Xtốc-khôn. Thật là chủ nghĩa tự do rẻ tiền! Chỉ có điều là những người men-sê-vích ở nước ta không nghĩ rằng: muốn thi hành quyền tự quản không có đảng cấp, thì cần phải thắng đã và tước đoạt chính quyền của đảng cấp có đặc quyền mà

người ta đang chống lại. Chính "trong quá trình cuộc cách mạng", như Giôn đã nói, tức là trong quá trình đấu tranh đuổi cổ bọn địa chủ, trong quá trình "*hành động cách mạng của nông dân*" mà nghị quyết sách lược của những người men-sê-vích cũng nói đến thì chỉ có thể thành lập được những ủy ban nông dân thôi. Thực hiện quyền tự quản không có đẳng cấp là do cương lĩnh chính trị của chúng ta bảo đảm; việc đó nhất định sẽ và phải được tiến hành nhằm tổ chức *quản lý* sau khi giành được thắng lợi, khi toàn thể dân chúng buộc phải thừa nhận chế độ mới. Nếu lời bản cương lĩnh của chúng ta nói về "ủng hộ hành động cách mạng của nông dân, kể cả tịch thu ruộng đất của địa chủ" không là một câu nói suông thì cần phải nghĩ đến việc tổ chức quần chúng *nhằm thực hiện* "hành động" đó! Nhưng cương lĩnh men-sê-vích không nghĩ đến điểm đó. Nó được xây dựng sao cho có thể hoàn toàn dễ dàng biến thành một dự luật của nghị viện bên cạnh những dự luật của các đảng tư sản, là những đảng thù ghét tất cả những "hành động" (như những người dân chủ - lập hiến), hoặc nó lảng tránh, như những kẻ cơ hội chủ nghĩa, nhiệm vụ giúp đỡ một cách thường xuyên những hành động đó và tổ chức những hành động đó (như những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân). Nhưng xây dựng cương lĩnh như vậy là không xứng đáng với một đảng công nhân đang nói đến cách mạng ruộng đất nông dân, một đảng mà mục đích của nó không phải là làm yên lòng giai cấp tư sản lớn và bọn quan liêu (như những người dân chủ - lập hiến đang làm), cũng không phải làm yên lòng giai cấp tiểu tư sản (như những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân đang làm), mà chỉ là để nâng cao tính giác ngộ và tính chủ động của quảng đại quần chúng trong quá trình cuộc đấu tranh của họ chống nước Nga phong kiến.

Ít ra, các đồng chí hãy nhớ lại, dù trên những nét lớn, rất nhiều những "hành động cách mạng" của nông dân diễn

ra ở nước Nga vào mùa xuân 1905, vào mùa thu cũng năm ấy, vào mùa xuân 1906. Những hành động đó, chúng ta có hứa ủng hộ hay không? Nếu không thì cương lĩnh của chúng ta sẽ là cương lĩnh nói sai sự thực. Nếu có thì rõ ràng rằng về những hành động đó, cương lĩnh *không đưa ra* những chỉ thị cần thiết để tổ chức *những hành động đó*. Việc tổ chức những hành động như vậy, chỉ có thể thực hiện được trực tiếp tại nơi đang diễn ra đấu tranh; việc tổ chức đó chỉ có thể do quần chúng tham gia cuộc đấu tranh, trực tiếp tiến hành, tức là tổ chức đó nhất thiết phải thuộc loại các ủy ban nông dân. Với những hành động như vậy mà hy vọng lập ra được những cơ quan tự quản lớn ở các khu thì thật là nực cười. Mở rộng những ủy ban địa phương đã giành được thắng lợi, mở rộng quyền hành và ảnh hưởng của các ủy ban đó tới các làng, huyện, tỉnh, thành phố và vùng ngoại vi *và đến cả toàn quốc*, đương nhiên đó là điều đáng mong muốn và cần thiết. Không thể phản đối được việc cương lĩnh chỉ ra sự cần thiết phải mở rộng như vậy, nhưng khi đó, tuyệt đối không được chỉ mở rộng đến tỉnh, mà phải mở rộng tới chính quyền trung ương kia. Đó là điểm thứ nhất. Thứ hai là, khi đó không nên nói *những cơ quan tự quản*, vì từ đó chúng tỏ *sự lệ thuộc* của các cơ quan chỉ đạo vào *chế độ* của nhà nước. "Cơ quan tự quản" hoạt động theo những luật lệ do chính quyền trung ương đề ra, và trong giới hạn do chính quyền này quy định. Những tổ chức của quần chúng đang đấu tranh mà chúng ta nói ở đây, phải hoàn toàn độc lập đối với tất cả những cơ quan của chính quyền cũ, những tổ chức đó phải đấu tranh cho một chế độ mới của nhà nước, phải trở thành công cụ cho nền chuyên chính nhân dân (hoặc chuyên chế nhân dân) và thành phương tiện để bảo vệ nền chuyên chính này.

Nói tóm lại, về phương diện "bản thân quá trình cách mạng" mà xét thì cương lĩnh men-sê-vích chưa hoàn toàn

đáp ứng được về mọi mặt, vì nó phản ánh sự mơ hồ của những quan niệm men-sê-vích trong vấn đề chính quyền lâm thời, v. v..

7. ĐỊA PHƯƠNG CÔNG HỮU HÓA RUỘNG ĐẤT VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI THỊ CHÍNHH

Chính bản thân những người men-sê-vích, mà cương lĩnh ruộng đất của họ đã được thông qua ở Xtốc-khôn, đã coi hai từ ngữ đó là như nhau. Chỉ cần nêu tên hai đảng viên men-sê-vích có tầm tiếng là Cô-xtơ-rốp và La-rin, cũng đủ rõ. Cô-xtơ-rốp nói tại Xtốc-khôn: "Một số đồng chí dường như mới nghe nói lần đầu tiên đến chế độ địa phương sở hữu. Tôi xin nhắc các đồng chí đó rằng, ở Tây Âu có cả một xu hướng" (!chính như vậy!), "tức "chủ nghĩa xã hội thị chínhh" (nước Anh), chủ trương mở rộng sở hữu của các thị chínhh thành phố và nông thôn, và cũng đã được các đồng chí chúng ta ủng hộ. Nhiều thị chínhh có những bất động sản, và điều đó không trái với cương lĩnh của chúng ta. Hiện nay, chúng ta có khả năng tìm kiếm được (!) cho các thị chínhh, không phải mất tiền (!), những bất động sản, và chúng ta phải lợi dụng những bất động sản đó. Đương nhiên, những đất đai tịch thu phải được địa phương công hữu hóa" (tr. 88).

Quan điểm ngây thơ về "khả năng tìm kiếm được những tài sản không phải mất tiền" đã được trình bày một cách tuyệt diệu ở đây. Nhưng khi nêu ví dụ về chủ nghĩa xã hội thị chínhh như là một khuynh hướng riêng và chủ yếu của nước Anh, diễn giả đã không nghĩ rằng tại sao đó là một khuynh hướng của chủ nghĩa cơ hội cực đoan? Tại sao Ăng-ghen, khi nhận định chủ nghĩa cơ hội trí thức cực đoan đó của phái Pha-biêng Anh trong những thư của ông gửi cho Doóc-ghê, đã nhấn mạnh đến bản chất tiểu tư sản của những nguyện vọng "địa phương công hữu hóa" của họ?¹²⁰.

Nhất trí với Cô-xtơ-rốp, La-rin viết trong bài bình luận của ông về cương lĩnh men-sê-vích: "Có lẽ, trong một số địa phương, cơ quan tự quản nhân dân địa phương có thể quản lý lấy những doanh nghiệp lớn đó dựa vào ngân sách của bản thân, cũng như, chẳng hạn, những Đu-ma thành phố có những xe chở khách hoặc những lò sát sinh của mình; khi đó toàn bộ (!) tiền lãi sẽ thuộc quyền sử dụng của toàn thể (!) nhân dân"*, - chứ không thuộc quyền sử dụng của giai cấp tư sản địa phương, như thế à, La-rin thân mến?

Những ảo tưởng tiểu tư sản của các yêng hùng tiểu tư sản của chủ nghĩa xã hội thị chínhh ở Tây Âu đã lập tức biểu hiện ra. Sự thống trị của giai cấp tư sản bị lãng quên; và cũng lãng quên cả cái điều là chỉ có ở các thành phố mà dân *vô sản* chiếm một tỷ lệ lớn thì người ta mới có thể vớt vát cho những người lao động được một mẩu cón con lấy của cơ quan quản lý địa phương! Nhưng đó là nhân tiện mà nói qua thôi. Sự giả dối chủ yếu trong cái khái niệm "xã hội chủ nghĩa thị chínhh" về chủ trương địa phương công hữu hóa ruộng đất là như sau.

Những người trí thức tư sản phương Tây, giống như phái Pha-biêng Anh, xây dựng chủ nghĩa xã hội thị chínhh thành một "khuynh hướng" đặc biệt, chính là vì họ mơ ước hòa bình xã hội, điều hòa giai cấp và muốn làm cho quần chúng không chú ý đến những vấn đề cơ bản của toàn bộ chế độ kinh tế và của toàn bộ *chế độ* nhà nước mà chú ý đến những vấn đề nhỏ nhặt về *chế độ cơ quan* tự quản địa phương. Trong lĩnh vực những vấn đề thuộc loại thứ nhất, những mâu thuẫn giai cấp là những mâu thuẫn gay gắt nhất; như chúng tôi đã chỉ rõ, chính lĩnh vực đó đã đụng chạm đến chính ngay những cơ sở của sự thống trị của giai cấp tư sản với tư cách là giai cấp. Vì vậy cho

* "Vấn đề nông dân và Đảng dân chủ - xã hội", tr. 66.

nên, chính trong lĩnh vực đó mà hy vọng không tưởng tiểu tư sản và phản động muốn thiết lập chủ nghĩa xã hội một cách cục bộ lại đặc biệt không thực hiện được. Sự chú ý nhằm vào những vấn đề vụn vặt địa phương, không nhằm vào sự thống trị của giai cấp tư sản với tư cách là giai cấp, cũng không nhằm vào những công cụ chủ yếu của sự thống trị đó mà lại nhằm vào vấn đề phân phối những *mẩu nhỏ* mà giai cấp tư sản giàu có vớt ra để đáp ứng những *"nhu cầu của nhân dân"*. Rõ ràng là nếu tách riêng những vấn đề như vấn đề chi tiêu những món tiền không đáng kể (so với tổng số giá trị thặng dư và những món chi của nhà nước do giai cấp tư sản bỏ ra), những món tiền mà *chính ngay giai cấp tư sản cũng đồng ý* dành cho y tế nhân dân (trong "Về vấn đề nhà ở", Ăng-ghe-n đã nói rằng những bệnh dịch truyền nhiễm trong các thành phố làm cho chính bản thân giai cấp tư sản phải khiếp sợ¹²¹), dành cho nền giáo dục quốc dân (giai cấp tư sản cần có những công nhân lành nghề có khả năng thích ứng với trình độ cao của kỹ thuật chứ!) v. v., thì trong lĩnh vực những vấn đề *nhỏ nhất đó*, cũng rõ ràng là có thể nói ba hoa về "hòa bình xã hội", về nguy hại của đấu tranh giai cấp, v. v.. Ở đây có thể nói đến cuộc đấu tranh giai cấp nào, nếu bản thân giai cấp tư sản chỉ những món tiền cho những "nhu cầu của nhân dân", cho y học, cho giáo dục? Nếu thông qua những cơ quan tự quản địa phương, người ta có thể từng tí một và dần dần mở rộng "sở hữu tập thể", "xã hội hóa" nền sản xuất: những xe chở khách, những lò sát sinh mà I-u. La-rin đáng kính đã nêu ra thật đúng lúc, – thì còn cần đến cuộc cách mạng xã hội để làm gì?

Tính chất cơ hội chủ nghĩa tiểu tư sản của "khuy nh hướng" đó là ở chỗ người ta quên mất *cái phạm vi nhỏ hẹp* của cái gọi là "chủ nghĩa xã hội thị chính" (trên thực tế đó là chủ nghĩa tư bản thị chính, như những người

dân chủ - xã hội Anh đã nói rất đúng để phản đối phái Pha-biêng). Người ta quên rằng chừng nào giai cấp tư sản còn thống trị với tư cách là giai cấp thì nó không thể cho phép đụng chạm, dù cho có đứng trên quan điểm "thị chính" đi nữa, đến *những cơ sở* hiện tại của sự thống trị của nó; rằng nếu giai cấp tư sản cho phép, dung túng "chủ nghĩa xã hội thị chính", thì chính là vi chủ nghĩa xã hội ấy không đụng đến *những cơ sở* của sự thống trị của giai cấp tư sản, không đụng đến những nguồn *quan trọng* của sự giàu có của nó mà chỉ ở trong lĩnh vực địa phương nhỏ hẹp của các món chi tiêu mà bản thân giai cấp tư sản *đề ra* cho "nhân dân" sử dụng. Chỉ cần biết chút ít về "chủ nghĩa xã hội thị chính" ở phương Tây là hiểu được rằng mọi mưu toan của những thị chính *xã hội chủ nghĩa* nhằm vượt qua, dù là rất ít, cách thức quản lý thường lệ, tức là cách thức quản lý nhỏ nhặt, nhỏ mọn, không có những cải thiện *đáng kể* cho công nhân, mọi mưu toan nhằm đụng chạm một chút đến *tư bản* – đều luôn luôn và tuyệt đối gây ra cái veto¹⁾ kiên quyết của chính quyền trung ương của nhà nước tư sản.

Và phái địa phương công hữu hóa ở ta đã bám lấy chính cái sai lầm cơ bản đó, cái chủ nghĩa cơ hội tiểu tư sản đó của những người Pha-biêng ở Tây Âu, của phái khả năng và của phái Béc-stanh.

"Chủ nghĩa xã hội thị chính" là chủ nghĩa xã hội trong những vấn đề *quản lý địa phương*. Cái gì vượt quá khuôn khổ những lợi ích *địa phương*, những chức năng *quản lý* nhà nước, tức là tất cả những gì đụng chạm đến nguồn gốc cơ bản về thu nhập của giai cấp nắm chính quyền và đến những công cụ cơ bản đảm bảo sự thống trị của các giai cấp đó, tất cả những gì đụng chạm không phải đến chức năng quản lý của nhà nước mà đến *chế độ* của nhà

1) – sự phủ quyết

nước, thì *cũng do đó* mà đã vượt quá phạm vi của "chủ nghĩa xã hội thị chính". Nhưng những người thông minh ở nước ta lại bỏ qua vấn đề hắc búa về ruộng đất, vấn đề đụng chạm đến lợi ích của cả nước và đụng một cách trực tiếp nhất đến lợi ích sống còn của các giai cấp nắm chính quyền, bằng cách *xếp* vấn đề đó vào hàng "những vấn đề quản lý địa phương"! Ở phương Tây, người ta địa phương công hữu hóa các xe chở khách và các lò sát sinh, – tại sao chúng ta lại không địa phương công hữu hóa nữa tốt nhất trong toàn bộ ruộng đất? – anh chàng trí thức Nga lập luận như vậy. Điều đó cũng có thể thích dụng trong trường hợp có sự phục tích lẫn trong trường hợp chính quyền trung ương chưa hoàn toàn được dân chủ hóa!

Thế là để ra một chủ nghĩa xã hội nông nghiệp trong cuộc cách mạng tư sản, một chủ nghĩa xã hội không có gì tiểu tư sản bằng, nó muốn *giảm bớt* cuộc đấu tranh giai cấp trong những vấn đề *gay gắt* bằng cách *xếp* các vấn đề này vào loại những vấn đề nhỏ nhất, chỉ thuộc phạm vi quản lý địa phương. Trên thực tế, vấn đề kinh doanh trên nửa ruộng đất tốt nhất không thể là một vấn đề địa phương, cũng không thể là một vấn đề quản lý. Đó là một vấn đề liên quan đến lợi ích của cả nước, vấn đề liên quan đến tổ chức không những của nhà nước địa chủ mà cả của nhà nước tư sản nữa. Và như nhân dân bằng cái tư tưởng cho rằng trước khi thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, có thể phát triển "chủ nghĩa xã hội thị chính" trong nông nghiệp, – như vậy là điều mỉa mai hết sức không thể tha thứ được. Chủ nghĩa Mác cho phép có thể đưa vấn đề quốc hữu hóa vào cương lĩnh của cách mạng tư sản, vì quốc hữu hóa là một biện pháp tư sản, vì địa tô tuyệt đối cản trở sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, và chế độ tư hữu về ruộng đất cản trở chủ nghĩa tư bản. Nhưng có sửa lại chủ nghĩa Mác thành chủ nghĩa cơ hội trí

thức Pha-biêng thì mới có thể đưa vấn đề địa phương công hữu hóa các điền trang lớn vào cương lĩnh của cách mạng tư sản được.

Chính ở đây, chúng ta thấy sự khác nhau giữa những phương pháp tiểu tư sản và phương pháp vô sản trong cách mạng tư sản. Giai cấp tiểu tư sản, thậm chí là giai cấp cấp tiến nhất, – kể cả Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng ở nước ta, – không dự kiến trước cuộc đấu tranh giai cấp *sau* cách mạng tư sản, mà dự kiến sự thịnh vượng chung và thái bình vô sự. Cho nên nó "xây dựng tổ ấm của nó" trước, đưa những kế hoạch cải cách tiểu tư sản của nó vào cách mạng tư sản, nói đến mọi thứ "tiêu chuẩn" sở hữu ruộng đất, nói đến "điều chỉnh" sở hữu ruộng đất, củng cố nguyên tắc lao động và nền kinh doanh nhỏ v. v.. Phương pháp tiểu tư sản là phương pháp xây dựng những quan hệ cho một nền hòa bình xã hội hết sức rộng rãi. Phương pháp vô sản *chỉ* nhằm quét sạch tất cả những gì có tính chất trung cổ, dọn đường cho *cuộc đấu tranh giai cấp*. Vì vậy, đối với mọi "tiêu chuẩn" sở hữu ruộng đất, người vô sản có thể để cho những nghiệp chủ nhỏ quyền thảo luận: điều mà người vô sản quan tâm, chỉ là xóa bỏ những đại điền trang địa chủ, chỉ là xóa bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất, coi đó là trở ngại *cuối cùng* cho cuộc đấu tranh giai cấp trong nông nghiệp. Trong cách mạng tư sản, điều làm cho chúng ta chú ý không phải là những cải cách tiểu tư sản, cũng không phải là cái "tổ ấm" sau này của những nghiệp chủ nhỏ an phận, – mà là những điều kiện của cuộc đấu tranh vô sản chống mọi tâm lý cầu an tiểu tư sản trên lập trường tư sản.

Chính cái tinh thần phản vô sản đó đã được chủ trương địa phương công hữu hóa đem vào cương lĩnh cách mạng *tư sản* về ruộng đất, vì ngược lại cái ý kiến hết sức sai lầm của những người men-sê-vich, chủ trương đó không mở rộng và không làm gay gắt thêm cuộc đấu tranh giai cấp,

mà chỉ làm giảm sự gay gắt của cuộc đấu tranh đó thôi. Nó làm giảm sự gay gắt của cuộc đấu tranh đó vì nó thừa nhận dân chủ hóa địa phương trong khi trung ương chưa hoàn toàn dân chủ hóa. Nó còn làm giảm sự gay gắt của cuộc đấu tranh đó bằng tư tưởng về một "chủ nghĩa xã hội thị chính", vì trong xã hội tư sản, chủ nghĩa xã hội này *chỉ có thể có được khi tách khỏi* con đường lớn của cuộc đấu tranh, và chỉ có thể có được trong những vấn đề địa phương, nhỏ nhặt, không quan trọng, mà *thậm chí* giai cấp tư sản có thể nhượng bộ, chấp nhận sự hòa giải nhưng không mất khả năng giữ vững sự thống trị của nó với tư cách là một giai cấp.

Giai cấp công nhân phải đưa ra cho xã hội tư sản một cương lĩnh thuần túy nhất, triệt để nhất, kiên quyết nhất của một cuộc cách mạng tư sản, bao gồm cả quốc hữu hóa tư sản về ruộng đất. Giai cấp vô sản coi khinh những cải cách tiểu tư sản trong cách mạng tư sản: điều mà chúng ta quan tâm là tự do tiến hành đấu tranh chứ không phải tự do hưởng thụ hạnh phúc tiểu tư sản.

Chủ nghĩa cơ hội của những người trí thức trong đảng công nhân tất nhiên là theo một đường lối khác. Họ chú ý không phải đến một cương lĩnh cách mạng rộng rãi của một cuộc cách mạng tư sản, mà đến một điều không tưởng tiểu tư sản: bảo vệ chủ trương dân chủ hóa địa phương trong điều kiện trung ương chưa được dân chủ hóa, đảm bảo cho những cải cách nhỏ một góc nhỏ của nền kinh tế địa phương công hữu đứng ngoài những "sự náo động" lớn, tránh những vụ xung đột cực kỳ gay gắt về ruộng đất, theo cách của những người bài Do-thái, tức là bằng cách xếp một vấn đề lớn có tính chất toàn quốc vào lĩnh vực những vấn đề nhỏ có tính chất địa phương.

8. VÀI VÍ DỤ VỀ SỰ LẤN LỘN DO ĐỊA PHƯƠNG CÔNG HỮU HÓA GÂY NÊN

Cương lĩnh của "phái địa phương công hữu hóa" đã gieo vào đầu óc những người dân chủ - xã hội sự lẫn lộn như thế nào, nó đã đưa những người tuyên truyền và cổ động lâm vào tình trạng bất lực như thế nào – những sự thật sau đây sẽ xác nhận.

Không còn nghi ngờ gì nữa, I-u. La-rin là một trong những người nổi tiếng và được nhiều người biết đến trong giới trước tác men-sê-vích. Ở Xtốc-khôn, theo các biên bản thì người ta thấy La-rin đã tham gia rất tích cực vào việc thông qua cương lĩnh. Cuốn sách nhỏ của La-rin "Vấn đề nông dân và Đảng dân chủ - xã hội", thuộc loại sách "Thế giới mới", là một cuốn chú giải gần như chính thức về cương lĩnh men-sê-vích. Và đây là những lời chú giải của ông ta. Những trang cuối cuốn sách đó là dành để tổng kết cuộc tranh luận về cải cách ruộng đất. Tác giả dự kiến là những cải cách đó có thể có ba kết cục: 1) những lô đất bỏ sung chia cho nông dân làm tài sản tư hữu, với điều kiện trả tiền, – là "kết cục ít có lợi nhất cho giai cấp công nhân, cho những tầng lớp dưới trong nông dân và cho toàn bộ sự phát triển của nền kinh tế quốc dân" (103). Kết cục thứ hai là tốt hơn hết, và kết cục thứ ba, tuy rằng không có khả năng xảy ra, đó là "việc công bố bằng văn bản quyền sử dụng ruộng đất bình quân bắt buộc". Xem thế thì chúng ta có quyền mong rằng, theo ý kiến của cái con người tán thành cương lĩnh phái địa phương công hữu hóa, kết cục thứ hai phải là thực hiện địa phương công hữu hóa ruộng đất chăng? Không phải thế. Chúng ta hãy nghe đây:

"Có thể là tất cả những ruộng đất tịch thu *hoặc thậm chí tất cả những ruộng đất nói chung* sẽ được tuyên bố là *sở hữu chung của nhà nước* và đặt dưới quyền chi phối của cơ quan tự quản địa phương để đem chia *không* (??) cho tất cả những người thực sự kinh doanh trên những ruộng đất ấy sử dụng, dĩ nhiên là không bắt buộc thực

hiện trong toàn nước Nga chế độ sử dụng binh quân và không cấm lao động làm thuê. Như chúng ta đã thấy, giải quyết vấn đề như vậy thì đảm bảo tốt nhất cho những lợi ích trực tiếp của giai cấp vô sản, cũng như những lợi ích chung của phong trào xã hội chủ nghĩa và cho một năng suất lao động cao hơn, – tức là cho cái vấn đề cơ bản trong đời sống của nước Nga. Vì vậy, những người dân chủ - xã hội phải bảo vệ và thực hành cải cách ruộng đất (?) đúng theo tính chất đó. Cải cách ruộng đất sẽ được thực hiện, khi trong cuộc cách mạng đạt tới mức phát triển cao nhất, những thành phần tự giác của sự phát triển xã hội đã mạnh lên" (tr. 103. Những chữ viết ngả là do chúng tôi nhấn mạnh).

Nếu I-u. La-rin và những người men-sê-vích khác nghĩ rằng nói như vậy là trình bày cương lĩnh địa phương công hữu hóa ruộng đất thì đó là sai lầm có tính chất bi hài kịch. Chuyển *tất cả* ruộng đất thành sở hữu của nhà nước, như vậy là *quốc hữu hóa ruộng đất*, và chi phối những ruộng đất đó thì ngoài các cơ quan tự quản địa phương hoạt động trong phạm vi luật lệ chung của nhà nước ra thì còn có thể có ai vào đấy nữa. Với một cương lĩnh như thế – đương nhiên đó không phải là một cương lĩnh "cải cách" mà là một cương lĩnh cách mạng, – tôi xin ký cả hai tay, trừ điểm nói về việc chia "không" cho ngay cả những nghiệp chủ dùng lao động làm thuê. Thay mặt cho xã hội tư sản mà hứa hẹn như vậy – điều đó xứng đáng với một người theo chủ nghĩa bài Do-thái hơn là với một người dân chủ - xã hội. Một người mác-xít không thể giả định rằng có thể có một kết cục như thế trong khuôn khổ sự phát triển tư bản chủ nghĩa, – và cũng không có lý do để mong muốn việc chuyển giao địa tô cho những người phéc-mi-ê tư bản chủ nghĩa. Nhưng trừ điểm ấy ra, cái điểm mà hoàn toàn có thể cho là tác giả lỡ lời nói sai thì điều chắc chắn là trong một cuốn sách phổ thông của những người men-sê-vích, chủ trương *quốc hữu hóa ruộng đất* được thuyết trình như là một kết cục hay nhất của sự phát triển cao nhất của cách mạng.

Về vấn đề xem phải xử lý những ruộng đất tư như thế nào thì cũng vẫn cái ông La-rin ấy viết như sau:

"Còn đối với những ruộng đất tư hữu thuộc những đại điền trang tư bản chủ nghĩa có sản lượng cao, thì những người dân chủ - xã hội hiểu việc tịch thu chúng tuyệt nhiên không phải là để chia cho những nghiệp chủ nhỏ. Trong khi sản lượng trung bình của một doanh nghiệp nông dân nhỏ trên ruộng đất tư hay ruộng đất lĩnh canh, không đạt tới 30 pút một đê-xi-a-ti-na, thì sản lượng trung bình của một doanh nghiệp nông nghiệp tư bản chủ nghĩa ở Nga lại vượt quá 50 pút" (64).

Nói như vậy, La-rin thực tế đã vứt bỏ cái tư tưởng cách mạng ruộng đất *nông dân*, vì những con số về sản lượng trung bình của La-rin là thuộc về *toàn bộ* những ruộng đất địa chủ. Nếu người ta không cho rằng năng suất lao động trong doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ đã thoát khỏi chế độ nông nô có thể được nâng lên cao hơn và nhanh hơn, thì lúc đó nói chung, toàn bộ "sự ủng hộ những hành động cách mạng của nông dân, kể cả việc tịch thu ruộng đất của địa chủ" là không có ý nghĩa. Và sau nữa, La-rin còn quên rằng về vấn đề xét xem "những người dân chủ - xã hội hiểu việc tịch thu những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa để làm gì", thì Đại hội Xtóc-khôn có ra một nghị quyết rồi.

Chính đồng chí Xtơ-ru-mi-lin đã đưa ra đoạn bổ sung tại Đại hội Xtóc-khôn, yêu cầu thêm vào sau những chữ: phát triển kinh tế (trong bản nghị quyết) đoạn "vì vậy đòi hỏi rằng những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn bị tịch thu phải tiếp tục được kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa vì lợi ích của toàn dân và theo những điều kiện có thể bảo đảm tốt nhất cho những nhu cầu của giai cấp vô sản nông nghiệp" (tr. 157). Đoạn bổ sung này đã bị *toàn thể* bác bỏ *trừ một phiếu* (như trên).

Nhưng bất chấp nghị quyết của đại hội, người ta vẫn cứ tuyên truyền trong quần chúng! Chủ trương địa phương công hữu hóa ruộng đất, do chỗ chế độ tư hữu những phần ruộng đất được chia vẫn được duy trì, nên là một

vấn đề quá tắc rối đến nỗi những lời chú giải cương lĩnh đã vô tình khác với nghị quyết của đại hội.

C. Cau-xky, người luôn luôn được viện đến một cách hết sức không đúng để bênh vực cương lĩnh này hay cương lĩnh khác (một cách không đúng vì Cau-xky cương quyết từ chối không phát biểu rõ ràng về vấn đề đó, và chỉ giải thích một vài sự thật có tính chất chung), Cau-xky, – người được nhắc đến đúng là để làm trò cười, thậm chí để bảo vệ chủ trương địa phương công hữu hóa ruộng đất, – hóa ra đã viết cho M. Sa-nin vào tháng Tư 1906 như sau:

"Có lẽ tôi đã hiểu chủ trương địa phương công hữu hóa ruộng đất khác với anh và có thể khác với Ma-xlốp. Tôi đã hiểu như thế này: những địa sản lớn sẽ bị tịch thu và, cả về sau này nữa, việc kinh doanh trên ruộng đất đó sẽ được tiến hành quy mô lớn bởi những công xã (!) hay bởi những tổ chức rộng lớn hơn, hoặc là ruộng đất sẽ được phát canh cho những hội sản xuất. Tôi không biết điều đó có thể thực hiện được ở nước Nga không, tôi cũng không biết nông dân sẽ chấp nhận điều đó không. Tôi không nói rằng chúng ta phải yêu cầu như vậy nhưng tôi chỉ nghĩ rằng *nếu* những người khác yêu cầu thì chúng ta rất có thể chấp nhận. Đó sẽ là một cuộc thí nghiệm thích thú".*

Có lẽ những đoạn trích dẫn trên cũng đã đủ để chứng

* M. Sa-nin. "Địa phương công hữu hóa ruộng đất hay là sự phân chia làm của tư hữu". Vin-na, 1907, tr. 4. M. Sa-nin phát biểu rất đúng một điều nghi ngờ về vấn đề xét có thể xếp Cau-xky vào loại những người chủ trương địa phương công hữu hóa ruộng đất không, và lên tiếng phản đối lời quảng cáo của những người men-sê-vích (trong tờ "Sự thật"¹²² men-sê-vích năm 1906) về Cau-xky. Trong thư của mình được Ma-xlốp công bố, Cau-xky nói rõ rằng: "Chúng ta có thể để cho nông dân quyền quyết định *những hình thức* sở hữu những địa sản tịch thu của những người chiếm hữu nhiều ruộng đất. Tôi coi là một điều sai lầm nếu muốn ép họ phải chịu bất cứ cái gì về phương diện đó" (tr. 16. "Về vấn đề cương lĩnh ruộng đất". Ma-xlốp và Cau-xky. Nhà xuất bản "Thế giới mới", Mát-xcơ-va, 1906). Lời tuyên bố hoàn toàn rõ ràng đó của Cau-xky chính đã gạt bỏ chủ trương địa phương công hữu hóa ruộng đất mà những người men-sê-vích *muốn gán ghép* cho nông dân.

minh rằng những người đã hoàn toàn đồng tình hoặc đang đồng tình với cương lĩnh Xtốc-khôn, lại dùng những lời giải thích của mình để *thủ tiêu* cương lĩnh đó như thế nào. Điều sai lầm ở đây là sự lẫn lộn không thể tưởng tượng được của một cương lĩnh, về mặt lý luận thì gắn liền với sự phủ nhận học thuyết của Mác về địa tô, trên thực tế, thì thích ứng với trạng huống "trung gian" không thể có được của việc dân chủ hóa địa phương trong điều kiện chính quyền trung ương chưa được dân chủ hóa, và về mặt kinh tế, thì có nghĩa là đưa những cải cách tiểu tư sản, giả danh xã hội chủ nghĩa, vào cương lĩnh cách mạng tư sản.

CHƯƠNG V

CÁC GIAI CẤP VÀ CÁC CHÍNH ĐẢNG TRONG NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN TRONG ĐU-MA II VỀ VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT

Chúng tôi cho rằng không phải là không bổ ích khi đề cập theo một khía cạnh khác, đến cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân trong cách mạng tư sản Nga. Sự phân tích những điều kiện kinh tế của cách mạng và những lý do chính trị biện hộ cho cương lĩnh này hay cương lĩnh khác, phải được bổ sung bằng một bức tranh về cuộc đấu tranh giữa các giai cấp và các chính đảng, một bức tranh bao quát được, trong mức độ có thể, tất cả mọi lợi ích trong sự đối chiếu trực tiếp những lợi ích đó với nhau. Chỉ có bức tranh như thế mới có thể cho ta có được một khái niệm về *toàn bộ* hiện tượng được xét đến (cuộc đấu tranh giành ruộng đất trong cách mạng Nga), đồng thời gạt bỏ tính chất phiến diện và ngẫu nhiên của một số nhận xét, và kiểm nghiệm những kết luận lý luận bằng thực giác thực tế của chính những người hữu quan. Với tư cách là cá nhân riêng rẽ, bất cứ đại biểu nào của các chính đảng và

của các giai cấp đều có thể nhầm lẫn, nhưng khi họ phát biểu trên vũ đài công chúng trước toàn thể quần chúng, thì những sai lầm cá nhân nhất định sẽ được sửa chữa bởi những nhóm hoặc những giai cấp hữu quan quan tâm đến cuộc đấu tranh. Các giai cấp không nhầm lẫn: nói chung, các giai cấp quy định những lợi ích và những nhiệm vụ chính trị của mình một cách phù hợp với các điều kiện đấu tranh và với các điều kiện phát triển của xã hội.

Muốn vẽ lên bức tranh đó, chúng ta có những tài liệu rất tốt là những báo cáo ghi tốc ký của hai Đu-ma. Chúng ta lấy Đu-ma II, vì không nghi ngờ gì nữa, Đu-ma này phản ánh, một cách đầy đủ nhất và chín chắn nhất, cuộc đấu tranh giai cấp trong cách mạng Nga: không một chính đảng có ảnh hưởng nào đã tẩy chay cuộc bầu cử Đu-ma II. Trong Đu-ma II, những đại biểu đã tập hợp lại một cách rõ rệt hơn theo xu hướng chính trị, những đảng đoàn trong Đu-ma thì cố kết hơn và gắn chặt hơn với các chính đảng của họ. Kinh nghiệm của Đu-ma I cũng đã cung cấp không ít tài liệu giúp cho tất cả các đảng xác định một cách có cân nhắc cẩn thận hơn đường lối của mình. Vì tất cả những lý do đó nên chọn Đu-ma II là tốt hơn. Chúng tôi sẽ viện dẫn những cuộc tranh luận trong Đu-ma I chỉ là để bổ sung hoặc giải thích những lời tuyên bố trong Đu-ma II.

Để cho bức tranh về đấu tranh giữa các giai cấp và các chính đảng trong các cuộc tranh luận tại Đu-ma II được đầy đủ hơn và chính xác hơn, thì cần xem xét từng đảng đoàn lớn và có một mặt riêng trong Đu-ma, và cần phải xác định đặc điểm của những đảng đoàn đó bằng những đoạn rút ra từ những lời phát biểu chủ yếu về những điểm cơ bản trong vấn đề ruộng đất. Còn những diễn giả thứ yếu thì không thể và cũng không cần nhắc đến tất cả, và chúng tôi sẽ chỉ nêu lên những người đã đóng góp một cái gì mới hoặc đã làm sáng tỏ một mặt nào đó của vấn đề một cách đáng được chú ý.

Những nhóm chủ yếu của các đại biểu trong Đu-ma đã nổi bật lên rõ rệt trong quá trình các cuộc tranh luận về ruộng đất, là những nhóm sau đây: 1) phái hữu và những đảng viên tháng Mười, – như chúng ta sẽ thấy, sự khác nhau giữa những người này trong Đu-ma II không biểu hiện rõ rệt lắm; 2) những người dân chủ - lập hiến; 3) những nông dân phái hữu và những nông dân thuộc phái tháng Mười, – như chúng ta sẽ thấy, họ còn tả hơn là những người dân chủ - lập hiến; 4) những nông dân không đảng phái; 5) phái dân túy hoặc những người trí thức thuộc phái lao động, những người này thì hơi hữu hơn so với 6) những nông dân thuộc phái lao động; sau đó 7) những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng; 8) những "đại biểu dân tộc" đại diện cho các dân tộc không phải Nga, và 9) những đảng viên dân chủ - xã hội. Còn lập trường của chính phủ, chúng tôi sẽ nêu rõ khi nói đến cái nhóm trong Đu-ma mà thực chất của quan điểm là giống với chính phủ.

1. PHÁI HỮU VÀ NHỮNG ĐẢNG VIÊN THÁNG MƯỜI

Không còn nghi ngờ gì nữa, lập trường của phái hữu về vấn đề ruộng đất đã được bá tước Bô-brin-xki phát biểu rõ rệt nhất trong bài diễn văn của ông ngày 29 tháng Ba 1907 (phiên họp thứ 18 của Đu-ma II). Sau khi tranh luận với linh mục Ti-khvin-xki thuộc phái tả, về kinh thánh và những lời dạy trong kinh thánh rằng phải tuân theo những nhà cầm quyền, và sau khi nêu ra "một trang thuần khiết nhất, rạng rỡ nhất trong lịch sử nước Nga" (1289)*, tức là sự giải phóng nông dân (chúng tôi sẽ trở lại nói riêng về vấn đề này ở phần sau), bá tước đề cập "một cách không úp mở gì" đến vấn đề ruộng đất. "Khoảng 100 - 150

* Những chữ số sau này không kèm theo những dấu chỉ dẫn đều chỉ những trang trong báo cáo ghi tốc ký.

năm về trước, hầu như ở khắp Tây Âu, nông dân sống cũng nghèo khổ, cũng bị đè nén và đốt nát như hiện nay ở nước ta. Cũng vẫn công xã như ở nước Nga chúng ta với sự phân chia lại theo đầu người, cái tàn tích điển hình đó của chế độ phong kiến" (1293). Hiện nay, diễn giả nói tiếp, nông dân Tây Âu sống khá giả. Người ta tự hỏi: vậy thì điều kỳ diệu nào đã làm cho "người nông dân nghèo khổ và bị đè nén trở thành một công dân khá giả, biết tự trọng và tôn trọng người khác, có ích"? "Ở đây, chỉ có một lời giải đáp duy nhất: điều kỳ diệu đó là do cái tài sản tư hữu của nông dân mà ra, cái tài sản mà ở đây đã bị phá vỡ ghét bỏ đến như thế, cái tài sản mà những người phá vỡ chúng tôi sẽ mang tất cả sức mạnh của trí tuệ chúng tôi, tất cả sức mạnh của lòng tin thành thực của chúng tôi ra để bênh vực, vì chúng tôi biết rằng sức mạnh và tương lai của nước Nga là ở chính cái tài sản đó" (1294). "Từ giữa thế kỷ trước, hóa học nông nghiệp đã có những... phát minh đáng kinh ngạc trong lĩnh vực nuôi bón cây trồng, và những nông dân ở nước ngoài – những người sở hữu nhỏ cũng ngang như (?) những người sở hữu lớn, – đều đã biết sử dụng những phát minh ấy của khoa học và đã thu hoạch được nhiều hơn nhờ sử dụng phân hóa học. Và hiện nay, trong khi chúng ta thu hoạch từ 30 đến 35 pút hạt trên thứ đất đen tuyệt diệu của chúng ta, và đôi khi thậm chí chúng ta không lấy lại được hạt giống nữa, thì ở nước ngoài, năm này qua năm khác, người ta thu hoạch được trung bình từ 70 đến 120 pút tùy theo từng nước và tùy theo những điều kiện khí hậu. Và đó là cách giải quyết vấn đề ruộng đất. Đó không phải là một ước mơ, không phải là một ảo tưởng. Đó là một ví dụ lịch sử mang lại cho ta nhiều bài học bổ ích. Và người nông dân Nga sẽ không theo vết chân của Pu-ga-tsep và của Xtê-pan Ra-din mà hô to: "Bọn ngớ ngẩn hãy đi về phía mũi tàu!" (thôi, xin bá tước chớ nên quả quyết như

vậy!), "họ sẽ theo con đường duy nhất đúng mà tất cả những dân tộc văn minh đã đi theo, con đường của những người láng giềng Tây Âu của họ, và cuối cùng, con đường của những người anh em Ba-lan của chúng ta, con đường của những nông dân miền Tây nước Nga, là những người đã hiểu tất cả tính chất tai hại của chế độ sở hữu những mảnh đất xen kẽ dù là của công xã hay của từng hộ, và ở một số nơi họ đã bắt đầu lập những trại ấp" (1296). Bá tước Bô-brin-xki nói tiếp, và nói rất đúng rằng "con đường đó đã được vạch ra năm 1861 khi nông dân được giải phóng khỏi sự lệ thuộc nông nô". Bá tước khuyên không nên tiếc chi "hàng chục triệu" để "tạo nên một giai cấp những nông dân tư hữu khá giả". Sau đó, ông nói: "thưa các ngài, đó là những nét đại thể trong cương lĩnh ruộng đất của chúng tôi. Đây không phải là những lời hứa hẹn trước bầu cử, cũng không phải là tuyên truyền. Đây không phải là cương lĩnh nhằm xóa bỏ những quy tắc xã hội và pháp lý hiện hành" (đó là cương lĩnh muốn dùng bạo lực làm chết hàng triệu nông dân), "đó không phải là một cương lĩnh có những điều tưởng tượng hào huyền nguy hiểm, mà là một cương lĩnh hoàn toàn có thể thực hiện được" (đó còn là một vấn đề) "và đã được thử thách" (quả là đúng). "Và đã đến lúc phải vứt bỏ cái mộng tưởng về tính chất độc đáo kinh tế nào đó của nhân dân Nga... Nhưng giải thích thế nào việc những dự án hoàn toàn không thể thực hiện được, như dự án của Nhóm lao động và dự án của Đảng tự do nhân dân, lại được đưa ra một hội nghị lập hiến quan trọng? Quả thật, chưa có một nghị viện nào trên thế giới đã được nghe nói đến tịch thu toàn bộ ruộng đất để biến thành ruộng đất của nhà nước, hoặc lấy ruộng đất của anh Giáp mà đem cho anh Ất... Sở dĩ những dự án đó đã xuất hiện là do người ta đã bối rối" (giải thích hay làm sao!)... "Như vậy là, hỏi người nông dân Nga, bạn hãy chọn lấy một trong hai con đường: con đường thứ nhất rộng rãi và có vẻ

dễ dàng – đó là con đường chiếm đoạt và chuyển nhượng bắt buộc, mà ở đây người ta đang kêu gọi anh đi theo. Con đường đó, lúc đầu thì hấp dẫn, nó chạy thoai thoải, nhưng rồi thì tụt xuống một vực thẳm" (đối với bọn địa chủ chẳng?) "và là con đường diệt vong đối với nông dân cũng như đối với toàn thể quốc gia. Con đường thứ hai thì hẹp và đầy chông gai, phải leo dốc, nhưng dẫn đến đỉnh cao của chân lý, của quyền lợi và của sự thịnh vượng chắc chắn" (1299).

Như bạn đọc đã thấy, đó là cương lĩnh của chính phủ. Đó là cương lĩnh mà Xtô-lư-pin đã thực hiện bằng đạo luật ruộng đất nổi tiếng của y, theo điều khoản 87. Cũng cái cương lĩnh đó đã được Pu-ri-skê-vích trình bày trong những đề cương của y về ruộng đất (phiên họp thứ 20, ngày 2 tháng Tư 1907, tr. 1532 - 1533). Chính cái cương lĩnh đó cũng đã được những đảng viên tháng Mười bênh vực từng phần, từ Xvi-a-tô-pôn - Miéc-xki trong ngày đầu của những cuộc tranh luận về vấn đề ruộng đất (19 tháng Ba) đến Ca-pu-xtin ("phải đem lại ruộng đất cho nông dân làm sở hữu chứ không phải đưa ruộng đất cho nông dân sử dụng, như người ta đề nghị" – phiên họp thứ 24, ngày 9 tháng Tư 1907, tr. 1805 – lời phát biểu của Ca-pu-xtin được phái hữu và "một bộ phận phái giữa" hoan nghênh).

Cương lĩnh của bọn Trăm đen và của những đảng viên tháng Mười không thấy đề cập một chút nào đến việc bảo vệ những hình thức kinh tế tiền tư bản chủ nghĩa, chẳng hạn như không thấy tán tụng về tính chất gia trưởng của nền nông nghiệp, v.v.. Mới đây việc bảo vệ công xã còn được những người trong giới quan lại cao cấp và trong bọn địa chủ ủng hộ nhiệt liệt thì bây giờ đã hoàn toàn được thay thế bằng sự thù ghét công xã một cách gay gắt. Phái Trăm đen hoàn toàn tán thành sự phát triển tư bản chủ nghĩa, họ phác ra một cách rõ

ràng cương lĩnh kinh tế tiên tiến, kiểu châu Âu; điều đó cần được đặc biệt nhấn mạnh, vì ở nước ta quan điểm tâm thường và đơn giản về tính chất của chính sách phản động của bọn địa chủ, là quan điểm rất phổ biến. Nếu phái tự do thường miêu tả phái Trăm đen như những thằng hề và như những tên ngốc thì cần phải nói rằng nhận xét đó lại càng đúng hơn đối với những người dân chủ - lập hiến. Còn phái phản động ở nước ta thì khác người ở chỗ có một ý thức giai cấp rõ rệt. Họ hoàn toàn biết họ muốn gì, họ đi đến đâu, họ trông mong vào những lực lượng nào. Họ hoàn toàn không có chút nửa vời hoặc dao động (ít ra là trong Đu-ma II: trong Đu-ma I đã có "sự bối rối" của các ngài Bô-brin-xki!). Ta thấy họ có một mối liên hệ rất rõ với một giai cấp hoàn toàn xác định, một giai cấp đã quen chỉ huy và đã đánh giá đúng những điều kiện cần thiết để duy trì sự thống trị của nó trong hoàn cảnh *tư bản chủ nghĩa*, và nó trắng trợn bảo vệ những lợi ích của nó, dù cho việc này có làm cho hàng triệu nông dân nhanh chóng bị suy yếu, bị áp bức, và bị đuổi ra khỏi ruộng đất. Tính chất phản động của cương lĩnh của phái Trăm đen không phải ở chỗ bảo tồn những quan hệ hoặc những trật tự tiền tư bản chủ nghĩa nào đó (về mặt này, tất cả các chính đảng ở trong thời kỳ Đu-ma II, trên thực tế, đều đã đứng trên lập trường thừa nhận chủ nghĩa tư bản coi như đã tồn tại rồi) mà là ở chỗ phát triển chủ nghĩa tư bản theo kiểu của *bọn gioong-ke nhằm* tăng cường chính quyền và những thu nhập của địa chủ, nhằm đặt nền móng mới, chắc chắn hơn cho tòa nhà chế độ chuyên chế. Không có mâu thuẫn gì giữa lời nói và hành động của những ngài đó cả: phái phản động ở nước ta cũng là những "người hành động", như Lát-xan đã nói về phái phản động Đức, để phân biệt họ với phái tự do.

Các người đó có thái độ như thế nào về chủ trương quốc hữu hóa ruộng đất? chẳng hạn, chủ trương quốc hữu

hóa một bộ phận có trả tiền chuộc lại, chủ trương mà những người dân chủ - lập hiến đã yêu cầu trong Đu-ma I, bằng cách vẫn duy trì – giống như những người men-sê-vích, – chế độ sở hữu những mảnh ruộng đất nhỏ và giữ số ruộng đất còn lại làm dự trữ của nhà nước? liệu họ có thấy chủ trương quốc hữu hóa tạo ra khả năng tăng cường bộ máy quan liêu, củng cố chính quyền tư sản trung ương chống lại giai cấp vô sản, khả năng phục hồi "chế độ phong kiến nhà nước" và "chế độ kiểu Trung-hoa" không?

Trái lại, hễ nghe nói bóng gió tí chút đến quốc hữu hóa ruộng đất là họ nổi điên lên, và những lý lẽ họ đưa ra để chống lại quốc hữu hóa ruộng đất thì hình như là họ đã mượn của Plê-kha-nốp vậy. Chẳng hạn, một địa chủ phái hữu, nhà quý tộc Vết-tsi-nin đã nói trong phiên họp thứ 39, ngày 16 tháng Năm 1907: "Tôi nghĩ rằng đứng về phương diện pháp lý thì không được thừa nhận vấn đề chuyển nhượng cưỡng bức. Những người tán thành ý kiến đó quên rằng sự vi phạm những quyền của các người tư hữu là đặc điểm của những nước ở trình độ phát triển xã hội và chính trị thấp. Chúng ta chỉ cần nhớ lại thời đại công quốc Mát-xcơ-va trước kia, khi người ta thường tịch thu ruộng đất của những người tư hữu cho Nga hoàng, để rồi lại đem ban cho các cận thần của nhà vua và cho các tu viện. Hành vi đó của chính phủ dẫn đến những hậu quả gì? Những hậu quả đã rất khủng khiếp" (619).

"Việc phục tích lại nước Nga Mát-xcơ-va trước kia" mà Plê-kha-nốp đề ra, đã được sử dụng như vậy đó! Và không phải chỉ một mình Vết-tsi-nin đã ê a cái điệu hát đó. Trong Đu-ma I, địa chủ N. Lvốp, đảng viên dân chủ - lập hiến trong cuộc bầu cử, về sau đã ngã sang phái hữu và, sau khi Đu-ma I bị giải tán, đã thương lượng với Xtô-lư-pin xin một ghế bộ trưởng, con người đó cũng đã đặt vấn đề hoàn toàn giống như thế. Ông ta nói về dự án của Đảng dân chủ - lập hiến đưa ra Đu-ma I như sau: "Điều

nổi bật trong dự án của 42 người là dấu ấn của cũng cái chủ nghĩa độc tài quan liêu xưa kia, cái chủ nghĩa muốn bình quân hóa tất cả" (phiên họp thứ 12, ngày 19 tháng Năm 1906, tr. 476 - 480). Hoàn toàn theo tinh thần của Ma-xlốp, y đã "*bệnh vực*" những dân tộc không phải Nga: "làm thế nào bắt toàn thể nước Nga, cả Tiểu Nga, lẫn Lit-va, cả Ba-lan và các tỉnh vùng Bantích phải theo điều đó (sự bình quân hóa) được?" (479). Ông ta dọa: "Các ông phải thành lập ở Xanh Pê-téc-bua một cơ quan điều địa lớn... duy trì ở mỗi góc gác một lô viên chức" (480).

Những tiếng la lối đó về chủ nghĩa quan liêu và về sự nô dịch, xung quanh chủ trương quốc hữu hóa, những tiếng la lối của phái địa phương công hữu hóa ở nước ta, tức là những người cứ nhắm mắt sao chép kiểu mẫu của nước Đức, – là cái giọng chính của tất cả những diễn văn của phái hữu. Si-đlốp-xki, đảng viên tháng Mười, người phản đối sự chuyển nhượng cưỡng bức, lên án phái dân chủ - lập hiến là đã tuyên truyền "việc buộc chặt vào ruộng đất" (phiên họp thứ 12 của Đu-ma II, ngày 19 tháng Ba 1907, tr. 752). Sun-ghin thì la lối rằng chế độ sở hữu là bất khả xâm phạm, rằng sự chuyển nhượng cưỡng bức là "mô chôn văn hóa và văn minh" (phiên họp thứ 16, ngày 26 tháng Ba 1907, tr. 1133). Sun-ghin thì viện dẫn – chỉ có điều ông ta không nói là có phải viện dẫn theo "Nhật ký" của Plê-kha-nốp không¹²³ – Trung-hoa hồi thế kỷ XII, viện dẫn cái kết quả đáng buồn của cuộc thí nghiệm quốc hữu hóa ruộng đất ở Trung-hoa (tr. 1137). Xkiếc-mun-tơ trong Đu-ma I thì nói: nhà nước sẽ là người sở hữu! "lại là En-đô-ra-đô cho chế độ quan liêu" (phiên họp thứ 10, ngày 16 tháng Năm 1906, tr. 410). Tan-txốp, đảng viên tháng Mười, la lên trong Đu-ma II: "đúng lý nhất thì những lời chê trách đó (xung quanh vấn đề chế độ nông nô) là có thể ném trở lại phái tả và phái giữa. Trên thực tế, những dự án đó chuẩn bị cho nông dân

cái gì, nếu không phải là trói buộc họ vào ruộng đất; nếu không phải là cũng chế độ nô lệ đó nhưng dưới một hình thức khác, cái chế độ trong đó bọn địa chủ sẽ được bọn cho vay nặng lãi và bọn viên chức thay thế" (phiên họp thứ 39, ngày 16 tháng Năm 1907, tr. 653).

Đương nhiên, ai mà chẳng thấy rất rõ rằng những lời la lối đó về chủ nghĩa quan liêu là giả dối, vì chính những nông dân yêu cầu quốc hữu hóa đã đưa ra cái tư tưởng tuyệt diệu là thành lập những ủy ban ruộng đất địa phương do đầu phiếu phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín bầu ra. Nhưng bọn địa chủ Trăm đen *đã buộc phải* bám lấy tất cả và đủ mọi thứ lý lẽ để chống lại quốc hữu hóa ruộng đất. Bản năng giai cấp gọi cho họ thấy rằng quốc hữu hóa ruộng đất tại nước Nga ở thế kỷ XX là gắn chặt với việc thành lập nước cộng hòa nông dân. Ở các nước khác, do những điều kiện khách quan, cách mạng ruộng đất nông dân không thể xảy ra được, thì tình hình đương nhiên có khác, – chẳng hạn như ở Đức, ở đây phái Ca-ni-tơ có thể đồng tình với những kế hoạch quốc hữu hóa ruộng đất; ở đây, những người xã hội chủ nghĩa không muốn ngay cả nghe nói đến quốc hữu hóa ruộng đất; ở đây, phong trào tư sản tán thành quốc hữu hóa ruộng đất lại bó hẹp trong chủ nghĩa bè phái của những người trí thức. Để chống lại cách mạng nông dân, *những người thuộc phái hữu* đã phải tỏ ra cho nông dân thấy họ là những người bảo vệ *quyền sở hữu của nông dân* chống lại quốc hữu hóa ruộng đất. Chúng ta thấy: Bô-brin-xki là một ví dụ. Và đây là một ví dụ khác – Vết-tsi-nin nói: "Đương nhiên phải phủ nhận vấn đề đó (quốc hữu hóa ruộng đất), vì vấn đề đó không được ngay cả giới nông dân đồng tình: họ muốn có ruộng đất với tư cách là người sở hữu chứ không phải với tư cách là người lính canh" (phiên họp thứ 39, tr. 621). Chỉ có bọn địa chủ và các bộ trưởng mới có thể *nhân danh* nông dân mà nói *như vậy*. Vì cái sự

thật đó thì bàn dân thiên hạ đều biết cả rồi, nên tôi nghĩ rằng thật là hoàn toàn thừa nếu còn trích dẫn thêm những lời phát biểu của các ngài Guốc-cô, Xtô-lư-pin và những vị anh tài tương tự khác đã từng vỗ ngực bênh vực quyền sở hữu.

Trong số những người thuộc phái hữu chỉ có một ngoại lệ duy nhất, đó là Ca-ra-u-lốp, một người Cô-dắc ở vùng Tê-rếch mà chúng tôi đã nói ở trên¹⁾. Đồng ý một phần với đảng viên dân chủ - lập hiến Sin-ga-rép, Ca-ra-u-lốp đã nói rằng đội quân Cô-dắc là "một công xã nông nghiệp rộng lớn" (1363); rằng "quyền tư hữu về ruộng đất đáng được xóa bỏ hơn" là công xã; và Ca-ra-u-lốp đã bênh vực việc "địa phương công hữu hóa ruộng lớn về ruộng đất, chuyển từng vùng thành sở hữu" (1367). Đồng thời ông ta phàn nàn về những hành vi gây khó dễ của giới quan liêu, ông nói rằng "chúng tôi đã không phải là những chủ nhân của tài sản của chúng tôi" (1368). Chúng ta đã nói ở trên về ý nghĩa của những sự đồng tình đó của những người Cô-dắc với vấn đề địa phương công hữu hóa ruộng đất.

2. NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - LẬP HIẾN

Cũng như tất cả các chính đảng, trong Đu-ma II, những người dân chủ - lập hiến đã biểu lộ một cách đầy đủ nhất và hoàn toàn nhất bản chất thực sự của họ. Sau khi đã đứng ở giữa, xuất phát "từ quan điểm của nước nhà" để phê phán cả phái hữu lẫn phái tả họ "đã tìm ra được bản thân mình". Bản chất phản cách mạng của họ, những người dân chủ - lập hiến đã biểu lộ ra qua bước chuyển biến của họ sang phía hữu. Và họ đã đánh dấu bước chuyển đó trong vấn đề ruộng đất như thế nào? Họ đã hoàn toàn vứt bỏ tất cả những gì còn lại của chủ trương quốc hữu hóa ruộng

1) Xem tập này, tr. 398.

đất, họ đã hoàn toàn chối từ kế hoạch thành lập một "dự trữ ruộng đất của nhà nước" và chủ trương chuyển ruộng đất thành *sở hữu* của nông dân. Đúng, cục diện cách mạng Nga đã đi đến chỗ nếu quay sang phía hữu thì có nghĩa là quay về chế độ tư hữu về ruộng đất!

Diễn giả chính thức của Đảng dân chủ - lập hiến phát biểu về vấn đề ruộng đất, cựu bộ trưởng Cút-le, chuyển ngay sang phê phán phái tả (phiên họp thứ 12, ngày 19 tháng Ba 1907). Ông bạn đồng liêu rất xứng đáng ấy của Vít-te và Đuốc-nô-vô đã nói rằng: "Một khi không ai đề nghị thủ tiêu quyền sở hữu nói chung thì phải hoàn toàn thừa nhận sự tồn tại quyền sở hữu về ruộng đất" (737). Luận cứ đó hoàn toàn trùng với những lập luận của phái Trăm đen. Cũng như đảng viên dân chủ - lập hiến Cút-le, người thuộc phái Trăm đen Cru-pen-xki la lên rằng: "nếu chia thì phải chia tất cả" (784).

Là một viên chức chính cống, Cút-le đặc biệt nói cặn kẽ về vấn đề các tiêu chuẩn "chia đất" cho nông dân. Không dựa vào một giai cấp cố kết nào, nhà trí thức thuộc phái tự do và người viên chức tán thành chủ nghĩa tự do *lần tránh* vấn đề xét xem những địa chủ có *đúng ra là bao nhiêu* ruộng đất, người ta có thể lấy được bao nhiêu ruộng đất. Ông ta thích nói đến những "tiêu chuẩn" để mượn cớ là phải nhìn vấn đề theo giác độ toàn quốc mà *làm mờ* vấn đề đi, để che giấu rằng những người dân chủ - lập hiến chủ trương *duy trì* nền kinh tế của địa chủ. "Ngay cả chính phủ, - ông Cút-le nói, - cũng chủ trương mở rộng quyền sử dụng ruộng đất của nông dân" (734), - vậy thì, không có cái gì là không thể thực hiện được trong ngay cái bản dự án quan liêu đó của những người dân chủ - lập hiến! Nhấn mạnh mặt thực tiễn và khả năng thực hiện, người dân chủ - lập hiến đó, dĩ nhiên, che đậy không cho thấy rằng đối với ông ta thì tiêu chuẩn để nhận xét là khả năng thuyết phục những địa chủ, nói một cách khác tức là khả năng

làm cho dự án của ông ta phù hợp với quyền lợi của địa chủ, khả năng *được lòng bọn Trăm đen* bằng cách cổ vũ sự điều hòa tốt đẹp giữa các giai cấp. "Thưa các ngài, - Cút-le nói, - tôi nghĩ rằng người ta có thể hình dung thấy những điều kiện chính trị khiến cho dự luật quốc hữu hóa ruộng đất có thể có hiệu lực như một đạo luật, nhưng tôi không thể hình dung được là trong một tương lai gần đây, thì những điều kiện chính trị khiến cho đạo luật ấy có thể được thực hiện thật sự là như thế nào" (733). Nói một cách đơn giản: người ta có thể hình dung được một sự lật đổ chính quyền của địa chủ Trăm đen, nhưng tôi, tôi không hình dung được việc đó, và vì vậy, tôi tìm cách thích ứng với chính quyền đó.

Để chứng minh rằng chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân tốt hơn kế hoạch của phái lao động nói chung, và nhất là tốt hơn nguyên tắc "sử dụng bình quân", ông Cút-le lập luận như sau: "Nếu để làm việc đó (để bình quân hóa ruộng đất), người ta bổ nhiệm những viên chức đặc biệt thì sẽ thiết lập được một chế độ độc tài không thể tưởng tượng được, một sự can thiệp chưa từng thấy vào đời sống của nhân dân. Đương nhiên, người ta đề nghị giao việc đó cho các cơ quan tự quản địa phương, cho các nhân vật do bản thân dân chúng bầu ra, nhưng liệu có thể cho rằng dân chúng được hoàn toàn bảo đảm tránh khỏi sự chuyên quyền của những người đó, rằng những người này sẽ luôn luôn hành động vì lợi ích của dân chúng, rằng dân chúng sẽ không phải chịu đựng một điều phiến hà nào cả do những người này gây ra, không? Tôi nghĩ rằng những nông dân có mặt tại đây đều biết rằng những người mà bản thân họ đã bầu ra, những chánh tổng và thị trưởng, thông thường là giống như những viên chức đã từng áp bức dân chúng" (740). Liệu có thể tưởng tượng được một sự giả nhân giả nghĩa nhục nhã hơn không? Chính những người dân chủ - lập hiến đề nghị những ủy ban ruộng đất trong đó địa chủ chiếm

ưu thế (một nửa là địa chủ, một nửa là nông dân, dưới quyền chủ tọa của một viên chức hoặc một địa chủ), thế mà họ lại muốn đề phòng cho nông dân khỏi phải chịu sự độc tài và chuyên chế của những người do nông dân bầu ra! Chỉ có những tên lòe bịp vô liêm sỉ về chính trị mới có thể phản đối *như vậy* chủ trương bình quân hóa ruộng đất, vì họ không theo cả những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội (như những đảng viên dân chủ - xã hội đã chứng minh chủ trương bình quân hóa là không thể thực hiện được nhưng lại hoàn toàn ủng hộ những ủy ban địa phương được bầu ra), cả những nguyên tắc cho rằng chỉ có cái chế độ chiếm hữu của địa chủ mới có thể là con đường thoát (như những người kiểu Bô-brin-xki).

Khác với phái hữu và phái tả, kế hoạch của những người dân chủ - lập hiến đáng chú ý không phải ở điều họ nói ra mà là ở điều họ không nói ra: thành phần những ủy ban ruộng đất *buộc* nông dân chấp nhận một "sự giải phóng lần thứ hai", tức là bắt nông dân chuộc với giá quá đắt "những đất xấu". Để che giấu *thực chất* đó của vấn đề, những người dân chủ - lập hiến trong Đu-ma II (cũng như ngay cả trong Đu-ma I) đã dùng đến những thủ đoạn lường gạt thật sự. Các đồng chí hãy xem ông Sin-ga-rép. Ông ta tự xưng là người tiến bộ, nhắc lại những luận điệu thường dùng của phái tự do để chống lại phái hữu; ông ta than thở như người ta thường làm, về bạo lực và tình trạng vô chính phủ đã khiến cho nước Pháp "phải chịu một thế kỷ những biến loạn gay gắt"(1355), nhưng ta hãy xem cách ông ta lẩn tránh vấn đề các ủy ban quản lý ruộng đất như thế nào:

"Vị đại biểu Ép-rê-i-nốp*", - ông nói, - đã phản đối chúng ta về vấn đề những ủy ban ruộng đất. Tôi không biết (sic!!) ông căn cứ vào

* Ép-rê-i-nốp, đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng, đã nói trong cùng phiên họp đó (phiên họp thứ 18, ngày 29 tháng Ba 1907): "Những ủy ban (ruộng đất) đó, như Đảng tự do nhân dân đã dự kiến,

đâu để phản đối; cho đến nay, chúng ta không nói gì hết về điều đó (*nói dối!*); tôi không biết ông ta nói đến dự án nào, tại sao ông ta nói là không tin tưởng vào nhân dân. Một dự án như vậy vẫn chưa được đưa trình Đu-ma nhà nước, và rõ ràng là những sự phản đối của ông ta là do hiểu lầm mà ra. Tôi hoàn toàn đồng ý với các đại biểu phái tả U-xpen-xki và Vôn-cơ - Ca-ra-tsép-xki, họ nói đến những quy tắc tạm thời, nói đến sự cần thiết phải thành lập những cơ quan địa phương để quản lý ruộng đất tại chỗ. Tôi nghĩ rằng những cơ quan đó sẽ được thành lập, và chắc chắn rằng nay mai, Đảng tự do nhân dân sẽ đưa trình một dự luật tương ứng, và khi đó chúng ta sẽ thảo luận dự luật đó" (1356).

Liệu đó không phải là thủ đoạn lường gạt chẳng? Liệu nhân vật đó thật quả có thể không biết những cuộc tranh luận trong Đu-ma I về những ủy ban địa phương, không biết bài báo đăng lúc đó trên tờ "*Ngôn luận*" chẳng? Liệu ông có thể không hiểu nổi lời tuyên bố hoàn toàn rõ ràng đó của Ép-rê-i-nốp được chẳng?

Các anh sẽ nói rằng: nhưng ông ta đã hứa sẽ đệ trình "nay mai" một dự luật. Trước hết, lời hứa sẽ trả lại cái

phải gồm có địa chủ và nông dân với số lượng bằng nhau, và các ủy ban sẽ có những viên chức với tư cách là những trọng tài, họ chắc chắn sẽ đem lại ưu thế cho những người không phải là nông dân. Vậy thì tại sao khi lấy cái tên là "tự do nhân dân", Đảng tự do nhân dân lại không tin tưởng vào những ủy ban được bầu ra không phải theo phương pháp quan liêu mà theo phương pháp dân chủ? Có lẽ là nếu những ủy ban được bầu theo lối đó thì chắc chắn là trong các ủy ban, nông dân, tức là những người đại biểu cho quyền lợi của nông dân, chiếm được một đa số lớn chẳng? Tôi xin hỏi, trong trường hợp như vậy, Đảng tự do nhân dân có tin tưởng vào nông dân không? Vì chúng tôi nhớ lại rằng năm 1858, trong cuộc cải cách ruộng đất, chính phủ đã chuyển vấn đề đó về cho các địa phương, cho những ủy ban. Thật ra, những ủy ban này, là những ủy ban của giới quý tộc, nhưng chính phủ không phải là Đảng tự do nhân dân, nó đại diện cho những người giàu có và nói chung, đại diện cho các giai cấp có của. Nó dựa vào giới quý tộc và tin tưởng vào những quý tộc đó. Còn Đảng tự do nhân dân muốn dựa vào nhân dân nhưng lại không tin tưởng vào nhân dân đó" (1326).

đã kiếm được do lường gạt không loại trừ được cái sự thực là có sự lường gạt. Và thứ hai, đây là việc đã xảy ra "nay mai". Ông Sin-ga-rép đã phát biểu vào ngày 29 tháng Ba 1907. Ngày 9 tháng Tư, đảng viên dân chủ - lập hiến Ta-ta-ri-nốp phát biểu: "Thưa các ngài, bây giờ tôi đề cập đến một vấn đề nữa, một vấn đề mà theo tôi" (chỉ là "theo tôi" ư!) "gây ra những cuộc tranh luận sôi nổi, tức là chính vấn đề do tất cả các chính đảng ngồi phía trái chúng tôi nêu lên: vấn đề những ủy ban ruộng đất địa phương. Tất cả các chính đảng đó khẳng định là cần phải thành lập những ủy ban ruộng đất địa phương trên cơ sở đầu phiếu phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín, nhằm giải quyết vấn đề ruộng đất tại chỗ. Năm ngoái, về mặt này, chúng tôi đã rất cương quyết phản đối việc thành lập những ủy ban, và hiện nay chúng tôi cũng vẫn cương quyết phản đối" (1783).

Như vậy, trong một vấn đề *hết sức quan trọng* về điều kiện *thực tế* cho sự "chuyển nhượng cưỡng bức" do những đảng viên dân chủ - lập hiến chủ trương, hai đảng viên dân chủ - lập hiến đã nói khác nhau, lúc ngả sang phía này, lúc nghiêng bên nọ dưới những đòn đả kích của các chính đảng phe tả là những đảng đã vạch trần những gì mà những người dân chủ - lập hiến muốn giữ bí mật! Lúc đầu, ông Sin-ga-rép nói: "tôi không biết", sau đó: "tôi đồng ý với phái tả", sau nữa: "nay mai sẽ có một dự luật". Ông Ta-ta-ri-nốp nói: "trước đây cũng như hiện nay, chúng tôi cương quyết phản đối". Ông ta còn đưa ra một lập luận cho rằng không nên chia nhỏ Đu-ma thành hàng nghìn Đu-ma, không nên hoãn vấn đề ruộng đất đến khi thực hiện những cải cách chính trị, đến khi thi hành chế độ đầu phiếu phổ thông, v. v.. Nhưng đó chính là những thủ đoạn nói quanh co mới. Vấn đề hoàn toàn không phải là xét xem đến khi nào thì biện pháp này hay biện pháp nọ sẽ được áp dụng: về vấn đề này, phái tả trong Đu-ma II không

thể còn hoài nghi gì cả. Vấn đề là xem *những kế hoạch thực sự* của những đảng viên dân chủ - lập hiến về "chuyển nhượng cưỡng bức" là những kế hoạch như thế nào: ai bắt buộc ai, địa chủ bắt buộc nông dân, hay nông dân bắt buộc địa chủ? Chỉ có thành phần các ủy ban ruộng đất mới trả lời rõ điều đó thôi. Thành phần đó đã được những người dân chủ - lập hiến xác định cả trong bài xã luận của Mi-li-u-cốp trên tờ "Ngôn luận", lẫn trong dự án của Cút-le, cả trong bài báo của Tsúp-rốp (đã dẫn ở trên)¹⁾, – nhưng *trong Đu-ma, những người dân chủ - lập hiến không mấy may nói đến thành phần đó*, họ đã không trả lời câu hỏi của Ép-rê-i-nốp đặt thẳng vào vấn đề.

Không có đầy đủ cơ sở để cho rằng hành vi đó của những đại biểu cho một chính đảng ở nghị viện, chính là *hành vi mà phái tự do dùng để lừa dối nhân dân*. Về những Bô-brin-xki và những Xtô-lu-pin, thì không có người nào hiểu nhầm cả; còn về những đảng viên dân chủ - lập hiến – thì lại có rất nhiều người hiểu nhầm, đó là những người không muốn phân tích hoặc không có khả năng hiểu được ý nghĩa thực sự của các khẩu hiệu và các câu nói chính trị của họ.

Như vậy, những người dân chủ - lập hiến chống lại mọi hình thức sử dụng tập thể ruộng đất*, chống lại việc chuyển

* Về mặt này, đặc biệt đáng chú ý là những cuộc tranh luận trong Đu-ma I về việc chuyển dự án ruộng đất của 33 người (dự án về bãi bỏ chế độ tư hữu ruộng đất) cho tiểu ban. Các đảng viên dân chủ - lập hiến (Pê-tơ-run-kê-vích, Mu-kha-nốp, Sa-khốp-xcôi, Phren-ken, Ốp-tsin-ni-cốp, Đôn-gô-ru-cốp, Cô-cô-skin) đả kích mãnh liệt đề nghị chuyển một dự án *như vậy* cho tiểu ban, về điểm đó họ được Gây-đen hoàn toàn ủng hộ. Đối với một người theo phái tự do có chút ít tự trọng thì những luận cứ của những người dân chủ - lập hiến là không xứng đáng; đó là những lý do thoái thác có tính chất cảnh sát của những

1) Xem tập này, tr. 275.

nhượng không bồi thường, chống lại những ủy ban ruộng đất địa phương trong đó nông dân chiếm đa số, chống lại cách mạng nói chung, và đặc biệt chống lại cách mạng ruộng đất của nông dân. Thái độ của họ đối với cuộc "cải cách" nông dân năm 1861 làm sáng tỏ lập trường ngoắt ngoéo của họ giữa phái tả và phái hữu (nhằm nộp nông dân cho địa chủ). Toàn bộ phái tả, như chúng ta sẽ thấy ở dưới đây, đều nói đến cuộc "cải cách" đó một cách ghê tởm và phẫn nộ, như là nói đến cái thòng lọng mà bọn địa chủ tròng vào cổ nông dân. Những người dân chủ - lập hiến biểu đồng tình với phái hữu, họ khâm phục trước một cuộc cải cách như vậy.

Bá tước Bô-brin-xki nói: "Ở đây, người ta đã bồi nhọ một trang sử trong trắng nhất, rực rỡ nhất của nước Nga... Sự nghiệp giải phóng nông dân là không thể chê trách vào đâu được... ngày 19 tháng Hai 1861 là một ngày vĩ đại, một ngày rạng rỡ" (29 tháng Ba, tr. 1289, 1299).

Cút-le đã nói: "cuộc cải cách vĩ đại năm 1861... chính phủ, thông qua lời nói của chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, đã từ bỏ lịch sử nước Nga, những trang sử hay nhất và rạng rỡ nhất của nước Nga" (26 tháng Năm, tr. 1198 - 1199).

Lời đánh giá đó về sự chuyển nhượng cưỡng bức mà người ta đã thi hành trong thực tế, càng làm sáng tỏ cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - lập hiến hơn tất cả những dự án và diễn văn được viết ra nhằm che giấu những ý

tên đây tố cho một chính phủ phản động. Chẳng hạn, ông Pê-tơ-run-kê-vích nói: chuyển cho một tiểu ban, tức là thừa nhận rằng, ở một mức độ nào đó, quan điểm về một dự án như vậy là "có thể có được". Ông Gin-kin đã bêu xấu những người dân chủ - lập hiến (phiên họp thứ 23, ngày 8 tháng Sáu 1906) khi nói rằng ông có thể chuyển cho một tiểu ban cả dự án đó lẫn dự án của phái cực hữu. Nhưng những người dân chủ - lập hiến và phái hữu, với 140 phiếu thuận chống 78 phiếu nghịch, đã bác bỏ việc chuyển dự án cho tiểu ban!

định của họ. Nếu người ta coi việc địa chủ tước đoạt ruộng đất của nông dân, việc chuộc lại với giá đất "những đất xấu" và việc dùng những hình phạt quân sự để thi hành những quy ước giải phóng, là một trang sử rực rỡ nhất, thì rõ ràng là họ muốn có một "sự giải phóng lần thứ hai", một sự nô dịch nông dân lần thứ hai bằng biện pháp chuộc lại. Bô-brin-xki và Cút-le đều nhất trí khi đánh giá cải cách năm 1861. Nhưng lời đánh giá của Bô-brin-xki biểu lộ trực tiếp và trung thành những lợi ích thật sự của bọn địa chủ, - vì vậy nó đã gạn trong ý thức giai cấp của quần đại quân chúng. Bọn Bô-brin-xki tán dương hết điều có nghĩa là bọn địa chủ có lợi. Lời đánh giá của Cút-le biểu lộ sự nghèo nàn về tư tưởng của một anh cạo giấy suốt đời công lưng trước bọn địa chủ, nên lời đó đầy tính chất giả nhân giả nghĩa và làm mờ ý thức của quần chúng.

Nhân điều này, còn phải vạch ra một mặt khác của chính sách dân chủ - lập hiến trong vấn đề ruộng đất. Tất cả những người phái tả đều đứng hẳn về phía những nông dân, coi họ là lực lượng chiến đấu, đều giải thích là cần phải đấu tranh, chỉ ra tính chất địa chủ của chính phủ. Còn những đảng viên dân chủ - lập hiến cùng với những người phái hữu thì đều đứng về phía "quan điểm nhà nước" và phủ nhận đấu tranh giai cấp.

Cút-le tuyên bố rằng không nên "sửa lại tận gốc những quan hệ ruộng đất" (732). Xa-vê-li-ép báo trước là phái đề phòng khả năng "đụng chạm tới rất nhiều quyền lợi", ông nói: "nguyên tắc bác bỏ hoàn toàn quyền sở hữu chưa chắc đã là thuận tiện, và việc thực hiện nguyên tắc đó có thể dẫn đến những rắc rối rất lớn và rất nghiêm trọng, nhất là nếu chúng ta chú ý rằng ruộng đất của bọn địa chủ lớn, có trên 50 đê-xi-a-ti-na, thì rất nhiều, cụ thể là 79 440 000 đê-xi-a-ti-na" (26 tháng Ba 1907, tr. 1088 - nông dân nói đến những đại điền trang để chứng minh là cần thiết phải xóa bỏ những đại điền trang đó; người thuộc phái tự

do thì để chứng minh là cần thiết có sự lệ thuộc vào đại điền trang). Sin-ga-rép coi việc nhân dân tự chiếm lấy ruộng đất là "một tai họa lớn nhất" (1355). Rô-đi-tsép hót như họa mi: "chúng tôi không khêu mối hận thù giai cấp lên, chúng tôi muốn quên quá khứ" (632, ngày 16 tháng Năm 1907). Ca-pu-xtin cũng vậy: "nhiệm vụ của chúng tôi là gieo ở khắp nơi hòa bình và công lý, chứ không phải gieo và khêu lên mối hận thù giai cấp" (1810, ngày 9 tháng Tư). Cru-pen-xki phần nộ về bài diễn văn của Di-min, người đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng, vì bài diễn văn đó "đầy hận thù đối với các giai cấp có của" (783, ngày 19 tháng Ba). Nói tóm lại, các đảng viên dân chủ - lập hiến và phái hữu đều đồng thanh lên án đấu tranh giai cấp. Nhưng những người phái hữu biết rõ họ làm gì. Đối với giai cấp đang là đối tượng của cuộc đấu tranh thì việc truyền đấu tranh giai cấp là có hại và nguy hiểm. Phái hữu bảo vệ một cách trung thành những quyền lợi của bọn địa chủ - chủ nô. Còn các đảng viên dân chủ - lập hiến? Họ *đang tiến hành đấu tranh* – họ nói là họ đang tiến hành đấu tranh! – để hòng "buộc" bọn địa chủ đang nắm quyền, nhưng lại lên án đấu tranh giai cấp! Liệu ở Pháp chẳng hạn, giai cấp tư sản thực sự tiến hành đấu tranh và không quỳ gối trước bọn địa chủ, cũng đã hành động như vậy chẳng? Phải chăng nó không kêu gọi nhân dân đấu tranh, không khêu lên mối hận thù giai cấp, không tạo ra lý luận đấu tranh giai cấp?

3. NHỮNG NÔNG DÂN PHÁI HỮU

Trong Đu-ma II, thì ngoại lệ có những người nông dân thực sự là thuộc phái hữu: ông Rê-men-tsích (ở tỉnh Min-xơ) – có lẽ là người duy nhất không muốn biết gì về công xã và "dự trữ ruộng đất", ông nhiệt liệt bênh vực chế độ sở hữu (trong Đu-ma I, có rất nhiều nông dân

Ba-lan và nông dân miền Tây nước Nga tán thành chế độ sở hữu). Nhưng cả ông Rê-men-tsích đó cũng lại tuyên bố ủng hộ chủ trương chuyển nhượng "với giá cả công bằng" (648), tức là, ông tỏ ra thực sự là một người dân chủ - lập hiến. Nếu những "nông dân phái hữu" khác trong Đu-ma II được chúng tôi xếp vào một nhóm riêng biệt chính vì họ rõ ràng là tả hơn những đảng viên dân chủ - lập hiến. Hãy xem Pê-tơ-rô-tsen-cô (ở tỉnh Vi-tép-xơ). Ông bắt đầu bằng lời lẽ: "sẽ bảo vệ đến chết Nga hoàng và Tổ quốc" (1614). Phái hữu vỗ tay. Nhưng rồi ông chuyển sang vấn đề "thiếu ruộng đất". Ông nói: "Các ông có tranh luận nhiều cũng mất công thôi, các ông sẽ không tạo ra được một trái đất nào khác nữa. Vậy thì sẽ phải trả lại cho chúng tôi đất đó. Một diễn giả đã nói ở đây rằng những nông dân chúng ta đều ngu dốt và không có học thức, rằng sẽ là điều uống công vô ích nếu cấp cho họ nhiều ruộng đất, vì dẫu sao ruộng đất sẽ không mang lại lợi lộc gì hết cho họ. Đương nhiên, ruộng đất trước đây đã mang lại rất ít lợi ích cho chúng tôi, tức là cho những người không có ruộng đất. Còn nói chúng tôi ngu dốt, được, nhưng chúng tôi không đòi hỏi gì khác hơn là ruộng đất để sống lần hồi ngày tháng với sự ngu muội của mình. Còn tôi, tôi nghĩ rằng một người quý tộc mà bận tâm đến ruộng đất, thì đương nhiên là điều không xứng đáng. Người ta đã nói tại đây rằng luật pháp không cho phép đụng đến ruộng đất của tư nhân. Đương nhiên, tôi đồng ý rằng luật pháp cần được tôn trọng, nhưng để khắc phục tình trạng thiếu ruộng đất thì chính là phải chế định một đạo luật cho phép làm tất cả những điều đó một cách hợp pháp. Để không làm thiệt đến ai cả, vị đại biểu Cút-le đã đề nghị những điều kiện tốt đẹp. Đương nhiên, là một người giàu có, ông ta đã đòi quá đắt; còn chúng tôi, những nông dân, chúng tôi nghèo, chúng tôi không thể trả nhiều như vậy được, còn chúng tôi phải sống như thế nào – sống trong tổ cày chung, trong

hộ gia đình hay trong ấp nhỏ riêng, thì về phía tôi, tôi cho rằng phải để mọi người sống thế nào tùy thích" (1616).

Giữa người nông dân phú hữu đó và người thuộc phú tự do Nga, có cả một vực thẳm. Trên lời nói, người thứ nhất tỏ ra trung thành với chính quyền cũ, trên thực tế, anh ta muốn có ruộng đất, đấu tranh chống lại bọn địa chủ và sẽ không nhận trả tiền chuộc theo định giá của những người dân chủ - lập hiến. Người thứ hai, trên lời nói đấu tranh cho tự do của nhân dân, trên thực tế, lại ra sức làm cho nông dân bị lệ thuộc lần thứ hai vào bọn địa chủ và chính quyền cũ. Người thứ hai chỉ có thể càng đi về phía hữu từ Đu-ma I đến Đu-ma II, từ Đu-ma II đến Đu-ma III. Người thứ nhất, sau khi bị thất vọng được "cấp" ruộng đất, sẽ đi về phía khác. Có lẽ chúng ta sẽ có lợi nhiều nếu đi cùng đường với người nông dân "phái hữu" hơn là với người dân chủ - lập hiến "tự do chủ nghĩa", "dân chủ"...

Đây là anh nông dân Si-man-xki (ở tỉnh Min-xco). "Tôi đến đây để bảo vệ tôn giáo, Nga hoàng và Tổ quốc và yêu cầu có ruộng đất... đương nhiên không phải bằng cướp bóc, mà bằng con đường hòa bình, theo một giá công bằng... Vì vậy, thay mặt cho tất cả những nông dân, tôi đề nghị các đại biểu Đu-ma, các địa chủ hãy lên diễn đàn này và nói là: họ muốn nhượng ruộng đất cho nông dân theo một giá công bằng, và lúc đó, tất nhiên, nông dân chúng tôi sẽ cảm ơn họ, và tôi nghĩ rằng Đức vua cha của chúng ta cũng sẽ cảm ơn họ. Còn những địa chủ nào không muốn như vậy, thì tôi đề nghị Đu-ma nhà nước đánh thuế lũy tiến vào ruộng đất của họ, và chắc chắn rồi đây họ cũng sẽ nhượng bộ chúng tôi, khi họ hiểu rằng miếng to khó nuốt" (1617).

Người nông dân phú hữu đó hiểu việc chuyển nhượng cưỡng bức và việc định giá công bằng hoàn toàn khác hẳn với cái mà những người dân chủ - lập hiến đã quan niệm. Những người dân chủ - lập hiến lừa dối không những nông dân phú tả mà cả nông dân phú hữu nữa. Nông dân phú hữu

sẽ nghĩ như thế nào về các kế hoạch dân chủ - lập hiến về thành lập những ủy ban ruộng đất (theo kiểu Cút-le hay kiểu Tsúp-rốp: xem "Vấn đề ruộng đất", t. II), nếu họ được biết những kế hoạch đó, - lời đề nghị sau đây của Men-ních, một nông dân (đảng viên tháng Mười, ở tỉnh Min-xco), đã làm cho chúng ta thấy rõ. Ông nói: "Tôi cho rằng nhất định phải làm thế nào để nông dân tham gia vào tiểu ban (ruộng đất) với tỷ lệ 60%; tôi nói những nông dân đã thực tế trải qua cảnh nghèo khổ (!) và nắm được tình cảnh của nông dân, chứ không nói những người trong nông dân có lẽ chỉ mang danh là nông dân thôi. Vấn đề đó là vấn đề sự phồn vinh của nông dân và nói chung, của dân nghèo, chứ không có ý nghĩa chính trị nào cả. Phải chọn những người có khả năng giải quyết, vì lợi ích của nhân dân, vấn đề đó về phương diện thực tiễn chứ không phải về phương diện chính trị" (1285). Những nông dân phú hữu đó sẽ đi hẳn về phía tả khi thế lực phản cách mạng chỉ rõ cho họ thấy ý nghĩa chính trị của những "vấn đề phồn vinh của dân nghèo"!

Để chứng minh rằng giữa những đại biểu của nông dân bảo hoàng và những đại biểu của giai cấp tư sản bảo hoàng có sự xa cách nhau lớn lao đến mức nào, tôi xin trích một số đoạn trong bài diễn văn của linh mục thuộc "phái tiến bộ" Ti-khvin-xki, đã đôi khi phát biểu thay mặt cho Hội liên hiệp nông dân và cho Nhóm lao động. Ông nói: "Về đại thể nông dân chúng ta yêu mến Nga hoàng. Tôi rất muốn là cái mũ giúp người ta tàng hình hoặc là một tấm thảm biết bay để tôi được bề rộng và nói rằng: muôn tâu Đức vua, kẻ thù địch đầu tiên của bệ hạ, kẻ thù địch đầu tiên của nhân dân, chính là một nội các vô trách nhiệm... Nông dân lao động chỉ đòi hỏi có một điều là thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc: "toàn bộ ruộng đất về tay toàn thể nhân dân..." (về vấn đề chuộc lại)... "Các ngài phú hữu, các ngài không việc gì phải sợ, các ngài hãy tin vào nhân dân nước ta, họ sẽ không làm hại các ngài đâu. (Có tiếng nói ở phía

hữu: "cảm ơn! cảm ơn!") Bây giờ tôi chuyển sang lời nói của báo cáo viên Đảng tự do nhân dân. Ông nói rằng cương lĩnh của Đảng tự do nhân dân không khác mấy cương lĩnh của nông dân và của Nhóm lao động. Thừa các ngài, không phải thế, cương lĩnh đó khác xa. Báo cáo viên đã nói với chúng ta: "chúng ta cứ cho là dự án của chúng tôi ít công bằng hơn, nhưng nó thực tế hơn". Thừa các ngài, người ta hy sinh sự công bằng đi vì những lý do thực tiễn!" (789).

Về trình độ thế giới quan chính trị của mình, đại biểu đó giống với người đảng viên dân chủ - lập hiến. Nhưng giữa sự ngây thơ quê mùa của ông ta với những "đầu óc thực tế" của giới pháp luật, của giới quan chức, của giới báo chí tự do chủ nghĩa, có sự khác nhau biết là chừng nào!

4. NHỮNG NÔNG DÂN KHÔNG ĐẢNG PHÁI

Những nông dân không đảng phái thì đáng được đặc biệt chú ý tới với tư cách là những người nói lên ý kiến của quần chúng nông thôn ít tự giác nhất và ít được tổ chức nhất. Cho nên chúng tôi viện dẫn những đoạn trích trong các lời phát biểu của tất cả những nông dân không đảng phái*, hơn nữa họ cũng không nhiều lắm: Xa-kh nô, Xê-mê-nốp, Mô-rô-dơ, A-pha-na-xi-ép.

Xa-kh nô (ở tỉnh Ki-ép) nói: "Thưa các ngài đại biểu của nhân dân, đối với những đại biểu nông dân mà đứng lên diễn đàn này và đối đáp với các ngài địa chủ giàu có kia thì thật là khó. Hiện thời, nông dân sống rất nghèo vì họ không có ruộng đất... Nông dân phải chịu

* Để xác định các đại biểu trong Đu-ma II thuộc nhóm nào hay thuộc đảng nào, chúng tôi sử dụng một bản công bố chính thức của chính Đu-ma nhà nước: danh sách các đại biểu theo các đảng và các nhóm. Một số đại biểu đã chuyển từ đảng này sang đảng khác, nhưng theo các báo, thì không thể xác định rõ được những sự di chuyển đó. Ngoài ra, nếu sử dụng các nguồn tin khác nhau về vấn đề đó thì sẽ làm rối vấn đề ra.

đựng, phải cam chịu vì địa chủ ép nông dân một cách khủng khiếp... Tại sao địa chủ lại có thể giữ nhiều ruộng đất, còn nông dân thì chỉ còn có thiên đường thôi?... Như vậy thì, thưa các ngài đại biểu của nhân dân, khi nông dân cử tôi đến đây, họ đã trao cho tôi nhiệm vụ bênh vực những nhu cầu của họ, đòi ruộng đất và tự do cho họ, đòi toàn bộ ruộng của nhà nước, ruộng của nhà vua, của hoàng tộc, đất tư và đất tu viện đều phải bắt buộc chuyển nhượng không phải đền bù... Thừa các ngài đại biểu của nhân dân, các ngài nên hiểu rằng người đời không thể ngồi yên được khi họ thấy rằng, mặc dù họ đau khổ nhưng chính quyền lại đứng về phía các ngài địa chủ. Họ không thể không mong muốn có ruộng đất, dù cho như thế là trái với luật pháp; chính sự nghèo khổ bắt buộc họ như vậy. Người đời thì sẵn sàng làm tất cả, vì sự nghèo khổ thúc đẩy họ bất chấp tất cả, vì họ đói và họ nghèo" (1482 - 1486).

Lời phát biểu của Xê-mê-nốp, nông dân không đảng phái, (ở tỉnh Pô-đôn-xcơ, đại biểu do nông dân cử) do tính chất giản dị của nó, nên cũng chất phác và cũng mạnh mẽ như thế:

"... Sự nghèo khổ cùng cực chính là điều bận tâm của những nông dân cam chịu không có ruộng đất hàng thế kỷ nay. Từ hai trăm năm nay, họ chỉ mong đợi một tí xíu của cải từ trên trời rơi xuống cho họ, nhưng nó vẫn không rơi xuống. Những của cải đều ở trong tay các ngài địa chủ lớn là những người nhờ ông cha chúng tôi mà đã có ruộng đất, nhưng ruộng đất là của Thượng đế chứ không phải của địa chủ... Tôi hiểu rất rõ rằng ruộng đất thuộc về toàn thể nhân dân lao động đang canh tác trên đó... Đại biểu Pu-ri-skê-vích nói: "Cách mạng, cứu tôi với!", thế nghĩa là gì? Nhưng nếu người ta lấy ruộng đất của họ thông qua sự chuyển nhượng bắt buộc thì chính họ sẽ là cách mạng chứ không phải chúng tôi, tất cả chúng tôi sẽ là chiến sĩ, là những người đáng yêu... Chúng tôi có 150 đê-xi-a-ti-na như người linh mục đầu? còn những tu viện? còn những nhà thờ? họ cần đến ruộng đất để làm gì? Không, thưa các ngài, đã đến lúc thôi đừng vơ vét của cải và giữ của trong túi nữa rồi; cần phải sống một cách thiết thực. Đất nước sẽ hiểu, thưa các ngài, tôi rất hiểu tất cả, chúng tôi là những công dân thực thà, chúng tôi không làm chính trị, như một trong những diễn giả trước đây đã nói... Họ (những địa chủ) chỉ béo ra bằng máu của chúng tôi, bằng nhựa sống của chúng tôi. Chúng tôi sẽ không quên, chúng tôi sẽ không làm hại họ, chúng tôi cũng sẽ cho họ ruộng đất. Nếu chúng tôi tính

phần mỗi hộ sẽ là 16 đê-xi-a-ti-na thì sẽ vẫn còn lại là 50 đê-xi-a-ti-na cho mỗi ngài địa chủ lớn... Hàng nghìn, hàng triệu người dân sống đau khổ, còn các ngài đó thì ăn uống phè phỡn... Còn phục dịch trong quân đội như thế nào, chúng tôi cũng biết: hề bị ốm thì người ta bảo: "nó có ruộng đất ở nhà quê". Nhưng quê nó ở đâu? Nó hoàn toàn không có quê. Quê nó, chỉ là để viết trên các bản khai nó sinh ở đâu, nó theo tôn giáo nào, nhưng nó chẳng có chút ruộng đất nào. Bây giờ, tôi nói như thế này: nhân dân yêu cầu tôi rằng những ruộng đất của giáo hội, của tu viện, ruộng đất của nhà nước, của hoàng tộc và đất của địa chủ đã bị chuyển nhượng cưỡng bức, – thì phải đem chuyển cho nhân dân lao động cây cấy; rằng những ruộng đất đó phải chuyển cho các địa phương: tại đấy, người ta sẽ lo liệu lấy. Tôi xin nói với các ngài rằng nhân dân cứ tôi đến đây để đòi ruộng đất, tự do và tất cả quyền tự do công dân; chúng tôi sẽ sống và sẽ không nói rằng những người này là quý tộc, còn những người kia là nông dân; toàn thể chúng ta đều sẽ là những con người, và mỗi một người sẽ là chủ ở vị trí của mình" (1930 - 1934).

Khi người ta đọc một diễn văn như vậy của một nông dân "không làm chính trị", thì hoàn toàn rõ ràng là việc thực hiện cương lĩnh ruộng đất không những của Xtô-lư-pin mà thậm chí cả cương lĩnh của những người dân chủ - lập hiến, đòi hỏi hàng chục năm bạo lực thường xuyên chống lại quần chúng nông dân, đánh đập thường xuyên, tiêu diệt bằng tra tấn, tù đầy tất cả những nông dân có suy nghĩ và muốn hành động hoàn toàn tự do. Xtô-lư-pin hiểu điều đó và hành động phù hợp với điều đó. Những người dân chủ - lập hiến phần nào không hiểu điều đó vì có tinh thần hẹp hòi vốn có của những viên chức và giáo sư thuộc phái tự do; và phần nào thì che giấu những sự thật một cách giả nhân giả nghĩa, "bên lên không nói năng gì" – như về những hình phạt quân sự năm 1861 và những năm sau đó. Nếu như thủ đoạn bạo lực thường xuyên đó được tiến hành không lùi trước một cái gì mà bị những trở ngại bên trong hoặc bên ngoài nào đó làm thất bại, thì người nông dân thực thà, không đảng phái, "không làm chính trị", sẽ biến nước Nga thành một nước cộng hòa nông dân.

Trong một bài diễn văn ngắn, người nông dân Mô-rô-dơ đã đơn giản tuyên bố: "Cần phải lấy ruộng đất của các linh mục và địa chủ" (1955), và sau đó dẫn Kinh thánh (không phải là lần đầu tiên trong lịch sử mà những nhà cách mạng tư sản lấy những khẩu hiệu của mình từ trong Kinh thánh ra)... "Nếu nhà người không đem bánh mì và nửa chai rượu mạnh cho linh mục, thì linh mục sẽ không đặt tên thánh cho đứa trẻ... Họ còn nói đến Kinh thánh và họ đọc: "hãy cầu xin và nhà người sẽ được bố thí, hãy gõ cửa và cửa sẽ mở ra cho nhà người". Chúng tôi cầu xin, cầu xin, nhưng người ta chẳng bố thí cho chúng tôi gì cả; chúng tôi gõ cửa, nhưng người ta không cho chúng tôi gì cả; vậy thì có phải phá cửa để lấy không? Thưa các ngài, không nên để phải phá cửa, các ngài hãy tự nguyện trao lại đi, và, lúc đó sẽ có sự thoải mái và tự do, và mọi việc sẽ tốt đẹp cho các ngài cũng như cho chúng tôi" (1955).

Đây là người nông dân không đảng phái, A-pha-na-xi-ép, đã đánh giá chủ trương "địa phương công hữu hóa ruộng đất" của người Cô-dắc, không phải trên quan điểm Cô-dắc mà trên quan điểm của "một người hầu như ở nơi khác đến". "Thưa các ngài, trước hết tôi phải nói rằng tôi đại diện cho nông dân miền sông Đôn gồm hơn 1 000 000 người, và ở đây tôi là đại biểu duy nhất của họ; điều đó đủ để chúng tôi tỏ rằng ở đây, chúng tôi hầu như là những người ở nơi khác đến... Điều làm tôi vô cùng ngạc nhiên, là không biết có phải thực ra Pê-téc-bua nuôi nông thôn không? Không, trái lại. Xưa kia, tôi đã phục vụ hơn hai mươi năm ở Pê-téc-bua; ngay khi đó, tôi đã nhận thấy rằng không phải Pê-téc-bua nuôi nông thôn, mà là nông thôn nuôi Pê-téc-bua. Và hiện nay tôi vẫn nhận thấy như vậy. Tất cả những công trình kiến trúc tuyệt vời kia, tất cả những tòa nhà kia, những công trình xây dựng kia, tất cả những ngôi nhà ở đẹp đẽ và tráng lệ kia, toàn bộ những cái đó đều do cũng vẫn những nông dân dựng lên, cũng như hai mươi lăm năm trước

đây... Pu-ri-skê-vích đã đưa ra một ví dụ rằng người Cô-đắc có hơn 20 đê-xi-a-ti-na ruộng đất, và họ cũng đói... Tại sao ông ta không nói ruộng đất đó ở đâu? Có ruộng đất, có ruộng đất cả ở nước Nga nữa, nhưng ai nắm ruộng đất đó? Nếu ông ta biết là có số lượng ruộng đất như vậy, nhưng ông ta lại không nói, thì như thế ông ta là một người bất chính, và nếu ông đã không biết thì không nên bắt đầu từ vấn đề đó. Mà nếu có thể ông ta không biết thật, thì thưa các ngài, xin các ngài cho phép tôi nói cho ông ta biết ruộng đất đó ở đâu, và ruộng đất đó có bao nhiêu, và ai chiếm hữu ruộng đất đó. Nếu kiểm lại những ruộng đất ấy, ta sẽ nhận thấy rằng trong Quân khu sông Đôn, những trại ngựa của tư nhân chiếm 753 546 đê-xi-a-ti-na. Bây giờ, tôi muốn nói đến cả bãi nuôi ngựa của người Can-mức, cái mà người ta gọi là đất đai của dân du mục. Ở đấy, nói chung, có tất cả là 165 708 đê-xi-a-ti-na. Sau nữa, bọn nhà giàu đã thuê tạm thời 1 055 919 đê-xi-a-ti-na. Tất cả những ruộng đất đó ở trong tay không phải của những người mà Pu-ri-skê-vích đã kể ra, mà là của bọn cu-lắc, bọn nhà giàu đang áp bức chúng tôi; thuê gia súc của chúng – thì chúng tước mất của chúng tôi một nửa, rồi lại một rúp mỗi đê-xi-a-ti-na, rồi lại một rúp mỗi gia súc mà chúng tôi sử dụng để cày cấy. Mà chúng tôi thì còn phải nuôi gia đình, nuôi vợ và con cái Cô-đắc chúng tôi nữa chứ. Chính vì thế mà chúng tôi đói". Và diễn giả kể lại rằng do cấp 8 con ngựa "cho đội kỵ binh", các tá điền nhận được những 2700 đê-xi-a-ti-na; nhưng nông dân có thể cấp hơn nhiều thế nữa. "Tôi xin nói với các ngài rằng tôi đã muốn làm cho chính phủ của chúng ta hiểu rằng không làm điều đó là rất sai lầm như thế nào. Tôi đã viết cho ban biên tập tờ "Truyền tin nông thôn" để họ cho đăng. Họ trả lời tôi rằng chúng tôi không việc gì phải dạy chính phủ". Như vậy là, trên những ruộng đất "được địa phương công hữu hóa", cấp làm sở hữu cho địa phương, "chính phủ trung ương không

dân chủ" đang tạo ra de facto¹⁾ những địa chủ mới: địa phương công hữu hóa ruộng đất, như Plê-kha-nốp đã phát minh, là một đảm bảo chống lại sự phục tích...

"Chính phủ đã dùng Ngân hàng nông dân để mở rộng cửa cho chúng tôi kiếm được ruộng đất, – đó chính là cái vòng cổ ngựa mà năm 1861, người ta đã tròng vào cổ chúng tôi. Chính phủ muốn di dân chúng tôi đến những vùng Xi-bi-ri. ...nhưng làm thế này có tốt hơn không: chuyển đến đó những người có hàng nghìn đê-xi-a-ti-na, và ruộng đất mà họ sẽ để lại ở đây sẽ nuôi sống biết bao nhiêu người (hoan hô ở phía tả; có tiếng nói ở phía hữu: "cũ rích rồi, cũ rích rồi")... Trong chiến tranh với nước Nhật, tôi đã dẫn lính mới động viên của tôi đi qua những ruộng đất (của những địa chủ) mà tôi nói đến ở đây. Chúng tôi đã phải đi hơn 2 ngày 2 đêm mới đến địa điểm tập hợp. Lính hỏi tôi: "Ông đưa chúng tôi đi đến đâu?". Tôi trả lời họ: "đến tận nước Nhật". – "Để làm gì?" – "Để bảo vệ Tổ quốc". Bản thân tôi, vốn là một người lính, tôi cảm thấy cần phải bảo vệ Tổ quốc. Binh lính nói với tôi: "đây đâu phải là Tổ quốc của chúng ta – đất là của bọn Li-xe-txơ-xki, Bê-du-lốp, Pốt-cô-pai-lốp? Đâu là của chúng ta? Không có tí gì là của chúng ta cả". Họ đã nói với tôi cái điều mà đến giờ đã hơn hai năm, tôi vẫn không thể quên được... Bởi vậy, thưa các ngài... tóm lại, tôi cần phải nói rằng tất cả những luật hiện hành ở nước Nga đều nói rằng kể từ công hầu cho đến quý phái, Cô-đắc, tiểu thị dân, – không thấy nhắc đến cái từ nông dân, – tất cả những ai lao động trên ruộng đất, bỏ công sức của mình vào ruộng đất, quý và yêu ruộng đất, tất cả đều phải là công dân Nga và đều có quyền sử dụng ruộng đất. Hãy lao động, hãy đổ mồ hôi ra và sử dụng ruộng đất. Nhưng nếu anh không muốn sống trên ruộng đất, nếu anh không muốn lao động trên ruộng đất, nếu anh không muốn bỏ công sức của anh vào đó thì anh cũng không có quyền sử dụng ruộng đất" (1974) (phiên họp thứ 26, 12. IV. 1907).

"Không thấy nhắc đến cái từ nông dân"! Cái câu nói tuyệt vời đó xuất phát "từ đáy lòng" người nông dân muốn xóa bỏ tính chất đẳng cấp của chế độ sở hữu ruộng đất ("tất cả những luật hiện hành ở nước Nga"), muốn loại trừ ngay chính cái tên gọi của đẳng cấp bên dưới, đẳng cấp

1) – trên thực tế

nông dân. "Tất cả đều phải là công dân". Quyền bình đẳng về ruộng đất cho những người lao động – điều đó không phải cái gì khác, mà chỉ là sự áp dụng triệt để, đến cùng, quan điểm của người nghiệp chủ đối với ruộng đất. Không có những lý do nào khác nữa để chiếm hữu ruộng đất (như người Cô-dắc được chiếm hữu ruộng đất "vì đi nghĩa vụ quân dịch", v. v.), không có những lý do nào khác nữa, không có những quan hệ nào khác nữa, ngoài quyền của nghiệp chủ về ruộng đất, ngoài lý do "yêu" ruộng đất, ngoài quan hệ của con người "bỏ công sức của mình" vào ruộng đất. Người phéc-mi-ê muốn được kinh doanh tự do trên ruộng đất tự do, muốn xóa bỏ tất cả những gì xa lạ với anh ta, tất cả những gì ngăn trở anh ta, tất cả những gì đã cũ kỹ, tất cả những hình thức trước kia của chế độ chiếm hữu ruộng đất, thì phải nhìn vấn đề chính là như thế. Như vậy, muốn khuyên người nghiệp chủ đó rời bỏ chủ trương quốc hữu hóa và giảng cho họ thấy lợi ích của chế độ tư hữu về ruộng đất được chia, thì những người mác-xít há chẳng phải đã áp dụng một cách ngu xuẩn một học thuyết chưa được nghiên cứu sâu đó sao?

Trong Đu-ma I, về vấn đề quốc hữu hóa ruộng đất được chia của nông dân, nông dân Méc-cu-lốp (ở tỉnh Cuốc-xơ) đã phát biểu cũng cái ý kiến mà trên kia chúng tôi đã rút ra từ những tài liệu về các đại hội của Hội liên hiệp nông dân. Méc-cu-lốp nói: "Người ta dọa rằng chính nông dân cũng không muốn xa rời mảnh đất cón con mà họ hiện chiếm giữ. Tôi xin trả lời: vậy thì ai lấy của họ? Vì rốt cuộc thì ngay như có quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất đi nữa thì cũng chỉ những ruộng đất mà nghiệp chủ không đem công sức của bản thân ra canh tác, mà lại dùng đến lao động làm thuê, mới bị đem giao cho người khác thôi" (phiên họp thứ 18, ngày 30 tháng Năm 1906, tr. 822).

Đó là lời của một nông dân có – theo lời của anh ta – 60 đê-xi-a-ti-na ruộng đất làm sở hữu riêng; đương nhiên,

xóa bỏ lao động làm thuê trong xã hội tư bản chủ nghĩa hoặc cấm lao động làm thuê, là một ý nghĩ ấu trĩ, nhưng chúng ta cần phải cắt đứt những ý nghĩ sai ở ngay chỗ bắt đầu của những sai lầm, ở vấn đề "xã hội hóa" và ở chỗ cấm đoán lao động làm thuê*, chứ không ở chỗ vấn đề quốc hữu hóa ruộng đất.

Cũng người nông dân Méc-cu-lốp ấy đã phản đối dự án dân chủ - lập hiến của 42 người là dự án trùng với chủ trương địa phương công hữu hóa ruộng đất về điểm sau đây: những ruộng đất được chia thì phải thành ruộng đất tư, còn những ruộng đất của địa chủ thì cho được sử dụng. Đó là "một bước quá độ nào đó từ chế độ này sang chế độ khác"... "đáng lẽ một hình thức sở hữu thì đây lại là hai: chế độ tư hữu về ruộng đất và chế độ lĩnh canh, tức là hai hình thức sở hữu về ruộng đất không những không gắn liền với nhau mà trực tiếp đối lập nhau" (823).

5. NHỮNG NGƯỜI DÂN TÚY TRÍ THỨC

Trong các lời phát biểu của những người dân tụy trí thức, nhất là của những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân, tức là bọn cơ hội chủ nghĩa trong phái dân tụy, cần phải phân biệt hai trào lưu: một mặt, là trào lưu chân thành bảo vệ những lợi ích của quần chúng nông dân – về mặt này những lời phát biểu của họ đem lại, vì những lý do dễ hiểu, một ấn tượng vô cùng yếu ớt hơn những lời phát biểu của những nông dân "không làm chính trị"; mặt khác, người ta nhận thấy có một hơi hướng của chủ nghĩa dân chủ - lập hiến, một cái gì mang tính chất tiểu tư sản trí thức, một sự xúc phạm đến quan điểm của nhà

*Chúng ta cũng không cần phải "cắt đứt" cái ý nghĩ sai đó, vì chính phái lao động "sáng suốt", với những Pê-sê-khố-nốp "sáng suốt" đứng đầu, đã cắt đứt nó rồi.

nước. Tất nhiên là, *khác với nông dân, họ có một học thuyết*: họ đấu tranh không phải là vì những sự khốn cùng và tai họa mà họ trực tiếp nhận thấy, mà là vì một học thuyết quen thuộc, vì một hệ thống quan điểm biểu hiện một cách xuyên tạc nội dung của cuộc đấu tranh.

"Ruộng đất cho những người lao động", – ông Ca-ra-va-ép tuyên bố như vậy trong lời phát biểu đầu tiên của mình và nhận xét luật ruộng đất của Xtô-lư-pin, theo điều 87, là sự "phá hoại công xã", là một "mục tiêu chính trị": "việc tạo ra một giai cấp đặc biệt, giai cấp tư sản nông thôn".

"Chúng ta biết rằng những nông dân đó đều thật sự là chỗ dựa đầu tiên của các thế lực phản động, một chỗ dựa chắc chắn của chế độ quan liêu. Nhưng chính phủ khi làm con tính đó, lại mắc sai lầm nặng, vì bên cạnh giai cấp đó, sẽ còn có giai cấp vô sản nông dân. Tôi không biết giai cấp nào là tốt hơn: giai cấp vô sản nông dân hay là giai cấp nông dân hiện nay không có đầy đủ ruộng đất nhưng, với những biện pháp nhất định được tiến hành, có thể nhận được một số lượng đầy đủ về ruộng đất" (722).

Những lời nói này để lộ ra chủ nghĩa dân túy phản động nổi tiếng theo kiểu ông V. V.: "tốt hơn" cho ai? cho nhà nước ư? cho nhà nước của bọn địa chủ hoặc của giai cấp tư sản ư? Và tại sao giai cấp vô sản lại không phải là "tốt hơn"? Bởi vì giai cấp nông dân ít ruộng đất "có thể nhận được", nghĩa là có thể được xoa dịu một cách dễ dàng hơn, được chuyển một cách dễ dàng hơn sang phe trật tự, so với giai cấp vô sản ư? Ông Ca-ra-va-ép *có ý định* như thế này: thật ra, ông ta muốn giới thiệu cho Xtô-lư-pin và đồng bọn một "đảm bảo" chắc chắn hơn *để chống lại* cách mạng xã hội!

Nếu quả thật ông Ca-ra-va-ép đúng thì những người mác-xít không thể ủng hộ việc tịch thu những ruộng đất của địa chủ ở Nga được. Nhưng ông Ca-ra-va-ép sai, vì so với cách mạng nông dân thì con đường của Xtô-lư-pin làm cho chủ nghĩa tư bản chậm phát triển hơn, con đường

đó tạo ra nhiều người ăn xin hơn là vô sản. Bản thân Ca-ra-va-ép cũng nói – và nói rất đúng – rằng chính sách của Xtô-lư-pin làm giàu (không phải cho những phần tử mới, tư sản, không phải cho những phéc-mi-ê tư bản chủ nghĩa mà) cho bọn địa chủ *hiện tại*, chúng đang kinh doanh theo một phương thức nửa phong kiến. Năm 1895, giá ruộng đất do Ngân hàng nông dân làm trung gian đem bán là 51 rúp một dê-xi-a-ti-na, còn đến năm 1906 là 126 rúp (Ca-ra-va-ép, phiên họp thứ 47, ngày 26 tháng Năm 1907, tr. 1189). Những bạn cùng đảng với ông Ca-ra-va-ép, tức là các ông Vôn-cơ - Ca-ra-tsép-xki và Đê-la-rốp, đã giải thích một cách còn nổi bật hơn nữa giá trị của những con số đó. Đê-la-rốp đã chỉ ra rằng "cho đến năm 1905, trong suốt trên hai mươi năm tồn tại của nó, Ngân hàng nông dân chỉ mua tất cả là 7,5 triệu dê-xi-a-ti-na"; nhưng từ ngày 3 tháng Mười một 1905 đến 1 tháng Tư 1907, nó đã mua 3,8 triệu dê-xi-a-ti-na. Năm 1900, giá một dê-xi-a-ti-na là 80 rúp; năm 1902 - 108 rúp; năm 1903, trước phong trào ruộng đất và cách mạng Nga, giá tăng lên 109 rúp. Ngày nay, giá là 126 rúp. "Trong khi toàn thể nước Nga phải chịu những tổn thất lớn lao do cách mạng Nga gây ra thì bọn đại địa chủ Nga *đã kiếm được những món tư bản kếch xù*. Lúc đó, họ thu được của quốc khố trên 60 triệu rúp" (1220. Diễn giả coi giá 109 rúp là một giá "công bằng"). Ông Vôn-cơ - Ca-ra-tsép-xki còn nói chính xác hơn nhiều, ông ta không thừa nhận một giá nào là "công bằng" cả và đơn giản nhận xét rằng, sau ngày 3 tháng Mười một 1905 chính phủ đã xuất tiền ra trả cho địa chủ 52 triệu rúp về số ruộng đất do nông dân mua lại và 242 triệu rúp về số ruộng đất do chính phủ mua lại; tổng cộng "295 triệu rúp của quốc khố đã được đem trả cho địa chủ quý tộc" (1080. Mọi chỗ đều do chúng tôi viết ngả). Tất nhiên, đây chỉ là một phần rất nhỏ của cái mà nước Nga phải trả về sự phát triển kiểu tư sản - gioong-ke của chế độ ruộng đất, chỉ là một phần rất nhỏ của *cống vật* mà sự phát triển của

lực lượng sản xuất phải chịu vì lợi ích của bọn phong kiến và bọn quan liêu! Chính cái cống vật nộp cho địa chủ đó để nước Nga được tự do phát triển, cũng được phái dân chủ - lập hiến duy trì (trả tiền chuộc). Trái lại, nền cộng hòa tư sản của các phéc-mi-ê sẽ buộc phải sử dụng những món tiền như vậy cho sự phát triển của lực lượng sản xuất của nông nghiệp, dưới chế độ mới*.

Cuối cùng, phải thấy phái dân túy trí thức có được mặt tích cực này là, trái với bọn Bô-brin-xki và bọn Cút-le, họ hiểu rõ rằng năm 1861, nhân dân đã bị lừa; khi nói về cuộc cải cách nổi tiếng, họ không nói rằng cải cách đó là vĩ đại, mà nói rằng cải cách đó được "tiến hành vì lợi ích của bọn địa chủ" (Ca-ra-va-ép, 1193). Thực tế – ông Ca-ra-va-ép nói rất đúng về thời kỳ sau cải cách – "đã vượt quá những lời tiên tri ảm đạm nhất" của những người năm 1861 đã bảo vệ lợi ích của giai cấp nông dân.

Khi nói về *quyền sở hữu* ruộng đất của nông dân, thì để đối lập trực tiếp với sự quan tâm của chính phủ đối với quyền sở hữu đó, ông Ca-ra-va-ép đã nêu một câu hỏi như sau với nông dân: "Thưa các ngài nông dân làm đại biểu ở đây, các ngài là những vị đại diện của nhân dân.

* Xem *Cau-xky*: "Vấn đề ruộng đất ở Nga", nói về sự cần thiết phải chi những món tiền rất lớn cho sự tiến bộ nông nghiệp của giai cấp nông dân. Những người thuộc phái "địa phương công hữu hóa" có thể phản đối ở đây rằng nền cộng hòa tư sản sẽ chỉ tiêu cho việc nuôi dưỡng quân đội cộng hòa, còn hội đồng địa phương dân chủ thì... chính cái chính quyền trung ương không dân chủ sẽ tước tiền của hội đồng địa phương, thưa các ngài thuộc phái địa phương công hữu hóa đáng tôn kính! Và lại, bản thân sự xuất hiện của một hội đồng địa phương như vậy dưới chính quyền trung ương không dân chủ là điều không thể có được, đó chỉ là một mong ước thơ ngây của người tiểu tư sản. Chỉ có sự so sánh giữa nền cộng hòa tư sản (so với các quốc gia khác, thì chi nhiều hơn cả cho sự phát triển của lực lượng sản xuất – thí dụ: Bắc Mỹ) với nền quân chủ tư sản (từ hàng chục năm nay vẫn trả *cống vật* cho bọn gioong-ke – thí dụ: nước Đức), mới là hiện thực thôi.

Cuộc sống của các ngài là cuộc sống của nông dân, nhận thức của các ngài là nhận thức của nông dân. Khi ra đi, những cử tri của các ngài có phàn nàn rằng không tin chắc là có được sở hữu ruộng đất không? Họ có ủy nhiệm cho các ngài rằng nhiệm vụ đầu tiên của các ngài trong Đu-ma, yêu sách đầu tiên của các ngài phải là: "Hãy củng cố chế độ tư hữu ruộng đất, nếu không các ngài sẽ không làm tròn sự ủy nhiệm của chúng tôi", hay không? Các ngài nhất định sẽ nói rằng không, người ta không ủy nhiệm cho chúng tôi như vậy" (1185).

Đại biểu nông dân đã không bác bỏ lời tuyên bố đó mà xác nhận nó bằng toàn bộ nội dung các lời phát biểu của họ. Và như vậy không phải vì người nông dân Nga là một "người tán thành công xã", một "người chống sở hữu", mà là vì *hiện nay* những điều kiện kinh tế trao cho họ một nhiệm vụ: xóa bỏ tất cả các hình thức sở hữu ruộng đất cũ nhằm tạo ra một chế độ kinh tế mới.

Phải thấy mặt tiêu cực của phái dân túy trí thức là những lập luận khoa trương của họ về "tiêu chuẩn" sở hữu ruộng đất của nông dân. "Theo tôi thì mọi người sẽ thừa nhận rằng muốn giải quyết đúng đắn vấn đề ruộng đất, – ông Ca-ra-va-ép tuyên bố, – cần phải có những tài liệu sau đây: trước hết là tiêu chuẩn ruộng đất cần thiết để tồn tại, tiêu chuẩn tiêu dùng, và tiêu chuẩn lao động để tận dụng toàn bộ số lượng lao động. Phải biết thật chính xác số lượng ruộng đất mà nông dân có là bao nhiêu – điều này sẽ cho phép tính toán xem họ thiếu bao nhiêu. Sau nữa, phải biết có thể phân phối bao nhiêu ruộng đất" (1186).

Chúng tôi kiên quyết phản đối ý kiến như vậy. Và dựa vào những lời tuyên bố của nông dân tại Đu-ma, chúng tôi khẳng định rằng ở đây có một yếu tố của chủ nghĩa quan liêu trí thức, xa lạ với nông dân. Nông dân không nói đến "tiêu chuẩn". Tiêu chuẩn, đó là một phát minh quan liêu, là cái còn sót lại của một kỷ niệm đáng nguyền rủa

của cải cách phong kiến năm 1861. Do bản năng giai cấp vững chắc, nông dân coi việc xóa bỏ quyền sở hữu của bọn địa chủ, chứ không phải những "tiêu chuẩn", là trọng điểm. Vấn đề không phải là biết "cần phải" có bao nhiêu ruộng đất. "Các ông sẽ không tạo ra được một trái đất nào khác nữa", như người nông dân không đảng phái mà chúng tôi đã nói ở trên, đã phát biểu một cách thông minh. Vấn đề là xóa bỏ những đại điền trang nông nô *có tính chất áp bức*, chúng đáng được xóa bỏ ngay cả khi mà không xóa bỏ chúng người ta cũng đạt được những "tiêu chuẩn" đó. Người dân tụy trí thức thường nghĩ rằng một khi "tiêu chuẩn" đã đạt được rồi, thì có lẽ không cần dừng đến bọn địa chủ. Còn nông dân thì nghĩ khác: "Hỡi nông dân, *hãy hạ bọn chúng xuống*" (tức bọn địa chủ), – người nông dân Pi-a-núc (xã hội chủ nghĩa - cách mạng) đã nói như vậy tại Đu-ma II (phiên họp thứ 16, ngày 26 tháng Ba 1907, tr. 1101). Phải hạ bọn địa chủ xuống, không phải vì không đạt được các "tiêu chuẩn" mà chính là vì những điền chủ không muốn phải công mãi những con lừa và bọn đĩa đói. Giữa hai lập luận đó, "sự khác nhau thật là lớn".

Không nói chi đến các tiêu chuẩn, người nông dân, với cái tính nhạy cảm thực tiễn tuyệt vời, "nắm chắc lấy sừng con bò mộng". Vấn đề là: *ai* sẽ xác lập các tiêu chuẩn? Linh mục Pô-i-ác-cốp tại Đu-ma I đã diễn tả điều đó một cách đặc sắc. Ông ta nói: "Người ta đề nghị ấn định tiêu chuẩn ruộng đất theo đâu người. *Ai sẽ ấn định tiêu chuẩn đó?* Nếu do chính bản thân nông dân thì khỏi phải nói, họ sẽ không tự mình làm thiệt cho mình đâu, nhưng nếu ngoài nông dân còn có địa chủ để ấn định các tiêu chuẩn thì người ta không biết rõ ai sẽ thắng khi xác lập các tiêu chuẩn" (phiên họp thứ 12, ngày 19 tháng Năm 1906, tr. 488).

Như vậy là toàn bộ những lời nói trống rỗng về những tiêu chuẩn đã bị đập tan.

Đối với phái dân chủ - lập hiến thì đó không phải chỉ

là những lời nói tếu, mà là *sự phản bội* thực sự của người mu-gích đối với địa chủ. Và ông Pô-i-ác-cốp, vị linh mục nông thôn, con người đôn hậu, có lẽ đã từng trông thấy trong làng ông ta những hành động của địa chủ thuộc phái tự do, nên do bản năng, đã thấy rõ đâu là sự lừa bịp.

Cũng ông Pô-i-ác-cốp ấy nói: "Người ta còn sợ rằng có nhiều quan lại quá! Nông dân sẽ tự chia lấy ruộng đất." (488-489). Đây là mấu chốt của vấn đề. Những "tiêu chuẩn" quả thật sặc mùi quan lại. Nông dân thì lại nghĩ khác: chúng tôi sẽ tự chia lấy tại chỗ. Do đó nảy ra ý kiến về các ủy ban ruộng đất địa phương, ý kiến biểu hiện lợi ích chân chính của giai cấp nông dân trong cách mạng và kích thích một cách chính đáng lòng căm ghét của bọn tự do chủ nghĩa vô lại*. Với một kế hoạch *quốc hữu hóa như vậy*, thì nhà nước chỉ còn có việc là xác định ruộng đất nào có thể dùng làm *đất để di dân* hoặc đòi hỏi một sự can thiệp đặc biệt ("những sông hồ, rừng rú có quan hệ đến quốc kế dân sinh" như cương lĩnh hiện nay của chúng ta đã nói), tức là *chỉ còn lại cái việc mà ngay cả những người chủ trương "địa phương công hữu hóa" cũng cho rằng cần phải để "nhà nước dân chủ" (đáng lẽ phải nói: nền cộng hòa) chi phối*.

Dem so sánh những điều phát biểu về tiêu chuẩn với thực tế kinh tế, chúng ta sẽ thấy ngay rằng nông dân là những người thực tế, còn phái dân tụy trí thức là những người chỉ nói suông. Tiêu chuẩn "lao động" sẽ có một tầm quan trọng *to lớn* nếu như có ý định cấm lao động

* Những chính phủ công nhân ở thành phố, những ủy ban nông dân ở nông thôn (đến một lúc nào đó, sẽ biến thành những ủy ban bầu theo đầu phiếu phổ thông, v. v.), đó là hình thức tổ chức duy nhất có thể có của cuộc cách mạng thắng lợi, tức là của nền chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân. Không lấy gì làm lạ rằng bọn tự do lại căm ghét những hình thức tổ chức đó của các giai cấp đang chiến đấu cho tự do!

làm thuê. Những ý định đó, phần đông nông dân đã quảng đi rồi, và những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân cũng thấy là không thể thực hiện được. Nếu như vậy thì vấn đề "tiêu chuẩn" không đứng vững, và chỉ còn việc phân chia giữa một số lượng nhất định những nghiệp chủ. Tiêu chuẩn "tiêu dùng" là một tiêu chuẩn nghèo khổ cơ cực, và trong xã hội tư bản chủ nghĩa, giai cấp nông dân luôn luôn sẽ chạy ra thành thị để tránh cái "tiêu chuẩn" đó (lát nữa, chúng tôi sẽ nói trở lại vấn đề này). Do đó, cả ở đây nữa, vấn đề hoàn toàn không phải là "tiêu chuẩn" (vốn thay đổi mỗi khi việc trồng trọt và kỹ thuật thay đổi), mà là sự phân chia giữa số lượng thực tế những nghiệp chủ, là sự "phân định" rõ những người thật sự là nghiệp chủ có khả năng "nâng niu" ruộng đất (nhờ lao động và tiền vốn) với những nghiệp chủ bất lực, mà người ta không thể duy trì trong nông nghiệp và nếu cố duy trì thì đó sẽ là một biện pháp pháp phản động.

Để nêu lên một hiện tượng buồn cười chứng minh rằng *những học thuyết* dân túy sẽ dẫn các ngài dân túy tới đâu, tôi xin kể ra lời ông Ca-ra-va-ép dẫn chúng *Dan-mạch*. Các bạn thấy đấy, châu Âu "vấp phải quyền tư hữu", còn công xã của chúng ta thì "giúp giải quyết vấn đề hợp tác xã". "Về mặt này, *Dan-mạch* là một tấm gương sáng chói". Tấm gương quả là *sáng chói*, nhưng chống lại phái dân túy. Ở *Dan-mạch*, chúng ta thấy có một giai cấp nông dân *tư sản* điển hình nhất, nó tập trung trong tay cả gia súc để lấy sữa (xem "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"", § X¹⁾ lần ruộng đất. Trong tổng số hộ làm ruộng ở *Dan-mạch*, 68,3% có dưới 1 hartkorn, tức khoảng dưới 9 đê-xi-a-ti-na. Họ chỉ có 11,1% toàn bộ ruộng đất. Ở phía kia, 12,6% số hộ có từ 4 hartkorn trở lên (*tức 36 đê-xi-a-ti-na*

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 273 - 278.

trở lên); họ chiếm 62% toàn bộ ruộng đất (N. X. "Cương lĩnh ruộng đất", Nhà xuất bản "Thế giới mới", tr. 7). Xin miễn bình luận.

Một sự kiện lý thú là: tại Đu-ma I, Ghéc-txen-stanh, một người thuộc phái tự do, tán dương *Dan-mạch*, còn những người cánh hữu thì phản đối (tại hai Đu-ma): ở *Dan-mạch*, chính là chế độ *sở hữu* nông dân. Ở nước ta, quốc hữu hóa ruộng đất là cần thiết để cho những hộ cũ được tự do tổ chức lại trên ruộng đất là cần thiết để cho những hộ cũ được tự do tổ chức lại trên ruộng đất "không có bờ ngăn cách", theo "phương thức *Dan-mạch*"; còn việc biến những ruộng đất cho thuê thành sở hữu thì không có gì trở ngại cả nếu như bản thân nông dân đòi hỏi như vậy, vì *đối với một vấn đề như thế*, toàn bộ giai cấp tư sản và chế độ quan liêu sẽ luôn luôn ủng hộ giai cấp nông dân. Và lại, với việc quốc hữu hóa, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản (sự phát triển theo "phương thức *Dan-mạch*") sẽ có những tiến bộ *nhANH HƠN* nhờ việc xóa bỏ quyền tư hữu về ruộng đất.

6. NHỮNG NÔNG DÂN THUỘC PHÁI LAO ĐỘNG (DÂN TÚY)

Về thực chất thì nông dân thuộc phái lao động và nông dân thuộc phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng *không có gì khác* nông dân không đảng phái. So sánh các lời phát biểu của họ với nhau, ta vẫn thấy cũng những nhu cầu giống nhau, cũng những yêu sách giống nhau, cũng một thế giới quan giống nhau. Có điều là nông dân có đảng phái thì có ý thức hơn, họ phát biểu rõ ràng hơn, họ hiểu đầy đủ hơn sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các khía cạnh của vấn đề.

Có lẽ lời phát biểu hay hơn hết là của Ki-xê-lép, một nông dân thuộc phái lao động, trong phiên họp thứ 26 của Đu-ma II (12 tháng Tư 1907). Trái với "quan điểm của nhà nước", vốn là quan điểm của anh cạo giấy tự do chủ nghĩa, trọng tâm ở đây chuyển trực tiếp sang sự kiện là "toàn bộ

chính sách đối nội của chính phủ ta, *trên thực tế* là do địa chủ chỉ đạo, thì hoàn toàn nhằm vào việc duy trì ruộng đất trong tay những người sở hữu hiện tại" (1943). Diễn giả vạch ra rằng đúng là vì điều đó mà người ta hăm nhân dân "trong một tình trạng dốt nát cùng cực", và ông nói đến bài diễn văn của công tước Xvi-a-tô-pôn - Miéc-xki, người thuộc phái tháng Mười. "Tất nhiên các ngài không quên những lời nói ghê gớm của công tước: "hãy gác lại mọi tư tưởng về việc tăng thêm diện tích ruộng đất của nông dân. Hãy bảo vệ và ủng hộ những người tư hữu. Không có địa chủ thì cái khối nông dân lạc hậu và ngu dốt của chúng ta chỉ là một đàn cừu không có người chăn". Các đồng chí nông dân, có phải nói thêm gì để làm cho các đồng chí hiểu những tham vọng thâm kín trong trái tim của các ngài ân nhân đó của chúng ta không? Phải chăng các đồng chí không thấy rằng cho đến nay, họ vẫn than tiếc chế độ nông nô, họ thương nhớ chế độ đó ư? Không, thưa các ngài chần chiêng, xin đủ... Tôi chỉ muốn một điều: những lời nói của vị Ri-u-ri-cô-vích tao nhã đó, toàn thể nước Nga nông dân lạc hậu, toàn bộ đất nước Nga hãy nhớ cho kỹ, hãy để cho những lời nói đó đốt cháy tim gan mỗi người nông dân và soi sáng, hơn mặt trời, cái vực thẳm ngăn cách giữa chúng ta và những ân nhân không mời mà đến. Xin đủ, thưa các ngài chần chiêng... Xin đủ. Điều mà chúng tôi cần, không phải là những người chăn, mà là những lãnh tụ mà chúng tôi có thể tìm được, không cần đến các ngài, và với các lãnh tụ đó, chúng tôi sẽ tìm thấy con đường tiến tới ánh sáng và công lý, sẽ tìm thấy con đường tiến tới cả đất thánh nữa" (1947).

Người thuộc phái lao động hoàn toàn đứng trên quan điểm của người tư sản cách mạng, ngộ nhận rằng quốc hữu hóa ruộng đất sẽ dẫn tới "đất thánh", nhưng lại đấu tranh quên mình cho cuộc cách mạng *hiện tại* và căm ghét tư tưởng muốn cắt xén quy mô của nó: "Đảng tự do nhân dân

khước từ một giải pháp công bằng về vấn đề ruộng đất... Thưa các vị đại diện của nhân dân, một thiết chế lập pháp như Đu-ma nhà nước có thể vì thực tiễn mà hành động hy sinh công lý đi không? Các ngài có thể ban bố những luật mà biết trước rằng những luật đó là bất công, không? .. Những luật bất công mà chế độ quan liêu đã ban bố cho chúng ta thì các ngài còn cho là chưa đủ đến nỗi bản thân chúng ta lại còn phải làm ra những luật như thế nữa, ư?.. Các ngài biết quá rõ rằng vì những lý do thực tiễn – ổn định nước Nga – người ta đã cử đi những đội quân trừng phạt, tuyên bố tình trạng giới nghiêm trong toàn quốc; vì những lý do thực tiễn mà các tòa án quân sự - dã chiến đã được thiết lập. Nhưng xin các ngài nói cho tôi biết, trong chúng ta ai là kẻ tỏ ra phẫn khởi vì hành động thực tiễn đó? Chẳng phải là tất cả các ngài đã nguyện rửa nó ư? Chớ có đặt câu hỏi như là một vài người đã làm ở đây" (hiển nhiên là diễn giả ám chỉ lời phát biểu của Ta-ta-ri-nốp, một địa chủ thuộc phái dân chủ-lập hiến trong phiên họp thứ 24, ngày 9 tháng Tư: "thưa các ngài, công lý là một khái niệm có tính chất quy ước tương đối", "công lý, đó là lý tưởng mà tất cả chúng ta đều khao khát, nhưng lý tưởng đó" (của người dân chủ-lập hiến) chỉ là một lý tưởng thôi, và tôi tự hỏi không biết có cách gì thực hiện được nó trong thực tiễn không", 1779 - "công lý là gì? Con người, đấy là công lý. Con người sinh ra, nó phải được sống, đó là công lý, và vì thế nó phải có khả năng kiếm được miếng bánh bằng lao động của mình, đó là công lý ...").

Các bạn thấy đấy: nhà tư tưởng đó của nông dân đứng trên quan điểm điển hình của nhà khai sáng Pháp thế kỷ XVIII. Ông ta không hiểu sự hạn chế về mặt lịch sử, không hiểu nội dung lịch sử nhất định của cái công lý *của ông ta*. Nhưng ông ta lại *muốn*, và giai cấp mà ông ta đại diện *có thể* vì cái công lý trừu tượng đó mà *quét sạch* tất cả các

tàn tích của thời trung cổ. Chính cái nội dung lịch sử *thực tế* đó nằm trong cách đặt vấn đề: không có một lý do "thực tiễn" nào có hại cho công lý cả. Như vậy có nghĩa là: không nhượng bộ đối với thời trung cổ, đối với địa chủ và chính quyền cũ một mảy may nào cả. Đó là giọng điệu của một đại biểu trong Hội nghị quốc ước. Nhưng đối với Ta-ta-ri-nốp, người thuộc phái tự do, thì "lý tưởng" của nền tự do tư sản "chỉ là một lý tưởng", ông ta không đấu tranh một cách nghiêm túc, không hy sinh tất cả để thực hiện lý tưởng đó, mà thỏa hiệp với địa chủ. Những Ki-xê-lép có thể dẫn nhân dân đến một cuộc cách mạng tư sản thắng lợi, còn những Ta-ta-ri-nốp thì chỉ đến sự phản bội.

". . . Vì những lý do thực tiễn, Đảng tự do nhân dân đề nghị không nên đặt ra một quyền lợi nào về ruộng đất. Đảng đó sợ rằng quyền đó sẽ lôi cuốn một số đông những người thành thị về nông thôn, và như vậy thì mỗi người sẽ có ít ruộng đất thôi. Trước hết, tôi xin hỏi quyền lợi về ruộng đất là gì? Quyền lợi về ruộng đất, đó là quyền lao động, quyền có bánh mì, quyền sống, đó là quyền không thể thiếu được của mỗi người. Làm sao chúng ta lại có thể tước mất cái quyền đó của một người nào? Đảng tự do nhân dân nói rằng nếu ban cho tất cả các công dân cái quyền đó và phân chia ruộng đất cho họ, thì mỗi người sẽ có một ít ruộng đất. Nhưng quyền lợi và việc thực hành quyền lợi không phải là một. Mỗi người trong các vị có mặt ở đây đều có quyền được sống tại một Tsu-khlô-ma nào đó, thế mà người đó lại sống ở đây; ngược lại, những người sống ở Tsu-khlô-ma cũng có quyền được sống ở Pê-téc-bua, thế mà họ lại chui rúc ở trong cái xó của họ. Vậy hoàn toàn không có lý do gì để sợ rằng việc trao quyền sử dụng ruộng đất cho tất cả những người muốn cày cấy lại lôi cuốn cả một đám người từ thành thị về. Chỉ những người vẫn chưa cắt đứt quan hệ với nông thôn, những người mới đây đã rời bỏ nông thôn để ra thành thị mới sẽ từ thành thị về nông thôn thôi... Kể nào ở thành thị có công ăn việc làm thực sự vững vàng và chắc chắn thì sẽ không về nông thôn... Tôi nghĩ rằng chỉ có biện pháp xóa bỏ hoàn toàn và vĩnh viễn chế độ tư hữu về ruộng đất... v. v ... chỉ có một biện pháp như vậy mới có thể được chúng ta thừa nhận là thỏa đáng" (1950).

Lời phát biểu rất điển hình đó của một người thuộc phái lao động, đặt ra một vấn đề đáng chú ý: những lời

phát biểu *như vậy* về quyền lao động và những lời phát biểu của những người dân chủ tiểu tư sản Pháp năm 1848 cũng về quyền lao động, có khác gì nhau không? Cả hai trường hợp, hiển nhiên đều là lời tuyên bố của người dân chủ tư sản diễn tả *một cách mơ hồ* nội dung lịch sử thật sự của cuộc đấu tranh. Nhưng lời tuyên bố của người thuộc phái lao động thì diễn tả *một cách mơ hồ những mục đích* thật sự của cuộc cách mạng *tư sản* mà do những điều kiện khách quan có thể xảy ra (nói một cách khác: cuộc cách mạng ruộng đất nông dân có thể xảy ra ở Nga trong thế kỷ XX), còn lời tuyên bố của Kleinbürger¹⁾ Pháp năm 1848 thì diễn tả một cách mơ hồ những mục tiêu của cuộc cách mạng *xã hội chủ nghĩa* không thể xảy ra tại Pháp vào giữa thế kỷ qua. Nói theo cách khác: quyền được lao động của người công nhân Pháp giữa thế kỷ XIX biểu thị ý muốn đổi mới *toàn bộ* nền sản xuất nhỏ theo những nguyên tắc của chế độ hợp tác, của chủ nghĩa xã hội, v. v. ; Vậy mà *về phương diện kinh tế*, điều đó là không thể xảy ra được. Quyền được lao động của người nông dân Nga trong thế kỷ XX biểu thị ý muốn đổi mới nền sản xuất nhỏ *nông nghiệp* trên mảnh đất *đã quốc hữu hóa*, điều này, *về phương diện kinh tế*, là hoàn toàn có thể được. Ngoài cái lý luận xã hội chủ nghĩa giả danh, "quyền được lao động" của người nông dân Nga thế kỷ XX còn bao hàm một nội dung tư sản thật sự. Quyền được lao động của người tiểu tư sản và của người công nhân Pháp giữa thế kỷ XIX, đó chẳng phải là *cái gì* khác hơn là một học thuyết xã hội chủ nghĩa giả danh. Chính đó là sự khác nhau mà nhiều nhà mác-xít của chúng ta không nhận ra.

Còn người thuộc phái lao động đã tự vạch ra nội dung *thật sự* của học thuyết của mình: *không phải tất cả mọi người* sẽ về với ruộng đất, mặc dù "tất cả mọi người đều

1) — tiểu tư sản

có một quyền lợi ngang nhau về ruộng đất". Hiển nhiên là *chỉ những nghiệp chủ* mới sẽ về với đồng ruộng hoặc sẽ an cư mãi mãi trên đồng ruộng. Xóa bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất, chính là xóa bỏ tất cả các trở ngại ngăn cản *những nghiệp chủ* không được an cư trên đồng ruộng.

Không lấy gì làm lạ rằng do tin tưởng vững chắc vào cuộc cách mạng nông dân và muốn phục vụ cuộc cách mạng đó, Kixê-lép nói bằng một giọng khinh bỉ đến phái dân chủ - lập hiến, đến ý muốn của họ là nhượng lại không phải toàn bộ ruộng đất mà một phần ruộng đất, là bắt phải trả tiền chuộc về ruộng đất, là đưa vấn đề ra trước các "cơ quan ruộng đất không có tên gọi" – nói tóm lại, ông ta nói về "con chim bạc má bị Đảng tự do nhân dân vật trụi lông" (1950-1951). Cũng không lấy gì làm lạ rằng Xtơ-ru-vê và đồng bọn *đã phải* căm ghét phái lao động, nhất là sau Đu-ma II: chừng nào người nông dân Nga còn thuộc phái lao động thì các kế hoạch của phái dân chủ - lập hiến sẽ không thực hiện được. Và khi người nông dân Nga thôi không còn thuộc phái lao động nữa thì sự khác nhau giữa người dân chủ - lập hiến và người thuộc Đảng tháng Mười sẽ biến mất hoàn toàn!

Chúng tôi xin nói vấn đề về các diễn giả khác. Người nông dân Nê-tsi-tai-lô nói: "Những kẻ hút no máu tủy của nông dân, gọi nông dân là đồ dốt nát" (779). Gô-lô-vin ngắt lời Nê-tsi-tai-lô: địa chủ có thể lăng mạ nông dân, nhưng người mu-gích lăng mạ... địa chủ được sao? "Những ruộng đất đó thuộc về nhân dân, – người ta nói với chúng tôi: hãy mua ruộng đất đi. Chúng tôi đâu có phải là những người nước ngoài từ nước Anh, từ nước Pháp, v. v., đến? Chúng tôi là những người sống tại đây, tại sao các ngài lại muốn chúng tôi phải mua ruộng đất của chúng tôi? Những ruộng đất ấy, chúng tôi đã bao lần trả bằng máu, bằng mồ hôi, bằng tiền bạc của chúng tôi rồi" (780).

Đây là người nông dân Kiéc-nô-xốp (tỉnh Xa-ta-tốp): "Ngày nay chúng tôi chỉ nói về ruộng đất thôi; người ta vẫn còn nói với chúng tôi: ruộng đất là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Tôi nghĩ, không thể cho rằng ruộng đất là bất khả xâm phạm; *một khi nhân dân muốn thì không thể có cái gì là bất khả xâm phạm cả**. (Có tiếng nói ở phía hữu: "ô hô"!.) Đúng như vậy: ô hô! (Vỗ tay ở phía tả.) Thưa các ngài quý tộc, các ngài tướng chúng tôi không biết rằng các ngài đã buộc chúng tôi vào một quân bài, đổi chúng tôi lấy chó, ư? Chúng tôi biết rằng tất cả đều đã là sở hữu thiêng liêng, bất khả xâm phạm của các ngài... Người ta đã đánh cắp ruộng đất của chúng tôi... Những nông dân cử tôi đến đây đều đã nói: ruộng đất là của chúng ta, chúng ta đến đây không phải để mua ruộng đất mà là để lấy lại ruộng đất" (1144)**.

Đây là người nông dân Va-xi-u-tin (tỉnh Khác-cốp): "Chúng ta thấy tại đây, qua vị đại diện ông chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, không phải một bộ trưởng của cả nước mà là một bộ trưởng của 130000 địa chủ. 90 triệu nông dân đối với ngài chẳng là cái gì cả... Các ngài (nói với cánh

* Cách nói rất điển hình mà một người nông dân bình thường dùng để diễn tả tư tưởng cách mạng về chủ quyền của nhân dân. Trong cuộc cách mạng của chúng ta thì ngoài nông dân ra, không có giai cấp tư sản nào khác để thực hiện yêu sách đó trong cương lĩnh vô sản.

** Một nông dân thuộc phái lao động tại Đu-ma I, Na-da-ren-cô (tỉnh Khác-cốp), đã nói: "Nếu các ngài tiếp tục tranh luận về vấn đề xem người nông dân nghĩ gì về ruộng đất, thì tôi xin nói với các ngài rằng ruộng đất đối với những người nông dân chúng tôi cũng như là bầu vú của người mẹ đối với đứa trẻ. Chúng tôi nói về ruộng đất chính chỉ trên quan điểm đó. Chắc các ngài cũng biết rằng cách đây không lâu bọn chủ còn buộc những bà mẹ của chúng tôi phải cho lũ chó con của chúng bú. Hiện nay cũng vẫn thế. Nhưng khác nhau là ở chỗ: ngày nay lũ chó con của bọn chủ không còn bú người mẹ đã sinh ra và nuôi chúng tôi, mà chúng bú người mẹ nuôi sống chúng tôi: ruộng đất" (495).

hữu) tiến hành bóc lột, các ngài đem ruộng đất của mình cho thuê với một giá cắt cổ và các ngài róc đến miếng da cuối cùng của nông dân... Các ngài hãy nhớ rằng nếu chính phủ không thỏa mãn những nhu cầu của nhân dân thì nhân dân sẽ không đợi các ngài đồng ý mà sẽ chiếm lấy ruộng đất.... Tôi là người U-crai-i-na (ông kể lại Ê-ca-tê-ri-na đã tặng như thế nào cho Pô-tem-kin một khu rừng nhỏ gồm 27 000 ê-xi-a-ti-na và 2000 nông dân)... Thời đó, giá một ê-xi-a-ti-na là 25 - 50 rúp; ngày nay giá thuê mỗi ê-xi-a-ti-na là 15 - 30 rúp, mỗi cánh đồng cỏ là 35-50 rúp. Thật là một lũ lột da người ta. (Có tiếng nói ở phía hữu: "Thế nào? Lột da à?". Có tiếng cười.) Xin đừng lấy làm khó chịu, thôi, xin cứ bình tĩnh (vỗ tay về phía tả); tôi gọi đó là lột đến miếng da cuối cùng của nông dân" (643, phiên họp thứ 39, ngày 16 tháng Năm).

Nét chung giữa nông dân thuộc phái lao động và nông dân trí thức là họ đều giữ một kỷ niệm rất sâu sắc về chế độ nông nô. Điều đoàn kết tất cả họ lại, đó là lòng căm thù ghê gớm đối với địa chủ và nhà nước địa chủ. Nhiệt tình cách mạng sôi sục trong tất cả họ. Một số tự phát dùng sức lực của mình để "hạ chúng xuống", mà chưa hề nghĩ đến chế độ tương lai mà họ đang sáng tạo ra. Một số khác mô tả bức tranh chế độ đó một cách không tưởng, nhưng tất cả đều căm ghét sự thỏa hiệp với nước Nga cũ, tất cả đều chiến đấu để phá sập tan tành thời trung cổ đáng nguyền rủa.

Khi người ta so sánh những lời phát biểu của những nông dân cách mạng tại Đu-ma II và những lời phát biểu của công nhân cách mạng, thì tự nhiên là người ta thấy rõ sự khác nhau sau đây. Những người thứ nhất có tinh thần cách mạng trực tiếp hơn, một khao khát muốn đánh đổ tức khắc chính quyền của địa chủ, lập nên tức khắc một chế độ mới. Người nông dân nóng lòng sốt ruột muốn tức khắc lao vào kẻ thù và bóp chết nó. Người công nhân có tinh

thần cách mạng trừu tượng hơn, hình như hướng về phía những mục tiêu xa xôi hơn. Sự khác nhau đó là hoàn toàn dễ hiểu và chính đáng. Người nông dân tiến hành ngay lập tức, ngay tức khắc, cuộc cách mạng *của mình*, cuộc cách mạng tư sản, mà không nhận rõ những mâu thuẫn bên trong của cách mạng đó, thậm chí cũng không hề nghĩ tới những mâu thuẫn đó. Người công nhân dân chủ - xã hội thì nhận rõ những mâu thuẫn đó, và do đề ra những mục tiêu xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới nên *không thể* gán vận mệnh của phong trào công nhân với kết cục của cách mạng tư sản. Nhưng từ đó không nên chỉ rút ra kết luận rằng trong cách mạng tư sản, công nhân phải ủng hộ người thuộc phái tự do. Từ đó phải rút ra kết luận rằng công nhân không hòa vào *bất cứ một* giai cấp nào khác, phải *đem tất cả sức lực của mình* ra giúp nông dân tiến hành đến nơi đến chốn cuộc cách mạng tư sản đó.

7. NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - CÁCH MẠNG

Những lời phát biểu của những người trí thức xã hội chủ nghĩa - cách mạng (chúng tôi đã nói ở trên về những nông dân khi nói về phái lao động) đều đầy dẫy cũng những lời phê phán gay gắt phái dân chủ - lập hiến và nổi căm thù đối với địa chủ. Không trở lại những điều đã nói ở trên, chúng ta hãy nêu lên một đặc điểm *mới* vốn có của nhóm đại biểu này. Trái với phái lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân, những người mà đáng lẽ nói về lý tưởng của chủ nghĩa xã hội thì lại nghiêng về mô tả cái lý tưởng... Đan-mạch, trái với nông dân vốn xa lạ với mọi học thuyết và biểu thị tình cảm tự nhiên của người bị áp bức, tức là người đã lý tưởng hóa một cách cũng rất tự nhiên sự giải phóng của mình khỏi một hình thức bóc lột nhất định, - thì phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng đưa vào các lời phát biểu của mình học thuyết về "chủ nghĩa xã hội" kiểu *của riêng mình*.

Thì đây, U-xpen-xki và Xa-ga-tê-li-an (phái "Đa-n sắc-txu-ti-un" đều rất gần với phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, và những "người trẻ" thì thậm chí còn ra nhập Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng) nêu vấn đề *công xã*. Diễn giả sau nhận xét một cách khá ngây thơ: "Thật đáng buồn phiên phải nêu lên rằng, trong khi phát triển một học thuyết rộng rãi về quốc hữu hóa ruộng đất, người ta không cố nhấn mạnh đến cái cơ quan sinh động chưa có ai đụng đến, cái cơ quan duy nhất cho phép tiến tới... Công xã đảm bảo tránh được tất cả những sự khủng khiếp đó (những sự khủng khiếp của châu Âu, sự phá hủy nền kinh tế nhỏ, v.v.)" (1122).

Chúng ta sẽ hiểu "sự buồn phiền" của nhà hiệp sĩ đáng tôn kính bảo vệ cho công xã nếu như chúng ta chú ý rằng ông ta là diễn giả *thứ 26* nói về vấn đề ruộng đất.

Ít ra là 14 người thuộc cánh tả, thuộc phái lao động, v. v., đã phát biểu trước ông ta, và không một ai trong họ "không cố nhấn mạnh đến cái cơ quan sinh động chưa có ai đụng đến" cả! Thật cũng đáng "buồn phiền" khi nhận thấy nông dân trong Đu-ma cũng lãnh đạm đối với công xã, giống như là sự lãnh đạm đã biểu hiện trong các đại hội liên hiệp nông dân. Xa-ga-tê-li-an và U-xpen-xki đều tán thành công xã giống như những môn phái thật sự giữa một cuộc cách mạng nông dân vốn không muốn nghe nói về những liên minh ruộng đất cũ. «Tôi cảm thấy có một nguy cơ gì đó đối với công xã», - Xa-ga-tê-li-an buồn rầu nói (1123). "Chính ngày nay cần phải ra sức cứu vãn công xã với bất cứ giá nào" (1124). "Hình thức này (tức là công xã) có thể có quy mô của một phong trào thế giới có khả năng đem lại giải pháp cho tất cả các vấn đề kinh tế" (1126). Có lẽ ông Xa-ga-tê-li-an đã phát biểu tất cả các lời đó về công xã, "với một vẻ buồn rầu và không đúng chỗ". Còn bạn đồng nghiệp U-xpen-xki của ông, khi phê phán đạo luật của Xtô-lư-pin chống lại công xã, đã biểu thị ý muốn "được thấy

giảm đến mức tối thiểu, đến tận mức thấp nhất, sự di chuyển sở hữu ruộng đất" (1115).

Điều mong ước đó của một người dân tụy thì chắc chắn là phản động rồi. Nhưng điều đáng buồn cười là Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, là đảng nêu ra ở Đu-ma điều mong ước như vậy, lại bào chữa cho việc xóa bỏ quyền tư hữu về ruộng đất, mà không hiểu rằng làm như thế sẽ tạo ra sự di chuyển *rộng lớn nhất* về ruộng đất, sự chuyển ruộng đất từ chủ này sang chủ khác một cách tự do nhất và dễ dàng nhất, sự thâm nhập của tư bản vào nông nghiệp một cách tự do nhất và dễ dàng nhất! Lấn lộn quyền tư hữu về ruộng đất với sự thống trị của tư bản trong nông nghiệp là một sai lầm đặc thù của phái quốc hữu hóa ruộng đất theo quan điểm tư sản (Gioóc-giơ và nhiều người khác nữa). Nguyên vọng của phái xã hội chủ nghĩa-cách mạng muốn "giảm bớt sự di chuyển" phù hợp với nguyên vọng của phái dân chủ - lập hiến, mà đại diện của nó là Cút-le đã công khai tuyên bố trong báo cáo của mình: "Đảng tự do nhân dân có ý định chỉ hạn chế không cho họ (nông dân) có quyền chuyển nhượng và quyền cầm cố thôi, nói một cách khác, tức là ngăn cản không cho việc mua và bán ruộng đất được phát triển rộng rãi trong tương lai" (phiên họp thứ 12, ngày 19 tháng Ba 1907, tr. 740).

Phái dân chủ - lập hiến kết hợp nguyên vọng phản động đó với những biện pháp nào giải quyết vấn đề ruộng đất (sự thống trị của địa chủ và của bọn quan liêu), mà lại có khả năng tạo ra những sự cấm đoán quan liêu lối bịch và bệnh giấy tờ quan liêu cho phép nô dịch nông dân. Phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng kết hợp nguyên vọng phản động với những biện pháp loại trừ khả năng có những chương ngại quan liêu (ủy ban ruộng đất địa phương trên cơ sở đầu phiếu phổ thông, v.v.). Tính chất phản động của phái thứ nhất biểu hiện ra ở toàn bộ chính sách (quan liêu - địa chủ) của họ trong cách mạng tư sản. Tính chất phản động của phái

thứ hai là "chủ nghĩa xã hội" tiểu tư sản mà người ta gán ghép một cách sai lầm cho cuộc cách mạng tư sản triệt để.

Về những học thuyết kinh tế của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, thì đáng chú ý là điều mà các đại diện của họ trong Đu-ma nói về ảnh hưởng của cải cách ruộng đất đối với sự phát triển công nghiệp. Quan điểm ngây thơ của những người cách mạng tư sản, được quét qua nước sơn học thuyết dân túy, nổi bật lên một cách kỳ lạ. Chẳng hạn như người xã hội chủ nghĩa - cách mạng Ca-ba-cốp (tỉnh Péc-mơ), nổi tiếng ở U-ran là người tổ chức ra Hội liên hiệp nông dân, "chủ tịch nước cộng hòa A-la-pa-ép-xcô"¹²⁴, "biệt hiệu Pu-ga-tsep"^{*}. Ông ta bảo vệ quyền của nông dân được có ruộng đất bằng những lý do kiểu nông dân thuần túy, trong đó có lý do là chưa bao giờ nông dân đã khước từ bảo vệ nước Nga chống lại kẻ thù (1953). Ông ta lớn tiếng nói: "Tại sao phải chia ruộng đất? Chúng tôi tuyên bố thẳng ra rằng ruộng đất phải là tài sản chung của nông dân lao động, và nông dân sẽ tìm cách tự mình phân chia ruộng đất tại chỗ cho nhau, không cần có một sự can thiệp nào của quan lại mà từ lâu chúng tôi đã biết là họ không mang lại lợi ích gì cho nông dân" (1954). "Ở địa phương chúng tôi, ở U-ran, nhiều nhà máy phải ngừng hoạt động vì tôn không có nơi tiêu thụ; vậy mà tất cả các ngôi nhà ở nước Nga đều phải lợp bằng rơm rạ. Đáng lẽ là những nhà đó của nông dân phải lợp bằng tôn từ lâu rồi... Có thị trường nhưng không có người mua. Ai là cái khối người mua của chúng ta? Một trăm triệu nông dân lao động, đó là cơ sở của cái khối người mua" (1952).

Đúng, nói như thế mới là nói lên một cách đúng đắn những điều kiện của một nền sản xuất thật sự tư bản chủ

^{*} Xem "Danh sách các đại biểu Đu-ma nhà nước II", bản in riêng của một tác giả vô danh. Xanh Pê-téc-bua, 1907.

nghĩa ở U-ran, khác với tình trạng trì trệ nửa phong kiến lâu đời của nền sản xuất "địa chủ phong kiến". Cả chính sách ruộng đất của Xtô-lư-pin lẫn chính sách ruộng đất của phái dân chủ-lập hiến đều không thể cải thiện một cách khả quan những điều kiện sinh hoạt của quần chúng, mà thiếu điều đó thì công nghiệp không thể phát triển một cách thật sự "tự do" ở U-ran được. Chỉ có cuộc cách mạng nông dân là có khả năng thay thế nhanh chóng một nước Nga gỗ bằng một nước Nga sắt. Người nông dân xã hội chủ nghĩa - cách mạng hiểu những điều kiện phát triển của chủ nghĩa tư bản một cách đúng hơn và sâu rộng hơn là bọn đầy tớ có tuyên thệ của tư bản.

Một người xã hội chủ nghĩa - cách mạng khác, người nông dân Khvô-rô-xtu-khin (tỉnh Xa-ra-tốp), nói: "Phải, thưa các ngài, tất nhiên người ta đã nhân danh Đảng tự do nhân dân mà nói nhiều rồi, người ta đã lên án Nhóm lao động là muốn giao ruộng đất cho những người muốn lao động trên ruộng đất đó. Họ nói rằng lúc đó nhiều người sẽ rời bỏ thành thị và tình hình sẽ còn xấu hơn nữa. Nhưng, thưa các ngài, tôi nghĩ rằng chỉ có những kẻ nào không có công việc gì làm thì mới rời bỏ thành thị, còn những người làm việc thì họ đã quen với công việc, và một khi họ có công ăn việc làm rồi, họ sẽ không rời bỏ thành thị. Thật vậy, cấp ruộng đất cho những người không muốn cày cấy, để làm gì?.." (774). Chẳng phải hiển nhiên là người "xã hội chủ nghĩa - cách mạng" đó tuyệt nhiên không khao khát một sự phân chia ruộng đất bình quân cho tất cả mọi người, mà khao khát sự hình thành những phéc-mi-ê bình đẳng về quyền lợi và được tự do trên mảnh đất tự do, ư? "... Dù sao cũng cần phải đem lại tự do kinh tế cho toàn thể nhân dân, nhất là cho nhân dân từ bao năm nay đã phải chịu đau khổ và đói rét" (777).

Chớ có tưởng rằng cái định nghĩa *đúng đắn* đó về nội dung *thật sự* của tư tưởng xã hội chủ nghĩa - cách mạng

("đem lại tự do kinh tế") là *chỉ* do cách diễn tả vụng về vốn có của nông dân. Không phải chỉ có thế. Thủ lĩnh của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, nhà trí thức Mu-sen-cô, người đã thay mặt đảng mình đọc bài diễn văn kết luận về vấn đề ruộng đất, lại còn ngây thơ hơn nhiều so với những nông dân Ca-ba-cốp và Khvô-rô-xtu-khin trong những quan điểm kinh tế của mình.

"Chúng tôi nói, - Mu-sen-cô tuyên bố, - rằng chỉ có thể làm tốt việc di dân, làm tốt việc phân bố dân khi ruộng đất không còn hàng rào ngăn cách, khi người ta đã phá bỏ những hàng rào do nguyên tắc của chế độ tư hữu về ruộng đất đặt ra. Sau nữa, bộ trưởng đã nói về việc tăng dân số ở nước ta ... Hóa ra, chỉ riêng việc tăng dân số đó (1,6 triệu người), cũng đã cần phải có gần^{3/2} triệu ê-xi-a-ti-na ruộng đất. Ông ta nói: "Nếu như các ngài tiến hành chia bình quân ruộng đất thì các ngài lấy ruộng đất ở đâu để thỏa mãn được một sự tăng dân số như vậy? Nhưng tôi xin hỏi: ở đâu, ở nước nào (sic!) toàn thể nhân khẩu tăng lên lại bị thu hút vào nông nghiệp? *Vì quy luật điều tiết việc phân phối dân số theo thành phần xã hội, theo nghề nghiệp thì lại đúng là một quy luật trái ngược*" (do chúng tôi viết ngả). "Nếu một quốc gia, một nước không suy đồi mà lại phát triển về mặt công nghiệp, điều đó có nghĩa là trên cơ sở nền kinh tế nông nghiệp đáp ứng được những nhu cầu sơ đẳng về thực phẩm và nguyên liệu, người ta dựng lên những tầng kinh tế luôn luôn mới. Nhu cầu tăng lên, những sản phẩm mới xuất hiện, những ngành sản xuất mới xuất hiện; công nghiệp chế biến thu hút một số lượng người lao động không ngừng tăng lên. Nhân khẩu thành thị tăng nhanh hơn nhân khẩu nông nghiệp; nó thu hút đại bộ phận số nhân khẩu tăng lên. Có khi, thừa các ngài, nhân khẩu nông nghiệp giảm xuống, không những một cách tương đối mà thậm chí một cách tuyệt đối nữa. Sở dĩ ở nước ta cái quá trình đó (!) tiến hành chậm chạp, chính vì không có cái gì để trên đó dựng được những tầng kinh tế mới đó. Nền kinh tế nông dân - cơ sở đó rất lung lay; những thị trường của công nghiệp đều quá hẹp. Đem trao trả ruộng đất cho nhân dân sử dụng, các ngài sẽ tạo ra một nhân khẩu nông nghiệp lành mạnh, đông đảo, tràn đầy sức sống, và các ngài sẽ nhận thấy sau này sẽ có một nhu cầu như thế nào về những sản phẩm công nghiệp, và sau này người ta sẽ cần một số lượng như thế nào về lao động cho các công xưởng và nhà máy ở các thành phố" (1173).

Người "xã hội chủ nghĩa - cách mạng" đó gọi cương lĩnh phát triển của chủ nghĩa tư bản là cương lĩnh xã hội hóa ruộng đất - như thế há chẳng phải là tuyệt diệu sao? Thậm chí ông ta cũng không ngờ rằng quy luật nhân khẩu thành thị tăng nhanh hơn chỉ là quy luật của phương thức sản xuất *tư bản chủ nghĩa* thôi. Thậm chí ông ta cũng không ngờ rằng "quy luật" đó không hoạt động và không thể hoạt động được nếu không thông qua việc giai cấp nông dân phân hóa thành giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, thông qua sự "phân định ranh giới" giữa những người làm ruộng, tức là "người sản xuất thật sự" gạt bỏ những "người nghèo khổ". Sự hài hòa kinh tế mà người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đó miêu tả cho chúng ta trên cơ sở của quy luật tư bản chủ nghĩa, thì thật là ngây thơ đến mức lòng. Nhưng đây không phải là sự hài hòa đề ra bởi nhà kinh tế tư sản tầm thường muốn làm lu mờ cuộc đấu tranh của lao động với tư bản. Đây là sự hòa hợp đề ra bởi một người cách mạng tư sản không tự giác, muốn quét sạch những tàn tích của chế độ chuyên chế, của chế độ nông nô, của thời trung cổ.

Cách mạng tư sản *thắng lợi*, - điều mà cương lĩnh ruộng đất hiện tại của chúng ta mơ ước đến, - chỉ có thể tiến hành thông qua những người cách mạng tư sản *thuộc loại hình đó* mà thôi. Và mọi người công nhân giác ngộ phải *ủng hộ người đó* vì lợi ích của sự phát triển xã hội, mà không một giây phút nào để cho những lời bập bẹ trẻ con của những "nhà kinh tế" của phái dân túy lừa dối được mình.

8. NHỮNG "ĐẠI BIỂU DÂN TỘC"

Trong số đại biểu của các dân tộc không phải Nga tại Du-ma, đã có người Ba-lan, người Bê-lô-ru-xi-a, người Lát-vi-a và E-xtô-ni-a, người Lít-va, người Ta-ta-ri-a, người

Ác-mê-ni-a, người Ba-ski-ri-a, người Kiéc-ghi-di-a, người U-crai-i-na, phát biểu về vấn đề ruộng đất. Ta hãy xem họ trình bày quan điểm của họ như thế nào.

Người dân chủ - dân tộc¹²⁵ Đmốp-xki đã phát biểu tại Đu-ma II "thay mặt cho những người Ba-lan - đại diện của Vương quốc Ba-lan và phần phía Tây của Quốc gia ở sát cạnh Vương quốc Ba-lan" (742): "mặc dù những quan hệ ruộng đất của chúng ta đã là một bước ngoặt tiến tới các quan hệ Tây Âu, nhưng vấn đề ruộng đất không phải không tồn tại ở nước chúng ta, và tình trạng ít ruộng đất là một ung nhọt trong cuộc sống chúng ta. Một trong những điểm đầu tiên của cương lĩnh xã hội của chúng tôi là mở rộng diện tích tài sản ruộng đất của người nông dân" (743).

"Nếu tại Vương quốc Ba-lan chúng tôi đã thấy những vụ rối loạn lớn ở nông thôn, dưới hình thức chiếm đoạt những ruộng đất của địa chủ, thì các vụ đó chỉ nổ ra ở phía Đông, như tại huyện Vlô-đa-va, tại đó người ta đã nói với nông dân rằng họ là người theo đạo chính thống nên sẽ được chia những ruộng đất của địa chủ. Những vụ nào động đó chỉ xảy ra trong dân cư theo đạo chính thống" (745).

... "Tại đây (ở Vương quốc Ba-lan), chỉ có hội nghị các đại biểu miền, chỉ có Xây-mơ tự trị mới có thể giải quyết vấn đề ruộng đất, cũng như tất cả các cải cách xã hội khác ... cho phù hợp với những đòi hỏi của cuộc sống" (747).

Lời phát biểu đó của người dân chủ-dân tộc Ba-lan đã dấy lên những lời đả kích dữ dội của những nông dân Bê-lô-ru-xi-a cánh hữu (Ga-vrin-tsiích thuộc tỉnh Min-xcơ, Si-ma-n-xki, Gru-đin-xki) chống lại bọn địa chủ Ba-lan, còn giáo chủ Ép-lô-ghi tất nhiên đã nắm lấy thời cơ và đọc một diễn văn có tính chất giả nhân giả nghĩa và cảnh sát, theo tinh thần của chính sách Nga năm 1863, về việc những địa chủ Ba-lan áp bức nông dân Nga (phiên họp 26, ngày 12 tháng Tư).

"Thật là đơn giản biết bao!" - người dân chủ- dân tộc Gráp-xki đã trả lời lại như vậy (phiên họp thứ 32, ngày 3 tháng Năm). "Nông dân sẽ có ruộng đất; địa chủ Nga sẽ vẫn giữ những ruộng đất của mình; như trong cái thời hoàng

kim ngày xưa, nông dân sẽ ủng hộ chế độ cũ, và người Ba-lan sẽ bị trừng phạt thích đáng về tội đã dám nói đến Xây-mơ Ba-lan" (62). Và sau khi đã công phần vạch mặt tất cả sự mị dân trơ trẽn của chính phủ Nga, diễn giả lên tiếng đòi phải «giao cho Xây-mơ Ba-lan quyền giải quyết vấn đề cuộc cải cách ruộng đất ở nước ta" (75).

Ngoài ra phải nói thêm rằng những nông dân đã kể tên ở trên đòi được chia thêm một số ruộng đất làm *ruộng đất tư* (thí dụ, tr. 1811). Tại Đu-ma I cũng vậy, trong khi đòi ruộng đất, những nông dân Ba-lan và những nông dân ở phía Tây đều tán thành chế độ tư hữu. Na-cô-nê-tơ-nui nói ngày 1 tháng Sáu 1906: Tôi là một nông dân được chia ít ruộng đất ở tỉnh Li-u-ublin. Tại Ba-lan cũng vậy, cần phải thi hành sự chuyển nhượng cưỡng bức. Thà mãi mãi có I-đê-xi-a-ti-na còn hơn là tạm có 5-đê-xi-a-ti-na trong một thời gian (881 - 882). Pô-ni-a-tốp-xki (tỉnh Vô-lum) thay mặt cho Khu miền Tây cũng nói như vậy (19 tháng Năm, tr. 501) và Tơ-ra-xun, thay mặt cho tỉnh Vi-tép-xcơ cũng nói như vậy (418, ngày 16 tháng Năm 1906). Ghiéc-ni-út (tỉnh Xu-van-ki) cũng phát biểu phản đối việc thiết lập dự trữ ruộng đất của toàn đế quốc và tán thành việc thiết lập dự trữ ruộng đất địa phương (ngày 1 tháng Sáu 1906, tr. 879). Cũng lúc đó, bá tước Tu-skê-vích đã tuyên bố rằng theo ông, ý kiến thành lập một dự trữ ruộng đất của cả nước là "không thực tế và không phải là không nguy hiểm" (874). Xtê-tơ-ki cũng có ý kiến như vậy (ngày 24 tháng Năm 1906, tr. 613 - 614: tán thành chế độ sở hữu cá nhân, phản đối chế độ cho thuê).

Thay mặt cho vùng Pri-ban-tích, I-u-ra-sép-xki (tỉnh Cuộc-li-an-di-a) đã phát biểu tại Đu-ma II đòi xóa bỏ những đặc quyền đặc lợi phong kiến của bọn địa chủ lớn (ngày 16 tháng Năm 1907, tr. 670) và đòi chuyển nhượng những ruộng đất của địa chủ vượt quá tiêu chuẩn quy định. "Thừa nhận rằng tại vùng Pri-ban-tích, việc trồng trọt hiện tại phát

triển theo nguyên tắc tư hữu, một nguyên tắc đã được thực hành ở nơi đó, hoặc theo nguyên tắc cho lĩnh canh cha truyền con nối, nhưng vẫn buộc phải kết luận rằng muốn điều chỉnh trong tương lai những quan hệ ruộng đất, cần phải tức khắc lập tại vùng Pri-ban-tích, trên những cơ sở dân chủ rộng rãi, một chính quyền tự quản có khả năng giải quyết đúng đắn vấn đề đó" (672).

I-u-ri-ên, một phần tử thuộc phái tiến bộ, đại biểu của tỉnh E-xtô-ni-a, đã trình bày một dự án riêng cho tỉnh đó (phiên họp 47, ngày 26 tháng Năm 1907, tr. 1210). Ông ta tán thành một "sự thỏa hiệp" (1213): "lĩnh canh cha truyền con nối hoặc vĩnh viễn" (1214). "Ai được hưởng ruộng đất, ai sử dụng ruộng đất tốt nhất, người đó sẽ có ruộng đất trong tay" (như trên). Trong khi đòi hỏi sự chuyển nhượng cưỡng bức theo nghĩa đó, I-u-ri-nê đã phản đối tịch thu ruộng đất (1215). Tại Đu-ma I, Tsác-xtê (tỉnh Cuốc-li-an-đi-a) đã yêu cầu trao lại cho nông dân những ruộng đất của nhà thờ (của các mục sư), trừ những ruộng đất của địa chủ (phiên họp thứ 4, ngày 4 tháng Năm 1906, tr. 195). Tê-ni-xôn (tỉnh Li-phli-an-đi-a) đồng ý bỏ phiếu tán thành đơn thỉnh nguyện, nghĩa là tán thành sự chuyển nhượng cưỡng bức, cho rằng "tất cả những người tán thành việc biến ruộng đất thành sở hữu của cá nhân" (như trên, tr. 209) có thể làm được điều đó. Crây-tơ-béc (tỉnh Cuốc-li-an-đi-a), thay mặt cho nông dân Cuốc-li-an-đi-a, yêu cầu "tước đoạt những đại điền trang" và trao ruộng đất cho nông dân không có ruộng đất hoặc có ít ruộng đất, và nhất thiết "để làm sở hữu" (phiên họp 12, ngày 19 tháng Năm 1906, tr. 500). Ri-út-li (tỉnh Li-phli-an-đi-a) đòi chuyển nhượng cưỡng bức, v.v.. Ông ta nói: "Còn về việc chuyển ruộng đất thành quỹ của nhà nước, nông dân của chúng ta biết rõ đó sẽ là một sự nô dịch mới đối với họ. Cho nên chúng ta phải bảo vệ nền kinh tế nhỏ của nông dân, bảo vệ năng suất lao động và không để chủ nghĩa tư bản phá hoại những cái đó. Như

vậy là khi biến ruộng đất thành quỹ của nhà nước, chúng ta sẽ tạo ra chủ nghĩa tư bản lớn nhất" (497, cùng ngày). Ô-dô-lin (tỉnh Li-phli-an-đi-a), thay mặt cho những nông dân Lát-vi-a tán thành chuyển nhượng cưỡng bức và quyền sở hữu; kiên quyết chống lại một quỹ ruộng đất của nhà nước, chỉ thừa nhận những quỹ của địa phương (phiên họp 13, ngày 23 tháng Năm 1906, tr. 564).

Lê-ô-nát, "đại biểu của tỉnh Xu-van-ki, cụ thể là đại biểu của dân tộc Lít-va" (phiên họp 39, ngày 16 tháng Năm 1907, tr. 654), tán thành kế hoạch của Đảng dân chủ - lập hiến mà ông ta là đảng viên. Một người Lít-va khác thuộc phái tự trị cũng thuộc tỉnh đó, Bu-lát, tán thành phái lao động, nhưng lại yêu cầu hoãn việc quyết định vấn đề chuộc lại, v.v., cho đến khi những ủy ban ruộng đất địa phương xem xét vấn đề ấy (tr. 651, như trên). Pô-vi-li-út (tỉnh Cốp-nô) thay mặt cho "nhóm dân chủ - xã hội Lít-va tại Đu-ma" (như trên, tr. 681, phụ lục), đã trình bày bản cương lĩnh ruộng đất được diễn đạt rất chính xác của nhóm ấy, cương lĩnh đó giống với cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga chúng ta, *nhưng có chỗ khác nhau này* là "tài sản ruộng đất của địa phương *trong phạm vi Lít-va*" là thuộc quyền "cơ quan quản lý tự trị Lít-va" (như trên, mục 2).

Thay mặt cho nhóm Hồi giáo, Khan Khôi-xki (tỉnh Ê-li-da-vét-pôn) đã phát biểu tại Đu-ma II: "Chúng tôi, những người theo đạo Hồi, chiếm trên hai mươi triệu trong toàn bộ dân số quốc gia Nga, chúng tôi cũng chăm chú theo dõi tất cả các diễn biến của vấn đề ruộng đất và cũng sốt ruột mong chờ một giải pháp thỏa đáng cho vấn đề đó" (phiên họp 20, ngày 2 tháng Tư 1907, tr. 1499). Thay mặt cho nhóm Hồi giáo, diễn giả đồng ý với Cút-le, tán thành chuyển nhượng cưỡng bức trên cơ sở một giá cả công bằng (1502). "Nhưng những ruộng đất chuyển nhượng đó sẽ đi đâu? Về phương diện này, nhóm Hồi giáo cho rằng những ruộng

đất chuyển nhượng không phải để thành lập quỹ ruộng đất của nhà nước mà là quỹ ruộng đất của địa phương trong khuôn khổ của mỗi địa phương nhất định" (1503). "Vị đại biểu của những người Ta-ta-ri-a ở Crum", đại biểu Mê-đi-ép (tỉnh Ta-vrich) trong một diễn văn sôi nổi nhiệt tình cách mạng đã tán thành "ruộng đất và tự do". "Cuộc tranh luận càng kéo dài thì càng biểu lộ rõ rệt trước chúng ta cái yêu sách này của nhân dân: ruộng đất phải thuộc quyền sử dụng của những ai lao động trên đó" (phiên họp 24, ngày 9 tháng Tư 1907, tr. 1789). Diễn giả đã vạch rõ "quyền sở hữu thiêng liêng về ruộng đất đã được xác lập như thế nào ở vùng biên khu chúng tôi" (1792); những ruộng đất của người Ba-ski-ri-a đã bị chiếm đoạt như thế nào; những bộ trưởng và những cố vấn nhà nước, những chánh sen đầm được mỗi người từ 2 đến 6 nghìn đê-xi-a-ti-na. Ông ta đã dẫn ra thư ủy nhiệm của những "người anh em Ta-ta-ri-a", họ phân nân về sự chiếm đoạt những ruộng đất va-cúp¹²⁶. Ông ta nhắc lại câu trả lời của viên thống đốc Tuốc-ke-xtan với một người Ta-ta-ri-a ngày 15 tháng Chạp 1906: chỉ những người theo đạo Cơ đốc mới có quyền đến ở trên những mảnh đất của nhà nước. "Những tài liệu đó chẳng toát lên một mùi hôi thối, một mùi độc đoán kiểu A-rắc-tsê-ép của thế kỷ trước đó ư?" (1794).

Thay mặt nông dân Cáp-ca-dơ thì ngoài những người dân chủ - xã hội chúng ta mà chúng tôi sẽ nói sau, Xa-ga-tê-li-an mà chúng tôi đã nhắc tới ở trên (tỉnh Ê-ri-van), đã phát biểu; ông ta đã đứng trên quan điểm của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Một đại diện khác của đảng của những người "Đa-snắc-txu-ti-un" là Te-A-vê-ti-ki-an-txơ (tỉnh Ê-li-da-vét-pôn) cũng phát biểu theo tinh thần đó: "ruộng đất phải thuộc về những người lao động, theo nguyên tắc sở hữu công xã, nghĩa là thuộc về nhân dân lao động chứ không thuộc về ai khác" (phiên họp 39, ngày 16 tháng Năm 1907, tr. 644). "Thay mặt toàn thể nông dân Cáp-ca-dơ,

tôi tuyên bố ... rằng đến giờ phút quyết định, toàn thể nông dân Cáp-ca-dơ sẽ kề vai sát cánh cùng người anh cả của họ là nông dân Nga để giành lấy ruộng đất và tự do" (646). En-đác-kha-nốp, "thay mặt các cử tri bầu ông ta - thổ dân vùng Tê-rếch - yêu cầu chấm dứt tình trạng chiếm đoạt những tài nguyên thiên nhiên cho đến khi vấn đề ruộng đất được giải quyết" (phiên họp 32, ngày 3 tháng Năm 1907, tr. 78); mà chính chính phủ lại là người chiếm đoạt ruộng đất, chiếm phần tốt nhất ven núi, chiếm những ruộng đất của người Cu-múc, tuyên bố là có quyền sở hữu về tài nguyên trong lòng đất (có lẽ đó là trước bài thuyết trình của Plê-kha-nốp và Giôn tại Xtốc-khôn về việc một chính quyền nhà nước không dân chủ không thể đụng đến những ruộng đất đã địa phương công hữu hóa).

Thay mặt những người Ba-ski-ri-a, đại biểu Kha-xa-nốp (tỉnh U-pha) đã nhắc đến việc chính phủ chiếm đoạt 2 triệu đê-xi-a-ti-na và đòi phải "giành lại" những ruộng đất đó (phiên họp 39, ngày 16 tháng Năm 1907, tr. 641). Xước-tla-nốp, đại biểu tỉnh U-pha tại Đu-ma I, cũng đề ra yêu cầu như vậy, phiên họp 20, ngày 2 tháng Sáu 1906, tr. 923). Thay mặt dân tộc Kiéc-ghi-di-a - Ca-i-xác, đại biểu Ca-ra-ta-ép (vùng U-ran) đã phát biểu tại Đu-ma II: "Chúng tôi, những người Kiéc-ghi-di-a - Ca-i-xác... hiểu rất rõ và cảm thấy rất rõ tình trạng đói ruộng đất của những người nông dân anh em, chúng tôi rất sẵn sàng sống chật chội một chút" (phiên họp 39, tr. 673), nhưng "chúng tôi chỉ có rất ít ruộng đất thừa"; vậy mà, "hiện nay, sự di dân đã làm cho dân tộc Kiéc-ghi-di-a - Ca-i-xác phải đi nơi khác"... người ta đuổi những người Kiéc-ghi-di-a không phải khỏi ruộng đất của họ, mà cả khỏi nhà cửa của họ (675). "Những người Kiéc-ghi-di-a - Ca-i-xác luôn luôn có cảm tình với tất cả các nhóm đối lập" (675).

Ngày 29 tháng Ba 1907, Xai-cô, người Cô-dắc thuộc tỉnh Pôn-ta-va đã thay mặt nhóm U-cra-i-na phát biểu tại

Đu-ma II. Ông ta đã nhắc lại một bài hát của người dân Cô-dắc: "Ở này, hoàng hậu Ca-tê-ri-na, ngài đã làm gì vậy? Thảo nguyên bao la xứ sở tươi vui, ngài đã phân phát cho bọn địa chủ. Ở này, hoàng hậu Ca-tê-ri-na, hãy thương chúng tôi với, hãy trả cho chúng tôi ruộng đất, xứ sở tươi vui với những rừng cây um tùm". Và ông ta tán thành phái lao động, chủ yếu cầu thay thế những chữ "quỹ ruộng đất của toàn dân" ở § 2 trong đề án của 104 người bằng những chữ "quỹ ruộng đất quốc gia (sic!) của địa phương phải là cơ sở của tổ chức xã hội chủ nghĩa. "Nhóm U-cra-i-na coi quyền chiếm hữu tư nhân về ruộng đất là một điều bất công lớn nhất trên thế giới" (1318).

Tại Đu-ma I, Tsi-giép-xki, đại biểu của tỉnh Pôn-ta-va đã tuyên bố: "Với tư cách là người tán thành nhiệt liệt chủ trương tự trị, nhất là nền tự trị của U-cra-i-na, tôi tha thiết mong mỗi rằng vấn đề ruộng đất phải để cho dân tộc tôi giải quyết; phải để cho những đơn vị tự trị giải quyết vấn đề trong khuôn khổ của chế độ tự trị của nhà nước chúng tôi, chế độ mà tôi coi là lý tưởng" (phiên họp 14, ngày 24 tháng Năm 1906, tr. 618). Nhưng đồng thời người thuộc phái tự trị U-cra-i-na đó lại thừa nhận là tuyệt đối cần thiết phải có một quỹ ruộng đất của nhà nước, đồng thời làm sáng tỏ vấn đề đã bị phái "địa phương công hữu hóa" của chúng ta làm cho rối tung lên. Tsi-giép-xki nói: "Chúng ta phải tích cực và kiên quyết xác lập nguyên tắc quy định rằng việc quản lý những ruộng đất thuộc quỹ ruộng đất của nhà nước chỉ được trao cho những đơn vị tự quản của hội đồng địa phương hoặc các đơn vị tự trị địa phương đảm nhiệm, khi những đơn vị đó xuất hiện. Thật ra, nếu trong mỗi trường hợp riêng biệt, sự quản lý những ruộng đất đó lại do các cơ quan tự quản địa phương đảm nhiệm thì như vậy tên gọi "quỹ ruộng đất của nhà nước" sẽ có thể có ý nghĩa gì? Theo tôi, ý nghĩa rất là to lớn. Trước hết ... chính chính phủ trung ương là người sử dụng một

phần quỹ ruộng đất của nhà nước... quỹ của nhà nước chúng ta để di dân... Sau nữa, ý nghĩa của việc thành lập một quỹ nhà nước và của tên gọi của nó, là như sau: mặc dù các cơ quan địa phương sẽ được tự do sử dụng tại chỗ quỹ đó, nhưng cũng chỉ trong phạm vi nào đó" (620). Người thuộc phái tự trị tiểu tư sản đó hiểu rõ hơn nhiều so với phái dân chủ - xã hội men-sê-vích của chúng ta, tầm quan trọng của chính quyền nhà nước trong một xã hội tập trung hóa nhờ phát triển kinh tế.

Nhân tiện, nếu nói đến diễn văn của Tsi-giép-xki thì không thể bỏ qua được lời ông phê phán các "tiêu chuẩn". "Tiêu chuẩn lao động - đó chỉ là một tiếng trống rỗng", ông tuyên bố thẳng ra như vậy và nhắc lại tính muôn hình muôn vẻ của những điều kiện nông nghiệp, và cũng vì lý do đó, bác bỏ tiêu chuẩn "tiêu dùng". "Theo tôi, cần phải chia ruộng đất cho nông dân không phải là theo tiêu chuẩn nào đó, mà là theo số dự trữ hiện có... Cần phải trao lại cho nông dân tất cả cái gì mà người ta có thể trao trong một địa phương nhất định", - ví dụ, trong tỉnh Pôn-ta-va, "phải thu lại ruộng đất của tất cả các địa chủ, để lại cho họ tối đa là 50 đề-xi-a-ti-na tính bình quân" (621). Phái dân chủ - lập hiến ba hoa về các tiêu chuẩn, để che đậy kế hoạch thật sự của họ về quy mô chuyển nhượng thực tế, - điều đó có gì là đáng ngạc nhiên? Tsi-giép-xki, khi phê phán phái dân chủ - lập hiến, đã không biết điều đó*.

* Tsi-giép-xki cũng trình bày hết sức nổi bật luận điểm mà chúng ta đều biết, luận điểm của phái lao động có tính chất tư sản không tự giác: sự phát triển của công nghiệp, dòng người đi về với ruộng đất *giảm đi* trong điều kiện một cuộc cách mạng nông dân triệt để. "Những nông dân ở nước ta, những đại biểu cử tri đã cử chúng tôi đến đây, đã tính toán chẳng hạn như sau: "nếu như chúng ta đã giàu hơn một chút và nếu như mỗi gia đình chúng ta có thể tiêu 5 - 6 rúp một năm để mua đường thì trong mỗi huyện, nơi có thể sản xuất củ cải đường,

Kết luận mà chúng ta rút ra từ việc điếm lại những lời phát biểu của những "đại biểu dân tộc" tại Đu-ma về vấn đề ruộng đất, đã rõ ràng. Những lời phát biểu đó hoàn toàn xác nhận điều mà tôi đã nói để chống lại Ma-xlốp trong cuốn sách nhan đề "Sửa đổi, v.v.", tr. 18 (xuất bản lần thứ nhất) về vấn đề quan hệ của địa phương công hữu hóa với các quyền của các dân tộc, cụ thể: đó là một vấn đề *chính trị* mà phần chính trị trong cương lĩnh của chúng ta có *bàn đến*, và chỉ có một chủ nghĩa địa phương tiểu tư sản mới gán ghép vấn đề đó vào cương lĩnh ruộng đất¹⁾.

Tại Xtốc-khôn, với một sự hăng hái kỳ cục, những người men-sê-vích đã ra sức "loại trừ quốc hữu hóa ra khỏi địa phương công hữu hóa" (lời nói của người men-sê-vích Nô-vô-xét-xki trong "Tập biên bản" của Đại hội Xtốc-khôn, tr. 146). Nô-vô-xét-xki nói: "Một số vùng lịch sử như Ba-lan, Lít-va ăn khớp với những khu dân tộc, và việc trao ruộng đất cho các vùng đó có thể khuyến khích sự phát triển của những thiên hướng dân tộc-liên bang chủ nghĩa, rút cuộc là điều đó lại biến địa phương công hữu hóa thành quốc hữu hóa từng phần". Cho nên Nô-vô-xét-xki và Đan khăng khăng đưa ra và đã đưa ra một điểm bổ sung: thay vào câu: "những tổ chức tự quản lớn của vùng", trong bản dự thảo của Ma-xlốp phải ghi như sau: "các cơ quan lớn tự quản *địa phương* bao gồm những khu nội thành và nông thôn".

nhiều nhà máy đường sẽ xuất hiện thêm ngoài số hiện có. Đương nhiên, nếu những nhà máy đó xuất hiện thì nền kinh tế trên đã phát triển sẽ cần đến một số lượng to lớn biết bao về nhân lực! Sản lượng của các nhà máy đường sẽ tăng lên", v.v. (622). Đây đúng là cương lĩnh của những phéc-mi-ê "kiểu Mỹ" và sự phát triển "kiểu Mỹ" của chủ nghĩa tư bản ở Nga.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 300 - 301.

Chẳng phải nói, cái cách "loại trừ quốc hữu hóa ra khỏi địa phương công hữu hóa" đó mới thật sáng suốt làm sao! Người ta thay một từ này bằng một từ khác, và chẳng phải rõ ràng là sự sửa lại những "vùng lịch sử" tự nó sẽ hoàn thành đó ư?

Không, thưa các ngài, không một sự thay thế danh từ nào mà lại có thể cho phép các ngài loại bỏ khỏi địa phương công hữu hóa cái điều vô lý "dân tộc - liên bang chủ nghĩa" cố hữu của nó. Đu-ma II đã biểu lộ rằng *trên thực tế*, chủ trương "địa phương công hữu hóa" *chỉ phục vụ* cho những thiên hướng dân tộc chủ nghĩa của các nhóm khác nhau của giai cấp tư sản thối. *Chỉ riêng những nhóm đó*, nếu người ta không kể đến người Cô-dắc cánh hữu Ca-ra-u-lốp, "đã đảm nhiệm" bảo vệ những quỹ "của miền" và "của khu". Và nội dung vấn đề *ruộng đất* của sự địa phương hóa (vì, trên thực tế, Ma-xlốp "trao" ruộng đất cho các địa phương, chứ không phải cho các "thị chính", thành thử từ địa phương hóa là chính xác hơn) phải dân tộc *đã loại bỏ rồi*: chớ có quyết định trước điều gì, hãy giao *tất cả* cho các Xây-mơ tự trị hoặc các cơ quan tự quản địa phương và chính quyền tự quản khác - cả vấn đề chuộc lại cũng như vấn đề sở hữu, v. v.. Như vậy là một sự xác nhận đầy đủ nhất điều mà tôi đã nói: "đạo luật về việc trao cho các hội đồng địa phương những ruộng đất ở Da-cáp-ca-dơ dù sao cũng phải do Quốc hội lập hiến Pê-téc-bua ban hành, vì Ma-xlốp cũng không muốn đem lại cho một vùng ngoại vi nào đó quyền tự do bảo vệ chế độ địa chủ chiếm hữu ruộng đất" ("Sửa đổi", tr. 18)¹⁾.

Như vậy, những sự biến đã xác nhận rằng viện đến sự thoả thuận hay không thoả thuận của các dân tộc để bảo vệ sự địa phương công hữu hóa, chỉ là một lý lẽ tầm thường.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 300 - 301.

Địa phương công hữu hoá trong cương lĩnh của chúng ta là mâu thuẫn với ý kiến mà các dân tộc khác nhau đã phát biểu một cách rõ ràng.

Những sự biến đã xác nhận rằng trên thực tế, địa phương công hữu hoá không nhằm lãnh đạo phong trào quần chúng nông dân trong phạm vi toàn quốc, mà là phân nhỏ phong trào đó thành từng dòng nhỏ của tỉnh và của dân tộc. Từ ý kiến về những quỹ của địa phương do Ma-xlốp nêu ra, *cuộc sống chỉ* chấp nhận có "chủ nghĩa địa phương" dân tộc - tự trị chủ nghĩa.

Những "đại biểu dân tộc" đứng tách ra đôi chút khỏi vấn đề ruộng đất của chúng ta. Nhiều dân tộc không phải Nga không có phong trào nông dân độc lập ở trung tâm của cách mạng, như ở nước ta. Cho nên hoàn toàn dĩ nhiên là trong các cương lĩnh của họ, những "đại biểu dân tộc" thường đứng tách ra đôi chút khỏi vấn đề ruộng đất ở Nga. Hình như người ta bảo: "điều đó không can dự gì đến chúng tôi, chúng tôi có những vấn đề riêng". Một quan điểm như vậy là quan điểm không thể tránh khỏi của giai cấp tư sản dân tộc chủ nghĩa và giai cấp tiểu tư sản.

Còn giai cấp vô sản thì không thể dung thứ quan điểm đó được, thế mà cương lĩnh của chúng ta *trên thực tế* lại sa vào cái chủ nghĩa dân tộc tư sản không thể dung thứ được ấy. Cũng giống như những "đại biểu dân tộc", nhiều lắm thì chỉ tán thành phong trào toàn Nga mà không tìm cách nhân lực lượng của phong trào lên gấp bội bằng cách đoàn kết và tập trung phong trào, - những người men-sê-vich cũng thảo ra một cương lĩnh *tán thành* cách mạng nông dân chứ không xây dựng một cương lĩnh nhằm lãnh đạo cuộc cách mạng, đoàn kết và đẩy cách mạng tiến tới. Địa phương công hữu hoá không phải là một khẩu hiệu của cách mạng nông dân; đó là một kế hoạch cải lương kiểu tiểu tư sản đã được nghĩ ra và lấp từ bên ngoài vào một góc ngách của cuộc cách mạng.

Giai cấp vô sản dân chủ - xã hội không thể thay đổi cương lĩnh của mình tùy theo các dân tộc này nọ "đồng ý" hay không. Nhiệm vụ của chúng ta là tập hợp và tập trung phong trào bằng cách tuyên truyền con đường tốt nhất, chế độ ruộng đất tốt nhất trong xã hội tư sản, bằng cách đấu tranh chống lại sức mạnh của tính thủ cựu, của những thiên kiến, của đầu óc tỉnh lẻ bảo thủ. Sự "không đồng ý" của tiểu nông đối với xã hội hóa ruộng đất không thể làm thay đổi cương lĩnh của chúng ta về cách mạng xã hội chủ nghĩa được. Nó chỉ có thể làm cho chúng ta thích *dùng những tấm gương* để ảnh hưởng tới họ thôi. Đối với sự quốc hữu hoá ruộng đất trong cách mạng tư sản thì cũng thế. Không một sự "không đồng ý" nào của một dân tộc hoặc của nhiều dân tộc về điểm đó có thể làm cho chúng ta sửa đổi học thuyết khẳng định rằng toàn thể nhân dân đều có lợi nếu được giải phóng một cách hoàn toàn nhất khỏi chế độ sở hữu ruộng đất kiểu trung cổ và nếu xoá bỏ được quyền tư hữu ruộng đất. Sự "không đồng ý" của những tầng lớp đông đảo trong quần chúng lao động của dân tộc này hoặc dân tộc khác sẽ làm cho chúng ta thích *dùng những tấm gương* để ảnh hưởng tới họ hơn là dùng bất cứ cách nào khác. Quốc hữu hoá quỹ ruộng đất để di dân, quốc hữu hoá rừng rú, quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất tại trung tâm nước Nga không thể tồn tại lâu dài được với chế độ tư hữu ruộng đất trong phạm vi của bộ phận này hoặc bộ phận khác của quốc gia (một khi xu thế chủ yếu của sự tiến triển kinh tế là nguyên nhân thực sự làm cho quốc gia ấy thống nhất lại). Hệ thống này hoặc hệ thống kia sẽ phải thắng. Chính kinh nghiệm sẽ quyết định điều đó. Chúng ta có nhiệm vụ giải thích cho nhân dân biết những điều kiện thuận lợi nhất cho giai cấp vô sản và quần chúng lao động trong một đất nước đang phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

9. NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI

Trong số tám diễn văn của phái dân chủ - xã hội đọc tại Đu-ma II về vấn đề ruộng đất, chỉ có hai bài là lên tiếng *bảo vệ* địa phương công hữu hoá, chứ không phải chỉ đơn thuần nhắc đến địa phương công hữu hoá. Đó là lời phát biểu của Ô-dôn và diễn văn thứ hai của Txê-rê-tê-li. Những lời phát biểu khác thì chủ yếu, hầu như hoàn toàn là đả kích quyền chiếm hữu ruộng đất của địa chủ nói chung và phân tích khía cạnh chính trị của vấn đề ruộng đất. Về mặt này, lời phát biểu chất phác của người nông dân cánh hữu Pê-tơ-rô-tsen-cô là đặc biệt điển hình (phiên họp 22, ngày 5 tháng Tư 1907); ông ta đã nói lên cảm tưởng chung của một đại biểu nông thôn về những diễn văn của các diễn giả thuộc các đảng phái khác nhau. "Tôi sẽ không nhắc lại tất cả những điều đã nói tại đây để khỏi mất thì giờ của các ngài; cho phép tôi nói với các ngài bằng những lời lẽ rất đơn giản. Vị đại biểu Xvi-a-tô-pôn - Miéc-xki đã đọc tại đây một diễn văn dài, có lẽ là để chuẩn bị cho chúng ta một cái gì. Nếu nói vắn tắt thì đại ý của diễn văn đó là ruộng đất thuộc về tôi hoặc do tôi sở hữu, các anh không có quyền chiếm, và tôi cũng sẽ không cho các anh. Vị đại biểu Cút-le đã trả lời lại rằng: "thời đó đã qua rồi, cần phải bỏ ruộng đất ra, anh hãy bỏ ruộng đất ra và nhận lấy tiền". Vị đại biểu Đmốp-xki nói như sau: "về ruộng đất, các ngài muốn làm thế nào thì làm, nhưng quyền tự trị là tuyệt đối phải có". Ngay lúc đó, vị đại biểu Ca-ra-va-ép nói: "cả cái này lẫn cái kia đều cần phải có, nhưng hãy gộp tất cả lại làm một rồi ta sẽ chia sau". Txê-rê-tê-li nói: "không, thưa các ngài, không thể chia được, vì chính phủ cũ giờ đây vẫn còn, nó sẽ không cho phép làm như vậy. Tốt nhất là chúng ta hãy cố gắng chiếm lấy chính quyền, rồi sau đó, chúng ta muốn phân chia thế nào thì tùy ý" (tr. 1615).

Vậy thì người nông dân đã nắm được cái điều duy nhất phân biệt lời phát biểu của người dân chủ - xã hội với lời phát biểu của người thuộc phái lao động là: chứng minh sự tất yếu phải đấu tranh giành chính quyền nhà nước, phải "chiếm lấy chính quyền". Những chỗ khác nhau khác thì ông ta không nắm được, coi là không có giá trị mấy! Thật vậy, bài diễn văn đầu tiên của Txê-rê-tê-li bóc trần cái điều là "tầng lớp quan lại cao cấp ở nước ta, cũng chính là tầng lớp quý tộc địa chủ" (725). Diễn giả đã vạch rõ là "trải qua hàng thế kỷ, chính quyền nhà nước đã phân phối" như thế nào "những ruộng đất thuộc toàn thể quốc gia và là sở hữu của toàn dân, cho người ta làm sở hữu tư nhân" (724). Lời tuyên bố của ông ta trong phần kết thúc bài diễn văn thay mặt đảng đoàn dân chủ - xã hội và nhắc lại cương lĩnh ruộng đất của chúng ta, đã không được chứng minh bằng lý lẽ, và cũng không được đối chiếu với các cương lĩnh của những đảng cánh "tả" khác. Chúng tôi nêu điều nhận xét đó, không phải là để lên án một ai, — trái lại, bài diễn văn đầu tiên của Txê-rê-tê-li, ngắn gọn, rõ ràng và nhằm chứng minh tính chất giai cấp của chính phủ của bọn địa chủ, chúng tôi coi diễn văn đó là cực kỳ đạt, — mà để nói lên rằng vì sao mà người nông dân cánh hữu (cũng có thể là tất cả nông dân) lại không thấy những nét đặc thù dân chủ - xã hội của cương lĩnh chúng ta.

Bài diễn văn thứ hai của phái dân chủ - xã hội về vấn đề ruộng đất là do người công nhân Phô-mi-tsép (tỉnh Ta-vrích) đọc tại "phiên họp ruộng đất" tiếp sau của Đu-ma (phiên họp 16, ngày 26 tháng Ba 1907); trong bài diễn văn của mình, đồng chí ấy thường hay nói: "chúng tôi, những người nông dân". Phô-mi-tsép đã kịch liệt đả kích Xvi-a-tô-pôn - Miéc-xki, người đã nói cái câu nổi tiếng: nông dân không có địa chủ chỉ là một "đàn cừu không có người chăn"; cái câu đó đã có một tác động tuyên truyền đến các đại biểu nông dân mạnh hơn một số bài diễn văn khác

tính gộp lại của cánh "tả". "Trong một diễn văn dài dòng, đại biểu Cút-le đã phát triển tư tưởng chuyển nhượng cưỡng bức nhưng có chuộc lại bằng tiền. Chúng tôi, đại diện của nông dân, chúng tôi không thể thừa nhận sự chuộc lại, vì nó sẽ là một cái thòng lọng mới trông vào cổ nông dân" (1113). Để kết thúc, Phô-mi-tsép đòi phải "trao tất cả ruộng đất vào tay những người lao động theo các điều kiện do đại biểu Txê-rê-tê-li đề ra" (1114).

Bài diễn văn tiếp sau cũng do một công nhân, I-dơ-mai-lốp, do đoàn tuyển cử nông dân tỉnh Nốp-gô-rôt bầu ra, đọc (phiên họp 18, ngày 29 tháng Ba 1907). Ông ta trả lời lại người đồng hương của mình, nông dân Bô-ga-tốp là người đã thay mặt những người mu-gích tỉnh Nốp-gô-rôt, tán thành sự chuộc lại. I-dơ-mai-lốp công phần bác bỏ sự chuộc lại. Ông ta kể lại những điều kiện "giải phóng" nông dân Nốp-gô-rôt, họ đã nhận được 2 triệu đê-xi-a-ti-na trong số 10 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất, và 1 triệu đê-xi-a-ti-na trong số 6 triệu đê-xi-a-ti-na rừng. Ông mô tả cảnh khổ cực của nông dân đến nỗi không những "hàng chục năm nay phải đem hàng rào của ngôi nhà gỗ của mình đốt trong lò sưởi" mà còn "cưa các góc của chính ngôi nhà của mình", "còn biến ngôi nhà gỗ lớn cũ thành một ngôi nhà nhỏ, chỉ với mục đích là khi làm lại thì tiết kiệm được một ôm củi để đốt" (1344). "Chính trong hoàn cảnh đó của người nông dân chúng ta mà các ngài cánh hữu đã than vãn về văn hoá. Họ nói rằng người mu-gích đã bóp chết văn hoá. Nhưng liệu người mu-gích, vừa đói vừa rét, có thể nghĩ đến văn hoá được chăng? Ấy đấy, đáng lẽ cho ruộng đất thì họ lại muốn cho người mu-gích cái văn hoá đó; nhưng trong việc này nữa, tôi cũng không tin họ được; tôi nghĩ họ cũng sẽ nhận bán ruộng đất của họ nhưng họ sẽ mặc cả để người mu-gích phải trả giá đắt hơn. Và đây là lý do tại sao họ tán thành. Theo tôi — và nhất là nông dân thì phải hiểu điều này — đây hoàn toàn không phải chỉ là ruộng đất,

thừa các ngài. Tôi nghĩ tôi sẽ không lầm nếu nói rằng, đằng sau ruộng đất còn có một cái gì khác nữa, một sức mạnh khác nữa mà những quý tộc - chủ nô sợ trao lại cho nhân dân, sợ mất đi với ruộng đất, thừa các ngài, đó là chính quyền. Họ sẽ trao lại ruộng đất và họ rất muốn trao lại ruộng đất, nhưng với điều kiện là chúng tôi sẽ vẫn là nô lệ của họ như trước kia. Nếu chúng tôi mắc nợ thì chúng tôi cũng sẽ không thoát ra khỏi chính quyền của địa chủ - chủ nô" (1345). Thật khó mà tưởng tượng được một cái gì nổi bật hơn và xác đáng hơn là lời của một người công nhân tố cáo thực chất của những kế hoạch dân chủ - lập hiến!

Người dân chủ - xã hội Xê-rốp trong phiên họp 20, ngày 2 tháng Tư 1907, đã đặc biệt phê phán những quan điểm của phái dân chủ - lập hiến, coi họ là "đại biểu của tư bản" (1492), là "đại biểu của sở hữu ruộng đất tư bản chủ nghĩa". Với số liệu làm bằng chứng, diễn giả đã chứng minh tỉ mỉ cho thấy sự chuộc lại năm 1861 là như thế nào, và bác bỏ cái "nguyên tắc cao su" về một sự định giá công bằng. Ông đã trả lời, một cách hoàn toàn đúng, theo quan điểm mác-xít, lý lẽ của Cút-le cho rằng không thể tịch thu ruộng đất mà không tịch thu tư bản. "Chúng tôi hoàn toàn không đưa ra những lý lẽ cho rằng ruộng đất là không thuộc về ai cả, rằng ruộng đất không phải là do bàn tay của con người sáng tạo ra" (1497). "Giai cấp vô sản mà Đảng dân chủ - xã hội đại diện tại đây, có ý thức tự giác, phản đối mọi sự bóc lột, cả của phong kiến lẫn của tư sản. Giai cấp vô sản không đặt vấn đề xét hình thức nào trong hai hình thức bóc lột là công bằng hơn; đối với giai cấp này, vấn đề là luôn luôn xem những điều kiện lịch sử đã chín muồi hay chưa để có thể tự giải phóng khỏi sự bóc lột" (1499). "Theo tính toán của các nhà thống kê, tịch thu ruộng đất sẽ đem lại cho nhân dân gần 500 triệu rúp thu nhập của địa chủ, số thu nhập này không phải là do lao động mà ra. Tất nhiên,

nông dân sẽ sử dụng số tiền đó để cải thiện kinh tế của mình, để mở rộng sản xuất, để tăng thêm nhu cầu của mình" (1498).

Trong phiên họp 22 của Đu-ma (5 tháng Tư 1907), A-ni-kin và A-lếch-xin-xki đã đọc diễn văn về ruộng đất. Vị thứ nhất nhấn mạnh mối liên hệ giữa "bọn quan lại cao cấp và bọn lãnh chúa địa chủ"; ông chứng minh rằng không thể tách cuộc đấu tranh cho ruộng đất khỏi cuộc đấu tranh cho tự do được. Vị thứ hai, trong một bài diễn văn dài dòng, nêu rõ tính chất phong kiến của chế độ lao dịch, hiện đang thống trị ở Nga. Như vậy là diễn giả đã trình bày cơ sở của quan điểm mác-xít về cuộc đấu tranh của nông dân chống chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, sau đó ông đã vạch rõ vai trò hai mặt của công xã ("tàn dư của quá khứ" và "công cụ để ảnh hưởng đến trang trại của địa chủ"), ý nghĩa của các luật ngày 9 và 15 tháng Mười một 1906 (ngoài địa chủ còn có thêm cu-lắc với tư cách là "chỗ dựa"). Với số liệu làm căn cứ, diễn giả đã vạch rõ rằng "tình trạng nông dân thiếu ruộng đất có nghĩa là quý tộc thừa ruộng đất"; ông đã chỉ rõ rằng chuyển nhượng "cưỡng bức", do phái dân chủ - lập hiến chủ trương, chung quy lại là "cưỡng bức nhân dân để có lợi cho địa chủ" (1635). A-lếch-xin-xki thì trích dẫn trực tiếp "cơ quan ngôn luận của phái dân chủ - lập hiến, tờ *"Ngôn luận"*" (1639), báo này thừa nhận rằng phái dân chủ - lập hiến muốn những uỷ ban ruộng đất chủ yếu là gồm những địa chủ. Do đó mà người dân chủ - lập hiến Ta-ta-ri-nốp, phát biểu sau A-lếch-xin-xki trong một phiên họp sau nữa, đã bị đồn vào chân tường, như chúng ta đã thấy.

Lời phát biểu của Ô-dôn tại phiên họp 39 (16 tháng Năm 1907) là cái thí dụ về việc Ma-xlốp đã dùng sự "phê phán" nổi tiếng của ông ta đối với học thuyết của Mác về địa tô, và sự xuyên tạc tương ứng khái niệm quốc hữu hoá ruộng đất để đẩy một bộ phận những người dân chủ - xã

hội của chúng ta đến một lập luận không xứng đáng như thế nào đối với những người mác-xít. Ô-dôn đã bác lại những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng như sau: "dự thảo" của họ, "theo ý tôi, là không có triển vọng, vì quyền tư hữu về tư liệu sản xuất, ở đây là quyền tư hữu ruộng đất, bị xoá bỏ, trong khi đó thì quyền tư hữu về nhà xưởng, không những về nhà xưởng mà cả về nhà ở và công trình xây dựng, vẫn được duy trì. Ở trang thứ hai của dự thảo, chúng ta đọc thấy rằng tất cả các công trình xây dựng trên mặt đất và được kinh doanh theo phương thức tư bản chủ nghĩa đều là sở hữu tư nhân; nhưng như vậy mọi người sở hữu tư nhân có thể nói: xin các ngài vui lòng trả tất cả các món chi phí cần thiết về ruộng đất quốc hữu hoá, về việc lát đá đường phố, v. v.; còn tôi, tôi sẽ lĩnh tiền thuê những nhà đó. Đây không phải là quốc hữu hoá, mà chỉ là một biện pháp làm cho dễ thu được những thu nhập tư bản chủ nghĩa dưới hình thức tư bản chủ nghĩa phát triển nhất" (667).

Đấy mới thật là chủ nghĩa Ma-xlốp! Thứ nhất, người ta lặp lại cái lý lẽ tầm thường của những người cánh hữu và của phái dân chủ - lập hiến, cho rằng không thể xoá bỏ sự bóc lột phong kiến mà không đụng đến sự bóc lột tư sản. Thứ hai là, lý lẽ đó bộc lộ một sự dốt nát lạ lùng về kinh tế: "tiền thuê" các ngôi nhà ở thành thị, v. v., bao gồm đại bộ phận là *địa tô*. Thứ ba là, nhà "mác-xít" của chúng ta, nối gót Ma-xlốp, hoàn toàn quên (hoặc phủ nhận chẳng?) địa tô tuyệt đối. Thứ tư là, thế nghĩa là *người mác-xít* cho rằng "hình thức tư bản chủ nghĩa phát triển nhất" — mà người xã hội chủ nghĩa - cách mạng bênh vực - là không đáng mong muốn! Đấy là những lời châu ngọc kiểu Ma-xlốp về địa phương công hữu hoá...

Trong một bài diễn văn kết luận tràng giang đại hải (phiên họp 47, ngày 26 tháng Năm 1907), Txê-rê-tê-li đã bênh vực chủ trương địa phương công hữu hoá, tất nhiên

là với một cách chín chắn hơn Ô-dôn, nhưng chính sự bênh vực tỉ mỉ, có cân nhắc và rành mạch đó của Txê-rê-tê-li đã biểu lộ một cách đặc biệt nổi bật toàn bộ tính chất giả mạo của các lý lẽ chủ yếu của những người chủ trương địa phương công hữu hóa.

Sự phê phán những người cánh hữu do Txê-rê-tê-li đưa ra ở phần đầu bài diễn văn của mình là hoàn toàn đúng về mặt chính trị. Nhận xét của ông về bọn lang vườn của chủ nghĩa tự do đã tìm cách dọa nhân dân là có thể có những biến động giống như những biến động của cách mạng Pháp, — thật là đặc sắc. "Ông ta (Sin-ga-rép) đã quên rằng chính là sau khi tịch thu và do tịch thu những ruộng đất của địa chủ, nước Pháp đã trở lại một cuộc sống mới, đầy sinh lực" (1228). Khẩu hiệu chủ yếu của Txê-rê-tê-li cũng hoàn toàn đúng: "xoá bỏ hoàn toàn chế độ địa chủ chiếm hữu ruộng đất và xoá bỏ hoàn toàn chế độ địa chủ quan liêu" (1224). Nhưng khi ông ta chuyển sang đề cập đến phái dân chủ - lập hiến thì lập trường sai lầm của chủ nghĩa men-sê-vích lại bắt đầu bộc lộ ra. Txê-rê-tê-li nói: "Xét về mặt khách quan, nguyên tắc chuyển nhượng cưỡng bức ruộng đất, là nguyên tắc của phong trào giải phóng, nhưng không phải tất cả những người tán thành nguyên tắc đó đều hiểu hoặc muốn thừa nhận tất cả những kết luận mà nguyên tắc đó đề ra cho họ" (1225). Đó là quan điểm chủ yếu của phái men-sê-vích, cho rằng "con đường ranh giới" của những sự phân chia chủ yếu về mặt chính trị trong cách mạng chúng ta nằm ở bên phải phái dân chủ - lập hiến, chứ không phải ở bên trái, như chúng ta tưởng. Tính chất sai lầm của quan điểm đó đặc biệt thấy rõ trong công thức minh bạch của Txê-rê-tê-li, vì theo kinh nghiệm của năm 1861, thì cái khả năng có sự chuyển nhượng cưỡng bức trong đó những lợi ích của địa chủ vẫn chiếm ưu thế, *chính quyền* của chúng vẫn được giữ vững, sự nô dịch mới sẽ được củng cố, là khả năng không thể chối cãi được. Và đây lại là một lời

tuyên bố còn sai lầm hơn nữa của Txê-rê-tê-li: "về vấn đề hình thức sử dụng ruộng đất, chúng tôi (những người dân chủ - xã hội) đứng cách xa họ (phái dân túy)" (1230) hơn phái dân chủ - lập hiến. Tiếp đó, diễn giả chuyển sang phê phán những "tiêu chuẩn" lao động và tiêu dùng. Về điểm này, ông nghìn lần đúng, nhưng *chính ở chỗ đó*, phái dân chủ - lập hiến *không tốt hơn* phái lao động *chút nào*, vì phái dân chủ - lập hiến còn lạm dụng hơn nhiều những "tiêu chuẩn". Thế chưa đủ. Sự bần rốn của phái dân chủ - lập hiến chung quanh những "tiêu chuẩn" lố bịch là kết quả của chủ nghĩa quan liêu của họ và của khuynh hướng của họ muốn *bôi phẩn* người mu-gích. Những người trí thức dân túy đã đưa những "tiêu chuẩn" từ ngoài vào những người mu-gích, và chúng ta đã thấy trên đây, qua tấm gương của các đại biểu Đu-ma I, Tsi-giép-xki và Pô-i-a-cốp, rằng những nhà thực tiễn ở nông thôn đã phê phán tất cả các "tiêu chuẩn" một cách sắc bén như thế nào. Nếu phái dân chủ - xã hội giải thích *điều đó* cho các đại biểu nông dân, nếu họ đưa ra một điều bổ sung là bác bỏ các tiêu chuẩn trong bản dự thảo của phái lao động, nếu họ vạch rõ về mặt lý luận giá trị của quốc hữu hoá vốn không có dính dáng gì với "các tiêu chuẩn", — thì phái dân chủ - xã hội sẽ là người lãnh đạo cuộc cách mạng nông dân chống phái tự do. Vậy mà lập trường của phái men-sê-vích là nhằm đặt giai cấp vô sản dưới ảnh hưởng của phái tự do. Thật là đặc biệt kỳ lạ như người ta nói trong Đu-ma II rằng, chúng ta, những người dân chủ - xã hội, chúng ta xa phái dân túy hơn, vì phái dân chủ - lập hiến *tán thành* hạn chế bán ruộng đất và cầm cố ruộng đất!

Sau đó, khi phê phán quốc hữu hoá, Txê-rê-tê-li đã trình bày ba lý lẽ: 1) "đội quân quan lại", 2) "sự bất công ghê gớm đối với những dân tộc nhỏ", 3) "trong trường hợp phục tích", "người ta sẽ trao vũ khí cho kẻ thù của nhân dân" (1232). Đây là một bản trình bày trung thực quan điểm

của những người đã làm cho cương lĩnh đảng của chúng ta được thông qua, và Txê-rê-tê-li, với tư cách là người của đảng, đã phải trình bày những quan điểm đó. Chúng tôi đã vạch ra ở trên sự không vững vàng và tính chất hời hợt của sự phê phán thuần tuý chính trị đó.

Txê-rê-tê-li đã đưa ra sáu lý lẽ để bênh vực địa phương công hữu hoá: 1) với địa phương công hữu hoá "việc thật sự sử dụng những phương tiện đó (nghĩa là địa tô) để đáp ứng những nhu cầu của nhân dân (!) sẽ được đảm bảo" (sic! tr. 1233) – một khẳng định lạc quan; 2) "các thị chính sẽ cố gắng cải thiện điều kiện của những người thất nghiệp", – như, chẳng hạn, trong nước Mỹ dân chủ và phân quyền (?); 3) "các thị chính có thể chiếm những cơ sở sản xuất (lớn) đó và tổ chức những cơ sở sản xuất kiểu mẫu", và 4) "trong thời kỳ có cuộc khủng hoảng ruộng đất... nông dân nghèo không có ruộng đất, sẽ được thuê ruộng đất không phải trả tiền" (sic! tr. 1234. Đây là một sự mỉa dân xấu xa hơn là sự mỉa dân của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, là một cương lĩnh của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản trong cách mạng tư sản. 5) "Một thành trì của chủ nghĩa dân chủ" – đại loại như chính quyền tự quản Cô-đắc; 6) "việc chuyển nhượng những ruộng đất được chia... có thể gây ra một phong trào phản cách mạng ghê gớm" – có lẽ là chống lại ý muốn của tất cả các nông dân tán thành quốc hữu hoá.

Nội dung tổng quát của những bài phát biểu của phái dân chủ - xã hội tại Đu-ma II, là: vai trò lãnh đạo trong vấn đề chuộc lại, vấn đề mối liên quan giữa chế độ địa chủ chiếm hữu ruộng đất với chính quyền nhà nước hiện đại; cương lĩnh ruộng đất sa vào chủ nghĩa dân chủ - lập hiến và chứng tỏ sự không hiểu biết những điều kiện kinh tế và chính trị của cuộc cách mạng nông dân.

Nội dung tổng quát của tất cả những cuộc tranh luận tại Đu-ma II, về vấn đề ruộng đất là: những địa chủ cánh

hữu đã tỏ ra rất am hiểu những lợi ích giai cấp của họ, có một ý thức rất rõ về những điều kiện kinh tế lẫn những điều kiện chính trị, để duy trì ách thống trị của họ, với tư cách là một giai cấp, trong nước Nga tư sản. Phái tự do thực chất là đã theo họ, tìm cách trao người mu-gích cho địa chủ bằng những phương pháp đáng khinh bỉ nhất và giả nhân giả nghĩa nhất. Những người trí thức dân tuý đã đưa vào trong những cương lĩnh nông dân một chút chủ nghĩa quan liêu và lý sự vụn vặt tư sản. Những người nông dân đã biểu lộ một cách sôi nổi nhất và trực tiếp nhất tinh thần cách mạng tự phát của cuộc đấu tranh của họ chống tất cả các tàn dư của thời trung cổ và tất cả các hình thức sở hữu ruộng đất trung cổ, mà không nhận thức hoàn toàn rõ những điều kiện chính trị của cuộc đấu tranh đó, và lý tưởng hoá một cách thơ ngây "đất thánh" của nền tự do tư sản. Những đại biểu tư sản của các dân tộc đã tán thành cuộc đấu tranh của nông dân một cách ít nhiều dè dặt, vì họ đã bị chi phối mạnh bởi những quan điểm hẹp hòi và những thiên kiến do sự biệt lập của những dân tộc nhỏ sản sinh ra. Những người dân chủ - xã hội đã kiên quyết bảo vệ sự nghiệp của cuộc cách mạng nông dân; họ đã nêu rõ tính giai cấp của chính quyền nhà nước hiện đại, nhưng họ không thể lãnh đạo được triệt để cuộc cách mạng nông dân, do tính chất sai lầm của cương lĩnh ruộng đất của đảng.

KẾT LUẬN

Vấn đề ruộng đất là cơ sở của cách mạng tư sản ở Nga và nó quyết định đặc điểm dân tộc của cuộc cách mạng đó.

Thực chất của vấn đề đó là cuộc đấu tranh của nông dân đòi xoá bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và những tàn tích của chế độ nông nô trong chế độ ruộng đất của nước Nga, và do đó, cũng trong tất cả các thiết chế xã hội và chính trị của nó.

Ở phần nước Nga thuộc châu Âu, mười triệu rưỡi nông hộ có 75 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất. Ba mươi nghìn địa chủ, chủ yếu là địa chủ quý tộc, và một bộ phận cũng mới phát lên, chiếm trên 500 đê-xi-a-ti-na mỗi người, tổng cộng lại là có 70 triệu đê-xi-a-ti-na. Đây là cái bối cảnh chủ yếu của bức tranh. Đây là những điều kiện cơ bản nói lên ưu thế của bọn địa chủ - chủ nô trong chế độ ruộng đất của nước Nga, và do đó, trong quốc gia Nga nói chung cũng như trong toàn bộ đời sống Nga. Những người sở hữu các đại điền trang đều là những chủ nô, theo nghĩa kinh tế của danh từ: cơ sở của sự chiếm hữu ruộng đất của họ được tạo nên bởi lịch sử của chế độ nông nô, bởi lịch sử của quá trình những quý tộc thượng lưu chiếm đoạt ruộng đất trong vòng hàng thế kỷ. Cơ sở của phương pháp kinh doanh hiện tại của họ là chế độ lao dịch, nghĩa là tàn dư trực tiếp của chế độ điều dịch, canh tác dựa vào dụng cụ của nông dân, dựa vào những hình thức vô cùng phong phú của chế độ nô dịch những người tiểu nông: thuê người làm trong mùa đông, lĩnh canh hàng năm, cho cấy rẽ chia đôi, lĩnh canh trả bằng lao dịch, lao dịch để trừ nợ, lao dịch để trả cho ruộng đất bị cất, để được sử dụng rừng, đồng cỏ, nơi súc vật uống nước vãn vãn và vãn vãn. Từ nửa thế kỷ nay, sự phát triển tư bản chủ nghĩa ở nước Nga đã có những bước tiến bộ đến mức là *tuyệt đối* không còn có thể duy trì chế độ nông nô trong nông nghiệp được nữa; việc xoá bỏ chế độ nông nô đã mang những hình thức của một cuộc khủng hoảng dữ dội, của một cuộc cách mạng trong toàn quốc. Nhưng sự xoá bỏ chế độ nông nô trong một nước tư sản có thể tiến hành bằng hai cách.

Chế độ nông nô có thể bị xoá bỏ thông qua một sự chuyển hoá chậm chạp của những cơ sở sản xuất địa chủ - phong kiến thành những cơ sở sản xuất tư bản chủ nghĩa kiểu gioong-ke, thông qua sự chuyển hoá của quần chúng nông dân thành nông dân không ruộng đất và không nhà cửa,

bằng cách dùng vũ lực duy trì mức sống thấp của quần chúng, bằng cách tách ra những nhóm nhỏ Grossbauern, tức nông dân tư sản giàu có, mà chủ nghĩa tư bản tất yếu phân hoá từ nông dân ra. Bọn địa chủ theo phái Trăm đen và tên bộ trưởng Xtô-lư-pin của chúng đi vào chính là con đường đó. Chúng đã hiểu rằng không xoá bỏ bằng bạo lực những hình thức đã lỗi thời, trung cổ của chế độ chiếm hữu ruộng đất, thì *không thể* dọn đường cho sự phát triển của nước Nga được. Và chúng đã mạnh dạn xoá bỏ như vậy *vì lợi ích của bọn địa chủ*. Chúng đã vứt bỏ tất cả mối cảm tình mới đây còn phổ biến trong giới quan liêu và trong bọn địa chủ đối với công xã nửa phong kiến. Chúng đã lẩn tránh tất cả các luật "hợp hiến" để phá tan công xã bằng bạo lực. Chúng đã để *carte blanche*¹⁾ cho bọn cu-lắc cướp đoạt quần chúng nông dân, xoá bỏ chế độ sở hữu cũ về ruộng đất, làm phá sản hàng nghìn nông hộ; chúng đã bỏ mặc nông thôn thời trung cổ cho những kẻ có tiền "tha hồ cướp đoạt". Để duy trì nền thống trị của chúng, với tư cách là giai cấp, chúng *không thể* hành động khác được, vì chúng đều hiểu rõ là phải thích ứng với sự phát triển tư bản chủ nghĩa, chứ không phải là chống lại nó. Vậy mà, muốn duy trì ách thống trị của mình, chúng không thể liên minh với ai khác ngoài những kẻ mới phát lên, những Ra-du-va-ép và những Cô-lu-pa-ép để *chống lại* quần chúng nông dân. Chúng không có con đường nào khác ngoài con đường kêu gọi bọn Cô-lu-pa-ép đó: *enrichissez-vous!* Hãy làm giàu đi! Chúng tôi sẽ mang lại cho các anh khả năng bỏ ra một rúp mà kiếm được một trăm rúp, miễn là các anh giúp chúng tôi cứu nền tảng của chính quyền của chúng tôi trong những điều kiện mới! Để thực hiện được một con đường phát triển như vậy, thì phải dùng *một*

1) — giấy mẫu in sẵn, có chữ ký của cơ quan hoặc nhân vật có toàn quyền. Nghĩa bóng là: cho toàn quyền hành động.

bạo lực liên tục, triệt để và không hạn chế chống lại quần chúng nông dân và giai cấp vô sản. Và phe địa chủ phản cách mạng vội vàng tổ chức bạo lực đó trên toàn bộ chiến tuyến.

Con đường thứ hai, chúng tôi đã gọi là con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản kiểu Mỹ, khác với con đường thứ nhất, con đường kiểu Phổ. Nó cũng đòi hỏi chế độ sở hữu cũ về ruộng đất phải bị xoá bỏ bằng bạo lực; chỉ những người tiểu tư sản dẫn độn của chủ nghĩa tự do Nga mới có thể mơ ước về khả năng có một lối thoát không đau đớn, hoà bình của cuộc khủng hoảng vô cùng trầm trọng tại nước Nga.

Nhưng sự xoá bỏ cần thiết và không thể tránh khỏi đó là có thể xảy ra có lợi cho quần chúng nông dân, chứ không phải cho bọn địa chủ. Cơ sở của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản có thể là cái khối các phéc-mi-ê tự do mà không cần có một nền kinh tế địa chủ nào, vì hình thức kinh tế đó *xét về toàn bộ*, thì phản động về mặt kinh tế, còn những yếu tố của một nền kinh tế phéc-mi-ê thì do lịch sử kinh tế trước đây của đất nước *đã tạo ra* trong nông dân. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đi theo con đường đó, *nhất định* sẽ diễn ra vô cùng rộng rãi hơn, tự do hơn, nhanh chóng hơn, nhờ sự mở rộng rất lớn của thị trường trong nước, nhờ sự nâng cao mức sống, nhờ sự tăng thêm nghị lực, sáng kiến và nhờ sự tiến bộ về văn hoá của *toàn thể* dân cư. Và cái quỹ ruộng đất mênh mông để di dân của nước Nga – mà việc sử dụng trở nên vô cùng khó khăn do ách áp bức phong kiến mà quần chúng nông dân tại nước Nga phải chịu, cũng như do một thái độ quan liêu phong kiến đối với chính sách ruộng đất, – cái quỹ đó đảm bảo một cơ sở kinh tế để mở rộng to lớn nền nông nghiệp và tăng cường nền sản xuất không những về bề sâu mà cả về bề rộng nữa.

Con đường phát triển đó đòi hỏi không những chỉ xoá bỏ chế độ địa chủ chiếm hữu ruộng đất; vì nền thống trị

của địa chủ - chủ nô đã để lại dấu vết của nó, trong hàng thế kỷ, trên *toàn bộ* chế độ sở hữu ruộng đất của đất nước, trên ruộng đất được chia của nông dân cũng như trên chế độ sở hữu ruộng đất của những người di dân cư trú tại những vùng ngoại vi ít nhiều tự do: toàn bộ chính sách di dân do chế độ chuyên chế tiến hành đã thấm sâu sự can thiệp kiểu châu Á của chế độ quan liêu thủ cựu là chế độ ngăn cản những người di dân được tự do cư trú, và gây rối loạn ghê gớm trong những quan hệ ruộng đất mới, đầu độc ngoại vi nước Nga bằng cái thuốc độc chủ nghĩa quan liêu phong kiến của trung tâm nước Nga*. Cái có tính chất trung cổ ở nước Nga, không phải chỉ là chế độ sở hữu của địa chủ mà còn là chế độ người nông dân chiếm hữu ruộng đất được chia. Chế độ người nông dân chiếm hữu ruộng đất được chia là cực kỳ rắc rối. Theo chế độ này, nông dân bị chia thành hàng nghìn loại, hạng, đẳng cấp trung cổ vô cùng nhỏ. Chế độ này phản ánh lịch sử lâu đời của sự can thiệp vô liêm sỉ của chính quyền trung ương lẫn của các chính quyền địa phương vào những quan hệ ruộng đất của nông dân. Nó lừa nông dân, như lừa vào một khu người Do-thái, vào các đơn vị trung cổ nhỏ để thu thuế, vào những đơn vị để sở hữu ruộng đất được chia, nghĩa là vào những công xã. Và sự phát triển kinh tế ở nước Nga, *trên thực tế*, lôi nông dân ra khỏi tình trạng trung cổ đó khi, một mặt, tạo ra tình trạng nông dân phải cho thuê hay bỏ những phần đất được chia; mặt khác, tạo ra nền kinh tế của những người phéc-mi-ê tự do tương lai (hoặc của những người Grossbauern tương lai của nước Nga kiểu gioong-ke) *với những mảnh* ruộng đất mang những hình thức sở hữu rất khác

* Trong cuốn sách "Di dân và khai khẩn ruộng đất" (Xanh Pê-téc-bua, 1905) ông A. Gau-phman trình bày lịch sử của chính sách di dân. Với tư cách là một người "tự do" thực sự, tác giả hết sức kính trọng chế độ quan liêu của bọn chủ nô.

nhau: đất tư được chia, phần đất được chia đem phát canh, đất mua làm của riêng, ruộng đất thuê của địa chủ, ruộng đất thuê của nhà nước, v. v..

Để xây dựng một nền kinh tế phéc-mi-ê *thật sự* tự do ở nước Nga, cần phải "phá bỏ hàng rào" *tất cả các* ruộng đất, cả ruộng đất của địa chủ cũng như ruộng đất được chia. Cần phải xoá bỏ *toàn bộ* chế độ sở hữu ruộng đất thời trung cổ, cần phải làm cho những nghiệp chủ tự do trên mảnh đất tự do đều có quyền như nhau đối với ruộng đất. Cần phải tạo điều kiện thuận lợi đến mức tối đa cho sự trao đổi ruộng đất, cho sự tự do lựa chọn nơi định cư, khoanh các lô ruộng đất, phải tạo ra những tập đoàn mới tự do thay cho công xã đã lỗi thời, có tính chất đơn vị thu thuế. Cần phải "giữ bỏ" *tất cả* mớ lộn xộn trung cổ khỏi toàn bộ ruộng đất.

Biểu hiện của sự tất yếu kinh tế đó là việc quốc hữu hoá ruộng đất, việc xoá bỏ quyền tư hữu về ruộng đất, việc chuyển *tất cả* ruộng đất thành sở hữu của nhà nước như vậy là đoạn tuyệt hoàn toàn với những quan hệ nông nô ở nông thôn. Chính sự tất yếu kinh tế đó đã làm cho *quần chúng* nông dân Nga tán thành quốc hữu hoá ruộng đất. Đại đa số nông dân tiểu tư hữu đã tán thành quốc hữu hoá cả tại các đại hội của Hội liên hiệp nông dân năm 1905 cũng như tại Đu-ma I năm 1906 và tại Đu-ma II năm 1907, nghĩa là suốt trong thời kỳ đầu của cách mạng. Họ tán thành như vậy, không phải vì "công xã" đã để lại trong họ những "mầm mống" đặc biệt, những "nguyên tắc lao động" đặc biệt, không phải tư sản. Họ tán thành như vậy, vì ngược lại, cuộc sống đòi hỏi họ *phải giải phóng* khỏi công xã trung cổ và khỏi chế độ chiếm hữu trung cổ đối với phần ruộng được chia. Họ đã tán thành như vậy, không phải vì họ đã muốn hoặc đã có thể xây dựng nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa, mà là vì họ đã muốn và đang muốn, vì họ đã có thể và hiện có thể xây dựng một

nền nông nghiệp nhỏ *thật sự* tư sản, nghĩa là thoát khỏi đến mức tối đa *tất cả các* truyền thống phong kiến.

Vậy thì không phải sự ngẫu nhiên, cũng không phải ảnh hưởng của học thuyết này, học thuyết nọ (như những người thiển cận vẫn tưởng) đã làm cho những giai cấp đang đấu tranh trong cuộc cách mạng Nga có một thái độ độc đáo đối với vấn đề chế độ tư hữu ruộng đất. Thái độ độc đáo đó hoàn toàn là kết quả của những điều kiện của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga và của những đòi hỏi của chủ nghĩa tư bản ở vào giai đoạn phát triển hiện nay của nó. *Tất cả* bọn địa chủ Trăm đen, *toàn bộ* giai cấp tư sản phản cách mạng (kể cả phái thối Mươi, *lãn phái dân chủ - lập hiến*) đều tán thành chế độ tư hữu ruộng đất. Toàn bộ giai cấp nông dân và toàn bộ giai cấp vô sản đều chống lại chế độ tư hữu ruộng đất. Con đường cải lương trong việc sáng tạo ra một nước Nga tư sản - gioong-ke *tất phải* đòi hỏi duy trì những cơ sở của chế độ chiếm hữu cũ về ruộng đất và sự thích ứng của những cơ sở đó với chủ nghĩa tư bản một cách chậm chạp và đau đớn đối với đông đảo dân cư. Sự lật đổ *thật sự* chế độ cũ bằng con đường cách mạng *tất phải* đòi hỏi, coi đây là cơ sở kinh tế của nó, xoá bỏ *tất cả* các hình thức sở hữu cũ về ruộng đất cùng với *tất cả* các thiết chế chính trị cũ của nước Nga. Kinh nghiệm của giai đoạn đầu của cách mạng Nga đã dứt khoát chứng minh rằng nó chỉ có thể thắng lợi với tư cách là cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân, và cuộc cách mạng này không thể hoàn thành triệt để sứ mạng lịch sử của nó nếu không quốc hữu hoá ruộng đất.

Tất nhiên, Đảng dân chủ - xã hội, với tư cách là đảng của giai cấp vô sản quốc tế, một đảng tự đề ra cho mình những mục tiêu xã hội chủ nghĩa quốc tế, không thể dung hợp với bất cứ một thời kỳ nào của bất cứ một cuộc cách mạng tư sản nào, không thể ràng buộc vận mệnh của mình vào kết cục này hay kết cục nọ của cuộc cách mạng tư sản

này hay cuộc cách mạng tư sản nọ. Dù kết cục là thế nào đi nữa, chúng ta vẫn phải là một đảng độc lập, hoàn toàn vô sản, kiên định dẫn dắt quần chúng lao động đến mục tiêu xã hội chủ nghĩa vĩ đại của họ. Vậy chúng ta hoàn toàn không thể đảm bảo rằng những thành tựu – dù những thành tựu đó thế nào đi nữa – của cuộc cách mạng tư sản sẽ là vững chắc, vì sự thiếu vững chắc, tính chất mâu thuẫn bên trong là đặc điểm cố hữu của *tất cả các* thành tựu của cách mạng tư sản, theo bản chất của nó. "Bày đặt ra" những "đảm bảo chống lại sự phục tích" chỉ có thể là do thiếu suy nghĩ mà có thôi. Chúng ta chỉ có một nhiệm vụ là: trong khi tập hợp giai cấp vô sản để làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, phải ủng hộ mọi cuộc đấu tranh chống chế độ cũ một cách hết sức kiên quyết, bảo vệ những điều kiện tốt nhất có thể có cho giai cấp vô sản trong xã hội tư sản đang phát triển. Do đó thì tất yếu là cương lĩnh dân chủ - xã hội của chúng ta trong cách mạng tư sản Nga *chỉ* có thể là quốc hữu hoá ruộng đất. Cũng như mọi *phần* khác của cương lĩnh của chúng ta, chúng ta phải gắn liền quốc hữu hoá ruộng đất với những hình thức nhất định và một trình độ nhất định của những cải cách chính trị, vì quy mô của cách mạng chính trị và quy mô của cách mạng ruộng đất chỉ có thể như nhau thôi. Cũng như mọi phần khác của cương lĩnh của chúng ta, chúng ta phải tách một cách nghiêm ngặt quốc hữu hoá ruộng đất khỏi những ảo tưởng tiểu tư sản, khỏi thói ba hoa của những người trí thức quan liêu về các "tiêu chuẩn", khỏi những luận điệu văn hoá phản động về sự củng cố công xã hoặc về sự sử dụng ruộng đất một cách bình quân. Lợi ích của giai cấp vô sản không đòi hỏi phải bày đặt ra một khẩu hiệu đặc biệt, một "kế hoạch" hoặc một "hệ thống" đặc biệt cho cuộc cách mạng tư sản này hay cuộc cách mạng tư sản khác, mà chỉ đòi hỏi sự biểu hiện *nhất quán* những điều kiện khách quan của cuộc cách mạng đó và sự

thanh lọc những ảo tưởng và không tưởng khỏi các điều kiện khách quan đó, những điều kiện không thể khắc phục được về mặt kinh tế. Quốc hữu hoá ruộng đất không những chỉ là phương tiện duy nhất để thanh toán hoàn toàn những tập quán trung cổ trong nông nghiệp, mà còn là hình thức tốt nhất của quan hệ ruộng đất có thể có được dưới chủ nghĩa tư bản.

Ba loại hoàn cảnh đã nhất thời làm cho phái dân chủ - xã hội Nga quay lưng lại với cương lĩnh ruộng đất đúng đắn đó. Trước hết, người đề xướng ra "địa phương công hữu hoá" ở Nga, P. Ma-xlốp, đã "sửa lại" học thuyết của Mác, đã bác bỏ học thuyết về địa tô tuyệt đối, đã làm sống lại những học thuyết tư sản nửa thối rữa về quy luật ruộng đất giảm bớt mâu thuẫn, về mối liên hệ của quy luật đó với học thuyết địa tô, v. v.. Phủ nhận địa tô tuyệt đối, chính là phủ nhận mọi giá trị kinh tế của chế độ tư hữu ruộng đất dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, và như vậy thì tất nhiên sẽ phải xuyên tạc những quan điểm mác-xít về quốc hữu hoá. Thứ hai là, những người dân chủ - xã hội Nga đã không thấy được *bước đầu* của cuộc cách mạng nông dân, nên chỉ đã có thể dự kiến một cách thận trọng khả năng của cuộc cách mạng đó, vì khả năng thắng lợi của nó đòi hỏi thật sự một loạt những điều kiện đặc biệt thuận lợi và một sự phát triển đặc biệt thuận lợi của ý thức cách mạng, của nghị lực và của sáng kiến của quần chúng. Vốn không có *kinh nghiệm* và cho rằng không thể bày đặt ra những phong trào *tư sản* được, nên đương nhiên là những người mác-xít Nga đã không thể đề ra, *trước khi cuộc cách mạng nổ ra*, một cương lĩnh ruộng đất đúng đắn. Tuy vậy, họ lại phạm sai lầm này là, ngay *sau khi* cách mạng đã nổ ra rồi, đáng lẽ phải *vận dụng* học thuyết của Mác vào những điều kiện đặc thù của nước Nga (Mác và Ăngghen luôn luôn dạy rằng học thuyết của

chúng tôi không phải là một giáo điều, mà là *một kim chỉ nam cho hành động*¹²⁷, họ lại lặp lại một cách không có phê phán, những kết luận rút ra từ sự vận dụng học thuyết của Mác trong những điều kiện của nước ngoài, ở một thời kỳ khác. Những người dân chủ - xã hội Đức, chẳng hạn, dĩ nhiên là đã khước từ tất cả các cương lĩnh cũ của Mác đòi quốc hữu hoá ruộng đất, vì nước Đức đã hoàn toàn hình thành như là một nước tư sản - giông-ke, tất cả các phong trào trên miền đất của chế độ tư sản đều đã lỗi thời hẳn rồi, và không có, không thể có ở đây bất cứ một phong trào nhân dân nào tán thành quốc hữu hoá nữa. Ưu thế của những phần tử tư sản - giông-ke *trên thực tế đã biến* các kế hoạch quốc hữu hoá thành một trò chơi, hoặc thậm chí thành một công cụ cho bọn giông-ke cướp đoạt quần chúng. Người Đức đã có lý khi họ khước từ ngay cả việc nói đến quốc hữu hoá; nhưng đem kết luận đó mà vận dụng cho nước Nga (như những người thuộc phái men-sê-vích ở nước ta thực tế đã làm vì không nhận thấy mối liên hệ giữa địa phương công hữu hoá với điều Ma-xlốp sửa đổi học thuyết Mác), thì chính là không biết suy nghĩ đến những nhiệm vụ của các đảng dân chủ - xã hội cụ thể trong những thời kỳ đặc biệt của sự phát triển lịch sử của những đảng đó.

Thứ ba là, cương lĩnh địa phương công hữu hóa đã bộc lộ rõ ràng toàn bộ đường lối sách lược sai lầm của chủ nghĩa men-sê-vích trong cuộc cách mạng tư sản Nga: không hiểu biết rằng chỉ có "khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân"* mới có thể đảm bảo được thắng lợi của cuộc cách mạng đó. Không hiểu biết vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng tư sản, muốn làm cho

* Cau-xky đã nói như vậy trong cuốn sách của ông ta "Cách mạng xã hội", xuất bản lần thứ hai.

giai cấp đó đứng ở bên ngoài, làm cho nó thích ứng với một kết cục mơ hồ của cách mạng, biến nó từ chỗ là lãnh tụ thành người trợ giúp (và trên thực tế, biến nó thành một lao công và một người đầy tớ) của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa. "Hỡi công nhân, chớ mải mê, hãy thích nghi với hoàn cảnh, tiến lên một cách từ tốn" – những lời đó của Nác-txit Tu-bô-rư-lốp¹²⁸ chống lại "phái kinh tế" (= những người cơ hội chủ nghĩa đầu tiên trong Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga) diễn tả rất rõ *tinh thần* của cương lĩnh ruộng đất hiện tại của chúng ta.

Cuộc đấu tranh chống lại "sự mải mê" của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản phải đi đến chỗ không làm giảm mà làm tăng quy mô của cách mạng và đề cao những nhiệm vụ của nó, nhiệm vụ mà giai cấp vô sản đã xác định. Chúng ta không được khuyến khích "chủ nghĩa địa phương", dù chủ nghĩa này có mạnh đến đâu nữa trong các tầng lớp lạc hậu của giai cấp tiểu tư sản hoặc của các tầng lớp nông dân có đặc quyền đặc lợi (người Cô-dắc), – cũng không được khuyến khích chủ nghĩa biệt lập của các dân tộc, – không, chúng ta phải làm sáng tỏ cho giai cấp nông dân thấy tầm quan trọng của sự đoàn kết vì thắng lợi, đề ra một khẩu hiệu để mở rộng phong trào chứ không phải thu hẹp phong trào, khẩu hiệu có thể quy trách nhiệm về *tính chất không toàn diện* của cuộc cách mạng tư sản vào sự lạc hậu của giai cấp tư sản, chứ không phải cho sự thiếu suy nghĩ của giai cấp vô sản. Chúng ta không được làm cho cương lĩnh của chúng ta phải "thích ứng" với chủ nghĩa dân chủ "địa phương", không được bày đặt ra một "chủ nghĩa xã hội thị chính" ở nông thôn, vô lý và không thể có được dưới chính quyền trung ương không dân chủ, không được làm cho chủ nghĩa cải lương xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản thích ứng với cách mạng tư sản, mà phải làm cho quần chúng tập trung chú ý vào những điều kiện thật sự của thắng lợi của cách mạng, với tư cách là cách mạng tư sản, vào sự

cần thiết phải đạt được điều đó, không phải đạt được chỉ riêng một chủ nghĩa dân chủ địa phương, mà nhất thiết phải là một chủ nghĩa dân chủ "trung ương", nghĩa là chủ nghĩa dân chủ của chính quyền trung ương của nhà nước, – và không phải chỉ một chủ nghĩa dân chủ nói chung, mà nhất thiết là những hình thức hoàn chỉnh nhất, cao nhất của chủ nghĩa dân chủ, vì nếu không thì cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân ở Nga sẽ trở nên *không tương*, theo nghĩa khoa học của từ này.

Và chớ có tưởng rằng trong thời kỳ lịch sử này, khi mà bọn phản động cực đoan la lối và gầm thét tại Đu-ma III, khi mà sự lộng hành của các thế lực phản cách mạng đạt đến nec plus ultra¹⁾ và phe phản động có những hành động dã man trả thù về chính trị đối với những người cách mạng nói chung, và đối với những đại biểu dân chủ - xã hội trong Đu-ma II nói riêng, - chớ có tưởng rằng thời kỳ này "không phù hợp" với những cương lĩnh ruộng đất "rộng rãi". Ý nghĩ đó giống như sự phản bội, sự chán nản, thoái chí và suy sụp đã xâm chiếm những tầng lớp rộng rãi những trí thức tiểu tư sản tham gia Đảng dân chủ - xã hội hoặc đứng về phía đảng đó ở nước Nga. Giai cấp vô sản ở nước ta chỉ có lợi nếu như cái đồng rác rưởi đó bị quét sạch khỏi nội bộ đảng công nhân. Không, phe phản động càng điên cuồng, và do đó, thực tế, càng làm chậm sự phát triển kinh tế không thể tránh khỏi, thì nó lại càng chuẩn bị tốt hơn cho một cao trào rộng rãi hơn của phong trào dân chủ. Và chúng ta phải lợi dụng những thời kỳ quần chúng tạm thời ngừng hành động để nghiên cứu một cách có phê phán kinh nghiệm của cuộc cách mạng vĩ đại, kiểm tra lại kinh nghiệm đó, vứt bỏ đi những cái vô bổ, rồi truyền lại cho quần chúng làm kim chỉ nam cho cuộc đấu tranh sắp tới.

1) – tột đỉnh

Tháng Mười một - tháng Chạp 1907.

LỜI BẠT¹²⁹

Cuốn sách này được viết vào cuối năm 1907. Năm 1908, nó được in ở Pê-téc-bua, nhưng cơ quan kiểm duyệt của Nga hoàng đã tịch thu và hủy đi. Chỉ còn lại có một cuốn nhưng thiếu phần cuối (từ trang 269 trở đi của bản in này), thành thử ngày nay phải thêm phần cuối vào.

Hiện nay, cuộc cách mạng đặt vấn đề ruộng đất ở nước Nga ra một cách vô cùng rộng rãi hơn, sâu hơn và gay gắt hơn năm 1905 - 1907. Tôi hy vọng rằng việc tìm hiểu lịch sử của cương lĩnh đảng ta trong cuộc cách mạng thứ nhất, sẽ giúp thấy rõ hơn những mục tiêu của cuộc cách mạng hiện tại.

Đặc biệt phải nhấn mạnh điều sau đây. Chiến tranh đã gây ra những đau khổ chưa từng thấy cho những nước tham chiến, nhưng đồng thời nó lại hết sức đẩy nhanh sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, biến chủ nghĩa tư bản độc quyền thành chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, đến mức cả giai cấp vô sản lẫn phái dân chủ tiểu tư sản cách mạng, *cũng không thể* hạn chế hoạt động của mình trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản được.

Cuộc sống đã vượt quá khuôn khổ đó ; nó đặt ra vấn đề trước mắt là phải điều tiết sản xuất và phân phối trên phạm vi toàn quốc, điều tiết chế độ nghĩa vụ lao động phổ biến, việc cưỡng bức các-ten hoá (tập hợp lại trong các hiệp hội) v. v..

Trong tình hình đó cả vấn đề quốc hữu hoá ruộng đất trong cương lĩnh ruộng đất tất phải được đặt ra một cách khác. Cụ thể là: quốc hữu hoá ruộng đất không những là "thành tựu mới nhất" của cách mạng tư sản, mà còn là *một bước tiến tới chủ nghĩa xã hội*. Không tiến hành những bước như vậy thì không thể đấu tranh chống tai họa chiến tranh được.

Giai cấp vô sản, trong khi lãnh đạo nông dân nghèo, buộc phải, một mặt, chuyển trọng tâm công tác từ các Xô-viết đại biểu nông dân sang các Xô-viết đại biểu công nhân nông nghiệp; mặt khác, yêu cầu quốc hữu hoá tài sản thuộc điền trang của địa chủ, cũng như yêu cầu thành lập trên những điền trang đó, những cơ sở sản xuất kiểu mẫu dưới sự kiểm tra của các Xô-viết đại biểu công nhân nông nghiệp.

Đương nhiên là ở đây không thể bàn tỉ mỉ những vấn đề hết sức quan trọng đó; tôi buộc phải đề nghị bạn đọc nào quan tâm đến các vấn đề đó hãy tìm đọc những sách báo bôn-sê-vích đang lưu hành và những cuốn sách nhỏ của tôi: "Những bức thư về sách lược"¹⁾ và "Những nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cách mạng của chúng ta (dự thảo cương lĩnh của đảng vô sản)"²⁾.

Tác giả

Ngày 28 tháng Chín 1917

1) Xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 31, tr. 131 - 132.

2) Như trên, tr. 149 - 186.

BÌNH LUẬN CHÍNH TRỊ

Bọn sô-vanh đang hoạt động. Chúng ra sức phao tin là Nhật-bản đang vũ trang, tập trung 600 tiểu đoàn ở Mãn-châu để tấn công nước Nga. Thổ-nhĩ-kỳ tưởng như đang tích cực đẩy mạnh vũ trang để đến mùa xuân sắp tới thì tuyên chiến với Nga. Người ta nói rằng ở Cáp-ca-dơ một cuộc khởi nghĩa đang được chuẩn bị nhằm tách Cáp-ca-dơ ra khỏi nước Nga (chỉ còn thiếu điều là người ta la ó lên rằng người Ba-lan cũng đang âm mưu nữa thôi!). Người ta đưa những chuyện bịa đặt về sự vũ trang của Phần-lan, để tăng cường bức hại nước đó. Người ta lợi dụng việc xây dựng con đường sắt ở Bô-xni-a để kích liệt cổ động chống Áo. Báo chí Nga tăng cường công kích nước Đức, nói rằng Đức mưu đồ xui Thổ-nhĩ-kỳ chống lại Nga. Chiến dịch đó không những được tiến hành trên báo chí Nga, mà cả trên báo chí Pháp, một loại báo chí đã bị chính phủ Nga mua chuộc, việc này mới đây đã được một nghị viên dân chủ - xã hội nêu lên rất đúng lúc tại Đu-ma.

Các báo tư sản đứng đắn của phương Tây không chịu thừa nhận rằng toàn bộ chiến dịch ấy chỉ là do các nhà báo quen tưởng tượng ra, hay chỉ là một thủ đoạn bất chính nhằm làm chấn động dư luận. Không, chắc hẳn là chính "các giới cầm quyền", - xin đọc: chính phủ Nga hoàng của bọn Trăm đen hoặc của bè đảng bí mật của triều đình, đại loại như "Viện ngôi sao" lừng danh kia, - đã truyền ra khẩu

lệnh đặc biệt rõ rệt, truyền ra "đường lối" quán triệt, truyền ra một cái gì như là "phương châm mới" việc không cho tất cả những nghị viên nào không phải là uỷ viên tiểu ban quốc phòng của Đu-ma, – nghĩa là không cho chẳng những các đảng cách mạng, mà cả những người dân chủ - lập hiến, vào tiểu ban ấy, – việc đó đã được báo chí nước ngoài gắn liền trực tiếp với chiến dịch có tính chất sô-vanh đó; thậm chí người ta còn nói rằng chính phủ Nga, để tỏ ra hoàn toàn bất chấp "chế độ hiến pháp", đã có ý định yêu cầu không phải toàn thể Đu-ma mà chỉ yêu cầu cái tiểu ban gồm những người thuộc phái thánng Mười và Trăm đen cấp ngân sách để tăng cường quân đội biên phòng.

Dưới đây là một vài đoạn trích ở những báo châu Âu không hề có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa, những báo mà người ta không thể ngờ là có thái độ lạc quan đối với cách mạng Nga:

"Những trận nước Đức thắng nước Pháp (năm 1870), như Bi-xmác có lần nhận định, đã nhen lại tham vọng của các nhà quân phiệt Nga là những người cũng rắp tâm lập chiến công. Vì những nguyên nhân chính trị, tôn giáo và lịch sử, nước Thổ-nhĩ-kỳ đã thành đối tượng đặc biệt thích hợp để đạt mục đích đó (chiến tranh Nga - Thổ 1877 - 1878). Chắc hẳn một vài giới nào đó ở Nga, vì đã quên những bài học của cuộc chiến tranh với Nhật-bản và không hiểu những nhu cầu chân chính của nước mình, nên ngày nay cũng tán thành một quan điểm như thế. Vì ở vùng Ban-căng không còn phải giải phóng cho "những người anh em" nào khác nữa, nên cần phải nghĩ ra những phương pháp khác để tác động đến dư luận ở Nga. Mà những phương pháp ấy, thật ra thì phải nói là còn vụng về hơn các phương pháp ngày xưa: người ta muốn làm như thể nước Nga bị thù trong và giặc ngoài bao vây".

"Các giới cầm quyền Nga muốn củng cố địa vị của mình bằng những phương pháp cũ, cụ thể là: dùng bạo lực để đàn áp phong trào giải phóng trong nước và làm cho nhân dân không chú ý tới tình cảnh thảm hại của đất nước, bằng cách khêu gợi những tình cảm dân tộc chủ nghĩa, bằng cách gây nên những cuộc xung đột về ngoại giao mà chúng ta không thể nào lường trước được kết cục ra sao".

Vậy thì đường lối mới có tính chất sô-vanh đó trong chính sách của chế độ chuyên chế phản cách mạng có ý

nghĩa như thế nào? Sau trận Mã-đảo và trận Phụng-thiên, chỉ những kẻ cảm thấy mình hoàn toàn không có chỗ đứng nữa mới có thể lao đầu theo một chính sách như thế được. Dù cho cố gắng đến đâu thì kinh nghiệm của hai năm thế lực phản động hoành hành cũng *đã không đưa lại* cho chế độ chuyên chế của bọn Trăm đen một chỗ dựa nào vững chắc đôi chút ở trong nước, cũng như đã không tạo nên những thành phần giai cấp mới khả dĩ, *về mặt kinh tế*, phục hưng được chế độ chuyên chế. Và *không có cái đó* thì không có hành vi tàn bạo nào, không có hành động điên cuồng phản cách mạng nào có thể duy trì được chế độ chính trị hiện tại ở Nga

Xtô-lư-pin, cũng như bọn địa chủ Trăm đen, lẫn phái thánng Mười, đều hiểu rằng nếu không tạo ra được những chỗ dựa giai cấp mới thì họ không thể nào giữ vững được chính quyền. Do đó họ theo đuổi chính sách nhằm làm cho nông dân phá sản đến cùng, nhằm dùng bạo lực để phá huỷ công xã, đặng dọn *cho bằng được* con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Phái tự do Nga, những kẻ thông thái nhất, có học thức nhất, "nhân đạo" nhất, – đại loại như các vị giáo sư của báo "Tin tức nước Nga", – về phương diện này, cũng đều tỏ ra vô cùng ngu dốt hơn bọn Xtô-lư-pin. Bài xã luận của báo đó trong số ra ngày 1 tháng Hai viết: "Nếu như trong lúc quyết định, chẳng hạn, số phận của những quy tắc tạm thời thánng Mười một, mà những người ngày hôm qua ủng hộ công xã nông thôn duy Xla-vơ, lại sẽ ủng hộ những mưu tính của nội các định phá bỏ công xã bằng cách củng cố quyền chiếm hữu tư nhân về ruộng đất của từng chủ hộ, thì cũng không có gì là lạ cả... Thậm chí cũng có thể cho rằng những mục đích tự vệ, chung cho cái đa số bảo thủ trong Đu-ma và nội các, sẽ thúc đẩy Đu-ma và nội các thi hành thậm chí cả những

biện pháp có tính chất tấn công hơn so với cả những pháp lệnh nổi tiếng năm 1906... Cảnh tượng thật kỳ lạ: chính phủ bảo thủ, với sự giúp sức của các đại biểu các đảng bảo thủ, đang chuẩn bị một cải cách cấp tiến trong lĩnh vực những quan hệ ruộng đất – lĩnh vực khó có thể phát sinh những chuyển biến đột ngột hơn bất cứ lĩnh vực nào khác – và quyết định thi hành một biện pháp cấp tiến như vậy vì những lý do trừu tượng cho rằng hình thức chiếm hữu này là hơn hình thức chiếm hữu kia".

Ngài giáo sư, xin ngài hãy mở mắt ra, – hãy giữ sạch đồng bụi bặm tích lại từ lâu của chủ nghĩa dân túy già nua – và nhìn xem những điều mà hai năm cách mạng đã làm được. Xtô-lư-pin đã thắng ngài không những bằng sức mạnh vật chất, mà còn vì hắn đã hiểu đúng cái nhu cầu thiết thực nhất của sự phát triển kinh tế, hiểu được phải dùng bạo lực đập tan chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ. Sự "chuyển biến" lớn lao do cách mạng vĩnh viễn đưa đến, là ở chỗ chế độ chuyên chế của bọn Trăm đen, ngày xưa *đã có thể* dựa vào những hình thức chiếm hữu ruộng đất trung cổ thì ngày nay *đang buộc phải*, về mọi mặt đều buộc phải, và không được lùi bước, thực hành hết sức nhanh chóng việc phá huỷ những hình thức sở hữu đó. Vì chế độ chuyên chế đã hiểu rằng *nếu không phá huỷ* chế độ ruộng đất cũ thì *không có cách nào để giải quyết được* cái mâu thuẫn đã là nguyên nhân sâu xa nhất của cách mạng Nga, tức là: mâu thuẫn giữa một bên là chế độ sở hữu ruộng đất lạc hậu nhất cùng với tình trạng nông thôn dốt nát nhất và một bên là chủ nghĩa tư bản công nghiệp và tài chính tiên tiến nhất!

Như vậy là các anh tán thành luật ruộng đất Xtô-lư-pin chứ gì? – những người dân túy sẽ hỏi chúng tôi một cách sợ hãi như thế. – Ô! Đâu phải thế, các anh hãy yên tâm! Chúng tôi tuyệt đối chống lại *tất cả những* hình thức sở hữu ruộng đất cũ ở Nga, chống lại cả chế độ địa chủ chiếm

hữu ruộng đất lẫn chế độ người nông dân sở hữu phần ruộng được chia. Chúng tôi tuyệt đối tán thành dùng bạo lực phá huỷ chế độ cũ kỹ, lỗi thời và mục nát đó, cái chế độ mà những mùi hôi thối đang đầu độc tất cả những cái gì là mới; chúng tôi tán thành *việc quốc hữu hoá* có tính chất tư sản về ruộng đất, coi đó là khẩu hiệu duy nhất triệt để của cuộc cách mạng tư sản, biện pháp thực tiễn duy nhất đang hướng toàn bộ mũi nhọn của sự phá huỷ lịch sử tất yếu đó vào phía bọn địa chủ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để tạo ra trong quần chúng nông dân, những người được tự do làm chủ ruộng đất mà họ cấy cấy.

Đặc điểm của cuộc cách mạng tư sản Nga là ở chỗ chính sách cách mạng trong vấn đề cơ bản của cách mạng, tức là vấn đề ruộng đất, lại được bọn Trăm đen và nông dân cùng công nhân thực hiện. Còn các luật sư và giáo sư phái tự do thì lại bảo vệ cái vô lý, hão huyền và không có sức sống, tức là: điều hoà hai phương pháp đối lập và không tương dung đó với nhau – những phương pháp *phá huỷ* những cái gì đã lỗi thời, – và lại điều hoà làm sao cho, nói chung, không xảy ra một sự phá huỷ nào cả. Hoặc là cuộc khởi nghĩa nông dân thắng lợi và chế độ chiếm hữu cũ về ruộng đất được hoàn toàn phá bỏ có lợi cho nông dân được cách mạng đổi mới, nghĩa là tịch thu ruộng đất của địa chủ và thành lập chế độ cộng hoà; hoặc là phá bỏ theo lối Xtô-lư-pin, sự phá bỏ này cũng đổi mới, đổi mới trên thực tế chế độ sở hữu ruộng đất cũ, làm cho nó thích ứng với những quan hệ tư bản chủ nghĩa, nhưng chỉ hoàn toàn vì lợi ích của bọn địa chủ, bằng cách làm phá sản đến cùng quần chúng nông dân, dùng bạo lực để bắt họ phải bỏ làng mạc mà đi, bằng cách đuổi đi, dùng đói rét, tù, đày, bắn giết và tra tấn để xua đuổi, tiêu diệt bộ phận ưu tú nhất của thanh niên nông dân. Một thiểu số không dễ gì thực hành một chính sách như thế đối với đa số, nhưng về phương diện kinh tế, thì chính sách đó không phải là không thể thực

hành được. Chúng ta phải giúp nhân dân nhận thức rõ điểm đó. Và chỉ có những "con người trong vỏ ốc" thiên cận mới có thể mở tưởng một cách hết sức ngu ngốc là dùng một biện pháp cải lương rụt rè để gỡ một cách hoà bình và không có bạo lực, cái mở mâu thuẫn trung cổ đã bị hàng thế kỷ lịch sử của Nga làm rối tung một cách không thể tưởng tượng được. Sự tất yếu kinh tế chắc chắn là đang đòi hỏi phải có và nhất định sẽ đưa lại một cuộc "cách mạng sâu sắc" nhất trong chế độ ruộng đất ở Nga. Vấn đề mà lịch sử đề ra, chỉ là xét xem ai sẽ là người thực hành cuộc cách mạng đó: bọn địa chủ do Nga hoàng và Xtô-lư-pin cầm đầu hay là quần chúng nông dân do giai cấp vô sản lãnh đạo.

"Việc lập khối đối lập", đó là đề tài thời sự của báo chí chính trị Nga. Báo "Nước Nga", cơ quan của bọn cảnh sát và bọn Xtô-lư-pin hí hửng reo lên: "Lập khối à? Thế thì những người dân chủ - lập hiến cũng là những người cách mạng; đả đảo người dân chủ - lập hiến!". Báo "Ngôn luận" của Đảng dân chủ - lập hiến hoàn toàn tiêm nhiễm cái tâm lý quan lại muốn chứng minh rằng bọn dân chủ - lập hiến cũng có thể ôn hoà không kém gì phái tháng Mười, thì bĩu môi, cực lực biểu thị lòng công phẫn "đạo đức" đối với những mưu toan không được thành thực buộc tội cho mình là sinh cách mạng. Báo đó tuyên bố: cố nhiên, chúng tôi hoan nghênh việc thành lập một khối các phái đối lập, nhưng khối này phải là một phong trào "*từ tả sang hữu*" (xã luận ngày 2 tháng Hai). "Chúng tôi có kinh nghiệm về những thất vọng và sai lầm chính trị. Khi phe đối lập lập khối, thì tự nhiên là nó tiến hành việc đó trên cơ sở cương lĩnh tối thiểu của chính đảng ôn hoà nhất trong số các chính đảng hợp thành khối đối lập".

Cương lĩnh đó là hết sức rõ ràng: phái tự do tư sản phải nắm quyền lãnh đạo, đó là điều kiện của chúng tôi,

bọn dân chủ - lập hiến nói như vậy, — giống như điều mà Phan-lu đã nói năm 1871 trả lời Chi-e khi lão này yêu cầu y ủng hộ mình: chế độ quân chủ, đó là điều kiện của tôi.

Báo "Bưu cục thủ đô"¹³⁰ "không đồng ý" với báo "Ngôn luận", vì nó cho rằng nói trắng ra những điều như thế là mất thể diện, mất vinh dự; nó liền tìm lối thoát bằng cách đưa ra những lời ám chỉ mơ hồ về "tâm trạng trước tháng Mười" (cơ quan kiểm duyệt đáng nguyên rủa đã cản trở việc đề ra một cương lĩnh chính trị minh bạch chứ!) mà thực tế là đề nghị mặc cả. Báo đó ám chỉ rằng nếu báo "Ngôn luận" muốn lãnh đạo, những người cách mạng cũng muốn lãnh đạo (cái khối mới), thì tôi há lại không thể có được một món thù lao về những công lao nhỏ mọn làm người môi giới trung thực, hay sao?

"Lập khối" à, — chúng ta nhiệt liệt đồng tình với khẩu hiệu đó, nhất là khi người ta ám chỉ — đầu chỉ là một sự ám chỉ không thôi! — đến "tâm trạng trước tháng Mười". Nhưng lịch sử không tái diễn lại đâu, các ngài chính khách thân mến! Và những bài học mà "lịch sử của ba năm" đã đưa lại cho chúng ta, thì không hề có một sức mạnh nào có thể xoá nổi trong ý thức của các giai cấp. Những bài học đó là vô cùng phong phú, vừa vì nội dung tích cực của chúng (hình thức, tính chất, điều kiện thắng lợi của cuộc đấu tranh *có tính chất quần chúng* của công nhân và nông dân năm 1905), vừa vì nội dung tiêu cực của chúng (hai Đu-ma bị sụp đổ, nghĩa là những ảo tưởng lập hiến và quyền lãnh đạo của bọn dân chủ - lập hiến bị sụp đổ).

Những ai muốn nghiên cứu một cách có hệ thống, muốn suy nghĩ, thẩm nhuần, áp dụng những bài học ấy trong quần chúng, — chúng tôi hoan nghênh họ, chúng tôi hoàn toàn tán thành cái "khối" lập ra để đấu tranh kiên quyết với bọn phản bội cách mạng. Các anh không thích ư? Như thế là chúng ta đi theo những con đường khác nhau.

Khẩu hiệu cũ "trước tháng Mười" là rất tốt và (mong rằng điều đó sẽ không làm cho M-đ-m trong văn tập "Tư tưởng chúng ta"¹³¹ bực mình!) chúng tôi sẽ không vứt bỏ nó đâu ("quốc hội lập hiến"). Nhưng khẩu hiệu đó chưa được đầy đủ. Nó còn quá hình thức. Khẩu hiệu đó không phản ánh sự nhận thức rằng các vấn đề cấp thiết đã được cuộc sống đặt ra một cách thiết thực. Chúng ta sẽ lấy bài học vĩ đại của ba năm vĩ đại đó bổ sung cho nó. "Cương lĩnh tối thiểu" của chúng ta, "cương lĩnh của khối chúng ta" đơn giản và rõ ràng: 1) tịch thu toàn bộ ruộng đất của địa chủ; 2) chế độ cộng hoà. Còn quốc hội lập hiến, thì chúng ta cần có một quốc hội lập hiến *thế nào* để có thể thực hiện được cương lĩnh đó.

Lịch sử của hai Đu-ma, hai Đu-ma của bọn dân chủ - lập hiến, đã chứng minh hết sức rõ ràng rằng cuộc đấu tranh thực sự của các lực lượng xã hội, — cuộc đấu tranh này, tuy không phải khi nào người ta cũng đều đã có ý thức về nó, không phải khi nào nó cũng đều phát lộ ra ngoài, nhưng đã luôn luôn có ảnh hưởng quyết định đến tất cả mọi kết cục chính trị lớn, luôn luôn quét sạch, như quét một đồng rác, mọi trò ảo thuật của những kẻ vừa ngây ngô vừa xảo trá "theo chủ nghĩa lập hiến", — cuộc đấu tranh này đã diễn ra hoàn toàn và về toàn bộ là chung quanh hai "mục tiêu" mà chúng tôi đã nêu ra trên kia. Không phải lý luận trừu tượng mà chính kinh nghiệm thực tế của cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân chúng ta, trong điều kiện thực tế của chế độ chuyên chế của địa chủ Nga, đã chỉ cho chúng ta thấy rằng nhất định phải có chính những khẩu hiệu ấy. Đối với những ai có khả năng thấm nhuần những khẩu hiệu ấy, chúng tôi đề nghị "đi riêng rẽ" và "cùng nhau đánh", đánh kẻ địch đang tàn phá nước Nga, đang tàn sát hàng ngàn những người con ưu tú của nước Nga.

"Với một cương lĩnh lập khối như vậy, các anh sẽ bị cô độc". Không đúng thế đâu.

Hãy đọc những lời phát biểu mà các đại biểu nông dân không đảng phái đã đọc ở hai Đu-ma đầu tiên, và các anh sẽ thấy rằng cương lĩnh lập khối của chúng tôi chỉ nêu lên những nguyện vọng của họ, những nhu cầu của họ, những kết luận cơ bản không thể thiếu được do những nhu cầu đó đề ra. Đối với những ai không hiểu những nhu cầu đó — từ người dân chủ - lập hiến cho đến Pê-sê-khô-nốp (người ta đã viết từ Mát-xơ-va cho chúng tôi biết rằng cả ông này cũng tuyên truyền "việc lập khối" ở đó), — chúng ta sẽ vì "lập khối" mà đấu tranh chống họ.

Đó sẽ là một cuộc đấu tranh ác liệt. Chúng ta đã biết công tác trong suốt nhiều năm trước cách mạng. Không phải không có lý do khi người ta nói về chúng ta là: vững như bàn thạch. Những người dân chủ - xã hội đã thành lập một đảng vô sản không thất vọng trước sự thất bại của một cuộc tấn công quân sự đầu tiên; nó sẽ không mất tinh thần, không hành động phiêu lưu. Đảng đó đang tiến tới chủ nghĩa xã hội, mà không trói buộc bản thân mình cũng như vận mệnh của mình vào kết cục của một thời kỳ này nọ của cách mạng tư sản. Và chính vì thế mà nó tránh được những nhược điểm của những cuộc cách mạng tư sản. Và đảng vô sản đó đang tiến tới thắng lợi.

"Người vô sản", số 21, 26 (13)
tháng Hai 1908

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

LỜI TUYÊN BỐ CỦA BAN BIÊN TẬP BÁO "NGƯỜI VÔ SẢN"

Trên báo "*Neue Zeit*" số 20, trong bài tựa của người dịch, mà chúng tôi không biết tên, dịch bài báo do A. Bô-gđa-nốp viết về Eng-xtơ Ma-khơ, có đoạn như sau: "đáng tiếc là trong Đảng dân chủ - xã hội Nga, xuất hiện một khuynh hướng mạnh mẽ coi thái độ thế này hay thái độ thế kia đối với Ma-khơ là vấn đề chia rẽ bè phái trong đảng. Những điểm bất đồng ý kiến rất quan trọng về sách lược giữa những người bôn-sê-vích và những người men-sê-vích, càng trở nên gay gắt do cuộc tranh luận về một vấn đề, mà theo ý chúng tôi, hoàn toàn không liên quan đến các điểm bất đồng ý kiến ấy, đây chính là vấn đề: về phương diện nhận thức luận, chủ nghĩa Mác có tương dung với học thuyết Xpi-nô-da và Hôn-bách hay với học thuyết của Ma-khơ và A-vê-na-ri-út không?".

Về vấn đề này, ban biên tập báo "Người vô sản", đại biểu tư tưởng cho trào lưu bôn-sê-vích, nhận thấy cần phải tuyên bố như sau. Trên thực tế, cuộc tranh luận triết học này không có tính chất bè phái, và theo ý kiến ban biên tập, không được có tính chất như thế; mọi ý đồ toan làm như thể những điểm bất đồng ý kiến đó là có tính chất bè

phái, là sai lầm về căn bản. Trong phái này và trong phái kia, đều có những kẻ ủng hộ cả hai khuynh hướng triết học ấy.

"Người vô sản", số 21, 26
(13) tháng Hai 1908

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

CHÍNH SÁCH RUỘNG ĐẤT MỚI

Hôm thứ tư, 13 tháng Hai, Ni-cô-lai II đã tiếp 307 đại biểu của Đu-ma III. Cuộc nói chuyện thân mật của Nga hoàng với các phần tử Trăm đen, Bô-brin-xki và Tsê-lư-sép, là mặt lối bịch của cái tình cảm chan chứa mới giữa chế độ chuyên chế với bè lũ đồng minh. Quan trọng hơn cả là lời tuyên bố của Ni-cô-lai nói rằng mai đây Đu-ma sẽ có nhiệm vụ phải thông qua luật ruộng đất mới, và rằng phải loại bỏ mọi ý đồ cưỡng bức chuyển nhượng ruộng đất, vì nhà vua, Ni-cô-lai II, sẽ không bao giờ phê chuẩn một đạo luật như vậy. Phóng viên "Báo Phran-pho" đưa tin: "Diễn văn của Nga hoàng đã làm cho nông dân không yên lòng".

Không còn nghi ngờ gì nữa rằng "lời tuyên bố về ruộng đất" của bản thân Nga hoàng có một ý nghĩa cổ động rất to lớn, và chúng ta chỉ có thể hoan nghênh một tay cổ động có tài như vậy mà thôi. Nhưng ngoài ý nghĩa cổ động ra, lời đe dọa gay gắt đó chống việc cưỡng bức chuyển nhượng có một ý nghĩa quan trọng lớn ở chỗ nó chứng tỏ rằng chế độ quân chủ địa chủ đã hoàn toàn đi vào con đường chính sách ruộng đất mới.

Các pháp lệnh nổi tiếng, không phải qua Đu-ma, chiếu theo điều 87, — luật ngày 9 tháng Mười một 1906 và các pháp lệnh tiếp theo, — đã mở đầu thời kỳ chính sách ruộng đất mới đó của chính phủ Nga hoàng. Trong Đu-ma II, Xtô-lư-pin đã xác định chính sách ấy; đại biểu cánh hữu và

Đảng tháng Mười đã tán thành chính sách ấy, những người dân chủ - lập hiến (hoảng sợ vì những tin đồn đại đang lưu hành trong các phòng chờ của bọn gian thần về việc giải tán Đu-ma) thì không dám công khai chỉ trích chính sách ấy. Giờ đây, tiểu ban ruộng đất trong Đu-ma III vừa mới thông qua điều quy định cơ bản của luật ngày 9 tháng Mười một 1906, và đã tiến thêm một bước là thừa nhận cho nông dân có quyền tư hữu những mảnh đất ở trong tất cả các công xã mà trong 24 năm nay chưa phân chia lại. Trong cuộc tiếp kiến ngày 13 tháng Hai, người cầm đầu cái nước Nga địa chủ - chủ nô đã công khai tán thành chính sách ấy, và lớn tiếng dọa — rõ ràng để cho nông dân không đảng phái biết — rằng ngài sẽ không bao giờ phê chuẩn một đạo luật nào về sự cưỡng bức chuyển nhượng có lợi cho nông dân.

Việc chính phủ Nga hoàng, bọn địa chủ và giai cấp tư sản lớn (những người tháng Mười) chuyển hẳn sang thi hành chính sách ruộng đất mới, có một ý nghĩa lịch sử to lớn. Vận mệnh của cuộc cách mạng tư sản ở Nga — không phải chỉ cuộc cách mạng hiện tại, mà cả những cuộc cách mạng dân chủ có thể xảy ra trong tương lai, — tùy thuộc chủ yếu vào thành công hay thất bại của chính sách ấy.

Thực chất của sự chuyển biến ấy là gì? Là ở chỗ, cho đến nay tính chất bất khả xâm phạm của chế độ chiếm hữu cũ kỹ, trung cổ đối với phần ruộng đất được chia của nông dân, và của công xã "cổ truyền" của họ đều đã có những kẻ ủng hộ nhiệt liệt nhất trong các giai cấp cầm quyền của nước Nga phản động. Bọn địa chủ - chủ nô — cái giai cấp thống trị trong thời kỳ trước cải cách ở Nga, cái giai cấp thống trị về mặt chính trị suốt cả thế kỷ XIX, — nói chung đã tiến hành chính sách *duy trì* chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân dựa vào chế độ công xã cũ.

Đến thế kỷ XX, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã làm suy yếu hẳn chế độ ấy. Chế độ công xã cũ kỹ với cái cơ sở đẳng cấp của nó, sự trói buộc nông dân vào ruộng đất,

thói thủ cựu của nông thôn nửa phong kiến, đã mâu thuẫn gay gắt với các điều kiện kinh tế mới. Biện chứng của lịch sử đã khiến cho nông dân — ở các nước khác, với chế độ ruộng đất điều chỉnh đôi chút (trên quan điểm các yêu cầu của chủ nghĩa tư bản) thì nông dân đã trở thành chỗ dựa của chế độ — ở Nga đã đưa ra, trong thời kỳ cách mạng, những yêu sách có tính chất phá hoại nhất, cho đến cả việc tịch thu ruộng đất của địa chủ và quốc hữu hoá ruộng đất (phái lao động trong Đu-ma I và II).

Những yêu cầu cấp tiến đó, thậm chí mang màu sắc của tư tưởng xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản, không phải do "chủ nghĩa xã hội" của người mu-gích đẻ ra, mà do sự tất yếu kinh tế đòi hỏi phải chặt đứt cái nút phức tạp là chế độ chiếm hữu ruộng đất nông nô; phải dọn đường cho người phéc-mi-ê tự do (người kinh doanh trong nông nghiệp) trên mảnh đất đã quét sạch những chướng ngại trung cổ*.

Từ nay, chủ nghĩa tư bản đã phá huỷ triệt để tất cả các cơ sở của chế độ ruộng đất cũ ở Nga. Nó không thể phát triển hơn nữa, nếu không phá vỡ chế độ ấy; nhất định và tất nhiên nó sẽ phá vỡ chế độ ấy; trên trái đất này, không có một lực lượng nào có thể ngăn cản được nó làm việc ấy. Nhưng chế độ ruộng đất đó có thể bị phá huỷ theo lối địa chủ hay theo lối nông dân, để dọn đường cho chủ nghĩa tư bản địa chủ hoặc cho chủ nghĩa tư bản nông dân. Lối phá huỷ chế độ cũ theo biện pháp địa chủ có nghĩa là dùng bạo lực để phá huỷ công xã, là làm phá sản thật nhanh và xoá bỏ quần chúng tiểu nông bị bần cùng làm lợi cho một nhóm cu-lắc. Lối phá huỷ chế độ cũ theo biện pháp nông dân có nghĩa là tịch thu ruộng đất của địa chủ và trao quyền sử dụng tất cả đất đai cho người phéc-mi-ê tự do,

* Những quan điểm trình bày ở đây là gắn liền mật thiết với việc phê phán cương lĩnh của đảng ta. Trên báo "Người vô sản", số 21, việc phê phán ấy đã được nêu lên với tính cách là ý kiến cá nhân; trong các số tiếp theo, vấn đề sẽ được phân tích tỉ mỉ hơn¹³².

vốn xuất thân từ nông dân (trên thực tế thứ "quyền bình đẳng về ruộng đất" của các ngài dân tuý là quyền của người chủ đối với ruộng đất đã được quét sạch mọi chướng ngại trung cổ).

Và nay chính phủ phản cách mạng đã hiểu rõ tình thế ấy. Xtô-lư-pin đã nhận định đúng tình hình: không phá huỷ chế độ sở hữu ruộng đất cũ thì không thể bảo đảm sự phát triển kinh tế của nước Nga được. Xtô-lư-pin và bọn địa chủ đã mạnh dạn đi vào con đường cách mạng, thẳng tay phá huỷ trật tự cũ, cho địa chủ và cu-lắc tha hồ mà cướp bóc quần chúng nông dân.

Hiện nay, các ngài thuộc phái tự do và phái dân chủ tiểu tư sản, — từ "Đảng canh tân hoà bình"¹³³ kiểu nửa tháng Mười và phái "Tin tức nước Nga", cho đến ông Pê-sê-khô-nốp trong tờ "Của cải nước Nga", — đã nhân việc chính phủ phá huỷ công xã mà làm náo động một cách kinh khủng, *buộc tội* chính phủ đó là cách mạng chủ nghĩa! Chưa bao giờ lập trường trung gian của phái tự do tư sản trong cuộc cách mạng Nga lại biểu lộ một cách rõ ràng như vậy. Không, các ngài ạ, than khóc về chuyện phá huỷ các cơ sở cổ truyền thì chẳng cứu vãn được đâu. Ba năm cách mạng đã thiêu cháy mọi ảo tưởng hòa giải và thoả hiệp. Vấn đề được đặt ra rất rõ ràng. Hoặc là mạnh dạn kêu gọi tiến hành cách mạng nông dân tiến tới thành lập nền cộng hoà, và chuẩn bị toàn diện về mặt tư tưởng cũng như về mặt tổ chức, một cuộc cách mạng *như vậy* trên cơ sở liên minh với giai cấp vô sản. Hoặc là thở vắn than dài một cách vô ích, tỏ ra bất lực về mặt chính trị và tư tưởng trước cuộc tấn công của bọn Xtô-lư-pin, bọn địa chủ và Đảng tháng Mười, vào công xã.

Những ai còn chút dưng cảm của người công dân và còn chút cảm tình với quần chúng nông dân, hãy lựa chọn đi! Giai cấp vô sản đã lựa chọn rồi, và hiện nay kiên quyết hơn bao giờ hết, Đảng công nhân dân chủ - xã hội

sẽ giải thích, tuyên truyền, phổ biến trong quần chúng khẩu hiệu: nông dân liên minh với giai cấp vô sản đứng lên khởi nghĩa, coi đó là phương tiện *duy nhất* có khả năng ngăn cản phương pháp "đổi mới" nước Nga theo kiểu Xtô-lư-pin.

Chúng tôi không nói rằng phương pháp ấy là không thực hiện được, — vì cái phương pháp ấy đã từng được thí nghiệm nhiều lần ở châu Âu trên những quy mô nhỏ, — mà chúng tôi sẽ giải thích cho nhân dân rõ rằng phương pháp ấy chỉ thực hiện được bằng bạo lực không hạn chế của thiểu số đối với đa số trong suốt hàng chục năm và bằng cách tiêu diệt hàng loạt nông dân tiến bộ. Chúng tôi không chú trọng đến việc vá vúi lại các dự án có tính chất cách mạng của Xtô-lư-pin, đến những cố gắng nhằm sửa chữa các dự án ấy, làm giảm tác dụng của chúng, v. v.. Chúng tôi sẽ đáp lại bằng cách tăng cường sự cố động của chúng tôi trong quần chúng nhân dân, và đặc biệt trong những tầng lớp giai cấp vô sản có liên hệ với nông dân. Tuy bị cảnh sát sàng lọc nhiều lần, tuy do địa chủ bầu ra, tuy bị bọn cực đoan trong Đu-ma hăm dọa, nhưng mới đây, những đại biểu nông dân cũng đã biểu lộ nguyện vọng chân chính của họ. Như báo chí cho biết, nhóm nông dân không đảng phái và bộ phận nông dân *phái hữu* đều tỏ ý tán thành chủ trương cưỡng bức chuyển nhượng ruộng đất, tán thành chủ trương là các cơ quan ruộng đất địa phương đều phải do *toàn thể dân cư* bầu ra! Không phải vô cớ mà một đảng viên dân chủ - lập hiến trong tiểu ban ruộng đất nói rằng người nông dân phái hữu còn tả hơn đảng viên dân chủ - lập hiến. Đúng, về vấn đề ruộng đất, người nông dân "phái hữu" trong cả 3 Đu-ma đều tả hơn đảng viên dân chủ - lập hiến, điều đó chứng tỏ rằng chủ nghĩa quân chủ của người mu-gích là sự ngây thơ đang tiêu tan đi, nó khác với chủ nghĩa quân chủ của bọn mưu lợi thuộc phái tự do là hạng quân chủ chủ nghĩa nếu xét theo những tính toán giai cấp.

Nga hoàng của bọn chủ nô đã gào lên cho nông dân không đảng phái biết rằng y sẽ không cho phép cưỡng bức chuyển nhượng đâu. Để đáp lại giai cấp công nhân sẽ lên tiếng kêu gọi hàng triệu nông dân "không đảng phái" hãy đứng lên tiến hành cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng để lật đổ chế độ Nga hoàng và tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ.

Báo "Người vô sản", số 22, (3
tháng Ba) 19 tháng Hai 1908

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

SỰ TRUNG LẬP CỦA CÔNG ĐOÀN¹³⁴

Trong báo "Người vô sản" số mới đây, chúng tôi đã đăng nghị quyết của Ban chấp hành trung ương đảng ta nói về công đoàn¹³⁵. Báo "Thế kỷ chúng ta"¹³⁶, khi thông báo cho độc giả biết về nghị quyết ấy, đã nói thêm rằng nghị quyết đã được Ban chấp hành trung ương nhất trí thông qua, vì phái men-sê-vích đã bỏ phiếu tán thành do chỗ nghị quyết ấy có những nhượng bộ so với bản dự án đầu tiên của những người bôn-sê-vích. Nếu quả tin ấy là đúng (cái tờ "Thế kỷ chúng ta" đã bị đình bản ấy là tờ báo rất thông thạo tất cả các điều liên quan đến phái men-sê-vích), thì chúng ta chỉ còn có việc là hết sức hoan nghênh cái bước lớn đó theo hướng thống nhất hành động của Đảng dân chủ - xã hội trong một lĩnh vực quan trọng như công đoàn. Những nhượng bộ mà báo "Thế kỷ chúng ta" nói đến, là hoàn toàn không đáng kể và hoàn toàn không làm thay đổi các nguyên tắc cơ bản trong bản dự án bôn-sê-vích (nhân tiện xin nói là dự án đã được đăng trên báo "Người vô sản", số 17, ngày 20 tháng Mười 1907, cùng với bài bình luận dài "Công đoàn và Đảng dân chủ - xã hội"¹³⁷).

Bởi vậy hiện nay toàn đảng ta đã thừa nhận rằng công tác trong công đoàn không được tiến hành theo tinh thần công đoàn đứng trung lập, mà theo tinh thần thiết lập mối liên hệ hết sức chặt chẽ giữa công đoàn và Đảng dân chủ - xã hội. Đồng thời, cũng đã thừa nhận rằng tính đảng của

công đoàn phải đạt được chỉ có thể nhờ công tác của những người dân chủ - xã hội trong nội bộ công đoàn; rằng Đảng dân chủ - xã hội phải thành lập những chi bộ đoàn kết trong các công đoàn và phải xây dựng những công đoàn bất hợp pháp nếu như công đoàn hợp pháp không có khả năng tồn tại được.

Không còn nghi ngờ gì nữa, Đại hội Stút-ga đã ảnh hưởng mạnh nhất đến sự xích lại gần đó của hai phái trong đảng ta về vấn đề tính chất công tác trong công đoàn. Như Cau-xky đã vạch ra trong báo cáo của ông trước công dân Lai - pxích, nghị quyết của Đại hội Stút-ga đã chấm dứt việc thừa nhận trên nguyên tắc sự trung lập của công đoàn. Các mâu thuẫn giai cấp đã phát triển đến mức độ cao; những mâu thuẫn đó trở nên gay gắt trong thời gian gần đây ở tất cả các nước; kinh nghiệm nhiều năm của Đức, — nơi mà chính sách trung lập của công đoàn đã tăng cường chủ nghĩa cơ hội trong công đoàn, chẳng làm trở ngại tí nào cho việc xuất hiện những công đoàn đặc biệt là công đoàn Cơ-đốc giáo và công đoàn phái tự do, — sự mở rộng của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trong một lĩnh vực đòi hỏi một hành động chung và nhất trí giữa công đoàn và đảng (bãi công có tính chất quần chúng và khởi nghĩa vũ trang trong cách mạng Nga có thể là mẫu đầu tiên về những hình thức có thể có của cách mạng vô sản ở phương Tây), — tất cả các điều ấy đã làm cho lý luận về sự trung lập của công đoàn mất hết cơ sở tồn tại.

Hiện nay, trong các chính đảng vô sản, vấn đề trung lập không có triển vọng gây ra được những cuộc tranh luận lớn. Nhưng trong những đảng không vô sản, giả danh xã hội chủ nghĩa, thuộc loại Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng ở nước ta, thực ra những đảng đó là cánh cực tả của đảng cách mạng - tự sản của trí thức và của nông dân tiến bộ, — thì tình hình lại khác.

Điều hết sức tiêu biểu là sau Đại hội Stút-ga, ở ta chỉ có những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và Plê-kha-nốp

là lên tiếng bảo vệ *tư tưởng* trung lập. Nhưng họ đã hoàn toàn không thành công.

Trong số mới đây của tờ "Ngọn cờ lao động", cơ quan trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng (số 8, tháng Chạp 1907), ta thấy hai bài nói về phong trào công đoàn. Trước hết, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng chế giễu lời tuyên bố của Đảng dân chủ - xã hội trên báo "Tiến lên"¹³⁸ nói rằng nghị quyết của Đại hội Stút-ga đã giải quyết vấn đề thái độ của đảng đối với công đoàn, như nghị quyết của Đại hội Luân-đôn cũng đã từng vạch ra, theo tinh thần môn-sê-vích. Chúng tôi trả lời lại rằng trong cũng số báo "Ngọn cờ lao động" đó, chính những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã dẫn ra *những sự kiện* chứng minh rằng sự đánh giá như vậy là hoàn toàn đúng.

Báo "Ngọn cờ lao động" viết về mùa thu năm 1905 như sau: "Cũng hồi bấy giờ, có — và đây là một sự kiện tiêu biểu — cuộc gặp mặt đầu tiên trực tiếp, giữa ba phái xã hội chủ nghĩa Nga: phái dân chủ - xã hội men-sê-vích, phái dân chủ - xã hội môn-sê-vích và phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, để trình bày quan điểm của mình về phong trào công đoàn. Ban thường vụ Mát-xơ-va được uỷ nhiệm chỉ định một số uỷ viên của mình để lập thành một cơ quan trung ương có nhiệm vụ triệu tập đại hội (công đoàn), đã tổ chức tại rạp hát Ô-lim-pi-a* một cuộc mít-tinh lớn của công nhân trong công đoàn. Những người men-sê-vích lên phát biểu ý kiến phân định, một cách kinh điển mác-xít và chính thống chặt chẽ, những mục đích của đảng và của công đoàn. "Nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội là thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa và phá bỏ các quan hệ tư bản chủ nghĩa; nhiệm vụ của công đoàn là cải thiện các điều kiện lao động trong

* Trong cuộc mít-tinh có gần một nghìn rưỡi người dự. Xem tường thuật trong "Bản tin của Viện bảo tàng về bảo trợ lao động", số 2, ngày 26 tháng Mười một 1905 (lời trích dẫn của báo "Ngọn cờ lao động").

phạm vi chế độ tư bản chủ nghĩa đang tranh thủ các điều kiện bán sức lao động có lợi cho lao động"; do đấy rút ra kết luận về tính phi đảng của công đoàn và về nguyên tắc công đoàn phải bao gồm "tất cả công nhân cùng nghề".

Những người môn-sê-vích thì chứng minh rằng hiện tại không thể phân chia một cách rành mạch chính trị với nghề nghiệp được và do đó đã đi đến kết luận là: "giữa Đảng dân chủ - xã hội và công đoàn cần phải có mối liên hệ chặt chẽ, đảng phải lãnh đạo công đoàn". Cuối cùng, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đòi công đoàn phải hoàn toàn không thuộc đảng phái nào để tránh sự chia rẽ trong giai cấp vô sản, nhưng họ lại phản đối mọi sự hạn chế nhiệm vụ và hoạt động của công đoàn vào một phạm vi chặt hẹp nào đấy, và diễn đạt nhiệm vụ ấy là đấu tranh toàn diện chống tư bản, tức là đấu tranh kinh tế cũng như đấu tranh chính trị".

Bản thân báo "Ngọn cờ lao động" đã mô tả *sự việc* như vậy đấy! Chỉ có người mù hoặc không có khả năng suy nghĩ mới không thấy rằng trong ba quan điểm ấy, thì chính quan điểm chủ trương Đảng dân chủ - xã hội và công đoàn đoàn kết mật thiết với nhau, là quan điểm đã được nghị quyết Đại hội Stút-ga xác nhận và kiến nghị đảng và công đoàn quan hệ mật thiết với nhau**.

Để làm rớt các vấn đề đã quá rõ ràng ấy, Đảng xã hội

* Nhưng phải nói rằng các ngài men-sê-vích hiểu "tính phi đảng" đó một cách khá độc đáo: chẳng hạn, báo cáo viên của họ thuyết minh các quan niệm của mình như sau: "Công đoàn ẩn loát Mát-xơ-va đã giải quyết đúng vấn đề tính đảng bằng cách đề nghị với các đồng chí gia nhập, với tư cách cá nhân, vào hàng ngũ Đảng dân chủ - xã hội". (Chú giải của báo "Ngọn cờ lao động").

** Tháng Mười một 1905, phái men-sê-vích đã trình bày không phải quan điểm chính thống, mà là những quan điểm *tâm thường* về sự trung lập. Xin các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng nhớ cho điều ấy!

chủ nghĩa - cách mạng đã pha trộn một cách hết sức buồn cười tính độc lập của công đoàn trong đấu tranh kinh tế với tính không đảng phái của công đoàn. Họ viết: "Đại hội Stút-ga đã dứt khoát tán thành tính độc lập (không đảng phái) của công đoàn, như thế có nghĩa là nó đã bác bỏ quan điểm cả của phái bên-sê-vích lẫn của phái men-sê-vích". Điều ấy đã được rút ra từ những lời sau đây trong nghị quyết Đại hội Stút-ga: "Mỗi tổ chức trong hai tổ chức ấy (đảng và công đoàn) có một lĩnh vực thích hợp với bản chất của nó, một lĩnh vực mà trong đó mỗi tổ chức phải hoạt động hoàn toàn độc lập. Nhưng đồng thời cũng có một lĩnh vực ngày càng mở rộng", v. v., như đã dẫn trên kia. Thế mà có những kẻ đũa nhả đem yêu cầu đó về sự "độc lập" của công đoàn trong "lĩnh vực thích hợp với bản chất của nó" pha trộn với vấn đề tính phi đảng của công đoàn hay vấn đề sự gắn bó mật thiết của công đoàn với đảng trong lĩnh vực chính trị và những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa!

Làm như vậy là các đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng ở nước ta đã hoàn toàn loại bỏ vấn đề nguyên tắc cơ bản trong việc đánh giá lý luận "trung lập" mà trên thực tế nó tăng cường ảnh hưởng của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản. Đáng lẽ bàn về vấn đề nguyên tắc ấy thì họ lại chỉ thích nói về tình hình đặc biệt ở Nga, là nước có nhiều đảng xã hội chủ nghĩa, và lại trình bày *sai lệch* những điều đã diễn ra tại Stút-ga. Báo "Ngọn cờ lao động" viết: "Ở đây khỏi phải viện đến sự mơ hồ của nghị quyết Đại hội Stút-ga, vì ông Plê-kha-nốp đã phá tan mọi sự mơ hồ và mọi chỗ còn nghi vấn, khi ông ta phát biểu trong đại hội quốc tế với tư cách là đại biểu chính thức của đảng, và đến nay, chúng ta chưa có lời tuyên bố nào của Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - xã hội nói rằng "lời phát biểu đó của đồng chí Plê-kha-nốp làm rối hàng ngũ của một đảng thống nhất"...

Các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng ơi! Tất nhiên là các ngài có quyền nói chầm biếm chung quanh cái việc Ban chấp hành trung ương chúng tôi khiển trách Plê-kha-nốp. Các ngài có quyền được nghĩ rằng có thể tôn trọng, chẳng hạn, một chính đảng *không chỉ trích* công khai thái độ thích Đảng dân chủ - lập hiến của ông Ghéc-su-ni. Nhưng bịa chuyện hoàn toàn không đúng sự thật để làm gì? Trong Đại hội Stút-ga, Plê-kha-nốp *không phải* là đại diện cho Đảng dân chủ - xã hội, mà đại biểu cho quan điểm của phái dân chủ - xã hội mà ông ta chỉ là một trong số 33 đại biểu của đảng thôi. Và ông ta không đại biểu cho quan điểm của Đảng dân chủ - xã hội, mà đại biểu cho quan điểm của phái đối lập men-sê-vích hiện đang chống lại Đảng dân chủ - xã hội và các nghị quyết của đảng đó tại Đại hội Luân-đôn. Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng không thể không biết điều ấy, và như vậy *rõ ràng* là họ nói dối.

"... Tại tiểu ban nghiên cứu vấn đề quan hệ giữa đảng và công đoàn, ông ta (Plê-kha-nốp) đã nói đúng nguyên văn như sau: "Ở Nga, có 11 tổ chức cách mạng, thế thì công đoàn phải gắn bó với tổ chức nào?.. Ở Nga, mà đưa những sự bất đồng về chính trị vào trong các công đoàn, là có hại". Về điểm ấy, *tất cả các* uỷ viên trong tiểu ban đều *nhất trí* tuyên bố là không nên hiểu nghị quyết đại hội như thế, rằng họ "tuyệt nhiên không buộc công đoàn và đoàn viên công đoàn phải là đảng viên Đảng dân chủ - xã hội", tức là như trong nghị quyết đã vạch rõ, họ đòi "các công đoàn phải hoàn toàn độc lập" (do báo "Ngọn cờ lao động" viết ngả).

Các ngài trong báo "Ngọn cờ lao động", các ngài đã lẫn lộn! Trong tiểu ban, một đồng chí *người Bỉ* hỏi rằng có thể buộc các đoàn viên công đoàn phải gia nhập Đảng dân chủ - xã hội không, và *tất cả mọi người* đều trả lời đồng chí ấy rằng không. Nhưng mặt khác, Plê-kha-nốp lại đề nghị đưa vào nghị quyết điểm sửa đổi này: "đồng thời không nên quên sự thống nhất của tổ chức công đoàn", và điểm sửa đổi ấy được thông qua, nhưng không phải là nhất trí (đồng chí Vôi-nốp, đại biểu cho quan điểm của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã bỏ phiếu tán thành điểm sửa đổi;

theo ý chúng tôi, đồng chí đã làm đúng). Sự việc là như thế này.

Những người dân chủ - xã hội không bao giờ được quên sự thống nhất của tổ chức công đoàn. Điều ấy hoàn toàn đúng. Song những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cũng phải như vậy; chúng tôi đề nghị họ hãy suy nghĩ về vấn đề "thống nhất của tổ chức công đoàn" khi mà chính tổ chức công đoàn đã tuyên bố đặt quan hệ mật thiết với Đảng dân chủ - xã hội! Về việc "buộc" đoàn viên công đoàn phải tham gia Đảng dân chủ - xã hội thì chưa bao giờ có ai nghĩ như thế: vì hoảng sợ cho nên những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng mới cảm thấy thế mà thôi. Nhưng nói rằng Đại hội Stút-ga cấm công đoàn tuyên bố đặt quan hệ mật thiết với Đảng dân chủ - xã hội, hay cấm không cho công đoàn thiết lập, trên thực tế, trong thực tiễn, mối quan hệ ấy, thì đó là chuyện hoang đường.

Báo "*Ngọn cờ lao động*" viết: "Những người dân chủ - xã hội Nga, trước sau như một, kiên quyết vận động để tranh thủ công đoàn và đặt công đoàn dưới sự lãnh đạo của đảng họ. Những người bên-sê-vích làm việc ấy một cách trực tiếp và công khai... còn những người men-sê-vích thì chọn con đường vòng"... Đúng đấy, các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng ạ! Vì uy tín của Quốc tế công nhân, các ngài có quyền đòi chúng tôi phải tiến hành cuộc vận động đó một cách khéo léo, có mức độ, mà "không được lãng quên sự thống nhất của tổ chức công đoàn". Chúng tôi rất vui lòng thừa nhận điều ấy và đòi các ngài cũng phải thừa nhận như vậy, nhưng chúng tôi sẽ không bao giờ từ bỏ cuộc vận động ấy đâu!

Nhưng chính Plê-kha-nốp đã nói rằng đưa những sự bất đồng về chính trị vào trong các công đoàn, là có hại... Đúng, Plê-kha-nốp đã nói điều ngu xuẩn ấy, và tất nhiên là các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã bám lấy điều đó, cũng như họ luôn luôn bám lấy những chuyện ít đáng

bất chước nhất. Song chúng ta phải tuân theo không phải những lời của Plê-kha-nốp, mà tuân theo nghị quyết của đại hội, mà việc vận dụng nó *không thể* không "đưa những sự bất đồng về chính trị vào". Đây là một thí dụ nhỏ. Nghị quyết đại hội nói rằng công đoàn không nên tuân theo "lý luận điều hoà quyền lợi giữa lao động và tư bản". Chúng tôi, đảng viên Đảng dân chủ - xã hội, khẳng định rằng cương lĩnh ruộng đất nào yêu cầu việc phân phối bình quân ruộng đất trong xã hội tư bản chủ nghĩa thì căn cứ vào lý luận điều hoà quyền lợi của lao động và tư bản*. Chúng tôi sẽ luôn luôn phản đối việc cho rằng vì bất đồng ý kiến như vậy (hay thậm chí vì bất đồng ý kiến với công nhân có tư tưởng quân chủ) mà làm hại đến sự thống nhất trong bãi công, v. v., nhưng chúng tôi sẽ luôn luôn "đưa bất đồng ấy" vào trong giới công nhân nói chung, vào trong *tất cả* các công đoàn nói riêng.

Plê-kha-nốp viện ra 11 đảng, làm như vậy cũng chẳng thông minh lắm. Thứ nhất, không phải chỉ ở Nga mới có nhiều đảng xã hội chủ nghĩa khác nhau. Thứ hai, ở Nga chỉ có hai đảng xã hội chủ nghĩa là thật sự cạnh tranh với nhau một cách tương đối rõ ràng thôi, đấy là Đảng dân chủ - xã hội và Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, bởi vì nếu vợ cả các đảng dân tộc vào cùng một nắm thì hoàn toàn vô lý. Thứ ba, vấn đề thống nhất lại các đảng thực sự xã hội chủ nghĩa là vấn đề hoàn toàn đặc biệt; đem trộn lẫn các vấn đề với nhau, Plê-kha-nốp chỉ làm rối tình hình lên thôi. Ở đâu và lúc nào, chúng ta cũng phải chú trọng công đoàn sát cánh với đảng xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân; còn ở nước này hay nước khác, trong dân tộc này

* Hiện nay, thậm chí một số đảng viên Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng cũng nhận thức được điểm ấy và do đó đã tiến một bước kiên quyết hướng về chủ nghĩa Mác. Xin xem cuốn sách mới đây rất thú vị của các ông Phiếc-xốp và I-a-cô-bi mà chúng tôi sắp bàn tới tỉ mỉ với các độc giả báo "Người vô sản"¹³⁹.

hay dân tộc khác, đảng nào là thực sự xã hội chủ nghĩa, thực sự là đảng của giai cấp công nhân, thì đây lại là một vấn đề đặc biệt mà quyết định vấn đề đó thì không phải là nghị quyết của những đại hội quốc tế được, mà là quá trình đấu tranh giữa các đảng dân tộc.

Những lập luận của đồng chí Plê-kha-nốp trong vấn đề này đã sai lầm đến mức độ nào thì bài báo của đồng chí ấy viết trong tạp chí "Thế giới ngày nay"¹⁴⁰, số 12, năm 1907 đã đặc biệt nói lên rõ ràng. Ở trang 55, Plê-kha-nốp đã dẫn lời của Lu-natsác-xki nói rằng những người theo chủ nghĩa xét lại ở Đức chủ trương công đoàn trung lập. Plê-kha-nốp trả lời ý kiến đó như sau: "Bọn xét lại nói: công đoàn phải đứng trung lập, nhưng bọn đó lại nghĩ: phải lợi dụng công đoàn để đấu tranh chống lại chủ nghĩa Mác chính thống". Và Plê-kha-nốp kết luận: "Thủ tiêu sự trung lập của công đoàn chẳng giúp ích gì ở đây cả. Nếu chúng ta đặt công đoàn vào hoàn cảnh bị phụ thuộc mật thiết, dù chỉ về mặt hình thức, vào đảng, còn "tư tưởng" của bọn xét lại lại giành được phần thắng trong đảng, thì việc thủ tiêu sự trung lập của công đoàn sẽ chỉ là một chiến thắng mới của "những kẻ phê phán Mác" mà thôi".

Lối lập luận đó là một điển hình của thủ đoạn mà Plê-kha-nốp thường dùng nhằm lẩn tránh vấn đề và che lấp thực chất của cuộc tranh luận. Nếu như tư tưởng của bọn xét lại thực sự thắng thế trong đảng, thì đảng đó sẽ không phải là đảng xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân nữa. Vấn đề hoàn toàn không phải ở chỗ một đảng như vậy đã hình thành như thế nào, trải qua những cuộc đấu tranh nào và những sự phân liệt nào. Vấn đề là ở chỗ trong mỗi nước tư bản chủ nghĩa đều đang có đảng xã hội chủ nghĩa và công đoàn, và nhiệm vụ của chúng ta là xác định quan hệ cơ bản giữa đảng và công đoàn. Quyền lợi giai cấp của giai cấp tư sản tất nhiên làm nảy ra khuynh hướng muốn làm cho hoạt động của công đoàn trở thành hoạt động nhỏ bé,

chật hẹp trong khuôn khổ của chế độ hiện tại, muốn ngăn cản công đoàn có quan hệ với chủ nghĩa xã hội, và cái thuyết trung lập là chiếc áo tư tưởng của những khuynh hướng tư sản ấy. Bọn xét lại trong Đảng dân chủ - xã hội luôn luôn tìm mọi cách mở ra một con đường cho mình trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

Tất nhiên, vào thời kỳ phôi thai của phong trào chính trị và công đoàn công nhân ở châu Âu, thì có thể đề xuất sự trung lập của công đoàn coi đó là phương tiện để mở rộng cơ sở ban đầu của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trong thời kỳ cuộc đấu tranh ấy còn chưa phát triển và giai cấp tư sản còn chưa có ảnh hưởng một cách có hệ thống đến công đoàn. Hiện nay, theo quan điểm của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế mà chủ trương như vậy là hoàn toàn không hợp thời nữa. Ta chỉ có thể mỉm cười khi đọc lời khẳng định này của Plê-kha-nốp: "Hiện nay nếu Mác còn thì Mác có lẽ sẽ chủ trương sự trung lập của công đoàn ở Đức", nhất là khi luận cứ ấy lại dựa trên việc giải thích một cách phiến diện một "đoạn trích" của Mác, đồng thời lại cố ý bỏ qua toàn bộ nội dung tổng quát trong những lời tuyên bố và toàn bộ tinh thần học thuyết của Mác.

Plê-kha-nốp viết: "Tôi chủ trương sự trung lập, theo nghĩa của Bê-ben, chứ không phải theo nghĩa của chủ nghĩa xét lại". Nói như thế là thán phục Bê-ben, nhưng vẫn cứ sa vào vũng lầy. Khởi phải nói, Bê-ben là một người có uy tín lớn trong phong trào vô sản quốc tế, là một lãnh tụ có kinh nghiệm thực tiễn, là một nhà xã hội chủ nghĩa nhạy bén đối với các yêu cầu của cuộc đấu tranh cách mạng, nên chín mươi chín lần trong một trăm lần ông tự mình đã ra khỏi vũng lầy khi ông bước hụt xuống và đã lòi ra khỏi vũng lầy những ai muốn đi theo ông. Bê-ben đã sai lầm khi ở Bre-xlau (năm 1895) ông đã cùng với Phôn-ma, ủng hộ cương lĩnh ruộng đất của bọn xét lại, khi (ở Ét-xen) ông đã kiên trì ý kiến là cần phải phân biệt về nguyên tắc chiến

tranh phòng ngự và chiến tranh tiến công, và cả khi tuyên bố sẵn sàng nêu "sự trung lập" của công đoàn thành một nguyên tắc. Chúng ta sẵn lòng tin rằng nếu Plê-kha-nốp sa xuống vũng lầy chỉ cùng với Bê-ben thôi thì sa xuống đó cũng không lâu, và sẽ cũng không phải là thường xuyên. Nhưng dù sao chúng ta vẫn nghĩ rằng có bắt chước Bê-ben cũng không nên bắt chước Bê-ben lúc sai lầm.

Có người nói — và Plê-kha-nốp đặc biệt dựa vào điểm này — rằng sự trung lập là cần thiết nếu muốn đoàn kết tất cả những công nhân cho rằng cần phải cải thiện hoàn cảnh vật chất của mình. Nhưng những người nói như vậy, đã quên rằng giai đoạn phát triển hiện tại của những mâu thuẫn giai cấp nhất thiết và nhất định phải đưa "những sự bất đồng ý kiến về chính trị" thậm chí vào cả vấn đề bằng cách nào để tranh thủ sự cải thiện đó trong khuôn khổ của xã hội hiện tại. Khác với lý luận cho rằng cần phải có mối liên hệ mật thiết giữa công đoàn với Đảng dân chủ - xã hội cách mạng, lý luận về sự trung lập của công đoàn nhất định sẽ dẫn tới chỗ ưa thích những biện pháp cải thiện hoàn cảnh vật chất mà nếu dùng chúng thì có nghĩa là làm yếu cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Cũng cái tạp chí "Thế giới ngày nay" ấy, trong đó Plê-kha-nốp bảo vệ sự trung lập, đã cung cấp một ví dụ hiển nhiên (có liên quan chính là đến sự đánh giá một trong những giai đoạn đáng chú ý vừa qua của phong trào công nhân hiện nay). Bên cạnh Plê-kha-nốp, ta còn thấy ông E. P. ca ngợi, trên số tạp chí ấy, Ri-sa Ben, một lãnh tụ được nhiều người biết đến của công nhân đường sắt Anh, người đã dùng một thoả hiệp để chấm dứt sự xung đột giữa công nhân với các giám đốc các công ty. Tác giả gọi Ben là "linh hồn của toàn bộ phong trào công nhân đường sắt". Ông E. P. viết: "Không nghi ngờ chút gì rằng nhờ sách lược bình tĩnh, có suy nghĩ và ôn hoà của mình mà Ben đã có được uy tín tuyệt đối trong hiệp hội của công nhân đường sắt, họ sẵn sàng đi theo ông

khắp nơi, không ngập ngừng gì cả" ("Thế giới ngày nay", số 12, tr. 75). Quan điểm như vậy không phải là điều ngẫu nhiên, mà về thực chất nó gắn liền với chủ nghĩa trung lập, một chủ nghĩa đã đặt lên hàng đầu việc tập hợp công nhân lại để nhằm cải thiện hoàn cảnh của họ, chứ không phải để đấu tranh vì lợi ích của sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản.

Nhưng quan điểm đó tuyệt nhiên không phù hợp với quan điểm của những người xã hội chủ nghĩa Anh là những người chắc chắn sẽ lấy làm ngạc nhiên khi biết rằng những kẻ ca tụng Ben đã viết — mà không bị ai phản đối — trong cùng một tạp chí, với những người men-sê-vích nổi tiếng đại loại như Plê-kha-nốp, I-ôóc-đan-xki và đồng bọn.

Trong xã luận ngày 16 tháng Mười một, tờ báo dân chủ - xã hội Anh, "Justice"¹⁴¹ đã viết về sự thoả hiệp ký kết giữa Ben và các công ty đường sắt như sau: "Chúng tôi hoàn toàn đồng tình với lời của hầu hết các đoàn viên công đoàn lên án cái hiệp nghị mệnh danh là hoà bình đó"... "hiệp nghị đó đã hoàn toàn xoá bỏ mất hết chính ý nghĩa của sự tồn tại của công đoàn"... "Cái hiệp nghị ngu xuẩn đó... không thể trói buộc công nhân được, và nếu họ vất bỏ nó đi, thì đó là họ hành động đúng". Và Béc-nét đã viết về hiệp nghị đó trên số báo sau, ra ngày 23 tháng Mười một, trong một bài nhan đề "Họ lại bán đứng chúng ta!": "Cách đây ba tuần, Hội liên hiệp công nhân viên chức ngành đường sắt còn là một trong những công đoàn mạnh nhất ở Anh; bây giờ nó chỉ còn là một hội tương trợ thôi". "Và sở dĩ có sự biến đổi ấy, không phải là vì công nhân đường sắt đã đấu tranh và đã thất bại, mà là vì những lãnh tụ của họ, do cố ý hay do ngu xuẩn, đã bán đứng họ cho bọn tư bản ngay trước khi tiến hành đấu tranh". Và ban biên tập tờ báo viết thêm rằng ban biên tập có nhận được một bức thư tương tự của "một công nhân làm thuê ở công ty đường sắt Mít-lan" gửi cho báo.

Nhưng có lẽ đó chỉ là một "cơn thịnh nộ" của những người dân chủ - xã hội "quá ư cách mạng" chăng? Không phải. Tờ "*Labour Leader*"¹⁴², cơ quan của một đảng ôn hoà, "Đảng công nhân độc lập" (*I. L. P.*), một đảng thậm chí không muốn tự xưng là xã hội chủ nghĩa đã đăng, ngày 15 tháng Mười một, bức thư của một đoàn viên công đoàn công nhân đường sắt viết, — để trả lời lại những lời mà tất cả báo chí tư bản chủ nghĩa (kể từ tờ báo cấp tiến "*Reynolds' Newspaper*"¹⁴³ cho đến tờ báo bảo thủ "*Times*"¹⁴⁴) đã ca tụng Ben, — rằng hiệp định mà Ben đã ký là hiệp định "đê hèn nhất chưa từng thấy trong lịch sử của phong trào công đoàn", và gọi Ri-sa Ben là "thống chế Ba-den của phong trào công đoàn". Dưới đó một chút, một công nhân đường sắt khác đòi "bắt Ben phải chịu trách nhiệm" về cái hiệp định tai hại ấy, cái hiệp định đã "buộc công nhân phải chịu bảy năm lao động khổ sai". Và ban biên tập của cơ quan ôn hoà ấy, trong bài xã luận đăng trên cùng số báo đó, đã gọi hiệp định nói trên là "Xê-đăng của phong trào công đoàn Anh". "Chưa bao giờ có được một dịp thuận lợi đến như vậy để chứng tỏ, trong phạm vi cả nước, sức mạnh của lao động được tổ chức" — trong công nhân có "một tinh thần phấn khởi lạ thường" kết hợp với ý muốn đấu tranh. Bài đó kết thúc bằng một sự so sánh mỉa mai cảnh cùng khổ của công nhân với thắng lợi của "ngài Lô-ít Gioóc-giơ (bộ trưởng đóng vai trò tồi tệ cho bọn tư bản) và ngài Ben, là những người đang bận chuẩn bị bữa tiệc".

Chỉ có bọn cơ hội chủ nghĩa cực đoan nhất, tức là bọn Pha-biêng, thành viên của cái tổ chức thuần túy trí thức, mới *tán thành* hiệp định ấy khiến cho những biên tập viên của tạp chí "*The New Age*"¹⁴⁵ tuy có cảm tình với phái Pha-biêng cũng phải đỏ mặt và buộc phải thừa nhận rằng mặc cho cái tờ báo bảo thủ- tư sản "*Times*" đăng lại toàn văn lời tuyên bố của Ban chấp hành trung ương của phái Pha-biêng thì trái lại, ngoài các ngài ấy ra, "không một tổ chức

xã hội chủ nghĩa nào, không một công đoàn nào, không một lãnh tụ có tiếng tăm nào của công nhân"(số ra ngày 7 tháng Chạp, tr. 101) lại tán thành hiệp định ấy.

Đây là một kiểu mẫu về cách mà một người cộng tác với Plê-kha-nốp, ông E. P., áp dụng sự trung lập. Vấn đề không phải là về "những sự bất đồng về mặt chính trị" mà là về sự cải thiện hoàn cảnh của công nhân trong một xã hội nhất định. Toàn bộ giai cấp tư sản nước Anh, phái Pha-biêng và ông E. P. đều tán thành một "sự cải thiện" bằng cái giá là từ bỏ đấu tranh và đầu hàng tư bản; còn tất cả những người xã hội chủ nghĩa, tất cả những công nhân hoạt động công đoàn đều tán thành cuộc đấu tranh tập thể của công nhân. Thế mà bây giờ Plê-kha-nốp còn tiếp tục tuyên truyền "sự trung lập" chứ không tuyên truyền cho quan hệ mật thiết giữa công đoàn với đảng xã hội chủ nghĩa?

"Người vô sản", số 22,
(3 tháng Ba) 19 tháng Hai 1908

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

VỀ VỤ GIẾT VUA BỒ-ĐÀO-NHA

Báo chí tư sản, ngay cả báo chí có khuynh hướng tự do chủ nghĩa và "dân chủ" nhất, trong khi bàn về vụ ám sát tên phiêu lưu ở Bồ-đào-nha, cũng không thể không dùng đến đạo đức Trăm đen.

Chẳng hạn như phóng viên đặc biệt của một trong những tờ báo tư sản dân chủ ưu việt nhất ở châu Âu, tờ "*Báo Phran-pho*"¹⁴⁶. Anh ta bắt đầu kể nửa đùa nửa thật cho biết rằng một đàn phóng viên, ngay sau khi nhận được cái tin chấn động ấy, liền lao đến Li-xbon, như lao vào một con mồi. Anh ta viết: Tôi ngồi cùng toa với một nhà báo nổi tiếng người Luân-đôn; anh ta khoe khoang kinh nghiệm của anh ta về những vụ như vậy. Anh ta đã đi Ben-grát cũng vì một vụ như vậy và có thể tự cho mình là một "phóng viên đặc biệt về vụ ám sát nhà vua".

... Phải, sự rủi ro của nhà vua Bồ-đào-nha đúng là một thứ "tai nạn có tính chất nghề nghiệp" của các ông vua.

Cho nên việc xuất hiện những phóng viên chuyên nghiệp để miêu tả những "tai nạn" về nghề nghiệp của các vị hoàng đế, điều đó không làm cho chúng ta ngạc nhiên...

Nhưng dù cho yếu tố giạt gân tâm thường và rẻ tiền của những ký giả như vậy có mạnh đến đâu đi nữa, thì chân lý đôi khi cũng vẫn tự mở ra cho mình một con đường đi. "Một thương nhân ở một khu phố buôn bán nhộn nhịp nhất" đã kể cho phóng viên "*Báo Phran-pho*" như sau: "Ngay

sau khi tôi được biết tin ấy, tôi liền treo cờ tang. Nhưng tức thì khách hàng và người quen đến gặp tôi để hỏi xem có phải là tôi điên không, hay tôi muốn phá huỷ mọi quan hệ tốt với bè bạn. Tôi hỏi họ rằng chẳng lẽ không có ai thương tiếc ư. Ông bạn thân mến ạ, *ông* sẽ không thể tin được rằng họ đã trả lời tôi ra sao đâu! Thế là tôi liền dẹp ngay cờ tang đi".

Kể lại câu chuyện đó, người phóng viên thuộc phái tự do bàn luận như sau:

"Nhân dân Bồ-đào-nha, bản chất hiền lành và dễ thương đến thế có lẽ đã trải qua một trường học khắc nghiệt, nên đã học được cách căm ghét một cách tàn nhẫn cả với người đã ở dưới mồ. Nếu quả đúng là như thế — mà chắc chắn đó là sự thật, và nếu im không nói thì tức là tôi sẽ làm méo một sự thật lịch sử, — nếu như không chỉ những thái độ im lặng như thế lên án vị hoàng đế đã bỏ mình, nếu như cứ đi một bước là lại có thể nghe thấy, thậm chí cả "những người đứng đắn" nguyên rủa người đã bị giết chết, thì nguyện vọng muốn nghiên cứu cái tình huống hiểm có ấy nó đã làm cho tâm lý của nhân dân trở thành không bình thường đến mức như thế, là một nguyện vọng rất tự nhiên. Vì nhân dân nào không thừa nhận thậm chí cái quyền thiêng liêng thời xưa cho rằng chết là hết tội thì nhân dân ấy hoặc là đã sa đọa về đạo đức, hoặc là đứng trước những hoàn cảnh khiến họ căm thù vô hạn nên không nhận xét công bằng được nữa".

Chà, các ngài đạo đức giả thuộc phái tự do ơi! Tại sao các ngài lại không vạch ra sự sa đọa về đạo đức của những nhà bác học và nhà văn Pháp cho đến nay đang còn căm ghét và chửi rủa điên cuồng không những chỉ những người đã làm nên Công xã 1871, mà cả những người hoạt động năm 1793? không những chỉ các chiến sĩ của cách mạng vô sản mà thậm chí cả các chiến sĩ của cách mạng tư sản nữa? Đó là vì khi nhân dân chịu đựng "một cách dễ thương" mọi thứ hành động quá quắt, đê tiện và bạo ngược của bọn vua chúa phiêu lưu, thì như vậy bọn đày tớ "dân chủ" của giai cấp tư sản *hiện đại*, lại cho là "bình thường" và "hợp đạo đức".

Ký giả nói tiếp: nếu không (tức là nếu không do những điều kiện đặc biệt) thì "người ta không thể hiểu được hiện tượng vì sao ngay hôm nay, một tờ báo bảo hoàng nói về các vụ những người dân vô tội bị hy sinh lại tỏ sự buồn rầu hình như sâu sắc hơn là khi nói về tên vua; và bây giờ, chúng ta thấy rõ ràng là đã bắt đầu có những chuyện thân thối đặc biệt ca tụng những tay hung thủ. Trong hầu hết tất cả các trường hợp giết người, các chính đảng thường vội vã ly khai các hung thủ, nhưng phái cộng hoà Bô-đào-nha lại công khai tự hào rằng trong hàng ngũ họ đã có "những liệt sĩ và anh hùng ngày 1 tháng Hai"...

Ngài dân chủ tư sản ấy quá nhiệt tâm đến nỗi đã sẵn sàng gọi việc công dân Bô-đào-nha tôn kính những người đã hy sinh để trừ bỏ một ông vua có thái độ nhạo báng đối với hiến pháp, là một "chuyện thân thối cách mạng"!

Phóng viên một tờ báo tư sản khác, tờ "*Corriere della Sera*"¹⁾ ở Mi-lăng, tường thuật sự dữ tợn của cơ quan kiểm duyệt Bô-đào-nha sau khi nhà vua bị giết. Họ không cho gửi điện báo. Các bộ trưởng và nhà vua không có sự "dễ thương" như quần chúng nhân dân, cái dễ thương mà nhà tư sản thành thực ưa thích! Nếu là chiến tranh thì chúng ta dùng biện pháp quân sự — đó là lập luận có lý của bọn phiêu lưu Bô-đào-nha kế thừa vua bị giết. Tin tức truyền đi khó không kém gì trong thời chiến. Phải gửi tin tức bằng đường vòng, trước tiên bằng bưu điện đi Pa-ri (có thể là gửi theo một địa chỉ cá nhân nào đấy), rồi từ đó mới chuyển đến Mi-lăng. Ngày 7 tháng Hai, phóng viên ấy viết: "Thậm chí ở Nga, vào những thời kỳ cách mạng sôi nổi nhất thì kiểm duyệt cũng chưa bao giờ dữ tợn như hiện nay ở Bô-đào-nha".

Ngày 9 tháng Hai (lịch mới), phóng viên đó đưa tin như sau: "Vài tờ báo cộng hoà hôm nay (ngày an táng nhà

1) — "Tin buổi chiều"

vua) viết những lời mà tôi hoàn toàn không dám lặp lại trong bức điện". Trong tin đưa ngày 8 tháng Hai, đến chậm hơn tin trước, có dẫn ra một đoạn nhận xét của báo "*Pays*"¹⁾ về nghi lễ an táng:

"Người ta mang xác của hai vị quốc vương đi, — những di hài vô dụng của một chế độ quân chủ đang sụp đổ, một chế độ được duy trì bằng phản bội và đặc quyền, một chế độ đã bôi nhọ hai trăm năm lịch sử của chúng ta bằng những tội ác của nó".

"Tất nhiên đây là một tờ báo cộng hoà đã viết như thế, — phóng viên đó nói thêm, — nhưng một bài báo với những lời như vậy mà xuất hiện trong ngày an táng quốc vương, thì há chẳng là không nói ra một điều gì rõ ràng sao?"

Về phần chúng tôi, chúng tôi chỉ nói thêm rằng chúng tôi chỉ tiếc có một điều là: phong trào cộng hoà ở Bô-đào-nha đã chưa đủ kiên quyết và công khai hẳn trong việc trừng trị tất cả bọn phiêu lưu. Chúng tôi tiếc rằng vụ giết vua Bô-đào-nha còn mang rõ tính chất một sự khủng bố có tính chất âm mưu, nghĩa là bất lực, một sự khủng bố, xét về thực chất, thì không đạt được mục đích, còn sự khủng bố chân chính, có tính cách toàn dân, thực sự có tính chất đổi mới đất nước, sự khủng bố đã mang lại quang vinh cho cuộc Đại cách mạng Pháp, thì còn rất yếu. Có thể là phong trào cộng hoà ở Bô-đào-nha sẽ còn phát triển cao hơn nữa. Giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa sẽ luôn đồng tình với phái cộng hoà chống lại chế độ quân chủ. Song cho đến nay, ở Bô-đào-nha, người ta chỉ mới *làm* cho chế độ quân chủ *hoảng sợ* bằng vụ giết hai tên vua, chứ không *tiêu diệt* được chế độ quân chủ.

Những người xã hội chủ nghĩa, tùy theo sự hiểu biết và tùy theo khả năng của mỗi người, đều đã biểu lộ, trong tất cả các nghị viện châu Âu, sự đồng tình của họ với nhân dân Bô-đào-nha, với phái cộng hoà Bô-đào-nha, và sự ghê

1) — "Đất nước"

tổm của họ đối với các giai cấp cầm quyền mà đại biểu của chúng đã lên án việc giết tên phiêu lưu và tổ cảm tình với những kẻ kế thừa hần. Một số người xã hội chủ nghĩa này thì công khai tuyên bố các quan điểm của mình trong nghị viện, một số khác thì bỏ phòng họp khi nghị viên tổ cảm tình với cái nền quân chủ "bị xâm phạm". Trong nghị viện Bỉ, Van-đéc-ven-đơ lại chọn con đường "trung dung", một con đường tồi tệ nhất: y nói gượng gạo rằng y tôn kính "tất cả những người đã quá cố", nghĩa là cả nhà vua lẫn người giết nhà vua. Chúng tôi hy vọng rằng trong số những người xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới, chỉ có một mình Van-đéc-ven-đơ là người như vậy.

Truyền thống cộng hoà đã trở nên rất yếu ớt trong những người xã hội chủ nghĩa châu Âu. Điều đó dễ hiểu và một phần có thể giải thích được, — chính là trong chừng mực mà cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa càng đến gần thì nó càng làm mất ý nghĩa thực tiễn của cuộc đấu tranh giành chế độ cộng hoà tư sản. Nhưng thường khi buông lỏng công tác tuyên truyền cho chế độ cộng hoà, lại không có nghĩa là có khát vọng mãnh liệt muốn đạt đến thắng lợi hoàn toàn của giai cấp vô sản, mà có nghĩa là không nhận thức được đầy đủ những nhiệm vụ cách mạng của giai cấp vô sản nói chung. Không phải vô cớ mà năm 1891, khi phê phán dự án cương lĩnh Éc-phuya, Ăng-ghen đã rất kiên quyết chỉ ra cho công nhân Đức thấy ý nghĩa của cuộc đấu tranh giành chế độ cộng hoà, và thấy khả năng là một cuộc đấu tranh như vậy ở Đức đã trở thành trước mắt¹⁴⁷.

Ở nước Nga chúng ta, cuộc đấu tranh giành chế độ cộng hoà có một ý nghĩa thực tiễn trước mắt. Chỉ có những phần tử cơ hội chủ nghĩa tiểu tư sản rất thảm hại như loại các đảng viên Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân hay "đảng viên dân chủ - xã hội" Ma-li-sép-xki (xem lời bàn về y trong báo "Người vô sản", số 7) mới có thể rút ra từ kinh nghiệm của cuộc cách mạng Nga cái kết luận

rằng cuộc đấu tranh giành chế độ cộng hoà ở Nga đã bị đẩy xuống hàng thứ hai rồi. Trái lại, chính kinh nghiệm của cuộc cách mạng của chúng ta đã chứng minh rằng cuộc đấu tranh để tiêu diệt chế độ quân chủ ở Nga là gắn liền với cuộc đấu tranh giành ruộng đất cho nông dân, giành tự do cho toàn dân. Chính kinh nghiệm về các thế lực phản cách mạng ở nước ta đã chứng minh rằng hễ cuộc đấu tranh giành tự do mà lại không đụng chạm đến chế độ quân chủ thì đây không phải là đấu tranh, mà là sự nhút nhát và sự mềm yếu tiểu tư sản, hay là hành động lừa dối trực tiếp của bọn tham danh vọng trong chế độ đại nghị tư sản đối với nhân dân.

"Người vô sản", số 22,
(3 tháng Ba) 19 tháng Hai 1908

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

BÀN VỀ CUỘC TRANH LUẬN VẤN ĐỀ MỞ RỘNG QUYỀN CỦA ĐU-MA ĐƯỢC QUYẾT ĐỊNH NGÂN SÁCH¹⁴⁸

Suốt ba phiên họp ngày 12, 15 và 17 tháng Giêng, Đu-ma nhà nước đã tiến hành thảo luận vấn đề mở rộng quyền của mình được quyết định ngân sách. Đảng dân chủ - lập hiến, với 40 chữ ký của đại biểu Đu-ma, đã đề xuất dự án về vấn đề mở rộng quyền đó. Đại biểu của tất cả các đảng đã phát biểu ý kiến. Nhân danh chính phủ, bộ trưởng tài chính đã đọc hai bài diễn văn dài. Đại biểu Đảng công nhân dân chủ - xã hội cũng đã phát biểu ý kiến. Cuộc thảo luận kết thúc bằng việc *nhất trí* (Báo "*Bưu cục thủ đờ*" ngày 18 tháng Giêng viết như thế) thông qua đề án của *phái tháng Mười*: chuyển dự luật mở rộng quyền của Đu-ma nhà nước được quyết định ngân sách, cho một tiểu ban, nhưng "*không xác định phạm vi của sự sửa đổi đờ*", tức là sự sửa đổi những quy tắc ngày 8 tháng Ba là những quy tắc đặc biệt hạn chế quyền của Đu-ma nhà nước được quyết định ngân sách.

Tại sao lại có thể phát sinh một việc lạ lùng như vậy? Tại làm sao ở Đu-ma III, ở Đu-ma của bọn bảo thủ Trăm đen, người ta lại có thể *nhất trí* tán thành đề án của phái tháng Mười, là đề án về thực chất phù hợp với nguyện vọng của chính phủ, và được đưa ra *sau* bài diễn văn đầu tiên của bộ trưởng tài chính, một người mong muốn chính một kết cục như vậy. Về thực chất, đề án của phái dân chủ - lập hiến là không thể chấp nhận được, nhưng về chi tiết

thì tại sao lại không thể thay đổi được pháp luật. Bộ trưởng Trăm đen tuyên bố như vậy. Thế là căn cứ vào lời tuyên bố ấy, những người tháng Mười sửa chữa lại đề án của mình và nhấn mạnh rằng họ *không xác định phạm vi của sự sửa đổi pháp luật*.

Những người tháng Mười nhất trí với bộ trưởng Trăm đen, điều đó không có gì là lạ. Những người dân chủ - lập hiến rút bản đề án của mình (tất nhiên là đề án không có lấy một chữ nói về việc họ *không xác định* phạm vi của sự sửa đổi mà chính họ đã đề xuất ra!), điều đó cũng chẳng có gì là lạ đối với những người đã biết bản chất của Đảng dân chủ - lập hiến. Nhưng những người dân chủ - xã hội lại có thể *nhất trí* ý kiến với họ như vậy thì thật là điều không thể tưởng tượng được. Chúng tôi muốn nghĩ rằng báo "*Bưu cục thủ đờ*" nói không đúng sự thật, rằng những người dân chủ - xã hội không bỏ phiếu tán thành nghị quyết của những người tháng Mười.

Nhưng ở đây có vấn đề quan trọng hơn vấn đề xem những người dân chủ - xã hội có bỏ phiếu hay không bỏ phiếu ủng hộ những người tháng Mười, đây chính là vấn đề về *sai lầm* mà Pô-crốp-xki đệ nhị, đại biểu của Đảng dân chủ - xã hội đã phạm phải. Chúng tôi dự định lưu ý độc giả đến sai lầm ấy và đến ý nghĩa chính trị thực sự của các cuộc thảo luận ngày 12, 15 và ngày 17 tháng Giêng.

Đu-ma nhà nước Nga không có quyền quyết định ngân sách, bởi vì "*chiếu theo pháp luật*" thì dù có bị phủ quyết, ngân sách cũng vẫn cứ được thi hành. Đạo luật ấy — do chính phủ phản cách mạng ban bố sau khi cuộc khởi nghĩa tháng Chạp bị thất bại (những "đạo luật cơ bản" khét tiếng đã ban hành ngày 20 tháng Hai 1906) — là một cách mà bọn Trăm đen, Nga hoàng và bọn địa chủ dùng để *nhạo báng* quyền đại diện của nhân dân. Và "những quy tắc" ngày 8 tháng Ba 1906 còn *tăng cường* lối nhạo báng ấy lên bằng cách tạo ra vô khối những trở ngại *cho việc*

xem xét ngân sách ở trong Đu-ma và thậm chí còn quy định (trong điều 9) rằng "trong lúc thảo luận dự án ngân sách nhà nước thì không thể thủ tiêu *hay thay đổi* những hạng mục chi và thu đã đưa vào trong dự án trên cơ sở những đạo luật hiện hành, trên cơ sở biên chế, những quy chế, và cả những lệnh của đức thánh thượng nữa". Đấy chẳng phải là lối nhạo báng hay sao? Phàm cái gì phù hợp với pháp luật, với biên chế, với những quy chế, và giản đơn là với *các lệnh* của đức thánh thượng thì không thể *thay đổi* chút nào cả!! Như vậy mà còn nói đến quyền của Đu-ma nhà nước Nga được quyết định ngân sách thì chẳng đáng buồn cười hay sao?

Trong tình hình như vậy, thử hỏi nhiệm vụ lúc đó của phái dân chủ - tư sản đang thực sự đấu tranh vì tự do *đã là* như thế nào? Nhiệm vụ lúc đó của đảng công nhân là như thế nào? Trong bài *này*, chúng tôi chỉ nói về nhiệm vụ đấu tranh nghị trường và về những đại biểu của đảng công nhân trong nghị viện mà thôi.

Rõ ràng là đáng lẽ *cần phải* nêu lên chính trong Đu-ma vấn đề quyền của Đu-ma được quyết định ngân sách *để vạch ra hoàn toàn* rõ cho nhân dân Nga và cho châu Âu thấy lối nhạo báng kiểu Trăm đen của chế độ Nga hoàng, để chỉ rõ là Đu-ma *hoàn toàn không có chút quyền lực nào*. Mục đích thực tiễn trực tiếp của việc vạch rõ như vậy (chưa nói đến nhiệm vụ cơ bản của *bất cứ* một người dân chủ *nào* là vạch rõ sự thật cho nhân dân, giác ngộ nhân dân), còn do vấn đề tín khoản quyết định. Sau tháng Chạp 1905, chính phủ Trăm đen của Nga hoàng đã từng không thể đứng vững được, hiện nay nó càng không thể đứng vững được nếu không có *sự hỗ trợ của tư bản toàn thế giới của giai cấp tư sản quốc tế* dưới hình thức những tín khoản. Giai cấp tư sản toàn thế giới đã cho Nga hoàng, một kẻ bị vỡ nợ rõ ràng, vay hàng tỷ rúp, không phải chỉ do nó mong thu được món lời cao, như mọi người cho vay lãi

nặng, mà còn do nó nhận thức rằng nó có lợi trong việc chế độ cũ thắng cuộc cách mạng ở Nga, bởi vì đứng đầu cuộc cách mạng đó là giai cấp vô sản.

Như vậy là *chỉ* có làm sáng tỏ toàn bộ sự thật mới có thể là mục đích của việc đề xuất ra vấn đề ấy và gây ra cuộc thảo luận trong Đu-ma. Trong thời kỳ trước mắt và trong tình thế hiện nay, *người dân chủ không thể* lấy việc thực hiện những cải cách thực tiễn làm mục đích của mình được, bởi vì, một là, trên cơ sở các đạo luật cơ bản hiện nay về quyền của Đu-ma đối với ngân sách thì rõ ràng không thể có khả năng thực hiện những cải cách được; hai là, đối với Đu-ma của bọn Trăm đen ngoan cố và của bọn thương nhân Mát-xơ-va mà đề nghị mở rộng quyền hạn *của nó*, quyền hạn của một Đu-ma như vậy thì thật là ngớ ngẩn. Dĩ nhiên là bọn dân chủ - lập hiến Nga (chỉ có hạng đột nát và ngây thơ mới có thể coi họ là phái dân chủ) không hiểu được nhiệm vụ ấy. Mới đề xuất vấn đề, họ *đã đặt ngay vấn đề đó* trên cơ sở giả dối của việc cải cách *cục bộ*. Tất nhiên chúng tôi không phủ nhận rằng người dân chủ và cả người dân chủ - xã hội đôi khi có thể và cần phải đề xuất chính ngay vấn đề cải cách cục bộ. Nhưng trong một Đu-ma như Đu-ma III, trong một thời kỳ như thời kỳ hiện chúng ta đang sống, mà đề xuất ra một vấn đề như vấn đề quyền quyết định ngân sách, đã bị những đạo luật cơ bản *bất khả xâm phạm* cắt xén đến mức vô lý, — thì thật là ngớ ngẩn. Những người dân chủ - lập hiến có thể đề xuất vấn đề dưới hình thức một cải cách cục bộ, — chúng tôi sẵn sàng thậm chí nhượng bộ về điểm đó, — nhưng người dân chủ quyết không thể bàn về vấn đề ấy *theo kiểu* của những người dân chủ - lập hiến được.

Những người dân chủ - lập hiến cường điệu cái gọi là phương diện *thực tế* của vấn đề, cường điệu *sự bất tiện* của những quy tắc ngày 8 tháng Ba, cường điệu *sự bất lợi* của các quy tắc ấy đối với ngay cả chính phủ, cường

điều lịch sử của việc thảo ra các đạo luật ngu ngốc để chống lại Đu-ma trong các văn phòng ngu ngốc của Bu-lư-ghin, của Vít-te và của bè lũ. *Tinh thần* dân chủ - lập hiến trong cách đặt vấn đề đã nổi bật hơn cả trong những lời sau đây của ngài Sin-ga-rép: "Dự án do chúng tôi đề xuất ra, không có một sự xâm phạm nào (đến sự hạn chế đặc quyền của nhà vua), không có một dụng ý xấu (!!) nào cả. Trong đó, ý nguyện của chúng tôi chỉ là *vì sự thuận tiện cho công tác của Đu-ma*, vì sự tôn nghiêm của Đu-ma, vì sự cần thiết phải hoàn thành cái công tác *mà chúng tôi có trách nhiệm tiến hành*" (chúng tôi viết ngắn; tr. 1263 những tường thuật chính thức ghi tốc ký, phiên họp ngày 15 tháng Giêng 1908).

Đáng lẽ soi sáng ý thức của nhân dân, nhân vật đó lại *làm mờ tối* ý thức ấy đi, bởi vì ông ta tuôn ra những điều dối trá và những chuyện vô nghĩa mà ai nấy đều thấy rõ. Và mặc dù ngài Sin-ga-rép ấy, với toàn thể những ông bạn dân chủ - lập hiến đồng liêu chính trị của ông, thành thật tin tưởng vào "cái lợi" của "thủ thuật ngoại giao" của mình, nhưng dù sao đi nữa, chúng tôi cũng không thể nào thay đổi kết luận tất nhiên ấy được. Người dân chủ phải vạch rõ cho nhân dân thấy *cái hố sâu* giữa quyền của nghị viện và đặc quyền của nhà vua, chứ không thể làm mờ hồ ý thức của nhân dân, không thể xuyên tạc *cuộc đấu tranh chính trị* nhằm biến cuộc đấu tranh ấy thành *việc sửa chữa pháp luật trong văn phòng*. Đặt vấn đề *như vậy*, những người dân chủ - lập hiến đã *thực tế* tỏ ra rằng họ là kẻ cạnh tranh với quan lại của Nga hoàng, với phái tháng Mười, chứ họ không phải là những người đấu tranh cho tự do, thậm chí cho tự do của chỉ giai cấp tư sản lớn thôi. Chỉ có bọn quan lại tự do chủ nghĩa tầm thường, chứ không phải những đại biểu *của phái đối lập trong nghị viện*, nói *như vậy*.

Diễn văn của Pô-crốp-xki đệ nhị, đại biểu của Đảng dân chủ - xã hội, thể hiện một tinh thần *khác hẳn*, một cách

đặt vấn đề *về nguyên tắc* hoàn toàn khác — chúng ta vui mừng thừa nhận điều đó. Đại biểu dân chủ - xã hội đó nói thẳng thắn và rõ ràng rằng sự đại biểu của nhân dân trong Đu-ma III là *giả tạo* (chúng tôi trích dẫn theo báo "*Bưu cục thủ đờ*", ngày 18 tháng Giêng, vì hiện nay chúng tôi chưa có tường thuật ghi tốc ký phiên họp đó). Ông nhấn mạnh không phải những điểm nhỏ nhặt, không phải lịch sử thảo ra đạo luật trong văn phòng, mà nhấn mạnh tình trạng phá sản và ách áp bức mà hàng triệu, hàng chục triệu quần chúng nhân dân phải chịu. Ông tuyên bố đúng đắn rằng "chỉ có thể nói đến quyền của Đu-ma được quyết định ngân sách với một sự mỉa mai", rằng chúng tôi không phải chỉ đòi quyền sửa đổi triệt để toàn bộ dự toán ngân sách (một viên chức có lương bổng cao, Cò-cốp-txốp, đã tranh luận nhiều hơn cả trong Đu-ma phản đối các viên chức lương bổng thấp hơn, Sin-ga-rép và Át-giê-mốp, về khả năng và *giới hạn* của việc "sửa đổi triệt để") mà cả quyền "sửa đổi triệt để toàn bộ chế độ tài chính", quyền "phủ quyết dự toán ngân sách của chính phủ". Kết thúc lời phát biểu, ông này đề ra một yêu sách cũng không kém đúng đắn và bắt buộc đối với một đảng viên của đảng công nhân, yêu sách "toàn bộ chính quyền về tay nhân dân". Trong tất cả những lĩnh vực ấy, Pô-crốp-xki là người bảo vệ trung thực và đúng đắn quan điểm của Đảng dân chủ - xã hội.

Nhưng đồng thời ông này phạm một sai lầm đáng tiếc, — căn cứ vào tin tức báo chí, *toàn thể* đảng đoàn dân chủ - xã hội cũng phạm sai lầm ấy, vì đã đưa ra chỉ thị sai lầm cho người phát ngôn của mình. Pô-crốp-xki đã tuyên bố: "*Chúng tôi ủng hộ đề án của 40 người nhằm mở rộng quyền của cơ quan đại biểu nhân dân được quyết định ngân sách*".

Tuyên bố ủng hộ một đề án rõ ràng là không kiên định về nguyên tắc, rõ ràng là không hoàn bị và được ký bởi những người vô nguyên tắc và không kiên quyết một chút nào, tóm lại là một đề án rõ ràng là không có giá

trị thực tiễn, — tuyên bố như thế có ích gì? Đấy không phải là ủng hộ giai cấp tư sản đang đấu tranh (công thức mà nhiều người thích dùng để biện hộ cho thái độ thiếu bản lĩnh về chính trị của mình) mà là ủng hộ *thái độ dao động* của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa phái tháng Mười. *Sự thực* đã chứng minh rõ ngay lập tức là tại sao lại như vậy. Chính bản thân những người dân chủ - lập hiến đã chứng minh điều đó *khi họ rút* đề án của họ và *tán thành* đề án của phái tháng Mười là: "giao cho tiểu ban, không xác định phạm vi của sự sửa đổi pháp luật" (!) "Sự ủng hộ" những người dân chủ - lập hiến, đã hàng trăm hàng nghìn lần chỉ làm cho những ai đã ủng hộ như vậy bị thất vọng. *Sự thực* đã hàng trăm, hàng nghìn lần vạch rõ rằng sách lược ủng hộ đề án của phái tự do, của những người dân chủ - lập hiến đi *theo đường lối*, v. v.* là sách lược hết sức nghèo nàn, hết sức không thể chấp nhận được.

Nếu như những người dân chủ - lập hiến không phụ họa theo những người tháng Mười và đưa ra *biểu quyết* một bản tuyên bố nói rõ ràng và xác đáng về sự bất lực của Đu-ma trong các vấn đề tài chính, về tính chất giả tạo của quyền đại diện của nhân dân, về sự phá sản của đất nước do chế độ chuyên chế gây ra và sự suy sụp tài chính không tránh khỏi, về sự từ chối của những đại biểu của phái dân chủ không chịu trách nhiệm về những tín khoản trong những điều kiện như vậy, — nếu hành động như vậy thì quả là một hành động chính trực của những người dân chủ tư

* Báo "Bưu cục thủ đô" "đần độn" đã tuyên bố qua miệng của một ông Xa-tu-rin nào đấy là: "phái đối lập đã hoàn toàn sáng suốt (!) bỏ phiếu tán thành" (nghị quyết của phái tháng Mười). "Chính nhờ đó, sự sửa đổi" (tức là nghị quyết không quyết định trước phạm vi của sự sửa đổi) "đã được nhất trí thông qua" (ngày 18 tháng Giêng, trang 4, "Tin tức từ phòng họp"). Hoan hô sự nhất trí của phái tự do đần độn ở Nga với những người tháng Mười và các bộ trưởng của Nga hoàng Trăm đen!

sản, — là hành động đấu tranh chứ không phải là hành động tay sai đần độn. Hành động ấy, chúng ta có nhiệm vụ ủng hộ, đồng thời không được quên nêu ra, một cách đặc biệt và độc lập, các mục tiêu dân chủ - xã hội của chúng ta. Với một hành động như vậy thì đã giúp vào việc giáo dục nhân dân và vạch mặt chế độ chuyên chế.

Nếu Đu-ma bác bỏ lời tuyên bố ấy, nếu các phần tử Trăm đen điên cuồng làm náo động chống lại đề án ấy thì điều đó đã là công lao lịch sử của phái dân chủ, và có lẽ là một giai đoạn của cuộc đấu tranh mới giành tự do. Còn bây giờ đây, những người dân chủ - lập hiến một lần nữa *làm* cho mình *phải chịu thất bại*. Các đồng chí dân chủ - xã hội trong Đu-ma! Hãy bảo vệ danh dự của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa, đừng ủng hộ phái tự do để phải chịu thất bại!

Trong Đu-ma, một người hùng hổ thuộc phái hữu đã ly khai sách lược của những người tháng Mười, sách lược nhằm che giấu những điểm bất đồng và ve vãn những người dân chủ - lập hiến nhằm đẩy họ đi đến chỗ hoà giải. Tên Trăm đen Cô-va-len-cô, ngày 12 tháng Giêng, đã phát biểu công khai trong Đu-ma nhà nước rằng ngay cả việc giao đề án của những người dân chủ - lập hiến cho tiểu ban cũng là điều không nên làm (tập biên bản, tr. 1192). Nhưng có lẽ vị anh hùng này vẫn cùng bỏ phiếu với những người tháng Mười: vị ấy chỉ dùng cảm trên lời nói mà thôi. Trong bài diễn văn của mình, vị ấy đã miêu tả *một cách xuất sắc* tình hình *thực tế* khi viện ra thí dụ sau đây để chứng minh sự cần thiết phải có những quyền đặc biệt: "Chẳng hạn ta lấy cuộc khởi nghĩa ở Mát-xcơ-va, chẳng hạn ta lấy việc điều động các đội quân trừng phạt. Chẳng lẽ lúc bấy giờ chính phủ còn có thì giờ để hành động theo thường lệ..." (tr. 1193). Đáng tiếc là những người dân chủ - xã hội không

nắm ngay được những tin sự thật ấy do bọn Trăm đen thốt ra. Đáng lẽ ra phải nói với vị ấy : ông bạn đại biểu đồng liêu của chúng tôi, ông nói đúng đấy. Ở đây, không thể hành động theo "thường lệ". Chúng ta hãy vứt bỏ mọi sự giả nhân giả nghĩa đi và phải thừa nhận rằng chúng ta hiện đang sống không phải như thường lệ mà đang ở trong *nội chiến*; rằng chính phủ không phải là quản lý nhà nước, mà đang tác chiến; rằng nước Nga đang ở trong một tình thế sắp bùng nổ khởi nghĩa mà người ta cố ngăn ngừa. Sự thật là như thế, và điều có ích là luôn nhắc nhở cho nhân dân thấy sự thật!¹⁴⁹.

*Người dân chủ - xã hội,
số 1, tháng Hai 1908*

Ký tên : N. Lê-nin

*Theo đúng bản đăng trên báo
"Người dân chủ - xã hội"*

TÁI BÚT VÀO BÀI "BÀN VỀ CUỘC TRANH LUẬN VẤN ĐỀ MỞ RỘNG QUYỀN CỦA ĐU-MA ĐƯỢC QUYẾT ĐỊNH NGÂN SÁCH"

Hiện nay Đu-ma bắt đầu thảo luận dự toán ngân sách. Khối liên minh của các phân tử phản động cùng với bọn giả danh đối lập phản bội quyền tự do của nhân dân, đã lộ mặt trong ngày đầu thảo luận. Trên báo chí hợp pháp chúng ta cũng thấy có tình hình như trên: phái "Thời mới" hoan nghênh sự liên hợp *của tất cả mọi người*, trừ những người "cuồng tín phái tả", xin hãy đọc là những người dân chủ - xã hội và phái lao động... Tờ "Báo của chúng ta"¹⁵⁰ của nhóm đàn độn lấy làm hoan hỉ vô cùng. Một ngày "công tác thiết thực" khiến cho người ta có thể "tha thứ" cho "việc xem xét một cách không đầy đủ từng hạng mục của dự toán ngân sách"...

"Phái đối lập" chạy theo đuôi bọn phản động công khai. Trong tình thế đó, các đại biểu của giai cấp công nhân và của phái dân chủ phải gánh lấy vai trò quan trọng và vinh dự là làm đại diện chân chính cho nhân dân bị cướp bóc. Điều đáng tiếc là những bài phát biểu đầu tiên của các đồng chí chúng ta trong Đu-ma về vấn đề dự toán ngân sách đã tỏ ra rất không đạt và hết sức sai lầm. Trong số báo "Người vô sản" sắp tới, chúng tôi sẽ phân tích tỉ mỉ những sai lầm ấy, đồng thời vạch ra phương châm hành động cần thiết,

theo quan điểm chúng tôi, mà những người dân chủ - xã hội phải tiến hành trong những cuộc thảo luận và bỏ phiếu về dự toán ngân sách¹⁵¹.

"Người vô sản" số 27,
(8 tháng Tư) 26 tháng Ba 1908

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

NHỮNG BÀI HỌC CỦA CÔNG XÃ ¹⁵²

Sau cuộc đảo chính chấm dứt cuộc cách mạng 1848, nước Pháp phải lâm vào ách của chế độ Na-pô-lê-ông suốt 18 năm liền. Chế độ ấy không những đã đưa đất nước đến chỗ phá sản về kinh tế, mà còn đưa đến cảnh dân tộc bị ô nhục. Nổi lên chống lại chế độ cũ, giai cấp vô sản đã đảm đương hai nhiệm vụ, một nhiệm vụ dân tộc và một nhiệm vụ giai cấp: nhiệm vụ giải phóng nước Pháp khỏi sự xâm lược của Đức và nhiệm vụ giải phóng — theo hướng chủ nghĩa xã hội — công nhân khỏi ách của chủ nghĩa tư bản. Sự kết hợp hai nhiệm vụ ấy là đặc trưng của Công xã.

Giai cấp tư sản lúc đó lập ra một "chính phủ phòng thủ quốc gia", và giai cấp vô sản phải chiến đấu cho độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của chính phủ đó. Thực ra thì đó là một chính phủ "phản bội nhân dân", coi sứ mạng của nó là đấu tranh chống giai cấp vô sản Pa-ri. Nhưng bị những ảo tưởng yêu nước làm cho mờ mắt, giai cấp vô sản đã không nhận thấy điều đó. Tư tưởng yêu nước bắt nguồn ngay từ cuộc Đại cách mạng thế kỷ XVIII; nó chiếm lĩnh tâm hồn của những người xã hội chủ nghĩa trong Công xã, nên, Blăng-ki chẳng hạn, một người rõ ràng là cách mạng và nhiệt tình tán thành chủ nghĩa xã hội, cũng không tìm được cho tờ báo của mình một cái tên nào thích đáng hơn cái khẩu hiệu tư sản này: "*Tổ quốc lâm nguy!*".

Việc kết hợp hai nhiệm vụ trái ngược nhau ấy lại — chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội — là sai lầm nguy hại của những người xã hội chủ nghĩa Pháp. Ngay trong bản Tuyên ngôn của Quốc tế viết vào tháng Chín 1870, Mác đã báo trước để đề phòng cho giai cấp vô sản Pháp đừng say mê tư tưởng dân tộc đối trá¹⁵³: nhiều sự thay đổi sâu sắc đã xảy ra từ sau cuộc Đại cách mạng, những đối kháng giai cấp đã trở nên trầm trọng hơn, và nếu lúc đó, cuộc đấu tranh chống thế lực phản động toàn châu Âu đã đoàn kết được toàn bộ dân tộc cách mạng thì ngày nay, trái lại, giai cấp vô sản không còn có thể coi lợi ích của mình và lợi ích của các giai cấp khác, tức các giai cấp đối địch với mình, là như nhau được. Hãy để cho giai cấp tư sản chịu trách nhiệm về cảnh dân tộc bị ô nhục, còn nhiệm vụ của giai cấp vô sản là đấu tranh để giải phóng, theo con đường của chủ nghĩa xã hội, lao động khỏi ách của giai cấp tư sản.

Và thật thế, bản chất thật sự của "chủ nghĩa yêu nước" tư sản chẳng bao lâu đã lộ ra. Sau khi đã ký một hoà ước nhục nhã với bọn Phổ, chính phủ Véc-xây đã bắt tay vào nhiệm vụ trực tiếp của nó, nó tiến công để tước của giai cấp vô sản Pa-ri những vũ khí mà nó khiếp sợ. Công nhân đã trả lời bằng việc tuyên bố thành lập Công xã và bằng nội chiến.

Mặc dù lúc đó, giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa phân chia thành nhiều phe phái, nhưng Công xã đã tỏ ra là một tấm gương rực rỡ về việc giai cấp vô sản đã biết thực hiện một cách nhất trí như thế nào những nhiệm vụ dân chủ mà giai cấp tư sản chỉ biết nêu lên thôi. Không có pháp chế đặc biệt và phức tạp, chỉ đơn thuần bằng hành động, giai cấp vô sản nắm chính quyền đã thực hiện dân chủ hoá chế độ xã hội, huỷ bỏ chế độ quan liêu, thực hiện chế độ nhân dân bầu ra các viên chức.

Nhưng hai khuyết điểm đã làm tiêu tan mất những thành quả của một thắng lợi rực rỡ. Giai cấp vô sản đã nửa đường

dừng lại: đáng lẽ phải tiến hành "tước đoạt bọn tước đoạt", thì họ lại rơi vào những ảo tưởng muốn lập nên một nền công lý tối cao trong nước được đoàn kết bởi một nhiệm vụ dân tộc chung; những cơ quan như ngân hàng chẳng hạn, đã không bị đánh chiếm, các thuyết của phái Pru-đông về "trao đổi công bằng" v. v., vẫn còn thịnh hành trong số những người xã hội chủ nghĩa. Khuyết điểm thứ hai là giai cấp vô sản quá ư đại lượng: đáng lẽ phải tiêu diệt kẻ thù của mình, thì họ lại tìm cách gây ảnh hưởng tinh thần đối với chúng, họ coi nhẹ ý nghĩa của những hành động thuần túy quân sự trong nội chiến và đáng lẽ hoàn thành thắng lợi của họ ở Pa-ri bằng một cuộc tấn công kiên quyết vào Véc-xây, thì họ lại dây dưa và để cho chính phủ Véc-xây có thời gian tập hợp các lực lượng đen tối và chuẩn bị cái tuần lễ đẫm máu tháng Năm.

Nhưng mặc dầu tất cả những khuyết điểm đó, Công xã vẫn là tấm gương vĩ đại nhất của phong trào vô sản vĩ đại nhất trong thế kỷ XIX. Mác đánh giá rất cao ý nghĩa lịch sử của Công xã: nếu như giữa lúc bè lũ Véc-xây định lật lọng chiếm lấy những vũ khí của giai cấp vô sản Pa-ri mà công nhân lại không chiến đấu, bỏ vũ khí cho chúng thì mối hại của tình trạng mất tinh thần mà sự yếu đuối đó gieo rắc trong phong trào vô sản, có lẽ còn vô cùng nghiêm trọng hơn những tổn thất mà giai cấp công nhân phải chịu trong trận chiến đấu khi bảo vệ vũ khí của mình¹⁵⁴. Dù cho những hy sinh của Công xã là rất lớn đi nữa, nhưng bù lại, Công xã đã có một ý nghĩa rất lớn đối với cuộc đấu tranh chung của giai cấp vô sản: Công xã đã làm chuyển động phong trào xã hội chủ nghĩa ở châu Âu, nó đã làm cho người ta thấy rõ sức mạnh của nội chiến; nó đã đánh tan những ảo tưởng yêu nước và phá vỡ lòng tin ngây thơ vào những nguyện vọng dân tộc chung của giai cấp tư sản. Công xã đã dạy cho giai cấp vô sản châu Âu biết đặt một cách cụ thể những nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Người ta sẽ không bao giờ quên được bài học mà giai cấp vô sản đã thu nhận được. Giai cấp công nhân sẽ áp dụng bài học đó, cũng như đã áp dụng ở Nga, trong cuộc khởi nghĩa tháng Chạp.

Thời kỳ trước và thời kỳ chuẩn bị cuộc cách mạng Nga, cũng có chỗ tương tự với thời kỳ thống trị của Na-pô-lê-ông ở Pháp. Ở Nga cũng thế, bè lũ chuyên chế đã đưa đất nước lâm vào cảnh khủng khiếp của sự phá sản về kinh tế và cảnh dân tộc bị ô nhục. Nhưng chừng nào mà sự phát triển xã hội chưa tạo ra những điều kiện thuận lợi cho một phong trào quần chúng, thì chừng đó cách mạng chưa có thể nổ ra, và mặc dầu dưng cảm đến đâu chăng nữa, những cuộc tấn công đơn độc chống chính phủ trong thời kỳ tiền cách mạng, đều đã tan vỡ trước sự lãnh đạo của quần chúng nhân dân. Chỉ có Đảng dân chủ - xã hội là đã bằng một công tác bền bỉ và có kế hoạch, giáo dục được quần chúng, đưa họ lên những hình thức đấu tranh cao nhất như: những cuộc nổi dậy có tính chất quần chúng và nội chiến vũ trang.

Đảng đã biết đập tan những ảo tưởng "dân tộc chung" và "yêu nước" trong một giai cấp vô sản còn non trẻ, và sau khi nhờ có sự can thiệp trực tiếp của đảng mà người ta đã có thể bắt Nga hoàng phải ra Đạo dụ ngày 17 tháng Mười, thì giai cấp vô sản liền bắt tay vào việc cương quyết chuẩn bị giai đoạn tiếp sau và tất yếu của cuộc cách mạng: khởi nghĩa vũ trang. Được giải thoát khỏi những ảo tưởng "dân tộc chung", giai cấp vô sản tập trung lực lượng giai cấp của mình trong những tổ chức quần chúng của mình: các Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ, v. v.. Và mặc dầu tất cả những sự khác nhau giữa những mục đích và nhiệm vụ đặt ra trước cách mạng Nga, so với cách mạng Pháp năm 1871, giai cấp vô sản Nga cũng vẫn phải dùng đến cái phương thức đấu tranh mà Công xã Pa-ri đã dùng lần đầu tiên, tức là nội chiến. Nhớ lại những bài học của

Công xã, giai cấp vô sản Nga biết rằng giai cấp vô sản không nên coi nhẹ những phương thức đấu tranh hoà bình, — những phương thức này phục vụ những lợi ích hàng ngày của nó, và là cần thiết trong thời kỳ chuẩn bị cách mạng, — nhưng nó cũng không bao giờ được quên rằng trong những điều kiện nhất định, cuộc đấu tranh giai cấp sẽ chuyển thành đấu tranh vũ trang và nội chiến; có những lúc mà lợi ích của giai cấp vô sản đòi hỏi phải thắng tay tiêu diệt những kẻ thù trong những trận chiến đấu công khai. Giai cấp vô sản Pháp đã là người trước tiên vạch ra điều đó trong thời kỳ Công xã, và giai cấp vô sản Nga đã chứng thực điều đó một cách xuất sắc trong cuộc khởi nghĩa tháng Chạp.

Cho dù hai cuộc khởi nghĩa vĩ đại đó của giai cấp công nhân đã bị dập tắt, nhưng rồi đây một cuộc khởi nghĩa nữa thế nào cũng lại sẽ nổ ra, một cuộc khởi nghĩa mà đứng trước nó, các lực lượng thù địch của giai cấp vô sản sẽ tỏ ra yếu đuối, một cuộc khởi nghĩa, trong đó giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa sẽ giành được thắng lợi hoàn toàn.

*"Báo hải ngoại", số 2,
23 tháng Ba 1908*

*Theo đúng bản đăng trên
"Báo hải ngoại"*

MỘT CUỘC BIỂU DIỄN CÓ TÍNH CHẤT YÊU NƯỚC KIỂU CẢNH SÁT ĐÃ ĐƯỢC XẾP ĐẶT TRƯỚC

Cái "ngày trọng thể của nghị viện" diễn ra trong Đu-ma hôm 27 tháng Hai đã được các đảng tư sản nước ta đánh giá một cách nhất trí đến là cảm động. Mọi người đều lấy làm vừa lòng, mọi người đều vui mừng và xúc động, từ bọn Trăm đen và bọn "Thời mới" cho đến bọn dân chủ - lập hiến và bọn "Buru cục thủ đô"; báo này "trước khi qua đời" còn kịp viết những dòng sau đây (số ra ngày 28 tháng Hai):

"Ấn tượng chung (về phiên họp của Đu-ma ngày 27 tháng Hai) là rất tốt"... "Lần đầu tiên trong sinh hoạt xã hội và chính trị ở Nga, chính phủ đã công khai nói cho cả nước biết các quan điểm của mình về các vấn đề chính sách đối ngoại..."

Chúng tôi cũng sẵn sàng thừa nhận rằng cái ngày trọng thể của nghị viện đã đặc biệt bộc lộ, nếu không phải là "lần đầu tiên" thì cũng là đặc biệt rõ ràng, sự thống nhất chặt chẽ giữa phái Trăm đen, chính phủ, phái tự do và phái "dân chủ" thuộc loại báo "Buru cục thủ đô", sự thống nhất về các vấn đề căn bản của "sinh hoạt xã hội và chính trị". Bởi vậy, chúng tôi thấy tuyệt đối cần phải tìm hiểu một cách rộng rãi lập trường của các đảng trong ngày ấy và về ngày ấy.

Ông Gu-tơ-cốp, thủ lĩnh Đảng tháng Mười, đảng đang nắm chính quyền, "yêu cầu các đại diện của chính phủ" giải thích tình hình thật sự ở Viễn Đông. Từ trên diễn

đàn của Đu-ma, ông ta giải thích rằng việc tiết kiệm trong chi tiêu, — chẳng hạn, đáng lẽ cấp cho vị đại sứ ở Tô-ki-ô hàng năm 60 000 rúp thì rút xuống 50 000 rúp — là điều quan trọng biết bao. Chúng tôi cãi cách đấy, không nói đùa đâu! Ông ta nói rằng "trên báo chí, xuất hiện" những tin đáng lo ngại về chính sách ở Viễn Đông, về nguy cơ nổ ra một cuộc chiến tranh với Nhật-bản. Báo chí Nga bị bịt miệng, thì điều đó dĩ nhiên là vị lãnh tụ của bọn tư bản không nói tới: nói để làm gì? Tự do báo chí rất có thể được ghi trong cương lĩnh. Đó là điều cần thiết cho một đảng kiểu "châu Âu". Nhưng thật là buồn cười nếu trông mong ngài Gu-tơ-cốp cũng như ngài Mi-li-u-cốp *đấu tranh* thật sự chống lại việc bịt miệng báo chí, công khai vạch mặt tính vụ lợi hiển nhiên của các cơ quan báo chí có thể lực ở Nga. Song ngài Gu-tơ-cốp đã nói ra sự thật về quan hệ giữa chính sách đối nội với chính sách đối ngoại, thật ra ông ta đã buột miệng nói lộ ra cái nội dung thật sự của tấn hài kịch mà Đu-ma đã đóng hôm 27 tháng Hai.

Ông ta tuyên bố: "Chúng ta tiến nhanh trên con đường trấn an và trấn tĩnh, điều đó nhất định sẽ chỉ cho quân thù của chúng ta thấy rõ rằng ý đồ bảo vệ quyền lợi của mình (của nước Nga) lần này nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi". Bọn Trăm đen và phái tháng Mười vỗ tay hoan nghênh. Đương nhiên là như thế! Bọn này, ngay từ đầu, cũng đã hiểu rất rõ rằng *điểm mấu chốt* của vấn đề đang thảo luận, điểm trung tâm của toàn bộ lời phát biểu long trọng của ngài I-dơ-vôn-xki, đại diện của chính phủ, là tuyên bố rằng chính sách phản cách mạng của bọn Mu-ra-vi-ép đao phủ ở nước ta là chính sách nhằm khôi phục lại an ninh và yên tĩnh. Phải tỏ ra cho châu Âu và cho toàn thế giới thấy rằng "đứng trước kẻ thù bên ngoài" là cả một "nước Nga thống nhất" đang trấn an và trấn tĩnh một nhóm người nổi loạn (tổng cộng chỉ có vài trăm triệu nông dân và công nhân thôi mà!) để bảo đảm thắng lợi cho "cái ý đồ bảo vệ quyền lợi của nó".

Đúng, ngài Gu-tơ-cốp đã biết nói lên được điều mà *ông ta* muốn nói, điều mà bọn địa chủ và tư bản đã câu kết với nhau muốn ông nói ra.

Giáo sư Ca-pu-xtin, — người thuộc cánh "tả" của Đảng tháng Mười, niềm hy vọng của bọn dân chủ - lập hiến, niềm hy vọng của những kẻ chủ trương hoà bình giữa xã hội và chính quyền, — đã rảo bước đi theo gót Gu-tơ-cốp, thêm dấm ốt vào cái chính sách của Gu-tơ-cốp bằng cái đạo đức giả tự do chủ nghĩa ngọt xót. "Cầu trời phù hộ cho bàn dân thiên hạ đều biết cái tiếng tăm (của Đu-ma) là chúng ta đã tiết kiệm tiền bạc của nhân dân". Hàng năm cấp năm vạn rúp cho một vị đại sứ, như thế chẳng phải là đã tiết kiệm cả một vạn rồi sao? Đấy chẳng phải là "một tấm gương tuyệt đẹp" mà "các vị đại thần cao cấp của ta sẽ nêu lên do nhận thức rõ giờ phút khó khăn và quan trọng hiện nay mà nước Nga đang trải qua" sao... "Trước mắt, chúng ta phải tiến hành những cải cách căn bản trên các lĩnh vực hết sức khác nhau của sinh hoạt đất nước, và để làm được việc đó thì đòi hỏi phải có rất nhiều tiền".

... So với vị nghị viện ấy thì ngay cả I-u-đu-sca Gô-lô-vlêp cũng còn lâu mới bì kịp! Trên diễn đàn Đu-ma, vị giáo sư ấy hết lời tán tụng cái gương tuyệt đẹp của các vị đại thần cao cấp... Nhưng nói như thế nào bây giờ về một đảng viên Đảng tháng Mười khi mà ngay cả phái tự do và phái dân chủ tư sản cũng không hoàn toàn thoát khỏi gập mình hậm mộ như vậy.

Bây giờ ta nói đến bài diễn văn của ngài I-dơ-vôn-xki, bộ trưởng Bộ ngoại giao. Dĩ nhiên là ông ta chỉ cần vớ được cái sự ám chỉ theo cái kiểu ám chỉ mà Ca-pu-xtin đã dâng lên cho ông, là ông ta nói rất dài dòng về sự cần thiết phải giảm bớt chi tiêu, — hoặc là xem xét lại biên chế để giúp đỡ các vị đại sứ "không có thu nhập riêng". I-dơ-vôn-xki nhấn mạnh rằng ông ta nói như thế vì đã được phép của Ni-cô-lai II và ông ta ca tụng "sức mạnh, lý trí và

lòng yêu nước của nhân dân Nga", rằng nhân dân sẽ "đem toàn lực của mình ra, cả vật chất lẫn tinh thần, để củng cố các lãnh thổ của Nga hiện có ở châu Á và để phát triển toàn diện các lãnh thổ ấy".

Vị bộ trưởng đã nói những điều mà bọn gian thần đã uỷ nhiệm cho ông ta. Tiếp đó, ngài Mi-li-u-cốp, thủ lĩnh của phái đối lập lên phát biểu. Ông ta tuyên bố ngay rằng: "Đảng tự do nhân dân, mà đại diện là đảng đoàn có mặt ở đây, hết sức hài lòng nghe những lời của bộ trưởng Bộ ngoại giao, và nhận thấy có nhiệm vụ hoan nghênh lời phát biểu đầu tiên của vị bộ trưởng trước một cơ quan đại biểu toàn quốc để giải thích các vấn đề liên quan đến chính sách đối ngoại của Nga. Không còn nghi ngờ gì nữa rằng trong lúc này... trong những dự tính của mình, chính phủ Nga cần phải... dựa vào dư luận công chúng ở Nga".

Đúng thế, điều ấy hoàn toàn không còn nghi ngờ gì nữa. Trong những dự tính của mình, chính phủ phản cách mạng cần phải dựa vào cái mà ở nước ngoài người ta coi (hoặc mạo xưng) là dư luận công chúng ở Nga. Điều đó là đặc biệt cần thiết để có thể có được tín khoản, vì không có tín khoản đó thì có nguy cơ làm phá sản và sụp đổ toàn bộ cái chính sách Xtô-lư-pin của chế độ Nga hoàng, cái chính sách dựa vào việc dùng bạo lực quy mô lớn và có hệ thống trong nhiều năm để chống lại nhân dân.

Ngài Mi-li-u-cốp đã hiểu gần đúng ý nghĩa thật sự của việc các ngài I-dơ-vôn-xki, Gu-tơ-cốp và bè lũ đã ra mắt một cách long trọng. Sự ra mắt đó là do bè lũ Trăm đen của Ni-cô-lai II đặt trước. Mỗi chi tiết của cuộc biểu diễn có tính chất yêu nước kiểu cảnh sát ấy đều đã được tính trước. Lũ con rối trong Đu-ma đã đóng vở hài kịch dưới sự điều khiển của bọn gian thần chuyên chế: không có sự ủng hộ của giai cấp tư sản Tây Âu thì Ni-cô-lai II không đứng vững được. Phải buộc *toàn thể* giai cấp tư sản toàn Nga, cả phái hữu lẫn *phái tả*, long trọng biểu thị lòng tín

nhiệm của mình đối với chính phủ, đối với "chính sách hoà bình" của nó, đối với sự vững chãi của nó, đối với những ý định và khả năng của nó trong việc trấn an và trấn tĩnh. Việc ấy cần thiết như là việc ký tên vào một kỳ phiếu. Để làm việc đó, người ta đã huy động ngài I-dơ-vôn-xki, một người "vừa ý" nhất đối với bọn dân chủ - lập hiến; để làm việc đó, người ta đã dựng ra cả một trò đạo đức giả vô liêm sỉ về sự tiết kiệm tiền bạc của nhân dân, về những cải cách, về lời phát biểu "công khai" của chính phủ để "giải thích" chính sách đối ngoại, mặc dầu mọi người đều biết rõ rằng người ta hoàn toàn chẳng muốn giải thích cái gì cả và hoàn toàn không giải thích cái gì cả.

Thế là phái tự do đối lập đã ngoan ngoãn đóng vai trò làm con rối trong tay bọn quân chủ cảnh sát Trăm đen! Trong khi thái độ của phái thiểu số tư sản trong Đu-ma kiên quyết nói lên sự thật chắc chắn là sẽ có tác dụng rất lớn và gây trở ngại (hay gây khó khăn) cho chính phủ trong việc vay hàng tỷ đồng để chi vào các đợt trừng phạt mới, vào những giá treo cổ, vào các nhà tù, vào việc tăng cường các đội cảnh sát, — thì Đảng dân chủ - lập hiến "quỳ" trước vị quốc vương kính yêu và cố gắng lấy lòng vị quốc vương đó. Ngài Mi-li-u-cốp đã cố gắng lấy lòng vị quốc vương đó bằng cách tỏ rõ lòng yêu nước của mình. Dựa vào một số tin tức ngoài lề nào đó về I-dơ-vôn-xki, một người thuộc phái tự do, ông Mi-li-u-cốp làm ra vẻ mình sành sỏi về chính sách đối ngoại. Ngài Mi-li-u-cốp cố tình ký vào kỳ phiếu; nhân danh toàn Đảng dân chủ - lập hiến, ông ta long trọng "hoan nghênh" vị bộ trưởng của Nga hoàng, đồng thời biết rất rõ ràng rằng ngày hôm sau, tất cả các báo chí châu Âu, như theo một hiệu lệnh, sẽ nói: Đu-ma đã nhất trí (trừ những người dân chủ - xã hội) biểu thị sự tín nhiệm đối với chính phủ và đã tán thành chính sách đối ngoại của chính phủ...

Trong ba năm, chủ nghĩa tự do ở Nga đã trải qua một quá trình tiến hoá mà ở Đức phải cần đến trên ba mươi năm, còn

ở Pháp thì thậm chí phải đến trên một trăm năm: một quá trình tiến hoá từ chỗ là người tán thành tự do đến chỗ trở thành kẻ đồng loã nhu nhược và đê hèn với chế độ chuyên chế. Vũ khí đặc biệt mà giai cấp tư sản sử dụng trong đấu tranh là khả năng bóp chặt túi tiền, gây khó khăn cho việc nhận tiền, phá hoại các thủ đoạn "tinh vi" trong việc đi vay những món tiền mới, — vũ khí ấy, bọn dân chủ - lập hiến đã nhiều lần có thể sử dụng trong cách mạng Nga. Và cứ mỗi lần, mùa xuân năm 1906 cũng như mùa xuân năm 1908, bản thân họ lại đều giao vũ khí của họ cho quân thù, họ lại cúi mình liếm tay bọn sát nhân và lại thề thốt là trung thành.

Ngài Xtơ-ru-vê đã kịp thời chú ý đến vấn đề đặt một cơ sở lý luận vững chắc cho những hành động như vậy. Trong tạp chí "Tư tưởng Nga" — đáng lẽ phải gọi là "Tư tưởng Trăm đen"¹⁵⁵. — ngài Xtơ-ru-vê đã truyền bá tư tưởng "Đại Nga", một tư tưởng của chủ nghĩa dân tộc tư sản, ông ta đã phá "sự thù địch của giới trí thức đối với nhà nước", ông ta đã hàng nghìn lần đánh gục "chủ nghĩa cách mạng Nga", "chủ nghĩa Mác", "chủ nghĩa ly khai", "đấu tranh giai cấp", "chủ nghĩa cấp tiến tầm thường".

Chúng ta chỉ có thể vui mừng thấy sự tiến hoá tư tưởng ấy của chủ nghĩa tự do Nga. Vì trên thực tế, thì trong cách mạng Nga, cái chủ nghĩa tự do ấy *đã tỏ ra* đúng hệt như cái chủ nghĩa tự do mà ngài Xtơ-ru-vê vẫn mong muốn nặn ra nó một cách có hệ thống, toàn tâm, có suy nghĩ, "một cách triết học". Việc xây dựng *một hệ tư tưởng* phản cách mạng triệt để là điều mấu chốt, khi mà người ta có trước mắt một giai cấp đã hoàn toàn hình thành và đã hoạt động phản cách mạng trong các thời kỳ hết sức quan trọng của đời sống đất nước. Hệ tư tưởng đó, do phù hợp với địa vị giai cấp và chính sách giai cấp của giai cấp tư sản, sẽ giúp cho mỗi người vứt bỏ các niềm tin còn sót lại vào "chủ nghĩa dân chủ" của những người dân chủ - lập hiến.

Mà vứt bỏ được những cái còn sót lại ấy thì rất có lợi. Phải vứt bỏ những cái ấy thì mới có thể xúc tiến sự nghiệp của cuộc đấu tranh thực sự có tính chất quần chúng để dân chủ hoá nước Nga. Ông Xơ-ru-vê muốn có một chủ nghĩa tự do phản cách mạng công khai. Chúng ta cũng muốn thế, vì "sự thẳng thắn" của chủ nghĩa tự do sẽ giáo dục một cách tốt nhất cho cả nông dân dân chủ lẫn giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa.

Trở lại nói về phiên họp ngày 27 tháng Hai của Đu-ma thì ta phải nói rằng lời nói duy nhất trung thực và tự hào theo tinh thần dân chủ là lời phát biểu của *đại biểu dân chủ - xã hội*. Nghị viên Tơ-khê-ít-dê lên diễn đàn tuyên bố rằng đảng đoàn dân chủ - xã hội sẽ bỏ phiếu *chống lại* bản dự luật, rồi ông bắt đầu trình bày lý do bỏ phiếu. Nhưng ông vừa mới phát biểu rằng: "Nền ngoại giao của chúng ta ở phương Tây luôn luôn là thành trì bảo vệ thế lực phản động và lợi ích"... thì chủ tịch liền bịt mồm vị đại biểu công nhân lại. Đảng viên Đảng dân chủ - lập hiến áp úng: "Bản quy chế cho phép trình bày những lý do bỏ phiếu". Tên ăn cướp mang danh chủ tịch Đu-ma III đã bác lại: "Ngoài lý do ra, hình thức cũng có ý nghĩa quan trọng của nó".

Xét theo quan điểm của hãn thì hãn cũng có lý: khi mà vấn đề đặt ra là sự thành công của sự biểu diễn có tính chất yêu nước mà cảnh sát đã hoàn toàn xếp đặt trước đó, bị lâm nguy thì phải chăng còn cần đến bản quy chế?

Trong vấn đề này, đại biểu công nhân đứng cô lập. Do đó công lao của đại biểu đó lại càng lớn. Giai cấp vô sản có nhiệm vụ phải tỏ ra và sẽ tỏ ra là mình có khả năng bảo vệ những truyền thống của cách mạng dân chủ, bất chấp những sự phản bội của phái tự do và những sự dao động của tầng lớp tiểu tư sản.

"Người vô sản", số 25, (25)
12 tháng Ba 1908

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

VỀ VIỆC PHÁI TỰ DO LỪA DỐI NHÂN DÂN

Đại hội mới đây của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp ở Luân-đôn đã bàn về vấn đề thái độ đối với các đảng tư sản và đã thông qua một nghị quyết về vấn đề ấy. Một đoạn trong nghị quyết nói rằng phái tự do *lừa dối nhân dân*¹⁾, đã gây ra những cuộc tranh luận đặc biệt trong đại hội. Các đảng viên dân chủ - xã hội thuộc cánh hữu trong đảng ta cho đoạn ấy là hoàn toàn sai. Thậm chí họ còn tuyên bố rằng thật là hoàn toàn không mác-xít khi nói trong nghị quyết là phái tự do "lừa dối" nhân dân, nghĩa là giải thích rằng những tầng lớp dân cư nhất định nào đó gia nhập một đảng cụ thể nào đó (trong trường hợp ở nước ta là Đảng dân chủ - lập hiến) thì không phải do quyền lợi giai cấp của các tầng lớp ấy, mà do những thủ đoạn chính trị "vô đạo đức" của nhóm này hay nhóm khác gồm những nghị viên, luật sư, nhà báo, v. v..

Trên thực tế, đằng sau những luận cứ có vẻ chính đáng ấy và khoác bộ áo mỹ miều giả danh mác-xít ấy, lại che giấu một chính sách làm yếu tính độc lập giai cấp của giai cấp vô sản và làm cho giai cấp vô sản phụ thuộc (thực sự) vào giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa. Vì đối với những quyền lợi của giai cấp tiểu tư sản dân chủ là giai cấp đang đi theo Đảng dân

1) Xem V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 15, tr. 453-454.

chủ - lập hiến thì các ngài ấy không bảo vệ một cách gọi là nghiêm túc một chút mà còn *phản bội* lại bằng chính sách ve vãn và câu kết với chính phủ, với phái thắng Mười, với "chính quyền lịch sử" của chế độ chuyên chế Nga hoàng.

Cuộc đấu tranh hiện nay để giành quyền phổ thông đầu phiếu vào nghị viện Phổ (xây-mơ) là một tài liệu hết sức đáng chú ý, để soi sáng bằng nhiều sự thật mới về vấn đề đó, một trong những vấn đề cơ bản của sách lược dân chủ - xã hội ở tất cả các nước tư bản. Đảng dân chủ - xã hội Đức đã giương cao ngọn cờ của cuộc đấu tranh ấy. Những người vô sản Béc-lanh, và theo sau Béc-lanh là những người vô sản ở tất cả các thành phố lớn ở Đức, đã xuống đường, đã tổ chức những cuộc tuần hành thị uy lớn có hàng vạn người tham gia và đã đặt cơ sở đầu tiên cho một phong trào quần chúng rộng rãi; phong trào này, ngay từ đầu, hiện đang làm cho chính quyền lập hiến phải đi đến chỗ dùng bạo lực, dùng lực lượng quân sự và tàn sát quần chúng không vũ khí. Đấu tranh để ra đấu tranh! Các lãnh tụ của giai cấp vô sản cách mạng đã kiêu hãnh và anh dũng đáp lại các hành vi bạo lực ấy. Nhưng ở đây, lại xuất hiện vấn đề thái độ đối với giai cấp tư sản dân chủ (và tự do chủ nghĩa) trong cuộc đấu tranh giành quyền bầu cử. Và các cuộc tranh luận về vấn đề đó giữa phái dân chủ - xã hội cách mạng với bọn cơ hội chủ nghĩa Đức (ở Đức người ta gọi họ là bọn xét lại) rất giống các cuộc tranh luận của chúng ta về việc phái tự do lừa dối nhân dân.

Báo "*Vorwärts*", cơ quan trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức, đã đăng một bài xã luận mà nội dung và tư tưởng chủ đạo đã biểu hiện rõ ràng trong đầu đề: "Cuộc đấu tranh giành quyền bầu cử là một cuộc đấu tranh giai cấp!". Quả nhiên, bài báo ấy tuy chỉ trình bày, dưới hình thức chính diện, những lý lẽ dân chủ - xã hội mà ai ấy đều biết cả rồi nhưng nó lại bị bọn cơ hội chủ nghĩa coi là một lời thách thức. Họ liền ứng chiến. Đồng

chí Duy-đơ-cum, một nhà hoạt động nổi tiếng trong lĩnh vực chủ nghĩa xã hội thị chính, đã kiên quyết phản đối thứ "sách lược bè phái" ấy, "việc cô lập giai cấp vô sản", "việc đảng viên dân chủ - xã hội ủng hộ bọn Trăm đen" (bọn phản động — người Đức nói một cách ôn hoà hơn). Vì cả đối với người cơ hội chủ nghĩa Đức nữa, việc đưa đấu tranh giai cấp vào trong sự nghiệp chung của giai cấp vô sản và của phái tự do có nghĩa là ủng hộ bọn Trăm đen! Duy-đơ-cum viết: "Ở Phổ, đem quyền phổ thông đầu phiếu mà thay thế chế độ tuyển cử hiện nay của ba giai cấp, không phải là việc của riêng một giai cấp nào". Và ông ta đã chỉ ra rằng đấy là việc của "dân cư thành thị chống lại các chủ đất, của phái dân chủ phản đối bọn quan lại, của nông dân chống lại bọn địa chủ, của Tây Phổ chống lại Đông Phổ" (tức là của cái bộ phận công nghiệp và tư bản chủ nghĩa nói chung, tiên tiến của đất nước chống lại bộ phận lạc hậu về kinh tế). "Vấn đề hiện nay là ở chỗ, về điểm ấy, phải liên kết cho được tất cả các người ủng hộ chủ trương cải cách, không kể họ còn bất đồng ý kiến với nhau về những vấn đề khác nào đó".

Đọc giả có thể thấy rằng đấy là tất cả những luận cứ quen thuộc nhất, rằng cả ở đây nữa bộ áo cũng hết sức "mác-xít" một cách chính thống, thậm chí người ta viện đến cả địa vị kinh tế và những quyền lợi của những phần tử nhất định nào đó thuộc phái dân chủ tư sản ("phái dân chủ thành thị", nông dân, v. v.). Bất tất phải nói thêm rằng suốt hàng chục năm, báo chí của phái tự do tư sản Đức đã thường xuyên ngâm nga cái điệu đó, cái điệu buộc tội Đảng dân chủ - xã hội là bè phái, là ủng hộ bọn Trăm đen, là không có khả năng cô lập phái phản động.

Phái dân chủ - xã hội cách mạng Đức đã đưa ra những *luận cứ* nào để bác bỏ những lập luận ấy? Chúng tôi kể ra những luận cứ chủ yếu để bạn đọc — xét tình hình nước Đức với tư cách là người "đứng ngoài", "không giận dữ và không

thành kiến" — có thể thấy được rằng chiếm ưu thế ở đây, có phải là những lý do về những điều kiện đặc biệt về không gian và thời gian, hay là các nguyên tắc chung của chủ nghĩa Mác.

Báo "*Vorwärts*" nói: đúng, những người tự do tư tưởng ở nước ta, trong cương lĩnh của họ, "đòi" quyền phổ thông đầu phiếu. Đúng, hiện nay họ đặc biệt sốt sắng nói về vấn đề này trong các bài diễn văn hoa mỹ. Nhưng có phải họ *đấu tranh* cho cải cách không? Ngược lại, chúng ta đã chẳng thấy rằng phong trào nhân dân thực sự, các cuộc tuần hành trên đường phố, công tác cổ động rộng rãi trong quần chúng, sự thức tỉnh của quần chúng đã gây cho họ một nỗi hoảng sợ mà họ cố giấu giếm, một sự ngán ngảm, hay trong trường hợp tốt nhất nhưng rất hãn hữu thì gây cho họ sự lãnh đạm, đó sao?

Cần phải phân biệt các cương lĩnh của các đảng tư sản, các bài diễn văn của các tay mưu cầu danh lợi thuộc phái tự do đọc trong các bữa tiệc, trong nghị viện, với sự tham gia thực sự của họ vào cuộc đấu tranh thực sự của nhân dân. Trên lời nói thì tất cả các chính khách tư sản thuộc đủ loại, trong tất cả các nước theo chế độ đại nghị, luôn luôn vỗ ngực là chủ trương chế độ dân chủ, nhưng đồng thời lại phản bội dân chủ.

Báo "*Vorwärts*" nói: đúng, "*trong nội bộ* đảng tự do (của những người tự do tư tưởng) và trong trung ương đảng đó, *chắc chắn* có những phần tử quan tâm đến quyền bầu cử phổ thông và bình đẳng". Song lãnh đạo các đảng tư sản không phải là những phần tử ấy, không phải là thợ tiểu thủ công, không phải là những người nửa vô sản, không phải là nông dân nửa phá sản. Tất cả những phần tử này đang đi theo phái tự do tư sản là phái đang cố làm cho họ thoát ly cuộc đấu tranh, thoả hiệp với phe phản động đằng sau lưng họ, đang làm hư hỏng ý thức giai cấp của họ và trên thực tế lại không bảo vệ quyền lợi của họ.

Muốn lôi cuốn những phần tử ấy vào cuộc đấu tranh giành quyền phổ thông đầu phiếu thì phải thức tỉnh ý thức giai cấp của họ, làm cho họ thoát ly các đảng tư sản không kiên định. "Trong nội bộ đảng tự do (những người tự do tư tưởng) thì họ, những phần tử quan tâm đến quyền phổ thông đầu phiếu đó, là thiểu số bất lực luôn luôn được hứa hẹn rất nhiều và luôn luôn *bị lừa dối*. Nghị lực chính trị của họ hoàn toàn bị tê liệt. Nếu như thực sự có thể ép những người tự do tư tưởng hay trung tâm của họ phải nhượng bộ phái dân chủ, bằng cách dọa rút số phiếu của họ đi, thì chính là vì cuộc đấu tranh giai cấp, trong khi làm yếu các đảng tư sản, mới thật là phương tiện duy nhất để đẩy giai cấp tư sản đang dao động chuyển sang tả".

Vì những sự kiện chính trị đã chứng minh từ lâu rằng đối với những người tự do tư tưởng thì phe phản động ít đáng thù ghét hơn là Đảng dân chủ - xã hội. "Vì vậy, chúng ta không phải chỉ có thẳng tay vạch rõ tất cả các khuyết điểm của tất cả các đảng tư sản, mà ngoài ra còn phải giải thích rõ ràng tất cả các hành vi phản bội của họ trong vấn đề quyền bầu cử, là kết quả của tính chất giai cấp của các đảng ấy".

Vấn đề phái dân chủ - lập hiến ở nước ta có khả năng "đấu tranh" cho các yêu sách dân chủ ghi trong cương lĩnh của họ, hoặc là họ ghi các yêu sách ấy chỉ là để đem tiểu thị dân và nông dân hiện đang đi theo phái tự do mà bán đứng cho phái thàng Mười; vấn đề ấy nay mai sẽ được nhiều lần đặt ra trước đảng viên dân chủ - xã hội Nga, như nó thường được đặt ra trong quá trình cách mạng. Vì thế một số đồng chí trong đảng ta nên suy nghĩ kỹ về các luận cứ của báo "*Vorwärts*".

P. S. Bài này đã đưa đi in thì chúng tôi đọc thấy trong báo "Ngôn luận", số 52 (1 tháng Ba) một bài của ngài C. Đ., phóng viên của báo ấy tại Béc-lanh, bài đó nhan đề là: "Cuộc

khủng hoảng của phái tự do Đức". Tác giả đề cập đến cuộc bút chiến giữa báo "*Vorwärts*" và Duy-đơ-cum, với một giọng thường dùng và các thủ đoạn thường dùng của bọn xuyên tạc thuộc phái tự do ở ta. Tác giả không nghĩ đến chuyện trình bày các luận cứ của cả hai bên hoặc dẫn ra các đoạn trích chính xác. Ông ta chỉ tuyên bố: "Tờ báo chính thức "*Vorwärts*" đã ngay tức thì bôi nhọ tín đồ tà giáo; và trong một bài xã luận khó mà nuốt nổi với một giọng khiêu khích và láo xược, báo đó đã buộc tội ông ta là dốt nát, là đã quên một cách không thể tha thứ được các giáo điều của đảng". Chúng tôi để bạn đọc xét xem cái lối bọn dân chủ - lập hiến biện hộ cho Duy-đơ-cum như thế có "nuốt nổi" không? Song số phận của bọn xét lại trong bất kỳ một nước nào cũng đều như thế này: được giai cấp tư sản ra sức ủng hộ và nhiệt tình "thừa nhận" các nỗ lực của mình. Để chứng minh rằng lập trường của chúng tôi là đúng đắn thì liệu còn có cái gì dễ "nuốt nổi" hơn là cái khối liên minh giữa bọn Duy-đơ-cum với các ngài Xtơ-ru-vê chẳng?

"Người vô sản", số 25, (25)
12 tháng Ba 1908

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

PHÁI TỰ DO QUỐC TẾ ĐÁNH GIÁ MÁC

Một nhân vật trong tác phẩm của Tuốc-ghê-nép đã sửa lại các câu thơ của đại thi hào Đức, như sau:

Wer den Feind will versteh'n,

Muss im Feindes Lande geh'n

nghĩa là: "ai muốn biết kẻ thù của mình, thì người ấy phải đến đất nước của kẻ thù"¹⁵⁶ trực tiếp tìm hiểu phong tục, tập quán, phương pháp nghị luận và hành động của nó.

Cũng vậy, những người mác-xít phải xem những lời bình luận về ngày kỷ niệm 25 năm ngày Mác từ trần của các cơ quan báo chí chính trị có ảnh hưởng ở các nước, đặc biệt là báo chí tư sản có khuynh hướng tự do chủ nghĩa và "dân chủ" là báo chí vừa có khả năng ảnh hưởng tới quần chúng độc giả, lại vừa có quyền phát biểu với tư cách là đại diện của giới khoa học chính thức, của nhà nước, có học vị, thuộc giới giáo sư.

Chúng ta bắt đầu điểm báo từ tờ "Tin tức nước Nga". Đây là tờ báo của giới giáo sư, một tờ báo êm dịu nhất (và buồn tẻ nhất), khoa học nhất (và xa rời cuộc sống sinh động nhất). Bài báo viết nhân kỷ niệm 25 năm ngày Mác từ trần (số 51, ngày 1 tháng Ba) có một giọng văn khô khan, cứng đờ — giọng "khách quan", như vẫn được gọi theo ngôn ngữ của các giáo sư "tầm thường" và "phi thường"... Chỉ nêu ra những sự kiện thôi — đó là điều mà tác giả bài báo cố gắng đạt được. Và như một nhà sử học không

thiên vị, ông ta sẵn sàng đánh giá đúng Mác, ít nhất là về phần quá khứ, cái quá khứ đã qua đời mà hiện nay người ta có thể nói đến với giọng cứng đờ. Tờ "*Tin tức nước Nga*" thừa nhận Mác là một "nhân vật hiếm có", một "nhà khoa học vĩ đại", một "nhà lãnh đạo lỗi lạc của giai cấp vô sản", một nhà tổ chức quần chúng. Nhưng chỉ thừa nhận như vậy đối với quá khứ: còn đối với hiện nay, — tờ báo ấy nói — "thực sự cần phải có những con đường mới", tức là những con đường mới của phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội, không giống như "chủ nghĩa Mác cũ". Nhưng cụ thể là những con đường mới nào thì tờ báo không nói thẳng ra, đó là một đề tài quá thời sự đối với các vị giáo sư, và là "khinh suất" đối với các nghệ sĩ có tài "im lặng một cách lịch thiệp". Nhưng vẫn có những lời ám chỉ rõ ràng: "Trong học thuyết của ông (của Mác) có nhiều điểm đã bị xoá bỏ bởi sự phân tích khoa học và sự phê phán tàn nhẫn của các sự kiện. Trong số các nhà bác học, hầu như không thấy có những người kế thừa trung thành với toàn bộ hệ thống học thuyết của ông; đưa con tinh thần của Mác — Đảng dân chủ - xã hội Đức — đã đi trệch khá xa con đường cách mạng mà các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội Đức đã vạch ra". Các bạn thấy đấy: điều mà tác giả nói chưa hết thì còn lại rất ít, đó là nguyện vọng của mình muốn *sửa lại* học thuyết Mác theo chủ nghĩa xét lại.

Một tờ báo có thể lực khác, tờ "*Ngôn luận*", cơ quan của một chính đảng đang giữ vai trò là người chơi cây vĩ cầm đầu tiên trong cuộc hoà nhạc của phái tự do Nga, đã đánh giá Mác một cách còn sinh động hơn nữa. Tất nhiên là khuynh hướng cũng giống như trong tờ "*Tin tức nước Nga*", nhưng trên báo này, người ta viết như viết một bài tựa đề cho một quyển sách dày, còn trên báo "*Ngôn luận*" thì lại thấy các khẩu hiệu chính trị hướng dẫn trực tiếp cho cả một loạt các lời phát biểu trên diễn đàn nghị viện

khi mà tất cả các sự kiện trước mắt, tất cả các vấn đề thời sự được đưa ra đánh giá. Bài "Các Mác và nước Nga" (số 53, ngày 2 tháng Ba) là do ông I-dơ-gô-ép viết, một tay đào ngũ nổi tiếng, một điển hình về những phần tử trí thức Nga đã "mác-xít hoá" trong những năm 25 đến 30 tuổi, đã tự do chủ nghĩa hoá từ 35 đến 40 tuổi, rồi sau đó lại đã Trăm đen hoá.

Ngài I-dơ-gô-ép đã bỏ những đảng viên dân chủ - xã hội mà chạy sang phái tự do (như chính y đã từng tuyên bố và như ông Xto-ru-vê, một bậc thầy trong nghề phản bội đã công nhận) đúng vào lúc mà sau những thắng lợi khiến người ta kinh ngạc của cách mạng thì đến thời kỳ khó khăn của cuộc đấu tranh lâu dài và ngoan cường chống lại phe phản cách mạng đang được củng cố. Và về mặt này thì ngài I-dơ-gô-ép lại là hết sức điển hình. Ông ta rất thiện nghệ trong việc giải thích và chỉ ra rằng tất cả những cái bộ tịch giáo sư khi đánh giá Mác *sẽ làm lợi cho ai*, rằng cái giới "khoa học" có học vị ấy đang làm việc *cho ai*. Khi bàn về Mác, ngài I-dơ-gô-ép trách rằng: "Nhà sách lược chính trị thủ đoạn ấy ở ông là trở ngại lớn cho nhà bác học vĩ đại và làm cho nhà bác học phạm không ít sai lầm". Đương nhiên, sai lầm căn bản là ngoài cái "chủ nghĩa Mác *tiến hoá*" đúng đắn, hợp lý, được "đa số người" (đa số bọn phi-li-xtanh chẳng?) thừa nhận, còn có thứ chủ nghĩa Mác cách mạng độc ác, không khoa học, hoang đường, đã bị "xuyên tạc bởi những con men dân túy chủ nghĩa". Đặc biệt điều làm cho cái con người thuộc phái tự do ấy căm phẫn là tác dụng của thứ chủ nghĩa Mác *ấy* đối với cách mạng Nga. Cứ nghĩ mà xem: người ta đã nghĩ đến chuyên chính vô sản để thực hiện cuộc "cách mạng tư sản" ấy, hoặc nghĩ đến "chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân, cái chuyên chính hoàn toàn hoang đường trong cửa miệng các nhà mác-xít". "Không có gì đáng ngạc nhiên là chủ nghĩa Mác cách mạng dưới hình thức mà các người

bôn-sê-vích đủ các loại khác nhau ở Nga đang thực hành, đã bị phá sản" "... Cần phải nghĩ đến chuyện thiết lập hiến pháp "tư sản" (cái nháy mỉa mai này là của ngài I-dơ-gô-ép) thông thường".

Các bạn thấy đấy, một tay đảng viên Đảng tháng Mười đã hoàn toàn được rèn luyện về mặt tư tưởng và đã trưởng thành về mặt chính trị, hoàn toàn tin tưởng rằng chủ nghĩa Mác và sách lược cách mạng đã bị phá sản, chứ không phải sách lược thoả hiệp, phản bội và phản trắc của bọn dân chủ - lập hiến bị phá sản!

Chúng ta bàn tiếp. Từ báo chí Nga, chúng ta chuyển sang nói về báo chí Đức là thứ báo chí hoạt động trong không khí tự do, mặt đối mặt với một đảng xã hội chủ nghĩa công khai đã phát biểu quan điểm của mình trên hàng chục cơ quan ngôn luận ra hàng ngày. Một trong những tờ báo tư sản giàu nhất, phát hành nhiều nhất, "dân chủ" nhất ở Đức, tờ "*Frankfurter Zeitung*", đã đăng một bài xã luận dài nhân kỷ niệm 25 năm ngày Mác từ trần (số 76, ngày 16 tháng Ba, lịch mới. *Abendblatt*¹⁾). Phái "dân chủ" Đức tóm ngay lấy cơ hội. Họ nói với chúng ta: "Điều tự nhiên là trong ngày này, báo chí dân chủ - xã hội đã viết vô số bài kỷ niệm người thầy của mình. Song ngay cả một tờ báo có thể lực của phái dân tộc - tự do cũng đã thừa nhận — mặc dù có những điều dè dặt như thường vẫn có — rằng Mác là một người vĩ đại. Tất nhiên, Mác là một người vĩ đại, nhưng cũng vĩ đại trong việc làm đôi trụ kẻ khác".

Tờ báo, tiêu biểu cho tinh hoa của cái biến dạng của hệ tư tưởng Trăm đen được gọi là chủ nghĩa tự do châu Âu, đã giải thích rằng nó không hề hoài nghi tính ngay thật của Mác. Nhưng học thuyết của Mác mang lại một tai hại không lường được. Với việc đưa ra khái niệm về tính tất yếu và tính quy luật trong lĩnh vực hiện tượng xã hội,

1) — Số ra buổi chiều

với việc phủ nhận tác dụng của đạo đức và tính tương đối, tính có điều kiện của nhận thức của chúng ta, Mác cũng đã sáng lập ra một thứ không tưởng phản khoa học, một "giáo hội" thật sự cho các tín đồ giáo phái của mình. Tư tưởng có hại nhất của ông là tư tưởng đấu tranh *giai cấp*. Đó là nguồn gốc của mọi tội ác! Mác đã tin vào cái danh ngôn cũ two nations — về hai dân tộc trong nội bộ mỗi dân tộc văn minh, tức là dân tộc "những kẻ đi bóc lột" và dân tộc "những kẻ bị bóc lột" (tờ báo đặt những từ không khoa học ấy trong nháy một cách hết sức mỉa mai). Mác đã quên một chân lý hiển nhiên, minh bạch, dễ hiểu đối với mọi người có đầu óc lành mạnh là: trong đời sống xã hội, "mục đích không phải là đấu tranh, mà là hoà giải", Mác "đã xé nhân dân ra thành mấy bộ phận, bằng cách lấy búa nhồi nhét vào đầu những người của mình cái tư tưởng là giữa họ với những người khác chẳng có gì là giống nhau cả, rằng họ là những kẻ tử thù không đội trời chung với nhau".

Tờ báo đó hỏi: "Đảng dân chủ - xã hội là đảng có nhiều yêu sách thực tế giống với giai cấp tư sản, lại cố gắng tiến tới gần gũi với giai cấp tư sản — như vậy thì có gì tự nhiên hơn nữa không? Nhưng điều ấy đã không xảy ra, chính là do học thuyết Mác. Đảng dân chủ - xã hội đã tự làm cho mình bị cô lập. Đã có một thời gian, người ta đã tưởng rằng sẽ có một chuyển biến căn bản về mặt này. Đây là lúc những người xét lại mở đầu chiến dịch của họ. Nhưng tưởng như vậy là lắm; điểm khác nhau giữa những người xét lại và chúng ta là ở chỗ chúng ta thấy rõ sai lầm ấy, còn họ thì không. Những người xét lại đã từng nghĩ và cho đến nay vẫn còn nghĩ rằng họ có thể bằng một cách nào đấy, cứ bám lấy Mác mà vẫn trở thành một đảng khác. Thật là hoài công vô ích. Hoặc là phải tiếp nhận toàn bộ học thuyết Mác, hoặc là phải vứt bỏ toàn bộ, chứ làm nửa chừng thì chẳng có ích gì...".

Đúng đấy, các ngài thuộc phái tự do ạ! Thỉnh thoảng vì vô ý mà các ngài đã nói đúng sự thật!

"... Chừng nào mà Đảng dân chủ - xã hội còn tôn trọng Mác thì nó còn chưa rời bỏ tư tưởng đấu tranh giai cấp, và chưa rời bỏ nhiều

thứ khác khiến cho nhiệm vụ chung sống với nó là hết sức khó khăn... Giới khoa học đều đồng ý rằng trong lý luận kinh tế chính trị học của chủ nghĩa Mác, không có một điểm nào chính xác cả...".

Tốt, tốt lắm, thưa các ngài! Các ngài diễn đạt rất tuyệt thực chất của khoa học tư sản, của chủ nghĩa tự do tư sản và của toàn bộ chính sách tư sản. Cách ngài đã hiểu rằng không thể tiếp nhận Mác từng phần được. Các ngài I-dơ-gô-ép và những người trong phái tự do Nga còn chưa hiểu được điều đó. Rồi họ cũng sẽ chóng hiểu thôi.

Cuối cùng để kết luận, chúng ta hãy xem "*Journal des Débats*"¹⁵⁷, cơ quan bảo thủ của một nước cộng hoà tư sản. Trong số ra ngày 15 tháng Ba, nhân kỷ niệm ngày Mác từ trần, báo ấy đã viết rằng những người xã hội chủ nghĩa, những kẻ "bình quân chủ nghĩa thô lỗ" ấy, tuyên truyền sự tôn sùng các nhân vật vĩ đại của họ, rằng cái nguy hại chủ yếu trong học thuyết của Mác, một người "căm thù giai cấp tư sản", chính là lý luận đấu tranh *giai cấp*. "Mác tuyên truyền cho giai cấp công nhân tiến hành không phải những cuộc xung đột tạm thời có kèm theo đình chiến, mà là một cuộc chiến tranh thần thánh, một cuộc chiến tranh tiêu diệt, cướp đoạt, một cuộc chiến tranh để đạt đến cái đất thánh là chủ nghĩa tập thể... một thứ không tưởng quái gở...".

Các báo tư sản viết rất hay khi họ thật sự bị chạm nọc. Cuộc sống trở nên vui thích hơn khi thấy sự thống nhất tư tưởng của những kẻ thù của giai cấp vô sản toàn thế giới, những kẻ thù thuộc phái tự do, đang hình thành và đang được củng cố, vì sự thống nhất đó là một trong những bảo đảm cho sự tập hợp của hàng triệu người thuộc giai cấp vô sản quốc tế, một giai cấp nhất định sẽ đoạt lấy đất thánh của mình.

"Người vô sản", số 25
(25) 12 tháng Ba 1908

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

CÁC TÀI LIỆU CHUẨN BỊ

TÀI LIỆU CHUẨN BỊ
CHO HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ -
XÃ HỘI NGA
("HỘI NGHỊ TOÀN NGA
LẦN THỨ HAI")

21 - 23 THÁNG BẢY (3 - 5 THÁNG TÁM) 1907

1

TÓM TẮT LỜI PHÁT BIỂU
PHẢN ĐỐI VIỆC TẮY CHAY

1. Đồng ý với các điểm xuất phát của Mác-xi-mốp¹⁵⁸.
2. Sự bất đồng ý kiến *s a u đ ó*: thế còn sau Đu-ma II?
quần chúng sẽ hiểu "cuộc cách mạng đã chấm dứt"¹⁵⁹
3. Những truyền thống cách mạng và thái độ của những người mác-xít đối với những truyền thống đó.
(Chiến tranh cách mạng dân tộc).
4. Cao trào và những ảo tưởng lập hiến. Sự tiếp tục con đường cách mạng và bước ngoặt *mới* hướng tới cách mạng.
Lập lại những truyền thống cách mạng.
Sách lược sai lầm.
5. Không có cuộc tẩy chay cũ. Cuộc tẩy chay mới, không tích cực, không gắn liền với phong trào dân chủ - xã hội cách mạng (Liếp-nếch và nghị viện Phổ).
Mác-xi-mốp: "trung tâm tổ chức các lực lượng cách mạng"...
6. Phong trào bãi công của quần chúng ở Khu trung tâm

công nghiệp và thái độ đối với phong trào ấy. Biến thành phong trào chính trị etc.

7. Cuộc tẩy chay là có hại như cái dằm trong mắt: biến cao trào nghiệp đoàn thành cao trào chính trị và cách mạng. Chỉ có đến khi đó mới có thể nói đến tẩy chay.

quên 5 bis: Lấy lý do gì để tham gia?? Hãy so sánh nghị quyết Xtốc-khôn với nghị quyết Luân-đôn¹⁶⁰.

2

PHÁC THẢO BẢN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ VẤN ĐỀ THAM GIA BẦU CỬ ĐU-MA NHÀ NƯỚC III¹⁾

*Considérants*²⁾:

1. Những điều kiện thắng lợi của việc tẩy chay và sự đúng đắn của khẩu hiệu đó: a) cao trào cách mạng rộng rãi, chung và nhanh chóng

β) nhiệm vụ đấu tranh về tư tưởng chống những ảo tưởng lập hiến khi chính quyền cũ triệu tập hội nghị đại biểu lần thứ nhất trong cuộc cách mạng.

2. Trách nhiệm gìn giữ những truyền thống cách mạng đòi hỏi đồng thời phải phân tích những điều kiện áp dụng chúng, chứ không lặp lại đơn thuần những khẩu hiệu cách mạng đã có tác dụng trong những điều kiện đặc biệt.

3. Do phe phản động vẫn tiếp tục tấn công, vì thế không có cơ sở để tuyên bố tẩy chay Đu-ma III, cho đến khi phát triển một cao trào mới³⁾.

4. Cuộc bãi công của công nhân dệt và những thời điểm khác của cao trào đòi hỏi không phải khẩu hiệu tẩy chay (= khẩu hiệu kèm theo khởi nghĩa vũ trang), mà là sự phát triển chính trị và cách mạng. Nói cách khác, khẩu hiệu tẩy chay là có hại như cái dằm trong mắt.

1) Xem tập này, tr. 63 - 64.

2) - Những lý do, những cơ sở

3) Trong bản thảo, các điểm hai và ba đã bị xoá đi.

Kết luận:

A) Tiến hành công tác để tham gia bầu cử và tham gia Đu-ma III, đồng thời giữ nguyên các khẩu hiệu của Đảng dân chủ - xã hội cách mạng trong cuộc vận động bầu cử và ngay trong Đu-ma.

B) Giải thích cho quần chúng hiểu rõ mối liên hệ giữa ngày 3. VI. 1907 với XII. 1905 và với những sự phản bội của giai cấp tư sản, đồng thời chỉ rõ rằng đấu tranh kinh tế thôi thì không đủ, phải biến nó thành cuộc tấn công có tính chất chính trị và cách mạng; cuộc tấn công này phải tiến tới khởi nghĩa vũ trang và chỉ có trên cơ sở cuộc tấn công đó thì khẩu hiệu tẩy chay mới có thể có tác dụng thật sự.

3

ĐỀ CƯƠNG TÓM TẮT TOÀN BỘ NGHỊ QUYẾT VỀ VẤN ĐỀ THAM GIA BẦU CỬ ĐU-MA NHÀ NƯỚC

- I 1) Những nhiệm vụ của cách mạng chưa được giải quyết, các lực lượng không bị phá vỡ
- 2) dưới cái vỏ bề ngoài tạm yên, lực lượng đang được tích lũy
- 3) tư tưởng tẩy chay là tâm trạng cách mạng và sự đánh giá đúng đắn tính chất phản cách mạng của Đu-ma III
- Sự phát triển của cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị của giai cấp vô sản và những cuộc đấu tranh của quần chúng.
- II (1) Tẩy chay chỉ đúng khi có cao trào chung hoặc khi có cuộc đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến (như đã diễn ra trong thời các Đu-ma I và II)
- (2) không có những thay đổi căn bản từ hồi Đu-ma II...
- (3) bài học của thời kỳ II của cách mạng Nga
- (a) phải tham gia
- (b) phải tiến hành đấu tranh chống cả bọn phản động lẫn phái tự do.

4

CÁC ĐIỂM MỘT VÀ HAI CỦA LÝ DO
ĐƯA RA TRONG PHẦN HAI CỦA
NGHỊ QUYẾT VỀ VẤN ĐỀ THAM GIA
BẦU CỬ ĐU-MA NHÀ NƯỚC III

Nhưng mặt khác, nhận thấy rằng (a) sách lược tẩy chay chỉ đúng đắn khi có một cao trào cách mạng rộng rãi, chung và nhanh chóng, kèm theo cuộc tấn công trực tiếp vào chính quyền cũ hoặc nhằm đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến đang lan rộng (như đã xảy ra khi tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin và Đu-ma Vít-te);

(b) – cũng nhận thấy rằng đã không có những thay đổi căn bản trong những điều kiện mà Đảng dân chủ - xã hội cách mạng tham gia Đu-ma II, vì luật bầu cử mới chỉ hứa hẹn thay đổi cái Đu-ma nói theo phái dân chủ - lập hiến và hành động theo phái thánng Mười, bằng một Đu-ma công khai theo phái thánng Mười.

5

ĐỀ CƯƠNG - TÓM TẮT
LỜI PHÁT BIỂU VỀ VẤN ĐỀ
ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN

- 1) «Mâu thuẫn sâu sắc», «mâu thuẫn không thể điều hoà được» giữa nghị quyết Xtóc-khôn và nghị quyết Luân-đôn¹⁶¹.
- 2) Qua những bài diễn văn hay có thể kiếm được «sự thừa nhận», «một cách máy móc»...
- 3) Sự giúp đỡ (nghị quyết Luân đôn). Văn bản nghị quyết Luân - đôn.

[« cân nhắc »]

- 4) Nghị quyết máy móc của Vích-tô-rốp¹⁶²
[làm mất tác hại] hay là bí mật vứt bỏ?
- 5) «Sự trung lập » và sự thánm nhuán tinh thần dân chủ - xã hội ở Nga .
- 6) «Làm gì», không thể *cấm đoán* những người không phải dân chủ- xã hội.
- 7) Những người xã hội chủ nghĩa-cách mạng *làm phiến* bằng cách phô trương tính không đảng phái.
- 8) Theo đuổi tính đại chúng...
- 9) Những nhiệm vụ của đảng và của Ban chấp hành trung ương tại đại hội công đoàn: công tác tuyên truyền *tư tưởng* theo tinh thần của nghị quyết Luân - đôn.

Viết tháng Bảy 1907
In lần đầu năm 1933 trong
Văn tập Lê-nin, t. XXV

Theo đúng bản thảo

DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM
CỦA V. I. LÊ-NIN CHƯA TÌM THẤY

—
CHÚ THÍCH

—
CÁC BẢN CHỈ DẪN

—
THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA
V. I. LÊ-NIN

DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM CỦA V. I. LÊ-NIN
 CHO ĐẾN NAY CHƯA TÌM THẤY
 (Tháng Sáu 1907 - tháng Ba 1908)

1907

BÁO CÁO TẠI HỘI NGHỊ TOÀN THÀNH PÊ-TÉC-BUA 8 (21)
 THÁNG BẢY VỀ VẤN ĐỀ THÁI ĐỘ CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN
 DÂN CHỦ - XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐU-MA III

Hội nghị toàn thành Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã tiến hành ở Tê-ri-ô-ki (Phần-lan) ngày 8 và 14 (21 và 27) tháng Bảy 1907. Đề cương báo cáo do V. I. Lê-nin đọc được in thành tờ riêng sau khi hội nghị họp xong (xem tập này, tr. 58-60). Biên bản của hội nghị cùng bản báo cáo của V. I. Lê-nin, chưa tìm thấy.

BÁO CÁO VỀ VẤN ĐỀ THAM GIA BẦU CỬ VÀO ĐU-MA NHÀ
 NƯỚC III VÀ BÀI PHÁT BIỂU VỀ ĐẠI HỘI TOÀN NGA CÁC
 CÔNG ĐOÀN TẠI HỘI NGHỊ III ĐẢNG CÔNG NHÂN
 DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA
 ("HỘI NGHỊ II TOÀN NGA")

Hội nghị III Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị II toàn Nga") tiến hành vào các ngày 21 - 23 tháng Bảy (3 - 5 tháng Tám) 1907 tại thành phố Cốt-ca (Phần-lan). Những tin tức nói rằng V. I. Lê-nin đã đọc báo cáo tại hội nghị về vấn đề tham gia bầu cử Đu-ma nhà nước III và phát biểu nói về Đại hội toàn Nga các công đoàn, đều có trong các hồ sơ của Cục cảnh sát, - hiện còn lưu trong Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác- Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, - và những tin tức ấy đã được xác nhận bởi các dự thảo nghị quyết do V. I. Lê-nin đưa ra trước hội nghị, cũng như các văn kiện in trong mục "Các tài liệu chuẩn bị" (xem tập này, tr. 601 - 602, 607). Biên bản hội nghị chưa tìm thấy.

PHÁT BIỂU TẠI PHIÊN HỌP CỦA CỤC QUỐC TẾ XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA NGÀY 5 (18) THÁNG TÁM 1907 VỀ VẤN ĐỀ PHÂN
PHỐI PHIẾU BẦU GIỮA NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI,
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA- CÁCH MẠNG VÀ ĐẠI DIỆN CÁC CÔNG
ĐOÀN TRONG ĐOÀN ĐẠI BIỂU CỦA NGA

Lê-nin nhắc tới lời phát biểu này trong bài "Những "người xã hội
chủ nghĩa - cách mạng" viết lịch sử như thế nào" (tập này, tr. 157 - 160).

NHỮNG ĐIỂM SỬA ĐỔI VÀO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA
A. BÊ-BEN "CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT VÀ NHỮNG CUỘC
XUNG ĐỘT QUỐC TẾ"

Văn bản đầu tiên các điểm sửa đổi bản dự thảo nghị quyết của A. Bê-
ben "Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế", viết ngày 6
hay 7 (19 hay 20) tháng Tám 1907 và được đưa ra phiên họp của tiểu ban
soạn thảo nghị quyết được Lê-nin nhắc đến trong các chú dẫn cho văn
bản nghị quyết đó, những chú dẫn này in trong tập "Tiếng nói đời sống"
(tập này, tr. 92 - 93) và trong chú thích viết cho bài trong văn tập "Ngược
dòng" (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 30, tr. 238).

THƯ GỬI C. HUY-XMAN, THƯ KÝ CỤC QUỐC TẾ XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA

Đoạn ghi chép ngắn về bức thư này được viết ngày 22 tháng Chín
(5 tháng Mười) 1907, có trong cuốn sổ ghi công văn đi và đến của Cục
quốc tế xã hội chủ nghĩa; những bản sao chụp một số trang của cuốn
sổ đó hiện đang được lưu trong Cục lưu trữ trung ương của đảng
thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp
hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô.

Trong thư V. I. Lê-nin cho biết phiên toà sắp tới sẽ xử đảng đoàn
dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước II.

THƯ GỬI G. A. A-LÉCH-XIN-XKI VỀ VIỆC ĐÃ GỬI CẢ TẬP
BÁO "TIA LỬA" VÀ MỘT VÀI SỐ BÁO "TIẾN LÊN" VÀ
"NGƯỜI VÔ SẢN" XUẤT BẢN NĂM 1905

Lê-nin cần các báo này để chuẩn bị cho việc xuất bản tập III,
Văn tập "Trong 12 năm". N. C. Crúp-xcai-a có nhắc đến bức thư này
trong thư gửi đi Béc-land, qua I. P. La-đư-giơ-ni-cốp, cho A. I. Ê-li-

da-rô-va ngày 5 (18) tháng Mười 1907: "Nếu như chị chưa gửi báo "Tia
lửa" từ Xtóc-khôn thì cố gắng kiếm ở Béc-land và gửi ngay nhé. Nếu
làm như vậy thì báo cho Pi-ốt¹⁾ biết là tất cả những cái đó đã gửi cho
chúng em rồi... không thì Scu-rơ-ca²⁾ lại đề nghị anh ấy gửi cho tài liệu
này"; trong bức thư gửi G. A. A-léch-xin-xki ngày 9 (22) tháng Mười
1907, N. C. Crúp-xcai-a cũng viết: "Anh đã nhận được mấy bức thư của
anh Pê-tơ-rốp³⁾ gửi cho tôi để chuyển cho anh chưa?" (Cục lưu trữ
trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin
trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

CÁC BÁO CÁO TẠI HỘI NGHỊ ĐẢNG BỘ XANH PÊ-TÉC-BUA
ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA NGÀY 27 THÁNG
MƯỜI (9 THÁNG MƯỜI MỘT) 1907 "VỀ ĐU-MA NHÀ NƯỚC III"
VÀ "VỀ SỰ THAM GIA CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ -
XÃ HỘI TRÊN BÁO CHÍ TƯ SẢN"

Đoạn ghi phóng sự ngắn các bản báo cáo này in trong bản báo cáo về hội
nghị đảng trên báo "Người vô sản", số 20, ngày 19 tháng Mười một 1907
(xem tập này, tr. 163 - 166, 170 - 171). Biên bản hội nghị chưa tìm thấy.

BÁO CÁO VỀ SÁCH LƯỢC CỦA ĐẢNG ĐOÀN DÂN CHỦ - XÃ
HỘI TRONG ĐU-MA NHÀ NƯỚC III TẠI HỘI NGHỊ IV ĐẢNG
CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA
("HỘI NGHỊ III TOÀN NGA")

Hội nghị IV Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị III
toàn Nga") tiến hành vào ngày 5 - 12 (18 - 25) tháng Mười một 1907 ở
Hen-xinh-pho (Hen-xinh-ki). Đoạn ghi phóng sự ngắn bản báo cáo của
V. I. Lê-nin được in trong bản báo cáo về hội nghị đảng trên báo
"Người vô sản", số 20, ngày 19 tháng Mười một 1907 (xem tập này,
tr. 211 - 213). Biên bản hội nghị chưa tìm thấy.

THƯ GỬI L. B. CA-MÊ-NÉP

Bức thư viết trước ngày 1 (14) tháng Giêng 1908 có yêu cầu gửi
những tài liệu (xuất bản phẩm chính thức các bản tường thuật ghi tấu

¹⁾ G. A. A-léch-xin-xki

^{2),3)} V. I. Lê-nin

ký, lời tuyên bố, các lời chất vấn và dự luật được đưa ra Đu-ma) cần thiết cho Lê-nin để viết bài "Vấn đề ruộng đất ở Nga cuối thế kỷ XIX", được dự định dùng cho Từ điển bách khoa của Nhà xuất bản Gra-nát. Lê-nin nhắc đến vấn đề này trong bức thư gửi M. I. U-li-a-nô-va ngày 1 (14) tháng Giêng 1908 (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 55, tr. 298 - 299).

1908

THƯ GỬI M. I. U-LI-A-NÔ-VA

Bức thư viết vào ngày 7 hoặc 8 (20 hoặc 21) tháng Giêng 1908. Lê-nin nhắc đến bức thư này trong thư gửi M. A. U-li-a-nô-va ngày 9 (22) tháng Giêng: "Hôm qua hoặc hôm kia con đã viết thư cho Ma-ni-a-sa, lại nhờ lo liệu việc sách vở" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 55, tr. 300).

THƯ GỬI HA-RI QUEN-SÔ

Bức thư viết vào khoảng giữa ngày 7 và 29 tháng Giêng (20 tháng Giêng và 11 tháng Hai). Lê-nin nhắc đến bức thư này trong thư gửi Ph. A. Rốt-stanh ngày 16 (29) tháng Giêng: "Tôi đã viết thư cho Quen-sô, vì không biết địa chỉ của anh, và đề nghị anh ấy tìm giúp cho một số tài liệu" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 47, tr. 128).

HAI BỨC THƯ GỬI THƯ KÝ CỤC QUỐC TẾ XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA C. HUY-XMAN

Một đoạn ghi chép ngắn nói về các bức thư này được viết ngày 16 (29) tháng Giêng 1908, ở trong cuốn sổ ghi các công văn đi và đến của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, bản chụp lại một số trang của cuốn đó hiệu lưu trong Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô.

Trong bức thư đầu tiên, Lê-nin đã hỏi C. Huy-xman là Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa đã nhận được bản báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trình bày tại Đại hội VII (Đại hội Stút-ga) chưa; bản báo cáo này cần phải đưa vào tập III các báo cáo do các tổ chức tham gia Quốc tế II trình bày.

Trong bức thư thứ hai, nhân việc hỏi đến tổ chức ở Rê-ven của những người dân chủ - xã hội E-xtô-ni-a, cũng như đến các thành viên

của tổ chức là M. I-u-rít-xôn và I-u. G. Xép-pin, Lê-nin cho biết rằng Người có ý định viết thư về Nga về vấn đề này.

NHỮNG BỨC THƯ GỬI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA VÀ BAN CHẤP
HÀNH RÊ-VEN THUỘC ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ -
XÃ HỘI NGA

Những bức thư này được viết vào tháng Giêng, sau ngày 16 (29) 1908. Lê-nin nhắc đến những bức thư này trong thư gửi một người dân chủ - xã hội Tây Âu không rõ tên; thông qua thư ký Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa C. Huy-xman, người này hỏi về những người dân chủ - xã hội E-xtô-ni-a là M. I-u-rít-xôn và I-u. G. Xép-pin. Lê-nin viết: "Tôi sẽ viết thư về nước Nga và hỏi Ban chấp hành trung ương đảng chúng tôi... (và có thể cả Ban chấp hành Rê-ven nữa)" (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

THƯ GỬI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA

Bức thư viết vào tháng Giêng, sau ngày 16 (29) 1908 về việc trả tiền nợ cho một người Anh tên là Đ. Phên-dơ trong thời gian họp Đại hội V (ở Luân-đôn) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Lê-nin đã nói đến bức thư đó trong thư gửi Ph. A. Rốt-stanh ngày 16 (29) tháng Giêng: "Cách đây chừng 2^{1/2}-3 tháng, ở Phần-lan tôi đã nhận được bức thư của anh nhắc đến món nợ và tôi đã chuyển bức thư đó cho Ban chấp hành trung ương rồi... Tôi sẽ ngay tức khắc viết thư một lần nữa gửi về Nga nói rằng cần phải thanh toán món nợ đó" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 47, tr. 127).

THƯ GỬI THƯ KÝ CỤC QUỐC TẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
C. HUY-XMAN

Đoạn ghi chép ngắn nói về bức thư này ở trong cuốn sổ ghi các công văn đi và đến của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa; bản sao chụp một số trang trong cuốn đó hiện đang lưu trong Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô. Trong thư viết ngày 20 tháng Giêng (2 tháng Hai) 1908, Lê-nin có hỏi C. Huy-xman về tổng số tiền mà chi bộ dân chủ - xã hội thuộc phân bộ Nga

của Quốc tế II phải nộp cho Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa trong năm 1908.

THƯ NÓI VỀ VIỆC TÁI BẢN CUỐN SÁCH CỦA X. VÀ B. VE-
BƠ "LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CHỦ NGHĨA CÔNG LIÊN
ANH"

Về bức thư này, trong đó Lê-nin cho biết các điều kiện xuất bản lần đầu cuốn sách của Ve-bơ, cũng như các điều kiện để trên cơ sở đó có thể tái bản được, Lê-nin nhắc đến trong một bức thư gửi M. I. U-li-a-nô-va ngày 25 tháng Giêng (7 tháng Hai) 1908: "Về tác phẩm của Ve-bơ, anh đã trả lời nhà văn trẻ và gửi cho anh ấy giấy uỷ nhiệm" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 55, tr. 301).

THƯ GỬI A. V. LU-NA-TSÁC-XKI

Bức thư viết vào ngày 30 tháng Giêng (12 tháng Hai) 1908. Lê-nin nhắc đến bức thư này trong thư gửi A. V. Lu-na-tsác-xki ngày 31 tháng Giêng (13 tháng Hai): "Hôm qua tôi đã gửi cho đồng chí một bức thư ngắn nói về Brin-gman" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 47, tr. 135 - 136).

THƯ TỪ GỬI NGƯỜI NHÀ

Bức thư gửi M. A. U-li-a-nô-va viết vào tháng Hai, sau ngày 4 (17), 1908. Lê-nin nhắc đến bức thư này trong thư gửi M. I. U-li-a-nô-va ngày 4 (17) tháng Hai: "Về việc tiền nong, anh sẽ viết thư cho mẹ" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 55, tr. 306).

Bức thư gửi người nhà viết vào tháng Hai, trước ngày 12 (25), 1908 có yêu cầu gửi bản thảo tác phẩm chống lại phái Ma-khơ mà V. I. Lê-nin dự định xuất bản dưới nhan đề: "Bút ký của người mác-xít bình thường về triết học". Lê-nin có nhắc đến vấn đề này trong thư gửi A. M. Goóc-ki ngày 12 (25) tháng Hai 1908: "Vừa qua tôi có gửi về Pê-téc-bua bức thư đề nghị tìm hộ và gửi cho tôi những quyển vở ấy (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 47, tr. 141 - 142).

THƯ GỬI C. HUY-XMAN

Đoạn ghi chép ngắn nói đến bức thư này, là bức thư được viết vào ngày 17 tháng Hai (1 tháng Ba) 1908, ở trong cuốn sổ ghi các

công văn đi và đến của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa; bản chụp lại một số trang trong cuốn đó hiện đang được lưu trong Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô.

Bức thư này được viết vì cần phải rõ ngày tháng triệu tập các phiên họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Lê-nin nhắc đến bức thư này trong thư gửi A. M. Goóc-ki vào nửa đầu tháng Ba: "Tôi đã hỏi thư ký là khi nào thì tôi đi (vì có nói là tôi phải đi I-ta-li-a). *Nhưng vẫn không thấy trả lời.* Mà chuyến đi Bruy-xen thì không được bỏ" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 47, tr. 147).

DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM VÀ VĂN KIẾN MÀ
V. I. LÊ-NIN ĐÃ THAM GIA HIỆU ĐỈNH

BÁO "TIẾN LÊN"

- Số 12 – 13 – 29 tháng Tám 1907
Số 14 – 10 tháng Chín 1907
Số 15 – 24 tháng Chín 1907
Số 16 – 8 tháng Mười 1907
Số 17 – tháng Mười 1907
Số 18 – tháng Mười một 1907

BÁO "NGƯỜI VÔ SẢN"

- Số 17 – 20 tháng Mười 1907
Số 18 – 29 tháng Mười 1907
Số 19 – 5 tháng Mười một 1907
Số 20 – 19 tháng Mười một 1907
Số 21 – 26 (13) tháng Hai 1908
Số 22 – (3 tháng Ba) 19 tháng Hai 1908
Số 23 – (11 tháng Ba) 27 tháng Hai 1908
Số 24 – (18) tháng Ba 1908
Số 25 – 25 (12) tháng Ba 1908

CÁC VĂN TẬP

- "TIẾNG NÓI ĐỜI SỐNG". Tập 1. Xanh Pê-téc-bua, 1907.
"TIA CHỚP". Phần I, Xanh Pê-téc-bua, 1907.
"THỜI SỰ HÀNG NGÀY". Xanh Pê-téc-bua. Nhà xuất bản sách
"Đất mới", 1907.
"LỊCH PHỔ THÔNG NĂM 1908". Xanh Pê-téc-bua, Nhà xuất bản
"Hạt giống".
"ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY". Xanh Pê-téc-bua, 1908.

Việc xuất bản các văn tập bôn-sê-vích đã được Trung tâm bôn-sê-vích quyết định tiến hành vì sau Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, việc xuất bản tờ báo bôn-sê-vích "Người vô sản", phải tạm ngừng lại, còn việc xuất bản tờ báo "Người dân chủ - xã hội", Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng, thì bị bọn men-sê-vích và những đại diện cho các tổ chức dân tộc ủng hộ chúng trong Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ- xã hội Nga, làm trở ngại. Những người bôn-sê-vích chỉ có mỗi tờ báo "Tiến lên", tờ báo của quần chúng công nhân xuất bản ở Vư-boóc-gơ. Việc xuất bản các văn tập đã phân nào thay thế cơ quan ngôn luận chủ đạo ra định kỳ.

Sau những cố gắng không thành công nhằm tổ chức xuất bản tờ báo "Người dân chủ - xã hội", những người bôn-sê-vích đã khôi phục lại tờ "Người vô sản" (số 17, ra ngày 20 tháng Mười 1907 sau gần nửa năm gián đoạn); việc xuất bản các văn tập vẫn được tiếp tục. Ngày 25 tháng Giêng (7 tháng Hai) 1908, Lê-nin đã viết cho A. M. Goóc-ki: "Bây giờ nói đến chuyện phát huy ảnh hưởng như thế nào, cụ thể là nên "làm loại sách báo" gì? Những văn tập *hay* báo "Người vô sản"? Dĩ nhiên, dễ dàng hơn cả là trả lời: không phải *hay* mà *và* - câu trả lời như vậy không thể chê trách được nhưng ít thiết thực. Tất nhiên những văn tập hợp pháp là cần; các đồng chí chúng ta ở Pê-téc-bua đang đổ công sức ra làm những văn tập đó và tôi, sau khi rời Luân-đôn, lúc đó ở Cva-can, cũng khó nhọc vì công việc đó. Nếu có thể được thì phải đem *hết sức* ra để giúp đỡ họ và tiếp tục ra những văn tập đó" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 34, tr. 514).

Ngoài bằng chứng ấy của Lê-nin nói về hoạt động của Người để xuất bản các văn tập, còn giữ lại được những bức thư của N. C. Crúp-xcai-a xác nhận rằng đến cuối tháng Mười 1907, khả năng xuất bản duy nhất mà Trung tâm bôn-sê-vích có thể tiến hành là ra các văn tập. Trong các bức thư gửi những người dân chủ - xã hội ở U-pha, Ba-cu và Khác-cốp, N. C. Crúp-xcai-a đã viết về những khó khăn trong việc tổ chức xuất bản Cơ quan ngôn luận trung ương, cũng như về việc do không thể nào tổ chức được một nhà xuất bản bôn-sê-vích, Trung tâm bôn-sê-vích đã quyết định giới hạn ở việc xuất bản các văn tập, vì "không xuất bản cái gì là không được". N. C. Crúp-xcai-a cũng cho biết rằng các văn tập "Thời sự hàng ngày", "Tiếng nói đời sống" "ra không được đạt lắm", và viết về các kế hoạch biên tập liên quan đến việc xuất bản các văn tập ấy: "Các biện pháp đã được áp dụng để từ nay về sau tài liệu được chọn lựa và nghiên cứu cẩn thận hơn" (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu

chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

Lúc bấy giờ cũng đặt ra vấn đề phổ biến một cách đúng đắn các văn tập ở nước ngoài. Trong thư gửi nhóm Béc-lanh thuộc Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ngày 5 (18) tháng Mười 1907, N. C. Crúp-xcai-a viết: "Cũng cần thiết phải tổ chức cả việc bán các văn tập bôn-sê-vích ở nước ngoài, những văn tập mà chúng tôi hy vọng sẽ ra được đều đặn. Cần phải có một người nào đó lãnh trách nhiệm tổ chức công việc này" (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

Trong quá trình chuẩn bị "Lịch phổ thông năm 1908", người xuất bản tờ lịch đó là M. X. Kê-đrốp đã thoả thuận với Lê-nin về kế hoạch in và danh sách cộng tác viên. Lê-nin đã trực tiếp biên tập và viết chú thích cho các văn tập "Tiếng nói đời sống" và "tia chớp". Hầu như trong tất cả các văn tập (trừ văn tập "Tia chớp" và "Thời sự hàng ngày"), Lê-nin đều có gửi các tác phẩm của mình: gửi bài "Kỷ niệm bá tước Gây-đen ("Những người dân chủ" không đáng phải ở nước ta đã dạy nhân dân những gì?)" và "Bút ký của một nhà chính luận" cho văn tập "Tiếng nói đời sống"; gửi chương XII rút trong cuốn "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"" (chương này được in dưới nhan đề ""Đất nước lý tưởng" theo quan điểm của những kẻ chống lại chủ nghĩa Mác trong vấn đề ruộng đất") cho văn tập "Thời sự hàng ngày"; gửi bài "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga cho "Lịch phổ thông năm 1908".

NGHỊ QUYẾT PHẢN ĐỐI NHỮNG VỤ ĐÀN ÁP CỦA CHÍNH PHỦ RU-MA-NI

Trong Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô còn giữ nguyên bản dự thảo nghị quyết do đoàn đại biểu Ru-ma-ni đưa ra phiên họp toàn thể của Đại hội Stút-ga ngày 24 tháng Tám 1907, viết bằng các thứ tiếng Đức, Pháp và Anh. Do dịch không thống nhất, Lê-nin đã sửa lại bản tiếng Đức đoạn nói rằng "do chế độ chèn ép và bóc lột mà họ¹⁾ đã bị đẩy vào con đường khởi nghĩa nguy hại". Trong bản tiếng Anh và tiếng Pháp đã dùng câu "vào

1) — quân chúng

con đường khởi nghĩa không tránh khỏi thất bại". Lê-nin đã gạch dưới chữ "den unheilvollen Weg" ("con đường nguy hại"), đặt ở ngoài lề dấu than và dấu hỏi và viết câu dịch của mình: "auf den Weg einer leider mißlingenen..."¹⁾. Trong các bản tường thuật tốc ký, xuất bản bằng tiếng Đức và tiếng Nga, không thấy có điểm sửa đổi này, trong bản tường thuật tiếng Pháp, thì bỏ những chữ "không tránh khỏi thất bại".

BẢN DỊCH RA TIẾNG NGA CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI VII (ĐẠI HỘI STÚT-GA) CỦA QUỐC TẾ II

Các nghị quyết của Đại hội Stút-ga đã được in trên báo "Người vô sản", số 17, ngày 20 tháng Mười 1907 cùng với bài "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga". Trong văn bản bài này Lê-nin đã viết: "Dưới đây, chúng tôi in toàn văn những nghị quyết ở Stút-ga" (xem tập này, tr. 83). Lê-nin, với tư cách là tổng biên tập báo "Người vô sản" và người tham gia Đại hội Stút-ga, không thể không làm công tác hiệu đính bản dịch các nghị quyết mà về những nghị quyết đó Người viết rằng các nghị quyết ấy "phải trở thành người bạn đường thường xuyên của mọi người tuyên truyền và cổ động" (xem tập này, tr. 91). Vào tháng Bảy 1908, trong bài "Chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến và sách lược chống chủ nghĩa quân phiệt của Đảng dân chủ - xã hội", Lê-nin đã trích một phần nghị quyết về chủ nghĩa quân phiệt và những sự xung đột quốc tế, do Người dịch (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 17, tr. 186 - 196).

BẢN DỊCH RA TIẾNG NGA BÀI BÁO CỦA CLA-RA TXÉT-KIN "ĐẠI HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ Ở STÚT-GA"

Lê-nin đánh giá cao bài báo của Cla-ra Txét-kin "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga", nhiều lần dẫn chứng bài đó trong các bài của mình viết về đại hội dưới nhan đề "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga" và trong lời tựa viết cho cuốn sách mỏng của A. V. Lu-na-tsác-xki (Vôi-nốp) về thái độ của đảng đối với công đoàn (xem tập này, tr. 81, 98 - 99, 230). Bản dịch bài báo này, - bài báo đăng ngày 2 tháng Chín 1907 trên báo "Die Gleichheit", số 18, - hoàn thành rất nhanh và được đưa vào văn tập bôn-sê-vích "Tia chớp", thêm

1) — "vào con đường đáng tiếc là đã bị thất bại..."

vào đó, Lê-nin còn viết thêm năm chú thích dài nhằm giải thích và làm chính xác thêm nội dung bài báo của C. Txét-kin (xem tập này, tr. 110 - 113).

BẢN DỊCH RA TIẾNG NGA
BẢN BÁO CÁO CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI ÁO
TRƯỚC ĐẠI HỘI STÚT-GA

Bản dịch ra tiếng Nga bản báo cáo được V. I. Lê-nin hiệu đính hiện còn lưu trong Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô. Bản dịch được in vào năm 1933 trong Văn tập Lê-nin, t. XXV, tr. 268 - 280.

BẢN DỊCH RA TIẾNG NGA
BẢN BÁO CÁO CỦA ĐẢNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA I-TA-LI-A
TRƯỚC ĐẠI HỘI STÚT-GA

Bản dịch ra tiếng Nga của bản báo cáo được V. I. Lê-nin hiệu đính hiện còn lưu trong Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô. Bản dịch được in vào năm 1933 trong Văn tập Lê-nin, t. XXV, tr. 280 - 294.

DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM CÓ THỂ LÀ CỦA
V. I. LÊ-NIN

"QUAN HỆ GIỮA CÔNG ĐOÀN VÀ CHÍNH ĐẢNG"

Bài "Quan hệ giữa công đoàn và chính đảng" in trên báo "Tiến lên", số 14, ngày 10 tháng Chín 1907 là để phổ biến trong quần chúng công nhân đã được thống nhất lại trong các công đoàn, các nghị quyết của Đại hội Stút-ga và Đại hội Luân-đôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, tức là các nghị quyết đã đề ra nguyên tắc tính đảng của các công đoàn. Đánh giá cao các nghị quyết này, V. I. Lê-nin viết rằng các nghị quyết đó có "một ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với người Nga chúng ta" (tập này, tr. 87 và 101). Bài báo đã bị tạp chí của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng "Ngọn cờ lao động" công kích. Để trả lời những sự công kích đó, V. I. Lê-nin đã viết trên tờ "Người vô sản" bài "Sự trung lập của công đoàn"; trong bài báo này Người viết:

"Trong số mới đây của tờ "Ngọn cờ lao động", cơ quan trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng (số 8, tháng Chạp 1907), ta thấy hai bài nói về phong trào công đoàn. Trước hết, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng chế giễu lời tuyên bố của Đảng dân chủ - xã hội trên báo "Tiến lên" nói rằng nghị quyết của Đại hội Stút-ga đã giải quyết vấn đề thái độ của đảng đối với công đoàn, như nghị quyết của Đại hội Luân-đôn cũng đã từng vạch ra, theo tinh thần bôn-sê-vích" (xem tập này, tr. 547).

Điều đó cho ta cơ sở để giả định rằng bài này do V. I. Lê-nin viết.

ĐIỆN GỬI C. LIẾP-NẾCH

Bức điện thăm hỏi gửi C. Liép-nếch do ban biên tập báo "Tiến lên" gửi - Lê-nin có trong ban biên tập đó - nhân việc tòa án của đế quốc Đức kết án C. Liép-nếch một năm rưỡi tù giam trong pháo đài vì đã cho xuất bản cuốn sách "Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa

chống quân phiệt". Trong bài "Sự phản quốc" in trên báo "Tiến lên", số 17, vào tháng Mười 1907 có nói về bức điện này.

"SỰ PHẢN QUỐC"

Bài "Sự phản quốc" in trong số 17, báo "Tiến lên", vào tháng Mười 1907; về xu hướng chống chủ nghĩa quân phiệt của nó, bài báo rất gần với bài "Công tác tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt và các hội liên hiệp thanh niên công nhân xã hội chủ nghĩa" mà tác giả của bài "Sự phản quốc" đã viện dẫn.

Bài báo nêu rõ vai trò của một trong những đại diện của những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức là Các-ơ Liép-nếch (lúc đó là thư ký Thường vụ các hội liên hiệp thanh niên quốc tế) trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt. Bị tòa án đế quốc truy tố về tội xuất bản cuốn sách "Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa chống quân phiệt", C. Liép-nếch đã lợi dụng tòa án để tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt. Trong bài báo đã vạch trần các thủ đoạn mà bộ máy tư pháp tư sản dùng để truy nã các chiến sĩ chống chủ nghĩa quân phiệt và chống các cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa.

Một trích dẫn tiêu biểu của Lê-nin lấy ở một bài báo đã in trước kia nói về công tác tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt và các hội liên hiệp thanh niên công nhân, lại thấy trong bài "Sự phản quốc", cách nói và phương pháp đặc trưng cho văn phong của Lê-nin, nhiều câu trùng hợp với bài báo ngắn đăng trên báo "Người vô sản", số 18, ngày 29 tháng Mười 1907 nói về phiên tòa xử C. Liép-nếch - tất cả những cái đó cho ta cơ sở để giả định rằng bài báo này do V. I. Lê-nin viết.

"CLA-RA TXÉT-KIN NÓI VỀ CUỘC ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN ĐỨC ĐÒI QUYỀN BẦU CỬ"

Bài "Cla-ra Txét-kin nói về cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản Đức đòi quyền bầu cử" in trên báo "Người vô sản", số 21, ra ngày 13 (26) tháng Hai 1908 là bản dịch nguyên văn bài diễn văn của Cla-ra Txét-kin đọc trước công nhân Pháp ngày 17 tháng Hai 1908. Nội dung chủ yếu của bài diễn văn được trình bày trong đoạn nhập đề: "Txét-kin phê phán kịch liệt tính nhu nhược của phái tự do Đức và phái dân chủ tư sản trong cuộc đấu tranh đòi quyền phổ thông đầu phiếu ở Phổ".

Trong đoạn kết thúc có đưa ra kết luận: "Dựa vào kinh nghiệm của cách mạng Nga, - một cuộc cách mạng mà hiện nay phái tự do

hèn hạ và những người dân chủ trong giới chính luận hợp pháp ở nước ta đã phủ nhận một cách nhục nhã, - những người dân chủ - xã hội cách mạng đã dạy công nhân Đức như thế đấy!". Lập luận cho rằng bài báo này có thể do Lê-nin viết, được chứng thực ở chỗ sự quan tâm của Người đến hoạt động của những người dân chủ - xã hội cánh tả Đức, sự gắn gũi với họ để cùng tiến hành đấu tranh chống bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn xét lại, sự gắn gũi đó đã được củng cố thêm vào năm 1907 tại Đại hội Stút-ga của Quốc tế II. Trên báo "Người vô sản", có những bài thường xuyên vạch ra tất cả các bước tiến của phái tả, uốn nắn những sai lầm mà họ đã phạm phải, đôi khi là do không nắm được rõ tình hình ở Nga, v. v.. Lê-nin quen biết Cla-ra Txét-kin trong thời gian họp Đại hội Stút-ga; Lê-nin đã đánh giá cao bản báo cáo của bà tại đại hội, cũng như bài báo nói về đại hội đăng trên tờ "Die Gleichheit". Bản dịch bài báo này Lê-nin đã đưa vào văn tập bôn-sê-vích "Tia chớp" và bổ sung thêm những chú giải. Lê-nin nhiều lần hài lòng nhấn mạnh đến sự thống nhất về quan điểm của những người cánh tả Đức với những người bôn-sê-vích. Trong bài này có nhấn mạnh đến sự giống nhau về thái độ đối với phái tự do phản cách mạng. Bài báo kết thúc bằng kết luận tiêu biểu của Lê-nin: sau khi chỉ ra rằng để trả lời bản báo cáo của Txét-kin, E. Béc-stanh, trong cơ quan ngôn luận của chủ nghĩa cơ hội quốc tế, tạp chí "Sozialistische Monatshefte", "lại hát... bài hát của mình về chủ đề phải lịch thiệp với phái tự do", tác giả viết: "May thay cho phong trào công nhân toàn thế giới, không phải phái Béc-stanh, mà là những người theo khuynh hướng của Txét-kin đang dẫn dắt quần chúng vô sản Đức đi theo mình". Tất cả những lý do đó cho phép giả định rằng bài báo này do Lê-nin viết.

CHÚ THÍCH

¹ Bài "*Phản đối việc tẩy chay*" in vào cuối tháng Bảy 1907 trong cuốn sách mỏng "*Về việc tẩy chay Đu-ma III*" do nhà in bất hợp pháp của những người dân chủ - xã hội xuất bản ở Pê-téc-bua. Ngoài bìa cuốn sách ghi nơi xuất bản giả mạo: "Mát-xcơ-va, 1907. Nhà in Gô-ri-dôn-tốp, phố Tvéc-xcai-a, 40". Cuốn sách bị tịch thu vào tháng Chín 1907. — 1.

² Đây là nói về Đại hội đại biểu lần thứ tư Hội liên hiệp các nhà giáo toàn Nga họp từ 19 - 24 tháng Sáu (2 - 7 tháng Bảy) 1907 ở Phần-lan. Tham dự đại hội có 50 đại biểu là những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, 23 đại biểu - những người dân chủ - xã hội và 18 đại biểu không đảng phái, đại diện cho gần 2 nghìn nhà giáo đứng trong các tổ chức nghiệp đoàn ở Nga. Chương trình nghị sự gồm những vấn đề sau đây: thông qua điều lệ của Hội liên hiệp, bàn về bầu cử Đu-ma III, thái độ đối với các nghiệp đoàn khác, thái độ đối với các hội đồng địa phương hiện nay, về việc không thừa nhận địa vị của các nhà giáo bị sa thải, về sự tương trợ lẫn nhau, v. v.. Đại hội đã diễn ra trong bầu không khí đấu tranh căng thẳng về tư tưởng giữa những người dân chủ - xã hội và những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng.

Khi gọi Hội liên hiệp các nhà giáo toàn Nga là tổ chức có tính chất "nghề nghiệp và chính trị", V. I. Lê-nin muốn nói rằng theo § 1 của điều lệ thì Hội liên hiệp đó, ngoài việc đấu tranh đòi cải thiện đời sống vật chất của giáo giới còn phải tiến hành đấu tranh đòi có trường học tự do, nghĩa là nó vừa là công đoàn của các nhà giáo vừa là liên minh chính trị đấu tranh đòi có trường học tự do. — 3.

³ *Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng* là đảng tiểu tư sản ở Nga; xuất hiện vào cuối 1901 - đầu 1902 do kết quả của sự hợp

nhất giữa các nhóm và tiểu tổ dân tuý ("*Liên minh những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng*", "*Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng*", v. v.). Các cơ quan ngôn luận chính thức của đảng đó là báo "*Nước Nga cách mạng*" (1900 - 1905) và các tạp chí "*Truyền tin cách mạng Nga*" (1901 - 1905) và "*Ngọn cờ lao động*" (1907 - 1914). Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng không thấy sự khác biệt về giai cấp giữa giai cấp vô sản với những người có sở hữu nhỏ, họ làm lu mờ sự phân hoá giai cấp và những mâu thuẫn trong nội bộ nông dân, phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng. Những quan điểm của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng là một sự hỗn hợp chiết trung của tư tưởng chủ nghĩa dân tuý và tư tưởng chủ nghĩa xét lại; theo lời của Lê-nin, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng muốn dùng "những mảnh vá" "phê phán" hợp thời trang cơ hội chủ nghĩa đối với chủ nghĩa Mác" để vá "những chỗ rách của chủ nghĩa dân tuý" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 11, tr. 357 - 358). Sách lược khủng bố cá nhân mà những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng tuyên truyền như là biện pháp đấu tranh chủ yếu để chống chế độ chuyên chế, đã gây thiệt hại lớn cho phong trào cách mạng, làm khó khăn cho việc tổ chức quần chúng đấu tranh cách mạng.

Cương lĩnh ruộng đất của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng dự kiến xoá bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất và giao ruộng đất cho các công xã sử dụng, thực hiện "nguyên tắc lao động" và sử dụng ruộng đất "bình quân", và cũng dự kiến phát triển hợp tác xã nữa. Trong cương lĩnh này mà những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng gọi là "xã hội hoá ruộng đất", thực ra chẳng có gì là xã hội chủ nghĩa cả. Khi phân tích cương lĩnh của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, V. I. Lê-nin đã chỉ ra rằng việc duy trì nền sản xuất hàng hóa và kinh tế cá thể trên ruộng đất công không thể xoá bỏ được sự thống trị của tư bản, không làm cho nông dân lao động thoát khỏi cảnh bị bóc lột và phá sản; và cả hợp tác xã trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản cũng không thể là biện pháp để cứu những người tiểu nông, vì nó làm giàu cho giai cấp tư sản nông thôn. Đồng thời Lê-nin cũng nhận xét rằng những yêu sách sử dụng ruộng đất theo nguyên tắc bình quân tuy không có tính chất xã hội chủ nghĩa, nhưng về mặt lịch sử, nó có tính chất dân chủ - cách mạng tiến bộ, vì những yêu sách đó nhằm chống lại chế độ chiếm hữu ruộng đất địa chủ phản động.

Đảng bôn-sê-vích đã vạch trần các mưu toan của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng giả danh những người xã hội chủ nghĩa, đã đấu tranh ngoan cường chống những người xã hội chủ

nghĩa - cách mạng muốn gây ảnh hưởng trong nông dân, vạch rõ tác hại của sách lược khủng bố cá nhân của họ đối với phong trào công nhân. Đồng thời, trong những điều kiện nhất định, những người bôn-sê-vích cũng chấp nhận thoả hiệp tạm thời với những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng để đấu tranh chống chế độ Nga hoàng.

Tình không thuận nhất về mặt giai cấp của nông dân đã gây nên tình trạng không ổn định về chính trị và tư tưởng và sự lung củng về tổ chức trong Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, sự dao động thường xuyên của họ giữa giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa và giai cấp vô sản. Ngay trong những năm cách mạng Nga lần thứ nhất, cánh hữu của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã tách khỏi đảng đó để thành lập "Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân", một đảng hợp pháp có những quan điểm gần giống những quan điểm của Đảng dân chủ - lập hiến, còn cánh tả thì thành lập một tổ chức có tính chất nửa vô chính phủ, tức là Hội liên hiệp những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng "phái tối đa". Trong thời kỳ phản động của Xtô-lư-pin, Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng bị phá sản hoàn toàn về tư tưởng và tổ chức. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, đa số những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã đứng trên lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-van.

Sau khi Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 thắng lợi, Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng cùng với phái men-sê-vích và bọn dân chủ - lập hiến đã trở thành chỗ dựa chủ yếu của Chính phủ lâm thời tư sản - địa chủ phản cách mạng, còn các lãnh tụ của đảng (Kê-ren-xki, Áp-kxen-chi-ép, Tséc-nốp) thì tham gia chính phủ đó. Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng không chịu ủng hộ yêu sách của nông dân đòi thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, chủ trương duy trì quyền sở hữu ruộng đất của địa chủ; các bộ trưởng thuộc Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng trong Chính phủ lâm thời đã phái những đội quân đi trừng phạt những nông dân chiếm lại ruộng đất của địa chủ.

Cuối tháng Mười một 1917, cánh tả của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã thành lập một đảng độc lập của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả. Vì muốn duy trì ảnh hưởng của mình trong quần chúng nông dân, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả đã thừa nhận Chính quyền xô-viết trên hình thức và thoả hiệp với những người bôn-sê-vích, nhưng chẳng bao lâu, họ lại đấu tranh chống Chính quyền xô-viết.

Trong những năm có sự can thiệp vũ trang của nước ngoài và nội chiến, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã tiến hành

hoạt động phá hoại phản cách mạng, tích cực ủng hộ bọn can thiệp và bọn bạch vệ, tham gia các vụ âm mưu phản cách mạng, tổ chức những hành động khủng bố chống những nhà hoạt động của Nhà nước xô-viết và của Đảng cộng sản. Sau khi nội chiến kết thúc, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng vẫn tiếp tục những hoạt động thù địch chống Nhà nước xô-viết ở trong nước và tham gia phe bạch vệ lưu vong. — 3.

⁴ *Cuộc chính biến ngày 3 (16) tháng Sáu 1907* là cuộc chính biến phản cách mạng biểu hiện ở việc chính phủ giải tán Đu-ma nhà nước II và sửa đổi luật bầu cử Đu-ma. Ngày 1 tháng Sáu 1907, Xtô-lư-pin, dựa vào việc số mật thám buộc tội vô cơ đảng đoàn dân chủ - xã hội là có liên quan đến một tổ chức quân sự và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, đã đòi không cho đảng đoàn tham gia vào các cuộc họp của Đu-ma; 16 thành viên của đảng đoàn dân chủ - xã hội đã bị dọa bắt. Đu-ma đã thành lập một uỷ ban thẩm tra việc buộc tội này. Không cần chờ kết quả công tác của uỷ ban đó, đêm ngày 2 rạng ngày 3 (16) tháng Sáu, chính phủ đã cho bắt đảng đoàn dân chủ - xã hội. Ngày 3 tháng Sáu, Nga hoàng ra đạo dụ về việc giải tán Đu-ma II và sửa đổi luật bầu cử nhằm tăng thêm nhiều số đại biểu của địa chủ và giai cấp tư sản công thương nghiệp trong Đu-ma, đồng thời giảm bớt đi nhiều lần số đại biểu của nông dân và công nhân vốn đã ít ỏi. Đây là sự vi phạm thô bạo Đạo dụ ngày 17 tháng Mười 1905 và Luật cơ bản 1906, mà theo đó chính phủ không thể ban hành các luật lệ nếu không được sự đồng ý của Đu-ma nhà nước.

Theo điều lệ mới thì một đại biểu cử tri được bầu cử trong đoàn tuyển cử của điền chủ đại diện cho 230 người, trong đoàn tuyển cử thành phố loại một — đại diện cho 1 nghìn người, trong đoàn tuyển cử thành phố loại hai — đại diện cho 15 nghìn người, trong đoàn tuyển cử nông dân — đại diện cho 60 nghìn người, trong đoàn tuyển cử công nhân — đại diện cho 125 nghìn người. Bọn địa chủ và tư sản có thể bầu 65% tổng số đại biểu cử tri, nông dân — 22% (trước kia 42%), công nhân — 2% (trước kia 4%). Luật này tước bỏ quyền bầu cử của dân cư bản địa ở phần nước Nga thuộc châu Á, các dân tộc Tục ở các tỉnh A-xtơ-ra-khan và Xta-vrô-pôn, giảm đi hai lần số đại biểu của dân cư Ba-lan và Cáp-ca-dơ. Trong khắp nước Nga, đã tước quyền bầu cử của những người không biết tiếng Nga. Đu-ma III được bầu ra trên cơ sở của luật đó và đã họp ngày 1 tháng Mười một 1907, thành phần của nó gồm bọn Trăm đen và phái tháng Mười.

Cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu, theo lời Lê-nin, là "bước ngoặt trong lịch sử cách mạng của chúng ta" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 17, tr. 3), nó đã mở đầu thời kỳ phản động của Xtô-lư-pin. — 4.

⁵ *Đu-ma Bu-lư-ghin* là "cơ quan đại diện" tư vấn mà chính phủ Nga hoàng hứa triệu tập vào năm 1905. Ngày 6 (19) tháng Tám 1905, đã công bố Đạo dụ của Nga hoàng, đạo luật về thành lập Đu-ma nhà nước và quy chế bầu cử Đu-ma. Đu-ma mang tên Bu-lư-ghin, là theo tên gọi của bộ trưởng Bộ nội vụ A. G. Bu-lư-ghin, người mà Nga hoàng giao cho soạn thảo dự thảo của Đu-ma. Quyền bầu cử vào Đu-ma chỉ dành cho bọn địa chủ, tư bản lớn và một số ít những nông dân - chủ hộ. Trong số 412 ghế đại biểu mà luật quy định, chỉ dành cho nông dân 51 ghế. Đa số dân chúng - công nhân, nông dân nghèo, công nhân nông nghiệp, trí thức dân chủ - đều đã bị mất quyền bầu cử. Phụ nữ, những người phục vụ trong quân đội, học sinh, những người dưới 25 tuổi và hàng loạt các dân tộc bị áp bức của nước Nga Nga hoàng đều không được tham gia bầu cử. Đu-ma nhà nước không có quyền thông qua các đạo luật mà chỉ có thể thảo luận một vài vấn đề với tư cách là cơ quan tư vấn bên cạnh Nga hoàng. Đánh giá Đu-ma Bu-lư-ghin, Lê-nin viết rằng Đu-ma ấy là "trò chế giễu trắng trợn nhất đối với "quyền đại biểu của nhân dân" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 11, tr. 233).

Những người bên-sê-vích kêu gọi công nhân và nông dân tích cực tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin, tập trung toàn bộ chiến dịch cổ động vào các khẩu hiệu: khởi nghĩa vũ trang, quân đội cách mạng, chính phủ cách mạng lâm thời. Những người men-sê-vích cho rằng có thể tham gia vào các cuộc bầu cử Đu-ma và chủ trương hợp tác với giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa.

Những người bên-sê-vích đã lợi dụng chiến dịch tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin để động viên mọi lực lượng cách mạng, tiến hành các cuộc bãi công chính trị có tính chất quần chúng và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Cuộc bầu cử Đu-ma Bu-lư-ghin không tiến hành được, và chính phủ cũng không triệu tập được Đu-ma. Cao trào cách mạng đang lớn mạnh và cuộc Bãi công chính trị toàn Nga tháng Mười 1905 đã quét sạch Đu-ma. Về Đu-ma Bu-lư-ghin, xem các bài của V. I. Lê-nin: "Chợ lập hiến", "Tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin và khởi nghĩa", "'Sự thống nhất của Nga hoàng với nhân dân và sự thống nhất của nhân dân với Nga hoàng'", "Theo đuổi giai cấp tư sản quân chủ hay là đứng đầu giai cấp vô sản cách mạng và

nông dân?", v. v. (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 10, tr. 78 - 83; t. 11, tr. 212 - 222, 229 - 240, 240 - 264). — 5.

⁶ Đây có ý nói đến việc tẩy chay Đu-ma nhà nước I (cái gọi là Đu-ma Vít-te) được triệu tập ngày 27 tháng Tư (10 tháng Năm) 1906 theo quy chế do chủ tịch Hội đồng bộ trưởng X. I-u. Vít-te thảo ra.

Cuộc Bãi công toàn Nga tháng Mười 1905 đã buộc Nga hoàng phải ra Đạo dụ ngày 17 tháng Mười, trong đó tuyên bố về việc sắp triệu tập Đu-ma nhà nước có chức năng lập pháp. Chính phủ Nga hoàng định dùng thủ đoạn triệu tập Đu-ma mới để chia rẽ và làm suy yếu phong trào cách mạng, hướng đất nước phát triển theo con đường quân chủ lập hiến hoà bình. Ngày 11 (24) tháng Chạp 1905, chính phủ ban hành luật bầu cử Đu-ma mới.

Cuộc bầu cử Đu-ma nhà nước I đã tiến hành vào tháng Hai - tháng Ba 1906. Những người bên-sê-vích tuyên bố tẩy chay bầu cử. Việc tẩy chay đã làm giảm uy tín của Đu-ma nhà nước rất nhiều và làm cho nhiều tầng lớp nhân dân giảm bớt lòng tin vào Đu-ma, tuy nhiên đã không phá vỡ được cuộc bầu cử. Lý do cơ bản làm cho việc tẩy chay không thành công là do không có một cao trào cách mạng của quần chúng có thể làm thất bại việc triệu tập Đu-ma. Việc tẩy chay thất bại còn do những chỉ thị có tính chất phá hoại tổ chức của những người men-sê-vích và do trong nông dân có nhiều ảo tưởng lập hiến mạnh. Nhưng khi Đu-ma vẫn được triệu tập, Lê-nin đã đề ra nhiệm vụ sử dụng Đu-ma vào mục đích cổ động và tuyên truyền cách mạng để vạch trần Đu-ma là một sự giả mạo thô bỉ quyền đại diện nhân dân.

Có 478 đại biểu được bầu vào Đu-ma I, trong đó những người dân chủ-lập hiến - 179, phái tự trị - 63 (trong số này có cả những thành viên Cô-lô Ba-lan, của các nhóm dân tộc U-cra-i-na, E-xtô-ni-a, Lát-vi-a, Lit-va và các nhóm dân tộc - tư sản khác), phái thán Mười - 16, nhóm không đảng phái - 105, phái lao động - 97 và những người dân chủ - xã hội - 18. Như vậy là trong Đu-ma hơn một phần ba ghế là thuộc về Đảng dân chủ - lập hiến.

Về một số những vấn đề khác, trong các phiên họp của mình, Đu-ma nhà nước đã thảo luận những vấn đề về quyền bất khả xâm phạm cá nhân, về việc bãi bỏ án tử hình, về quyền tự do tín ngưỡng và hội họp, về quyền bình đẳng của công nhân, v. v.. Song, những dự luật về những vấn đề đó mà chủ yếu là do bọn dân chủ - lập hiến đưa ra, thực chất là "những dự luật khổ sai, chống tự do ngôn luận, chống lại tự do hội họp, chống lại những điều tốt đẹp khác (V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến

bộ, Mát-xơ-va, t. 13, tr. 312). Vấn đề ruộng đất chiếm vị trí trung tâm trong Đu-ma nhà nước. Hai cương lĩnh ruộng đất chủ yếu đã được đệ trình Đu-ma: dự luật của Đảng dân chủ - lập hiến do 42 đại biểu ký tên, và dự luật của phái lao động, nổi tiếng dưới cái tên "dự án của 104 người" (xem chú thích 92). Trái với phái lao động, những người dân chủ - lập hiến muốn duy trì chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, chủ trương chỉ chuyển nhượng nhưng phải trả tiền chuộc "theo giá công bằng" những ruộng đất của địa chủ được canh tác chủ yếu bằng công cụ của nông dân hoặc được phát canh.

Vì tất cả tính yếu ớt và nửa vời của những quyết định của mình, Đu-ma nhà nước I không đáp ứng được những mong mỏi của chính phủ. Ngày 8 (21) tháng Bảy 1906, Đu-ma đã bị giải tán. — 8.

⁷ Xem Ph. Ăng-ghe-nen. "Sách báo của những người lưu vong" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 18, tr. 515 - 516). — 12.

⁸ *Đại hội Xtóc-khôn* – Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã họp ở Xtóc-khôn trong những ngày 10 - 25 tháng Tư (23 tháng Tư - 8 tháng Năm) 1906. Trước khi họp đại hội, vào nửa sau tháng Hai, V. I. Lê-nin đã soạn thảo cương lĩnh có tính chất sách lược của những người bôn-sê-vích – dự thảo những nghị quyết của đại hội về tất cả những vấn đề cơ bản của cách mạng. Những nghị quyết của những người bôn-sê-vích kêu gọi quần chúng lao động hãy chuẩn bị một cuộc tấn công cách mạng mới vào chế độ chuyên chế. Những người men-sê-vích cũng đưa ra, trước khi họp đại hội, cương lĩnh sách lược của mình, trong đó về thực chất, họ từ bỏ đấu tranh cách mạng. Những cuộc bầu cử đại biểu đi dự đại hội đã được tiến hành căn cứ vào các cương lĩnh đó. Cuộc vận động thảo luận hai bản cương lĩnh và bầu đại biểu đi dự đại hội kéo dài gần hai tháng. Đa số các tổ chức đảng ủng hộ cương lĩnh bôn-sê-vích.

Tham dự đại hội có 112 đại biểu chính thức, đại diện cho 57 tổ chức địa phương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, và 22 đại biểu không có quyền biểu quyết. Tại đại hội cũng có đại biểu của các tổ chức dân tộc: Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan và Lit-va, phái Bun và Đảng công nhân dân chủ - xã hội Lát-vi-a, mỗi tổ chức có 3 đại diện, Đảng công nhân dân chủ - xã hội U-cra-i-na và Đảng công nhân Phần-lan, mỗi đảng có 1 đại diện. Ngoài ra, trong đại hội còn có một đại diện của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Bun-ga-ri.

Trong số các đại biểu bôn-sê-vích có V. I. Lê-nin, V. V. Vô-rốp-xki, C. E. Vô-rô-si-lốp, M. I. Ca-li-nin, N. C. Crúp-xcai-a, A. V. Lu-na-tsác-xki, Ph. A. Xéc-ghê-ép (Ăc-tem), I. I. Xơ-voóc-tốp-Xtê-pa-nốp, I. V. Xta-lin, M. V. Phrun-dê, X. G. Sau-mi-an, E. M. I-a-rô-xláp-xki.

Những người men-sê-vích chiếm đa số tại đại hội. Nguyên nhân là vì nhiều tổ đảng bôn-sê-vích, khi lãnh đạo các cuộc đấu tranh vũ trang của quần chúng, đã bị phá tan nên không thể cử đại biểu của mình đi dự đại hội. Trung tâm, U-ran, Xi-bi-ri, miền Bắc – các căn cứ của những người bôn-sê-vích, – thì chỉ có ít đại biểu. Còn những người men-sê-vích thì có nhiều tổ chức ở những vùng phi công nghiệp trong nước, nơi chưa có những cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng, nên có điều kiện cử nhiều đại biểu hơn. Thành phần đại hội như vậy khiến đa số các nghị quyết của nó mang tính chất men-sê-vích.

Đại hội đã thảo luận các vấn đề: 1) Xem xét lại cương lĩnh ruộng đất; 2) Đánh giá tình hình hiện nay và nhiệm vụ giai cấp của giai cấp vô sản; 3) Thái độ đối với Đu-ma nhà nước; 4) Khởi nghĩa vũ trang; 5) Đấu tranh du kích; 6) Hợp nhất với các đảng dân chủ - xã hội của các dân tộc và 7) Điều lệ đảng.

Về mọi vấn đề, tại đại hội đều nổ ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người bôn-sê-vích và những người men-sê-vích. Lê-nin đã đọc báo cáo và phát biểu về vấn đề ruộng đất, về việc đánh giá tình hình hiện tại và những nhiệm vụ giai cấp của giai cấp vô sản, về thái độ đối với Đu-ma nhà nước, về khởi nghĩa vũ trang và về những vấn đề khác; Người tham gia tiểu ban dự thảo điều lệ Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Vấn đề cơ bản mà cuộc đấu tranh trong đại hội đã xoay vào đó, là vấn đề xem xét lại cương lĩnh ruộng đất.

Dự thảo cương lĩnh ruộng đất của những người bôn-sê-vích đã được Lê-nin luận chứng trước khi họp đại hội trong tác phẩm "Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân", và đã được phân phát cho các đại biểu đại hội. Thực chất cương lĩnh ruộng đất của Lênin là đòi tịch thu toàn bộ ruộng đất của địa chủ và quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất, nghĩa là xoá bỏ quyền chiếm hữu tư nhân ruộng đất và chuyển tất cả ruộng đất thành sở hữu của nhà nước. Cương lĩnh ruộng đất của Lê-nin là nhằm lôi kéo nông dân, coi đó là đồng minh của giai cấp vô sản, về phía cách mạng, giành thắng lợi hoàn toàn cho cách mạng dân chủ - tư sản và tạo điều kiện để chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Một số đại biểu bôn-sê-vích trong đại hội đã bênh vực yêu

sách đòi phân chia ruộng đất của địa chủ và chuyển ruộng đất ấy thành sở hữu riêng của nông dân. Lê-nin phê phán các yêu sách của "những người chủ trương phân chia", và nêu lên rằng những yêu sách đó là sai, nhưng không có hại.

Những người men-sê-vích bảo vệ cương lĩnh địa phương công hữu hoá ruộng đất, nghĩa là chuyển ruộng đất của địa chủ sang cho các cơ quan tự quản địa phương (các thị chính) sử dụng, nông dân phải lĩnh canh ruộng đất qua các cơ quan tự quản ấy. Tác hại chính trị của cương lĩnh địa phương công hữu hoá là ở chỗ đáng lẽ phải kêu gọi có những hành động cách mạng thì nó lại gieo rắc những ảo tưởng tai hại về khả năng giải quyết vấn đề ruộng đất bằng con đường hoà bình, trong khi vẫn duy trì chính quyền trung ương phản động. Lê-nin kiên quyết phê phán cương lĩnh men-sê-vích về địa phương công hữu hoá, vạch trần sai lầm và tác hại của nó đối với phong trào cách mạng. Sau một cuộc đấu tranh căng thẳng, với đa số phiếu, đại hội đã phê chuẩn cương lĩnh ruộng đất men-sê-vích đòi địa phương công hữu hoá ruộng đất với nhiều điểm sửa đổi được thông qua do áp lực của những người bên-sê-vích.

Khi thảo luận những vấn đề về đánh giá tình hình hiện nay và về Đu-ma nhà nước, những sự bất đồng với phái men-sê-vích càng bộc lộ rõ rệt hơn nữa. Những người bên-sê-vích lên tiếng ủng hộ việc đảng phải vạch trần giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa và tán thành liên minh với các lực lượng dân chủ trong cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế Nga hoàng và chống các chính đảng ủng hộ chế độ ấy. Còn những người men-sê-vích lại trao quyền lãnh đạo cách mạng vào tay giai cấp tư sản. Những người bên-sê-vích đề ra nhiệm vụ đấu tranh chống những ảo tưởng lập hiến đối với Đu-ma, ảo tưởng mà giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa đã tuyên truyền trong nhân dân, phá phá tan niềm tin vào những lời hứa và luật lệ của chính phủ Nga hoàng. Những người men-sê-vích thì coi Đu-ma như là "trung tâm chính trị toàn quốc", có khả năng giải quyết những vấn đề của cách mạng. Cũng theo tinh thần ấy, G. V. Plê-kha-nốp đã phát biểu tại đại hội, tuyên bố rằng "Đu-ma đang trên một con đường lớn của cách mạng" ("Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Tập biên bản", tiếng Nga, Mát-xcơ-va, 1959, tr. 293). Sau một cuộc đấu tranh kiên trì, đại hội đã phê chuẩn các nghị quyết men-sê-vích về Đu-ma nhà nước (thừa nhận ủng hộ Đu-ma là cần thiết), về khởi nghĩa vũ trang và thông qua nghị quyết có tính chất nửa vời về hoạt động du kích. Nghị quyết về khởi nghĩa vũ trang đã kêu gọi phản đối mọi mưu toan lôi kéo giai cấp vô sản vào cuộc xung đột vũ trang. Nghị quyết này

cũng như những lời phát biểu của những người men-sê-vích tại đại hội về vấn đề khởi nghĩa vũ trang, thấm sâu tinh thần chủ nghĩa cơ hội. Không cần thảo luận, đại hội đã thông qua nghị quyết có tính chất thoả hiệp về công đoàn, thừa nhận cần có sự giúp đỡ của đảng trong việc tổ chức công đoàn, và thông qua cả nghị quyết về thái độ đối với phong trào nông dân. Đại hội giới hạn ở việc phê chuẩn nghị quyết của Đại hội quốc tế Am-xtéc-đam về vấn đề thái độ đối với các đảng tư sản.

Đại hội đã thông qua công thức của Lê-nin về tiết một của điều lệ, và bằng cách đó đã gạt bỏ được công thức cơ hội chủ nghĩa của Mác-tốp. Lần đầu tiên, công thức của những người bên-sê-vích về chế độ tập trung dân chủ đã được đưa vào điều lệ.

Đại hội còn thông qua nghị quyết về việc thống nhất với Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va và Đảng công nhân dân chủ - xã hội Lát-vi-a là những đảng nằm trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, với tư cách là những tổ chức của một lãnh thổ nhất định, đang tiến hành công tác trong giai cấp vô sản của tất cả các dân tộc thuộc lãnh thổ đó. Đại hội cũng thông qua dự thảo về những điều kiện hợp nhất với phái Bún; nhưng trong một nghị quyết riêng, đã kiên quyết phản đối việc tổ chức giai cấp vô sản theo dân tộc. Theo sáng kiến của Đảng công nhân dân chủ - xã hội U-cra-i-na, đại hội đã đặt ra vấn đề hợp nhất với đảng này, song đã không đạt được sự thoả thuận với đảng đó vì tính chất dân tộc chủ nghĩa tiểu tư sản của nó.

Thành phần Ban chấp hành trung ương do đại hội bầu ra có 3 người bên-sê-vích và 7 người men-sê-vích. Ban biên tập Cơ quan ngôn luận trung ương, báo "Người dân chủ - xã hội", chỉ gồm những người men-sê-vích.

Đại hội đi vào lịch sử đảng như đại hội "Thống nhất". Nhưng, tại đại hội chỉ thực hiện được sự thống nhất về hình thức của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Thực tế là những người bên-sê-vích và men-sê-vích có những quan điểm riêng, cương lĩnh riêng về các vấn đề quan trọng nhất của cách mạng, và thực tế vẫn là hai đảng. Sau khi thanh toán về mặt hình thức sự phân liệt, đại hội đã tăng cường trong một thời gian sự thống nhất hành động của các tổ chức đảng, nhưng nó đã không dẫn đến, và không thể nào dẫn đến, sự thống nhất thực sự. Cuộc đấu tranh trước đại hội giữa những người bên-sê-vích và những người men-sê-vích lại càng diễn ra đặc biệt gay gắt tại đại hội. Vì vậy, theo như Lê-nin nói thì "công tác tư tưởng lớn của đại hội" không phải là sự thống nhất, mà là

"sự phân định ranh giới rõ rệt và dứt khoát giữa cánh hữu và cánh tả trong Đảng dân chủ - xã hội". Cuộc đấu tranh tại đại hội đã vạch cho quần chúng đảng viên thấy rõ nội dung và chiều sâu của những bất đồng có tính chất nguyên tắc giữa những người bên-sê-vích và những người men-sê-vích.

Các văn kiện của đại hội đã tạo điều kiện cho các đảng viên và những công nhân giác ngộ phân tích được cuộc đấu tranh tư tưởng, hiểu rõ hơn và sâu hơn đường lối cách mạng của những người bên-sê-vích.

Ngay sau đại hội, Lê-nin đã thay mặt các đại biểu bên-sê-vích viết lời kêu gọi gửi đảng, trong đó Người phê phán có tính nguyên tắc các nghị quyết của phái men-se-vích mà Đại hội IV đã thông qua, bất chấp sự phản đối của những người bên-sê-vích. Lê-nin phân tích công việc của đại hội trong cuốn sách nhỏ "Báo cáo về Đại hội thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (Thư gửi công nhân Pê-téc-bua)" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, t. 13, tr. 1 - 85). — 17.

⁹ *Đu-ma nhà nước II* triệu tập ngày 20 tháng Hai (5 tháng Ba) 1907. Cuộc bầu cử vào Đu-ma là không trực tiếp, không bình đẳng và tiến hành trong hoàn cảnh có những toà án quân sự dã chiến và những cuộc đàn áp. Mặc dầu vậy, Đu-ma II lại tỏ hơn Đu-ma I xét về mặt thành phần của nó. Sở dĩ như vậy là do so với thời kỳ Đu-ma I thì sự phân định ranh giới giữa các đảng đã rõ ràng hơn và gay gắt hơn, ý thức giai cấp của quần chúng tăng lên, cũng như do có sự tham gia của những người bên-sê-vích vào cuộc bầu cử.

Thành phần của Đu-ma chứng tỏ sự tăng cường của các đảng ở hai cực: một bên là những người dân chủ - xã hội và các nhóm dân tụy, một bên là những người cánh hữu, được sự ủng hộ của Đảng dân chủ - lập hiến. Sự phân chia ghế giữa các thành viên trong Đu-ma nhà nước II theo đảng phái chính trị là như sau: cánh hữu, tức là phái quân chủ và phái thánh Mừi - 54, những người dân chủ - lập hiến và phe cánh của họ - 99, những người dân tộc - 76, những người không đảng phái - 50, nhóm Cô-dắc - 17, những người "lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân" - 16, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng - 37, phái lao động - 104, những người dân chủ - xã hội - 65. Song, vì cách mạng đã bắt đầu thoái trào nên Đu-ma II tỏ hơn - về thành phần - thì lại yếu hơn Đu-ma I.

Các đảng cánh hữu trong Đu-ma nhà nước II lên tiếng ủng hộ vô điều kiện chính sách của chính phủ chuyên chế về mọi vấn đề. Những người dân chủ - lập hiến, vào thời kỳ Đu-ma II, đã bộc lộ

hắn toàn bộ tính chất phản cách mạng của chúng và đã giữ lập trường câu kết với chế độ chuyên chế.

Những người men-sê-vích chiếm ưu thế trong đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước II. Sách lược cơ hội chủ nghĩa của những người men-sê-vích - là những người tán thành lập khối với những người dân chủ - lập hiến và ủng hộ những ảo tưởng lập hiến trong nhân dân, - đã ảnh hưởng đến hoạt động của đảng đoàn. Lê-nin phê phán kịch liệt những sai lầm của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma, Người chỉ ra sự không phù hợp giữa quan điểm của đa số trong Đảng dân chủ - xã hội Nga với quan điểm của đại diện của nó trong Đu-ma. Những người bên-sê-vích đã lợi dụng Đu-ma làm diễn đàn để vạch trần chế độ Nga hoàng và vai trò phản bội của giai cấp tư sản phản cách mạng, tuyên bố và tuyên truyền cương lĩnh cách mạng của đảng, để làm cho nông dân thoát khỏi ảnh hưởng của phái tự do và thành lập trong Đu-ma khối cách mạng gồm những đại biểu của giai cấp công nhân và nông dân. Đường lối của những người bên-sê-vích là đường lối hành động mới, mác-xít cách mạng của các đại diện của giai cấp vô sản trong các cơ quan nghị viện. Còn những người men-sê-vích lại tiến hành trong Đu-ma sách lược cơ hội chủ nghĩa ủng hộ bọn dân chủ - lập hiến. "*Toàn bộ lịch sử của Đu-ma I và Đu-ma II*, - sau này Lê-nin viết - đây đây những cuộc đấu tranh giữa phái tự do với nông dân và những người dân chủ - xã hội. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa bên-sê-vích và chủ nghĩa men-sê-vích gắn *chặt* với lịch sử đó, với tư cách là cuộc đấu tranh nhằm giành sự ủng hộ của phái tự do, nhằm lật đổ sự lãnh đạo của phái tự do đối với nông dân" (*Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 19, tr. 362*).

Vấn đề trung tâm được thảo luận tới trong Đu-ma nhà nước II cũng như trong Đu-ma I là vấn đề ruộng đất. Tại các phiên họp của Đu-ma, còn thảo luận các vấn đề khác, trong đó có vấn đề ngân sách, vấn đề cứu trợ những người đói và thất nghiệp, vấn đề ân xá.

Khi thấy rõ là cách mạng không có đủ lực lượng, chính phủ Nga hoàng quyết định giải tán Đu-ma. Việc giải tán Đu-ma nhà nước II ngày 3 tháng Sáu 1907 đã đánh dấu bước đầu của thời kỳ phản động. — 20.

¹⁰ *Những người dân chủ - lập hiến* là những đảng viên của Đảng dân chủ - lập hiến, một đảng của giai cấp tư sản quân chủ - tự do chủ nghĩa ở Nga. Đảng dân chủ - lập hiến được thành lập vào tháng Mười 1905; thành phần của đảng gồm có các đại biểu của giai cấp tư sản, các nhà hoạt động của các hội đồng địa phương xuất thân

từ địa chủ, và những người trí thức tư sản. Những người hoạt động xuất sắc của Đảng dân chủ - lập hiến là P. N. Mi-li-u-cốp, X. A. Mu-rôm-txép, V. A. Mác-cla-cốp, A. I. Sin-ga-rép, P. B. Xtơ-ru-vê, Ph. I. Rô-đi-txép, v. v.. Để lừa bịp quần chúng lao động, những người dân chủ - lập hiến tự đặt cho mình cái tên giả mạo: "Đảng tự do nhân dân", trên thực tế họ không vượt ra ngoài yêu cầu lập chế độ quân chủ lập hiến. Những người dân chủ - lập hiến lấy cuộc đấu tranh chống lại phong trào cách mạng làm mục đích chính của mình, và họ mong muốn chia sẻ quyền lực với Nga hoàng và bọn địa chủ - chủ nô. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, những người dân chủ - lập hiến đã tích cực ủng hộ chính sách đối ngoại ăn cướp của chính phủ Nga hoàng. Trong thời kỳ Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai, họ cố sức cứu vãn chế độ quân chủ. Giữ địa vị lãnh đạo trong Chính phủ lâm thời tư sản, bọn dân chủ - lập hiến thực hiện chính sách phản nhân dân, phản cách mạng, làm hài lòng bọn đế quốc Mỹ, Pháp, Anh. Sau thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, bọn dân chủ - lập hiến là kẻ thù không đội trời chung của Chính quyền xô-viết, đã tham gia vào tất cả các cuộc nổi loạn vũ trang phản cách mạng và tham gia các cuộc hành quân của bọn can thiệp. Sau khi bọn can thiệp và bọn bạch vệ bị đánh tan, bọn dân chủ - lập hiến lưu vong ở nước ngoài, nhưng chúng vẫn không chấm dứt những hoạt động phản cách mạng chống lại Chính quyền xô-viết. — 20.

¹¹ "*Đồng chí*" là tờ báo tư sản ra hàng ngày; phát hành ở Pê-téc-bua từ 15 (28) tháng Ba 1906 đến 30 tháng Chạp 1907 (12 tháng Giêng 1908). Về hình thức, tờ báo không phải là cơ quan của một đảng nào, nhưng thực tế là cơ quan của bọn dân chủ - lập hiến cánh tả. X. N. Prô-cô-pô-vích và E. Đ. Cu-xcô-va là những người tham gia gần gũi nhất với tờ báo. Những người men-sê-vích cũng cộng tác với tờ báo. — 22.

¹² *Tờ truyền đơn của Ban chấp hành trung ương* — "Thư gửi các tổ chức đảng" số 1 được viết nhân cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu. "Giai cấp vô sản và người đại biểu cho lợi ích của nó là Đảng dân chủ - xã hội cách mạng, — trong thư nói, — không thể không trả lời, không thể không phản đối hành động bạo lực của chính phủ. Đảng dân chủ - xã hội không từ bỏ việc tiếp tục và phát triển hơn nữa cuộc cách mạng". Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga không tuyên bố nổi dậy ngay tức khắc mà kêu gọi các tổ chức đảng "ủng hộ và phát triển triệt để các phong

trào quần chúng đang phát sinh cả ở những nơi có mọi cơ sở tin rằng quần chúng rộng rãi sẽ ủng hộ tích cực và kiên quyết; hãy chủ động nắm ngay lấy phong trào, đồng thời thông báo ngay vấn đề này cho Ban chấp hành trung ương". — 27.

¹³ Xem thư của C. Mác gửi L. Cu-ghe-n-man ngày 3 tháng Ba 1869 (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 217). — 30.

¹⁴ Lê-nin nói đến tác phẩm của C. Mác "Lời kêu gọi thứ hai của Hội đồng trung ương Hội liên hiệp lao động quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp - Phổ" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 17, tr. 280 - 281). — 34.

¹⁵ *Những người tháng Mười* là những đảng viên của Đảng tháng Mười (hay "Liên minh ngày 17 tháng Mười"), thành lập ở Nga sau khi Đạo dụ của Nga hoàng được công bố ngày 17 (30) tháng Mười 1905. Đây là một đảng phản cách mạng, đại biểu và bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản lớn và địa chủ kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa, cầm đầu đảng này là nhà công nghiệp nổi tiếng và là một chủ cho thuê nhà ở Mát-xcơ-va A. I. Gu-txơ-cốp và một địa chủ lớn M. V. Rốt-di-an-cô. Đảng tháng Mười ủng hộ hoàn toàn chính sách đối nội và đối ngoại của chính phủ Nga hoàng. — 35.

¹⁶ "*Người vô sản*" (*ở Giơ-ne-vơ*) là tờ báo bôn-sê-vích không hợp pháp ra hàng tuần, Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, được thành lập theo quyết nghị của Đại hội III của đảng. Theo quyết định của phiên họp toàn thể Ban chấp hành trung ương đảng ngày 27 tháng Tư (10 tháng Năm) 1905, V. I. Lê-nin được chỉ định làm tổng biên tập của Cơ quan ngôn luận trung ương. Báo được xuất bản ở Giơ-ne-vơ từ ngày 14 (27) tháng Năm đến 12 (25) tháng Mười một 1905. Báo ra được tất cả 26 số. "Người vô sản" tiếp tục đường lối của tờ "Tia lửa" cũ của Lê-nin và vẫn kế tục được đầy đủ tờ báo bôn-sê-vích "Tiến lên".

Lê-nin viết cho báo khoảng 90 bài báo và bút ký. Những bài báo của Lê-nin quyết định bộ mặt chính trị của tờ báo, nội dung tư tưởng và xu hướng bôn-sê-vích của nó. Lê-nin hoàn thành một công tác to lớn với tư cách người lãnh đạo kiêm tổng biên tập của báo. Tham gia thường xuyên công tác biên tập có V. V. Vô-rốp-xki, A. V. Lu-na-txác-xki, M. X. Ô-n-min-xki, N. C. Crúp-xcai-a, V. M. Vê-li-txơ-ki-na, V. A. Các-pin-xki cũng làm nhiều công việc trong ban biên tập. Báo liên hệ chặt chẽ với phong trào công nhân Nga;

trên các trang báo đăng những bài báo và bài bút ký của những công nhân tham gia trực tiếp phong trào cách mạng. V. Đ. Bôn-tơ-Bru-ê-vích, X. I. Gu-xép và A. I. U-li-a-nô-va - E-li-da-rô-va tổ chức việc thu thập các bài báo từ các địa phương gửi về và gửi các bài báo đó sang Giơ-ne-vơ. N. C. Crúp-xai-a và L. A. Phô-ti-ê-va tiến hành trao đổi thư từ giữa ban biên tập với các tổ chức đảng ở địa phương và độc giả.

"Người vô sản" hưởng ứng kịp thời tất cả các sự kiện lớn trong phong trào công nhân Nga và phong trào công nhân quốc tế, đấu tranh không khoan nhượng chống bọn men-sê-vích và những phần tử xét lại, cơ hội chủ nghĩa khác. Tờ báo đã tiến hành một công tác to lớn nhằm tuyên truyền các nghị quyết của Đại hội III của đảng và giữ vai trò quan trọng trong việc đoàn kết những người bôn-sê-vích về mặt tổ chức và tư tưởng. "Người vô sản" trước sau như một bảo vệ chủ nghĩa Mác cách mạng, nghiên cứu tất cả các vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng đang lan rộng ở Nga. Khi làm sáng tỏ một cách toàn diện những sự kiện năm 1905, "Người vô sản" động viên quảng đại quần chúng lao động đứng lên đấu tranh cho thắng lợi của cách mạng.

"Người vô sản" có ảnh hưởng to lớn đến các tổ chức dân chủ - xã hội ở địa phương. Một số bài của Lê-nin đã được các báo bôn-sê-vích ở địa phương trích từ báo "Người vô sản" để đăng lại, và được phổ biến trong các tờ truyền đơn. Sau khi Lê-nin trở về Nga vào đầu tháng Mười một 1905 thì sau đó ít lâu, báo ngừng xuất bản. Hai số báo cuối cùng (25 và 26) đều do V. V. Vô-rốp-xki biên tập, nhưng Lê-nin cũng viết cho hai số báo đó một số bài được đăng sau khi Người rời Giơ-ne-vơ. — 37.

¹⁷ "*Người vô sản*" (ở Nga) là tờ báo bôn-sê-vích, không hợp pháp. Báo phát hành từ ngày 21 tháng Tám (3 tháng Chín) 1906 đến ngày 28 tháng Mười một (11 tháng Chạp) 1909 dưới sự chỉ đạo biên tập của V. I. Lê-nin; báo ra được tất cả 50 số. M. Ph. Vla-đi-mia-xki, V. V. Vô-rốp-xki, A. V. Lu-na-tsác-xki, I. Ph. Đu-brô-vin-xki đã tham gia tích cực vào công tác biên tập. E. X. Sli-khte, A. G. Sli-khte và những người khác đảm nhiệm công tác kỹ thuật in báo. Hai mươi số đầu đã được chuẩn bị để đưa in và sắp chữ ở Vư-boóc-gơ (việc in dựa vào bản chữ đúc đã được tổ chức ở Pê-téc-bua; để bảo đảm bí mật, trên báo đề là in ở Mát-xcơ-va). Sau đó, vì các điều kiện để xuất bản cơ quan ngôn luận không hợp pháp ở Nga trở nên cực kỳ khó khăn, ban biên tập "Người vô sản", theo quyết định của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua và Mát-xcơ-va

của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đã chuyển việc in tờ báo ra nước ngoài (các số 21 - 40 xuất bản ở Giơ-ne-vơ, các số 41 - 50 - ở Pa-ri.).

"Người vô sản" thực tế là Cơ quan ngôn luận trung ương của những người bôn-sê-vích. Lê-nin phụ trách toàn bộ công tác chủ yếu trong việc biên tập báo "Người vô sản". Trên đa số các số báo đều có một vài bài của Người. Trong báo "Người vô sản" có đăng trên 100 bài và bút ký của Lê-nin về những vấn đề quan trọng nhất của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân. Tờ báo đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề về sách lược và chính trị chung, đăng những bản báo cáo về hoạt động của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, những nghị quyết của các hội nghị và các phiên họp toàn thể Ban chấp hành trung ương, thư của Ban chấp hành trung ương về các vấn đề khác nhau về hoạt động của đảng và một loạt những văn kiện khác. Tờ báo liên lạc chặt chẽ với các tổ chức đảng ở địa phương.

Trong những năm dưới chế độ phản động Xtô-lư-pin báo "Người vô sản" đã đóng vai trò xuất sắc trong việc bảo vệ và củng cố các tổ chức bôn-sê-vích, trong cuộc đấu tranh chống phá thủ tiêu, phá hoại, phá hoại tối hậu thư và phá hoại thần. Tại phiên họp toàn thể của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga vào tháng Giêng 1910, với sự trợ lực của phái điều hoà và nấp dưới danh nghĩa đấu tranh chống tư tưởng bè phái, những người men-sê-vích đã đạt được việc thông qua quyết định đóng cửa báo "Người vô sản". — 37.

¹⁸ Bài "*Kỷ niệm bá tước Gây-đen*" in trong văn tập bôn-sê-vích "Tiếng nói đời sống" (Xanh Pê-téc-bua, 1907) với chú dẫn của ban biên tập như sau: "Bài báo được viết từ tháng Sáu, ngay sau khi xuất hiện một bài tán tụng đăng trên tờ "Đồng chí", nhưng bài báo đó không được in do những hoàn cảnh "không phụ thuộc" vào tác giả. Đưa bài báo vào trong văn tập này, ban biên tập cho rằng tuy lý do để viết bài báo đã không còn có ý nghĩa đối với lúc này, song nội dung của nó đến nay vẫn giữ nguyên tất cả giá trị của nó".

Người ta thường gọi những hoàn cảnh "không phụ thuộc" vào tác giả đó là những cản trở của cảnh sát và cơ quan kiểm duyệt. Trong trường hợp này cũng có ý nói rằng vào thời gian đó, các văn tập của những người bôn-sê-vích là xuất bản phẩm duy nhất có thể đăng bài của Lê-nin. Bài báo không ký tên, nhưng trong phần mục lục của văn tập có chỉ rõ tác giả là N. L. — 47.

¹⁹ "*Tin tức nước Nga*" là một tờ báo; xuất bản ở Mát-xcơ-va từ 1863; báo này phản ánh những quan điểm của giới trí thức tự do chủ nghĩa ôn hoà. Trong những năm 80 - 90 thế kỷ XIX, những nhà văn thuộc phái dân chủ (V. G. Cô-rô-len-cô, M. E. Xan-tư-cốp - Sê-đrin, G. I. Ú-xpen-xki và những người khác) đã tham gia viết bài cho báo. Báo đã đăng những tác phẩm của phái dân tụy tự do chủ nghĩa. Từ 1905, báo này là cơ quan của cánh hữu Đảng dân chủ - lập hiến. Lê-nin đã chỉ ra rằng "*Tin tức nước Nga*" đã kết hợp một cách độc đáo "chủ nghĩa dân chủ - lập hiến hữu khuynh với một chút chủ nghĩa dân tụy" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1972, t. 19, tr. 176).

Năm 1918, "*Tin tức nước Nga*" đã bị đóng cửa cùng một lúc với những tờ báo phản cách mạng khác. — 47.

²⁰ "*Canh tân hoà bình*", "*những người canh tân hoà bình*" là Đảng "canh tân hoà bình", một tổ chức quân chủ - lập hiến của giai cấp tư sản lớn và địa chủ, hình thành hẳn về mặt tổ chức vào năm 1906, sau khi Đu-ma nhà nước I bị giải tán. Đảng đã hợp nhất "phái thặng Mười cánh tả" và "phái dân chủ - lập hiến cánh hữu". Thủ lĩnh của Đảng "canh tân hoà bình" là P. A. Gây-den, N. N. Lvốp, P. P. Ri-a-bu-sin-xki, M. A. Xta-khê-vích, E. N. và G. N. Tơ-ru-bê-tơ-côi, Đ. N. Si-pốp, v. v.. Về cương lĩnh, đảng này gần giống với phái thặng Mười. Hoạt động của đảng này nhằm bảo vệ những lợi ích của giai cấp tư sản công thương nghiệp và bọn địa chủ kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa. Trong Đu-ma nhà nước III, Đảng "canh tân hoà bình" đã hợp nhất với đảng mệnh danh là Đảng "cải cách dân chủ" thành đảng đoàn của phái "tiến bộ". — 54.

²¹ Đây có ý nói đến tên địa chủ Pê-nô-tơ-kin trong truyện của I. X. Tước-ghê-nép "Người quán gia". — 55.

²² Lê-nin trích tác phẩm của Gơ-tơ "Zahme Xenien" ("Những cô Kxê-ni-a thủy mì"). — 57.

²³ *Hội nghị đảng bộ toàn thành Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga* họp ở Tê-ri-ô-ki (Phần-lan) ngày 8 và 14 (21 và 27) tháng Bảy 1907. Các bản tường thuật về hội nghị chưa tìm thấy. Tại phiên họp đầu tiên của hội nghị, có 61 đại biểu chính thức và 21 đại biểu không có quyền biểu quyết.

Vấn đề chủ yếu trong công tác của hội nghị là vấn đề tham gia bầu cử Đu-ma nhà nước III và đấu tranh chống tâm lý tẩy

chay trong đảng bộ Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Lê-nin đã đọc báo cáo về vấn đề thái độ đối với cuộc bầu cử Đu-ma III. Hội nghị đã tán thành đường lối phản đối việc tẩy chay Đu-ma III mà Lê-nin đã bảo vệ trong các luận cương và bản báo cáo của Người. — 58.

²⁴ *Hội nghị lần thứ ba Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị toàn Nga lần thứ hai")* họp ở thành phố Cốt-ca (Phần-lan) từ 21 đến 23 tháng Bảy (3 - 5 tháng Tám) 1907. Tham gia hội nghị có 26 đại biểu, trong đó có 9 người bôn-sê-vích, 5 người men-sê-vích, 5 đảng viên Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan, 5 người phái Bun và 2 đảng viên Đảng dân chủ - xã hội Lát-vi-a. Trong số các đại biểu có V. I. Lê-nin, Ph. E. Đgiéc-gin-xki, Rô-da Lút-xăm-bua, A. V. Lu-na-txác-xki và những người khác. Ngoài các đại biểu, tại hội nghị còn có mặt các uỷ viên chính thức và uỷ viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương đảng do Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) bầu ra. Sở dĩ phải gấp rút triệu tập hội nghị (sau Đại hội V của đảng hai tháng) là do tình hình chính trị đã thay đổi nhân cuộc chính biến phản cách mạng ngày 3 tháng Sáu và cuộc bầu cử vào Đu-ma III. Chương trình nghị sự của hội nghị gồm có các vấn đề sau đây: tham gia bầu cử Đu-ma nhà nước III, thoả hiệp trong bầu cử với các đảng khác, cương lĩnh bầu cử và Đại hội công đoàn toàn Nga. Hội nghị đã nghe ba bản báo cáo về vấn đề thứ nhất: báo cáo của Lê-nin thay mặt những người bôn-sê-vích (phản đối việc tẩy chay) và báo cáo của A. Bô-gđa-nốp (ủng hộ việc tẩy chay), và bản báo cáo mà Ph. Đan thay mặt những người men-sê-vích và phái Bun đã đứng ra báo cáo. Hội nghị với đa số phiếu đã thông qua về cơ bản dự thảo nghị quyết của Lê-nin kêu gọi đảng tham gia cuộc vận động bầu cử và tiến hành đấu tranh chống các đảng phái hữu, cũng như chống bọn dân chủ - lập hiến (xem "Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", ph. I, 1954, tr. 173 - 174). Những người bôn-sê-vích chủ trương tẩy chay đã bỏ phiếu tán thành nghị quyết của Lê-nin sau khi nghị quyết của họ bị bác bỏ.

Về vấn đề thoả hiệp trong bầu cử với các đảng khác, Hội nghị lần thứ ba quyết định rằng trong giai đoạn đầu của cuộc bầu cử, những người dân chủ - xã hội không cần có bất cứ thoả hiệp nào với các đảng khác. Chỉ khi bỏ phiếu lại thì cho phép thoả hiệp với các đảng tả hơn Đảng dân chủ - lập hiến. Trong giai đoạn hai và

những giai đoạn sau của cuộc bầu cử thì được phép thoả hiệp với tất cả các đảng cách mạng và đối lập nhằm đấu tranh chống cánh hữu. Nhưng trong đoàn tuyển cử công nhân, những người dân chủ - xã hội không được thoả hiệp với các đảng khác, trừ các đảng dân chủ - xã hội dân tộc không có trong thành phần Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, cũng như Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan.

Về vấn đề cương lĩnh bầu cử thì hội nghị đề nghị Ban chấp hành trung ương soạn cương lĩnh đó trên cơ sở nghị quyết đã được thông qua về việc tham gia bầu cử Đu-ma nhà nước III.

Việc thảo luận vấn đề về Đại hội công đoàn toàn Nga, thực tế đã chuyển thành việc thảo luận mối quan hệ qua lại giữa đảng của giai cấp công nhân và công đoàn của giai cấp đó, vì những người men-sê-vich đã mưu toan xét lại nghị quyết của Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) về tính đảng của công đoàn. Hội nghị đã nghe hai báo cáo: một báo cáo bảo vệ nguyên tắc tính đảng của công đoàn, báo cáo thứ hai bảo vệ tính trung lập của công đoàn. Căn cứ vào các báo cáo, có 4 dự thảo nghị quyết được đề ra (một của những người bên-sê-vich, một của những người men-sê-vich, và hai của phái thoả hiệp). Hội nghị quyết định chuyển tất cả các dự thảo nghị quyết đã được đưa ra về vấn đề ấy cho Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga làm tư liệu. Dự thảo do V. I. Lê-nin đưa ra được dùng làm cơ sở cho dự thảo bên-sê-vich (dự thảo thứ ba) (xem "Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", ph. I, 1954, tr. 180).

Biên bản hội nghị và báo cáo của V. I. Lê-nin chưa tìm thấy. Những văn kiện của V. I. Lê-nin còn lưu lại gồm tóm tắt bài phát biểu phản đối việc tẩy chay, sơ thảo ban đầu của dự thảo nghị quyết phản đối việc tẩy chay bầu cử Đu-ma nhà nước III, v. v. (đều công bố năm 1933 trong Văn tập Lê-nin, t. XXV), những tài liệu này đăng trong phần "Các tài liệu chuẩn bị" của tập này. Các nghị quyết của Hội nghị lần thứ ba Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga được công bố dưới hình thức tờ truyền đơn của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga với đầu đề: "Thông báo về hội nghị của đảng ngày 21, 22 và 23 tháng Bảy 1907".

Ý nghĩa của Hội nghị lần thứ ba của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. ("Hội nghị toàn Nga lần thứ hai") là ở chỗ nó đã vạch ra cơ sở sách lược của đảng trong hoàn cảnh lịch sử mới, tức là trong điều kiện chế độ phản động Xtô-lư-pin. — 61.

²⁵ Luật bầu cử của Đảng dân chủ - lập hiến ngày 11 (24) tháng Chạp 1905 là luật bầu cử Đu-ma nhà nước I do chính phủ Nga hoàng ban hành vào lúc cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Mát-xcơ-va ở vào thời kỳ cao trào, nhưng luật đó chỉ tạo ra một cái vẻ bề ngoài là các quyền bầu cử được nới rộng mà thôi.

Khác với Đu-ma Bu-lư-ghin "tư vấn", luật mới dự định thành lập Đu-ma "lập pháp". Thêm vào những đoàn tuyển cử đã được xác định trước đây — đoàn tuyển cử của điền chủ (địa chủ), thành phố (tư sản) và nông dân — có thêm đoàn tuyển cử công nhân và thành phần cử tri thành phố được mở rộng đôi chút trong khi vẫn giữ nguyên tổng số đại biểu cử tri của đoàn tuyển cử thành phố. Các cuộc bầu cử không có tính chất phổ thông. Phụ nữ và hơn hai triệu đàn ông — công nhân ở các xí nghiệp nhỏ, dân du mục, quân nhân, thanh niên dưới 25 tuổi đều không có quyền bầu cử. Các cuộc bầu cử không bình đẳng: một đại biểu cử tri thay mặt cho 2 nghìn cử tri thuộc đoàn tuyển cử của điền chủ, 7 nghìn cử tri thuộc đoàn tuyển cử thành phố, 30 nghìn nông dân, 90 nghìn công nhân, tức là 1 phiếu của địa chủ tương đương với 7 phiếu của giai cấp tư sản thành phố, 15 phiếu của nông dân và 45 phiếu của công nhân. Đại biểu cử tri của đoàn tuyển cử công nhân chỉ chiếm 4% toàn bộ đại biểu cử tri đi bầu vào Đu-ma nhà nước. Quyền bầu cử chỉ dành cho những công nhân làm trong các xí nghiệp công nghiệp công xưởng - nhà máy và công nghiệp khai khoáng. Trong đoàn tuyển cử công nhân, những công nhân thuộc các xí nghiệp có trên 50 công nhân mới được tham gia bầu cử. Các xí nghiệp có từ 50 đến 1.000 công nhân được cử một đại biểu. Các xí nghiệp lớn, cứ 1.000 người thì được cử một đại biểu. Các cuộc bầu cử không trực tiếp mà qua nhiều nấc. Đối với công nhân, người ta quy định chế độ bầu cử ba nấc, còn đối với nông dân là bốn nấc. Thực tế các cuộc bầu cử được tiến hành không phải bí mật.

Lê-nin gọi luật bầu cử ngày 11 (24) tháng Chạp 1905 là "sự giả mạo thô bỉ nhất quyền đại diện của nhân dân" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 241), vì luật ấy đảm bảo cho địa chủ và tư bản chiếm ưu thế tuyệt đối trong Đu-ma. — 63.

²⁶ *Phái tiến bộ không đảng phái* là nhóm chính trị của giai cấp tư sản quân chủ - tự do chủ nghĩa Nga mà trong các cuộc bầu cử vào các Đu-ma nhà nước và trong các Đu-ma đã tìm cách hợp nhất

dưới ngọn cờ "không đảng phái" những phần tử của các đảng và các nhóm tư sản - địa chủ khác nhau.

Trong Đu-ma nhà nước III, những người của phái tiến bộ đã thành lập một đảng đoàn, bao gồm đại biểu của Đảng "canh tân hoà bình" và Đảng "cải cách dân chủ". Nỗi lo sợ một cuộc bùng nổ cách mạng mới đã đẩy phái tiến bộ đến chỗ phê phán "những mặt cụt đầu" của chính phủ Nga hoàng, chính phủ này, theo ý kiến của họ, do không chịu nhượng bộ nên đã tạo ra cơ sở cho hoạt động của những lực lượng tả, lực lượng cách mạng. Năm 1912, khi bầu cử Đu-ma nhà nước IV, phái tiến bộ kết thành một khối với những người dân chủ - lập hiến và dùng tư tưởng không đảng phái hào huyền của mình để giúp những người dân chủ - lập hiến thu phiếu của "cử tri tư sản ngày 3 tháng Sáu".

Tháng Mười một 1912, phái tiến bộ đã thành lập một chính đảng độc lập với cương lĩnh như sau: hiến pháp ôn hoà có những điều kiện bầu cử chặt hẹp, những cải cách nhỏ, nội các có trách nhiệm, nghĩa là một chính phủ có trách nhiệm trước Đu-ma, đàn áp phong trào cách mạng. V. I. Lê-nin đã chỉ ra rằng phái tiến bộ, xét theo thành phần và hệ tư tưởng của họ, — là "*sự hỗn hợp của phái tháng Mười với bọn dân chủ - lập hiến*". Người nhận định cương lĩnh của đảng của phái tiến bộ là cương lĩnh dân tộc - tự do chủ nghĩa: "Đây sẽ là một đảng của giai cấp tư sản "thật sự" tư bản chủ nghĩa mà chúng ta đã thấy ở Đức" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 22, tr. 245, 327).

Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, Đảng tiến bộ tăng cường hoạt động của mình, đòi thay đổi bộ máy lãnh đạo quân sự, động viên công nghiệp phục vụ yêu cầu của mặt trận và đòi lập "nội các có trách nhiệm" với sự tham gia của các đại biểu của giai cấp tư sản Nga. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai, một số lãnh tụ của đảng đã tham gia Chính phủ lâm thời tư sản. Sau thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, Đảng tiến bộ đã tiến hành một cuộc đấu tranh ráo riết chống Chính quyền xô-viết.

Trong số các lãnh tụ của phái tiến bộ có các nhà công nghiệp nổi tiếng ở Mát-xcơ-va: P. P. Ri-a-bu-sin-xki, A. I. Cô-nô-va-lốp, địa chủ I. N. Ê-phrê-mốp, v. v.. Vào những thời gian khác nhau, phái tiến bộ đã cho phát hành những cơ quan ngôn luận chính trị của họ như: tạp chí "Tuần báo Mát-xcơ-va", các báo "Lời nói", "Dư luận Nga" và "Buổi sáng nước Nga". — 65.

²⁷ "*Học vấn*" là nguyệt san văn học - khoa học phổ thông và chính trị -

xã hội hợp pháp; xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1892 đến 1909. Trong những năm 1902 - 1908, tạp chí "Học vấn" có đăng các bài của những người dân chủ - xã hội. Trong số 2 tờ "Học vấn" ra năm 1904 có đăng các chương V - IX tác phẩm của Lê-nin "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 117 - 330). — 66.

²⁸ *Báo của Bu-rê-nin* là tên mà V. I. Lê-nin đặt cho tờ "Thời mới" của bọn Trăm đen - quân chủ. Bu-rê-nin — cộng tác viên của tờ "Thời mới" — đã đả kích độc ác đại biểu của tất cả các trào lưu tư tưởng xã hội tiến bộ, đặc biệt đã dùng các thủ thuật bút chiến không trung thực.

"*Thời mới*" là báo ra hàng ngày, phát hành ở Pê-téc-bua từ 1868 đến 1917; thuộc các nhà xuất bản khác nhau và đã nhiều lần thay đổi xu hướng chính trị của mình. Lúc đầu là tờ báo tự do chủ nghĩa ôn hoà; từ năm 1876, sau khi A. X. Xu-vô-rin trở thành người xuất bản báo, thì nó biến thành cơ quan của các giới quý tộc và quan lại - quan liêu phản động. Từ 1905, là cơ quan của bọn Trăm đen. Sau cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai, báo hoàn toàn ủng hộ chính sách phản cách mạng của Chính phủ lâm thời tư sản và tiến hành đả kích điên cuồng những người bên-sê-vích. Ngày 26 tháng Mười (8 tháng Mười một) 1917, Ủy ban quân sự - cách mạng trực thuộc Xô-viết Pê-tơ-rô-grát đã đóng cửa tờ báo. V. I. Lê-nin gọi tờ "Thời mới" là điển hình của những tờ báo dễ bị mua chuộc. — 71.

²⁹ *Phái lao động (Nhóm lao động)* là nhóm những người dân chủ tiểu tư sản, thành lập vào tháng Tư 1906, gồm các đại biểu nông dân trong Đu-ma nhà nước I.

Phái lao động đưa ra yêu sách đòi bãi bỏ mọi hạn chế về đẳng cấp và dân tộc, đòi dân chủ hoá cơ quan tự quản hội đồng địa phương và thành phố, thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu trong các cuộc bầu cử Đu-ma nhà nước. Cương lĩnh ruộng đất của phái lao động xuất phát từ những nguyên tắc của phái dân túy về "binh quân" sử dụng ruộng đất: thành lập một quỹ của toàn dân gồm ruộng đất của nhà nước, của hoàng tộc, ruộng đất của nhà vua, của tu viện cũng như đất tư, nếu quy mô chiếm hữu vượt mức quá lao động được quy định; dự kiến bồi thường cho những đất tư bị chuyển nhượng. Năm 1906, V. I. Lê-nin đã nhận xét rằng người điển hình thuộc phái lao động là người nông dân, tức là người "có khuynh hướng câu kết với chính thể quân chủ, có khuynh hướng trở lại an phận

trên mảnh đất nhỏ *của mình* trong khuôn khổ chế độ tư sản, nhưng giờ đây, người đó đang dồn sức đấu tranh chống bọn địa chủ để giành ruộng đất, đấu tranh chống nhà nước nông nô để giành dân chủ" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 14, tr. 32).

Trong Đu-ma nhà nước, phái lao động ngả nghiêng giữa Đảng dân chủ - lập hiến và Đảng dân chủ - xã hội. Những sự dao động đó chính là do bản chất giai cấp của những tiểu chủ - nông dân mà có. Vì phái lao động vẫn đại diện cho quần chúng nông dân, nên trong Đu-ma, những người bên-sê-vích đã thực hiện sách lược thoả hiệp với họ về một số vấn đề nhằm tiến hành cuộc đấu tranh chung chống chế độ chuyên chế Nga hoàng và bọn dân chủ - lập hiến. Năm 1917, Nhóm lao động sáp nhập với Đảng của "những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân", tích cực ủng hộ Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, phái lao động đứng về phía giai cấp tư sản phản cách mạng. — 75.

³⁰ "*Ngôn luận*" là báo ra hàng ngày, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - lập hiến, xuất bản ở Pê-téc-bua từ ngày 23 tháng Hai (8 tháng Ba) 1906 dưới sự biên tập thực sự của P. N. Mi-li-u-cốp và I. V. Ghét-xen, có sự tham gia gần gũi của M. M. Vi-na-ve, P. Đ. Đôn-gô-ru-cốp, P. B. Xơ-ru-vê và những người khác. Ủy ban quân sự - cách mạng trực thuộc Xô-viết Pê-tơ-rô-grát đã đóng cửa tờ báo này vào ngày 26 tháng Mười (8 tháng Mười một) 1917. Sau này (cho đến tháng Tám 1918) báo lại tiếp tục xuất bản dưới những tên: "Ngôn luận của chúng ta", "Ngôn luận tự do", "Thế kỷ", "Ngôn luận mới", "Thế kỷ chúng ta". — 75.

³¹ *Hội đồng liên hiệp quý tộc* là tổ chức phản cách mạng của địa chủ - chủ nô, thành lập vào tháng Năm 1906 tại Đại hội lần thứ nhất các hội quý tộc được uỷ nhiệm của tỉnh, và tồn tại đến tháng Mười 1917. Mục tiêu chính của tổ chức này là bảo vệ chế độ chuyên chế, chế độ chiếm hữu ruộng đất lớn của địa chủ và những đặc quyền của quý tộc. Đứng đầu Hội đồng liên hiệp quý tộc là bá tước A. A. Bô-brin-xki, công tước N. Ph. Ca-xát-kin - Rô-xtốp-xki, bá tước Đ. A. Ôn-xu-phi-ép, V. M. Pu-ri-skê-vích, v. v.. Lê-nin gọi Hội đồng liên hiệp quý tộc là "Hội đồng những chủ nô hợp nhất lại". Hội đồng liên hiệp quý tộc thực tế đã biến thành cơ quan nửa chính phủ; nó buộc chính phủ phải có những biện pháp lập pháp nhằm bảo vệ lợi ích của chủ nô. Trong thời kỳ Đu-ma nhà nước III, số lớn các uỷ viên Hội đồng liên hiệp quý tộc đã tham gia

Hội đồng nhà nước và các trung tâm lãnh đạo của các tổ chức Trăm đen. — 76.

³² "*Những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân*" là đảng viên của Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân, một đảng có tính chất tiểu tư sản, tách ra từ cánh hữu của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng vào năm 1906. Đảng này chủ trương quốc hữu hoá một phần ruộng đất của địa chủ, có trả tiền chuộc và phân phối cho những người nông dân theo cái gọi là mức lao động. Đảng này tán thành khối liên minh với những người dân chủ - lập hiến. Lê-nin gọi họ là những người "dân chủ - lập hiến xã hội chủ nghĩa", là "bọn cơ hội chủ nghĩa tiểu tư sản", "những người bên-sê-vích xã hội chủ nghĩa - cách mạng", dao động giữa những người dân chủ - lập hiến và xã hội chủ nghĩa - cách mạng, đồng thời Người nhấn mạnh rằng đảng này "không khác gì mấy so với những người dân chủ - lập hiến, bởi vì nó đã loại bỏ ra khỏi cương lĩnh của mình cả nền cộng hoà và yêu cầu về toàn bộ ruộng đất". Đứng đầu đảng này là A. V. Pê-sê-khôn-ốp, N. Ph. An-nen-xki, V. A. Mi-a-cô-tin, v. v.. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, đảng của "những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân" sáp nhập với phái lao động, tích cực ủng hộ hoạt động của Chính phủ lâm thời tư sản, cử các đại biểu của mình tham gia thành phần chính phủ đó. Sau cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân tham gia vào các vụ âm mưu phản cách mạng và các cuộc đấu tranh vũ trang chống Chính quyền xô-viết. Đảng này chấm dứt sự tồn tại của mình trong thời kỳ có cuộc can thiệp vũ trang của nước ngoài và thời kỳ nội chiến. — 81.

³³ *Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga* — Đại hội VII của Quốc tế II - họp từ 18 đến 24 tháng Tám 1907.

Tham dự đại hội có 886 đại biểu — đại diện của các đảng xã hội chủ nghĩa và các công đoàn. Số đại biểu từ các nước đến là như sau: Anh — 123, Áo — 75, Hung-ga-ri — 25, xứ Bô-hêm-mi-a — 41, Ý — 13, Ba-lan — 23, Pháp — 78, Mỹ — 20, v. v.. Đặc biệt, đoàn đại biểu Đức có rất nhiều đại biểu (289 người). Đa số trong đoàn đại biểu đó là những viên chức công đoàn, điều đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến lập trường của Đảng dân chủ - xã hội Đức khi thảo luận và thông qua các nghị quyết của đại hội.

Đoàn đại biểu Nga gồm 37 đảng viên Đảng dân chủ - xã hội, 21 người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và 7 đại diện các công đoàn Nga. Trong số 20 phiếu chính thức dành cho đoàn đại biểu Nga,

thì những người dân chủ - xã hội được 10 phiếu (đảng viên bên-sê-vích — 4^{1/2} phiếu, những người men-sê-vích — 2^{1/2} phiếu, phái Bun, những người dân chủ - xã hội Lát-vi-a và Ác-mê-ni-a, mỗi phái được 1 phiếu), những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng được 7 phiếu, các đại diện công đoàn — 3 phiếu. Đoàn đại biểu bên-sê-vích gồm có V. I. Lê-nin, A. A. Bô-gđa-nốp, I. P. Gôn-đen-béc (Mê-scốp-xki), B. A. Knu-ni-an-txơ, M. M. Lít-vi-nốp, A. V. Lu-na-tsác-xki, N. A. Xê-ma-scô, M. Txơ-kha-cai-a và những người khác.

Đại hội đã xem xét các vấn đề: 1) Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế; 2) Mối quan hệ qua lại giữa các chính đảng và công đoàn; 3) Vấn đề thuộc địa; 4) Nhập cư và di cư công nhân và 5) Quyền bầu cử của phụ nữ.

V. I. Lê-nin đã cho tiến hành một vài cuộc hội nghị của những đại biểu bên-sê-vích, tại đó đã xác định đường lối hành động của những người bên-sê-vích trong chi bộ dân chủ - xã hội, trong đoàn đại biểu của Nga và tại đại hội; Người tham gia các phiên họp của chi bộ dân chủ - xã hội, đấu tranh chống đường lối cơ hội chủ nghĩa của những người men-sê-vích, và tham gia các phiên họp của đoàn đại biểu Nga, bảo vệ lập trường của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga chống lại những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng.

Trong thời gian đại hội, V. I. Lê-nin đã tiến hành một công tác to lớn để đoàn kết các lực lượng tả trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, kiên quyết đấu tranh chống bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn xét lại. Những cuộc hội nghị do V. I. Lê-nin tổ chức với những đại biểu cánh tả (C. Txét-kin, R. Lú-xâm-bua, L. Tư-scô, G. Lê-đê-bua, v. v.) là bước đầu tiên đi đến đoàn kết những người mác-xít cách mạng trong phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc.

Công tác chủ yếu của đại hội tập trung trong các tiểu ban soạn các dự thảo nghị quyết để đưa ra các phiên họp toàn thể. V. I. Lê-nin đã tham gia vào công việc của tiểu ban về vấn đề "Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế". Khi thảo luận dự thảo nghị quyết do A. Bê-ben đưa ra, V. I. Lê-nin, bằng những điều sửa đổi của mình, được đại diện của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan ủng hộ, đã đạt đến chỗ thay đổi về căn bản dự thảo nghị quyết theo tinh thần của chủ nghĩa Mác cách mạng. Điểm sửa đổi quan trọng nhất đã làm thay đổi về cơ bản dự thảo nghị quyết là như sau: "Trong trường hợp nếu chiến tranh vẫn cứ nổ ra, thì họ (giai cấp công nhân các nước và những đại diện của nó trong các nghị viện. BT.) phải... cố gắng bằng mọi cách lợi dụng cuộc khủng hoảng kinh tế và chính

trị do chiến tranh gây ra để phát động quần chúng nhân dân và xúc tiến việc lật đổ sự thống trị của giai cấp tư bản" ("Người vô sản", số 17, 20 tháng Mười 1907, tr. 6). Luận điểm này đã được Đại hội Cöpen-ha-gơ khẳng định năm 1910, và sau đó đã được đưa vào nghị quyết của Đại hội Ba-lơ năm 1912.

Về sau, V. I. Lê-nin viết: "Tôi nhớ rõ là trước khi hiệu đính lần cuối điểm sửa đổi đó thì đã có những cuộc trao đổi kéo dài và trực tiếp giữa chúng tôi và Bê-ben. Bản hiệu đính đầu tiên nói rõ hơn nhiều về sự cố động cách mạng và hành động cách mạng. Chúng tôi đã đưa cho Bê-ben xem; Bê-ben trả lời: tôi không đồng ý, vì công tố sẽ giải tán các tổ chức đảng của chúng ta mà chúng ta thì không chủ trương như vậy, chừng nào chưa xảy ra điều gì nghiêm trọng. Sau khi bàn với các luật gia chuyên nghiệp và sau khi sửa lại nhiều lần văn bản để thể hiện cũng tư tưởng đó một cách hợp pháp thì đã tìm ra một công thức cuối cùng mà Bê-ben đồng ý chấp nhận" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 30, tr. 238).

Nghị quyết "Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế" được thông qua là một thắng lợi to lớn của cánh cách mạng đối với cánh cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân quốc tế.

Cuộc đấu tranh về vấn đề thuộc địa cũng nổ ra gay gắt tại đại hội. Đa số cơ hội chủ nghĩa trong tiểu ban, đứng đầu là Van Côn, một người "xã hội chủ nghĩa" Hà-lan, bất chấp sự phản đối của phái thiểu số, đã đưa ra bản dự thảo nghị quyết trong đó có nói rằng về nguyên tắc đại hội không lên án mọi chính sách thuộc địa nào mà dưới chủ nghĩa xã hội có thể đóng một vai trò khai hoá. Van Côn đánh giá chính sách thuộc địa của Hà-lan là một chính sách mẫu mực, ông ta đã tuyên bố tại đại hội rằng trong tương lai, những người xã hội chủ nghĩa phải đến với các "dân tộc man rợ" không những với những máy móc và những thành quả văn hoá, mà còn với vũ khí trong tay nữa. Đa số trong đoàn đại biểu Đức đã ủng hộ bản dự thảo nghị quyết có tính chất cơ hội chủ nghĩa. Chỉ nhờ những cố gắng của những người xã hội chủ nghĩa Nga, Ba-lan, một bộ phận nhỏ những người xã hội chủ nghĩa Đức, Pháp và Anh, cũng như của tất cả những người xã hội chủ nghĩa ở các nước nhỏ không có thuộc địa, mới gạt bỏ được bản nghị quyết của tiểu ban và thông qua những điểm sửa đổi vào nghị quyết thực tế đã làm thay đổi nội dung của nó. Nghị quyết về vấn đề thuộc địa được đại hội thông qua đã lên án thẳng và tuyệt đối mọi chính sách thuộc địa.

Trong tiểu ban soạn thảo nghị quyết về việc nhập cư và di cư công nhân, bộ phận cơ hội chủ nghĩa trong tiểu ban này, bộ phận

đã phản ánh những lợi ích thường hội nhỏ hẹp của công nhân quý tộc Mỹ và Úc, lên tiếng đòi cấm không cho những người vô sản Trung-quốc và Nhật-bản nhập cư vào những nước này, vì những người này tưởng như không có khả năng tổ chức. Trong phiên họp toàn thể, những người bênh vực cho yêu cầu đó đã không dám công khai phát biểu ý kiến. Và về vấn đề này, đại hội đã thông qua một nghị quyết đáp ứng những yêu cầu của phong trào dân chủ - xã hội cách mạng, của việc giáo dục công nhân tất cả các nước theo tinh thần quốc tế chủ nghĩa.

Lê-nin đánh giá cao việc đại hội thông qua nghị quyết về vấn đề quan hệ qua lại giữa công đoàn và chính đảng của giai cấp công nhân. Trong tiểu ban của đại hội, A. V. Lu-na-tsác-xki đã bảo vệ đường lối của Lê-nin về tính đảng của công đoàn. Về vấn đề này, bất chấp cánh hữu, đại hội đã thông qua một nghị quyết khẳng định nguyên tắc tính đảng của công đoàn.

Đánh giá chung các nghị quyết của đại hội, Lê-nin viết: "Nói chung, về cả một loạt những vấn đề quan trọng nhất, Đại hội Stút-ga đã đối diện một cách nổi bật cánh cơ hội chủ nghĩa và cánh cách mạng trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế với nhau, và đã giải đáp những vấn đề đó theo tinh thần chủ nghĩa Mác cách mạng" (tập này, tr. 91). Chỉ rõ tầm quan trọng của các nghị quyết mà Đại hội Stút-ga đã thông qua, Lê-nin đề ra cho những người bên-sê-vích nhiệm vụ là phải tuyên truyền rộng rãi những nghị quyết đó, đồng thời nhất thiết phải làm sáng tỏ cuộc đấu tranh giữa những trào lưu cách mạng và cơ hội chủ nghĩa tại đại hội.

Báo chí bên-sê-vích, kể cả báo chí ra định kỳ ("Người vô sản", "Tiến lên", các báo của các ban chấp hành bên-sê-vích ở địa phương), cũng như báo chí ra không định kỳ (các văn tập bên-sê-vích "Tia chớp", "Tiếng nói đời sống", v. v.) đã chú ý nhiều đến việc giải thích các nghị quyết của Đại hội Stút-ga, đặc biệt là về vấn đề chủ nghĩa quân phiệt và mối quan hệ giữa các đảng vô sản và công đoàn là những vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào công nhân Nga. — 83.

³⁴ Trong số 17 báo "Người vô sản" có đăng bài báo này và đăng cả nghị quyết của Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga. — 83.

³⁵ Xem C. Mác. "Tur bản", t. I (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 23, tr. 608-609). — 85.

³⁶ *Hội Pha-biêng* là tổ chức theo chủ nghĩa cải lương ở Anh, thành lập năm 1884; hội này lấy tên của một viên tướng La-mã ở vào thế kỷ III trước công nguyên tên là Pha-bi-út Mác-xim có biệt danh là "Công-ta-to" ("Người chờ thời") vì ông theo sách lược chờ thời, tránh những trận quyết định trong cuộc chiến tranh với Han-ni-ban. Các thành viên của Hội Pha-biêng chủ yếu là những đại diện của giới trí thức tư sản: các nhà bác học, nhà văn, chính khách (ví dụ như hai vợ chồng X., và B. Ve-bơ, Béc-na Sô, Héc-bóc Ôen-xơ, v. v.); họ chống lại học thuyết của Mác về đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa, và khẳng định rằng bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội chỉ có thể được thực hiện thông qua các cuộc cải cách nhỏ, dần dần cải tạo xã hội, với sự giúp đỡ của cái gọi là "chủ nghĩa xã hội địa phương công hữu hoá". Lê-nin đã đánh giá về phái Pha-biêng và "chủ nghĩa xã hội địa phương công hữu hoá" trong cuốn "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905-1907" và trong bài "Chủ nghĩa hòa bình Anh và sự ác cảm của người Anh đối với lý luận" (xem tập này, tr. 428-434 và Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 21, tr. 297-304). Hội Pha-biêng đã và đang đóng vai trò của một kẻ truyền ảnh hưởng tư sản vào giai cấp công nhân, là vườn ươm những tư tưởng cơ hội chủ nghĩa và xã hội - sô-vanh trong phong trào công nhân Anh. Lê-nin đã gọi Hội Pha-biêng là "biểu hiện đầy đủ nhất của chủ nghĩa cơ hội và chính sách công nhân tự do chủ nghĩa" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 21, tr. 298). Năm 1900, Hội Pha-biêng gia nhập Công đảng Anh. "Chủ nghĩa xã hội kiểu Pha-biêng" là một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa cải lương hiện đại. — 86.

³⁷ "*Die Gleichheit*" "Bình đẳng" là nguyệt san dân chủ - xã hội, cơ quan ngôn luận của phong trào nữ công nhân Đức, sau đó là của phong trào phụ nữ quốc tế; xuất bản ở Stút-ga từ 1890 đến 1925; từ 1892 đến 1917 do Cla-ra Txét-kin chủ biên. — 88.

³⁸ Bài "*Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga*" do Lê-nin viết theo đề nghị của Nhà xuất bản "Hạt giống", nhà xuất bản này nhận xuất bản "Lịch phổ thông năm 1908" nhằm lợi dụng khả năng hợp pháp để đăng những tài liệu bất hợp pháp. Người ta đã gửi cho Lê-nin kế hoạch xuất bản và bản danh sách cộng tác viên, trong đó có M. X. Ô-n-min-xki, N. A. Rô-giơ-cốp và N. N. Ba-tư-rin là người đã cho đăng trong "Lịch phổ thông" các bài nói về lịch sử

phong trào công nhân Nga, ví dụ như lịch sử "Hội liên hiệp công nhân Nga miền Bắc", cũng như của nhóm "Giải phóng lao động". "Lịch phổ thông" đã soi sáng tình hình kinh tế và chính trị ở Nga, hoạt động của Đu-ma nhà nước II, những vấn đề về chính sách đối ngoại, hoạt động của công đoàn, phong trào bãi công, tình hình nông dân, đưa tin về cuộc đấu tranh cách mạng ở Nga trong thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. "Lịch phổ thông" xuất bản với số lượng 6 vạn bản và được phổ biến rộng rãi trong các nhà máy và công xưởng, trong quân đội và hải quân (trừ vài chục bản bị cảnh sát tịch thu). —97.

³⁹ C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVII, 1935, tr. 555. —99.

⁴⁰ "Vorwärts" ("Tiến lên") là báo ra hàng ngày, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Đức; xuất bản ở Béc-ling từ 1891 theo quyết định của Đại hội Han-ơ của đảng, để kế tục tờ "Berliner Volksblatt" ("Báo nhân dân Béc-ling"), đã xuất bản từ 1884, và lấy tên là "Vorwärts. Berliner Volksblatt". Trên các trang báo, Ph. Ăng-ghe-n đã tiến hành đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội. Từ nửa cuối những năm 90 thế kỷ XIX, sau khi Ăng-ghe-n qua đời, ban biên tập báo "Vorwärts" rơi vào tay cánh hữu của đảng và đảng một cách có hệ thống những bài báo của bọn cơ hội chủ nghĩa. Báo "Vorwärts" đã giải thích một cách có dụng ý cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và chống chủ nghĩa xét lại trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đã ủng hộ "phái kinh tế", và sau khi đảng phân liệt thì ủng hộ bọn men-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị, báo "Vorwärts" cho đảng những bài báo vu khống của Tơ-rốt-xki và không cho Lê-nin cùng những người bôn-sê-vích được phát biểu để bác bỏ những lời vu khống và đánh giá một cách khách quan tình hình trong đảng.

Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, báo "Vorwärts" đứng trên lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, nó tiến hành tuyên truyền chống Chính quyền xô-viết. Báo xuất bản ở Béc-ling cho đến năm 1933. — 101.

⁴¹ Những người dân chủ - xã hội Ba-lan là đảng viên của Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va - đảng cách mạng của giai cấp công nhân Ba-lan, xuất hiện vào năm 1893, lúc đầu với tư cách là Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan, rồi từ tháng Tám

1900, sau đại hội của các tổ chức dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va mà tại đây có sự hợp nhất của những người dân chủ - xã hội Ba-lan và một bộ phận những người dân chủ - xã hội Lít-va, thì đảng này được gọi là Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va. Công lao của đảng này là đã hướng phong trào công nhân Ba-lan tiến tới sự liên minh với phong trào công nhân Nga và đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc.

Trong thời kỳ cách mạng 1905 - 1907, Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va đã chiến đấu theo những khẩu hiệu gần gũi với những khẩu hiệu của đảng bôn-sê-vích, giữ lập trường không khoan nhượng đối với giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa. Nhưng đồng thời Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va đã mắc một số sai lầm: họ không hiểu học thuyết Lê-nin về cách mạng xã hội chủ nghĩa, không hiểu vai trò lãnh đạo của đảng trong cách mạng dân chủ, đánh giá thấp vai trò của nông dân, với tư cách là bạn đồng minh của giai cấp công nhân và ý nghĩa của phong trào giải phóng dân tộc. V. I. Lê-nin, trong khi phê phán những quan điểm sai lầm của Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va, đồng thời cũng chỉ rõ những công lao của đảng này đối với phong trào cách mạng Ba-lan. Người nhận xét rằng những người dân chủ - xã hội Ba-lan "đã lập ra, lần đầu tiên, một đảng thuần túy vô sản ở Ba-lan, tuyên bố nguyên tắc cực kỳ trọng yếu là sự liên minh chặt chẽ nhất của công nhân Ba-lan với công nhân Nga trong cuộc đấu tranh giai cấp của họ" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 20, tr.510). Tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (1906), Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va đã được gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga với tư cách là một tổ chức khu vực.

Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va đã chào mừng cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại và tiến hành đấu tranh cho thắng lợi của cách mạng vô sản ở Ba-lan. Tháng Chạp 1918, tại Đại hội thống nhất Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va và Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan "phái tả", hai đảng đã hợp nhất và lập ra Đảng công nhân cộng sản Ba-lan.

Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan (Polska Partia Socjalistyczna) là đảng dân tộc chủ nghĩa cải lương, thành lập năm 1892. Núp dưới khẩu hiệu đấu tranh cho một nước Ba-lan độc lập, Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan do Pin-xút-xki và bè lũ cầm đầu, đã tiến hành tuyên truyền chủ nghĩa biệt lập, chủ nghĩa dân tộc, trong công nhân Ba-

lan và tìm cách tách họ khỏi cuộc đấu tranh chung với công nhân Nga chống lại chế độ chuyên chế và chủ nghĩa tư bản.

Trong suốt lịch sử Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan, do tác động của những công nhân bình thường, trong nội bộ đảng đã xuất hiện những nhóm tả. Về sau, một số nhóm đã gia nhập cánh cách mạng của phong trào công nhân Ba-lan.

Năm 1906, Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan phân chia thành Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan "phái tả" và thành một đảng hữu, sô-vanh chủ nghĩa, gọi là Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan "phái cách mạng".

Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan "cách tả", dưới ảnh hưởng của đảng bôn-sê-vích, và dưới sự tác động của Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va, đã dần dần chuyển sang lập trường triệt để cách mạng.

Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, một bộ phận lớn của Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan "cách tả" đã đứng trên lập trường quốc tế chủ nghĩa; tháng Chạp 1918, đảng này đã hợp nhất với Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va. Hai đảng hợp nhất hợp thành Đảng công nhân cộng sản Ba-lan (tên của Đảng cộng sản Ba-lan là như vậy cho đến năm 1925).

Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan cánh hữu tiếp tục thi hành chính sách dân tộc - sô-vanh; đảng này tổ chức trên đất Ga-li-xi-a những binh đoàn Ba-lan chiến đấu bên cạnh bọn đế quốc Áo - Đức.

Với sự thành lập nhà nước tư sản Ba-lan, Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan cánh hữu, năm 1919, hợp nhất với các bộ phận của Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan ở trên lãnh thổ Ba-lan trước kia bị Đức và Áo chiếm đóng, và lại lấy tên là Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan. Sau khi đứng đầu chính phủ, đảng này đã thúc đẩy việc chuyển chính quyền vào tay giai cấp tư sản Ba-lan và sau đó không ngừng tuyên truyền chống cộng sản, ủng hộ chính sách xâm lược chống Liên-xô, ủng hộ chính sách chiếm đóng và áp bức miền Tây U-crai-i-na và miền Tây Bê-lô-ru-xi-a. Một số nhóm trong Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan không tán thành chính sách ấy nên đã hợp nhất với Đảng cộng sản Ba-lan.

Sau cuộc đảo chính phát-xít của Pin-xút-xki (tháng Năm 1926), Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan, về hình thức thuộc phe đối lập trong nghị viện, nhưng thực tế thì không đấu tranh tích cực chống chế độ phát-xít và tiếp tục tuyên truyền chống cộng sản và chống Liên-xô. Trong những năm đó, những phần tử tả trong Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan đã hợp tác với những người cộng sản Ba-lan, trong nhiều cuộc vận động đã ủng hộ sách lược mặt trận thống nhất.

Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan, một lần nữa, lại bị phân liệt. Bộ phận sô-vanh phản động của nó, sau khi lấy tên là "Wolność, Równość, Niepodległość" ("Tự do, Bình đẳng, Độc lập"), đã tham gia "chính phủ" Ba-lan lưu vong phản động tại Luân-đôn. Bộ phận khác, cánh tả, sau khi tự đặt tên là "Đảng công nhân của những người xã hội chủ nghĩa Ba-lan", dưới ảnh hưởng của Đảng công nhân Ba-lan thành lập năm 1942, đã tham gia mặt trận nhân dân đấu tranh chống bọn chiếm đóng Hít-le, tiến hành đấu tranh để giải phóng Ba-lan khỏi ách nô dịch của bọn phát-xít và giữ lập trường thiết lập quan hệ hữu nghị với Liên-xô.

Năm 1944, sau khi miền Đông Ba-lan được giải phóng khỏi sự chiếm đóng của phát-xít Đức và sau khi Ủy ban giải phóng dân tộc Ba-lan được thành lập, Đảng công nhân của những người xã hội chủ nghĩa Ba-lan lại lấy tên là Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan và cùng với Đảng công nhân Ba-lan tham gia xây dựng nước Ba-lan dân chủ nhân dân. Tháng Chạp 1948, Đảng công nhân Ba-lan và Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan hợp nhất lại và hợp thành Đảng công nhân thống nhất Ba-lan. — 102.

⁴² *Những người dân chủ - xã hội Lát-vi-a* là đảng viên của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Lát-vi-a, thành lập vào tháng Sáu 1904 tại Đại hội I của đảng. Tháng Sáu 1905, Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Lát-vi-a đã thông qua cương lĩnh của đảng. Trong những năm 1905 - 1907, đảng đã lãnh đạo các cuộc đấu tranh cách mạng của công nhân. V. I. Lê-nin đã chỉ rõ rằng "trong thời gian cách mạng, giai cấp vô sản Lát-vi-a và Đảng dân chủ - xã hội Lát-vi-a đã giữ một trong những vị trí hàng đầu quan trọng nhất trong cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế và mọi lực lượng của chế độ cũ" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, Mát-xcô-va, t. 19, tr. 305).

Tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) (1906), Đảng công nhân dân chủ - xã hội Lát-vi-a đã gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, như là một tổ chức khu vực. Sau đại hội, đảng lấy tên là Đảng dân chủ - xã hội xứ Lát-vi-a. — 102.

⁴³ *Những người dân chủ - xã hội Ác-mê-ni-a* là thành viên của "Tổ chức công nhân dân chủ - xã hội Ác-mê-ni-a") "phái đặc thù" do những phần tử dân tộc - liên bang Ác-mê-ni-a thành lập ngay sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Cũng giống như phái Bun, "phái đặc thù" đòi xây dựng đảng theo nguyên tắc liên bang, nghĩa là phân chia giai cấp vô sản theo đặc điểm dân

tộc, và tự tuyên bố mình là những đại diện duy nhất của giai cấp vô sản Ác-mê-ni-a. Để bảo chữa cho chủ nghĩa dân tộc của mình, họ viện dẫn "những điều kiện đặc thù của mỗi dân tộc". Trong bức thư gửi Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga nhân sắp có cuộc hội nghị của các tổ chức dân chủ - xã hội ở Nga định triệu tập vào tháng Chín 1905, V. I. Lê-nin đã viết: "Tôi đề nghị các đồng chí đặc biệt cảnh giác đối với "Liên đoàn dân chủ - xã hội Ác-mê-ni-a". Nếu các đồng chí nhận cho nó tham gia hội nghị là các đồng chí đã mắc phải một sai lầm *nguy hại* mà *nhất định* phải sửa. Đó là một bọn phá rối ở Giơ-ne-vơ, chúng xuất bản các thứ hoàn toàn vô nghĩa, không có một mối liên hệ *đúng đắn* nào với Cáp-ca-dơ cả. Đó là *một con bài của phái Bun*, không hơn không kém, được đặc biệt tưởng tượng ra để bợ đỡ phái Bun ở Cáp-ca-dơ... Tất cả các đồng chí Cáp-ca-dơ đều phản đối bọn văn sĩ phá rối ấy"... (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, t. 34, tr. 453 - 454).

Đa-snắc-txu-ti-un là đảng viên đảng tư sản dân tộc chủ nghĩa của những người Đa-snắc-txu-ti-un. Đảng này thành lập vào đầu những năm 90 thế kỷ XIX ở phần Ác-mê-ni-a thuộc Thổ-nhĩ-kỳ với mục đích giải phóng người Ác-mê-ni-a ở Thổ-nhĩ-kỳ khỏi ách của vua Hôi, đảng này là một hỗn hợp dân chủ - tư sản gồm đại biểu của các giai cấp khác nhau. Bên cạnh giai cấp tư sản, trong thành phần của đảng này, giới trí thức dân tộc chiếm vị trí khá lớn, ngoài ra còn có những nông dân và công nhân chưa tiếp xúc với sự tuyên truyền dân chủ - xã hội, và một bộ phận vô sản - lưu manh hợp thành những đội gọi là "đin-voóc".

Trước khi cách mạng 1905 - 1907 nổ ra, Đảng Đa-snắc-txu-ti-un chuyển hoạt động của mình về Cáp-ca-dơ, gần gũi với những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Cách tả của đảng lập thành nhóm "Những người Đa-snắc-txu-ti-un trẻ", năm 1907 gia nhập Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng.

Hoạt động của Đảng Đa-snắc-txu-ti-un mang tính chất phản nhân dân. Do sự tuyên truyền có tính chất dân tộc chủ nghĩa của mình, Đảng Đa-snắc-txu-ti-un đã làm hại nhiều cho sự nghiệp giáo dục tinh thần quốc tế cho giai cấp vô sản và quần chúng lao động Ác-mê-ni-a và toàn bộ Da-cáp-ca-dơ.

Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, những người Đa-snắc-txu-ti-un đã ủng hộ chính sách của Chính phủ lâm thời tư sản; sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, đã đấu tranh trong khối phản cách mạng cùng với những người men-sê-vích, xã

hội chủ nghĩa - cách mạng và Mu-xa-vát chống lại những người bôn-sê-vích. Trong những năm 1918 - 1920, Đa-snắc-txu-ti-un cầm đầu chính phủ tư sản - dân tộc chủ nghĩa phản cách mạng Ác-mê-ni-a; mọi hoạt động của họ đã góp phần biến Ác-mê-ni-a thành thuộc địa của bọn đế quốc nước ngoài và thành chỗ dựa của bọn can thiệp Anh-Pháp và bọn bạch vệ Nga trong cuộc đấu tranh chống Chính quyền xô-viết. Những người lao động Ác-mê-ni-a, dưới sự lãnh đạo của đảng bôn-sê-vích, được sự ủng hộ của Hồng quân đã lật đổ chính phủ Đa-snắc-txu-ti-un vào tháng Mười một 1920. Sau khi Chính quyền xô-viết giành thắng lợi, các tổ chức của Đảng Đa-snắc-txu-ti-un ở Da-cáp-ca-dơ đã bị đập tan và bị thủ tiêu. — 102.

⁴⁴ *S. D. F.* (Social-Democratic Federation – Hội liên hiệp dân chủ - xã hội) thành lập năm 1884. Cùng với phái cải lương (Hen-đman và những người khác) và bọn vô chính phủ, tham gia Hội liên hiệp dân chủ - xã hội còn có nhóm những người dân chủ - xã hội cách mạng, những người theo chủ nghĩa Mác (H. Quen-sơ, T. Man, E. Ê-vê-linh, E-lê-ô-nô-ra Mác - E-vê-linh, v. v.), họ lập thành cánh tả trong phong trào xã hội chủ nghĩa ở Anh. Ph. Ăng-ghen đã phê phán Hội liên hiệp dân chủ - xã hội về chủ nghĩa giáo điều và tư tưởng bè phái, về sự tách khỏi phong trào quần chúng công nhân Anh và coi thường những đặc điểm của phong trào ấy. Năm 1907, Hội liên hiệp dân chủ - xã hội lấy tên là Đảng dân chủ - xã hội; năm 1911, đảng này cùng với những phân tử tả trong Đảng công nhân độc lập đã thành lập Đảng xã hội chủ nghĩa Anh; năm 1920, đảng này cùng với Nhóm thống nhất cộng sản chủ nghĩa đã đóng vai trò chính trong việc thành lập Đảng cộng sản Anh. — 103.

⁴⁵ *I. L. P.* (Independent Labour Party – Đảng công nhân độc lập) là tổ chức cải lương do những người lãnh đạo những "công liên mới" thành lập năm 1893 trong điều kiện cuộc đấu tranh bãi công đang diễn ra sôi nổi và phong trào đòi cho giai cấp công nhân Anh được độc lập đối với các đảng tư sản, được đẩy mạnh. Gia nhập I. L. P. có các thành viên của các "công liên mới" và nhiều công đoàn cũ, đại diện của giới trí thức và giai cấp tiểu tư sản đang chịu ảnh hưởng của phái Pha-biêng. Đứng đầu đảng này là Kê-rơ Hác-đi. Thông qua cương lĩnh của mình, đảng đề ra việc đấu tranh đòi chế độ sở hữu tập thể đối với mọi tư liệu sản xuất, phân phối và trao đổi, thực hiện ngày làm việc 8 giờ, cấm sử dụng lao động trẻ em, thi hành bảo hiểm xã hội và trợ cấp cho những người thất nghiệp.

Ph. Ăng-ghen đã chào mừng việc thành lập I. L. P. và hy vọng rằng nó sẽ tránh được những sai lầm có tính chất bè phái của Hội liên hiệp dân chủ - xã hội và trở thành một đảng công nhân thật sự có tính chất quần chúng. Nhưng ngay từ khi mới ra đời, I. L. P. đã đứng trên lập trường cải lương tư sản, chỉ chú ý nhiều nhất đến hình thức đấu tranh nghị trường và những thỏa hiệp ở trong nghị viện với Đảng tự do. Đánh giá Đảng công nhân độc lập, Lê-nin viết rằng "trên thực tế, đó là một đảng cơ hội chủ nghĩa luôn luôn lệ thuộc vào giai cấp tư sản", rằng đảng này chỉ ""độc lập" đối với chủ nghĩa xã hội nhưng lại phụ thuộc rất nhiều vào chủ nghĩa tự do" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 39, tr. 103, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, Mát-xcơ-va, t. 22, tr. 122). — 103.

⁴⁶ Tại Đại hội Stút-ga, lần đầu tiên V. I. Lê-nin đã gặp và làm quen với C. Txét-kin là người đã cùng với những người cánh tả khác trong phong trào dân chủ - xã hội Đức bảo vệ sách lược của chủ nghĩa Mác cách mạng, chống lại bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn xét lại.

Bản dịch bài "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga" của C. Txét-kin đã được Lê-nin hiệu đính và được bổ sung thêm những chú dẫn giải thích rõ những vấn đề mà về những vấn đề đó đã nổ ra cuộc đấu tranh chống bộ phận cơ hội chủ nghĩa trong số đại biểu tham dự đại hội.

Bài của C. Txét-kin đã được in trong văn tập bốn-sê-vích "Tia chớp". Văn tập này và các văn tập khác xuất bản vào cuối 1907 và đầu 1908 là những xuất bản phẩm duy nhất trong đó có thể công bố các tác phẩm của Lê-nin. Sở dĩ như vậy là do không tổ chức được việc xuất bản Cơ quan ngôn luận trung ương, tờ "Người dân chủ - xã hội", vì những người men-sê-vích, được sự ủng hộ của các đại biểu Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan và những người thuộc phái Bun có chân trong Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga — đã gây trở ngại cho việc thành lập ban biên tập tờ "Người dân chủ - xã hội", còn việc xuất bản cơ quan bốn-sê-vích - báo "Người vô sản", bị gián đoạn bởi Đại hội Luân-đôn, thì mãi tới tháng Mười 1907 mới được khôi phục lại, sau khi không thành công trong việc định tổ chức xuất bản Cơ quan ngôn luận trung ương — báo "Người dân chủ - xã hội".

Ngày 25 tháng Giêng (7 tháng Hai) 1906, Lê-nin viết cho A. M. Goóc-ki về công tác xuất bản các văn tập như sau: "Tất nhiên, những văn tập hợp pháp là cần; các đồng chí chúng ta ở Pê-téc-bua

đang đổ công sức ra làm những văn tập đó, và tôi, sau khi rời Luân-đôn, lúc đó ở Cva-can (Cu-ốc-ca-la. BT.) cũng khó nhọc vì công việc đó. Nếu có thể được thì phải đem hết sức ra để giúp đỡ họ và tiếp tục ra những văn tập đó" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 34, tr. 514). — 110.

⁴⁷ Năm 1907, Nhà xuất bản sách "Hạt giống", do M. X. Kê-đrốp đứng đầu, đã nhận xuất bản tuyển tập gồm ba tập của V. I. Lê-nin, dưới đầu đề chung "Trong 12 năm". Trong Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô còn lưu bản gốc hợp đồng xuất bản đó. Trong số ba tập dự định xuất bản thì chỉ ra được tập đầu và phần đầu của tập hai. Trong tập đầu có các tác phẩm: "Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xto-ru-vê về nội dung đó", "Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga", "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do", "Làm gì?", "Một bước tiến, hai bước lùi", "Cuộc vận động của phái hội đồng địa phương và kế hoạch của báo "Tia lửa", "Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ". Tập đầu xuất bản vào tháng Mười một 1907 (ngoài bìa ghi năm 1908) và bị tịch thu ngay sau khi ra mắt độc giả, nhưng một phần khá lớn bản in đã giấu đi được; sách lại tiếp tục phát hành bí mật.

Những tác phẩm về vấn đề ruộng đất dự định đưa vào tập hai. Do sự truy nã của cơ quan kiểm duyệt Nga hoàng nên đã quyết định bỏ cái tên "Trong 12 năm" và xuất bản tập hai thành hai phần: phần đầu bao gồm những tác phẩm hợp pháp công bố vào năm 1899 trong văn tập "Những bài nghiên cứu và bình luận về kinh tế"; phần hai bao gồm những tác phẩm không hợp pháp. V. I. Lê-nin đưa vào tập hai cuốn sách mới viết xong "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907". Việc xuất bản tập hai với nội dung như trên đã không thực hiện được. Đầu năm 1908, chỉ xuất bản được phần đầu của tập hai lấy tên là "Vấn đề ruộng đất", trong đó bao gồm các tác phẩm: "Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế", "Điều tra về nghề thủ công ở tỉnh Péc-mơ năm 1894 - 1895 và những vấn đề chung về công nghiệp "thủ công" và "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"" (chương I-XI). Phần hai của tập hai, trong đó dự định có cuốn "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" mà

người ta đã xếp chữ rồi, đã bị cảnh sát tịch thu tại nhà in và bị hủy.

Trong tập ba định đưa vào những bài về cương lĩnh và những bài luận chiến đã đăng trên các cơ quan ngôn luận bôn-sê-vích ("Tia lửa", "Tiến lên", "Người vô sản", "Đời sống mới", v. v.). Việc tăng cường đàn áp và việc cơ quan kiểm duyệt truy nã sách báo cách mạng đã cản trở việc xuất bản tập ba. — 114.

⁴⁸ "*Lời nói mới*" là nguyệt san khoa học - văn học và chính trị, do những người dân túy tự do chủ nghĩa xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1894; từ mùa xuân 1897, tạp chí do những "người mác-xít hợp pháp" (P. B. Xơ-ru-vê, M. I. Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, v. v.) xuất bản, có sự tham gia của A. M. Can-mư-cô-va. Trong "*Lời nói mới*" đã đăng phần bổ sung của Ph. Ăng-ghe-n cho tập III bộ "Tư bản" dưới đầu đề "Quy luật giá trị và mức lợi nhuận" (1897, số 12), v. v., cũng như tác phẩm của Lê-nin "Bản về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế. Xi-xmôn-đi và những môn đồ của ông ở nước ta" và "Bản về một bài ngắn" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 2, tr. 141 - 319, 529 - 538). Cộng tác với tạp chí có G. V. Plê-kha-nốp, V. I. Da-xu-lích, A. M. Goóc-ki và những người khác. Tháng Chạp 1897, tạp chí bị chính phủ đóng cửa. — 119.

⁴⁹ "*Bình minh*" là tạp chí chính trị - khoa học mác-xít, do ban biên tập tờ "Tia lửa" xuất bản công khai vào những năm 1901 - 1902 ở Stút-ga. "*Bình minh*" ra được tất cả bốn số (3 quyển); số 1 — tháng Tư 1901 (thực tế ra vào 10 (23) tháng Ba), số 2-3 — tháng Chạp 1901, số 4 — tháng Tám 1902. Nhiệm vụ của tạp chí đã được xác định trong "Dự thảo tuyên bố của ban biên tập báo "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh"" do V. I. Lê-nin viết ở Nga (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 407 - 421). Tạp chí "Bình minh" đã phê phán chủ nghĩa xét lại ở Nga và quốc tế, bảo vệ những cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác. Trong tạp chí "Bình minh" đã in các tác phẩm của Lê-nin: "Bình luận thời sự", "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do", "Các ngài "phê phán" trong vấn đề ruộng đất" (bốn chương đầu của tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"), "Bình luận tình hình trong nước", "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội Nga". — 120.

⁵⁰ "*Tia lửa*" cũ là tờ báo mác-xít bí mật đầu tiên cho toàn Nga, do

V. I. Lê-nin sáng lập năm 1900 và đã đóng vai trò quyết định trong việc thành lập đảng mác-xít cách mạng của giai cấp công nhân Nga.

Do không thể xuất bản một tờ báo cách mạng ở Nga vì bị bọn cảnh sát truy nã, cho nên ngay từ khi còn bị đày ở Xi-bi-ri, Lê-nin đã suy nghĩ rất tỉ mỉ kế hoạch xuất bản tờ báo ấy ở nước ngoài. Khi mãn hạn đi đày (tháng Giêng 1900), Người bắt tay thực hiện ngay kế hoạch của mình. Tháng Hai 1900 tại Pê-téc-bua, Lê-nin đàm phán với V. I. Da-xu-lích từ nước ngoài bí mật trở về, về việc nhóm "Giải phóng lao động" tham gia vào việc xuất bản tờ báo mác-xít cho toàn Nga. Cuối tháng Ba - đầu tháng Tư 1900, một hội nghị gọi là "Hội nghị Pơ-xcốp" đã họp, tham gia hội nghị này có V. I. Lê-nin, L. Mác-tốp, A. N. Pô-tơ-rê-xốp, X. I. Rát-tsen-cô và những "người mác-xít hợp pháp" — P. B. Xơ-ru-vê và M. I. Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki; hội nghị đã thảo luận dự thảo tuyên bố — do Lê-nin viết — của ban biên tập của tờ báo cho toàn Nga ("Tia lửa") và của tạp chí chính trị - khoa học ("Bình minh") về cương lĩnh và nhiệm vụ của hai tờ này. Trong nửa đầu năm 1900, Lê-nin đã đi đến nhiều thành phố ở Nga (Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua, Ri-ga, Xmô-len-xcơ, Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, U-pha, Xa-ma-ra, Xư-dơ-ran), để liên hệ với các nhóm dân chủ - xã hội và một số người dân chủ - xã hội, và thỏa thuận với họ về việc ủng hộ tờ "Tia lửa" sắp xuất bản. Tháng Tám 1900, Lê-nin sang Thụy-sĩ và cùng Pô-tơ-rê-xốp thảo luận với các thành viên của nhóm "Giải phóng lao động" về cương lĩnh và những nhiệm vụ của tờ báo và tạp chí, về những người có thể làm cộng tác viên, về thành phần và địa điểm của ban biên tập; cuộc tọa đàm đó suýt nữa thì tan vỡ (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 422 - 446), nhưng cuối cùng cuộc tọa đàm cũng đi đến nhất trí về tất cả các vấn đề.

Số đầu tiên báo "Tia lửa" của Lê-nin ra tháng Chạp 1900 ở Lai-pxích, những số tiếp theo ra ở Muyn-khen, từ tháng Bảy 1902 ở Luân-đôn, và từ mùa xuân 1903 ở Giơ-ne-vơ. Tờ báo đã được sự giúp đỡ to lớn về mặt tổ chức (tổ chức nhà in bí mật, sưu tập bộ chữ Nga, v.v.) của những người dân chủ - xã hội Đức C. Txét-kin, A. Brau-nơ, v. v., của I-u. Mác-khơ-lép-xki — một nhà cách mạng Ba-lan trong thời gian đó sống ở Muyn-khen, và của H. Quen-sơ — một trong những người lãnh đạo Hội liên hiệp dân chủ - xã hội Anh.

Tham gia ban biên tập báo "Tia lửa" có V. I. Lê-nin, G. V. Plê-kha-nốp, L. Mác-tốp, P. B. Ác-xen-rốt, A. N. Pô-tơ-rê-xốp và V. I. Da-xu-lích. Thư ký ban biên tập lúc đầu là I. G. Xmi-

đô-vích - Lê-man; sau đó, từ mùa xuân 1901 là N. C. Crúp-xcai-a – người kiêm nhiệm cả mọi việc trao đổi thư từ giữa tờ "Tia lửa" với các tổ chức dân chủ - xã hội Nga. Lê-nin thực sự là tổng biên tập và là người lãnh đạo báo "Tia lửa", Người viết các bài nói về tất cả các vấn đề cơ bản về xây dựng đảng và về cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản Nga.

Trọng tâm chú ý của báo "Tia lửa" là các vấn đề về đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản và tất cả những người lao động Nga chống lại chế độ chuyên chế Nga hoàng, báo chú ý nhiều đến những sự kiện quan trọng nhất của đời sống quốc tế, chủ yếu là của phong trào công nhân quốc tế.

"Tia lửa" trở thành trung tâm thống nhất các lực lượng của đảng, tập hợp và giáo dục các cán bộ của đảng. Nhiều nhóm và ban chấp hành của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thuộc xu hướng "Tia lửa" của Lê-nin đã được thành lập tại một loạt thành phố ở Nga (Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Xa-ma-ra, v. v.). Tháng Giêng 1902, tại đại hội của phái "Tia lửa" họp ở Xa-ma-ra, tổ chức "Tia lửa" Nga đã được thành lập. Các tổ chức "Tia lửa" xuất hiện và hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của những học trò và bạn chiến đấu của V. I. Lê-nin như N. E. Bau-man, I. V. Ba-bu-skin, X. I. Gu-xép, M. I. Ca-li-nin, P. A. Cra-xi-cốp, G. M. Cờ-gi-gia-nốp-xki, Ph. V. Len-gnich, P. N. Lê-pê-sin-xki, I. I. Rát-tsen-cô và những người khác.

Theo sáng kiến và với sự tham gia trực tiếp của Lê-nin, ban biên tập báo "Tia lửa" đã thảo ra một dự án cương lĩnh của đảng (công bố trên báo "Tia lửa", số 21, ngày 1 tháng Bảy 1902) và đã chuẩn bị cho Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp ngày 17 (30) tháng Bảy - 10 (23) tháng Tám 1903. Tính đến ngày triệu tập đại hội, đa số các tổ chức dân chủ - xã hội địa phương ở Nga đều đứng về phía báo "Tia lửa", tán thành sách lược, cương lĩnh và kế hoạch tổ chức của nó, công nhận tờ báo là cơ quan lãnh đạo của mình. Trong một nghị quyết đặc biệt, đại hội đã nêu rõ vai trò đặc biệt của báo "Tia lửa" trong cuộc đấu tranh cho đảng và đã tuyên bố đó là Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Ít lâu sau Đại hội II của đảng vào tháng Mười 1903, sau khi xuất bản số 51 báo "Tia lửa", những người men-sê-vích được sự ủng hộ của Plê-kha-nốp, đã chiếm lấy tờ báo về tay mình. Từ đó trở đi, người ta bắt đầu phân biệt tờ "Tia lửa" cũ của Lê-nin (các số 1-51) và tờ "Tia lửa" mới (xuất bản cho đến tháng Mười 1905) men-sê-vích, mà những người men-sê-vích đã biến thành

cơ quan đấu tranh chống chủ nghĩa Mác cách mạng, chống lại đảng. – 120.

- ⁵¹ *Phái Béc-stanh, chủ nghĩa Béc-stanh* là trào lưu thù địch với chủ nghĩa Mác, trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào dân chủ - xã hội Đức và quốc tế, xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX, và được mang tên của E. Béc-stanh, kẻ đại biểu công khai nhất cho những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa hữu trong Đảng dân chủ - xã hội Đức.

Trong những năm 1896 - 1898, Béc-stanh đã đăng một loạt bài trong tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới"), cơ quan lý luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức, dưới nhan đề chung là "Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội", trong đó nấp dưới ngọn cờ "tự do phê bình", Béc-stanh đã toan tính sửa lại (xét lại, do đó có "chủ nghĩa xét lại") những nguyên lý triết học, kinh tế và chính trị của chủ nghĩa Mác cách mạng và thay thế những nguyên lý đó bằng những lý luận tư sản về sự điều hòa những mâu thuẫn giai cấp và về hợp tác giai cấp; Béc-stanh tấn công vào học thuyết của Mác về sự bản cùng hóa giai cấp công nhân, về sự phát triển của những mâu thuẫn giai cấp, về khủng hoảng, về sự phá sản không thể tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản, về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính của giai cấp vô sản; Béc-stanh đã đưa ra một cương lĩnh của chủ nghĩa xã hội - cải lương, biểu hiện trong công thức "phong trào là tất cả, còn mục đích cuối cùng chẳng là gì cả". Năm 1899, các bài báo của Béc-stanh được xuất bản thành sách riêng dưới đầu đề "Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội". Cuốn sách được sự ủng hộ của cánh hữu trong Đảng dân chủ - xã hội Đức và của các phần tử cơ hội chủ nghĩa trong các đảng khác của Quốc tế II, trong đó có "phái kinh tế" Nga.

Tại các đại hội của Đảng dân chủ - xã hội Đức ở Stút-ga (tháng Mười 1898), ở Han-nô-vơ (tháng Mười 1899) và ở Li-u-béc (tháng Chín 1901), chủ nghĩa Béc-stanh đã bị lên án, nhưng đảng đã không đoạn tuyệt với Béc-stanh mà vẫn giữ lập trường điều hòa. Phái Béc-stanh vẫn tiếp tục công khai tuyên truyền những tư tưởng xét lại trong tạp chí "Sozialistische Monatshefte" ("Nguyệt san xã hội chủ nghĩa") và trong các tổ chức đảng.

Chỉ có đảng bôn-sê-vích do V. I. Lê-nin đứng đầu, là kiên quyết và triệt để đấu tranh chống chủ nghĩa Béc-stanh và những kẻ ủng hộ Béc-stanh ở Nga – "những người mác-xít hợp pháp", "phái kinh tế", bọn men-sê-vích. Ngay từ năm 1899, Lê-nin đã lên tiếng chống phái Béc-stanh qua bài "Lời phản kháng của những người dân chủ -

xã hội Nga" và qua bài "Cương lĩnh của chúng ta"; các tác phẩm "Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại", "Những ý kiến bất đồng trong phong trào công nhân châu Âu" và những tác phẩm khác của Lê-nin cũng đã vạch trần chủ nghĩa Béc-stanh (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 207 - 224 và 230 - 235; tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 17, tr. 15 - 26; t. 20, tr. 62 - 69). — 121.

⁵² *Phái "Vô đề"* là nhóm nửa dân chủ - lập hiến, nửa men-sê-vích trong giới trí thức tư sản Nga (X. N. Prô-cô-pô-vích, Ê. Đ. Cu-xcô-va, V. I-a. Bô-gu-tsác-xki, V. V. Poóc-tu-ga-lốp, V. V. Khi-giơ-ni-a-cốp, v. v.), nhóm này hình thành vào thời kỳ bắt đầu thoái trào của cách mạng 1905 - 1907. Nhóm này lấy tên như vậy là theo tên của tờ tuần báo chính trị "Vô đề", xuất bản ở Pê-téc-bua vào tháng Giêng - tháng Năm 1906 dưới sự chỉ đạo biên tập của Prô-cô-pô-vích; về sau phái "Vô đề" lại tập hợp xung quanh tờ báo dân chủ - lập hiến cánh tả "Đồng chí". Ngay trong cái vỏ bề ngoài của mình là không đảng phái, phái "Vô đề" là những kẻ tuyên truyền tư tưởng của chủ nghĩa tự do tư sản và chủ nghĩa cơ hội, ủng hộ bọn xét lại trong phong trào dân chủ - xã hội ở Nga và quốc tế. — 123.

⁵³ *"Trong tập 3 của văn tập này"*, nghĩa là trong tập 3 của Văn tập "Trong 12 năm"; việc xuất bản tập này không thực hiện được vì sự truy nã của cảnh sát. — 124.

⁵⁴ *"Đời sống mới"* là tờ báo bôn-sê-vích hợp pháp đầu tiên; ra hàng ngày từ 27 tháng Mười (9 tháng Mười một) đến 3 (16) tháng Chạp 1905 ở Pê-téc-bua. Người xuất bản và biên tập chính thức của tờ "Đời sống mới" là nhà thơ N. M. Min-xki, người xuất bản - là M. Ph. An-đrê-ê-va. Khi V. I. Lê-nin từ nước ngoài trở về Pê-téc-bua vào đầu tháng Mười một 1905, tờ báo bắt đầu xuất bản dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Người. Thành phần của ban biên tập và cộng tác viên đã thay đổi. Tờ "Đời sống mới" thực tế đã trở thành Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Những cộng tác viên gần gũi nhất của báo là: V. Đ. Bôn-tso - Bru-ê-vích, V. V. Vô-rốp-xki, A. V. Lu-na-tsác-xki, M. X. Ô-n-min-xki và những người khác. A. M. Goóc-ki đã tham gia tích cực vào tờ "Đời sống mới" và cũng đã giúp đỡ cho tờ báo rất nhiều về mặt vật chất. Những người nước ngoài cộng tác với báo có: Rô-da Lú-c-xăm-bua, Các-lơ Liếp-nếch, Mác-xen Ca-sanh, Pôn La-phác-gơ và những người khác.

Trên số 9 của tờ "Đời sống mới" ra ngày 10 tháng Mười một đã xuất hiện bài báo đầu tiên của V. I. Lê-nin "Về việc cải tổ đảng". Sau đó báo đã đăng các bài của Người; "Giai cấp vô sản và nông dân", "Tổ chức của đảng và văn học đảng", "Quân đội và cách mạng", "Cán cân đảng dao động", "Chế độ chuyên chế đảng hấp hối và những cơ quan mới của chính quyền nhân dân", "Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo", v.v.. Có 14 bài của V. I. Lê-nin đã đăng trên báo này. Trong các bài đó, Lê-nin đã xác định những nhiệm vụ và sách lược của đảng trong thời kỳ cách mạng Nga lần thứ nhất.

"Đời sống mới" là người tuyên truyền tích cực mọi nghị quyết và biện pháp của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Nó đã đóng vai trò to lớn trong việc giáo dục chính trị và tổ chức quần chúng, động viên quần chúng tiến tới khởi nghĩa vũ trang.

Tờ báo liên hệ chặt chẽ với các tổ chức đảng và những công nhân cách mạng và được rất nhiều công nhân đọc. Có nhiều bức thư từ khắp miền đất nước được gửi về ban biên tập; tác giả những thư ấy là công nhân, nông dân, viên chức, binh sĩ, sinh viên. Phòng làm việc của ban biên tập là nơi gặp gỡ bí mật, nơi tiến hành các cuộc họp và hội nghị của đảng. Số lượng báo in hàng ngày lên đến 80 nghìn bản.

Tháng Mười 1905, Lê-nin đã viết về "Đời sống mới" như sau: *"Hiện nay diễn đàn rộng rãi nhất để chúng ta tác động đến giai cấp vô sản là tờ báo ra hàng ngày ở Pê-téc-bua"* (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 34, tr. 493).

"Đời sống mới" đã nhiều lần bị truy nã. Sau khi xuất bản số 27, ngày 2 tháng Chạp tờ báo bị chính phủ Nga hoàng đóng cửa. Số cuối cùng, số 28, xuất bản bí mật. — 128.

⁵⁵ Đây có ý nói đến chú thích của V. I. Lê-nin cho bài của V. V. Vô-rốp-xki "Những kết quả của chính sách mị dân" trên số 11 tờ "Tiến lên", ngày 10 (23) tháng Ba 1905 (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 9, tr. 444 - 445).

"Tiến lên" là tờ báo bôn-sê-vích bất hợp pháp, ra hàng tuần; xuất bản ở Giơ-ne-vơ từ ngày 22 tháng Chạp 1904 (4 tháng Giêng 1905) đến ngày 5 (18) tháng Năm 1905. Báo ra được 18 số; số lượng in 7 - 10 nghìn tờ. V. I. Lê-nin là người tổ chức, người cổ vũ về tư tưởng và người lãnh đạo trực tiếp tờ báo. Chính Người đã đặt ra cả tên gọi tờ báo. Thành phần ban biên tập gồm có: V. V. Vô-rốp-xki, A. V. Lu-na-tsác-xki, M. X. Ô-n-min-xki,

N. C. Crúp-xcai-a tiến hành toàn bộ công việc trao đổi thư từ giữa báo với các ban chấp hành địa phương ở Nga và với các phóng viên.

Báo "Tiến lên" xuất bản trong hoàn cảnh có cuộc đấu tranh gay gắt trong nội bộ đảng, khi mà sau Đại hội II, các thủ lĩnh men-sê-vích đã lừa dối chiếm các cơ quan trung ương của đảng (Cơ quan ngôn luận trung ương, Hội đồng đảng và Ban chấp hành trung ương), và bắt đầu chia rẽ các tổ chức đảng ở địa phương. Hoạt động phá hoại tổ chức của bọn men-sê-vích đã phá hoại sự thống nhất hành động của giai cấp công nhân. Đứng trước cuộc cách mạng đang tiến triển ở Nga, vào lúc đòi hỏi phải đặc biệt đoàn kết các lực lượng để bảo đảm sự thống nhất chiến đấu của giai cấp vô sản thì không thể dung thứ được một tình hình như vậy ở trong đảng. V. I. Lê-nin và những người bên-sê-vích đã tiến hành cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa cơ hội của bọn men-sê-vích và hoạt động phá hoại tổ chức của chúng, và kêu gọi các tổ chức đảng ở địa phương hãy đấu tranh đòi triệu tập Đại hội III của đảng, coi đây là lối thoát duy nhất khỏi cuộc khủng hoảng trong đảng, chặn tay bọn men-sê-vích và thành lập ban lãnh đạo mới đáp ứng được ý chí của đảng. Khi xác định nội dung của tờ báo, Lê-nin viết: "Đường lối của tờ "Tiến lên" là *đường lối của tờ "Tia lửa" cũ*. Vì "Tia lửa" cũ, báo "Tiến lên" sẽ kiên quyết đấu tranh chống "Tia lửa" mới" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 9, tr. 291). Trên tờ "Tiến lên", Lê-nin không những viết những bài có tính chất chỉ đạo, mà còn viết rất nhiều bài bút ký và chỉnh lý những bài báo gửi đến. Một số bài Lê-nin đã cộng tác với các ủy viên khác trong ban biên tập (Vô-rốp-xki, Ôn-min-xki, v. v.) để viết. Trong phần bản thảo còn lưu lại của nhiều tác giả có bút tích của Lê-nin đã sửa chữa nhiều chỗ và bổ sung nhiều đoạn quan trọng. Trên các trang in thử của từng số báo, Lê-nin đều nhất thiết xem lại. Thậm chí ngay cả lúc hết sức bận rộn với công việc tại Đại hội III ở Luân-đôn, Lê-nin vẫn tranh thủ thời gian xem lại bản in thử của số 17 báo "Tiến lên". Chỉ có số 18 là hình như đã xuất bản không có sự biên tập của Lê-nin, vì Người phải từ Luân-đôn đi Giơ-ne-vơ. Trên báo "Tiến lên" đã đăng hơn 60 bài và bút ký của Lê-nin. Trong các bài đó, V. I. Lê-nin đã vạch ra đường lối sách lược của những người bên-sê-vích về các vấn đề khởi nghĩa vũ trang, về chính phủ cách mạng lâm thời và chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân, về thái độ của Đảng dân chủ - xã hội đối với phong trào nông dân, đối với giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, đối với cuộc chiến tranh

Nga - Nhật. Một vài số báo, chẳng hạn như số 4 và 5, dành nói về các sự kiện ngày 9 tháng Giêng 1905 và sự mở đầu cuộc cách mạng ở Nga, hầu như hoàn toàn do Lê-nin viết. Báo "Tiến lên", ngay sau khi ra đời đã chiếm được cảm tình của các ban chấp hành đảng ở địa phương và họ thừa nhận tờ báo là cơ quan của mình.

Đoàn kết các ban chấp hành đảng ở địa phương trên cơ sở những nguyên tắc của Lê-nin, báo "Tiến lên" đã đóng vai trò to lớn trong việc chuẩn bị cho Đại hội III của đảng, mà cơ sở của các nghị quyết của đại hội này là những phương hướng do Lê-nin đưa ra và luận chứng trên các trang báo. Đường lối sách lược của báo "Tiến lên" đã thành đường lối sách lược của Đại hội III. Báo "Tiến lên" thường xuyên liên hệ với các tổ chức đảng ở Nga. Đặc biệt chặt chẽ là mối liên hệ với các ban chấp hành Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Ô-đét-xa, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, Ba-cu, v. v., cũng như với Ban chấp hành Liên minh Cáp-ca-dơ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Các bài báo của Lê-nin đăng trên tờ "Tiến lên" thường được in lại trên các cơ quan báo chí bên-sê-vích địa phương, phát hành thành các tờ truyền đơn hoặc sách lẻ. Bài báo "Bước đầu của cuộc cách mạng ở Nga" của Lê-nin đăng trên tờ "Tiến lên", số 4, đã được các ban chấp hành Ô-đét-xa, Xa-ra-tốp và Ni-cô-lai-ép thuộc Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga phát hành thành truyền đơn, còn bài "Giai cấp vô sản và nông dân" ("Tiến lên", số 11) thì do Ban chấp hành Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga phát hành. Ban chấp hành Liên minh Cáp-ca-dơ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã xuất bản bài báo của Lê-nin "Nền chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân" ("Tiến lên", số 14) thành cuốn sách riêng bằng các thứ tiếng Gru-di-a, Nga và Ác-mê-ni-a. Đại hội III của đảng đã đánh giá, trong một nghị quyết đặc biệt, vai trò xuất sắc của báo "Tiến lên" trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa men-sê-vích để khôi phục tính đảng, trong việc nêu lên và giải thích những vấn đề sách lược do phong trào cách mạng đề ra, trong cuộc đấu tranh đòi triệu tập đại hội, và bày tỏ lòng cảm ơn đối với ban biên tập tờ báo. Theo quyết định của Đại hội III, tờ "Người vô sản" sẽ được xuất bản thay thế tờ "Tiến lên", coi đây là Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng, là sự kế tục thẳng và trực tiếp của tờ "Tiến lên".

Báo "Tiến lên" đã đóng vai trò to lớn trong cuộc đấu tranh giữa khuynh hướng chính trị vô sản cách mạng và khuynh hướng tiểu tư sản và tư sản tự do chủ nghĩa trong thời kỳ cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất. — 130.

⁵⁶ V. I. Lê-nin có ý nói đến sách lược nửa tẩy chay do phái men-sê-vích đưa ra trong cuộc bầu cử Đu-ma nhà nước I (Đu-ma Vít-te). Không tán thành sách lược của những người bôn-sê-vích là kiên quyết tẩy chay cuộc bầu cử, những người men-sê-vích đưa ra một khẩu hiệu có tính chất phá hoại tổ chức, chủ trương Đảng dân chủ - xã hội tham gia tất cả các giai đoạn bầu cử, trừ giai đoạn cuối (tức là giai đoạn đề cử vào Đu-ma). — 136.

⁵⁷ Khẩu hiệu thành lập "*Ban chấp hành của phái tả trong Đu-ma*" do những người bôn-sê-vích đưa ra nhằm mục đích bảo đảm đường lối giai cấp độc lập của các đại biểu công nhân trong Đu-ma, nhằm lãnh đạo hoạt động của các đại biểu nông dân và làm cho họ khỏi bị ảnh hưởng của những người dân chủ - lập hiến. Đối lập với khẩu hiệu này, những người men-sê-vích đưa ra khẩu hiệu của họ về "sự đối lập của toàn dân", nghĩa là các đại biểu công nhân và nông dân phải ủng hộ Đảng dân chủ - lập hiến, mà phái men-sê-vích xếp vào số các đảng tả cùng những người dân chủ - xã hội, xã hội chủ nghĩa - cách mạng và phái lao động.

Sau khi Đu-ma I bị giải tán, tháng Bảy 1906, "Ban chấp hành của phái tả" thực tế đã tập hợp xung quanh đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma. Theo sáng kiến của "Ban chấp hành của phái tả", người ta đã cho phát hành "Tuyên ngôn gửi quân đội và hải quân", do Ban chấp hành đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma và Ban chấp hành Nhóm lao động ký; "Tuyên ngôn gửi toàn thể nông dân Nga" cũng do Hội liên hiệp nông dân toàn Nga, Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Ban chấp hành Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, Hội liên hiệp đường sắt toàn Nga và Hội liên hiệp các nhà giáo toàn Nga ký; tuyên ngôn "Gửi toàn thể nhân dân" cũng do các đảng ấy (trừ ba hội liên hiệp) và cả Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan và phái Bun ký. Các bản tuyên ngôn đã kêu gọi nhân dân tiến hành đấu tranh cách mạng chống chính phủ, và đưa ra khẩu hiệu đòi triệu tập Quốc hội lập hiến. — 137.

⁵⁸ *Lời giải thích của Pháp viện tối cao* là những giải thích về luật 11 (24) tháng Chạp 1905 về bầu cử Đu-ma nhà nước do Pháp viện chấp chính tối cao ban hành trước cuộc bầu cử Đu-ma II. Với những giải thích đó, Pháp viện tối cao đã tước quyền bầu cử của các nhóm dân cư mới là công nhân, nông dân và các đại diện của các dân tộc không phải là người Nga. V. I. Lê-nin đã gọi những giải thích đó là "những giải thích tuyệt vời của Xtô-lư-pin về "thực chất của hiến pháp". — 148.

⁵⁹ Trong thời kỳ cuộc vận động bầu cử vào Đu-ma nhà nước I, tờ báo của chính phủ "Nhà nước Nga" (báo ra buổi chiều của tờ "Truyền tin của chính phủ") trong số 39, ngày 18 (31) tháng Ba 1906 có đăng bài của một người tên là Segno nào đó với nhan đề là "Người mu-gích" trong Đu-ma. Tác giả trấn an các đại biểu của giới cầm quyền sợ rằng sẽ có nhiều đại biểu nông dân được bầu vào Đu-ma và họ sẽ đòi phân chia ruộng đất của địa chủ. "Đừng sợ cho họ — cho những con người áo vải chân đất này, đừng sợ cho sự hiểu biết và trình độ học vấn thấp kém của họ: đầu óc tỉnh táo và sự tháo vát sẽ giúp họ, và về mặt hoạt động nghị viện thì sự tháo vát đó đáng giá như một bằng học vị, mà với cái bằng học vị như thế thì, như mọi người đều biết, hoàn toàn không nhất thiết phải có đầu óc tỉnh táo" — 151.

⁶⁰ Xem C. Mác. "Bọn phản cách mạng Phổ và đảng cấp quan tòa Phổ" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, xuất bản lần thứ 2, t. 6, tr. 148). — 152.

⁶¹ "*Ngọn cờ lao động*" là cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng; báo ra từ tháng Bảy 1907 đến tháng Tư 1914 ở Pa-ri. — 157.

⁶² *Những người cấp tiến và xã hội chủ nghĩa - cấp tiến Pháp* là những người thuộc đảng tư sản Pháp, hình thành về tổ chức vào năm 1901, nhưng thực ra có từ những năm 80 của thế kỷ XIX. Trước chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), đảng này chủ yếu đại biểu cho lợi ích của giai cấp tiểu tư sản và tư sản bậc trung; trong thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai, ảnh hưởng của giai cấp tư sản lớn phát triển mạnh trong đảng. Những thủ lĩnh của đảng đã nhiều lần cầm đầu chính phủ Pháp. — 159.

⁶³ *Hội nghị đại biểu đảng bộ Xanh Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga* họp ngày 27 tháng Mười (9 tháng Mười một) 1907 ở Tê-ri-ô-ki. Tại hội nghị có 57 đại biểu chính thức và 11 đại biểu không có quyền biểu quyết. Trong chương trình nghị sự của hội nghị có những vấn đề sau: 1) Báo cáo của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về cuộc vận động trước khi bầu cử Đu-ma III; 2) Báo cáo về hoạt động của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; 3) Hội nghị đại biểu toàn Nga; 4) Vụ án

đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma II; 5) Nạn thất nghiệp; 6) Cuộc bầu cử lại của hội nghị toàn thành, và những vấn đề tổ chức khác.

Trong bản báo cáo của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua có nêu lên rằng cảnh sát đã gây áp lực thô bạo đối với những cử tri công nhân trong thời gian bầu cử Đu-ma III; đã tước mất của những người dân chủ - xã hội mọi khả năng tiến hành cổ động trước bầu cử, v. v.. Trong bản báo cáo cũng chỉ ra rằng ở Pê-téc-bua, có một tổ chức của bọn men-sê-vích hoàn toàn độc lập, che giấu không cho đảng biết.

Trong bản báo cáo về hoạt động của Ban chấp hành trung ương có nêu ban chấp hành này không có đầy đủ khả năng làm việc vì nó không chiếm một đa số vững chắc. Về nhiều vấn đề rất quan trọng (xuất bản Cơ quan ngôn luận trung ương, phê chuẩn nghị quyết về công đoàn, thảo luận những bước đầu tiên của đảng đoàn ở trong Đu-ma, v. v.), Ban chấp hành trung ương không thể thông qua được một nghị quyết nào vì hoạt động phá rối tổ chức của bọn men-sê-vích. Về vấn đề này của chương trình nghị sự, hội nghị bày tỏ nguyện vọng rằng trong cuộc hội nghị đại biểu toàn Nga sắp tới, những đại diện của đảng bộ Pê-téc-bua sẽ làm tất cả những gì có thể làm được để "Ban chấp hành trung ương thoát khỏi tình trạng bế tắc hiện nay và nâng hoạt động của nó lên tới mức cần thiết" ("Người vô sản", số 20, 19 tháng Mười một 1907).

Lê-nin đã đọc báo cáo tại hội nghị về việc chuẩn bị cho hội nghị đại biểu toàn Nga: về sách lược của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III và về sự tham gia của những người dân chủ - xã hội trên báo chí tư sản. Về vấn đề sách lược của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma, hội nghị đã thông qua nghị quyết do Lê-nin đưa ra, với 37 phiếu thuận và 12 phiếu chống. Phái men-sê-vích biểu quyết chống lại, họ đề nghị ủng hộ phái tháng Mười "cánh tả" trong Đu-ma III và khi bầu đoàn chủ tịch Đu-ma thì bỏ phiếu cho những người tháng Mười "cánh tả". Hội nghị đã thông qua đề nghị của những người bôn-sê-vích là: những người dân chủ - xã hội không tham gia báo chí tư sản. Khi thảo luận vấn đề về vụ án đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma II, V. I. Lê-nin đã thông báo cho hội nghị biết rằng Người đã báo về vụ án sắp tới đối với đảng đoàn cho Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa biết, Cục quốc tế sẽ thông qua Liên minh các nghị sĩ quốc tế chất vấn tại các thượng viện Anh, Đức và Bỉ để thu hút sự chú ý của giai cấp công nhân

quốc tế đến vấn đề đó. Hội nghị đã thông qua nghị quyết là phải tiến hành một cuộc bãi công trong một ngày của nam nữ công nhân thủ đô và tỉnh Pê-téc-bua vào ngày mở đầu vụ án xét xử đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma II.

Hội nghị đã bầu hai đại biểu bôn-sê-vích đi dự hội nghị đại biểu toàn Nga Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. — 161.

⁶⁴ *Đại hội đảng ở Drét-đen* là đại hội của Đảng dân chủ - xã hội Đức họp ngày 13 - 20 tháng Chín 1903 ở Drét-đen. Trung tâm chú ý của đại hội là vấn đề sách lược của đảng và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại. Đại hội đã phê phán những quan điểm xét lại của E. Béc-stanh, P. Gơ-rê, E. Đa-vít, V. Hai-nơ và một số người dân chủ - xã hội Đức khác. Trong nghị quyết đã được đại hội thông qua với tuyệt đại đa số phiếu (288 phiếu thuận, 11 phiếu chống) có nói: "Đại hội đảng lên án một cách kiên quyết nhất những khuynh hướng xét lại muốn thay đổi sách lược cũ của chúng ta, một sách lược đã được thử thách, thu được những thắng lợi, và dựa trên cơ sở của cuộc đấu tranh giai cấp, tức là lên án việc đem chính sách nhượng bộ đối với chế độ hiện tồn thay cho việc giành chính quyền bằng cách lật đổ kẻ địch của chúng ta" ("Protokoll über die Verhandlungen des Parteitages der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands. Abgehalten zu Dresden vom 13. bis 20. September 1903". Berlin, 1903, S. 418). Việc thông qua một nghị quyết như vậy có một ý nghĩa tích cực nhất định. Tuy nhiên, trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, đại hội đã tỏ ra thiếu thái độ triệt để; bọn xét lại trong Đảng dân chủ - xã hội Đức đã không bị khai trừ khỏi đảng, nên sau đại hội, chúng lại tiếp tục tuyên truyền những quan điểm cơ hội chủ nghĩa của chúng. Đại hội đã thông qua một nghị quyết cơ hội chủ nghĩa về việc cho phép những người dân chủ - xã hội tham gia báo chí tư sản. — 170.

⁶⁵ *Đu-ma nhà nước III* (tên gọi chính thức là Đu-ma nhà nước khóa III) đã làm việc từ ngày 1 (14) tháng Mười một 1907 đến ngày 9 (22) tháng Sáu 1912 (cả thảy có năm khóa họp). Do được bầu ra trên cơ sở luật bầu cử ngày 3 tháng Sáu, Đu-ma III, xét theo bản chất giai cấp và thành phần đảng phái của nó, là Đu-ma của bọn Trăm đen và phái tháng Mười, là công cụ ngoan ngoãn của chính phủ Nga hoàng trong việc thực hiện chính sách phản cách mạng của nó là dùng bạo lực và đàn áp những lực lượng cách mạng ở Nga.

Tổng số đại biểu của Đu-ma là 442, nghĩa là ít hơn nhiều so với hai Đu-ma đầu. Tính chất phản động của Đu-ma thể hiện ngay trong thành phần đẳng cấp của nó. Hơn một nửa đại biểu (229) là quý tộc và dòng dõi quý tộc, 46 — giới tu hành, 42 — giới buôn bán, 15 — người Cô-dắc, 94 — nông dân, 12 — tiểu thị dân. Về nghề nghiệp thì các thành viên của Đu-ma phân bố như sau: điền chủ — 242, những người hoạt động của hội đồng địa phương — 133, người làm nông nghiệp — 79, nhà thờ — 49, trạng sư — 37, thương nhân và các nhà công nghiệp — 36, quan lại — 47, bác sĩ và các nhà sư phạm — 42, thợ thủ công và công nhân — 16, v. v..

Buổi đầu của khóa họp thứ nhất, trong Đu-ma có đại diện của 11 chính đảng và các nhóm, trong số đó: cánh hữu (cực hữu, những người dân tộc chủ nghĩa và cánh hữu ôn hòa) — 147 đại biểu, những người tháng Mười — 154, nhóm người Ba-lan - Lit-va - Bê-lô-ru-xi-a — 7, Cô-lô Ba-lan — 11, nhóm tiến bộ — 28, nhóm theo đạo Hồi — 8, những người dân chủ - lập hiến — 54, Nhóm lao động — 14, những người dân chủ - xã hội — 19.

Không có một đảng nào chiếm đa số tuyệt đối trong Đu-ma, điều đó phù hợp với mục đích của chính phủ Nga hoàng là thực hiện chính sách nước đôi Bô-na-pác-tơ giữa địa chủ và giai cấp tư sản. Trong Đu-ma III hình thành hai đa số phản cách mạng: đa số Trăm đen - tháng Mười và đa số tháng Mười - dân chủ - lập hiến. Đa số Trăm đen - tháng Mười bảo đảm cho Xtô-lư-pin thi hành chính sách ruộng đất, chính sách khắc nghiệt trong vấn đề công nhân, chính sách nước lớn công khai đối với các dân tộc ít người. Đa số tháng Mười - dân chủ - lập hiến cần phải có là để tạo ra cái vẻ bề ngoài của những phép tắc sinh hoạt theo lối nghị viện ở Nga, là để nhận được vốn vay của nước ngoài, là để tách quần chúng khỏi phong trào cách mạng bằng những nhượng bộ và cải cách nhỏ.

Đánh giá chung về Đu-ma III, V. I. Lê-nin viết: "Người ta muốn dùng Đu-ma để che đậy, tô điểm, làm đóm cho chế độ chuyên chế. Nhưng trên thực tế thì Đu-ma Trăm đen - tháng Mười càng tồi tệ, càng bộc lộ và phơi trần tính chất thực của chính quyền nhà nước nước ta, những chỗ dựa giai cấp thực sự và chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ của nhà nước ấy" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1972, t. 15, tr. 382).

Đu-ma nhà nước III hoàn toàn ủng hộ chế độ phản động ngày 3 tháng Sáu về mọi vấn đề của chính sách đối nội và đối ngoại, chỉ tiền rộng rãi cho cảnh sát, hiến binh, những quan

chức hội đồng địa phương, tòa án, nhà tù, Thánh vụ viện. Đu-ma đã thông qua dự luật về nghĩa vụ quân sự, dự luật này xóa bỏ các quyền ưu tiên trong việc gọi vào quân đội và tăng thành phần của quân đội lên rất nhiều.

Vai trò phản động của Đu-ma III thể hiện đặc biệt rõ trong bộ luật lao động. Đa số phản động của Đu-ma trong ba năm đã không thi hành một số dự luật về bảo hiểm lao động. Mãi tới năm 1911, do tác động của cao trào cách mạng mới, Đu-ma đã phê chuẩn các dự luật đó. Nhưng những dự luật này cũng bị cắt xén đến mức không những không cải thiện mà còn làm xấu đi những điều kiện bảo hiểm so với đạo luật năm 1903, chỉ áp dụng chế độ bảo hiểm cho 2,5 triệu công nhân trong số 13 triệu người lao động làm thuê. Năm 1910, Đu-ma đã thông qua dự luật về việc bảo đảm sự nghỉ ngơi bình thường cho các viên chức thương mại, dự luật đó trực tiếp làm khó khăn hơn cho điều kiện lao động so với các quy tắc tạm thời thi hành trước kia từ năm 1906, lúc đó chính phủ muốn lôi kéo các cử tri là những người bán hàng ủng hộ các đảng hữu, muốn lấy lòng họ bằng một vài sự bố thí. Tiểu ban lao động của Đu-ma đã bác bỏ dự luật ngày 5 (18) tháng Ba 1912 về tự do bãi công, thậm chí không cho thảo luận dự luật đó trong các phiên họp của Đu-ma.

Đa số phản động trong Đu-ma III đã ủng hộ chính sách Nga hóa của chính phủ Nga hoàng, khơi sâu thêm mối hiểm khích dân tộc.

Trong lĩnh vực chính sách đối ngoại, Đu-ma III đã ủng hộ chính sách tăng cường can thiệp vào công việc của các nước vùng Ban-căng, ủng hộ tinh thần Đại Xla-vơ phản động, tìm cách tăng ngân sách quân sự.

Đu-ma hoàn toàn ủng hộ luật ruộng đất của Xtô-lư-pin; năm 1910, nó tán thành luật ruộng đất mà cơ sở của luật đó là sắc lệnh ngày 9 (22) tháng Mười một 1906. Nó đã bác bỏ mọi dự án của các đại biểu nông dân về việc phân chia ruộng đất cho những nông dân không có và có ít ruộng đất, không cho phép họ thảo luận các dự án ấy trong các phiên họp.

Đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III, mặc dầu công tác trong điều kiện hết sức khó khăn, số lượng ít và mắc nhiều sai lầm trong bước đầu hoạt động của mình, nhưng nhờ sự cố gắng của những người bôn-sê-vich trong đảng đoàn nên nó đã tiến hành được một công tác to lớn trong việc vạch trần chính sách phản dân của Đu-ma III, giáo dục chính trị cho giai cấp vô sản

và nông dân Nga, dùng diễn đàn của Đu-ma cũng như thông qua công tác bên ngoài Đu-ma để kêu gọi họ.

V. I. Lê-nin đã đánh giá về Đu-ma nhà nước III, thành phần đảng phái và hoạt động của nó trong các tác phẩm: "Đu-ma III", "Đu-ma nhà nước III và Đảng dân chủ - xã hội", "Về việc đánh giá tình hình hiện nay", "Các cuộc thảo luận về ruộng đất trong Đu-ma III", v. v.. (xem tập này, tr. 173 - 186 và Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 15, tr. 375 - 395, 430 - 452). — 172.

⁶⁶ Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã tham gia cuộc bầu cử Đu-ma nhà nước III theo quyết định của Hội nghị III ("Hội nghị toàn Nga lần thứ hai") họp vào ngày 21 - 23 tháng Bảy (3 - 5 tháng Tám) 1907. Luật bầu cử 3 (16) tháng Sáu 1907 đã cắt xén đi nhiều những quyền bầu cử vốn dĩ chưa đầy đủ của công nhân, rút bớt số lượng đại biểu cử tri từ 237 xuống 112 và chỉ giữ nguyên quyền bầu cử của công nhân ở 44 tỉnh trong số 53 tỉnh. Tất cả những hoàn cảnh đó, cũng như những hành động truy nã thô bạo của cảnh sát đối với những công nhân được ủy quyền và những đại biểu cử tri là công nhân đã dẫn đến kết quả là chỉ có 19 đại biểu dân chủ - xã hội được bầu vào Đu-ma III (so với 65 đại biểu trong Đu-ma II).

Cuộc bầu cử Đu-ma III chứng tỏ ảnh hưởng của những người bôn-sê-vích tăng lên trong phong trào công nhân Nga: trong số 6 đại biểu do đoàn tuyển cử công nhân 6 tỉnh bầu ra, có 4 đảng viên bôn-sê-vích (N. C. Pô-lê-ta-ép của tỉnh Pê-téc-bua, M. V. Da-kha-rốp của tỉnh Mát-xcơ-va, X. A. Vô-rô-nin của tỉnh Vla-đi-mia, P. I. Xuốc-cốp của tỉnh Cô-xô-rô-ma) và 2 đảng viên men-sê-vích (Cu-dơ-nê-txốp G. X. của tỉnh Ê-ca-tê-ri-nô-xláp và Suốc-ca-nốp V. X. của tỉnh Khắc-cốp (về sau mới biết là kẻ khiêu khích)). Đảng viên bôn-sê-vích V. Ê. Cô-xô-rô-tốp do đoàn tuyển cử công nhân tỉnh U-pha bầu lên nhờ sự ủng hộ của các đại biểu cử tri nông dân. Trong Đu-ma III có 5 đại biểu bôn-sê-vích và hai đại biểu đứng về phía những người bôn-sê-vích (Pô-crốp-xki I. P. và Prết-can-nơ A. I., người dân chủ - xã hội Lát-vi-a) do đoàn tuyển cử thành phố thứ hai của thành phố Tem-ri-úc và Ri-ga bầu ra. Thông thường thì các đại biểu men-sê-vích không do đoàn tuyển cử công nhân mà do các đoàn tuyển cử khác bầu ra, như đoàn thành phố, đoàn nông dân và thậm chí cả đoàn điền chủ nữa (Ê. P. Ghê-ghê-tơ-cô-ri của tỉnh Cu-tai-xơ và I. I. Gai-đa-rốp của khu Đa-ghê-xtan). Đó là nguyên nhân tại

sao phái men-sê-vích đông hơn rất nhiều. Nhưng dần dần, lực lượng của phái bôn-sê-vích và men-sê-vích gần như cân bằng. Những phần tử ngẫu nhiên đã rút ra khỏi bộ phận đảng đoàn men-sê-vích: một đại biểu chạy sang nhóm Hồi giáo, 4 đại biểu sang đảng đoàn của những người không đảng phái. Bộ phận đảng đoàn bôn-sê-vích bị rút một đại biểu, đó là Cô-xô-rô-tốp, vì ông ta bị buộc tội tham gia vụ án chính trị và bị bắt giam trong pháo đài. Trong khóa họp thứ năm của Đu-ma, đảng đoàn dân chủ - xã hội gồm 13 đại biểu: 4 đại biểu bôn-sê-vích và 2 là đứng về phía bôn-sê-vích và 7 đại biểu men-sê-vích, một số đại biểu men-sê-vích này thuộc những người men-sê-vích ủng hộ đảng đã cộng tác trong các cơ quan ngôn luận chống chủ trương thủ tiêu, do đó, họ đã tán thành những người bôn-sê-vích trong vấn đề hết sức quan trọng của thời bấy giờ là duy trì đảng công nhân bất hợp pháp.

Đảng đoàn dân chủ - xã hội được thành lập theo nghị quyết của Hội nghị IV của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. V. I. Lê-nin đã thảo ra một cương lĩnh hành động và sách lược đấu tranh cho đảng đoàn dân chủ - xã hội. Trong giai đoạn đầu hoạt động của mình, đảng đoàn dân chủ - xã hội, đúng ra là đa số men-sê-vích trong đó, đã mắc những sai lầm nghiêm trọng thể hiện trước hết ở chỗ muốn hoạt động độc lập đối với Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Nó đã giữ một lập trường không đúng khi Đu-ma thông qua "đơn thỉnh nguyện tỏ rõ lòng trung thành" gửi Nga hoàng; những người men-sê-vích trong đảng đoàn đã thay mặt đảng đoàn dân chủ - xã hội tham gia các hội nghị của phái đối lập cùng với bọn dân chủ - lập hiến và Cô-lô Ba-lan, bất chấp nghị quyết của Đại hội Luân-đôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Ban chấp hành trung ương đảng đã lên án hành động đó của những người men-sê-vích, nhưng chúng vẫn tiếp tục bảo vệ sách lược cải lương của mình. Khi thảo luận bản tuyên bố của chính phủ ngày 16 (29) tháng Mười một 1907, đảng đoàn dân chủ - xã hội đã bác bỏ dự thảo tuyên bố của Ban chấp hành trung ương đảng và đưa ra một bản tuyên bố riêng của mình trong đó đã cắt xén các yêu sách có tính chất cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Tổng kết công tác của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong thời gian khóa họp đầu tiên của Đu-ma, trong "Thư gửi các tổ chức địa phương", Ban chấp hành trung ương đã phê phán tỉ mỉ sai lầm của đảng đoàn, nhất là bản tuyên bố của nó. Trong thư của Ban chấp hành trung ương có nói rằng việc các

khẩu hiệu cách mạng và các yêu sách của đảng bị cắt xén trong bản tuyên bố — đó "là một sự xa rời rõ rệt đường lối sách lược mà đảng đã vạch ra. Và sự xa rời đó rõ ràng là một việc làm cố ý và có tính toán" ("Người vô sản", số 29, 16 (29) tháng Tư 1908, tr. 3).

Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư năm của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (tháng Chạp 1908) có ý nghĩa quan trọng đối với việc cải tiến hoạt động của đảng đoàn dân chủ - xã hội. N. G. Pô-lê-ta-ép, người giữ vai trò lãnh đạo bộ phận bên-sê-vích trong đảng đoàn, đã thay mặt các đại biểu bên-sê-vích dự hội nghị. Để giảng trả lại phái triệu hồi và phái thủ tiêu, hội nghị đã thông qua một loạt nghị quyết có tính chất tổ chức nhằm tăng cường trách nhiệm của các đại biểu công nhân trước đảng. V. I. Lê-nin đã đánh giá các nghị quyết của hội nghị về vấn đề này trong bài "Bước vào con đường đúng". Khi nêu ra những sai lầm của một số đảng xã hội chủ nghĩa ở châu Âu đã trở thành vật phụ thuộc vào các đảng đoàn trong nghị viện nước mình, V. I. Lê-nin viết: "Chúng ta cần tổ chức ngay lập tức vấn đề hoạt động trong nghị viện của phái dân chủ - xã hội ở nước Nga theo một cách khác. Chúng ta cần ngay lập tức hành động thống nhất trong lĩnh vực này, để cho mỗi đại biểu dân chủ - xã hội thực sự thấy rằng đảng ủng hộ họ, đảng đau xót trước những khuyết điểm của họ và quan tâm uốn nắn cho họ đi đúng đường, để cho mỗi cán bộ đảng tham gia vào công việc chung của đảng ở Đu-ma, rút ra những bài học từ sự phê bình có tính chất mác-xít cụ thể đối với công tác của đảng đoàn, cảm thấy có trách nhiệm phải giúp đỡ đảng đoàn sao cho công tác đặc biệt của đảng đoàn phù hợp với toàn bộ công tác tuyên truyền cổ động của đảng" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 15, tr. 50).

Sự phê phán có tính nguyên tắc của những người bên-sê-vích đối với sai lầm của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma III, sự bất bình của công nhân đối với hoạt động của đảng đoàn, sự lãnh đạo của đảng được tăng cường — tất cả những cái đó đã làm cho ảnh hưởng của các đại biểu bên-sê-vích đối với hoạt động của đảng đoàn tăng lên, khiến một bộ phận men-sê-vích rút ra khỏi đảng đoàn, và cải tiến dần dần công tác của nó trong ba khóa họp cuối cùng của Đu-ma; điều này thể hiện rõ trong việc tăng cường những hoạt động chất vấn, thảo ra những dự luật của mình và đưa ra Đu-ma thảo luận, trong việc tăng cường hoạt động bên ngoài Đu-ma của các đại biểu, v. v.. Tổng kết công

tác của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma III từ năm 1908 đến 1912, V. I. Lê-nin viết rằng đảng đoàn từ chỗ "đối lập với" đảng, từ một đảng đoàn bị đảng phê bình và được phái men-sê-vích bảo vệ (và đôi khi trực tiếp được khuyến khích hành động theo hướng cơ hội chủ nghĩa), — đã trở thành đảng đoàn *chống phái thủ tiêu*... Kinh nghiệm công tác trong Đu-ma Trăm đen và kinh nghiệm đấu tranh chống cánh hữu của phái men-sê-vích là phái đã rơi vào vũng bùn của phái thủ tiêu, — tất cả cái đó đã đẩy đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma III sang phía tả, phía của đảng, loại trừ hẳn chủ nghĩa cơ hội" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 22, tr. 236). Bất chấp mọi trở ngại, các đại biểu công nhân trong Đu-ma III, được sự lãnh đạo của những người bên-sê-vích, trong khi kết hợp những hoạt động trong Đu-ma với hoạt động to lớn bất hợp pháp bên ngoài Đu-ma, đã tiến hành một công tác cổ động và tổ chức to lớn trong quần chúng công nhân và nông dân Nga nhằm giáo dục chính trị cho họ. — 172.

⁶⁷ "*Ngọn cờ nước Nga*" là báo của bọn Trăm đen, cơ quan của "Liên minh nhân dân Nga", phát hành ở Pê-téc-bua từ tháng Mười một 1905 đến 1917. — 176.

⁶⁸ "*Tiếng nói Mát-xcơ-va*" là báo ra hàng ngày, cơ quan của Đảng tháng Mười; phát hành từ tháng Chạp 1906 đến tháng Sáu 1915. — 176.

⁶⁹ "Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", phần I, 1954, tr. 166, 167. — 182.

⁷⁰ Lê-nin có ý nói đến nghị quyết "Về thái độ đối với các đảng không phải vô sản" (xem "Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", phần I, 1954, tr. 165). — 185.

⁷¹ Tiểu luận của Lê-nin "*Về một bài báo của Plê-kha-nốp*" được in làm lời bạt của "Ban biên tập" tờ "Người vô sản" cho bài báo "Cũng là "luận chiến" của I. P. Gôn-đen-béc (Mê-scốp-xki). Sau Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của đảng, G. V. Plê-kha-nốp đã cho xuất bản cuốn sách mỏng "Chúng ta và họ", trong đó có đưa vào

các bài phát biểu của mình tại đại hội và viết thêm một lời tựa dài cho cuốn đó. Bài báo của I. P. Gôn-đen-béc là bài trả lời Plê-kha-nốp, người đã tấn công vào sách lược môn-sê-vích trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất, đặc biệt là vào thái độ không dung hòa của những người môn-sê-vích đối với giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa.

Sau khi tiến hành việc biện hộ cho sách lược môn-sê-vích về liên minh và lập khối với giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa trong thời kỳ vận động trước lúc bầu cử Đu-ma III, Plê-kha-nốp đã vi phạm thô bạo kỷ luật đảng, qua việc đã cho công bố trên báo dân chủ - lập hiến cánh tả "Đồng chí" một loạt bài, trong đó không những phê phán gay gắt nghị quyết môn-sê-vích của Hội nghị III Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị toàn Nga lần thứ hai") về vấn đề tham gia bầu cử Đu-ma III, mà còn kêu gọi đảng không thực hiện nghị quyết ấy. Hành động của Plê-kha-nốp chống đảng đã gây phần nộ trong đảng viên; Ban Chấp hành trung ương đã lên án hành động đó của Plê-kha-nốp. Nhân việc này, Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua đã thông qua một nghị quyết ủng hộ nghị quyết của Ban chấp hành trung ương.

Bài báo của Lê-nin được viết là do có bài của Plê-kha-nốp "Cái gì tốt — cái đó vẫn tốt" ("Đồng chí", số 402, 20 tháng Mười (2 tháng Mười một) 1907) là bài trả lời của Plê-kha-nốp đối với nghị quyết của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua. — 186.

⁷² Bài báo của Ph. Mê-rinh "Chủ nghĩa tự do Đức và Đu-ma Nga" (Fr. Mehring, "Deutscher Liberalismus und russische Duma". và sử dụng trong bài "Ph. Mê-rinh bàn về Đu-ma II", in trong văn tập II "Những vấn đề sách lược", Xanh Pê-téc-bua, 1907 (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 15, tr. 307 - 315). — 188.

⁷³ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 4, tr. 458 - 459). — 194.

⁷⁴ Hội nghị lần thứ tư của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị toàn Nga lần thứ ba") họp ở Hen-xinh-pho (Hen-xinh-ki) trong các ngày 5-12 (18 - 25) tháng Mười một 1907, ngay sau khi kết thúc cuộc bầu cử Đu-ma nhà nước III. Tham dự hội nghị có 27 đại biểu: môn-sê-vích — 10, men-sê-vích — 4, những

người dân chủ - xã hội Ba-lan — 5, phái Bun — 5, những người dân chủ - xã hội Lát-vi-a — 3.

Trong chương trình nghị sự có các vấn đề về sách lược của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước, về các trung tâm đảng đoàn và việc củng cố mối liên hệ của Ban chấp hành trung ương với các tổ chức địa phương, về sự tham gia của những người dân chủ - xã hội trên báo chí tư sản. Ngoài ra, hội nghị còn thảo luận vấn đề đặt tên cho bộ phận đại diện của những người dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước. Lê-nin đã đọc báo cáo về sách lược của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III. Những người Men-sê-vích và phái Bun lên tiếng phản đối cách đánh giá của Lê-nin đối với chế độ ngày 3 tháng Sáu và những nhiệm vụ của đảng, họ chủ trương cần phải ủng hộ bọn dân chủ - lập hiến và bọn thối Mươi "cánh tả" trong Đu-ma. Với đa số phiếu, hội nghị đã thông qua nghị quyết môn-sê-vích do Hội nghị toàn thành Pê-téc-bua đưa ra. Hội nghị cũng đã thông qua nghị quyết môn-sê-vích về việc không cho phép những người dân chủ-xã hội tham gia báo chí tư sản, nhằm chống lại bọn chính luận môn-sê-vích và đặc biệt chống lại G. V. Plê-kha-nốp là người đã phê phán các nghị quyết của Hội nghị III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị toàn Nga lần thứ hai") trên tờ "Đồng chí" của phái dân chủ - lập hiến cánh tả. Hội nghị đã đặt tên cho bộ phận đại diện của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma là "đảng đoàn dân chủ - xã hội".

Vì trung tâm môn-sê-vích đã bí mật quan hệ với các ban chấp hành địa phương mà không cho Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga biết, nên hội nghị đã vạch ra các biện pháp để tăng cường mối liên hệ của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga với các tổ chức đảng tại địa phương.

Thông qua các dự thảo nghị quyết của Lê-nin về những vấn đề cơ bản, Hội nghị lần thứ tư Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã vũ trang cho đảng một sách lược mác-xít đúng đắn trong cuộc đấu tranh để tranh thủ quần chúng trong thời kỳ phản động.

Các biên bản của hội nghị chưa tìm thấy. Công việc và nghị quyết của hội nghị đã được giới thiệu tỉ mỉ trên tờ báo môn-sê-vích "Người vô sản", số 20, ngày 19 tháng Mười một 1907. — 209.

⁷⁵ Lê-nin có ý nói đến những đạo luật ruộng đất do Xtô-lư-pin chuẩn bị và do chính phủ Nga hoàng ban hành vào tháng Mười

một 1906. Ngày 9 (22) tháng Mười một 1906 đã ban hành đạo dụ "Về việc bổ sung một số quy định của đạo luật hiện hành, có liên quan đến ruộng đất của nông dân và việc sử dụng ruộng đất"; đạo dụ này, sau khi được Đu-ma nhà nước và Hội đồng nhà nước phê chuẩn, được mang tên là đạo luật ngày 14 tháng Sáu 1910, và sắc lệnh 15 (28) tháng Mười một 1906 "Về việc Ngân hàng địa ốc nông dân cho vay có bảo đảm bằng những phần ruộng được chia". Căn cứ vào các đạo luật này, nông dân có quyền ghi nhận các ruộng đất được chia của họ thành sở hữu riêng và có quyền ra khỏi công xã và nhận doanh nghiệp đã tách khỏi công xã và trại ấp. Những chủ trại hoặc những người có doanh nghiệp đã tách khỏi công xã có thể nhận tiền trợ cấp để kiếm ruộng đất thông qua Ngân hàng nông dân. Mục đích của các luật ruộng đất của Xtô-lư-pin là tạo ra tầng lớp cu-lắc để làm chỗ dựa cho chế độ chuyên chế của Nga hoàng ở nông thôn, trong khi vẫn duy trì quyền sở hữu của địa chủ đối với ruộng đất và dùng bạo lực phá bỏ công xã. Chính sách ruộng đất của Xtô-lư-pin đã đẩy mạnh quá trình phát triển tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp bằng con đường đau khổ nhất, con đường kiểu "Phổ", trong khi vẫn duy trì chính quyền, quyền sở hữu và đặc quyền đặc lợi của bọn địa chủ- chủ nô, đã tăng cường dùng bạo lực để tước đoạt quần chúng nông dân cơ bản, thúc đẩy sự phát triển của giai cấp tư sản nông thôn là bọn có khả năng chuộc lại ruộng đất được chia của những bản nông với giá rẻ mạt.

Lê-nin gọi đạo luật ruộng đất của Xtô-lư-pin 1906 (và đạo luật ban hành ngày 14 (27) tháng Sáu 1910) là bước thứ hai, sau cải cách 1861, trên con đường biến chế độ chuyên chế nông nô thành chế độ quân chủ tư sản. "Việc kéo dài" trật tự cũ và chế độ ruộng đất nông nô cũ mà Xtô-lư-pin thực hiện, - Lê-nin viết, - là ở chỗ lại mở thêm được một cái nắp an toàn, đồng thời là cái nắp an toàn *cuối cùng* mà người ta có thể mở được không cần phải tước đoạt toàn bộ ruộng đất của địa chủ" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà -nội, t. 18, tr. 353). Mặc dầu chính phủ tăng cường tuyên truyền việc nông dân được quyền tách khỏi công xã, ở phần nước Nga thuộc châu Âu, trong 9 năm (từ năm 1907 đến năm 1915) chỉ có gần 2^{1/2} triệu hộ nông dân đã tách khỏi công xã. Sử dụng quyền tách khỏi công xã trước hết là giai cấp tư sản nông thôn, vì như vậy chúng mới có thể củng cố nền kinh tế của mình. Ra khỏi công xã còn có một bộ phận những bản nông với mục đích bán ruộng đất được chia của mình và bỏ hẳn làng quê. Nền kinh tế tiểu nông vốn

đã bị đè nén bởi túng thiếu thì nay vẫn nghèo nàn và lạc hậu như xưa.

Không xoá bỏ mâu thuẫn cơ bản giữa toàn thể nông dân và bọn địa chủ, chính sách ruộng đất của Xtô-lư-pin tiếp tục làm phá sản quần chúng nông dân, làm cho mâu thuẫn giai cấp giữa cu- lắc và dân nghèo nông thôn càng trở nên gay gắt. - 213.

⁷⁶ Đảng đoàn dân chủ-xã hội trong Đu-ma nhà nước II bị bắt vào rạng ngày 3 tháng Sáu 1907 vì bị buộc tội là có âm mưu quân sự, một việc làm do sở mật thám bày đặt ra. Những người bôn-sê-vich đã tiến hành mọi biện pháp để động viên giai cấp công nhân Nga đứng lên bảo vệ các đại biểu của mình. Hội nghị đảng bộ Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp ngày 27 tháng Mười (9 tháng Mười một) 1907; sau khi nghe báo cáo của các nhà máy và công xưởng và thảo luận biện pháp đấu tranh của công nhân nhân việc xét xử các đại biểu dân chủ-xã hội, hội nghị đã thông qua lời kêu gọi "Gửi toàn thể nam nữ công nhân, tất cả các công đoàn, các ban chấp hành công xưởng không đảng phái, toàn thể các tổ chức và các nhóm công nhân, toàn thể những người bán hàng và thợ thủ công Pê-téc-bua và tỉnh Pê-téc-bua" hãy tổ chức bãi công biểu tình trong một ngày vào ngày bắt đầu xét xử.

Phiên toà xét xử đảng đoàn dân chủ- xã hội trong Đu-ma nhà nước II bắt đầu ngày 22 tháng Mười một (5 tháng Chạp) 1907. Trong ngày hôm đó, để tỏ rõ sự phản đối chống lại sự chuyên quyền của chính phủ Nga hoàng, công nhân ở Mát-xcơ-va, Ba-cu, Xa-ra-tốp, Ki-nê-sma và các vùng khác đã bãi công. Ở Pê-téc-bua có 10 vạn công nhân bãi công, cả sinh viên các trường đại học Lâm nghiệp, Bách khoa, Kỹ nghệ, v.v. cũng bãi khoá. Đảng đoàn dân chủ-xã hội trong Đu-ma III vào đầu phiên họp đã tuyên đọc lời kháng nghị, trong đó vạch trần chính sách phản nhân dân của chế độ chuyên chế và bỏ phòng họp ra về.

Phiên toà xử những đại biểu dân chủ-xã hội trong Đu-ma II đã kết thúc vào ngày 1(14) tháng Chạp 1907. Trong số 37 đại biểu bị bắt và đưa ra toà có 17 đại biểu bị tước tất cả các quyền tự do xã hội và bị đày đi làm việc khổ sai 4-5 năm và sau đó phải cư trú ở Xi-bi-ri; 10 đại biểu bị tước tất cả các quyền xã hội và đày đi cư trú ở các tỉnh Xi-bi-ri xa xôi, 10 đại biểu được trắng án. Về tội ác đê tiện này của chế độ Nga hoàng, xem bài báo "Về đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma II. Trình bày toàn bộ sự việc", là báo cáo của Lê-nin gửi Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa

(Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà- nội, t. 17, tr.465-472). -216.

⁷⁷ "*Lời tựa viết cho cuốn sách mỏng của Vôi-nốp (A.V. Lu-na-tsác-xki) về quan hệ của đảng đối với công đoàn*" do Lê-nin viết vào tháng Mười một 1907. Trong bức thư gửi A. V. Lu-na- tsác-xki viết vào khoảng giữa ngày 2 và 11 (15 và 24) tháng Mười một 1907 nhân nhận được phần cuối bản thảo cuốn sách này, V. I. Lê-nin chỉ ra rằng trong cuốn sách đó "có rất nhiều điều sơ suất..., khiến cho những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, men- sê-vich, công đoàn chủ nghĩa etc, đủ mọi màu sắc sẽ *bối lòng tìm vết*. Chúng tôi đã cùng nhau thảo luận xem có nên sửa lại một số chỗ, hay thanh minh trong lời tựa? Chúng tôi đã quyết định chọn giải pháp sau...". Sau đấy, V. I. Lê-nin đã khuyên phải sửa lại cụ thể văn bản như thế nào để cuốn sách chống lại cả chủ nghĩa cơ hội lẫn chủ nghĩa công đoàn, một thứ chủ nghĩa "hết sức lộn xộn (đặc biệt nguy hại cho nước Nga)" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, t. 34, tr.501 - 503). Cuốn sách của Lu-na-tsác-xki đã không xuất bản được. — 227.

⁷⁸ Đây có ý nói đến Đại hội Man-hem của Đảng dân chủ-xã hội Đức họp ngày 23-29 tháng Chín 1906. Vấn đề chủ yếu trong chương trình nghị sự là vấn đề cuộc bãi công chính trị của quần chúng mà những người dân chủ-xã hội Đức tại Đại hội I-ê-na năm 1905, do ảnh hưởng trực tiếp của phong trào cách mạng ở Nga, đã công nhận là phương thức đấu tranh chính trị quan trọng nhất. Đại hội Man-hem đã thông qua nghị quyết trong đó đặt điều kiện rằng phải được sự đồng ý của Ủy ban trung ương các công đoàn thì đảng mới tuyên bố bãi công chính trị quần chúng mà bọn thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa của Ủy ban này thì kiên quyết phản đối bãi công chính trị quần chúng, coi đây là chủ nghĩa vô chính phủ, và tại Đại hội công đoàn ở Cô-lô-nơ năm 1905, chúng đã ra một nghị quyết theo tinh thần như vậy. Đại hội Man-hem đã không lên án trực tiếp lập trường cơ hội chủ nghĩa của các thủ lĩnh công đoàn, nhưng lại khuyên tất cả các đảng viên phải tham gia các tổ chức công đoàn, còn các đoàn viên công đoàn thì phải gia nhập Đảng dân chủ-xã hội, "để phong trào công đoàn thấm sâu tinh thần của Đảng dân chủ-xã hội". — 228.

⁷⁹ "*Die Neue Zeit*" ("Thời mới ") là tạp chí lý luận của Đảng dân chủ-

xã hội Đức, xuất bản ở Stút-ga từ năm 1883 đến 1923. Trước tháng Mười 1917, chủ biên của tạp chí là C. Cau-xky, sau đó là G. Cu-nốp. Trên tờ "*Die Neue Zeit*" đã đăng lần đầu tiên một số tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n như "Phê phán cương lĩnh Gô-ta "của C.Mác, "Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh dân chủ-xã hội năm 1891" của Ph. Ăng-ghe-n và những tác phẩm khác. Ăng-ghe-n thường xuyên đóng góp ý kiến để giúp đỡ ban biên tập và nhiều khi phê phán tạp chí này về những điểm xa rời chủ nghĩa Mác đã mắc phải trên tạp chí. "*Die Neue Zeit*" được sự cộng tác của các nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX như: A.Bê-ben, V.Liép-néch, R. Lúc-xăm-bua, Ph. Mê-rinh, C.Txét-kin, P.La-phác-gơ, G.V. Plê-kha-nốp v.v.. Từ nửa cuối những năm 90, sau khi Ph. Ăng-ghe-n mất, tạp chí bắt đầu đăng một cách có hệ thống các bài của bọn xét lại, trong đó có loạt bài của E.Béc-stanh "Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội", loạt bài này mở đầu cuộc tấn công của bọn xét lại chống chủ nghĩa Mác. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, tạp chí đã giữ lập trường phá vỡ giữa, thực tế là ủng hộ bọn xã hội -sô-vanh. — 228.

⁸⁰ "*Giải phóng*"-tạp chí hai tuần ra một lần, xuất bản ở nước ngoài từ ngày 18 tháng Sáu (1 tháng Bảy) 1902 đến ngày 5 (18) tháng Mười 1905 dưới sự chỉ đạo biên tập của P. B. Xtơ-ru-vê. Tạp chí là cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa Nga, đã tuyên truyền những tư tưởng của chủ nghĩa tự do quân chủ ôn hòa. Năm 1903, xung quanh tạp chí đã hình thành (vào tháng Giêng 1904 thì hình thành hẳn)"Hội liên hiệp giải phóng", hội này tồn tại cho đến tháng Mười 1905. Cùng với phái hội đồng địa phương -lập hiến, phái "Giải phóng" đã hợp thành hạt nhân của Đảng dân chủ- lập hiến thành lập vào tháng Mười 1905, đây là đảng chủ yếu của giai cấp tư sản quân chủ tự do chủ nghĩa ở Nga. — 233.

⁸¹ Cuốn sách "*Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ- xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905-1907*" do Lê-nin viết vào tháng Mười một — tháng Chạp 1907. Vào cuối tháng Mười một 1907, nhân việc xuất bản phần hai, tập hai của Văn tập "Trong 12 năm", V. I. Lê-nin đã viết cho M. X. Kê-đrốp: "... tôi có một kế hoạch : viết một tác phẩm lớn để kết thúc tập II tác phẩm bàn về sự phân phối ruộng đất ở Nga (theo các số liệu thống kê

mới, năm 1905) và về địa phương công hữu hóa (sau khi đã nghiên cứu tập IV bộ "Tư bản" hay "Theorien über den Mehrwert", cũng xuất bản vào năm 1905). Tôi cho rằng việc đó rất có ích cho công chúng và rất đúng lúc. Các tư liệu để viết tác phẩm hầu như tôi đã thu thập được tất cả, và một phần đã soạn xong. Còn vài tuần nữa là làm xong được; tôi hy vọng chỉ một vài tuần nữa, tôi có thể viết xong tác phẩm đó" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 47, tr. 117). Trong thư gửi G. A. A-lếch-xin-xki viết vào khoảng giữa ngày 7 tháng Giêng và 2 tháng Hai 1908 (lịch mới), nội dung cuốn sách được xác định một cách tỉ mỉ hơn: "Tôi đã viết một tác phẩm lớn về vấn đề cương lĩnh ruộng đất, trong đó tôi cũng đã phân tích tỉ mỉ các cuộc tranh luận trong Đu-ma II" (như trên, tr. 119). Tháng Hai 1908 sách đã được gửi đến nhà xuất bản, điều này thể hiện rõ trong thư gửi M. I. U-li-a-nô-va ở Pê-téc-bua ngày 4 (17) tháng Hai, trong đó V. I. Lê-nin viết: "Có nhận được bản thảo phần hai tập hai của anh (gửi từ đây đi ngày 5.II.08 lịch mới, theo đường vòng) không?" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcô-va, t. 55, tr. 306).

Bản thảo đã nhận được và được đưa vào phần hai, tập hai của Văn tập "Trong 12 năm". Nhưng cuốn sách đã bị cảnh sát tịch thu ngay trong nhà in và đã bị hủy. Chỉ còn giữ được một bản mà lại thiếu một số trang cuối. Tác phẩm được in một phần trên báo "Người vô sản", số 33, ngày 23 tháng Bảy (5 tháng Tám) 1908, trong đó có in các §§ 2 và 3 của chương III dưới đầu đề: "Pi-ôt Ma -xlốp sửa chữa những sơ thảo của Các Mác như thế nào".

V. I. Lê-nin rất coi trọng việc xuất bản "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ-xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905-1907" trong điều kiện của cuộc đấu tranh của đảng bôn-sê-vích để giành thắng lợi cho cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga năm 1917. Trong thư gửi từ Pê-tơ-rô-grát đi Giơ-ne-vơ cho V. A. Các - pin -xki ngày 12(25) tháng Tư 1917, Lê-nin đã viết: "Xin anh dừng việc chép lại bản thảo về ruộng đất, vì ở đây tôi đã tìm thấy 1 bản xếp chữ rồi... Trong bản này thiếu đoạn cuối phần "Kết luận" cụ thể từ những chữ: "Toàn bộ giai cấp nông dân và toàn bộ giai cấp vô sản chống lại chế độ tư hữu ruộng đất. Con đường cải lương trong việc sáng tạo ra một nước Nga tư sản-gioong-ke tất phải đòi hỏi duy trì những cơ sở của chế độ chiếm hữu cũ về ruộng đất và sự thích ứng..."¹⁾. Đoạn cuối phần kết

1) Tập này, tr. 519.

luận bắt đầu từ những chữ đó là thiếu. Rất cảm ơn anh, nếu anh sao 4-5 bản bắt đầu từ những chữ đó và cho đến hết phần kết luận và gửi đi 1) cho bản thân tôi, 2) cho báo "Sự thật", Mũi-ca, 32, 3) gửi đi Xtốc-khôn, theo địa chỉ tôi đưa cho anh. Mong rằng tôi sẽ nhận được một trong những bản đó" ("Nhật ký của Viện Lê-nin", t.II, 1927, tr. 19).

Năm 1917, khi xuất bản cuốn sách, V. I. Lê-nin đã thêm vào đoạn kết thúc sau đây: "một sự cưỡng bức thường xuyên và đau đớn nhất đối với quần chúng nông dân. Con đường cách mạng nhằm thiết lập một nước Nga tư sản- nông dân đòi hỏi nhất thiết phải phá bỏ toàn bộ chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ, xoá bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất".

Trong bản thảo, tác phẩm có nhan đề "Vấn đề ruộng đất trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất (Góp phần sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội Nga)". Năm 1917, cuốn sách xuất bản dưới nhan đề: V. I. Lê-nin (N. Lê-nin). "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ-xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905-1907" (Pê-tơ-rô-grát, Nhà xuất bản sách "Đời sống và tri thức"). - 239.

⁸² Phần ruộng đất được chia là những ruộng đất được để lại cho nông dân sử dụng, nhưng phải trả tiền chuộc, sau khi chế độ nông nô bị xoá bỏ ở Nga năm 1861; số ruộng đất này là thuộc quyền sở hữu của công xã và được phân phối cho nông dân sử dụng bằng cách phân chia lại qua từng thời kỳ. - 243.

⁸³ Đại điền trang nông nô, của các lãnh chúa—những đất đai rộng lớn và những trại ấp tư, là một đặc điểm của chế độ chiếm hữu ruộng đất ở nước Nga hoàng. V. I. Lê-nin đã xếp vào loại đại điền trang nông nô những doanh nghiệp lớn của địa chủ dựa vào lao động nô dịch của những nông dân bị phụ thuộc vào địa chủ, bị đè nén bởi những tàn dư của chế độ phong kiến như chế độ lao dịch, cấy rẽ, v. v. V. I. Lê-nin đã chỉ ra rằng những đại điền trang nông nô là nguyên nhân chính và chủ yếu dẫn đến tình trạng lạc hậu về kinh tế ở Nga, là nguyên nhân làm cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân bị ngừng trệ. Lê-nin chỉ ra rằng: "Không một khoản tín dụng nào, không có một sự cải tạo chất đất nào, một sự "giúp đỡ" nào đối với nông dân, không có một biện pháp "phù trợ" nào mà bọn quan liêu và phái tự do vẫn ưa thích, sẽ có thể đem lại được kết quả quan trọng nào một khi còn tồn tại ách thống trị của những đại điền trang nông nô, của những truyền thống và những phương thức kinh doanh kiểu lãnh chúa" (Toàn

tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, t. 15, tr71). – 245.

⁸⁴ *Ruộng đất của hoàng tộc* là những ruộng đất được tách ra cùng với những nông dân canh tác trên ruộng đất ấy theo đạo dụ của Nga hoàng Pa-ven I ("Chế độ đối với gia đình hoàng tộc") năm 1797, trong số những ruộng đất chung của nhà nước, biến thành sở hữu của những người trong gia đình nhà vua. Những khoản thu nhập được bằng cách bóc lột những nông dân làm trên ruộng đất hoàng tộc, dùng để nuôi sống họ hàng nhà vua (các thái tử, vợ và con gái họ v. v.). Những khoản tiền này không nằm trong ngân sách nhà nước và không thuộc sự kiểm soát của nhà nước. – 245.

⁸⁵ "*Chia đều ruộng đất*" là một khẩu hiệu biểu thị nguyện vọng của nông dân muốn chia đều tất cả ruộng đất, thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ.

Trong bài "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ-xã hội Nga", V. I. Lê-nin đã chỉ rõ rằng trong yêu sách đòi "chia đều ruộng đất", ngoài ảo tưởng phản động muốn duy trì vĩnh viễn nền sản xuất nhỏ của nông dân, cũng có mặt cách mạng, cụ thể là: "dùng khởi nghĩa nông dân quét sạch tất cả những tàn tích của chế độ nông nô" (Toàn tập, tiếng Việt, nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t.6, tr.418). Về sau, tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, V. I. Lê-nin đã nói: "Có người nói với chúng ta rằng nông dân không thỏa mãn với cương lĩnh của chúng ta, rằng họ sẽ còn đi xa nữa; nhưng điều đó không làm chúng ta sợ, chúng ta đã có cương lĩnh xã hội chủ nghĩa của chúng ta; và vì vậy chúng ta cũng không sợ việc chia lại ruộng đất..." (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 7, tr. 344). – 255.

⁸⁶ Đây có ý nói đến "cải cách nông dân" năm 1861; khi thực hiện cải cách đó, bọn địa chủ đã cướp bóc nông dân, buộc họ phải trả một phần lớn ruộng đất mà họ đã từng sử dụng. Kết quả của cải cách đó là địa chủ đã cắt về cho mình hơn $\frac{1}{5}$ và thậm chí $\frac{2}{5}$ đất đai của nông dân. Những phần tốt nhất trong phần ruộng được chia của nông dân ("những ruộng đất bị cắt", rừng, đồng cỏ, chỗ cho súc vật uống nước, bãi cỏ, v. v.) đều vẫn nằm trong tay địa chủ, mà thiếu những đất đó, nông dân không thể tự kinh doanh độc lập được. Việc nông dân phải chuộc lại những phần đất được chia của mình là sự cướp đoạt trắng trợn đối với nông dân do

bọn địa chủ và chính phủ Nga hoàng đã tiến hành. Về món nợ mà người nông dân phải trả cho chính phủ Nga hoàng, thì nghĩa vụ quy định thời hạn là 49 năm với số lợi tức 6%. Tiền nợ trả không đúng thời hạn theo hợp đồng về khoản tiền chuộc, tăng lên hàng năm. Chỉ riêng số nông dân trước đây thuộc địa chủ đã phải nộp cho chính phủ Nga hoàng theo hợp đồng tiền chuộc là 1,9 tỷ rúp; trong khi đó giá thị trường về ruộng đất chuyển cho nông dân không vượt quá 544 triệu rúp. Trên thực tế người nông dân đã buộc phải trả hàng trăm triệu rúp cho ruộng đất của họ, điều đó dẫn tới chỗ phá vỡ nền kinh tế nông dân.

V. I. Lê-nin gọi "cải cách nông dân" năm 1861 là hành động bạo lực hàng loạt đầu tiên đối với giai cấp nông dân vì lợi ích của chủ nghĩa tư bản đang phát sinh trong nông nghiệp, là "việc dọn đất" theo kiểu địa chủ cho chủ nghĩa tư bản. Về cuộc cải cách năm 1861, xem các tác phẩm của Lê-nin: "Năm mươi năm ngày sụp đổ của chế độ nông nô", "Nhân ngày kỷ niệm", "Cuộc "cải cách nông dân" và cuộc cách mạng vô sản - nông dân" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, t. 17, tr. 113 - 118, 144 - 156, 157 - 171). – 260.

⁸⁷ *Công xã* (nông nghiệp) ở Nga — một hình thức nông dân sử dụng chung ruộng đất, đặc điểm của nó là chế độ luân canh cưỡng bức, rừng rú và bãi chăn nuôi không phân chia. Những dấu hiệu quan trọng nhất của công xã nông nghiệp ở Nga là chế độ liên đới bảo lãnh (nông dân có trách nhiệm tập thể có tính chất cưỡng bức phải nộp các khoản thuế khoá một cách đầy đủ và đúng thời hạn, và thực hành mọi thứ nghĩa vụ đối với nhà nước và địa chủ), việc phân chia lại một cách có hệ thống ruộng đất và không có quyền được khước từ ruộng đất, cấm mua bán ruộng đất.

Bọn địa chủ và chính phủ Nga hoàng lợi dụng công xã để tăng cường ách áp bức của chế độ nông nô và để bòn rút của nhân dân các khoản tiền chuộc và thuế má. V. I. Lê-nin chỉ rõ rằng công xã «không bảo vệ cho nông dân tránh khỏi bị vô sản hoá, trên thực tế, lại đóng vai trò là bức tường của chế độ trung cổ ngăn cách nông dân, là những người thật sự đã bị trói chặt vào các liên minh bé nhỏ và vào những hình loại tổ chức đã mất hết mọi» ý nghĩa tồn tại » (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà nội, t. 15, tr. 61). –271

⁸⁸ *Những phương pháp cai trị của Guốc-cơ và Lít-van* —mánh khèo ăn cắp kho bạc, đầu cơ và gian tham phát triển trong bọn quan

lại cao cấp của Nga hoàng và bọn xoay xở. Năm 1906, thứ trưởng Bộ nội vụ Guốc-cơ đã ký một hợp đồng với Lit-van, một tên bịp bợm, quốc tịch Thụy-điển, về việc cung cấp 10 triệu pút lúa mạch đen cho các tỉnh bị đói ở miền Nam nước Nga, và trao cho y 800 nghìn rúp coi như tiền đặt trước. Khoảng 600 nghìn rúp trong số tiền trên, một phần Lit-van lấy tiêu riêng, một phần đem phân phát để hối lộ cho các nhân vật chính thức, trong số đó có cả Guốc-cơ. Đáng lẽ 10 triệu pút như đã hứa sẽ chở đến tuyến đường sắt vào thời gian quy định (tháng Chạp 1906), thì chỉ chở được không đầy 1 triệu pút. Hành động bịp bợm của Guốc-cơ và Lit-van đã làm cho tình hình lương thực ở các tỉnh bị đói trầm trọng thêm và làm cho kho bạc bị thiếu hụt. Do áp lực của dư luận xã hội, chính phủ Nga hoàng đã buộc phải bày trò đưa Guốc-cơ ra tòa xử vào tháng Mười 1907; mặc dầu được Xtô-lư-pin bênh che, Guốc-cơ vẫn bị cách chức. — 283.

⁸⁹ *Văng-đê* là tên một tỉnh ở phía Tây nước Pháp, ở đó trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, đã nổ ra cuộc khởi nghĩa phản cách mạng của nông dân lạc hậu chống chế độ cộng hòa. Cuộc khởi nghĩa đã nổ ra dưới sự lãnh đạo của giới tăng lữ thiên chúa giáo, quý tộc, bọn quân chủ- lưu vong và được sự ủng hộ của nước Anh.

Văng- đê trở thành đồng nghĩa với những cuộc nổi loạn phản động và các ổ phản cách mạng. — 295.

⁹⁰ *Hội liên hiệp nông dân* (Hội liên hiệp nông dân toàn Nga) là một tổ chức dân chủ- cách mạng, thành lập năm 1905. Những nông dân tỉnh Mát-xcơ-va là những người đề xướng việc thành lập Hội liên hiệp nông dân. Ngày 31 tháng Bảy- 1 tháng Tám (13-14 tháng Tám) 1905 ở Mát-xcơ-va đã họp đại hội thành lập, mở đầu cho Hội liên hiệp nông dân toàn Nga. Trong những ngày 6-10 (19-23) tháng Mười một 1905 đã họp Đại hội II của Hội liên hiệp nông dân. Tại những đại hội đó đã vạch ra cương lĩnh và sách lược của Hội liên hiệp. Hội liên hiệp nông dân đòi quyền tự do chính trị và đòi triệu tập ngay tức khắc quốc hội lập hiến, chủ trương tiến hành sách lược tẩy chay Đu-ma nhà nước I. Cương lĩnh ruộng đất của Hội liên hiệp bao gồm yêu sách đòi xóa bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất, đòi chuyển cho nông dân, không phải chuộc lại, ruộng đất của tu viện, của giáo hội, đất của hoàng tộc, đất của nhà vua và của nhà nước. Hội liên hiệp nông dân, do chịu ảnh hưởng của những người xã hội chủ nghĩa -

cách mạng và phải tự do, đã bộc lộ thái độ nửa vời tiểu tư sản, dao động và thiếu kiên quyết. Trong khi đòi thủ tiêu chế độ địa chủ chiếm hữu ruộng đất, Hội liên hiệp lại đồng ý bồi thường một phần cho địa chủ. Theo lời của Lê-nin, đó là "một tổ chức... cố nhiên... đã biểu đồng tình với hàng loạt thiên kiến của nông dân, dễ chịu ảnh hưởng của những ảo tưởng tiểu tư sản của nông dân (cũng như những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng ở nước ta), nhưng nó là một tổ chức hoàn toàn "có tính chất cơ sở", thực sự của quần chúng, về căn bản là một tổ chức hoàn toàn cách mạng, có khả năng sử dụng những phương pháp đấu tranh thực sự cách mạng" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t.12, tr. 397). Ngay từ những bước đầu hoạt động của mình, Hội liên hiệp nông dân đã bị cảnh sát đàn áp. Đầu năm 1907, Hội liên hiệp không còn tồn tại nữa. — 296.

⁹¹ "*Nước Nga*" là báo ra hàng ngày mang tính chất phản động, của bọn Trăm đen; xuất bản ở Pê-téc-bua từ tháng Mười một 1905 đến tháng Tư 1914. Từ năm 1906 là cơ quan của Bộ nội vụ. Báo được quỹ bí mật ("mua chuộc") của chính phủ trợ cấp, quỹ này do Bộ nội vụ sử dụng. V. I. Lê-nin đã gọi "*Nước Nga*" là "tờ báo viết thuê cho cảnh sát". — 296.

⁹² *Đề án ruộng đất của 104 người* là đề án ruộng đất, có chữ ký của 104 thành viên Đu-ma nhà nước, do phái lao động đưa ra ngày 23 tháng Năm (5 tháng Sáu) 1906 tại phiên họp thứ mười ba của Đu-ma. Đề án đề ra mục đích của đạo luật về ruộng đất là "tiến tới chỗ định ra những chế độ mà theo đó toàn bộ ruộng đất với khoáng sản và hồ nước phải thuộc về toàn dân, thêm vào đó ruộng đất cần cho nông nghiệp chỉ có thể trao cho những người nào dùng sức lao động của mình để canh tác trên ruộng đất đó, sử dụng mà thôi" ("Đu-ma nhà nước ở Nga qua các văn kiện và tài liệu", Mát-xcơ-va, 1957, tr.172). Muốn làm được việc đó đòi hỏi phải thành lập một "quỹ ruộng đất của toàn dân" mà trong đó phải bao gồm tất cả ruộng đất của nhà nước, của hoàng tộc, của nhà vua, của tu viện, của giáo hội; phải đưa vào quỹ này cả những ruộng đất của địa chủ buộc phải chuyển nhượng và ruộng đất tư khác, chừng nào phạm vi sở hữu riêng đã vượt quá tiêu chuẩn lao động quy định cho từng vùng. Đối với những ruộng đất tư bị đem chuyển nhượng thì được một khoản bồi thường. Những ruộng đất tư được chia và những

ruộng đất kích thước nhỏ thì vẫn tạm thời để lại cho người sở hữu chúng; đồng thời đề án cũng dự tính chuyển dần dần trong tương lai cả những ruộng đất này thành sở hữu toàn dân. Cuộc cải cách ruộng đất này phải được thực hiện bởi những ủy ban địa phương do đầu phiếu phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín bầu ra. — 300.

⁹³ "*Tin tức của đại biểu nông dân*" là báo ra hàng ngày, cơ quan của Nhóm lao động trong Đu-ma nhà nước I; báo xuất bản ở Pê-téc-bua từ 17 đến 31 tháng Năm (từ 30 tháng Năm đến 13 tháng Sáu) 1906 dưới sự chủ biên của X. I. Bôn-đa-rép, thành viên của Đu-ma nhà nước; ra được 11 số. Tham gia viết báo có các đại biểu phái lao động là I. E. Xô-lôm-cô, P. Ph. Txê-lô-u-xốp, I. V. Gin-kin, v. v.. Sau khi ra số 11, báo ngừng xuất bản. — 305.

⁹⁴ "*Nước Nga lao động*" là tờ báo, cơ quan của Nhóm lao động trong Đu-ma nhà nước I; báo ra trong tháng Sáu 1906 ở Pê-téc-bua. — 305.

⁹⁵ "*Đề án của 33 người*" là "Đề án luật ruộng đất cơ bản" do hội nghị riêng của các đại biểu Nhóm lao động thảo ra. Đề án có chữ ký của 33 đại biểu (chủ yếu là phái lao động) và được đưa ra xem xét ở Đu-ma ngày 6 (19) tháng Sáu 1906. "Đề án của 33 người" được biên soạn với sự tham gia trực tiếp của những người xã hội chủ nghĩa – cách mạng và thể hiện quan điểm của họ về vấn đề ruộng đất. Tán thành "đề án của 104 người", những người ký tên vào "đề án của 33 người" đã đưa vào đó nhiều sửa đổi. "Đề án của 33 người" đề ra việc bãi bỏ ngay tức khắc và hoàn toàn chế độ tư hữu về ruộng đất, coi đó là một trong những yêu sách cơ bản, tuyên bố quyền bình đẳng của tất cả các công dân trong việc sử dụng ruộng đất và nguyên tắc sử dụng ruộng đất của công xã kèm theo việc chia lại ruộng đất một cách bình quân theo mức lao động và tiêu thụ. Khác với "đề án của 104 người" đề nghị chuyển dần tất cả ruộng đất thành sở hữu của nhân dân và cho chuộc lại một phần ruộng đất, "đề án của 33 người" đòi thủ tiêu ngay lập tức chế độ tư hữu về ruộng đất và đề nghị tịch thu ruộng đất của địa chủ không phải chuộc lại.

"Đề án của 33 người" đã bị những người dân chủ- lập hiến phản đối kịch liệt, thậm chí, chúng phản đối cả việc đưa đề án đó cho tiểu ban ruộng đất của Đu-ma dùng làm tài liệu.—308.

⁹⁶ *Dự thảo ruộng đất của 105 người* do đảng viên xã hội chủ nghĩa-cách mạng I. N. Mu-sen-cô thay mặt đảng đoàn của những người xã hội chủ nghĩa – cách mạng đưa ra tại phiên họp thứ 32 của Đu-ma nhà nước II, ngày 3 (16) tháng Năm 1907. Đề án của 105 người về cơ bản là lặp lại đề án của 33 người đã được đưa ra Đu-ma nhà nước I; trong §I của đề án có nói: "Mọi quyền sở hữu đối với ruộng đất nằm trong phạm vi nhà nước Nga từ nay và mãi mãi sẽ bị xóa bỏ". Đề án đã được in lại trong một bản in đặc biệt: "Những tài liệu in trong thời gian có kỳ họp của Đu-ma nhà nước khóa 2". Xanh Pê-téc-bua, 1907, tr. 486. — 302.

⁹⁷ Sự phân tích những quan điểm của Rốt-béc-tút, xem C. Mác "Các học thuyết về giá trị thặng dư" (tập IV bộ "Tư bản"), tiếng Nga, phần II, 1957, tr.84-86. Sự phân tích về học thuyết của Ri-các-đô, cũng xem ở trên, tr. 229-233. — 312.

⁹⁸ C. Mác. "Các học thuyết về giá trị thặng dư (tập IV bộ "Tư bản")", tiếng Nga, phần II, 1957, tr.230 - 231. — 315.

⁹⁹ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr.630. — 315.

¹⁰⁰ C. Mác. "Các học thuyết về giá trị thặng dư (tập IV bộ "Tư bản")", tiếng Nga, phần II, 1957, tr. 103-104. — 315.

¹⁰¹ *Đạo luật của Mỹ về các trại áp* được ban hành vào giữa thế kỷ XIX. Theo luật 1862 thì mỗi công dân Mỹ có quyền nhận của nhà nước một trại áp không phải trả tiền hoặc trả rất ít — một khoản ruộng đất rộng 160 a-crơ (64 héc-ta). Chậm nhất là sau 5 năm, phần đất này sẽ chuyển thành sở hữu của người chủ. Trong tác phẩm: «Những tài liệu mới về các quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp», khi nhận xét về tính chất tư sản của các luật về trại áp, V. I. Lê-nin đã viết như sau: «... nước cộng hòa Mỹ đã đem thực hành, theo kiểu tư bản chủ nghĩa, cái chủ trương «dân tuý chủ nghĩa» là phân phối những đất chưa có chủ cho những ai muốn được chia» (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 22, tr. 18). — 317.

¹⁰² C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. «Thông tư chống Cri-ghê» (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 4, tr. 6 - 7). — 317.

¹⁰³ Nông dân ở Nga, với tư cách là một giai cấp của xã hội phong kiến, chia ra làm ba hạng lớn: 1) nông dân thuộc sở hữu tư nhân (của các địa chủ), 2) nông dân của nhà nước và 3) nông dân của hoàng tộc (thuộc họ hàng của nhà vua). Mỗi hạng trên, đến lượt nó, lại chia thành một số loại và nhóm đặc biệt, khác nhau ở nguồn gốc, hình thức chiếm hữu và sử dụng ruộng đất, ở địa vị pháp lý và tình hình ruộng đất, v. v.. Cuộc cải cách nông dân năm 1861 do Chính phủ Nga hoàng tiến hành từ trên xuống vì lợi ích của địa chủ – chủ nô, vẫn duy trì tính đa dạng và muôn màu muôn vẻ của các hạng nông dân, các hạng nông dân này tồn tại cho đến năm 1917.

Nông dân được cấp không ruộng đất là một bộ phận những nông dân trước kia thuộc địa chủ, chủ yếu ở các tỉnh phía Nam và Đông-Nam vùng đất đen; những nông dân này khi được giải phóng khỏi sự lệ thuộc nông nô thì được địa chủ cấp không cho một phần ruộng được chia mà không phải trả tiền chuộc. Căn cứ theo «Điều lệ» về cải cách nông dân năm 1861, địa chủ có quyền «theo sự thỏa thuận tự nguyện» với nông dân, «tặng» cho nông dân một phần tư cái phần ruộng đất gọi là phần ruộng được chia «lớn nhất» hay phần ruộng "theo đạo dụ quy định" (kể cả đất vườn) để làm sở hữu riêng với điều kiện những ruộng đất còn lại của nông dân trở thành sở hữu của địa chủ. Phần ruộng được chia được cấp không này là một ví dụ điển hình về tính chất địa chủ, tính chất ăn cướp của cuộc cải cách năm 1861, những phần ruộng này đã được nhân dân gọi là ruộng "phần tư", ruộng "mỏ côi", ruộng "mèo" hoặc ruộng "Ga-ga-rin" (lấy tên của công tước P. P. Ga-ga-rin là kẻ đã đề xướng ra dự thảo những điều khoản tương ứng để đưa vào điều lệ của địa phương nói về chế độ ruộng đất của nông dân các tỉnh Đại Nga và Tiểu Nga).

Số lớn những nông dân được cấp không ruộng đất nằm trong các tỉnh có ít ruộng đất, toàn đất đen, như các tỉnh Vô-rô-ne-giơ – Khác-cốp, Pôn-ta-va, Tam-bốp, là những nơi giá cả ruộng đất, đã bị địa chủ chiếm, trên thị trường thì rất cao. Nhiều nông dân ở các tỉnh vùng đất đen Đông-Nam và miền Nam nhận được những phần ruộng được chia được cấp không như ở các tỉnh: Ô-ren-bua, U-pha, Xa-ra-tốp, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, Xa-ma-ra, ở các tỉnh đó tiền thuê ruộng đất thấp hơn nhiều so với mức địa tô quy định trong "Điều lệ ngày 19 tháng Hai" làm lợi cho địa chủ. Đến đầu thế kỷ XX, do dân cư tăng lên và do việc chia lại ruộng đất kèm theo đó, những người được cấp không ruộng đất hầu như

hoàn toàn mất hết những phần ruộng được chia của mình, họ hợp thành tầng lớp cơ bản trong nông dân có ít ruộng đất nhất.

Nông dân tạm thời còn phải làm lao dịch là những nông dân trước kia thuộc địa chủ; sau khi xoá bỏ chế độ nông nô năm 1861, để sử dụng phần ruộng được chia, họ vẫn có nghĩa vụ phải chịu các đám phụ (nộp địa tô hoặc điều dịch) cho địa chủ. "Tình trạng tạm thời còn phải làm lao dịch" kéo dài đến khi nào nông dân, với sự đồng ý của địa chủ, chuộc lại được những phần ruộng được chia của mình để làm sở hữu riêng. Việc chuyển sang chế độ tiền chuộc chỉ trở thành bắt buộc đối với địa chủ theo pháp lệnh năm 1881 là pháp lệnh quy định phải chấm dứt "các quan hệ bắt buộc" của nông dân đối với địa chủ từ 1 tháng Giêng 1883.

Nông dân tư hữu là những nông dân trước kia thuộc địa chủ, đã chuộc lại những phần ruộng được chia của mình trên cơ sở "Điều lệ về nông dân" và do đó đã không còn phải ở trong tình trạng phải làm lao dịch tạm thời nữa.

Nông dân hoàn toàn tư hữu là những nông dân trước kia thuộc địa chủ, đã chuộc lại trước thời hạn những phần ruộng được chia của mình và có quyền sở hữu riêng về ruộng đất. Những nông dân hoàn toàn tư hữu là tầng lớp trên khá giả nhất ở nông thôn và không đông lắm.

Nông dân nhà nước là nông dân canh tác ruộng đất của nhà nước và, ngoài thuế thân ra, còn phải nộp địa tô phong kiến cho nhà nước hoặc cho những nông dân lĩnh canh ruộng đất của nhà nước. Ngoài ra họ còn thực hiện nhiều nghĩa vụ khác (sửa chữa đường sá, dành nhà ở cho lính, chuyên chở, v. v.). Thành phần nông dân nhà nước rất đa dạng. Dưới thời Pi-ốt I, thuộc số nông dân này gồm có: nông dân một hộ, nông dân đóng một suất thuế, nông dân tự do phải nộp địa tô nửa tá điền, thợ cày Xi-bi-ri vùng duyên hải phía Bắc, những dân tộc ít người vùng Pô-vôn-gie và vùng U-ran (người Ta-ta-ri-a, người Tsu-va-sơ, người Móc-đva, người Út-mút, người Cô-mi). Về sau, thuộc vào loại những nông dân nhà nước còn có những nông dân kinh tế (những nông nô thuộc các điền trang đã hoàn tục của giáo hội nay chuyển thành của nhà nước), những nông dân nhà nước thuộc các lãnh thổ phía tây và Da-cáp-ca-dơ, những người Cô-dắc

U-cra-i-na, v. v.. Những hình thức sử dụng và chiếm hữu ruộng đất của những nông dân nhà nước thì hết sức đa dạng, mà tình trạng này còn duy trì cho đến cả sau cuộc cải cách nông dân.

Nông dân nhà nước có ruộng đất công xã không có quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất, chỉ sử dụng đất trồng trọt và những ruộng đất khác trên cơ sở quyền sở hữu của công xã.

Nông dân nhà nước có khoảnh đất tsét-véc là con cháu của những binh sĩ và hạ sĩ quan trước đây (con cái của các lãnh chúa, của người Cô-dắc, của các xạ thủ, kỵ binh, bộ binh, v. v.) bảo vệ các miền biên cương phía Nam và Đông – Nam của Quốc gia Mát-xcơ-va. Họ được Nga hoàng Mát-xcơ-va thưởng công phục dịch bằng cách chia cho một khoảnh đất bằng một tsét-véc (một nửa đê-xi-a-ti-na), và định cư thành từng hộ (từ đó họ có cái tên gọi thứ hai: nông dân một hộ). Ngoài việc sử dụng khoảnh ruộng tsét-véc, những nông dân một hộ còn được sử dụng ruộng đất công xã.

Những nông dân một hộ vốn là những người tự do, trong một thời gian dài, họ giữ địa vị giữa quý tộc và nông dân, họ có quyền mua nông nô. Dưới thời Pi-ốt I, những nông dân một hộ trở thành những nông dân nhà nước, còn ruộng đất của họ biến thành sở hữu của nhà nước. Nhưng thực tế, những nông dân nhà nước có khoảnh ruộng tsét-véc đã sử dụng ruộng đất của mình như sở hữu riêng của mình; đó là điểm khác biệt giữa họ và những nông dân nhà nước được quyền sử dụng ruộng đất công xã, là những người không có quyền mua bán hoặc để lại cho con cháu ruộng đất của mình.

Nông dân nhà nước nguyên thuộc địa chủ là loại nông dân nhà nước do nhà nước mua của những chủ cá thể hoặc nhường cho nhà nước, v. v.. Tuy là thuộc vào những nông dân nhà nước, họ có ít quyền hạn hơn; sự bình đẳng của loại nông dân này được thực hiện năm 1859, trước cuộc cải cách 1861, nhưng một số điểm khác biệt vẫn còn được duy trì.

Những nông dân của hoàng tộc là loại nông dân canh tác ruộng đất của hoàng tộc. Ngoài thuế thân, nông dân của hoàng tộc phải nộp tô phong kiến và chịu nhiều đảm phụ khác, phải nộp thuế hiện vật để nuôi những người trong gia đình nhà vua. Khi thành lập các trang trại của hoàng tộc vào năm 1797, địa vị những nông dân

sống trong các trang trại ấy được phân định như là đứng giữa những nông dân nhà nước và nông dân thuộc địa chủ. Việc bãi bỏ chế độ nông nô đối với những nông dân của hoàng tộc bắt đầu vào năm 1858, nhưng mãi đến năm 1863 mới kết thúc hẳn. Những nông dân của hoàng tộc được nhận phần ruộng được chia làm sở hữu riêng, nhưng phải trả tiền chuộc trong 49 năm. Quyền sử dụng ruộng đất của những nông dân của hoàng tộc được đảm bảo hơn những nông dân thuộc địa chủ nhưng không bằng nông dân nhà nước.

Những dân cây tự do là loại nông dân đã được giải phóng khỏi sự lệ thuộc kiểu nông nô theo đạo luật ngày 20 tháng Hai 1803; đạo luật này cho phép địa chủ giải phóng nông dân kèm theo ruộng đất với những điều kiện do địa chủ quy định.

Những nông dân định cư là loại nông dân nhà nước được tuyển mộ vào các công trường thủ công của nhà nước và tư nhân để làm những công việc phụ (đốn củi, khai thác than, đào quặng, chuyên chở, v. v.). Việc tuyển mộ thêm nông dân được tiến hành với một quy mô lớn vào đầu thế kỷ XVIII ở U-ran, tỉnh Ô-lô-ne-txơ, v. v.. Những nông dân định cư bắt đầu được giải phóng dần khỏi những công việc trong các nhà máy vào đầu thế kỷ XIX và được giải phóng hoàn toàn do kết quả của cuộc cải cách nông dân năm 1861.

Sự đa dạng trong việc nông dân chiếm hữu và sử dụng ruộng đất như là những tàn dư của chế độ phong kiến trong nông nghiệp của nước Nga Nga hoàng, vẫn tiếp tục tồn tại ngay cả sau cải cách năm 1861. — 321.

¹⁰⁴ "Cửa cải nước Nga" là tạp chí ra hàng tháng, xuất bản từ năm 1876 đến năm 1918 ở Pê-téc-bua. Từ đầu những năm 90 tạp chí chuyển vào tay phái dân túy tự do chủ nghĩa đứng đầu là N. C. Mi-khai-lốp-xki. Tạp chí "Cửa cải nước Nga" tập hợp xung quanh nó những nhà chính luận mà về sau trở thành những đảng viên nổi tiếng của Đảng xã hội chủ nghĩa – cách mạng, của Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân và của những Nhóm lao động trong các Đu-ma nhà nước. Năm 1906 tạp chí trở thành cơ quan của Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân có tính chất nửa dân chủ - lập hiến. — 336.

¹⁰⁵ Xem C. Mác. «Tư bản», tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 820. — 340.

- ¹⁰⁶ V. I. Lê-nin có ý nói đến cuộc thảo luận vấn đề ruộng đất tại Hội nghị I của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp ngày 12 - 17 (25 - 30) tháng Chạp 1905 ở Tam-méc-pho. Lê-nin đã đọc báo cáo về vấn đề ruộng đất tại hội nghị. Phát triển nghị quyết của Đại hội III của đảng, hội nghị đã thừa nhận cần phải đưa vào cương lĩnh điểm nói về việc ủng hộ các biện pháp cách mạng của nông dân, kể cả tịch thu toàn bộ ruộng đất của nhà nước, giáo hội, tu viện, ruộng đất của hoàng tộc, ruộng đất của nhà vua và ruộng đất của tư nhân. Hội nghị đặc biệt chú ý đến sự cần thiết phải có một tổ chức độc lập của giai cấp vô sản ở nông thôn và phải giải thích cho họ thấy không thể dung hòa những lợi ích của họ với những lợi ích của giai cấp tư sản ở nông thôn. — 342.
- ¹⁰⁷ Xem C. Mác. "Các học thuyết về giá trị thặng dư (tập IV của bộ "Tư bản")", tiếng Nga, phần II, 1957, tr. 342. — 346.
- ¹⁰⁸ Xem C. Mác. "Các học thuyết về giá trị thặng dư (tập IV của bộ "Tư bản")", tiếng Nga, phần II, 1957, tr. 86, 99, 237. — 347.
- ¹⁰⁹ Mục: "*Pi-ốt Ma-xlốp sửa chữa những sơ thảo của Các Mác*" cùng với mục sau đó: "Đề bác bỏ được chủ nghĩa dân túy có cần bác bỏ Mác không?" đăng trên số 33 báo "Người vô sản" ngày 23 tháng Bảy (5 tháng Tám) 1908 cùng với bức thư của ban biên tập, dùng làm lời bạt dưới đầu đề "Lời tòa soạn" (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 17, tr. 184 - 185). — 349.
- ¹¹⁰ Xem C. Mác. "Các học thuyết về giá trị thặng dư (tập IV của bộ "Tư bản")", tiếng Nga, phần II, 1957, tr. 34. — 351.
- ¹¹¹ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 662 - 750. — 355.
- ¹¹² Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 793 - 794. — 356.
- ¹¹³ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 794. — 357.
- ¹¹⁴ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 820 - 821, 820. — 369.
- ¹¹⁵ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 823. — 370.

- ¹¹⁶ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 825. — 371.
- ¹¹⁷ Xem C. Mác. "Tư bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 818, 823. — 373.
- ¹¹⁸ Xem C. Mác. "Các học thuyết về giá trị thặng dư (tập IV của bộ "Tư bản")", tiếng Nga, phần II, 1957, tr. 34. — 378.
- ¹¹⁹ Những chữ đặt trong ngoặc kép ("Tsi-tsi-cốp...", v. v.), là phỏng theo một đoạn trong tác phẩm của N. G. Tséc-nư-sép-xki "Tùy bút trong văn học Nga thời kỳ Gô-gôn", trong đó ông chế nhạo cách luận chiến tầm thường của nhà báo Xen-cốp-xki ("Hầu tước Bram-bê-út-xơ"): "... Một sự phân tích sắc sảo về quyển "Những linh hồn chết" có thể được người ta viết như thế này. Sau khi đã viết nhan đề cuốn sách: "Những cuộc phiêu lưu của Tsi-tsi-cốp hay là Những linh hồn chết", thì người ta có thể mở đầu thẳng như thế này: "Những sự đạo mạt của Tơ-khi! tơ-khi! cốp — xin bạn đọc đừng tưởng rằng tôi hắt hơi... v. v. và v. v.. Khoảng 20 năm trước đây còn có những độc giả coi cách phân tích đó là sắc sảo" (N. G. Tséc-nư-sép-xki. Toàn tập, t. III, Mát-xcơ-va, 1947, tr. 54 - 55). — 411.
- ¹²⁰ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 459. — 428.
- ¹²¹ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, xuất bản lần thứ 2 tiếng Nga, t. 18, tr. 228. — 430.
- ¹²² "Sự thật" là tạp chí men-sê-vích ra hàng tháng, chuyên viết về những vấn đề nghệ thuật, văn học và đời sống xã hội; xuất bản ở Mát-xcơ-va trong những năm 1904 - 1906. — 438.
- ¹²³ "*Nhật ký*" của Plê-kha-nốp — "Nhật ký người dân chủ - xã hội" — cơ quan ra không định kỳ do G. V. Plê-kha-nốp xuất bản ở Giơ-ne-vơ từ tháng Ba 1905 đến tháng Tư 1912 (có những thời kỳ bị gián đoạn lâu). Ra được 16 số. Năm 1916, lại được tiếp tục xuất bản ở Pê-tơ-rô-grát, nhưng chỉ ra được một số. Trong tám số đầu (1905 - 1906), Plê-kha-nốp tuyên truyền những quan điểm men-sê-vích cực hữu, cơ hội chủ nghĩa, lên tiếng bảo vệ việc lập khối giữa Đảng dân chủ - xã hội và giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, phủ nhận sự liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân, lên án

cuộc khởi nghĩa vũ trang tháng Chạp. Trong những năm 1909 - 1912, trong những số 9 - 16 của tờ "Nhật ký người dân chủ - xã hội", Plê-kha-nốp lên tiếng chống lại những người men-sê-vích theo phái thủ tiêu đi theo con đường thủ tiêu những tổ chức đảng bất hợp pháp. Tuy vậy, về những vấn đề cơ bản của sách lược, Plê-kha-nốp vẫn đứng trên lập trường men-sê-vích. Trong số 1 báo "Nhật ký người dân chủ - xã hội" xuất bản năm 1916, đã thể hiện rõ những quan điểm xã hội - sô-vanh của Plê-kha-nốp. — 447.

¹²⁴ "*Nước Cộng hòa A-la-pa-ép-xơ*" là tên mà các quan lại Nga hoàng dùng để gọi tổng A-la-pa-ép-xơ, huyện Véc-khô-tua-ri-ê, tỉnh Péc-mơ. Người nông dân đảng viên Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng G. I. Ca-ba-cốp, đại biểu Đu-ma nhà nước II — mà V. I. Lê-nin nhắc đến — trong năm 1905 đã tổ chức ở tổng A-la-pa-ép-xơ một Hội liên hiệp nông dân có đến 30 nghìn hội viên. — 488.

¹²⁵ *Người dân chủ - dân tộc* là đảng viên Đảng dân chủ - dân tộc, một đảng phản động, dân tộc chủ nghĩa chủ yếu của địa chủ và tư sản Ba-lan, có liên hệ chặt chẽ với nhà thờ đạo thiên chúa. Đảng dân chủ - dân tộc thành lập năm 1897, những thủ lĩnh của nó là R. Đmốp-xki, D. Ba-li-txơ-ki, V. Gráp-xki, v. v.. Đảng viên dân chủ - dân tộc đưa ra những khẩu hiệu về sự "hòa hợp giai cấp" và "lợi ích dân tộc", đã tìm cách làm cho quần chúng nhân dân chịu ảnh hưởng của họ và lôi kéo quần chúng theo chính sách phản động của họ. Tuyên truyền chủ nghĩa sô-vanh và chủ nghĩa dân tộc hiếu chiến điên cuồng, coi đây là phương thức đấu tranh chống phong trào xã hội chủ nghĩa và dân chủ chung của nhân dân Ba-lan, những người dân chủ - dân tộc mưu toan cô lập nhân dân Ba-lan với phong trào cách mạng Nga. Trong thời kỳ cách mạng 1905 - 1907, khi cố đạt được một thỏa ước với chế độ Nga hoàng trên cơ sở quyền tự trị của Vương quốc Ba-lan, những người dân chủ - dân tộc đã công khai ủng hộ chế độ Nga hoàng và cuộc đấu tranh chống cách mạng "bằng mọi thủ đoạn, thậm chí cả thủ đoạn tố cáo, gián điệp và ám sát" (V. I. Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 15, tr. 45). Đại hội V (ở Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trong một nghị quyết đặc biệt "Về Đảng dân chủ - dân tộc", đã nhấn mạnh sự cần thiết phải "vạch trần một cách kiên quyết và không thương tiếc bộ mặt Trăm đen phản cách mạng và hoạt

động của những người dân chủ - dân tộc, coi chúng là đồng minh của chế độ Nga hoàng trong cuộc đấu tranh chống cách mạng" (xem "Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", phần I, 1954, tr. 168). Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), Đảng dân chủ - dân tộc ủng hộ vô điều kiện khối Đồng minh, khi tin rằng nước Nga Nga hoàng sẽ giành được thắng lợi, những đất đai của Ba-lan còn dưới ách của Áo và Đức sẽ được sáp nhập lại và quyền tự trị trong khuôn khổ của đế quốc Nga sẽ được trao cho Ba-lan. Chế độ Nga hoàng sụp đổ đã đẩy những người dân chủ - dân tộc vào con đường thân Pháp. Là kẻ thù cuồng nhiệt của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười và Nhà nước xô-viết, nhưng những người dân chủ - dân tộc, do lập trường chống Đức có truyền thống của mình, không phải lúc nào cũng hoàn toàn ủng hộ chính sách đối ngoại phiêu lưu chống Liên-xô của bè lũ Pin-xút-xki cầm đầu ở Ba-lan từ năm 1926. Hiện nay vẫn còn những nhóm của Đảng dân chủ - dân tộc hoạt động trong những phần tử phản động của giới lưu vong Ba-lan. — 492.

¹²⁶ *Những ruộng đất va-cúp* là những đất đai trong các tỉnh có dân theo đạo Hồi, đất này không được bán và không được chuyển từ tay người này sang tay người khác. Các khoản thu nhập trên ruộng đất va-cúp chủ yếu thuộc quyền sử dụng của giới tu hành đạo Hồi. Chính quyền xô-viết đã chuyển ruộng đất va-cúp thành quỹ ruộng đất của nhà nước. — 496.

¹²⁷ V. I. Lê-nin có ý nói đến bức thư của Ph. Ăng-ghe-n gửi Ph. A. Doóc-ghê ngày 29 tháng Mười một 1886, trong đó Ăng-ghe-n phê phán những người dân chủ - xã hội Đức không hiểu được học thuyết mác-xít cách mạng "và có thái độ lý luận suông và giáo điều đối với học thuyết này; họ cho rằng phải học thuộc lòng học thuyết đó, và như thế là đủ cho mọi trường hợp của cuộc sống rồi. Đối với họ, học thuyết đó là giáo điều, chứ không phải là kim chỉ nam hành động" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 396). — 522.

¹²⁸ Có ý nói đến bài ca trào phúng: "Bài ca chính thức của người xã hội chủ nghĩa Nga mới nhất" đăng trên tờ "Bình minh", số 1 (tháng

Tư 1901), dưới ký tên "Nác-txít Tu-pô-rư-lốp". Trong bài thơ, đã chế nhạo "phái kinh tế" cùng với việc họ thích ứng với phong trào tự phát. Tác giả của "Bài ca chính thức của người xã hội chủ nghĩa Nga mới nhất" là L. Mác-tốp. — 523.

¹²⁹ *Lời bạt* do Lê-nin viết năm 1917 khi xuất bản cuốn sách "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907". — 525.

¹³⁰ "*Bưu cục thủ đờ*" là báo ra hàng ngày, xuất bản ở Pê-téc-bua từ tháng Mười 1906 đến tháng Hai 1908. Lúc đầu là cơ quan ngôn luận của những người dân chủ - lập hiến cánh tả, từ tháng Hai 1907 trở thành diễn đàn của Nhóm lao động. Báo đó đã bị chính phủ Nga hoàng cấm. — 533.

¹³¹ Có lẽ V. I. Lê-nin muốn nói đến bài "Những bản sơ thảo chính trị" đăng trong văn tập ra không đều kỳ "Diễn đàn của chúng ta", quyển 1, Vin-nô, 1907. Tác giả bài báo là V. M-đ-m (Mê-đem) — người có tiếng thuộc phái Bun đã tuyên truyền tư tưởng là sau khi cách mạng 1905 - 1907 thất bại, Đảng dân chủ - xã hội Nga phải từ bỏ các khẩu hiệu cách mạng như khẩu hiệu đòi triệu tập Quốc hội lập hiến. — 534.

¹³² Lê-nin dẫn chứng bài báo của mình "Bình luận chính trị" in trên báo "Người vô sản" số 21, ngày 13 (26) tháng Hai 1908 (xem tập này, tr. 528 - 536). Vấn đề về cương lĩnh của đảng được soi sáng một cách chi tiết hơn trong bài "Pi-ốt Ma-xlốp sửa chữa những sơ thảo của Các Mác như thế nào" ("Người vô sản", số 33, ngày 23 tháng Bảy (5 tháng Tám) 1908), trong đó có phần hai và ba của chương III tác phẩm "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" (xem tập này, tr. 350 - 365). — 540.

¹³³ "*Mê-ô-nư*" là tên gọi tắt của Đảng "canh tân hòa bình" (xem chú thích 20). — 541.

¹³⁴ Bài báo của Lê-nin "*Sự trung lập của công đoàn*", ngoài tờ báo "Người vô sản" ra, còn được in văn tắt trong văn tập "Về các trào lưu của thời đại" (Xanh Pê-téc-bua, 1908, Nhà xuất bản "Sáng tạo"), ký tên V. I. I-lin. — 544.

¹³⁵ Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về công đoàn đã được đăng trên báo "Người vô sản", số 21, ngày 13 (26) tháng Hai 1908.

Nghị quyết đề nghị các đảng viên của đảng tổ chức trong nội bộ các tổ chức công đoàn các tổ đảng và hoạt động dưới sự lãnh đạo của các trung tâm lãnh đạo của đảng ở địa phương. Trong trường hợp sự truy nã của cảnh sát không cho phép tổ chức hoặc thành lập lại các tổ chức công đoàn đã bị phá vỡ thì Ban chấp hành trung ương đề nghị tổ chức các tổ công đoàn và công đoàn bí mật. Còn đối với các tổ chức hợp pháp như hội tương trợ, hội lương tri, v. v., nghị quyết của Ban chấp hành trung ương đề nghị các tổ chức đảng địa phương thành lập trong các tổ chức đó "những nhóm cố kết của những người dân chủ - xã hội để tiến hành công tác đảng trong số quần chúng rộng rãi nhất của giai cấp vô sản". Để ngăn chặn ngay mưu toan của những người men-sê-vích định giải thích phần này của nghị quyết theo kiểu cơ hội chủ nghĩa, nên trong nghị quyết đã chỉ rõ cần phải giải thích rằng "hoạt động có tổ chức của giai cấp vô sản không thể giới hạn trong khuôn khổ của các nhóm ấy", và sự tồn tại hợp pháp của công đoàn "không thể hạ thấp nhiệm vụ chiến đấu của tổ chức công đoàn của giai cấp vô sản" ("Người vô sản", số 21, ngày 13 (26) tháng Hai 1908, tr. 4). — 544.

¹³⁶ "*Thế kỷ chúng ta*" là một tờ báo phổ biến rộng rãi, cơ quan ngôn luận của những người dân chủ - lập hiến cánh tả — tờ "Đồng chí"; báo xuất bản ở Pê-téc-bua trong những năm 1905 - 1908. — 544.

¹³⁷ Trong dự thảo nghị quyết bôn-sê-vích về công đoàn công bố trên tờ "Người vô sản", số 17, ngày 20 tháng Mười 1907 có nói: "Công tác được tăng cường của Đảng dân chủ - xã hội trong phong trào công đoàn, do toàn bộ tình hình hiện tại đề ra, phải được tiến hành theo tinh thần các nghị quyết ở Luân-đôn và Stút-ga, nghĩa là trong bất cứ trường hợp nào cũng không được thừa nhận về nguyên tắc sự trung lập hoặc tính không đảng phái của công đoàn, mà ngược lại, phải theo tinh thần cố gắng không ngừng làm cho công đoàn ngày càng liên hệ mật thiết và chặt chẽ hơn với Đảng dân chủ - xã hội. Việc thừa nhận công đoàn mang tính đảng phái đạt được bằng công tác tuyên truyền và tổ chức của Đảng dân chủ - xã hội trong nội bộ công đoàn, và việc tuyên bố tính đảng đó chỉ hợp lý khi đại đa số các đoàn viên công đoàn đã đứng hẳn về phía Đảng dân chủ - xã hội".

Trong một nghị quyết đã được Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thông qua về công đoàn, thay vào câu cuối cùng ("Việc thừa nhận các công đoàn...") đã viết như sau: "Việc thừa nhận công đoàn mang tính chất dân chủ - xã hội phải là kết quả của chỉ riêng công tác tuyên truyền và tổ chức của Đảng dân chủ - xã hội trong nội bộ công đoàn và không được phá vỡ sự thống nhất của cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản" ("Người vô sản", số 21, ngày 13 (26) tháng Hai 1908). Giải thích nghị quyết về công đoàn trong thư gửi các tổ chức địa phương nói về công tác của Đảng dân chủ - xã hội trong các công đoàn, công bố trên báo "Người vô sản", số 23, ngày 27 tháng Hai (11 tháng Ba) 1908, Ban chấp hành trung ương đã xác nhận nguyên tắc tính đảng của công đoàn và đề ra nhiệm vụ "hướng mọi công tác cổ động của Đảng dân chủ - xã hội theo tinh thần của các nghị quyết Luân-đôn và Stút-ga". Ban chấp hành trung ương vạch ra và cũng nêu lên hàng loạt biện pháp nhằm củng cố mối liên hệ giữa các tổ chức đảng với các tổ chức công đoàn: 1) tiến hành các cuộc họp của những người dân chủ - xã hội công tác trong các ban lãnh đạo công đoàn, để thảo luận trước những vấn đề quan trọng nhất của công đoàn cũng như của đảng; 2) thảo luận trong các cuộc họp của đảng những vấn đề quan trọng về công tác công đoàn, v. v. — 544.

¹³⁸ "*Tiến lên*" là một tờ báo công nhân, bôn-sê-vích, mang tính chất quần chúng, do Lê-nin lãnh đạo; tờ báo do ban biên tập của tờ "Người vô sản" xuất bản bí mật ở Vư-boóc-gơ từ 10 (23) tháng Chín 1906 đến 19 tháng Giêng (1 tháng Hai) 1908. Báo ra được 20 số. Bắt đầu từ số thứ hai, báo "Tiến lên" xuất bản với tư cách cơ quan ngôn luận của các ban chấp hành địa phương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga: số 2 — của Ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua và khu Mát-xcơ-va; các số 3 - 7 là cơ quan ngôn luận của các ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua, khu Mát-xcơ-va, tỉnh Péc-mơ và Cuốc-xcơ; các số 8 - 19, ngoài của các ban chấp hành kể trên, còn là cơ quan ngôn luận của Ban chấp hành Ca-dan; số 20, số cuối cùng của tờ "Tiến lên", không thấy đề là của Ban chấp hành tỉnh Péc-mơ và Ca-dan nữa mà đề là của khu ủy U-ran. Báo "Tiến lên" sử dụng một thứ ngôn ngữ đại chúng, dễ hiểu đối với đông đảo độc giả công nhân và nông dân để tuyên truyền cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, giải thích sách lược của những người dân chủ - xã hội cách mạng bôn-sê-vích, đồng thời nó cũng vạch ra tác hại của sách lược cơ

hội chủ nghĩa của những người men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng; báo đã vạch trần tính chất phản dân chủ của Đảng dân chủ - lập hiến và các đảng tư sản khác, đã vạch rõ tính chất giai cấp phản nhân dân của chế độ chuyên chế. Báo đã soi sáng nhiều về vấn đề công nhân (đình công, đấu tranh chống giãn thợ, công đoàn v. v.), đã hưởng ứng một cách sinh động những sự kiện quan trọng nhất của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa ở Nga và quốc tế. Chiếm vị trí lớn trong tờ báo là vấn đề ruộng đất, cuộc đấu tranh của nông dân đòi ruộng đất, phong trào trong quân đội, giải thích sách lược của những người bôn-sê-vích trong vấn đề nông dân. Báo chú ý nhiều đến việc giải tán hai Đu-ma đầu, làm sáng tỏ cuộc bầu cử Đu-ma II, và đặc biệt là Đu-ma nhà nước III, nêu rõ thành phần giai cấp của các Đu-ma, sự bất lực của các Đu-ma trong việc giải quyết các vấn đề chủ yếu của cách mạng, đồng thời cũng giải thích sách lược của những người bôn-sê-vích đối với các Đu-ma.

Chiếm vị trí quan trọng trên tờ "Tiến lên" là những vấn đề về sinh hoạt đảng: soi sáng các nghị quyết của Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, của các hội nghị toàn Nga, của các hội nghị thành phố và khu phố của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Tờ "Tiến lên" có những mối liên hệ chặt chẽ với độc giả công nhân.

Trên báo "Tiến lên" đã in hàng loạt bài của V. I. Lê-nin. — 546.

¹³⁹ Cuốn sách của Đ. Phiéc-xốp (Đ. Rô-đen-bli-um) và M. I-a-cô-bi (M. Ghen-đen-man) "Về việc sửa đổi cương lĩnh ruộng đất và sự luận chứng cho cương lĩnh đó" do Nhà xuất bản "Kỷ nguyên" xuất bản (Mát-xcơ-va, 1908). Sách đã bị tịch thu. Lê-nin hứa sẽ phân tích cương lĩnh đó trong tờ "Người vô sản", nhưng không thấy đăng. — 551.

¹⁴⁰ «*Thế giới ngày nay*» là tạp chí văn học, khoa học và chính trị ra hàng tháng; xuất bản ở Pê-téc-bua từ tháng Mười 1906 đến 1918. Tham gia trực tiếp nhất vào tạp chí là những người men-sê-vích, trong đó có G. V. Plê-kha-nốp. Trong thời kỳ liên minh với phái Plê-kha-nốp và vào đầu năm 1914, những người bôn-sê-vích cũng cộng tác trong tạp chí này.

Tháng Ba 1914 trên tờ "Thế giới ngày nay" đã đăng bài của V. I. Lê-nin "Lại một sự thủ tiêu chủ nghĩa xã hội" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 20, tr. 211 - 237). Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), tạp chí

- trở thành cơ quan ngôn luận của những người xã hội - sô-vanh. — 552.
- ¹⁴¹ "*Justice*" (Chính nghĩa) — báo ra hàng tuần, xuất bản ở Luân-đôn từ tháng Giêng 1884 đến đầu năm 1925; cơ quan ngôn luận của Liên minh dân chủ - xã hội, từ năm 1911 là cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội chủ nghĩa Anh. Từ tháng Hai 1925, đến tháng Chạp 1933, báo phát hành dưới tên gọi "Social-Democrat" ("Người dân chủ - xã hội"). — 555.
- ¹⁴² "*Labour Leader*" ("Lãnh tụ công nhân") — tạp chí ra hàng tuần, cơ quan ngôn luận của Đảng công nhân độc lập, xuất bản từ năm 1891 cho tới ngày nay. Từ năm 1946, tạp chí lấy tên "Socialist Leader" ("Lãnh tụ xã hội chủ nghĩa"). — 556.
- ¹⁴³ "*Reynolds' Newspaper*" — "Reynolds' Weekly Newspaper" ("Tin tức Rây-nôn") — báo của Anh có xu hướng cấp tiến; xuất bản ở Luân-đôn từ năm 1850 đến năm 1924; vào đầu những năm 50 của thế kỷ XIX, báo ủng hộ những người tham gia phong trào Hiến chương. Từ năm 1924, báo xuất bản với tên gọi "Reynolds' illustrades". — 556.
- ¹⁴⁴ "*The Times*" ("Thời báo") là báo ra hàng ngày, thành lập ở Luân-đôn năm 1785; là một trong những tờ báo bảo thủ lớn nhất của giai cấp tư sản Anh. — 556.
- ¹⁴⁵ "*The New Age*" ("Thế kỷ mới") là tạp chí bình luận dân chủ về chính trị, tôn giáo và văn học. Xuất bản ở Luân-đôn từ năm 1894 đến năm 1938. — 556.
- ¹⁴⁶ "*Báo Phran-pho*" ("Frankfurter Zeitung") — báo ra hàng ngày, cơ quan ngôn luận của các nhân viên sở giao dịch lớn người Đức, xuất bản ở Phran-pho trên sông Manh từ năm 1856 đến 1943. Từ năm 1949 báo lại bắt đầu phát hành với tên gọi "Báo toàn Phran-pho" ("Frankfurter Allgemeine Zeitung"); là cái loa của bọn độc quyền Tây Đức. — 558.
- ¹⁴⁷ Xem Ph. Ăng-ghen. "Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội năm 1891" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, phần II, 1936, tr. 108 - 111). — 562.
- ¹⁴⁸ Bài báo của Lê-nin "*Bàn về cuộc tranh luận mở rộng quyền cho Du-ma được quyết định ngân sách*" — lần đầu tiên in trên Cơ quan

ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, báo "Người dân chủ - xã hội", số 1, tháng Hai 1908. Sau đó, bài báo được in lại trên báo "Người vô sản", số 27, ngày 26 tháng Ba (8 tháng Tư) cũng năm ấy, có tái bút của Lê-nin (xem tập này, tr. 573 - 574).

"*Người dân chủ - xã hội*" là tờ báo bất hợp pháp, Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, xuất bản từ tháng Hai 1908 đến tháng Giêng 1917. Số đầu — do những người bôn-sê-vích chuẩn bị và đã cho in một phần ở Vin-nô, trong nhà in tư nhân, — đã bị sở mật thám của Nga hoàng tịch thu. Ngay sau đó, người ta lại định một lần nữa xuất bản tờ báo ở Pê-téc-bua, nhưng phần lớn số báo đã in cũng lại rơi vào tay bọn hiến binh. Về sau việc xuất bản tờ báo phải chuyển ra nước ngoài: các số báo 2 - 32 (tháng Hai 1909 - tháng Chạp 1913) xuất bản ở Pa-ri, các số 33 - 58 (tháng Mười một 1914 - tháng Giêng 1917) — ở Giơ-ne-vơ. Ra được tất cả 58 số, trong đó 5 số có các phụ trương.

Ban biên tập tờ "Người dân chủ - xã hội" được tổ chức theo nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga do Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) bầu ra, gồm các đại biểu của những người bôn-sê-vích và những người dân chủ - xã hội Ba-lan. Thực tế thì V. I. Lê-nin là người lãnh đạo tờ báo. Các bài báo của Người chiếm vị trí trung tâm trên báo "Người dân chủ - xã hội". Trên báo đã đăng hơn 80 bài báo và bút ký của Lê-nin.

Trong nội bộ ban biên tập "Người dân chủ - xã hội", Lê-nin đã tiến hành đấu tranh cho đường lối bôn-sê-vích triệt để chống lại những người men-sê-vích theo chủ nghĩa thủ tiêu. Một bộ phận của ban biên tập (Ca-mê-nép và Di-nô-vi-ép) có thái độ dung hòa đối với phái thủ tiêu, mưu tính ngăn cản việc thực hiện đường lối của Lê-nin. Các ủy viên ban biên tập men-sê-vích — Mác-tốp và Đan — vừa ngấm ngấm phá hoại công tác trong ban biên tập của Cơ quan ngôn luận trung ương, vừa công khai bênh vực chủ nghĩa thủ tiêu trên tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội"; họ đã cản trở những người men-sê-vích ủng hộ đảng tham gia vào Cơ quan ngôn luận trung ương. Cuộc đấu tranh kiên quyết của Lê-nin chống phái thủ tiêu đã khiến Mác-tốp và Đan phải rút ra khỏi ban biên tập vào tháng Sáu 1911. Từ tháng Chạp 1911 V. I. Lê-nin chỉ đạo việc biên tập tờ "Người dân chủ - xã hội".

Trong những năm đen tối của thời kỳ phản động và trong thời

kỳ cao trào cách mạng mới, tờ "Người dân chủ - xã hội" đã đóng vai trò to lớn trong cuộc đấu tranh của những người bôn-sê-vích chống phái thủ tiêu, phái to-rôt-kít, phái triệu hồi để duy trì đảng mao-xít bất hợp pháp, củng cố sự thống nhất trong đảng, tăng cường các mối liên hệ giữa đảng và quần chúng.

Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, "Người dân chủ - xã hội" là Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng bôn-sê-vích đã đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc tuyên truyền những khẩu hiệu bôn-sê-vích về các vấn đề chiến tranh, hòa bình và cách mạng, chỉ cho giai cấp vô sản quốc tế con đường đấu tranh chống chiến tranh đế quốc chủ nghĩa: biến chiến tranh đế quốc chủ nghĩa thành nội chiến. Trên các trang báo có đăng bài của Lê-nin "Bàn về khẩu hiệu Liên bang châu Âu", trong đó, lần đầu tiên Người đưa ra kết luận về khả năng thắng lợi của chủ nghĩa xã hội lúc đầu trong một số nước hoặc thậm chí trong một nước tư bản chủ nghĩa riêng biệt. Việc phổ biến báo "Người dân chủ - xã hội" ở Nga, việc in lại những bài báo quan trọng nhất của báo đó trên các báo bôn-sê-vích địa phương đã góp phần soi sáng về mặt chính trị, giáo dục tinh thần quốc tế cho giai cấp vô sản Nga, chuẩn bị cho quần chúng đứng lên làm cách mạng.

Đánh giá cao công lao của báo "Người dân chủ - xã hội" trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, sau này, V. I. Lê-nin đã viết rằng việc tìm đọc những bài in trên báo đó "là cần thiết đối với bất cứ một công nhân giác ngộ nào muốn hiểu tình hình phát triển của những tư tưởng về cách mạng xã hội chủ nghĩa quốc tế và của sự thắng lợi đầu tiên mà cuộc cách mạng đó đã giành được ngày 25 tháng Mười 1917" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xơ-va, t. 36, tr. 155 - 156). — 564.

¹⁴⁹ Về đoạn này, ban biên tập tờ "Người vô sản", trong khi cho in lại bài báo trích trong Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng, "Người dân chủ - xã hội", đã chú dẫn như sau: "Ban biên tập Cơ quan ngôn luận trung ương, nơi lần đầu tiên cho đăng bài này, "nhận thấy cần phải nêu lên rằng cách thức hoạt động của đảng đoàn — mà tác giả phê phán — về vấn đề mở rộng quyền của Đu-ma được quyết định ngân sách, hoàn toàn được tiểu ban Đu-ma của Ban chấp hành trung ương tán thành".

Sở dĩ có sự bất đồng về quan điểm giữa V. I. Lê-nin, — người đại diện cho phái đa số trong đảng, — và tiểu ban Đu-ma của Ban chấp hành trung ương lãnh đạo đảng đoàn dân chủ - xã hội đó, là do phái men-sê-vích chiếm đa số trong thành phần của tiểu ban. Tổng

kết công tác của đảng đoàn trong Đu-ma III, năm 1912, Lê-nin đã viết rằng "những bước đầu của hoạt động của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma III đã gây nên sự bất bình ghê gớm và sự lên án gay gắt của phái đa số trong đảng. Trong đảng đoàn, những người men-sê-vích chiếm ưu thế, những người này trước đây có quan điểm đối lập với các nghị quyết của đảng năm 1907¹, và đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma III đã tiếp tục hoặc bắt chước lập trường "đối lập" đó. Cuộc đấu tranh theo kiểu của mình đã bắt đầu giữa đảng và đảng đoàn" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 22, tr. 235). Về sau, do kết quả của sự phê phán của những người bôn-sê-vích đối với sai lầm của đảng đoàn dân chủ - xã hội, cũng như do tác động của những công nhân đã bày tỏ sự bất bình của họ về hoạt động của các đại biểu khi họ đi về địa phương, nên công tác của đảng đoàn có được cải tiến, ảnh hưởng của các đại biểu bôn-sê-vích đối với đảng đoàn cũng tăng lên. — 572.

¹⁵⁰ "Báo của chúng ta" là báo có xu hướng nửa dân chủ - lập hiến; xuất bản ở Pê-téc-bua trong những năm 1904 - 1908. — 573.

¹⁵¹ Ngày 16 (29) tháng Tư 1908 trên báo "Người vô sản", số 29, có đăng bức thư của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga gửi các tổ chức địa phương nói về công tác của các đại biểu dân chủ - xã hội trong Đu-ma.

Phân tích cận kề công tác của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III, Ban chấp hành trung ương tuyên bố rằng đảng đoàn phải xây dựng hoạt động của mình trên cơ sở những nghị quyết tương ứng của Đại hội V của đảng và của Hội nghị IV của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị III toàn Nga"). Sau khi nêu lên một số kết quả trong công tác của đảng đoàn và nêu ra một cách chi tiết những sai lầm của nó, Ban chấp hành trung ương viết: "Do đó, Ban chấp hành trung ương cho rằng, những khuynh hướng mới xuất hiện trong một số tổ chức, thật ra trong một số rất ít tổ chức, đòi triệu hồi đảng đoàn ra khỏi Đu-ma III, là hoàn toàn không đúng chỗ, không hợp thời và có hại cho đảng, cho lợi ích của giai cấp vô sản. Đảng dân chủ - xã hội không biết và không thừa nhận một phương thuốc chữa được bách bệnh, một phương thức *độc nhất và duy nhất* của đấu tranh chính trị; vì

¹ Tức là những nghị quyết của Đại hội V và Hội nghị IV của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

lợi ích của giai cấp vô sản, đảng phải sử dụng *mọi* con đường và *mọi phương thức*. Đu-ma III là một trong những phương thức đó" ("Người vô sản", số 29, ngày 16 (29) tháng Tư 1908, tr. 4). — 574.

- ¹⁵² Bài "*Những bài học của Công xã*" đăng trên "Báo hải ngoại", số 2, ngày 23 tháng Ba 1908 là bài ghi bản báo cáo của Lê-nin. Ban biên tập báo đã viết lời chú dẫn sau đây cho bài báo: "Ngày 18 tháng Ba, tại Giơ-ne-vơ đã cử hành cuộc mít-tinh mang tính chất quốc tế kỷ niệm ba ngày lễ của giai cấp vô sản: 25 năm ngày Mác mất, 60 năm ngày Cách mạng tháng Ba 1848 và ngày kỷ niệm Công xã Pa-ri. Trong cuộc mít-tinh, thay mặt Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đồng chí Lê-nin đã nói về ý nghĩa của Công xã".

"*Báo hải ngoại*" là báo của nhóm người Nga lưu vong ở Giơ-ne-vơ, xuất bản vào tháng Ba - tháng Tư 1908. — 575.

- ¹⁵³ Xem C. Mác. "Lời kêu gọi lần thứ hai của Hội đồng trung ương Hội liên hiệp công nhân quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp - Phổ" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 17, tr. 280 - 281). — 576.

- ¹⁵⁴ Sự đánh giá của C. Mác về vai trò lịch sử của Công xã Pa-ri như là điểm báo trước của một xã hội mới, xem tác phẩm "Nội chiến ở Pháp" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Những tác phẩm chọn lọc, gồm hai tập, tiếng Nga, t. 1, 1955, tr. 433 - 503) và những bức thư gửi Cu-ghen-man ngày 12 và 17 tháng Tư 1871 (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 262 - 264). — 577.

- ¹⁵⁵ "*Tư tưởng Nga*" là tạp chí chính trị - văn học ra hàng tháng; xuất bản ở Mát-xcơ-va từ năm 1880 đến 1918; trước năm 1905, tạp chí có khuynh hướng dân túy - tự do chủ nghĩa (trước năm 1885 tổng biên tập là V. M. La-vrốp). Trong những năm 90, đôi khi trên các trang của tạp chí có đăng những bài của những người mác-xít. Đồng thời trong tạp chí "Tư tưởng Nga" cũng có đăng những bài của các nhà văn tiến bộ: Đ. N. Ma-min - Xi-bi-ri-ác, G. I. U-xpen-xki, V. G. Cô-rô-len-cô, A. M. Goóc-ki, A. P. Tsê-khốp, v. v.. Sau Cách mạng 1905, là cơ quan ngôn luận của cánh hữu Đảng dân chủ - lập hiến; tạp chí xuất bản dưới sự chủ biên của

P. B. Xơ-ru-vê. Tạp chí tuyên truyền chủ nghĩa dân tộc, tư tưởng của phái "Những cái mốc", của giới thầy tu, đồng thời bảo vệ quyền sở hữu của địa chủ. — 585.

- ¹⁵⁶ V. I. Lê-nin dẫn ra hai câu thơ lấy trong tác phẩm của Gơ-tơ "West-östlicher Divan" ("Trường ca Đông - Tây"): "Wer den Dichter will versteh'n, Muss in Dichter's Lande geh'n" (Ai muốn hiểu nhà thơ, người đó phải đến đất nước của nhà thơ ấy), hai câu này đã bị một nhân vật trong tiểu thuyết của I. X. Tuốc-ghê-nép "Đất hoang" là Pa-clin lấy lại — 593.

- ¹⁵⁷ "*Journal des Débats*" là tên gọi tắt của tờ báo tư sản Pháp ra hàng ngày "Journal des Débats politiques et littéraires" ("Báo tranh luận chính trị và văn học"), xuất bản ở Pa-ri trong những năm 1789 - 1944. — 598.

- ¹⁵⁸ Đây có ý nói đến các điểm trong báo cáo của A. Bô-gđa-nốp (Mác-xi-mốp) ủng hộ việc tẩy chay Đu-ma nhà nước III. Những điểm này được V. I. Lê-nin tóm tắt lại như sau:

"*Đề cương đầu tiên của Mác-xi-mốp:*

1. "Những nhiệm vụ" chủ yếu "của cách mạng không được giải quyết" (có nguyên nhân). Những biểu hiện của phong trào cách mạng không được khắc phục.
2. Sự phát triển của tổ chức kinh tế và chính trị, — các cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và sự phát triển của tính tự giác — lực lượng đang được tích lũy etc.
3. Tâm trạng tẩy chay là biểu hiện của tâm trạng cách mạng và sự đánh giá Đu-ma một cách đúng đắn" (Văn tập Lê-nin, t. XXV, tr. 7). — 601.

- ¹⁵⁹ Ghi chép đóng trong khung — đó là lý do đầu tiên để ủng hộ việc tẩy chay cuộc bầu cử Đu-ma III trong dự thảo nghị quyết của Bô-gđa-nốp (Mác-xi-mốp), trong đó nói rằng: "Lời kêu gọi tham gia bầu cử do những người dân chủ - xã hội đưa ra, thì quần chúng có thể hiểu — bất chấp, thậm chí cả những lý do cách mạng trong lời kêu gọi đó — như là sự thừa nhận rằng cuộc cách mạng này đã kết thúc và chỉ còn việc chuyển sang cái công tác hàng ngày trong nhiều năm" ("Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", ph. I, 1954, tr. 176 - 177). — 601.

¹⁶⁰ Đây có ý nói đến việc so sánh hai nghị quyết về Đu-ma nhà nước và về nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma ấy: nghị quyết men-sê-vích được thông qua tại Đại hội IV (Đại hội Xtốc-khôn) của đảng, và nghị quyết bôn-sê-vích của Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) (xem "Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", ph. I, 1954, tr. 127 - 128 và 166 - 167). V. I. Lê-nin đã so sánh đặc điểm của hai nghị quyết đó trong bài "Phản đối việc tẩy chay" (xem tập này, tr. 36). — 602.

¹⁶¹ Đây có ý nói đến nghị quyết của Đại hội IV (Đại hội Xtốc-khôn) và Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của đảng "Bản về công đoàn". Tại Đại hội Xtốc-khôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, những người men-sê-vích đã đưa ra nghị quyết đòi thừa nhận sự trung lập, tính không đảng phái của công đoàn. Trong nghị quyết này có nói rằng đại hội thừa nhận "đảng phải ủng hộ nguyện vọng của công nhân muốn thành lập tổ chức công đoàn và bằng mọi cách đảng phải giúp đỡ việc thành lập công đoàn không đảng phái" ("Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", ph. I, 1954, tr. 131). Nghị quyết của Đại hội Luân-đôn, bác bỏ tư tưởng trung lập, nói rằng: "Đại hội lại xác nhận nghị quyết của Đại hội thống nhất về công tác trong công đoàn, và nhắc nhở các tổ chức đảng và những người dân chủ - xã hội công tác trong các công đoàn về một trong những nhiệm vụ chủ yếu của công tác dân chủ - xã hội trong các công đoàn là: phải làm cho công đoàn thừa nhận sự lãnh đạo về tư tưởng của Đảng dân chủ - xã hội cũng như thiết lập mối liên hệ về tổ chức với đảng, và về sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ ấy ở những nơi nào mà điều kiện địa phương cho phép" ("Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", ph. I, 1954, tr. 169-170). — 607.

¹⁶² Không rõ ở đây nói về bản dự thảo nghị quyết nào. — 607.

BẢN CHỈ DẪN
CÁC SÁCH BÁO VÀ TÀI LIỆU GỐC
MÀ V. I. LÊ-NIN ĐÃ TRÍCH DẪN
VÀ NÓI ĐẾN

[A-lếch-xin-xki, G. A.] *A-lếch-xê-ép [Sửa đổi vào dự thảo cương lĩnh ruộng đất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đưa ra tại phiên họp 12 của Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga].* — [Алексинский, Г. А.] *Алексеев [Поправка к проекту аграрной программы РСДРП, внесенная на 12-ом заседании IV (Объединительного) съезда РСДРП].* — В кн.: *Протоколы Объединительного съезда РСДРП, состоявшегося в Стокгольме в 1906 г. М., тип. Иванова, 1907, стр. 152. — 304.*

Ас-хен-рôt, P. B. Bản về nguồn gốc và ý nghĩa của những bất đồng về mặt tổ chức của chúng ta. — Аксельрод, П. Б. *К вопросу об источнике и значении наших организационных разногласий.* (Из переписки с Каутским). — «Искра», [Женева], 1904, № 68, 25 июня, стр. 2 - 3. — 314, 445, 490.

— *Bản về nguồn gốc và ý nghĩa của những bất đồng về mặt tổ chức của chúng ta.* — *К вопросу об источнике и значении наших организационных разногласий.* (Из переписки с Каутским). (25 июня 1904 г., № 68). — В кн.: «Искра» за два года. Сборник статей из «Искры». Спб., Салтыков, 1906, стр. 147 - 154. — 314, 400 - 425.

— *Đu-ma nhân dân và đại hội công nhân.* — *Народная дума и рабочий съезд.* Изд. «Искры». Женева, тип. партии, 1905. 15 стр. (РСДРП). — 87.

— *Lời tựa [cho cuốn sách của V. I. Lê-nin "Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga"].* — *Предисловие [к книге В. И. Ленина «Задачи русских социал-демократов»].* — В кн.: [Ленин, В. И.] *Задачи русских социал-демократов.* С предисл. П. Аксельрода. Изд. РСДРП. Женева, тип. «Союза русских социал-демократов», 1898, стр. 1 — 5. — 54.

- * — *Lời tựa của P. B. Ác-xen-rốt cho bản in lần thứ nhất [cuốn sách của V. I. Lê-nin "Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga"]*. — Предисловие П. Б. Аксельрода к первому изданию [книги В. И. Ленина «Задачи русских социал-демократов»]. — В кн.: [Ленин, В. И.] За 12 лет. Собрание статей. Т. I. Два направления в русском марксизме и русской социал-демократии. Спб., тип. Безобразова, [1907], стр. 132—134. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. На тит. л. год изд.: 1908. — 54.
- * *Ăng-ghen, Ph. Các bài viết trong những năm 1871 - 75*. — Энгельс, Ф. Статьи 1871 — 75 гг. Фогт. — Бакунисты за работой. — Поляки. — Бланкисты. — О России. Пер с нем. Б. Смирнова под ред. А. Санина Спб., [«Знание»], 1906. 77 стр. (Дешевая б-ка т-ва «Знание». № 271). — 489.
- * — *Cương lĩnh của chiến sĩ Công xã thuộc phái Błang-ki*. — Программа коммунаров-бланкистов. («Volksstaat», 1874, г., № 73). — В кн.: Энгельс, Ф. Статьи 1871—75 гг. Фогт. — Бакунисты за работой. — Поляки. — Бланкисты. — О России. Пер. с нем. Б. Смирнова под ред. А. Санина Спб., [«Знание»], 1906, стр. 41 — 48. (Дешевая б-ка т-ва «Знание». № 271). — 490.
- *[Thư gửi Ph. A. Doóc-ghê. 29 tháng Tư 1886]*. — [Письмо Ф. А. Зорге. 29 апреля 1886 г.] — В кн.: Письма И. Ф. Беккера И. Дицгена, Ф. Энгельса, К. Маркса и др. к Ф. А. Зорге и др. Пер. с немецкого Политикуса. С письмами и биографией Ф. А. Зорге. С предисл. Н. Ленина. С портр. Ф. А. Зорге. Спб., Дауге, 1907, стр. 245 — 250. — 233.
- *[Thư gửi Ph. A. Doóc-ghê. 29 tháng Mười một 1886]*. — [Письмо Ф. А. Зорге. 29 ноября 1886 г.] — Там же, стр. 266 — 270. — 240.
- *[Thư gửi Ph. A. Doóc-ghê. 7 tháng Chạp 1889]*. — [Письмо Ф. А. Зорге. 7 декабря 1889 г.] — Там же, стр. 356 - 359. — 245.
- *[Thư gửi Ph. A. Doóc-ghê. 10 tháng Sáu 1891]*. — [Письмо Ф. А. Зорге. 10 июня 1891 г.] — Там же, стр. 406 - 407. — 250.

* Dấu hoa thị dùng để chỉ những sách, báo, bài báo và văn kiện có ghi chú của V. I. Lê-nin hiện còn được giữ lại trong Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô.

- *[Thư gửi Ph. A. Doóc-ghê. 18 tháng Giêng 1893]*. — [Письмо Ф. А. Зорге. 18 января 1893 г.] — Там же, стр. 439 — 440. — 333.
- *[Thư gửi Ph. Ken-li - Vít-snê-vết-xai-a. 27 tháng Giêng 1887]*. — [Письмо Ф. Келли-Вишневецкой. 27 января 1887 г.] — Там же, стр. 276 — 277. — 314.
- *Về lịch sử Đông minh của những người cộng sản*. — К истории Союза коммунистов. 8 октября 1885 г. — 489.
- *Về vấn đề nhà ở*. — К жилищному вопросу. Май 1872 г. — январь 1873 г. — 546.
- Bản về công đoàn*. — О профессиональных союзах. [Резолюция, принятая на IV (Объединительном) съезде РСДРП]. — В кн.: Протоколы Объединительного съезда РСДРП, состоявшегося в Стокгольме в 1906 г. М., тип. Иванова, 1907, стр. 418 — 419. — 85, 101, 135, 607.
- Bản về cương lĩnh ruộng đất*. — К вопросу об аграрной программе. 1) П. Маслов. Землепользование или землевладение? 2) К. Каутский. Письмо об аграрной программе. [Спб.], «Новый Мир», [1905]. 16 стр. — 439.
- Bản về tẩy chay Đu-ma III*. — О бойкоте третьей Думы. [Спб.], 1907. 32 стр. На обл. место изд.: М., тип. Горизонтова. — 234.
- Bản chỉ dẫn về các tường thuật tốc ký [của Đu-ma nhà nước]*. — Указатель к стенографическим отчётам [Государственной думы]. Второй созыв. 1907 год. Заседания 1 — 53 (20 февраля — 2 июня 1907 г.). Спб., гос. тип., 1907. 322 стр. (Государственная дума). — 542.
- [Báo cáo về phiên họp của Đu-ma nhà nước ngày 18 (31) tháng Ba 1908]*. — [Отчёт о заседании Государственной думы 18 (31) марта 1908 г.] — «Наша Газета», Спб., 1908, № 3, 19 марта (1 апреля), стр. 3. Под общ. загл.: Государственная дума. Подпись: Г. — 550.
- Báo chí Nga*. — Русская печать. — «Товарищ», Спб., 1907, № 296, 19 июня (2 июля), стр. 2. — 48 - 58.
- "Báo của chúng ta"*. — «Наша Газета», Спб., 1908, № 3, 19 марта (1 апреля), стр. 3. — 542.
- "Bình luận khoa học"*. — «Научное Обозрение», Спб., 1900, № 5, стр. 945 — 954; № 6, стр. 1061 - 1067. — 268 - 269.

- "*Bình minh*". — «Заря», Stuttgart. — 120.
- 1901, № 1, апрель, стр. 152 — 153. — 523.
- 1901, № 2 — 3, декабрь, стр. 60 — 100, 258 — 302. — 330, 356, 357 - 358, 362, 363 - 364.
- [*Bô-gđã-nốp, A. A. Dự thảo nghị quyết về việc tham gia bầu cử Đu-ma nhà nước, đưa ra Hội nghị lần thứ ba của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị toàn Nga lần thứ hai")*]. 21 - 23 tháng Bảy (3 - 5 tháng Tám) 1907]. — [Богданов, А. А. Проект резолюции об участии в выборах в Государственную думу, внесенный на Третью конференцию РСДРП («Вторую общероссийскую»). 21 - 23 июля (3 - 5 августа) 1907 г.] — В листовке: Извещение о партийной конференции 21, 22 и 23 июля 1907 года. Изд. ЦК РСДРП. Б. м., [1907], стр. 2 - 3. (РСДРП). — 601.
- Bộ luật của Đế quốc Nga. — Свод законов Российской империи*. Т. 1. Ч. I. Свод основных государственных законов. Изд. 1906 г. Спб., гос. тип., б. г. 78 стр. — 198, 220, 270, 305, 357 - 358, 406, 427, 497, 512, 513 - 514.
- Bổ sung vào biên bản của Đại hội I Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. — Добавление к протоколам первого съезда партии социалистов-революционеров*. Изд. ЦК п. с.- р. Б. м., тип. ЦК п. с.- р., 1906. 40 стр. (Партия социалистов-революционеров). — 202 - 203.
- [*Brúc-ke, L. Mối quan hệ giữa các chính đảng và công đoàn*. Trích báo cáo tại Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga]. — [Брукер, Л. Отношения между политическими партиями и профессиональными союзами. Отрывки из доклада на Международном социалистическом конгрессе в Штутгарте]. — «Радуга», 1917, № 3, ноябрь, стр. 60 — 65, в ст. [А. В. Луначарского] Воинова «Новые пути». — 88.
- Bun-ga-cốp, X. N. Chủ nghĩa tư bản và nông nghiệp. — Булгаков, С. Н. Капитализм и земледелие*. Т. 1 — 2. Спб., Тиханов, 1900. 2 т. — 365.
- "*Bưu cục thủ đờ*". — «Столичная почта», Спб. — 585.
- 1908, № 214, 18 (31) января, стр. 4 — 5. — 580, 582, 584, 585.
- 1908, № 224, 30 января (12 февраля), стр. 5. — 560, 561 - 562, 565.

- 1908, № 228, 3 (16) февраля, стр. 1. — 545.
- 1908, № 249, 28 февраля (12 марта), стр. 4. — 585.
- Cau-phman, A. A. Bàn về vấn đề mức chia thêm ruộng đất. — Кауфман, А. А. К вопросу о нормах дополнительного наделения*. — В кн.: Аграрный вопрос. Т. II. Сборник статей Брейера, Бруна, Воробьева, Герценштейна, Дена, Кауфмана, Кутлера, Левитского, Мануилова, Петрункевича, Хауке, Чупрова, Якушкина. М., «Беседа», 1907, стр. 261 — 304. — 412.
- *Di dân và khai khẩn. — Переселение и колонизация*. Спб., 1905. IX, 349, 81 стр. (Б-ка «Общественной пользы»). — 218, 518.
- *Di dân và tác dụng của nó trong cương lĩnh ruộng đất. — Переселение и его роль в аграрной программе*. — В кн.: Аграрный вопрос. [Т. I.]. Сборник статей Герценштейна, Долгорукова, Дена, Иверонова, Кауфмана, Мануилова, Петрункевича, Фортунатова, Чупрова. Изд. 2-ое. М., «Беседа», 1906, стр. 126 — 159. (Изд. Долгорукова и Петрункевича). — 281, 283, 286.
- *Hãy nghĩ lại... — Одумайтесь...* — «Русские Ведомости», М., 1908, № 32, 8 февраля, стр. 2. — 540.
- *Về ý nghĩa của kinh tế trồng trọt trong chế độ tư hữu ruộng đất. — К вопросу о культурно-хозяйственном значении частного землевладения*. — В кн.: Аграрный вопрос. Т. II. Сборник статей Брейера, Бруна, Воробьева, Герценштейна, Дена, Кауфмана, Кутлера, Левитского, Мануилова, Петрункевича, Хауке, Чупрова, Якушкина. М., «Беседа», 1907, стр. 442 — 628. (Изд. Долгорукова и Петрункевича). — 412.
- Cau-xky, C. Những động lực và triển vọng của cách mạng Nga. — Каутский, К. Движущие силы и перспективы русской революции*. Пер с немецкого. («Neue Zeit», №№ 9 и 10, 25. Jg., Bd. I). Под ред и с предисл. Н. Ленина. М., «Новая Эпоха», 1907. 32 стр. — 423 - 424.
- [*Thư của Cau-xky nói về cương lĩnh ruộng đất*]. — [Письмо Каутского об аграрной программе]. — «Правда», М., 1906, кн. IV, Февраль, стр. 157 — 160. — 439.
- *Thư của Cau-xky nói về cương lĩnh ruộng đất. — Письмо Каутского об аграрной программе*. — В кн.: К вопросу об аграрной программе. 1) П. Маслов. Землепользование или землевладение?

- 2) К. Каутский. Письмо об аграрной программе. [Спб.], «Новый Мир», [1905], стр. 14 — 16. — 439.
- [Thư gửi M. Sa-nin. Tháng Tư 1906]. — [Письмо М. Шанину. Апрель 1906 г.]. — В кн.: Шанин, М. Муниципализация или раздел в собственность? Характер нашего аграрного кризиса. Вильно, «Трибуна», 1907, стр. 4. — 107.
- Các biên bản Đại hội I của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng.* — Протоколы первого съезда партии социалистов-революционеров. Изд. ЦК п. с.- р. Б. м., тип. партии социалистов-революционеров, 1906. 368 стр. (Партия социалистов-революционеров). — 272 - 273.
- Các biên bản của Đại hội thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp ở Xtóc-khôn năm 1906.* — Протоколы Объединительного съезда РСДРП, состоявшегося в Стокгольме в 1906 г. М., тип. Иванова, 1907. VI, 420 стр. — 19, 35, 85, 98, 125, 230 - 231, 285, 287 - 288, 289, 294, 295, 314, 320, 338, 389, 400, 402, 403 - 405, 406 - 408, 410 - 412, 415, 418 - 420, 420 - 425, 427, 432, 435, 445, 469, 495, 502, 504, 601, 607.
- Các đại biểu Du-ma nhà nước II.* — Члены 2-ой Государственной думы. Спб., «Пушкинская Скоропечатня», 1907. XII, 124 стр. — 17.
- Các Mác.* — Карл Маркс. — «Русские Ведомости», М., 1908, № 51, 1 марта, стр. 4 - 5. Подпись: Л. Н. — 296.
- Các quyết nghị và các nghị quyết của Đại hội thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.* — Постановления и резолюции Объединительного съезда Российской социалдемократической рабочей партии. [Листовка]. [Спб.], тип. Центрального Комитета, [1906]. 4 стр. (РСДРП). — 242, 287, 293 - 294, 301, 302, 304, 325 - 326, 364 - 365, 402, 403, 404, 419, 420, 425 - 426, 430, 436, 438, 496, 502, 503 - 504, 506, 512 - 513, 514, 524, 530.
- [Chỉ thị của những người Ta-ta-ri-a Crưm đối với đại biểu trong Du-ma nhà nước II. Đoạn trích đọc tại phiên họp thứ hai mươi bốn của Du-ma nhà nước II].* — [Наказ крымских татар депутату II Государственной думы. Отрывок, зачитанный на двадцать четвертом заседании II Государственной думы]. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1907 год. Сессия вторая. Т. I. Заседания 1 — 30 (с 20 февраля по 30 апреля). Спб., гос. тип., 1907, стлб. 1792 — 1793. (Государственная дума. 2-ой созыв). — 292 - 295.

- Chính sách thực dân.* — Колониальная политика. [Резолюция, принятая на Международном социалистическом конгрессе в Штутгарте]. — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 17, 20 октября, стр. 4 - 5. Под общ. загл.: Резолюции Штуттартского съезда. На газ. место изд.: М. — 301 - 302.
- Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế.* — Милитаризм и международные конфликты. [Резолюция, принятая на Международном социалистическом конгрессе в Штутгарте]. — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 17, 20 октября, стр. 5 - 6. Под общ. загл.: Резолюции Штуттартского съезда. На газ. место изд.: М. — 404 - 405.
- Công đoàn và Đảng dân chủ - xã hội.* — Профессиональные союзы и социал-демократическая партия. «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 17, 20 октября, стр. 3 — 4. На газ. место изд.: М. — 607.
- [Credo].* — В кн.: [Ленин, В. И.] Протест российских социал-демократов. С послесл. от ред. «Рабочего Дела». Изд. Союза русских социал-демократов. Женева, тип. «Союза», 1899, стр. 1 — 6. (РСДРП. Оттиск из № 4 — 5 «Рабочего Дела»). — 303 - 304.
- Crư-lốp, I. A. Chàng đại bàng và các nàng gà mái.* — Крылов, И. А. Орёл и куры. — 233.
- Su-xô-va, E. Đ. Chúng sợ ánh sáng của đảng.* — Кускова, Е. Д. Партийная светобоязнь. — «Товарищ», Спб., 1907, № 374, 18 сентября (1 октября), стр. 3. Подпись: Е. К. — 198.
- "Của cải nước Nga".* — «Русское Богатство», Спб. — 368, 369, 370.
- 1906, № 8, стр. 178 — 206. — 368.
- 1908, № 1, стр. 131 — 169; № 2, стр. 126 — 175. — 370.
- Sự cố khủng hoảng của phái tự do Đức.* — Кризис немецкого либерализма. — «Речь», Спб., 1908, № 52, 1 (14) марта, стр. 2 — 3. Подпись: К. Д. — 592.
- Cút-le, N. N. Dự luật về biện pháp mở rộng và cải tiến chế độ chiếm hữu ruộng đất của nông dân.* — Кутлер, Н. Н. Проект закона о мерах к расширению и улучшению крестьянского землевладения. — В кн.: Аграрный вопрос. Т. II. Сборник статей Брейера, Бруна. Воробьева, Герценштейна, Дена, Кауфмана, Кутлера, Левитского, Мануилова, Петрункевича, Хауке, Чупрова, Якушкина. М., «Бе-

седа», 1907, стр. 629 — 648. (Изд. Долгорукова и Петрункевича). — 276, 456, 461.

Cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga được thông qua tại Đại hội II của đảng. — Программа Российской соц.- дем. рабочей партии, принятая на Втором съезде партии. — В кн.: Второй очередной съезд Росс. соц.-дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева, тип. партии, [1904], стр. 1 — 6. (РСДРП). — 242.

Cương lĩnh của Đảng dân chủ - lập hiến được thảo ra tại Đại hội thành lập đảng 12 - 18 tháng Mười 1905. — Программа конституционно-демократической партии выработанная учредительным съездом партии 12 — 18 октября 1905 г. [Листовка]. Б. м., [1905]. 1 стр. — 302.

Cương lĩnh của Đảng lao động (xã hội chủ nghĩa nhân dân). — Программа трудовой (народно-социалистической партии). (Подлежит утверждению учредительного съезда партии). — «Народно-Социалистическое Обозрение». Вып. 1. Спб., 1906, стр. 1 — 14. — 364 - 365.

Cương lĩnh hoạt động nghị trường của Liên minh ngày 17 tháng Mười. — Парламентская программа союза 17 октября. — «Речь», Спб., 1907, № 255, 28 октября (10 ноября), стр. 4. — 403 - 404.

Cương lĩnh ruộng đất [được thông qua tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — Аграрная программа, [принятая на IV (Объединительном) съезде РСДРП]. — В листовке: Постановления и резолюции Объединительн. съезда Российской социал-демократической рабочей партии. [Спб.], тип. Центрального Комитета, [1906], стр. 1. (РСДРП). — 242, 287, 292 - 295, 301, 302, 364 - 365, 403 - 404, 424, 496.

Danh sách các đại biểu Đu-ma nhà nước II. — Список членов II Государственной думы — хет Các đại biểu Đu-ma nhà nước II.

Danh sách các đại biểu Đu-ma nhà nước [III] phân loại theo đảng phái. — Список членов [III] Государственной думы по партиям. — В кн.: Указатель к стенографическим отчётам [Государственной думы]. Второй созыв. 1907 год. Заседания 1 — 53 (20 февраля — 2 июня 1907 г.). Спб., гос. тип., 1907, стр. 27 — 33. (Государственная дума). — 333.

Diễn đàn của chúng ta. — Наша трибуна. Непериодический сборник. Кн. 1-ая. Вильно «Трибуна», 1907. 89 стр. — 293.

Dôm-bác-tơ, V. Chủ nghĩa xã hội và phong trào xã hội. — Зомбарт, В. Социализм и социальное движение. Пер. с немецкого. Спб., Суворин, 1906. IV, 404 стр. — 29.

Dự án các điểm cơ bản của cải cách ruộng đất [do đảng đoàn dân chủ - xã hội đưa ra Đu-ma nhà nước II]. — Проект основных положений аграрной реформы, [внесённый во II Государственную думу от имени социал-бемократической фракции]. — В кн.: Стенографические отчёты [Государственной думы]. 1907 год. Сессия вторая. Т. I. Заседания 1 — 30 (с 20 февраля по 30 апреля). Спб., гос. тип., 1907, стлб. 728 — 730. (Государственная дума. 2-ой созыв). — 178, 242, 245.

Dự án các điểm cơ bản [của cải cách ruộng đất do Nhóm lao động và Hội liên hiệp nông dân đưa ra Đu-ma nhà nước II]. — Проект основных положений [земельной реформы, внесённый во II Государственную думу от имени Трудовой группы и Крестьянского союза]. — В кн.: [Материалы, поступившие в Общее собрание Государственной думы 2-го созыва]. Б. м., [1907], л. 17 — 19, 37. — 244, 276, 334.

Dự án các điểm cơ bản [của đạo luật ruộng đất do 104 đại biểu Đu-ma nhà nước đưa ra]. — Проект основных положений [земельного закона, внесённый 104 членами Государственной думы]. — В кн.: Стенографические отчёты [Государственной думы]. 1906 год. Сессия первая. Т. I. Заседания 1 — 18 (с 27 апреля по 30 мая). Спб., гос. тип., 1906, стр. 560 — 562. (Государственная дума). — 513, 514, 524, 540.

Dự án các điểm cơ bản của đạo luật ruộng đất [do nhóm những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đưa ra trong Đu-ma nhà nước II]. — Проект основных положений земельного закона, [внесённый во II Государственную думу от имени группы социалистов-революционеров]. — В кн.: Материалы, поступившие в Общее собрание Государственной думы 2-го созыва]. Б. м., [1907], л. 486 — 491. — 242, 248.

Dự án [các điểm cơ bản của đạo luật về chế độ nghỉ ngơi bình thường của nhân viên thương nghiệp, do những người dân chủ - lập hiến đưa ra Đu-ma nhà nước II]. — Проект [основных положений закона о нормальном отдыхе торговых служащих, внесенный во II Государственную думу кадетами]. — Там же, л. 347 - 348. — 315, 316.

[Dự án các điểm cơ bản về vấn đề ruộng đất do 42 đại biểu Đu-ma nhà nước đưa ra]. — [Проект основных положений по аграрному вопросу, внесенный 42 членами Государственной думы]. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1906 год. Сессия первая. Т. I. Заседания 1 — 18 (с 27 апреля по 30 мая). Спб., гос. тип., 1906, стр. 248 - 251. — 445, 447, 451.

Dự án cải cách ruộng đất ở Lit-va do nhóm Đu-ma của những người dân chủ - xã hội Lit-va đưa ra Đu-ma nhà nước II]. — [Проект аграрной реформы в Литве, внесенный во II Государственную думу от имени думской группы социал-демократов Литвы]. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1907 год. Сессия вторая. Т. II. Заседания 31 — 53 (с 1 мая по 2 июня). Спб., гос. тип., 1907, стлб. 681 - 682. Приложение к стенографическому отчету 39 заседания. (Государственная дума. 2-ой созыв). — 471.

Dự án đạo luật ruộng đất cơ bản [do 33 đại biểu Đu-ma nhà nước đưa ra]. — Проект основного земельного закона, [внесенный 33 членами Государственной думы]. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1906 год. Сессия первая. Т. II. Заседания 19 — 38 (с 1 июня по 4 июля). Спб., гос. тип., 1906, стр. 1153 — 1156. (Государственная дума). — 483.

Dự án những cơ sở chính của luật đảm bảo ruộng đất cho dân cư nông nghiệp [do những người dân chủ - lập hiến đưa ra Đu-ma nhà nước II]. — Проект главных оснований закона о земельном обеспечении земле-дельческого населения, [внесенный во II Государственную думу кадетами]. — В кн.: [Материалы, поступившие в Общее собрание Государственной думы 2-го созыва]. Б. м., [1907], л. 293 — 295. — 512.

Dự án về ruộng đất của 33 người tại Đu-ma nhà nước. — Аграрный проект 33-х во I Государственной думе — xem Dự án đạo luật ruộng đất cơ bản do 33 đại biểu Đu-ma nhà nước đưa ra.

Dự án về ruộng đất của 104 người tại Đu-ma nhà nước I — Аграрный проект 104-х во I Государственной думе. — xem Dự án các điểm cơ bản của đạo luật ruộng đất do 104 đại biểu Đu-ma nhà nước đưa ra.

Dự án về ruộng đất của 104 người tại Đu-ma nhà nước II — Аграрный проект 104-х во II Государственной думе. — xem Dự án các điểm cơ bản của cải cách ruộng đất do Nhóm lao động và Hội liên hiệp nông dân đưa ra Đu-ma nhà nước II.

Dự án về ruộng đất của 105 người tại Đu-ma nhà nước II — Аграрный проект 105-ти, внесенный во II Государственной думе. — xem Dự án các điểm cơ bản của đạo luật ruộng đất do nhóm những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đưa ra trong Đu-ma nhà nước II.

Dự án về ruộng đất của những người dân chủ - lập hiến tại Đu-ma nhà nước I — Аграрный проект кадетов во I Государственной думе. — xem Dự án các điểm cơ bản về vấn đề ruộng đất do 42 đại biểu Đu-ma nhà nước đưa ra.

Dự án về ruộng đất của những người dân chủ - lập hiến tại Đu-ma nhà nước II — Аграрный проект кадетов во II Государственной думе. — xem Dự án những cơ sở chính của luật đảm bảo ruộng đất cho dân cư nông nghiệp do những người dân chủ - lập hiến đưa ra Đu-ma nhà nước II.

Dự án về ruộng đất của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng tại Đu-ma nhà nước II — Аграрный проект эсеров во II Государственной думе. — xem Dự án các điểm cơ bản của đạo luật ruộng đất do nhóm những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đưa ra trong Đu-ma nhà nước II.

Dự án về ruộng đất của phái lao động tại Đu-ma nhà nước I — Аграрный проект трудовиков во I Государственной думе. — xem Dự án các điểm cơ bản của đạo luật ruộng đất do 104 đại biểu Đu-ma nhà nước đưa ra.

Dự luật về ngày làm việc 10 giờ, do những người dân chủ - lập hiến đưa ra Đu-ma nhà nước II. — Законопроект о десятичасовом рабочем дне, внесенный во II Государственную думу кадетами — xem Dự án các điểm cơ bản của đạo luật về chế độ nghỉ ngơi bình thường của nhân viên thương nghiệp.

Dự luật về việc cải tổ đoàn đại diện của Đế quốc Nga ở sứ quán ở Tô-ki-ô. — Проект закона о преобразовании императорской российской миссии в Токио в посольство. — В кн.: Проекты законов, принятые Государственной думой. Третий созыв. Сессия I. 1907 — 1908 гг. Спб., гос. тип., 1908, стр. 42 - 43. — 605.

Dự thảo các luật do Đu-ma nhà nước thông qua. — Проекты законов, принятые Государственной думой. Третий созыв. Сессия I. 1907 — 1908 гг. Спб., гос. тип., 1908. VIII, 546 стр. — 314.

Dự thảo cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. — Проект программы Российской социал-демократической рабочей партии.

- (Выработанный редакцией «Искры» и «Зари»). — «Искра», [Мюнхен], 1902, № 21, 1 июня, стр. 1 - 2. — 317.
- Dự thảo cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động".* — Проект программы группы «Освобождение труда». 1885 г. — хем Plê-kha-nốp, G. V. Dự thảo cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Nga.
- Dự thảo ruộng đất của các đại biểu nông dân hữu - ôn hoà.* — Земельный проект умеренно-правых крестьянских депутатов. — «С.-Петербургские Ведомости», 1908, № 24, 29 января (11 февраля), стр. 2. — 284.
- Dự thảo ruộng đất của các đại biểu nông dân hữu - ôn hoà.* — Земельный проект умеренно-правых крестьянских депутатов. — «Столичная Почта», Спб., 1908, № 224, 30 января (12 февраля), стр. 5. — 286.
- Dự thảo về việc sửa đổi quy định về trình tự xem xét ngân sách nhà nước [do 40 đại biểu Đu-ma nhà nước III đưa ra].* — Проект изменения правил о порядке рассмотрения государственной росписи, [внесённый 40 членами III Государственной думы]. — В кн.: Приложения к стенографическим отчётам Государственной думы. Третий созыв. Сессия I. 1907 — 1908 гг. Т. I (№№ 1 — 350). Спб., гос. тип., 1908, стлб. 31 — 36. — 313.
- Đại hội công đoàn và ban thường vụ trung ương.* — Профессиональный съезд и центральное бюро. — «Знамя Труда», [Париж], 1907, № 8, декабрь, стр. 6 — 9. — 589.
- Đại hội Luân-đôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (họp năm 1907).* — Лондонский съезд Российской соц.-демокр. раб. партии (состоявшийся в 1907 г.). Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Paris, 1909. 486 стр. (РСДРП). — 583.
- Đại hội III thường kỳ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.* — Третий очередной съезд Росс. соц.-дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева, тип. партии, 1905. XXIX, 401 стр. (РСДРП). — 277.
- * *Đại hội II thường kỳ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.* — Второй очередной съезд Росс. соц.-дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева, тип. партии, [1904]. 397, II стр. (РСДРП). — 494 - 495.
- Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga.* — Международный социалистический конгресс в Штутгарте. — «Знамя Труда», [Париж], 1907, № 5, 12 сентября, стр. 2 - 4. — 231.

- Đảng dân chủ - xã hội Nga và công đoàn.* — Российская социал-демократия и профессиональные союзы. — «Знамя Труда», [Париж], 1907, № 8, декабрь, стр. 9 - 10. — 489.
- Đảng dân chủ - xã hội và đại hội công nhân.* — Социал-демократия и рабочий съезд. — «Знамя Труда», [Париж], 1907, № 6, 30 сентября, стр. 1 — 3. — 513.
- Đạo dụ.* — Манифест. 17 (30) октября 1905 г. — «Правительственный Вестник», Спб., 1905, № 222, 18 (31) октября, стр. 1 — 461.
- Đạo dụ gửi Pháp viện chấp chính tối cao [về những sự thay đổi và bổ sung trong quy chế bầu cử Đu-ma nhà nước.* 11 (24) tháng Chạp 1905]. — Указ правительствующему Сенату [об изменениях и дополнениях в положении о выборах в Государственную думу. 11 (24) декабря 1905 г.]. — «Правительственный Вестник», Спб., 1905, № 268, 13 (26) декабря, стр. 1, в отд.: Действия правительства. — 466.
- Đạo dụ gửi Pháp viện chấp chính tối cao [về việc Ngân hàng địa ốc nông dân cho vay có bảo đảm bằng phần đất được chia].* — Указ правительствующему Сенату [о выдаче крестьянским поземельным банком ссуд под залог наделных земель. 15 (28) ноября 1906 г.]. — «Правительственный Вестник», Спб., 1906, № 256, 18 ноября (1 декабря), стр. 1. — 325 - 326.
- Đạo dụ gửi Pháp viện chấp chính tối cao [về việc nông dân ra khỏi công xã và việc củng cố ruộng đất được chia thành sở hữu riêng.* Ngày 9 (22) tháng Mười một 1906]. — Указ правительствующему Сенату [о выходе крестьян из общин и закреплении в собственность наделных участков. 9 (22) ноября 1906 г.]. — «Правительственный Вестник», Спб., 1906, № 252, 12 (25) ноября, стр. 1. — 364 - 365.
- Đạo dụ [về việc thành lập Đu-ma nhà nước.* 6 (19) tháng Tám 1905]. — Манифест [об учреждении Государственной думы. 6 (19) августа 1905 г.]. — «Правительственный Вестник», Спб., 1905, № 169, 6 (19) августа, стр. 1. — 366.
- Điện của Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng gửi các đại biểu dự Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga.* — [Телеграмма ЦК партии социалистов-революционеров делегатам Штутгартского международного социалистического конгресса]. — «Знамя Труда», [Париж], 1907, № 5, 12 сентября, стр. 2, в ст.: Международный социалистический конгресс в Штутгарте. — 235.

Điều lệ của đảng, [được thông qua tại Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — Устава партии, [принятый на III съезде РСДРП]. В кн.: Третий очередной съезд Росс. соц.-дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева, тип. партии, 1905, стр. XXVIII — XXIX. (РСДРП). — 338, 351.

Điều 87 của những đạo luật cơ bản của nhà nước. — 87 статья основных государственных законов. — хет Bộ luật của Đế quốc Nga.

Đôn-gô-ru-cốp, P. Kỷ niệm bá tước P. A. Gây-đen. — Долгоруков, П. Памяти гр. П. А. Гейдена. — «Русские Ведомости», М., 1907, № 136, 16 июня, стр. 2. — 87.

"Đồng chí". — «Товарищ», Спб. — 313.

— 1907, № 214, 13 (26) марта, стр. 3. — 19.

— 1907, № 238, 10 (23) апреля, стр. 3. — 20 - 21.

— 1907, № 260, 8 (21) мая, стр. 1 - 2; № 266, 15 (28) мая, стр. 3; № 287, 8 (21) июня, стр. 1. — 33.

— 1907, № 296, 19 июня (2 июля), стр. 2. — 52.

— 1907, № 299, 22 июня (5 июля), стр. 3. — 54.

— 1907, № 301, 24 июня (7 июля), стр. 1 - 2. — 55.

— 1907, № 348, 18 (31) августа, стр. 1. — 148.

— 1907, № 351, 22 августа (4 сентября), стр. 1 - 2. — 156.

— 1907, № 374, 18 сентября (1 октября), стр. 3. — 180.

— 1907, № 402, 20 октября (2 ноября), стр. 1 - 2. — 191.

— 1907, № 407, 26 октября (8 ноября), стр. 4. — 199.

— 1907, № 410, 30 октября (12 ноября), стр. 4. — 309.

"Đời sống". — «Жизнь», Спб., 1901, № 3, стр. 162 — 186; № 4, стр. 63 — 100. — 445.

"Đời sống mới". — «Новая Жизнь», Спб., 1905, № 9, 10 ноября, стр. 2 — 3; № 13, 15 ноября, стр. 2; № 14, 16 ноября, стр. 2. — 447.

E. C. — E. K. — хет Су-хсô-va, E. Đ.

E. P. — Э. П. — хет Pi-mê-nô-va, E. C.

[Ghéc-su-ni, G. A.] Diển văn của G. A. Ghéc-su-ni đọc tại đại hội bất thường của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. — [Гершунни, Г. А.]

Речь Г. А. Гершунни, произнесённая на экстренном съезде партии социалистов-революционеров. Б. м., 1907. 15 стр. — 195- 196.

Giai cấp vô sản có cần chế độ cộng hoà không? — Нужна ли республика пролетариату? — «Пролетарий», [Выборг], 1906, № 7, 10 ноября, стр. 3 — 5. На газ. место изд.: М. — 199.

"Giải phóng". — «Освобождение», Париж, 1905, № 71, 31 (18) мая, стр. 337 — 343. — 230.

Gin-kin, I. V. Những trang của đời sống. — Жилкин, И. В. Странички жизни. — «Товарищ», Спб., 1907, № 351, 22 августа (4 сентября), стр. 1 — 2. — 385 - 386.

— *Những trang của đời sống. — Странички жизни. — «Товарищ», Спб., 1907, № 407, 26 октября (8 ноября), стр. 4. — 185.*

Glê-bốp, A. V. Tiền bồi thường chứ không phải tiền chuộc!... — Глебов, А. В. Вознаграждение, а не выкуп!... — В кн.: Сборник «Известий Крестьянских Депутатов» и «Трудовой России». М., 1906, стр. 44 — 49. — 107.

Goóc-nơ, V. Về ngày mai. — Горн, В. О завтрашнем дне. — «Товарищ», Спб., 1907, № 348, 18 (31) августа, стр. 1. — 117.

Gô-gôn, N. V. Những linh hồn chết. — Гоголь, Н. В. Мертвые души. — 232, 412.

— *Quan thanh tra. — Ревизор. — 157, 158.*

Go-tơ, Giô-han Vôn-phgăng. Bản trường ca Đông-Tây. — Гёте, Иоганн Вольфганг. Западно-восточный диван. — 593.

— *Những cô Kxê-ni-a thùy mị. — Кроткие Ксении. — 57.*

Gri-bô-ê-đốp, A. X. Khổ vì khôn. — Грибоедов, А. С. Горь от ума. — 32, 198.

[Grô-man, V.] Hội liên hiệp nông dân toàn Nga. — [Громан, В.] Всероссийский крестьянский союз. — В кн.: Материалы к крестьянскому вопросу. Отчёт о заседаниях делегатского съезда Всероссийского крестьянского союза 6 — 10 ноября 1905 г. С вступительной статьей В. Громана [Спб.], «Новый Мир», 1905, стр. 1 — 32. — 311, 332.

"Học vấn". — «Образование», Спб., 1907, № 1, стр. 193 — 230. — 315.

— 1907, № 2a, стр. 117 — 126; № 3, стр. 89 — 104. — 272 - 273, 315, 316, 317.

— 1907, № 7, стр. 48 — 72. — 195.

- Hội nghị I toàn Nga của các cán bộ đảng.* — Первая общерусская конференция партийных работников. Отдельное приложение к № 100 «Искры», Женева, тип. партии, 1905. 31 стр. (РСДРП). — 418.
- I-dơ-gô-ép, A. X. Các Mác và nước Nga.* — Изгоев, А. С. Карл Маркс и Россия. — «Речь», Спб., 1908, № 53, 2 (15) марта, стр. 2. — 596.
- [*Khru-xta-lép — Nó-xác, G.*] *Từ bến bờ Tem-dơ.* — [Хрусталёв-Носарь Г.] *C bờгогов Темзы.* — «Товарищ», Спб., 1907, № 260, 8 (21) мая, стр. 1 - 2; № 266, 15 (28) мая, стр. 3; № 287, 8 (21) июня, стр. 1. Подпись: Переяславский Ю. — 198.
- Kỷ niệm bá tước Gây-đen.* — Памяти гр. Гейдена. — «Товарищ», Спб., 1907, № 299, 22 июня (5 июля), стр. 3 в отд.: Провинция. — 313.
- La-bri-ô-la, A. Chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa công liên.* — Лабриола, А. Реформизм и синдикализм. С предисл автора к русскому изд. Пер. с итальянского Г. Кирдецова, под ред. и с послесл. А. Луначарского. Спб., [«Шиповник»], 1907. 267 стр. — 514.
- La-nin, I-u. Vấn đề nông dân và Đảng dân chủ - xã hội.* — Ларин, Ю. Крестьянский вопрос и социал-демократия. Спб., «Новый Мир», 1906. 111 стр. — 416.
- [*Lê-nin, V. I.*] *Bàn về tẩy chay.* — [Ленин, В. И.] *О бойкоте.* — «Пролетарий», [Выборг], 1906, № 1, 21 августа, стр. 2 — 3. На газ. место изд.: М. — 525.
- *Báo cáo về Đại hội thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.* — Доклад об Объединительном съезде РСДРП. (Письмо к петербургским рабочим). М. — Спб., [тип. «Дело»], 1906. 111 стр. — 356, 368.
- *Bình luận chính trị.* — Политические заметки. — «Пролетарий», [Женева], 1908, № 21, 26 (13) февраля, стр. 2. — 369.
- [*Chú thích cho bài báo của V. V. Vô-rốp-xki "Những kết quả của chính sách mị dân*]. — [Примечание к статье В. В. Воробьёвского «Плоды демагогии»]. — «Вперёд», Женева, 1905, № 11, 23 (10) марта, стр. 2. — 138.
- * — *Cuộc vận động của phái hội đồng địa phương và kế hoạch của báo*

- "*Tia lửa*". — Земская кампания и план «Искры». Изд-во соц.-дем. партийной литературы В. Бонч-Бруевича и Н. Ленина. Женева, кооп. тип., 1904. 26 стр. (Только для членов партии. РСДРП). Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 233.
- *Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907.* — Аграрная программа социал-демократии в первой русской революции 1905 — 1907 гг. Пг., «Жизнь и Знание», 1917. VIII, 217 стр. (Б-ка обществоведения. Кн. 39-ая). Перед загл. авт.: В. Ильин (Н. Ленин). — 234.
- *Dự thảo cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga*¹ — Проект программы Российской социал-демократической рабочей партии. [Между 25 января (7 февраля) и 18 февраля (3 марта) 1902 г.]. Рукопись. — 269.
- * — *Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga.* — Международный социалистический конгресс в Штутгарте. — В кн.: Календарь для всех на 1908 год. Б. м., 1907, стлб. 169 — 178. Подпись: Н. Л-ъ. — 299.
- *Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ.* — Две тактики социал-демократии в демократической революции. Изд. ЦК РСДРП. Женева, тип. партии, 1905. VIII, 108 стр. (РСДРП). Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 342.
- *Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ.* — Две тактики социал-демократии в демократической революции. [Спб.], изд. ЦК РСДРП, [1905]. IV, 129 стр. (РСДРП). — 350.
- * — *Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ.* — Две тактики социал-демократии в демократической революции. — В кн.: [Ленин, В. И.] *За 12 лет. Собрание статей.* Т. 1. Два направления в русском марксизме и русской социал-демократии. Спб., тип. Безобразова, [1907], стр. 387 — 469. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. На тит. л. год изд.: 1908. — 391.
- *"Hãy nghe lời phán xét của một tên ngu xuẩn...".* — «Услышишь суд глупца...» (Из заметок с.- д. публициста). Спб., «Новая Дума», 1907. 24 стр. — 525 - 526.
- *Làm gì? — Что делать?* Наболевшие вопросы нашего движения. Stuttgart, Dietz, 1902. VII, 144 стр. После загл. авт.: Н. Ленин. — 416.

¹ In lần đầu tiên trong Văn tập Lê-nin, t. II, 1924, tr. 43 — 50.

- * [*Lê-nin, V. I.] Làm gì? — Что делать?* Наболевшие вопросы нашего движения. — В кн.: [Ленин, В. И.] За 12 лет. Собрание статей. Т. 1. Два направления в русском марксизме и русской социал-демократии. Спб., тип. Безобразова, [1907], стр. 185 — 300. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. На тит. л. год изд.: 1908. — 416.
- *Lời bế mạc về vấn đề ruộng đất [tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]*. — *Заключительное слово по аграрному вопросу [на IV (Объединительном) съезде РСДРП]*. — В кн.: Протоколы Объединительного съезда РСДРП, состоявшегося в Стокгольме в 1906 г. М., тип. Иванова, 1907, стр. 103—110. — 391.
- *Lời tựa cho bản dịch tiếng Nga [cuốn sách của C. Cau-xky "Những động lực và triển vọng của cách mạng Nga"]*. — *Предисловие к русскому переводу [книги К. Каутского «Движущие силы и перспективы русской революции»]*. — В кн.: Каутский, К. Движущие силы и перспективы русской революции. Пер. с нем. («Neue Zeit», №№ 9 и 10, 25. Jg., Bd. I). Под ред. и с предисл. Н. Ленина. М., «Новая Эпоха», 1907, стр. 1 — 7. — 299.
- *Lời tựa cho bản in lần thứ ba [cuốn "Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga"]*. — *Предисловие к III изданию [книги «Задачи русских социал-демократов»]*. — В кн.: [Ленин, В. И.] Задачи русских социал-демократов. 3-е изд. Изд. ЦК РСДРП. Женева, тип. партии, 1905, стр. [I]. (РСДРП). — 299.
- *Lời tựa cho bản in lần thứ ba [cuốn "Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga"]*. — *Предисловие к III изданию [книги «Задачи русских социал-демократов»]*. — В кн.: [Ленин, В. И.] За 12 лет. Собрание статей. Т. I. Два направления в русском марксизме и русской социал-демократии. Спб., тип. Безобразова, [1907], стр. 128. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. На тит. л. год изд.: 1908. — 299.
- *Lời tựa cho bản in lần thứ hai [cuốn "Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga"]*. — *Предисловие ко второму изданию [книги «Задачи русских социал-демократов»]*. — В кн.: [Ленин, В. И.] Задачи русских социал-демократов. Изд. 2-е. С предисл. автора и П. Б. Аксельрода. Изд. Загран. лиги русск. революционной социал-демократии. Женева, тип. Лиги, 1902, стр. VI — XI. (РСДРП). Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 301.
- *Lời tựa cho bản in lần thứ hai [cuốn "Nhiệm vụ của những người*

- dân chủ - xã hội Nga]*. — *Предисловие ко второму изданию [книги «Задачи русских социал-демократов»]*. — В кн.: [Ленин, В. И.] За 12 лет. Собрание статей. Т. 1. Два направления в русском марксизме и русской социал-демократии. Спб., тип. Безобразова, [1907], стр. 128 - 131. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. На тит. л. год изд.: 1908. — 301.
- *Mác bàn về phong trào "chia đều ruộng đất" ở Mỹ*. — *Маркс об американском «черном переделе»*. — «Вперёд», Женева, 1905, № 15, 20 (7) апреля, стр. 1 - 2. - 414.
- *Một bước tiến, hai bước lùi*. — *Шаг вперед, два шага назад*. (Кризис в нашей партии). Женева, тип. партии, 1904. VIII, 172 стр. (РСДРП). Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 127, 130, 131, 133, 138.
- * — *Một bước tiến, hai bước lùi*. — *Шаг вперед, два шага назад*. (Кризис в нашей партии). — В кн.: [Ленин, В. И.] За 12 лет. Собрание статей. Т. 1. Два направления в русском марксизме и русской социал-демократии. Спб. тип. Безобразова, [1907], стр. 301 — 369. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. На тит. л. год изд.: 1908. — 510.
- *Một sự phê phán không có tính chất phê phán*. — *Некритическая критика*. (По поводу статьи г-на П. Скворцова «Товарный фетишизм» в № 12 «Научного Обозрения» за 1899 год). — «Научное Обозрение», Спб., 1900, № 5, стр. 945 — 954; № 6, стр. 1061 — 1067. Подпись: В. Ильин. — 440.
- *Nghị quyết [về Du-ma nhà nước III của hội nghị đại biểu đảng bộ Xanh Pé-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]*. Ngày 27 tháng Mười (9 tháng Mười một) 1907]. — *Резолюция [о III Государственной думе конференции с.-петербургской организации РСДРП. 27 октября (9 ноября) 1907 г.]*. — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 19, 5 ноября, стр. 7. На газ. место изд.: М. Загл.: Резолюция конференции Спб. организации РСДРП. — 407.
- *Nhận xét bổ sung vào dự thảo cương lĩnh của tiểu ban*¹ — *Дополнительные замечания на комиссионный проект программы*. [Начало апреля 1902 г.]. Рукопись. — 394.
- *Nhận xét về dự thảo cương lĩnh của tiểu ban*¹ — *Замечания на комиссионный проект программы*. [28 марта (10 апреля) 1902 г.]. Рукопись. — 396.

¹ In lần đầu tiên trong Văn tập Lê-nin, t. II, 1924, tr. 131 - 133, 118 - 130.

[Lê-nin, V. I.] *Nhận xét về dự thảo cương lĩnh [thứ hai] của Ple-kha-nốp*¹ — Замечания на [второй] проект программы [Плеханова]. [Март, до 14 (27) 1902 г.]. Рукопись. — 204.

* — *Nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng của chúng ta. — Задачи пролетариата в нашей революции.* (Проект платформы пролетарской партии). Пб., «Прибой», сентябрь 1917. 38 стр. (РСДРП). Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 119.

— *Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga. — Задачи русских социал-демократов.* С предисл. П. Аксельрода. Изд. РСДРП. Женева, тип. «Союза русских социал-демократов», 1898. 32 стр. — 135.

— *Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga. — Задачи русских социал-демократов.* Изд. 2-е. С предисл автора и П. Б. Аксельрода. Изд. Загран. лиги русск. революционной социал-демократии. Женева, тип. Лиги, 1902. XI, 24 стр. (РСДРП). Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 576.

— *Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga. — Задачи русских социал-демократов.* 3-е изд. Изд. ЦК РСДРП. Женева, тип. партии, 1905. [1], 37 стр. (РСДРП). Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 605.

* — *Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga. — Задачи русских социал-демократов.* — В кн.: [Ленин, В. И.] За 12 лет. Собрание статей. Т. 1. Два направления в русском марксизме и русской социал-демократии. Спб., тип. Безобразова, [1907], стр. 127 — 149. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. На тит. л. год изд.: 1908. — 289.

* — *Những bức thư về sách lược. — Письма о тактике.* Письмо 1-е. Пг., «Прибой», 1917. 20 стр. (РСДРП). Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 391.

— *Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do. - Гонимели земства и Аннибалы либерализма.* — «Заря», Stuttgart, 1901, № 2 — 3, декабрь, стр. 60 — 100. Подпись: Т. П. — 385.

— *Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do. — Гонимели земства и Аннибалы либерализма.* — В кн.: [Ленин, В. И.] За 12 лет. Собрание статей. Т. 1. Два на-

1) In lần đầu tiên trong Văn tập Lê-nin, t. II, 1924, tr. 65 - 87.

правления в русском марксизме и русской социал-демократии. Спб., тип. Безобразова, [1907], стр. 151 — 184. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. На тит. л. год изд.: 1908. — 284.

— *Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xto-ru-vê về nội dung đó. — Экономическое содержание народничества и критика его в книге г. Струве.* (По поводу книги П. Струве: Критические заметки к вопросу об экономическом развитии России. Спб. 1894 г.). — В кн.: Материалы к характеристике нашего хозяйственного развития. Сборник статей. Спб., тип. Сойкина, 1895, стр. 1 — 144. Подпись: К. Тулин. — 117, 118 - 120, 121.

— *Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xto-ru-vê về nội dung đó. — Экономическое содержание народничества и критика его в книге г. Струве.* (Отражение марксизма в буржуазной литературе). По поводу книги г. Струве: Критические заметки к вопросу об экономическом развитии России. Спб. 1894 г. — В кн. [Ленин, В. И.] За 12 лет. Собрание статей. Т. 1. Два направления в русском марксизме и русской социал-демократии. Спб., тип. Безобразова, [1907], стр. 1 — 125. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. На тит. л. год изд.: 1908. — 117, 118 - 120, 121.

— *Phản đối việc tẩy chay. — Против бойкота.* (Из заметок с.- д. публициста). — В кн.: О бойкоте третьей Думы. [Спб.], 1907, стр. 1 — 24. Подпись: Н. Ленин. На обл. место изд.: М., тип. Горизонтова. — 334 - 335.

— *[Phát biểu về vấn đề cương lĩnh của đảng ngày 22 tháng Bảy (4 tháng Tám) 1903 tại Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — [Речь по вопросу о программе партии 22 июля (4 августа) 1903 г на II съезде РСДРП.]* — В кн.: Второй очередной съезд Росс соц.- дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева, тип. партии, [1904], стр. 130 — 132. (РСДРП). — 131.

— *Phr. Mé-rinh về Du-ma II. — Фр. Меринг о второй Думе.* — В кн.: Вопросы тактики. Сборник II, Спб., «Новая Дума», 1907, стр. 65 — 72. Подпись: К. Т. — 233.

— *Pi-ốt Ma-xlốp sửa chữa những sơ thảo của Các Mác như thế nào. — Как Пётр Маслов исправляет черновые наброски Карла Маркса.* — «Пролетарий», Женева, 1908, № 33, (5 авг.) 23 июля, стр. 3 — 6. — 135.

- [Lê-nin, V. I.] *Sự phản ánh của chủ nghĩa Mác trong sách báo tư sản*¹. *Отражение марксизма в буржуазной литературе*. [Реферат. Осень 1894 г.]. — 138.
- *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga. — Развитие капитализма в России*. Процесс образования внутреннего рынка для крупной промышленности. Спб., Водовозова, 1899. IX, IV, 480 стр.; 2 л. диагр.; VIII стр. табл. Перед загл. авт.: Владимир Ильин. — 299.
- * — *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga. — Развитие капитализма в России*. Процесс образования внутреннего рынка для крупной промышленности. Изд. 2-е, доп. Спб., «Паллада», 1908. VIII, VIII, 489 стр. Перед загл. авт.: Владимир Ильин. — 414.
- *Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân. — Пересмотр аграрной программы рабочей партии*. № 1. Спб., «Наша Мысль», 1906. 31 стр. — 120-121.
- *Tẩu chay Đu-ma Bu-lư-ghin và khởi nghĩa. — Бойкот булыгинской Думы и восстание*. — «Пролетарий», Женева, 1905, № 12, 16 (3) августа, стр. 1. — 299.
- *Thắng lợi của phái dân chủ - lập hiến và nhiệm vụ của đảng công nhân. — Победа кадетов и задачи рабочей партии*. Спб., [«Наша Мысль», 1906.] 79 стр. Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 303.
- * — *Trong 12 năm. — За 12 лет*. Собрание статей. Т. 1. Два направления в русском марксизме и русской социал-демократии. Спб., тип. Безобразова, [1907]. XII, 471 стр. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. На тит. л. год изд.: 1908. — 385.
- *Vấn đề ruộng đất. — Аграрный вопрос*. Ч. 1. Спб., 1908. 264 стр. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. — 416.
- *Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác". — Аграрный вопрос и «критики Маркса»*. — «Заря», Stuttgart, 1901, № 2 — 3, декабрь, стр. 258 — 302. Загл.: Гг. критики в аграрном вопросе. Подпись: Н. Ленин. — 122.
- *Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác". — Аграрный вопрос и «критики Маркса»*. — В кн.: [Ленин, В. И.] *Аграрный вопрос*. Ч. III. Спб., 1908, стр. 164 — 263. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. — 127.

¹ Bản trích yếu không lưu được.

- *Về lịch sử cương lĩnh đảng. — К истории партийной программы — xem Chú thích cho bài báo của V. V. Vô-rốp-xki: "Những kết quả của chính sách mị dân"*.
- *Về những cuộc biểu tình được tổ chức tốt của những người vô sản và về những lý lẽ tồi của một số nhà trí thức. — О хороших демонстрациях пролетариев и плохих рассуждениях некоторых интеллигентов*. — «Вперед», Женева, 1905, № 1, 4, января (22 декабря 1904), стр. 2—3. — 299.
- *Về việc cải tổ đảng. — О реорганизации партии*. — «Новая Жизнь», Спб., 1905, № 9, 10 ноября, стр. 2—3, № 13, 15 ноября, стр. 2; № 14, 16 ноября, стр. 2. Подпись: Н. Ленин. — 396.
- *Ý kiến về dự thảo cương lĩnh thứ hai của Ple-kha-nốp¹ — Отзыв о втором проекте программы Плеханова*. [Март, до 14 (27), 1902 г.]. Рукопись. — 133.
- * *Lịch phổ thông năm 1908. — Календарь для всех на 1908 год*. Б. м., [1907]. 206 столб. — 135.
- Lời phát biểu [của Ni-cô-lai II] gửi các đại biểu Đu-ma nhà nước. — Речь [Николая II] к членам Государственной думы*. [13 (26) февраля 1908 г.]. — «Россия», Спб., 1908, № 682, 14 (27) февраля, стр. 1. — 342.
- Lu-na-tsác-xki, A. V. Lời bạt [cho cuốn sách của A. La-bri-ô-la "Chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa công liên"]*. — Луначарский, А. В. *Послесловие [к книге А. Лабриола «Реформизм и синдикализм»]*. — В кн.: Лабриола, А. *Реформизм и синдикализм*. С предисл автора к русск. изд. Пер. с итальянского г. Кирдецова, под ред. и с послесл. А. Луначарского. Спб., [«Шиповник»], 1907, стр. 246 — 267. — 350.
- Luật bầu cử 11 tháng Chạp 1905. — Избирательный закон 11 декабря 1905 г. — xem* Đạo dụ gửi Pháp viện chấp chính tối cao về những sự thay đổi và bổ sung trong quy chế bầu cử Đu-ma nhà nước. 11 (24) tháng Chạp 1905.
- Luật bầu cử 3 tháng Bẩy 1907. — Избирательный закон 3 июня 1907 г. — xem* Đạo dụ gửi Pháp viện chấp chính tối cao về những sự thay đổi và bổ sung trong quy chế bầu cử Đu-ma nhà nước.

¹ In lần đầu tiên trong Văn tập Lê-nin, t. II, 1924, tr. 88 — 90.

- Ma-li-sép-xki, N. G. Vai trò của Đảng dân chủ - xã hội trong phong trào giải phóng ở Nga.* — Малишевский, Н. Г. Роль социал-демократии в русском освободительном движении. — В кн.: Первый сборник. Спб., Карчагин, 1906, стр. 272 — 298. (Освободительная б-ка). — 394.
- Ma-xlốp, P. P. Bàn về vấn đề ruộng đất.* — Маслов, П. П. К аграрному вопросу. (Критика критиков). — «Жизнь», Спб., 1901, № 3, стр. 162 — 186; № 4, стр. 63 — 100. — 398.
- *[Dự thảo cương lĩnh ruộng đất].* — [Проект аграрной программы]. — «Партийные Известия», [Спб.], 1906, № 2, 20 марта, стр. 12. Под общ. загл.: Проекты аграрной программы к предстоящему съезду. — 384, 386, 395, 396 - 397.
- *Phê phán các cương lĩnh ruộng đất và dự thảo cương lĩnh.* — Критика аграрных программ и проект программы. М., «Колокол», 1905. 43 стр. (Первая б-ка. № 31). — 333.
- *Vấn đề ruộng đất ở Nga.* — Аграрный вопрос в России. (Условия развития крестьянского хозяйства в России). 3-е изд. Спб., тип. «Общественная польза», 1906. XIII, 462 стр. — 365 - 375, 380.
- *Về cơ sở lý luận và nguyên tắc của cương lĩnh ruộng đất.* — О принципиальных и теоретических основах аграрной программы. — «Образование», Спб., 1907, № 2а, стр. 117 — 126; № 3, стр. 89 — 104. — 270 - 271, 299 - 301, 302, 303, 304.
- *Về cương lĩnh ruộng đất.* — Об аграрной программе. — В кн.: [Маслов, П. П.] Икс. Об аграрной программе. [Ленин, В. И.] Ленин, Н. Ответ на критику нашего проекта программы. Изд. Лиги русск. рев. с.-д. Женева, тип. Лиги, 1903, стр. 1 — 25. (РСДРП). Подпись: Икс. — 296 - 297.
- *Về cương lĩnh ruộng đất.* — Об аграрной программе. [Ленин, В. И.] Ленин, Н. Ответ на критику нашего проекта программы. Изд. Лиги русск. рев. с.-д. Женева, тип. Лиги, 1903. 42 стр. (РСДРП). — 296 - 297.
- Mác, C. Bọn phản cách mạng Phổ và đảng cấp quan toà Phổ.* — Маркс, К. Прусская контрреволюция и прусское судебное сословие. Около 23 декабря 1848 г. — 166 - 167.
- *Lời kêu gọi thứ hai của Hội đồng trung ương Hội liên hiệp công nhân quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp - Phổ.* — Второе воззвание Генерального

- ального Совета Международного Товарищества Рабочих о франко-прусской войне. 9 сентября 1870 г. — 385.
- *Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai [tác phẩm «Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tô»].* — Предисловие ко второму изданию [работы [«Восемнадцатое брюмера Луи Бонапарта»]]. — 386.
- *Thư gửi L. Cu-ghen-man.* — Письмо Л. Кугельману. 3 марта 1869 г. — 387.
- *Thư gửi L. Cu-ghen-man.* — Письмо к Кугельману. 17 апреля 1871 г. — 387.
- *Tư bản.* — Капитал. Критика политической экономии. Т. 1. 1867. — 389.
- Mác, C. và Ăng-ghen, Ph. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản.* — Маркс, К. и Энгельс, Ф. Манифест Коммунистической партии. Декабрь 1847 г. — январь 1848 г. — 401.
- [Mác-tốp, L.] Bài ca của người xã hội chủ nghĩa Nga hiện đại.* — [Мартов, Л.] Гимн новейшего русского социалиста. — «Заря», Stuttgart, 1901, № 1, апрель, стр. 152 - 153. Подпись: Нарцисс Тупорылов. — 453.
- *Có thể từ bỏ chăng?* — Можно ли уклониться? (Письмо в редакцию). — «Товарищ», Спб., 1907, № 301, 24 июня (7 июля), стр. 1 - 2. — 22, 42.
- Mát-xơ-va, 1 tháng Hai.* — Москва, 1 февраля. [Передовая]. — «Русские Ведомости», М., 1908, № 27, 1 февраля, стр. 1 - 2. — 512.
- Mát-xơ-va, 16 tháng Mười.* — Москва 16 октября. Новая Дума. — «Голос Москвы», 1907, № 239, 16 октября, стр. 2 - 3. — 201.
- * *Méc-tva-gô, A. P. Nước Nga có bao nhiêu ruộng đất và chúng ta sử dụng nó như thế nào?* — Мертваго, А. П. Сколько во всей России земли и как мы ею пользуемся? — В кн.: Прокопович. С. Н. и Мертваго, А. П. Сколько в России земли и как мы ею пользуемся. М., тип. Сытина, 1907, стр. 19 - 28. (Б-ка хозяина. Под ред. А. П. Мертваго). — 280 - 281, 285.
- [Mê-đem, V.] Những sơ thảo chính trị.* — [Медем, В.] Политические наброски. — В кн.: Наша трибуна. Непериодический сборник. Кн. 1-ая. Вильно, «Трибуна», 1907, стр. 82 - 89. Подпись: В. М-д-м. — 514.

[*Mi-cla-sép-xki, M. P.*] *Đu-ma cuối cùng*. — [Миклашевский, М. П.] *Последняя Дума*. (Впечатления и размышления). — «Образование», Спб., 1907, № 7, стр. 48 — 72. Подпись: М. Неведомский. — 65- 66, 75.

Mi-li-u-cốp, P. N. *Báo cáo trình đại hội về sách lược của Đảng tự do nhân dân trong Đu-ma nhà nước III*. — Милоков, П. Н. Доклад съезду о тактике партии народной свободы в третьей Государственной думе. — «Речь», Спб., 1907, № 255, 28 октября (10 ноября), стр. 3. — 77.

— *"Chúng ta không có kẻ thù ở bên trái"*. — «У нас нет врагов слева». — «Речь», Спб., 1907, № 224, 22 сентября (5 октября), стр. 2. — 88.

— *Một năm đấu tranh*. — Год борьбы. Публицистическая хроника. 1905 - 1906. Спб., 1907. XVII, 550 стр. (Б-ка «Общественной пользы»). — 122.

— *Nhiệm vụ của các uỷ ban ruộng đất địa phương theo quan niệm của những người dân chủ - xã hội và những người dân chủ - lập hiến*. — *Задачи местных аграрных комитетов в понимании с.-д и к.-д.* [«Речь», 1906, № 82, 25 мая (7 июня).] — В кн.: Милоков, П. Н. Год борьбы. Публицистическая хроника. 1905 — 1906. Спб., 1907, стр. 457 — 460. (Б-ка «Общественной пользы»). — 541.

— *Xanh Pê-téc-bua, 21 tháng Năm*. — С.-Петербург, 21 мая. [Передовая]. — «Речь», Спб., 1906, № 79, 21 мая (3 июня), стр. 1 - 2. — 353.

— *Xanh Pê-téc-bua, 21 tháng Năm*. — С.-Петербург, 25 мая. [Передовая]. — «Речь», Спб., 1906, № 82, 25 мая (7 июня), стр. 1. — 356 - 357.

N. X. — H. C. — xem *Xva-vi-txơ-ki, N. A.*

Nác-txít Tu-rô-ru-lốp — Нарцисс Тупорылов — xem *Mác-tốp, L.*

Nê-vê-đôm-xki, M. — Неведомский, М. — xem *Mi-cla-sép-xki, M. P.*

Nghị quyết [của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga] về công đoàn. — Резолюция [ЦК РСДРП] о профессиональных союзах. — «Пролетарий», Женева, 1908, № 21, 26 (13) февраля, стр. 4. — 256.

Nghị quyết của Đại hội Stút-ga. — Резолюции Штутгартского съезда. — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 17, 20 октября, стр. 4 — 6. На газ. место изд.: М. — 354.

[Nghị quyết do những người dân chủ - lập hiến đưa ra khi thảo luận dự thảo của 40 đại biểu Đu-ma nhà nước về việc mở rộng quyền của Đu-ma được quyết định ngân sách]. — [Резолюция, внесенная кадетами при обсуждении проекта 40 членов III Государственной думы о расширении бюджетных прав Думы]. — «Столичная Почта», Спб., 1908, № 214, 18 (31) января, стр. 5. Под общ. загл.: Государственная дума. — 284, 287.

[Nghị quyết do phái thánг Mười đưa ra khi thảo luận dự thảo của 40 đại biểu Đu-ma nhà nước về việc mở rộng quyền của Đu-ma được quyết định ngân sách]. — [Резолюция, внесенная октябристами при обсуждении проекта 40 членов III Государственной думы о расширении бюджетных прав Думы]. — «Столичная Почта», Спб., 1908, № 214, 18 (31) января, стр. 5. Под общ. загл.: Государственная дума. — 517- 518.

[Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội V (Luân đôn) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — [Резолюции, принятые на V (Лондонском) съезде РСДРП]. — В кн.: Лондонский съезд Российской соц.- демокр. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Paris, 1909, стр. 453 — 458. (РСДРП). — 525.

Nghị quyết phản đối chủ nghĩa nội các, đã được thông qua tại Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Ам-xtéc-đam — Резолюция против министерства принятая на Международном социалистическом конгрессе в Амстердаме — xem *Internationale Regeln der sozialistischen Taktik*.

[Nghị quyết sách lược về vấn đề ruộng đất được thông qua tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — [Тактическая резолюция по аграрному вопросу, принятая на IV (Объединительном) съезде РСДРП]. — В листовке: Постановления и резолюции Объединительн. съезда Российской социалдемократической рабочей партии. [Спб.], тип. Центрального комитета, [1906], стр. 1. (РСДРП). Под загл.: Аграрная программа. — 335, 336.

Nghị quyết về công đoàn [đã được nhóm bốn-sê-vích thông qua]. — Резолюция о профессиональных союзах, [принятая группой большевиков]. — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 17, 20 октября, стр. 6, в отд.: Хроника. На газ место изд.: М. — 150, 166, 213.

Nghị quyết về công đoàn [đã được thông qua tại Đại hội V (Luân đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — Резолюция о профес -

сиональных союзах, [принятая на V (Лондонском) съезде РСДРП]. — В кн.: Лондонский съезд Российской соц.-демокр. рабочей партии (состоявшийся в 1907 г.). Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Paris, 1909, стр. 458. (РСДРП). — 150, 166.

Nghị quyết về Đu-ma nhà nước [đã được thông qua tại Đại hội V (Luân đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — Резолюция о Гос. думе, [принятая на V (Лондонском) съезде РСДРП]. — Там же, стр. 455 - 456. — 514.

Nghị quyết về thái độ đối với đảng không phải vô sản [đã được thông qua tại Đại hội V (Đại hội Luân đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — Резолюция об отношении к непролетарским партиям, [принятая на V (Лондонском) съезде РСДРП]. — Там же, стр. 454—455. — 333.

"Ngọn cờ lao động". — «Знамя Труда», [Париж]. — 154, 287.

— 1907, № 2, 12 июля, стр. 1 — 4. — 154.

— 1907, № 5, 12 сентября, стр. 2 — 4. — 287.

— 1907, № 6, 30 сентября, стр. 1 — 3. — 311.

— 1907, № 8, декабрь, стр. 6 — 10. — 287.

"Ngọn cờ nước Nga". — «Русское Знамя», Спб., 1907, № 226. — 311.

"Ngôn luận" — «Речь», Спб. — 514, 562.

— 1906, № 79, 21 мая (3 июня), стр. 1 — 2. — 514.

— 1906, № 82, 25 мая (7 июня), стр. 1. — 562.

— 1907, № 224, 22 сентября (5 октября), стр. 2. — 522.

— 1907, № 255, 28 октября (10 ноября), стр. 3 — 4. — 274.

— 1908, № 28, 2 (15) февраля, стр. 2. — 278.

— 1908, № 52, 1 (14) марта, стр. 2 — 3. — 311.

— 1908, № 53, 2 (15) марта, стр. 2. — 12.

"Người con của tổ quốc". — «Сын отечества», Спб., 1905, № 54, 20 апреля (3 мая), стр. 2 — 3. — 425 - 426.

"Người tu-gích" — trong Đu-ma. — «Серенький» — в Думе. — «Русское Государство», Спб., 1906, № 39, 18 (31) марта, стр. 4. Подпись: Segno. — 496.

"Người vô sản". — «Пролетарий», Женева, 1905, № 12, 16 (3) августа, стр. 1. — 35.

"Người vô sản". — «Пролетарий», [Выборг — Женева — Париж]. — 265 - 266.

— [Выборг], 1906, № 1, 21 августа, стр. 2 — 3. На газ. место изд.: М. — 513.

— 1906, № 7, 10 ноября, стр. 3 — 5. На газ. место изд.: М. — 524.

— 1907, № 17, 20 октября, стр. 3 — 6. На газ. место изд.: М. — 125, 127, 128, 135, 168, 513, 527, 541, 560.

— 1907, № 19, 5 ноября, стр. 7. На газ. место изд.: М. — 603.

— [Женева], 1908, № 21, 26 (13) февраля, стр. 2, 4. — 513.

— 1908, № 29, (29) 16 апреля, стр. 3 — 4. — 540.

— 1908, № 33, (5 авг.) 23 июля, стр 3 — 6. — 517.

"Nhà nước Nga". — «Русское Государство», Спб., 1906, № 39, 18 (31) марта, стр. 4. — 14.

Nhập cư và di cư. — Иммиграция и эмиграция. [Резолюция, принятая на Международном социалистическом конгрессе в Штутгарте]. — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 17, 20 октября, стр. 5. Под общ. загл.: Резолюции Штутгартского съезда. На газ. место изд.: М. — 256.

"Nhật ký người dân chủ - xã hội". — «Дневник Социал-Демократа», [Женева], 1905, № 3, ноябрь, стр. 1 — 23. — 384.

— 1905, № 4, декабрь, стр. 1 — 12. — 386 - 387.

— 1906, № 5, март, стр. 1 — 20. — 489.

Những đạo luật cơ bản của nhà nước. — Основные государственные законы — xem Bộ luật của Đế quốc Nga.

Những đề cương về sách lược được thông qua ngày 26 tháng Mười. — Тезисы о тактике, принятые 26 октября. — «Речь», Спб., 1907, № 255, 28 октября (10 ноября), стр. 3 — 4. — 303.

Những nghị quyết chủ yếu nhất [đã được thông qua tại Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — Главнейшие резолюции, [принятые на Третьем съезде Российской соц.-дем. рабочей партии. — В кн.: Третий очередной съезд Росс. соц.-дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева тип партии, 1905, стр. XVI — XXVII. (РСДРП). — 30, 130 - 131.

Những nghị quyết do Hội nghị I [toàn Nga] [của các cán bộ đảng] thông

qua. — Резолюции, принятые [первой общерусской] конференцией [партийных работников]. — В кн.: Первая общерусская конференция партийных работников. Отдельное приложение к № 100 «Искры», Женева, тип. партии, 1905, стр. 15—30. (РСДРП). — 30, 130 - 131.

Những quy tắc về trình tự xem xét ngân sách thu và chi của nhà nước, cũng như về việc thực hiện các khoản chi do quốc khố đài thọ mà ngân sách chưa dự tính trước. — Правила о порядке рассмотрения государственной росписи доходов и расходов а равно о производстве из казны расходов, росписью не предусмотренных. — «Собрание узаконений и распоряжений правительства, издаваемое при правительствующем Сенате», Спб., 1906, № 51, 10 марта, ст. 335, стр. 735 — 737. — 564, 565, 568, 569.

Những tài liệu để đánh giá sự phát triển kinh tế ở nước ta. — Материалы к характеристике нашего хозяйственного развития. Сборник статей. Спб., тип. Сойкина, 1895. 232, 259, III стр. — 117, 118 - 120, 121.

Những tài liệu để thảo quy chế của Đu-ma nhà nước. — Материалы по составлению наказа Государственной думы. Спб., гос. тип., 1907. 78 стр. (Государственная дума). — 586.

[Những tài liệu gửi đến hội nghị chung của Đu-ma nhà nước khoa hai]. — [Материалы, поступившие в Общее собрание Государственной думы 2-го созыва]. Б. м., [1907]. 7, 23 стр.; 1040 л. — 221 - 223, 375, 376, 300 - 302, 303, 304 - 305, 305 - 307, 308 - 313, 332 - 333, 371, 418 - 419, 498 - 499, 509 - 510.

* *Những tài liệu về vấn đề nông dân.* — Материалы к крестьянскому вопросу. Отчёт о заседаниях делегатского съезда Всероссийского крестьянского союза 6—10 ноября 1905 г. С вступительной статьей В. Громана. [Спб.], «Новый Мир», 1905. 114 стр. — 301, 314, 316.

Những thư của I. Ph. Béc-cơ, I. Đit-xơ-ghen, Ph. Ăng-ghen, C. Mác v.v. gửi Ph. A. Doóc-ghê và những người khác. — Письма И. Ф. Беккера, И. Дицгена, Ф. Энгельса, К. Маркса и др. к Ф. А. Зорге и др. Пер. с нем. Политкуса. С письмами и биогр. Ф. А. Зорге Евг. Дицгена. С предисл. Н. Ленина. С портр. Ф. А. Зорге. Спб., Дауге, 1907. XXVI, 485, II стр. — 104, 398, 469.

Những vấn đề sách lược. — Вопросы тактики. Сборник II, Спб, «Новая Дума», 1907. 79 стр. — 189.

"Nước Nga". — «Россия», Спб. — 298.

— 1908, № 670, 31 января (13 февраля), стр. 1. — 489.

— 1908, № 682, 14 (24) февраля, стр. 1. — 492, 493, 495.

"Nước Nga cách mạng". — «Революционная Россия», [Куоккала — Томск — Женева]. — 215.

"Nước Nga lao động". — «Трудовая Россия», Спб. — 489, 512, 576, 578 - 579.

Ô-lê-nốp, M. Về những cơ sở lý luận của việc địa phương công hữu hoá ruộng đất. — Оленов, М. О теоретических основах муниципализации земли. — «Образование», Спб., 1907, № 1, стр. 193 — 230. — 284, 286.

Pác-vu-xơ. Đảng dân chủ - xã hội và Đu-ma nhà nước. — Парвус. Социал-демократия и Государственная дума. — «Искра», [Женева], 1905, № 110, 10 сентября, стр. 1 — 2. — 313.

— *Đâu là chỗ bất đồng giữa chúng ta?* — В чём мы расходимся? Ответ Ленину на его статью в «Пролетарии». Изд. «Искры». Женева, тип. партии, 1905. 28 стр. (РСДРП). — 315.

— *Sau chiến tranh.* — После войны. — «Искра», [Женева], 1905, № 111, 24 сентября, стр. 2 — 4; № 112, 8 октября. Приложение к № 112 «Искры», стр. 1. — 412.

— *Thị trường thế giới và khủng hoảng nông nghiệp.* — Мировой рынок и сельскохозяйственный кризис. (Der Weltmarkt und die Agrarkrisis). Экономические очерки. Пер. с нем. Л. Я. Спб., Попова, 1898. 143, II стр. (Образовательная б-ка. Серия 2-ая (1898). № 2). — 562.

Pê-rê-i-a-xláp-xki, I-u. — Переяславский, Ю. — хет Khru-xta-lép — Nô-xác, G. X.

Pê-sê-khò-nốp, A. V. Bàn về những đề tài trước mắt. — Пешехонов, А. В. На очередные темы. Наша платформа (ее очертания и размеры). — «Русское Богатство», Спб., 1906, № 8, стр. 178 — 206. — 310.

— *Bàn về những đề tài trước mắt.* — На очередные темы. Революция наоборот. — «Русское Богатство», Спб., 1908, № 1, стр. 131 — 169; № 2, стр. 126 — 175. — 329 - 330.

— *Vấn đề ruộng đất trong mối liên hệ với phong trào nông dân.* — *Аграрная проблема в связи с крестьянским движением.* Изд. ред. журнала «Русское Богатство». Спб., тип. Клобукова, 1906. 136 стр. — 375.

Phê-đô-rốp, M. P. [Lời phát biểu trong buổi Nga hoàng tiếp đoàn đại biểu hội đồng địa phương ngày 6 (19) tháng Sáu 1905]. — Федоров, М. П. [Речь во время приёма царём земской делегации 6 (19) июня 1905 г.]. — «Правительственный Вестник», Спб., 1905, № 121, 8 (21) июня, стр. 1. — 417.

Phi-nơ - Ê-nô-ta-ép-xki, A. I-u. Vấn đề ruộng đất và phong trào dân chủ - xã hội. — Финн-Енотаевский, А. Ю. *Аграрный вопрос и социал-демократия.* [Спб., 1906]. 83 стр. — 341 - 373.

Phiếc-xốp, Đ. và I-a-cô-bi, M. Về việc sửa đổi cương lĩnh ruộng đất và sự luận chứng cho cương lĩnh đó. — Фирсов, Д. и Якобий, М. К. *Пересмотру аграрной программы и её обоснования.* — xem Về việc sửa đổi cương lĩnh ruộng đất và sự luận chứng cho cương lĩnh đó.

Phiên họp thứ tư [của Đu-ma nhà nước]. — *Заседание четвертое [Государственной думы].* 4 мая 1906 г. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1906 год. Сессия первая. Т. I. Заседания 1 — 18 (с 27 апреля по 30 мая). Спб., гос. тип., 1906, стр. 162 — 237. (Государственная дума). — 494 - 495.

Phiên họp thứ mười [của Đu-ma nhà nước]. — *Заседание десятое [Государственной думы].* 16 мая 1906 г. — Там же, стр. 389 — 419. — 448, 494.

Phiên họp thứ mười một [của Đu-ma nhà nước]. — *Заседание одиннадцатое [Государственной думы].* 18 мая 1906 г. — Там же, стр. 421 — 472. — 477.

Phiên họp thứ mười hai [của Đu-ma nhà nước]. — *Заседание двенадцатое [Государственной думы].* 19 мая 1906 г. — Там же, стр. 473 — 530. — 447, 476, 483 - 484, 495, 496, 512 - 513.

Phiên họp thứ mười ba [của Đu-ma nhà nước]. — *Заседание тринадцатое [Государственной думы].* 23 мая 1906 г. — Там же, стр. 531 — 585. — 495 - 496.

Phiên họp thứ mười bốn [của Đu-ma nhà nước]. — *Заседание четырнадцатое [Государственной думы].* 24 мая 1906 г. — Там же,

стр. 587 — 638. — 261 - 262, 275 - 276, 304, 494 - 495, 499 - 501, 512 - 513.

Phiên họp thứ mười tám [của Đu-ma nhà nước]. — *Заседание восемнадцатое [Государственной думы].* 30 мая 1906 г. — Там же, стр. 809 — 866. — 469 - 470.

Phiên họp thứ mười chín [của Đu-ma nhà nước]. — *Заседание девятнадцатое [Государственной думы].* 1 июня 1906 г. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1906 год. Сессия первая. Т. II. Заседание 19 — 38 (с 1 июня по 4 июля). Спб., гос. тип., 1906, стр. 867 — 919. (Государственная дума). — 494 - 495.

Phiên họp thứ hai mươi [của Đu-ma nhà nước]. — *Заседание двадцатое [Государственной думы].* 2 июня 1906 г. — Там же, стр. 921 — 976. — 498.

Phiên họp thứ hai mươi ba [của Đu-ma nhà nước]. — *Заседание двадцать третья [Государственной думы].* 8 июня 1906 г. — Там же, стр. 1097 — 1156. — 457.

Phiên họp thứ hai mươi sáu [của Đu-ma nhà nước]. — *Заседание двадцать шестое [Государственной думы].* 13 июня 1906 г. — Там же, стр. 1275 — 1339. — 21.

* *Phiên họp thứ mười hai [của Đu-ma nhà nước khoá hai].* — *Заседание двенадцатое [Государственной думы второго созыва].* 19 марта 1907 г. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1907 год. Сессия вторая. Т. I. Заседание 1 — 30 (с 20 февраля по 30 апреля). Спб., гос. тип., 1907, стлб. 689 — 792. (Государственная дума. 2-ой созыв). — 327, 445, 447 - 448, 450 - 453, 458 - 459, 462, 471, 478 - 479, 483 - 484, 488, 493, 497, 506, 507.

* *Phiên họp thứ mười bốn [của Đu-ma nhà nước khoá hai].* — *Заседание четырнадцатое [Государственной думы второго созыва].* 22 марта 1907 г. — Там же, стлб. 893 — 984. — 262.

* *Phiên họp thứ mười sáu [của Đu-ma nhà nước khoá hai].* — *Заседание шестнадцатое [Государственной думы второго созыва].* 26 марта 1907 г. — Там же, стлб. 1053 — 1154. — 276, 324, 447 - 448, 458 - 459, 471 - 472, 474 - 475, 483 - 484, 488 - 489, 506 - 507.

- * *Phiên họp thứ mười tám [của Đu-ma nhà nước khoá hai].* — Заседание восемнадцатое [Государственной думы второго созыва]. 29 марта 1907 г. — В кн.: Стенографические отчёты [Государственной думы]. 1907 год. Сессия вторая. Т. 1. Заседания 1 — 30 (с 20 февраля по 30 апреля). Спб., гос. тип., 1907, стлб. 1273 — 1374. — 399, 442 - 445, 448 - 449, 450 - 451, 453, 455 - 456, 457, 458 - 459, 461 - 462, 498 - 500, 508 - 509.
- * *Phiên họp thứ hai mươi [của Đu-ma nhà nước khoá hai].* — Заседание двадцатое [Государственной думы второго созыва]. 2 апреля 1907 г. — Там же, стлб. 1473 — 1538. — 445, 463, 497, 508 - 509.
- * *Phiên họp thứ hai mươi hai [của Đu-ma nhà nước khoá hai].* — Заседание двадцать второе [Государственной думы второго созыва]. 5 апреля 1907 г. — Там же, стлб. 1597 — 1662. — 277, 460, 461, 504 - 505, 508 - 510.
- * *Phiên họp thứ hai mươi bốn [của Đu-ma nhà nước khoá hai].* — Заседание двадцать четвёртое [Государственной думы второго созыва]. 9 апреля 1907 г. — Там же, стлб. 1753 — 1840. — 276, 445 - 446, 453 - 455, 458 - 459, 480, 481, 494 - 495, 497, 510.
- * *Phiên họp thứ hai mươi sáu [của Đu-ma nhà nước khoá hai].* — Заседание двадцать шестое [Государственной думы второго созыва]. 12 апреля 1907 г. — Там же, стлб. 1921 — 2008. — 277, 463 - 470, 457 - 459, 481, 482, 489, 493.
- * *Phiên họp thứ ba mươi hai [của Đu-ma nhà nước khoá hai].* — Заседание тридцать второе [Государственной думы второго созыва]. 3 мая 1907 г. — В кн.: Стенографические отчёты [Государственной думы]. 1907 год. Сессия вторая. Т. II. Заседания 31 — 53 (с 1 мая по 2 июня). Спб., гос. тип., 1907, стлб. 61 — 130. (Государственная дума. 2-ой созыв). — 310, 493, 498.
- * *Phiên họp thứ ba mươi chín [của Đu-ma nhà nước khoá hai].* — Заседание тридцать девятое [Государственной думы второго созыва]. 16 мая 1907 г. — Там же, стлб. 617 — 682. — 280, 446 - 449, 450, 458 - 460, 483 - 484, 494 - 495, 496, 497 - 499, 504, 510 - 511.
- * *Phiên họp thứ bốn mươi bảy [của Đu-ma nhà nước khoá hai].* — Заседание сорок седьмое [Государственной думы второго созыва]. 26 мая 1907 г. — Там же, стлб. 1165 — 1246. — 253 - 254, 258 -

259, 324 - 325, 325 - 326, 327, 331 - 332, 387 - 388, 457 - 459, 460, 461 - 462, 462 - 463, 477.

- * *Phiên họp thứ mười chín [của Đu-ma nhà nước khoá ba].* — Заседание девятнадцатое [Государственной думы третьего созыва]. 12 января 1908 г. — В кн.: Стенографические отчёты [Государственной думы]. 1907 — 1908 гг. Сессия первая. Ч. I. Заседания 1 — 30 (с 1 ноября 1907 г. по 19 февраля 1908 г.). Спб., гос. тип., 1908, стлб. 1141 — 1198. (Государственная дума. 3-ий созыв). — 564, 565, 570 - 572.

Phiên họp thứ hai mươi [của Đu-ma nhà nước khoá ba]. — Заседание двадцатое [Государственной думы третьего созыва]. 15 января 1908 г. — Там же, стлб. 1199 — 1278. — 580 - 585, 586.

Phiên họp thứ ba mươi hai [của Đu-ma nhà nước khoá ba]. — Заседание тридцать второе [Государственной думы третьего созыва]. — 27 февраля 1908 г. — В кн.: Стенографические отчёты [Государственной думы]. 1908 г. Сессия первая. Ч. II. Заседания 31-60 (с 21 февраля по 6 мая 1908 г.). Спб., гос. тип., 1908, стлб. 93 — 144. (Государственная дума. 3-ий созыв). — 564, 565, 565 - 566, 568.

Phôn-vi-din, Đ. I. Cậu âm. — Фонвизин, Д. И. Недоросль. — 79.

Phụ trương cho các bản tường thuật tốc ký của Đu-ma nhà nước. — Приложения к стенографическим отчётам Государственной думы. Третий созыв. Сессия I. 1907 — 1908 гг. Т. I. (№№ 1 — 350). Спб., гос. тип., 1908. 35 стр., 2024 стлб. — 564, 569 - 570.

[Pi-mê-nô-va, E. C.] Khái quát về đời sống và chính trị ở nước ngoài. — [Пименова, Э. К.] Обзор иностранной жизни и политики. — «Современный Мир», Спб., 1907, № 12, стр. 73 — 85. Подпись: Э. П. — 555, 556, 557 - 558.

Plê-kha-nốp, G. V. Bút ký của một nhà chính luận. — Плеханов, Г. В. Заметки публициста. Новые письма о тактике и бестактности. Спб., Глаголев, [1907]. 152 стр. — 421, 422 - 423, 423 - 425.

— *Cái gì tốt - cái đó vẫn tốt.* — Что хорошо — то хорошо. — «Товарищ», Спб., 1907, № 402, 20 октября (2 ноября), стр. 1—2. — 187 - 188.

— *Chúng ta và họ.* — Мы и они. Спб., 1907. 64 стр. — 230 - 231, 231 - 232.

- *Dự thảo cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Nga.* – Проект программы русских социал-демократов. 1885 – 1887 гг. – 290 - 291.
- *Giai cấp công nhân và giới trí thức dân chủ - xã hội.* – Рабочий класс и социал-демократическая интеллигенция. «Искра», [Женева], 1904, № 70, 25 июля, стр. 2 – 5; № 71, 1 августа, стр. 2 – 4. – 130, 131.
- *Lại bàn về tình hình của chúng ta.* – Ещё о нашем положении. (Письмо к товарищу X). – «Дневник Социал-Демократа», [Женева], 1905, № 4, декабрь, стр. 1 – 12. – 6 - 7.
- *Lời tựa [cho cuốn sách "Chúng ta và họ"].* – Предисловие [к книге «Мы и они»]. – В кн.: Плеханов, Г. В. Мы и они. Спб., 1907, стр. 3 - 22. – 230 - 232.
- *[Những câu hỏi đối với những người dân chủ - xã hội không phải là người Nga về tính chất của cuộc cách mạng Nga và về sách lược mà những người dân chủ - xã hội Nga phải tuân theo].* – [Вопросы к нерусским социал-демократам о характере русской революции и о тактике, которой должны держаться русские социал-демократы.] – В кн.: Каутский, К. Движущие силы и перспективы русской революции. Пер с немецкого. («Neue Zeit», №№ 9 и 10, 25. Jg., Bd. I). Под ред. и с предисл. Н. Ленина. М., «Новая Эпоха», 1907, стр. 29. – 422 - 423.
- *Phê phán lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa công liên.* – Критика теории и практики синдикализма. – «Современный Мир», Спб., 1907, № 12, стр. 29 – 58. – 551 - 552, 552 - 553, 554.
- *Tình hình của chúng ta.* – Наше положение. – «Дневник Социал-Демократа», [Женева], 1905, № 3, ноябрь, стр. 1 – 23. – 6 - 7.
- *[Tuyên bố bằng thư, đưa ra tại phiên họp thứ mười của Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga].* – [Письменное заявление, внесенное на 10-м заседании IV (Объединительного) съезда РСДРП.] – В кн.: Протоколы Объединительного съезда РСДРП, состоявшегося в Стокгольме в 1906 г. М., тип. Иванова, 1907, стр. 127. – 398.
- Vademecum dành cho ban biên tập tờ "Sự nghiệp công nhân".* – *Vademecum* для редакции «Рабочего Дела». Сборник материалов, изданный группой «Освобождение труда». С предисл. Г. Плеханова. Женева, тип. группы старых народовольцев, 1900. ЛП, 67 стр. – 235.

- *Về vấn đề ruộng đất ở Nga.* – К аграрному вопросу в России. – «Дневник Социал-Демократа», [Женева], 1905, № 5, март, стр. 1 – 20. – 449.
- Prô-cô-pô-vích, X. N. Mức độ thiếu ruộng đất.* – Прокопович, С. Н. Размеры земельной нужды. – «Товарищ», Спб., 1907, № 214, 13 (26) марта, стр. 3. – 260 - 261.
- *Thống kê về số hữu ruộng đất năm 1905.* – Статистика землевладения 1905 г. – «Товарищ», Спб., 1907, № 238, 10 (23) апреля, стр. 3. – 260 - 261.
- * *Prô-cô-pô-vích, X. N. và Méc-tva-gô, A. P. Nước Nga có bao nhiêu ruộng đất và chúng ta sử dụng nó như thế nào.* – Прокопович, С. Н. и Мертваго, А. П. Сколько в России земли и как мы ею пользуемся. М., тип. Сытина, 1907. 28 стр. (Б-ка хозяина. Под ред. А. П. Мертваго). – 280, 285.
- Quan hệ giữa công đoàn và chính đảng.* – Отношение между профессиональными союзами и политической партией. – «Вперёд», [Выборг], 1907, № 14, 10 сентября, стр. 2 – 4. На газ. место изд.: М. – 545.
- Quốc tế ca.* – Интернационал. – 227.
- Quy định về việc bầu cử Du-ma nhà nước.* – Положение о выборах в Государственную думу. [6 (19) августа 1905 г.]. – «Правительственный Вестник», Спб., 1905, № 169, 6 (19) августа, стр. 2 – 4. – 5 - 6, 14 - 15, 149.
- Quy định về việc bầu cử Du-ma nhà nước.* – Положение о выборах в Государственную думу. [3 (16) июня 1907 г.]. – «Собрание узаконений и распоряжений правительства, издаваемое при правительствующем Сенате», Спб., 1907, отд. I, № 94, 3 июня, ст. 845, стр. 1303 – 1380. – 3, 58, 63, 164, 165, 173 - 174, 190, 218, 392, 606.
- Quyền bầu cử của phụ nữ.* – Женское избирательное право. [Резолюция, принятая на Международном социалистическом конгрессе в Штутгарте]. – «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 17, 20 октября, стр. 5. Под общ. загл.: Резолюции Штутгартского съезда. На газ. место изд.: М. – 87, 104.
- Quyết định của các đại hội Hội liên hiệp nông dân (thành lập 31 tháng Bảy - 1 tháng Tám và 6 - 10 tháng Mười một 1905).* – Постановления съездов

- Krest'yan'skogo sojuz (Uchreditel'nogo 31 iulya — 1 avgusta i 6 — 10 noyabrya 1905 g.). Изд. Северного Обл. Бюро содействия Крестьянскому союзу (в С.- Петербурге). Спб., тип. Клобукова, 1905. 16 стр. (Всероссийский крестьянский союз). — 297, 519.
- Ru-ba-kin, N. A. Đảng Tơ-rê-rôp qua những con số.* — Рубакин, Н. А. Треневская партия в цифрах. — «Народный Вестник», Спб., 1906, № 20, 31 мая 13 июня, стр. 1. — 264.
- *Giói quan lại cầm quyền ở nước ta qua những con số.* — Наша правящая бюрократия в цифрах. (Из «Этюд о чистой публике»). — «Сын Отечества», Спб., 1905, № 54, 20 апреля (3 мая), стр. 2 — 3. — 264.
- Sa-nin, M. Địa phương công hữu hoá ruộng đất hay là sự phân chia làm của tư hữu?* — Шанин, М. Муниципализация или раздел в собственности? Характер нашего аграрного кризиса. Вильно, «Трибуна», 1907. 112 стр. — 333 - 337, 439.
- "Sao Bắc cực".* — «Полярная Звезда», Спб., 1905, № 3, 30 декабря, стр. 223 - 228. — 30 - 31.
- 1906, № 10, 18 февраля, стр. 733 — 737. — 151.
- "Sự thật".* — «Правда», М., 1906, кн. IV, февраль, стр. 157 — 160. — 313, 314, 315 - 316.
- "Tập chí xã hội chủ nghĩa nhân dân".* — «Народно-Социалистическое Обозрение». Вып. 1. Спб., 1906, стр. 1 — 14. — 517.
- Tập những "Tin tức của đại biểu nông dân" và "Nước Nga lao động".* — Сборник «Известий крестьянских Депутатов» и «Трудовой России». М., 1906. 269, III стр. — 404.
- "Tập sắc lệnh và chỉ thị của chính phủ do Pháp viện chấp chính tối cao xuất bản".* — «Собрание узаконений и распоряжений правительства, издаваемое при правительствующем Сенате», Спб., 1906, № 51, 10 марта, стр. 735 — 737. — 601.
- 1907, отд. I, № 94, 3 июня, стр. 1303 — 1380. — 594.
- * *Tập tài liệu thống kê về tỉnh Ха-ра-тôp.* — Сборник статистических сведений по Саратовской губернии. Т. XI. Камышинский уезд. Саратов, изд. Саратовского губ. земства, 1891. 979 стр. — 387.

- "Thế giới ngày nay".* — «Современный Мир», Спб., 1907, № 12, стр. 29—58, 73 - 85. — 289.
- "Thế kỷ chúng ta".* — «Наш век», Спб. — 544.
- 1908, № 967, 9 (22) января, стр. 5. — 544.
- Thông báo về Đại hội lần thứ hai (bất thường) của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng.* — Извещение о втором (экстренном) съезде партии соц.-рев. — «Партийные Известия», [Спб.], 1907, № 6, 8 марта, стр. 1 — 3. — 206.
- Thông báo về hội nghị đảng ngày 21, 22 và 23 tháng Bảy 1907.* — Извещение о партийной конференции 21 22 и 23 июля 1907 года. [Листовка]. Изд. ЦК РСДРП. Б. м., [1907]. 4 стр. (РСДРП). — 601.
- [Thông báo về nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về công đoàn].* — [Сообщение о резолюции ЦК РСДРП о профессиональных союзах]. — «Наш Век», Спб., 1908, № 967, 9 (22) января, стр. 5, в отд.: Из жизни партий. — 544.
- [Thông báo về việc xuất bản cuốn sách của N. Tơ-rôt-xki "Những nhiệm vụ chính trị của chúng ta".]* — [Сообщение об издании брошюры Н. Троцкого «Наши политические задачи»]. — «Искра», [Женева], 1904, № 72, 25 августа, стр. 10, в отд.: Из партии. — 127.
- Thống kê của Đế quốc Nga. XX.* — Статистика Российской империи. XX. Военно-конская перепись 1888 года. Под ред. А. Сырнева. Спб., изд. Центрального стат. ком. м-ва внутр. дел, 1891. VI, XXIII, 207 стр. На русском и французском яз. — 248.
- Thống kê của Đế quốc Nga. XXXI.* — Статистика Российской империи. XXXI. Военно-конская перепись 1891 года. Под ред. А. Сырнева. Спб., изд. Центрального стат. ком. м-ва внутр. дел, 1894. IV, XXIX, 149 стр. На русском и французском яз. — 248.
- Thống kê về sở hữu ruộng đất năm 1905.* — Статистика землевладения 1905 г. Свод данных по 50-ти губерниям Европейской России. Спб., тип. Минкова, 1907. 199 стр.; I стр. табл. (Центральный стат. ком. м-ва внутр. дел). — 243 - 248, 252, 259 - 260.
- "Thời mới".* — «Новое Время», Спб. — 71, 297, 580.
- Thư gửi các tổ chức đảng.* — Письмо к партийным организациям. [Письмо 1-е]. [Листовка]. Б. м., [ноябрь 1904]. 4 стр. (Только для членов партии). — 135.

- Thư gửi các tổ chức đảng số 1.* — Письмо к партийным организациям № 1. [Листова]. Б. м., [1907]. 1 стр. (РСДРП). Подпись: Центральный Комитет РСДРП. — 27.
- Thư gửi các tổ chức địa phương.* — Письмо к местным организациям. — «Пролетарий», [Женева], 1908, № 29, (29) 16 апреля, стр. 3 — 4. в отд.: Из партии. — 510.
- "Tia chớp".* — «Зарницы». Вып. 1. Спб., тип. Безобразова, 1907. 128 стр. — 49.
- "Tia lửa" (cũ, lê-nin-nít), [Lai-pхіch — Muyn-khen — Luân-đôn — Giơ-ne-vơ].* — «Искра» (старая, ленинская), [Лейпциг — Мюнхен — Лондон — Женева]. — 156.
- [Мюнхен], 1902, № 21, 1 июня, стр. 1 — 2. — 25.
- 1903, № 51, 22 октября, стр. 1. — 151, 157.
- "Tia lửa" (mới, men-sê-vích), [Giơ-ne-vơ].* — «Искра» (новая, меньшевистская), [Женева]. — 156.
- 1904, № 68, 25 июня, стр. 2 — 3. — 153 - 154.
- 1904, № 70, 25 июля, стр. 2 — 5; № 71, 1 августа, стр. 2 — 4. — 156, 157.
- 1904, № 72, 25 августа, стр. 10. — 25.
- 1905, № 110, 10 сентября, стр. 1 — 2. — 43.
- 1905, № 111, 24 сентября, стр. 2 — 4. — 99.
- 1905, № 112, 8 октября. Приложение к № 112 «Искры», стр. 1. — 156, 157.
- "Tia lửa" trong hai năm.* — «Искра» за два года. Сборник статей из «Искры» Спб., Салтыков, 1906. VIII, 688, 244 стр. — 131, 134.
- "Tiến lên", Giơ-ne-vơ.* — «Вперед», Женева, 1905, № 1, 4 января (22 декабря 1904), стр. 2 — 3. — 135.
- 1905, № 11, 23 (10) марта, стр. 2. — 130.
- 1905, № 15, 20 (7) апреля, стр. 1 — 2. — 317.
- "Tiến lên" [Vư-боóc-гơ].* — «Вперед», [Выборг], 1907, № 14, 10 сентября, стр. 2 — 4. На газ. место изд.: М. — 545.
- "Tiếng nói Mát-xcơ-va".* — «Голос Москвы», 1907, № 239, 16 октября, стр. 2 — 3. — 176 - 177.

- "Tin tức của đại biểu nông dân".* — «Известия Крестьянских Депутатов», Спб. — 306.
- "Tin tức của Đảng".* — «Партийные Известия», [Спб.], 1906, № 2, 20 марта, стр. 12. — 296, 304 - 305, 324, 396, 416, 502.
- "Tin tức của Đảng".* — «Партийные Известия», [Спб.], 1907, № 6, 8 марта, стр. 1 — 3. — 205 - 206.
- "Tin tức nước Nga".* — «Русские Ведомости», М. — 529, 541.
- 1907, № 136, 16 июня, стр. 2. — 47, 52.
- 1908, № 27, 1 февраля, стр. 1 — 2. — 529.
- 1908, № 32, 8 февраля, стр. 2. — 541.
- 1908, № 51, 1 марта, стр. 4 — 5. — 593 - 594.
- "Tin tức Xanh Pê-téc-bua".* — «С.-Петербургские Ведомости», 1908, № 24, 29 января (11 февраля), стр. 2. — 541.
- * *Tổng điều tra dân số lần thứ nhất trong Đế quốc Nga năm 1897.* — Первая всеобщая перепись населения Российской империи 1897 г. Вып. 1 — 2. Сост. Центр. стат. ком. на основании местных подсчетных ведомостей. Изд. Центр. стат. ком. м-ва внутр. дел. Спб., 1897. 2 т. На русском и французском яз.
- * — Вып. I. Население империи по переписи 28-го января 1897 г. по уездам. 29 стр. — 243 - 244.
- Вып. 2. Население городов по переписи 28-го января 1897 г. 42 стр. — 243 - 244.
- [Tơ-rốt-xki, L. Đ.] Những nhiệm vụ chính trị của chúng ta.* — [Троцкий Л. Д.] Наши политические задачи. (Тактические и организационные вопросы). Изд. РСДРП. Женева, тип. партии, 1904. XI, 107 стр. (РСДРП). Перед загл. авт.: Н. Троцкий. — 127.
- Tơ-ru-bê-tơ-côi, X. N. [Lời phát biểu trong buổi Nga hoàng tiếp đoàn đại biểu hội đồng địa phương ngày 6 (19) tháng Sáu 1905].* — Трубецкой, С. Н. [Речь во время приема царем земской делегации 6 (19) июня 1905 г.]. — «Правительственный Вестник», Спб., 1905, № 121, 8 (21) июня, стр. 1. — 148 - 149.
- [Trả lời của văn phòng tổng trấn quân sự Tuốc-ke-xtan đối với yêu cầu của người Ta-ta-ri-a Béc-ti-mi-rốp về việc cấp cho anh ta phần ruộng được chia lấy trong ruộng đất của nhà nước.* 15 tháng Chạp 1906].

— [Ответ канцелярии туркестанского генерал-губернатора на просьбу татарина Бектимирова об отводе ему надела из казённой земли. 15 декабря 1906 г.]. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1907 г. Сессия вторая. Т. I. Заседания 1 — 30 (с 20 февраля по 30 апреля). Спб., гос. тип., 1907, стлб. 1794. (Государственная дума. 2-ой созыв). — 497.

"*Truyền tin chính phủ*". — «Правительственный Вестник», Спб., 1905, № 121, 8 (21) июня, стр. 1. — 314.

— 1905, № 169, 6 (19) августа, стр. 1 — 4. — 315.

— 1905, № 222, 18 (31) октября, стр. 1. — 287.

— 1905, № 268, 13 (26) декабря, стр. 1. — 115.

— 1906, № 252, 12 (25) ноября, стр. 1. — 112.

— 1906, № 256, 18 ноября (1 декабря), стр. 1. — 334 - 335.

"*Truyền tin nhân dân*". — «Народный Вестник», Спб., 1906, № 20, 31 мая (13 июня), стр. 1. — 264.

Tséc-nốp, V. Phong trào công đoàn và phái chính thống mác-xít. — Черноз, В. Профессиональное движение и марксистская ортодоксия. — В кн.: Сборник статей. № 1. Спб., «Наша Мысль», 1907, стр. 47 — 74. — 229.

Tséc-nư-sép-xki, N. G. Tuỳ bút trong văn học Nga thời kỳ Gô-gôn. — Чернышевский, Н. Г. Очерки гоголевского периода русской литературы. — 412.

Tsê-khốp, A. P. Con người trong vở óc. — Чехов, А. П. Человек в футляре. — 10, 196, 385, 532.

— *Người thầy đa ngôn.* — Учитель словесности. — 10, 18.

Tsê-rê-va-nin, L. Đại hội Luân-đôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. — Череванин, Л. Лондонский съезд РСДРП. 1907, г. С прилож. принятых резолюций и их проектов. [Спб.], «Борьба», [1907]. 102 стр. — 134 - 135, 198.

Tsúp-rốp, A. I. Về vấn đề cải cách ruộng đất. — Чупров, А. И. К вопросу об аграрной реформе. — В кн.: Аграрный вопрос. Т. II. Сборник статей Брейера, Бруна, Воробьева, Герценштейна, Дена, Кауфмана, Кутлера, Левитского, Мануилова, Петрункевича, Хауке, Чупрова, Якушкина. М., «Беседа», 1907, стр. 1 — 43. (Изд. Долгорукова и Петрункевича). — 274, 334, 456, 461.

Tuốc-ghê-nép, I. X. Bút ký người thợ săn. Người quản gia. — Тургенев, И. С. Записки охотника. Бурмистр. — 51.

— *Đất hoang.* — Новь. — 593.

— *Những người cha và những người con.* — Отцы и дети. — 356.

[*Tuyên bố của chính phủ do P. A. Xtô-lư-pin đọc tại phiên họp của Đu-ma nhà nước ngày 6 (19) tháng Ba 1907.*] — [Декларация правительства оглашенная П. А. Столыпиным на заседании Государственной думы 6 (19) марта 1907 г.]. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1907 год. Сессия вторая. Т. I. Заседания 1 — 30 (с 20 февраля по 30 апреля). Спб., гос. тип., 1907, стлб. 106 — 120. (Государственная дума. 2-ой созыв). — 399.

Tuyên bố của Xtô-lư-pin. — Столыпинская декларация — xem Tuyên bố của chính phủ do P. A. Xtô-lư-pin đọc tại phiên họp của Đu-ma nhà nước ngày 6 (19) tháng Ba 1907.

"*Tư tưởng Nga*". — «Русская Мысль», М., 1908, кн. I, стр. 143 — 157. — 585.

Từ phòng họp. — Из залы заседаний. — «Столичная Почта», Спб., 1908, № 249, 28 февраля (12 марта), стр. 4. Подпись: Вас. Г. — 580.

Tường thuật tốc ký. (Phiên họp thứ 21 [của Đu-ma nhà nước]. — Стенографический отчет. (Заседание двадцать первое [Государственной думы]. 17 января [1908 г.]). — «Столичная Почта», Спб., 1908, № 214, 18 (31) января, стр. 4 — 5. — 445, 463, 497.

Tường thuật tốc ký [của Đu-ma nhà nước]. — Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1906 год. Сессия первая. Т. I. Заседания 1 — 18 (с 27 апреля по 30 мая). Спб., гос. тип., 1906. XXII, 866 стр. (Государственная дума). — 447, 476, 484 - 485, 495, 496, 512 - 513.

* *Tường thuật tốc ký [của Đu-ma nhà nước].* — Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1906 год. Сессия первая. Т. II. Заседания 19 — 38 (с 1 июня по 4 июля). Спб., гос. тип., 1906. Стр. 867 — 2013. (Государственная дума). — 445, 447 - 448, 450 - 453, 458 - 459, 462, 471.

* *Tường thuật tốc ký [của Đu-ma nhà nước]*. — Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1907 год. Сессия вторая. Т. I. Заседания 1 — 30 (с 20 февраля по 30 апреля). Спб., гос. тип., 1907. VIII стр., 2344 стлб. (Государственная дума. 2-ой созыв). — 460, 461, 504 - 505, 508 - 510, 511 - 513, 564 - 565.

Tường thuật tốc ký [của Đu-ma nhà nước]. — Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1907 год. Сессия вторая. Т. II. Заседания 31 — 53 (с 1 мая по 2 июня). Спб., гос. тип., 1907. VIII стр., 1610 стлб. (Государственная дума. 2-ой созыв). — 457 - 459, 460 - 461, 462 - 465, 477, 511 - 513, 580 - 585.

Tường thuật tốc ký [của Đu-ma nhà nước]. — Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1907 — 1908 гг. Сессия первая. Ч. I. Заседания 1 — 30 (с 1 ноября 1907 г. по 19 февраля 1908 г.). Спб., гос. тип., 1908. XIV стр., 2141 стлб. (Государственная дума. 3-ий созыв). — 445, 447 - 448.

Tường thuật tốc ký [của Đu-ma nhà nước]. — Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1908. Сессия первая. Ч. II. Заседания 31 — 60 (с 21 февраля по 6 мая 1908 г.). Спб., гос. тип., 1908. (Государственная дума. 3-ий созыв). XV стр., 2962 стлб. — 446 - 449, 450, 458, 460.

Txét-kin, C. Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga. — Цеткина, К. *Международный социалистический конгресс в Штутгарте*. — В кн.: «Зарницы». Вып. I. Спб., тип. Безобразова, 1907, стр. 105 — 112. — 231.

Văn tập các bài. — Сборник статей. № 1. Спб., «Наша Мысль», 1907, стр. 47 — 74, 75 — 93. — 203, 229, 309, 330.

Văn tập thứ nhất. — Первый сборник. Спб., Карчагин, 1906. 322 стр. (Освободительная б-ка). — 562.

Vấn đề ruộng đất. — *Аграрный вопрос*. [Т. I]. Сборник статей Герценштейна, Долгорукова, Дена, Иверонова, Кауфмана, Мануилова, Петрункевича, Фортунатова, Чупрова. Изд. 2-е. М., «Беседа», 1906 XXXIV, 278 стр. (Изд. Долгорукова и Петрункевича). — 280 - 283, 284, 287.

Vấn đề ruộng đất. — *Аграрный вопрос*. Т. II. Сборник статей Брейера, Бруна, Воробьева, Герценштейна, Дена, Кауфмана, Кутлера, Левитского, Мануилова, Петрункевича, Хауке, Чупрова, Якуш-

кина. М., "Беседа", 1907. XIII, 648 стр. (Изд. Долгорукова и Петрункевича). — 244, 256, 276, 334, 402, 412, 426 - 427, 455 - 456, 461.

Ve-bơ, X. và B. Lịch sử phong trào công nhân Anh. — Вебб, С. и Б. *История рабочего движения в Англии*. Пер. с англ. Г. А. Паперна. Спб., Павленков, 1899. 363 стр. Перед загл. авт.: С и Б. Уэбб. — 31.

[Về sách lược của những người dân chủ - lập hiến trong Đu-ma nhà nước III]. — [О тактике кадетов в III Государственной думе. Проект резолюции, внесенный левыми кадетами на V съезде партии кадетов]. — «Товарищ», Спб., 1907, № 410, 30 октября (12 ноября), стр. 4 в отд.: Из жизни партий. — 195.

[Về thái độ đối với các đảng tư sản]. — [Об отношении к буржуазным партиям. Проект резолюции большевиков, внесенный на V (Лондонском) съезде РСДРП]. — В кн.: Лондонский съезд Российской соц.-демокр. раб. партии (состоявшийся в 1907 г.). Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Paris, 1909, стр. 466 — 467. (РСДРП). — 513.

Về thái độ đối với Đu-ma nhà nước. — Об отношении к Государственной думе. [Резолюция, принятая на IV (Объединительном) съезде РСДРП]. — В кн.: Протоколы Объединительного съезда РСДРП, состоявшегося в Стокгольме в 1906 г. М., тип. Иванова, 1907, стр. 414 — 416. — 215.

Về việc sửa đổi cương lĩnh ruộng đất và sự luận chứng cho cương lĩnh đó. — К пересмотру аграрной программы и её обоснования. Фирсов, Д. Социализация земли и право на землю. Якобий, М. Движущие силы сельского хозяйства. (К марксистскому обоснованию социализации земли). М., [тип. Поплавского], 1908, 324 стр. — 550.

Vì-khli-a-ép, P. Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân và vấn đề ruộng đất. — Вихляев, П. *Народно-социалистическая партия и аграрный вопрос*. — В кн.: Сборник статей. № 1. Спб., «Наша Мысль», 1907, стр. 75 — 93. — 203, 309, 330.

Việc thành lập Đu-ma nhà nước. — Учреждение Государственной думы. — «Правительственный Вестник», Спб., 1905, № 169, 6 (19) августа, стр. 1 — 2. — 5 - 6, 14 - 15.

- "Việc thống nhất" phái đối lập. — «Объединение» оппозиции. — «Столичная Почта», Спб., 1908, № 228, 3 (16) февраля, стр. 1. — 532 - 533.
- * Vị trí của chúng ta trong phong trào công đoàn. — Наша позиция в профессиональном движении. — «Знамя Труда», [Париж], 1907, № 2, 12 июля, стр. 1 — 4. — 229.
- Xa-tu-rin, Đ. Từ phòng họp. — Сатурип, Д. Из залы заседаний. — «Столичная Почта», Спб., 1908, № 214, 18 (31) января, стр. 4. — 564, 565, 570.
- Xan-tư-cốp — Sê-đrin, M. E. Các ngài dòng họ Gô-lốp-lép. — Салтыков-Щедрин, М. Е. Господа Головлёвы. — 582.
- Lễ an táng. — Похороны. — 117.
- Một bài ca hoa tình hiện đại. — Современная идиллия. — 33.
- Nhật ký của một người tỉnh lẻ ở Pê-téc-bua. — Дневник провинциала в Петербурге. — 52.
- Những dấu hiệu của thời đại. — Признаки времени. — 175, 176.
- Những lời bị lãng quên. — Забытые слова. — 370.
- Nơi ẩn trốn Môn-re-rô. — Убежище Монрепо. — 250, 516, 517.
- Quanh năm. — Круглый год. — 117.
- Sự đúng mực và sự cẩn thận. — В среде умеренности и аккуратности. — 33, 274.
- Xanh Pê-téc-bua, 18 tháng Mười. Cuộc bầu cử được kết thúc. — С.-Петербург, 18-го октября. Выборы окончены. — «Русское Знамя», Спб., 1907, № 226. — 177.
- Xanh Pê-téc-bua, 31 tháng Giêng. [Xã luận]. — С.-Петербург, 31 января. [Передавая]. — «Россия», Спб., 1908, № 670, 31 января (13 февраля), стр. 1. — 532.
- Xanh Pê-téc-bua, 2 tháng Hai. [Xã luận]. — С.-Петербург, 2 февраля. [Передовая]. — «Речь», Спб., 1908, № 28, 2 (15) февраля, стр. 2. — 532.
- Xéc-van-te-xơ, Mì-ghen. Đông Kì-sốt. — Сервантес, Мигель. Дон Кихот. — 183.

- [Xơ-ru-mi-lin, X. G. Bổ sung vào nghị quyết sách lược về vấn đề ruộng đất, đưa ra tại phiên họp 13 của Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — [Струмилип, С. Г. Поправка к тактической резолюции по аграрному вопросу, внесённая на 13-м заседании IV (Объединительного) съезда РСДРП]. — В кн.: Протоколы Объединительного съезда РСДРП, состоявшегося в Стокгольме в 1906 г. М., тип. Иванова, 1907, стр. 157. — 438.
- Xơ-ru-vê, P. Gửi những người phê bình tôi. — Струве, П. Моим критикам. — В кн.: Материалы к характеристике нашего хозяйственного развития. Сборник статей. Спб., тип. Сойкина, 1895, стр. 145 — 196. — 121.
- Hai uỷ ban bãi công. — Два забастовочных комитета. — «Полярная Звезда», Спб., 1905, № 3, 30 декабря, стр. 223 — 228. — 30 - 31.
- Khái quát lịch sử tư tưởng xã hội và quan hệ xã hội ở Đức thế kỷ XIX. — Очерки из истории общественных идей и отношений в Германии в XIX в. — «Новое Слово», Спб., 1897, № 7, апрель, стр. 83 — 96; № 8, май, стр. 154 — 167. Подпись: С. Т. Р. — 121.
- Làm thế nào để thoát khỏi khó khăn? — Как найти себя? Ответ автору письма «Как не потерять себя?» — «Освобождение», Париж, 1905, № 71, 31 (18) мая, стр. 337 — 343. — 245.
- Những ý kiến phê phán về sự phát triển kinh tế của nước Nga. — Критические заметки к вопросу об экономическом развитии России. Вып. I. Спб., тип. Скороходова, 1894. X, 293 стр. — 118.
- Nước Nga vĩ đại. — Великая Россия. Из размышления о проблеме русского могущества. — «Русская Мысль», М., 1908, кн. I, стр. 143 — 157. — 364.
- Tiểu luận của nhà chính luận. — Заметки публициста. Съезд союза 17-го октября и созыв Государственной думы. — «Полярная Звезда», Спб., 1906, № 10, 18 февраля, стр. 733 — 737. — 383.
- Về các đề tài khác nhau. — На разные темы. — «Новое Слово», Спб., 1897, № 6, март, стр. 1 — 20; № 7, апрель, стр. 34 — 62. Подпись: Novus. — 585.
- * [Xta-vi-tơ-ki, N. A.] Những cương lĩnh ruộng đất. — [Свавицкий, Н. А.] Аграрные программы. Сборник аграрных программ социалисти-

ческих партий в Западной Европе и России. Сост. Н. С. С предисл. П. Маслова. [М.], «Новый Мир», [1906]. 62 стр. — 478.

[Adler, W. *Die Abänderung zur Resolution zur Frage des Frauenwahlrechts, eingebracht auf dem Internationalen sozialistischen Kongreß zu Stuttgart*]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 195, 22. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 2. Unter dem Gesamttitel: Die Kommissionen. Frauenwahlrecht. — 118, 124.

[Afterword of editorial stuff to Burnett's article "Sold again!"]. — "Justice", London, 1907, N 1,245, November 23, p. 4. — 545.

Almanach de Gotha. Annuaire généalogique, diplomatique et statistique. 1908. Gotha, Perthes [1907]. XXIV, 1194 p. — 376.

"*Aus der Weltpolitik*", München, 1903, N 48, 30. November, S. 1 — 10. — 120.

Baer, K. u. Helmersen, G. *Beiträge zur Kenntnis des Russischen Reiches und der angrenzenden Länder Asiens*. Aus Kosten der Akademie der Wissenschaften hrsg. von Baer, K. u. Helmersen, G. II. Bd. Gemischten Inhalts. S.-Pb., Die Akademie der Wissenschaften, 1845. 183 S. — 296.

[Bebel, A. *Resolutionsentwurf zur Frage des Militarismus und der internationalen Konflikte, eingebracht auf dem Internationalen sozialistischen Kongreß zu Stuttgart*]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 194, 21. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 3. Unter dem Gesamttitel: Die Kommissionen. Der Militarismus und die internationalen Konflikte. — 98, 102.

[Beer, H. *Resolutionsentwurf zur Frage der Beziehungen zwischen der politischen Partei und den Gewerkschaften, eingebracht auf dem Internationalen sozialistischen Kongreß zu Stuttgart*]. «Vorwärts», Berlin, 1907, N 194, 21. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 2. Unter dem Gesamttitel: Die Kommissionen. Die Beziehungen zwischen den politischen Parteien und den Gewerkschaften. — 235, 514.

[*Die Beziehungen zwischen der politischen Partei und den Gewerkschaften*. Debatten in der Kommission des Internationalen sozialistischen Kongresses zu Stuttgart]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 196, 23 August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 3. Unter dem Gesamttitel: Die Kommissionen. Partei und Gewerkschaft. — 87, 98-102.

[*Die Beziehungen zwischen der politischen Partei und den Gewerkschaften. Resolutionsentwurf der Kommissionsmehrheit des Internationalen sozialistischen Kongresses zu Stuttgart*]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 197, 24. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. I. Unter dem Gesamttitel: Internationaler sozialistischer Kongreß. — 265.

Bogdanow, A. *Ernst Mach und die Revolution*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1907 — 1908, 26. Jg., Bd. I, N 20, S. 695 — 700. — 494.

Brouckère, L., de. *Rapport sur les rapports entre les partis politiques socialistes et les associations professionnelles, présenté au nom du Parti Ouvrier Belge*. — In: Propositions et Projets de Résolutions avec rapports, explicatifs présentés au congrès Socialiste International de Stuttgart (18 — 24 août 1907). Edition en 3 langues du Bureau Socialiste International. [Bruxelles, 1907], p. 30 - 88. — 105.

* Brownlie, J. T. A. *dishonourable peace*. — "The Labour Leader", London, 1907, N 21, November 15, p. 322. — 495.

* Burnett, J. *Sold again!* — "Justice", London, 1907, N 1,245, November 23, p. 4. — 287.

"*La Caserne*", Haine st. Paul. — 605.

"*La Caserne*", Paris. — 489.

[*La commune révolutionnaire*]. Aux Communaux. Londres, 1874. 12 p. — 514.

"*Conscrit*", Paris. — 505.

"*Corriere della Sera*", Milano, 1908, N 41, 10 Febbraio, p. 1 - 2. — 560- 561.

— 1908, N 42, II Febbraio, p. 5. — 560- 561.

Croci, P. *L'ira nemica anche oltre tomba. L'inevitabilità d'una nuova instaurazione*. — "Corriere della Sera", Milano, 1908, N 42, 11 Febbraio, p. 5. — 560- 561.

— *Lo stato d'animo nazionale*. — "Corriere della Sera", Milano, 1908, N 41, 10 Febbraio, p. 1 - 2. — 560- 561.

— *La visita del popolo alle salme reali*. — "Corriere della Sera", Milano, 1908, N 41, 10 Febbraio, p. 2. — 560- 561.

[*Die Ein- und Auswanderung der Arbeiter*. Debatten in der Kommission des Internationalen sozialistischen Kongresses zu Stuttgart]. — "Vor-

wärts", Berlin, 1907, N 194, 21. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 2 - 3; N 195, 22. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 2 - 3. Unter dem Gesamttitel: Die Kommissionen. Die Ein- und Auswanderung der Arbeiter. — 289.

Eine Verleugnung des Klassenkampfes. — «Vorwärts», Berlin, 1908, N 48, 26. Februar, S. I. — 303.

"En Avant". — 505.

Engels, F. Internationales aus dem Volksstaat (1871 - 75). Berlin, Expedition des «Vorwärts» Berliner Volksblatt, 1894. 72 S. — 314.

— *Programm der blanquistischen Kommune-Flüchtlinge.* (Volksstaat", 1874, N 73). — In: Engels, F. Internationales aus dem Volksstaat (1871 — 75). Berlin, Expedition des «Vorwärts» Berliner Volksblatt, 1894, S. 40—46. — 325.

— *Zur Kritik des sozialdemokratischen Programmwurfes 1891.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1901 — 1902, Jg. XX, Bd. I, N 1, S. 5 - 13. — 506.

Der Entwurf des neuen Parteiprogramms. III. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1890 - 1891, Jg. IX, Bd. II, N 51, S. 780 — 791. — 121.

Erste internationale Konferenz sozialistischer Frauen. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 192, 18. August. 2. Beilage des «Vorwärts». S. 1 - 3; N 193, 20. August. 2. Beilage des «Vorwärts», S. 3; N 194, 21. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 1 - 2. — 222.

[*Die erste Sitzung des Internationalen sozialistischen Kongresses zu Stuttgart.*] — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 193, 20. August. I. Beilage des «Vorwärts». S. 1 - 2. Unter dem Gesamttitel: Internationaler sozialistischer Kongreß. — 303.

"*Frankfurter Zeitung*", Frankfurt am Main. — 606.

— 1908, Februar. — 125.

— 1908, N 76, 16 März. — 87.

Frauenwahlrecht. [Debatten auf dem Internationalen sozialistischen Kongreß zu Stuttgart]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 196, 23. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 2—3. Unter dem Gesamttitel: Internationaler sozialistischer Kongreß. — 115, 124.

[*Frauenwahlrecht.* Debatten in der Kommission des Internationalen sozialistischen Kongresses zu Stuttgart]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 195, 22. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 2. Unter dem Gesamttitel: Die Kommissionen. Frauenwahlrecht. — 87, 514.

"*Die Gleichheit*", Stuttgart, 1907, N 18, 2. September. — 287.

* *The great surrender.* — "The Labour Leader", London, 1907, N 21, November 15, p. 328. — 311.

[*Guesde, J. Resolutionsentwurf zur Frage des Militarismus und der internationalen Konflikte, eingebracht auf dem Internationalen sozialistischen Kongreß zu Stuttgart.*] — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 194, 21. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 3. Unter dem Gesamttitel: Die Kommissionen. Der Militarismus und die internationalen Konflikte. — 245.

[*Hervé, G. Resolutionsentwurf zur Frage des Militarismus und der internationalen Konflikte, eingebracht auf dem Internationalen sozialistischen Kongreß zu Stuttgart.*] — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 194, 21. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 3. Unter dem Gesamttitel: Die Kommissionen. Der Militarismus und die internationalen Konflikte. — 105, 122.

Internationale Regeln der sozialistischen Taktik. [Die Resolution des Internationalen Sozialistenkongresses zu Amsterdam]. — In: Internationaler Sozialistenkongreß zu Amsterdam. 14. bis 20. August 1904. Berlin, Expedition der Buchhandlung «Vorwärts», 1904, S. 31 - 32. — 515.

Internationaler sozialistischer Kongreß. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 193, 20. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 1 - 2; N 194, 21. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. I; N 195, 22. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 1 - 2; N 196, 23. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 1 - 3; N 197, 24. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 1 - 3; N 198, 25. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 1 - 2. — 70, 85, 125, 187, 219.

Internationaler Sozialistenkongreß zu Amsterdam. 14. bis 20. August 1904. Berlin, Expedition der Buchhandlung «Vorwärts», 1904, 78 S. — 219.

[*Jaurès, J.*] [*Resolutionsentwurf zur Frage des Militarismus und der internationalen Konflikte, eingebracht auf dem Internationalen sozialistischen Kongreß zu Stuttgart.*] — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 194, 21. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 3 - 4. Unter dem Gesamttitel: Die Kommissionen. Der Militarismus und die internationalen Konflikte. — 514.

"*Journal des Débats politiques et littéraires*", Paris, 1908, 15 mars. — 287.

* "*Justice*", London, 1907, N 1,244, November 16, p. 6. — 311.

— 1907, N 1,245, November 23, p. 4. — 311.

Kaufmann, R. *Die Kommunal Finanzen* (Großbritannien, Frankreich, Preußen). Leipzig, Hirschfeld, 1906. 2. Bänd. (Hand- und Lehrbuch der Staatswissenschaften in selbständigen Bänden, begründet von K. Frankenstein, fortgesetzt von Heckel. 2. Abt.: Finanzwissenschaft. V. Bd.). — 369.

* Kautsky, K. *Die Agrarfrage*. Eine Übersicht über die Tendenzen der modernen Landwirtschaft und die Agrarpolitik der Sozialdemokratie. Stuttgart, Dietz, 1899. VIII, 451 S. — 455.

— *Die Agrarfrage in Rußland*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1905 - 1906, 24. Jg., Bd. 1, N 13, S. 412 — 423. — 616.

— [*Der Bericht über die Rede von K. Kautsky in einer Versammlung der Leipziger Genossen*]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 209, 7. September. 1. Beilage des «Vorwärts», S. 1. Unter dem Gesamttitel: Debatten über den Stuttgarter Kongreß. Leipzig. — 78.

— *Partei und Gewerkschaft*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1905 - 1906, 24. Jg., Bd. 2, N 48, S. 716 - 725; N 49, S. 749 - 754. — 125 - 126.

— *Der Parteitag von Mannheim*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1906 - 1907, 25. Jg., Bd. I, N I, S. 4 - 10. — 99.

* — *Die soziale Revolution*. I. Sozialreform und soziale Revolution. 2. durchges. und verm. Aufl. Berlin, Buchhandlung «Vorwärts», 1907. 64 S. — 125.

— *Der Stuttgarter Kongreß*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1906 - 1907, 25. Jg., Bd. 2, N 48, S. 724 - 730. — 105.

— *Triebkräfte und Aussichten der russischen Revolution*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1906 — 1907, 25. Jg., Bd. I, N 9, S. 284 - 290; N 10, S. 324 - 333. — 126.

* — *Vorwort zur zweiten Auflage [des Buches "Die soziale Revolution"]*. — In: Kautsky, K. *Die soziale Revolution*. I. Sozialreform und soziale Revolution. 2. durchges. und verm. Aufl. Berlin, Buchhandlung «Vorwärts», 1907, S. 5 - 6. — 117.

Die Kolonialfrage. [Debatten auf dem Internationalen sozialistischen Kongreß zu Stuttgart]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 195, 22 August. I.

Beilage des «Vorwärts», S. 1 - 2; N 196, 23. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 1 - 2. Unter dem Gesamttitel: Internationaler sozialistischer Kongreß. — 125, 187.

[*Die Kolonialfrage*. Debatten in der Kommission des Internationalen sozialistischen Kongresses zu Stuttgart]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 193, 20. August. 2. Beilage des «Vorwärts», S. 2. Unter dem Gesamttitel: Die Kommissionen. Die Kommission für die Vorbereitung der Kolonialfrage. — 220, 224.

[*Die Kolonialfrage*. Resolutionsentwurf der Kommissionsmehrheit auf dem Internationalen sozialistischen Kongreß zu Stuttgart]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 195, 22. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 1. Unter dem Gesamttitel: Internationaler sozialistischer Kongreß — 225, 234.

Kommission für Frauenstimmrecht. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 194, 21. August, S. 4. Unter dem Gesamttitel: Internationaler sozialistischer Kongreß. — 287.

* "*The Labour Leader*", London, 1907, N 21, November 15, p. 322, 328. — 311.

[*Lenin, W. I. u. Luxemburg, R. Änderungen zur Resolutionsentwurf Bebels zur Frage des Militarismus und der internationalen Konflikte, eingebracht auf dem Internationalen sozialistischen Kongreß zu Stuttgart*]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 196, 23. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 3. Unter dem Gesamttitel: Die Kommissionen. Der Militarismus und die internationalen Konflikte. — 352.

Marx, K. u. Engels, F. *Gesammelte Schriften von Karl Marx und Friedrich Engels*. 1841 bis 1850. Bd. 2. Von Juli 1844 bis November 1847. Stuttgart, Dietz, 1902. VIII, 482 S. (In: Aus dem literarischen Nachlaß von Karl Marx, Friedrich Engels und Ferdinand Lassalle. Hrsg. von F. Mehring. Bd. 2.). — 415.

— *Der Volkstribun, redigiert von Hermann Kriege in New-York*. — In: Marx, K. u. Engels, F. *Gesammelte Schriften von Karl Marx und Friedrich Engels*. 1841 bis 1850. Bd. 2. Von Juli 1844 bis November 1847. Stuttgart, Dietz, 1902, S. 414 - 428. (In: Aus dem literarischen Nachlaß von Karl Marx, Friedrich Engels und Ferdinand Lassalle. Hrsg. von F. Mehring. Bd. 2.) — 415.

- * *Marx, K. Das Kapital*. Kritik der politischen Ökonomie. Bd. III. T. I. Buch III: Der Gesamtprozeß der kapitalistischen Produktion. Kapitel I bis XXVIII. Hrsg. von F. Engels. Hamburg, Meißner, 1894. XXVIII, 448 S. — 166 - 167.
- *— *Das Kapital*. Kritik der politischen Ökonomie. Bd. III. T. 2. Buch III: Der Gesamtprozeß der kapitalistischen Produktion. Kapitel XXIX bis LII. Hrsg. von F. Engels. Hamburg, Meißner, 1894. IV, 422 S. — 166.
- *Theorien über den Mehrwert*. Aus dem nachgelassenen Manuskript "Zur Kritik der politischen Ökonomie". Hrsg. von K. Kautsky. Bd. I. Die Anfänge der Theorie vom Mehrwert bis Adam Smith. Stuttgart, Dietz, 1905 XX, 430 S. — 167.
- *Theorien über den Mehrwert*. Aus dem nachgelassenen Manuskript "Zur Kritik der politischen Ökonomie". Hrsg. von K. Kautsky. Bd. II. David Ricardo. T. 1. Stuttgart, Dietz, 1905. XII, 344 S. — 168 - 169.
- *Theorien über den Mehrwert*. Aus dem nachgelassenen Manuskript "Zur Kritik der politischen Ökonomie". Hrsg. von K. Kautsky. Bd. II. David Ricardo. T. 2. Stuttgart, Dietz, 1905. IV, 384 S. — 168 - 169.
- Maßlow, P. Die Agrarfrage in Rußland*. Die bäuerliche Wirtschaftsform und die ländlichen Arbeiter. Autorisierte Übersetzung von M. Nachimson. Stuttgart, Dietz, 1907. XIII, 265 S. — 313.
- Mehring, F. Deutscher Liberalismus und russische Duma*. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1906 - 1907, 25. Jg., Bd. 1, N 23, S. 761 - 764. — 233.
- Der Militarismus und die internationalen Konflikte*. [Debatten auf dem Internationalen sozialistischen Kongreß zu Stuttgart]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 198, 25. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 1 - 2. Unter dem Gesamttitel: Internationaler sozialistischer Kongreß. — 404 - 405.
- Der Militarismus und die internationalen Konflikte*. [Debatten in der Kommission des Internationalen sozialistischen Kongresses zu Stuttgart]. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 193, 20. August. 2. Beilage des «Vorwärts», S. 2; N 194, 21. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 3 - 4; N 195, 22. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 3 - 4; N 196, 23. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 3; N 197, 24. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 3 - 4. Unter dem Gesamttitel: Die Kom-

- missionen. Der Militarismus und die internationalen Konflikte. — 404 - 405.
- "Die Neue Zeit"*, Stuttgart, 1890-1891. Jg. IX, Bd. II, N 51, S. 780—191. — 187, 188, 190 - 192, 193.
- 1901-1902, Jg. XX, Bd. I, N 1, S. 5 - 13. — 187.
- 1905 -1906, 24. Jg., Bd. I, N 13, 412 - 423. — 188.
- 1905 - 1906, 24. Jg., Bd. 2, N 48, S. 716 - 725; N 49, S. 749 - 754. — 187.
- 1906 - 1907, 25. Jg., Bd. I, N. 1, S. 4 - 10. — 190.
- 1906 - 1907, 25. Jg., Bd. I, N 9, S. 284 - 290; N 10, S. 324 - 333. — 191.
- 1906 - 1907, 25. Jg., Bd. I, N 23, S. 761 - 164. — 192.
- 1906 - 1907, 25. Jg., Bd. 2, N 48, S. 724 - 730. — 192.
- 1907 - 1908, 26. Jg., Bd. I, N 20, S. 695 - 700. — 193.
- * *"The New Age"*, [London], 1907, N 691, Dec. 7, S. 101 - 102. — 556.
- * *Notes of the week*. — "The New Age", [London], 1907, N 691, Dec. 7, S. 101 - 102. — 556.
- Outline of scheme for conciliation and arbitration*. General principles. — "The Times", London, 1907, N 38, 484, November 7, S. 4. — 556.
- Parvus. Der Anfang vom Ende?* — "Aus der Weltpolitik", München, 1903, N 48, 30. November, S. 1 - 10. — 121.
- "La Patrie en Danger"*, Paris. — 125.
- "Pays"*. — 54.
- Plechanow, G. [Änderung zur Resolution Beers zur Frage der Beziehungen zwischen der politischen Partei und den Gewerkschaften auf dem Internationalen sozialistischen Kongreß zu Stuttgart]*. — «Vorwärts», Berlin, 1907, N 196, 23. August. I. Beilage des «Vorwärts», S. 3. Unter dem Gesamttitel: Die Kommissionen. — 423.
- Proposition et Projets de Résolutions avec rapports explicatifs présentés au congrès Socialiste International de Stuttgart (18 - 24 août 1907)*. Edition en 3 langues du Bureau Socialiste International. [Bruxelles, 1907]. XCVI, 608 p. — 88.

Protokoll über die Verhandlungen des Parteitages der Sozialdemokratischen Partei Deutschland. Abgehalten zu Breslau vom 6. bis 12. Oktober 1895. Berlin, Expedition des «Vorwärts», 1895. 223 S. — 400.

Protokoll über die Verhandlungen des Parteitages der Sozialdemokratischen Partei Deutschland. Abgehalten zu Dresden vom 13. bis 20. September 1903. Berlin, Expedition der Buchhandlung «Vorwärts», 1903. 448. S. — 400.

Protokoll über die Verhandlungen des Parteitages der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands. Abgehalten zu Essen vom 15. bis 21. September 1907. Berlin, Buchhandlung «Vorwärts», 1907. 413. S. — 400.

Protokoll über die Verhandlungen des Parteitages der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands. Abgehalten zu Mannheim vom 23. bis 29. September 1906, sowie Bericht über die 4. Frauenkonferenz am 22. u. 23. September 1906 in Manheim. Berlin, Buchhandlung «Vorwärts», 1906. 488. S. — 400.

**The Railway settlement.* — "The Labour Leader", London, 1907, N 21, November 15, p. 322. Signature: W. R. — 556 - 557.

"*Reynolds Newspaper*", London. — 556 - 557.

Rodbertus-Jagetzow, I. K. Soziale Briefe an von Kirchmann. — 313.

"*Sächsische Arbeiterzeitung*", 1908, Februar. — 419.

Sismondí, J. C. L. Simonde de. Études sur l'économie politique. T. I. Bruxelles, société typographique Belge, 1837. IX, 327 p. — 606.

Südekum, A. Die Taktik der Reaktionäre. — "Sächsische Arbeiterzeitung", 1908, Februar. — 514.

Terms of settlement. Adhesion of masters and men. — "The Times", London, 1907, N 38, 484, November 7, p. 4. — 556 - 557.

"*The Times*", London. — 555 - 556.

— 1907, N 38, 484, November 7, p. 4. — 556 - 557.

Vorbemerkung des Übersetzers [zum Art. Von A. Bogdanow "Ernst Mach und die Revolution"]. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1907 - 1908, 26. Jg., Bd. I, N. 20, S. 695 - 696. — 315.

"*Vorwärts*", Berlin, 1907, N 192, 18. August. 2. Beilage des "Vorwärts", S. 1-3. — 514.

— 1907, N 193, 20. August. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 1 - 2. — 516.

— 1907, N 193, 20. August. 2. Beilage des "Vorwärts", S. 2, 3. — 589.

— 1907, N 194, 21. August, S. 4. — 590.

— 1907, N 194, 21. August. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 1 - 4. — 285.

— 1907, N 195, 22. August. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 1 - 4. — 311.

— 1907, N 196, 23. August. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 1 - 3. — 345.

— 1907, N 197, 24. August. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 1 - 4. — 452.

— 1907, N 198, 25. August. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 1 - 2. — 450.

— 1907, N 209, 7. September. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 1. — 311.

— 1908, N 44, 21. Februar, S. 1. — 19, 54.

— 1908, N 48, 26. Februar, S. 1. — 300.

Wahlrechtskampf - Klassenkampf! — "Vorwärts", 1908, N 44, 21. Februar, h. 1. — 102.

* *Welshed!* — "Justice", London, 1907, N 1, 244, November 16, p. 6. — 255.

"*Westminster Review*". — 319.

* [*The Worker's letter to the editorial staff*]. — "Justice", London, 1907, N 1, 245, November 23, p. 4. — 514.

[*Zetkin, K.*] *Der Internationale sozialistischen Kongreß zu Stuttgart.* — "Die Gleichheit", Stuttgart, 1907, N 18, 2. September — 107 - 108.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

A-lếch-xin-xki, G. A. (sinh năm 1879) — khi bắt đầu hoạt động chính trị, là người dân chủ - xã hội. Trong thời kỳ cách mạng 1905 - 1907, đã theo phái bôn-sê-vích. Là đại biểu của công nhân Pê-téc-bua trong Đu-ma nhà nước II, là ủy viên tiểu ban giúp đỡ những người thất nghiệp, các tiểu ban lương thực và ruộng đất của Đu-ma; ông đã phát biểu nhân có bản tuyên bố của chính phủ về ngân sách do P. A. Xtô-lư-pin đọc trong Đu-ma, cũng phát biểu về vấn đề ruộng đất và những vấn đề khác. Với tư cách là đại biểu đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma, A-lếch-xin-xki đã tham gia Đại hội V (Luân-đôn) của đảng, với tư cách đại biểu không có quyền biểu quyết. Trong những năm thống trị của thế lực phản động, là người theo phái triệu hồi, giảng viên của trường đảng có tính chất bè phái ở Ca-pri (Ý), một trong những người tổ chức ra nhóm chống đảng "Tiến lên". Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, là một phần tử xã hội - sô-vanh cực đoan, cộng tác viên của một số tờ báo tư sản. Năm 1917, sau khi trở về Nga, A-lếch-xin-xki tham gia nhóm "Thống nhất" của Plê-kha-nốp và giữ lập trường phản cách mạng. Tháng Bảy 1917, A-lếch-xin-xki đã cùng với cơ quan phản gián quân đội bịa đặt tài liệu để vu khống V. I. Lê-nin và những người bôn-sê-vích. Tháng Tư 1918, bỏ chạy ra nước ngoài. Năm 1920 bị Tòa án cách mạng tối cao trực thuộc Ban chấp hành trung ương các Xô-viết toàn Nga kết án vắng mặt trong vụ án xử tổ chức phản cách mạng "Trung tâm chiến thuật" và bị tước quyền nhập cảnh vào nước Nga xô-viết. Ở nước ngoài, y đứng trong phe phản động cực đoan. — 71, 262, 509.

A-ni-kin, P. A. (sinh năm 1873) — đảng viên dân chủ - xã hội, thuộc phái men-sê-vích, về nghề nghiệp là giáo viên, đại biểu tỉnh Xa-ra-tốp trong Đu-ma nhà nước II. Thuộc bộ phận men-sê-vích trong đảng

đoàn dân chủ - xã hội ở Đu-ma, có chân trong tiểu ban về chất vấn và tiểu ban về giáo dục quốc dân. Sau khi Đu-ma bị giải tán, bị truy tố về vụ án đảng đoàn dân chủ - xã hội, bị kết án năm năm khổ sai. Trong những năm 1917 - 1918, là người chỉ đạo công tác giáo dục quốc dân trong huyện Xéc-đốp-xcô, tỉnh Xa-ra-tốp. Là ủy viên Hội những tù chính trị toàn Liên bang. — 509.

A-pha-na-xi-ép, A. G. (sinh năm 1859) — nông dân, người không đảng phái, đại biểu của Quân khu sông Đôn trong Đu-ma nhà nước II. Trong Đu-ma, tham gia tiểu ban ruộng đất, đã phát biểu về vấn đề ruộng đất. — 463, 466 - 468.

A-pha-na-xi-ép, C. I. (sinh năm 1875) — đảng viên dân chủ - lập hiến, đại biểu của Quân khu sông Đôn trong Đu-ma nhà nước I, là linh mục. Trong những năm 1907 - 1916 là mật thám của sở mật thám Quân khu sông Đôn, trong những báo cáo mật của mình, y đã nói rõ hoạt động của những người dân chủ - lập hiến, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và các đại biểu của Đu-ma nhà nước. Năm 1920 đã bị tòa án cách mạng vùng sông Đôn kết án vì tội phục vụ trong sở mật thám của Nga hoàng. — 307.

Ác-xen-rốt, P. B. (1850 - 1928) — một trong những lãnh tụ của phái men-sê-vích. Trong những năm 70 của thế kỷ XIX, là người thuộc phái dân túy, sau khi tổ chức "Ruộng đất và tự do" phân liệt, tham gia nhóm "Chia đều ruộng đất"; năm 1883 Ác-xen-rốt tham gia thành lập nhóm "Giải phóng lao động". Từ năm 1900, là ủy viên ban biên tập báo "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh"; đã tham dự Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, với tư cách là đại biểu không có quyền biểu quyết, đại biểu cho ban biên tập báo "Tia lửa", người theo phái "Tia lửa" thiểu số. Sau đại hội, là một phần tử men-sê-vích cuồng nhiệt. Năm 1905 đề xuất chủ trương cơ hội chủ nghĩa đòi triệu tập "đại hội công nhân" rộng rãi nhằm đối lập với đảng của giai cấp vô sản. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, Ác-xen-rốt là một trong những người lãnh đạo phái thủ tiêu, tham gia ban biên tập báo của những người men-sê-vích theo phái thủ tiêu "Tiếng nói người dân chủ - xã hội"; năm 1912 tham gia khởi tháng Tám chống đảng. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, là người thuộc phái giữa, tham gia các hội nghị ở Xim-méc-van và Ki-en-tan, tại các hội nghị ấy đã ngã theo cánh hữu. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, là ủy viên Ban chấp hành Xô-viết Pê-tơ-rô-grát, ủng hộ Chính phủ lâm thời tư sản. Ác-xen-rốt có thái độ thù địch

với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười; trong khi sống lưu vong ở nước ngoài, y đã tuyên truyền cho cuộc can thiệp vũ trang chống lại nước Nga xô-viết. — 7, 18, 120, 134.

An-đéc-xơn (Anderson), *Giêm-xơ* (1739 - 1808) — nhà kinh tế học tư sản nổi tiếng người Anh, người phéc-mi-ê lớn, tác giả của một số tác phẩm khoa học chủ yếu nói về các vấn đề nông nghiệp. Năm 1777, trong tác phẩm "Nghiên cứu bản chất của những đạo luật về lúa mì", ông đã nghiên cứu những nét chủ yếu của lý luận về địa tô chênh lệch. Nhằm bảo vệ lợi ích của điền chủ, ông đã lên tiếng đòi duy trì các đạo luật về lúa mì, các biểu thuế quan, và các giải thưởng xuất khẩu; những cái đó, theo ý ông, sẽ kích thích sự phát triển nông nghiệp. C. Mác đã phê phán những quan điểm của An-đéc-xơn trong tác phẩm "Các học thuyết về giá trị thặng dư" ("Tư bản", tập IV), tiếng Nga, phần II, 1957. — 313.

An-tô-nốp, *I. I.* (sinh năm 1880) — Đảng viên dân chủ - xã hội, đại biểu của tỉnh Péc-mơ trong Đu-ma nhà nước I, về nghề nghiệp là thợ nguội. — 307.

Át-giê-mốp, *M. C.* (sinh năm 1878) — trạng sư, đảng viên Đảng dân chủ - lập hiến, đại biểu các Đu-ma nhà nước II, III và IV, về nghề nghiệp là bác sĩ. Trong các Đu-ma, là ủy viên các tiểu ban về cải cách tòa án, ngân sách, v. v.. Đã cộng tác với các tờ "Truyền tin pháp quyền", "Tin tức nước Nga", "Truyền tin của Đảng tự do nhân dân" và các sách báo khác. Năm 1917 là ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - lập hiến, ứng cử viên Quốc hội lập hiến. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, y là một phần tử hoạt động ráo riết trong bọn bạch vệ lưu vong ở Pa-ri. — 569.

Át-lơ (Adler), *Vích-to* (1852 - 1918) — một trong những người tổ chức và là lãnh tụ của Đảng dân chủ - xã hội Áo; khi bắt đầu hoạt động chính trị là một phần tử cấp tiến tư sản, từ giữa những năm 80 của thế kỷ XIX, tham gia phong trào công nhân. Năm 1886, Át-lơ sáng lập ra tờ báo "Gleichheit" ("Bình đẳng"), từ năm 1889 là biên tập viên cơ quan trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Áo "Arbeiter-Zeitung" ("Báo công nhân"). Vào những năm 80 - 90 của thế kỷ XIX, Át-lơ còn giữ quan hệ với Ph. Ăng-ghe-n, nhưng chẳng bao lâu sau khi Ăng-ghe-n mất, y đã rơi vào chủ nghĩa cải lương và trở thành một trong những thủ lĩnh của chủ nghĩa cơ hội. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), Át-lơ đứng trên lập trường phái giữa, tuyên truyền "hòa bình giai cấp" và đấu tranh chống những hoạt động cách mạng của giai cấp công nhân. Năm 1918, sau

khi nền cộng hòa tư sản được thiết lập ở Áo, có một thời gian ông đã làm bộ trưởng Bộ ngoại giao. — 104, 105, 113, 158 - 159.

Ă

Ăng-ghe-n (Engels), *Phri-đrích* (1820 - 1895) — một trong những nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học, lãnh tụ và người thầy của giai cấp vô sản quốc tế, bạn và bạn chiến đấu của C. Mác (xem bài viết của V. I. Lê-nin "Phri-đrích Ăng-ghe-n". Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 2, tr. 1 - 14). — 11, 30, 98 - 99, 317, 429, 431, 522, 562.

B

Be-rơ, *C. M.* (1792 - 1876) — nhà bác học Nga, một trong những nhà vạn vật học lớn nhất của thế kỷ XIX, người sáng lập ra bào thai học, viện sĩ Viện hàn lâm. Sau khi tốt nghiệp Trường đại học tổng hợp Đéc-pơ, ông ra nước ngoài và sống ở đó cho đến năm 1834. Từ năm 1817 là phó giám đốc Trường đại học tổng hợp Cơ-ních-xbe, từ năm 1819 là giáo sư động vật học, từ năm 1826 — giáo sư giải phẫu học. Năm 1826 được bầu làm viện sĩ thông tấn, năm 1828 là viện sĩ chính thức của Viện hàn lâm khoa học Pê-téc-bua. Năm 1834 trở về Pê-téc-bua. Ông nổi tiếng nhất về những tác phẩm nói về sự phát triển của bào thai động vật. Ông thừa nhận quá trình tiến hóa, nhưng lại giải thích nó một cách duy tâm: chống lại học thuyết tiến hóa của Đác-uyn và nhất là thuyết đào thải tự nhiên. Ông còn nghiên cứu cả những vấn đề nhân chủng học. Một trong những người sáng lập ra Hội địa lý. Người tham gia nhiều cuộc thăm dò địa lý. Tác giả của nhiều tác phẩm khoa học về bào thai học, nhân chủng học, giải phẫu học, địa lý học và nhiều vấn đề khác. — 285.

Béc-đi-a-ép, *N. A.* (1874 - 1948) — nhà triết học duy tâm phản động và là người theo thuyết thần bí. Trong các tác phẩm đầu tiên, ông đứng trên lập trường của "chủ nghĩa Mác hợp pháp", với quan điểm của chủ nghĩa Can-tơ mới để xét lại học thuyết của Mác; về sau trở thành kẻ thù công khai của chủ nghĩa Mác. Năm 1905 gia nhập Đảng dân chủ - lập hiến; trong những năm thống trị của thế lực phản động, là một trong những đại biểu của phái tạo thần, một trào lưu triết học - tôn giáo thù địch với chủ nghĩa Mác; đã tham gia viết bài cho văn tập phản cách mạng "Những cái mốc". Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là người ca tụng chế độ phong

kiến và triết học kinh viện thời trung cổ, cho đó là lối thoát duy nhất ra khỏi chủ nghĩa cộng sản đang phát triển. Năm 1922, do hoạt động chống cách mạng nên bị trục xuất ra nước ngoài; ở đó ông tiếp tục tuyên truyền cho chủ nghĩa thần bí triết học và là một trong những nhà tư tưởng phản cách mạng. — 117.

Béc-ơ (Beer), *Hen-ri-ích* — đảng viên dân chủ - xã hội Áo, một phần tử cơ hội chủ nghĩa. Đã tham dự Đại hội Stút-ga của Quốc tế II, thay mặt nhóm công nhân kim khí. Trong bản báo cáo về vấn đề mối quan hệ giữa chính đảng và công đoàn, Béc-ơ bảo vệ đường lối cơ hội chủ nghĩa về sự trung lập của công đoàn. — 230.

Béc-stanh (Bernstein), *E-đư-a* (1850 - 1932) — lãnh tụ cánh cơ hội chủ nghĩa cực đoan trong Đảng dân chủ - xã hội Đức và của Quốc tế II, nhà lý luận của chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cải lương. Ông tham gia phong trào dân chủ - xã hội từ giữa những năm 70 của thế kỷ XIX, chịu ảnh hưởng của Duy-rinh. Từ năm 1881 - 1889, Béc-stanh là biên tập viên cơ quan trung ương bất hợp pháp của Đảng dân chủ - xã hội Đức là tờ "Der Sozialdemokrat" ("Người dân chủ - xã hội"). Trong những năm 1896 - 1898 đã cho đăng trong tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới") loạt bài nhan đề "Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội", những bài này về sau được xuất bản thành cuốn "Những tiên đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội" (1899), trong cuốn sách đó, ông đã công khai xét lại các nguyên lý triết học, kinh tế và chính trị của chủ nghĩa Mác cách mạng. Béc-stanh phủ nhận học thuyết mác-xít về đấu tranh giai cấp, học thuyết về sự phá sản không thể tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản, về cách mạng xã hội chủ nghĩa và về chuyên chính vô sản. V. I. Lê-nin viết về Béc-stanh như sau: "Về cách mạng vô sản, thì kẻ cơ hội chủ nghĩa ấy không còn nghĩ gì đến nữa rồi" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 25, tr. 498). Béc-stanh đã tuyên bố rằng cuộc đấu tranh vì những cải cách nhằm "cải thiện" tình cảnh kinh tế của công nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa là nhiệm vụ duy nhất của phong trào công nhân; đã đưa ra cái công thức có tính chất cơ hội chủ nghĩa: "phong trào là tất cả, còn mục đích cuối cùng chẳng là gì cả". Những quan điểm lý luận và hoạt động thực tiễn cơ hội chủ nghĩa của Béc-stanh và của những kẻ ủng hộ y đã dẫn đến sự phản bội trực tiếp quyền lợi của giai cấp công nhân, sự phản bội này kết thúc bằng sự phá sản của Quốc tế II trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất. Những năm sau đó, Béc-stanh tiếp tục đấu tranh chống chủ nghĩa Mác, ủng

hộ chính sách của giai cấp tư sản đế quốc, chống lại Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười và Nhà nước xô-viết. — 84, 364.

Ben (Bell), *Ri-sa* (1859 - 1930) — một trong những người lãnh đạo công đoàn công nhân viên chức đường sắt ở Anh. Lúc đầu làm người bán vé trên đường sắt phía Tây, đã tham gia Hội liên hiệp công nhân viên chức ngành đường sắt; năm 1891, là thư ký về tổ chức, còn từ năm 1897 - 1910 là tổng thư ký của Hội. Từ 1900 - 1910 là nghị viên thay mặt Công đảng Anh; đã thực hiện chính sách thỏa hiệp, phản bội giai cấp công nhân. Sau khi từ bỏ cương vị tổng thư ký của Hội, Ben đã làm việc trong Bộ thương nghiệp, là thẩm phán ở Mít-xéc-xơ. — 555, 556 - 557.

Bê-ben (Bebel), *Au-gu-xtơ* (1840 - 1913) — một trong những nhà hoạt động nổi tiếng nhất của Đảng dân chủ - xã hội Đức và Quốc tế II. Về nghề nghiệp là công nhân tiện. Bê-ben bắt đầu hoạt động chính trị vào nửa đầu những năm 60 của thế kỷ XIX; là ủy viên của Quốc tế I. Năm 1869 đã cùng với V. Liép-nếch thành lập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức ("phái Ai-xơ-nách"); đã nhiều lần được bầu làm đại biểu của Quốc hội Đức, đã đấu tranh nhằm thống nhất nước Đức theo con đường dân chủ, đã vạch trần chính sách đối nội và đối ngoại phản động của chính phủ Đức hoàng. Trong thời kỳ chiến tranh Pháp - Phổ, đứng trên lập trường quốc tế chủ nghĩa, ủng hộ Công xã Pa-ri. Trong những năm 90 thế kỷ XIX và những năm đầu thế kỷ XX đã chống lại chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại trong hàng ngũ của Đảng dân chủ - xã hội Đức. V. I. Lê-nin coi những bài diễn văn của Bê-ben chống lại những người theo phái Béc-stanh là "mẫu mực trong việc bảo vệ các quan điểm của chủ nghĩa Mác và trong cuộc đấu tranh cho tính chất xã hội chủ nghĩa chân chính của đảng công nhân" (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 23, tr. 369). Là nhà lý luận có tài và là một diễn giả hùng biện, Bê-ben đã có ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của phong trào công nhân Đức và châu Âu. Trong cuộc đời hoạt động của mình, Bê-ben đã phạm một loạt sai lầm có tính chất phái giữa (đấu tranh không triệt để với bọn cơ hội chủ nghĩa, đánh giá quá cao ý nghĩa của các hình thức đấu tranh nghị trường, v. v.). — 90 - 91, 97, 101, 106 - 107, 158 - 159, 232, 234, 554 - 555.

Bi-na-xích, *M. X.* — xem Nô-vô-xét-xki.

Bi-xmác (Bismarck), *Ốt-tô Ê-đư-a Lê-ô-pôn* (1815 - 1898) — nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Phổ và Đức, thủ tướng đầu tiên của

Đế quốc Đức, được mệnh danh là "thủ tướng sắt". Năm 1862, là thủ tướng kiêm bộ trưởng Bộ ngoại giao của Phổ. Mục đích chủ yếu của Bi-xmác là thống nhất các quốc gia Đức nhỏ phân tán bằng "máu và sắt" và thành lập một đế quốc Đức thống nhất, dưới quyền bá chủ của nước Phổ gioong-ke. Tháng Giêng 1871, Bi-xmác giữ chức thủ tướng đế quốc Đức. Từ năm 1871 - 1890, Bi-xmác điều khiển toàn bộ chính sách đối nội và đối ngoại của nước Đức nhằm phục vụ lợi ích của bọn địa chủ - gioong-ke, đồng thời cố sức đảm bảo sự liên minh giữa tầng lớp gioong-ke với giai cấp tư sản lớn. — 243.

Blăng-ki (Blanqui), *Lu-i Ô-guy-xtơ* (1805 - 1881) — nhà cách mạng lỗi lạc Pháp, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa cộng sản không tưởng, người tham gia các cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri và các cuộc cách mạng trong suốt những năm 1830 - 1870, đã lãnh đạo nhiều hội cách mạng bí mật. Blăng-ki đã phải sống hơn 36 năm trong tù. Tìm cách giành chính quyền nhờ vào một nhóm nhỏ những nhà cách mạng chủ trương âm mưu, ông không hiểu vai trò quyết định của tổ chức quần chúng đối với cuộc đấu tranh cách mạng. Đánh giá cao những công lao cách mạng của Blăng-ki, Mác và Lê-nin đồng thời cũng kịch liệt phê phán những sai lầm và lệch lạc của ông trong sách lược âm mưu. "Chủ nghĩa Blăng-ki, — Lê-nin viết, — là học thuyết phủ nhận cuộc đấu tranh giai cấp Chủ nghĩa Blăng-ki hy vọng giải thoát loài người khỏi ách nô lệ làm thuê, không phải bằng con đường đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, mà bằng con đường hoạt động âm mưu của một thiểu số trí thức nhỏ bé" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 13, tr. 98). — 575.

Bô-brin-xki, *A. A.* (sinh năm 1852) — bá tước, một nhân vật hoạt động nhà nước phản động, một địa chủ lớn và chủ nhà máy đường. Từ năm 1884 là thủ lĩnh của giới quý tộc tỉnh Pê-téc-bua trong nhiều năm. Năm 1906 được bầu làm chủ tịch Hội đồng liên hiệp quý tộc — một tổ chức phản cách mạng của bọn địa chủ - chủ nô. Là đại biểu của tỉnh Ki-ép trong Đu-ma nhà nước III. Từ năm 1912 là ủy viên Hội đồng nhà nước, năm 1916 là bộ trưởng Bộ nông nghiệp. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là ủy viên "Hội đồng thống nhất nhà nước Nga" — một tổ chức phản cách mạng. Về sau trở thành một phần tử bạch vệ lưu vong. — 195, 453, 456, 473.

Bô-brin-xki, *V. A.* (sinh năm 1868) — bá tước, một nhân vật hoạt động chính trị phản động, đại địa chủ và chủ nhà máy đường. Từ năm

1895 đến 1898 là chủ tịch cơ quan hành chính của hội đồng địa phương huyện Bô-gô-rôt-xcơ. Đại biểu của tỉnh Tu-la trong các Đu-ma nhà nước II, III và IV. Trong các Đu-ma, đã ngã theo cánh hữu. Vốn là một tên dân tộc chủ nghĩa cực đoan, nên Bô-brin-xki ủng hộ chính sách dùng bạo lực để Nga hóa những vùng dân tộc ít người ở biên khu nước Nga. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, đấu tranh chống Chính quyền xô-viết ở miền Nam nước Nga. Năm 1919 lưu vong ra nước ngoài. — 442, 444 - 445, 446, 449, 453, 456, 457, 473, 538.

Bô-ga-tốp, *N. I.* (sinh năm 1866) — nông dân, đại biểu của tỉnh Nốp-gô-rôt trong Đu-ma nhà nước II, ngã theo phái tháng Mười. — 507.

Bô-gđã-nốp, *A. (Ma-li-nốp-xki, A. A., Mác-xi-mốp, N.)* (1873 - 1928) — đảng viên dân chủ - xã hội, nhà triết học, nhà xã hội học, nhà kinh tế học, về trình độ học vấn là bác sĩ. Trong những năm 90 của thế kỷ XIX, ông tham gia hoạt động trong các tiểu tổ dân chủ - xã hội (ở Tu-la). Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, ông gia nhập phái bôn-sê-vích. Với tư cách là ủy viên Thường vụ các ban chấp hành phái đa số, ông tiến hành công tác chuẩn bị cho Đại hội III của đảng ở Nga, tại đại hội này, ông được bầu làm ủy viên Ban chấp hành trung ương. Đã tham gia vào ban biên tập các cơ quan bôn-sê-vích "Tiến lên" và "Người vô sản", là một trong những biên tập viên tờ báo bôn-sê-vích "Đời sống mới". Đã tham gia Đại hội V (Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Trong những năm thế lực phản động thống trị, ông cầm đầu phái triệu hồi, là thủ lĩnh nhóm "Tiến lên", nhóm chống Lê-nin và chống đảng. Trong các vấn đề triết học, Bô-gđã-nốp mưu toan tạo ra một học thuyết riêng của mình, gọi là "chủ nghĩa kinh nghiệm nhất nguyên" (một biến dạng của triết học duy tâm chủ quan của Ma-khơ được che đậy bằng thuật ngữ giả danh mác-xít); Lê-nin đã kịch liệt phê phán thuyết đó trong tác phẩm của Người: "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán". Tại hội nghị mở rộng của ban biên tập báo "Người vô sản", vào tháng Sáu 1909, Bô-gđã-nốp bị khai trừ khỏi đảng bôn-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là một trong những người tổ chức và lãnh đạo tổ chức "Văn hóa vô sản", công tác tại Trường đại học tổng hợp vô sản. Từ năm 1926 — giám đốc Viện truyền máu do ông sáng lập. — 537, 602.

* Chữ in nghiêng trong ngoặc chỉ các họ thật.

Bô-ri-xốp – xem Xu-vô-rốp, C. A.

Bốt-nét (Burnett), *Giêm-xơ* – thư ký của Hội đồng khu vực Scot-lan của Hội liên hiệp dân chủ - xã hội Anh. – 555.

Brúc-ke (Brouckère), *Lu-i, đơ* (sinh năm 1870) – một trong những người lãnh đạo và là nhà lý luận của Đảng công nhân Bỉ; trước chiến tranh thế giới thứ nhất, ông cầm đầu cánh tả của đảng này. Tại Đại hội Stút-ga của Quốc tế II, đã phát biểu về vấn đề mối quan hệ giữa các đảng xã hội chủ nghĩa và công đoàn; trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất là một phần tử xã hội - sô-vanh cuồng nhiệt. Sau khi chiến tranh kết thúc – ủy viên Ban thường vụ Hội đồng trung ương của đảng và ủy viên Ban chấp hành của Quốc tế II. Về sau tham gia chính phủ, là thượng nghị sĩ, là đại diện của Bỉ ở Hội quốc liên. Từ năm 1919 – giáo sư Trường đại học tổng hợp Bruy-xen, từ năm 1926 – viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Bỉ. Đã chống lại Nhà nước xô-viết và đảng bôn-sê-vích. – 88.

Bu-lát (*Bu-lô-ta*), *A. A.* (1872 - 1941) – nhà hoạt động xã hội của Lit-va, là đại biểu của tỉnh Xu-van-ki trong Đu-ma nhà nước II và III, về nghề nghiệp là luật sư. Trong những ngày tháng Mười 1905, là một trong những người tổ chức cuộc bãi công của nhân viên bưu điện; đã bị cầm tù. Trong các Đu-ma, đã tham gia đảng đoàn của phái lao động; trong Đu-ma nhà nước III là thủ lĩnh của đảng đoàn này. Năm 1912 - 1915 là luật sư ở Vin-ni-út, từ năm 1915 - 1917 sống ở Mỹ. Sau khi trở về Pê-tơ-rô-grát, được bổ tuyển vào Ban chấp hành trung ương có tính chất thỏa hiệp của Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ, thay mặt Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng.

Năm 1940, sau khi chế độ phát-xít ở Lit-va bị lật đổ, là ủy viên của tiểu ban bầu cử của nước cộng hòa phụ trách cuộc bầu cử vào Quốc hội nhân dân. Trong những năm 1940 - 1941 – chủ nhiệm ban pháp lý của Chủ tịch đoàn Xô-viết tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Lit-va. Năm 1941, bị bọn xâm lược Đức xử bắn. – 496.

Bu-lư-ghin, *A. G.* (1851 - 1919) – nhà hoạt động nhà nước của nước Nga Nga hoàng, địa chủ lớn. Trước năm 1900 là dự thẩm tòa án, sau đó làm tỉnh trưởng một số tỉnh. Năm 1900 - 1904 là trợ lý tổng trấn Mát-xcơ-va, tích cực thúc đẩy hoạt động của sở mật thám của Đu-ba-tốp. Từ 20 tháng Giêng 1905 – bộ trưởng Bộ nội vụ. Từ tháng Hai, cũng năm đó, theo sự ủy nhiệm của Nga hoàng, Bu-lư-ghin chỉ đạo việc chuẩn bị dự luật về triệu tập Đu-ma nhà nước tư vấn nhằm mục đích làm suy yếu cao trào cách mạng đang

dâng lên trong nước. Nhưng Đu-ma này đã không triệu tập được vì bị cách mạng quét sạch. Sau Đạo dụ ngày 17 tháng Mười 1905 của Nga hoàng, Bu-lư-ghin phải từ chức nhưng vẫn là ủy viên Hội đồng nhà nước, và thực tế đã rút khỏi sân khấu chính trị. – 568.

Bu-rê-nin, *V. P.* (1841 - 1926) – nhà chính luận kiêm nhà văn phản động. Từ năm 1876 đã tham gia ban biên tập tờ báo "Thời mới", đã cầm đầu nhóm bồi bút thuộc phái "Thời mới". V. I. Lê-nin thường dùng tên của Bu-rê-nin để chỉ những phương pháp luận chiến bất chính. – 71.

Bun-ga-cốp, *X. N.* (1871 - 1944) – nhà kinh tế học tư sản, nhà triết học duy tâm. Trong những năm 90 của thế kỷ XIX, là phần tử "mác-xít hợp pháp". Đã lên tiếng xét lại học thuyết của Mác về vấn đề ruộng đất; giải thích sự bản cùng của quần chúng nhân dân bằng cái gọi là "quy luật ruộng đất giảm bớt màu mỡ". Sau cách mạng 1905 - 1907, đi theo Đảng dân chủ - lập hiến, tuyên truyền cho thuyết thần bí trong triết học, đã tham gia tập san phản cách mạng "Những cái mốc". Từ năm 1918 – làm linh mục. Năm 1922 do hoạt động phản cách mạng, nên bị trục xuất ra nước ngoài, ở đây y vẫn tiến hành tuyên truyền thù địch chống Liên-xô. – 177, 352, 356 - 357.

C

C. Đ. – phóng viên ở Béc-ling của báo "Ngôn luận" năm 1908. – 591.

Ca-ba-cốp, *G. I.* ("Pu-ga-tsép") (sinh năm 1857) – đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng, đại biểu của tỉnh Péc-mơ trong Đu-ma nhà nước II, là nông dân. Lúc đầu là công nhân các mỏ khai thác quặng sắt ở U-ran. Đã bị truy tố vì tham gia vào các cuộc nổi dậy năm 1902. Năm 1905 đã tổ chức Hội liên hiệp nông dân, ở xã A-la-pa-ép-xcơ thuộc vùng U-ran; hội này đã có tới ba vạn hội viên. Bọn quan lại Nga hoàng đã gọi xã này là "cộng hòa A-la-pa-ép-xcơ", còn Ca-ba-cốp – cũng nổi tiếng dưới cái tên gọi Pu-ga-tsép – là tổng thống của xứ cộng hòa này. Trong Đu-ma nhà nước, tham gia vào đảng đoàn của phái lao động. – 489, 491.

Ca-mư-san-xki, *P. C.* – ủy viên công tố Viện tư pháp Pê-téc-bua, là công cáo viên trong vụ án đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước II. Năm 1910 – tỉnh trưởng ở Vi-át-ca. – 32.

Ca-ni-txơ (Kanitz), *Han-xơ Vin-hem* (1841 - 1913) – bá tước, nhà hoạt động chính trị người Đức, người thể hiện những lợi ích của bọn

gioong-ke, một trong những người lãnh đạo Đảng bảo thủ Đức, từ năm 1869 là đại biểu Quốc hội Đức. Năm 1894 - 1895 đã đưa đề nghị (nổi tiếng là "Antrag Kahitz"), mà theo đề nghị ấy thì chính phủ phải mua ở nước ngoài số lương thực dự trữ mà đất nước cần và sau đó bán lại theo giá trung bình. — 449.

Ca-pu-xtin, M. I-a. (1847 - 1920) — đảng viên Đảng thánh Mười, về nghề nghiệp là bác sĩ. Vào đầu những năm 70 của thế kỷ XIX, là bác sĩ của hội đồng địa phương ở tỉnh Cô-xtơ-rô-ma, sau đó làm việc trong các quân y viện, trong Học viện quân y, trong Trường đại học tổng hợp Vác-sa-va. Từ năm 1887 — giáo sư Trường đại học tổng hợp Ca-dan. Đại biểu của thành phố Ca-dan trong Đu-ma nhà nước II, đại biểu của tỉnh Ca-dan trong Đu-ma nhà nước III, được bầu làm phó chủ tịch Đu-ma. V. I. Lê-nin gọi Ca-pu-xtin là "đại biểu của giai cấp tư sản phản cách mạng". — 445, 459, 582.

Ca-ra-ta-ép, Bi-khít-gian Bi-xa-li-ê-vích (1860 - 1934) — đại biểu của vùng U-ran trong Đu-ma nhà nước II, đảng viên dân chủ - lập hiến, về nghề nghiệp là dự thẩm tòa án. Trong Đu-ma đã tham gia đảng đoàn của những người theo đạo Hồi. Năm 1914 từ bỏ Đảng dân chủ - lập hiến. Năm 1917 gia nhập Đảng cộng sản (b) Nga. Năm 1918 — ủy viên Ban chấp hành Xô-viết đại biểu U-ran. Năm 1919 được chỉ định làm ủy viên Ủy ban quân sự cách mạng phụ trách khu Kiéc-ghi-di-a. — 498.

Ca-ra-u-lốp, M. A. (1878 - 1917) — đại úy Cô-dắc, đại biểu vùng Tê-rếch trong Đu-ma nhà nước II và IV, một tên bảo hoàng, làm chủ biên tạp chí "Tuần lễ Cô-dắc". Trong các Đu-ma, đã tham gia nhiều tiểu ban, bảo vệ chủ trương địa phương công hữu hóa ruộng đất. Năm 1917 tham gia Ban chấp hành lâm thời của Đu-ma nhà nước. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười — một trong những tên cầm đầu bọn phản cách mạng ở Tê-rếch. Chỉ huy đội quân Cô-dắc vùng Tê-rếch, đấu tranh cuồng nhiệt chống Chính quyền xô-viết. — 399, 450, 502.

Ca-ra-va-ép, A. L. (1855 - 1908) — bác sĩ của hội đồng địa phương, một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của Hội liên hiệp nông dân. Đã được bầu vào Đu-ma nhà nước II, đại biểu cho thành phố Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, cầm đầu đảng đoàn phái lao động trong Đu-ma, là ủy viên tiểu ban nông nghiệp. Tác giả một số cuốn sách viết về vấn đề nông dân ("Đảng và nông dân trong Đu-ma nhà nước", "Những hứa hẹn của chính phủ về vấn đề ruộng đất và những yêu

sách của các đại biểu nông dân", "Những đạo luật mới về ruộng đất"). Ông đã bị bọn Trăm đen giết chết ở Ê-ca-tê-ri-nô-xláp. — 254, 471, 472, 473, 474, 477, 505.

Cau-phman, A. A. (1864 - 1919) — nhà kinh tế học và nhà thống kê tư sản Nga, giáo sư, nhà chính luận; một trong những người tổ chức và lãnh tụ của Đảng dân chủ - lập hiến. Từ 1887 đến 1906, Cau-phman làm việc ở Bộ nông nghiệp và Bộ tài sản quốc gia. Trong cuốn "Di dân và khai khẩn" (1905), đã lược khảo lịch sử chính sách di dân của chính phủ Nga hoàng. Đã tham gia soạn thảo đề án cải cách ruộng đất của Đảng dân chủ - lập hiến, tích cực cộng tác cho tờ "Tin tức nước Nga"; Cau-phman tuyên truyền hòa bình giai cấp giữa nông dân và địa chủ. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đã tham gia công tác ở các cơ quan thống kê trung ương. — 244, 257, 281, 283, 286, 402, 412, 426, 518.

Cau-phman (Kaufman), Ri-sa (1850-1908) — nhà kinh tế học tư sản người Đức, giáo sư giảng dạy kinh tế chính trị học ở A-a-khen, Béc-lanh, Sác-lốt-ten-buóc; có thời gian làm việc trong Bộ tài chính. Cau-phman viết nhiều tác phẩm về kinh tế học và tài chính. — 407.

Cau-xky (Kautsky), Các-lơ (1854 - 1938) — một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội Đức và của Quốc tế II, ban đầu là người mác-xít, sau phản bội lại chủ nghĩa Mác, nhà tư tưởng của một biến dạng nguy hiểm và tai hại nhất của chủ nghĩa cơ hội — chủ nghĩa phái giữa (chủ nghĩa Cau-xky). Tổng biên tập tạp chí lý luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức "Die Neue Zeit" ("Thời mới").

Bắt đầu tham gia vào phong trào xã hội chủ nghĩa từ năm 1874. Hồi đó quan điểm của Cau-xky là một sự hỗn hợp giữa chủ nghĩa Lát-xan, chủ nghĩa Man-tuyt mới và chủ nghĩa vô chính phủ. Năm 1881, Cau-xky làm quen với C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n và do ảnh hưởng của hai ông nên Cau-xky theo chủ nghĩa Mác, song ngay trong thời kỳ ấy, Cau-xky đã tỏ ra dao động ngả nghiêng về phía chủ nghĩa cơ hội, vì vậy C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã phê bình Cau-xky kịch liệt. Trong những năm 80 - 90 của thế kỷ XIX, đã viết một số tác phẩm về các vấn đề lý luận mác-xít: "Học thuyết kinh tế của Các Mác", "Vấn đề ruộng đất", v. v.; những tác phẩm này tuy đã phạm một số sai lầm, nhưng đã đóng vai trò tích cực trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác. Sau này, trong thời kỳ cách mạng phát triển rộng rãi, đã chuyển sang lập trường cơ hội chủ nghĩa. Đã tuyên truyền hệ tư tưởng của phái giữa, nghĩa là chủ nghĩa cơ hội giấu mặt, đòi để bọn cơ hội chủ nghĩa công khai trong đảng.

Trong chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 - 1918, Cau-xky đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh được che giấu bằng những lời nói khuôn sáo về chủ nghĩa quốc tế. Tác giả của thuyết chủ nghĩa siêu đế quốc, mà thực chất phản động của thuyết này đã được Lê-nin bóc trần trong các tác phẩm "Sự phá sản của Quốc tế II", "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản" v. v.. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Cau-xky công khai chống lại cách mạng vô sản và chống chuyên chính vô sản, chống lại Chính quyền xô-viết.

Trong các tác phẩm của mình "Nhà nước và cách mạng", "Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-xky", và trong một số tác phẩm khác, V. I. Lê-nin đã phê phán kịch liệt chủ nghĩa Cau-xky. Vạch rõ mối nguy hại do chủ nghĩa Cau-xky mang lại, năm 1915 trong bài báo "Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh" V. I. Lê-nin đã viết: "Giai cấp công nhân không thể làm tròn vai trò cách mạng thế giới của mình, nếu không tiến hành đấu tranh thẳng tay chống sự phản bội đó, lập trường thiếu bản lĩnh, thái độ bợ đỡ đối với chủ nghĩa cơ hội, và sự tâm thường hóa chủ nghĩa Mác một cách chưa từng thấy trên lĩnh vực lý luận" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 21, tr. 362). — 84, 88, 99, 101, 103, 134, 157, 229 - 230, 231, 232, 233, 234, 317, 348 - 349, 371, 412, 423, 424, 439, 473, 523, 545.

Chi-e (Thiers), *A-đôn-phơ* (1797 - 1877) — một chính khách tư sản phản động và nhà sử học Pháp; về nghề nghiệp là luật sư. Bắt đầu hoạt động chính trị vào cuối những năm 20 thế kỷ XIX với tư cách là đại diện của phái đối lập tư sản - tự do chủ nghĩa. Sau Cách mạng tư sản tháng Sáu 1830 giữ nhiều cương vị bộ trưởng, đứng đầu chính phủ. Năm 1834 là kẻ tổ chức việc đàn áp dã man các cuộc khởi nghĩa cộng hòa ở Li-ông và Pa-ri. Trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai (1848 - 1851), Chi-e là một trong những người cầm đầu "Đảng trật tự" phản cách mạng. Sau khi Đế chế thứ hai sụp đổ (4 tháng Chín 1870), Chi-e là một trong những người lãnh đạo thực tế chính phủ phản động, ngày 17 tháng Hai 1871, y cầm đầu chính phủ đó. Theo lệnh của Chi-e, người ta đã tiến hành tước vũ khí đội cận vệ quốc gia Pa-ri, điều đó gây ra cuộc khởi nghĩa ngày 18 tháng Ba 1871. Là một trong những kẻ tổ chức chủ yếu cuộc nội chiến và cuộc đàn áp Công xã Pa-ri. Vai trò của Chi-e trong lịch sử Pháp được C. Mác đánh giá tởm trong tác phẩm "Nội chiến ở Pháp" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Tuyển tập, gồm hai tập, tiếng Nga, t. 1, 1955, tr. 461 - 467). — 533.

Clát-xôn, *R. E. (C.)* (1868 - 1926) — kỹ sư nổi tiếng của ngành điện. Trong những năm 90 của thế kỷ XIX là "nhà mác-xít hợp pháp", tham gia tiểu tổ mác-xít ở Pê-téc-bua. Sau đó từ bỏ hoạt động chính trị và chuyên chế kỹ thuật điện. Nhiều nhà máy điện ở Nga đã được xây dựng theo thiết kế của Clát-xôn và dưới sự chỉ đạo của ông, trong số đó có nhà máy điện đầu tiên trên thế giới chạy bằng nhiên liệu than bùn. Ông đã đề nghị dùng phương pháp khai thác than bùn bằng thủy lực, phương pháp này đã được ứng dụng thực sự sau cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười nhờ sự ủng hộ nhiệt tình của V. I. Lê-nin. Tham gia tích cực vào việc chuẩn bị kế hoạch GOELRO, là giám đốc nhà máy điện số 1 Mát-xcơ-va. — 119.

Clê-măng-xô (Clemenceau), *Gioóc-giơ Băng-gia-manh* (1841 -1929) — nhà hoạt động chính trị và nhà nước Pháp, trong nhiều năm là thủ lĩnh Đảng cấp tiến. Bắt đầu hoạt động chính trị là người theo phái cộng hòa cánh tả, có thái độ thù địch với đế chế Na-pô-lê-ông III. Trong những ngày Công xã Pa-ri 1871, là quận trưởng một quận ở Pa-ri, cố gắng dung hòa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản. Trong suốt những năm sau đó, tham gia hoạt động thị chính, được bầu làm thị trưởng tòa thị chính Pa-ri, năm 1876 — nghị sĩ Hạ nghị viện Pháp. Từ những năm 80 thế kỷ XIX — một trong những người lãnh đạo phái cấp tiến. Năm 1902 Clê-măng-xô được bầu vào Thượng nghị viện, từ năm 1906 đến 1909 cầm đầu chính phủ Pháp. Để bảo vệ lợi ích của tư bản lớn, Clê-măng-xô đã thực hiện chính sách đàn áp dã man giai cấp công nhân. V. I. Lê-nin đã viết rằng "Clê-măng-xô, tên cấp tiến đại diện cho bọn tư bản để cai trị nước Pháp, đặc biệt sốt sắng tìm cách xóa bỏ khỏi đầu óc của giai cấp vô sản những dấu vết cuối cùng của những ảo tưởng cộng hòa tư sản. Quân đội theo lệnh của chính phủ "cấp tiến" bắn vào công nhân, — dưới thời Clê-măng-xô, hiện tượng đó xảy ra hầu như thường xuyên hơn trước" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 17, tr. 162). Trước chiến tranh thế giới thứ nhất, đã đoạn tuyệt với Đảng cấp tiến. Trong thời kỳ chiến tranh, là một tên sô-vanh cuồng nhiệt. Từ tháng Mười một 1917, Clê-măng-xô lại cầm đầu chính phủ Pháp, thi hành chế độ chuyên chế quân phiệt trong nước. Là một trong những tên tổ chức và cổ vũ cuộc can thiệp vũ trang chống nước Nga xô-viết, ủng hộ bọn phản cách mạng Nga, tìm cách thực hiện việc "bao vây kinh tế" và bóp chết nước Cộng hòa xô-viết. Năm 1919, tại Hội nghị hòa bình Pa-ri, Clê-măng-xô đã bảo vệ lợi ích của bọn đế quốc Pháp, nhưng không đạt

được hoàn toàn mục đích của hắn. Năm 1920 bị thất bại trong cuộc bầu cử tổng thống và y đã từ bỏ hoạt động chính trị. — 160.

Cô-cô-skin, Ph. Ph. (1871 - 1918) — nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận tư sản; phó giáo sư Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va, phụ trách khoa pháp luật nhà nước. Là một trong những người sáng lập Đảng dân chủ - lập hiến, ủy viên Ban chấp hành trung ương của đảng này; đại biểu của tỉnh Mát-xcơ-va trong Đu-ma nhà nước I. Từ năm 1907 là cộng tác viên tích cực của các cơ quan ngôn luận của phái tự do: báo "Tin tức nước Nga", và các tạp chí "Pháp quyền", "Tư tưởng Nga" v. v.. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, Cô-cô-skin là bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, y hoạt động ráo riết chống Chính quyền xô-viết. — 276, 456.

Cô-cốp-txốp, V. N. (1853 - 1943) — một trong những nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng của nước Nga Nga hoàng. Từ năm 1904 đến 1914 (có thời gian gián đoạn không lâu vào những năm 1905 - 1906) là bộ trưởng Bộ tài chính, từ năm 1911, sau khi Xtô-lư-pin bị giết chết, kiêm chức chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, Cô-cốp-txốp là tên xoay sở lớn về ngân hàng. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, là một phần tử bạch vệ lưu vong. — 569.

Cô-gan — xem Cô-gan - Gri-nê-vích, M. G.

Cô-gan - Gri-nê-vích, M. G. (sinh năm 1874) — đảng viên dân chủ - xã hội, thuộc phái men-sê-vích, một trong những nhà hoạt động trong phong trào công đoàn. Tham gia vào hoạt động của tổ chức cơ hội chủ nghĩa "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài", trong những năm 1900 - 1902, cộng tác với tờ "Tư tưởng công nhân". Sau khi Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga bị phân liệt, đi theo phái men-sê-vích. Trong những năm 1906 - 1908 cộng tác với tờ báo tư sản "Đồng chí" — cơ quan ngôn luận của những người dân chủ - lập hiến cánh tả. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, làm công tác công đoàn. — 171.

Cô-xtơ-rốp — xem Gioóc-đa-ni, N. N.

Cô-va-len-cô, I. M. (1847 - 1914) — đại biểu của tỉnh Cốp-nô trong Đu-ma nhà nước III, là người phụ trách phòng kiểm tra ở Cốp-nô, thuộc phái Trăm đen. Trong Đu-ma tham gia tiểu ban ngân sách và tiểu ban bất khả xâm phạm về thân thể. — 570.

Cốt-li-a-rép-xki, X. A. (1873 - 1940) — giáo sư, nhà chính luận, một trong những người thành lập và là ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - lập hiến. Đại biểu của tỉnh Xa-ra-tốp trong Đu-ma nhà nước I. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là ủy viên Chính phủ lâm thời tư sản phụ trách vấn đề không thuộc chính giáo và vấn đề dị giáo, và từ tháng Bảy 1917 — là phó giám sát tối cao thánh vụ viện và thứ trưởng Bộ các tôn giáo. Sau cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, tham gia các tổ chức phản cách mạng khác nhau. Năm 1920 bị truy tố trước toà án về vụ gọi là "Trung tâm chiến thuật", bị kết án treo 5 năm tù. Sau này làm việc ở Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va. — 276.

Crây-txơ-béc, I-a. C. (1864 - 1948) — đại biểu của tỉnh Cuốc-li-an-đi-a trong Đu-ma nhà nước I, đảng viên dân chủ - lập hiến, trạng sư. Từ năm 1890 làm nghề luật. Từ năm 1901, tổng biên tập các báo tư sản Lát-vi-a: "Vårds" ("Lời nói") và "Dzimtene" ("Tổ quốc"); người sáng lập và lãnh đạo nhiều hội ở Lát-vi-a. Trong Đu-ma, tham gia tiểu ban ruộng đất. Năm 1917 được bầu vào Hội đồng ruộng đất tỉnh Cuốc-li-an-đi-a. Từ năm 1918 đến 1920 công tác ở Ki-ép phụ trách những người lãnh nạn Lát-vi-a. Từ năm 1921 — công chứng viên ở Ri-ga. Năm 1944, trong thời gian giải phóng Lát-vi-a khỏi bọn xâm lược Đức, đã lưu vong ra nước ngoài. — 495.

Cri-ghê (Kriege), Héc-man (1820 - 1850) — nhà báo Đức, người đại diện cho cái gọi là "chủ nghĩa xã hội chân chính" của giai cấp tiểu tư sản. Vào nửa sau những năm 40 của thế kỷ XIX cầm đầu nhóm "những người xã hội chủ nghĩa chân chính" Đức ở Niu-oóc. Cri-ghê xuất bản tạp chí "Volks - Tribun" ("Diễn đàn nhân dân"), trên các trang của tạp chí đó, đã tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản "tôn giáo - đạo đức" thiên chúa giáo của Vai-tlinh. Trong vấn đề ruộng đất Cri-ghê lên tiếng chống lại quyền sở hữu ruộng đất và tuyên truyền việc sử dụng binh quân ruộng đất. Trong tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghen "Thông tư chống lại Cri-ghê" đã có đánh giá và nhận xét về những quan điểm của Cri-ghê (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 4, tr. 1 - 16) và trong bài báo của V. I. Lê-nin "Mác bàn về phong trào "chia đều ruộng đất" ở Mỹ" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 10, tr. 62 - 70). — 317, 326.

Cru-pen-xki, P. N. (sinh năm 1863) — đại biểu của tỉnh Bét-xa-ra-bi-a trong Đu-ma nhà nước II, III và IV, là đại địa chủ, thủ lĩnh của giới quý tộc huyện Khô-tin. Trong Đu-ma nhà nước III, là một

trong những người thành lập đảng của những người dân tộc chủ nghĩa, trong Đu-ma IV — thủ lĩnh của đảng phái giữa, ủy viên trong các tiêu ban ruộng đất, ngân sách v. v.; có những bài phát biểu mặt sát chống lại các đảng cánh tả. Từ năm 1910 đến 1917 là một đại thần trong triều đình. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, giúp vào cuộc can thiệp vũ trang của nước ngoài tại miền Nam nước Nga. — 451, 459.

Cru-sê-van, P. A. (1860 - 1909) — nhà chính luận phản động, người xuất bản tờ báo Trăm đen "Người Bét-xa-ra-bi-a" và tổng biên tập tờ báo bài Do-thái "Người bạn", người tổ chức vụ tàn sát ở Ki-si-nép (1903) và là một trong những kẻ cầm đầu tổ chức Trăm đen "Liên minh nhân dân Nga"; đại biểu của thành phố Ki-si-nép trong Đu-ma nhà nước II. — 48.

Cu-ghen-man (Kugelman), *Lút-vích* (1830 - 1902) — đảng viên dân chủ - xã hội Đức, bạn của Mác, người tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, ủy viên của Quốc tế I. Cu-ghen-man là đại biểu tại các đại hội Lô-da-nơ (1867) và La Hay (1872) của Quốc tế, đã giúp cho việc xuất bản và phổ biến bộ "Tư bản" của Mác. Từ năm 1862 đến 1874 đã trao đổi thư từ với C. Mác, thông báo cho Mác biết tình hình công việc ở Đức. Những bức thư của Mác gửi Cu-ghen-man lần đầu tiên được in vào năm 1902 trên tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới"); năm 1907 những bức thư này được dịch và xuất bản bằng tiếng Nga kèm theo lời tựa của V. I. Lê-nin. — 30.

Cu-xcô-va, E. Đ. (E. C) (1869 - 1958) — nhà hoạt động xã hội và nhà chính luận tư sản. Vào giữa những năm 90 của thế kỷ XIX, trong khi ở nước ngoài, đã xích gần lại với nhóm "Giải phóng lao động", nhưng sau đó ít lâu, do ảnh hưởng của chủ nghĩa Béc-stanh, đã đi vào con đường xét lại chủ nghĩa Mác. Văn kiện do Cu-xcô-va viết theo tinh thần chủ nghĩa Béc-stanh, lấy tên là "Credo", đã thể hiện rõ nhất bản chất cơ hội chủ nghĩa của "chủ nghĩa kinh tế", và gây nên sự chống đối kịch liệt của nhóm mác-xít Nga, đứng đầu là V. I. Lê-nin (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcô-va, t. 4, tr. 207 - 224). Ngay trước khi nổ ra cuộc cách mạng 1905 - 1907, Cu-xcô-va đã gia nhập "Hội liên hiệp giải phóng" của phái tự do. Năm 1906 cùng với X. N. Prô-cô-pô-vích xuất bản tạp chí nửa dân chủ - lập hiến "Vô đề", cộng tác tích cực với tờ báo "Đồng chí" của bọn dân chủ - lập hiến cánh tả. Cu-xcô-va kêu gọi công nhân từ bỏ đấu tranh cách mạng, tìm cách đặt

phong trào công nhân dưới sự lãnh đạo chính trị của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Cu-xcô-va chống lại những người bôn-sê-vích. Năm 1922 bị trục xuất ra nước ngoài, ở đây đã hoạt động tích cực trong hàng ngũ bạch vệ lưu vong. — 48, 146, 187, 198, 235.

Cút-le, N. N. (1859 - 1924) — nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng dân chủ - lập hiến; làm việc ở Bộ tài chính, cục trưởng Cục thuế vụ, sau đó là bộ trưởng Bộ nông nghiệp và quy hoạch đồng ruộng. Đại biểu của thành phố Pê-téc-bua trong Đu-ma nhà nước II và III, một trong những tác giả của dự thảo cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - lập hiến. V. I. Lê-nin đã phê phán cặn kẽ bản dự thảo này và lập trường của Cút-le trong các tác phẩm của mình: "Dự thảo diễn văn về vấn đề ruộng đất đọc tại Đu-ma nhà nước II" và "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcô-va, t. 15, tr. 164 - 175 và tập này). Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Cút-le công tác ở Bộ dân ủy tài chính. Từ năm 1922, là ủy viên ban lãnh đạo Ngân hàng nhà nước Liên-xô. — 276, 278, 327, 451, 452, 456, 458, 473, 488, 496, 505, 508.

D

Di-min, Đ. L. (sinh năm 1867) — đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng, xuất thân là nông dân. Làm giáo viên nhân dân ở tỉnh Ca-dan, về sau làm hiệu trưởng trường tiểu học ở Xim-biéc-xcơ. Đại biểu của tỉnh Xim-biéc-xcơ trong Đu-ma nhà nước II, là ủy viên tiểu ban ngân sách. Năm 1917 được bầu làm ủy viên Ban chấp hành trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Năm 1919 — ủy viên Hội đồng và là người phụ trách công việc của "đội quân tình nguyện" bạch vệ. — 459.

Din-gơ (Singer), *Pôn* (1844 - 1911) — một trong những lãnh tụ của Đảng dân chủ - xã hội Đức, bạn chiến đấu của A. Bê-ben, V. Liép-nếch, nhà hoạt động nổi tiếng của cánh mác-xít trong Quốc tế II. Từ năm 1887 ông là ủy viên Ban lãnh đạo của Đảng dân chủ - xã hội Đức, từ năm 1890 (sau Đại hội Han-lơ) ông là chủ tịch Ban lãnh đạo của đảng. Từ năm 1884 đến 1911 — đại biểu Quốc hội Đức và là chủ tịch đảng đoàn dân chủ - xã hội. Từ năm 1900, là ủy viên Cục Quốc tế xã hội chủ nghĩa, thuộc cánh tả, mác-xít. Din-gơ là kẻ thù của chủ nghĩa cơ hội trong hàng ngũ của Đảng công nhân Đức,

và cho đến cuối đời mình ông vẫn là người thực hiện triệt để đường lối dân chủ - xã hội cách mạng. V. I. Lê-nin đánh giá cao Din-gơ, coi ông là chiến sĩ đấu tranh không điều hoà vì sự nghiệp của giai cấp vô sản. — 234.

Doóc-ghê (Sorge), *Phri-đrich A-đôn-phơ* (1828 - 1906) — nhà xã hội chủ nghĩa Đức, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa quốc tế, là bạn và bạn chiến đấu của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen. Người tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức. Sau khi cách mạng bị thất bại, sang Thụy-sĩ sống lưu vong, sau đó (1852) — sang Mỹ. Người tổ chức ra các phân bộ của Quốc tế I ở Mỹ, thư ký của Hội đồng trung ương Quốc tế I (1872 - 1874). Doóc-ghê tham gia tích cực vào việc sáng lập Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Mỹ và Liên đoàn công nhân quốc tế. Doóc-ghê là tác giả của cuốn "Phong trào công nhân ở Hợp chủng quốc Bắc Mỹ", viết nhiều bài in chủ yếu trên tạp chí của Đảng dân chủ - xã hội Đức "Die Neue Zeit" ("Thời mới"); đã soạn thảo để đưa in những thư từ của mình trao đổi với C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen và những người khác. Lê-nin đánh giá cao hoạt động của Doóc-ghê, coi ông là một chiến sĩ lão thành của Quốc tế I. — 98, 429.

Dô-lô-ta-rép, *A. M.* (1853 - 1912) — giáo sư - nhà thống kê của Học viện Ni-cô-la-ép thuộc Bộ tổng tham mưu, giám đốc Ủy ban thống kê trung ương, một viên tướng. Dô-lô-ta-rép lập bản thống kê về tình hình sở hữu ruộng đất năm 1905 trong năm mươi tỉnh của phần nước Nga thuộc châu Âu. Là người phản đối việc chuyển nhượng cưỡng bức ruộng đất của địa chủ. — 260.

Dôm-bác-nơ (Sombart), *Véc-nơ* (1863 - 1941) — nhà kinh tế học tư sản tâm thường của Đức, nhà tư tưởng nổi tiếng của chủ nghĩa đế quốc Đức. Giáo sư Trường đại học tổng hợp Bre-xlau, về sau là giáo sư của Trường đại học tổng hợp Béc-ling. Trong bước đầu hoạt động của mình, Dôm-bác-nơ là một trong những nhà tư tưởng tiêu biểu cho "chủ nghĩa tự do - xã hội, được tô phớt màu mác-xít" (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, xuất bản lần thứ 5, t. 21, tr. 301). Về sau y trở thành kẻ thù công khai của chủ nghĩa Mác, miêu tả chủ nghĩa tư bản như một hệ thống kinh tế cân đối. Những năm cuối đời, y chuyển sang lập trường của chủ nghĩa phát-xít và ca tụng chế độ Hít-le. Những tác phẩm chủ yếu của Dôm-bác-nơ: "Chủ nghĩa xã hội và phong trào xã hội trong thế kỷ XIX" (1896), "Chủ nghĩa tư bản hiện đại" (1902) v. v.. — 30.

Dúp-tsen-cô, *G. L.* (sinh năm 1859) — nông dân, lý trưởng, đi theo

Đảng dân chủ - lập hiến; đại biểu của tỉnh Ki-ép trong Đu-ma nhà nước I. Đã ký vào bản "dự án của 33 người" về ruộng đất, do phái lao động đưa ra Đu-ma I. — 307.

Duy-đơ-cum (Südekum), *An-béc* (1871 - 1944) — một trong những thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa của Đảng dân chủ - xã hội Đức, một phân tử xét lại. Từ năm 1900 đến năm 1918 là đại biểu Quốc hội Đức. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất là một phân tử xã hội - số-vanh ra mặt. Đã tuyên truyền những quan điểm đế quốc chủ nghĩa về vấn đề thuộc địa, đấu tranh chống lại phong trào cách mạng của giai cấp công nhân. Trong những năm 1918 - 1920 — bộ trưởng Bộ tài chính Phổ. Trong một số tác phẩm của mình, V. I. Lê-nin đã kịch liệt chống lại Duy-đơ-cum, gọi hắn và bọn đồng lõa là một phường "tay sai hèn mạt của Đức hoàng và giai cấp tư sản". "Từ "Duy-đơ-cum", — Lê-nin viết, — đã trở thành danh từ chung để chỉ kiểu người cơ hội chủ nghĩa tự mãn và vô sỉ và kiểu người xã hội - số-vanh" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 21, tr. 125). — 590, 593.

Đ

Đa-vít (David), *Ê-đua* (1863 - 1930) — một trong những thủ lĩnh cánh hữu trong Đảng dân chủ - xã hội Đức, về nghề nghiệp là nhà kinh tế học. Năm 1894, là ủy viên trong tiểu ban chuẩn bị cương lĩnh ruộng đất của đảng, đứng trên lập trường xét lại học thuyết của Mác về vấn đề ruộng đất, đã chứng minh tính chất vững chắc của nền kinh tế tiểu nông dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Là một trong những người sáng lập tạp chí của bọn cơ hội chủ nghĩa Đức là tờ "Sozialistische Monatshefte" ("Nguyệt san xã hội chủ nghĩa"). Năm 1903, đã cho in cuốn "Chủ nghĩa xã hội và nền kinh tế nông nghiệp" mà V. I. Lê-nin đã gọi là "tác phẩm chính của chủ nghĩa xét lại trong vấn đề ruộng đất". Từ năm 1903, Đa-vít là đại biểu Quốc hội Đức. Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, là phân tử xã hội - số-vanh. Năm 1919 đã tham gia chính phủ liên hiệp đầu tiên của nước Cộng hoà Đức, trong những năm 1919 - 1920 Đa-vít là bộ trưởng Bộ nội vụ, trong những năm 1922 - 1927 — đại diện của chính phủ ở Ghét-xen; đã ủng hộ các ý đồ phục thù của chủ nghĩa đế quốc Đức, y là kẻ thù của Liên-xô. V. I. Lê-nin đánh giá Đa-vít như là phân tử cơ hội chủ nghĩa mà "suốt đời chuyên dùng tư tưởng tư sản để hủ hoá phong trào công nhân" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 21, tr. 310). — 84.

Đan (Guốc-vích), Ph. I. (1871 - 1947) — một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích, về nghề nghiệp là bác sĩ. Đã tham gia phong trào dân chủ - xã hội từ những năm 90 của thế kỷ XIX, tham gia "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" ở Pê-téc-bua. Đã nhiều lần bị bắt và bị đày. Tháng Chín 1903 bỏ chạy ra nước ngoài, ở đó đã gia nhập phái men-sê-vích. Đan đã tham dự Đại hội IV (Đại hội thống nhất), Đại hội V (ở Luân-đôn) của đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và nhiều hội nghị khác. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, Đan đã đứng đầu nhóm thủ tiêu ở nước ngoài, chủ biên tờ báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội". Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, là phần tử vệ quốc. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 — ủy viên Ban chấp hành Xô-viết Pê-tơ-rô-grát, ủy viên Đoàn chủ tịch Ban chấp hành trung ương các Xô-viết khoá thứ nhất; đã ủng hộ Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Đan chống lại Chính quyền xô-viết. Đầu năm 1922, bị trục xuất ra nước ngoài vì là kẻ thù không đội trời chung của Nhà nước xô-viết. — 48, 501.

Đê-la-rốp, Đ. I. (sinh năm 1864) — đại biểu của tỉnh Vi-át-ca trong Đu-ma nhà nước II, đảng viên "Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân", kỹ sư canh nông. Người tổ chức ra những hội tín dụng ở tỉnh Vi-át-ca. Trong Đu-ma, Đê-la-rốp là ủy viên trong các tiểu ban tài chính và ruộng đất. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười công tác ở Viện nghiên cứu kinh tế sửa ở Vô-lô-gđa. — 258 - 259, 472.

Đmốp-xki (Dmowski), Rô-man (1864 - 1939) — nhà hoạt động nhà nước Ba-lan, một trong những người sáng lập và lãnh đạo Đảng dân chủ - dân tộc — một đảng dân tộc chủ nghĩa chính của địa chủ và tư sản Ba-lan. Từ năm 1895, ông xuất bản tạp chí "Przeglad Wszehpolski", cơ quan lý luận của Đảng dân chủ - dân tộc. Trong thời kỳ cách mạng Nga lần thứ nhất (1905 - 1907), đã tổ chức ra các toán Trăm đen để đàn áp phong trào cách mạng Ba-lan. Đại biểu của thành phố Vác-sa-va trong Đu-ma nhà nước II và III, là người lãnh đạo đảng đoàn Ba-lan trong Đu-ma (cô-lô - Ba-lan). Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, Đmốp-xki tích cực ủng hộ chế độ Nga hoàng và khối Đồng minh. Năm 1917 Đmốp-xki lãnh đạo Ủy ban dân tộc Ba-lan ở Pa-ri, ủy ban này được khối Đồng minh thừa nhận như là chính phủ lâm thời của Ba-lan; năm 1919 là đại biểu của Ba-lan tại Hội nghị hòa bình ở Pa-ri. Năm 1923, có một thời gian ngắn làm bộ trưởng Bộ ngoại giao trong nội các

Vi-tô-xơ. Đmốp-xki ủng hộ việc thiết lập ở Ba-lan chế độ độc tài phát-xít và tăng cường khủng bố chống lại quần chúng lao động. Là kẻ thù của Liên-xô, tuy thế đã chống lại chính sách đối ngoại phiêu lưu của Pin-xút-xki, thấy nước Đức đế quốc chủ nghĩa là mối nguy chính đối với nước Ba-lan. — 493, 505.

Đôn-gô-ru-cốp, Pa-ven Đm. (1866 - 1930) — công tước, địa chủ lớn, đảng viên dân chủ - lập hiến. Năm 1893 - 1906 — thủ lĩnh của giới quý tộc một huyện ở tỉnh Mát-xcơ-va. Một trong những người sáng lập Đảng dân chủ - lập hiến, là chủ tịch Ban chấp hành trung ương của đảng này trong những năm 1905 - 1911; chủ tịch của đảng đoàn dân chủ - lập hiến trong Đu-ma nhà nước II. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là người tham gia tích cực vào các vụ âm mưu của bọn bạch vệ chống lại Chính quyền xô-viết. Đã bị kết án do hoạt động phản cách mạng. — 48.

Đôn-gô-ru-cốp, Pi-ôt Đm. (1866 - 1945) — công tước, một địa chủ lớn, nhà hoạt động hội đồng địa phương, đảng viên dân chủ - lập hiến. Là chủ tịch cơ quan hành chính của Hội đồng địa phương huyện Xút-gian-xcơ, là người tham dự các đại hội hội đồng địa phương trong những năm 1904 - 1905. Một trong những người tổ chức Đảng dân chủ - lập hiến, là ủy viên Ban chấp hành trung ương của đảng này. Đôn-gô-ru-cốp là đại biểu và phó chủ tịch Đu-ma nhà nước I. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là phần tử bạch vệ lưu vong. — 456.

Đơ - Brúc-ke, L. — xem Brúc-ke, L.

Dru-txơ-ki - Li-u-bê-txơ-ki, I. E. (sinh năm 1861) — công tước, địa chủ, đại biểu của tỉnh Min-xcơ trong Đu-ma nhà nước I, người theo phái tự trị. Là ủy viên của Hội nông nghiệp Min-xcơ, chủ tịch ban lãnh đạo ngân hàng thương mại thành phố Min-xcơ. Từ năm 1903 là ủy viên ủy ban nông nghiệp trực thuộc Bộ nông nghiệp. — 334.

Du-ba-xốp, Ph. V. (1845 - 1912) — tướng tùy tùng, đô đốc hải quân, một trong những tên đầu sỏ của phái phản động thời Nga hoàng, tên đao phủ khát máu đối với cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907. Năm 1905, y lãnh đạo cuộc trấn áp phong trào ruộng đất ở các tỉnh Tséc-ni-gốp, Pôn-ta-va và Cuốc-xcơ. Từ tháng Mười một 1905 — tổng trấn Mát-xcơ-va, đã chỉ huy việc đập tan cuộc khởi nghĩa vũ trang tháng Chạp ở Mát-xcơ-va. Từ năm 1906 là

ủy viên Hội đồng nhà nước, từ năm 1907 — ủy viên Hội đồng quốc phòng. — 19 - 20, 52, 55, 56, 148.

Đu-brô-vin, A. I. (1855 - 1918) — người tổ chức và lãnh đạo "Liên minh nhân dân Nga" của bọn Trăm đen, về nghề nghiệp là bác sĩ. Trong những năm 1905 - 1907 là người cố vũ và tổ chức các cuộc tàn sát và khủng bố những người Do-thái. Đã chỉ đạo biên tập tờ báo bài Do-thái của phái Trăm đen "Ngọn cờ nước Nga". Sau khi "Liên minh nhân dân Nga" bị phân liệt vào năm 1910, Đu-brô-vin tiếp tục lãnh đạo bộ phận của "Liên minh" còn chịu ảnh hưởng của y. — 48.

Đuốc-nô-vô, P. N. (1844 - 1915) — một trong những nhân vật hoạt động nhà nước phản động nhất của nước Nga Nga hoàng. Trong những năm 1884 - 1893 là giám đốc Cục cảnh sát; trong những năm 1900 - 1905 — thứ trưởng Bộ nội vụ. Tháng Mười 1905 được cử làm bộ trưởng Bộ nội vụ, thi hành những biện pháp tàn bạo để tiêu diệt cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất, cố vũ những tổ chức Trăm đen thực hiện những cuộc tàn sát cướp phá. Từ năm 1906 — ủy viên Hội đồng nhà nước. — 451.

E

E. C. — xem Cu-xcô-va, E. Đ.

E. P. — xem Pi-mê-nô-va, E. C.

Éc-sốp, P. A. (sinh năm 1878) — đại biểu của tỉnh Ca-dan trong Đu-ma nhà nước I. Người vẽ các đồ án trong nhà máy chế tạo thuốc nổ ở Ca-dan. Trong Đu-ma đã đi theo phái dân chủ - xã hội, tham gia tiểu ban điều hành và các tiểu ban khác. Năm 1908 — một trong những người lãnh đạo Đảng dân chủ - lập hiến ở Ca-dan. — 307.

Éc-vê (Hervé), Guy-xta-vơ (1871 - 1944) — đảng viên Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp, nhà chính luận và trạng sư. Năm 1906, ông sáng lập tờ báo "La Guerre Sociale" ("Chiến tranh xã hội"), trên báo đó đã tuyên truyền cương lĩnh đấu tranh nửa vô chính phủ chủ nghĩa chống chủ nghĩa quân phiệt. Tại Đại hội Stút-ga của Quốc tế II (1907) đã kiên trì quan điểm đó và đề nghị dùng bãi công và khởi nghĩa để trả lời bất kỳ một cuộc chiến tranh nào. Trong nhiều tác phẩm của mình, V. I. Lê-nin đã vạch trần tính chất tiểu tư sản của chủ nghĩa Éc-vê. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, là một phần tử xã hội - số-vanh cuồng nhiệt. Sau Cách mạng xã hội chủ

nghĩa tháng Mười đã kịch liệt chống nước Nga xô-viết và những người bôn-sê-vích. Năm 1918 bị khai trừ khỏi Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Trong những năm 30 của thế kỷ XIX là người ủng hộ chủ trương nước Pháp xích lại gần nước Đức phát-xít. — 89 - 90, 106, 107, 108, 111 - 112.

En-đác-kha-nốp, T. E. (sinh năm 1870) — đại biểu của vùng Tê-rếch trong Đu-ma nhà nước I và II, tham gia đảng đoàn của những người Hồi giáo, về nghề nghiệp là giáo viên. Năm 1920 là chủ tịch Ban chấp hành khu Grô-dơ-nui (Tsê-tsên), năm 1921 là thành viên trong đoàn đại biểu miền núi trực thuộc Bộ dân ủy dân tộc nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga phụ trách việc soạn thảo hiến pháp nước Cộng hòa xô-viết miền núi. Năm 1922 — thứ trưởng Bộ dân ủy giáo dục nước Cộng hòa miền núi. Năm 1923 — chủ tịch Ủy ban cách mạng tỉnh Tsê-tsên. — 498.

Ép-lô-ghi (Ghê-oóc-ghi-ép-xki, V.) (sinh năm 1668) — một tên bảo hoàng, tên phản động cực đoan, một trong những kẻ lãnh đạo "Liên minh nhân dân Nga" của bọn Trăm đen. Từ năm 1902 là giám mục tỉnh Li-u-blin. Đại biểu dân cư theo chính thống giáo các tỉnh Li-u-blin và Xết-lê-txơ trong Đu-ma nhà nước II và III. Năm 1914 được chỉ định là tổng giám mục tỉnh Vô-lum. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là một trong những kẻ cầm đầu bọn bảo hoàng lưu vong. — 493.

Ép-rê-i-nốp, V. V. (sinh năm 1867) — đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng, đại biểu của tỉnh A-xtơ-ra-khan trong Đu-ma nhà nước II. Làm thư ký của chi nhánh A-xtơ-ra-khan của hội đấu hỏa "Hội anh em Nô-ben". Là ủy viên tiểu ban ruộng đất trong Đu-ma. — 453 - 454, 456.

G

Ga-vrin-tích, A. A. (sinh năm 1880) — nông dân, đại biểu của tỉnh Min-xơ trong Đu-ma nhà nước II; đã ngã theo cánh hữu. Trong Đu-ma, ông tham gia tiểu ban xem xét các dự luật về giáo dục quốc dân. — 493.

Gây-đen, P. A. (1840 - 1907) — bá tước, địa chủ lớn, nhà hoạt động hội đồng địa phương, đảng viên Đảng tháng Mười. Từ năm 1895 là thủ lĩnh giới quý tộc huyện trong tỉnh Pơ-xcốp. Năm 1904 -

1905 tham gia tích cực phong trào hội đồng địa phương. Nấp dưới lá cờ chủ nghĩa tự do, Gây-đen ra sức tập hợp giai cấp tư sản và địa chủ trong cuộc đấu tranh chống phong trào cách mạng đang lên. Sau Đạo dụ của Nga hoàng ngày 17 tháng Mười 1905, Gây-đen công khai chuyển sang phe phản cách mạng. Trong Đu-ma nhà nước I, cầm đầu nhóm những đại biểu cánh hữu. Sau khi Đu-ma giải tán, Gây-đen là một trong những người tổ chức ra đảng tư sản "canh tân hòa bình". — 47 - 57, 276, 456.

Ghe-đơ (Guesde), *Giuy-lơ* (*Ba-di-lơ*, *Ma-ti-ơ Giuy-lơ*) (1845 - 1922) — một trong những người tổ chức và lãnh đạo phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp và Quốc tế II. Bắt đầu hoạt động chính trị vào nửa cuối của những năm 60 của thế kỷ XIX; đã lên tiếng ủng hộ Công xã Pa-ri 1871, đã buộc phải sống lưu vong. Năm 1876, ông trở về Pháp, do ảnh hưởng của những tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, ông chuyển sang lập trường của chủ nghĩa Mác; năm 1877, là một trong những người sáng lập tờ báo "L'Égalité" ("Bình đẳng"), tờ báo này đã đóng vai trò quyết định trong việc tổ chức vào năm 1879, Đảng công nhân Pháp, một chính đảng độc lập đầu tiên của giai cấp vô sản Pháp. Với sự giúp đỡ của Mác và Ăng-ghe-n, Ghe-đơ đã cùng với La-phác-gơ thảo ra cương lĩnh của đảng, được thông qua tại Đại hội Ha-vrơ (1880). Ghe-đơ đã đóng góp rất nhiều trong việc truyền bá những tư tưởng của chủ nghĩa Mác và trong việc phát triển phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp; một vài lần ông được bầu làm thượng nghị sĩ. Năm 1904, Lê-nin đánh giá Ghe-đơ như là một trong những đại biểu triệt để nhất và kiên quyết nhất của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế.

Nhưng khi chống lại chính sách của những người xã hội chủ nghĩa cánh hữu, Ghe-đơ đã phạm phải những sai lầm có tính chất bè phái trong các vấn đề lý luận cũng như các vấn đề sách lược: không đánh giá hết vai trò của đảng trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, giữ lập trường sai lầm về vấn đề thái độ của giai cấp vô sản đối với chiến tranh. Khi cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất bắt đầu, Ghe-đơ đã phản bội lại lợi ích của công nhân, đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh, tham gia chính phủ tư sản. Lê-nin viết: "Chúng ta sẽ nói với công nhân rằng, các bạn hãy lấy làm gương toàn bộ cuộc đời của Ghe-đơ, không kể việc ông ta công nhiên phản bội chủ nghĩa xã hội, hồi năm 1914" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 21, tr. 131). Ghe-đơ không hiểu ý nghĩa của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, không đi theo phái đa số trong Đại hội

Tua của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp (1920), tức là phái quyết định gia nhập Quốc tế cộng sản. — 90, 106.

Ghéc-su-ni, *G. A.* (1870 - 1908) — một trong những người sáng lập và thủ lĩnh Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, người tổ chức và lãnh đạo nhóm chiến đấu của đảng này, ủy viên Ban chấp hành trung ương của đảng này. Trong những năm 1902 - 1903 tổ chức nhiều cuộc khủng bố, đã bị bắt và bị kết án tử hình, về sau chuyển thành án chung thân. Năm 1905 bị đày đi Xi-bi-ri, từ Xi-bi-ri trốn ra nước ngoài năm 1906. Năm 1907 tham gia đại hội của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng ở Tam-méc-pho, tại đó đã lên tiếng tán thành việc lập khối với Đảng dân chủ - lập hiến. — 205 - 206, 550.

Ghéc-txen-stanh, *M. I-a.* (1859 - 1906) — nhà kinh tế học tư sản, giáo sư Trường đại học nông nghiệp Mát-xcơ-va, một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - lập hiến, nhà lý luận của đảng đó về vấn đề ruộng đất. Đại biểu của thành phố Mát-xcơ-va trong Đu-ma nhà nước I. Đã bị những người phái Trăm đen giết ở Phần-lan sau khi Đu-ma bị giải tán. — 478.

Ghéc-đen-man, *M. I-a.* — xem I-a-cô-bi, M.

Ghen-méc-xen, *G. P.* (1803 - 1885) — nhà địa chất học nổi tiếng người Nga, viện sĩ Viện hàn lâm. Từ năm 1865 đến năm 1872 — giám đốc Trường đại học mỏ Pê-téc-bua. Từ năm 1882 — giám đốc Ủy ban địa chất, được lập ra với sự tham gia tích cực của ông. Ông nổi tiếng nhờ những cuộc thăm dò ở U-ran, An-tai và Trung - Á. Năm 1841 ông đã lập ra bản đồ địa chất của phần nước Nga thuộc châu Âu. — 285.

Ghê-oóc-ghi-ép-xki, *V.* — xem Ép-lô-ghi.

Ghê-ra-xi-mốp, *M. N.* (sinh năm 1873) — nông dân, đại biểu của tỉnh Ca-dan trong Đu-ma nhà nước I, đảng viên dân chủ - lập hiến. — 387.

Ghiéc-ni-út, *I. M.* (sinh năm 1876) — nông dân, đại biểu của tỉnh Xu-van-ki trong Đu-ma nhà nước I, thuộc nhóm những người chủ trương tự trị (Cô-lô Ba-lan) — 494.

Gin-kin, *I. V.* (1874 - 1958) — nhà báo, một trong những thủ lĩnh của đảng tiểu tư sản của phái lao động. Là biên tập viên tờ báo "Người U-ran", thư ký của tạp chí "Tuần lễ"; cộng tác với tờ "Tin tức Xanh Pê-téc-bua" sau đó với các báo của phái dân chủ - lập hiến

cánh tả "Đời sống của chúng ta" và "Đồng chí". Năm 1906 được bầu vào Đu-ma nhà nước I với tư cách đại biểu nông dân của tỉnh Xa-ra-tốp. Sau khi Đu-ma nhà nước I bị giải tán, Gin-kin ký vào Lời kêu gọi Vư-boóc-gơ, vì thế đã bị kết án tù ba tháng. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, công tác trong một số cơ quan xô-viết, từ 1925 làm nghề viết báo. — 77 - 78, 192 - 193, 457.

Gioóc-đa-ni-a, N. N. (Cô-xơ-rốp) (1870 - 1953) — đảng viên dân chủ - xã hội, thuộc phái men-sê-vích. Bắt đầu hoạt động chính trị trong những năm 90 của thế kỷ XIX, tham gia nhóm mác-xít đầu tiên ở Gru-di-a "Mê-xa-mê đa-xi", cầm đầu cánh cơ hội chủ nghĩa trong nhóm này. Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, tham dự với tư cách đại biểu không có quyền biểu quyết, đứng về phái "Tia lửa" thiểu số. Sau đại hội, là thủ lĩnh phái men-sê-vích ở Cáp-ca-dơ. Năm 1905, làm chủ biên tờ báo men-sê-vích "Người dân chủ - xã hội" (bằng tiếng Gru-di-a), chống lại sách lược bôn-sê-vích trong cuộc cách mạng dân chủ - tư sản. Năm 1906 là đại biểu Đu-ma nhà nước I. Đã tham gia công việc của Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; tại Đại hội V của đảng (ở Luân-đôn), được bầu làm ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đại biểu của những người men-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, Gioóc-đa-ni-a về hình thức thì gia nhập nhóm men-sê-vích ủng hộ đảng nhưng thực tế lại ủng hộ phái thủ tiêu. Năm 1914 cộng tác với tạp chí "Đấu tranh" của Tô-rốt-xki; trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, là phân tử xã hội - số-vanh. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là chủ tịch Xô-viết đại biểu công nhân ở Ti-phlít. Trong những năm 1918 - 1921, cầm đầu chính phủ men-sê-vích phản cách mạng ở Gru-di-a; từ năm 1921 là một tên bạch vệ lưu vong. — 296, 297, 305, 429, 430.

Gioóc-giơ (George), *Hen-ri* (1839 - 1897) — nhà kinh tế học tiểu tư sản và là nhà chính luận Mỹ. Gioóc-giơ đã nhận định rằng nguyên nhân chủ yếu đưa đến tình trạng nghèo khổ của nhân dân là địa tô, việc tước đoạt ruộng đất của nhân dân. Ông phủ nhận sự đối kháng giữa lao động và tư bản, xem lợi nhuận do tư bản mang lại là quy luật tự nhiên của giới tự nhiên. Ông chủ trương nhà nước tư sản tiến hành quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất và rồi đem phát canh ruộng đất ấy cho các cá nhân. V. I. Lê-nin gọi Gioóc-giơ là "nhà quốc hữu hóa ruộng đất theo quan điểm tư sản". Về sự đánh giá Gioóc-giơ, xem bức thư của Mác gửi Doóc-ghe năm 1881 và

lời tựa của Ph. Ăng-ghe-n viết cho lần xuất bản ở Mỹ tác phẩm "Tình cảnh của giai cấp công nhân ở Anh" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. I, 1937, tr. 286 - 288). — 488.

Giô-re-xơ (Jaurès), *Giăng* (1859 - 1914) — nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp và quốc tế, nhà sử học. Trong những năm 80 của thế kỷ XIX, ông là một người thuộc phái cấp tiến tư sản, về sau gia nhập nhóm "những người xã hội chủ nghĩa độc lập". Năm 1902 Giô-re-xơ và những người ủng hộ ông đã thành lập Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp, năm 1905 đảng này sáp nhập với Đảng xã hội chủ nghĩa ở Pháp và lấy tên là Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Pháp. Trong những năm 1885 - 1889, 1893 - 1898, 1902 - 1914 là nghị sĩ, một trong những thủ lĩnh của đảng đoàn xã hội chủ nghĩa trong nghị viện. Năm 1904 sáng lập và làm chủ biên cho đến cuối đời tờ báo "L'Humanité" ("Nhân đạo"); năm 1920 báo này trở thành cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Pháp. Trong thời kỳ cách mạng 1905 - 1907 ở Nga, ông đón chào cuộc đấu tranh của nhân dân Nga. Giô-re-xơ không ngừng đấu tranh bảo vệ nền dân chủ, các quyền tự do của nhân dân, vì hòa bình, chống áp bức của chủ nghĩa đế quốc và chống các cuộc chiến tranh xâm lược. Ông vững tin rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới hoàn toàn chấm dứt được chiến tranh và chế độ áp bức thuộc địa. Song Giô-re-xơ lại cho rằng chủ nghĩa xã hội chiến thắng không phải bằng con đường đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản mà do kết quả của sự hưng thịnh của tư tưởng dân chủ. Ông xa lạ với tư tưởng chuyên chính vô sản; ông tuyên truyền hòa bình giai cấp giữa kẻ áp bức và người bị áp bức, chia sẻ những ảo tưởng của Pru-đông về hợp tác xã, cho rằng sự phát triển của hợp tác xã trong những điều kiện của chế độ tư bản tuồng như sẽ tạo điều kiện để chuyển dần lên chủ nghĩa xã hội. V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán những quan điểm cải lương của Giô-re-xơ, những quan điểm này đã đẩy Giô-re-xơ vào con đường chủ nghĩa cơ hội.

Cuộc đấu tranh của Giô-re-xơ cho hòa bình, chống lại mối nguy cơ chiến tranh ngày càng gần đã làm cho giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa thù ghét ông. Giô-re-xơ bị một tên tay sai của bọn phản động giết chết trước ngày chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra.

Ông là tác giả của những tác phẩm "Lịch sử của Đại cách mạng Pháp", "Những tư tưởng chính trị và xã hội của châu Âu và cuộc cách mạng vĩ đại" v. v.. — 91.

Giôn — xem Ma-xlốp, P. P.

Giôn-xơ (Jones), *Ri-sa* (1790 - 1855) — nhà kinh tế học tư sản Anh, giáo sư, linh mục. Trong các công trình của mình về kinh tế, Giôn-xơ thể hiện là một nhà tư tưởng của địa chủ Anh, ra sức chứng minh rằng lợi ích của tất cả các giai cấp trong xã hội tư sản là thống nhất với nhau, đồng thời đã bác bỏ những hình thức đấu tranh cách mạng của nông dân nhằm cải thiện tình cảnh của mình. Tuy nhiên, bên cạnh những luận thuyết tầm thường và có tính chất tán dương ấy. Giôn-xơ đã đưa ra một loạt tư tưởng tích cực. C. Mác viết rằng nét nổi bật nhất ngay trong tác phẩm đầu tiên của ông "An Essay on the Distribution of Wealth, and on the Sources of Taxation" ("Kinh nghiệm phân phối của cải và nguồn gốc của thuế khóa") là cái mà "tất cả các nhà kinh tế học Anh chưa đạt được sau ông Giêm-xơ Xtiu-ác, chính là: hiểu biết về sự khác nhau có tính chất lịch sử của các phương thức sản xuất" (C. Mác. "Các học thuyết về giá trị thặng dư ("Tư bản", tập IV)", phần III, Mát-xcơ-va, tr. 377). — 357.

Goóc-nơ, V. — xem Grô-man, V. G.

Gô-lô-vin, Ph. A. (sinh năm 1867) — nhà hoạt động hội đồng địa phương, đảng viên dân chủ - lập hiến. Từ năm 1898 đến 1907 — ủy viên cơ quan hành chính của Hội đồng địa phương tỉnh Mát-xcơ-va, sau đó là chủ tịch của cơ quan này. Là người tham gia các đại hội hội đồng địa phương trong những năm 1904 - 1905. Là một trong những người tổ chức ra Đảng dân chủ - lập hiến. Là chủ tịch của Đu-ma nhà nước II và đại biểu của Đu-ma nhà nước III. Là người tham gia một tờ nhượng lớn về đường sắt. Tháng Ba năm 1917 — ủy viên của chính phủ lâm thời tư sản phụ trách Bộ hoàng cung. — 483.

Gô-rê-mư-kin, I. L. (1839 - 1917) — nhà hoạt động nhà nước của nước Nga Nga hoàng, một trong những đại biểu điển hình của chế độ quan liêu phản động, một phần tử bảo hoàng ra mặt. Trong những năm 1895 - 1899, là bộ trưởng Bộ nội vụ, thực hành chính sách phản động, nhằm làm suy yếu và thủ tiêu những cải cách trong những năm 60 của thế kỷ XIX (cái gọi là chính sách chống cải cách); đã đàn áp dã man phong trào công nhân. Là chủ tịch Hội đồng bộ trưởng từ tháng Tư đến tháng Tám 1906 và từ tháng Giêng 1914 đến tháng Giêng 1916. — 52.

Gráp-xki, (Grabski), V. Ph. (1874 - 1939) — nhà hoạt động nhà nước Ba-lan, một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - dân tộc —

đảng chủ yếu theo chủ nghĩa dân tộc của bọn địa chủ và tư sản Ba-lan; là điển chủ. Đại biểu của tỉnh Vác-sa-va trong Đu-ma nhà nước I, II và III. Năm 1918 là bộ trưởng Bộ nông nghiệp Ba-lan. Trong những năm sau đó là bộ trưởng Bộ tài chính, nhiều lần cầm đầu chính phủ Ba-lan. Sau cuộc đảo chính phát-xít của Pin-xút-xki năm 1926, Gráp-xki thôi hoạt động chính trị. — 493.

Grin-béc, V. Đ. — xem Mê-đem, V. Đ.

Grô-man, V. G. (Goóc-nơ, V.) (sinh năm 1874) — đảng viên dân chủ - xã hội, thuộc phái men-sê-vích. Tác giả của một trong những dự thảo cương lĩnh ruộng đất được đưa ra Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; đã tham gia biên tập tạp chí men-sê-vích "Sự nghiệp của chúng ta". Trong những năm thống trị của thế lực phản động — người theo phái thủ tiêu, đã cộng tác với tờ báo dân chủ - lập hiến cánh tả "Đồng chí". Trên báo ấy đã tuyên truyền chính sách lập khối với những người dân chủ - lập hiến, từ bỏ những khẩu hiệu cách mạng v. v.. Từ đầu cuộc Cách mạng tháng Hai 1917, Grô-man phụ trách công tác lương thực ở Pê-tơ-rô-grát. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đã làm công tác hành chính - kinh tế trong mấy năm. Năm 1931, do hoạt động phản cách mạng nên đã bị xử án. — 66, 67 - 68, 69 - 70, 71 - 72, 75, 79, 80, 146, 171, 311, 328 - 329, 392.

Gru-đin-xki, P. Ph. (sinh năm 1878) — nông dân, đại biểu của tỉnh Min-xcơ trong Đu-ma nhà nước II, ngã theo cánh hữu. Gru-đin-xki là ủy viên tiểu ban về chất vấn và tiểu ban xét dự luật về cải tổ tòa án địa phương trong Đu-ma. — 493.

Gu-rê-vích, E. L. (Xmiéc-nốp, E.) (sinh năm 1865) — nhà chính luận, trước năm 1890 — người theo phái "Dân ý", sau đó đi theo những người dân chủ - xã hội; sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, là đảng viên men-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị, Gu-rê-vích là người thuộc phái thủ tiêu, cộng tác với tờ báo của những người dân chủ - lập hiến cánh tả "Đồng chí". — 48, 146.

Gu-txơ-cốp, A. I. (1862 - 1936) — một tên đại tư bản, là kẻ tổ chức và thủ lĩnh Đảng tháng Mười. Trong thời kỳ cách mạng 1905 - 1907, chống phá mạnh mẽ phong trào cách mạng, ủng hộ chính sách của chính phủ đàn áp không thương tiếc đối với giai cấp công nhân và nông dân. Trong những năm thế lực phản động thống trị là chủ tịch Ủy ban quốc phòng và chủ tịch Đu-ma nhà nước III.

Trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), là chủ tịch của Ủy ban công nghiệp - quân sự trung ương và ủy viên của Hội đồng đặc trách quốc phòng. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 — bộ trưởng Bộ chiến tranh và hàng hải trong thành phần đầu tiên của Chính phủ lâm thời tư sản, ủng hộ đường lối tiếp tục chiến tranh "cho đến thắng lợi cuối cùng". Tháng Tám 1917, tham gia tổ chức cuộc phản loạn của Coóc-ni-lốp, bị bắt tại mặt trận, nhưng được Chính phủ lâm thời thả. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, y ráo riết hoạt động chống Chính quyền xô-viết, là phân tử bạch vệ lưu vong. — 58 - 582, 594.

Guốc-cô, V. I. (1863 - 1927) — một nhân vật hoạt động phản động của nước Nga Nga hoàng. Năm 1902 được cử phụ trách ban hội đồng địa phương trực thuộc Bộ nội vụ, năm 1906 là thứ trưởng Bộ nội vụ. Trong Đu-ma nhà nước I, Guốc-cô lên tiếng phản đối các dự luật ruộng đất, bảo vệ lợi ích của địa chủ - chủ nô. Đã đóng một vai trò nổi bật trong chính phủ Gô-rê-mư-kin, cái chính phủ mà V. I. Lê-nin đã gọi là nội các Guốc-cô - Gô-rê-mư-kin có "cương lĩnh tư sản - quý tộc". Về sau đã tham gia vụ án cấp kỹ nhà nước và tiêu lạm tiền công và theo sự kết án của Pháp viện tối cao, Guốc-cô đã bị cách chức. Năm 1912 được bầu làm ủy viên Hội đồng nhà nước. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, y đã chống lại Chính quyền xô-viết, là một phân tử bạch vệ lưu vong. — 298, 306, 450.

Guốc-vích, Ph. I. — xem Đan, Ph. I.

H

Hác-đen (Harden), *Mác-xi-mi-li-an (Vít-cốp-xki)* (1861 - 1927) — nhà chính luận và nhà văn Đức. Ông nổi tiếng qua những bài báo chính trị sắc bén của mình chống lại các giới phản động Phổ. Năm 1892 sáng lập ra tờ tuần báo "Die Zukunft" ("Tương lai") và làm biên tập tuần báo ấy cho tới năm 1922. Năm 1907, đã lên tiếng tại một vụ án xét xử xấu xa để vạch trần bọn cận thân của Vin-hem II là đã truy lạc và suy đồi về đạo đức. Đầu chiến tranh thế giới thứ nhất, đã bảo vệ những quan điểm muốn thôn tính, sau đó chuyển sang phe của những người hòa bình chủ nghĩa. Có cảm tình với nước Nga xô-viết. — 174.

Hen-rích VII, Tê-ô-đô (1457 - 1509) — vua Anh từ năm 1485. Hen-rích khuyến khích phát triển công nghiệp và thương mại. Trong những

năm Hen-rích VII trị vì, quá trình bọn điền chủ lớn khoanh những đất đai của nông dân và đuổi hàng loạt nông dân ra khỏi ruộng đất được đẩy mạnh. — 314.

I

I-a-cô-bi, M. (Ghen-đen-man, M. I-a) — đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng, một trong những tác giả cuốn sách "Về việc sửa đổi cương lĩnh ruộng đất và sự luận chứng cho cương lĩnh đó" do Nhà xuất bản "Kỷ nguyên" xuất bản vào năm 1908. — 551.

I-dơ-gô-ép (Lan-đê), A. X. (sinh năm 1872) — nhà chính luận tư sản, một trong những nhà tư tưởng của Đảng dân chủ - lập hiến. Lúc đầu là "người mác-xít hợp pháp", có một thời gian ngả theo những người dân chủ - xã hội, năm 1905 lại chạy sang phe Đảng dân chủ - lập hiến. Đã lên tiếng công kích dữ dội những người bôn-sê-vích trên các cơ quan ngôn luận dân chủ - lập hiến: báo "ngôn luận", các tạp chí "Kỷ sự miền Nam" và "Tư tưởng Nga", tham gia trong văn tập phản cách mạng "Những cái mốc". Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, I-dơ-gô-ép cộng tác với tạp chí của nhóm trí thức theo khuynh hướng suy đồi "Truyền tin văn học". Do hoạt động chính luận phản cách mạng, cho nên năm 1922 bị trục xuất ra nước ngoài. — 595, 598.

I-dơ-mai-lốp, P. G. (sinh năm 1880) — đảng viên dân chủ - xã hội, thuộc phái men-sê-vích, đại biểu của tỉnh Nốp-gô-rốt trong Đu-ma nhà nước II. I-dơ-mai-lốp làm việc ở xưởng đồng hồ Pê-téc-bua, sau đó làm giáo viên nông thôn; bị coi là phân tử không đáng tin cậy nên bị tước quyền dạy học, làm nông nghiệp. Trong Đu-ma, là ủy viên tiểu ban lương thực. Đã bị truy tố về vụ án đảng đoàn dân chủ - xã hội. — 507.

I-dơ-vôn-xki, A. P. (1856 - 1919) — nhà ngoại giao Nga. Trước năm 1906 đã giữ chức vụ ngoại giao quan trọng ở Va-ti-căng, Bê-ô-grát, Muyn-khen, Tô-ki-ô và Cô-pen-ha-gơ. Từ năm 1906 là bộ trưởng Bộ ngoại giao Nga. I-dơ-vôn-xki sốt sắng ủng hộ sự gần gũi giữa Anh và Nga; đã tham gia trực tiếp vào việc ký kết hiệp ước Nga - Anh năm 1907; hiệp ước này đã hoàn thành việc thành lập khối Đồng minh. Tham gia nhiều cuộc gặp gỡ và hội nghị quốc tế. Năm 1910 do nhiều thất bại trong công tác ngoại giao nên bị cách chức bộ trưởng và được cử làm đại sứ ở Pa-ri, ở đấy tiếp tục thực hiện chủ trương củng cố khối Đồng minh. Sau Cách mạng xã hội

chủ nghĩa tháng Mười ở lại Pháp sống lưu vong, lên tiếng ủng hộ cuộc can thiệp vũ trang của nước ngoài chống nước Nga xô-viết. — 581, 582, 584.

I-óc-đan-xki, N. I. (1876 - 1928) — đảng viên dân chủ - xã hội; sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, ông là đảng viên men-sê-vích. Năm 1904 ông cộng tác thường xuyên với tờ báo men-sê-vích "Tia lửa"; năm 1905 tham gia Ban chấp hành Xô-viết Pê-téc-bua. Năm 1906 là đại biểu không có quyền biểu quyết của Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đại biểu của Ban chấp hành trung ương thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (đại biểu của phái men-sê-vích). Trong những năm thế lực phản động thống trị, ông xích gần với phái men-sê-vích ủng hộ đảng — phái Plê-kha-nốp. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 — là phái viên của Chính phủ lâm thời tư sản bên cạnh các quân đoàn ở mặt trận Tây - Nam. Năm 1921 ông gia nhập hàng ngũ Đảng cộng sản (b) Nga. Năm 1922 công tác tại Bộ dân ủy ngoại giao và trong Nhà xuất bản quốc gia. Sau đó là đại diện toàn quyền ở Ý. Từ năm 1924 ông hoạt động văn học. — 146, 555.

I-u-ra-sép-xki, P. P. (1872 - 1945) — nhà hoạt động xã hội và nhà nước tư sản Lát-vi-a, về nghề nghiệp là luật sư. Đại biểu của tỉnh Cuốc-li-an-đi-a trong Đu-ma nhà nước II; đảng viên dân chủ - lập hiến. Từ năm 1907 xuất bản và biên tập tờ báo En-ga-va "Sadzive" ("Đời sống hàng ngày"). Từ cuối năm 1918 nhiều lần tham gia chính phủ Lát-vi-a tư sản, năm 1928 là chủ tịch nội các Lát-vi-a. — 494 - 495.

I-u-ri-nê, T. I-a. (sinh năm 1873) — nhà hoạt động nhà nước và xã hội E-xtô-ni-a, về nghề nghiệp là luật sư. Là đại biểu của tỉnh E-xtô-ni-a trong Đu-ma nhà nước II, đi theo phái tiến bộ — một nhóm chính trị của giai cấp tư sản quân chủ - tự do chủ nghĩa. Trong những năm 1918 - 1919 — phụ tá và là thứ trưởng Bộ quốc phòng của chính phủ tư sản E-xtô-ni-a. — 495.

Ích-xơ— xem Ma-xlốp, P. P.

K

Kha-xa-nốp, C. G. (sinh năm 1879) — đại biểu của tỉnh U-pha trong Đu-ma nhà nước II, về nghề nghiệp là giáo viên, thuộc nhóm nhân dân - Hồi giáo. Trong Đu-ma, tham gia tiểu ban lương thực, đi theo phái lao động. — 498.

Khan-Khôi-xki Pha-ta-li-khan (1876 - 1920) — địa chủ, đại biểu của những người Hồi giáo tỉnh Ê-li-da-vét-pôn trong Đu-ma nhà nước II, đảng viên dân chủ - lập hiến. Làm phó ủy viên công tố của toà án khu Ê-ca-tê-ri-nô-đa. Từ tháng Mười một 1917 đến tháng Năm 1918, tham gia Bộ dân ủy Da-cáp-ca-dơ và nghị viện Da-cáp-ca-dơ — những cơ quan phản cách mạng của chính quyền ở Da-cáp-ca-dơ; trong những năm 1918 - 1920, là chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, sau đó là bộ trưởng Bộ ngoại giao của chính phủ phản cách mạng Mu-xa-vát ở A-déc-bai-gian. Sau khi Chính quyền xô-viết giành thắng lợi ở A-déc-bai-gian vào tháng Tư 1920, Khan - Khôi-xki chạy sang Gru-di-a men-sê-vích. — 496 - 497.

Khô-mi-a-cốp, N. A. (1850 - 1925) — đại địa chủ, đảng viên Đảng tháng Mười. Trong những năm 1886 - 1896 là thủ lĩnh của giới quý tộc tỉnh Xmô-len-xơ. Từ năm 1896 đến 1902 — giám đốc Cục nông nghiệp trong Bộ nông nghiệp và tài sản quốc gia. Năm 1906 được bầu làm ủy viên Hội đồng nhà nước. Đại biểu của các Đu-ma nhà nước II, III và IV, là chủ tịch Đu-ma nhà nước III đến tháng Ba 1910. — 195.

Khru-xta-lép - Nô-xác, G. X. (Pê-rê-i-a-xláp-xki, I-u), (1877 - 1918), — trợ lý trạng sư, lúc đầu là người không đảng phái, sau đó ngã theo phái men-sê-vích. Năm 1905 là chủ tịch Xô-viết đại biểu công nhân Pê-téc-bua do phái men-sê-vích nắm. Năm 1906 bị đưa ra tòa án về vụ Xô-viết đại biểu công nhân Pê-téc-bua và bị đày đi Xi-bi-ri, từ đó khru-xta-lép chạy ra nước ngoài; là người tham dự Đại hội V (ở Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Trong những năm thế lực phản động thống trị, là người theo phái thủ tiêu, kiên trì tư tưởng cơ hội chủ nghĩa đòi triệu tập "đại hội công nhân không đảng phái" và đòi thành lập "đảng công nhân không đảng phái mở rộng"; cộng tác với báo men-sê-vích "Tiếng nói người dân chủ - xã hội". Đã viết báo chống những người bôn-sê-vích, trong các bài đó, theo cách nói của V. I. Lê-nin, không có một cái gì khác "ngoài sự oán hận thông thường của những phần tử trí thức tư sản không đảng phái" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 15, tr. 460). Năm 1909 ra khỏi đảng, có những hoạt động tài chính ám muội. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, khru-xta-lép trở về Nga. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, ráo riết hoạt động phản cách mạng ở U-crai-i-na, ủng hộ thủ lĩnh Cô-dắc Xcô-rô-pát-xki và Pết-li-u-ra. Bị bắn năm 1918. — 48, 198.

Khvô-rô-xtu-khîn, I. P. (sinh năm 1879) — nông dân, đại biểu của tỉnh Xa-ra-tốp trong Đu-ma nhà nước II, đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Trong những năm 1905 - 1906 làm xã trưởng, nhiều lần bị chính quyền Nga hoàng theo dõi. — 490.

Ki-dê-vét-te, A. A. (1866 - 1933) — nhà sử học và nhà chính luận tư sản - tự do chủ nghĩa. Trong những năm 1900 - 1911 — phó giáo sư Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va; là thành viên của "Hội liên hiệp giải phóng" từ khi mới thành lập, một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - lập hiến. Đại biểu của thành phố Mát-xcơ-va trong Đu-ma nhà nước II; đã cộng tác với tờ "Tin tức nước Nga", tham gia hội đồng biên tập và là một trong những biên tập viên của tạp chí "Tư tưởng Nga". Trong những tác phẩm chính luận - sử học của mình, Ki-dê-vét-te đã xuyên tạc ý nghĩa của cuộc cách mạng Nga những năm 1905 - 1907. Khi đánh giá những quan điểm của Ki-dê-vét-te, V. I. Lê-nin trong một số tác phẩm của mình, đã liệt y vào danh sách những giáo sư dân chủ - lập hiến buôn bán khoa học chiêu theo ý muốn của phái phản động. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Ki-dê-vét-te tiến hành đấu tranh tích cực chống lại Chính quyền xô-viết; vì vậy đến năm 1922 đã bị trục xuất ra khỏi nước Nga xô-viết. Ở nước ngoài, Ki-dê-vét-te đã tích cực hoạt động trong giới báo chí bạch vệ lưu vong. — 31.

Ki-xê-lép, A. E. (sinh năm 1868) — đại biểu của tỉnh Tam-bốp trong Đu-ma nhà nước II, xuất thân là nông dân. Tham gia Nhóm lao động. Gần 10 năm làm giáo viên nông thôn, sau đó là nhân viên văn phòng trên tuyến đường sắt Ri-a-dan - U-ran ở Xa-ra-tốp và Cô-dơ-lốp. Trong thời gian có cuộc bãi công vào tháng Mười - tháng Chạp 1905 là đại biểu của hầu hết các đại hội ngành đường sắt. Trong Đu-ma, tham gia tiểu ban ruộng đất và tiểu ban về giáo dục quốc dân. Đã cộng tác với "Tạp chí cho mọi người", "Nhật ký Xa-ra-tốp" và các xuất bản phẩm khác. — 478, 481, 483.

Kiéc-nô-xốp, N. X. (sinh năm 1847) — đại biểu của tỉnh Xa-ra-tốp trong Đu-ma nhà nước II, là nông dân. Trong Đu-ma ngã theo phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng. — 484.

L

La-rin, I-u. (Lu-ri-ê, M. A.) (1882 - 1932) — đảng viên dân chủ - xã hội thuộc phái men-sê-vích, đại biểu chính thức tại Đại hội IV (Đại

hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. La-rin bảo vệ cương lĩnh men-sê-vích chủ trương địa phương công hữu hóa ruộng đất, ủng hộ tư tưởng cơ hội chủ nghĩa đòi triệu tập "đại hội công nhân". Là đại biểu của tổ chức Pôn-ta-va đi dự Đại hội V (ở Luân-đôn) của đảng. Sau thất bại của cách mạng 1905 - 1907, La-rin trở thành một trong những người truyền bá tích cực cho khuynh hướng thủ tiêu. La-rin đã tham gia tích cực trong khối tháng Tám chống đảng; là ủy viên Ban tổ chức của khối này. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng hai 1917, cầm đầu nhóm men-sê-vích quốc tế chủ nghĩa, xuất bản tạp chí "Quốc tế". Tháng Tám 1917 được kết nạp vào đảng bôn-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, La-rin làm công tác chính quyền và công tác kinh tế. — 429, 430, 431, 436, 438.

Lan-đe, A. X. — xem I-dơ-gô-ép, A. X.

Lát-xan (Lassalle), Phéc-đi-năng (1825 - 1864) — nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Đức, người sáng lập ra một loại chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân Đức — chủ nghĩa Lát-xan.

Lát-xan là một trong những người sáng lập ra Tổng hội công nhân Đức (1863). Việc thành lập Tổng hội có một ý nghĩa tích cực đối với phong trào công nhân, song khi được bầu làm chủ tịch Tổng hội thì Lát-xan lại đưa Tổng hội đi theo con đường cơ hội chủ nghĩa. Phái Lát-xan hy vọng bằng con đường công khai tuyên truyền cho quyền phổ thông đầu phiếu, bằng con đường sáng lập ra các hội sản xuất được nhà nước giao-ke trợ cấp thì có thể thiết lập được "nhà nước nhân dân tự do". Lát-xan ủng hộ chính sách thống nhất nước Đức "từ trên xuống" dưới bá quyền lãnh đạo của nước Phổ phản động. Chính sách cơ hội chủ nghĩa của phái Lát-xan là trở ngại cho hoạt động của Quốc tế I và cho việc thành lập một đảng công nhân chân chính ở Đức, trở ngại cho việc giáo dục công nhân về ý thức giai cấp.

Những quan điểm lý luận và chính trị của phái Lát-xan đã bị những tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin phê phán kịch liệt (xem C. Mác "Phê phán cương lĩnh Gô-ta"; V. I. Lê-nin. "Nhà nước và cách mạng" và các tác phẩm khác). — 446.

Lê-đê-bua (Ledebour), Ghê-oóc-gơ (1850 - 1947) — đảng viên dân chủ - xã hội Đức, từ năm 1900 đến 1918 là đại biểu của Đảng dân chủ - xã hội Đức trong quốc hội. Người tham dự Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga, tại đó đã lên tiếng chống lại chủ nghĩa thực dân. Tham dự Hội nghị Xim-méc-van, một trong những nhà

lãnh đạo chính trị của cánh hữu ở Xim-méc-van. Năm 1916, sau khi có sự phân liệt trong Đảng dân chủ - xã hội Đức, Lê-đê-bua tham gia "nhóm lao động dân chủ - xã hội" của quốc hội, nhóm này là hạt nhân cơ bản của Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức phá vỡ giữa được thành lập năm 1917; đảng này bành vực bọn sô-vanh công khai. Trong những năm 1920 - 1924 Lê-đê-bua cầm đầu một nhóm nhỏ độc lập trong quốc hội. Năm 1931 gia nhập Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa. Sau khi Hít-le nắm chính quyền, ông sang Thụy-sĩ sống lưu vong. — 84.

Lê-nin, V. I. (U-li-a-nốp, V. I., Tu-lin, C.) — các tài liệu tiểu sử. — 107, 117, 118, 119, 120 - 121, 122, 127, 130 - 131, 133, 135, 138, 164 - 167, 171 - 172, 204, 212, 231, 233, 234, 235, 237, 269 - 270, 284, 289, 299, 303, 342, 350, 356, 368, 374, 385, 390, 391, 393, 396, 414, 416, 422, 424, 525 - 526.

Lê-ô-na-xơ, P. X. (1864 - 1938) — nhà hoạt động nhà nước và xã hội Lit-va, về nghề nghiệp là luật gia. Từ năm 1889 làm việc ở tòa án khu Xu-van-ki, sau đó là dự thẩm ở Ta-sken và nhiều nơi khác. Năm 1907 được bầu làm đại biểu của tỉnh Xu-van-ki trong Đu-ma nhà nước II; tham gia đảng đoàn của Đảng dân chủ - lập hiến. Trong những năm 1918 - 1919 nhiều lần tham gia chính phủ Lit-va tư sản. Từ năm 1922 là giáo sư Trường đại học tổng hợp Ca-u-na-xơ, chủ tịch Hội đồng luật gia Lit-va. Từ năm 1933 - 1938 — tổng biên tập tạp chí "Văn hóa", một tạp chí dân chủ - tự do chủ nghĩa. — 496.

Liếp-nếch (Liebknecht), Vin-hem (1826 - 1900) — nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và phong trào công nhân quốc tế, một trong những người sáng lập và là lãnh tụ của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Ông đã tích cực tham gia vào cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, sau khi cách mạng thất bại, ông sống lưu vong ở nước ngoài, lúc đầu sống ở Thụy-sĩ, sau ở Anh, tại đó ông đã gần gũi với C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n; do ảnh hưởng của Mác và Ăng-ghe-n, Liếp-nếch đã trở thành một người xã hội chủ nghĩa. Năm 1862 trở về Đức. Sau khi Quốc tế I được thành lập, ông là một trong những người tích cực nhất trong việc truyền bá những tư tưởng cách mạng của Quốc tế I và là người tổ chức ra các phân bộ của Quốc tế ở Đức. Từ năm 1875 cho đến cuối đời Liếp-nếch là ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - xã hội Đức và là tổng biên tập của cơ quan trung ương là báo "Vorwärts" ("Tiến lên"). Từ năm 1867 đến 1870, là nghị sĩ Quốc

hội miền Bắc Đức, từ năm 1874, nhiều lần được bầu làm nghị sĩ Quốc hội Đức; đã khéo biết lợi dụng diễn đàn quốc hội để vạch trần chính sách đối nội và đối ngoại phản động của bọn gioong-ke Phổ. Vì hoạt động cách mạng nên nhiều lần bị xử tù. Tham gia tích cực vào việc tổ chức Quốc tế II. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đánh giá cao Liếp-nếch, hướng dẫn hoạt động của ông, nhưng đồng thời cũng phê phán lập trường điều hòa của ông đối với các phân tử cơ hội chủ nghĩa. — 232, 601.

Líp-kin, Ph. A. — xem Tsê-rê-va-nin, N.

Lít-van (Lidvall), Ê-rích Lê-ô-na — một tên trùm đầu cơ và bịp bợm, quốc tịch Thụy-điển; năm 1906 y đã hoạt động trong lĩnh vực cung cấp lương thực cho các tỉnh bị đói như Tam-bốp, Pen-da và những tỉnh khác. Do báo chí vạch mặt tên V. I. Guốc-cô, thứ trưởng Bộ nội vụ, tham gia vụ âm mưu đầu cơ của Lít-van, đưa cho Lít-van một số tiền lớn lấy từ công quỹ, chính phủ Nga hoàng đã buộc phải đưa Guốc-cô ra tòa để Pháp viện tối cao xét xử. Nhưng sau này, vụ án đã bị im đi. — 283.

Lô-giơ-kin, X. V. (sinh năm 1868) — bác sĩ của hội đồng địa phương, đảng viên dân chủ - lập hiến, đại biểu tỉnh Vi-át-ca trong Đu-ma nhà nước I; đã ký vào bản "dự án của 33 người" về ruộng đất do phái lao động đưa ra Đu-ma I xét. — 307.

Lô-ít Gioóc-giơ (Lloyd - George), Đa-vít (1863 - 1945) — nhà hoạt động chính trị và là nhà ngoại giao Anh, thủ lĩnh của Đảng tự do. Từ năm 1890 là nghị sĩ. Trong những năm 1905 - 1908 là bộ trưởng Bộ thương nghiệp; trong những năm 1908 - 1915 là bộ trưởng Bộ tài chính. Lô-ít Gioóc-giơ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định đường lối chính trị của chính phủ Anh, nhằm chuẩn bị cho cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất. Chống lại phong trào cách mạng của giai cấp vô sản; bằng cách xu nịnh, lừa gạt và hứa hẹn với công nhân, y đã mưu toan ngăn ngừa việc thành lập ở Anh một đảng cách mạng của giai cấp công nhân. V. I. Lê-nin viết: "Lô-ít Gioóc-giơ phục vụ giai cấp tư sản một cách tuyệt diệu, và phục vụ giai cấp tư sản chính ngay từ trong hàng ngũ công nhân, truyền bá ảnh hưởng của giai cấp tư sản vào chính trong nội bộ giai cấp vô sản, là nơi mà việc chinh phục quần chúng về mặt tinh thần là cần thiết nhất và khó khăn nhất" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 23, tr. 149 - 150). Trong những năm 1916 - 1922 là thủ tướng, ra sức củng cố địa vị của chủ nghĩa đế quốc Anh ở Trung và Cận đông, ở vùng Ban-căng; đàn áp dã man phong

trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa và các nước lệ thuộc. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười ở Nga, y là một trong những người cổ vũ và tổ chức cuộc can thiệp vũ trang và phong tỏa nhằm chống Nhà nước xô-viết. Tham gia tích cực Hội nghị hòa bình ở Pa-ri năm 1919; một trong những tác giả của Hòa ước Véc-xây. Năm 1922, sau nhiều thất bại về chính trị, y đã xin từ chức, song cho đến cuối đời, y vẫn còn giữ được một ảnh hưởng chính trị nhất định. — 556.

Lu-giê-nốp-xki, G. N. (1870 - 1906) — tham biện của tỉnh; nhân vật hoạt động tích cực trong cái gọi là "Liên minh những người Nga", một tổ chức bảo hoàng - Trăm đen ở Tam-bốp. Vào những năm 1905 - 1906 — một trong những kẻ chỉ huy các vụ tàn sát do bọn Trăm đen gây ra và vụ đàn áp dã man của chính phủ Nga hoàng đối với phong trào cách mạng của nông dân ở tỉnh Tam-bốp. Lu-giê-nốp-xki bị đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng M. A. Xpi-ri-đô-nô-va giết chết. — 56.

Lu-i XVIII (1755 - 1824) — vua Pháp (1814-1824) thuộc triều đại Buốc-bông. Lu-i XVIII thực hiện chính sách phục vụ cho lợi ích của giới quý tộc phản động và giáo hội. — 174.

Lu-na-tsác-xki, A. V. (Vôi-nốp) (1875 - 1933) — đảng viên dân chủ - xã hội, nhà cách mạng chuyên nghiệp, sau là nhà hoạt động nổi tiếng của nhà nước Xô-viết. Ông tham gia phong trào cách mạng từ đầu những năm 90 của thế kỷ XIX. Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, ông trở thành đảng viên bôn-sê-vích. Ông tham gia ban biên tập của các tờ báo bôn-sê-vích "Tiến lên", "Người vô sản", và sau đó là tờ "Đời sống mới". Theo sự ủy nhiệm của V. I. Lê-nin, ông đã đọc báo cáo về khởi nghĩa vũ trang tại Đại hội III của đảng. Ông tham gia Đại hội IV (Đại hội thống nhất) và Đại hội V (Luân-đôn) của đảng. Năm 1907, là đại diện của những người bôn-sê-vích tại Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga. Trong những năm thế lực phản động thống trị, ông đã xa rời chủ nghĩa Mác, tham gia nhóm chống đảng "Tiến lên", đòi kết hợp chủ nghĩa Mác với tôn giáo. Trong tác phẩm của mình "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" (1909), V. I. Lê-nin đã vạch trần những quan điểm sai lầm của Lu-na-tsác-xki và phê phán nghiêm khắc những quan điểm đó. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, Lu-na-tsác-xki đứng trên lập trường của chủ nghĩa quốc tế. Đầu năm 1917, ông tham gia tổ chức "liên khu" và cùng với tổ chức này ông được kết nạp vào đảng tại Đại hội VI của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Sau Cách mạng xã

hội chủ nghĩa tháng Mười, cho đến năm 1929, ông là bộ trưởng Bộ dân ủy giáo dục, sau đó là chủ tịch Ủy ban khoa học trực thuộc Ban chấp hành trung ương các Xô-viết Liên-xô. Tháng Tám 1933, ông được cử làm đại diện toàn quyền của Liên-xô ở Tây-ban-nha. Ông là tác giả của nhiều tác phẩm về nghệ thuật và văn học. — 87, 111, 228 - 238, 549, 552.

Lu-ri-ê, M. A. — xem La-rin, I-u.

Lúc-xăm-bua (Luxemburg), *Rô-da* (1871 - 1919) — nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân quốc tế, một trong những thủ lĩnh của cánh tả trong Quốc tế II. Bà bắt đầu hoạt động cách mạng vào nửa cuối những năm 80 của thế kỷ XIX; là một trong những người sáng lập và lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan; bà đã lên tiếng chống lại chủ nghĩa dân tộc trong hàng ngũ phong trào công nhân Ba-lan. Từ năm 1897, bà tham gia tích cực trong phong trào dân chủ - xã hội Đức; tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa Béc-stanh và chủ nghĩa Min-lơ-răng. Lúc-xăm-bua là người tham gia cuộc cách mạng Nga đầu tiên (ở Vác-sa-va); năm 1907 bà tham gia Đại hội V (ở Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, tại đại hội bà ủng hộ những người bôn-sê-vích. Ngay từ những ngày đầu của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, Rô-da Lúc-xăm-bua giữ lập trường quốc tế chủ nghĩa. Là một trong những người chủ xướng việc thành lập nhóm "Quốc tế", về sau đổi tên là nhóm "Xpác-ta-cút", và rồi lại đổi thành "Liên minh Xpác-ta-cút"; bà đã viết (ở trong tù) cuốn sách mỏng "Cuộc khủng hoảng của Đảng dân chủ - xã hội" với bí danh là Giu-ni-út (xem bài báo của V. I. Lê-nin "Bàn về cuốn sách nhỏ của Giu-ni-út" — Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 22, tr. 379 - 397). Sau Cách mạng tháng Mười một 1918 ở Đức, bà tham gia lãnh đạo Đại hội thành lập Đảng cộng sản Đức. Tháng Giêng 1919, bà bị bắt giam rồi bị giết theo lệnh của chính phủ Sai-đê-man. Lê-nin đã đánh giá cao R. Lúc-xăm-bua nhưng nhiều lần phê phán những sai lầm của bà về nhiều vấn đề (về vai trò của đảng, về chủ nghĩa đế quốc, vấn đề dân tộc - thuộc địa, vấn đề nông dân, về cách mạng thường trực v. v.), và qua đó giúp cho bà giữ một lập trường đúng đắn. — 90, 107.

Lvốp, N. N. (1867 - 1944) — địa chủ; theo nhận định của Lê-nin, là "nhà quý tộc phản cách mạng", "điển hình của một tên dân chủ - lập hiến phản bội". Trong những năm 1893 - 1900 là thủ lĩnh của giới quý tộc huyện Ba-la-sốp; từ năm 1899 là chủ tịch cơ quan hành chính của Hội đồng địa phương tỉnh Xa-ra-tốp. Là người tham dự

các đại hội của hội đồng địa phương trong những năm 1904 - 1905. Một trong những người sáng lập ra "Hội liên hiệp giải phóng" và Đảng dân chủ - lập hiến, ủy viên Ban chấp hành trung ương của đảng này. Được bầu vào Đu-ma nhà nước I nhờ số phiếu của những nông dân bị bọn dân chủ - lập hiến lừa bịp; đã kiên quyết chống lại những yêu sách của nông dân. Đại biểu Đu-ma nhà nước II. Một trong những người sáng lập ra Đảng "canh tân hòa bình". Trong Đu-ma nhà nước III và IV, đã hành động như một thủ lĩnh của "phái tiến bộ". Năm 1917 – một trong những người lãnh đạo liên minh của bọn địa chủ. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là nhà báo của bọn bạch vệ, về sau là một tên bạch vệ lưu vong. – 447.

M

M-đ-m. – xem Mê-đem, V. Đ.

Ma-cla-cốp, V. A. (1870 - 1957) – nhà hoạt động chính trị, đảng viên dân chủ - lập hiến, về nghề nghiệp là luật sư, địa chủ. Từ năm 1895 là trạng sư, đã phát biểu trong nhiều vụ án chính trị. Đại biểu của Mát-xcơ-va trong các Đu-ma nhà nước II, III và IV. Ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - lập hiến. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 – đại sứ của Chính phủ lâm thời tư sản ở Pa-ri, về sau là một phần tử bạch vệ lưu vong. – 68.

Ma-khơ (Mach), Eng-xtơ (1838 - 1916) – nhà vật lý và triết học người Áo, nhà duy tâm chủ quan, một trong những người sáng lập chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán; giảng dạy môn toán và vật lý trong các trường đại học tổng hợp Gra-tơ và Pra-ha, từ năm 1895 đến 1901 – giáo sư triết học của Trường đại học tổng hợp Viên. Ma-khơ phục hồi lại các quan điểm của Béc-clip và Hi-um; tuyên bố những cảm giác là "những yếu tố thực sự của thế giới". Lợi dụng những phát kiến mới nhất về vạn vật học, Ma-khơ chống lại lý luận duy vật về nhận thức. Về thực chất thì chủ nghĩa Ma-khơ là một hình thức khoa học giả hiệu bảo vệ tôn giáo. Trong cuốn sách "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán", V. I. Lê-nin đã phê phán toàn diện triết học phản động của Ma-khơ.

Những tác phẩm chủ yếu của Ma-khơ: "Die Mechanik..." ("Cơ học..."), "Beiträge zur Analyse der Empfindungen" ("Phân tích những cảm giác"), "Erkenntnis und Irrtum" ("Nhận thức và sai lầm"). – 536.

Ma-li-nốp-xki, V. A. – xem Bô-gđa-nốp, A.

Ma-li-sép-xki, N. G. (sinh năm 1874) – đảng viên dân chủ - xã hội, thuộc phái men-sê-vích. Trong những năm 1894 - 1895 tham gia một trong những nhóm dân chủ - xã hội ở Pê-téc-bua. Năm 1895 bị bắt, bị cầm tù và đi đày. Năm 1906 cộng tác với tạp chí men-sê-vích "Tiếng vọng của thời đại". Từ năm 1907 Ma-li-sép-xki rời bỏ hoạt động chính trị. – 562.

Ma-xlốp, P. P. (Giôn, Ích-xơ) (1867 - 1946) – nhà kinh tế học, đảng viên dân chủ - xã hội, tác giả nhiều tác phẩm về vấn đề ruộng đất, trong đó đã mưu toan xét lại chủ nghĩa Mác; cộng tác với các tạp chí "Đời sống", "Bước đầu" và "Bình luận khoa học". Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Ma-xlốp đã gia nhập phái men-sê-vích; đưa ra cương lĩnh men-sê-vích chủ trương địa phương công hữu hóa ruộng đất. Tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đã thay mặt những người men-sê-vích đọc báo cáo về vấn đề ruộng đất, được đại hội bầu vào ban biên tập Cơ quan ngôn luận trung ương. Trong những năm thế lực phản động thống trị, Ma-xlốp theo phái thủ tiêu, trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, là phần tử xã hội - sô-vanh. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Ma-xlốp thôi hoạt động chính trị, làm công tác sư phạm và khoa học. Từ năm 1929 – viện sĩ chính thức của Viện hàn lâm khoa học Liên-xô. – 272 - 273, 293, 295, 296, 297 - 298, 300 - 301, 301 - 302, 303 - 304, 305 - 306, 307, 324 - 325, 333, 350 - 360, 366, 368, 369 - 370, 394, 395, 396, 399, 401.

Mác (Marx), Các (1818 - 1883) – người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, nhà tư tưởng thiên tài, lãnh tụ và người thầy của giai cấp vô sản quốc tế (xem bài báo của V. I. Lê-nin "Các Mác (Sơ lược tiểu sử, kèm theo sự trình bày chủ nghĩa Mác)" – Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 21, tr. 33 - 94). – 11, 29, 30, 33 - 34, 85, 97, 152, 195, 235, 313, 316, 317, 325 - 326, 338, 341, 346, 347, 350 - 360, 368 - 370, 372, 373 - 374, 376, 377 - 379, 440, 510, 522, 553, 576, 577, 593 - 597.

Mác-tốp, L. (Txê-đéc-bau-mơ, I-u. Ô.) (1873 - 1923) – một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Ông tham gia phong trào dân chủ - xã hội vào nửa đầu những năm 90 của thế kỷ XIX. Năm 1895, tham gia tổ chức "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" Pê-téc-bua, do đó năm 1896 đã bị bắt và bị đày 3 năm ở Tu-ru-khan-xcơ. Sau khi mãn hạn đày, năm 1900, Mác-tốp tham

gia vào việc chuẩn bị xuất bản tờ "Tia lửa" và có chân trong ban biên tập của tờ báo đó. Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga – đại biểu của tổ chức "Tia lửa", cầm đầu phái men-sê-vích cơ hội chủ nghĩa và từ đó, là một trong những người lãnh đạo các cơ quan trung ương và là người biên tập các xuất bản phẩm của phái men-sê-vích. Ông tham gia công việc của Đại hội V (Luân-đôn) của đảng. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, Mác-tốp là người thuộc phái thủ tiêu, biên tập viên tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", tham gia hội nghị tháng Tám chống đảng (1912). Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, Mác-tốp giữ lập trường phái giữa, tham gia các hội nghị ở Xim-méc-ven và Ki-en-tan. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 cầm đầu nhóm men-sê-vích quốc tế chủ nghĩa. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, chạy sang phe những kẻ thù công khai của Chính quyền xô-viết. Năm 1920, Mác-tốp sang Đức, ở Béc-ling, Mác-tốp xuất bản tờ báo men-sê-vích phản cách mạng "Truyền tin xã hội chủ nghĩa". – 22, 42, 48, 107, 171.

Mác-tư-nốp, A. (Pi-ke, A. X.) (1865 - 1935) – một trong những thủ lĩnh của "phái kinh tế", một phần tử men-sê-vích nổi tiếng; sau này ông là đảng viên Đảng cộng sản. Từ đầu những năm 80 của thế kỷ XIX, ông tham gia các nhóm Dân ý, năm 1886 ông bị bắt và bị đày đi miền Đông Xi-bi-ri, trong thời gian đi đày, ông trở thành đảng viên dân chủ - xã hội. Năm 1900 ông ra nước ngoài sống lưu vong, tham gia ban biên tập tạp chí "Sự nghiệp công nhân" của "phái kinh tế"; ông chống lại tờ "Tia lửa" của Lê-nin. Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, ông là đại biểu của "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài"; một người chống lại phái "Tia lửa"; sau đại hội, gia nhập phái men-sê-vích. Ông tham gia Đại hội V (Luân-đôn) của đảng với tư cách là đại biểu của tổ chức Ê-ca-tê-ri-nô-xláp. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, ông theo phái thủ tiêu. Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, giữ lập trường phái giữa; sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, ông là đảng viên men-sê-vích quốc tế chủ nghĩa. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, ông rời bỏ phái men-sê-vích. Trong những năm 1918 - 1920 làm giáo viên ở U-crai-i-na. Năm 1923 tại Đại hội XII của Đảng cộng sản (b) Nga đã được kết nạp vào đảng, công tác tại Viện C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Từ năm 1924 là ủy viên ban biên tập tạp chí "Quốc tế cộng sản". – 131, 133, 391.

Mác-xi-mốp, N. – xem Bô-gđa-nốp, A.

Méc-cu-lốp, M. A. (sinh năm 1875) – nông dân, đại biểu tỉnh Cuốc-xcơ trong Đu-ma nhà nước I, lúc đầu là người không đảng phái, sau là đảng viên Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Méc-cu-lốp là thành viên tích cực của Hội liên hiệp nông dân Si-gơ-rốp của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng; do tham gia hội liên hiệp đó nên năm 1908 đã bị truy tố trước tòa án và năm 1909 bị kết án 10 năm tù khổ sai. – 469 - 470.

Méc-tva-gô, A. P. (sinh năm 1856) – nhà nông học, nghiên cứu nghề trồng rau ở Pháp, dự thính khóa khoa học tự nhiên ở Xoóc-bon. Từ năm 1887 đến 1893 cộng tác với "Báo nông nghiệp" và tạp chí "Kinh tế nông nghiệp và nghề trồng rừng". Năm 1894 - 1905 – biên tập viên tạp chí kinh tế và nông nghiệp "Nghiệp chủ", từ năm 1905 là người xuất bản tạp chí ấy. Tác giả những tác phẩm: "Những vấn đề nông nghiệp ở vùng không phải đất đen ở Nga", "Nước Nga có bao nhiêu ruộng đất và chúng ta sử dụng nó như thế nào?" và những tác phẩm khác. – 280, 285.

Men-le - Da-cô-men-xki, A. N. (sinh năm 1844) – nam tước, tướng của quân đội Nga hoàng, phần tử phản động cực đoan. Năm 1863 tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng Ba-lan. Năm 1905 đàn áp khốc liệt cuộc khởi nghĩa của những thủy thủ ở Xê-va-xtô-pôn. Năm 1906 cầm đầu cuộc chinh phạt phong trào cách mạng ở Xi-bi-ri. Tháng Mười 1906 được cử làm tổng trấn ở Pri-ban-tích, đàn áp phong trào cách mạng của công nhân và nông dân Lát-vi-a và E-xtô-ni-a. Năm 1909 - 1917 là ủy viên Hội đồng nhà nước. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là một tên bạch vệ lưu vong. – 56.

Men-ních, V. M. (sinh năm 1867) – nông dân, đại biểu tỉnh Min-xcơ trong Đu-ma nhà nước II, đảng viên Đảng tháng Mười. Trong Đu-ma, tham gia tiểu ban về chất vấn và giáo dục quốc dân. – 462.

Mê-đem, V. Đ. (Grin-béc, V. Đ., M-đ-m.) (1879 - 1923) – một trong những thủ lĩnh của phái Bun. Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, là đại biểu của Ban chấp hành ở nước ngoài của phái Bun, một phần tử chống lại phái "Tia lửa". Năm 1906 được bầu làm ủy viên Ban chấp hành trung ương của phái Bun, tham gia Đại hội V của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đã ủng hộ phái men-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, cầm đầu các tổ chức của phái Bun ở Ba-lan. Năm 1921, đã bỏ sang

Mỹ. Ở đó, trên tờ báo Do-thái xã hội chủ nghĩa cánh hữu "Vorwards" ("Tiến lên") đã đăng các bài của y vụ không nước Nga xô-viết. – 534.

Mê-đi-ép, Rê-sít (1880 - 1912) – đại biểu của tỉnh Ta-vrích trong Đu-ma nhà nước II, xuất thân là nông dân. Là người biên tập và xuất bản tờ báo Ta-ta-ri-a "Va-tác Kha-đi-si", ủy viên của cơ quan hành chính thành phố. Trong Đu-ma, tham gia đảng đoàn của những người Hồi giáo. – 497.

Mê-rinh (Mêhring), *Phran-tơ* (1846 - 1919) – nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Đức, một trong những thủ lĩnh và nhà lý luận của cánh tả trong Đảng dân chủ - xã hội Đức; nhà sử học, nhà chính luận và nhà nghiên cứu văn học. Từ cuối những năm 60 của thế kỷ XIX – nhà chính luận dân chủ - tư sản cấp tiến; trong những năm 1876 - 1882 đứng trên lập trường chủ nghĩa tự do tư sản, rồi tiến triển sang phía tả, là biên tập viên tờ báo dân chủ "Volks-Zeitung" ("Báo nhân dân"); chống lại Bi-xmác để bảo vệ phong trào dân chủ - xã hội. Năm 1891 gia nhập Đảng dân chủ - xã hội Đức. Mê-rinh là cộng tác viên tích cực và là một trong những biên tập viên của cơ quan lý luận của đảng – tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới"); về sau chủ đạo biên tập báo "Leipziger Volkszeitung" ("Báo nhân dân Lai-pxích"). Năm 1893, tác phẩm "Truyền thuyết về Lê-xinh" của ông được in thành bản riêng, năm 1897 – xuất bản tác phẩm "Lịch sử Đảng dân chủ - xã hội Đức" gồm 4 tập. Mê-rinh đã làm việc rất nhiều để xuất bản những di sản sách báo của Mác, Ăng-ghen và Lát-xan; năm 1918 ông xuất bản cuốn sách nói về thân thế và sự nghiệp của C. Mác. Trong các tác phẩm của Mê-rinh có nhiều điểm xa rời chủ nghĩa Mác, đánh giá không đúng một số nhà hoạt động như Lát-xan, Svai-tơ, Ba-cu-nin, không hiểu được bước ngoặt cách mạng mà Mác và Ăng-ghen đã thực hiện trong triết học. Mê-rinh tích cực chống lại chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại trong hàng ngũ của Quốc tế II, lên án chủ nghĩa cau-xky, nhưng đồng thời cũng mắc những sai lầm của những người cánh tả Đức, sợ không dám đoạn tuyệt với bọn cơ hội chủ nghĩa về mặt tổ chức. Ông triệt để bảo vệ chủ nghĩa quốc tế, chào mừng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. Bắt đầu từ năm 1916, là một trong những người lãnh đạo "Liên minh Xpác-ta-cút" cách mạng; đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập Đảng cộng sản Đức. – 189 - 190.

Mi-cla-sép-xki, M. P. – xem Nê-vê-dôm-xki, M.

Mi-khai-lốp-xki, N. C. (1842 - 1904) – nhà lý luận nổi tiếng bậc nhất của chủ nghĩa dân túy tự do chủ nghĩa, nhà chính luận, nhà phê bình văn học, nhà triết học theo chủ nghĩa thực chứng, một trong những đại biểu của trường phái chủ quan trong xã hội học. Bắt đầu hoạt động văn học vào năm 1860; từ năm 1868 là cộng tác viên, về sau là một trong những biên tập viên tạp chí "Ký sự nước nhà". Vào cuối những năm 70 của thế kỷ XIX tham gia soạn thảo và biên tập những xuất bản phẩm của tổ chức "Dân ý". Năm 1892, Mi-khai-lốp-xki lãnh đạo tạp chí "Cửa cải nước Nga", trong tạp chí đó đã tiến hành đấu tranh gay gắt chống những người mác-xít. Trong tác phẩm "Những người bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?" (1894) và trong những tác phẩm khác, V. I. Lê-nin đã phê phán những quan điểm của Mi-khai-lốp-xki. – 114.

Mi-li-u-cốp, P. N. (1859 - 1943) – thủ lĩnh Đảng dân chủ - lập hiến, nhà tư tưởng nổi tiếng của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa Nga, nhà sử học, nhà chính luận. Từ năm 1886 – phó giáo sư Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va. Bắt đầu hoạt động chính trị vào nửa đầu những năm 90 của thế kỷ XIX; từ năm 1902 cộng tác tích cực với tạp chí "Giải phóng" của giới tư sản tự do chủ nghĩa xuất bản ở nước ngoài. Tháng Mười 1905 – một trong những người sáng lập ra Đảng dân chủ - lập hiến, sau là chủ tịch Ban chấp hành trung ương của đảng này và biên tập viên cơ quan trung ương – báo "Ngôn luận". Mi-li-u-cốp là đại biểu của Đu-ma nhà nước III và IV. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, Mi-li-u-cốp là bộ trưởng Bộ ngoại giao trong Chính phủ lâm thời tư sản đầu tiên; tiến hành chính sách đế quốc chủ nghĩa là tiếp tục chiến tranh "cho đến thắng lợi cuối cùng"; tháng Tám 1917, tích cực tham gia chuẩn bị cuộc nổi loạn phản cách mạng của Coóc-ni-lốp. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, trở thành một trong những kẻ tổ chức cuộc can thiệp quân sự của nước ngoài chống nước Nga xô-viết và là nhân vật hoạt động tích cực của nhóm bạch vệ lưu vong. Từ năm 1921, xuất bản ở Pa-ri tờ báo "Tin giờ chót". – 31, 146, 150, 185, 193, 199 - 200, 212, 276, 581, 583, 584.

Mi-ra-bô (Mirabeau), *Ô-nô-rê Ga-bri-en* (1749 - 1791) – một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, là bá tước. Mi-ra-bô là người thể hiện những lợi ích của các giới tư do chủ nghĩa - ôn hòa trong tầng lớp quý tộc Pháp. Ông nổi tiếng là một diễn giả có tài. Trong quá trình

cách mạng, có liên hệ mật với triều đình, phản bội lợi ích của nhân dân cách mạng. – 189.

Mô-rô-dơ, P. X. (sinh năm 1861) – nông dân, đại biểu của tỉnh Pô-đôn-xơ trong Đu-ma nhà nước II; lúc đầu là người không đảng phái, về sau đi theo phái lao động. – 463, 466.

Môn-tkê (Moltke), Hen-mút (1848 - 1916) – bá tước, tướng Đức. Từ năm 1906 – tham mưu trưởng Bộ tổng tham mưu Đức. Là một trong những kẻ bị cáo trong vụ án xấu xa năm 1907; vụ án đã bộc lộ sự sa đọa đạo đức và sự suy đồi của bè lũ triều đình Vin-hem II. Tích cực tham gia vào việc chuẩn bị và gây ra cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất. Sau khi quân đội Đức bị thất bại trên sông Mác-na năm 1914, Môn-tkê bị cách chức. – 174.

Mu-kha-nốp, A. A. (1860 - 1907) – địa chủ, từ năm 1899 – thủ lĩnh của giới quý tộc tỉnh Tséc-ni-gốp, ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - lập hiến. Đại biểu của tỉnh Tséc-ni-gốp trong Đu-ma nhà nước I, chủ tịch tiểu ban ruộng đất. – 456.

Mu-ra-vi-ép, M. N. (1796 - 1866) – nhà hoạt động nhà nước phản động của nước Nga Nga hoàng. Trong những năm 1830 - 1831, Mu-ra-vi-ép đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa giải phóng Ba-lan. Từ năm 1850 là ủy viên Hội đồng nhà nước. Trong những năm 1857 - 1861 là bộ trưởng Bộ tài sản quốc gia. Kẻ chống đối cuồng nhiệt việc bãi bỏ chế độ nông nô. Được bổ nhiệm làm tổng trấn tỉnh Vin-na, Mu-ra-vi-ép đàn áp hết sức dã man cuộc khởi nghĩa năm 1863 ở Ba-lan, Lit-va và Bê-lô-ru-xi-a, vì thế nhân dân đã đặt cho y biệt danh là "tên đi treo cổ". – 581.

Mu-sen-cô, I. N. (sinh năm 1871) – đại biểu của tỉnh Cuốc-xơ trong Đu-ma nhà nước II, một trong những thủ lĩnh của đảng đoàn xã hội chủ nghĩa - cách mạng trong Đu-ma, về nghề nghiệp là kỹ sư. Trong Đu-ma, tham gia vào tiểu ban ruộng đất, là báo cáo viên chính thức của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng về vấn đề ruộng đất. – 310, 324, 331 - 332, 491.

N

N. X. – xem Xva-vi-txơ-ki, N. A.

Na-bô-cốp, V. Đ. (1869 - 1922) – một trong những người tổ chức và lãnh tụ Đảng dân chủ - lập hiến, ủy viên Ban chấp hành trung

ương đảng này. Người biên tập và xuất bản tuần san "Truyền tin của Đảng tự do nhân dân", và cả cơ quan trung ương của Đảng dân chủ - lập hiến là báo "Ngôn luận"; đại biểu của thành phố Pê-téc-bua trong Đu-ma nhà nước I. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 – chánh văn phòng của Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Na-bô-cốp ráo riết đấu tranh chống Chính quyền xô-viết, tham gia cái gọi là Chính phủ miền Crum do bọn bạch vệ tổ chức, làm bộ trưởng Bộ tư pháp, sau đó sang Béc-ling sống lưu vong; tham gia xuất bản tờ báo "Tay lái" của nhóm dân chủ - lập hiến cánh hữu lưu vong. – 68.

Na-cô-nê-txơ-nui, I. M. (sinh năm 1879) – nông dân, đại biểu tỉnh Li-ublín trong Đu-ma nhà nước I, III và IV, đi theo cánh tả trong Đảng dân chủ - dân tộc. Tham gia tích cực phong trào giải phóng dân tộc Ba-lan, đã bị bắt và đày đi Vô-lô-gđa 3 năm, nhưng năm 1905 được ân xá. Một trong những người tổ chức ra Đại hội nông dân ở Vác-sa-va năm 1905. Trong Đu-ma, tham gia tiểu ban ruộng đất. – 494.

Na-da-ren-cô, Đ. I. (sinh năm 1861) – nông dân, đại biểu của tỉnh Khác-cốp trong Đu-ma nhà nước I, người của phái lao động. Năm 1905 đã tham gia tích cực phong trào nông dân, và bị bắt. Trong Đu-ma, tham gia tiểu ban điều hành và các tiểu ban khác. Đã ký vào Lời kêu gọi Vư-boóc-gơ nên đã bị kết án và bị tước quyền bầu cử. – 454.

Na-pô-lê-ông I (Bô-na-pác-tơ) (1769 - 1821) – hoàng đế Pháp những năm 1804 - 1814 và 1815. – 300.

Na-pô-lê-ông III (Bô-na-pác-tơ, Lu-i) (1808 - 1873) – hoàng đế Pháp từ năm 1852 đến 1870, cháu của Na-pô-lê-ông I. Sau khi đập tan cuộc cách mạng năm 1848, được bầu làm tổng thống nước Cộng hòa Pháp; vào đêm ngày 1 rạng ngày 2 tháng Chạp 1851, y đã làm đảo chính. Trong tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ", C. Mác đã đánh giá về Na-pô-lê-ông III (Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Nga, t. I, 1955, tr. 208 - 302). – 212 - 213.

Nê-cra-xốp, N. A. (1821 - 1878) – nhà thơ vĩ đại người Nga, nhà dân chủ cách mạng. Từ năm 1847 xuất bản tạp chí "Người đương thời", tạp chí này hầu như trong suốt 20 năm là trung tâm văn học tiến bộ Nga và tư tưởng xã hội; tạp chí được sự cộng tác của

N. G. Tséc-nư-sép-xki và N. A. Đô-brô-li-u-bốp. Sau khi tạp chí "Người đương thời" bị chính quyền Nga hoàng đóng cửa năm 1866, chẳng bao lâu Nê-cra-xốp đã trở thành người đứng đầu tạp chí "Ký sự nước nhà" và cùng với M. Ê. Xan-tư-cốp - Sê-đrin biến nó thành cơ quan ngôn luận có tư tưởng dân chủ tiến bộ. Thơ ca của Nê-cra-xốp thể hiện rõ những tư tưởng dân chủ nông dân cách mạng. Những tác phẩm quan trọng nhất của Nê-cra-xốp: "Ai là người sống sung sướng trên đất Nga", "Ông già tuyết mũi đỏ", "Con đường sắt", "Những phụ nữ Nga" v. v..

V. I. Lê-nin đánh giá cao sự nghiệp sáng tác của Nê-cra-xốp và thường dùng những hình tượng trong tác phẩm của ông. — 54 - 55.

Nê-tsi-tai-lô, X. V. (sinh năm 1862) — nông dân, đại biểu của tỉnh Ki-ép trong Đu-ma nhà nước II, người thuộc phái lao động. Sau khi phục vụ trong quân đội, có một thời gian làm y sĩ ở nhiều nơi, sau làm nghề nông. — 483.

Nê-vê-đôm-xki, M. (Mì-cla-sép-xki, M. P.) (1866 - 1943) — đảng viên dân chủ - xã hội, thuộc phái men-sê-vích, nhà phê bình văn học và nhà chính luận. Trong những năm thế lực phản động thống trị, là người thuộc phái thủ tiêu, đồng tình với các tác giả của văn tập dân chủ - lập hiến "Những cái mốc"; chống lại tính đảng trong văn học. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười chuyên viết chính luận. Trong những tác phẩm của mình, V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán những quan điểm men-sê-vích của Nê-vê-đôm-xki. — 66 - 68, 72, 75, 79, 80.

Ni-cô-lai II (Rô-ma-nốp) (1868 - 1918) — hoàng đế Nga cuối cùng, trị vì từ năm 1894 đến Cách mạng tháng Hai 1917. Ngày 17 tháng Bảy 1918 đã bị xử bắn ở Ê-ca-tê-rin-bua (Xvéc-đlốp-xcơ) theo quyết định của Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ khu U-ran. — 538, 582, 583.

Nô-vô-xét-xki (Bì-na-xích, M. X.) (1883 - 1938) — đảng viên dân chủ - xã hội, thuộc phái men-sê-vích, về nghề nghiệp là luật sư. Năm 1906 là đại biểu chính thức tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, thay mặt cho tổ chức Xmoóc-gôn. Trong những năm thế lực phản động thống trị, từ bỏ phong trào dân chủ - xã hội. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, là chủ tịch ban quân sự Xô-viết Pê-tơ-rô-grát và là ủy viên Ban chấp hành Xô-viết Pê-tơ-rô-grát; tham gia Ban chấp hành trung ương các Xô-viết khóa một. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng

Mười là chủ tịch nội các liên hiệp ở Vla-đi-vô-xtốc; về sau làm công tác kinh tế ở Mát-xcơ-va. — 396, 400, 403, 416, 501.

Nô-xkê (Noske), Gu-xta-vơ (1868 - 1946) — một trong những thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Từ lâu trước chiến tranh thế giới thứ nhất, đã lên tiếng bênh vực chủ nghĩa quân phiệt. Trong thời gian chiến tranh là một phần tử xã hội - só-vanh. Trong quốc hội bỏ phiếu tán thành những kinh phí chi cho quân sự. Năm 1918, trong thời gian có cuộc Cách mạng tháng Mười một ở Đức, là một trong những kẻ cầm đầu cuộc đàn áp phong trào cách mạng của các thủy thủ ở Ki-en. Trong những năm 1919 - 1920 là bộ trưởng Bộ chiến tranh; kẻ tổ chức các cuộc đàn áp công nhân Béc-lanh và giết chết C. Liép-nếch và R. Lúc-xăm-bua, vì thế, y có tên gọi là "con chó khát máu". Sau này là chủ tịch tỉnh Han-nô-vơ thuộc Phổ. Trong những năm chế độ độc tài phát-xít thống trị, y nhận tiền hưu trí nhà nước do chính phủ Hít-le cấp.

V. I. Lê-nin gọi Nô-xkê là "tên phản bội - xã hội", là một trong những "tên đao phủ ghê tởm nhất xuất thân từ công nhân và đã chạy sang phục vụ cho chế độ quân chủ và cho giai cấp tư sản phản cách mạng" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 38, tr. 366). — 233.

Ô

Ô-dôn, I. P. (sinh năm 1878) — đảng viên dân chủ - xã hội, thuộc phái men-sê-vích, đại biểu của thành phố Ri-ga trong Đu-ma nhà nước II, về nghề nghiệp là nhà kinh tế học. Vào cuối những năm 90 của thế kỷ XIX, tham gia tổ chức các tiểu tổ công nhân dân chủ - xã hội đầu tiên ở Ri-ga, đồng thời tham gia thành lập Tổ chức công nhân dân chủ - xã hội Lát-vi-a miền Pri-ban-tích năm 1902. Từ năm 1904 đến 1907 — ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Lát-vi-a và Đảng dân chủ - xã hội xứ Lát-vi-a, ủy viên ban biên tập báo "Txin". Là người tham dự Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Năm 1907 sang Mỹ sống lưu vong. — 505, 509 - 510, 511.

Ô-dô-lin, C. I-a. (1866 - 1933) — trạng sư, đảng viên dân chủ - lập hiến, đại biểu của tỉnh Li-phli-an-đi-a trong Đu-ma nhà nước I. Trong Đu-ma, đi theo nhóm "Liên minh của những người tự trị" của Lát-vi-a. Là thượng nghị sĩ của nước Lát-vi-a tư sản. — 496.

Ô-lê-nốp, M. I. (sinh năm 1876) — nhà kinh tế học và nhà chính luận theo xu hướng mác-xít, về trình độ học vấn là bác sĩ, cộng tác với tạp chí văn học, khoa học - phổ thông và chính trị - xã hội "Học vấn". — 351.

Ốp-tsin-ni-cốp, I. N. (sinh năm 1863) — đảng viên dân chủ - lập hiến, đại biểu của tỉnh Vi-át-ca trong Đu-ma nhà nước I, về nghề nghiệp là nhà nông học. — 456.

Ốt-nô-cô-dốp, A. E. (sinh năm 1859) — đại biểu của tỉnh Vô-rô-ne-giơ trong Đu-ma nhà nước II, là nông dân và tiểu thương, đi theo những người dân chủ - lập hiến, đã ký vào "dự thảo của 104 người" về ruộng đất. — 307.

P

Pác-vu-xơ (Ghen-phan-đơ, A. L.) (1869 - 1924) — đảng viên men-sê-vích. Vào cuối những năm 1890 — đầu những năm 1900 đã hoạt động trong hàng ngũ của Đảng dân chủ - xã hội Đức, gia nhập cánh tả của đảng này; là biên tập viên báo "Sächsische Arbeiter-Zeitung" ("Báo công nhân Dắc-dên"); viết nhiều tác phẩm về các vấn đề kinh tế thế giới. Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, gia nhập phái men-sê-vích. Trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất, Pác-vu-xơ ở Nga, cộng tác với báo men-sê-vích "Bước đầu", kêu gọi tham gia Đu-ma Bu-lư-ghin, bảo vệ sách lược thực hiện những thỏa hiệp nhỏ với những người dân chủ - lập hiến v. v.. Pác-vu-xơ đề xuất "thuyết cách mạng thường trực" phản mác-xít; Tơ-rốt-xki sau này đã biến thuyết đó thành vũ khí đấu tranh chống chủ nghĩa Lê-nin. Trong những năm thế lực phản động thống trị, Pác-vu-xơ rời bỏ Đảng dân chủ - xã hội; trong chiến tranh thế giới thứ nhất, là phân tử xã hội - sô-vanh, tay sai của chủ nghĩa đế quốc Đức, đầu cơ lớn về những trang bị quân sự để kiếm lợi. Từ năm 1915, xuất bản tạp chí "Die Glocke" ("Cái chuông") mà Lê-nin đánh giá là "cơ quan của bọn phản bội và bọn đây tớ ti tiện ở Đức" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, t. 21, tr. 496). — 21, 123, 129, 359.

Pê-rê-i-a-xláp-xki, I-u. — xem Khru-xta-lép - Nô-xác, G. X.

Pê-sê-khô-nốp, A. V. (1867 - 1933) — nhà hoạt động xã hội tư sản và là một nhà chính luận. Trong những năm 90 của thế kỷ XIX — là một người dân túy tự do chủ nghĩa; cộng tác viên, và từ năm 1904 là ủy viên ban biên tập tạp chí "Cửa cải nước Nga"; cộng tác với tạp

chí tư sản - tự do chủ nghĩa "Giải phóng" và với báo của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng "Nước Nga cách mạng". Năm 1903 - 1905 tham gia "Hội liên hiệp giải phóng", từ 1906 — một trong những người lãnh đạo đảng tiểu tư sản của "những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân". Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 — bộ trưởng Bộ lương thực trong Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đã đấu tranh chống lại Chính quyền xô-viết; từ năm 1922 là một tên bạch vệ lưu vong. — 310, 329 - 330, 331, 375, 417, 469 - 470, 535, 541.

Pê-téc-xôn, B. L. (sinh năm 1874) — địa chủ lớn, đại biểu của tỉnh Cô-xtơ-rô-ma trong Đu-ma nhà nước II, chủ tịch cơ quan hành chính của Hội đồng địa phương huyện Vết-lu-giơ-xcơ. Lúc đầu tham gia Đảng dân chủ - lập hiến, sau đó đi theo "những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân". Đã tham gia nhiều tiểu ban trong Đu-ma. — 307.

Pê-tơ-rô-tsen-cơ, Ph. I. (sinh năm 1875) — nông dân, đại biểu của tỉnh Vi-tép-xcơ trong Đu-ma nhà nước II. Trong Đu-ma, ngả theo phái hữu, tham gia tiểu ban giúp đỡ những người thất nghiệp. Trong những năm 1911 - 1913, 1917 và 1918 — thành viên của cơ quan hành chính của Hội đồng địa phương huyện Pô-lốp-xcơ. — 278, 460, 505.

Pê-tơ-run-kê-vích, I. I. (1844 - 1928) — địa chủ, nhà hoạt động hội đồng địa phương, đảng viên dân chủ - lập hiến. Năm 1904 là chủ tịch "Hội liên hiệp giải phóng" quân chủ - tự do chủ nghĩa. Tham dự các đại hội của hội đồng địa phương những năm 1904 - 1905. Là một trong những người sáng lập và thủ lĩnh nổi tiếng của Đảng dân chủ - lập hiến, chủ tịch Ban chấp hành trung ương của đảng này và là người xuất bản báo "Ngôn luận", cơ quan ngôn luận trung ương của đảng này. Là đại biểu Đu-ma nhà nước I. Hoạt động xã hội của Pê-tơ-run-kê-vích là sự phản ánh điển hình nhất về thái độ bội đờ chính trị của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa trước chế độ chuyên chế. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Pê-tơ-run-kê-vích trở thành một tên bạch vệ lưu vong. — 456, 457.

Phan-lu (Falloux) Phrê-đê-rích An-phrết Pi-e (1811 - 1886) — nhà hoạt động chính trị và nhà văn Pháp, người theo chủ nghĩa chính thống và tăng lữ. Năm 1848 — người chủ xướng việc tàn sát và cướp phá các xưởng thợ quốc gia và là người cổ vũ việc đàn áp cuộc

khởi nghĩa tháng Sáu ở Pa-ri. Trong thời nền Cộng hòa thứ hai là đại biểu của Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, bộ trưởng Bộ giáo dục và tôn giáo (1848 - 1849). — 533.

Phi-lô-nốp, Ph. V. (chết năm 1906) — tham biện tỉnh. Năm 1905 - 1906 là một trong những kẻ chỉ huy các đội trừng phạt của chính phủ Nga hoàng ở tỉnh Pôn-ta-va. Tháng Chạp 1905, gây ra vụ đàn áp đẫm máu đối với nông dân ở vùng Bôn-si-ê Xô-rô-tsin-txư và làng U-xti-vi-txư. Y đã bị một đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng giết. — 56.

Phi-nơ - Ê-nô-ta-ép-xki, A. I-u (1872 - 1943) — đảng viên dân chủ - xã hội, nhà kinh tế học và nhà văn học. Vào những năm 1903 - 1914, gia nhập phái bôn-sê-vích; năm 1906 tham gia ủy ban soạn thảo cương lĩnh ruộng đất đưa ra Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; ông bác bỏ quốc hữu hóa, đòi tịch thu ruộng đất địa chủ và chia đều ruộng đất rồi chuyển thành sở hữu riêng của nông dân.

Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, ông là một phân tử vệ quốc và sô-vanh. Tác giả của một số tác phẩm về các vấn đề kinh tế, trong đó đã xuyên tạc thực chất của chủ nghĩa Mác. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, đã cộng tác với tờ báo có xu hướng men-sê-vích "Đời sống mới". Năm 1931 đã bị kết án trong vụ án tổ chức phản cách mạng của phái men-sê-vích. — 331, 330 - 331, 331, 338, 370, 373.

Phiếc-xốp, Đ. (Rô-den-bli-um, D. X.) (sinh năm 1875) — đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng, một trong những tác giả cuốn "Về việc sửa đổi cương lĩnh ruộng đất và sự luận chứng cho cương lĩnh đó", do Nhà xuất bản sách "Kỷ nguyên" xuất bản vào năm 1908. — 551.

Phô-mi-tsép, M. M. (sinh năm 1882) — đảng viên dân chủ - xã hội, thuộc phái men-sê-vích, đại biểu của tỉnh Ta-vrích trong Đu-ma nhà nước II. Trong Đu-ma, tham gia tiểu ban ruộng đất và tiểu ban phụ trách công việc nhà thờ. — 506, 507.

Phôn-ma (Vollmar), Gióóc-giơ Hen-rích (1850 - 1922) — một trong những thủ lĩnh cánh cơ hội chủ nghĩa trong Đảng dân chủ - xã hội Đức, nhà báo. Vào giữa những năm 70 của thế kỷ XIX, gia nhập Đảng dân chủ - xã hội, trong những năm 1879 - 1880 làm chủ biên báo "Der Sozialdemokrat" ("Người dân chủ - xã hội"), cơ quan ngôn luận của đảng, xuất bản bí mật ở Xuy-rích; ông nhiều lần được bầu làm đại biểu Quốc hội Đức và hội đồng tỉnh Ba-vi-e.

Sau khi bãi bỏ đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa, năm 1891, tại Muyn-khen, Phôn-ma đọc hai bài diễn văn, trong đó ông đề nghị hạn chế hoạt động của đảng trong khuôn khổ đấu tranh đòi cải cách, kêu gọi thỏa hiệp với chính phủ. Cùng với Béc-stanh, Phôn-ma trở thành nhà tư tưởng của chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại. Ông phản đối việc làm cho cuộc đấu tranh giai cấp trở nên gay gắt, ông chứng minh tính ưu việt của "chủ nghĩa xã hội nhà nước", kêu gọi Đảng dân chủ - xã hội liên minh với phái tự do; khi thảo cương lĩnh ruộng đất của đảng, ông bênh vực lợi ích của những người tiểu tư hữu ruộng đất. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, đứng trên lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Trong những năm cuối đời, ông thôi không hoạt động chính trị tích cực nữa. — 90 - 91, 106 - 107, 112, 553.

Phren-ken, D. G. (sinh năm 1869) — đại biểu của tỉnh Cô-xơ-rô-ma trong Đu-ma nhà nước I, đảng viên dân chủ - lập hiến, về nghề nghiệp là bác sĩ. Từ năm 1896 đến năm 1901 công tác trong Hội đồng địa phương tỉnh Pê-téc-bua, phụ trách phòng vệ sinh của Hội đồng địa phương tỉnh Vô-lô-gđa và Cô-xơ-rô-ma. Phren-ken cộng tác với các tạp chí "Bước đầu", "Lời nói mới", "Đời sống" v. v.. Năm 1917 là ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - lập hiến. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là giáo sư các trường cao đẳng Lê-nin-grát. — 455.

Pi-a-núc, I. E. (1863 - 1929) — nông dân, đại biểu tỉnh Cuốc-xơ trong Đu-ma nhà nước II, đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Trong những năm 1903 - 1907 làm việc trong Hội liên hiệp nông dân ở Si-gơ-rốp của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng; năm 1907 bị bắt và năm 1909 bị kết án tử hình vì vụ án Hội Liên hiệp này; sau đó án tử hình được thay bằng tù khổ sai vô thời hạn. Trong những năm 1909 - 1914 bị đày ở Tô-bôn-xơ, năm 1914 - 1917 — ở Sli-xen-bua. Sau này, Pi-a-núc từ bỏ hoạt động chính trị. — 475.

Pi-ke, A. X. — xem Mác-tư-nốp, A.

Pi-mê-nô-va, E. C. (E. P.) (1885 - 1935) — nhà báo và nhà văn. Bà cộng tác với các tạp chí "Thế giới của Thượng đế", "Cửa cải nước Nga" và "Thế giới ngày nay"; theo lập trường men-sê-vích. — 554, 557.

Plê-kha-nốp, G. V. (1856 - 1918) — nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Nga và quốc tế, người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác ở Nga. Năm 1875 khi còn là sinh viên, Plê-kha-nốp đã có liên hệ với những người dân túy, với công nhân Pê-téc-bua và đã tham

gia hoạt động cách mạng, năm 1877 gia nhập tổ chức dân tụy "Ruộng đất và tự do", năm 1879, sau khi tổ chức này bị phân liệt, ông đứng đầu tổ chức mới của những người dân tụy "Chia đều ruộng đất". Năm 1880, sang Thụy-sĩ sống lưu vong, đoạn tuyệt với chủ nghĩa dân tụy và năm 1883, ở Giơ-ne-vơ, ông đã thành lập một tổ chức mác-xít Nga đầu tiên — nhóm "Giải phóng lao động". Vào những năm 90 của thế kỷ XIX, Plê-kha-nốp đấu tranh chống chủ nghĩa dân tụy, chống chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân quốc tế. Những năm đầu thế kỷ XX, cùng với V. I. Lê-nin, ông biên tập báo "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh"; tham gia việc chuẩn bị Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Tại Đại hội, ông là đại biểu của phái "Giải phóng lao động", thuộc phái "Tia lửa" phe đa số.

Từ năm 1883 đến 1903, Plê-kha-nốp viết nhiều tác phẩm đóng vai trò to lớn trong việc bảo vệ thế giới quan duy vật và là công hiến quý báu vào kho tàng của chủ nghĩa xã hội khoa học. Những tác phẩm đó là: "Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chính trị" (1883), "Những sự bất đồng giữa chúng ta" (1885), "Bàn về sự phát triển của quan điểm nhất nguyên về lịch sử", "Bàn về vai trò của cá nhân trong lịch sử" (1898), "Khái luận về lịch sử của chủ nghĩa duy vật" (1896) v. v..

Song, ngay hồi đó, Plê-kha-nốp đã mắc phải những sai lầm nghiêm trọng, mà sau này đó là mầm mống của những quan điểm men-sê-vích của ông. Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Plê-kha-nốp đã đứng trên lập trường điều hòa với chủ nghĩa cơ hội, và sau đó thì ngã theo phái men-sê-vích. Trong thời kỳ cách mạng 1905 - 1907, đã đứng trên lập trường điều hòa với tất cả các vấn đề cơ bản; đánh giá chưa đúng mức vai trò cách mạng của nông dân, đòi liên minh với giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa; trên lời nói thì thừa nhận tư tưởng độc quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản, nhưng trong việc làm thì ông chống lại thực chất của tư tưởng đó. Đã lên án cuộc khởi nghĩa vũ trang tháng Chạp 1905. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, Plê-kha-nốp đã chống lại phái Ma-khơ xét lại chủ nghĩa Mác và chống lại phái thủ tiêu, cầm đầu nhóm "men-sê-vích ủng hộ đảng". Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, Plê-kha-nốp đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh, bảo vệ sách lược vệ quốc men-sê-vích, đoạn tuyệt hẳn với chủ nghĩa Mác. Sau Cách mạng tháng Hai 1917, trở về Nga, cầm đầu nhóm cực hữu của phái men-sê-vích - vệ quốc "Thống nhất", tích cực chống những người bôn-sê-vích, chống cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, cho rằng nước

Nga chưa chín muồi để chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Có thái độ tiêu cực đối với cuộc Cách mạng tháng Mười, nhưng không tham gia đấu tranh chống Chính quyền xô-viết.

V. I. Lê-nin đánh giá cao những tác phẩm triết học của Plê-kha-nốp và vai trò của ông trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác ở Nga; đồng thời Người cũng phê phán kịch liệt Plê-kha-nốp vì đã xa rời chủ nghĩa Mác và vì những sai lầm lớn của ông trong hoạt động chính trị. — 17 - 18, 48, 67, 87, 101, 102, 103, 111, 123, 134, 146, 171, 185, 187 - 188, 195 - 196, 199, 200, 205, 206, 230 - 231, 232, 235 - 236, 274, 293, 368, 385 - 386, 389 - 391, 393, 394, 395, 397, 398, 399, 403, 404, 410 - 411, 412, 415, 416, 419, 421, 422 - 423, 447, 448, 468, 498, 545, 548 - 549, 550 - 551, 552 - 553, 554, 555, 557.

Plê-va-cô, Ph. N. (1843 - 1908) — luật sư nổi tiếng, đảng viên Đảng tháng Mười. Đại biểu của thành phố Mát-xcơ-va trong Đu-ma nhà nước III, tham gia tiểu ban quốc phòng, tiểu ban dự thảo đạo luật và các tiểu ban khác. — 190.

Poóc-tu-ga-lốp, V. V. (sinh năm 1874) — nhà chính luận dân chủ - lập hiến, đã cộng tác với các báo "Báo Xa-ra-tốp khổ nhỏ", "Đồng chí", "Truyền tin X-mô-len-xcơ". Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, lưu vong ra nước ngoài, tham gia tổ chức của những người lưu vong phản cách mạng của B. V. Xa-vin-cốp; tham gia báo chí của bọn bạch vệ lưu vong. — 48.

Pô-crốp-xki, I. P. (1872 - 1963) — đảng viên dân chủ - xã hội, về nghề nghiệp là bác sĩ. Là đại biểu của vùng Cu-ban và Tê-rếch và tỉnh Hắc-hải trong Đu-ma nhà nước III, đã gia nhập bộ phận bôn-sê-vích trong đảng đoàn dân chủ - xã hội. Năm 1910, với tư cách là đại diện của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma III, đã tham gia ban biên tập tờ báo bôn-sê-vích hợp pháp "Ngôi sao". — 565, 568 - 569.

Pô-i-ác-cốp, A. V. (sinh năm 1868) — linh mục, đại biểu của tỉnh Vô-rô-ne-giơ trong Đu-ma nhà nước I. — 475, 512.

Pô-ni-a-tốp-xki, S. A. (sinh năm 1863) — địa chủ lớn, về nghề nghiệp là trạng sư, đại biểu của tỉnh Vô-lun trong Đu-ma nhà nước I. Trong Đu-ma được bầu làm phó thư ký, là ủy viên của tiểu ban ruộng đất. Ngã theo phái tự trị (nhóm các vùng biên khu miền Tây). — 494.

Pô-pơ (Popp) A-đen-gây (sinh năm 1869) — người sáng lập và lãnh đạo phong trào dân chủ - xã hội của phụ nữ ở Áo. Từ năm 1892, bà là biên tập viên cơ quan dân chủ - xã hội "Arbeiterinnen - Zeitung".

Bà tham gia Đại hội Stút-ga của Quốc tế II. Năm 1918 được bầu vào Hội đồng thị chính ở Viên; năm 1919 được bầu vào Quốc hội — 104.

Pô-tơ-rê-xốp, A. N. (Xta-rô-ve) (1869 - 1934) — một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Vào những năm 90 của thế kỷ XIX gia nhập hàng ngũ những người mác-xít; do tham gia "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" ở Pê-téc-bua nên bị đày đến tỉnh Vi-át-ca. Năm 1900, ra nước ngoài, tham gia vào việc lập ra báo "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh". Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là đại biểu không có quyền biểu quyết của ban biên tập báo "Tia lửa", một người "Tia lửa" thuộc phái thiểu số. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, Pô-tơ-rê-xốp là nhà tư tưởng của phái thủ tiêu, đóng vai trò lãnh đạo trong các tạp chí men-sê-vích "Phục hưng", "Bình minh của chúng ta" v.v.. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, là một phần tử xã hội - sô-vanh. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, ra nước ngoài sống lưu vong, cộng tác với tuần báo của Kê-ren-xki "Thời gian"; đả kích nước Nga xô-viết. — 119.

Pô-vi-li-út, A. M. (sinh năm 1871) — đại biểu của tỉnh Cốp-nơ trong Đu-ma nhà nước II, là nông dân. Trong Đu-ma, tham gia tiểu ban ruộng đất, tham gia đảng đoàn dân chủ - xã hội. Trong các năm 1906, 1908, 1910 và 1911 từng bị tù. Sau đó từ bỏ phong trào cách mạng. Trong nước Lit-va tư sản, ông công tác trong các tổ chức hợp tác, làm nông nghiệp. Sau khi Chính quyền xô-viết được thiết lập ở Lit-va, ông làm ở nông trang tập thể. — 496.

Prô-cô-pô-vích, X. N. (1871 - 1955) — nhà kinh tế học và nhà chính luận tư sản. Vào cuối những năm 90 của thế kỷ XIX — đại biểu nổi tiếng của "chủ nghĩa kinh tế", một trong những người đầu tiên tuyên truyền chủ nghĩa Béc-stanh ở Nga, về sau là thành viên tích cực của tổ chức quân chủ - tự do chủ nghĩa "Hội liên hiệp giải phóng". Năm 1906 — ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - lập hiến. Là biên tập viên và người xuất bản tạp chí nửa dân chủ - lập hiến, nửa men-sê-vích "Vô đề", cộng tác viên tích cực của tờ báo cánh tả của Đảng dân chủ - lập hiến "Đồng chí", tác giả nhiều cuốn sách nói về vấn đề công nhân, viết theo lập trường Béc-stanh - tự do chủ nghĩa. Năm 1917 — bộ trưởng Bộ lương thực trong Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Prô-cô-pô-vích bị trục xuất ra khỏi Liên-xô do hoạt động chống Nhà nước xô-viết. — 48, 187, 235, 260, 260 - 261, 280 - 281.

Pru-đông (Proudhon) Pi-e Giô-dép (1809 - 1865) — nhà chính luận, nhà kinh tế học và nhà xã hội học Pháp, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa vô chính phủ. Pru-đông mơ tưởng duy trì vĩnh viễn chế độ tiểu tư hữu và đứng trên lập trường tiểu tư sản để phê phán chế độ sở hữu lớn tư bản chủ nghĩa. Ông đề nghị tổ chức "ngân hàng nhân dân" đặc biệt, với sự trợ giúp của "tín dụng không lấy lãi", "ngân hàng này giúp cho công nhân mua sắm được những tư liệu sản xuất riêng. Cũng mang tính chất phản động như vậy, tư tưởng không tưởng của Pru-đông về việc thành lập những "ngân hàng trao đổi" riêng, ngân hàng này tưởng như có thể đảm bảo cho những người lao động tiêu thụ sản phẩm của mình một cách "công bằng", mà đồng thời không đụng chạm gì đến chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa về công cụ và tư liệu sản xuất. Pru-đông coi nhà nước là nguồn gốc chủ yếu đẻ ra các mâu thuẫn giai cấp, đưa ra các dự án không tưởng về việc "thủ tiêu nhà nước" một cách hòa bình, tuyên truyền cho thái độ phủ nhận đấu tranh chính trị. Năm 1846, Pru-đông cho xuất bản cuốn "Hệ thống những mâu thuẫn kinh tế hay là triết học của sự khốn cùng", trong đó ông đã trình bày những quan điểm kinh tế - triết học tiểu tư sản của mình. — 237, 577.

Pti-txun — xem Xô-lô-vây-tsích, B. I.

"Pu-ga-tsép" — xem Ca-ba-cốp, G. I.

Pu-ri-skê-vích, V. M. (1870 - 1920) — địa chủ lớn, tên Trăm đen cực kỳ phản động, tên bảo hoàng. Từ năm 1900 đã làm ở Bộ nội vụ, năm 1904, là một quan chức thuộc Bộ nội vụ dưới thời Plê-vê được giao những nhiệm vụ đặc biệt. Là một trong những kẻ thủ xướng việc thành lập ra tổ chức Trăm đen "Liên minh nhân dân Nga"; năm 1907, ra khỏi liên minh này và thành lập một tổ chức quân chủ phản cách mạng mới — "Hội Mi-kha-in Ác-khan-ghen"; đại biểu của tỉnh Bét-xa-ra-bi-a trong Đu-ma nhà nước II, III và IV. Do những hành động tàn sát và những diễn văn bài Do-thái của y tại Đu-ma, mà y đã được nhiều người biết đến. Theo cách nói của V. I. Lê-nin thì "ý kiến đã được Pu-ri-skê-vích phát biểu" là ý kiến của "tên địa chủ dã man và tên Đéc-gi-moóc-đa già" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 15, tr. 603). Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, y ráo riết đấu tranh chống Chính quyền xô-viết. — 48, 195, 445.

R

R. — xem Rát-tsen-cô X. I.

Rát-tsen-cô, X. I. (R.) (1868 - 1911) — đảng viên dân chủ - xã hội, tham gia phong trào cách mạng từ năm 1890. Năm 1893 Rát-tsen-cô là một trong những người tổ chức ra tiểu tổ mác-xít của sinh viên công nghệ mà V. I. Lê-nin, G. M. Crơ-gi-gia-nốp-xki, A. A. Va-nê-ép và những người khác đã tham gia. Năm 1895 tham gia trung tâm lãnh đạo "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" ở Pê-téc-bua. Ông tham dự Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, được bầu làm ủy viên Ban chấp hành trung ương. Năm 1901 bị bắt vì hoạt động cách mạng và năm 1904 bị đày đến tỉnh Vô-lô-gđa. Sau khi đi đày về, năm 1905, ông thôi không hoạt động chính trị nữa. — 119.

Ren-nên-cam-phơ, P. C. (1854 - 1918) — tướng của Nga hoàng, một trong những tên đao phủ và kẻ tàn sát phong trào cách mạng. Năm 1900 - 1901 đã tổ chức ác cựa độ trong việc đàn áp cuộc khởi nghĩa của "Nghĩa hòa đoàn" ở Trung-quốc. Năm 1906 cầm đầu cuộc đàn áp phong trào cách mạng ở Xi-bi-ri. Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, khi chỉ huy quân đoàn I của Nga, đã tỏ ra hết sức lơ là, gần như là phản bội, và đó cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến quân đội Nga bị thất bại ở Đông Phổ; năm 1915 bị cách chức và sa thải. Năm 1918 bị xử bắn vì tội hoạt động phản cách mạng. — 58.

Rê-men-tích, Đ. I-a (sinh năm 1863) — nông dân, lý tưởng, đại biểu của tỉnh Min-xơ trong Đu-ma nhà nước II, trong Đu-ma đi theo cánh hữu. — 459 - 460.

Ri-các-đô (Ricardo), Đa-vít (1772 - 1823) — nhà kinh tế học xuất sắc người Anh, tác giả các tác phẩm "Nguyên lý của kinh tế chính trị học và thuế má" (1817), "Về sự bảo trợ nông nghiệp" (1822) và nhiều tác phẩm khác, trong đó kinh tế chính trị học cổ điển của giai cấp tư sản đã đạt đến đỉnh cao. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh của nó chống lại những tàn dư của chế độ phong kiến, Ri-các-đô đã kiên trì nguyên tắc cạnh tranh tự do, đòi thủ tiêu mọi hạn chế kìm hãm sự phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vai trò lịch sử của Ri-các-đô đối với khoa học kinh tế trước hết là ở chỗ ông đã nêu ra thuyết về giá trị của lao động, ông đã cố gắng lấy thuyết này xây dựng thành cơ sở cho toàn bộ kinh tế chính trị học. Phát triển học thuyết về giá trị của A. Xmit,

Ri-các-đô đã chứng minh rằng giá trị do lao động đã hao phí trong sản xuất hàng hóa quyết định, và lao động đó là nguồn gốc tạo ra tiền công của công nhân cũng như những khoản thu nhập của những người không lao động — lợi nhuận và địa tô. Ri-các-đô đã phát hiện ra sự đối lập giữa tiền công của công nhân và lợi nhuận của nhà tư bản, nghĩa là vạch rõ sự xung đột về lợi ích giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Nhưng vì bị hạn chế về mặt giai cấp, Ri-các-đô không thể phân tích một cách thật sự khoa học chủ nghĩa tư bản và không thể vạch trần được bí mật của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa. Ri-các-đô cho rằng sản xuất hàng hóa và chủ nghĩa tư bản là hình thức tự nhiên và vĩnh viễn của nền sản xuất xã hội. Ri-các-đô không vạch ra được bản chất xã hội của giá trị, không thấy được sự khác nhau giữa giá trị và giá cả trong sản xuất và cũng không thể hiểu được nguồn gốc và thực chất của tiền tệ.

C. Mác đã phê phán những quan điểm lý luận của Ri-các-đô trong bộ "Tư bản", "Các học thuyết về giá trị thặng dư" và các tác phẩm khác. — 313 - 314, 315.

Ri-út-li, O. I. (sinh năm 1871) — luật sư, chủ tịch các hội "Ta-ra", "Va-nê-mui-nê", giám đốc hội tín dụng hai chiều; đảng viên dân chủ - lập hiến, đại biểu của tỉnh Li-phi-an-đi-a trong Đu-ma nhà nước I. Trong Đu-ma, thuộc nhóm E-xtô-ni-a của "liên minh những người tự trị". — 495.

Rô-den-bli-um, Đ. — xem Phiếc-xốp, Đ.

Rô-đi-tép, Ph. I. (sinh năm 1856) — địa chủ tỉnh Tve, và nhà hoạt động hội đồng địa phương, một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - lập hiến, ủy viên Ban chấp hành trung ương của đảng này. Rô-đi-tép đã tham gia các đại hội hội đồng địa phương những năm 1904 - 1905. Đại biểu Đu-ma nhà nước I, II, III và IV. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, là ủy viên trong Chính phủ lâm thời tư sản phụ trách các vấn đề Phần-lan. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là một tên bạch vệ lưu vong. — 21, 459.

Rô-giơ-đê-xtơ-ven-xki — đảng viên lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân, người tham dự đại hội I của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng năm 1905. — 201.

Rốt-béc-tút - I-a-ghe-txốp (Rodbertus - Jagetzow), Giô-han - Các-lơ (1805 - 1875) — nhà kinh tế học tầm thường Đức, một địa chủ lớn của Phổ, một trong những nhà lý luận của "chủ nghĩa xã hội nhà

nước". Rốt-béc-tút cho rằng mâu thuẫn giữa lao động và tư bản có thể giải quyết được thông qua một số cải cách do nhà nước gioong-ke Phổ thực hiện; và như Ăng-ghe-n đã viết, ông ta dự tính sẽ duy trì được "giai cấp có đặc quyền ít ra là vào khoảng 500 năm nữa" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. I, 1937, tr. 186). Không hiểu nguồn gốc của giá trị thặng dư và thực chất của mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, Rốt-béc-tút cho rằng nguyên nhân gây ra những cuộc khủng hoảng kinh tế là tình trạng tiêu dùng thiếu thốn của quần chúng nhân dân. Những tác phẩm chính của Rốt-béc-tút là: "Tìm hiểu chế độ kinh tế - nhà nước của chúng ta" (1842), "Những bức thư xã hội gửi Phôn Kiéc-smán" (1850, 1851, 1884). — 313, 353 - 354.

Ru-ba-kin, N. A. (1862 - 1946) — người giới thiệu sách báo và nhà văn Nga, tác giả nhiều tác phẩm giới thiệu sách báo, tác phẩm về lịch sử công việc làm sách ở Nga, tác giả những lược khảo khoa học - phổ thông về địa lý, về các khoa học tự nhiên, v. v.. Năm 1907 sang Thụy-sĩ sống lưu vong và ở đấy cho đến cuối đời. Tác phẩm giới thiệu sách báo chủ yếu của Ru-ba-kin là: "Giữa những cuốn sách" (1906). V. I. Lê-nin đã viết bài nhận xét về tập II của tác phẩm này, trong đó Người viết: "Bất cứ một thư viện quan trọng nào đều không thể không có tác phẩm của ông Ru-ba-kin" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 20, tr. 298). V. I. Lê-nin gặp gỡ Ru-ba-kin ở nước ngoài và thường sử dụng những sách trong thư viện của ông. Về sau Ru-ba-kin giữ mối liên hệ chặt chẽ với Liên-xô, đã viết di chúc hiến cả thư viện của mình gồm 8 vạn cuốn sách cho Liên-xô mà đến nay vẫn còn giữ lại trong Thư viện quốc gia mang tên V. I. Lê-nin. — 262.

Ru-ba-nô-vích, I. A. (1860 - 1920) — một trong những thủ lĩnh của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Lúc đầu tham gia tích cực phong trào "Dân ý"; trong những năm 80 của thế kỷ XIX, sang Pa-ri sống lưu vong và ở đấy, vào năm 1893, ông ta đã tham gia "nhóm những người "Dân ý" cũ". Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng thành lập, Ru-ba-nô-vích là phân tử tích cực của đảng này. Tham gia trực tiếp vào tạp chí "Truyền tin cách mạng Nga", tạp chí này từ năm 1902 đã trở thành cơ quan chính thức của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Đại diện của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng tại các đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Am-xtéc-đam (1904) và Stút-ga (1907). Ủy viên Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất là một phân tử xã hội - sô-vanh. Sau

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là kẻ chống Chính quyền xô-viết. — 159.

Ru-dơ-ven, (Roosevelt), Tê-ô-đo (1858 - 1919) — nhà hoạt động nhà nước Mỹ. Người của Đảng cộng hòa. Năm 1897 - 1898 là thứ trưởng Bộ hàng hải. Trong những năm 1899 - 1900 là thống đốc bang Niu-oóc. Trong những năm 1901 - 1909 là tổng thống Mỹ. Ru-dơ-ven là một trong những đại biểu có ảnh hưởng nhất của các thế lực độc quyền ở Mỹ và một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Chính phủ Tê-ô-đo Ru-dơ-ven thực hiện chính sách chạy đua vũ trang và chính sách đối ngoại xâm lược đối với các nước Mỹ la-tinh (chiếm vùng kênh đào Pa-na-ma năm 1903, chiếm đong Cu-ba năm 1906 - 1909). Trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1912, y đã đưa ra cương lĩnh cải cách tư sản, mà như Lê-nin đã chỉ rõ, đó là một mưu toan "*cứu vãn chủ nghĩa tư bản thông qua... các cải cách tư sản*" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1973, t. 18, tr. 569). Trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), y đã đòi nước Mỹ nhanh chóng tham chiến. — 100.

Ru-mi-an-txép, P. P. (Smit) (1870 - 1925) — tham gia phong trào dân chủ - xã hội từ năm 1891; làm công tác đảng ở Pê-téc-bua và các thành phố khác ở Nga. Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Ru-mi-an-txép trở thành người bôn-sê-vích, ủy viên Thường vụ các ban chấp hành của phái đa số. Đại biểu của Ban chấp hành Vô-rô-ne-giơ Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Đại hội III của đảng. Tháng Sáu 1905, ông được bổ tuyền vào Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Năm 1905, ông là một trong những biên tập viên và cộng tác viên của tờ báo bôn-sê-vích hợp pháp đầu tiên "Đời sống mới", trong những năm 1906 - 1907, là cộng tác viên của tạp chí "Truyền tin đời sống". Năm 1906 — đại biểu không có quyền biểu quyết tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Đã phát biểu về vấn đề ruộng đất, bảo vệ cương lĩnh của Lê-nin về quốc hữu hóa ruộng đất. Trong những năm thế lực phản động thống trị, ông rời bỏ hàng ngũ đảng, làm công tác thống kê. Ông chết ở nước ngoài. — 390, 398.

S

Sa-khốp-xcôi, Đ. I. (sinh năm 1861) — công tước, nhà hoạt động hội đồng địa phương, một trong những kẻ tổ chức "Hội liên hiệp giải phóng" quân chủ - tự do chủ nghĩa, từ năm 1905 là ủy viên Ban chấp hành

trung ương Đảng dân chủ - lập hiến. Đại biểu của Đu-ma nhà nước I và là thư ký của Đu-ma. Từ tháng Năm đến tháng Sáu 1917 là bộ trưởng Bộ cứu tế nhà nước trong thành phần liên hiệp đầu tiên của Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười làm việc trong hệ thống hợp tác xã xô-viết. — 456.

Sa-nin, M. (Sa-pi-rô, L. G.) (1887 - 1957) — tham gia phong trào cách mạng từ năm 1902; năm 1903 tham gia tổ chức của phái Bun ở Ri-ga. Đại biểu cho tổ chức của phái Bun ở Đôn-vin-xơ tham dự Đại hội V (ở Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, ông gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, là đảng viên men-sê-vích. Từ năm 1918 — đảng viên Đảng cộng sản (b) Nga, làm việc trong Bộ dân ủy giáo dục, phụ trách công tác chính trị trong Hồng quân. Từ năm 1920 đến 1921 là ủy viên Đoàn chủ tịch Tổng cục giáo dục chính trị. Từ năm 1925 đến năm 1929 công tác trong Bộ dân ủy tài chính nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga. Sa-nin là tác giả nhiều tác phẩm khoa học. — 333 - 342, 439.

Séc-bi-na, Ph. A. (1849 - 1936) — nhà thống kê của hội đồng địa phương, theo phái "Dân túy". Trong những năm 1884 - 1903, ông phụ trách ban thống kê của hội đồng địa phương tỉnh Vô-rô-ne-giơ. Năm 1907 là đại biểu của Đảng lao động "xã hội chủ nghĩa nhân dân" trong Đu-ma nhà nước II. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, ông lưu vong ra nước ngoài. Ông đã soạn và xuất bản, do ông tự hiệu đính, một số tác phẩm thống kê, trong đó có: "Kinh tế nông dân ở huyện Ô-xtô-rô-gốt-xơ" (1887), "Tập thống kê tổng hợp về 12 huyện của tỉnh Vô-rô-ne-giơ" (1897), "Các quỹ chi thu của nông dân và sự lệ thuộc của các quỹ đó vào mùa màng và giá cả lúa mì" (1897). V. I. Lê-nin kịch liệt phê phán những phương pháp sai lầm mà tác giả cuốn ấy đã áp dụng khi chỉnh lý các số liệu thống kê khiến cho thực tế bị xuyên tạc. — 201.

Sê-vích — đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng, tham dự đại hội của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng năm 1905. — 281.

Si-đlốp-xki, X. A. (sinh năm 1864) — đảng viên Đảng tháng Mười, địa chủ, thủ lĩnh của giới quý tộc huyện. Đại biểu của tỉnh Mô-ghi-lép trong Đu-ma nhà nước II. — 448.

Si-man-xki, I. A. (sinh năm 1872) — nông dân, đại biểu của tỉnh Min-xơ trong Đu-ma nhà nước II. Trong Đu-ma, ngã theo cánh hữu, tham gia tiểu ban giáo dục quốc dân. — 461, 493.

Sin-ga-rép, A. I. (1869 - 1918) — đảng viên dân chủ - lập hiến, nhà hoạt động hội đồng địa phương, nhà chính luận, về nghề nghiệp là bác sĩ. Chủ tịch Ban chấp hành tỉnh Vô-rô-ne-giơ của Đảng dân chủ - lập hiến, từ năm 1907 là ủy viên Ban chấp hành trung ương đảng. Đại biểu của tỉnh Vô-rô-ne-giơ trong Đu-ma nhà nước II và III và của tỉnh Pê-téc-bua trong Đu-ma nhà nước IV. Thủ lĩnh đảng đoàn dân chủ - lập hiến trong Đu-ma. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, là bộ trưởng Bộ nông nghiệp trong thành phần đầu tiên và là bộ trưởng Bộ tài chính trong thành phần thứ hai của Chính phủ lâm thời tư sản. — 450, 454, 455, 455 - 456, 459, 568, 569.

Smít — xem Ru-mi-an-txép, P. P.

Sun-ghin, V. V. (sinh năm 1878) — địa chủ, đại biểu của tỉnh Vô-lun trong Đu-ma nhà nước II, III và IV. Một tên bảo hoàng cuồng nhiệt và theo chủ nghĩa dân tộc, biên tập viên tờ "Người Ki-ép", cơ quan ngôn luận của những người dân tộc chủ nghĩa Nga. Năm 1917 y nhiệt liệt ủng hộ Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Sun-ghin là một trong những người sáng lập Đội quân tình nguyện bạch vệ, đã giúp các tướng lĩnh phản cách mạng A-lếch-xê-ép, Đê-ni-kin, Vran-ghen; lưu vong ra nước ngoài, ở đó tiếp tục cuộc đấu tranh chống Chính quyền xô-viết. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, Sun-ghin sống ở Nam tư. Năm 1944, sau khi quân đội Xô-viết tiến vào Nam-tư, Sun-ghin bị giải về Liên-xô và bị kết án; năm 1956 được thả. Trong "Thư ngỏ gửi những người Nga lưu vong" (1960), ông kêu gọi hãy từ bỏ đấu tranh chống Chính quyền xô-viết. — 448.

T

Ta-ta-ri-nốp, Ph. V. (sinh năm 1860) — địa chủ, đảng viên dân chủ - lập hiến, đại biểu của thành phố Ô-ri-ôn trong Đu-ma nhà nước I và II. Chủ tịch cơ quan hành chính của Hội đồng địa phương huyện Ô-ri-ôn và thành viên cơ quan hành chính hội đồng địa phương tỉnh. Trong Đu-ma II, tham gia tiểu ban ruộng đất, tiểu ban quản trị và tự quản địa phương, thư ký của tiểu ban ngân sách. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, hoạt động phản cách mạng ở miền Nam nước Nga. — 276, 455, 455 - 456, 480, 481, 509.

Tan-txốp, A. D. (sinh năm 1860) — địa chủ, đảng viên Đảng tháng Mười, đại biểu của tỉnh Xmô-len-xơ trong Đu-ma nhà nước II và III.

Ủy viên các hội đồng địa phương tỉnh và huyện X-mô-len-xcơ, biên tập viên tờ "Báo X-mô-len-xcơ". — 448.

Te - A-vê-ti-ki-an-txơ, X. Ph. (1867 - 1938) — đảng viên đảng dân tộc chủ nghĩa tư sản "Đa-snắc-txu-ti-un" Ác-mê-ni-a, nhà chính luận, về nghề nghiệp là giáo viên. Đại biểu của tỉnh Ê-li-da-vét-pôn trong Đu-ma nhà nước II. Sau khi Chính quyền xô-viết được thành lập ở Đa-cáp-ca-dơ ông tách khỏi đảng "Đa-snắc-txu-ti-un" và làm giáo viên ở quận Ghi-an-gin-xcơ (Ki-rô-va-bát) của A-déc-bai-gian. — 497 - 498.

Tê-ni-xôn I-a. I-a. (Tur-ni-xôn) (sinh năm 1868) — nhà hoạt động nhà nước và xã hội tư sản E-xtô-ni-a. Cẩm đầu khuynh hướng tăng lữ tư sản ở E-xtô-ni-a, cuối năm 1905, Tê-ni-xôn đã thành lập đảng của "những người tiến bộ", một đảng bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản E-xtô-ni-a. Tê-ni-xôn là đại biểu tỉnh Li-phli-an-đi-a trong Đu-ma nhà nước I, tham gia đảng đoàn của những người dân chủ - lập hiến, phát biểu ý kiến về vấn đề ruộng đất và các vấn đề khác. Trong những năm 1919 - 1920 và năm 1928, là thủ tướng E-xtô-ni-a. Trong những năm 1930 - 1932 là bộ trưởng Bộ ngoại giao. Sau này là giáo sư Trường đại học tổng hợp Tác-tu. — 495.

Tê-tê-rê-ven-cốp, V. N. (sinh năm 1877) — địa chủ, đảng viên Đảng tháng Mười, chủ tịch cơ quan hành chính của Hội đồng địa phương huyện Mê-sốp-xcơ, đại biểu tỉnh Ca-lu-ga trong Đu-ma nhà nước II và III. Trong các Đu-ma, giữ lập trường cực hữu. — 281.

Ti-khvin-xki, Ph. V. (sinh năm 1862) — linh mục, thành viên Hội liên hiệp nông dân toàn Nga, đại biểu của tỉnh Vi-át-ca trong Đu-ma nhà nước II. Tham gia xuất bản tờ báo "Nhân dân lao động" (1907). Trong Đu-ma, thay mặt Hội liên hiệp nông dân và Nhóm lao động đọc các diễn văn về vấn đề ruộng đất và ủng hộ việc bãi bỏ án tử hình. Sau khi Đu-ma bị giải tán, ông mất chức linh mục. — 442, 462 - 463.

Tơ-ra-xun, Ph. X. (sinh năm 1864) — đại biểu của tỉnh Vi-tép-xcơ trong Đu-ma nhà nước I, linh mục đạo Cơ đốc dòng Rô-ma, đảng viên dân chủ - lập hiến. Giữ nhiều chức vụ khác nhau trong các nhà thờ ở Ri-ga, Pê-téc-bua, Pô-lốt-xcơ và I-u-ri-ép, là giáo sư Học viện thần học Pê-téc-bua. Người xuất bản lịch phổ thông Lát-vi-a, báo "A-u-xéc-lít", người tổ chức các cơ quan giáo dục Lát-vi-a. Trong Đu-ma tham gia nhóm những người tự trị Lát-vi-a. — 494.

Tơ-rai-tskê (Treitschke), Hen-ri-ch (1834 - 1896) — nhà sử học Đức, nhà chính luận, nhà tư tưởng và người tuyên truyền cho sự hợp nhất các quốc gia Phổ phản động, cho chủ nghĩa sô-vanh, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Trong những năm 1866 - 1889 là biên tập viên của tạp chí phản động "Preussische Jahrbücher" ("Niên giám Phổ"). Trong những năm 1871 - 1884 là nghị sĩ, tích cực ủng hộ chính sách đối nội và đối ngoại của Bi-xmác, hoan nghênh việc áp dụng vào năm 1878 đạo luật đặc biệt chống lại những người xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1886 là nhà nghiên cứu lịch sử chính thức của nhà nước Phổ. Năm 1895 được bầu làm viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Béc-lanh. Tác phẩm chính của Tơ-rai-tskê — "Lịch sử nước Đức trong thế kỷ XIX" gồm 5 tập. Tơ-rai-tskê đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành hệ tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc Đức. — 11.

Tơ-rê-pốp, Đ. Ph. (1855- 1906) — trong những năm 1896 - 1905 là cảnh sát trưởng Mát-xcơ-va; theo nhận định của V. I. Lê-nin, Tơ-rê-pốp là "một trong những tên tội tử bị toàn nước Nga oán ghét nhất của chế độ Nga hoàng, nổi tiếng ở Mát-xcơ-va vì tính hung bạo, thô lỗ, và vì đã tham gia trong những mưu toan của bọn Đu-ba-tốp nhằm làm đổi truy công nhân" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 9, tr. 238). Từ ngày 11 tháng Giêng 1905, được cử làm tổng trấn Pê-téc-bua, sau đó là thứ trưởng Bộ nội vụ; người đưa ra lệnh khét tiếng vào tháng Mười 1905: "Không bắn chỉ thiên và không tiết đạn". Tơ-rê-pốp là kẻ cổ vũ những cuộc tàn sát của bọn Trăm đen. — 150.

Tơ-rốt-xki, (Brôn-stanh), L. Đ. (1879 - 1940) — kẻ thù độc ác nhất của chủ nghĩa Lê-nin. Đại biểu của Liên minh Xi-bi-ri tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, người thuộc phái "Tia lửa" thiếu số; sau đại hội, tiến hành đấu tranh chống những người bôn-sê-vích về tất cả các vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong những năm thế lực phản động hoành hành, là người theo phái thủ tiêu. Năm 1912, Tơ-rốt-xki tổ chức ra khối tháng Tám chống đảng; trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, theo lập trường phái giữa, tiến hành đấu tranh chống V. I. Lê-nin về các vấn đề chiến tranh, hòa bình và cách mạng. Sau Cách mạng tháng Hai 1917, từ nơi lưu vong trở về nước, gia nhập tổ chức "liên khu" rồi tại Đại hội VI của Đảng công nhân dân chủ - xã hội (b) Nga, cùng với tổ chức này được kết nạp vào đảng bôn-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là bộ trưởng Bộ dân ủy ngoại giao, bộ trưởng Bộ dân ủy quân sự và hàng hải, chủ

tịch Hội đồng quân sự - cách mạng của nước Cộng hòa, ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương. Năm 1918, là người phản đối việc ký hòa ước Brét, trong những năm 1920 - 1921 cầm đầu phái đối lập trong cuộc thảo luận về công đoàn, từ năm 1923, Tơ-rốt-xki tiến hành cuộc đấu tranh bè phái kịch liệt chống lại đường lối chung của đảng, chống lại cương lĩnh của Lê-nin về xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuyên truyền tư tưởng cho rằng chủ nghĩa xã hội không có khả năng thắng lợi ở Liên-xô. Sau khi bóc trần chủ nghĩa Tơ-rốt-xki là một khuynh hướng tiểu tư sản trong đảng, Đảng cộng sản đã đánh bại nó về tư tưởng và về tổ chức. Năm 1927, Tơ-rốt-xki bị khai trừ khỏi đảng, năm 1929 bị trục xuất khỏi Liên-xô vì hoạt động chống Nhà nước xô-viết và năm 1932, bị tước quyền công dân Liên-xô. Ở nước ngoài, y tiếp tục đấu tranh chống Nhà nước xô-viết và Đảng cộng sản, chống phong trào cộng sản quốc tế.—127.

Tsác-xtê, I. Kh. (1859 - 1927) — nhà hoạt động nhà nước và xã hội tư sản Lát-vi-a, đại địa chủ, về nghề nghiệp là luật sư. Từ năm 1888 là chủ biên kiêm nhà xuất bản tờ báo Trăm đen Lát-vi-a ở Mi-ta-va. Đại biểu của tỉnh Cuốc-li-an-đi-a trong Đu-ma nhà nước I, đi theo phái dân chủ - lập hiến. Năm 1918 được bầu làm chủ tịch Hội đồng nhân dân tư sản Lát-vi-a. Từ năm 1920 đến năm 1927 — tổng thống nước Cộng hòa tư sản Lát-vi-a. Y đã thực hiện chính sách thù địch đối với Liên-xô. — 495.

Tséc-nốp, V. M. (Tu-tơ-kin) (1876 - 1952) — một trong những thủ lĩnh và nhà lý luận của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Trong những năm 1902 - 1905 là biên tập viên cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng — báo "Nước Nga cách mạng". Tséc-nốp đã viết những bài báo chống lại chủ nghĩa Mác, mưu toan chứng minh rằng học thuyết của Mác không thể vận dụng vào nông nghiệp được. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 — bộ trưởng Bộ nông nghiệp trong Chính phủ lâm thời tư sản, kẻ tổ chức các vụ khủng bố tàn ác chống lại nông dân, những người đã giành lại ruộng đất của địa chủ. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười — một trong những kẻ tổ chức các vụ phiến loạn chống Chính quyền xô-viết. Năm 1920 lưu vong ra nước ngoài, ở đó y vẫn tiếp tục hoạt động chống Chính quyền xô-viết. — 200, 201, 229, 338.

Tsê-lư-sép, M. Đ. (sinh năm 1866) — đảng viên Đảng tháng Mười thuộc phái Trăm đen, đại biểu của tỉnh Xa-ma-ra trong Đu-ma nhà

nước III, một chủ cho thuê nhà và là một nhà công nghiệp lớn. Là thị trưởng thành phố Xa-ma-ra, ủy viên Hội đồng địa phương huyện Xa-ma-ra. — 538.

Tsê-rê-va-nin, N. (Líp-kin, Ph. A.) (1868 - 1938) — một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích, là phần tử thủ tiêu cực đoan. Người tham dự các Đại hội IV và V của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Cộng tác viên của nhiều xuất bản phẩm của phái thủ tiêu, là một trong những tác giả "Thư ngõ" của 16 người men-sê-vích nói về vấn đề thủ tiêu đảng (1910); sau hội nghị tháng Tám chống đảng 1912, Tsê-rê-va-nin trở thành ủy viên của Trung tâm men-sê-vích (Ban tổ chức). Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), là một phần tử xã hội - số-vanh. Năm 1917 là một trong những biên tập viên "Báo công nhân", cơ quan ngôn luận trung ương của phái men-sê-vích và là ủy viên Ban chấp hành trung ương men-sê-vích. Có thái độ thù địch đối với cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. — 134 - 135, 146, 198.

Tsi-giép-xki, P. I. (sinh năm 1861) — đảng viên dân chủ - lập hiến, người theo chủ nghĩa dân tộc tư sản ở U-cra-i-na; đại biểu của tỉnh Pôn-ta-va trong Đu-ma nhà nước I. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, lưu vong ra nước ngoài, cộng tác với tờ tuần báo "Tự do" — cơ quan ngôn luận của Ra-đa phản cách mạng ở U-cra-i-na. — 262, 499 - 500, 512.

Tơ-khê-ít-dê, N. X. (1864 - 1926) — một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Tham gia phong trào dân chủ - xã hội từ cuối những năm 90 của thế kỷ XIX. Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, trở thành người men-sê-vích. Đại biểu của tỉnh Ti-philít trong Đu-ma nhà nước III và IV, cầm đầu đảng đoàn men-sê-vích trong Đu-ma nhà nước IV. Lê-nin đã gọi Tơ-khê-ít-dê là "người có dính với Đảng dân chủ - xã hội thôi", trong Đu-ma ông ta đã tỏ rõ "sự thông thạo của mình trong việc che đậy cho bọn cơ hội chủ nghĩa và phục vụ cho bọn này". Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), là người theo phái giữa. Trong thời kỳ Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, là ủy viên Ủy ban lâm thời của Đu-ma nhà nước, người theo phái vệ quốc. Tơ-khê-ít-dê là chủ tịch Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ Pê-tơ-rô-grát, chủ tịch Ban chấp hành trung ương các Xô-viết khóa một, ủng hộ tích cực Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là chủ tịch Quốc hội lập hiến Gru-di-a — một chính phủ men-sê-vích phản cách mạng. Năm 1921, sau khi

Chính quyền xô-viết được thành lập ở Gru-di-a, sang Pa-ri sống lưu vong. — 586.

Tsu-ri-u-cốp, V. N. (sinh năm 1878) — đại biểu của tỉnh Mát-xcơ-va trong Đu-ma nhà nước I, đảng viên dân chủ - xã hội, thợ nguội của nhà máy cơ khí Clin. Trong Đu-ma đã ký "đề án của 104 người" về ruộng đất. Do ký vào Lời kêu gọi Vư-boóc-gơ của các đại biểu Đu-ma nhà nước I, nên ông bị kết án và bị tước quyền bầu cử. — 307.

Tsúp-rốp, A. I. (1842 - 1908) — giáo sư, - nhà kinh tế học, người theo phái tự do. Chủ tịch ban thống kê Hội tư pháp Mát-xcơ-va. Tác giả của nhiều tác phẩm về kinh tế đường sắt và về vấn đề ruộng đất. Chủ biên tập san dân túy - tự do chủ nghĩa "Ảnh hưởng của mùa màng và của giá cả lúa mì đến một số mặt của nền kinh tế quốc dân Nga" (1897) và là tác giả một bài trong tập này. V. I. Lê-nin đã phê phán kịch liệt những tác phẩm về ruộng đất của Tsúp-rốp. — 276, 334, 456.

Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, M. I. (1865 - 1919) — nhà kinh tế học tư sản Nga, trong những năm 90 của thế kỷ XIX là đại biểu nổi tiếng của "chủ nghĩa Mác hợp pháp", cộng tác viên của các tạp chí "Lời nói mới" (1897), "Bước đầu" (1899) v. v., y đã phê phán Mác. Trong thời kỳ cách mạng dân chủ - tư sản Nga lần thứ nhất, là đảng viên Đảng dân chủ - lập hiến. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là một phần tử cách mạng cuồng nhiệt ở U-cra-i-na, bộ trưởng Bộ tài chính trong Ra-đa trung ương của bọn tư sản ở U-cra-i-na. Những tác phẩm chính của Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki trong những năm 90 của thế kỷ XIX là: "Những cuộc khủng hoảng công nghiệp ở nước Anh hiện nay, nguyên nhân và ảnh hưởng của những cuộc khủng hoảng đó đối với đời sống nhân dân" (1894), "Công xưởng Nga trước kia và hiện nay" (1898) v. v. — 117.

Tu-lin, C. — xem Lê-nin, V. I.

Tu-tơ-kin — xem Tséc-nốp, V. M.

Tuốc-ghê-nép, I. X. (1818 - 1883) — nhà văn vĩ đại Nga, đã có công lớn trong việc phát triển ngôn ngữ văn học Nga. Các tác phẩm của ông thể hiện những tìm tòi về mặt tư tưởng của xã hội Nga trong những năm 30 - 70 của thế kỷ trước. Trong những tác phẩm của mình ("Bút ký người thợ săn", "Một ổ quý tộc", "Ru-đin", "Đêm trước", "Những người cha và những người con" v. v.), Tuốc-

ghê-nép đã vạch trần những mâu thuẫn tiêu biểu trong cuộc sống của xã hội Nga. Ông dựng lên một loạt điển hình về "những con người thừa", tức là những con người hiểu rất rõ sự diệt vong của chế độ quý tộc, nhưng trên thực tế đã không có khả năng làm một cái gì để thay đổi chế độ đó cả. Lần đầu tiên trong văn học Nga, ông đã xây dựng được hình tượng người đại biểu của thế hệ mới, đó là người trí thức - dân chủ ("người theo chủ nghĩa hư vô"). Trong các tác phẩm của Tuốc-ghê-nép đã có sự phản kháng mạnh mẽ chống lại chế độ nông nô kết hợp với các yêu sách tự do chủ nghĩa - ôn hòa. — 55.

Tu-skê-vích, V. I-u. (sinh năm 1865) — bá tước, nhà hoạt động xã hội Ba-lan, địa chủ lớn, đảng viên Đảng dân chủ - dân tộc, một đảng dân tộc chủ nghĩa chính của bọn địa chủ và giai cấp tư sản Ba-lan. Từ năm 1904, tích cực đấu tranh đòi quyền tự trị cho Ba-lan. Là đại biểu của thành phố Vác-sa-va trong Đu-ma nhà nước I. — 494.

Tuốc -cô-va, A. V. (Véc-ghê-giơ-xki, A.) (sinh năm 1869) — nhà chính luận nổi tiếng của Đảng dân chủ - lập hiến. Bà bắt đầu hoạt động văn học từ năm 1899. Năm 1906, tham gia Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - lập hiến; phụ trách "Cục ấn loát Xanh Pê-téc-bua" do Đảng dân chủ - lập hiến trợ cấp. Bà cộng tác với báo "Ngôn luận" và các báo khác. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, lưu vong ra nước ngoài, ở đó đã tiến hành tuyên truyền thù địch chống Chính quyền xô-viết. — 198.

Txét-kin (Zetkin), *Clà-ra* (1857 - 1933) — nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Đức và quốc tế, một trong những người sáng lập ra Đảng cộng sản Đức, một nữ văn sĩ có tài, một diễn giả và nhà diễn thuyết có tài hùng biện. Bà tham gia phong trào cách mạng vào cuối những năm 70 của thế kỷ XIX, năm 1881 bà gia nhập Đảng dân chủ - xã hội Đức lúc đó còn hoạt động trong hoàn cảnh bất hợp pháp. Năm 1882 sang Thụy-sĩ lưu vong, ngụ tại Xuy-rích; ở đây bà tích cực cộng tác với cơ quan ngôn luận bất hợp pháp của Đảng dân chủ - xã hội Đức là tờ "Der Sozialdemokrat" ("Người dân chủ - xã hội") và giúp vào việc phổ biến tờ báo đó ở Đức. Là người thuộc cánh tả trong Đảng dân chủ - xã hội Đức, Txét-kin đã cùng với R. Lú-xăm-bua, Ph. Mê-rinh và C. Liép-nếch tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống Béc-stanh và những phần tử cơ hội chủ nghĩa khác. Năm 1907, bà tham gia vào công tác của Đại hội VII (Stút-ga), những lời phát biểu của bà tại đại

hội này được V. I. Lê-nin đánh giá cao. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, bà đứng trên lập trường của chủ nghĩa quốc tế cách mạng, lên tiếng chống lại chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Bà tích cực tham gia chuẩn bị Hội nghị phụ nữ xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Béc-nơ vào tháng Ba 1915. Năm 1916 tham gia nhóm "Quốc tế", sau đó tham gia "Liên minh Xpác-ta-cút". Từ năm 1919 — đảng viên Đảng cộng sản Đức; bà được bầu vào Ban chấp hành trung ương của đảng. Tại Đại hội III của Quốc tế cộng sản, được bầu vào Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Bà đứng đầu Ban thư ký phụ nữ quốc tế của Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Từ năm 1924 — liên tục là chủ tịch nhiều khóa của Ban chấp hành Tổ chức quốc tế cứu trợ các chiến sĩ cách mạng. — 87, 88, 99, 102, 105, 107 - 108, 110, 111, 112 - 113, 231.

Txê-đéc-bau-mơ, I-u Ô. — xem Mác-tốp, L.

Txê-rê-tê-li, I. G. (1882 - 1959) — một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Đại biểu của tỉnh Cu-ta-i-xơ trong Đu-ma nhà nước II. Cầm đầu đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma, có chân trong tiểu ban ruộng đất. Tham gia Đại hội V (ở Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga với tư cách là đại biểu không có quyền biểu quyết thay mặt cho đảng đoàn dân chủ - xã hội. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất là người theo phái giữa. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, là ủy viên Ban chấp hành Xô-viết Pê-tơ-rô-grát, người theo phái vệ quốc, người ủng hộ việc liên minh với giai cấp tư sản. Tháng Năm 1917, tham gia Chính phủ lâm thời tư sản với chức vụ bộ trưởng Bộ bưu điện; sau sự biến tháng Bảy, là bộ trưởng Bộ nội vụ, một trong những kẻ cổ vũ việc lùng diệt những người bôn-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Txê-rê-tê-li cầm đầu khối chống xô-viết trong Quốc hội lập hiến. Là một trong những người lãnh đạo chính phủ phản cách mạng men-sê-vích ở Gru-di-a. Sau khi Chính quyền xô-viết thắng lợi ở Gru-di-a, là một phần tử bạch vệ lưu vong. Năm 1923 là một trong những kẻ tổ chức ra Quốc tế công nhân xã hội chủ nghĩa (II) thống nhất mang tính chất cơ hội chủ nghĩa. Những năm cuối đời, Txê-rê-tê-li sống ở Mỹ. — 253, 327, 387, 505, 508, 510 - 511, 512.

Txít-xơ (Zitz), Lu-i-da (1865 - 1922) — một trong những nhà hoạt động của Đảng dân chủ - xã hội Đức, về nghề nghiệp là giáo viên. Vào

đảng từ năm 1892; năm 1898 bà được bầu làm ủy viên Ban chấp hành trung ương. Tại Đại hội Stút-ga của Quốc tế II (1907), bà ủng hộ yêu sách đòi thi hành quyền phổ thông đầu phiếu đối với phụ nữ. Năm 1908 bà trở thành ủy viên ban lãnh đạo của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Trước chiến tranh thế giới thứ nhất đứng trên lập trường tả cùng với C. Txét-kin. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, bà ra khỏi đảng và gia nhập Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức do phái giữa lãnh đạo. — 105.

U

U-xpen-xki, V. P. (sinh năm 1869) — đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng, đại biểu của tỉnh Ri-a-dan trong Đu-ma nhà nước II, bác sĩ hội đồng địa phương. Lãnh đạo phòng y tế - vệ sinh thuộc cơ quan hành chính của Hội đồng địa phương tỉnh Ri-a-dan. Trong Đu-ma là phó thư ký, ủy viên tiểu ban về chất vấn. — 487 - 488.

V

V. V. — xem Vô-rôn-txốp, V. P.

Va-xi-u-tin, Ph. C. (sinh năm 1877) — nông dân, đại biểu của tỉnh Khác-cốp trong Đu-ma nhà nước II, người thuộc phái lao động. Trong Đu-ma, ông đã tham gia tiểu ban ruộng đất và tiểu ban giúp đỡ những người thất nghiệp. Đã tán thành việc cưỡng bức chuyển nhượng những ruộng đất của địa chủ không phải trả tiền chuộc. — 484 - 485.

Van Côn (Van Kol), Hen-rích (1851 - 1925) — một trong những người sáng lập và lãnh đạo của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Hà-lan (1894). Vài năm sau khi thành lập đảng, Van Côn rơi vào chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cơ hội. Tại các Đại hội Am-xtéc-đam (1904) và Đại hội Stút-ga (1907) của Quốc tế II, Van Côn đã bảo vệ các nghị quyết có tính chất cơ hội chủ nghĩa về vấn đề thuộc địa; nghị quyết này biện hộ cho việc nô dịch các dân tộc thuộc địa dưới chiêu bài thực hiện cái gọi là "sứ mệnh khai hóa" của chủ nghĩa đế quốc. Có thái độ thù địch đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười và Nhà nước xô-viết. Trong những tác phẩm của mình, V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán thực chất đế quốc chủ nghĩa trong lập trường của Van Côn. — 84, 88, 232.

Van-đéc-ven-đơ (Vandervelde), E-mi-lơ (1866 - 1938) — thủ lĩnh Đảng công nhân Bỉ, chủ tịch Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa của Quốc tế II,

một phần tử cơ hội chủ nghĩa cực đoan và là phần tử xét lại. Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) — phần tử xã hội - số-vanh; đã tham gia chính phủ tư sản, giữ nhiều chức vụ bộ trưởng khác nhau. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, sang Nga để tuyên truyền tiếp tục cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Van-đéc-ven-đơ có thái độ rất thù địch với cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, tích cực ủng hộ cuộc can thiệp vũ trang chống nước Nga xô-viết, y bỏ không ít công sức vào việc khôi phục Quốc tế II. Năm 1925 - 1927 — bộ trưởng Bộ ngoại giao Bỉ, tham gia ký các hiệp ước Lô-các-nô (1925) chống lại Liên-xô, tích cực đấu tranh chống việc thành lập mặt trận thống nhất chống phát-xít của những người cộng sản và những người xã hội chủ nghĩa. Van-đéc-ven-đơ là tác giả nhiều cuốn sách lớn nhỏ. Trong các tác phẩm của Van-đéc-ven-đơ, như V. I. Lê-nin đã chỉ ra, "chủ nghĩa chiết trung thị dân" chống lại "chủ nghĩa Mác, sự nguy hiểm chống lại phép biện chứng, chủ nghĩa cải lương phi-li-xtanh chống lại cách mạng vô sản" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, t. 28, tr. 402). — 112, 562.

Ve-bơ (Webb), *Bê-a-tơ-ri-xa* (1858 - 1943) và *Xít-nây* (1859 - 1947) — những nhà hoạt động xã hội nổi tiếng ở Anh, những người cải lương chủ nghĩa. Họ đã cùng viết nhiều tác phẩm về lịch sử và lý luận về phong trào công nhân Anh. Tác phẩm của họ là "Industrial Democracy" (1897) được dịch ra tiếng Nga và phát hành trong những năm 1900 - 1901 dưới đầu đề "Lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa công liên Anh". Là những nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản và tầng lớp công nhân quý tộc, ông bà Ve-bơ đã thể hiện trong các tác phẩm của mình tư tưởng giải quyết hòa bình vấn đề công nhân trong khuôn khổ xã hội tư bản chủ nghĩa. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất đã đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội - số-vanh. Xít-nây Ve-bơ là một trong những người sáng lập ra một tổ chức cải lương là Hội Pha-biêng; đã tham gia chính phủ thứ nhất (1924) và thứ hai (1929 - 1931) của Công đảng Anh. Họ có thiện cảm với Liên-xô. — 31.

Véc-ghê-giơ-xki, A. — xem *Tưóc-cô-va*, A. V.

Vét-tsi-nin, V. G. (sinh năm 1861) — địa chủ, từ năm 1904 là thủ lĩnh của giới quý tộc Ê-lê-txơ, là đại biểu của tỉnh Ô-ri-ôn trong Đu-ma nhà nước II, III và IV. Trong Đu-ma nhà nước II tham gia vào đảng đoàn của những người tháng Mười, trong Đu-ma III tham gia

vào đảng đoàn "dân tộc Nga", trong Đu-ma IV tham gia vào đảng đoàn của "những người dân tộc chủ nghĩa Nga và những người cánh hữu - ôn hòa". — 447 - 448, 449.

Vĩ-khli-a-ép, P. A. (1869 - 1928) — nhà thống kê và nhà nông học, người của phái dân túy tự do chủ nghĩa. Ông phụ trách ban kinh tế của cơ quan hành chính của Hội đồng địa phương Tve, từ năm 1907 đến năm 1917, ông lãnh đạo ban thống kê của Hội đồng địa phương Mát-xcơ-va. Tác giả của nhiều tác phẩm thống kê về kinh tế nông dân của nước Nga Nga hoàng; trong những tác phẩm ấy ông đã phủ nhận sự phân hóa giai cấp của nông dân và quá ngợi khen công xã nông thôn. Ông làm thứ trưởng Bộ nông nghiệp trong Chính phủ lâm thời tư sản (1917). Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, làm việc ở Cục thống kê trung ương và là giáo sư tại các trường cao đẳng ở Mát-xcơ-va. — 203, 309.

Vin-hem II (*Hô-hen-txôn-léc*) (1859 - 1941) — hoàng đế Đức và vua Phổ (1888 - 1918). — 174.

Vít-cốp-xki — xem *Hác-đen*, M.

Vít-te, X. I-u. (1849 - 1915) — nhà hoạt động nhà nước, đại biểu cho lợi ích của "chủ nghĩa đế quốc phong kiến — quân phiệt" ở nước Nga Nga hoàng, là người kiên quyết ủng hộ chế độ chuyên chế, mưu toan bảo vệ chính thể quân chủ bằng những sự nhượng bộ nhỏ và bằng những lời hứa hẹn với giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa và bằng những cuộc đàn áp dã man nhân dân; là một trong những kẻ tổ chức đàn áp cuộc cách mạng 1905 - 1907. Với cương vị là bộ trưởng Bộ giao thông (tháng Hai - tháng Tám 1892), bộ trưởng Bộ tài chính (1892 - 1903) và chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (tháng Mười 1905 - tháng Tư 1906), Vít-te đã áp dụng những biện pháp của mình trong lĩnh vực tài chính, trong chính sách thuế quan, trong việc xây dựng đường sắt, trong việc đưa ra luật công xưởng, đã khuyến khích bằng mọi cách việc đầu tư của tư bản nước ngoài, do đó đã thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga và tăng cường sự lệ thuộc của nước Nga vào các cường quốc đế quốc. V. I. Lê-nin gọi hắn là "bộ trưởng mới lái", "nhân viên sở giao dịch". — 52, 150, 393, 451, 568.

Vô-rôn-txốp, V. P. (V. V.) (1847 - 1918) — nhà kinh tế học và nhà chính luận, một trong những nhà tư tưởng của phái dân túy tự do chủ nghĩa trong những năm 80 - 90 của thế kỷ XIX; tác giả các tác phẩm

"Vận mệnh của chủ nghĩa tư bản ở Nga" (1882), "Những phương hướng của chúng ta" (1893), "Khái luận về kinh tế lý thuyết" (1895) và nhiều cuốn khác; trong các tác phẩm đó, ông đã phủ nhận sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga, ca tụng nền sản xuất hàng hóa nhỏ, lý tưởng hóa công xã nông thôn. Đã tuyên truyền chủ trương thỏa hiệp với chính phủ Nga hoàng và kiên quyết chống lại chủ nghĩa Mác. Những quan điểm của Vô-rôn-txốp đã bị phê phán nghiêm khắc trong các tác phẩm của Lê-nin. — 418, 471.

Vôi-nốp — xem Lu-na-tsác-xki, A. V.

Vôn-cốp, T. O. (sinh năm 1879) — đại biểu của tỉnh Xmô-len-xcơ trong Đu-ma nhà nước I, đảng viên Đảng dân chủ - lập hiến, xuất thân là nông dân. Đã từng làm giáo viên ở nông thôn. Trong Đu-ma, ông tham gia tiểu ban ruộng đất. — 307.

Vôn-cơ - Ca-ra-tsep-xki, V. V. (1873 - 1920) — đảng viên đảng "những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân", một đảng tiểu tư sản, đại biểu của tỉnh Tséc-ni-gốp trong Đu-ma nhà nước II. Trong Đu-ma, ông là ủy viên của tiểu ban ruộng đất, tiểu ban thư viện v. v., cầm đầu đảng đoàn của "những người lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân". Trong những năm 1914 - 1917 — thư ký của "Hội liên hiệp các thành phố toàn Nga". — 325, 472.

X

Xa-ga-tê-li-an (Xa-ga-tê-lốp), I. I-a (1871 - 1936) — đảng viên đảng tư sản dân tộc chủ nghĩa Ác-mê-ni-a "Đa-snắc-txu-ti-un", về nghề nghiệp là luật gia. Đại biểu của tỉnh Ê-rê-van trong Đu-ma nhà nước II, của ba tỉnh Ê-rê-van, Ê-li-da-vét-pôn và Ba-cu trong Đu-ma nhà nước III. Sau khi Chính quyền xô-viết được thành lập ở Ác-mê-ni-a, đã rời bỏ đảng "Đa-snắc-txu-ti-un"; từ năm 1921 làm việc ở Bộ dân ủy nông nghiệp Ác-mê-ni-a. — 487, 497.

Xa-khnô, V. G. (sinh năm 1864) — nông dân, đại biểu của tỉnh Ki-ép trong Đu-ma nhà nước II, lúc đầu là người không đảng phái, sau đó là đảng viên dân chủ - xã hội (thuộc phái men-sê-vích). Xa-khnô bị truy tố trước tòa án trong vụ án đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma; tại phiên tòa xét xử đã không nhận mình là người của Đảng dân chủ - xã hội nên được trắng án. — 463 - 464.

Xa-phô-nốp, P. A. (sinh năm 1868) — đảng viên dân chủ - lập hiến, đại biểu của tỉnh Cô-xtơ-rô-ma trong Đu-ma nhà nước I, về nghề nghiệp là kỹ sư nông học. Trong Đu-ma là ủy viên tiểu ban ruộng đất, tiểu ban điều hành v. v.. — 193 - 194.

Xa-tu-rin, Đ. — tác giả nhiều bài báo đăng vào những năm 1907 - 1908, trên các báo "Bưu cục thủ đô" và "Đồng chí". — 570.

Xa-vê-li-ép, A. A. (1848 - 1916) — địa chủ, đảng viên dân chủ - lập hiến. Đại biểu của thành phố Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt trong Đu-ma nhà nước I và của tỉnh Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt trong Đu-ma nhà nước II và III. Từ năm 1890 là chủ tịch cơ quan hành chính của Hội đồng địa phương huyện Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, còn trong những năm 1900 - 1908 là chủ tịch cơ quan hành chính của Hội đồng địa phương tỉnh Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt. — 276, 458.

Xai-cô, E. A. (sinh năm 1879) — người của phái lao động, đại biểu của tỉnh Pôn-ta-va trong Đu-ma nhà nước II, xuất thân là nông dân. Đã làm ký lục xã, học các lớp cao đẳng thương mại ở Mát-xcơ-va. Trong Đu-ma, tham gia tiểu ban tài chính và điều hành. — 499.

Xan-tư-cốp - Sê-đrin, M. E. (1826 - 1889) — nhà văn trào phúng vĩ đại Nga, nhà dân chủ cách mạng. Trong các tác phẩm của mình ông đã phê phán kịch liệt chế độ nông nô - chuyên chế ở Nga, xây dựng được hàng loạt những điển hình về bọn địa chủ bạo ngược, bọn đại biểu quan liêu của Nga hoàng, bọn tự do nhút nhát, và lần đầu tiên trong văn học nghệ thuật Nga, ông đã nêu lên được những điển hình về bọn tư sản tham tàn. Vì những truyện ngắn đầu tiên của mình như "Mâu thuẫn" (1847), "Một vụ rắc rối" (1848) nên tháng Tư 1848, ông bị đày đến tỉnh Vi-át-ca và phải ở đó hơn 7 năm. Đầu năm 1856, trở lại Pê-téc-bua, ông đã viết "Tùy bút tỉnh lẻ". Những năm 1863 - 1864, Xan-tư-cốp - Sê-đrin trở thành nhà chính luận chủ yếu của tạp chí dân chủ - cách mạng "Người đương thời", từ năm 1868 ông tham gia ban biên tập tạp chí "Ký sự nước nhà". Sau khi Nê-cra-xốp mất, năm 1878 ông là tổng biên tập tạp chí này và là lãnh tụ thực sự về mặt tinh thần của tầng lớp trí thức dân chủ, tiếp tục truyền thống vĩ đại của các nhà dân chủ cách mạng những năm 60 của thế kỷ XIX. Trong những năm 60 - 80 của thế kỷ XIX, Xan-tư-cốp - Sê-đrin đã viết một loạt những tác phẩm lớn: "Lịch sử của một thành phố" (1869 - 1870), "Những bài diễn

văn với giọng chính thức" (1872 - 1876), "Các ngài dòng họ Gô-lốp-lép" (1875 - 1880) v. v.. Hình tượng nhân vật chính trong tiểu thuyết "Các ngài dòng họ Gô-lốp-lép" là I-u-đư-sca đã được Lê-nin gọi là một hình tượng bất hủ, và nhiều lần sử dụng hình tượng đó, cũng như các điển hình khác trong tác phẩm của Xan-tư-cốp - Sê-đrin nhằm vạch trần những nhóm xã hội và các chính đảng thù địch đối với nhân dân. C. Mác đã đánh giá cao những tác phẩm của Xan-tư-cốp - Sê-đrin. — 54 - 55.

Xê-mê-nốp, A. I. (sinh năm 1857) — nông dân, đại biểu của tỉnh Pô-đôn-xơ trong Đu-ma nhà nước II, lúc đầu là người không đảng phái, sau đó là người của phái lao động. Trong Đu-ma là ủy viên tiểu ban ruộng đất; sau khi Đu-ma giải tán, ông bị cảnh sát theo dõi. — 278, 463 - 464.

Xê-rốp, V. M. (1879 - 1918) — đảng viên dân chủ - xã hội, đảng viên bôn-sê-vích, về nghề nghiệp là nhà giáo. Đại biểu không có quyền biểu quyết tại Đại hội V (ở Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Đại biểu của tỉnh Xa-ra-tốp trong Đu-ma nhà nước II, tham gia tiểu ban ruộng đất và tài chính; sau khi Đu-ma giải tán, bị truy tố trong vụ án đảng đoàn dân chủ - xã hội và bị kết án 5 năm tù khổ sai. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là chủ tịch Xô-viết đại biểu công nhân, nông dân và binh sĩ ở Véc-khê-u-đin-xơ. Năm 1918 bị bọn bạch vệ bắn chết. — 508.

Xi-xmôn-đi (Sismondi), Giảng Sác-lơ Lê-ô-na Xi-mông đơ (1773 - 1842) — nhà kinh tế học và sử học người Thụy-sĩ. Trong thời kỳ đầu hoạt động của mình, Xi-xmôn-đi theo trường phái kinh tế chính trị học cổ điển của giai cấp tư sản, về sau trở thành đại biểu của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, người sáng lập ra chủ nghĩa lãng mạn kinh tế là thứ chủ nghĩa biểu hiện quan điểm của những người sản xuất nhỏ. Tuy có vạch ra những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, nhưng Xi-xmôn-đi không vạch được cơ sở của những mâu thuẫn ấy. Ông không hiểu được những xu hướng tiến bộ của nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, lý tưởng hóa hình thức tổ chức phường hội trong công nghiệp và chế độ nông nghiệp gia trưởng, là chế độ kinh tế hoàn toàn không phù hợp với những điều kiện kinh tế đã thay đổi.

Lê-nin đã phê phán toàn diện học thuyết của Xi-xmôn-đi trong tác phẩm của mình: "Bản về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế". Những tác phẩm kinh tế chủ yếu của Xi-xmôn-đi là: "Nguyên lý

mới về kinh tế chính trị học hay là bản về mối quan hệ của của cải với nhân khẩu" (1819) và "Những bài nghiên cứu về kinh tế chính trị học" (1837 - 1838). — 85.

Xkiéc-mun-tơ, R. A. (sinh năm 1868) — địa chủ, đại biểu của tỉnh Min-xơ trong Đu-ma nhà nước I; thuộc đảng đoàn "Liên minh của những người tự trị". Tháng Mười 1910 được bầu làm ủy viên Hội đồng nhà nước. — 448.

Xmiéc-nốp, E. — xem Gu-rê-vích, E. L.

Xmít (Smith), A-đam (1723 - 1790) — nhà kinh tế học người Anh, đại biểu lớn nhất của trường phái cổ điển trong kinh tế chính trị học tư sản. Trong tác phẩm của mình "Nghiên cứu về bản chất và về nguyên nhân sự giàu có của các dân tộc" (1776), lần đầu tiên ông đã tuyên bố nguồn gốc của giá trị là mọi hình thức lao động, dù cho lao động ấy được hao phí trong bất cứ lĩnh vực sản xuất nào. Xuất phát từ luận điểm đó, ông đã đưa ra một kết luận rất quan trọng rằng tiền công của người công nhân là một phần sản phẩm của anh ta và được xác định bởi giá trị những phương tiện sinh sống của anh ta; rằng nguồn gốc các khoản thu nhập của các nhà tư bản và địa chủ cũng là lao động của công nhân. Lần đầu tiên, Xmít đã chỉ rõ rằng xã hội tư bản chủ nghĩa gồm ba giai cấp: công nhân, tư bản và địa chủ. Tuy nhiên, vì bị hạn chế bởi thế giới quan tư sản, ông đã phủ nhận sự tồn tại của đấu tranh giai cấp trong xã hội này. Trong khi nêu lên những công lao to lớn của Xmít đối với sự phát triển của kinh tế chính trị học, Mác đồng thời cũng nêu rõ tính hạn chế tư sản, tính mâu thuẫn và tính chất sai lầm của những quan điểm của ông. Xmít đã lẫn lộn sự định nghĩa đúng đắn giá trị của hàng hóa đo bằng thời gian lao động kết tinh trong hàng hóa với giá trị của bản thân lao động. Trong khi khẳng định rằng dưới chủ nghĩa tư bản, giá trị chỉ được hình thành từ các khoản thu nhập: tiền công, lợi nhuận và địa tô, ông đã sai lầm vì bỏ qua giá trị của tư bản bất biến được tiêu dùng trong quá trình sản xuất hàng hóa. Những luận điểm sai lầm của Xmít đã được các nhà kinh tế học tư sản tầm thường lợi dụng nhằm mục đích bảo vệ, về phương diện tư tưởng, chế độ tư bản. — 347.

Xô-lô-vây-tsích, B. I. (Pti-txưn) (sinh năm 1884) — tham gia phong trào dân chủ - xã hội vào năm 1903, đảng viên men-sê-vích; hoạt động ở những thành phố ở miền Nam nước Nga, sau đó ở Mát-xơ-va.

Ông là đại biểu cho đảng bộ khu Mát-xơ-va tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Từ năm 1909, từ bỏ hoạt động chính trị. Trong những năm 30 của thế kỷ XX, ông công tác tại Bộ dân ủy công nghiệp nhẹ. — 416 - 417.

Xt. — xem Xtác-cốp, V. V.

Xtác-cốp, V. V.(Xt.) (1869 - 1925) — tham gia phong trào cách mạng từ những năm 90 của thế kỷ XIX, tham gia tiểu tổ mác-xít của những sinh viên công nghệ, là tổ chức mà V. I. Lê-nin, G. M. Cờ-gi-gia-nốp-xki, A. A. Va-nê-ép, M. A. Xin-vin và những người khác đã tham gia. Năm 1895, tham gia trung tâm lãnh đạo của "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" ở Pê-téc-bua do V. I. Lê-nin tổ chức. Tháng Chạp 1895 đã bị bắt và năm 1897 bị đày đi Đông Xi-bi-ri 3 năm. Sau khi mãn hạn đày, làm thợ máy trong nhà máy, phụ trách nhà máy điện ở Ba-cu, có liên hệ với các tổ chức dân chủ - xã hội ở địa phương. Trong những năm thế lực phản động thống trị, ông thôi không làm công tác đảng. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, làm việc ở Bộ dân ủy ngoại thương, là phó đại diện thương mại của Liên-xô ở Đức. — 119.

Xtê-txơ-ki, I-a, X. (sinh năm 1871) — địa chủ, nhà nông học, đại biểu của tỉnh Li-u-blin trong Đu-ma nhà nước I và II, đảng viên Đảng dân chủ - dân tộc. Trong Đu-ma tham gia đảng đoàn Cô-lô Ba-lan. — 494.

Xti-sin-xki, A. X. (sinh năm 1857) — quan chức của Nga hoàng, một tên phản động, kẻ bảo vệ cuồng nhiệt những lợi ích của địa chủ. Từ năm 1873 đến 1882 làm việc trong văn phòng nhà nước, sau đó trong Bộ nội vụ. Từ năm 1896 là phó Quốc vụ khanh, năm 1899 - 1904 — thứ trưởng Bộ nội vụ. Trong chính phủ của Gô-rê-mu-kin, là trưởng ban quy hoạch ruộng đất và nông nghiệp. Một trong những người cổ vũ tổ chức Trăm đen "Liên minh nhân dân Nga". Từ năm 1904 — ủy viên Hội đồng nhà nước. — 298, 306.

Xtô-lư-pin, P. A. (1862 - 1911) — nhân vật hoạt động nhà nước của nước Nga Nga hoàng, địa chủ lớn. Trong những năm 1906 - 1911 là chủ tịch Hội đồng bộ trưởng và Bộ trưởng Bộ nội vụ nước Nga. Tên tuổi của y gắn liền với thời kỳ ngự trị của thế lực chính trị phản động và tàn bạo nhất, trong đó áp dụng rộng rãi án tử hình nhằm mục đích đàn áp phong trào cách mạng ("thời kỳ phản động

Xtô-lư-pin" 1907 - 1910). Xtô-lư-pin tiến hành cải cách ruộng đất với mục đích tạo ra — qua tầng lớp cu-lắc — một chỗ dựa cho chế độ chuyên chế Nga hoàng ở nông thôn. Song ý đồ của y muốn củng cố chế độ chuyên chế đã thối nát bằng con đường tiến hành một vài cải cách từ bên trên, có lợi cho giai cấp tư sản và địa chủ, đã bị thất bại. Năm 1911, Xtô-lư-pin bị Bô-grốp, một đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng giết chết ở Ki-ép. — 19, 20 - 21, 33, 52, 54, 55, 148, 150, 156, 166, 180, 191, 199, 213, 223, 273 - 274, 309, 332, 335, 393, 399, 409, 445, 447, 456, 465, 471, 516, 529 - 530, 523, 538, 541, 543.

Xtô-ru-mi-lin (Xtô-ru-min-lô - Pê-to-ra-skê-vích), X. G. (1877 - 1974) — đảng viên dân chủ - xã hội, về sau là nhà kinh tế học và nhà thống kê xô-viết nổi tiếng, viện sĩ. Bắt đầu tham gia phong trào cách mạng từ năm 1897. Năm 1899 tham gia "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" ở Pê-téc-bua, nhiều lần bị bắt và bị đày. Năm 1905 và về sau hoạt động ở Pê-téc-bua trong các tổ chức men-sê-vích, giữ lập trường điều hòa. Trong những năm 1906 và 1907 là đại biểu các Đại hội IV và V của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, có ý kiến riêng về vấn đề ruộng đất, phủ nhận sự cần thiết phải có của cương lĩnh ruộng đất nói chung; về nhiều vấn đề có tính nguyên tắc, đã bỏ phiếu đồng tình với những người bôn-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, đã từ bỏ những người men-sê-vích, từ năm 1923 là đảng viên Đảng cộng sản Liên-xô. Công tác trong Ủy ban kế hoạch nhà nước Liên-xô (1921 - 1937; 1943 - 1951), trong Viện hàn lâm khoa học Liên-xô, làm công tác giảng dạy ở Trường đại học tổng hợp Mát-xơ-va và các trường cao đẳng khác. Tác giả của nhiều tác phẩm khoa học và bài viết về kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa, về lịch sử nền kinh tế quốc dân Liên-xô, về thống kê và các vấn đề khác. — 438.

Xtô-ru-vê, P. B. (1870 - 1944) — nhà kinh tế học và nhà chính luận tư sản, một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - lập hiến. Trong những năm 90 của thế kỷ XIX — đại biểu nổi tiếng nhất của "chủ nghĩa Mác hợp pháp", cộng tác viên và là biên tập viên của các tạp chí "Lời nói mới" (1897), "Bước đầu" (1899) và "Đời sống" (1900). Ngay từ tác phẩm đầu tiên của mình "Những ý kiến phê phán về sự phát triển kinh tế của nước Nga" (1891), trong khi phê phán chủ nghĩa dân túy, Xtô-ru-vê đã "bổ sung" và "phê phán" học thuyết kinh tế và triết học của C. Mác, đồng tình với các đại biểu của kinh tế chính trị học tư sản tầm thường và tuyên truyền chủ nghĩa

Man-tuyt, tìm cách làm cho chủ nghĩa Mác và phong trào công nhân thích ứng với lợi ích của giai cấp tư sản. Xơ-ru-vê là một trong những nhà lý luận và nhà tổ chức của "Hội liên hiệp giải phóng" thuộc phái quân chủ - tự do (1903 - 1905) và là biên tập viên tờ "Giải phóng" (1902 - 1905), cơ quan bất hợp pháp của Hội liên hiệp. Từ khi thành lập Đảng dân chủ - lập hiến năm 1905 — ủy viên Ban chấp hành trung ương đảng đó. Một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc Nga. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là kẻ thù nguy hiểm của Chính quyền xô-viết, đã tham gia chính phủ phản cách mạng Vran-ghen và là một phần tử bạch vệ lưu vong. — 31, 66, 69, 70, 75, 114, 117, 118 - 119, 120, 137, 138, 146, 150, 151, 196, 199, 234, 364, 383, 585 - 586, 592, 595.

Xu-vô-rốp, X. A. (Bô-ri-xốp) (1869 - 1918) — đảng viên dân chủ - xã hội, nhà văn và nhà thống kê. Ông bắt đầu hoạt động cách mạng từ những năm 90 của thế kỷ XIX trong hàng ngũ những người "Dân ý". Từ năm 1900 — đảng viên dân chủ - xã hội, trong những năm 1905 - 1907 hoạt động trong các tổ chức bôn-sê-vích ở nhiều thành phố nước Nga. Là đại biểu Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Tại đại hội, ông là một trong những người đọc tham luận về vấn đề ruộng đất, bảo vệ yêu sách đòi chia ruộng đất của địa chủ và chuyển những ruộng đất ấy thành sở hữu riêng của nông dân. Sau thất bại của cách mạng 1905 - 1907, ông gia nhập nhóm trí thức theo phái Ma-khơ ở trong đảng, chủ trương chống lại triết học mác-xít, tham gia vào văn tập của nhóm này "Khái luận về triết học mác-xít" (1908). Trong tác phẩm của mình "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" (1909), V. I. Lê-nin đã phê phán kịch liệt những quan điểm triết học phản mác-xít của Xu-vô-rốp.

Sau năm 1910, Xu-vô-rốp rời bỏ hàng ngũ đảng, làm công tác thống kê. Năm 1917, ông tham gia phái men-sê-vích quốc tế chủ nghĩa. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, giữ những chức vụ dân cử ở Mát-xcơ-va và I-a-rô-xláp; hy sinh trong vụ bạo loạn phản cách mạng ở I-a-rô-xláp vào tháng Bảy 1918. — 336, 338, 376.

Xước-tla-nốp, S. S. (sinh năm 1847) — địa chủ, đại biểu tỉnh U-pha trong Đu-ma nhà nước I, thuộc Đảng nhân dân Hồi giáo là đảng gần gũi với Đảng dân chủ - lập hiến. Là ủy viên cơ quan hành chính của hội đồng tỉnh, từ năm 1887 đến 1891 là chủ tịch cơ quan hành chính của Hội đồng địa phương Bê-lê-bê-ép. — 498.

Xva-vi-txơ-ki, N. A. (N. X.) (1879 - 1936) — nhà kinh tế - thống kê nổi tiếng. Tham gia các cuộc điều tra thống kê của hội đồng địa phương ở các tỉnh Vla-đi-mia và Khác-cốp, trong những năm 1908 - 1910 làm việc ở cơ quan hành chính thành phố Mát-xcơ-va. Từ năm 1914 — phó giáo sư khoa thống kê Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va, từ 1919 — giáo sư Trường đại học tổng hợp quốc gia Mát-xcơ-va. Từ năm 1920 làm việc ở Cục thống kê trung ương, người tham dự các đại hội của các nhà thống kê trong những năm 1917, 1918, 1919, 1925. — 478.

Xvi-a-tô-pôn - *Miéc-xki*, Đ. N. (sinh năm 1874) — công tước, địa chủ lớn, đại biểu của tỉnh Bét-xa-ra-bi-a trong Đu-ma nhà nước II và IV. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, ra nước ngoài sống lưu vong. — 306, 445, 479, 505, 506.

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP
CỦA V. I. LÊ-NIN

(Tháng Sáu 1907 - tháng Ba 1908)

1907

- Tháng Sáu 1907 - tháng Ba 1908.* Từ tháng Sáu – tháng Chạp 1907, Lê-nin sống ở Phần-lan (Cu-ốc-ca-la, Xtiéc-xút-đen, Oóc-lơ-bi-u); từ tháng Giêng – tháng Ba 1908 – Người sống ở Thụy-sĩ (Giơ-ne-vơ).
- Tháng Sáu - tháng Mười.* Hàng tuần, Lê-nin đều họp với các ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, với những đảng viên bôn-sê-vích trước khi tiến hành những phiên họp của Ban chấp hành trung ương ở Tê-ri-ô-ki.
- 2 (15) tháng Sáu.* Lê-nin họp với các đại biểu Đu-ma nhà nước II – những đại biểu là đảng viên bôn-sê-vích – đến Cu-ốc-ca-la gặp Người trước khi Đu-ma bị giải tán; cuộc họp bế mạc vào lúc 3 giờ đêm.
- 18 tháng Sáu (1 tháng Bảy)* Phòng đặc biệt của Cục cảnh sát tỉnh Pê-téc-bua đề nghị giám đốc Sở mật thám Pê-téc-bua cho biết tất cả các tư liệu về V. I. U-li-a-nốp (Lê-nin) và "nêu vấn đề trục xuất Người khỏi Phần-lan".
- Sau ngày 18 tháng Sáu (1 tháng Bảy).* Để giữ bí mật và để phục hồi sức khỏe đã bị sút kém, Lê-nin từ Cu-ốc-ca-la đến nhà nghỉ của N. M. Knhi-pô-vích (gần cột hải đăng Xtiéc-xút-đen).
- Sau ngày 22 tháng Sáu (5 tháng Bảy).* Lê-nin viết bài "Kỷ niệm bá tước Gây-đen (Những "người dân chủ" không đảng phái ở

- nước ta đã dạy nhân dân những gì?". Bài báo in vào đầu tháng Chín trong văn tập bôn-sê-vích "Tiếng nói đời sống".
- 25 tháng Sáu (8 tháng Bảy).* Lê-nin được Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga bầu làm đại diện của đảng trong Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa.
- 26 tháng Sáu (9 tháng Bảy).* Lê-nin viết xong bài "Phản đối việc tẩy chay (Trích bút ký của một nhà chính luận dân chủ - xã hội)". Bài này in vào cuối tháng Bảy 1907 trong cuốn sách mỏng "Về việc tẩy chay Đu-ma III".
- Trước ngày 8 (21) tháng Bảy.* Lê-nin viết "Đề cương báo cáo đọc ngày 8 tháng Bảy tại Hội nghị đảng bộ toàn thành Pê-téc-bua về vấn đề thái độ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội đối với Đu-ma III".
- 8 và 14 (21 và 27) tháng Bảy.* Lê-nin tham gia các công việc của Hội nghị toàn thành Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Tê-ri-ô-ki (Phần-lan); đọc báo cáo về vấn đề thái độ của Đảng dân chủ - xã hội đối với Đu-ma nhà nước III. Hội nghị thông qua nghị quyết của Lê-nin phản đối việc tẩy chay Đu-ma III. (Đề cương báo cáo của Lê-nin đã in thành truyền đơn riêng).
- 16 (29) tháng Bảy.* Theo quyết định của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Lê-nin được bầu vào thành phần đoàn đại biểu của đảng đi dự Đại hội VII xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga.
- 21 - 23 tháng Bảy (3 - 5) tháng Tám.* Lê-nin tham gia các công việc của Hội nghị lần thứ ba của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị toàn Nga lần thứ hai") ở Cốt-ca (Phần-lan); đọc báo cáo về sự tham gia bầu cử Đu-ma nhà nước III và đọc diễn văn về Đại hội toàn Nga các công đoàn. Hội nghị đã thông qua nghị quyết do Lê-nin đưa

- ra nhằm phản đối việc tẩy chay cuộc bầu cử Đu-ma nhà nước III. Dự thảo nghị quyết của Lê-nin về Đại hội toàn Nga các công đoàn được chuyển lên Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga làm tư liệu.
- Tháng Bảy.* Lê-nin chuẩn bị cho việc xuất bản lần thứ hai cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga": bổ sung trên cơ sở những tư liệu mới về tình hình kinh tế của nước Nga; phân tích kết quả tổng điều tra dân số năm 1897; viết lời tựa cho lần xuất bản thứ hai.
- 1 (14) tháng Tám.* Trong thư gửi A. M. Goóc-ki, Lê-nin báo cho biết rằng, Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã cho phép ông làm đại biểu không có quyền biểu quyết tham gia Đại hội VII xã hội chủ nghĩa quốc tế, đồng thời khẩn khoản mời Goóc-ki đến Stút-ga.
- 3 (16) tháng Tám.* Lê-nin tham dự phiên họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, phiên họp này đã xét vấn đề thành lập các tiểu ban để dự thảo các nghị quyết về chương trình nghị sự của đại hội, cũng như cho phép nhiều tổ chức tham dự đại hội, trong số đó có những người xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái.
- 4 (17) tháng Tám, trước 11 giờ sáng.* Lê-nin tham dự phiên họp của chi bộ dân chủ - xã hội trong đoàn đại biểu Nga, phiên họp này đã thảo luận những vấn đề sẽ đưa vào chương trình nghị sự của đại hội.
- 4 (17) tháng Tám.* Lê-nin tham dự phiên họp của đoàn đại biểu Nga. Khi thảo luận vấn đề phân phối phiếu giữa các chi bộ dân chủ - xã hội và xã hội chủ nghĩa - cách mạng, Lê-nin phát biểu ý kiến phản đối việc dành cho những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng số phiếu tương đương với số phiếu dành cho những người dân chủ - xã hội; Người đề nghị dành cho

- những người dân chủ - xã hội 11 phiếu, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng - 6 và đại biểu công đoàn - 3 phiếu.
- 5 - 11 (18 - 24) tháng Tám.* Lê-nin tham gia công việc của Đại hội Stút-ga, tham gia đoàn chủ tịch của đại hội, đồng thời có chân trong tiểu ban chuẩn bị nghị quyết về chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế.
- 5 (18) tháng Tám, 9 - 10 giờ sáng.* Lê-nin tham dự phiên họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, phát biểu ý kiến phản đối việc dành cho những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng một nửa số phiếu của đoàn đại biểu Nga. Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa đã thông qua nghị quyết dành cho những người dân chủ - xã hội 10 phiếu, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng - 7 và đại biểu công đoàn - 3.
- 5 (18) tháng Tám, 11 giờ sáng.* Lê-nin trong thành phần của thường trực (đoàn chủ tịch) đại hội, tham dự lễ khai mạc trọng thể đại hội ở "Liederhalle".
- 5 (18) tháng Tám, 4 giờ chiều.* Lê-nin tham dự ngày hội nhân dân và cuộc mít-tinh quốc tế ở Can-stát do Ban tổ chức tổ chức để chào mừng những người tham dự đại hội.
- 5 (18) tháng Tám, 6 - 7 giờ chiều.* Lê-nin tham dự phiên họp của phân chi bộ những người bôn-sê-vích dự đại hội.
- 5 (18) tháng Tám, 8 giờ tối.* Lê-nin tham dự dạ hội hòa nhạc chào mừng các đại biểu dự đại hội.
- Giữa ngày 5 và 7 (18 và 20) tháng Tám* Lê-nin tham dự cuộc họp của đoàn đại biểu Nga về vấn đề thông qua và lấy làm cơ sở nghị quyết của A. Bê-ben nói về chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế với những điểm sửa đổi của Lê-nin và R. Lút-xăm-bua; đoàn đại biểu Nga đồng ý với những điểm sửa đổi ấy.

- 5 - 11 (18 - 24) tháng Tám.* Lê-nin gặp và làm quen với Cla-ra Txét-kin; bản báo cáo của Txét-kin tại đại hội "Về quyền bầu cử của phụ nữ" đã được Lê-nin đánh giá cao.
- Giữa ngày 5 và 11 (18 và 24) tháng Tám.* Lê-nin đưa ra điểm sửa đổi vào bản dự thảo nghị quyết do đoàn đại biểu Ru-ma-ni chuẩn bị, phản đối những cuộc truy lùng các nhà cách mạng ở Ru-ma-ni, nghị quyết được Đại hội Stút-ga thông qua.
- Lê-nin cùng với A. Bê-ben, P. Din-gơ, R. Lút-xăm-bua, Gi. Giô-re-xơ, v. v. thay mặt đại hội ký vào lời chào mừng gửi nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Mỹ Uy-li-am Hai-vút, người bị chính phủ Mỹ bắt giam vì bị cảnh sát dựng chuyện vu cáo.
- 6 (19) tháng Tám.* Lê-nin tham dự phiên họp của đoàn đại biểu Nga để phê chuẩn các giấy ủy nhiệm của những người tham dự đại hội.
- 6 (19) tháng Tám, 9 giờ tối.* Với tư cách là tổng biên tập báo bôn-sê-vích "Người vô sản", Lê-nin tham dự cuộc họp của các biên tập viên và người xuất bản (administrateurs) các báo cáo xã hội chủ nghĩa; lập danh mục các báo xã hội chủ nghĩa ở Anh và Pháp có đại biểu tại cuộc họp (hoặc những báo được Người chọn để trao đổi các bản tin).
- 6 và 7 (19 và 20) tháng Tám.* Lê-nin tổ chức và tiến hành các cuộc họp giữa những người bôn-sê-vích với những đại biểu của cánh tả trong Đảng dân chủ - xã hội Đức và những người dân chủ - xã hội Ba-lan.
- 6 - 10 (19 - 23) tháng Tám.* Lê-nin tham dự các phiên họp của tiểu ban dự thảo nghị quyết về chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế.
- 6 - 11 (19 - 24) tháng Tám, 9 - 10 giờ sáng.* Lê-nin tham dự hàng ngày các phiên họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa.

- 7 - 11 (20 - 24) tháng Tám. Với tư cách ủy viên thường trực (đoàn chủ tịch) đại hội, Lê-nin tham dự các phiên họp toàn thể của đại hội.
- 8 (21) tháng Tám. Lê-nin tham dự buổi dạ hội thân mật của những người tham dự đại hội tại "Schützen-haus" ở "Karlsvorstadt".
- 9 và 10 (22 và 23) tháng Tám. Lê-nin và R. Lúc-xăm-bua trao đổi nhiều lần với A. Bê-ben về việc hiệu đính lần cuối những điểm sửa đổi bản dự thảo nghị quyết của Bê-len về chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế.
- 11 (24) tháng Tám. Lê-nin tham dự phiên họp bế mạc của đại hội, phiên họp này, theo đề nghị của các đại biểu Anh, Áo, Pháp, Bỉ, Hà-lan, Ý và Mỹ, đã thông qua lời chào mừng gửi các chiến sĩ Nga đang đấu tranh cho tự do. Các đại biểu đại hội vây quanh bàn của đoàn đại biểu Nga và hoan hô đoàn.
- Sau ngày 11 (24) tháng Tám. Lê-nin từ Stút-ga trở về Cu-ốc-ca-la (Phần-lan).
- Giữa tháng Tám. Lê-nin nhận lời đề nghị của Nhà xuất bản "Hạt giống", cho xuất bản Văn tập gồm 3 tập của Người dưới đầu đề chung "Trong 12 năm"; Lê-nin đã xem dự thảo đề cương và cho nhận xét.
- Lê-nin hiệu đính văn tập bốn-sê-vích "Tiếng nói đời sống", viết chú dẫn cho bản nghị quyết về "Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế".
- 22 tháng Tám (4 tháng Chín). Lê-nin viết cho văn tập "Tiếng nói đời sống" bài "Bút ký của một nhà chính luận" nói về những vấn đề về sách lược bốn-sê-vích đối với Đu-ma nhà nước III.
- Sau 27 tháng Tám (9 tháng Chín). Lê-nin nhận được của M. X. Kê-đrốp bản kế hoạch in xuất bản phẩm bốn-sê-vích "Lịch phổ thông năm 1908", danh sách cộng tác

- viên và lời đề nghị viết cho lần xuất bản này một bài về Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga.
- Giữa ngày 31 tháng Tám và 7 tháng Chín (13 và 20 tháng Chín). Văn tập "Tiếng nói đời sống" xuất bản ở Pê-téc-bua dưới sự chủ biên của Lê-nin cùng với các bài của Người: "Kỷ niệm bá tước Gây-đen (Những người dân chủ" không đảng phái ở nước ta đã dạy nhân dân những gì?)" và "Bút ký của một nhà chính luận".
- Tháng Tám. Lê-nin được Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga bầu làm tổng biên tập Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng — báo "Người dân chủ - xã hội".
- Tháng Tám - tháng Chín. Lê-nin viết hai bài dưới đầu đề "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga"; một bài định dùng cho xuất bản phẩm bốn-sê-vích "Lịch phổ thông năm 1908"; bài thứ hai — cho báo "Người vô sản" là tờ báo được khôi phục lại vào tháng Mười 1907, sau gần nửa năm bị gián đoạn.
- Tháng Tám - tháng Mười. Lê-nin hiệu đính bản dịch ra tiếng Nga các báo cáo của Đảng dân chủ - xã hội Áo và Đảng xã hội chủ nghĩa Ý tại Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga.
- Tháng Tám - tháng Chạp. Lê-nin chuẩn bị cho in văn tập gồm ba tập của Người "Trong 12 năm".
- Đầu tháng Chín. Lê-nin đọc báo cáo về Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga tại Hội nghị toàn thành Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội" Nga ở Tê-ri-ô-ki.
- 7 (20) tháng Chín. Lê-nin được Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga bầu vào hội đồng biên tập báo "Người dân chủ - xã hội" và ủy ban điều hành của ban biên tập; tại phiên họp này của Ban chấp hành trung ương, chức vụ tổng biên tập Cơ quan ngôn luận trung ương bị bãi bỏ.

- Hạ tuần tháng Chín - thượng tuần tháng Mười.* Lê-nin viết bài ""Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng" viết lịch sử như thế nào"
- 22 tháng Chín (5 tháng Mười).* Lê-nin viết thư gửi thư ký Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa C. Huy-xman nói về phiên tòa xử đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước II.
- Tháng Chín.* Lê-nin viết lời tựa cho tập I Văn tập "Trong 12 năm".
Ở Pê-téc-bua xuất bản văn tập bôn-sê-vích "Kết quả của Đại hội Luân-đôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", trong đó có bài của Lê-nin "Thái độ đối với các đảng tư sản".
- Chậm nhất là ngày 6 (19) tháng Mười.* Trong bức thư gửi G. A. A-lếch-xin-xki, Lê-nin đề nghị gửi từ nước ngoài về bộ báo "Tia lửa" và một số báo "Tiến lên" (1905) và "Người vô sản" (1905) cần thiết cho việc chuẩn bị tập III Văn tập "Trong 12 năm".
- 8 (21) tháng Mười.* Báo "Tiến lên", một tờ báo có tính chất phổ cập của những người bôn-sê-vích, đăng bài báo của Lê-nin "Công tác tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt và các hội liên hiệp thanh niên công nhân xã hội chủ nghĩa".
- Giữa ngày 19 và 26 tháng Mười (1 và 8 tháng Mười một).* Ở Pê-téc-bua xuất bản văn tập "Tia chớp" dưới sự chủ biên của Lê-nin. Trong văn tập có bài của C. Txét-kin "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga" với những chú dẫn của Lê-nin.
Ở Pê-téc-bua phát hành "Lịch phổ thông năm 1908" với bài viết của Lê-nin "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga".
- 20 tháng Mười (2 tháng Mười một).* Các bài của Lê-nin: "Cách mạng và phản cách mạng" và "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga" in trên báo "Người vô sản", số 17.

- Giữa ngày 20 và 29 tháng Mười (2 và 11 tháng Mười một).* Lê-nin viết thư A. V. Lu-na-tsác-xki kèm theo lời nhận xét cuốn sách mỏng của ông ta về quan hệ giữa đảng với công đoàn.
- 27 tháng Mười (9 tháng Mười một).* Lê-nin tham gia Hội nghị đại biểu đảng bộ Xanh Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Tê-ri-ô-ki; đọc các báo cáo về Đu-ma nhà nước III và về sự tham gia của những người dân chủ - xã hội trên báo chí tư sản. Hội nghị thông qua nghị quyết của Lê-nin về Đu-ma nhà nước III.
- 29 tháng Mười (11 tháng Mười một).* Bài của Lê-nin "Đu-ma III" và chú thích của ban biên tập "Về một bài báo của Plê-kha-nốp" đăng trên báo "Người vô sản", số 18.
- Trước ngày 5 (18) tháng Mười một.* Lê-nin tham dự cuộc họp trụ bị của những đảng viên bôn-sê-vích dự Hội nghị lần thứ tư Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị toàn Nga lần thứ ba").
- 5 (18) tháng Mười một.* Các bài của Lê-nin "Việc chuẩn bị một "cuộc chèn chế ghê tởm", "Mà quan tòa là ai?" và "Nghị quyết về Đu-ma nhà nước III" đã được Hội nghị đại biểu đảng bộ Xanh Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thông qua, đăng trên báo "Người vô sản", số 19.
- 5 - 12 (18 - 25) tháng Mười một.* Lê-nin tham gia Hội nghị lần thứ tư Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị toàn Nga lần thứ ba") ở Hen-xinh-pho; đọc báo cáo về sách lược của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III. Hội nghị đã thông qua nghị quyết của Lê-nin về vấn đề này.
- Giữa ngày 16 và 23 tháng Mười một*
(29 tháng Mười một và 6 tháng Chạp). Ở Pê-téc-bua xuất bản tập I, Văn tập của V. I. Lê-nin (Vl. I-lin) "Trong 12 năm". Trong tập này có các bài chủ yếu và các tác phẩm mỏng của Lê-nin viết vào thời kỳ từ 1895 đến 1905.

- Cuối tháng Mười một* Lê-nin tham dự phiên họp ở Trung tâm bôn-sê-vích, cuộc họp ra nghị quyết về chuyển việc xuất bản báo "Người vô sản" ra nước ngoài.
- Tháng Mười một.* Trên số 18 của báo "Tiến lên", một tờ báo phổ cập của những người bôn-sê-vích, đã đăng bài của Lê-nin "Đu-ma nhà nước III và Đảng dân chủ - xã hội".
- Lê-nin viết lời tựa cho cuốn sách mỏng của A. V. Lu-na-tsác-xki (Vôi-nốp) về thái độ của đảng đối với công đoàn.
- Tập I, Văn tập của V. I. Lê-nin "Trong 12 năm" đã bị cảnh sát tịch thu. Người ta định truy tố Lê-nin.
- Để tránh bọn cảnh sát, Lê-nin từ Cu-ốc-ca-la đến Oóc-lơ-bi-u (gần Hen-xinh-pho).
- Mùa thu.* Lê-nin viết các chương X - XII tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"".
- Tháng Mười một - tháng Chạp.* Lê-nin biên tập cuốn sách "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907".
- Chậm nhất là ngày 13 (26) tháng Chạp.* Lê-nin từ Oóc-lơ-bi-u qua Hen-xinh-pho và A-bô, ra nước ngoài.
- Tại Hen-xinh-pho, Lê-nin họp với những người bôn-sê-vích từ Pê-téc-bua đến.
- Trên đường đi từ Hen-xinh-pho đến A-bô, có một quăng Lê-nin phải rời tàu hỏa đang chạy và đi bộ để tránh sự lùng bắt của bọn mật thám theo dõi Người; từ A-bô đến đảo Đra-gơ-xơ-phi-oóc — nơi này đáng lẽ phải lên tàu thủy — Lê-nin lại đi xe ngựa, rồi sau đó phải vượt qua một đoạn nguy hiểm

- trên vùng nước đóng băng có thể bị tan của vịnh Phần-lan.
- Chậm nhất là ngày 14 (27) tháng Chạp.* Lê-nin đến Xtốc-khôn và sống ở đó mấy ngày để chờ N. C. Crúp-xcai-a từ Phần-lan đến.
- 15 (28) tháng Chạp.* Lê-nin viết thư cho một trong số những người lãnh đạo của Đảng dân chủ - xã hội Thụy-điển; Người xác nhận rằng Bơ-ri-e-xôn, đảng viên dân chủ - xã hội Thụy-điển, đã đồng ý chuyển một số bài của Lê-nin về nước Nga và những bài gửi từ nước Nga đến Giơ-ne-vơ cho Trung tâm bôn-sê-vích. Người đề nghị giới thiệu thêm cho một người dân chủ - xã hội nữa mà đồng chí này đồng ý cho biết địa chỉ của mình để làm việc ấy. Lê-nin thông báo rằng Người sẽ đi Béc-lanh "vào ngày thứ ba tới" (21 tháng Chạp, lịch cũ).
- 22 tháng Chạp (4 tháng Giêng 1908).* Viện tư pháp Xanh Pê-téc-bua tuyên án hủy bỏ cuốn sách của Lê-nin "Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ".
- 22 - 25 tháng Chạp (4 - 7 tháng Giêng 1908).* Lê-nin và Crúp-xcai-a trên đường đến Giơ-ne-vơ đã lưu lại Béc-lanh, ở đó đã gặp những người dân chủ - xã hội như I. P. La-đư-giơ-ni-cốp, P. V. A-vra-mốp (A-bra-mốp), v. v.. Tối 22 tháng Chạp họ đến thăm R. Lú-xăm-bua.
- 25 tháng Chạp (7 tháng Giêng 1908).* Lê-nin và Crúp-xcai-a đến Giơ-ne-vơ. Bắt đầu lưu vong lần thứ hai của Lê-nin.
- 27 tháng Chạp (9 tháng Giêng 1908).* Trong bức thư gửi A. M. Goóc-ki, Lê-nin báo tin rằng Người đã đến Giơ-ne-vơ, sẽ chuyển việc xuất bản báo "Người vô sản" ra nước ngoài; Người muốn biết Goóc-ki đã nhận được tập đầu của Văn tập "Trong 12 năm" chưa; cho biết ý định của Người là vào mùa hè hoặc mùa xuân sẽ đến Ca-pri.

31 tháng Chạp
(13 tháng Giêng
1908).

Trong thư gửi A. V. Lu-na-tsác-xki, Lê-nin cho biết Người đã đến Giơ-ne-vơ và chuyển việc xuất bản báo "Người vô sản" ra nước ngoài; Người hỏi Lu-na-tsác-xki có đồng ý cộng tác với báo "Người vô sản" không.

Tháng Chạp 1907 -
tháng Giêng 1908.

Lê-nin phát biểu ý kiến tại cuộc họp của những người dân chủ - xã hội Ba-lan (tại câu lạc bộ của những người lưu vong ở Giơ-ne-vơ); Người nhấn mạnh vai trò phản cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc chủ nghĩa là giai cấp thích ứng với chế độ của những kẻ áp bức, đồng thời Người đem lập trường quốc tế chủ nghĩa của giai cấp vô sản đối lập với nó. Lê-nin kết thúc bài diễn văn bằng câu: "Nước Ba-lan vô sản công nông muôn năm!".

Cuối năm.

Lê-nin phát biểu ý kiến tại cuộc họp của những người Nga lưu vong ở Giơ-ne-vơ.

1908

Tháng Giêng -
tháng Hai.

Lê-nin tiến hành công việc chuẩn bị xuất bản tờ báo "Người vô sản" ở Giơ-ne-vơ.

Đầu tháng Giêng.

Lê-nin báo cho G. A. A-lếch-xin-xki biết rằng Người đã viết một tác phẩm lớn "về vấn đề cương lĩnh ruộng đất"; để hoàn thành tác phẩm đó, Người đề nghị tìm và gửi cho Người bản dự thảo về vấn đề ruộng đất của 105 người thuộc Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng mà đại biểu Mu-sen-cô đã đệ trình Đu-ma.

Lê-nin gặp V. V. Xtác-cốp, người đồng chí cùng trong "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" ở Pê-téc-bua và cùng bị đày ở Xi-bi-ri.

Lê-nin gặp V. V. A-đô-rát-xki; trong khi mạn đàm, Lê-nin giao cho A-đô-rát-xki viết hồi ký về cuộc cách mạng 1905, về những cuộc đấu

tranh tháng Mười, về các tổ chiến đấu, về việc tổ chức khởi nghĩa.

1 (14) tháng Giêng.

Trong thư gửi về Pê-téc-bua cho M. I. U-li-a-nô-va, Lê-nin yêu cầu gửi cho Người tất cả các tạp chí của công đoàn, xuất bản ở Nga, cũng như xúc tiến ngay việc gửi các giấy tờ của Người và của N. C. Crúp-xcai-a cần thiết để Người xin giấy phép cư trú.

2 (15) tháng Giêng.

Lê-nin viết thư cho A. M. Goóc-ki và M. Ph. An-đrê-ê-va yêu cầu M. Ph. An-đrê-ê-va giúp đỡ tổ chức việc chuyển báo "Người vô sản" về Nga qua Ý.

Giữa ngày 11 và 18
(24 và 31) tháng
Giêng.

Pê-téc-bua xuất bản phần I, tập II, Văn tập của V. I. Lê-nin (VI. I-lin) "Trong 12 năm" dưới đầu đề "Vấn đề ruộng đất", phần I. Đưa vào tập này có các chương X và XI cuốn "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"".

Trước ngày 16 (29)
tháng Giêng.

Lê-nin viết thư đến Luân-đôn cho Ha-ri Quen-sơ đề nghị thu thập một số sách báo gửi cho Người.

16 (29) tháng Giêng.

Lê-nin viết thư cho Ph. A. Rốt-stanh; Người cho biết trong điều kiện hiện tại đảng không thể trả được các món nợ của mình, và đề nghị hãy thuyết phục Đ. Phên-dơ, một người Anh đã cho Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga vay tiền trong thời gian họp Đại hội V (ở Luân-đôn) cho khát một thời gian nữa.

Lê-nin hỏi thư ký Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa C. Huy-xman xem Cục đã nhận được bản báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga để đưa vào tập III các báo cáo tại Đại hội VII (Stút-ga) của Quốc tế II chưa.

Lê-nin viết thư gửi thư ký Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa C. Huy-xman (nhân có lời chất vấn của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa) nói về ý định của mình hỏi các tổ chức ở nước Nga về đảng bộ E-xtô-ni-a của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Rê-ven, cũng như về những người dân chủ - xã hội M. I-u-rít-xôn và Gi. G. Xép-pin.

Sau ngày 16 (29)
Tháng Giêng.

Lê-nin hỏi Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Nga và Ban chấp hành Rê-ven về tổ chức của những người dân chủ - xã hội E-xtô-ni-a nhân nhận được lời chất vấn qua thư ký của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa C. Huy-xman.

20 tháng Giêng
(2 tháng Hai).

Trong thư gửi A. M. Goóc-ki, Lê-nin thông báo việc chuẩn bị phát hành số 21 báo "Người vô sản" và đề nghị Goóc-ki gửi cho báo các bài chính luận hoặc các đoạn trích những tác phẩm văn nghệ mới.

Lê-nin hỏi thư ký Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa C. Huy-xman về số hội phí mà Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga phải đóng cho Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa trong năm 1908.

23 tháng Giêng
(5 tháng Hai).

Trên báo "Bernier Tagwacht" đăng lời tuyên bố của Lê-nin nói rằng: với tư cách là đại diện của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, Người xác nhận N. A. Xê-ma-scô bị bắt ở Giơ-ne-vơ đã có tham gia Đại hội Stút-ga với tư cách là đảng viên Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và là nhà báo của đảng, đồng thời Người cũng xác nhận rằng N. A. Xê-ma-xcô đã không và không thể tham gia vào vụ tước đoạt ở Ti-phlít.

Lê-nin gửi về Nga cho M. I. U-li-a-nô-va bản thảo tác phẩm của mình "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" viết cho phần hai tập hai văn tập "Trong 12 năm".

25 tháng Giêng
(7 tháng Hai).

Lê-nin viết thư cho A. M. Goóc-ki, trong đó Người trao đổi về kế hoạch xuất bản sách báo bên-sê-vích, Người ủng hộ "cơ quan ngôn luận chính trị phát hành một cách đúng đắn"; khuyên Goóc-ki nên cộng tác với mục phê bình văn học trên báo nhằm "gắn chặt hơn nữa công tác phê bình văn học với công tác của đảng, với sự lãnh đạo của đảng".

26 tháng Giêng
(8 tháng Hai).

Lê-nin viết bản tự khai xin gia nhập hội đọc sách ở Giơ-ne-vơ với tư cách một hội viên chính thức.

31 tháng Giêng (13
tháng Hai).

Trong bức thư gửi A. V. Lu-na-tsác-xki, Lê-nin ủng hộ đề nghị của Lu-na-tsác-xki về việc tổ chức mục tiểu thuyết trên báo "Người vô sản" và giao nhiệm vụ cho A. M. Goóc-ki phụ trách mục đó; Người đề nghị A. V. Lu-na-tsác-xki lo liệu vấn đề này.

Trong thư gửi A. M. Goóc-ki, Lê-nin bác bỏ lập trường của Goóc-ki về các vấn đề triết học; bảo vệ chủ nghĩa duy vật của C. Mác và Ph. Ăng-ghen.

Đầu tháng Hai.

Ra lời tuyên bố về việc chuyển việc xuất bản tờ báo "Người vô sản" đến Giơ-ne-vơ, về thời hạn phát hành, thành phần cộng tác viên và điều kiện đặt mua báo.

4 (17) tháng Hai.

Lê-nin viết thư cho M. I. U-li-a-nô-va đề nghị gửi một số sách, muốn biết U-li-a-nô-va đã nhận được các bức thư và bản thảo "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" của Người chưa.

- 11 (24) tháng Hai.* Lê-nin tham dự cuộc họp của ban biên tập báo "Người vô sản" nhân có bài báo trên tờ "Die Neue Zeit" nói về cuộc đấu tranh của những vấn đề triết học trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Tại cuộc họp đã nhất trí thông qua văn bản lời tuyên bố của ban biên tập báo "Người vô sản" do Lê-nin viết.
- Trước ngày 12 (25) tháng Hai.* Lê-nin viết thư cho những người trong gia đình đề nghị tìm và gửi cho Người bản thảo tác phẩm của Người về triết học trong đó có lời phê phán cuốn sách của Bô-gđa-nốp "Thuyết kinh nghiệm nhất nguyên" mà Người dự định cho xuất bản dưới tên gọi "Bút ký của người mác-xít bình thường về triết học".
- 12 (25) tháng Hai.* Lê-nin viết cho A. M. Goóc-ki nói về sự cần thiết phải đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa Ma-khơ và những người theo chủ nghĩa Ma-khơ ở Nga (Bô-gđa-nốp, v. v.); trình bày lịch sử những sự bất đồng trong những người bôn-sê-vích về các vấn đề triết học, mà những bất đồng đó ngày càng sâu sắc do việc xuất bản cuốn sách của phái Ma-khơ "Khái luận về triết học của chủ nghĩa Mác", đồng thời Người cũng giải thích lý do vì sao mà bài báo "Nhân cách bị xâm phạm" của Goóc-ki sẽ không được in trên báo "Người vô sản".
- 13 (26) tháng Hai.* Ở Giơ-ne-vơ phát hành số 21 báo "Người vô sản", trong đó có bài của Lê-nin "Bình luận chính trị" và "Lời tuyên bố của ban biên tập báo "Người vô sản" về cuộc đấu tranh về các vấn đề triết học trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.
- Giữa ngày 15 và 20 tháng Hai (28 tháng Hai và 4 tháng Ba).* Ở Pê-téc-bua xuất bản văn tập bôn-sê-vích "Đời sống hàng ngày", trong đó có in chương XII cuốn sách của Lê-nin "Vấn đề ruộng

- đất "và "những kẻ phê phán Mác"" dưới đầu đề ""Đất nước lý tưởng" theo quan điểm của những kẻ chống lại chủ nghĩa Mác trong vấn đề ruộng đất".
- Hạ tuần tháng Hai.* Ở Nga phát hành bất hợp pháp tờ "Người dân chủ - xã hội", số 1, Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, trong đó có bài của Lê-nin "Bàn về cuộc tranh luận vấn đề mở rộng quyền của Đu-ma được quyết định ngân sách".
- 17 tháng Hai (1 tháng Ba).* Lê-nin hỏi C. Huy-xman, thư ký Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa về ngày khai mạc phiên họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa; Người cần biết trước ngày đó, vì chuẩn bị đi sang Ý.
- 19 tháng Hai (3 tháng Ba).* Các bài viết của Lê-nin "Chính sách ruộng đất mới", "Sự trung lập của công đoàn", "Về vụ giết vua Bô-đào-nha", in trên báo "Người vô sản", số 22.
- Giữa ngày 27 tháng Hai và 6 tháng Ba (11 và 19 tháng Ba).* Ở Pê-téc-bua, xuất bản lần thứ hai có bổ sung tác phẩm của Lê-nin "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga".
- Tháng Hai.* Lê-nin bắt đầu viết cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán".
- 3 hoặc 4 (16 hoặc 17) tháng Ba* Lê-nin viết bài "Về việc đánh giá cuộc cách mạng Nga" cho tạp chí của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan "Przegląd Socjaldemokratyczny".
- 5 (18) tháng Ba.* Lê-nin viết thư gửi cho L. Tư-sca, đại diện Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan trong Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, hỏi xem ông ta có đồng ý cho đăng trên báo "Người vô sản" bài "Về việc đánh giá cuộc cách mạng Nga" mà Người đã gửi cho "Przegląd Socjaldemokratyczny" không.

Lê-nin, thay mặt Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đọc diễn văn nói về ý nghĩa của Công xã Pa-ri tại cuộc mít-tinh quốc tế ở Giơ-ne-vơ kỷ niệm ba ngày lễ — 25 năm ngày C. Mác mất, 60 năm Cách mạng 1848 và Ngày Công xã Pa-ri (khoảng 250 người đã tham dự cuộc mít-tinh này.)

- 10 (23) tháng Ba. Bài của Lê-nin "Những bài học của Công xã" đã được đăng trên "Báo hải ngoại", số 2.
- 12 (25) tháng Ba. Các bài báo của Lê-nin "Một cuộc biểu diễn có tính chất yêu nước kiểu cảnh sát đã được xếp đặt trước", "Về việc phá vỡ tự do lừa dối nhân dân", "Phái tự do quốc tế đánh giá Mác" đăng trên báo "Người vô sản", số 25.

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản	
Lời tựa	V
1907	
PHẢN ĐỐI VIỆC TẮY CHAY (<i>trích bút ký của một nhà chính luận dân chủ - xã hội</i>).....	1 - 46
I.....	5
II.....	12
III.....	16
IV.....	25
V.....	28
VI.....	39
VII.....	45
KỶ NIỆM BẢ TƯỚC GÂY-ĐEN (<i>Những "người dân chủ" không đảng phái ở nước ta đã dạy nhân dân những gì?</i>).....	47 - 57
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỌC NGÀY 8 THÁNG BẢY TẠI HỘI NGHỊ ĐẢNG BỘ TOÀN THÀNH PÊ-TÉC-BUA VỀ VẤN ĐỀ THÁI ĐỘ CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐU-MA III.....	58 - 60
* DỰ THẢO CÁC NGHỊ QUYẾT CHO HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA ("HỘI NGHỊ TOÀN NGA LẦN THỨ HAI").....	61 - 65

* Hoa thị dùng để chỉ những đầu đề do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô đặt.

* 1. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ VẤN ĐỀ THAM GIA BẦU CỬ ĐU-MA NHÀ NƯỚC III.....	63
* 2. SƠ THẢO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN TOÀN ANH 65	65
BÌNH LUẬN CỦA MỘT NHÀ CHÍNH LUẬN	66 - 82
ĐẠI HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ Ở STÚT-GA.	83 - 91
* NHỮNG CHÚ THÍCH CHO NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI Ở STÚT-GA VỀ "CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT VÀ CÁC CUỘC XUNG ĐỘT QUỐC TẾ"	92 - 93
ĐẠI HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ Ở STÚT-GA	97 - 109
* NHỮNG CHÚ THÍCH CHO BÀI BÁO CỦA C. TXÉT-KIN "ĐẠI HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ Ở STÚT-GA"	110 - 113
* LỜI TỰA VIẾT CHO VĂN TẬP "TRONG 12 NĂM" CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN CHỐNG CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT VÀ CÁC HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN CÔNG NHÂN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	114 - 139
CÁCH MẠNG VÀ PHẢN CÁCH MẠNG	140 - 144
"NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - CÁCH MẠNG" VIẾT LỊCH SỬ NHƯ THẾ NÀO	145 - 156
* <u>HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ XANH PÊ-TÉC-BUA CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI ANH.</u> 27 tháng Mười (9 tháng Mười một) 1907	157 - 160
161 - 171	
* 1. BÁO CÁO VỀ ĐU-MA NHÀ NƯỚC III . <i>Trích tường thuật trên báo</i>	163
* 2. NGHỊ QUYẾT VỀ ĐU-MA NHÀ NƯỚC III	167
* 3. BÁO CÁO VỀ SỰ THAM GIA CỦA ĐẢNG DÂN	

CHỦ - XÃ HỘI VÀO BÁO CHÍ TƯ SẢN. <i>Trích tường thuật trên báo</i>	170 - 171
* ĐU-MA III	172 - 185
* VỀ MỘT BÀI BÁO CỦA PLÊ-KHA-NỐP	186 - 187
VIỆC CHUẨN BỊ MỘT "CUỘC CHÈ CHÉN GHÊ TỎM"....	188 - 195
MÀ QUAN TÒA LÀ AI?	196 - 207
* <u>HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI ANH ("HỘI NGHỊ TOÀN ANH LẦN THỨ BA").</u> 5 - 12 (18 - 25) tháng Mười một 1907... ..	209 - 216
* 1. BÁO CÁO VỀ SÁCH LƯỢC CỦA ĐẢNG ĐOÀN DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRONG ĐU-MA NHÀ NƯỚC III. <i>Trích tường thuật trên báo</i>	211
* 2. NGHỊ QUYẾT VỀ SÁCH LƯỢC CỦA ĐẢNG ĐOÀN DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRONG ĐU-MA NHÀ NƯỚC III ĐU-MA NHÀ NƯỚC III VÀ ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI.	214
217 - 226	
* LỜI TỰA VIẾT CHO CUỐN SÁCH MỎNG CỦA VÔI-NỐP (A. V. LU-NA-TSÁC-XKI) VỀ QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI CÔNG ĐOÀN.....	227 - 237
CƯƠNG LĨNH RUỘNG ĐẤT CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRONG CUỘC CÁCH MẠNG ANH LẦN THỨ NHẤT 1905 - 1907	239 - 526
<i>Chương I. Những cơ sở kinh tế và thực chất của cuộc cách mạng ruộng đất ở An</i>	242
1. Tình hình chiếm hữu ruộng đất ở phần nước An thuộc châu Âu	242
2. Cuộc đấu tranh diễn ra chung quanh cái gì?	248
3. Các nhà văn dân chủ - lập hiến che giấu thực chất của cuộc đấu tranh	257
4. Thực chất kinh tế của cuộc cách mạng ruộng đất và những cái vỏ tư tưởng của nó	260

5. Hai kiểu phát triển của nông nghiệp tư sản	266
6. Hai đường lối của các cương lĩnh ruộng đất trong cách mạng	273
7. Diện tích ruộng đất ở Nga. Vấn đề khai khẩn ruộng đất	279
8. Tóm tắt những kết luận kinh tế của chương thứ nhất ..	287
<i>Chương II. Các cương lĩnh ruộng đất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và sự kiểm nghiệm chúng qua cuộc cách mạng lần thứ nhất.....</i>	288
1. Sai lầm của những cương lĩnh ruộng đất trước đây của những người dân chủ - xã hội Nga là ở chỗ nào?.....	288
2. Cương lĩnh ruộng đất hiện nay của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.....	292
3. Lấy cuộc sống thực tế kiểm tra luận cứ chủ yếu của những người chủ trương địa phương công hữu hóa.	296
4. Cương lĩnh ruộng đất của nông dân	304
5. Chế độ chiếm hữu ruộng đất trung cổ và cách mạng tư sản	311
6. Tại sao những người sở hữu nhỏ ở Nga lại phải tán thành chủ trương quốc hữu hóa?	317
7. Nông dân và phái dân túy bàn về việc quốc hữu hóa ruộng đất được chia.....	327
8. Sai lầm của M. Sa-nin và của những người khác biện hộ cho việc phân chia	332
<i>Chương III. Những cơ sở lý luận của quốc hữu hóa và của địa phương công hữu hóa</i>	341
1. Quốc hữu hóa ruộng đất có nghĩa gì?	341
2. Pi-ốt Ma-xlốp sửa chữa những sơ thảo của Các Mác.	349
3. Để bác bỏ được chủ nghĩa dân túy có cần phải bác bỏ Mác không?	359

4. Sự phủ nhận địa tô tuyệt đối có gắn liền với cương lĩnh địa phương công hữu hóa hay không?	364
5. Phê bình chế độ tư hữu ruộng đất theo quan điểm sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	367
6. Quốc hữu hoá ruộng đất và địa tô "tiền".....	372
7. Có thể thực hiện quốc hữu hóa trong những điều kiện nào?	375
8. Quốc hữu hóa có phải là bước quá độ sang phân chia hay không?	380
<i>Chương IV. Những lý do chính trị và sách lược trong các vấn đề cương lĩnh ruộng đất</i>	383
1. Một "đảm bảo chống lại sự phục tích"	384
2. Chế độ tự quản địa phương là "thành trì chống lại thế lực phản động"	392
3. Chính quyền trung ương và sự củng cố nhà nước tư sản	399
4. Quy mô của cách mạng chính trị và quy mô của cách mạng ruộng đất	408
5. Cách mạng nông dân mà nông dân không cần giành chính quyền ư?	418
6. Quốc hữu hóa ruộng đất có phải là một biện pháp khá mềm dẻo hay không?.....	424
7. Địa phương công hữu hóa ruộng đất và chủ nghĩa xã hội thị chính.....	428
8. Vài ví dụ về sự lẫn lộn do địa phương công hữu hóa gây nên.....	435
<i>Chương V. Các giai cấp và các chính đảng trong những cuộc tranh luận trong Đu-ma II về vấn đề ruộng đất.....</i>	439
1. Phái hữu và những đảng viên tháng Mười	441
2. Những người dân chủ - lập hiến	449
3. Những nông dân phái hữu	452

4. Những nông dân không đảng phái	462
5. Những người dân tụy trí thức	469
6. Những nông dân thuộc phái lao động (dân tụy)	477
7. Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng	485
8. Những "đại biểu dân tộc"	491
9. Những người dân chủ - xã hội	504
Kết luận	513
Lời bạt.....	525

1908

BÌNH LUẬN CHÍNH TRỊ.....	527 - 535
* LỜI TUYÊN BỐ CỦA BAN BIÊN TẬP BÁO "NGƯỜI VÔ SẢN"	536 - 537
CHÍNH SÁCH RUỘNG ĐẤT MỚI.....	538 - 543
SỰ TRUNG LẬP CỦA CÔNG ĐOÀN.....	544 - 557
VỀ VỤ GIẾT VUA BỒ-ĐÀO-NHA.....	558 - 563
BÀN VỀ CUỘC TRANH LUẬN VẤN ĐỀ MỞ RỘNG QUYỀN CỦA ĐU-MA ĐƯỢC QUYẾT ĐỊNH NGÂN SÁCH.....	564 - 572
* TÁI BÚT VÀO BÀI "BÀN VỀ CUỘC TRANH LUẬN VẤN ĐỀ MỞ RỘNG QUYỀN CỦA ĐU-MA ĐƯỢC QUYẾT ĐỊNH NGÂN SÁCH"	573 - 574
NHỮNG BÀI HỌC CỦA CÔNG XÃ	575 - 579
MỘT CUỘC BIỂU DIỄN CÓ TÍNH CHẤT YÊU NƯỚC KIỂU CẢNH SÁT ĐÃ ĐƯỢC XẾP ĐẶT TRƯỚC	580 - 586
VỀ VIỆC PHÁI TỰ DO LỪA DỐI NHÂN DÂN	587 - 592
PHÁI TỰ DO QUỐC TẾ ĐÁNH GIÁ MÁC.....	593 - 598

CÁC TÀI LIỆU CHUẨN BỊ

TÀI LIỆU CHUẨN BỊ CHO HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA ("HỘI NGHỊ TOÀN NGA LẦN THỨ HAI"). 21 - 23 tháng bảy (3 - 5 tháng Tám) 1907.....	601 - 607
* 1. TÓM TẮT LỜI PHÁT BIỂU PHẢN ĐỐI VIỆC TẮY CHAY	601
* 2. PHÁC THẢO BẢN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ VẤN ĐỀ THAM GIA BẦU CỬ ĐU-MA NHÀ NƯỚC III.....	603
* 3. ĐỀ CƯƠNG TÓM TẮT TOÀN BỘ NGHỊ QUYẾT VỀ VẤN ĐỀ THAM GIA BẦU CỬ ĐU-MA NHÀ NƯỚC III	605
* 4. CÁC ĐIỂM MỘT VÀ HAI CỦA LÝ DO ĐƯA RA TRONG PHẦN HAI CỦA NGHỊ QUYẾT VỀ VẤN ĐỀ THAM GIA BẦU CỬ ĐU-MA NHÀ NƯỚC III.....	606
* 5. ĐỀ CƯƠNG - TÓM TẮT LỜI PHÁT BIỂU VỀ VẤN ĐỀ ĐẠI HỘI CÔNG ĐOÀN.....	607

Danh mục các tác phẩm của V. I. Lê-nin cho đến nay chưa tìm thấy (tháng Sáu 1907 - tháng Ba 1908).....	611 - 617
Danh mục các tác phẩm và văn kiện mà V. I. Lê-nin đã tham gia hiệu đính.....	618 - 622
Danh mục các tác phẩm có thể là của V. I. Lê-nin	623 - 625
Chú thích.....	626 - 712
Bản chỉ dẫn các sách báo và tài liệu gốc mà V. I. Lê-nin đã trích dẫn và nói đến	713
Bản chỉ dẫn tên người	770
Thân thế và sự nghiệp của V. I. Lê-nin	851

PHỤ BẢN

Bìa cuốn "Lịch phổ thông năm 1908", trong đó có in bài của V. I. Lê-nin: "Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga". Bản của riêng V. I. Lê-nin	95
Bìa Văn tập của V. I. Lê-nin "Trong 12 năm"	115
Trang cuối bản thảo của V. I. Lê-nin "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907". – Tháng Mười một – tháng Chạp 1907	524 - 525

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRỊNH THỨC HUỖNH
Chịu trách nhiệm nội dung:
TS. LÊ VĂN YÊN

Biên tập nội dung:	LÊ MINH HOÀI TRƯỜNG DIỆP BÍCH
Trình bày kỹ, mỹ thuật:	ĐƯỜNG HỒNG MAI
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI
Sửa bản in:	LÊ MINH HOÀI TRƯỜNG DIỆP BÍCH
Đọc sách mẫu:	LÊ MINH HOÀI TRƯỜNG DIỆP BÍCH

Mã số: $\frac{3K2}{CTQG - 2005}$

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty In và Văn hóa phẩm.
Giấy phép xuất bản số: 3 - 429/CXB - QLXB, cấp ngày 30-3-2005.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 - 2005.